

Minh Đức Triều Tâm Ảnh
(Tỳ-khưu Giới Đức - Sīlaguṇa Bhikkhu)

ĐỨC PHẬT SAKYĀ GOTAMA
(Tóm Tắt Một Cuộc Đời Một Vàng Nhật Nguyệt)

Tủ Sách Huyền Không Sơn Thượng
(PL. 2565 - TL. 2021)

Đề Từ

Ôi! Diễm tuyệt làm sao!
Huyền nhiệm xiết bao!
N như vàng mây trắng
Kết thành đài hoa
Người hiện xuống giữa trần gian
Mà sạch trong, vô nhiễm
N như hạo khí nghiêng chao đỉnh Sineru
Nghiêng chao thiên vương bốn cõi
Người bước ra khỏi Māra
Bước ra khỏi vô minh tối ám
N như một mặt trời
N như một vàng trắng
Hợp hôn giờ hoàng đạo
Giáo pháp Bất Tử của Người
Ban phát bởi vô lượng tâm và trí tuệ
Lùng lững giữa vô cùng
Lùng lững giữa thế gian
Lùng lững giữa không gian
Chưa bao giờ lặn tắt!

Ôi! Người ôi!
Thế gian ôi!
Có thấy chăng
N như chiếc cầu vòng lung linh bảy sắc
Vút qua giữa nghìn trùng hư vô
Vút qua bát bưng khổ đau và sự chết

Để tao phùng Bất Diệt Vô Sanh
Để đón nhận tình yêu Nibbāna tình khô vĩnh cửu
Chàng Càn-thát-bà hát ca
Nàng Dạ-xoa khiêu vũ
Từ cung điện miền Đông dập dờn xiêm lụa
Đến bảo tháp non Tây yêu kiều tiên nữ
Và cả Bắc, Nam thánh thót cung đàn

Ôi! Hỡi ôi!
Trái tim ta nhịp đập miên man
Trào cảm xúc, hương mạn-thù thơm ngát
Viu bắt hạt sương
Như đôi mắt long lanh, tinh anh, trong suốt
Viu bắt niềm vui
Như mùa én, xuân, tươi rạng nụ cười
Và nắng ấm sát-na tâm
Lấp lánh tiếng lời
Cho từng hạt bụi nhân gian
Thành giọt bảo châu trong vắt!
Bút lau cỏ chột hiện thành kiếm sắc
Chém vô minh, ái dục muôn đời
Chém trần gian hoang vu tri kiến rồi bời
Chém điên đảo, ngu si
Và ác tâm, ác giới
Chém bản ngã, kiêu căng
Và quỷ ma gian dối
Trả chánh pháp bình minh
Thành suối ngọt nguyên ngôn
Cúi lạy đức Sakyā Gotama
Đức Đại Giác, Thế Tôn
Chữ vụng dại
Tâm lầm mê
Đặc tả đời Ngài!

Đệ tử vô cùng sợ hãi!
Sấm hồi một tỷ lần
Giọt nước mắt vẫn cay cay rơi mãi...

Mai Trúc Am - Đông 2014
Mình Đức Triều Tâm Ảnh

CHƯƠNG I

Từ Đản Sanh Đến Xuất Gia

1- Bồ-tát Đản Sanh

Kinh sử kể rằng, dưới chân ngọn Himalaya (Hy-mã-lạp sơn) có vương quốc Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) nhỏ bé, muôn dân sống đời thanh bình, yên ả; nơi đây phong cảnh đẹp đẽ, núi sông xanh tươi kỳ vĩ; chính là quê hương từ ngàn xưa của giống dòng Sakyā (Thích-ca) anh hùng đã đến đây lập quốc.

Đức vua trị vì vương quốc ấy là Suddhodana (Tịnh Phạn) có phẩm chất anh minh và hiền đức, hoàng hậu Mahāmāyā (Ma-ha-ma-gia) của ông thì đoan trang, phúc hậu và giàu lòng nhân ái. Đã lớn tuổi mà hai vị vẫn chưa có con nối dõi vương vị.

Đã từ lâu rồi, hoàng hậu sống đời giữ giới, bố thí, làm các hạnh lành cũng như những công ích từ thiện xã hội với ước mong là thượng đế Rāmā, các thượng đẳng thần sẽ gia ân mà ban cho đất nước một trai trẻ anh minh tài俊.

Đêm kia, hoàng hậu Mahāmāyā nằm mộng thấy một con voi trắng sáu ngà ôm một bó hoa sen hương thơm ngào ngạt chui thẳng vào hông mặt của lệnh bà. Các thầy bà-la-môn tinh thông chiêm triện tiên đoán là hoàng hậu đã thọ thai một nhân cách phi phàm.

Thế rồi, tháng ngày chim ca, hoa nở, gió mát, trăng thanh, mây lành phôi phới, hoàng hậu sắp đến ngày mãn nguyệt khai hoa. Theo phong tục thời bấy giờ, bà được phép trở về quê mẹ là kinh đô Devadaha, nước Koliya để đợi ngày lâm bồn. Đến công viên Lumbinī (Lâm-tỳ-ni), giáp ranh hai nước Sakyā và

Koliya, thấy phong cảnh tươi đẹp, hoàng hậu ra lệnh dừng lại rồi cất gót dạo chơi. Cả rừng hoa Sāla trổ hoa trái mùa thơm ngát. Hoàng hậu thò tay nắm một vò hoa. Bất chợt, vò hoa ấy oằn xuống rồi đặt nhẹ vào lòng tay của lệnh bà. Ngay khắc ấy, hoàng hậu trở dạ, cung nga thể nữ hồi hải giảng mãn.

Đại Bồ-tát thể là đã đản sanh vào giờ phút đẹp đẽ, thiêng liêng này. Ngài ra khỏi lòng mẹ nhẹ nhàng như vị pháp sư đuổi chân bước xuống pháp tòa.

Kinh sử truyền thống kể rằng, ngay lúc Bồ-tát đản sanh, ba tầng trời thấy đều rung động, quả địa cầu chao đảo. Chư thiên, Phạm thiên xuống che lọng báu, giăng tấm lưới bằng vàng mịn. Long vương hóa hiện hai vò nước nóng và lạnh để tắm gội cho Bồ-tát. Sau đó, Bồ-tát thoát rời khỏi tay cung nữ, đi bảy bước về hướng đông, đất trời lên 7 đóa hoa sen nâng đỡ gót chân ngài. Dừng lại nơi đóa hoa sen thứ bảy, Bồ-tát một tay chỉ thượng, một tay chỉ hạ, cất giọng thanh tao, uyển chuyển, dào dạt, ngân vang cả mấy tầng trời, nói lên một câu kệ ngôn:

“- Aggo ahaṃ asmi lokassa

Jeṭṭho ahaṃ asmi lokassa

Seṭṭho ahaṃ asmi lokassa

Ayaṃ antimā jāti

Natthi dāni punabbhavo!”⁽¹⁾

Có nghĩa là:

“- Ta⁽²⁾ là tối thượng của thế gian!

⁽¹⁾ Dịch câu kệ này là dựa theo Trường bộ kinh (Dīghanikāya) Đại phẩm (Mahāvagga) và kinh Đại bốn (Mahāpāṇāsutta), thuộc hệ Pāli. Còn Hán tạng thì câu kệ trên có hai bản. Một, “Thiên thượng thiên hạ, Duy ngã độc tôn; Nhất thiết thế gian, Sinh lão bệnh tử”. Hai, hai câu đầu giống nhau, hai câu sau là: “Vô lượng tử sanh. Ư kim tận hỷ!” Nghĩa hai câu đầu là “Trên trời dưới trời chỉ có ta là tôn quý hơn cả”. Sau này, “cái ta” ấy có người dịch là “chân ngã”, có người dịch là “cái ngã Pháp thân”.

⁽²⁾ “Ta” này hàm chỉ “tánh giác” chứ không phải bản ngã, tự ngã hay chân ngã vì giáo pháp Phật là duyên sinh vô ngã.

Ta là tối tôn của thế gian!
Ta là tối thắng của thế gian!
Đây là lần sinh cuối cùng,
Từ nay không còn tái sinh nữa!”

Như vậy là nhằm ngày trăng tròn tháng Vesākha (trùng rằm tháng tư Âm lịch), năm 623 trước TL, tại kinh thành Kapilavatthu, thuộc dòng tộc Sakyā cổ xưa, gần biên giới Tây Bắc Ấn, dưới chân ngọn Himalaya hùng vĩ, đã đản sanh một vị hoàng tử anh hoa tú lệ mà sau này trở thành đạo sư của những đạo sư, giáo chủ của những giáo chủ vĩ đại nhất trên thế gian, trong lịch sử loài người. Đó là đức Siddhattha (Sĩ-đạt-ta) họ Gotama (Cồ-đàm) mà sau này là đức Phật Sakyā Gotama - mà từ lâu, Trung Quốc và Việt Nam quen gọi là Sakyā Muni (Thích Ca Mâu Ni) vậy.

2- Lời Tiên Tri Của Đạo Sĩ Asita

Thuở ấy, ở Himalaya có tiên nhơn đạo sĩ Asita (A-tư-đà) đắc thiên và có thần thông. Hôm kia, vừa xuất định, đạo sĩ cảm nghe trong không gian xôn xao một niềm vui mới, thấy lạ, ông chống gậy lướt theo gió ngàn mà đi. Đến Kapilavatthu, thấy muôn dân đang mở hội hoan ca, vui mừng sự ra đời của con trai dòng tộc Sakyā; đạo sĩ gặt đầu, khẽ mỉm cười, sau đó xin vào hoàng cung để xem tướng cho ấu nhi.

Đức vua Suddhodana nghe tên đạo sĩ, rất đổi vui mừng, truyền thị nữ bồng Bô-tát⁽¹⁾ ra đánh lễ vị tiên nhơn đạo cao, đức

⁽¹⁾ Theo Phật giáo các nước Nam truyền, khi còn phàm phu, trước khi thành bậc Chánh Đẳng Giác, vị ấy tu tập 30 Pāramī (Ba-la-mật), trải qua 24 vị Phật với thời gian 4 A-tăng-kỳ, một trăm ngàn đại kiếp, kể cả kiếp cuối cùng thì gọi là Bô-tát. Các quả vị Thanh Văn, Duyên Giác (Độc Giác) đều tương tự vậy nên gọi là Bô-tát Thanh Văn, Bô-tát Duyên Giác. Thanh Văn phải thành tựu 10 Pāramī. Duyên Giác hoặc hai vị Đại Đệ Tử phải thành tựu 20 Pāramī. Cũng có ba loại Bô-tát nữa, là Bô-tát Đức Tin, Bô-tát Tình Tấn, Bô-tát Trí Tuệ (Đức Phật Sakyā Gotama thuộc Bô-tát căn cơ Trí Tuệ).

trọng. Trước sự kinh ngạc của mọi người, Bồ-tát bỗng quay về phía đạo sĩ và đặt trọn cả hai chân lên mái đầu bạc phơ của ông. Như biết chuyện gì, đạo sĩ Asita lật đặt bò sập xuống đất với thái độ vô cùng thành kính, đỡ hai chân của Bồ-tát. Đức vua thấy vậy cũng đâm ra sợ hãi, hỏi hỏi quỳ xuống lạy theo⁽¹⁾.

Đạo sĩ Asita thấy biết quá khứ 40 kiếp, thấy biết vị lai 20 kiếp nên sau khi chăm chú quan sát Bồ-tát, ông chợt mỉm cười rồi sau đó lại òa khóc nức nở. Cả kinh, đức vua thưa hỏi lý do. Đạo sĩ trấn áp cảm xúc, chậm rãi nói rằng:

- Đức hoàng tử có tướng mạo phi phàm, đầy đủ 32 quý tướng và 80 vẻ đẹp, chắc chắn 35 năm sau ngài sẽ xuất gia và đắc quả vị Phật, một bậc A-La-Hán vĩ đại vô song. Bần đạo mỉm cười là vì vui sướng cho chư thiên và nhân loại sau này sẽ tu tập theo giáo lý giác ngộ, giải thoát từ kim khâu của đức Thế Tôn ấy. Còn bần đạo khóc là vì tủi cho phận mình tuổi thọ sắp mãn, sẽ sống rất lâu ở cõi Phạm thiên, chẳng có duyên phận làm đệ tử của ngài.

Quay qua hoàng hậu Mahāmāyā, đạo sĩ nói:

- Chư thiên và nhân loại tri ân lệnh bà đã cứu mang một đấng siêu phàm. Ân đức và phước báu của lệnh bà quá lớn, sợ rằng thân xác tứ đại thô trọng kia sẽ không còn chịu đựng được nữa. Bảy ngày sau, lệnh bà sẽ từ bỏ nhục thân này, hóa sanh làm một vị thiên nam ở cõi trời Đâu-suất (Tusita).

3- Lễ Quán Đính, Chiêm Tướng

Hoàng tử chào đời được năm ngày, đức vua Suddhodana đã long trọng tổ chức những cuộc lễ theo tục lệ cổ truyền: Ấy là lễ tắm rửa, lễ quán đính⁽²⁾, lễ xem tướng và lễ đặt tên.

⁽¹⁾ Lần thứ nhất, đức vua lạy Bồ-tát.

⁽²⁾ Quán đính: Rưới nước lên đầu để đăng quang ngôi vị thái tử hay vua (quán: rưới, rảy nước; đính: đỉnh đầu).

Hoàng tử được tắm bằng nước thiêng Soma, quàng hoàng bào, rưới nước lên đầu rồi được đội một chiếc vương miện nhỏ bé, xinh xinh, tượng trưng việc đăng quang cho ngôi vị thái tử.

Đặc biệt là lễ xem tướng. Vì đức vua cảm thấy lo ngại trước lời tiên tri của đạo sĩ Asita - là thái tử sẽ xuất gia, từ bỏ vương quyền - nên đã cho thỉnh mời 108 vị bác học bà-la-môn tinh thông chiêm tinh và nhân tướng học; và thầm mong rằng, với những đầu óc uyên bác ấy, việc chiêm tướng sẽ chính xác hơn chăng?

Hội đồng bác học 108 vị, sau một hồi mật nghị, họ lại đề cử 8 vị lỗi lạc nhất để xem tướng cho thái tử.

Sau khi nhìn ngắm, quan sát không bỏ qua một chi tiết nhỏ nhiệm nào, 7 bà-la-môn trưởng lão đồng đưa lên hai ngón tay. Riêng vị bà-la-môn thông thái, trẻ tuổi nhất thì mỉm cười và chỉ đưa lên một ngón tay mà thôi.

Đức vua Suddhodana đưa mắt dò hỏi thì vị bà-la-môn trẻ tuổi ấy, ngài Koṇḍañña (Kiều-trần-như) giải thích như sau:

- Tâu đại vương! Các bậc trưởng lão đáng kính đồng đưa lên hai ngón tay là ý muốn nói, sau này, thái tử của chúng ta sẽ lựa chọn một trong hai con đường: Nếu ở tại ngôi thì thái tử sẽ trở thành một bậc Minh Quân vĩ đại, một vị Chuyển Luân Thánh Vương có uy đức oai trấn bốn cõi. Nếu thái tử xuất gia thì ngài sẽ đắc quả Chánh Đẳng Giác, sẽ tuyên giảng một giáo pháp chưa hề có trên thế gian. Còn hạ thần chỉ đưa lên một ngón tay là muốn khẳng định rằng, thái tử chỉ lựa chọn duy nhất một con đường, là xuất gia và chắc chắn ngài sẽ đắc quả vị Phật Toàn Giác tối thượng!

Nghe vậy, đức vua rất buồn bã nhưng sau đó lại nghĩ rằng, dầu sao tương lai cũng đang còn ở phía trước, sự ra đời của thái tử hiện nay đã là niềm vui của dòng tộc, của cả nước, nên vui vẻ đặt tên cho Bô-tát là Siddhattha Gotama⁽¹⁾ (Sĩ-đạt-ta Cồ Đàm).

Hoàng hậu Mahāmāyādevi đứng 7 ngày là tạ thể rồi tức khắc

⁽¹⁾ *Siddhattha: Là vừa lòng, là ưng ý, là toại nguyện, là vạn sự như ý.*

hóa sanh làm một vị thiên nam tại cung trời Tusita (Đầu-suất) đúng như lời tiên tri của đạo sĩ Asita.

Thời gian sau, em ruột của hoàng hậu Mahāmāyādevi là hoàng phi Mahā Pajāpati Gotamī (Kiều-đàm-di), được phong làm hoàng hậu, thay thế chị sẵn sóc cho thái tử.

4- Lễ Hạ Điền

Hằng năm cứ vào tiết xuân, bắt đầu có nắng ấm, để khuyến khích nông vụ, đức vua cho tổ chức lễ hạ điền (xuống ruộng). Dịp này, đức vua cùng quần thần mặc đồ đại lễ ra tận nơi làm ruộng. Dân chúng được dịp ăn mặc đẹp đẽ và tổ chức những cuộc vui chơi.

Đức vua quý chủ tể, khẩn nguyện cho quốc thái dân an, triều đại được trường tồn, dân chúng an cư lạc nghiệp. Tiếp buổi lễ, đức vua cởi giày, bước xuống ruộng cày luống cày danh dự, đến phiên đại biểu quan lại, rồi sau đó, dân chúng các nơi mới được phép cày đám ruộng nhà của mình.

Thái tử Siddhattha Gotama cũng được đi chơi với vua cha. Các thị nữ khiêng kiệu thái tử đặt dưới bóng mát của cội hồng táo (hoặc cây trâm?) bên cạnh bờ ruộng rồi họ rủ nhau đi xem lễ.

Thái tử Siddhattha Gotama rất thỏa thích vì ít khi được tự do như thế. Lăn ra bờ đất, thái tử đưa đôi mắt ngây thơ, trong sáng ngắm nhìn cảnh vật. Nắng lung linh, gió thổi hiu hiu, chim hót vang rân, bướm đủ màu lượn lơ lơi tới... Ôi! Cảnh vật mới thanh bình và yên ả dường bao!

Bỗng, thái tử chăm chú nhìn. Nơi những luống đất dân chúng mới cày phơi mình dưới nắng, lộ ra những thân giun quần quai, đứt lìa. Một đàn chim nhỏ sà xuống, cắp những thân giun đầm đìa máu, bay đi. Rồi dường như kiến thức từ tiền kiếp tuôn tràn về tâm trí thái tử cả một chuỗi liên tưởng: Kia, một con cáo trong bụi rậm đã nhảy ra vồ chụp một con chim, xé và nhai

ngẫu nhiên. Đằng sau gốc cây, một người thợ săn đang chú mục giương cung.

Thái tử xúc động mạnh, trái tim ngây thơ dường như không chịu đựng nổi trước những hiện tượng “kinh khủng” vừa xảy ra. Dù là tuổi ấu thơ, nhưng thái tử mơ hồ nhận ra lẽ sinh tồn thật tàn khốc và nghiệt ngã. Chén cơm ăn của mọi người được đổi bằng xác thịt của chúng sanh. Sanh mạng của chúng sanh này là miếng mồi ngon để duy trì mạng sống cho chúng sanh khác. Thái tử thở dài. Vạn vật đâu còn yên ả và thanh bình nữa?!

Thái tử trở lại cội cây, ngồi bắt tréo chân theo thể liên hoa (kiết-già) rồi trầm ngâm, lặng lẽ. Trái tim không ngớt xao xuyến. Thái tử ngồi thờ và chỉ lắng nghe hơi thở để quên tất cả mọi hình ảnh và mọi liên tưởng đau xót vừa rồi. Lát sau, khí an tĩnh tỏa ra, thần sắc bình hòa. Thái tử trở lại tâm thức trong sáng và hồn nhiên của tuổi thơ, cảm nghe hơi thở vào ra dịu nhẹ, đạt tâm hỷ, tâm an rồi dễ dàng đi vào định sơ thiền.

Khi thị nữ trở lại, họ ngạc nhiên thấy thái tử ngồi nhắm mắt, an nhiên như một tiểu đạo sĩ, lay không biết, gọi không hay. Càng kỳ lạ hơn nữa là bóng mặt trời đã ngã xế nhưng bóng mát của cội hồng táo vẫn đứng yên che phủ cho thái tử như một tàn lọng vĩ đại.

Đức vua hay tin, bỏ dở yến tiệc, đi đến. Thấy thái tử ngồi thiền vững chắc, an định như trụ đá, khí sắc tươi đẹp; và bóng mát của cội cây như bảo cái của chư thiên, bất giác sinh lòng kính trọng, kính sợ, quỳ xuống đánh lễ thái tử⁽¹⁾. Các quan hầu cận và thị nữ cũng thất kinh, hồi hải lay theo.

5- Con Đường Học Vấn

Kinh sử kể lại không có nhiều thông tin chi tiết đầy đủ về sự học vấn cụ thể của thái tử như thế nào, nhưng rõ ràng ngài đã

⁽¹⁾ Đây là lần thứ hai, đức vua đánh lễ thái tử.

được hấp thụ một nền giáo dục vững chắc. Đức vua Suddhodana muốn thái tử sau này trở thành một bậc minh quân nên chắc chắn đã kén chọn các bậc giáo sư kỳ tài để uốn nắn, giáo dục ngài có kiến thức quảng bác, có tài cai trị, lãnh đạo và cả nghệ thuật làm tướng nữa.

Lác đác trong kinh sử, ta biết rằng, thái tử đã kinh qua những môn học đa dạng và nặng nề. Ấy là văn chương, thi ca, ngôn ngữ, văn phạm, cú pháp, võ học, toán học, đo lường, điêu khắc, hội họa, cách sử dụng các loại đàn, cách xướng âm, thẩm âm... Ngoài ra, sau 8 tuổi, thái tử còn phải học các môn lịch sử, tư tưởng triết học Vệ-đà, thiên văn, địa lý và y thuật nữa.

Các vị thầy phụ đạo, nhất là lão bà-la-môn Svāmitta thường cảm phục sự thông tuệ của thái tử là học một mà biết hai. Do tròn đủ ba-la-mật và kiến thức tích lũy nhiều đời kiếp, nên sự học chỉ là gọi nhắc, chỉ là mở hé cánh cửa ký ức để thái tử nhớ lại kiến thức mênh mông vô lượng của mình từ quá khứ. Chính hội đồng giáo sư phải quỳ mọp xuống thắp và thú nhận mình chưa xứng đáng để làm học trò của thái tử. Họ đến trình bày sự thật ấy cho đức vua Suddhodana nghe rồi kết luận:

- Tâu đại vương! Thái tử chính là Thánh Tổ của các môn học, chúng hạ thần không thể thốt ra lời để nói lên sự cảm phục ấy. Tuy nhiên, chính sự lễ độ, khiêm cung, từ tốn, dịu dàng và nhân cách, phẩm chất cao quý của thái tử đã làm cho chúng hạ thần khâm phục bội phần hơn.

Đức vua Suddhodana vô cùng đẹp dạ, ban thưởng cho hội đồng giáo sư rất trọng hậu.

6- Tuổi Thơ Và Bè Bạn

Rừng cây nơi vườn Ngự đã nhiều mùa thay lá, thái tử lớn lên như đóa hoa từ từ mãn khai. Lệnh bà Gotamī (Kiều-đàm-di) vô cùng dấu yêu, cưng chiều hơn ngọc hơn ngà.

Mấy năm đầu thấy thái tử phải học một chương trình quá nặng

nề, bà Gotamī rất lo lắng, sợ rằng thái tử sẽ đánh mất sự hồn nhiên của tuổi thơ. Không lâu sau đó, bà thấy thái tử học hành rất dễ dàng, không có vẻ cố gắng lắm nhưng sự lãnh hội lại vượt quá kỳ vọng của hội đồng giáo sư, bà rất mừng. Lại nữa, tư cách và phẩm chất của thái tử càng lúc càng hiển lộ như viên ngọc manī không tỳ vết, khó có thể lây nhiễm tính tình của bất cứ ai khác. Thế là bắt đầu từ đó, bà gợi ý với đức vua, cho phép thái tử làm bạn với con trai của các đức thân vương⁽¹⁾, các vị lão thần. Trong số ấy có ba trẻ mà thái tử thân thiết nhất, đó là Ānanda, Mahānāma và Kāḷudāyī. Ngoài ra, em ruột của Mahānāma là Anuruddha và Nanda vốn là con của hoàng hậu Gotamī cũng được phép đi chơi cùng.

Trong một lần đi chơi xa, lạc vào một trại nuôi ngựa, ở đây, thái tử gặp Channa (Xa-nặc) và ngựa Kanthaka (Kiền-trắc). Họ ngạc nhiên khi biết ra là thái tử, Ānanda, Kāḷudāyī, Channa và Kanthaka lại sinh cùng năm, cùng tháng, cùng ngày và cùng giờ với nhau⁽²⁾.

Channa vốn là con trai một vị tướng Sát-đế-ly, nhưng vì cha mẹ mất sớm, rơi vào hoàn cảnh nghèo thiếu nên đến trại nuôi ngựa tìm kế sinh nhai. Do biết Channa xuất thân cao quý nên lính chăn ngựa ai cũng xót thương, hết lòng giúp đỡ. Nhưng từ đây, Channa lại còn được tình thương của thái tử và các ông hoàng đùm bọc. Thái tử mang cho Channa y phục, vật dụng, tiền bạc. Channa tận tình chỉ cho thái tử cách chăm sóc ngựa, cỡi ngựa, điều phục ngựa. Không lâu sau, thái tử đã tỏ ra rất xuất sắc trong lãnh vực ấy, còn Channa thì rất mực trung thành và hết lòng hầu hạ thái tử.

⁽¹⁾ *Gọi các vị vương, em ruột của đức vua Suddhodana.*

⁽²⁾ *Theo chú giải, lúc Bồ-tát đản sanh, do túc duyên ba-la-mật nhiều đời, có 7 nhân và vật đồng sanh. Ngoài 4 nhân và vật đồng sanh được kể ở trên còn có thêm công chúa Yasodharā (Da-Du-Đà-La), cây Bồ-đề và 4 hàm châu ngọc.*

7- Tình Thương Chim Hạc

Phía Tây hoàng thành có một tòa lâu đài, nơi triều đình để dành để tiếp đức vua Suppabuddha, hoàng hậu Amitā Pamitā - vốn là em ruột của vua đức vua Suddhodana - mỗi khi từ nước Koliya sang chơi. Tháp tùng với phái đoàn bao giờ cũng có thái tử Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) và công chúa Yasodharā (Da-du-đà-la) cùng khá nhiều vương tôn, công tử khác. Thế là đám nam nữ cành vàng lá ngọc của hai nước Sakyā và Koliya lại có dịp chuyện trò, trao đổi kiến thức, du sơn ngoạn thủy.

Ngày kia, vào mùa Xuân, một đàn hạc trắng từ phương Nam về Himalaya bay ngang Thượng Uyển. Devadatta trông thấy giương cung nhắm bắn. Mũi tên hung tàn xé gió vút lên không, một thân chim chao đảo sa xuống đất, máu đào nhuộm thắm cả lông. Siddhattha trông thấy vội vàng đến nâng chim lên, nhẹ nhẹ rút mũi tên ác nghiệt, hái lá cây tươi hòa với mật ong, đắp lên vết thương.

Một lát sau, Devadatta chạy đến, đòi lại chim, viện cớ chim do y bắn được. Siddhattha không chịu đưa, dịu dàng nhưng cương quyết, nói rằng: “Người bảo vệ sự sống có quyền giữ con chim bị thương hơn là kẻ hủy diệt sự sống”. Không ai thắng ai, hội đồng trưởng lão hai dòng họ phải họp lại phân xử. Cuối cùng, ai cũng xác quyết sự sống quý báu và có giá trị hơn nên Siddhattha được quyền giữ chim. Thế là Siddhattha hớn hờ mang chim về, tận tình chăm sóc. Không lâu sau, chim lành, Siddhattha đi đâu, hạc đi theo đấy, đôi khi nép bên chân ngài với sự an tâm, triu mến và cả lòng tín cẩn.

Vào mùa Thu, khi đàn hạc tròn lạnh, rời Himalaya tìm nắng ấm phương Nam, lại một lần nữa bay ngang Thượng Uyển. Thái tử mang chim ra vườn, vuốt ve, âu yếm, nhìn đàn chim trời, nói rằng:

- Hỡi con! Có hội ngộ ắt có biệt ly. Tháng ngày nương náu

bên ta, con đã có đủ sức khỏe để hôm nay trở về với bảy bạn. Ta rất yêu thương con, nhưng không thể vì tình yêu vị kỷ ấy mà giữ con lại trong khu vườn chật chội này. Ta sẽ trả cho con về với không rộng trời cao, với ngày tháng tự do, với quyền thuộc xa cách bấy lâu.

Siddhattha với hai tay nâng hạc lên cao. Hạc chớp chớp đôi mắt, dụi đầu vào lòng tay thái tử, lượn quanh ba vòng, kêu to lời từ biệt rồi vỗ cánh theo đàn về phương trời xa tít. Thái tử đắm đắm nhìn theo, vừa sung sướng vừa buồn ngủi: Một nỗi niềm khôn tả!

8- Lập Gia Đình

Năm Siddhattha 16 tuổi, đức vua Suddhodana quyết định cho thái tử kết hôn với công chúa Yasodharā (Da-du-đa-la), là con của em gái ngài⁽¹⁾, Amitā Pamitā, là hoàng hậu của đức vua Suppabuddha nước Koliya. Cốt ý của đức vua là cố giữ thái tử lại với lạc thú trần gian, với đời sống vương giả để cắt đứt con đường xuất gia như lời tiên tri của đạo sĩ Asita và bà-la-môn Koṇḍañña.

Và quả như thế, suốt 13 năm sau đó, thái tử sống trong cảnh giàu sang, nhung lụa. Đức vua kiến tạo cho thái tử ba tòa cung điện để cho hợp với mùa nóng, mùa lạnh và mùa mưa. Ở đâu cũng đầy đủ tiện nghi, lầu đài đình tạ, gác tía lầu son, muôn chim tấu nhạc líu lo, kỳ hoa dị thảo phô sắc và khoe hương. Mỗi bước đi có thị nữ dù lọng che sương đỡ nắng. Suốt ngày suốt đêm yến tiệc, đờn ca xướng hát, vũ điệu dặt dìu, sơn hào hải vị... như phước báu của cõi trời.

Về cuộc đời lạc thú ấy, đức Phật thường kể lại trong một vài pháp thoại. Đối với ngài, đây là cái ngục vàng! Những giây

(1) Theo phong tục, cổ lệ của dòng Sakyā và Koliya, anh em ruột, anh em cô cậu có thể lấy nhau để gìn giữ huyết thống - có từ thời họ lập quốc.

phút vắng lặng hiem hoi, thái tử không ngớt suy tư về bản chất đích thực của đời sống. Sau mỗi cuộc vui là sự trống rỗng hãi hùng, ghê sợ. Cái gì cũng tạm bợ, chóng qua. Cái gì cũng trưng bày những hình thức mỹ lệ không thực. Hạnh phúc là cái chân đáy quá nhỏ, bên này dư thì bên kia thiếu, người này vui thì kẻ kia khổ. Cái tốt cái xấu là hai mặt của một đồng xu? Hoặc đôi khi chúng trộn lẫn trong nhau khó nhìn cho ra chân tướng?

Như vậy, dù ở chỗ tuyệt đỉnh của vàng son vương giả, bên cạnh những lạc thú thế gian quyền rũ mà vùng trán của thái tử lại chập chờn sự trần trở, suy tư của một lòng biển rộng.

9- Xuất Gia

Ngày kia, thái tử cùng với Channa (Xa-nặc) dong xe dạo chơi ngoài 4 cửa thành, ý ngài là muốn nhìn ngắm tận mắt đời sống của mọi người, kể cả dân đen trong xã hội xem thử thế nào. Những hoạt cảnh phô trương tươi đẹp ở cung điện có phải là lớp bao che hào nhoáng bên ngoài một sự thực khác chẳng?

Thế rồi, đôi mắt sắc bén của thái tử đã nhìn thấy đời sống khốn khổ, tối tăm của giai cấp Thủ-đà-la và hạng tiện dân Chiên-đà-la. Và đặc biệt, một cụ già lưng còng, da nhăn, chân tay run lẩy bẩy. Hôm khác, thái tử lại thấy thêm một bệnh nhân phong cùi lở loét, tanh hôi ruồi nhặng. Hôm khác nữa, là một xác chết sinh thối, hôi hám, điều quạ bu đầy. Và sau rốt là phong thái, hình ảnh một tu sĩ thông dong, thoát tục ôm bát đi qua...

Về cung điện, thái tử dường như bỏ ăn, bỏ ngủ, chìm lửng trong nỗi buồn mênh mông. Rồi ngài suy niệm như sau:

- Xã hội là cái gì bất công muôn đời, nhất là sự kỳ thị phân chia bốn giai cấp làm cho giai cấp trên thì quá giàu sang, xa xỉ; giai cấp dưới thì quá tủi nhục, đói nghèo. Vậy làm thế nào có thể xoá bỏ tình trạng phân chia kỳ thị này? Lại nữa, đã là con người, là chúng sanh, ai cũng phải chịu cảnh già, bệnh, chết chi phối. Như vậy thì chẳng ai thoát khỏi sự khổ đau tất yếu ấy?

Vậy ta có thể nào đi tìm một cái gì “không sanh, không già, không bệnh, không chết”? Một cái gì vượt thoát ra ngoài thế gian hạn cuộc cùng sự chi phối của tử sinh?

Từ đây thái tử cảm thấy đời sống cung điện quá tù túng, chật chội; cứ mãi buộc ràng trong những lạc thú giả dối, là nơi phát sanh những bụi bặm và dơ uest. Hình ảnh của bậc xuất gia thoát tục, thông dong, nhàn nhã cứ mãi ám ảnh tâm trí ngài.

Vào lúc mà ý tưởng xuất gia đã nghiêng nặng trọng lượng quyết định, thái tử lại hay tin công chúa Yasodharā vừa hạ sanh một hoàng nam. Thái tử cảm nghe xao xuyến niềm vui của người cha, nhưng rồi lại lắng dịu cảm xúc ấy rất nhanh, ngài nói thầm: “Ôi! Lại là một chướng ngại, lại là một sợi dây ràng buộc”. Chính vì lý do này mà đức vua Suddhodana đã đặt tên cho cháu nội là Rāhula (La-hầu-la - nghĩa là trở ngại, dây trói buộc).

Đêm kia, sau buổi yến tiệc linh đình, hoàng thành đang say ngủ, thái tử ngẫm truyền Channa (Xa-nặc) thắng ngựa Kanthaka (Kiền-trắc) rồi ngài đi đến điện công chúa. Thái tử nhẹ nhàng bước qua đám cung nga thể nữ xiêm y hở hang đang say giấc điệp, khẽ vén màn nhìn vợ và con lần cuối cùng. Với cái nhìn từ ái, triu mến nhưng khá bình thản, ngài thầm nguyện sau này sẽ trở về cứu độ họ, phải hướng đến những tình yêu cao cả, thanh khiết hơn, ấy là nhân loại và chúng sanh.

Thế rồi thái tử ra đi. Cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con thơ bỏ lại sau lưng. Chẳng có gì quyến rũ ngài được nữa.

Vượt sông Anomā lúc trời vừa hừng sáng, thái tử dừng lại nơi bìa rừng, lấy gươm cắt tóc, cởi chiếc hoàng bào, chỉ còn giữ lại mấy tấm áo trong. Thái tử trao châu báu trang điểm, tấm hoàng bào cùng nắm tóc xanh nhờ Channa về tâu lại vương phụ nói rõ ý chí xuất gia của mình. Năm ấy thái tử tròn 29 tuổi.

CHƯƠNG II

Từ Tâm Đạo Đến Chứng Quả

1- Gót Khất Sĩ Lang Thang

Kiểm được một cái bát khát thực, đổi được tấm áo vá của người thợ săn, nghiêm nhiên bây giờ Siddhattha trông đã ra dáng một vị đạo sĩ rồi.

Thế là, dầm sương, đội nắng, đạp núi, băng rừng, dầm qua suối khe, triền non, vực thẳm, lòng “tân đạo sĩ” vô cùng thanh thản, cứ nhàn hạ bước đi, không nôn nóng, không vội vã. Lâu lâu, Siddhattha gặp một đạo sĩ. Có vài đạo sĩ mình gầy trơ xương ngồi dưới gốc cây hoặc cạnh một hang đá. Một vài vị khác đang kiểm trái cây rừng qua bữa. Siddhattha đến làm quen, học cách quan sát màu sắc thân, lá, trái... Đến đây thì kho tàng kiến thức về cây, lá thuộc y được cổ truyền mà Siddhattha đã học từ nhỏ, được dịp khai thông. Siddhattha vô cùng sung sướng. Có lẽ đây là bài học thú vị nhất trong cuộc đời chàng: Bài học tự mưu sinh để tồn tại!

Đi thêm nhiều ngày qua những đồng ruộng, những làng mạc, vượt Koliya đến biên địa Malla; lại thêm chín mươi ngày đường nữa, qua các bộ tộc Moriya, Videha thì thành phố Vesāli nổi tiếng đã hiện ra. Chàng cũng tập sự khát thực khi đi qua những xóm nhà, nhận được cơm vắt, cơm sữa, xôi, ca-ri, khoai, chuối vừa đủ dùng. Từ lúc rời vương cung đến nay thì những ngày qua xóm làng mới thật sự có được bữa ăn đúng nghĩa, của nhân gian. Đêm, chàng ngồi “trầm tư” chùng một canh, sau đó, nằm nghiêng đi vào giấc ngủ. Tuy nhiên có đêm ngủ được, có đêm

thao thức, trần trọc. Vì chưa quen nằm đất, gối sương nên sức khỏe sa sút, đã thế, cơ thể rất nóng, tấm áo tắm mồ hôi, nhớp nháp khó chịu. Vài ba hôm, Siddhattha trốn vào một góc suối, nương nào đó vắng người để tắm giặt, phơi khô rồi mặc lại. Chỉ với hai manh áo, tắm trong và tắm ngoài, cứ thế đắp đổi qua ngày cũng là vấn đề lớn mà chàng tâm niệm phải vượt qua, phải chịu đựng. Và quả thật, “cơ thể cũng có thói quen thích ứng của nó”, gần một tháng sau, chàng mới thấy quen, mới thấy tạm thời dễ chịu!

Ở Vesālī chỉ hai hôm là Siddhattha lại ra đi. Trên đường, chàng nghe danh một vị đạo sư mà nhân gian xem như một bậc thánh sống, có tên là Ālāra Kālāma, ông có chừng ba trăm học chúng đệ tử. Chàng quyết tìm đến để học đạo.

2- Vị Đạo Sư Thứ Nhất

Chòi lá của đạo sĩ Ālāra nằm trên một ngọn đồi thoải, dưới mấy cội cây cổ thụ tán lá che phủ sum sê. Ông chừng trên bảy mươi tuổi, rắn rỏi, quắc thước, đang ngồi trên tấm nệm cỏ. Xung quanh, ước chừng mấy chục đạo sĩ đang nghe pháp. Buổi giảng chấm dứt. Siddhattha bước lại, cung kính xin được nhập môn và chàng được như nguyện.

Theo sự chỉ dạy của đạo sư Ālāra, Siddhattha hành thiền định bằng cách niệm hơi thở, chú tâm vào hơi thở một cách liên tục, không gián đoạn, đến khi hơi thở chỉ còn cái tròn sáng bất động là chàng đi vào định sơ thiền. Chỉ dăm bảy ngày sau thì định từng giai đoạn, từng cấp độ như vậy càng lúc càng sâu, càng vi tế hơn. Cứ tuần tự như thế, thời gian sau, Siddhattha thâm sâu vào trạng thái thanh tịnh, yên ổn cùng sự quân bình tâm hồn một cách tuyệt hảo. Khi Siddhattha trình bày thiền chứng thì đạo sư Ālāra Kālāma nói:

- Thật là tuyệt vời, người bạn trẻ! Con đã đi vào định tứ thiền rồi. Bây giờ, con hãy từ bỏ hơi thở, chỉ chú tâm vào cái tướng

sáng tròn lặn ban đầu. Chỉ chú tâm miên tục vào nó, đến lúc nào con thấy mọi vật chất, mọi hình sắc đều tan biến, chỉ duy trì “cái tướng hư không rộng lớn, mênh mông, vô biên” ấy. Tất cả con, vũ trụ, vạn hữu không còn nữa. Tất cả chỉ còn là “Hư không vô biên” mà thôi!

Chỉ ít hôm sau là Siddhattha đạt được tầng thiền ấy. Ở đây mọi cảm giác không còn nữa, mọi ý niệm khổ và lạc trong tâm cũng vắng bóng, chỉ còn hư không vô biên, vô hạn là tồn tại. Rồi chàng lại được hướng dẫn bước lên tầng thiền cao hơn là chỉ có thức, chỉ có ý thức, “thức là nền tảng của mọi hiện tượng”, đồng với vạn hữu. Thức tràn ngập, châu biến, không có ngăn mé...

Siddhattha lại đến trình pháp với những cảm nhận riêng tư cùng thắc mắc của mình. Đạo sư Ālāra vô cùng khen ngợi. Rồi bậc thầy khả kính ấy lại hướng dẫn chàng bước lên một loại định cao hơn:

- Khi tưởng “Không vô biên” thì chỉ có “Không vô biên” là nền tảng của vạn hữu. Khi tưởng “Thức vô biên” thì “thức vô biên” là căn gốc của mọi hiện tượng. Con biết sao không? Định trước thì ta vương “đối tượng không vô biên ngoại giới”, định sau thì ta kẹt “năng tri thức vô biên nội tâm”. Vậy thì phải xả bỏ đối tượng, xả bỏ năng tri, là “không vô biên” bên ngoài, là “thức vô biên” bên trong để bước đến một cảnh giới cao hơn: “Không có gì cả”. “Không có gì cả” là không còn năng sở, chủ khách, trong ngoài, đối tượng và nhận thức.

Chỉ non tuần lễ, Siddhattha đã đi vào định “Vô sở hữu xứ” là định không còn dính mắc bên trong, không còn vương kẹt bên ngoài khi khởi lên tưởng “không có gì cả”, và an trú nhất như vào tưởng “không có gì cả” ấy!

Hôm ấy là đêm rằm, trăng trong vắng vạc, Siddhattha vào gặp đạo sư Ālāra Kālāma, trình bày thiền chứng của mình, rồi mong ngài hướng dẫn cho một sự tu tập cao hơn.

Nỗi vui mừng rạng rỡ trên khuôn mặt già nua, đạo sư tán thán:

- Thật là hy hữu thay, Siddhattha! Thật là vĩ đại thay, Siddhattha! Cái mà ta tu tập, hành trì một đời, người bạn trẻ chỉ hơn một tháng công phu! Trong số đệ tử của ta, chưa ai được như thế!

Siddhattha cúi đầu, nhũn nhặn:

- Xin thầy mở lượng quảng đại đưa đệ tử bước lên một cảnh giới quang rạng hơn nữa. Thiên định “Vô sở hữu xứ” này tuy tròn trặn, sáng trong như lưu ly nhưng lúc trở về với cảm thức thường nghiệm thì mọi lợn cợn, vẩn đục, mọi thao thức, trần trở về chuyện sống chết ở trong đệ tử vẫn còn y như cũ.

Đạo sư Ālāra Kālāma nhìn Siddhattha, trầm ngâm giây lâu rồi với giọng rất chân tình:

- Nay Siddhattha! Nói thật, ta cũng chỉ có chừng ấy. Ta cũng chỉ có được chừng ấy. Ta chẳng có gì phải giấu giếm người bạn trẻ. Cái mà ta chứng đạt thì Siddhattha cũng đã chứng đạt, không hơn ta mà cũng không thua ta.

Chợt ông hỏi han, thân mật:

- Vậy xuất thân, dòng dõi thế nào, hỡi Siddhattha?

- Đệ tử thuộc dòng dõi Sát-đế-ly, vương triều Sakyā, là thái tử con vua Suddhodana, mẹ là hoàng hậu Mahāmāyā. Sắp đến ngày đăng quang vương vị, đệ tử từ bỏ tất cả để xuất gia tầm đạo!

- Ô, thật là đáng kính phục! Đạo sư Ālāra tấm tắc khen ngợi - Đúng là một nhân cách hy hữu! Bây giờ, cái gì ta thành tựu rồi thì người bạn trẻ cũng đã thành tựu rồi. Vậy, hãy ở lại đây, Siddhattha, con rồng vương giả! Hãy ở lại đây để cùng ta chăm sóc hội chúng này. Ta sẽ xem người bạn trẻ như một người bạn vong niên. Ta già rồi. Và dưới ta, kể cả đệ tử lâu năm, chẳng ai có thể ngang bằng người bạn trẻ để có thể kế thừa sự nghiệp cao cả này.

Siddhattha chưa dám trả lời thẳng thắn, là không thể, sợ đạo sư Ālāra buồn. Chàng cúi đầu, lặng lẽ. Nhưng khi thấy đạo sư muốn triệu tập hội chúng để tuyên bố sở đắc của chàng, cùng tư

cách kế thừa bậc đạo sư, chàng nghĩ là nên nói thật, tốt hơn. Nghĩa là chàng đã từ chối rất lễ độ:

- Rất tri ân đạo sư! Siddhattha nói - Đệ tử không thể kế thừa sự nghiệp vinh quang mà đạo sư hứa khả. Đệ tử chưa đủ đức, đủ trí, đủ tuổi tác, đủ kinh nghiệm, đủ kiến thức, đủ sở hành để hướng dẫn hội chúng này. Lại nữa, đệ tử còn cần phải hành trì, phải tu tập, còn cần phải lên đường, phải tìm cho ra lộ trình bất tử, giải thoát toàn vẹn và toàn mãn mọi khổ đau sinh tử. Xin đánh lễ từ tạ đức đạo sư, người đã quan tâm, ưu ái, chiếu cố đệ tử bấy lâu nay.

Tuy rất buồn vì sự ra đi của người học trò ưu tú nhưng đạo sĩ Ālāra biết là sự chứng đắc của mình còn nhỏ bé, trí tuệ của mình còn giới hạn, quả thật không thể giữ lại cánh chim bằng đang khao khát tuyệt đối, không rộng, trời cao.

Cả đạo tràng hay tin, ai cũng bàng hoàng, sững sờ: Hóa ra Siddhattha mới đó mà sở đắc đã bằng đạo sư Ālāra nổi danh, lại còn hướng đến chân trời khác nữa. Bốn, năm mươi năm nay mới có một người, một nhân cách siêu việt như thế!

3- Gặp Gỡ Đức Vua Bimbisāra

Mờ sáng hôm sau, Siddhattha lên đường, nhắm hướng Đông Nam đi mãi. Lâu sau, Siddhattha đã bước vào xa lộ thương mại, bỏ Bắc Vesālī đạp xuống sông Gaṅgā. Nhìn xóm làng, sinh hoạt, người và cảnh, Siddhattha thấy đây đúng là một quốc độ giàu mạnh.

Hôm kia, nghỉ ngơi trên núi Paṇḍavā, không xa kinh thành Rājagaha bao nhiêu. Nắng sớm đã lên. Siddhattha ôm bát, thông thả đi theo con đường ruột dê xuống chân núi. Là người phương Bắc, vốn sở hữu dáng dấp cao to, nước da trắng sáng, Siddhattha lại còn có 32 quý tướng và 80 vẻ đẹp cùng với bước đi trầm tĩnh, uy nghi làm cho ai cũng phải chú ý, ngược đầu lên nhìn. Ở kinh thành phương Nam này chưa có bóng dáng vị đạo sĩ nào

khả dĩ thu hút mọi người đến thế! Siddhattha thoáng nghe từ sau gáy, từ bên tai... những cái nhìn, những lời bàn tán, xâm xì nhỏ nhỏ: “Vị sa-môn này có lẽ không phải người, mà là thiên thần chăng?”.

Ngay lúc ấy có một cỗ xe bốn ngựa trắng đang chậm rãi đi ngang, đức vua Seniya Bimbisāra vén rèm, chăm chú nhìn tướng mạo, phong thái, bước đi của Siddhattha, cũng tưởng là vị thiên thần nào, ông ngẩn ngơ. Sao trên đời lại có vị đạo sĩ đẹp đến thế! Như sự tĩnh, đức vua Seniya Bimbisāra sai một tên quân hầu bí mật theo dõi Siddhattha xem chàng về đâu, nghỉ ở đền miếu, quán xá nào... rồi về tâu lại cho ông hay.

Xế chiều hôm đó, đức vua Seniya Bimbisāra thăng cỗ xe bốn ngựa trắng, dừng lại dưới chân đồi Paṇḍavā, ông chậm rãi leo lên núi cùng với một tên thị vệ.

Siddhattha đang ngồi thiền trong bóng râm, hào quang như tỏa sáng từ khuôn mặt. Có một cái gì tôn nghiêm, tĩnh lặng tỏa ra xung quanh làm cho đức vua không dám cất tiếng. Ông đứng vòng tay tỏ vẻ kính cẩn. Lát sau, như có con mắt thứ ba, Siddhattha biết có khách nên chàng xả thiền. Nhìn vóc dáng bệ vệ, oai nghiêm, trang phục sáng ngời châu báu, Siddhattha biết đây là đức vua Seniya Bimbisāra nổi tiếng châu Diêm-phù-đề.

Siddhattha điềm đạm nói:

- Phải chăng điện hạ là quốc vương Māgadha nổi danh đương đại? Xin ngài bỏ lỗi, là sa-môn nên tôi không thể làm lễ ra mắt như kiểu quần thần.

Đức vua gật đầu:

- Phải vậy! Trẫm là Seniya Bimbisāra, hôm nay đến đây rất lấy làm vinh hạnh được thăm viếng ngài sa-môn. Chẳng hay, ngài là ai? Là thọ thần? Là chư thiên? Là phạm thiên? Tướng mạo của ngài rất phi phàm, rất khác tục vậy.

Siddhattha cười nhẹ:

- Tôi là một thường nhân thôi. Lại nữa, lộ trình tầm đạo còn nhiều khê, đâu xứng đáng để đức vua oai hùng coi trọng đến thế!

Tìm được chỗ ngồi phải lẽ, chột dung, đức vua tâm sự:

- Ôi! Trẫm lên ngôi từ tấm bé, lúc phụ hoàng của trẫm mất. Mới mười bốn tuổi mà phải làm người lớn, phải chính đính, trang nghiêm, mẫu mực để cảm quyền trị nước. Xung quanh hàng trăm người, lúc nào cũng khúm núm, chào thưa, tuân phục, bách tuế, vạn tuế nên trẫm chẳng có ai là bạn. Nhưng mà kỳ lạ làm sao, sáng nay, vừa thoáng thấy sa-môn, trẫm liền có cảm giác như là một người bạn thân lưu lạc từ kiếp nào. Trẫm ước ao rằng, sa-môn hãy cùng về với trẫm, làm bạn với trẫm. Nếu có sa-môn bên cạnh tham mưu, cố vấn, trẫm biết chắc nước nhà sẽ hùng cường và muôn dân sẽ ấm no, hạnh phúc hơn nữa.

Siddhattha quan sát đức vua, thấy ông ta có vẻ chí tình, lại có phong độ của bậc minh quân, chàng dịu dàng nói:

- Cảm ơn những lời vàng ngọc của đại vương! Nhưng tôi đã quen đời sống độc cư, thích chỗ hoang vu, u tĩnh của núi rừng mát rười. Chốn hoàng thành hoa lệ không còn thích hợp với tôi nữa đâu.

Lát sau, đức vua lại thuyết phục nữa, hứa chia cho Siddhattha một nửa giang sơn để cùng nhau cai trị nên chàng mỉm cười:

- Hoá ra, nếu như thế thì tôi đã từ bỏ cái “ngực vàng” này rồi lại chui đầu vào cái “ngực vàng” khác hay sao? Đối với tôi, chỉ có cái đạo Bất Tử ở phía trước mặt mà thôi vậy!

Khi đức vua tròn xoe mắt, không hiểu, Siddhattha đành phải nói rõ thân thế của mình.

Vua ngạc nhiên quá, thốt lên:

- Hóa ra sa-môn là một vị vua! Một vị vua đã khẳng khái phát tay từ bỏ vương vị, vợ đẹp, con xinh! Vậy là trẫm đã thất lễ, vô cùng thất lễ, đã dám lấy lợi danh, quyền uy, ngũ dục để quyến rũ người đã từ bỏ chúng như quặng đôi hài rách mà ra đi!

Đức vua Bimbisāra biết là không thể thuyết phục được nên xuống giọng, thân thiện:

- Trẫm mong rằng, sa-môn hãy xem trẫm là bạn. Sau này, lúc nào tìm ra đạo lớn, sa-môn hãy ghé quốc độ của trẫm để cho trẫm

được cúng dường tứ sự. Trầm sẵn sàng cất lời hứa thiêng liêng, là sẽ ở bên cạnh, làm cánh tay phải, hộ trì cái đạo Bất Tử mà samôn chứng ngộ được phát triển mạnh mẽ trong quốc độ này.

Siddhattha thấy vị vua trẻ tuổi, đầy quyền uy hiên hách mà hạ mình như vậy, bèn vô cùng trân trọng, hứa khả, sau này đức đạo sẽ trở lại xứ sở phồn vinh này.

Đức vua Bimbisāra cúi chào, từ giã, xuống núi. Siddhattha cũng chuẩn bị rời chỗ, chàng không muốn mất thì giờ giao tiếp, cũng không muốn nhận thêm một ân sủng nào từ đức vua hiền lành và tốt bụng ấy. Siddhattha lại ra đi, đến cổng thành phía Đông Nam, từ giã Rājagaha, đến núi khác: Có một đạo sư ở không xa đây lắm, chàng phải tìm đến.

4- Vị Đạo Sư Thứ Hai

Đạo sư Uddaka năm nay chừng tám mươi tuổi, đầu tóc bạc phơ, vầng trán cao rộng, nhãn quan lóng lánh có thần, biểu hiện một sức sống nội tâm có tu chứng, có sở đắc.

Ông tiếp Siddhattha như một người học đạo bình thường, không hỏi xứ sở, gốc gác, dòng họ; chỉ hướng dẫn những pháp sơ cơ. Siddhattha chưa muốn thừa hỏi gì nhiều, vì nghĩ là thời gian còn nhiều, chàng muốn xem xét lại một vài vấn đề nội tâm và một vài hoài nghi xao động chưa yên.

Nửa tháng trôi qua lặng lẽ, hôm kia Siddhattha tìm gặp đạo sư Uddaka, chàng căn kẽ trình bày lộ trình tu tập bấy lâu của mình, các tầng thiền, an trú và chứng nghiệm những mong sự chỉ dẫn đúng đắn và cao minh hơn.

- Sao? Đạo sư Uddaka ngạc nhiên - Trong vòng nửa tháng mà chàng trai trẻ đã lên đến thiền “Vô sở hữu” à?

- Dạ thưa không! Siddhattha đáp - Tất cả các tầng thiền ấy, đệ tử đã học được từ đạo tràng của đạo sư Ālāra; và đệ tử đã đi xuống, đi lên, vào ra khá thuần thục.

Vị đạo sư già bây giờ mới chăm chú quan sát tướng mạo của

chàng trai đối diện.Ồ, tướng mạo đẹp đẽ, tỏa ra sự trang nghiêm, chững chạc. Lại nữa, chàng ta có âm giọng trầm ấm, có ngôn ngữ trôi chảy lưu loát, có cách diễn đạt ý tưởng chân xác, sâu sắc. Đây là người có học vấn uyên bác, thâm sâu, không phải là kẻ tầm thường.

Thế là đạo sư ân cần trao đổi:

- Nay, người bạn trẻ! Cái định “Vô sở hữu” mà bạn chứng đạt từ đạo sư Ālāra khả kính là một loại định bậc cao. Tuy nhiên, cái “vô sở hữu” ấy là một loại tri giác, một loại tưởng, chính xác là “tưởng không” đấy thôi. Lúc nào còn “tri giác”, còn “tưởng” thì vẫn còn năng tri và sở tri. Muốn bước lên một loại định cao hơn thế nữa thì người bạn trẻ cần phải rời luôn cái tưởng ấy, cái tri giác ấy.

Siddhattha nhú mày:

- Phải rời luôn? Phải rời luôn, phải lìa bỏ tri giác; “không còn tri giác” thì có đồng nghĩa với gỗ đá không, thừa đức đạo sư?

- Hay, câu hỏi hay! Lìa tri giác, lìa tưởng nhưng không phải là “không có tri giác”, “không có tưởng” như gỗ đá vô tri đâu!

- Nhưng lìa tri giác, lìa “tưởng không” mà “không phải vô tưởng”, không phải gỗ đá vô tri, thì nó là cái gì, thừa đức đạo sư?

- Điều ấy không nói được, này người bạn trẻ! Ngôn ngữ bất lực. Phải cần sự thực nghiệm, chứng nghiệm, nóng lạnh khắc biết!

Siddhattha lĩnh ý, rút về lều của mình. Vậy là phải lìa “vô sở hữu”, phải lìa “ý niệm không có gì cả”.

Chỉ mười hôm sau, Siddhattha đến trình pháp:

- Đệ tử đã viễn ly được “tưởng không” ấy. Bây giờ đệ tử đã an trú vào một trạng thái mà không biết nó là cái gì. Nói “có tưởng”, không đúng; nói “không tưởng”, cũng không đúng. Cả hữu lẫn vô đều bất xác. Cũng không phủ định hay xác lập hai mặt nhị nguyên “có - không” của tưởng, mà là cái gì đó, đệ tử không nhìn rõ mặt!

Đạo sư Uddaka chăm chú hỏi:

- Vậy, người bạn trẻ đã trú vào cái gì?

- Thừa, có lẽ cũng là “tri giác”, cũng là “tưởng” thôi. Nhưng cái này nó vi tế quá, chẳng xác định được là nó có hay không.

- Đúng vậy! Đạo sư Uddaka gật đầu - Vì đây là định Phi tưởng, phi phi tưởng (nevasaññānāsaññāyatana), là bậc thiền cuối cùng trên lộ trình tu tập. Ở châu Diêm-phù-đề này, đó là thành tựu cao nhất, xứng đáng cho những ai cần cầu xuất gia phạm hạnh.

Siddhattha cúi đầu.

Đạo sư chột đứng dậy, ưu ái nắm tay Siddhattha, bảo chàng ngồi vào bồ đoàn bên cạnh, rồi mở lời khen ngợi:

- Người bạn trẻ đã tiến bộ phi thường, vượt bậc, không thể có người thứ hai trên đời này. Công phu tu tập hơn nửa thế kỷ của ta cũng chỉ có chừng ấy, chỉ có định ấy, không hơn, không khác.

Siddhattha lắng tai nghe, nghiêm cẩn.

Đạo sư Uddaka chăm chú quan sát Siddhattha một hồi nữa rồi cặn kẽ hỏi tên họ, dòng dõi, quê quán... Siddhattha tình thật trả lời, ngắn gọn nhưng đầy đủ. Nghe xong, đạo sư có vẻ vui mừng:

- Ô, có thể chứ! Phải là dòng dõi thượng đẳng mới xuất sanh được một nhân cách phi phạm như thế chứ! Đúng là rồng phượng giữa loài người!

Chợt đạo sư Uddaka xuống giọng:

- Nay người bạn trẻ, này Siddhattha! Ta đã già rồi. Sự sống của ta chỉ còn đếm trên từng hơi thở. Đệ tử dưới trướng, kể cả người niên cao, lập lớn; bọn họ kiến thức nông cạn, sở chứng giới hạn, nhân cách thì tầm thường. Chẳng có ai để sở cậy cả. Chẳng có ai có đủ khả năng, bản lĩnh, trí tài, sở học, sở tu để ta có thể giao phó kế thừa sự nghiệp. Vậy, bắt đầu hôm nay, Siddhattha hãy ở lại đây, hãy ngồi ở chỗ này để dẫn dắt hội chúng. Đạo tràng này là của người bạn trẻ, này Siddhattha! Hãy vì ta mà phát triển giáo pháp cao thượng để lợi lạc cho phần đông...

Chợt, Siddhattha bái tạ đạo sư rồi cất giọng rất thành khẩn:

- Tri ân sự tin cậy đầy nồng hậu của đức đạo sư. Đệ tử dù được đức đạo sư dẫn dắt tu tập đến định cao nhất, nhưng sau

khi rời định, tâm đệ tử vẫn có cái gì đó còn lao xao, bất an. Đường như mọi tham sân, phiền não tế vi vẫn còn nằm ở đâu đấy, lúc duyên cảnh, chúng sẽ phát sanh trở lại...

Nghỉ hơi một lát, chàng tiếp:

- Thừa đức đạo sư tôn kính! Được đức đạo sư giao phó trọng trách hướng dẫn đạo tràng là một đặc ân, một nghĩa cử thiêng liêng, đệ tử xin ghi khắc tận đáy lòng, nhưng không thể thọ lãnh. Đệ tử còn cần phải ra đi, còn cần phải tìm kiếm. Dù còn hơi thở cuối cùng, đệ tử quyết không thối thất con đường mà mình đã chọn lựa.

Sau vài lần thuyết phục nữa, Siddhattha vẫn một mực lễ độ từ chối, đạo sư Uddaka biết là không thể giữ chân được chàng trai trẻ, một nhân cách siêu việt, ông thở dài. Sau này, Siddhattha chắc hẳn sẽ tìm ra lời giải cuối cùng, sẽ thành tựu cái gì đó rất phi thường, chưa hề có trên thế gian.

Riêng hội chúng của đạo sư Uddaka đã kính trọng lại tỏ ra càng kính trọng Siddhattha hơn khi chàng từ chối chức vụ lãnh đạo, kế thừa sự nghiệp. Rõ ràng người bạn trẻ này đã không màng địa vị, quyền uy và danh vọng.

Riêng Siddhattha thì nhận thấy rằng, chẳng ai có khả năng hướng dẫn ngài giải quyết sinh tử; con đường ấy, chân lý ấy phải tự chàng tìm kiếm và chứng nghiệm.

5- Năm Đạo Sĩ Đồng Tu

Từ ngoại ô Rājagaha, đi chèo về hướng Tây Nam, sáu bảy hôm sau, Siddhattha gặp dòng sông Nerañjarā (Ni-liên-thuyền). Đây là cả vùng đồng ruộng, ao hồ, đầm lầy; rải rác là xóm làng, cư dân khá đông đúc mà đời sống có vẻ no đủ, được gọi là tụ lạc Uruvelā.

Dừng chân ở đây, Siddhattha tự nghĩ: “Tại sao ta không thử tu tập pháp môn khổ hạnh mà ai ai cũng quý trọng, tôn kính? Chắc chắn nó phải có một giá trị như thế nào đó mới trở thành

truyền thống nhiều đời? Ta phải đi tận cùng sự khổ hạnh này may ra mới hiểu nó ra sao!”

Trong lúc Siddhattha vừa quyết định như vậy xong thì có 5 đạo sĩ phương xa tìm đến: Đó là Koṇḍañña, Bhaddiya, Vappa, Mahānāma⁽¹⁾ và Assaji. Vị đạo sĩ lớn tuổi nhất là Kiền-trần-như (Koṇḍañña), tức là bà-la-môn trẻ tuổi thông thái thuở nào, người chỉ đưa lên một ngón tay, quyết chắc thái tử chỉ lựa chọn duy nhất một con đường là xuất gia và sẽ đắc quả Chánh Đẳng Giác. Khi hay tin thái tử xuất gia tìm đạo thì Koṇḍañña đến gia đình 7 vị bà-la-môn tướng pháp thuở xưa, rủ 4 con trai của họ cùng ra đi. Thế là cả 5 người, khoác áo đạo sĩ, bình bát xin ăn đi theo dấu chân của chàng. Đến đạo tràng của vị đạo sư thứ nhất, họ thấy “dấu chân voi”⁽²⁾ của Siddhattha qua cửa miệng của mọi người. Đến đạo tràng của vị đạo sư thứ hai, “dấu chân voi” của Siddhattha càng to lớn hơn nữa. Và thế là họ an tâm đi theo “dấu chân voi” ấy tìm đến tụ lạc Uruvelā.

Sau khi gặp gỡ, chuyện xưa kể lại. Siddhattha rất vui mừng vì có bạn đồng tu, chàng trình bày khái quát nhưng đầy đủ sự tu tập bấy lâu, thấy rằng nội tâm vẫn còn phiền não vì thế, rồi kết luận:

- Bây giờ tôi muốn thực tập con đường điều phục thân xác, chế ngự toàn vẹn mọi cảm giác theo truyền thống khổ hạnh tự ngàn xưa. Các vị nghĩ thế nào?

Cả 5 vị đạo sĩ đều đồng ý nghe theo sự hướng dẫn tu tập của “đức thầy” Siddhattha.

6- Sáu Năm Khổ Hạnh

Vào thời gian đầu, họ rời khu rừng từ sớm tinh sương, đi khát

⁽¹⁾ Bhaddiya và Mahānāma này không phải là bạn từ nhỏ của Siddhattha.

⁽²⁾ Ý nói tư cách lớn, nhân cách lớn... nơi này nơi kia còn được các đạo sĩ ca ngợi, kính ngưỡng.

thực quanh xóm làng chút ít vật thực để duy trì mạng sống, thì giờ còn lại dành cho sự tu tập. Về sau, nhóm 5 đạo sĩ Kondañña thay phiên nhau, chỉ một người đi khát thực về chia cho những người còn lại. Như vậy, vật thực của mỗi người đôi khi chỉ là củ khoai, củ sắn hay là chiếc bánh hấp. Sức khỏe của họ sa sút rất nhanh. Thời gian sau họ chỉ còn da bọc xương.

Siddhattha là người dẫn đầu trong tất cả pháp môn tinh tấn kèm chế xác thân hoặc trấn áp những vọng tâm cùng những tư tưởng liên hệ đến tham sân. Ngài cắn chặt răng, ép sát lưỡi vào nóc họng rồi dùng tâm đè nén tất cả mọi ham muốn của bản thân. Sự tinh tấn ấy là kiên trì và bất khuất làm cho thể xác rất đau đớn nhưng an lạc không thấy phát sanh. Rồi Siddhattha thay đổi phương pháp bằng cách nín thở. Ngài kiểm soát, dừng bật hơi thở thì có một luồng hơi thoát ra từ lỗ tai tạo nên một âm thanh to lớn như ống thụt của người thợ rèn. Sự tinh tấn ấy là kiên trì và bất khuất, hơi thở bị dồn lại va đập lòng bùng vào óc và tai, đau đớn như có ai khoan vào sọ... Và sau thời gian nín thở kịch liệt ấy, thể xác đau đớn vô cùng tận nhưng an lạc cũng không thấy tăm hơi.

Siddhattha tu hạnh nhịn ăn. Mỗi ngày ngài chỉ dùng một ít nước đậu hay chút ít rau cỏ. Vì thiếu vật thực nên ngài càng gầy ốm hơn. Tuy nhiên, sự tinh tấn ấy vẫn cứ là kiên trì và bất khuất nhưng nội tâm cũng không bình yên được chút nào.

Năm người bạn đồng tu còn duy trì chút ít vật thực nên còn thấy một chút máy động của sự sống. Còn chàng, qua nhiều năm khổ hạnh tận cùng, họ không còn nhìn ra Siddhattha năm xưa nữa. Tay và chân của chàng là các lóng tre đen đui, khúc khuỷu nối kết với nhau. Hai bàn tọa của chàng trông giống như hai cái móng trâu. Xương sống và cột tủy của chàng trông như một cái chuỗi hạt. Xương sườn của chàng lòi ra, lộ rõ những thanh rui của một ngôi nhà đổ nát. Đồng tử của chàng thụt sâu vào bên trong hố mắt như cái giếng sâu. Da đầu thì nhăn nheo như trái mướp đắng phơi khô. Lưng và bụng dính làm một.

Lúc này, năm người bạn đồng tu đã thán phục tận cùng. Còn chư thiên thì bàn luận với nhau: “Hãy xem ý chí và nghị lực tối thượng của Người. Mai sau, chắc chắn Người sẽ thành tựu Con đường Bát Tử”. Tuy nhiên, thời gian sau khi thấy Siddhattha nhin ăn quá nhiều ngày, sự sống dường như chỉ còn mong manh như ngọn đèn sắp lụn tắt, chư thiên lại nói chuyện với nhau, chỉ cốt ý để cho chàng nghe: “Sa-môn Gotama quả thật không sợ chết, nhưng Con Đường Bát Tử thì sao? Sa-môn đã chứng đắc quả vị Vô Thượng như lời nguyện thưở xưa chưa?”

Siddhattha rùng mình, tỉnh táo trở lại, một ý nghĩ khởi sanh: “Sự khổ hạnh, ta cũng đã khổ hạnh tận cùng. Trong quá khứ, hiện tại hay vị lai, các sa-môn, bà-la-môn nếu có hành khổ hạnh, chịu mọi sự đau đớn, quần quai, khốc liệt, kinh khủng thì có lẽ cũng không hơn ta được. Ta đã cảm nghiệm sự tương quan giữa thân và tâm; nó là cái gì không thể tách rời. Hành hạ xác thân, như vậy cũng có nghĩa là hành hạ tâm trí. Khổ hạnh, theo sự thấy biết lẫn sự chiêm nghiệm sâu sắc của ta thì nó chẳng thành tựu được gì; có lẽ nó chỉ đưa đến sự chết thôi!”

Như tìm ra đáp số. Siddhattha nhìn lại thân xác mình quả là kinh khiếp, bao nhiêu năm không tắm không giặt, chiếc y rách nát tả tơi, dơ dáy với cái bộ xương không còn nhân dạng. Kiểm một cây gậy, chàng chống từ từ và chậm rãi lê từng bước qua bên kia nghĩa địa. Đi năm bảy bước, chàng phải dừng lại để thở. Riết rồi cũng đến nơi. Ô, một tấm vải màu vàng đất bó gọn một tử thi chẳng rõ nam nữ quăng bỏ đây đã lâu. Chàng nói nhỏ: “Hãy cho ta tấm vải mà người đã không còn sử dụng nữa. Ít hôm nữa thôi là thân xác người cũng trả về cho tứ đại”. Chàng phải dùng sức mạnh, thở gấp mới lấy được tấm vải dính máu, dính mủ đã khô.

Siddhattha lần đến bờ sông, dựa bên mép sông, chàng giặt sạch tấm y, phơi trên đá, sau đó tắm rửa, kì cọ rất lâu. Dừng lại, thở một hồi rồi chà xát cho kỳ hết bụi đất, cáu ghét, lớp da chết trên người. Sau đó, Siddhattha lấy tấm y vàng đất đã khô ráo,

quàng vào người rồi cất bước lên hướng rừng. Do sức lực dường như đã sử dụng hết năng lượng cuối cùng, chàng rơi xuống như thân cây đổ, nằm gục, chết lịm trên đám cỏ khô vàng.

7- Bát Sữa Kỳ Diệu

Hôm ấy gần đến ngày trăng tròn, người tó gái Puṇṇā, theo lệnh của nàng Sujātā, con của triệu phú Senānī mang mâm lễ phẩm đến cúng tế thần linh tại gốc cây Assattha gần đó, trông thấy một bộ xương sa-môn, nằm thoi thóp thở, cô bé biết nhà tu khổ hạnh này do đói đã quá lâu ngày nên kiệt lực. Động mỗi từ tâm, cô bé đã tự ý quỳ xuống bên cạnh, lấy ngọn lá làm thìa, đổ chút ít sữa vào miệng Siddhattha. Khi những giọt sữa đầu tiên đi từ môi, chàng nhấp nhấp, qua lưỡi, thấm xuống cổ họng rồi đi vào dạ dày; cảm giác dễ chịu từ từ lan thấm cả châu thân.

Đội một lát cho vị sa-môn tỉnh lại, bé Puṇṇā mỉm cười, dâng hũ sữa và cả mâm lễ phẩm cho chàng rồi nói:

- Ngài sa-môn hãy từ từ mà dùng để lấy lại sức khoẻ.

Siddhattha nói lời cảm ơn rồi hỏi nguyên do, mới biết đây là lễ phẩm cúng thần linh. Số là, lúc Sujātā còn là con gái, lần nọ vào rừng chơi, thấy cội cây Assattha to lớn, xanh mát, rờn rợn, lành lạnh cả da thịt, nghĩ chắc là có thần linh nên nàng phát tâm cầu nguyện: “Xin cho tôi có được một tấm chồng cùng dòng dõi huyết thống, vừa giàu sang vừa đẹp tính, đẹp người; sau đó cho tôi sinh được một bé trai khôi ngô, kháu khỉnh, dễ dạy, dễ bảo. Tôi sẽ lễ tạ thần linh bằng cơm, sữa, bánh trái trọng hậu nhất”. Thế rồi, nguyện ước xưa giờ đã thành tựu. Ngày rằm tháng Vesākha này, mới là lễ chính, còn trước ba ngày, Puṇṇā đến đây để cúng những lễ phụ. Cái món sữa mà Siddhattha vừa dùng là một loại sữa đặc biệt. Nàng Sujātā nuôi mấy chục con bò sữa cao lớn, sung sức nhất; lấy sữa của mấy chục con bò này để nuôi tám con bò sữa mập ú; lấy sữa của tám con bò sữa mập ú này chỉ để nuôi hai con bò sữa đang tơ. Và sữa của hai con

bò này chỉ dành riêng để cúng thần.

Nghe chuyện, Siddhattha ái ngại, nói:

- Ta không phải là thần linh, vậy bé dâng sữa cho ta không sợ bà chủ rầy la hay sao?

- Không! Cô bé Punṇā mở tròn mắt đen láy - Bà chủ cháu tốt bụng lắm. Bà chủ không rầy la đâu, mà còn khen ngợi nữa. Bà chủ thường dạy: Giúp một người đói khổ, cứu một người sắp chết là sẽ được phước đức nhiều lắm.

Ngày hôm sau, Siddhattha từ bỏ hang động, xuống sống ở cội cây Assattha có tàn xanh bóng mát cạnh bờ sông. Chàng đã quyết định từ bỏ khổ hạnh, sẽ đi theo lộ trình trung đạo. Đêm rồi, Siddhattha trải qua một giấc ngủ ngon, sáng ngày chàng thấy sinh lực dồi dào chảy tràn trong cơ thể.

Nắng sớm vàng trong, gió nhẹ lay động cành lá. Với tinh thần phơi phới, chàng đi kinh hành lui tới ven sông. Xế trưa, cô bé Punṇā lại tìm tới với sữa, đề hồ và bánh trái.

- Cháu lại đến cúng thần linh nữa à?

- Dạ vâng! Rồi cô bé kể - Bà chủ nghe kể chuyện đã không la rầy mà còn bảo mang thêm thực phẩm cho ngài sa-môn dùng.

Thế rồi, qua vài lần được tắm bồ, Siddhattha đã có da, có thịt trở lại; ba mươi hai quý tướng và tám mươi vẻ đẹp lần lần hiện ra. Trong lúc ấy, năm người bạn đồng tu lặng lẽ bỏ đi mất. Họ rất thất vọng về Siddhattha: “Ông ta đã từ bỏ con đường tối thượng rồi! Koṇḍañña buồn bã nói với các bạn - Chúng ta không còn trông cậy, tin tưởng gì nơi ông ta nữa. Siddhattha đã trở về với đời sống lợi dưỡng, tắm bồ xác thân một cách dung tục. Chúng ta đi thôi”.

Nhận thấy sự hiểu lầm đáng tiếc của họ, nhưng Siddhattha chưa vội đính chính. Trong những ngày này, chàng đang có một cuộc chuyển hóa quan trọng, đã có cái gì đó đang xảy ra, đang dần dần hình thành một lộ trình tu tập rất mới mẻ ở trong tâm trí chàng.

Đêm ấy dưới cội cây Assattha hùng vĩ, Siddhattha an trú các

định hữu sắc, nuôi dưỡng phỉ lạc, khuya, canh hai, chàng nằm nghỉ. Khoảng giữa canh ba, chàng trở dậy đi kinh hành để tâm trôi chảy thanh thản, bình lặng. Sau đó, Siddhattha ngồi thiền trở lại, chàng trú định sâu, sau đó an trú phỉ, an trú lạc để nuôi dưỡng thân tâm.

8- Mâm Vàng Trôi Ngược

Sáng hôm sau, đích thân nàng Sujātā cùng cô bé Puṇṇā mang lễ vật đến cội cây Assattha thì họ thấy một vị thần hào quang sáng rực đang tĩnh tại tọa thiền. Ngay cả cô bé Puṇṇā cũng cảm nhận khác lạ. Đây đúng là vị sa-môn gầy khô sắp chết đói mấy bữa trước, nhưng dường như đã hóa sanh thành một con người khác. Đúng là có thần linh rồi! Đúng là thần linh mới có dung sắc và hào quang như vậy.

Nàng Sujātā sai Puṇṇā sắp đặt lễ phẩm trên chiếc mâm vàng gồm món cơm sữa đặc biệt và hoa trái, quỳ xuống, đội lên đầu rồi thành kính nói:

- Thưa ngài, thưa vị thọ thần uy linh! Con là Sujātā, ngài đã theo lời ước nguyện của con, ban cho con một tấm chồng đẹp đẽ, giàu sang và tốt bụng; lại còn ban cho con một bé trai có tướng mạo, dung sắc như một tiểu thiên thần. Vậy là con đã hoàn toàn mãn nguyện. Hôm nay, con đến đây để tạ lễ, mong ngài chứng giám cho lòng thành của con.

Siddhattha xả thiền, mỉm cười nói:

- Ta chỉ là một sa-môn đang tầm đạo thôi, có phải là thần linh gì đâu, cô bé Puṇṇā biết kìa!

Cô bé Puṇṇā đang quỳ mọp bên chủ, bây giờ mới ngược đầu:

- Không, hôm nay ngài sa-môn đúng là thần linh. Bà chủ con và con đều thấy rõ như vậy.

Siddhattha tự nghĩ: “Tất cả đều có nhân và duyên. Ta hãy thọ nhận vì lợi ích cho nàng và cũng lợi ích cho cuộc chuyển hóa vĩ đại đang ở nơi ta”.

Khi nàng Sujātā và cô bé Puṇṇā dâng nguyên cả mâm bằng vàng⁽¹⁾ cho trọn lễ ra về rồi, Siddhattha đứng trầm tư, quán tưởng giây lát rồi chậm rãi từng bước một, bung mâm vàng ra tận bờ sông. Siddhattha ngồi xếp bằng, vo tròn cơm sữa thành bốn mươi chín vắt, mỗi vắt to bằng quả quýt. Siddhattha chú nguyện, chúc phúc cho thí chủ rồi độ thực hết bốn mươi chín vắt cơm ấy. Cầm mâm vàng, đứng lên, Siddhattha phát nguyện rằng:

“- Nếu dưới cội cây Assattha kia mà ta đắc thành quả vị Chánh Đẳng Giác thì xin mâm vàng này trôi ngược dòng sông. Bằng không thể đắc quả Phật thì mâm vàng này sẽ trôi xuôi”.

Nguyện xong, Siddhattha thả mâm vàng ra giữa sông. Lạ lùng thay, chiếc mâm vàng như tấm thia lia băng băng trôi ngược nguồn, lên phía thượng lưu, khoảng chừng tám mươi hắc tay thì chìm xuống. Ngay lúc ấy, trên thế gian trông không có chuyện gì, nhưng dưới thủy cung thì có chuyện lạ. Nguyên dưới cung điện của Long vương đã có ba chiếc mâm vàng của ba vị Phật quá khứ, đó là đức Phật Kakusandha, đức Phật Koṇāgamana, đức Phật Kassapa. Khi chiếc mâm vàng của Siddhattha chìm xuống, trôi về thủy cung, đụng phải ba chiếc mâm vàng trước, tiếng ngân vang lên. Long vương Kālānaga lúc ấy đang ngủ, nghe âm thanh của mâm vàng chạm nhau, thức dậy, mỉm cười nói rằng: “Chà! Mới hôm qua một vị Phật xuất hiện, hôm nay lại một vị Phật khác nữa ra đời!”

Siddhattha biết nguyện mình sẽ đạt, lòng hân hoan, thư thái; và còn biết rõ rằng: Sự chuyển hóa của mình, cái nhìn mới mẻ của mình về sự tu tập là chính xác, đúng đắn! Bước về cội cây Assattha, Siddhattha rất tự tin khi thấy mình đã chuẩn bị đầy đủ cho một cuộc hạ thủ công phu mà không còn sợ phải lầm đường, lạc lối nữa.

⁽¹⁾ Có tư liệu nói là vào năm 1972 có một phái đoàn khảo cổ đã đào bởi ngôi nhà cũ của nàng Sujātā, phát hiện rất nhiều mâm vàng, mâm bạc, chén vàng, chén bạc...

9- Tám Bó Cỏ Kusa

Siddhattha đi bẻ lá rồi ôm một bó lá sắp xếp lên nhau để làm một chỗ ngồi dưới cội cây Assattha. Khi đang hí hoáy với công việc, một cậu bé chăn bò tên là Sotthiya đội một bó cỏ lớn đi ngang. Cậu ta dừng lại, tò mò nhìn một lát rồi nói:

- Này ngài sa-môn! Đám lá ấy không thể trải chỗ ngồi được đâu, chỉ vài ba hôm là bầm dập, hư nát thôi. Phải là cỏ này. Cỏ kusa này để lâu nó sẽ khô và bốc mùi thơm dễ chịu. Con biếu tặng ngài sa-môn đây.

Nói xong, Sotthiya đặt bó cỏ xuống. Nó gồm có tám bó nhỏ đều đặn mà bề dài lại vừa khít, vuông vức một chỗ ngồi. Một lát, Siddhattha và cậu bé đã làm xong chỗ ngồi, trông rất đẹp mắt, chàng mỉm cười mở lời cảm ơn.

Tuy chỉ là tám nệm cỏ tầm thường làm tọa cụ, nhưng dưới con mắt nghiệp cảm của phi nhơn, chư thiên, ma vương thì đây là cả một bộ đoàn quý báu, tên là Ratanapallanka, cao mười bốn cùi tay, xung quanh đều được chạm khắc công phu, đính bảy báu, là phước báu trang nghiêm của ngài được tích lũy Pāramī từ vô lượng kiếp.

10- Cuộc Chiến Đấu Với Ác Ma Thiên

Lúc cậu bé chăn bò Sotthiya vừa đi khỏi, Siddhattha lên ngồi trên nệm cỏ, thấy êm ái và thoáng mát; ngài quay mặt về hướng Đông, thấy khí và lực của mình thuận hợp với khí và lực của vũ trụ. Toàn thể tế bào, máu huyết như được tiếp thêm năng lượng. Nhiếp tâm thanh tĩnh, điều hòa hơi thở, Siddhattha phát lời đại nguyện:

“- Dù máu huyết khô cạn, dù chỉ còn gân, xương và da; ta quyết không rời khỏi tám nệm cỏ này nếu chưa đắc thành quả vị Chánh Đẳng Giác”.

Siddhattha vừa phát nguyện xong thì không gian như chao đảo, quả địa cầu rung chuyển dữ dội. Tầm nệm cỏ tầm thường bây giờ đã biến thành bờ đoàn chiến thắng (aparājata pallanka) sừng sững, bất động như thách thức muôn ngàn bóng đêm vô minh; và nó tác động ngay tức khắc đến Đại ma vương cõi trời Tha Hóa Tự Tại.

Ác Ma thiên tự nghĩ:

“-Lợi dưỡng tôi thượng không quyền rũ được Siddhattha! Chuyển Luân Thánh Vương ông ta cũng không màng. Khổ hạnh tôi thượng ông ta cũng từ bỏ. Bây giờ, Siddhattha đang ngồi tĩnh tọa trên chiếc bờ đoàn quý báu kia và phát lời đại nguyện bất thối. Ông ta muốn thoát khỏi quyền lực của ta thật rồi! Vậy hôm nay, ta phải dùng uy lực tối thắng, sức mạnh tối thắng để chiếm lấy cái bờ đoàn, hoặc đẩy bật ông ta ra khỏi bờ đoàn thì đại nguyện kia sẽ không thành tựu”.

Thế rồi, Ác Ma thiên huy động toàn bộ thiên binh, thiên tướng, trang bị tất cả mọi loại vũ khí hình thù quái dị có tính năng kinh khiếp nhất, rầm rộ rời Tha Hóa Tự Tại thiên, trực chỉ cõi trần, xuống khu rừng Uruvelā. Ác Ma thiên đi đầu, cỡi voi Girimekhala, hóa ra ngàn cánh tay đều cầm khí giới, với khuôn mặt dữ tợn cùng với mười đạo binh⁽¹⁾, vây quanh cội cây Assattha kéo dài mười hai do-tuần, bên trên hư không dày đặc chín do-tuần.

Chúng la hét vang rền, chấn động khắp các cõi.

Siddhattha suy nghĩ: “Những đạo quân ma vương phiền não sẽ tấn công ta. Nó sẽ tấn công toàn diện bằng những vũ khí cực kỳ lợi hại. Ta đã có sẵn ba mươi pháp hành Pāramī. Chúng sẽ là

⁽¹⁾ Mười loại vũ khí của mười đạo binh ma là tượng trưng cho mười loại phiền não sau đây: Tham dục (kama), bất mãn (arati), đói khát (khubipasa), ái dục (taṇhā), hôn trầm - thụy miên (thīna, middha), sợ hãi (bhayā), hoài nghi (viccikiccha), phỉ báng, cố chấp (kukkuha - thamha), lợi lộc, khen tặng, vinh dự, danh vọng (labha, siloka, sakkara, yasa), tự tán hỷ tha (attukkamsanaparavambhana).

những thuộc hạ thân tín mà ta đã dày công nuôi dưỡng trải qua vô số kiếp. Chúng chính là đội quân thiện chiến, bất khả chiến bại. Chúng sẽ bảo vệ ta một cách an toàn”.

Nghĩ thế xong, Siddhattha trú định, huy động sức mạnh cuộn cuộn của năng lực Pāramī tạo nên sự kiên định, vững vàng như đỉnh núi chúa Sineru. Kinh sử kể rằng, cuối cùng, Ác Ma thiên thất bại, quăng bỏ vũ khí chạy trốn về trời.

Mặt trời sắp lặn. Siddhattha ngắm nhìn quang cảnh một lát rồi trở lại lắng nghe dòng tâm đang trôi chảy an nhiên, tĩnh tại, trong sáng, chàng biết mình sẽ đi trọn đêm nay để thực nghiệm bài toán tâm linh đã có cách giải.

Lúc ấy là đêm mười bốn tháng Vesākha, theo lịch Ấn Độ, trùng với tháng tư Âm lịch.

11- Chứng Quả Vị Chánh Đẳng Giác

Đêm. Dòng sông Nerañjarā lấp lánh ánh trăng. Gió thổi rì rào xuyên qua rừng cây trầm mặc. Hương hoa cỏ dịu dàng, thoang thoảng giữa không gian.

Siddhattha sau khi chiến thắng nội ngoại ma, ngài ngồi yên tĩnh theo dõi hơi thở với tâm và trí hoàn toàn tỉnh thức và thanh khiết... Ngài tự nghĩ: “Đối với bát định tự ngàn xưa ta đã thuần thục. Tuy nhiên, phương pháp đi vào các định ấy có sự dẫn đạo mạnh mẽ của dục tham và sở đắc; do vậy, khi an trú các tầng định cao nhất thì bản ngã và tham ưu nó vẫn còn nằm ẩn ở đáy dưới dạng tiềm miên”. Rồi ngài chợt nhớ lại: “Thuở năm tuổi theo vương phụ dự lễ hạ điền, sau khi thấy cảnh đám giun quần quai đứt lìa dưới lưỡi cày của người nông phu, ta đã ngồi kiết-già yên tĩnh, để tâm thức trong sáng hồn nhiên của tuổi thơ mà ta đã vào định rất dễ dàng! Vậy thì sao ta không đi vào từ định này, tức là ly dục, ly sở đắc, ly bản ngã để đi vào các tầng thiền xem nó ra sao?”

Thế rồi Siddhattha cứ để tâm trong sáng hồn nhiên của tuổi

thơ, lát sau cả một khối thân tâm đã trở nên thuần nhất; không thấy trong, không thấy ngoài, không thấy ngã, không thấy ngã sở; chàng chỉ thấy hơi gió vào ra, càng lúc càng nhẹ, càng mỏng... Rồi dần dần, làn gió ấy chợt trở nên sáng trong... Siddhattha lần lượt đi vào sơ thiền, rồi nhị thiền, rồi tam thiền, rồi tứ thiền⁽¹⁾ một cách dễ dàng, dường như không có một gắng sức nào. Trú định một hồi, Siddhattha trở lại cận hành⁽²⁾, chàng suy nghĩ: “Phải rồi, đầu tiên đi vào định này không có các dục, bản ngã và sở đắc thì sau khi chứng đạt nó thì ta cũng với tâm giải thoát, không dính mắc nó”⁽³⁾. Với cảm nghiệm ấy, Siddhattha trú định trở lại, hoàn toàn vững chắc, kiên cố, chàng lại xuống cận hành, sử dụng tâm và tứ hướng tâm đến tiền kiếp. Chỉ mấy sát-na sau, Siddhattha lần lượt thấy rõ các kiếp sống quá khứ của mình. Từ một kiếp, hai kiếp, mười kiếp, hai mươi kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, trăm ngàn kiếp, kiếp quả đất, nhiều đại kiếp quả đất vô giới hạn... Chàng thấy rõ mỗi kiếp với hình ảnh, vóc dáng rõ ràng như vậy, dòng họ như vậy, tuổi tên như vậy, y báo, chánh báo như vậy, khổ vui như vậy, nghiệp đến đây như vậy, nghiệp ra đi như vậy.

Siddhattha xả thiền, lúc ấy chỉ vừa qua canh một. Thế là chàng đã chứng đắc Túc Mạng minh (Pubbenivāsānussatiññāṇa) khi mặt trăng từ hướng Đông mới lên đến đầu tàn cây Assattha.

⁽¹⁾ Sơ thiền gồm có 5 thiền là tầm, tứ, phi, lạc, nhất tâm; bỏ tầm tứ, chỉ còn phi, lạc, nhất tâm để vào nhị thiền; bỏ phi chỉ còn lạc và nhất tâm để đi vào tam thiền; bỏ lạc chỉ còn xả và nhất tâm để đi vào tứ thiền...

⁽²⁾ Ở trong định thì đang đóng cửa cả 6 căn, phải trở lại cận định, có tầm, có tứ, tức là có suy nghĩ và quan sát mới suy nghĩ được.

⁽³⁾ Do vậy, sau này khi mô tả lại định này, đức Phật nói: “Ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú thiền thứ nhất, trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ” - thì hoàn toàn khác với định truyền thống bà-la-môn là có dục tham và sở đắc. Sau này, khi trú thiền nào cũng với tâm giải thoát, không dính mắc - như đức Phật kể lại: “Ta chủ tâm giải thoát khỏi những tư tưởng tham ái, bất thiện và đạt được sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, nhưng những cảm giác hỷ lạc này không để lại dấu vết gì nơi tâm ta”.

Mim nụ cười vi diệu như nụ hoa hàm tiếu ở trong tâm, rồi không để uổng phí một sát-na nào, Siddhattha lại nhiếp niệm đi vào tứ thiên sắc giới, kiên trú định; trở lại cận hành, dùng tâm và tứ, hướng tâm đến sự sanh tử của chúng sanh. Thế rồi, như cuốn phim quay nhân quả hiển hiện rõ ràng trong nội tâm, chàng thấy sự đi về, tới lui, thấp hèn, cao thượng, xấu đẹp, khổ vui của tất cả chúng sanh từ quá khứ, hiện tại hay vị lai. Nếu thân, khẩu, ý hành ác thì rơi vào bốn cảnh khổ. Ngược lại, nếu thân, khẩu, ý hành thiện thì được sanh thú cõi người, cõi trời nào đó tương ứng với hành nghiệp ấy. Tiếp tục đi sâu, đi xa, theo dõi dòng nghiệp của chúng sanh, Siddhattha còn thấy được tâm hướng của từng chúng sanh một, với quả báo vị lai xa xăm cho đến hằng sa sinh diệt của quả địa cầu! Vậy là tất cả tác nhân, quả báo tạo nên sanh thú của tất cả chúng sanh đều được chàng nhìn thấy rõ như các đường chỉ trong lòng bàn tay của mình. Như thế là vào cuối canh hai, khi mặt trăng vừa chênh xé cội cây Assattha thì Siddhattha đã chứng đắc Thiên Nhân minh (Dibbacakkhuññāṇa)⁽¹⁾.

Trở lại tứ thiên, nuôi dưỡng phi lạc thâm sâu, trở lại cận hành, dùng tuệ quán chiếu, minh sát nội thân; Siddhattha thấy rõ rằng, chẳng còn một phiền não nào liên hệ đến ngũ trần (kāmasavakilesa), chẳng còn một phiền não nào liên hệ đến những chấp thủ ta, của ta, người và chúng sanh (diṭṭhāsavakilesa), chẳng còn một phiền não nào liên hệ đến những dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu (bhavāsavakilesa), chẳng còn một phiền não nào liên hệ đến si mê, vô minh (avijjāsavakilesa). Chàng thấy rõ biết rõ đây là khổ, đây là nguyên nhân khổ, đây là diệt khổ, và đây là con đường diệt khổ. Thế rồi, với tuệ giác vô nhiễm, rạng ngời, trong sáng như pha lê, Siddhattha thấy rõ gốc nguồn căn cội của mọi

⁽¹⁾ Là khả năng thấy tất cả kiếp sống sinh tử nên còn được gọi là *Sanh Tử minh* - Khác với Thiên Nhân thông là thấy xuyên qua tường và còn thấy rất nhiều thế giới...

khổ đau, phiền não là vô minh và ái dục. Khi thấy rõ toàn bộ sự vận hành duyên khởi ấy, tâm và tuệ của Siddhattha sáng trong như viên ngọc manī không tì vết. Chàng trú vào miền tĩnh lặng thâm sâu với sự hỷ hoan, lạc phúc như tràn đầy nội tâm và cả hư không giới. Như ai ăn người ấy no, như uống nước, nóng lạnh tự biết, Siddhattha chứng nghiệm được điều mà thế gian chưa từng ai chứng nghiệm. Sự sinh, sự diệt của từng sát-na duyên khởi vô ngã tính giải thích toàn bộ khối khổ đau, nguyên nhân của nó, và con đường dập tắt mọi ảo tưởng, ảo giác của chúng hữu tình. Khi ảo tưởng, ảo giác không còn thì những sanh niệm trôi lăn sẽ tự động chấm dứt. Sự chấp thủ các uẩn, các hữu chợt rã tan như những đốm hoa, không thực hữu khi có tuệ nhãn, trí thông, trí minh chiếu soi. Tất cả chúng đều hiện ra như chân như thực. Không có cái gì bị che kín. Không có cái gì bị mất đi. Không có cái gì là thường còn. Bất Tử là vậy. Giá trị hằng cửu và ý nghĩa tối thắng của cuộc đời này phải được lập cước từ cái thấy biết toàn diện và chơn chánh ấy.

Thế là vào canh cuối, trăng sắp lặn, sao mai vừa mọc, tháng Vesākha, dưới cội cây Assattha, bên sông Nerañjarā, gần tụ lạc Uruvelā, Siddhattha đã chứng đắc Lộ Tận minh, quả vị Đại A-la-hán, Chánh Đẳng Giác; lúc ấy chàng vừa đúng ba mươi lăm tuổi...

CHƯƠNG III

Gióng Trống Pháp Bất Tử

1- Bốn Mươi Chín Ngày Sau Khi Đắc Quả Phật

Như thế, chỉ vồn vện một đêm, khi tâm tuệ khởi đúng hướng là Siddhattha đã đắc quả vị Phật. Do vậy, giáo pháp vi diệu, sâu màu vừa chứng đạt còn cần phải chiêm nghiệm nên đức Phật Sakyā Siddhattha Gotama chưa vội đi đâu, ngài còn cần phải rà soát lại toàn bộ sự thấy biết ấy. Đây chính là thời gian mà ngài vừa thọ hưởng hạnh phúc siêu thế vừa làm cho hệ thống lại, chi tiết thêm cái kho tàng nội tâm vừa mới khám phá.

1.1- Bảy ngày thứ nhất.

Tại cội cây tuệ giác (Bodhirukkha), đức Phật Sakyā Gotama trú tâm vào hơi thở và lát sau, ngài nhẹ nhàng đi vào tứ thiền; rời tứ thiền, ngài lên bốn tầng thiền vô sắc; rời phi tưởng, phi phi tưởng, hai sát-na sau, ngài đi vào Diệt thọ tưởng định, yên lặng cảm giác và tri giác để nghỉ ngơi, tịnh dưỡng, thọ hưởng hạnh phúc siêu thế (Vimuttisukha). Bảy ngày qua đi nhưng thời gian chỉ như cái chớp mắt, đức Phật Sakyā Gotama xả định Diệt thọ tưởng, xuống các tầng thiền, sau đó chiếu soi, xem xét lại giáo pháp duyên khởi cả chiều xuôi và chiều nghịch. Chẳng có chỗ nào là không hiện ra một cách thông tỏ, minh bạch. “Khi nhân này có thì có quả này. Có sự phát sanh của nhân này thì có quả này phát sanh. Khi nhân này không có thì quả này không thể có mặt. Nếu nhân này chấm dứt thì quả này chấm dứt”. Đức Phật Sakyā Gotama vào đêm cuối của bảy ngày thứ nhất ấy, ngài thốt lên câu kệ cảm hứng ngử như một khúc ca khái hoàn:

“Quả thật là như vậy, chân lý đã hiển hiện minh nhiên trước tuệ nhãn thâm sâu của ta. Bao nhiêu hoài nghi, tối tăm đã được vén mở, phôi sạch. Toàn bộ khối đau khổ ta đã tìm thấy nguyên nhân và ta đã tận diệt chúng không còn dư tàn”.

1.2- Bảy ngày thứ hai.

Lúc vầng dương vừa ló dạng, đức Phật Sakyā Gotama xả thiền, bước ra xa chừng hai mươi tầm thốt nốt, hướng Đông Bắc, đứng nhìn cội cây ân nghĩa đã che sương đỡ nắng cho ngài. Thế rồi, đức Phật Sakyā Gotama đứng nhìn đăm đăm và bất động cội Bodhirukkha, không đổi oai nghi. Bảy lần nắng, bảy lần sương, bảy lần mặt trời mọc và lặn, bảy lần mặt trăng lên và xuống, ngài không chớp mắt, liên tục nuôi dưỡng những sát-na tâm tĩnh lặng, thanh bình. Ngài muốn để lại cho thế gian một bài học về hạnh tri ân.

1.3- Bảy ngày thứ ba.

Suốt nửa tháng, thấy đức Phật Sakyā Gotama cứ luẩn quẩn loanh quanh tại cội bồ-đề, một số chư thiên hoài nghi không biết ngài đã thật sự chứng đắc đạo quả hay chưa? Thấy rõ tâm ý ấy, đức Phật Sakyā Gotama đã dùng thần thông, tạo một con đường bằng ngọc (ratana camkamana) giữa hư không, từ chỗ ngài đứng đến cội bồ-đề, rồi đi kinh hành lui tới suốt cả bảy ngày trên ấy. Chưa thôi, ngài còn vận dụng một loại thần thông trao truyền tư tưởng cho chư thiên biết rằng, ngài là một bậc Chánh Đẳng Giác, có tuệ lực viên mãn, có pháp vô úy siêu việt, có trí biện thông vô ngại, có bốn vô lượng tâm, có ba mươi ba-la-mật, tròn đủ sáu thông, tám minh, mười lăm hạnh và còn nhiều hơn thế nữa. Hiểu xong, biết xong, thấy xong, chư thiên rất hoan hỷ tán thán không hết lời. Hoa mạn-thù cúng dường tung bay phát phối.

1.4- Bảy ngày thứ tư.

Đức Phật Sakyā Gotama dùng thần thông, kiến tạo một ngôi lầu bằng ngọc (ratanaghara) ở hướng Tây Bắc, tượng trưng cho ngôi lầu giáo pháp rồi ngài ngự ở trong ấy, quán chiếu, soi tỏ

những trạng thái sanh diệt của những sát-na tâm. Những dòng tâm đi qua mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Những dòng tâm dục giới, sắc giới, vô sắc giới và siêu thế giới. Sự diễn tiến, vận hành của danh sắc từ thô đến tế. Tuệ soi đến đâu là ngài thấy rõ đến đâu. Thế là suốt bảy ngày, đức Phật Sakyā Gotama đã phác thảo bố cục, nội dung, chi tiết toàn bộ tạng Abhidhamma. Trong khi tuệ đi sâu vào tâm để thấy những vi tế, phức tạp của những sát-na nhân duyên và duyên hệ (sau này là bộ Paṭṭhāna, tinh hoa của tạng Abhidhamma) cả thân và tâm đức Phật Sakyā Gotama trở nên sáng trong và tinh khiết, tỏa ra vòng hào quang sáu màu, đó là xanh dương (nīla), vàng (pīṭa), đỏ (lohita), trắng (odāta), cam (majjeṭṭha) và trộn lẫn năm màu thành màu thứ sáu (pabhassara).

1.5- Bảy ngày thứ năm.

Đức Phật Sakyā Gotama bước qua hướng Đông của cội bồ-đề, tọa thiền dưới bóng cây Ajapālanigrodha, thọ hưởng hạnh phúc vô vi, giải thoát. Vào ngày cuối, đức Phật nhiếp hoá một bà-la-môn kiêu căng, ngã mạn (hukumkajātika). Sau đó, còn một biến cố khác: Ba người con gái của Ma vương là Tāṇhā (tham ái), Aratī (tật đồ) và Rāga (dục ái) đã dùng đủ mọi cách để quyến rũ đức Phật Sakyā Gotama nhưng thất bại.

1.6- Bảy ngày thứ sáu.

Đức Phật Sakyā Gotama bước qua hướng Đông của cây Ajapālanigrodha, tọa thiền dưới bóng cây Muccalinda để chiêm cảm niềm vui siêu thế. Bất chợt, gió lạ thổi tới, mây đen vần vũ kéo đến, sấm chớp đi đùng nổi lên, rồi một trận mưa xối xả tới trời, tới đất phủ dập núi rừng.

Tại một cái hồ gần đấy, có một con rồng, mấy ngày hôm nay nó cảm thấy an lạc bởi năng lượng tâm của đức Phật nên nó bò đến quấn quanh kim thân đức Phật Sakyā Gotama bảy vòng, hóa ra bảy cái đầu như bảy cái tàn lọng vĩ đại, che kín, không để cho bất kỳ một hạt mưa nào xâm phạm, rơi đọng chéo y của ngài. Trận mưa thật là kinh hoàng và dai dẳng, suốt gần bảy ngày mới dứt. Sau khi trời trong, mây tan, gió lặng, rồng gỡ

mình ra, hóa thành một thanh niên, cung kính, năm vóc sát đất đánh lễ ngài. Đức Phật Sakyā Gotama tán thán công đức của rồng, sau đó, ngài dạy cho nó một bài kệ để tu tập.

1.7- Bảy ngày thứ bảy.

Đức Phật Sakyā Gotama bước đến bên phải cây Muccalinda, ngồi dưới tàn cây Rājāyatana, an nhập Diệt thọ tướng định...

Thế là suốt bốn mươi chín ngày, đức Phật Sakyā Gotama không ăn uống; ngài duy trì mạng sống, sức khỏe nhờ vào mâm vàng cơm sữa kỳ diệu. Cơ thể của ngài tuy có gầy ốm nhưng thần sắc vẫn tươi rạng, thần khí vẫn sung mãn do được nuôi dưỡng bởi pháp lạc của thiền, của quả, của giải thoát. Thời gian này, đức Phật Sakyā Gotama đã chiêm nghiệm, rà soát lại toàn bộ giáo pháp mà ngài đã kiếm tìm được, chứng ngộ được. Chúng vẹn toàn, châu biến, mỹ mãn chẳng đầu, chẳng giữa và chẳng cuối.

Hôm sau, có hai vị thương gia, tên là Tapussa và Bhallika; họ là hai anh em ruột, với năm trăm cỗ xe hàng hóa từ Ukkala trên đường đến sông Gaṅgā, theo lộ trình thiên lý trở lại quê nhà, đang dừng nghỉ dưới một cội cây gần đó. Có một vị thiên, kiếp trước là quyến thuộc của hai người ấy, muốn giúp cho họ tạo quả báu vi diệu nên hiện thân khuyên họ nên đến cúng dường vật thực cho vị Phật vừa đắc quả. Nghe vậy, với sự kính trọng vô biên và niềm hoan hỷ dạt dào, họ mang bánh sattva và madhu (bột rang và mật ong) đến cúng dường ngài.

Thấy đức Phật Sakyā Gotama không có gì để thọ nhận, Tứ đại thiên vương tức khắc hiện hình, dâng cho ngài bốn cái bát bằng đá của cõi trời. Ngài nhận cả bốn cái bát, sau đó, dùng thần thông nhập bốn cái làm một rồi thọ lãnh vật thực của hai vị thương gia.

Hai vị thương gia này như thế là trở thành đệ tử đầu tiên của đức Phật được quy y Nhị Bảo; họ còn có duyên phúc được đức Phật cho tám sợi tóc rồi ngài nói:

- Các ông vậy là có đại nhân duyên. Tám sợi tóc của Như Lai

không phải đơn giản. Sau này, lúc Như Lai nhập diệt rồi, ở xứ các ông sẽ thịnh hành giáo pháp diệt khổ nhiều ngàn năm⁽¹⁾.

2- Do Dự Gióng Trống Pháp

Rời cội cây Rājāyatana, đức Phật Sakyā Gotama kinh hành trở lại cội cây Ajapālanigrodha, an tịnh ngồi xuống, những ý nghĩ khác lại dậy khởi:

- Giáo pháp mà Như Lai đã chứng ngộ, quả thật là thậm thâm vi diệu, vắng lặng, cao siêu, tế nhị; lại ở ngoài phạm vi của lý luận, suy đoán, kiến thức và hiểu biết thường phàm. Và Niết-bàn là nơi từ bỏ mọi khát vọng, tiêu diệt mọi tham ái, luyến ái buộc ràng, cũng là một vấn đề ở ngoài thẩm quyền của trí năng thường nghiệm thì thế gian này lại càng bất khả. Thật là phí công vô ích! Thật là phí công vô ích!

Lát sau, những tư tưởng sau đây lại phát sanh đến ngài, như là sự đúc kết của mọi băn khoăn, do dự:

- Quả vậy, Như Lai đã khó khăn, gian lao vất vả lắm mới chứng ngộ được giáo pháp này. Nhưng giáo pháp ấy sâu kín quá, tế nhị quá, người còn mang nặng tham ái và sân hận thật không dễ gì thấu triệt. Chúng sanh bị bao trùm trong si mê và ái dục, tâm trí bị che phủ bởi đám mây đen kịt thì làm sao thấy được ánh sáng chân lý? Giáo pháp này lại đi ngược dòng đời nữa thì làm sao mà phổ biến giữa cuộc đời? Vậy ta với giáo pháp này hãy cùng Tịch diệt Niết-bàn luôn hay sao?

Đọc được ý nghĩ của đức Thế Tôn, Phạm thiên Sāhampati lại một lần nữa, xuất hiện và thỉnh nguyện rằng:

- Xin thưa với đức Thế Tôn! Kính thỉnh nguyện ngài hãy lên đường truyền giáo. Cầu xin đức Đại Bi hãy gióng trống pháp

⁽¹⁾ Hai thương gia này là người Myanmar, 8 sợi tóc sau này được thờ tại đại tháp Shwedagon, hiện nay là bảo vật, là niềm hãnh diện và vinh quang của đất nước Myanmar.

Bất Tử! Nếu giáo pháp nhiệm màu không được tuyên dương thì tam giới sẽ bị bốc cháy, thế gian sẽ bị diệt vong!

Thấy đức Phật vẫn trầm ngâm, yên lặng, Phạm thiên Sāhampati lại cung kính vập đầu, tha thiết, khẩn khoản:

- Xin Thế Tôn hãy vén tay mở rộng cửa Vô Sanh Bất Tử! Xin đức Thiện Thệ hãy cho phép chúng sanh được nghe một loại giáo pháp tinh thuần, vô nhiễm mà ngài đã chứng ngộ. Xin đấng Thoát Khổ hãy nhìn xuống chúng sanh đang chìm đắm trong đêm đen tăm tối mông trường. Xin ngài hãy hoan hỷ đứng lên và châu du hoằng pháp khắp thế gian. Xin ngài hãy gióng trống pháp Bất Tử! Xin Thế Tôn bi mẫn ban rải cam lồ pháp vũ!

Đức Phật Sakyā Gotama chậm rãi, điềm đạm nói với vị Phạm thiên nhiều trí tuệ và giàu tâm lượng, hiểu rằng: “Giáo pháp quá sâu mầu, vi diệu, tinh tế; lại đi ngược dòng đời, ngược dòng tham ái thì làm sao thuyết giảng lọt tai, lọt trí thế gian, khi chúng sanh vốn xem hạnh phúc là sự thỏa mãn dục trần?”

Thấy đức Đại Giác vẫn giữ tâm đại định không lay chuyển, Phạm thiên Sāhampati lại vập đầu cung thỉnh lần thứ hai, lần thứ ba. Đức Phật Sakyā Gotama tự nghĩ: “Tín ngưỡng Bà-la-môn xem vị Phạm thiên là thượng đế, là bậc hóa sanh chủ; bây giờ, vị Phạm thiên này, đã vì giáo pháp, vì chúng sanh mà thưa thỉnh ba lần đứng với truyền thống chư Phật ba đời, làm cho ta cũng phải xúc động chánh pháp!”

Lặng lẽ, tịnh định dùng thiên nhãn quan sát thế gian, đức Phật Sakyā Gotama thấy rõ rằng: “Chúng sanh có rất nhiều giống loại, nhiều căn cơ, nhiều tâm trí, nhiều trình độ dị đồng, sai khác. Có chúng sanh nhiều bụi cát trong mắt, có chúng sanh ít bụi cát trong mắt. Như trong cái đầm sen: Biết bao nhiêu là sen xanh, sen đỏ, sen trắng, sen vàng, sen hồng, sen tía nằm xen kẽ nhau, lẫn lộn trong nhau. Có cây đang còn ở trong bùn, chui rúc trong bùn; có cây vừa ra khỏi bùn, vươn mầm ở đáy hồ, sống thầm lặng dưới đáy hồ; có cây đang ở trong nước, cố vươn lên khỏi mặt nước để đón nhận ánh sáng mặt trời; có cây đã ở

trên mặt nước, bung những tàn lá to, xanh biếc, dập dờn trên mặt nước, đón nắng đón sương rồi bung những đóa hoa tinh khôi, kiêu diễm phụng hiến hương sắc cho thế gian mà chẳng dính một chút bùn nhơ”.

Chiêm nghiệm, liên tưởng như thế xong, đức Phật Sakyā Gotama tuyên bố như giọng sư vương giữa bình minh của kỷ nguyên mới:

“- Cửa vô sanh bất diệt đã mở cho muôn loại chúng sanh. Ai có tai để nghe, có mắt để thấy, có trí để thấu hiểu, hãy đặt trọn vẹn niềm tin tưởng”.

Thế là đức Phật Sakyā Gotama quyết định lên đường chuyển bánh xe pháp. Lúc ấy đã gần cuối mùa hạ, sắp đến mùa mưa, ngày mồng năm tháng sáu, năm 588 (năm Dậu) trước Tây lịch.

3- Gặp Lại Nhóm Đạo Sĩ Koṇḍañña

Chỉ còn non tháng nữa là mùa mưa đến, sông suối sẽ tràn bờ, những con đường đất sẽ lầy lội, ngập lụt trở ngại cho việc bộ hành từ phương này sang phương khác. Thời gian thuận tiện cho việc đi lại cũng chẳng còn bao lâu, ngài phải lên đường chuyển bánh xe pháp. Đức Phật hướng mặt về phía Đông Nam kinh thành Rājagaha, nghĩ đến đạo sư Ālāra Kālāma, là bậc thiện trí thức, nhiều kiến văn, căn cơ thông tuệ, đã lâu rồi sống không nhiễm bụi đời, chỉ còn rất ít bụi cát trong mắt, có thể là người đầu tiên, nghe được và tức khắc thấu hiểu giáo pháp Bất Từ này?

Một vị trời đọc được ý nghĩ của đức Phật, hiện ra, thưa rằng: “Bạch Thế Tôn, đạo sư Ālāra Kālāma đã từ bỏ cõi đời cách nay vừa đúng bảy ngày”. Đức Phật liền hướng tâm đến đạo sư Uddaka Rāmaputta. Vị trời cũng cho ngài biết là đáng đạo sư ấy cũng đã từ trần đêm hôm trước. Thế là họ không có duyên! Đức Phật liền hướng tâm đến nhóm 5 đạo sĩ Koṇḍañña, biết họ đang ở Lộc Uyển (Vườn Nai, Migadāya) gần Isipatana, cách Bārāṇasī

chùng một do-tuần, là những người có khả năng thấu hiểu giáo pháp Bất Tử.

Khi đang chậm rãi bước đi ven theo dãy núi Gayā thì đức Phật gặp một du sĩ thuộc phái Ājivika, tên là Upaka trên đường ngược chiều. Đức Phật hướng tâm, biết vị du sĩ này sẽ có duyên cho mai sau nên ngài đối thoại vài câu do ông ta tán thán ngài có sắc đẹp như Phạm thiên.

Đức Phật đã đến Vườn Nai. Trong khi năm đạo sĩ đang chuẩn bị tản mát mỗi người mỗi nơi để tu tập thì Koṇḍañña thoáng thấy một hình dáng quen thuộc đang chậm rãi bước vào khu vườn. Và với dáng đi thông dong, tự tại, trầm tĩnh như chúa sơn lâm kia thì còn ai xa lạ nữa! Ông đã nhận ra ngài. Koṇḍañña khẽ nói với các đạo sĩ:

- Này các bạn! Ông Gotama đang đi đến chỗ chúng ta. Kẻ thiếu cố gắng, không chịu bền chí con đường khổ hạnh, bỏ cuộc nửa chừng vì ham muốn lợi dưỡng kia thật không xứng đáng để cho chúng ta niềm nở đón tiếp. Nếu ông ta có đến thì chỉ nên dọn một chỗ ngồi, vậy là lịch sự lắm rồi!

Nói thì nói thế với khuôn mặt lạnh tanh, nhưng khi đức Phật Sakyā Gotama đến, với phong thái uy nghi và cốt cách thoát tục của ngài toát ra một năng lực phi phàm khiến cho họ không còn tự chủ được. Tất cả như đồng loạt: Người tiếp bát và y, người múc nước rửa chân, người dọn chỗ ngồi nơi sạch sẽ, cao ráo... Một vài đạo sĩ cất lời chào hỏi “hiền hữu, hiền giả” xen lẫn trong nhau vẫn với thái độ tôn kính như thuở nào.

Đức Phật liền khuyên cáo:

- Này các vị, từ rày về sau không nên gọi Như Lai bằng họ, bằng tên hay bằng những danh từ như hiền giả, hiền hữu (Āvuso) nữa. Như Lai hiện nay đã thấy giáo pháp Vô Sanh Bất Tử, đã đắc quả Chánh Đẳng Giác, là một vị Phật, là một đức Thế Tôn, là một bậc Toàn Giác.

Đạo sĩ Koṇḍañña không tin điều đó, ông nói:

- Quả vị Phật, quả vị Chánh Đẳng Giác là cao quý tột cùng,

nó là cái gì vô cùng thánh hạnh và vô cùng thiêng liêng. Do thế, quả vị ấy không có phần cho người thiếu tinh tấn, yếu đuối, bị ma vương cám dỗ để rơi vào đời sống lợi dưỡng thấp hèn.

Đức Phật lại cố gắng giải minh sự hiểu lầm trước đây:

- Nay các vị! Như Lai chưa bao giờ trở lại đời sống lợi dưỡng. Như Lai chỉ độ thực một cách chừng mực. Và Như Lai đã không ngừng cố gắng, tinh tấn, quyết tâm sau khi các vị ra đi. Nhờ vậy, hiện nay, Như Lai đã đắc quả vị Chánh Đẳng Giác, đây là sự thật.

Bốn đạo sĩ khác cũng không tin:

- Trước đây, thầy Gotama có một đời sống khổ hạnh vô cùng nghiêm túc, có một kỷ luật bền gan sắt thép, như kim cương chẻ đá, vậy mà không thành tựu được trí tuệ siêu phàm. Bây giờ, trở về với những bát sữa, với những mâm quả trái cây, những giấc ngủ ngon, những cuộc trò chuyện vô bổ, lại tuyên bố đắc đạo quả Vô Thượng, ngang hàng với chư Phật hay sao?

Đức Phật Sakyā Gotama đã nhẫn nại trình bày sự thật lần thứ hai, lần thứ ba nhưng năm người bạn đồng tu vẫn giữ nguyên thành kiến và sự cố chấp cố hữu, ngài bèn nghiêm nghị hỏi:

- Nay các vị! Từ trước đến nay, các vị đã từng nghe Như Lai nói điều không đúng sự thật lần nào chưa?

Họ đều gật đầu đáp:

- Điều ấy thì đúng, thầy Gotama nói điều gì đều y cứ sự thật.

- Và các vị đã có lần nào nghe Như Lai nói về sự chứng đắc, về quả vị Phật, về giáo pháp Vô Sanh Bất Tử như hôm nay hay chưa?

- Quả thật là chưa hề!

Sau khi xác nhận điều ấy, họ bất giác nhìn ngấm dung mạo, thái độ cử chỉ của đức Thế Tôn; ở đây dường như có sự định tĩnh của núi Tu-di, sự trầm lặng khôn dò của đáy biển sâu toát ra năng lượng sung mãn, đầy tràn của bậc giác ngộ. Lại còn hào quang sáu màu từng đôi một lung linh chập chờn như thực như hư, rồi trong suốt, tỏa ra một thứ ánh sáng vừa rực rỡ vừa dịu

dàng như mẹ của mặt trời, mặt trăng vậy!

Thấy tướng có thể biết được tâm, đạo sĩ Koṇḍañña vốn là nhà tướng pháp thông tuệ biết rõ điều ấy hơn ai hết, ông giật mình, quỳ xuống và sụp lạy: “Chúng tôi quả thật là ngu muội, xin ngài bi mẫn xá tội và ngài hãy tuyên giảng giáo pháp Bất Tử sâu mầu ấy!”

Cả bốn đạo sĩ cùng quỳ xuống với năm vóc sát đất vô cùng tôn kính và nhu thuận.

4- Kinh Chuyển Pháp Luân (Dhammacakkappa-Vattana Sutta)

Để cho năm vị đạo sĩ lựa thế ngồi cho thoải mái, đức Phật cất giọng phạm âm tuyệt hảo, bắt đầu thời pháp đầu tiên:

- Này các vị! Có hai cực đoan (antā) mà người cần cầu xuất ly vô thượng cần phải xa lánh, không nên hành trì. Một là đắm mình vào đời sống lợi dưỡng, mê si dục lạc ngũ trần thấp hèn, hạ liệt. Hai là kiên trì tu tập khổ hạnh ép xác vô ích, vô bổ, chỉ đem đến khổ đau và cái chết mà thôi.

Này các vị! Như Lai đã tránh xa hai cực đoan lợi dưỡng và khổ hạnh ấy; đã tìm ra con đường giữa, Trung Đạo. Đây mới chính là lộ trình xứng đáng của bậc thánh nhân; phát sanh tuệ nhãn, tuệ trí, dẫn đến sự an tịnh, thắng trí, Niết-bàn. Nó sẽ vén mở cho ta thấu triệt Bốn Sự Thật vĩnh cửu của đời sống, dẫn đến chứng ngộ mục đích rốt ráo, tối hậu của sa-môn hạnh.

Đức Phật vừa mới nhập đề bằng giọng nói trầm âm vi diệu, với lời, tiếng, câu cú trong sáng, chuẩn xác, bằng những ý tưởng và danh từ hoàn toàn mới lạ; cả năm vị đạo sĩ vốn có căn cơ sắc bén, thông tuệ nên biết rõ đây đúng là ngôn ngữ của bậc đạt ngộ, chúng chưa hề có trong bất kỳ một hệ thống tư tưởng triết học, tôn giáo nào xưa cũng như nay!

Thấy cả năm đạo sĩ đều chăm chú, nhất tâm vào thời pháp, đức Phật đi vào nội dung trọng yếu về Bốn Sự Thật vi diệu. Ngài

giảng nói cặn kẽ chân lý cao diệu thứ nhất về sự khổ (Khổ thánh đế); chân lý cao diệu thứ hai về nguyên nhân, nguồn gốc của sự khổ (Khổ Tập thánh đế); chân lý cao diệu thứ ba về sự diệt khổ (Khổ Diệt thánh đế); chân lý cao diệu thứ tư về con đường dẫn đến sự diệt khổ (Khổ Diệt Đạo thánh đế), chính là thánh đạo hợp đủ tám chi phần: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Này các vị! Tuệ nhãn, tuệ trí, tuệ giác, tuệ minh thấy rõ khổ, thấy rõ thực tánh khổ, thấy rõ tất cả khổ, thấu suốt toàn bộ khổ, ánh sáng trí tuệ xua vệt bóng tối của màn vô minh đã khởi sanh trong Như Lai. Nhờ vậy, Như Lai như chân, như thật tuyên bố rằng: Như Lai đã chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Giác trước các hàng sa-môn, bà-la-môn, nhân loại, chư thiên, ma vương, phạm thiên trong thế gian, thế giới này! Và đây là kiếp chót, là kiếp cuối cùng của Như Lai, không còn tái sanh luân hồi nữa.

Đức Phật thuyết xong bài pháp Chuyển Pháp Luân (vận chuyển bánh xe chân lý) này xong, năm vị đạo sĩ khổ hạnh vô cùng hoan hỷ một loại giáo pháp chưa từng được nghe. Riêng đạo sĩ Koṇḍañña chứng được Pháp nhãn xuất trần ly cấu, tức là đã đoạn lìa được một số phiền não, an trú quả vị Tu-đà-hoàn, ông đã thấy như chân như thật rằng: Pháp hành nào có sanh thì pháp hành ấy có diệt⁽¹⁾.

Đạo sĩ Koṇḍañña đã thấu suốt, thấy rõ, biết rõ căn bản Tứ Thánh đế, diệt tận mọi hoài nghi, chỉ còn tin Phật, tin Pháp chứ không còn tin tưởng vào nơi nào khác nữa. Vô cùng tri ân và vô cùng xúc động, đạo sĩ Koṇḍañña quỳ năm vóc sát đất: “Xin đức Thế Tôn cho đệ tử thọ giới tỳ-khuru và cho đệ tử được nương tựa”.

Đức Phật mỉm nụ cười chánh pháp:

- Hãy lại đây, này tỳ-khuru! Như Lai xác nhận là ông đã trở thành tỳ-khuru! Giáo pháp mà Như Lai đã khéo tuyên giảng, ông

⁽¹⁾ *Yamkiñcisamudayadhammaṃsabbamtaṃniroddhadhammaṃ.*

hãy cố gắng thọ trì, tinh tấn thực hành, hãy sống đời phạm hạnh thanh tịnh để đoạn tận khổ đau, chấm dứt sinh tử luân hồi⁽¹⁾. Thế là đạo sĩ Koṇḍañña từ đây được gọi là Aññāsi Koṇḍañña⁽²⁾. là vị tỳ-khuru đầu tiên trong giáo hội của đức Tôn Sư. Mấy hôm sau, cả bốn vị Vappa, Bhaddiya, Mahānāma và Assaji đồng đắc quả Tu-đà-hoàn, đều được đức Phật xác nhận họ đã là những vị tỳ-khuru.

Thế đến ngày hai mươi tháng Āsālha, cả năm vị tỳ-khuru đã mặc y áo tươm tất, tóc râu sạch sẽ bởi họ đã từ bỏ sự hành trì khổ hạnh và cả hình thức khổ hạnh. Họ đều đã có đức tin bất thối, và đang lần hồi bước những bước vững chắc trên đạo lộ Bất Tử.

5- Kinh Vô Ngã Tướng (Anattalakkhaṇa Sutta)

Hôm kia, một buổi chiều tạnh ráo, đứng vào ngày ba mươi tháng Āsālha, biết là cả năm vị tỳ-khuru đã chuẩn bị sẵn sàng tâm và trí, đức Phật gọi họ đến, quây quần dưới cội cây Assattha to lớn nhất trong vườn, rồi bắt đầu buổi thuyết pháp:

- Này chư vị tỳ-khuru! Đây là thời pháp nói về Vô ngã tướng, liên hệ thân và tâm của chúng sanh. Với những người có trí, nghe xong tức thấu hiểu, nghe xong tất có thể giải thoát mọi triền, mọi phược, mọi bộc, mọi lưu, mọi cấu, mọi uế... Chư vị hãy cố gắng lắng nghe!

- Dạ, thưa vâng, bạch đức Tôn Sư!

- Cái tạo nên thân tâm chúng ta, nếu nhìn ngẫm, minh sát cho kỹ thì thân ấy là sắc thân này; còn cái gọi là tâm, hay danh thì gồm có cảm giác, tri giác, tâm hành, và nhận thức⁽³⁾.

⁽¹⁾ *Ehi bhikkhu! Svākkhāto dhammo cara brāhmacariyaṃ sammā dukkhassa antaki riyāya).*

⁽²⁾ *A-nhã Kiền-trần-như, Kiền-trần-như đã chứng ngộ.*

⁽³⁾ *Sắc thân (rūpa, sắc), cảm giác (vedanā, thọ), tri giác (saññā, tưởng), tâm hành (saṅkhāra, hành) và nhận thức (viññāṇa, thức).*

Đầu tiên hãy quan sát cái sắc (rūpa), tức là cái thân có da, có thịt này; nó không phải là ta, là của ta, là tự ngã của ta. Không những chỉ có sắc này, mà bất cứ sắc nào trong quá khứ, hiện tại, vị lai, sắc bên trong hay bên ngoài, sắc thô tháo hay vi tế, sắc hạ liệt hay cao sang, sắc gần hay sắc xa, tất cả sắc ấy đều không phải ta, là của ta, là tự ngã của ta!

Điều này quả là mới mẻ đối với cả năm vị tỳ-khưu nên họ cúi đầu lắng nghe rất chăm chú và nghiêm túc.

Đức Phật giảng tiếp:

- Các cảm giác, cảm thọ cũng tương tự thế, này chư tỳ-khưu! Khi ta khó chịu, tê ngứa hoặc đau nhức (khổ) ta cũng không làm chủ được, ta cũng không thể bảo nó đừng ngứa, đừng tê, đừng đau nhức! Khi có những cảm thọ dễ chịu, hân hoan, thích thú (lạc) cũng tương tự vậy; cho chí cảm thọ quá khứ, hiện tại, vị lai; cảm thọ thô tháo hay vi tế, cảm thọ bên trong hay bên ngoài, gần hay xa, hạ liệt hay cao sang; tất cả chúng đều không phải ta, là của ta, là tự ngã của ta!

Sau khi nói về sắc thân, cảm thọ; cũng y như thế, đức Phật giảng thêm về tri giác (tưởng), tâm hành (hành) và nhận thức (thức) không phải ta, tự ngã của ta⁽¹⁾. Tất cả chúng, ngũ uẩn ấy là năm bộ phận riêng lẻ kết hợp nên cái gọi là chúng sanh, một hữu tình, chẳng có cái ta nào, cái ngã nào (atta, atman) ở đây cả, có phải thế chẳng? Chúng trôi chảy, thay đổi, biến dịch; vậy thì chúng là thường (nicca) hay vô thường (anicca)?

Cả năm đạo sĩ đều trả lời là chúng vô thường!

Đức Phật kết luận:

- Đã là vô thường thì tất thấy chúng đều là dukkha, dukkha không chỉ là khổ theo nghĩa thông tục mà còn bao hàm tất cả khổ, tất cả lạc; chúng có đó rồi không đó, bất toàn, rỗng không, chẳng an lập được, mà cũng chẳng thể thủ đắc được. Chúng như ảo ảnh giữa sa mạc, như bọt nước, như ảo giác, như giấc

⁽¹⁾ *Etam mama, eso 'ham'asmi, eso me attā'ti!*

mộng đêm qua, như trò huyền thuật.

Đức Phật thuyết giáo pháp Vô Ngã Tướng xong, năm vị tỳ-khưu đồng quỳ xuống sụp lạy, vô cùng hoan hỷ. Tâm và trí họ đã trở nên sáng suốt, thanh tịnh, đã viễn ly mọi nhiễm ô, đã lìa thoát mọi chấp thủ ngũ uẩn. Họ đã đắc quả vị A-la-hán, đã giải thoát, đã thấy rõ Niết-bàn!

Ngay giây phút ấy, quả địa cầu rung động; và chư thiên, phạm thiên các cõi đã tán thán, ca tụng, làm chứng nhân cho rằng là đã có năm vị tỳ-khưu, năm bậc thánh A-la-hán đã xuất sinh trên châu Diêm-phù-đề này! Là những Thánh đệ tử, được xem là nền tảng vững chắc cho giáo hội đầu tiên của đức Tôn Sư vậy.

CHƯƠNG IV

Từ Hạ Thứ Nhất Đến Hạ Hai Mươi

1- Mùa An Cư Đầu Tiên (587 tr. TL.)

1.1- Hoá Độ Công Tử Yasa Cùng 54 Thiện Hữu

Tại kinh thành Bārāṇasī có một đại thương gia hào phú, làm chủ một nghiệp đoàn buôn bán tơ lụa. Công tử Yasa là con trai duy nhất, được gia đình vị triệu phú xem như ngọc, như ngà, được cung chiều từ thuở ấu thơ. Sống đời hưởng thụ không thua gì đế vương nhưng Yasa thường không được vui, chàng luôn ưu tư và sầu muộn. Hôm kia, nửa đêm thức giấc, sau cuộc truy hoan mệt mỏi, nhìn đám hầu thiếp và vũ công, ca nhi xiêm áo trễ tràng, phấn hương nhể nhại, nằm ngủ li bì, thở ngáy, nước dãi... trông thật đáng ghê tởm. Sợ hãi, chán ngán tột cùng, Yasa không kịp thay áo ngủ, chỉ xỏ vội chân vào đôi hài thêu chỉ vàng, mở cửa trốn đi như trốn một ám ảnh xấu xa, một ngục tù của dục lạc. Yasa bước đi trong cơn mê sảng, miệng không ngớt lầm nhảm: “Ôi! khốn nạn thay cho tôi! Bi khổ thay cho tôi! Ghê sợ thay cho tôi! Bẩn thỉu thay cho tôi!” Yasa cứ mãi miết lầm nhảm và cứ bước đi không định hướng.

Hạnh phúc và duyên lành thay cho Yasa, vào cuối canh ba, tâm trạng rối ren, chán chường và những bước chân lang thang của chàng lọt vào tầm võng lưới hướng tâm của đức Phật; và ngài còn thấy rõ, chàng là một duyên lành không những cho bản thân mình mà còn trợ duyên cho những bước đi của giáo pháp vào buổi đầu.

Nghe tiếng ta thán lầm nhảm của Yasa, đức Phật cất tiếng nói:

- Này Yasa! Này con! Ở nơi này không có khổ nạn, không có bi khổ, không có điều gì đáng phải ghê sợ và bản thiù phải xa lánh! Này Yasa! Này con! Hãy đến đây, và hãy ngồi xuống đây, Như Lai sẽ nói chuyện với con!

Như một hồi chuông tỉnh thức, Yasa bàng hoàng như vừa rời khỏi một giấc mê dài. Ra khỏi rừng cây, xa xa thấp thoáng bóng một vị sa-môn giữa sương mù. Yasa nhẹ nhẹ cởi đôi hài, quăng bỏ bên vệ đường rồi đi chân đất, dè dặt lần bước tới... Đức Phật mỉm cười chỉ tay vào một tảng đá:

- Hãy ngồi xuống đây, Yasa, rồi con sẽ được ném thưởng hương vị của sự an lành, thanh tịnh và những niềm vui vô nhiễm.

Rồi bằng giọng phạm âm, với trí tuệ phương tiện dịu dàng, phong phú, quảng bác và sâu nhiệm, đức Phật từ từ, từng câu, từng chữ, từng ngữ nghĩa dịu dặt tâm và trí Yasa bước vào cõi pháp xán lạn và quang vinh. Thế là, như hằng triệu đêm hư vô, tăm tối được vén mở, Yasa đắc Pháp nhãn, đã có lòng tịnh tín, bất động với con đường, đã xuôi vào dòng chảy thanh bình, an lạc. Vừa tri ân, vừa xúc động, Yasa quỳ mọp ôm bàn chân của đức Phật, nghẹn ngào không nói nên lời.

Sau khi cứu độ Yasa, đức Phật còn đưa ông trưởng giả, phu nhân và vợ của Yasa vào dòng thánh và họ là những cư sĩ đầu tiên quy y Tam Bảo.

Ít hôm sau, sự kiện Yasa xuất gia, bây giờ đã đắc quả A-la-hán, đi theo đoàn sa-môn là một chấn động lớn làm cho cả thành phố Bārāṇasī xôn xao, dư luận bàn tán sâu rộng nhất là trong thành phần trí thức. Chính tác động ấy tạo nên sự tò mò, cuốn hút bốn vị công tử các gia đình thương gia danh giá, giàu sang khác: Đó là Vimāla, Subāhu, Puṇṇāji và Gavampati là bạn thân của Yasa, họ đã tìm đến Lộc Uyển để hỏi đạo. Rồi sau thời pháp vi diệu, cả bốn công tử đều đắc quả A-la-hán, thọ giới tỳ-khưu, theo chân đoàn sa-môn khát sĩ không trở về thăm gia đình nữa! Chưa hết, năm mươi thân hữu khác của năm vị đều là thành phần ưu tú, trí thức ở rải rác trong thành phố và các vùng

phụ cận, nghe tin lạ lùng, kẻ sau, người trước tìm đến, rồi họ cũng đắc quả A-la-hán, trở thành tỳ-khưu chẳng màng đời sống ngũ dục, gia đình và sự nghiệp thế gian!

1.2- Hãy Ra Đi Như Những Cánh Chim Trời Tự Do

Những lều tre, mái lá lau sậy cũng chống đỡ nổi qua suốt mùa mưa khắc nghiệt. Cuối tháng chín, các lối đi đầy đỏ đã tạm thời khô ráo. Hội chúng trí thức của đức Phật nhờ thẩm nhuần giáo pháp, tâm mát, sung mãn niềm vui siêu thế nên tâm hồn phơi phới, thanh thoát, đôi vị thốt lên những cảm hứng ngữ xuất thần, những câu kệ thơ thanh bình, vi diệu.

Biết đã đến thời củng cố thêm phương tiện trí trên con đường hoằng pháp nhiều khê mai hậu, đức Phật lại cho tụ họp hội chúng, thuyết thêm nhiều thời pháp quan trọng nữa. Và sau rốt là nói đến bốn phận và trách nhiệm của mỗi người. Nhờ đều là thành phần ưu tú nên họ nắm bắt rất nhanh. Để kết luận, đức Phật cất giọng như tiếng sấm gióng giữa trời mưa:

“- Này các thầy tỳ-khưu! Như Lai và các thầy đã thoát khỏi tất thảy mọi trói buộc, dầu ở cảnh người hay ở cảnh trời. Bây giờ, tất cả chúng ta hãy ra đi như những cánh chim trời tự do!

Hãy ra đi! Hãy bay qua sông dài biển rộng! Hãy lên đường vì lòng từ bi! Hãy mang lại sự tốt đẹp, sự lợi ích, an vui và hạnh phúc cho chư thiên và loài người. Mỗi người hãy đi mỗi ngã, đừng đi chung nhau! Hãy tùy duyên mà truyền bá chánh pháp! Hãy tùy căn cơ mà hoá độ chúng sanh. Giáo pháp của Như Lai các thầy đã chứng đạt, nó toàn hảo ở đoạn đầu (sơ thiện), toàn hảo ở đoạn giữa (trung thiện), toàn hảo ở đoạn cuối (hậu thiện) và toàn hảo cả ý nghĩa và ngôn ngữ nữa. Hãy công bố đời sống phạm hạnh thiêng liêng vừa toàn thiện vừa trong sạch cho chúng sanh hữu duyên.

Hãy ra đi! Này các thầy tỳ-khưu! Hãy phát cao ngọn cờ muṇḍa! Hãy phát lên ngọn cờ của bậc thiện trí!”

Như vậy là đức Phật đã gởi đi tám mác khắp bốn phương sáu mươi vị thánh tăng A-la-hán, là những sứ giả đầu tiên với tâm, tuệ giải thoát toàn bích nhất vì những giá trị tinh thần thiêng liêng và cao cả. Đây là vào năm 587 trước Tây lịch, nhằm ngày 16 tháng mười Âm lịch.

Có ai biết rằng, những dấu chân vô danh đầu tiên này, là những dấu chân vĩ đại nhất trong lịch sử tôn giáo, tư tưởng, lịch sử văn hóa và văn minh của nhân loại!

1.3- Hoá Độ 30 Vị Vương Tử

Lộc Uyển đã vắng lặng, chỉ còn một số ít vị rời chân muện, đức Phật nhắm hướng Đông Nam cất bước. Xế trưa, khi khát thực vừa đủ dùng, đức Phật bỏ đường lớn, đi vào con đường nhỏ dẫn đến khu rừng Kappāsīya với cả một rừng hoa Kadamba màu cam nghệ rực rỡ đang nở rộ. Đức Phật ngồi nghỉ một lát, hít thở khí trời trong lành, thơm hương rồi thanh thân độ thực.

Rửa bát, úp bát trên một tảng đá cạnh suối, đức Phật đi kinh hành qua lại rồi tọa thiền nghỉ ngơi. Ngay khi ấy, một toán thanh niên trẻ trung, phục sức sang trọng, quý phái cả nam lẫn nữ, có cả một số trẻ em, bọn gia nhân hầu hạ, mang theo lều trại, các loại nhạc cụ đi ngang qua.

Thấy một sa-môn tĩnh tại dưới gốc cây, một thanh niên tách đoàn bước tới, lễ độ chấp tay hỏi:

- Thưa ngài sa-môn! Ngài có thấy một cô gái, một kỹ nữ, đi ngang qua đây không?

Họ là ba mươi vị vương tử, là hoàng thân, là con của các bà thứ phi của đức vua Mahākosala, đều là hoàng đệ của đức vua Pāsenadi nước Kosala, thủ đô là Sāvatthi. Đức vua Pāsenadi xuất thân xuất sắc tại đại học Takkaṣilā, có tài, có đức; sau khi lên ngôi đã đối xử với các hoàng đệ rất tốt, ai cũng có lãnh địa, tài sản, chức vị tại triều đình hay các tổng trấn. Cả đức và tài của ông ta trùm lấp tất cả nên sinh ra độc đoán, chuyên quyền.

Các vị hoàng thân cảm thấy sở tài, sở học của mình không biết dùng vào đâu nên sinh ra buồn chán. Thỉnh thoảng, họ lại gặp nhau, ngoạn du sông núi, tìm vui nơi khách điểm, lữ đình, tửu quán, lời ca tiếng nhạc để giải khuây. Lần này, đã cùng với vợ con chơi chán ở kinh thành Bārāṇasī hoa lệ, họ ghé thăm khu rừng này. Trong bọn, có một vị hoàng thân còn trẻ, chưa có vợ nên dẫn theo một cô kỹ nữ. Trưa nay, lúc mọi người đang nghỉ ngơi đây đó giữa rừng hoa, cô kỹ nữ cuồn tất cả vàng bạc, tư trang rồi trốn đi mất. Họ chia nhau đi tìm, đến ngang đây thì gặp đức Phật.

Quán nhân duyên những vị vương tử này có trình độ học thức, có khả năng thấu hiểu giáo pháp nhanh chóng nên khi vị hoàng thân hỏi tìm tông tích người kỹ nữ, đức Phật mỉm cười:

- Nay hỡi chư vị vương tử quý phái, cao sang! Chư vị nghĩ thế nào? Đi tìm một cô con gái có tâm địa xấu xa là tốt hơn, hay đi tìm chính mình, tìm cho ra “con người thực” của mình tốt hơn?

Nhìn tướng mạo như rồng, như phượng của vị sa-môn trẻ, với nụ cười tỏa sáng, thể ngồi tự tại, phong cách điềm đạm, ngôn lời có cánh có lửa nên họ từ từ, lặng lẽ ngồi xuống xung quanh! Cả đời, họ chưa hề nghe được một câu nói lạ lùng như thế: “Đi tìm con người thực của mình!”

Thế rồi, đức Phật đi từ kinh điển Vệ-đà, từ thế giới Māyā huyền hoá để khai mở về dukkha, nguyên nhân của dukkha, sự diệt tận dukkha và con đường dẫn đến sự chấm dứt tất cả dukkha. Bằng cách xảo diệu và thiện thuyết như vậy, đức Phật chậm rãi giảng nói Tứ Diệu Đế một cách khác làm cho ba mươi vị hoàng thân thấm đẫm hương vị của pháp mầu, hỷ lạc dâng đầy từng chân tơ kẽ tóc, len tận từng ngõ ngách của tế bào, tâm niệm. Họ đã chứng quả Tu-đà-hoàn, mọi nghi nan tiêu sạch, một chân trời rộng mở, thanh sáng và cao đẹp.

Suốt buổi chiều, đức Phật lại thuyết thêm, căn kẽ về con đường, căn kẽ cả những chi tiết. Ngài cũng mở rộng cho họ thấy

rõ các cảnh giới cùng nhân quả nghiệp báo của chúng sanh. Càng nghe họ càng thâm tín đức Phật và giáo pháp. Vị niên trưởng đắc quả A-na-hàm, thêm hai mươi tám vị nữa đắc quả Tư-đà-hàm; riêng vị trẻ cặp bồ cô kỹ nữ không tiến bộ thêm!

Cả ba mươi vị vương tử đồng xin xuất gia, đức Phật chấp thuận. Sau đó, với râu tóc sạch sẽ, với chiếc bát xin ăn, với màu y vàng đất, cả ba mươi vị vương tử dường như đã thoát xác, đã biến thành ba mươi vị sa-môn với phẩm mạo, tăng tướng đẹp đẽ, tươi sáng. Quý bên chân Phật, sau khi đọc xong ba lần Tam quy, cả ba mươi vị đồng đắc quả A-la-hán.

Ở lại khu rừng Kappāsīya mấy hôm, đức Phật ân cần tứ giáo các vị thánh tăng bốn bài pháp quan trọng nữa, sau đó, khuyên họ ra đi, đến miền Pāvāya, thuộc lãnh thổ Kosala để hoằng hóa lợi sanh. Ba mươi vị sa-môn này, sau được gọi là nhóm tỳ-khưu Pāvāya. Thế là giáo hội độc thân của đức Tôn Sư lại có thêm ba mươi nhân tố ưu tú nữa, thành chín mươi vị sứ giả truyền giáo lỗi lạc.

1.4- Nhiếp Hoá 3 Anh Em Đạo Sĩ Kassapa

Dòng họ Kassapa có ba anh em cùng xuất gia theo giáo phái truyền thống. Họ để tóc dài, thắt bím, tu khổ hạnh và thờ thần lửa Agni. Người anh trưởng vì ở tại tụ lạc Uruvelā (Ưu-lâu-tần-loa) nên gọi là Uruvelā-Kassapa, ông có năm trăm đệ tử. Vị kế dựng đạo tràng ở ven sông (nadī) nên gọi là Nadī-Kassapa, ông có ba trăm đệ tử. Người em út thì chọn sườn núi Gayā, thiết lập cơ sở học tu nên gọi Gayā-Kassapa, ông có hai trăm đệ tử. Uruvelā-Kassapa rất uy tín, được hai em hết lòng quy thuận; và chúng đệ tử, tín đồ sùng mộ như một vị thần! Từ đó tiếng tăm của họ vang dội đến cả kinh thành Rājagaha.

Hôm ấy, từ già rừng hoa Kadamba, đức Phật thông dong nhắm hướng Đông Nam để trở lại Uruvelā. Tại đây, sau khi thăm viếng cội cây giác ngộ, gia đình Senānī, nàng Sujātā, cô

bé Punṇā, cháu bé Yasa⁽¹⁾ và cả Sotthiya, đức Phật tìm đến am thất của đạo sĩ Uruvelā-Kassapa khi trời vừa tối.

Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa ân cần chỉ cho ngài rửa chân nơi ghè nước rồi mời vào liêu thất, bên cạnh đồng lửa ấm để đàm đạo.

Đức Phật khá ngạc nhiên về tầm kiến văn sâu rộng của vị đạo sĩ về Vệ-đà, về sáu phái trong và ngoài truyền thống. Đạo sĩ lại càng ngạc nhiên hơn nữa về kiến thức thông tuệ, trí năng uyên bác của đức Phật. Vậy là, sau cuộc đàm đạo, đạo sĩ Uruvelā-Kassapa bàng hoàng cả người, tâm trí dường như mất hết khí lực: Ông vừa tiếp chuyện một người có kiến thức bậc thầy!

Thấy đã khuya, đức Phật cáo lui, xin được tá túc tại hoả viện. Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa nói là ở đây hiện đang có một con rắn lớn (rồng) rất nguy hiểm. Đức Phật bảo không sao, đã có cách tự bảo vệ an toàn cho mình!

Đạo sĩ đành chấp thuận nhưng cứ dặn đi dặn lại rất kỹ càng.

Mới đến cửa hoả viện, đức Phật cảm nhận mùi tanh từ trong các kệ thờ thoảng ra. Bình tĩnh như không, đức Phật xếp y ngoại làm bốn, lựa tìm chỗ ngồi rồi trú định tâm từ. Một lát, quả nhiên, con rắn rất lớn bò ra, phun phè phè cái nọc đỏ hỏn về phía đức Phật, chưa thôi, nó lại còn phun lửa và khói mù mịt nữa! Đức Phật vẫn ngồi yên, làn khí tâm từ như một bức tường thành phalê bao quanh ngài như một quả cầu, bất khả xâm phạm. Khói, lửa, nọc độc và sự hung tợn của rắn càng lúc càng yếu đi, nó thấy năng lực của nó bị chìm hút vào chỗ rỗng không và cơ thể nó càng lúc càng rã rời.

Bây giờ đức Phật mới thuyết pháp, nói là do ác ý, hung dữ và mê si nên đoạ vào cảnh giới súc sanh rắn rít, vậy nên phải sống đời vô hại để tự cứu độ mình. Rắn gục đầu quy phục, đức Phật đưa tay xoa đầu rắn, biến thành con rắn nhỏ, bỏ vào bình bát rồi ngài ngồi tịnh dưỡng suốt đêm.

⁽¹⁾ Đứa bé cầu nguyện thân linh, sau này xuất gia, đắc quả A-la-hán. Nàng Sujātā và vợ của Yasa sau này đắc quả Nhập Lưu.

Sáng ngày, vừa ra khỏi hỏa viện, đức Phật thấy đạo sĩ Uruvelā-Kassapa và chúng đồ đứng đầy cả sân trước. Họ ái ngại, lo sợ ngài đã bị rắn thần giết hại rồi! Khi thấy vị sa-môn vô sự, họ thở phào nhẹ nhõm!

Đức Phật thò tay vào bình bát, bắt con rắn nhỏ bỏ xuống bên chân, thả lại thần thông. Con rắn nhỏ từ từ lớn ra, hoàn lại thân cũ, to bằng cột nhà, dài hơn mấy đòn gánh, nằm khoanh tròn lễ độ dưới chân đức Phật. Lát sau, con rắn nghe lời ngài nên nó ngoan ngoãn lặng lẽ bò vào rừng sâu. Mọi người nín thở chứng kiến sự việc hy hữu và thần lực kinh dị của vị sa-môn. Riêng đạo sĩ Uruvelā-Kassapa rất cảm phục, tán thán không hết lời, nhưng ông lại nghĩ: “Dầu sao, người tuổi trẻ này cũng chưa đắc quả A-la-hán!”

Hôm sau, đạo sĩ Uruvelā-Kassapa tìm đến đức Phật, ông nói rất nhiều về triết hệ Yoga và Vedantā! Nói về gốc nguồn đau khổ là do dục vọng, do vậy phải tu khổ hạnh khắc kỷ. Nói đến giới luật của bậc thánh. Nói đến cách thức niệm “aum”, là âm ba linh thiêng của vũ trụ. Nói về tu tập Yoga để hoà nhập vào đại ngã, vào Phạm Thể tối cao.

Đức Phật vẫn im lặng.

Lát sau đạo sĩ Uruvelā-Kassapa lại nói về lửa, lửa là sự sống, nguyên ủy của sự sống do thần Agni ban cho con người. Cho chí lúc chết, lửa bốc lên và linh hồn của con người cũng được bốc lên để về với thượng đế Rāma.

Đức Phật bây giờ mới nói:

- Không chỉ có lửa bốc lên, mà đất, nước, gió chúng cũng bốc lên đấy!

- Hiền giả nói sao nghe lạ kỳ!

- Là sự thật đấy! Hãy quan sát một làn khói! Trong làn lửa khói bốc lên ấy, có lẫn lộn bụi, tàn tro, ấy là đất! Trong ấy có sự chuyển động, rung động, ấy là gió! Trong ấy có hơi, bụi dính, ấy là nước!

Đạo sĩ cảm nhận sự thật, ngẫm ngợi một lát rồi nói:

- Vậy thì, cả 1549 bài tế ca, thánh ca tế thần lửa đều có nội dung chung nhất, đây là thần Agni đốt cháy tất thảy mọi dơ uế để cho linh hồn được siêu sanh, chẳng lẽ lại sai?

Đức Phật mỉm cười:

- Vậy thì tôn giả khổ hạnh diệt dục, giữ giới luật bậc thánh, trang bị vững chắc tư tưởng Vedantā và niệm “aum” linh thánh, tu tập Yoga để làm gì nhỉ? Chỉ cần “một mồi lửa” là xong ngay!

Đạo sĩ rừng mình lạnh gáy.

Đêm thứ hai, đêm thứ ba tại hỏa viện, khuya, Tứ đại thiên vương, Đế Thích, Phạm thiên Sāhampati đến đánh lễ Phật, nghe pháp, sau đó đứng hầu bốn góc, hào quang sáng rực cả một vùng. Họ muốn đóng góp một chút uy lực để đức Phật dễ dàng thâm phục nhóm đạo sĩ tóc bện!

Quả nhiên, cả rừng đạo sĩ lao xao, bàn tán, họ biết ánh sáng kỳ lạ từ hỏa viện, nơi vị sa-môn trẻ đang tạm cư! Trời vừa sáng, đạo sĩ Uruvelā-Kassapa cùng với đệ tử lại đến vấn an, tỏ vẻ thắc mắc hào quang đêm qua.

Đức Phật nói thật:

- Đây là Tứ đại thiên vương, thiên chủ Đế Thích, Đại phạm thiên xuống đánh lễ, nghe pháp rồi họ đứng hầu suốt đêm.

Họ thất kinh. Họ biết vị sa-môn này không nói dối.

Hôm ấy, đạo sĩ Uruvelā-Kassapa lại tìm đến chỗ đức Phật; và họ lại ngồi đàm đạo trên một tảng đá ven hồ có hoa sen, hoa súng.

Đạo sĩ tiếp tục câu chuyện hôm qua.

Biết đầu óc của đạo sĩ với nhiều ý nghĩ đang lao xao và cũng đang bị xoay chuyển, đức Phật dịu ông mấy bước đến cạnh mép hồ.

- Tôn giả hãy nhìn xem! Đức Phật đưa tay chỉ - Những bông sen bông súng kia đẹp dường bao! Tuy nhiên, chúng cũng chỉ là đất nước lửa gió thôi! Phải nói là hàm tàng ở trong, chúng có đầy đủ: Mặt trời, mặt trăng, các vì tinh tú, nắng mưa, ngày đêm, sáng chiều, các từ, các lực giữa vạn hữu... cộng thêm cái thấy, cái suy nghĩ của tôi và tôn giả nữa! Thiếu một hạt bụi, một giọt

sương, một ý niệm của chúng ta về chúng, chúng không hiện hữu!

Đạo sĩ rúng động cả toàn thân vì đức Phật đã nói ra sự thật duyên sinh, duyên khởi tâm, vật rất cụ thể, sống động. Thế rồi, qua cuộc đàm đạo cuối cùng, đức Phật phủ bác hầu như toàn bộ về quan niệm thượng đế, về khổ hạnh diệt dục, về tế thần lửa, về niệm “aum” linh thánh, về giới luật bậc thánh, về trình tự tu tập của Yoga để hoà nhập với đại ngã. Tuy nhiên, đến thời pháp rốt ráo, nói về Tứ Diệu Đế thì tâm, tuệ của Uruvelā-Kassapa mới bừng sáng: Vô minh diệt, minh hiện, đạo sĩ như thức tỉnh sau một triệu kiếp hư vô, chỉ trong mấy sát-na, ông đắc luôn quả vị A-la-hán và các thần thông. Quý năm vóc sát đất, đạo sĩ đánh lễ đức Phật với sự tri ân dạt dào:

- Với kiến thức siêu quần bạt tụy, với biện giải minh nhiên vô ngại, với trí tuệ quảng bác vô tỉ, với thần thông vô biên siêu thế, ngài đúng là một vị Phật, một đức Chánh Đẳng Giác muôn triệu năm mới có một lần! Đệ tử bây giờ mới biết rõ, thấy rõ như vậy! Xin Thế Tôn cho đệ tử được sám hối bởi những mạo phạm vô ý hoặc do ngu si không thấy, không biết trước đây!

Đức Phật mỉm nụ tiểu sinh tâm rồi sử dụng liên tiếp ba loại hào quang để nhiếp phục luôn hội chúng quanh đây. Đầu tiên là hào quang sáng dịu, thanh trong như phạm thiên Sahampati nhưng lớn rộng hơn nhiều, bao trùm cả khu rừng. Tiếp theo, hào quang kia chợt chuyển màu, lung linh sáu sắc, chập chờn chuyển động, uốn lượn như sáu con giao long. Cuối cùng, hào quang thu nhỏ lại dần, bao tròn xung quanh ngài như một quả cầu pha-lê.

Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa xin xuất gia tỳ-khưu. Đức Phật bảo ông đọc ba lần tam quy như là nghi thức, sau đó nói rằng, ông đã là một vị tỳ-khưu chơn chính, giáo pháp trong tâm ông đã có đủ, hãy sống đời phạm hạnh thiêng liêng để đem đến hạnh phúc cho chư thiên và loài người!

Khi đức Phật và vị tân A-la-hán bước ra hiên thì đèn đuốc sáng rực cả rừng, mấy trăm đạo sĩ đứng ngồi lở nhổ. Chính oai

lực thần thông phóng ba loại hào quang của đức Phật đã hấp dẫn họ đến đây.

Thế là một cuộc chuyển hóa vĩ đại xảy ra ở bên sông Nerañjarā: Năm trăm đạo sĩ râu tóc sạch sẽ được đức Phật cho làm lễ xuất gia tỳ-khưu. Họ đồng quỳ xuống bên sau tân tỳ-khưu Uruvelā-Kassapa đọc ba lần câu Tam quy vang động cả một vùng sông nước, khí thế bốc chín tầng mây:

“-Buddham saranam gacchāmi.

Dhammam saranam gacchāmi.

Saṅgham saranam gacchāmi”⁽¹⁾

Đạo tràng của đạo sĩ Nadī-Kassapa và đồ chúng ở về phía hạ lưu, trông thấy những chùm tóc bện, y áo bằng vỏ cây, da thú, một số vật dụng tế thần lửa trôi bồng bềnh trên sông, tưởng đạo tràng của ông anh của mình gặp nạn nên hỏi hỏi, bươn bả lên xem. Ngạc nhiên xiết bao: Cả rừng người đều đã đổi khác! Cuộc đàm đạo sau đó xảy ra giữa hai anh em, rồi Nadī-Kassapa cùng ba trăm chúng đệ tử đồng thuận cải giáo. Ông em thứ ba là Gayā-Kassapa cùng với hai trăm đồ chúng, sự việc cũng tương tự. Vậy là đức Phật đã nhiếp hóa trọn vẹn ba anh em nhà Kassapa và một ngàn đồ chúng của họ trở thành một ngàn lẻ ba vị tỳ-khưu!

1.5- Thế Gian Đang Bốc Cháy

Hôm kia, tại vùng đồi Gayāsīsa (Tượng Đầu sơn), có ba anh em Kassapa ngồi hầu bên cạnh, đức Phật đã hiển uy sư vương để thuyết pháp với âm giọng trầm hùng như tiếng hải triều:

- Này các thầy tỳ-khưu! Các thầy có thấy chăng, tất cả đều đang bị bốc cháy, tất cả đều đang bị thiêu đốt!

Hãy nghe đây! Mắt đang nằm trong lửa, mắt đang bị bốc cháy! Tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều đang nằm trong lửa, chúng

⁽¹⁾ Đệ tử xin được trở về nương tựa nơi đức Phật. Đệ tử xin được trở về nương tựa nơi đức Pháp. Đệ tử xin được trở về nương tựa nơi đức Tăng.

cũng bị bốc cháy! Nghĩa là cả sáu loại giác quan đều đang bị bốc cháy! Các đối tượng của chúng là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đang nằm trong lửa, cũng bị bốc cháy! Rồi cái thấy, cái nghe, cái ngửi, cái nếm, cái xúc chạm, cái suy nghĩ đang nằm trong lửa, cũng bị bốc cháy! Lục căn, lục trần, lục thức đều ở trong lửa, đều đang bị thiêu đốt và bốc cháy! Vậy thì lửa ấy ở đâu, do từ đâu có?

Này các thầy tỳ-khuru! Chúng bị bốc cháy bởi lửa tham dục, lửa sân hận, lửa si mê; rồi chúng bốc cháy theo với sinh, già, bệnh, chết, đau thương, phiền muộn, ta thán, âu sầu, lo lắng, sợ hãi, ưu não, thất vọng và tuyệt vọng!

Này các thầy tỳ-khuru! Là những sa-môn đi theo giáo đoàn thanh tịnh, các thầy đừng để bị bốc cháy bởi các ngọn lửa tham dục, sân hận, si mê trong lòng mình; đừng để bị bốc cháy theo với sinh, già, bệnh, chết, đau thương, phiền muộn, ta thán, âu sầu, lo lắng, sợ hãi, ưu não, thất vọng và tuyệt vọng! Vậy thì phải làm như thế nào, tu tập như thế nào, hành trì như thế nào để khỏi bị bốc cháy?

Này các thầy tỳ-khuru! Hãy nhận rõ như thực như chân điều này: Khi lục căn tiếp xúc với lục trần liền phát sanh các cảm thọ! Khi có các cảm thọ là các ngọn lửa bắt đầu âm ỉ để bốc cháy! Vậy phải tự hiểu, tự chiêm nghiệm, tự thức tri để nhàm chán, viễn ly các ái lúc xúc đối với ngoại cảnh, với lục trần. Nói cách khác, phải nhàm chán, viễn ly sắc thanh hương vị xúc pháp do khả ái, khả ý, khả lạc bởi chúng sẽ làm cho toàn bộ thân tâm bị bốc cháy. Và khi làm như thế, các thầy sẽ vắng lặng, buông xả, cắt lìa mọi tham dục, mọi sân hận, mọi si mê kéo theo sự chấm dứt sanh, già, bệnh, chết, đau thương, phiền muộn, âu sầu, lo lắng, sợ hãi, ưu não, thất vọng và tuyệt vọng. Tâm và trí của các thầy một khi đã tận diệt mọi ô nhiễm, sẽ nếm thưởng hương vị của giáo pháp Bát Tử, của niềm vui Siêu Thế. Như vậy là các thầy đã viên mãn đời sống thiêng liêng phạm hạnh của bậc thánh nhân, đã làm xong những việc cần phải làm,

không còn trở lại cuộc luân hồi tái sinh thống khổ nữa!

Đức Phật thuyết xong thời pháp với nội dung “tất cả đều bị bốc cháy” (trong Āditta-pariyāya) thì cả hội chúng một ngàn lẻ hai vị tỷ-khưu đều đắc quả A-la-hán! Cả vùng sông nước, núi đồi miền Gayāsīsa hôm ấy chợt trở nên vắng lặng, thiêng liêng và thanh khiết một cách lạ lùng!

Sau thời pháp lịch sử ấy, đức Phật ở lại Gayāsīsa, khi ở hang động này, khi sang hang động khác để tĩnh cư; thời gian còn lại, ngài tuần tự giảng nói các giai đoạn sơ thiện, trung thiện và hậu thiện để giáo huấn hội chúng. Cả chân trời giáo pháp sâu rộng được tuần tự mở ra trước tầm mắt họ, thuận lợi cho việc tuyên dương hoằng hóa sau này!

1.6- Trúc Lâm Tịnh Xá

Sau khi sinh hoạt của hội chúng đã tạm thời đi vào quy củ, nề nếp; đức Phật thấy thời tiết có nắng nhẹ, thuận lợi cho việc du hành nên quyết định rời Gayāsīsa, đến kinh đô Rājagaha, đường xa chừng sáu do-tuần.

Thế rồi, đại chúng tuần tự lên đường. Tôn giả Uruvelā-Kassapa có kiến thức khá thấu đáo về tình hình địa lý, xã hội kinh thành Rājagaha, đã bàn với hai em là nên tụ họp ở khu Rừng Kè phía Tây Nam kinh đô, có đền thờ Suppatittha cho đức Phật nghỉ ngơi.

Hôm sau, cả kinh thành như bừng sáng lên và xôn xao bàn tán về một ngàn vị khất sĩ áo vàng trang nghiêm, thanh tịnh đi qua cửa mọi nhà không phân biệt giai cấp, quý tiện, giàu nghèo. Khi nhận được chút ít vật thực, họ lặng lẽ, kín đáo, đọc nhỏ một lời kinh phúc chúc, không gật đầu và cũng chẳng cảm ơn ai cả! Họ cũng không nhận vàng, bạc, chỉ thọ dụng vật thực nấu chín... Thế rồi, đức vua Seniya Bimbisāra được các quan trình tấu rằng: “Sa-môn Gotama, nam tử dòng Sakyā, sau sáu năm khổ hạnh, bây giờ tự xưng mình là Phật, là bậc Chánh Đẳng

Giác hiện lãnh đạo một giáo đoàn có cả ngàn khất sĩ áo vàng đang tràn ngập kinh đô Rājagaha!” Nghe tin, đức vua Seniya Bimbisāra chợt nghe một niềm vui lạ lùng bùng bùng trong huyết quản; và ông biết ngay đây là ai! “Đúng rồi! Đức vua nghĩ - Chỉ có người ấy, vị ấy, chàng trai anh tuấn, đẹp đẽ, quý phái ấy, sau nhiều năm lang thang tầm đạo, bây giờ đã chứng đạt được cái gì đó rất tối thượng, hiện đang đến kinh thành của ta đúng như lời hứa trước!” Tức tốc, đức vua tụ họp ngay một số quan đại thần kỳ lão thân tín, hằng trăm bà-la-môn, nhân sĩ trí thức, các gia chủ hữu danh cùng với đông đảo tùy tùng rầm rộ lên xe ngựa đến khu Rừng Kè để thăm viếng “cố nhân”!

Tại chỗ phải lẽ, đức vua cho xe ngựa dừng lại rồi cùng với tùy tùng đi bộ vào, đây là mỹ tục của quốc độ khi đức vua đi đến tham yết một vị đạo sư, một bậc giáo chủ uy danh nào!

Đức Phật đang ngồi giữa Rừng Kè chờ đợi đức vua, ba vị tôn giả Kassapa ngồi hầu sau lưng ngài như ba trưởng lão hộ pháp!

Tìm chỗ ngồi thích hợp, đức vua Seniya Bimbisāra nói lời tri ân đức Phật đã nhớ lời hứa xưa đến thăm quốc độ của ông; và cả kinh thành này sẽ cung nghinh đức Phật và giáo đoàn như đón tiếp những bậc quốc khách!

Biết là thời khắc phải lẽ, đức Phật thuyết một thời pháp thuận thứ. Thấy đức vua và hội chúng chú tâm lắng nghe, đức Phật nói thêm về bản chất của cuộc đời như những sự thật phổ quát cần phải được thấy đúng, hiểu đúng. Dukkha chính là sự thật phổ quát ấy! Đừng vì dục lạc, sân si và tham vọng mù quáng mà đánh mất những tỉnh niệm, giác niệm hằng ngày! Vì chính sự sai lầm ấy làm cho dukkha chồng chất lên dukkha mà tạo nên khổ đau vô cùng tận...

Từng lời, từng chữ của đức Phật như thấm vào tâm trí và tim gan của hội chúng. Đức vua Seniya Bimbisāra càng nghe, trí càng bùng sáng, tâm càng rộng mở, ông đã đắc quả Nhập Lưu. Sung sướng quá, ông quỳ xuống, năm vóc, đánh lễ đôi chân trần có một ngàn cặm bánh xe của đức Phật:

- Bạch Thế Tôn! Giáo pháp bất tử đã được Thế Tôn khéo giảng nói, rất là sáng tỏ, rất là thiêng liêng! Nay đệ tử xin nương tựa nơi Thế Tôn, nương tựa nơi Giáo pháp, nương tựa nơi Tăng đoàn thánh hạnh này! Xin nhận cho đệ tử được làm một cận sự nam từ nay cho đến trọn đời!

Đức vua Seniya Bimbisāra vừa tác bạch xong tâm nguyện thì cả phái đoàn tùy tùng đồng quỳ xuống và đều xin được quy y. Sau đó, nhà vua thỉnh cầu đức Phật và tăng chúng quang lâm đến thọ trai ở hoàng cung ngày hôm sau. Đức Phật nhận lời bằng cách im lặng.

Sáng ngày, lúc bình minh rạng, với y bát trang nghiêm, đức Phật dẫn đầu, sau lưng là ba vị tôn giả Kassapa cùng ngàn vị tỳ-khưu lậu hoặc đã tận, từ từ, chậm rãi bộ hành hướng đến cung vua.

Đức vua Seniya Bimbisāra, hoàng hậu Videhi (Kosaladevi, em vua Kosala), quý phi Khemā, hoàng tử Ajātasattu (A-xà-thế) và cả hàng ngàn quần thần, nhân sĩ đồng đi chân đất ra tận ngo môn để cung nghinh đức Phật và giáo đoàn.

Khi đức Phật và tăng chúng an tọa, nhà vua quỳ lạy ba lần rồi tác bạch lý do cuộc đặt bát cúng dường, là mong cầu an vui và hạnh phúc đến cho hoàng gia, cho quần thần và nhân dân cả nước.

Thọ thực xong, đức Phật bắt đầu cất giọng phạm âm như tiếng chuông đồng vang xa nhiếp phục cả hội chúng mấy ngàn người. Rồi ngài thuyết một thời pháp khá dài nhưng cô đọng lại nơi tam quy và ngũ giới, là điều kiện căn bản, tất yếu, cần yếu để ngăn việc ác, hoàn thiện bản thân và đem thanh bình, an vui cho mọi người, mọi nhà và cho cả quốc độ.

Đức vua Seniya Bimbisāra với khuôn mặt tươi sáng như trăng rằm, dường như đã chuẩn bị đầu đó sẵn sàng, cùng với hai quan hầu đi hai bên bưng khay ngọc, bình ngọc đến bên chân Phật, quỳ lạy:

- Bạch Thế Tôn! Từ nay, Thế Tôn và hình ảnh của thánh chúng, đệ tử phải được thấy hằng ngày để tự sách tấn mình; và

khi nào đệ tử muốn nghe pháp để phát triển trí tuệ thì có thể đến hầu Thế Tôn một cách dễ dàng! Bởi vậy, bạch Thế Tôn! Phía Bắc thủ đô, cách đây chừng hơn do-tuần có một khu Rừng Trúc (Veluvana) rất tươi đẹp; ở đây rộng rãi, cây xanh mát mẻ; đệ tử có tín tâm và lòng thành, xin dâng cúng Thế Tôn và tăng chúng khu rừng Veluvana ấy, xin Người hoan hỷ dụng nạp vì hạnh phúc cho đệ tử, cho triều đình và cho cả vương quốc Māgadha nữa!

Đức Phật thọ nhận bằng cách im lặng. Đức vua thực hành nghi thức dâng cúng bất động sản theo phong tục. Một vị quan hầu bưng khay ngọc hứng ở dưới, một quan hầu trao cho vua một bình ngọc trong đựng nước thiêng Soma để đức vua đổ nước ấy lên tay đức Phật. Ôm vốc nước, giữ nước trên tay, đức Phật lâm râm chú nguyện. Ai ai đều chứng kiến một sự kiện trọng đại: Giáo pháp bất tử đã đặt nền móng đầu tiên tại một vương quốc giàu mạnh, do một vị vua, một thánh cư sĩ sẵn sàng hộ pháp đặc lực cho giáo hội! Hôm ấy là một ngày đầu tháng năm, năm 586 trước Tây lịch.

Chừng hơn tháng nữa là đến mùa mưa, đức Phật và một ngàn lẻ ba vị tỳ-khưu sa-môn đoàn đã có một cơ sở, một căn cứ địa lý tưởng tại Veluvana để hoằng dương giáo pháp.

1.7- Hai Vị Đại Đệ Tử Tôn Giả Sāriputta Và Tôn Giả Moggallāna

Tại ngôi làng Nālakagāma cổ xưa, cách thủ đô Rājagaha chừng một do-tuần, có gia đình dòng tộc Upatissa là nơi xuất sinh của tôn giả Sāriputta. Thân phụ ngài là Vangaṇṭa, làm trưởng giáo bà-la-môn, thân mẫu ngài là bà Rūpasārī. Ngài được gọi tên theo mẹ: Sāriputta (Xá-lợi-phất hay Xá-lợi Tử) con trai của bà Sārī; đôi khi gọi theo tên dòng tộc: Upatissa! Sāriputta là trai trưởng, sau ngài còn có ba anh em trai là Cunda, Upasena và Revata; ba chị em gái là Cālā, Upacālā và Susipacālā; sau này cả 6 vị đều đắc quả A-la-hán.

Ngôi làng Kolutagāma bên cạnh là nơi sinh trưởng của tôn giả Moggallāna. Thân phụ ngài làm trưởng thôn thuộc giai cấp sát-đế-ly, là giới thượng lưu; thân mẫu ngài thuộc giai cấp bà-la-môn, tên là Moggallānī. Ngài được đặt tên theo mẹ: Moggallāna (Mục-kiền-liên); đôi khi gọi theo tên làng là Kolita!

Tôn giả Sāriputta và tôn giả Moggallāna đều có tướng mạo đẹp đẽ, thông minh đỉnh ngộ; ra đời cùng năm, cùng tháng, cùng ngày, cùng giờ; đều thuộc gia đình cự phú trong làng, kể truyền dòng dõi trí thức và họ đều là con cầu tự!

Thuở nhỏ, hai vị là bạn hữu thâm tình với nhau; cả hai đều được trang bị một sở học căn bản, chu đáo, vững chắc. Từ sáu tuổi đến năm mười bảy tuổi, cả hai chuyên tâm vào sự học, với một chương trình “kinh khiếp” thường chỉ để dành cho hạng thần đồng. Đến năm mười tám tuổi họ đã có sở học và phong độ của những bậc đạo sư lỗi lạc nhất, nhưng chính họ lại sinh ra thao thức, trăn trở vì nội tâm vẫn không yên ổn. Những lúc du sơn ngoạn thủy, ai cũng đoanh vây bên mình hơn trăm môn đệ. Họ chỉ dạy cho môn đệ thật nhiều, nhưng chính bản thân lại không giải quyết được bài toán sinh tử của lòng mình!

Năm hai mươi tuổi, cả hai đều bị thúc ép lập gia đình, nhưng họ từ chối khéo léo. Cả hai đều là niềm hy vọng lớn lao để kế thừa huyết thống và sự nghiệp thì họ lại xin xuất gia, đi theo đoàn du sĩ! Cuối cùng, với rất nhiều khó khăn họ mới được thỏa nguyện.

Thế rồi, họ tự cắt tóc, quàng áo đạo sĩ, ôm bát ra đi, kéo theo hai trăm năm mươi môn đệ. Đầu tiên, nghe danh đạo sư Sañjaya, hai người tìm đến rồi xin sáp nhập vào đạo tràng này. Từ đây, hai chàng có cơ hội vừa tu tập vừa tìm hiểu thêm các giáo phái trong và ngoài truyền thống. Chỉ mấy tháng sau, hai tôn giả nhận thấy sở học, sở chứng của thầy rất giới hạn, không giải quyết toàn bộ nghi vấn về tâm linh, họ lại xin ra đi.

Thế rồi, đầu trần, chân đất, vài tấm vải che thân, bình bát xin ăn, hai chàng theo con đường bộ hành thương mại lên phía Bắc.

Từ các thôn làng, thị trấn, rừng núi hể nghe nơi nào có đạo sư nổi danh là hai chàng tìm đến! Hết mấy chục tiểu quốc phương Bắc, quay sang các tiểu quốc phương Tây, băng qua cả những sa mạc cháy lửa nhưng tìm ra bậc đạo sư chơn chính, có trí tuệ khả dĩ giải quyết vấn đề tâm linh, vẫn không tìm thấy! Bỏ phương Tây, từ thượng lưu sông Gaṅgā hai vị lại men theo lộ trình về Đông, ghé hai thành phố Payāga và Bārāṇasī, xuống Pāṭaligāma rồi trở lại quê hương.

Đã nhiều năm lắm rồi, bây giờ, nước da đôi bạn đã sạm đen, phong trần. Tuy những bước chân trở lại có vẻ bất lực, thất bại nhưng họ chưa bỏ cuộc nên trước khi tạm thời chia tay, họ cam kết với nhau rằng: “Nếu ai tìm ra con đường Chân phúc và Bất tử trước, thì người ấy tức khắc thông báo cho người kia và ngược lại”.

Nhân duyên kỳ diệu đã đến.

Hôm ấy, Sāriputta vừa chia tay với Moggallāna, đang trên đường về thăm lại đạo sư Sañjaya sau nhiều năm xa cách thì trông thấy tôn giả Assaji. Sāriputta nhìn sững! Từ màu y hoại sắc đến chiếc bát tầm thường trên tay, cho đến phong thái đều toát ra một cái gì rất lạ thường. Vị đại đức khả kính nọ đang khoan thai, chững mực đi từ nhà này sang nhà khác, nhận lãnh chút ít vật thực khiêm tốn từ tâm lòng của mọi người, có cái gì đó rất từ bi mà cũng rất trân trọng! Chính cái cốt cách rất siêu phàm mà vô cùng bình dị ấy của bậc chân tu đã lôi cuốn, hấp dẫn Sāriputta một cách mãnh liệt!

Tôn giả Assaji đi bát xong, hướng mắt đến vùng ngoại ô cất bước. Sāriputta vẫn cung kính, lặng lẽ theo sau. Đến một lùm cây cao có bóng mát, tôn giả Assaji dừng chân lại. Sāriputta biết ý, nhanh nhẹn lấy tấm tọa cụ của mình đặt trên một đám cỏ bằng, sạch sẽ rồi thưa rằng:

- Xin ngài hãy hoan hỷ, an tọa ở đây mà độ thực!

Tôn giả Assaji gật đầu, mỉm cười, bình lặng ngồi xuống rồi nhẹ nhàng đặt bình bát ở trước mặt, thông thả độ thực. Ngài

dùng chậm rãi, từ tốn, an trú chánh niệm, rớt ráo hiện quán, rớt ráo tỉnh thức. Sāriputta đứng một bên, vòng tay cung kính, nét mặt trang nghiêm, bình lặng.

Thế rồi, sau đó là cuộc đối thoại giữa hai người.

- Đệ tử đã lê gót ta-bà khắp cả hằng trăm quốc độ, nghe đâu có các bậc đạo sư, chân sư thì tìm đến để học hỏi - Sāriputta nói
- Nhưng đệ tử chưa từng thấy ai có được ngũ quan trong sáng với bước đi trầm thản và an tịnh như ngài. Cốt cách và phong thái của ngài mới bình dị, tịch tịnh và siêu thoát làm sao! Đệ tử chiêm ngưỡng ngài rồi tự nghĩ: “Đây đúng là nhân cách của bậc vĩ nhân A-la-hán hay ít ra là cũng đang trên đường đi đến đạo quả A-la-hán”. Vậy xin ngài hãy dạy cho đệ tử biết, vì mục đích nào mà ngài thoát ly thế tục? Có ai làm tôn sư của ngài trên đời này không? Ngài thọ giáo với ai? Và giáo pháp mà ngài thọ giáo ấy như thế nào?

Tôn giả Assaji chăm chú lắng nghe, sau đó khiêm tốn trả lời:

- Tôi là một tu sĩ chỉ mới chỉ tập tành bước chân vào giáo pháp; lại là người ít học, ít ngôn ngữ, thiếu khả năng diễn đạt nên thật không đủ sức giảng nói giáo pháp một cách rành rẽ được.

Sāriputta vẫn cứ cung kính dập đầu:

- Đệ tử là Sāriputta! Xin ngài cứ chỉ giáo cho ít nhiều. Dầu chỉ một ít nhưng đệ tử sẽ cố gắng suy nghiệm theo nhiều cách khác nhau! Ngài chỉ cần vài lời tóm tắt về giáo pháp căn bản ấy mà thôi!

Biết lòng thành khẩn, thiết tha của du sĩ, tôn giả Assaji nói:

- Vậy, này hỡi người du sĩ trẻ tuổi! Tôi sẽ tóm tắt giáo pháp cao siêu, như chân như thật của đức Tôn Sư:

“- Các pháp phát sanh do bởi một nhân,

Nhân ấy, đức Như Lai đã chỉ rõ;

Và ngài cũng đã chỉ dạy phương pháp để diệt tắt nhân ấy,

Chính đó là lời giáo huấn của bậc Đại Sa-môn!”⁽¹⁾

⁽¹⁾ *Ye dhammā hetuppabhavā. Tesam hetum Tathāgato. Āha tesam ca yo*

Bốn câu kệ tóm tắt toàn bộ giáo pháp của đức Tôn Sư thật giản dị mà vô cùng cao siêu. Có lẽ trí tuệ của Sāriputta lúc bấy giờ đã thuần thục nên lập tức thấu triệt chân lý ấy. Như một tia sáng kỳ diệu, chỉ cần một mở phổi như thế là Sāriputta đã thấy hé lộ con đường đi đến Chân phúc và Bất tử! Còn kỳ diệu hơn thế nữa, là không cần cả bốn câu, mà chỉ mới nghe hai câu đầu thôi, Sāriputta đã chứng quả Tu-đà-hoàn (Sotāpati), đi vào dòng thánh!

Sāriputta đứng lặng hồi lâu, toàn thân chàng chấn động mạnh: Một trạng thái siêu thoát đã đến với chàng! Xúc động, cảm kích, tri ân bàng hoàng lẫn lộn, Upatissa quỳ ôm chân bụi của tôn giả Assaji, nghĩ rằng: “Ý nghĩa của sự giải thoát, Chân phúc và Bất tử, ta đã tìm thấy!” Rồi nói:

- Bạch ngài! Đệ tử đã tìm thấy rồi! Thật vĩ đại, nhiệm mầu và vô thượng là giáo pháp này. Xin ngài đừng giảng giải gì thêm nữa! Đối với đệ tử, vậy là quá đủ, quá đủ cho mục đích của một thiện gia nam tử xuất ly, cần cầu an ổn mọi ách phược trên trần thế!

Tôn giả Assaji biết vị du sĩ trẻ tuổi đã đắc pháp nhãn, đã thấy rõ con đường, bèn nói tiếp:

- Hãy đi đến bên chân đức Đạo Sư, bậc Chánh Đẳng Giác, hiện ở khu Rừng Trúc, phía Bắc kinh thành Rājagaha, ngài còn có cả một kho tàng Pháp Bảo, chỉ để dành cho những ai có trí!

- Rồi đệ tử sẽ đến đó! Ít hôm nữa thôi, chúng đệ tử sẽ đến quỳ bên chân đức Đạo Sư vô song!

Sāriputta cung kính quỳ mọp đánh lễ tôn giả Assaji rồi từ giả. Thấy bạn với dáng đi, với nét mặt tỏa sáng, rạng rỡ kỳ lạ

nirodho. Evaṃ vādī Mahā Samano! Đây là cách giảng nói Từ diệu để một cách rất cô đọng, chặt chẽ như chỉ còn cái tinh túy. Các pháp phát sanh chính là định luật duyên khởi của mọi hữu vi, của mọi hiện tồn sanh lão bệnh tử sâu bi khổ ưu não: Đây là sự thật về dukkha. Do bởi một nhân: Ái dục, đây là sự thật về nguyên nhân của dukkha. Và phương pháp diệt tắt nhân ấy chính là Đạo để, Bát chánh đạo!

chưa từng thấy, Moggallāna ngạc nhiên hỏi:

- Này hiền huynh! Đừng nói với đệ là hiền huynh đã tìm ra đạo Bất Tử rồi đây nhé!

- Phải, hiền đệ ạ! Sāriputta cười vui - Thật là hạnh phúc cho chúng ta vì đạo Bất Tử đã thật sự có mặt trên cuộc đời này rồi! Huynh đã nếm được hương vị đầu tiên của giáo pháp qua đệ tử của đức Vô Thượng ấy. Bây giờ, hiền đệ hãy lắng nghe.

Nói thế xong, Sāriputta đọc lên. Khi bốn câu kệ ngôn vừa chấm dứt, Moggallāna chấn động cả châu thân, ánh sáng bất tử lóe hiện: Chàng nhập vào dòng thánh như Sāriputta vậy!

Xế chiều, Sāriputta và Moggallāna tìm đến thuyết phục đạo sư Sañjaya theo về với giáo pháp của đức Phật nhưng thất bại. Cả hai đành từ biệt thầy cũ, dẫn hai trăm năm mươi môn đệ cùng đến Trúc Lâm tịnh xá.

Hôm ấy, đức Phật vừa thuyết xong một thời pháp thì Sāriputta và Moggallāna vào đến nơi. Cả hai đều đẹp đẽ, tuấn mỹ; theo sau là hai trăm năm mươi môn đệ y bát trang nghiêm bước đi thứ tự, uy nghi, lạng lẽ. Hội chúng tự động chừa một con đường cho họ đến bái yết đức Thế Tôn.

Sau khi đánh lễ đức Phật, cả hai vị được ngài giới thiệu trân trọng với đại chúng. Bảy ngày sau, Moggallāna đắc quả A-la-hán luôn cả ngũ thông. Nửa tháng sau, Sāriputta đắc quả A-la-hán và có luôn bốn tuệ phân tích.

Thấy nhân duyên hội đủ, đức Phật nói:

- Hôm nay, Như Lai tuyên bố hai nhân vật quan trọng, là những tinh hoa ưu tú trong những người ưu tú, đó là Sāriputta và Moggallāna; họ là trưởng tử của Như Lai, được sinh ra từ cửa miệng của Như Lai, được sinh ra bởi giáo pháp của Như Lai! Kể từ bây giờ, Sāriputta và Moggallāna là hai trợ thủ đắc lực của Như Lai, được quyền thay mặt Như Lai để giải quyết mọi lãnh vực thuộc Phật sự và Tăng sự. Sāriputta là đệ nhất Đại Đệ Tử và Moggallāna là đệ nhị Đại Đệ Tử.

Đức Phật vừa nói xong, một số vị xông xáo bàn tán: “Ồ! Chẳng

lẽ nào một đức Chánh Đẳng Giác lại còn có tâm thiên vị!?”

Đức Phật hướng tâm, biết tâm mọi người, ngài liền giải tan mỗi nghi hoặc ấy:

- Này các thầy tỳ-khưu! Như Lai làm vậy là do sự thấy biết của Như Lai! Như Lai chỉ trả lại phẩm vị cho hai vị ấy mà thôi!

Tôn giả Uruvelā Kassapa chột thừa rằng:

- Đúng là vậy, bạch Thế Tôn! Ngoại trừ tôn giả Sāriputta và Moggallāna là có phát nguyện làm Đại Đệ Tử bên chân của một đức Chánh Đẳng Giác, còn trong chúng đệ tử ở đây chẳng có ai có đại nguyện ấy cả. Như tôn giả Koṇḍañña (hiện đang tĩnh cư trên Himalaya) thì có đại nguyện đắc quả đầu tiên, làm vị đệ tử đầu tiên của một vị Phật. Tôn giả Yasa có duyên gặp được các đức Chánh Đẳng Giác Sumedha, Siddhattha, Kassapa nhưng chỉ nguyện được sống đời giác ngộ, giải thoát mà thôi. Nhóm 30 vương tử Kosala cũng tương tự vậy. Hiện tại, chỉ có tôn giả Sāriputta, đúng là bậc Tối Thượng Thanh Văn, không chỉ lậu hoặc đã tận, trí hạnh đủ đầy mà còn chứng đắc catupatisambhidaṃbheda (tứ vô ngại giải); Moggallāna cũng thế, một bậc Tối Thượng Thanh Văn thứ hai, đã chứng đắc chaḷabhiññā (lục thông). Cả hai thành tựu ấy thật khó được, thật là vô lượng công phu tu tập, không chỉ trải qua vài vị Phật mà thôi đâu, bạch Thế Tôn!

Đức Phật mỉm cười:

- Ông đã nói đúng, đã thấy đúng, này Kassapa! Cả Sāriputta và Moggallāna đã phát nguyện tu tập trọn vẹn mười ba-la-mật bậc hạ, trọn vẹn mười ba-la-mật bậc trung. Chính ông, ông cũng chỉ mới trọn vẹn mười ba-la-mật bậc hạ mà thôi!

Sự giải minh của đức Toàn Tri Diệu Giác không có chỗ cho một hạt bụi hoài nghi nào bám dính vào! Địa vị của hai vị Đại Đệ Tử vậy là đã được thiết lập vững chắc trong giáo hội và nhất là trong lòng tin của đại chúng.

1.8- Thâu Nhiếp Mahā Kassapa

Ngày hôm sau, đức Phật lặng lẽ ôm bát ra đi, không thông báo với ai cả. Sau khi khát thực vừa đủ dùng, đức Phật đi mãi ra ngoại ô, ngồi độ thực dưới gốc cây Bahuputtaka ven đường; và chắc hẳn ngài biết là sẽ có một nhân duyên nào đó.

Xa bên kia con sông là ngôi làng Mahātiṭṭha có gia đình bà-la-môn Kapila cự phú; người ta đồn rằng, tài sản, kho tiền vàng, kho châu báu của ông còn nhiều hơn ông vua một tiểu quốc! Ông ta chỉ có duy nhất một cậu con trai. Tương truyền, lúc lâm bồn, bà mẹ ở dưới gốc cây Pippali nên lấy tên cây đặt tên cho con! Ngoài ra, tên thường gọi khác là Mahā Kassapa!

Cũng như nhiều nhân cách vĩ đại khác, Pippali có nhiều quý tướng, vẻ đẹp của bậc đại nhân, có sự thông minh, nét hạnh và những phẩm chất, cá tính ưu việt. Đến tuổi thanh niên thì kiến thức, sở học của chàng cũng tương tự Sāriputta và Moggallāna vậy, nghĩa là đầy đủ bản lãnh của trí thức bà-la-môn thời đại: Có thể làm trưởng giáo, quan đại thần hoặc tham mưu triều chính! Đây là ước vọng của gia đình.

Pippali có đời sống nội tâm trầm lặng. Đặc biệt là không thích ca, vũ, nhạc, rượu men, rượu nấu và luôn tìm cách xa lánh ca nhi, mỹ nữ. Khi cha mẹ bắt lập gia đình thì chàng từ chối đây đẩy, hoảng sợ như đĩa phải vôi! Mặc dầu cương quyết cự tuyệt, nhưng thấy khó lay chuyển được ý định của hai thân, Pippali bày ra một mưu kế. Chàng thuê một nhà điêu khắc nổi danh, tạc tượng một mỹ nữ bằng vàng, giống y như người thật rồi nói rằng: “Nếu quả thật trên thế gian có người đẹp như thế, y hết như thế thì mới xứng đáng kết hôn với con!”

Tưởng cha mẹ nản chí, ai ngờ ông bà cho làm một chiếc kiệu lớn, đặt tượng mỹ nữ lên trên, rèm che sáo phủ, có bốn bánh xe rồi thuê người di chuyển từ làng này sang làng khác với lời rao truyền: “Ai đẹp tợ pho tượng này sẽ được gá duyên với con

trao thanh niên bậc đại phú quý!” Lạ lùng làm sao, kỳ dị làm sao, có một cô gái đẹp y, giống y như vậy thật! Nàng tên là Bhaddākāpilāni, mười sáu tuổi, con gái bà-la-môn triệu phú Kosiya ở thị trấn Sāgala, vùng Madda!

Pippali không từ chối được nữa. Cuộc hôn nhân hai bên sớm tiến hành. Đêm động phòng hoa chúc, chàng một góc, nàng một góc, chẳng ai nói chuyện với ai câu nào. Các đêm sau cũng thế. Pippali quan sát thì dường như Bhaddākāpilāni còn ử ử, sâu nảo hơn cả chàng nữa! Ngạc nhiên, chàng hỏi: “Tại sao nàng có vẻ bức bối, cáu giận ta như thế, ta có làm gì nàng đâu!” Bhaddākāpilāni ôn nhu, mềm mỏng trả lời: “Thiếp thành thật xin lỗi chàng! Thật ra, thiếp không có gì phải giận chàng cả! Thiếp giận là giận cho cái nghiệp duyên trớ trêu của mình! Từ khi lớn lên, mang thân nữ giới, thiếp không thích đời sống ngũ dục, lại càng không thích lập gia đình! Chí nguyện của thiếp là sống đời xuất gia phạm hạnh! Thế mà... thế mà...” Nói thế xong, Bhaddākāpilāni gục khóc nức nở. Hóa ra, cả hai có cùng một nguyện ước! Pippali sung sướng quá! Rồi chàng tâm sự cho nàng nghe! Cuối cùng, hai người thỏa thuận, giao ước sẽ sống với nhau như bạn!

Thời gian trôi qua, hai vợ chồng thay nhau chăm lo mọi việc trong ngoài, săn sóc cha mẹ già yếu. Họ sống với nhau như bát nước đầy, trong sạch như vỏ ốc! Sau mười hai năm thủ ước, cha mẹ qua đời, Pippali bèn bàn với Bhaddākāpilāni kế hoạch hành động: Trước khi xuất gia nên bố thí tất cả châu báu, của cải, tài sản! Chàng sẽ tha phương tìm đạo, sẽ học hỏi tất cả mọi giáo chủ, mọi chân sư ở trên đời! Còn nàng thì nên tạm thời đến xuất gia với ni chúng Niganṭhānāputta (Ni-kiền-tử), bao giờ tìm ra đạo lộ Bất Tử sẽ báo cho nàng sau!

Thế rồi, sau khi bố thí hết, xả ly hết của cải tích góp nhiều đời, chàng và nàng thanh thản, nhẹ hẫng. Lựa một ngày đẹp trời, nàng cắt bỏ mái tóc thanh xuân, chàng sạch sẽ râu tóc, tam y, nhất bát lên đường! Đến đầu làng, hai người chia tay, rẽ sang

hai hướng: Nàng về Nam tìm đến giáo phái Ni-kiền-tử, chàng lên phía Bắc, lang thang nhiều quốc độ! Năm ấy chàng đã ba mươi hai tuổi.

Chính cái ngày mà hai người ra đi thì đức Phật đã chứng quả dưới cội cây Bodhirukkha! Vậy là chỉ hơn một năm mòn mỏi, không tìm ra chân sư, không tìm ra giải đáp tối hậu, Pippali lần hướng về quê nhà thì hay tin: Một vị Chánh Đẳng Giác đã ra đời, đang khai đàn lập giáo ở khu Rừng Tre do vua Seniya Bimbisāra cúng dường. Máy ngàn sa-môn của tôn giáo mới ở ngoài truyền thống ấy như những đám mây vàng nhẹ nhàng, thanh thoát tràn ngập khắp mọi nơi, cả hai không gian: Địa lý và tâm linh!

Pippali, tức là Mahā Kassapa, nghe rúng động từng chân tơ, kẽ tóc; tin đồn ấy rất hợp với tư duy, rất quen thuộc với những hình ảnh trong giấc mơ thánh thiện của chàng! Mahā Kassapa quyết định đến Trúc Lâm. Nhưng mới đi một đổi đường thì gặp đức Phật! Phải, tuy chưa có duyên gặp ngài nhưng Mahā Kassapa thấy một sa-môn phi phạm đang ngồi tĩnh tại dưới cội cây Bahuputtaka, dung sắc chói ngời, hào quang sáng rõ thì chàng biết, đây là ngài chứ không còn ai khác nữa!

Với thái độ thành kính rất tự nhiên, Mahā Kassapa quỳ mọp xuống, đánh lễ rồi nói rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Thế Tôn là đạo sư của con, con là đệ tử của ngài! (Satthā me bhante sāvako-hamasmi!)

- Này Mahā Kassapa! Hãy ngồi xuống đây rồi Như Lai sẽ trao cho ông một gia tài pháp bảo!

Mahā Kassapa thấy đức Phật ngồi trên đám cỏ bằng, bèn lấy y ngoại (saṃghāṭi, y hai lớp) xếp làm bốn rồi thỉnh ngài an tọa, sau đó mới cung kính quỳ hầu một bên.

Đức Phật giáo giới:

- Này Mahā Kassapa! Ông hiện đang mang “ba ngã mạn” trong tâm trí, ông có biết thế không?

- Thưa, đệ tử chưa biết.

- Ông ở trong gia đình giàu sang tột bậc, lại được thọ sinh từ dòng tộc bà-la-môn cao quý (brāhmajāti), nên ở trong thâm sâu ẩn tiềm “ngã mạn về thọ sinh”, ngã mạn về dòng tộc (jātimāna) đó!

Mahā Kassapa toát mồ hôi hột, gập đầu sát đất:

- Đệ tử thấy rõ rồi!

- Ông có được một sở học và kiến thức uyên bác từ thuở thanh niên nên tiềm tàng “ngã mạn về tri kiến” (ñāṇadiṭṭhimāna) nữa!

Mahā Kassapa càng phát sanh sợ hãi:

- Đệ tử thấy rõ rồi!

- Ông có những quý tướng và vẻ đẹp của bậc đại nhân nên dễ sinh ra tự hào về sắc thân, “ngã mạn về sắc thân” (kāyamāna) vậy!

- Đệ tử thấy rõ rồi!

- Thấy rõ rồi thì ông phải làm sao?

- Đệ tử nguyện mặc y vải rách, vải dơ, vải bó tử thi và ôm bát đi xin ăn nơi những người nghèo đói nhất để đối trị về “ngã mạn về thọ sanh, dòng tộc”, bạch Thế Tôn!

- Chính xác lắm, này Mahā Kassapa! Vậy còn ngã mạn thứ hai?

- Đệ tử sẽ không phô phang kiến thức, sở học, sẽ không tranh biện với ai mà chỉ im lặng như cái mõ bể để sống theo pháp hành, thọ trì hạnh đầu-đà cho đến suốt đời để đối trị “ngã mạn về kiến thức”, bạch Thế Tôn!

- Cũng chính xác nữa! Vậy còn ngã mạn thứ ba?

- Đệ tử sẽ tu tập đề mục niệm thân (kāyagatasati), nhất là phải thấy cho rõ những thể trược, những bất tịnh (asubha) để đối trị “ngã mạn về sắc thân”, bạch Thế Tôn!

Đức Phật gật đầu:

- Sự thấy biết ấy, chúng tôi ông đã trở lại với giáo pháp sau nhiều triệu năm lưu lạc, Như Lai không cần phải giáo giới nhiều. Nhưng sau khi niệm thân, ông cần tiến hành đề mục hơi thở, quán chiếu ngũ uẩn, duyên khởi để thấy rõ vô thường, vô ngã và dukkha của tâm và pháp, này Mahā Kassapa!

- Đệ tử thấy rõ rồi!

Chợt đức Phật mỉm cười:

- Tầm y ngoại của ông, không biết bằng chất liệu gì mà mịn mát như thế này, hờ Mahā Kassapa?

Mahā Kassapa là bậc trí, ông hiểu là đức Phật lại quở trách nhẹ nhàng, tinh tế khi ông đã sử dụng samghāṭi bằng loại tơ tầm cực mịn, không tương hợp với những sa-môn sẽ tu tập đề mục niệm thân! Thế rồi, ông xin dâng cúng samghāṭi ấy lên đức Phật, người đã diệt tận mọi nhiễm ô, đổi lấy samghāṭi tầm thường của ngài⁽¹⁾.

Đức Phật dạy xong ba điều về ngã mạn, du sĩ Mahā Kassapa trở thành tỳ-khuru! Đây là sự thọ giới được gọi là “thọ giới tỳ-khuru bằng giáo huấn” (Ovādapatiṅgahaṇ-ūpasampadā) đặc biệt, duy nhất trong giáo hội của ngài.

Bảy hôm sau, trước an cư mấy ngày, do nhiệt tâm, tinh cần tu tập, Mahā Kassapa đắc đạo quả A-la-hán, luôn cả tuệ phân tích và thần thông!

Quả thật là một thành tựu hy hữu của một nhân vật kiệt xuất nên hôm kia, trước đầy đủ chư vị tôn túc trưởng lão và mấy ngàn tỳ-khuru, đức Phật trân trọng giới thiệu Mahā Kassapa:

- Đây là một vị tỳ-khuru cũng được sinh ra từ cửa miệng của Như Lai, từ giáo pháp của Như Lai; là một đệ tử ưu tú, cao quý! Mahā Kassapa sẽ là một tỳ-khuru đệ nhất về khổ hạnh đầu-đà rồi còn giáo hóa cho mọi người về một đời sống tri túc và thiểu dục nữa!⁽²⁾

Lời tuyên bố của đức Phật, thế là đã xác định được địa vị ưu thắng, đệ nhất về khổ hạnh đầu-đà của ngài Mahā Kassapa trong lòng đại chúng.

⁽¹⁾ *Đức Phật chỉ muốn trả lại hạnh nguyện đầu-đà cho ngài Mahā Kassapa!*

⁽²⁾ *Etadaggaṃ bhikkhave mama sāvakaṇaṃ bhikkhūnaṃ dhutavādānaṃ yadidaṃ Mahākassapo!*

2- Mùa An Cư Thứ Hai (586 tr. TL.)

2.1- Phản Ứng Xã Hội

Cơ ngơi quy mô của Trúc Lâm tịnh xá thể là tương đối hoàn chỉnh để đi vào sinh hoạt. Trong mùa an cư này, do sự phát triển quá nhanh số lượng tăng chúng, kéo theo nhiều vấn đề phức tạp. Sự ganh tỵ từ phía các tôn giáo bạn khi đức Phật và hội chúng của ngài được đức vua Seniya Bimbisāra, hoàng tộc và triều đình trọng vọng, không những quy y, hộ độ hằng ngày mà còn xây dựng, hiến cúng cả Trúc Lâm tịnh xá nữa! Ngoài ra, dư luận đầu đó được bàn tán qua cửa miệng của nhiều người: “Giáo hội của sa-môn Gotama đã làm cho các giống dòng tuyệt tự, gia đình ly tán, vợ góa con côi! Không những sa-môn này kéo theo bên mình một ngàn đạo sĩ tóc bụi, hai trăm năm mươi môn đệ của Sañjaya mà còn có những thiện gia nam tử cao sang cũng thoát ly gia đình để về sống dưới sự hướng dẫn của ông ta!”

Thế rồi, không những họ phỉ báng “bọn sa-môn đầu trọc”; mà còn làm ra bài đồng dao biếm nhẽ dạy cho trẻ con hát để chọc ghẹo chư vị tỳ-khuru từ góc phố này sang góc phố khác: “Người đến từ Cổ thành. Bậc đạo sư trên đường. Dẫn theo đoàn khất sĩ. Kéo theo đoàn đạo nhơn. Biết còn ai thọ giới. Quy phục chúng sa-môn?”

Đức Phật nghe được, thấy bài đồng dao châm biếm khá nhẹ nhàng nên ngài mỉm cười, đọc lên một bài kệ ứng đối lại: “Các bậc vô thượng nhân. Hiện lộ lẽ thực chân. Chỉ đường theo chánh pháp. Trí đức sáng vô ngần. Ai nữ nào ganh tỵ. Chư khất sĩ hiền nhân. Dẫn đưa người tiến bước. Bằng giáo pháp như chân!” Rồi đức Phật nói là bảy ngày sau, bài đồng dao kia tự động sẽ chấm dứt⁽¹⁾. Các vị tỳ-khuru trẻ rất lấy làm thú vị câu

⁽¹⁾ *Phỏng theo “Đức Phật lịch sử” của H.W. Schumann, Trần Phương Lan dịch, Nxb T/p HCM, năm 2000.*

kệ nên đã nhanh chóng truyền đi nơi này sang nơi khác. Và quả thật, bảy ngày sau, bài đồng dao biếm nhẽ kia không còn nghe nữa.

2.2- Những Đoàn Sứ Giả

Đức vua Suddhodana, sau bảy năm xa cách thái tử, nhớ nhung vô cùng nhưng không nghe tung tích ở đâu. Thời gian gần đây, các phái đoàn thương buôn, xuống lên, qua lại theo con đường thương mại, ghé Kapilavatthu nghỉ ngơi và đổi hàng, thanh danh của đức Phật được họ bàn tán xôn xao, vang đến tai ngài. Trái tim già nua của đức vua chợt đập liên hồi khi hay được tin trên. Hoàng hậu Gotamī, công nương Yasodharā ai cũng bồi hồi, bồi hồi. Thế là đức vua Suddhodana tức tốc cho một phái đoàn, gồm một quan đại thần cùng mấy chục chiến sĩ lên đường đến kinh đô Rājagaha, Trúc Lâm tịnh xá, bày tỏ ước mong đức Phật trở về thăm quê hương xa cách lâu ngày!

Kinh sử kể rằng, không những một phái đoàn mà cả bảy chín phái đoàn khi đến Trúc Lâm nghe pháp, họ đều đắc quả A-la-hán, và không có ai muốn trở về Kapilavatthu nữa! Thật ra, không phải là họ đã quên trọng trách! Sau khi đắc quả A-la-hán, họ biết lúc nào đây đủ nhân duyên, chính đức Phật sẽ trở lại quê nhà mà chẳng cần ai thưa thỉnh gì cả! Nhưng riêng đức vua Suddhodana thì rất nóng lòng, cả bảy chín phái đoàn ra đi đều mất tích như những cây kim chìm mất giữa đại dương! Chưa nản chí và cũng như là quyết định cuối cùng, đức vua bèn cử một vị trọng thần, bạn cũ thời thơ ấu và cả tuổi thanh xuân của thái tử là Kāludāyi dẫn đầu phái đoàn, lên đường thực hiện sứ mạng!

Khi nghe pháp, Kāludāyi và phái đoàn đều đắc quả A-la-hán, được chư vị trưởng lão cho thọ giới tỳ-khưu có sự chứng minh của đức Thế Tôn, sau đó, thân nhận họ vào giáo đoàn. Tìm gặp đức Phật, Kāludāyi quỳ lạy đánh lễ với nụ cười viên mãn! Ông không biết nói gì! Mà chuyện gì, đức Thế Tôn lại không biết!

Nhìn Kāludāyi, đức Phật nói:

- Ông chẳng cần phải thưa thỉnh, Như Lai cũng đã có dự định về thăm quê nhà, thăm tất cả mọi người thân thuộc khi đầy đủ nhân duyên! Có lẽ là đầu mùa xuân, Kāludāyi ạ! Ông hãy ở lại đây một thời gian, khi giáo pháp đã thấy rồi, còn cần phải thu xếp đời sống phạm hạnh cho tương hợp!

Kāludāyi cúi đầu tuân phục. Ôi, con người này bây giờ vĩ đại quá! Thế gian này đâu có vấn đề gì nữa mà bàn? Một đời sống thanh bình an lạc; một nụ cười vô ưu, siêu thoát; một con đường phạm hạnh thiêng liêng đang hấp dẫn vô lượng chúng sanh tìm về trong đạo lộ thênh thang! Một hơi thở, một cái nhìn cũng đã trở thành tự do và tuyệt đối!

2.3- Về Thăm Quê Hương

Sau khi Kāludāyi trở về quê nhà báo tin, đức Phật cho họp tăng chúng, bảo tôn giả Sāriputta lựa chọn năm trăm vị tỳ-khưu lậu hoặc đã tận rồi cùng lên đường với ngài.

Thế rồi, đức Phật, tôn giả Sāriputta và đại chúng lên đường vào một ngày trời nắng nhẹ, gió xuân phoi phới mát lành, trăm hoa nở rộ khắp nơi. Đường bộ từ Rājagaha trở về Kapilavatthu phải ngược lên phía Tây Bắc, đạp qua sông Gaṅgā, tại thị trấn Pāṭaligāma rồi theo con đường thương buôn, trọn lộ trình xa chừng sáu mươi do-tuần. Vì vừa đi vừa trì bình khát thực, thỉnh thoảng đức Phật còn phải thuyết pháp tại các làng mạc, thị trấn nên phái đoàn mỗi ngày chỉ đi được trên dưới một do-tuần. Như thế thì gần hai tháng sau mới có thể tới nơi. Tôn giả Kāludāyi và trên mười vị tỳ-khưu dòng tộc Sakyā đã đặc quả A-la-hán đón tiếp đức Phật trước chín mươi ngày đường.

Đến Kapilavatthu, đức Phật bảo với Kāludāyi là chưa nên đi vào kinh thành vội mà hãy tạm trú tại Nigrodhārāma (Ni-câu-luật viên), tức là Rừng Cây Đa cổ thụ ở phía Đông Nam kinh thành mà trước đây, ngài đã từng gặp các đạo sĩ, du sĩ ở đó.

2.4- Nhiếp phục dòng Sakyā ngã mạn

Đức vua Suddhodana, triều đình và con cháu dòng tộc Sakyā đã hay tin nên đồng đến Nigrodhārāma để đón tiếp. Tuy nhiên, vốn bản tính ngã mạn đã thành nề, các vị cao niên trưởng lão của dòng tộc, nghĩ rằng: “Dẫu là ông Phật, ông thánh chẳng nữa thì vị sa-môn kia cũng chỉ thuộc vai con vế cháu mà thôi!” Do vậy, họ chỉ đứng yên hoặc lựa ngồi một chỗ nào đó ở phía sau, bảo những người nhỏ tuổi đến đứng trước để chào đón.

Hướng tâm đến, đức Phật hiểu tất cả, nhưng ngài lại bước đến phía đức vua Suddhodana:

- Phụ vương!
- Thái tử !

Đã gần tám năm xa cách, đức vua Suddhodana tuy có già hơn nhưng vẫn còn tinh anh, quắc thước. Nhìn đức Phật, nhà vua mới cảm nhận rất rõ rằng, con ngài bây giờ không còn là thái tử Siddhattha thuở xưa nữa, mà đã là một đại sa-môn cao quý, một bậc lãnh tụ tinh thần vĩ đại! Bất giác, đức vua cúi đầu xuống, thành kính chấp tay theo phong cách, mỹ tục của một quốc vương lúc diện kiến một bậc chân sư, một đạo sư, một giáo chủ!

Đức Phật thấy thái độ trí thức của vua cha, ngài rất hài lòng; và muốn để tăng trưởng đức tin ấy, đồng thời nhằm cảm hóa, nhiếp phục tính kiêu căng của hoàng tộc, ngài liền bay lên giữa hư không, tạo một con đường bằng ngọc nằm vắt từ Đông sang Tây rồi đi kinh hành qua lại. Lát sau, đức Phật sử dụng một loại thần thông bất khả tư nghị, hóa phép yamaka pāṭihāriya, có nghĩa là “hai thần lực song song” làm cho nước và lửa cùng một lúc phát sanh từ lỗ chân lông; rồi hai tia sáng xanh và đỏ tỏa ra ngời ngời như hai tia điện chớp chóa mắt hội chúng. Hiện lộng thân oai phong, đức Phật đáp xuống chỗ bảo tọa đã soạn sẵn, ngồi đoan nghiêm, thanh tịnh!

Thấy thần thông kỳ diệu của đức Phật làm đức vua mọc ốc cả

toàn thân, niềm tin phát khởi, và một lần nữa, ông xác nhận cái điều mà ông đã suy nghĩ: “Quả thật, con ta bây giờ không còn là thái tử đương triều nữa - mà đúng là thần oai của một vị Phật, một đức Chánh Đẳng Giác như mọi người đã xưng tán, tôn vinh!” Nghĩ thế xong, bất giác, đức vua quỳ xuống đánh lễ rồi thốt lên rằng: “Đây là lần thứ ba, phụ vương đánh lễ con đây!”⁽¹⁾ Cả triều đình, dòng tộc Sakyā lớn nhỏ, sợ hãi, quỳ lạy theo!

Theo vói lời thừa thỉnh của tôn giả Sāriputta, đức Phật thuyết một thời pháp nói về Phật tông (Buddhavamsa); tức là gốc nguồn, hành trạng của 24 vị Chánh Đẳng Giác.

Đêm ấy, tại công viên Nigrodhārāma, đức Phật tiếp những người bạn cũ do tôn giả Kāḷudāyī dẫn đến, đó là Mahānāma, Bhaddiya, Ānanda, Anuruddha, Kimbila, Bhagu, cả Nanda và Channa nữa. Có lẽ là tôn giả Kāḷudāyī đã kể cho họ nghe khá nhiều về đức Phật, vị huynh trưởng xưa của họ, người đã tìm ra ý nghĩa và giá trị đích thực của cuộc sống, đã giải quyết trọn vẹn vấn đề tử sinh! Suốt trong thời gian đàm đạo, họ như được tắm mát trong làn khí tâm từ, sau đó, đức Phật hẹn dịp khác, ngài bảo rằng, chưa đủ duyên để nói chuyện nhiều hơn!

2.5- Hoá độ đức vua và hoàng hậu

Sáng sớm hôm sau, với đại y màu san hô vắt vai, bát khất thực cầm tay, đức Phật như sư tử chúa lông vàng dẫn đầu hơn năm trăm vị tỳ-khưu thánh tăng đi vào trung tâm thành phố. Cứ lần lượt con đường này sang con đường khác, từ cửa nhà này sang cửa nhà khác, chẳng phân biệt giàu nghèo, sang hèn. Lần đầu tiên, kinh thành Kapilavatthu như bùng sáng lên bởi đoàn sa-môn mà họ đã được nghe tin truyền từ chiều hôm trước!

Đức vua Suddhodana nghe quân hầu báo tin, vừa giận, vừa thương, tức tốc lên cỗ xe tứ mã ra khỏi hoàng cung. Đến con

⁽¹⁾ Đây là lần thứ ba, đức vua đánh lễ thái tử (đã là Phật).

đường lớn, đức vua nhìn thấy đức Phật với dáng dấp cao to, uy nghi, trang nghiêm từng bước một đi đầu như chúa phượng hoàng! Bất giác, đức vua sinh tâm kính trọng nhưng cũng mở giọng như hờn trách:

- Chẳng lẽ nào cả ta và hoàng tộc không lo nổi cho thái tử một bữa cơm, lại đi xin ăn lang thang như kẻ đầu đường xó chợ như thế? Sao thái tử nỡ làm tổn thương, làm nhục nhả truyền thống vương triều như thế?

Đức Phật dừng chân lại, mỉm cười:

- Không phải vậy đâu, phụ vương! Đi trì bình khát thực trước cửa mọi nhà chính là truyền thống của chư Phật ba đời. Tất cả mọi người trong giáo pháp này đều phải đi xin ăn. Khi nhận một muống cháo, một vá cơm từ người nghèo khổ hay một món ăn thượng vị của bậc đế vương, các vị sa-môn khát sĩ đều xem trọng như nhau! Giáo pháp mà Như Lai đã khai sáng, chứng ngộ, lấy con người làm trọng tâm và tất cả đều bình đẳng. Khi đi “xin ăn” như thế, họ còn tạo cơ hội cho mọi người mở rộng tấm lòng, ai cũng có thể bố thí, cúng dường gieo duyên với giáo pháp. Làm được như thế là đem lại hạnh phúc, an vui cho mình và cho người! Các giá trị nhân văn và nhân bản ấy, đáng lý ra, phụ vương nên đem áp dụng vào đường lối chính sách của vương triều mới phải chứ!

Nghe đến ngang đây, cơ duyên chín muồi, đức vua Suddhodana chứng quả Nhập lưu, cảm thấy tâm trong, trí sáng, có đức tin bất động, mọi hoài nghi tiêu sạch, ông cúi xuống, khiêm cung, hoan hỷ thỉnh mời đức Phật về hoàng cung độ thực. Và sau đó, với thời pháp ở đây, đức vua Suddhodana chứng quả Nhất lai, Tư-đà-hàm (Sakadāgāmi), còn bà Gotamī chứng quả Nhập lưu, Thất lai, tức là Tu-đà-hoàn quả (Sotāpatti)!

Cũng trong thời gian này, đức Phật ghé thăm Yasodharā. Đức vua và hoàng hậu khen ngợi đức hạnh của công chúa trong thời gian tám năm dài làm người nương tựa. Đức Phật xác nhận, là công chúa không những chỉ thủy chung và đức hạnh trong kiếp

này, mà từ thời đức Phật Nhiên Đăng, trải qua 24 vị Phật tổ nòng cũng đã như thế rồi. Câu chuyện đạo sĩ Sumedha và nàng Sumitta được đức Phật kể lại, sau đó ngài kết luận:

- Giàu sang, vương giả, địa vị, danh vọng, quyền lực và tiền bạc - như vậy không phải là điều kiện để mang lại hạnh phúc cho con người. Tình yêu thương không, chưa đủ, mà còn cần sự hiểu biết, thông cảm và tôn trọng lẫn nhau. Sumedha và Sumitta đã vô lượng kiếp nên duyên chồng vợ; và cũng từng ấy kiếp, Sumitta luôn sát cánh, chung vai với người bạn đời của mình thực hiện con đường vô thượng. Sumitta thuở ấy giờ là Yasodharā, còn Sumedha chính là Như Lai vậy.

Ai cũng xúc động. Riêng Yasodharā thì bồi hồi, rung rung giọt lệ, nhưng là những giọt lệ hạnh phúc.

2.6- Dẫn Nanda và Rāhula xuất gia

Mấy ngày hôm sau, đức Phật thuyết nhiều thời pháp ở vương cung cũng như ở tại Rừng Cây Đa đã lồi cuốn nhiều thanh niên dòng tộc Sakyā rời bỏ gia đình, gia nhập giáo hội. Rất nhiều người chứng quả Nhập lưu! Rất nhiều người xin được quy y Tam Bảo!

Đến ngày thứ ba, trong lúc hoàng cung cử hành một lúc ba đại lễ quan trọng cho hoàng tử Nanda: Thành hôn, đăng quang thái tử và khánh thành cung điện - thì bất ngờ, đức Phật xuất hiện. Và ở tại đấy, sau khi thọ thực xong, đức Phật trao bát cho hoàng tử Nanda rồi bước đi, không nói gì cả!

Vì quá nể trọng ông anh, Nanda ôm bát lủi thủi theo sau, tự nghĩ: “Ra đến cổng, chắc đức Phật sẽ thu bát lại!” Nhưng không, đức Phật cứ bước đi, ngài cũng không ngoảnh lại!

Tân nương Janapāda Kaḷyāṇi cảm thấy lo ngại mơ hồ, chạy ra đến cổng, thông thiết kêu lên: “Hoàng tử yêu quý ơi! Hãy trở lại!” Đức Phật dường như không hề hay biết. Hoàng tử Nanda nghe trái tim xôn xang, tê đặng; chân bước tới mà mặt ngoảnh

lui, nhưng đức Phật thì cứ thành thoi, tự tại như không có chuyện gì xảy ra!

Đến công viên Nigrodhārāma, đức Phật hướng mắt đến hoàng tử, ân cần nói rằng:

- Này Nanda! Ông có muốn sống đời xuất gia như Như Lai và như các vị tôn giả trang nghiêm, phạm hạnh kia không?

Nanda nóng lòng như lửa đốt vì sợ không kịp giờ cử hành hôn lễ; nhưng khi đức Phật hỏi, vì tôn kính ngài quá, chàng không dám từ chối, gật gật đầu rất miễn cưỡng!

Mỉm nụ cười lặng lẽ ở trong tâm, đức Phật tức khắc bảo tôn giả Sāriputta cạo sạch sẽ râu tóc cho hoàng tử Nanda, kiếm đầy đủ y bát rồi làm lễ thọ giới tỳ-khưu cho chàng. Từ đây, Nanda tập sống đời tỳ-khưu dưới sự hướng dẫn của tôn giả Sāriputta, không được phép trở lại hoàng cung, không được phép thăm viếng, gặp gỡ công nương Janapāda Kālyāni nữa!

Việc làm có vẻ “ngang ngược” của đức Phật làm xôn xao dư luận trong hoàng cung, lan ra cả ngoài kinh thành! Lệnh bà Gotamī rất khó chịu. Đức vua Suddhodana, nhờ đã đắc quả Tư-đà-hàm, đã nhẹ nhàng hai sợi dây bất bình và tham ái nên nghĩ rằng, đức Phật có lý do của ngài!

Đến ngày thứ bảy, đức Phật mới có thì giờ để đi thăm Rāhula. Hôm ấy, công nương Yasodharā đã cố ý cho Rāhula ăn mặc thật đẹp, trông thơm mát, chỉnh tề từ đầu đến chân!

Lần đầu tiên, Yasodharā mới có dịp nhìn ngắm đức Phật một cách kỹ lưỡng như thế sau nhiều năm xa cách. Ôi! Tướng mạo sa-môn trong chiếc y màu san hô của ngài nổi bật giữa hàng cây xanh trông đẹp làm sao! Từng bước đi của ngài vừa oai nghiêm, trầm hùng vừa an lạc, thanh thoi mà không ai trên đời này có thể bắt chước được! Vị này không còn là Siddhattha thuở nào nữa rồi!

Công nương Yasodharā nói với Rāhula:

- Này con! Con có thấy vị sa-môn trông như một vị Phạm thiên đó không?

- Thấy, có thấy! Vị ấy là ai mà đẹp thế mẹ?

- Ngài chính là cha của con, và ngài đang có một kho tàng vĩ đại, vô cùng quý giá! Con hãy chạy xuống bên ngài, nắm tay ngài rồi nói rằng: “Thưa cha, con là con của cha, là một vương tôn, mai sau con sẽ lên ngôi vua! Mẹ nói rằng, cha đang sở hữu một kho tàng vô giá, vậy cha hãy trao nó cho con!” Nhớ nói như thế nhé, Rāhula!

Ngoan ngoan, Rāhula gật đầu, cười títt mắt, chạy vụt xuống thang lầu, ngây thơ nắm tay đức Phật rồi nói gần đúng với nguyên văn như mẹ đã dặn.

Đức Phật mỉm cười, nhìn đứa trẻ với khuôn mặt tròn trĩnh, tươi sáng, đáp lời: “Ừ, Như Lai sẽ trao gia tài ấy cho con!”; nhưng ngài đã có chủ ý rồi.

Thời pháp hôm ấy, đức Phật chỉ nói dị giản về hạnh phúc gia đình, và những điều kiện cần và đủ để duy trì hạnh phúc ấy trong nhiều đời kiếp. Khi đức Phật đứng lên, từ giả, Rāhula có vẻ lưu luyến, cậu bé tất tả chạy theo, nắm tay ngài ra chiều thân thiết. Lúc ấy trời nắng hơi gắt, Rāhula vừa bước đi vừa núp trong cái bóng của ngài, vừa phát biểu rất dễ thương, rất ấn tượng: “Ôi! Chỉ cái bóng của sa-môn thôi, mà sao làm cho con bình yên và mát mẻ đến thế!” (Sukhā vata te chayā, samaṇa!)

Thấy Rāhula đi theo đức Phật, không ai ngăn cản. Đến công viên, ngài dẫn Rāhula vào hương phòng rồi nói:

- Này Rāhula! Con hãy nghe đây! Như Lai đang có một gia tài rất quý báu nhưng muốn có được nó, con phải cạo đầu, mặc y, mang bát như Như Lai, như chú Nanda và như mọi người ở đây! Con có đồng ý không?

Khi thấy Rāhula vui vẻ gật đầu, đức Phật bảo tôn giả Sāriputta cạo đầu, mang y, làm lễ xuất gia ngay tức khắc! Và sau đó, thật ngạc nhiên làm sao, là sa-di Rāhula chẳng nhớ mẹ, nhớ ai ở cung đình cả; lại rất sung sướng trong đời sống mới, ngoan ngoan, lễ độ, biết nghe lời dạy bảo của thầy mình là tôn giả Sāriputta.

Ngày hôm sau, đức vua Suddhodana, hoàng hậu Gotamī, công nương Yasodharā mới hay tin, ai cũng bàng hoàng. Quả thật như một tiếng sét đánh ở cung đình. Người đau khổ, sầu não nhất là công nương Yasodharā, thứ đến là lệnh bà Gotamī; nhưng khi cả hai muốn đến chất vấn đức Phật thì đức vua Suddhodana ngăn lại, ông bình tĩnh nói rằng:

- Đừng có vội vàng, nóng nảy! Một đức Chánh Đẳng Giác làm việc gì cũng có nhân duyên và quả của nó. Trầm tin tưởng tuyệt đối vào giáo pháp, vào trí tuệ của Thế Tôn!

Sau khi trấn an hai bà, đức vua lên xe ngựa một mình cùng với vài quân hầu đến công viên Nigrodhārāma. Gặp đức Phật, nhà vua mở lời trách cứ khá nhẹ nhàng. Đại khái, đức vua nói rằng, chuyện Nanda chưa nguôi, bây giờ lại mất thêm Rāhula, là trẻ được cưng chiều, thương yêu; là nguồn an ủi duy nhất của hai vị phu nhân. Tình thương của người mẹ mất con, ông bà mất cháu cũng dường như bị ai đó cắt da, xẻ thịt vậy. Từ rày về sau, đức Thế Tôn không nên ban hành lễ xuất gia cho trẻ tuổi vị thành niên mà chưa được cha mẹ hoặc gia đình cho phép, ưng thuận!

Lời lẽ trình bày với lý tình minh bạch của đức vua, người đã bước đi vững chắc trên đạo lộ bất tử, làm cho đức Phật rất hoan hỷ. Ngay tức khắc hôm ấy, đức Phật bảo tôn giả Sāriputta bố cáo cho chư tăng biết, xem lời thỉnh cầu của đức vua đã trở thành điều luật được ban hành rộng rãi!

2.7- Sáu ông hoàng quý tộc ra đi

Suốt hai tháng về thăm quê hương, tuy công việc hoàng hóa chỉ giới hạn ở cung đình, nhưng đức Phật cũng đã đặt được một nền móng vững chắc! Những thời pháp của ngài đã bắt đầu thay đổi một số tư duy cũ kỹ của giới cấp lãnh đạo về vấn đề trị an. Các giá trị tinh thần cũng như các quan niệm vui, khổ xưa nay đều phải được đánh giá lại! Đạo đức bản thân và vấn đề thiện ác

cũng phải được nhìn ngắm từ bên trong, nội quán, bởi phản tỉnh, bởi những dấy khởi từ tâm niệm!

Những ông hoàng bạn cũ thuở xưa của đức Phật, họ nhiều lần gặp nhau, thảo luận, đặt lại vấn đề nhân sinh, các định thức giá trị qua những thời pháp được nghe từ đức Phật. Họ đã thao thức, trăn trở, mất ngủ nhiều đêm. Họ thấy rõ đời sống vinh hoa, phú quý, ngũ dục thật không nghĩa lý gì! Họ nhớ lại đáng đi, nụ cười, ánh mắt của đức Phật; và họ càng xác quyết là ngài đã tìm được niềm an lạc nào đó: Sự an lạc không có điều kiện, độc lập, không phụ thuộc không gian và thời gian! Nó là cái gì vậy? Mà đức Phật đã có nó và hầu hết chư tỳ-khuru, hội chúng đệ tử của ngài cũng có nó!

Hoàng tử Ānanda là người muốn khởi tâm xuất gia đầu tiên, tìm đến rủ Anuruddha cùng đi. Khi thấy Anuruddha dễ dàng chấp thuận thì Mahānāma, vị quan đại thần đương triều được đức vua Suddhodana trọng dụng, là anh ruột của Anuruddha, ngăn em lại, nói rằng: “Em còn trẻ trung, thanh xuân, chưa lập gia đình, tương lai tốt đẹp đang còn ở phía trước. Anh là người đã quá mệt mỏi chuyện gia đình và chuyện quan trường lắm rồi. Hãy để ưu tiên việc xuất gia ấy cho anh!”

Anuruddha cười ha hả:

- Anh có nhầm không đây! Chính anh là người đang đảm nhận trọng trách quốc gia đại sự! Chính anh là người đang bận bịu chuyện gia đình, vợ con! Anh ra đi thì những gánh nặng kia biết quăng bỏ cho ai hả?

Quan đại thần Mahānāma nín lặng.

Anuruddha đến xin thân mẫu nhiều lần nhưng bà một mực từ chối. Và khi thấy Anuruddha dọa tuyệt thực, dọa tự tử, bà tìm cách chối từ rất khéo, nói là: “Nếu con đến rủ quan tổng trấn Bhaddiya đồng ý xuất gia, mẹ sẽ cho con đi!” Hơn ai hết, Anuruddha biết điều kiện của mẹ thật “ác liệt” vì tổng trấn Bhaddiya tiếng tăm lừng lẫy, danh vọng, địa vị, sự nghiệp trùmlấp một phương; và lại vừa mới hứa hôn với một công nương

tài sắc vẹn toàn thì lẽ nào lại bỏ tất cả để đi xuất gia được! Tuy nhiên, Anuruddha đã có sẵn mưu kế. Với khuôn mặt râu rĩ, khó đăm đăm, Anuruddha trách cứ Bhaddiya, bảo là vì Bhaddiya cản trở mà Anuruddha không được xuất gia! Bhaddiya vốn tính tình phóng khoáng, cởi mở nên nói:

- Tôi cản trở em hồi nào? Nếu em muốn xuất gia thì tôi sẽ tìm đủ mọi cách cho em được thỏa nguyện nữa là khác! Và tôi hứa là tôi sẽ giúp em.

Được lời hứa ấy, Anuruddha kể lại điều kiện của mẹ rồi nói:

- Như vậy, có phải vì anh mà tôi không được xuất gia hay sao! Anh đã hứa giúp tôi bằng mọi cách thì cách duy nhất, tốt nhất, mau nhất là anh phải cùng đi xuất gia với tôi!

Bhaddiya thấy mình kẹt quá, kẹt cha mẹ, kẹt chức vị tổng trấn và kẹt nhất là người vợ vừa mới hứa hôn! Thật ra, Bhaddiya cũng có dự định xuất gia khi thấy đời sa-môn như cánh chim giữa không rộng trời cao chẳng dính mắc, chẳng bận rộn gì cả, nhưng không phải là bây giờ!

- Thôi, bảy năm nữa nhé, tôi sẽ đi xuất gia cùng em!

- Không được! Anuruddha lắc đầu - Bảy năm lâu quá!

- Thôi, vậy thì ba năm. Ba năm để anh còn thu xếp mọi công việc trong ngoài cho đâu ra đấy đã!

- Cũng không được! Anuruddha lắc đầu nguầy nguậy - Sự chết có chờ đợi ai được đâu!

- Thế thì nhất định bảy tháng! Ít ra cũng để anh có đủ thời gian trả lại quan tước, bàn giao chức vụ và thu xếp việc gia đình chứ!

Anuruddha không chịu, Bhaddiya đành đưa cái hẹn bảy ngày!

Vui mừng, hớn hở, Anuruddha như bay trên lưng ngựa trở về kinh đô, sau đó, cùng với Ānanda, cả hai rủ thêm Kimbila, Bhagu và cả Devadatta tại kinh đô Devadaha, nước Koliya nữa! Và ai cũng khó khăn, vất vả lúc thuyết phục gia đình, nhất là Ānanda, nhưng do nhờ quyết tâm, họ được ra đi như ý nguyện!

Thế rồi, bảy ngày sau, họ leo lên cỗ xe lớn bốn ngựa kéo do người thợ cạo thân tín của hoàng gia, là thanh niên Upāli cầm

cương, theo đường lữ hành vượt biên giới Koliya! Biết đức Phật và đại chúng sa-môn đang còn ở tại làng Anupiyā; họ xuống xe, cởi bỏ hoàng bào cùng các món châu ngọc điểm trang, trao tặng hết cho người thanh niên thợ cạo Upālī.

Sau khi sáu ông hoàng đi khuất sau lùm cây, thanh niên Upālī nước mắt đoanh tròn, ôm mớ châu báu mà đứng sững! Upālī tự nghĩ: “Họ tốt quá! Họ giàu sang vương giả là thế, nhưng chức tước, địa vị, danh vọng, quyền uy, châu báu họ đã quẳng bỏ đi như mớ giẻ rách! Còn mình là gì? Một tên thợ cạo tầm thường, đủ ăn đủ mặc bấy lâu là nhờ ân đức của hoàng gia! Cái gì cũng không có cả thì ôm níu cái gì, mê đắm cái gì mà không chịu vứt bỏ, ra đi xuất gia như họ?” Upālī dẫu sanh thuộc giai cấp hạ tiện, nhưng chàng thông minh, sáng dạ, giải quyết sự vụ rất nhanh. Vì biết ngựa quen đường cũ nên Upālī tháo ngựa ra khỏi xe, tháo cương ra khỏi ngựa, lấy roi, quất nhẹ cho ngựa trở về đường cũ! Còn châu báu, Upālī gói thành sáu gói khác nhau, cứ đi một đoạn, chàng móc lên cành cây, thầm mong cho ai là người hữu phước sẽ sở hữu được tài sản vô chủ này! Xong xuôi, thở một hơi dài, Upālī nhắm hướng ngôi làng Anupiyā, ra sức chạy theo sáu ông hoàng.

Thấy Upālī hỏn ha hỏn hển tới nơi, nói cùng muốn xuất gia theo, ai cũng gật đầu, mỉm cười, khen phải!

Sau khi đánh lễ đức Phật, họ đồng xin xuất gia!

Ānanda thưa:

- Xin Thế Tôn hãy cho Upālī xuất gia trước để chúng đệ tử phải xem cậu ta như một vị sư huynh; lợi ích thứ nhất là nhằm xóa bỏ sự kỳ thị giai cấp, lợi ích thứ hai là dập tắt cái tính tự cao, tự đại của dòng dõi hoàng gia Sakyā và Koliya!

Đức Phật lặng yên chấp thuận. Mọi việc đã được chuẩn bị sẵn. Lễ xuất gia thọ giới tỳ-khưu cho Upālī và sáu nhân vật quan trọng của hoàng gia được diễn ra rất dị giản. Thế là Upālī, Ānanda, Devadatta, Bhaddiya, Kimbila, Bhagu, Anuruddha được tôn giả Sāriputta ân cần hướng dẫn cách mặc y, mang bát,

cách trì bình khát thực, cách thọ thực và cả cách đi đứng ngồi nằm của một sa-môn khát sĩ vào buổi đầu. Còn đức Phật thì dạy họ những pháp sơ cơ về cách hành trì tu tập, một vài căn bản về định và tuệ!

Hôm sau, đức Phật thông báo lên đường, rời ngôi làng Anupiyā, hướng đến kinh thành Vesālī! Đường xa, bộ hành vất vả, khá thương cho chú bé Rāhula dầm sương, dãi nắng, gỏi cây, nằm đất đã mười mấy ngày rồi. Tôn giả Sāriputta đã đề tâm dành mọi tiện nghi có thể, chăm lo cho vị sa-di tí hon này từng ly, từng tí! Chừng mười ngày sau thì đến ngoại ô Vesālī, đức Phật và hội chúng trú tại rừng Mahāvana; ngài cũng ở lại đây ba hôm để thuyết pháp cho cư dân trong vùng, rồi từ đó, lần hồi qua sông Gaṅgā, về đến Trúc Lâm kịp an cư mùa mưa.

3- Mùa An Cư Thứ Ba (585 tr. TL)

3.1- Thành Tựu Của Sáu Ông Hoàng

Các tỳ-khưu quý tộc dòng Sakyā, ban đầu thật là khó khăn khi thích ứng với đời sống mới; nhưng qua một tháng sau, ai cũng tìm được sự an lạc, thanh thoi! Tỳ-khưu Bhaddiya, sau khi nắm đề mục từ đức Phật, ông tinh cần tu tập. Đêm kia, ngồi dưới gốc cây, đi sâu vào định, Bhaddiya cảm nhận một niềm phúc lạc vô biên chưa hề có trong đời, hoan hỷ quá, ông thốt lên: “Ôi! Hạnh phúc quá! Hạnh phúc quá!”

Lúc ấy, nhiều vị tỳ-khưu hành thiền gần đấy, nghe được. Có vị nghi ngờ, tưởng rằng, vị tân tỳ-khưu Bhaddiya không kham nổi cuộc sống cơ cực của sa-môn, lại tưởng nhớ đến đời sống ngũ dục xa hoa vương giả cũ nên trình lại với đức Phật, mong nhờ ngài quan tâm sách tấn!

Chiều hôm sau, sau buổi pháp thoại, đức Phật nói với Bhaddiya:

- Đêm qua, trong lúc thiền tọa, ông đã bất giác thốt lên: “Ôi! Hạnh phúc quá! Hạnh phúc quá!” Điều ấy đúng sự thật hay không đúng sự thật?

Bhaddiya xác nhận:

- Quả đúng như thế, bạch Thế Tôn! Hơn mười mấy năm làm tổng trấn, cai quản suốt cả vùng lãnh thổ phương Bắc Sakyā, đệ tử đã từng thao thức trấn trở ngày đêm. Bên ngoài thì giữ yên lãnh thổ, đánh dẹp các toán thổ phỉ hung bạo; bên trong thì làm thế nào cho dân chúng có được cuộc sống bình yên, cơm no, áo ấm! Tuy nhiên, giàu sang, phú quý và quyền lực có thể làm cho tâm địa con người dễ sinh ra hư hỏng; do vậy, thù trong, giặc ngoài làm cho đệ tử luôn luôn nơm nớp lo sợ mặc dầu quân túc vệ thường trực canh gác nghiêm cẩn! Kể cả các vị quan thân tín nhất cũng phải đề phòng! Phản trắc, láo lùng, đục khoét của công, tham nhũng, hối lộ của giới chức thuộc quyền không những có thể nguy hại đến tính mạng của đệ tử mà còn nguy khốn cho cả vương quốc! Sợ hãi, bất an là tâm lý thường trực! Phiền não, lo lắng, nghi kỵ luôn chập chờn trước mắt như một ám ảnh bất trắc không rời!

Bạch Thế Tôn! Đệ tử xuất gia không phải do tự nguyện mà dường như bị ép buộc bởi lời hứa với hiền hữu Anuruddha! Tuy nhiên, vì uy đức của Thế Tôn, vì giáo pháp nhiệm mầu mà đệ tử được nghe, vì cảm mến tâm hồn thánh thiện của Anuruddha nên đệ tử đã khăng khái phát tay từ bỏ tất cả! Đêm hôm qua, giữa nửa khuya thanh vắng, đệ tử cảm nhận một sự thanh thản chưa từng có ở trong đời! Đệ tử thấy rõ, mình chẳng có gì để mất, chẳng có gì để sợ, chẳng có gì phải quan tâm, lo lắng, đề phòng! Hoàn toàn rỗng rang, thanh bình và tự tại! Với ý nghĩ như vậy, đệ tử đi vào thiền định một cách dễ dàng, vào các tầng thiền một cách ổn định, vững chắc! Thế rồi, các trạng thái hỷ, lạc chúng tâm mát, no đầy thân tâm làm cho đệ tử cảm nhận sâu sắc, tể vi niềm hạnh phúc của thiền duyệt! Chính lúc ấy, không dừng được, đệ tử đã thoát lên cảm hứng ngữ kia, đã làm cho huynh đệ phiền lòng, làm cho Thế Tôn phải quan tâm, đệ tử cảm thấy mình có lỗi vậy. Kính xin Thế Tôn và đại chúng cho đệ tử được sám hối!

Sau lời tự sự gan ruột của Bhaddiya, hội trường chợt yên lặng như tờ! Ai cũng nhìn vị cựu tổng trấn bằng tia mắt kính trọng và đầy thiện cảm!

Đức Phật mở lời tán thán:

- Ông hoàn toàn không có lỗi, mà ngược lại, câu chuyện này cần phải được tán dương và kể lại cho nhiều người nghe! Để cho mọi người cùng thấy rằng: Quyền lực, danh vọng, địa vị chỉ đem đến lo lắng, sợ hãi, bất an và đau khổ! Và chỉ có đời sống khước từ, xả ly, vô sản, bần hàn, độc cư thiền định mới đem đến an bình và hạnh phúc thật sự!

Thời gian sau, nhờ miên mật công phu, gia công thiền quán, tỳ-khuru Bhaddiya đắc được Tam minh, làm xong những việc cần phải làm của sa-môn hạnh! Trong lúc đó, tỳ-khuru Ānanda chứng được quả vị Nhập Lưu; tỳ-khuru Anuruddha có được Thiên nhãn thông; tỳ-khuru Kimbila và Bhagu đắc A-la-hán quả; tỳ-khuru Devadatta không đắc thánh quả nào nhưng lại đắc được Ngũ thông! Riêng tỳ-khuru Upāli, người thợ cạo, không đắc được gì cả, nhưng luôn được đại chúng khen ngợi về oai nghi, cử chỉ; tôn trọng các điều học được chế định một cách nghiêm túc, không có một khiếm khuyết nào về giới hạnh!

Vậy là tất cả họ đã đặt được những bước chân an toàn và vững chắc trên mảnh đất của giáo pháp Bất Tử!

3.2- Thần Y Jīvaka Komārabhacca

Cách đây hơn hai mươi năm về trước, tại kinh đô Rājagaha này có một cô kỹ nữ tài sắc vẹn toàn tên là Sālavatī⁽¹⁾. Khi sinh một hài nhi, sợ ảnh hưởng đến nghề nghiệp nên cô đã sai đặt trẻ trong cái giỏ tre rồi quăng bỏ bên vệ đường.

⁽¹⁾ Bà chính là mẹ của Jīvaka Komārabhacca và kỹ nữ xinh đẹp Sirimā.

(Sālavatī: A courtesan of Rājagaha, she was the mother of Jīvaka-Komārabhacca and of his sister Sirimā).

Hôm ấy, hoàng tử Abhaya⁽¹⁾ tình cờ bắt gặp, thấy còn sống (Jīvati) nên mang về nuôi nấng và đặt tên là Jīvaka.

Lớn lên, Jīvaka đặc biệt thông minh, khôn ngoan nhưng ưu tư quá sớm, đã nhận ra mình là một đứa con hoang. Tự nghĩ, mình không thể sống mãi trong cung phủ giàu sang, quý phái này với sự thương hại của mọi người. Phải tự lập! Phải kiếm một nghề để tự mưu sinh! Sau đó, Jīvaka băng ngàn lội suối mấy trăm do-tuần lên phương Bắc, quốc độ Gandhāra, thủ đô Takkasilā để học thuốc tại trường đại học y khoa nổi tiếng ở đây. Thế rồi, bảy năm theo học, Jīvaka là một vị sao sáng, một người học trò kiệt xuất về trí tài cũng như về đức hạnh được các thầy xác nhận là ưu tú.

Lúc bấy giờ, đức vua Seniya Bimbisāra mắc bệnh âm sang, tức là một loại mụn nhọt cứ rò rỉ hoại mủ và máu (bhagandalābādha) rất khó chịu. Các quan ngự y thấy đều vô năng! Nhưng Jīvaka chỉ với một ít thuốc bột giấu ở những đầu móng tay, chà lên làm cho những mụn nhọt bắt trị ấy đều khô mủ và máu, ít hôm là lành hẳn.

Xiết bao cảm kích, đức vua ban thưởng rất trọng hậu, sau đó, bổ nhiệm Jīvaka làm quan ngự y, có bốn phen chăm lo sức khỏe cho ngài và cho cả hoàng gia. Jīvaka còn nổi tiếng nhiều hơn nữa như đã giải phẫu sọ não cho một vị triệu phú ở kinh thành Rājagaha để lấy ra hai con sâu. Như mổ ruột cho một vị công tử ở Bārāṇasī để sắp xếp lại ruột non, ruột già bị xoắn lộn. Như đức vua Pajjota nước Ujjenī nổi tiếng độc ác, bạo tàn nên được gọi là Caṇḍappajjota⁽²⁾ bị bệnh vàng da, nhưng các quan ngự y thấy đều bó tay bất lực. Phần thưởng nghìn vàng vẫn còn treo lơ lửng ở đấy, nhưng sau khi chữa lành, Jīvaka không thêm nhận

⁽¹⁾ Cô kỹ nữ Padumavatī, ở tại Ujjenī, có một con trai với vua là Abhaya (Abhayarājakumāra) thuở ông còn rất trẻ. Vì con sinh không chính thức nên bảy tuổi, bà mới gởi con đến cho đức vua Bimbisāra.

⁽²⁾ Caṇḍa là dữ tợn, bạo tàn, hung dữ...

một xu, một cắc của ông vua ác độc.

Jīvaka Komārabhacca nghe danh đức Phật đã lâu, qua cửa miệng của đức vua, triều thần cũng như các bậc thức giả, quần chúng nhưng không ngờ, hôm đó, Jīvaka lại được diện kiến ngài ngay tại vườn xoài của mình.

Sau cuộc đàm thoại, cảm phục xiết bao lời dạy sáng tỏ đầu đuôi, thấy rõ gốc ngọn vấn đề của đức Phật, thần y Jīvaka Komārabhacca quỳ năm vóc sát đất xin được quy y, làm đệ tử, bắt đầu học tập bốn phận của người cận sự. Và việc đầu tiên là chàng hỷ cúng vườn xoài của mình để đức Phật và Tăng chúng tùy nghi sử dụng!

Nhiều lần về sau, mặc dầu công việc ở hoàng cung khá bận rộn, Jīvaka Komārabhacca vẫn thu xếp được thời gian viếng thăm Trúc Lâm, nghe pháp và quan sát sinh hoạt của tăng chúng. Trong vài lần đàm đạo với đức Phật về sức khỏe chung của chư tăng, Jīvaka nói rằng, đời sống hành thiền nhiều dễ phát sanh một số bệnh liên hệ do khí huyết thiếu lưu thông; chàng đề nghị ngài cho chư tăng tập thể dục, làm việc nhẹ về tay chân và nên tắm suối nước nóng.

Nói tóm lại, Jīvaka Komārabhacca chăm lo sức khỏe cho đức Phật và chư tăng rất tận tụy, chu đáo vậy.

3.3- Đại Thí Chủ Cấp Cô Độc

Ông là một thương gia giàu có, còn trẻ, tên thôi nôi là Sudatta; nhưng vì hăng tâm, hăng sản, do danh thơm bố thí và hay giúp đỡ những người nghèo khổ với lòng quảng đại vô song nên được người đời kính trọng, mến thương ban tặng cho tôn hiệu Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc); có nghĩa là: Nuôi ăn những người nghèo khổ, trợ cấp cho những kẻ cô độc! Kinh thành Sāvatti (Xá Vệ), vương quốc Kosala là quê hương sinh quán của ông.

Là chủ tịch một nghiệp đoàn thương mại, chuyên kinh doanh vàng bạc, đá quý nổi tiếng ở Kosala, trưởng giả Sudatta có dịp đi

đây đi đó luôn để liên hệ chuyện làm ăn. Ông kết hôn với em gái một phú thương ở Rājagaha nên thường hay tới lui thăm viếng.

Hôm kia, vào khoảng sau mùa mưa, năm 585 (tr.TL), Sudatta ghé nhà ông anh rể. Bình thường trưởng giả được cả nhà đón tiếp rất nồng hậu, nhưng nay thì chẳng thấy ai chào hỏi cả mặc dầu ông đã bước vào cửa trong! Trưởng giả Sudatta thấy ai cũng bận rộn sắp đặt, trang hoàng, trần thiết, dọn dẹp sạch sẽ chỗ này, chỗ kia như để chuẩn bị đón tiếp một vị thượng khách nào!

Ngạc nhiên, Sudatta cất tiếng hỏi thì được ông anh rể đáp:

- Hơn cả thượng khách nữa, này chú em! Vị này là đức Buddha, bậc thầy của chư thiên và nhân loại.

Mới nghe danh từ Buddha, tâm Sudatta chợt nhiên rung động, bồi hồi; một cảm xúc siêu thoát như chớm nở dịu dàng trong lòng, ông lấp bắp:

- Buddha... Buddha! Kỳ diệu làm sao! Buddha! Buddha! Kỳ diệu làm sao! Trái tim Sudatta xao xuyến, hồi dòn dập - Vậy vị ấy hiện thời ở đâu?

- Cũng gần đây, nơi cụm rừng Sītavana, qua khỏi một nghĩa địa, phía Tây thành phố, ngài đang ở đây cùng với chư vị sa-môn!

Thế là trưởng giả Sudatta bắt đầu nóng ruột, ông muốn đi gặp đức Phật ngay, nhưng tiếc thay, trời đã tối. “Qua hôm sau sẽ gặp! Qua hôm sau sẽ gặp! Và ta sẽ có cơ hội chiêm bái ngài!” Sudatta nhủ thầm như vậy, rất lấy làm hoan hỷ rồi yên tâm đi nằm ngủ. Vừa chợp mắt, Sudatta đã giật mình tỉnh dậy, mong cho trời mau sáng. Và cứ vậy, ông thức thòm, nằm rồi thức dậy nhiều lần. Đến đầu canh ba, Sudatta không còn chờ đợi được nữa, trong bóng tối, ông mở cửa khê khàng. Trăng hạ tuần soi tỏ mờ mờ, sương mù dày đặc. Sudatta nhắm hướng Tây bươn bả đi. Trời chấp chóa, Sudatta nôn nao nên vấp ngã luôn, dầu vậy, ông cũng lần mò đến được nghĩa địa. Bóng cây vò vồ chỗ này, ánh lân tinh từ những đốt xương người lấp lóa, chập chờn chỗ kia. Sự hoang vu và yên lặng của nghĩa địa làm cho người can đảm nhất, tóc tai cũng phải dựng ngược. Thiên chủ Sakka

thấy rõ nhân duyên to lớn của ông triệu phú đối với đức Phật và giáo pháp nên ngài nói vọng vào tai Sudatta những lời khuyến khích, sách tấn, nhờ vậy ông đi đến được cụm rừng Sītavana.

Khi đó trời vừa hừng sáng, đức Phật đang đi kinh hành ở ngoài trời, thấy trưởng giả Sudatta xuất hiện ở đầu bìa rừng, đức Phật cất tiếng khẽ gọi:

- Hãy lại gần đây, này Sudatta!

Tiếng gọi sao mà quá thân thuộc. Chợt nhiên, trưởng giả biết chắc đây là vị ấy, là “Đức Buddha chí tôn của mình” chứ không phải ai khác!

Sudatta bước nhanh lại và quỳ xuống: “Con đây, hỡi ngài, hỡi đức Buddha chí tôn”. Ông lấp bắp. Ông cảm xúc quá! Ông hoan hỷ quá! Ôi! Đức Buddha là vị này đây! Trưởng giả Sudatta chiêm ngưỡng mãi, không biết nói gì! Lâu lắm, ông mở miệng:

- Đức Buddha có được yên vui không?

- Này Sudatta con! Chắc chắn lúc nào một vị A-la-hán cũng yên vui, vì bên trong các ngài mọi thứ lửa nung đốt đều đã được dập tắt! Tất cả dục vọng đeo níu, đắm trước đều không còn dư tàn! Do vậy, tâm của vị A-la-hán luôn trong sạch, thanh tịnh và mát mẻ! Tâm vị ấy, như vậy, là đã thành tựu một vương quốc hòa bình, an lạc và chân phúc!

Nghe xong, ngay giây khắc ấy, trưởng giả Sudatta đắc quả Nhập lưu, đi vào dòng thánh! Ông cảm nhận một cách sâu sắc rằng, cái thấy, cái biết, cái trí, cái tâm của ông bây giờ đã đổi khác! Đức tin vắng lặng, trong sạch và thánh thiện ở trong ông dường như vừa nở một đóa kỳ hoa! Sudatta lặng lẽ quỳ xuống, đánh lễ đức Phật với vô vàn sự tri ân và lòng quý kính!

Ngày hôm sau, đức Phật thọ trai tại tư gia của ông anh rể Sudatta, thuyết pháp thuận thứ, khuyến khích sự tu học, đặt cả gia đình vào quy giới rồi trở về Trúc Lâm!

Hôm kia, trưởng giả Sudatta vào bạch Phật, thỉnh ngài và tăng chúng về Sāvattthi để truyền bá chánh pháp; hy vọng rằng với giáo lý an bình, thanh tịnh và siêu việt này có thể nhiếp

phục chúng ngoại đạo và hóa độ cho nhiều người hữu duyên! Rồi ông cũng trình bày những khó khăn phức tạp ở đây vì chắc chắn, chúng ngoại đạo sẽ quấy phá như thế nào!

Đức Phật chăm chú lắng nghe rồi nói:

- Ủ! Như Lai cũng biết là sẽ rất khó khăn! Bất cứ sự cảm hóa, cải thiện nào, mặc dầu có lợi ích vẫn bị sự phá hoại, chống đối từ nhiều phía. Con người không dễ dàng thay đổi một thói quen, nhất là những thói quen đã biến thành lễ nghi, tập quán cắm rễ, ăn sâu trong truyền thống tín ngưỡng từ đời này sang kiếp nọ!

Tôn giả Sāriputta chột quỳ thưa:

- Tuy nhiên, giáo pháp giác ngộ, giải thoát cần phải được xiển dương, cần phải đi vào lòng người và xã hội! Đệ tử của đức Tôn Sư phải biết giương cao ngọn cờ muṇja, ngọn cờ của bậc thiện trí!

Đức Phật mỉm cười:

- Vậy này Sāriputta! Ông hãy nghiêng vai mà nhận lãnh trách nhiệm cam go ấy! Tất cả khó khăn vào buổi đầu, Như Lai giao phó cho ông đây!

Tôn giả Sāriputta cúi đầu lạy tạ.

Mấy hôm sau, tôn giả Sāriputta cùng trưởng giả Sudatta theo lộ trình thương mại, ngược lên phía Bắc đến quốc độ Kosala.

3.4- Lấy Vàng Đổi Đất

Suốt mấy ngày lên xe ngựa dong ruổi khắp các miền ngoại ô kinh thành Sāvatti nhưng trưởng giả Sudatta chưa lựa chọn được một miếng đất vừa ý. Hôm kia, ông tìm thấy một khu vườn rất đẹp, vừa rộng rãi, lại có cả một rừng cây thụ mát mẻ, thích hợp cho việc thiết lập một tu viện. Hỏi ra mới biết đây là khu vườn nghỉ mát của hoàng tử Jeta (Kỳ Đà), con vua Pāsenadi!⁽¹⁾ Biết là

⁽¹⁾ Theo tư liệu trong *Dictionary of Pāli proper Names* - thì vị hoàng tử này về sau bị người em cùng cha khác mẹ là Viḍudabha sát hại.

sẽ rất khó khăn, nhưng trưởng giả cũng quyết tìm đến vương phủ của hoàng tử, lựa lời khôn khéo, xin ông ta nhượng lại khu vườn ấy để sử dụng vào việc lợi ích.

Hoàng tử Jeta nhất định không bán, nhưng thấy quyết tâm của ông triệu phú, hoàng tử ra một cái giá như thách thức: Là nếu có khả năng lát vàng cả khu đất thì ông sẽ bán cho!

Tưởng là nói chơi cho vị triệu phú bỏ cuộc, ai ngờ hôm sau ông triệu phú mang vàng từ kho này đến kho kia đem lát trên khu đất.

Đến ngày thứ tư thì vàng đã vàng chóc cả khu vườn, khi hoàng tử Jeta tìm đến thì thấy trưởng giả đang đo đạc, tính toán gì ở nơi mấy gốc cổ thụ. Hoàng tử tuy hơi nao núng, nhưng cũng thật tình, ước hỏi:

- Sao? Thiếu vàng rồi phải không? Ông trưởng giả rút lui chuyện mua bán lạ lùng này cũng chưa muộn mà!

- Dạ, không phải thế, tâu điện hạ! Trưởng giả Sudatta ung dung nói - Tôi đang tính cách lát vàng nơi những gốc cây choán chỗ trên đất, đồng thời, tính xem, nên chớ vàng từ kho nào đến đây mới đủ và tiện đường nhất!

Hoàng tử Jeta thấy mình nổi da gà cả toàn thân, ngạc nhiên, tò mò, ông hỏi trưởng giả về mục đích kiến tạo tu viện? Trưởng giả Sudatta đôi mắt chột bùng sáng lên, thân thiết nắm tay hoàng tử, nói tóm tắt nhưng đầy đủ về đức Phật, Tăng chúng và giáo pháp cho hoàng tử nghe!

Đề kết luận, trưởng giả Sudatta sung sướng nói:

- Vô cùng cảm ơn điện hạ đã hào sảng nhượng lại cho tôi khu vườn quý giá này! Mai kia, sau khi kiến tạo xong, tôi sẽ hiến cúng tất cả công trình này cho đức Phật và Tăng chúng! Vậy là công đức của điện hạ cũng to lớn lắm vậy!

Hoàng tử Jeta cảm thấy rất hổ thẹn trước sự vĩ đại của vị trưởng giả nên nói rằng:

- Hãy ngưng lại, trưởng giả quý mến! Vậy là đủ rồi, chẳng cần phải lát vàng thêm nữa! Đất bây giờ đã là của ông, nhưng

ông hãy cho ta hùn góp một chút công đức, là cúng dường cả vườn cây, được chăng?

Vui mừng quá, trưởng giả Sudatta nói:

- Rất là hoan hỷ, thưa điện hạ! Hay lắm! “Cây” là của điện hạ cúng dường! “Đất vườn” là của tôi đóng góp! Hay lắm!⁽¹⁾

Thế rồi, với sự góp ý của tôn giả Sāriputta, công trình xây dựng được tiến hành. Mọi sự phá phách của ngoại đạo rồi cũng vượt qua. Thế là tại đất nước Kosala, kinh thành Sāvattthi, một trung tâm hoàng pháp ở phương Bắc đang chờ đợi đức Phật và tăng chúng đến trú cư và giáo hoá sinh quần!

3.5- Kỳ Viên Đại Tịnh Xá

Do tôn giả Sāriputta báo tin trước nên đức Phật và tăng đoàn mới đến địa đầu kinh thành Sāvattthi thì trưởng giả Sudatta và hoàng tử Jeta đã đến nơi nghinh đón! Nhìn tướng hảo quang minh của đức Phật và sự trang nghiêm, thanh sáng của đoàn samôn đang thông dong, tự tại từng bước một, kéo dài xa hút, trưởng giả Sudatta xúc động, bồi hồi, hoan hỷ đến chảy nước mắt! Hoàng tử Jeta thì đứng lặng người, một niềm tôn kính thiêng liêng đã đến với ông!

Hôm sau, trưởng giả Sudatta và hoàng tử Jeta tổ chức một buổi cúng dường lớn lên đức Phật và tăng đoàn giữa rừng cây. Trưởng giả Sudatta cung kính mở lời:

- Bạch Thế Tôn! Chúng đệ tử phải sắp đặt, thiết lễ cúng dường Kỳ Viên đại tịnh xá như thế nào để cho đúng với pháp và luật?

- Này Sudatta! Ông hãy khởi tâm cúng dường Kỳ Viên đại tịnh

⁽¹⁾ Sau này, khi gọi tên đầy đủ thì phải gọi tu viện này là: Kỳ thọ là Cây của Kỳ Đà; Cấp Cô Độc viên là Vườn của Cấp Cô Độc, gọi tắt là Kỳ Viên; còn gọi là Bồ Kim Tự ‘chùa trái vàng’. Cũng theo tư liệu trên, khu vườn được lót vàng trị giá 18 triệu đồng tiền vàng.

xá đến cho tăng chúng mười phương, cả hiện tại và tương lai!

Câu nói của đức Phật thế là như bản giao kèo để ông trưởng giả trao quyền sử dụng cơ sở mà không chuyển nhượng quyền sở-hữu-chủ làm lễ rót nước lên tay ngài như ở Trúc Lâm. Cũng từ câu nói khôn khéo ấy, quyền sử dụng Kỳ Viên đại tịnh xá không giới hạn ở đức Phật và tăng đoàn ở đây mà cho tăng chúng mười phương, bây giờ và cả mai sau! Như vậy, phước báu của ông trưởng giả Sudatta lớn rộng hơn nhiều.

Mới hai ngày ở Kỳ Viên mà luồng gió trong lành của giáo pháp đã thổi khắp kinh thành Sāvatti và cả miền ngoại ô. Nhiều thành phần giai cấp khác nhau tìm đến nghe pháp. Khuya, đức Phật thuyết pháp cho chư thiên, dạ-xoa, thọ thần ở trong vùng. Trời Sakka xuống đánh lễ, vấn an sức khỏe ngài rồi chỉ thị Tứ thiên vương hộ trì tăng chúng. Phạm thiên Sahampati hào quang sáng rực, xuống đánh lễ, chào mừng và cùng hoan hỷ khi thấy giáo pháp được phát triển đến quốc độ Kosala này.

3.6- Tỳ Khru Subhūti (Tu-bồ-đề)

Thấy công việc ở đây cũng tạm yên, đức Phật chuẩn bị lên đường về Trúc Lâm tịnh xá cho kịp an cư mùa mưa - thì trưởng giả Sudatta dẫn đến một người với phục sức sang trọng, tướng mạo đẹp đẽ, ông quý thừa:

- Bạch Thế Tôn! Đây là thanh niên Subhūti (Tu-bồ-đề), em trai của đệ tử; suốt một tuần nay, y chăm chú lắng nghe giáo pháp, tâm trí không rời giáo pháp nên cảm thấy hân hoan, thỏa thích. Bây giờ, em trai của đệ tử muốn xin xuất gia, sống đời phạm hạnh, ngưỡng mong ngài thế độ cho y!

Quán căn duyên, đức Phật thấy rõ, biết rõ Subhūti đã tu hành cách đây đã mười lăm đời đức Chánh Đẳng Giác; từ thuở đức Phật Padumuttara, ông ta đã là đạo sĩ Nanda nổi danh nhiều phương. Sau này, Subhūti sẽ là vị tỳ-khru thích sống ở núi rừng, được coi là bậc ly dục đệ nhất!

Đức Phật mỉm nụ hoa sen, gật đầu, nói vài lời giáo giới căn bản rồi bảo hai vị đại đệ tử chuẩn bị cho Subhūti thọ giới ngay, có ngài chứng minh.

Nhìn vị tân tỳ-khưu y bát, tướng mạo trang nghiêm như đã từng xuất gia lâu năm, đức Phật sách tấn nhưng chỉ nói ngắn gọn:

- Nay Subhūti! Ông đã có căn cơ sâu dày, vậy hãy sống đời phạm hạnh thiêng liêng, trong sạch.

Tân tỳ-khưu Subhūti cúi đầu nghiêm cẩn.

4- Mùa An Cư Thứ Tư (584 tr. TL)

4.1- Vesālī Thiên Tai, Dịch Hoạ

Qua tháng thứ hai an cư tại Trúc Lâm thì xảy ra một biến cố. Chuyện là, miền Nam sông Gaṅgā trời đổ mưa liên tục từ ngày này sang ngày khác; nhưng suốt bốn năm tháng nay, phía Bắc lại không có một giọt! Thế là một thảm họa đổ xuống các tiểu bang ở đây, nhất là kinh thành Vesālī: Đất đai nứt nẻ, đồng ruộng, nương vườn khô cháy; mùa màng thất bát, lúa gạo dự trữ không đủ sức cầm hơi, đến nổi cả rau cỏ xanh cũng không có mà đồ dạ. Thế là đói khát trầm trọng (dubbhikkhan-tarakappa) xảy ra. Đó là nạn thứ nhất. Vì đói nên người chết rất nhiều, người sống không còn đủ sức mang xác ra nghĩa địa hoặc hỏa thiêu; họ chỉ việc quăng xác ra ngoại thành, mùi hôi thối tỏa khắp mọi nơi. Ấc dạ-xoa lộng hành quậy phá làm khổ dân chúng. Đó là nạn thứ hai. Vì xác chết, vì hôi thối nên dịch bệnh lan tràn càng làm cho người chết nhiều thêm nữa. Đó là nạn thứ ba!

Các đức vua và hội đồng tướng lãnh các tiểu bang cộng hòa cấp tốc hội họp, đề cử một viên đại thần, tên là Mahālī, vốn là thân hữu của đức vua Seniya Bimbisāra làm trưởng đoàn sứ giả, mang lễ phẩm trọng hậu đến Rājagaha, nhờ đức vua giúp đỡ, trình lên đức Phật, mong ngài đến tiểu bang Licchavī, kinh thành Vesālī để cứu khổ cho muôn dân. Đức vua không dám nhận hậu tình, bảo rằng đoàn sứ giả nên đến đánh lễ đức Phật,

tường trình mọi sự lên ngài, hiện đang an cư ở Trúc Lâm với đại chúng tỳ-khưu!

Đức Phật đã sớm biết chuyện này, ngài nói với viên sứ giả:

- Các ông hãy về đi! Như Lai và hội chúng năm trăm tỳ-khưu sẽ đến Vesālī trong mười, mười mấy hôm nữa!

Lúc phái đoàn sứ giả ra về rồi, Đức Phật nói với vị đại đệ tử:

- Nay Moggallāna! Ba thảm nạn của Vesālī xảy ra, trong đó có hai lý do nữa nhưng ít người biết. Thứ nhất là do ác pháp phát sanh từ các người lãnh đạo. Thứ hai là do chư thiên, thiện thần, thiện dạ-xoa bỏ đi. Vậy trước mắt, ông vào hoàng cung, gợi ý với đức vua, việc “cứu nạn” cho Vesālī là việc nên làm. Nghĩa cử ấy thật thiêng liêng và cao quý vậy.

Tôn giả Moggallāna vâng lệnh đi ngay.

Đức Phật lại nói với tôn giả Ānanda:

- Ông có trí nhớ rất tốt, vậy phải học bài kinh uy lực của Tam Bảo mà Như Lai sẽ đọc sau đây, nó có tên là Ratanasutta; sau khi thuộc rồi, ông hãy lựa chọn mấy trăm vị tỳ-khưu còn trẻ, trí nhớ tốt, tức tốc dạy cho họ học thuộc bài kinh ấy!

Thế rồi, đến ngày, đức Phật, mấy chục vị trưởng lão, năm trăm tỳ-khưu và phái đoàn cứu tế của đức vua Seniya Bimbisāra rầm rộ lên đường. Bảy ngày sau, đến sông Gaṅgā, tại thị trấn Pāṭaligama, đức vua đã cho chuẩn bị sẵn năm mươi chiếc thuyền lớn để chở phái đoàn và lương thực.

Khi đức Phật vừa đặt chân lên bờ Đông nước cộng hòa Licchavī - thì một trận mưa rất lớn, tối trời tối đất như tự cổng trời mở ra, xối xả đổ xuống vùng đất đại hạn như đã chờ đợi lâu từ lâu lắm!⁽¹⁾ Trận mưa lớn kéo dài nửa ngày, bao nhiêu xú uế tan mất. Nhân dân khắp nơi tràn ra đường, vui mừng hò reo,

⁽¹⁾ *Tại nhân gian không biết, chứ lúc ấy, thiên chủ Sakka đã huy động Tỉ đại thiên vương, thiên binh, thiên tướng, hội chúng rồng, hội chúng dạ-xoa cùng theo hầu đức Phật. Ác thần, ác dạ-xoa sợ hãi trốn đi nơi khác; các thiện thần, thiện dạ-xoa đồng loạt tìm về!*

hát ca, nhảy múa. Các đức vua, hội đồng tướng lãnh, quý tộc đến sụp lạy bên chân đức Phật, nghẹn ngào tri ân, chảy nước mắt, không nói được nên lời! Đức Phật, phái đoàn và hai ngàn xe lương thực vào thành. Dân chúng quỳ lạy hai bên đường.

Đêm xuống, dưới ánh đuốc chập chờn, đại đức Ānanda dẫn đầu năm trăm tỷ-khuru đi quanh thành Vesālī ba vòng, tụng bài kinh Ratanasutta suốt đêm không ngủ...⁽¹⁾ Ôi! Bài kinh với âm giọng của năm trăm vị tỷ-khuru đồng cất lên suốt đêm trường, thật là trầm hùng khôn tả. Cả đất trời Vesālī như chìm ngập giữa biển âm thanh thăm sâu, cao diệu. Chư thiên vân tập đầy đặc cả không gian, thành kính lắng nghe kinh rồi cất lời đại nguyện hộ trì Tam Bảo, quốc độ nếu các đức vua và tướng lãnh sống theo chánh pháp.

Công việc cứu đói, trị bệnh và vệ sinh tẩy uế các nơi kéo dài hơn cả tuần lễ, đâu đó hoàn mãn. Trong thời gian ấy, khi chư tăng về nghỉ ở Mahāvana thì đức Phật thuyết pháp liên tục tại triều đình, hội chúng gồm các đức vua, tướng lãnh, quý tộc, các quan đại thần, trí thức, nhân sĩ, phú hộ, thương gia tai mắt: Cộng hòa Licchavī, thủ đô là Vesālī; cộng hòa Videha, thủ đô là Mithilā; năm sáu bộ tộc nhỏ liên minh thành liên bang Vajjī. Đức Phật nhấn mạnh về trị quốc an dân mà sự thương yêu, đoàn kết để sống trong thiện pháp mới là yếu tố quyết định. Đức Phật triển khai một số thời pháp liên hệ đến chư thiên, phi nhơn ở trong thế giới xung quanh, phải sống làm sao để họ cùng hoan hỷ!

Thấm đẫm về hương vị của chánh pháp và thấy rõ oai lực của đức Phật, của hội chúng giáo đoàn đã giải tan tức khắc ba thảm nạn; họ xin quy giáo rất nhiều và hứa cải cách việc bầu cử chọn lựa các đức vua đức độ, các quý tộc võ tướng hiền tài điều

⁽¹⁾ Là bài kinh “*Yān’īdha bhūtāni samāgatāniBhummāni vā yāni’va antaḷikkheSabbe’va bhūtā sumanā bhavantu Atho’pi sakkacca suṇantu bhāsitaṃ...* Phàm chúng thiên nhơn nào. Cư ngụ trên địa cầu. Hoặc hư không trú xứ. Đã vân tập về đây. Phát sanh lòng hoan hỷ. Chánh tâm và thành ý. Lắng nghe lời dạy này...

hành và lãnh đạo các nơi.

Hội đồng tướng lãnh, nhân dân và cư sĩ hai hàng thỉnh nguyện đức “Cứu-khổ-cứu-nạn” ở lại; thế nhưng, khi thấy tình hình đã trở nên sáng sủa, tốt đẹp, đức Phật và hội chúng từ giã, trở lại Rājagaha.

“Ôi! Cuộc chuyển hóa của đức Tôn Sư thật là vĩ đại”, các vị trưởng lão đồng khởi lên một ý nghĩ giống nhau như thế!

4.2- Đức vua Suddhodana đắc quả A-la-hán

Sau mùa an cư, nghe tin đức vua Suddhodana bệnh nặng, đức Phật và chừng năm trăm tỷ-khuru lại bộ hành lên phương Bắc.

Đến Kapilavatthu, khi đại chúng nghỉ ngơi tại Rừng Cây Đa thì đức Phật cùng hai vị đại đệ tử, Ānanda, Nanda và Rāhula vào hoàng cung thăm đức vua Suddhodana ngay tại giường bệnh - bệnh già thôi - nên ông còn rất tỉnh táo. Dịp này, đức Phật nắm hai tay đức Suddhodana rồi thuyết cho nhà vua nghe một thời pháp để cắt đứt những vi tế phiền não còn sót lại. Và quả đúng như vậy, đức Suddhodana đoạn lìa sắc ái, vô sắc ái, ngã mạn, phóng tâm và vô minh, chứng đắc A-la-hán đạo quả!

Thế là đã làm xong những việc cần phải làm đối với đáng sinh thành, đức Phật quan sát thọ hành, biết là còn đúng bảy ngày nữa nhà vua mới xả bỏ ngũ uẩn, ngài trở về đại viên Nigrodhārāma, chỉ để Rāhula ở lại.

Suốt hai ngày sau đó, buổi sáng nào đức Phật và chừng năm mươi vị trưởng lão cũng đi bát tại hoàng cung, ghé thăm vua cha, độ trai rồi thuyết pháp. Đặc biệt, ngài nhắm đến thành phần con cháu hoàng gia, quý tộc và con cháu đại thần, chiến sĩ, thị nữ, gia nhân...

Sau khi đắc đạo quả xuất trần, đức vua Suddhodana nằm trên giường bệnh chứng nghiệm hạnh phúc siêu thế; nhưng đến ngày thứ sáu thì những luồng gió mang sức lửa di chuyển tới lui trong cơ thể, tạo sự đau đớn lan từ ruột, nhức buốt xương cốt

đến cả tay chân. Ngài sử dụng định lực và tuệ quán bình tĩnh lắng nghe. Không một lời rên xiết, ta thán, đức vua sử dụng tâm định, nhẫn, xả để kiên trì chịu đựng, mồ hôi tuôn ra từng giọt, từng giọt. Các quan ngự y và những người hầu cận sợ hãi cuống cuồng không biết làm sao!

- Hãy yên tĩnh đi nào! Đức vua Suddhodana trầm tĩnh nói - Thân trầm đau đớn lắm nhưng tâm trầm rất an lạc, đừng rối loạn lên như thế!

Lệnh bà Gotamī, công nương Yasodharā, các đức thân vương tìm đến tức khắc. Và cũng ngay sau đó, đức Phật, Ānanda, Nanda, Rāhula có mặt ngay bên cạnh.

Đức Phật nhìn vua cha:

- Chỉ còn một hôm nữa thôi, phụ vương sẽ nhập Niết-bàn vô dư, chấm dứt tất cả dukkha, vĩnh viễn nếm thưởng hạnh phúc siêu thế; vậy về chuyện vương triều, phụ vương có dặn dò gì không?

Đức vua Suddhodana mỉm cười nói:

- Trẫm đã sắp xếp cả rồi! Tối hôm qua trẫm đã nói chuyện với các đức thân vương ở đây, là sau khi trẫm mất, tuyên cáo rộng rãi rồi làm lễ đăng quang cho Mahānāma kế thế ngôi vua!

- Phụ hoàng rất minh mẫn!

- Vận nước đang đi xuống, bạch Thế Tôn! Quả nghiệp Sakyā nặng lắm, biết bao nhiêu là nghiệp sát trước đây! Không ai có thể cứu mình nếu mình không biết tự cứu! Ôi! May mắn làm sao, hạnh phúc làm sao là Ānanda, Nanda, Rāhula được đi theo chiếc bóng của đức Thế Tôn để bước ra khỏi cảnh trầm luân sinh tử bao đời!

Đức vua chợt chấp tay lại:

- Trẫm vì vô minh, ngu muội, thật tiếc là không biết được, không thấy được nhân cách của một bậc Toàn Giác tỏa rạng nơi Thế Tôn từ lần đầu tiên ngài trở về thăm Kapilavatthu. Thời gian ấy, trẫm đã có một vài tư tưởng mạo phạm, xin Thế Tôn cho trẫm được sám hối!

Đức Phật nói:

- Tâm và trí của phụ hoàng bây giờ sáng suốt và trắng trong như thế, chẳng hạt bụi nào có thể hoen dính vào đấy được!

Nghỉ hơi một lát, đức vua lại hướng mắt đến các vị hoàng đệ, các đức thân vương đang đứng ở xung quanh:

- Trẫm làm vua lâu quá, nhưng không phải là do tham quyền cố vị mà là vì không có người đảm đương nổi, hãy thông cảm cho trẫm! Sáu bảy mươi năm qua, nếu trẫm có làm được việc gì đó cho dân cho nước là cũng nhờ sự khuông phò, phụ tá cần mẫn của chư vương đệ. Trong lúc cầm quyền trị nước, không tránh khỏi độc tài, độc đoán; nếu có lỗi lầm nào, xin chư vương đệ tha thứ cho trẫm!

Các vị hoàng đệ và các đức thân vương đồng quỳ xuống, rướm lệ, lặng lẽ, sụt sùi tiếc thương.

- Này hậu Gotamī! Đức vua nói tiếp - Bà là người hiền đức, suốt đời là mảnh trăng vàng vạc cho hậu cung soi chiếu! Mọi đức tính tuyệt vời của tấm lòng người mẹ, bàn tay người mẹ, bà là viên ngọc manī không tí vết. Nếu trẫm có lỗi lầm nào thì xin hậu hãy hỷ xả mà bỏ qua cho trẫm với nhé!

Lệnh bà Gotamī cắn chiếc khăn trong tay để ngăn tiếng khóc...

Đức vua cũng ca ngợi đức hạnh của Yasodharā... rồi công nương cũng sụt sùi...

Đức Phật đứng dậy nói:

- Vậy là vừa đủ rồi, những giọt nước mắt tự nhiên và thiêng liêng ấy! Phụ hoàng đã dặn dò, đã làm xong những việc cần phải làm trên cuộc đời này; bây giờ mọi người hãy trở về chuẩn bị hậu sự. Sáng mai, lúc bình minh rạng, phụ hoàng sẽ xả bỏ báo thân, Như Lai và các vị trưởng lão sẽ có mặt.

4.3- Lễ Hỏa Táng Đức Vua

Khi đức Phật và chư vị trưởng lão đến hoàng cung thì trong ngoài mọi người đã đầy kín, lóng ngóng chờ trông...

Đức vua Suddhodana nằm nghiêng về bên phải, yên tĩnh trên

giường bệnh. Đức Phật đến gần bên, hướng tâm biết thọ hành của đức vua đang ở những sát-na cuối cùng, lát sau mỏng dần, tan dần...

- Bậc A-la-hán cao quý thế là đã an trú vô dư y Niết-bàn! Đức Phật nói rồi cắt đặt công việc - Này Sāriputta! Ông cùng Kāludāyi, các tỳ-khuru Sakyā, quan đại thần Mahānāma hãy đi tìm địa điểm làm lễ hỏa táng rồi thiết kế một hỏa đài trang trọng trong khả năng của vương triều!

Tôn giả Sāriputta lãnh mệnh, bước đi.

Đức Phật quay sang dặn bảo mọi người xung quanh:

- Xin mời thỉnh các đức thân vương hãy ra ngoài triều bảo mọi người chỉ cần đội hoặc quàng khăn tang trắng, giữ gìn không khí yên tĩnh; và chư vị có thể triệu tập hội đồng trưởng lão bàn việc tang lễ, phải làm những gì cho phù hợp với truyền thống thì tùy nghi. Di mẫu về hậu cung, truyền cho cung nga thể nữ, thị nữ quàng khăn tang, không nên khóc lóc, huyên não.

Với chư tăng, đức Phật nói:

- Ānanda, Nanda... ở lại một bên để cùng với Như Lai tắm rửa, thay y phục cho phụ vương! Các trưởng lão Vappa, Assaji, Bhaddiya, Mahānāma, Yasa, Uruvelākassapa, Gayākassapa, Nadīkassapa, Mahā Kassapa chia từng nhóm hội chúng tỳ-khuru để hành thiền hoặc tụng những bài kệ vô thường, vô ngã, dukkha để thức tỉnh nhân tâm. Còn Mahā Moggallāna tạm thời thay mặt Như Lai thuyết những thời pháp phải lễ cho mọi người đến dự lễ tang.

Phân bố đầu đầy xong xuôi, đức Phật cùng Ānanda, Nanda tắm rửa, tắm liệm và thay vương bào mới cho đức vua, phủ lên một tấm y màu hoại sắc, biểu tượng đức vua đã là một vị tỳ-khuru A-la-hán! Rồi cũng chính đích thân đức Phật và chư tăng gánh linh cữu đức vua quán tại sảnh đường lớn rộng của hoàng cung để cho mọi người đến thăm viếng, chiêm bái, cúng dường hoa hương, lễ phẩm.

Linh cữu quán bảy ngày để các tiểu quốc thân cận, các trấn

thành trong nước đến thăm viếng. Hỏa đài bằng chất liệu gỗ thơm và hoa được thiết kế công phu, mỹ thuật; tuy nhiên, vua trời Sakka còn xin phép tôn giả Sāriputta chụp lên nóc hỏa đài một bảo tháp trăm nóc, có tên là Dibyakutagara, căn châu ngọc của cõi trời thật là huy hoàng, tráng lệ.

Giờ hỏa táng, chính đức Phật, Ānanda, Nanda cùng các vị trưởng lão tôn túc khiêng linh cữu của đức vua. Cả rừng người mang hoa đến chất đống quanh hỏa đài. Trời Sakka hiện thành thân người, nhiễu quanh linh cữu ba vòng về tay mặt, dâng lên đức Phật một viên ngọc đỏ, có tên là Jotivansī, khi cần, có thể phát hỏa bốc cháy tất cả mọi vật rồi tỏa hương thơm diệu kỳ. Đến lúc phải thời, đức Phật bước tới, đặt viên bảo ngọc ở chân hỏa đài. Viên hỏa ngọc diệu kỳ do có tính năng cảm ứng tinh thần của sở hữu chủ và vật chất xung quanh nên nó phát lửa, một ngọn lửa mát lạnh tỏa khắp không gian, bốc mùi thơm tinh khiết. Lời kệ trầm hùng lại trỗi lên như đưa thần thức con người vào cõi siêu thoát.

Cuộc lễ hỏa táng vĩ đại, có một không hai trên châu Diêm-phù-đề, đích thân đức Chánh Đẳng Giác chủ trì, đến chiều tối là hoàn tất. Triều thần và con cháu dòng tộc Sakyā thu lượm tro cốt chia nhau để phụng thờ.

Ít hôm sau, Mahānāma làm lễ đăng quang vương vị, kế thế ngôi báu theo di huấn của đức tiên đế Suddhodana.

4.4- Thành Lập Ni Giới

Đức Phật ở lại đại viên Nigrodhārāma để thuyết pháp cho mọi thành phần giai cấp đều được nghe. Đến ngày thứ tư thì lệnh bà Gotamī đến quỳ xin đức Phật xuất gia, ba ngày, ba lần như thế nhưng ngài đều từ chối. Lệnh bà vô cùng sầu não. Đối với lệnh bà, hoàng cung bây giờ thật là hoang vu, vắng lạnh. Hạnh phúc của người đàn bà là lo cho chồng, cho con, cho cháu; nhưng Nanda, Rāhula đã xuất gia, và bây giờ đức vua

Suddhodana ra đi nữa thì bà còn biết sống để làm gì và sống cho ai?

Tuy nhiên, lệnh bà chưa bỏ cuộc. Khi đức Phật và tăng đoàn rời Kapilavatthu, trên đường trở lại Vesālī chỉ mới vài hôm thì lệnh bà Gotamī đầu cạo trọc, mang bát, mặc y màu hoại sắc dẫn đầu đoàn nữ sa-môn chừng khoảng mấy trăm nữ nhân theo con đường của khách thương buôn xuôi mãi về hướng Đông nam.

Ôi! Kê sao cho xiết sự gian lao, vất vả trên lộ trình gần ba mươi do-tuần xa xôi của những tấm thân cành vàng lá ngọc, liễu yếu đào tơ ấy! Với những khuôn mặt tiều tụy, hốc hác, y cà-sa dơ dáy, bụi bẩn và những đôi chân ngọc sưng phù, bết máu sau hơn tháng trường họ cũng đến được Vesālī, rừng Mahāvana, trước Sảnh Đường Nóc Nhọn tại Đại Lâm.

Hôm ấy, đại đức Ānanda trông thấy họ, lạ lùng quá, thốt lên:

- Tại sao quý bà, quý công nương lại là những nữ sa-môn như thế này? Lại tiều tụy, cơ khổ như thế này đã chứ?

- Chúng tôi lặn lội vất vả dặm bụi đường xa đến đây là chỉ để xin đức Phật được sống đời xuất gia phạm hạnh mà thôi! Lệnh bà Gotamī thành khẩn nói - Tôi đã ba lần quỳ bái, cầu xin ở đại viên Nigrodhārāma mà Thế Tôn không khứng chịu! Bà bật khóc - Vậy xin nhờ đại đức vào tâu trình với Thế Tôn một tiếng; và biết đâu nhờ lời ăn tiếng nói khôn khéo, tình lý phân minh của đại đức mà ngài vị nể cũng nên!

Đại đức Ānanda thấy tình cảnh tiều tụy đáng thương của đoàn nữ sa-môn, ai ai chân cũng sưng phù, rướm máu, đại đức Ānanda không thể kềm chế xúc động, vào ngay chỗ đức Phật, hấp tấp nói:

- Kính bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn mở lòng bi mẫn, cho lệnh bà Gotamī cùng mấy trăm nữ nhân Sakyā tháp tùng được sống đời xuất gia!

Đức Phật biết tất cả mọi việc rồi, nhưng ngài im lặng. Ānanda với giọng đầy cảm xúc, thưa tiếp:

- Họ khóc lóc thảm thiết lắm, khổ sở lắm; y bát nhuộm đầy

bụi đường tang thương lắm, bạch Thế Tôn! Nếu không được phép xuất gia, họ cũng không chịu về đâu!

Lần thứ hai, đức Phật cũng im lặng. Đại đức Ānanda chột tràm tĩnh lại, đầu óc suy nghĩ cực nhanh, thay đổi chiến thuật tức khắc:

Đại đức Ānanda thưa hỏi:

- Nữ giới xuất gia, sống trong pháp và luật của Thế Tôn, có khả năng chứng đắc quả vị cao thượng, thù thắng không?

- Nay Ānanda, có thể được!

Đại đức Ānanda liền khấn đầu lần thứ ba:

- Bởi nữ giới có khả năng chứng đạt đạo quả cao nhất, và vì lệnh bà là người đã có rất nhiều công lao nuôi dưỡng Thế Tôn từ tấm bé, yêu thương Thế Tôn còn hơn con đẻ của mình; vậy nên Thế Tôn hãy cho phép lệnh bà và quý mệnh phụ phu nhân đồng được xuất gia!

Đức Phật biết là đã đúng thời, ngài bảo tỳ-khuru thị giả Upavāna đi mời thỉnh chư vị trưởng lão. lát sau, các ngài Sāriputta, Mahā Moggallāna, Kimbila, Vappa, Bhaddiya, Uruvelākassapa, Mahā Kassapa... đồng đến nơi.

Đức Phật trầm ngâm một lúc rồi nói:

- Như Lai không những không kỳ thị nữ giới mà còn khuyến khích, nâng đỡ họ nữa. Giáo pháp của Như Lai thay vì tồn tại mười ngàn năm, bây giờ chỉ còn lại năm ngàn năm nếu cho nữ giới xuất gia⁽¹⁾. Đây là sự thực mà Như Lai không tiện nói với lệnh bà. Tuy nhiên, do quán căn duyên, do hướng tâm đến thời gian tồn tại của chánh pháp từ chư Chánh Đẳng Giác quá khứ, nay Như Lai quyết định cho thọ nhận tỳ-khuru-ni.

Tôn giả Mahā Kassapa chờ đợi giây phút này đã lâu, vẫn mong cho ni giới được thành lập vì ngài đã có lời ước hẹn với

⁽¹⁾ 10 ngàn năm và 5 ngàn năm là thời gian thành, hoại của giáo pháp. Nhưng nếu tính 3 giai đoạn chánh pháp, tượng pháp, mạt pháp thì chánh pháp thay vì ngàn năm chỉ còn lại năm ngàn năm.

người bạn đời nên góp ý:

- Người nông dân thường làm một con đập để ngăn cho nước khỏi tràn; cũng vậy, chúng ta hãy phác thảo một quy chế có công năng giới hạn bớt những tệ nạn có thể phát sanh! Xin ngài hãy rộng tay mở cánh cửa thiên giới và cánh cửa Niết-bàn cho nữ giới, bạch Thế Tôn!

Đức Phật, sau đó, đưa ra tám điều quan trọng, tức là Bát Kinh Pháp, sau đây:

1- Tỳ-khuru-ni đầu một trăm tuổi hạ cũng phải chào hỏi, đứng dậy, đánh lễ thầy tỳ-khuru tăng dù vị này mới xuất gia trong ngày hôm ấy.

2- Tỳ-khuru-ni mỗi năm phải tìm về an cư ở gần một trung tâm có tỳ-khuru tăng để được bảo vệ và nương tựa.

3- Cứ mỗi tháng hai kỳ, sau khi làm lễ bố-tát (Uposatha), tỳ-khuru-ni phải tìm đến tỳ-khuru tăng để học hỏi, nghe lời giáo giới.

4- Sau khi hành lễ Tự Tứ (Pavāraṇa) tại trú xứ của mình, tỳ-khuru-ni phải đến chỗ tỳ-khuru tăng để làm lễ ra hạ một lượt nữa - để kiểm thảo xem trong ba điều thấy, nghe và nghĩ mình có làm lỗi điểm nào chăng.

5- Tỳ-khuru-ni phạm “tăng tàn”⁽¹⁾, đã xưng tội, đã chịu phạt cấm phòng tại trú xứ của mình, còn phải xưng tội trước tỳ-khuru tăng nữa.

6- Người giới tử nữ trong thời gian tập sự, thọ trì sáu giới (Sikkhamānā), thời hạn hai năm, phải cầu xuất gia thọ đại giới trước cả hai chúng tăng ni.

7- Bất luận trong trường hợp nào, tỳ-khuru-ni cũng không có quyền nặng lời chê bai, thóa mạ hay chỉ trích tỳ-khuru tăng.

8- Tỳ-khuru-ni không được quyền giáo giới, giảng dạy tỳ-khuru tăng, nhưng sám hối với tỳ-khuru tăng thì được!

Rồi đức Phật nói:

⁽¹⁾ *Tạm sử dụng từ của tăng.*

- Này Ānanda! Nếu di mẫu chấp thuận và thọ trì Bát Kinh Pháp ấy thì Như Lai đồng ý cho nữ giới xuất gia.

Hoan hỷ xiết bao, đại đức Ānanda hỏi hỏi ra ngoài khu rừng báo lại, đọc lại Bát Kinh Pháp cho lệnh bà và các công nương nghe. Sau khi nghe xong, lệnh bà Gotamī hớn hờ nói:

- Nữ giới chúng tôi sẽ rất sung sướng chấp nhận Bát Kinh Pháp để thọ trì suốt đời, nhất định không để Thế Tôn, chư vị trưởng lão phiền lòng đâu!

Thời gian sau, công nương Yasodharā cũng trong hình tướng nữ sa-môn dẫn đầu đoàn cung nga thể nữ hơn trăm vị đến rừng Mahāvana xin nhập chúng. Đức Phật một lần nữa tổ chức lễ xuất gia tập thể; đồng thời, tìm kiếm, ổn định chỗ ăn ở cho họ nữa.

Thế là ni viện được kiến thiết, chỉnh trang, thêm một số các công trình phụ, tu bổ, sửa sang nơi này nơi kia nữa nên trông đã khá quy mô và bề thế.

5- Mùa An Cư Thứ Năm (583 tr.TL)

5.1- Ổn Định Ni Chúng

Sau khi ni giới được thành lập, dư luận quần chúng xôn xao, bàn tán từ nơi này sang nơi khác. Một số đông sương phụ tỳ-khưu hân hoan vui mừng vì họ sẽ có cơ hội xuất gia theo chồng. Một số thành phần trí thức trong xã hội cảm kích vì đức Thế Tôn đã giải phóng cho nữ giới, rộng tay mở cửa nhân, thiên và Niết-bàn với tâm bình đẳng, thoát khỏi sự ràng buộc, phân biệt, coi thường nữ giới có được từ luật Manu của bà-la-môn giáo đã hằng ngàn năm trước. Tuy thế, đa phần là chống đối, do truyền thống trọng nam, khinh nữ đã ăn sâu trong tâm thức nhân gian, trên mọi sinh hoạt xã hội.

Đức Phật và chư vị thượng thủ A-la-hán mỉm cười, chấp nhận chuyện đương nhiên sẽ xảy ra. Tội nhất là các vị tỳ-khưu trẻ, lúc đi trì bình khát thực thường bị các cô gái trẻ chọc ghẹo. Nào là, “ông đi thì bà cũng đi, có đôi có cặp rửa thì dễ tu”. Nào

là, “sa-môn xin hãy đợi em, không duyên tơ tóc thì duyên trọc đầu!” Chuyện phiền phức không chỉ có chừng ấy. Các công nương cảnh vàng lá ngọc vốn là những cô gái xinh đẹp. Bây giờ dầu họ đã cạo đầu, mặc y màu hoại sắc, cũng không giấu hết nét xuân sắc, diễm kiều. Chỉ trong vòng mười hôm khi các vị tỳ-khuru-ni đi trì bình khát thực thì dường như ở đâu cũng gặp các chàng trai dòm ngó, chỉ trỏ. Tuy họ chưa có thái độ gì sàm sỡ quá đáng, nhưng cũng gây trở ngại ít nhiều cho một số tỳ-khuru-ni bản chất mềm yếu và cả thẹn.

Đức Phật biết mọi chuyện xảy ra, nên hôm kia, cùng với các vị đại trưởng lão, ngài qua khu rừng tỳ-khuru-ni, ban bố một số giới điều quan trọng vào buổi đầu⁽¹⁾ thứ nhất là đem lại sự an toàn cho ni giới, thứ hai là để cho đời sống trong ni viện có nền nếp, kỷ cương, thứ ba là tạo môi trường lành mạnh để tấn tu, hỗ trợ cho phạm hạnh. Đây được xem như nội quy, thanh quy cho ni viện.

Ni trưởng Gotamī chợt hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Nếu có người vi phạm thì làm thế nào?

- Hãy tùy nghi, hãy linh động xử phạt thế nào đó, này ni trưởng! Hiện họ đa phần là người có học thức, hiểu biết nên có lẽ chưa xảy ra chuyện gì quá đáng đâu!

Ni trưởng Gotamī lĩnh ý, sau đó lại thưa hỏi về việc thu nhận người nữ xuất gia cần có điều kiện, trình tự thủ tục như thế nào?

Đức Phật đặc biệt lưu ý về điều này, ngài nói:

- Trong giai đoạn này, do ni chúng vừa mới thành lập còn quá mới mẻ. Phải đợi đến lúc di mẫu và các vị tỳ-khuru-ni nắm hết căn bản pháp học, pháp hành, có đời sống luật nghi thanh tịnh, ổn định - lúc ấy mới tính đến việc ấy⁽²⁾. Hiện giờ phần việc

⁽¹⁾ Lúc này chưa ban bố Tứ thanh tịnh giới, chưa có giới bốn Pātimokkha.

⁽²⁾ Thời điểm này chưa có quy định Hòa thượng ni tối thiểu phải đủ 12 mùa hạ lạc.

cho nữ giới xuất gia tỳ-khuru-ni là do Như Lai và chư vị trưởng lão đảm trách⁽¹⁾.

Ni trưởng Gotamī hỏi về một số người nữ đến xin làm công quả, học tu thì phải làm thế nào?

Đức Phật dạy:

- Điều ấy cũng khá phức tạp. Tục lệ tảo hôn theo truyền thống xã hội, đôi nơi con gái 8 tuổi đã gả chồng. Vậy người nữ đến xin học tu đã được sự đồng ý của cha mẹ hoặc người chồng hay chưa? Nếu được sự chấp thuận của gia đình thì được phép. Vị ni trách nhiệm giáo thọ phải kèm cặp, giáo giới kỹ càng sau hai hoặc ba năm, có thể cho xuất gia sa-di-ni. Lúc ấy, Như Lai sẽ chế định, ban hành thêm học giới cụ thể.

5.2- Hóa Độ Kỹ Nữ Ambapālī

Cách ngoại ô Vesālī không bao xa, có một khu rừng xoài sum suê và xanh mát của kỹ nữ Ambapālī tài sắc nhất của kinh thành. Vốn được hóa sanh lạ lùng nơi một cành xoài⁽²⁾ nên cô bé có tên là Ambapālī, mang một vẻ đẹp như tiểu tiên nữ không ai dám sánh. Có một vị vương tử trông thấy nên đem về làm con nuôi. Lớn lên, cô bé còn có tư chất bẩm sinh là múa dẻo và hát hay. Thuở ấy, các cô kỹ nữ đều là thành phần được xã hội quý trọng⁽³⁾. Giá một buổi được nghe và xem nàng biểu diễn phải là một ngàn đồng tiền vàng kahāpaṇa⁽⁴⁾.

⁽¹⁾ Sau hạ thứ 20, đức Phật mới quy định: Tỳ-khuru 10 hạ, tỳ-khuru-ni 12 hạ mới đủ tiêu chuẩn làm thầy thế độ cho giới tử thọ đại giới.

⁽²⁾ Do quá khứ cô đã từng nhàm chán, ghê tởm thai sanh nên bây giờ hóa sanh nơi cành xoài, là trường hợp đặc biệt hy hữu.

⁽³⁾ Tương tự các cô Geisha Nhật Bản bây giờ.

⁽⁴⁾ Đôi nơi nói - chỉ có 50 kahāpaṇa. 1000 đồng tiền vàng kahāpaṇa tương đương 100 con bò sữa. 01 đồng vàng kahāpaṇa bằng 04 đồng vàng pāda; 01 đồng vàng pāda bằng 05 đồng xu vàng māsaka. Một ngày của dân nghèo tiêu tốn chỉ 02 đồng xu vàng māsaka!

Mãi mãi những cuộc vui. Mãi mãi những khúc đàn, tiếng hát. Mãi mãi kiệu đón xe đưa, hầu tiếp các vương tôn, công tử, danh gia, đại gia, đại phú gia⁽¹⁾, kỹ nữ Ambapālī cảm thấy mệt mỏi, rã rời, chán nản. Nàng bèn tậu một khu rừng xoài xa và sâu về phía ngoại ô, thỉnh thoảng tìm về đấy để thư giãn tâm hồn. Thời gian qua đi, cô kỹ nữ tài sắc vẹn toàn năm xưa bây giờ tóc đã muối tiêu nhưng sắc đẹp tiềm tàng vẫn làm xiêu lòng người, vẫn toát ra cốt cách phong lưu, đài các.

Ambapālī nghe tin về đức Phật đã lâu, hôm nay lại biết ngài bộ hành về ngoại ô và đang ở tại làng Kotigāma. Không chần chờ phút giây nào nữa cả, nàng tức tốc cho thắt một cỗ xe lộng lẫy, sang trọng với bốn con ngựa trắng trực chỉ ngôi làng Kotigāma. Đến chỗ ngựa không còn đi được, bà cùng với hầu nữ đi bộ đến khu rừng mù u. Đến nơi, bà trông thấy một sa-môn dung nghi như ánh trăng rằm đang ngồi tĩnh tọa dưới gốc cây! Và lác đác xung quanh chừng vài mươi sa-môn trẻ cũng đang ngồi an nhiên, tĩnh định. Khung cảnh trang nghiêm và thiêng liêng làm sao! Bà sợ hãi, rón rén đến gần...

Giọng đức Phật chột vọng vào tai nàng:

- Nay Ambapālī, hãy đến đây! Như Lai cũng đang cố ý chờ đợi cuộc viếng thăm này đây!

Bà rừng mình: “Hóa ra ngài biết cả tên ta!” nên mạnh dạn bước tới, khom người xuống rất mực lễ độ, cung tay xá lễ.

Đức Phật chỉ một tảng đá khá sạch sẽ bên cạnh rồi nói:

- Bà hãy ngồi xuống đây, và nội tâm có điều gì bất ổn thì cứ nói ra hết cho Như Lai nghe!

Rồi Ambapālī bắt đầu nói. Bà kể về thân thế không cha, không mẹ. Kể về đời sống xa xỉ bạc tiền. Kể về phải đánh đổi

⁽¹⁾ Đây là thời cực thịnh của Vesālī - Luật kể rằng: Phồn thịnh, giàu có, đông đúc... có bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy tòa nhà dài, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy mái lầu nhon, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy công viên, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy hồ sen (Tạng Luật, đại phẩm II (mahāvagga), NXB Tôn giáo, trang 269 - Việt dịch, tỳ-khuru Indacanda.

cả tuổi thanh xuân, vũ ca đàn hát để phục dịch, hầu hạ cho giai cấp quý tộc, cho giới trưởng giả giàu có. Thân mệt mỏi mà tâm cũng mệt mỏi. Chắc hẳn vàng ngọc và vinh hoa hư dối ấy không phải là hạnh phúc. Có cái mặt trái của nó là tối tăm, đau khổ và buồn phiền?

Đức Phật nắm bắt ngay căn cơ và trình độ. Theo với tâm sự của Ambapālī, đức Phật khơi bày về sự thật khổ; là cái gì tất định mà các loại hữu tình phải gánh chịu, phải mang vác trên trần thế. Ngài nói về tri kiến, về đức tin chơn chánh. Sự sung mãn vật chất chỉ đáp ứng bản năng hạ liệt, sa đọa và sẽ rơi vào thảm nạn. Phải có một đời sống tinh thần vững chắc để làm chỗ quy hướng, này Ambapālī!

Xúc động quá, bà gục khóc. Thời pháp êm dịu của đức Phật đã làm cho tâm hồn khô hạn của bà được tắm mát, nhẹ lâng lâng.

- Tri ân đức Thế Tôn! Con đã có chỗ nương tựa rồi! Xin cho con được quy y làm người cận sự nữ từ đây cho đến trọn đời!

Sau khi đức Phật cho thọ trì quy giới, ngài im lặng nhận lời mời của Ambapālī đến vườn xoài của bà thọ trai vào ngày hôm sau.

Vào buổi trưa hôm ấy, các vương tử, công tử trẻ tuổi cộng hòa Licchavī, thủ đô Vesālī, nghe tin đức Phật ngự đến ngôi làng Kotigāma nên đã tổ chức một hội chúng đông đúc, rầm rộ để đi diện kiến ngài, thỉnh ngài đặt bát cúng dường.

Đến con đường nhỏ vào làng Kotigāma, cỗ xe của Ambapālī không chịu nhường đường nên va đập vào các cỗ xe của các công tử Licchavī. Không lấy thế làm điều, các vị công tử xin bà kỹ nữ nhượng phần mời thỉnh đức Phật cho họ vào ngày mai, họ sẽ trả một ngàn đồng tiền vàng.

Bà Ambapālī, buông rèm xuống, bỏ đi, nói vọng ra:

- Xin lỗi! Xin đừng lấy tiền bạc ra mà hù dọa. Cho dầu cả thủ đô Vesālī, cả tài sản và cư dân, tôi cũng không chịu nhượng đâu!

Có vị nói:

- Kiêu hãnh quá đấy!

- Nhưng bà ấy nhanh tay hót phần phước đầu của chúng ta rồi!

Sáng ngày, người hầu nam của cô kỹ nữ đánh xe đến thông báo là buổi trai soạn⁽¹⁾ tại vườn xoài đã sẵn sàng, thỉnh đức Phật và hội chúng lên đường. Tại đây, bà kỹ nữ đã dâng cúng thức ăn thượng vị loại cứng, loại mềm đầy thành kính và trân trọng vào bát của đức Phật và tăng chúng.

Sau thời pháp, đức Phật đã đặt đức tin vững chắc cho kỹ nữ Ambapālī nên bà xin dâng cúng vườn xoài cho ngài và chư tăng có chỗ hành đạo tiện nghi, mát mẻ. Và cũng chính nhờ đức tin và nhân duyên này, vài năm sau bà xuất gia từ-khuru-ni.

Ngay chiều hôm ấy, đức Phật trở lại Mahāvana, Sảnh Đường Nóc Nhọn - Kūtāgāra - ngài kể lại câu chuyện ở vườn xoài; rồi yêu cầu hai vị đại đệ tử cho một hội chúng từ-khuru có vài trưởng lão dẫn đầu đến tiếp nhận cơ sở mới. Ngoài ra, đức Phật còn bàn với chư vị trưởng lão cùng ni trưởng Gotamī về việc phát triển ni chúng tại Vương Xá khi hay tin đức vua Bimbisāra hứa chuẩn thuận đất đai và sự xây dựng ni viện vào buổi đầu.

6- Mùa An Cư Thứ Sáu (582 tr.TL)

6.1- Bát Gỗ Đàn Hương

Tại kinh thành Rājagaha (Vương Xá) có người triệu phú đi tắm sông, nhặt được một khúc gỗ đàn hương chỉ còn lõi, rất quý. Ông thuê thợ khắc đẽo thành một chiếc bình bát, chuốt mài, đánh bóng, vân gỗ hiện ra màu hồng đào rất đẹp. Ông thích thú ngắm nhìn rồi tự nghĩ: Tại châu Diêm-phù-đề này ông giáo chủ nào cũng tự xưng là Phật, là đại thánh, là đại A-la-hán cả, biết tin ai bây giờ? Vậy chiếc bát quý trọng này ta sẽ treo

⁽¹⁾ Trai này không phải là đồ chay theo cách hiểu thông thường. Trai này được Tào diễn dịch, đại lược là: Trai giả, khiết giả. Phi thời bất thực vị chi trai (Trai có nghĩa là tịnh. Không ăn phi thời gọi là trai - phi thời là sau 12 giờ trưa đến sáng ngày hôm sau).

chót vót trên đầu những cây tre dựng cao mười tám thước; rồi cho gia nhân đánh trống, báo cáo khắp nơi rằng: “Vị nào có thể bay lên để lấy chiếc bát trăm đở thì chúng tôi mới tin vị ấy là bậc A-la-hán!”

Chuyện không mấy chốc lan xa khắp nơi. Mọi người tò mò tìm đến xem chuyện hư thực. Người kéo đến ngày càng đông. Rồi chuyện cũng đến tai giáo chủ của sáu giáo phái hữu danh được kể tên là Makkhali Gosāla, Pakudha Kaccāyana, Nigaṇṭha Nātaputta, Ajita Kesambala, Sañjaya Velaṭṭhaputta, Purana Kassapa. Gia đình triệu phú rất khó chịu khi phải tiếp đoàn này rồi đoàn khác. Ai đến cũng chỉ để thuyết phục ông: Rằng là, nên dâng cúng bình bát ấy cho giáo chủ chúng tôi. Giáo chủ chúng tôi là bậc A-la-hán, xứng đáng thọ nhận bình bát quý giá ấy. Rằng là, chẳng lẽ nào một vị A-la-hán lại đến đây trở thân thông vì một vật ngoại thân? Có một giáo chủ đi cùng với môn đệ, giả vờ nhóm bay lên thì đệ tử níu lại, nói to cho ông triệu phú nghe rằng: “Cái bát này thật không xứng để thầy làm như vậy. Thôi, ông triệu phú đã không chịu dâng (còn có vẻ cảnh cáo) thì sau này đừng có hối tiếc đấy!”

Đến ngày thứ bảy, trưởng lão Mahā Moggallāna (Đại Mục-kiền-liên) và đệ tử là Piṇḍolabhāradvāja vân du hành hóa ở xa về. Trên đường, nghe người ta bàn tán bên tai về chuyện cái bát đàn hương và sự hoài nghi trên thế gian này không có vị A-la-hán nào.

Hai thầy trò bước lên một mỏm núi cao để nhìn bao quát thành phố. Thấy tâm của vị tỳ-khưu trẻ muốn lấy cái bát để giáo huấn mọi người nên trưởng lão Mahā Moggallāna gật đầu cho phép.

Tỳ-khưu Piṇḍolabhāradvāja tuy đắc một vài thắng trí nhưng chưa có thánh quả, tâm vẫn còn lăng xăng, ham vui. Tức khắc, sử dụng thần thông, ông làm cho một tảng đá lớn dính vào bàn chân rồi bay ba vòng quanh thành Vương Xá. Bên dưới, dân chúng xôn xao, hoảng loạn, họ sợ tảng đá rớt xuống sập nhà cửa và chết người. Biết vậy, vị tỳ-khưu trẻ khẽ nghiêng người,

lắc chân một cái là tảng đá lớn kia được trả về vị trí cũ trên núi. Thuận tay, rướn người, ông lấy chiếc bát trên đọt tre rồi bay đến cửa nhà ông triệu phú. Ai ai cũng trở mắt, sững sờ. Thoáng sau, cả gia đình ông triệu phú hơn hờ ra đón chào vị A-la-hán!

Tỳ-khuru Piṇḍolabhāradvāja hai ba lần phân bua, thanh minh. mình không phải là A-la-hán nhưng ông triệu phú không cần biết. Cả nhà quý xuống đánh lễ. Sau đó, họ dâng cúng vật thực đầy chiếc bát gỗ đàn hương. Thọ nhận xong, vị tỳ-khuru khuyên họ hãy đến Trúc Lâm tịnh xá, học hỏi giáo pháp nơi đức Đạo Sư. Nói thế xong, sợ mọi người phiền nhiễu, vị tỳ-khuru trở biến mất tại chỗ và có mặt ngay tại khu rừng trúc.

Biến cố vừa rồi làm xáo động cả thành phố. Một đồn mười, mười đồn trăm. Không mấy chốc, từng đoàn người kéo về Veluvana như trẩy hội.

Buổi chiều, sau thời pháp lỵ, đức Phật giáo giới rộng rãi đến hội chúng, có cả chư vị trưởng lão và đầy đủ cả tăng ni hai viện:

- Chuyện sử dụng thần thông để lấy chiếc bát gỗ quả thật là không hợp lẽ, không xứng pháp sa-môn hạnh. Trước đây, Như Lai thường để cho các vị thượng thủ A-la-hán tùy nghi sử dụng khả năng thắng trí để giáo hóa chúng sanh. Nhưng nay tỳ-khuru Piṇḍolabhāradvāja đâu có pháp thượng nhân nhưng nội tâm còn nhiều câu uế, lại muốn chứng tỏ oai lực của mình trước muôn dân thành Vương Xá? Vì chưa cảm đoán, chưa chế định nên tỳ-khuru Piṇḍolabhāradvāja chưa phạm lỗi. Nhưng từ rày về sau, ngoại trừ một vài vị do Như Lai chỉ định, còn tăng ni hai viện, ai để lộ pháp thượng nhân trước hai hàng cư sĩ tại gia thì phạm tội dukkaṭa⁽¹⁾, phải sám hối trước tăng.

Nhìn chiếc bát gỗ trầm láng lẩy, óng chuốt nổi vân đỏ và tỏa mùi thơm, đức Phật tiếp lời:

⁽¹⁾ “*Na bhikkhave iddhipāṭihāriyam dassetabbam. Yo dasseyya āpatti dukkaṭassa*”- Này chư tỳ-khuru! Như Lai chế định không được biểu diễn thần thông; ai sử dụng pháp thượng nhân sẽ phạm tội tác ác!

- Chẳng lẽ nào một sa-môn khát sĩ, xin ăn trước cửa mọi nhà, lại sử dụng chiếc bát trân quý thế kia? Có xứng với phẩm hạnh chăng? Có nghe dễ chịu trước tiếng lời của dư luận chăng?

Tôn giả Mahā Kassapa bạch:

- Thưa đức Tôn Sư! Nhân tiện đây, xin ngài cấm chỉ luôn các loại bát vàng, bát bạc, bát pha lê, bát đồng đỏ, bát thủy tinh, bát thiếc, bát chì, bát đồng thau⁽¹⁾ có một số vị tỳ-khuru đang sử dụng.

Đức Phật gật đầu:

- Phải rồi! Những loại bát mà Mahā Kassapa đã liệt kê cũng được phải cấm chỉ như thế. Các hàng trưởng lão phải thông báo rộng rãi điều ấy đi các nơi! Ngưng một lát, nhìn chiếc bát trầm, nhìn qua hướng Jīvaka Komārabhacca (lúc ấy đang có mặt) đức Phật tiếp - Còn cái bát trầm đỏ, này ông thần y, nó có phải là thuốc không?

- Đúng vậy, bạch Tôn Sư! Nó là dược liệu, ví như ta có thể tinh chế để làm thuốc rửa mắt cho sáng; nhưng đồng thời cũng là một loại hương liệu quý hiếm nhằm để pha trộn vào các loại thuốc cao nữa.

- Ừ! Vậy thì Như Lai trao cái bát quý ấy cho ông để sử dụng vào việc lợi ích.

- Đệ tử sẽ nghiền thành bột để tinh chế thuốc rửa mắt và các loại cao cần thiết nhất để phục vụ Thế Tôn và tăng ni hai viện.

Sau đó đức Phật chế định rằng, chư tỳ khuru, tỳ-khuru-ni chỉ nên sử dụng bát sắt, bát gỗ mít và bát đất mà thôi; ai sử dụng loại bát khác, ngoài chế định, như đã nêu ở trên, là phạm tội dukkaṭa!

6.2-Tỳ Khuru Ni Khemā

Đức vua Bimbisāra có một bà quý phi xinh đẹp tên là Khemā, luôn luôn hãnh diện và tự hào về sắc đẹp của mình được ông vô

⁽¹⁾ *Lấy ý từ Tạng Luật, tiểu phẩm (Cūlavagga)II, Sđd.*

cùng yêu mến. Tuy nhiên, bà lại không chịu đi nghe pháp dù đức vua đã ân cần dỗ ngon, dỗ ngọt nhiều lần.

Khi được gắng hỏi quá thì bà đáp:

- Đức Thế Tôn thường khiêm nhả đối với nữ giới. Ngài cười chê sắc đẹp của phụ nữ; ngài nói rằng, chỉ là cái bao da đựng thịt mà bày đặt ướp phấn, thoa son. Quả là ngài chẳng lịch sự chút nào!

Đức vua nói:

- Thật ra nàng biết một mà không biết hai. Đức Phật cũng thường hay khen ngợi phụ nữ đó chứ.

- Quả có thể sao?

- Đúng vậy! Ngài từng nói rằng: Bản chất người nữ tuy hơi mềm yếu, nhưng họ cũng có khả năng giác ngộ, giải thoát, thắng trí, biện tài, giới hạnh, thiền định, tuệ giác không hề thua nam giới. Đây cũng là lý do mà đức Tôn Sư cho thành lập giáo hội tỳ-khưu-ni ở Vesālī cũng như ở Vương Xá này đó!

- Thế là khách quan, là đúng đắn! Từ lâu thiếp chỉ nghe một bên, một chiều, đây là lỗi lầm, là thiếu sót đáng chê trách vậy.

Được đức vua Bimbisāra khôn ngoan thuyết phục nhiều lần như thế, nên chiều hôm ấy, bà quý phi xinh đẹp lặng lẽ đến Trúc Lâm chỉ với vài thể nữ. Đến cổng tịnh xá, bà cho dừng ngựa, chậm rãi đi bộ vào. Quả là một khung cảnh tươi xanh, trong lành, mát mẻ.

Trong nhà giảng, chư tăng đang nghe pháp. Đức Phật với dung nghi sáng rõ; với ngôn ngữ trầm, ấm, vang, ngân, sắc, gọn, mạch lạc, sáng sủa (tám tuyệt hảo) cứ như từng đợt hải triều âm diệu dàng vọng giữa không gian. Bị cuốn hút bởi một năng lực siêu nhiên nào đó, bà lặng lẽ quỳ xuống trước ngưỡng cửa nhà giảng. Phía hai bên đức Phật chột ửng sáng, rồi từ trong đám mây ngũ sắc, hai cô tiên nữ bước ra, dung sắc mỹ lệ, phi phàm. Bà Khemā mở lớn đôi mắt bồ câu, sững sốt. Đẹp quá. Cả hai vừa tuổi độ trăng tròn, trang sức xiêm y quá sức lộng lẫy, quá sức quý phái, quá sức kiêu sa, quá sức gợi cảm, quá sức mỹ

miêu... không thể có được trên thế gian này! Bà thật tủi hổ khi từ lâu đã tự hào, kiêu hãnh sắc đẹp của mình. Ôi! Năm vẻ đẹp của giai nhân trần thế có nghĩa gì với hai cô tiên nữ này. Chợt, một làn gió nhẹ lay động, một màn sương mờ thoáng qua, có sự thay đổi nào đó. Ô! Nó thay đổi rất nhanh! Đôi mắt hoa sen ẩn trong màu nước trong xanh vời vọi kia đã bắt đầu xám đục! Hai bờ môi chín mọng đỏ hồng như quả chà là đã trở nên tím tái! Làn da trắng mịn như chồi măng non đã mơ hồ có một làn mây đen phớt qua. Và rồi, kìa, có sự thay đổi rất nhanh nữa, đã trở thành thanh nữ, thiếu phụ, lão phụ trong một thoáng mắt! Bà Khemā bàng hoàng! Ôi! Hai cô tiên nữ kia, bây giờ chỉ còn là hai cái xác nhẵn nhéo, mốc thối, sần sùi như làn da cóc. Răng rụng, móm mém, phều phào nước nhớt, nước dãi rỉ ra từ hai bên mép; tóc bạc lốm đốm bụi bẩn, tay chân run rẩy, cái lưng cong gập xuống. Còn nữa, cả hai chợt ôm bụng, nhăn nhó, quần quai, khuôn mặt méo mó, mắt như lồi ra, rên rỉ thảm não. Rồi cả hai bỗng co quắp, đổ ụp xuống, trợn mắt, ngoẹo đầu, tắt thở trong cảnh kinh hoàng, kinh khiếp. Nhìn cảnh tượng ấy, bà Khemā tràn đầy kinh cảm, rợn cả tóc gáy: “Ôi! Có gì nữa mà tự hào, hãnh diện? Tuổi trẻ, sắc đẹp, vóc dáng thanh xuân rồi sẽ bệnh hoạn, già yếu, tử vong! Định luật vô thường một lúc nào đó như cơn lũ lớn sẽ cuốn trôi tất cả, phá sản tất cả, diệt mất tất cả. Hãy thức tỉnh đi thôi!”

Đức Phật đã biến hóa ra hai cô tiên nữ, chỉ có ngài, các bậc có thắng trí và bà Khemā thấy thôi. Đúng lúc, bà như vừa tỉnh lại sau cơn mộng dài, đức Phật rót vào tai bà một bài kệ ngôn, nói về sự thực về cái thân, cái già, cái bệnh, cái chết, cái bất tịnh của nó. Bài kệ vừa kết thúc, bà Khemā đi vào giảng đường bằng đầu gối, gục khóc lặng lẽ, không thốt nên lời. Do căn cơ sâu dày, bà đã chứng quả Nhập Lưu. Sau đó, để cho cảm xúc lắng xuống, bà Khemā tri ân thời pháp bất tử, tri ân phương tiện thiện xảo, đức Phật đã cho bà uống một liều thần dược để tỉnh giấc mộng đam mê, luyến ái cái thân bất tịnh. Cuối cùng,

bà xin được sám hối với đức Phật, với giáo pháp, với chư tăng thánh hạnh.

Mấy ngày hôm sau, bà quý phi xinh đẹp đến xin xuất gia tại ni viện trên một cái vông bằng lưới vàng với một trăm thị nữ theo hầu, có đức vua, chánh hậu Videhi, các quan đại thần, các vị công nương cùng đến tham dự cuộc lễ. Đức Phật đích thân chứng minh, các vị trưởng lão làm lễ thụ giới cho nàng trước sự chứng kiến của tăng ni hai viện, triều đình cũng như hai hàng cư sĩ.

6.3- Thần Thông Thắng Phục Ngoại Đạo

Chuyện về cái bát gỗ đàn hương, vị tỳ-khuu trẻ bị đức Phật la rầy rồi sau đó, ngài cảm chư tăng ni triển thần thông đã đến tai sáu phái ngoại đạo. Họ bèn lập kế, rêu rao là sẽ đấu thần thông với đức Phật. Đức vua Bimbisāra tỏ vẻ lo ngại đến hỏi đức Phật, ngài nói:

- Như Lai cảm chư tăng ni, còn riêng Như Lai thì không! Ví như khu vườn xoài ở Thượng Uyển, đại vương treo bảng cảm mọi người, nhưng đâu có hiệu lực với đại vương, phải không?

Đức vua giờ mới cảm thấy an lòng, sau đó, hỏi đức Phật thì triển thần thông ở đâu thì ngài đáp:

- Đúng ngày trăng tròn tháng Āsālaha, tại nước Kosala, kinh thành Sāvattthi, trên một cái cây lớn có tên là Kaṇḍamba! Vậy tính từ hôm nay còn 5 tháng nữa.

Hôm kia, tính đúng thời gian cuộc hẹn, thấy thời tiết khô nhẹ, đức Phật bàn giao công việc ở Trúc Lâm cho một số các vị trưởng lão, ngài và đại chúng tỳ-khuu lại làm một chuyến du hành về phương Bắc. Gần hai tháng sau, đức Phật mới đến được địa phận nước Koliya thì tin ngài trở thần thông đã bay đến Sāvattthi rồi! Chuyện đức Phật nói chuyện sẽ trở pháp lực thần thông vào rằm tháng Āsālha⁽¹⁾ tại Sāvattthi trên cây “kaṇḍamba”

⁽¹⁾ Khoảng tháng 6, 7 ta.

đã đến tai họ. Do không biết “kaṇḍamba” là cây gì thì được một nhà ngôn ngữ học phân tích: Nó gồm kaṇḍa và amba. Kaṇḍa có nghĩa là cong, là một phần, cọng, nhánh. Amba là cây xoài. Vậy kaṇḍamba có thể là cây xoài cong đặc biệt nào đó hoặc một nhánh, một phần của cây xoài vĩ đại nào đó!

Thế là chúng ngoại đạo đi lòng sục khắp nơi, hề thấy cây xoài nào to lớn, cong, đặc biệt là chúng đốn bỏ, chặt phá hết. Hành động ấy quả thật là thô lỗ, đầy bạo lực ngu ngốc, đáng thương xót thay!

Đức Phật và đại chúng ghé Kỳ Viên trước mùa an cư sáu ngày. Khi ngoại đạo cho xây dựng từ nơi này sang nơi khác những cái đài cao rộng, bề thế với vẻ lộng lẫy đầy ngổ ngáo, phô trương thì đức Phật không làm gì cả. Và ngài cũng chỉ chính thức xác nhận: “Vào sáng ngày mười lăm, trên cây Kaṇḍamba, trước cổng thành kinh đô Sāvattthi, Như Lai sẽ biểu diễn thần thông ở đây!”

Đến ngày, đức Phật và hội chúng tỳ-khưu vẫn trì bình khát thực như thường lệ. Đến cổng kinh thành thì ngoại đạo và dân chúng càng tò mò, hồi hộp theo dõi. Vì rõ ràng, ở đây có hai cây xoài to thì ngoại đạo đã chặt rồi!

Sáng sớm nay, người trông coi vườn xoài của đức vua Pāsenadi phát hiện có một trái xoài chín, to, rất đặc biệt, thơm lừng! Ông hái trái xoài ấy, đựng trong giỏ tre có lót rơm, định đem dâng cho đức vua Pāsenadi. Khi bước ra khỏi vườn xoài thì trước mắt, thấy đức Phật ôm bát đứng, ông ta suy nghĩ rất nhanh: “Nếu dâng cho vua thì mình được khen thưởng năm bảy đồng vàng gì đấy! Ăn là hết liền! Chi bằng dâng cho đức Phật mình sẽ được nương tựa phước báu nhiều đời!” Nghĩ là làm liền, ông thành kính đặt trái xoài quý báu kia vào bát cho ngài!

Trước hăng ngàn cặp mắt đang chăm chăm quan sát, đức Phật bảo tỳ-khưu Nāgita⁽¹⁾ thị giả trái tọa cụ giữa nền đất rồi an

⁽¹⁾ Đức Phật có 5 thị giả chưa chính thức thay đổi nhau, đó là Nāgasamāla,

nhiên ngồi xuống tại chỗ. Đức Phật thọ dụng trái xoài, trao hạt xoài cho người làm vườn, rồi ngài nói:

- Nay Kaṇḍa! Ông hãy dùng cái dao trong giỏ, đến chỗ đất trống kia, đào một cái lỗ rồi đặt hạt xoài này vào đấy!

Người làm vườn nghe lời làm theo. Sau đó, đức Phật rửa tay, rảy nước lên hạt xoài vừa gieo rồi nói:

- Nay đại chúng tỳ-khuru! Người làm vườn này có tên là Kaṇḍa, ông ta đích thân gieo một hạt xoài (amba); vậy cây xoài này có tên là Kaṇḍamba. Và hãy xem! Điều Như Lai nói là đúng với sự thực! Như Lai sẽ hiển lộ thần thông lực ngay tại cây xoài Kaṇḍamba này!

Tin được lan đi, mọi người đổ xô quây quần lại, hóa ra cái cây có tên Kaṇḍamba là như thế này đây! Ngay lúc ấy, hạt xoài nảy mầm, một chồi cây trắng nõn vươn lên, gặp ánh nắng nó trắng xanh, xanh non, xanh biếc vươn lên, thành cây, có cành, có nhánh, có lá xanh mơn mớn, xanh nhạt, xanh đậm. Rồi cứ thế, trước mắt mọi người, cây xoài chợt biến hóa như trò ảo thuật. Nó lên cao chừng 50 cùi tay, cội cành gân guốc, to lớn chưa từng thấy; rồi nó đơm hoa, nảy trái dày đặc, chín mọng, thơm lừng cả một vùng!

Cả không gian lặng ngắt, rồi tiếng mừng vui la hét rầm trời. Mọi người tán thán, ca tụng thần thông lực của đức Đạo Sư! Rồi sau đó, đức Phật làm một chiếc cầu bằng ngọc nằm vắt ngang giữa hư không, biểu diễn thần thông biến hóa⁽¹⁾, thần

Nāgita, Sunakkhatta - hoàng tử dòng vua nước cộng hòa Licchavī - Sāgata, Meghiya. Tôn giả Ānanda chỉ được đề cử chính thức sau hạ thứ 20 tại Kỳ Viên đại tịnh xá.

⁽¹⁾ Trên chiếc cầu ngọc, ngài kinh hành qua lại, lần lượt hiện ra một vị đang đi, một vị đang thuyết pháp, hai vị đang vấn đáp, một vị đang tọa thiền, một vị đang nằm nghỉ nghiêng lưng, một vị đang đưa tay sờ mặt trời, mặt trăng. Rồi thoáng chốc, hằng trăm ngàn vị Phật với những oai nghi hoàn toàn khác nhau đồng hiện hữu...

thông Yamaka⁽¹⁾, thần thông Lokavivarana⁽²⁾, và cuối cùng là thần thông với hào quang sáu màu rất lạ lùng, rất diệu kỳ, cũng chỉ năng lực của bậc Toàn Giác mới thực hiện được!⁽³⁾ Chúng ngoại đạo thấy oai lực vô biên, vô tận, bất khả tư nghì của đức Phật, thật không có chỗ nào để lờ bịp được nữa; họ đã lẳng lặng xếp cờ, im trống rồi cũng lẳng lặng giải tán, rút lui. Hai hàng cận sự nam nữ thì họ hí hửng, hãnh diện, mừng vui ra mặt, đem câu chuyện chứng kiến tận mắt ra khoe với láng giềng, quyến thuộc, bằng hữu.

Trong lúc ấy, thế gian không biết chữ thiên chúng, thiên vương, phạm chúng, phạm thiên ngự đầy đặc cả không gian tấu nhạc, tung hoa, rải hoa, hoan hỷ cúng dường hiện tượng hy hữu.

⁽¹⁾ Tức là thần thông song đôi, song hành. Thần thông này chỉ có vị Chánh Đẳng Giác mới thực hiện được, vì trong một lúc phải nhập định hai đề mục nước và lửa một lần. Khi hiển lộ, thân trên tỏa lửa, thân dưới tuôn nước, và ngược lại. Hoặc mắt trái là lửa, mắt phải là nước và ngược lại. Lỗ mũi trái phun lửa, lỗ mũi phải phun nước, và ngược lại. Tương tự thế là vai phải, vai trái, tay phải, tay trái, chân phải, chân trái, mười ngón tay, mười ngón chân, lông chân...

⁽²⁾ Tức là một loại thần thông mở ra cho mọi người nhìn thấy tất cả thế giới không ngăn ngại. Theo chú giải, sau khi đức Phật nhập định đề mục màu trắng (odāta), rồi với năng lực đi đôi với nguyện lực như ý muốn: Tất cả thế giới bên trên, từ cõi người đến cõi phi tưởng, hiện ra rõ mồn một. Cõi người nhìn thấy tất cả các cõi trên và ngược lại, các cõi khác cũng y như thế. Mọi sinh hoạt, chánh báo, y báo ở mỗi nơi; rồi lâu đài, dinh thự, hồ nước, vườn hoa, xe kiệu, lạc thú như thế nào đều trông thấy cả. Các cõi dưới, bốn khổ xứ, nhất là 08 tầng địa ngục chính và phụ; những khổ hình đồng sôi, vạc dầu, hồ đao, chậu máu, cửa xẻ... quỷ sứ gì gì cũng nhìn thấy như ở trước tầm mắt. Và các cõi khác nhìn thấy nhau cũng y như thế.

⁽³⁾ Hào quang màu xanh - tỏa ra từ tóc của ngài. Hào quang màu vàng - tỏa ra từ màu da và tròng mắt. Hào quang màu đỏ - tỏa ra từ máu và thịt. Hào quang màu trắng - tỏa ra từ xương và răng. Hào quang màu hồng - tỏa ra từ hai lòng bàn tay và hai lòng bàn chân. Hào quang tổng hợp năm màu chói sáng rực rỡ (Pabhassara) - tỏa ra từ mỗi sợi lông, mỗi móng tay, móng chân!

7- Mùa An Cư Thứ Bảy (581 tr.TL)

7.1- Đền Ôn Huyết Sữa

Sau khi sử dụng thần thông siêu nhiên của bậc Toàn Giác để cảm thắng ngoại đạo, đức Phật dự định sẽ an cư kiết hạ tại cung trời Tāvātimsa (33 - Đạo Lợi) để thuyết pháp độ Phật mẫu. Đức Phật sử dụng phạm âm nói chuyện dẫn dò hai vị Đại Đệ Tử: “Nhu Lai sẽ thuyết Abhidhamma (A-tỳ-đàm) ba tháng⁽¹⁾ tại cung trời Đạo Lợi để đáp đền ân huyết sữa đối với thân mẫu. Sāriputta phải sử dụng thắng trí, gặp Như Lai mỗi ngày tại rừng trầm bên bờ hồ Anotatta ở Himalaya để nghe Như Lai tóm tắt thời pháp; rồi sau đó giảng nói rộng rãi đến cho chư tỳ-khưu tăng có sẵn căn trí. Còn Mahā Moggallāna thì chăm sóc hội chúng đang hiện hữu vì Như Lai biết, một số khá đông cận sự nam nữ ở đây sẽ không chịu về, họ sẽ ở đây để đợi chờ Như Lai trở lại trần gian”. Dẫn dò như thế xong, làm cho ai cũng có thể trông thấy, đức Phật từ trên đọt cây xoài, bước lên thì giữa hư không, đỉnh núi Yugandhara cao 48.000 yojana (do-tuần) nghiêng mình đỡ chân trái; và ngọn núi Sineru cao 84.000 yojana cúi xuống đỡ chân phải của ngài với dáng vẻ rất cung kính.

Nhu vậy là chỉ qua bước chân thứ ba, đức Phật đã có mặt ở cung trời Đạo Lợi⁽²⁾, ngự đến tảng đá vàng Paṇḍukambalā bề ngang 50 yojana, bề dài 60 yojana, bề dày 15 yojana vốn là ngai vàng đặt để giữa hư không của Đế Thích thiên chủ. Và đến lúc này, ngoại trừ các bậc có thắng trí⁽³⁾, không ai còn trông thấy ngài nữa.

⁽¹⁾ Một ngày, một đêm ở cõi trời Đạo Lợi bằng 100 năm ở cõi người. Tuổi thọ ở đây là 1000 năm, tương đương 36 triệu năm ở nhân gian. Một con tính, ta thấy, ba tháng ở nhân gian, theo phút giây bây giờ - chỉ là 3 phút 36 giây - ở trên ấy!

⁽²⁾ Cõi trời Đạo Lợi ở trên đỉnh núi Sineru.

⁽³⁾ Tức Abhiñña: Trí thần thông - hàm chỉ các trí trong Ngũ thông (Vào định Tứ thiền, với nguyện lực, có thể để lại toàn thân xá-lợi lúc chết, không

Tại tảng đá vàng, đức Thế Tôn phóng hào quang sáu màu, chập chờn từng đôi một, lan rộng ra, tỏa rộng ra, chiếu khắp mười phương thế giới. Chư thiên, phạm thiên các cõi trời dục giới, sắc giới thấy hiện tượng lạ lùng, dùng thiên nhãn quan sát, biết sự có mặt hy hữu của đức Thế Tôn tại cung trời Đao Lợi. Với thời gian nháy mắt, chẳng ai báo với ai, họ đồng vân tập, đồng quy tụ về với những đám mây ngũ sắc chói ngời, rực rỡ. Trong đó có lệnh bà Mahāmāyā, bây giờ là một vị thiên tử phước tướng cao sang, tại cung trời Tusita (Đâu-suất) tức tốc bay sang tham dự.

Đức Phật sử dụng một loại ngôn ngữ đặc biệt pha trộn giữa thiên âm và phạm âm để chư thiên, phạm thiên nghe rõ. Biết thời gian không có nhiều⁽¹⁾, đức Phật đi vào thời pháp ngay tức khắc, trong đó có một âm thanh đặc biệt đi thẳng vào tai, vào tâm của vị thiên tử, hậu thân của lệnh bà Mahāmāyā.

Ở các cõi trời dục giới, các loại ngũ trần⁽²⁾ đều tinh sạch, vi tế. Các cõi phạm thiên thì họ đã từ bỏ dục vật chất, chỉ sống nuôi mạng bằng các trạng thái tinh thần như hỷ, lạc, xả, thanh tịnh nên thời pháp ở đây hoàn toàn khác biệt so với cõi người! Thế là một số cương yếu cốt lõi của Abhidhamma (Vi diệu pháp, thắng nghĩa pháp) đã được thuyết ở đây⁽³⁾. Nhờ sử dụng ngôn ngữ đặc biệt, phù hợp với sắc thân vi tế, trạng thái tâm lý vi tế nên thiên chúng, phạm thiên chúng lãnh hội dễ dàng. Vô lượng chư thiên, phạm thiên chứng quả, riêng vị thiên tử, hậu

hủy nát. Cũng từ định Tứ thiên - chưa đắc quả Thánh - có thể tu tập ngũ thông: Thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, biến hóa).

⁽¹⁾ Xem chú thích 1.

⁽²⁾ Hình sắc, âm thanh, hương, vị, xúc chạm.

⁽³⁾ Tây phương viết sử Phật giáo, đến hạ thứ bảy, đức Phật thuyết cương yếu Abhidhamma ở cung trời Đao Lợi, họ gọi là huyền thoại tôn giáo. Đôi nơi lại nói là truyền thuyết hoặc hư cấu của các nhà sử học giả đi sau. Riêng người viết, không biết tại sao lại tin điều này là có thật trong hiện thân siêu việt, bất khả tư nghì của một bậc Chánh Đẳng Giác!

thân của lệnh bà Mahāmayā chứng quả Nhập Lưu.

Có một việc rất lạ lùng và sâu nhiệm xảy ra ở đây, đây là đức Phật thuyết trọn vẹn tạng Abhidhamma với thời gian rất ngắn (tương đương 3 phút 36 giây) mà ngài phải phân thân 90 lần (tương đương 90 ngày - 3 tháng ở địa cầu). Mỗi lần phân thân như thế thì một hóa thân của ngài vẫn đang ngồi tại tảng đá vàng để thuyết pháp liên tục; còn thân thật thì ôm bát khát thực ở Bắc Cu-lu-châu (Uttarakurudīpa), trở lại hồ Anotatta⁽¹⁾ trong dãy Hy-mã-lạp sơn để tắm rửa, sau đó ghé rừng trầm bên bờ hồ thuyết lại tóm tắt bài pháp đã giảng cho tôn giả Sāriputta nghe do có hẹn từ trước! Tôn giả Sāriputta lại bay về Kỳ Viên, sâu trong rừng để thuyết lại rộng rãi cho hội chúng tỳ-khưu đặc biệt mà ngài vừa cho xuất gia.

Thế rồi, sau đó, đúng ngày Mahāpavāraṇā⁽²⁾ đức Phật như từ giữa hư không⁽³⁾, đặt bàn chân phải⁽⁴⁾ xuống mặt đất tại cổng thành Saṅkassa, thì được sự cung nghinh, đón tiếp của cả một biển người. Ai cũng hớn hở, mừng vui. Có người thì chỉ đứng ngây ra để chiêm ngưỡng. Thấy hội chúng cư sĩ, cư dân thành phố Saṅkassa sẵn có túc duyên, đức Phật thuyết một thời pháp

⁽¹⁾ Một trong 7 hồ lớn tại Himalaya, 6 hồ kia là Kaṇṇamunḍa, Rathakāra, Chaddanta, Kuṇāla, Sīhappapāta và Mandākinī. Bảy hồ lớn này chung bao quanh 5 ngọn núi lớn, đó là Sudassanakūṭa, Citrakūṭa, Kālakūṭa, Kelāsa và Gandhamādana.

⁽²⁾ Đại tự tứ - ngày chur Tăng mãn hạ ba tháng an cư mùa mưa.

⁽³⁾ Thật ra, vua trời Đế Thích (Sakka), đã hóa hiện 3 chiếc thang bắc từ đỉnh núi Sineru xuống sát chân cổng thành Sankassa. Một chiếc thang ngọc ở giữa dành cho đức Phật, một chiếc thang bằng vàng bên phải dành cho Phạm thiên cầm lọng trắng, một chiếc thang bằng bạc bên trái dành cho Đế Thích ôm bát theo hầu; và đi theo sau là vô lượng thiên chúng, cư-bàn-trà, dạ-xoa, càn-thát-bà... tấu nhạc, rải hoa tung bồng... (theo chú giải).

⁽⁴⁾ Vì đặt bàn chân phải xuống trước, nên tại chỗ này, người ta đã thiết kế một cái đài kỷ niệm, xem là chỗ thiêng liêng, và được đặt tên là Acalacetiyatṭhāna, như là một di tích lịch sử, để hai hàng cận sự chiêm bái, phụng thờ.

cho tầng lớp, giai cấp nào cũng nghe được, hiểu được, tu tập được rồi sau đó, cùng với đại chúng trở lại Kỳ Viên tịnh xá.

7.2- Hoàng Hậu Mallikā

Sau mùa an cư, chư tăng với y và bát như những cánh chim trời tự do, ra đi khắp bốn phương trời. Riêng đức Phật và một số trưởng lão phải ở lại, ra giềng, nắng ấm mới du hành, vì đây, đúng là thời có duyên với đức vua Pāsenadi, hoàng hậu, triều đình cùng các thành phần giai cấp khác trong kinh thành Sāvattthi.

Mấy hôm rày, đức Phật dường như thường xuyên đón tiếp bà Mallikā, là chánh hậu của đức vua Pāsenadi (Ba-tư-nặc). Bà Mallikā là một phụ nữ đẹp đẽ, đoan chính, thông minh, hiền thực và chưa theo một tôn giáo nào. Từ khi hoàng tử Jeta (Kỳ-đà) dâng cúng rừng cây, cùng với đại triệu phú Cấp Cô Độc kiến lập Kỳ Viên đại tịnh xá để dâng cúng đức Phật và thập phương tăng thì bà đâm ra tò mò! Rồi mới đây, tại cổng thành Sāvattthi, nghe chuyện thần thông cảm hóa ngoại đạo của đức Phật nữa, bà quyết định đến gặp ngài...

Thấy đức Phật tuổi tác chừng ngang bằng đức vua Pāsenadi nhưng tướng hảo quang minh hơn nhiều. Đức Phật cao lớn, phương phi, nước da ngời sáng, mạnh khỏe còn đức vua của bà thì mập phệ, béo tròn, đi đứng đã bắt đầu phục phịch, nặng nề rồi!

Sau khi chào hỏi xã giao, bà ngồi trên chiếc ghế thấp đã được soạn sẵn, hỏi đức Phật quan niệm như thế nào về hạnh phúc đời người; và quả thật có hạnh phúc thật sự trên cuộc đời này không?

Buổi gặp gỡ đầu tiên ấy đức Phật chỉ thuyết ngắn về sự thật khổ của cuộc đời. Lần thứ hai, đức Phật chưa thuyết về nguyên nhân dukkha (tập đế), mà ngài nói đến các cảnh trời, nói tuần tự những cái gọi là “hạnh phúc” từ thấp lên cao, nhân và quả, tâm và cảnh tương ứng như thế nào. Buổi khác, đức Phật lại thiện xảo mở ra cảnh giới cao hơn, về những chúng sanh xem các dục

vật chất là hạ liệt, thấp kém; họ đã tu tập và thành tựu những hạnh phúc tinh thần, cao hơn hạnh phúc vật chất không biết bao nhiêu mà kể. Thấy căn trí bà chánh hậu có vẻ lãnh hội được, đức Phật mới giảng rộng về tập đế và con đường tu tập (đạo đế), để chấm dứt tất cả mọi đau khổ, phiền não trên cuộc đời. Vào cuối buổi giảng lần thứ sáu, bà chánh hậu đắc pháp nhãn, có niềm tịnh tín bất động, bất thối với con đường. Bà đã bước được bước chân đầu tiên vào giáo pháp bất tử.

7.3- Đức Vua Pāsenadi

Trở về cung mà tâm hoàng hậu Mallikā còn hoan hỷ, nhẹ lâng lâng, bà thuyết phục đức vua Pāsenadi nên đi nghe pháp, nhưng ông cười cười rồi nói rằng:

- Ta không tin sa-môn Gotama còn trẻ tuổi như thế kia mà đắc quả Chánh Đẳng Giác được.

Tuy nhiên do bị thuyết phục nhiều lần quá, hoàng tử Kỳ Đà lại nói thêm nên đức vua quyết định đến Kỳ Viên.

Đức Phật tiếp ông vua uy danh hiển hách này cũng ở ngoài vườn cây, trong lúc đang đàm đạo với các trưởng lão. Thoáng nhìn, đức vua đã suy giảm một phần nào ngạo khí. Vì, tuy đức Phật trẻ tuổi nhưng trong nhóm đệ tử của ngài, ai cũng toát ra vẻ đẹp tuyệt vời của nhân tướng học; lại nữa, còn có mấy vị trưởng lão tuổi tác không thua gì các giáo chủ ngoại đạo (như Vappa, Assaji, Uruvelākassapa...), trông tiên phong đạo cốt lại toát ra vẻ thông thái của các bậc hiền triết!

Sau khi chào hỏi xã giao, đức Phật bảo đặt một chiếc ghế thấp cho vua ngồi. Sự tế nhị đầu tiên ấy làm đức vua cảm kích vì ông mập quá, không thể ngồi trên tấm nệm cỏ dễ dàng được.

Buổi tiếp kiến đầu tiên ấy, vì biết trong tâm đức vua nghĩ “Ông Gotama còn quá trẻ không thể thành tựu cái gì vĩ đại như thể gian tôn xưng Đại A-la-hán hay Chánh Đẳng Giác được” nên đức Phật đã khuyên vua không nên xem thường 4 nhân vật

rất nhỏ sau đây. Thứ nhất, một ấu hoàng, lớn lên làm vua, có thể trở thành một đảng minh quân. Thứ hai, một con rắn nhỏ với chỉ một tí nọc độc có thể làm chết một mạng người. Thứ ba, một đóm lửa nhỏ có thể lây lan thiêu đốt nhà cửa, vườn rừng. Thứ tư, một sa-di nhỏ cũng có thể thành tựu tâm giải thoát, tuệ giải thoát cùng các thắng trí!

Rồi đức Phật mỉm cười, kết luận:

- Đại vương lên làm vua khi tuổi còn rất trẻ, nhưng Như Lai đâu dám xem thường!

Đức vua Pāsenadi biết đức Phật đã tế nhị răn dạy mình, đồng thời còn cố ý khen ngợi ông nữa nên rất hài lòng.

Hôm kia, đức vua Pāsenadi nằm thấy mộng dữ, cảm thấy lo sợ. Một lão thần bà-la-môn đoán mộng, bảo là sắp có chuyện chẳng lành, phải nên giết cừu, dê, trâu, bò mỗi loại bảy trăm con tế lễ thần linh để tránh họa. Nghe lời, vua truyền sắm lễ vật, tế vật theo nghi thức truyền thống chuẩn bị cuộc đại tế. Hay tin, hoàng hậu Mallikā lật đật đến can gián, khuyên vua đừng vội giết vật, nên đến thỉnh ý kiến của đức Phật. Nghe lời, đức vua đến Kỳ Viên, kể lại giấc mộng dữ của mình, mong được đức Phật tìm cách hóa giải tai họa.

Đức Phật nói:

- Hãy bình tĩnh, đại vương! Bây giờ đại vương cho Như Lai được hỏi, khi mình giết một vật, cho đâu rơi, máu chảy thì lúc ấy, tâm mình là lành, tốt hay là xấu, ác?

- Tâm giết vật, sát vật thì làm sao mà lành, tốt được!

- Bây giờ cho Như Lai được hỏi tiếp - Giết một sanh mạng là xấu ác, giết một ngàn sanh mạng thì xấu ác tăng lên ngàn lần. Chẳng lẽ nào lấy một ngàn lần xấu ác ấy để van vái thần linh giải trừ tai họa cho đại vương? Chẳng lẽ nào gieo một nhân đắng lại có thể thu hoạch được một trái ngọt, trái lành được sao? Đại vương là bậc có trí, hãy trả lời cho Như Lai nghe với nào?

Đức vua Pāsenadi thất sắc, nín lặng.

- Lại nữa, đức Phật tiếp - Thần linh là một loại chúng sanh

tiến hóa bậc cao, có phước báu thù thắng hơn cõi người. Chẳng lẽ nào, các vị thần linh ấy lại thích hưởng thụ đầu súc vật, máu súc vật do đại vương dâng cúng? Nếu quả có loại thần ấy thì nó chính là quỷ dữ, là ác thần, là ác dạ-xoa đây! Bọn quỷ xấu ác, thiếu phước ấy lại có thể hộ trì, giải trừ tai họa cho đại vương được sao?

Nghe đến ngang đây, đức vua cảm thấy tâm thông, trí sáng, thấy rõ được vấn đề. Sau đó đức Phật khuyên vua nên tự làm những điều tốt đẹp cho nhân quần, xã hội, tự mình biết tu tập, phát triển hạnh lành là có thể tự cứu độ mình chứ chẳng cần thần linh nào cả.

Với cách đặt vấn đề thiện xảo, trí tuệ như vậy, đức Phật đã làm cho đức vua biết cách bố thí, trì giới, làm các công đức, thiện sự, phước sự sau này! Ngay ngày hôm sau, đức vua cung thỉnh đức Phật và hội chúng 1000 vị tỳ-khưu làm một cuộc cúng dường lớn tại cung điện. Đức Phật và chư tăng đã đọc kệ phúc chúc, mong rằng với phước sự ấy, đức vua thoát khỏi nạn dữ. Và quả thật, mấy ngày sau đó, đức vua cảm giác được an lành; và một làn gió mới, trong trẻo len vào đời sống tâm linh của nội cung, nội viện và cả triều thần. Sau đó, đức vua, hoàng hậu và hầu như cả nội cung đều xin được quy y, nguyện hộ trì chánh pháp.

Đức Phật biết là đã đặt được nền móng giáo pháp vững chắc tại kinh đô này, quốc độ này, ngài lại chuẩn bị đi du hóa phương khác.

7.4- Nô Lệ Sunīta Xuất Gia

Hôm kia, đức Phật thông báo là ngài phải rời Sāvatti để đi về phương Nam, chỉ chừng một trăm vị tỳ khưu tháp tùng, trong đó có tôn giả Sāriputta, Ānanda và thị giả Upavāna.

Phía Nam Sāvatti, xa về phía ngoại ô, trong xóm nhà tồi tàn ổ chuột của cư dân nô lệ chiên-đà-la có gia đình người thanh

niên làm nghề hốt phân, nạo vét mương cống bẩn thỉu. Chàng tên là Sunīta. Tuy là tầng lớp tiện dân dưới đáy xã hội nhưng chàng là một con người tốt, sống đời lương thiện.

Sunīta nghe tin về đức Phật và giáo hội tăng đoàn đã lâu; và cũng đã nhiều lần, chàng đứng núp sau các lùm cây nhìn những vị sa-môn áo vàng, thanh thản trên các ngã đường. Ai trông cũng dịu hiền và dễ mến. Nhưng chàng chưa bao giờ dám đến gần dù năm bảy đòn gánh. Sáng nay, vừa đội một ghè phân băng qua con lộ để xuống một bờ ruộng thì Sunīta trông thấy một đoàn sa-môn. Không biết tránh đâu, hoảng loạn, sợ hãi quá, chàng vội lặn “ùm” xuống một mương nước, lầy rong bèo phủ trùm lên đầu. Qua kẽ hở của những tai bèo, Sunīta trông thấy một vị sa-môn tướng hảo sáng ngời, từ đường lớn, bước gần lại bên bờ nước, cách chỗ chàng chừng hai đòn gánh thì dừng lại.

- Này Sunīta! Như Lai muốn nói chuyện với con!

Sunīta tưởng mình nghe lầm! Đúng rồi, vị ấy đang nói chuyện với mình! Nhưng chàng cứ im thin thít, không dám nhúc nhích.

- Không sao đâu, Sunīta! Con là một người tốt bụng, lương thiện! Đừng ngại ngần, hãy lên đây để Như Lai nói chuyện.

Nghe giọng nói dịu dàng, hiền từ của đức Phật đến lần thứ ba, Sunīta mới dám nói:

- Bạch ngài sa-môn! Thân thể con hôi hám, áo quần con dơ dáy nên con sợ làm ô ố đến ngài. Thật con không dám bước lên đâu!

Đức Phật cất giọng phạm âm cho ai ở xa cũng nghe được:

- Đúng là thân thể, áo quần con hôi hám, dơ dáy, ô ố nhưng tâm con không hôi hám, không dơ dáy, không ô ố, này Sunīta!

Ngưng một chút, đức Phật tiếp:

- Đối với Như Lai thì ô ố bên ngoài không quan trọng bằng ô ố bên trong. Cái ô ố bên trong mới đáng sợ, đáng xa lánh, đáng nhờm gớm! Con đội phân nhưng con đâu có giết người, giết vật? Con đội phân nhưng con đâu có lường gạt trộm cắp của ai? Con đội phân nhưng con đâu có tà vạy, bất chánh? Con

đội phân nhưng con đâu có dối láo, ác khẩu với một ai, phải thế không, Sunīta?

Cho đến lúc này, Sunīta mới mạnh dạn mở lời:

- Đúng như vậy! Con chưa hề làm chuyện xấu ác, dơ uế ấy! Con sống khá tốt với mọi người, bạch ngài sa-môn.

- Vậy con có muốn cái mầm “khá tốt” ấy sẽ tốt hơn thế nữa chăng, này Sunīta?

- Con muốn lắm nhưng không biết cách.

- Muốn chăm sóc cái mầm giống tốt đẹp có hiệu quả thì con phải sống đời sa-môn khát sĩ như Như Lai và như hội chúng xung quanh đây! Con có muốn như thế không, Sunīta?

- Con có ước mơ cũng không thể được! Ai mà cho kẻ khôn nạn như con xuất gia, sống đời sa-môn khát sĩ khi con là kẻ đang ở tận đáy của xã hội?

- Như Lai sẽ cho con xuất gia. Như Lai sẽ hoan hỷ đón nhận con vào lòng giáo hội, vào tập thể tăng đoàn. Giáo hội của Như Lai không có giai cấp. Không có giai cấp khi máu ai cũng đỏ, không có giai cấp khi nước mắt ai cũng mặn như nhau, này Sunīta!

Sunīta phải đám rong bèo, bụm hai tay lên đầu, vái lia lia:

- Con hiểu, bạch ngài sa-môn! Mắt con đã sáng ra, đã có một ngọn đèn! Trí con cũng sáng ra, ở đó cũng có một ngọn đèn!

Đức Phật mỉm cười. Dân chúng xung quanh thì hò reo sung sướng khi thấy đức Phật nắm tay chàng nô lệ kéo ra khỏi vương nước. Tôn giả Sāriputta và thị giả Upavāna bước nhanh lại. Cả hai vị giúp chàng thanh niên tắm rửa sạch sẽ. Và họ đã biến đổi tức khắc chàng hốt phân thành phẩm mao sa-môn có y có bát đàng hoàng. Rồi đức Phật làm lễ xuất gia ngay cho Sunīta bên vệ đường trước sự chứng kiến của dân chúng và cả khách bộ hành qua lại đủ mọi thành phần giai cấp trong xã hội.

Thế là không mấy chốc, tin này được loan truyền ra, chấn động cả kinh thành Sāvattthi. Chuyện cũng đến tai đức vua Pāsenadi. Triều thần có người phản ứng, chống đối ra mặt; có người mỉm

cười, có người im lặng. Riêng đức vua thì nói với hoàng hậu Mallikā rằng:

- Hậu là giai cấp thủ-đà-la! Thuở trước, trầm phong hậu làm chánh cung, dư luận nhân gian cũng ồn ào như vậy đây. Trầm đã cách mạng phá bỏ giai cấp từ độ ấy, tuy rất âm thầm! Còn đức Tôn Sư, trầm hiểu ngay ngài muốn phá bỏ giai cấp kể từ khi hóa độ kỹ nữ Ambapālī tại Vesālī! Ngài lại rất công khai, tại Sāvattthi, đường đường chính chính cho chàng nô lệ xuất gia ngay bên vệ đường, trước mắt bàn dân thiên hạ! Đáng phục! Thật đáng khâm phục!

Hoàng hậu Mallikā dè dặt nói:

- Các giới cấp bà-la-môn, sát-đế-ly, các nhà giáo dục sẽ cho rằng đức Phật đã đảo lộn trật tự xã hội, không tôn trọng quy củ, truyền thống đạo lý từ ngàn xưa của cha ông, tâu bệ hạ!

Đức vua Pāsenadi cười to rồi nói:

- Đạo lý à? Đạo lý à? Lấy bình phong đạo lý à? Con người lành tốt, hiền thiện mới là đạo lý đích thực, hậu à! Trầm không đồng ý cái cách duy trì truyền thống ấy là đạo lý đâu! Cái đạo lý ấy là đạo lý hình thức, là cái đạo lý “rơm”, hậu à!

Hoàng hậu Mallikā rất sung sướng, thấy đức vua cứng đầu của mình chỉ mới ba lần được đức Phật giáo giới đã trở thành một đảng minh quân thật sự. Và “chính kiến” của đức vua tối cao trong cuộc đàm đạo với hoàng hậu Mallikā, sau đó đến tai triều thần rồi không mấy chốc, lan khắp kinh thành. Thế là chỉ năm bảy ngày sau, dư luận im bật!

7.5- Tôn Giả Mahā Kaccāyana (Ca-chiên-diên)

Có một tiểu quốc tên là Avanti (A-bàn-đề), kinh thành là Ujjenī. Vị quốc sư nước này có bà vợ chính là em gái của đạo sĩ Asita, người đoán tướng cho thái tử Siddhattha sẽ đắc quả vị Chánh Đẳng Giác. Trước khi xả bỏ báo thân, đạo sĩ căn dặn vợ chồng quốc sư rằng: “Sau này, nếu có con trai phải cho xuất gia

làm đạo sĩ. Lúc nào nghe tin trên thế gian có một vị Phật ra đời thì đây chính là thái tử Siddhattha Gotama, hãy tìm đến mà quy giáo với Người! Chính ta cũng rất tiếc là không được quý bên chân đức Phật ấy để nghe về giáo pháp Bát Tử!”

Thời gian sau, họ có hai người con trai đều thông minh, tuấn tú, học hành thông đạt nên được đức vua đặc biệt yêu mến. Người con trai út tên là Kaccāyana, cái gì cũng giỏi, cũng vượt trội hơn anh. Ngoài ra, chàng có nước da vàng sáng, mịn màng và tinh sạch như cánh sen nên ai cũng trầm trồ chiêm ngưỡng. Lớn lên, cha mẹ chàng vẫn còn nhớ đỉnh ninh lời dạy bảo của ông anh đạo sĩ Asita hiền thiện, nhưng ông bà thấy hai con tương lai đều sáng sủa nên mãi chần chờ, lần lữa! Lúc Kaccāyana vừa chẵn tuổi hai mươi thì chàng đã nắm vững, nắm chắc mọi sở học cần thiết của một thanh niên bà-la-môn chọn chính. Đặc biệt, Kaccāyana đam mê và nghiên cứu sâu về triết đạo học nên chàng xin cha mẹ cho được xuất gia làm một đạo sĩ du phương! Đến lúc này thì ông bà quốc sư đành phải kể lại sự thật về ước nguyện, di huấn xưa của đạo sĩ Asita cho Kaccāyana nghe. Thế rồi, từ đó, Kaccāyana như cánh chim trời, lang thang từ nước này sang nước khác để tầm sư học đạo. Kaccāyana luôn tra vấn, thao thức; và chàng cũng không dễ dàng chấp nhận một đời đạo sĩ dung tục, tầm thường với những tri thức, luận giải từ chân lý có sẵn ngàn đời. Ngọn lửa tri thức nung đốt, đẩy chàng ta-bà khắp các tiểu quốc miền Nam rồi miền Bắc, Tây Bắc, đến tận Himalaya. Mười năm sau, chàng đã nổi tiếng khắp nơi về khả năng nghị luận biện tài. Ai cũng kính phục, kính trọng chàng; nhưng tự thân, cõi lòng Kaccāyana vẫn bất an. Trở lại quê nhà thì cha mẹ đã già yếu và ông anh trai đã được vua phong làm quốc sư với địa vị vững chắc và danh vọng lẫy lừng.

Lúc đức Phật chuyển pháp ở Vườn Nai thì Kaccāyana đã hay tin nhưng chàng chưa thể rời chân đi được vì chàng muốn ở nhà ít năm để cho hai thân được vui sau mười năm xa cách. Nhiều lần đức vua Pajjota triệu Kaccāyana vào châu để đàm đạo, ngài

rất ngưỡng mộ trí thức bác học và lối nghị luận sắc bén của chàng. Hôm ấy, khi biết ý định của đức vua là muốn phong quan tước và gả công chúa cho thì Kaccāyana biết là chàng không thể ở nhà được nữa rồi. Kaccāyana nghe lời căn dặn của đạo sĩ Asita, của cha mẹ nên đi tìm đức Phật nhưng chàng không nôn nóng, không vội vã. Trên đường đi, dưới gốc đa già, bên một bến nước vắng hay cạnh một chiếc cầu nhỏ sang sông, Kaccāyana gặp và đàm đạo với các vị sa-môn áo vàng, mà chàng biết là đệ tử của đức Phật. Thi thoảng thôi, chứ chàng chỉ thích lắng nghe và nhìn ngắm nhiều hơn.

“- Đúng là đức Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời thật rồi!” Hôm kia, Kaccāyana suy nghĩ như thế khi đến Vườn Nai, thấy khá nhiều cốc liêu và cả một hội chúng thanh tịnh. Chàng ở cạnh một khu rừng để quan sát các sa-môn đi trì bình khát thực, tọa thiền, kinh hành, giặt y áo, làm vệ sinh sân vườn, sàng tọa. Dâu dậu cũng gọn gàng, sạch sẽ, ngăn nắp; và nhất là ở đâu, lúc nào cũng an bình và tĩnh lặng!

Nhắc lại chuyện đức Phật, sau khi độ cho chàng thanh niên nô lệ xuất gia, ngài và hội chúng tiếp tục bộ hành về phương Nam. Vượt qua từng thị trấn, từng làng mạc rồi họ đi dọc bên này bờ sông Sadānīra. Chừng mười hôm sau, gần đến sông Gaṅgā, đức Phật không ghé Lộc Uyển mà ngài rẽ trái, theo con đường nhỏ, men theo dãy núi đá vôi rồi vào một khu rừng im mát để độ ngọc và nghỉ trưa.

Khi đức Phật đang tọa thiền ở đấy thì Kaccāyana từ hạ lưu sông Gaṅgā đi lên. Đến bên gốc cây, Kaccāyana cũng dừng chân lại, bất giác, chăm chú quan sát vị sa-môn áo vàng có tướng hảo rất quang minh! lát sau, không dám làm kinh động, chàng nhẹ nhàng thu vén một góc để độ thực rồi tọa thiền nghỉ ngơi!

Một khắc qua đi, Kaccāyana xả thiền, chuẩn bị lên đường, liếc nhìn qua bên kia thì thấy vị sa-môn dường như còn trú sâu vào đại định; và không gian xung quanh như thấm đẫm làn khí thanh bình và mát mẻ. Ngạc nhiên quá, Kaccāyana lặng lẽ ngồi

xuống. Toàn thân vị sa-môn như phát sáng, lấp lánh hào quang; rồi hào quang ấy chập chờn từng đôi một, từng vòng tròn một, ứng hiện năm sắc màu khác nhau làm lu mờ cả không gian xung quanh!

Kaccāyana đang say sưa quan sát hiện tượng lạ lùng ấy thì thấy từ phía dưới đi lên một đoàn sa-môn áo vàng, mà dẫn đầu cũng có mấy vị với tăng tướng, nghi dung đẹp đẽ và rạng rỡ không kém gì! Đến gần cội cây, họ trật y vai phải, đánh lễ vị sa-môn rồi ngồi xuống rải rác ở xung quanh, cũng rất lạng lẽ!

Kaccāyana chợt dừng hiểu ra sự vụ, biết đích xác vị sa-môn ấy là ai; không tự chủ được mình, chàng quỳ năm vóc sát đất, không nói được một lời tiếng nào!

- Kaccāyana! Như Lai chờ đợi ông đã lâu!

Tiếng đức Phật thoảng nhẹ bên tai Kaccāyana, chàng áp ứng:

- Bạch Tôn Sư! Đệ tử đã đến đây rồi!

- Ủ, ông đến rồi nhưng ông còn đi nữa không, Kaccāyana?

Câu hỏi của đức Phật làm cho Kaccāyana lúng túng, ngơ ngác. Cả hơn mười năm trời học đạo chưa có ai đặt một câu hỏi có trọng lượng cả ngọn núi Tu Di như vậy!

- Còn đến, còn đi là còn thời gian và sinh tử, này Kaccāyana?

Chợt dừng, ngay giây khắc ấy, Kaccāyana đặc pháp nhãn, đặt được bàn chân đầu tiên vào giáo pháp bất tử. Chàng quỳ mọp xuống, ôm chân bụi của đức Đạo Sư:

- Tri ân Thế Tôn! Đệ tử đã thấy rồi! Đệ tử đã trở về với Thế Tôn, với hội chúng thanh tịnh, đệ tử sẽ không đến và không đi nữa!

- Vậy là phải! Vậy là đúng, này Kaccāyana! Rồi đức Phật nói tiếp: “Hãy lại đây! Này tỳ-khưu!”⁽¹⁾ Hôm nay, Như Lai đã chứng

⁽¹⁾ “Ehi! Bhikkhave!” Kinh sử kể rằng, khi đức Phật nói như thế thì vị tân tỳ-khưu tóc râu rụng sạch, có đầy đủ y bát và tám món vật dụng, trông tăng tướng trang nghiêm như một vị tỳ-khưu cao hạ! Thường thì các vị này đều đã đầy đủ ba-la-mật từ quá khứ. Tuy nhiên, ở đây, chỉ là hợp thức hoá vì

nhận cho ông là một vị tỳ-khưu trong giáo hội thanh tịnh!

Thế là Kaccāyana trở thành một vị tỳ-khưu.

Và không bao lâu sau, Mahā Kaccāyana đắc quả A-la-hán cùng bốn tuệ phân tích, nổi danh là đệ nhất biện tài trong giáo hội của đức Tôn Sư, thuộc vào hàng các bậc thượng thủ vậy.

8- Mùa An Cư Thứ Tám (Năm 580 tr.TL)

8.1- Hoàng Hậu Sāmāvatī

Tại tiểu quốc Vamsa của đức vua Udena có ba nhà triệu phú đều thâm tín Tam Bảo. Mấy năm trước đây, họ phát tâm cúng dường vườn rừng và cốc liêu ở kinh thành Kosambī để chư tăng đệ tử Phật có nơi để hành đạo. Triệu phú Ghosita cúng dường lâm viên Ghositārāma, triệu phú Kukuta cúng dường lâm viên Kukkuṭārāma, triệu phú Pāvārika cúng dường lâm viên Pāvārikarubavana.

Trong mùa an cư thứ tám, khi nghe tin đức Phật ở Kosambī thì chư trưởng lão và tỳ-khưu tăng các nơi về đánh lễ ngài ngày càng đông. Tôn giả Sāriputta bàn với các vị trưởng lão hiện có mặt đề phân bố họ đến ba khu lâm viên để an cư mùa mưa.

Đức vua Udena, nội ngoại cung, triều đình đều nghe bàn tán xôn xao về đức Phật, các vị sa-môn và giáo pháp. Đức vua cũng biết rằng, hai vị đại vương và quần thần của hai đế quốc Māgadha và Kosala đã phủ phục, quy y tôn giáo mới này. Tuy nhiên, đức vua Udena vốn là tay võ biên, vũ phu, thô lỗ quen với nếp sống, nếp nghĩ trần tục; ông chỉ thích săn bắn, tửu sắc, ca vũ, không thèm để ý đến dư luận về những sa-môn, đạo sĩ xin ăn trong quốc độ của ông. Triều thần cũng vậy mà các bà thứ phi cũng vậy, họ thích thú vui ngũ dục hơn là các giá trị tinh thần.

Kaccāyana đã có đầy đủ tướng mạo, y bát cả rồi. Và câu “Ehi! Bhikkhave!” chỉ để dành cho các bậc thượng thủ.

Chỉ riêng hoàng hậu Sāmāvatī là người đầu tiên trong nội cung đi nghe giáo pháp tại lâm viên Ghositārāma qua chư vị trưởng lão Yasa, Kāludāyī... trước đây. Hoàng hậu đã thâm tín giáo pháp này. Khi nghe đức Phật đến, niềm háo hức nghe pháp thôi thúc, nhưng do bụng mang dạ chửa với đủ mọi thứ kiêng khem phức tạp, bắt bà phải nán ná từ ngày này sang ngày khác. Hôm kia, biết đức vua đi săn bắn ở một rừng xa, hoàng hậu với hai thị nữ tùy tùng, sắm sanh lễ vật trọng hậu, lên cỗ xe hai ngựa đến khu rừng Bhesakaḷā.

Hôm ấy, bà nói:

- Bạch Thế Tôn! Nghe Thế Tôn đến Kosambī đã lâu, hôm nay con mới có dịp đến thăm! Con ngưỡng mong rằng, đứa con trong bụng con, dầu trai hay gái phải làm một con người tốt, quý nhất là được làm một cận sự nam hay một cận sự nữ trong giáo hội thanh tịnh cho đến trọn đời!

- Như Lai đã chấp nhận, đã chứng minh cho sự quy y của cả hai mẹ con; và rồi cả hai mẹ con sẽ được như nguyện!

Sau đó chỉ một thời pháp ngắn, đức Phật đã quán đúng căn cơ nên hoàng hậu Sāmāvatī đắc quả Nhập Lưu với tâm tịnh tín bất động. Bà cúi xuống khom lưng đánh lễ đức Phật mà có vài giọt nước mắt lăn đọng như mấy hạt kim cương!

Lát sau, do tâm tịnh tín có sẵn, bà thưa trình:

- Bạch Thế Tôn! Đệ tử có một khu rừng gỗ hương trầm rất quý báu, cũng không xa đây lắm. Đây là nơi có sẵn một số cốc liêu, nhà nghỉ cùng các công trình phụ mà đệ tử thường hay lui tới để an dưỡng. Đệ tử xin được cúng dường cho trưởng lão ni cùng ni chúng thập phương thì hạnh phúc cho đệ tử lắm vậy.

Đức Phật mỉm cười, ngài biết nhân là vậy, duyên là vậy. Còn hội chúng thì tán thán “Sādhū, sādhū” đầy hoan hỷ và vui vẻ.

8.2- Đức Phật Bị Chọn Làm Rể

Hôm kia, trời mây thưa, gió nhẹ có vẻ tạnh ráo, sáng sớm, đức

Phật lại ôm bát ra đi. Ngài hướng về phía Tây Bắc thuộc thượng nguồn sông Yamuna, đến vùng Kuru, thị trấn Kammāsaddhamma⁽¹⁾, gần các ngôi đền thờ thần của bà-la-môn giáo.

Đức Phật tọa thiền suốt đêm tại một vòm cổng bằng đá, sáng ngày, ngài ôm bát theo con lộ chính trong thị trấn để khát thực. Đây là xứ sở của bà-la-môn giáo! Chư tỳ-khưu cho biết rằng, ở đây rất khó kiếm vật thực vì họ không đặt bát cho người khác tôn giáo! Tuy nhiên, nhờ tướng hảo quang minh, nhờ hào quang lan tỏa nơi ngài đã hấp dẫn lôi cuốn mọi người nên vật thực ngài cũng có đủ dùng! Lựa tìm một cội cây tại ngã ba đường, đức Phật xếp bốn tấm y hai lớp rồi ngồi độ thực. Dùng xong, ngài trú quang định để chờ đợi hai kẻ hữu duyên sẽ đắc quả A-na-hàm (Anāgāmi)!

Thị trấn Kanumāsaddamma có một bà-la-môn gia chủ hữu danh, đây là ông bà Māgaṇḍi. Suốt đêm, ở trong đền để chăm lo việc tế thần lửa, trên đường về nhà, ông chợt thấy đức Phật ngồi dưới cội cây! Sững sốt, ông đứng lặng, ngắm nhìn mê mải: Vị này là ai mà đẹp quá! Cả thân thể sao mà tỏa sáng như châu ngọc! Tất cả, tất cả vóc dáng, ngũ quan, chân tay đều do thợ điêu khắc tuyệt hảo của đức thần Brāhmā! “Chà! Ông tự nghĩ - Ta có cô con gái xinh đẹp tuyệt trần, nếu có được một chú rể đông sàng tướng hảo tuyệt mỹ như thế này thì mới thật là xứng đáng!” Nhà ông cũng ở gần đây nên ông hấp tấp đến báo cho bà hay: “Này bà, có một chàng trai tuyệt đẹp, đúng là quý nhân, quý tướng! Bà hãy mau đến gốc cây đầu đường kia mà xem! Ta đã chọn cho con gái rước của chúng ta một tấm chồng đây!”

Đức Phật biết chuyện gì xảy ra nên ngài bước xuống, để lại một dấu bàn chân⁽²⁾ rồi đi sang hướng khác.

Khi hai ông bà Māgaṇḍi dẫn cô gái Māgaṇḍiyā tìm đến thì không thấy đức Phật đâu mà chỉ thấy dấu bàn chân có cả ngàn

⁽¹⁾ *Hoặc Kammāsaddamma - gần Delhi ngày nay.*

⁽²⁾ *Nguyện lực để lại dấu bàn chân được gọi là “Pādacetiya”.*

cắm bánh xe, trông rõ ràng như điêu khắc ở trên đất. Hai ông bà vốn có tài xem tướng, bà giỏi hơn ông, thấy dấu bàn chân lạ lùng nên đồng ngồi xuống, sẫm soi nhìn kỹ. Một hồi, cả hai tranh luận với nhau, có thể là dấu chân của Ma vương, Quỷ vương, A-tu-la vương hay là Thọ thần, Chư thiên, Phạm thiên?

- Cái này thì tôi chịu! Bà lắc đầu - Nhưng dấu bàn chân này phải là của một con người đã tận diệt mọi khát dục, khát vọng ở đời!

- Khiếp! Thế là không thể bắt người này làm chồng con gái cùng của chúng ta nữa hay sao?

Bà trầm ngâm một lúc rồi nói:

- Hồng rồi ông mày ạ! Theo tôi được học thì dấu bàn chân có ngàn cắm bánh xe như thế này, nói về đại quý nhân trên đời thì chỉ có hai vị. Một là đức Chuyển Luân Thánh Vương, hai là đức Chánh Đẳng Giác. Nếu Chuyển Luân Thánh Vương thì luôn có 7000 cô tiên nữ theo hầu, con gái ta cũng không bèn mắng tới được. Nếu là dấu bàn chân của đức Chánh Đẳng Giác thì con gái ta đâu là chúa tiên nữ, vị ấy cũng không thêm để dấn một ngón chân đâu!

- Phải đây, này ông bà Māgaṇḍi - Đức Phật đã đứng sát bên họ, cất giọng Phạm âm, đọc lên câu kệ: “Đã nhận thấy sự rộng không, bất tịnh của các ái, Như Lai không còn thích thú, đắm say trong dục lạc nữa. Cái thân xú uế, ô trược ấy, Như Lai không bao giờ muốn sờ đụng đến, đâu chỉ là sờ đụng bằng chân!”⁽¹⁾

Lạ lùng làm sao, đức Phật chỉ nói chừng ấy mà ông bà Māgaṇḍi tức khắc chứng quả Bất Lai, họ quý năm vóc sát đất, đánh lễ ngài với lòng tri ân vô hạn. Riêng cô gái Māgaṇḍiyā thì tức tưởi, khóc lóc bỏ chạy! Cô thấy mình bị sỉ nhục một cách thậm tệ khi đức Phật chê thân thể cô xú uế, ô trược, không

⁽¹⁾ *Phỏng dịch từ câu kệ ngôn: “Disvāna taṇhaṃ aratim rāgañca. Nāhosi chando api methunasmim. Kimevidam muttakarīsapuñṇam. Pādāpinam samphusitam na icche”.*

muốn sờ đụng, dầu là sờ đụng bằng chân! Xác xược quá! Bắt đầu từ đây, cô cột oán kết với đức Phật bằng mối hận thù sâu sắc. Cô quyết tìm cơ hội báo thù⁽¹⁾.

Còn ông bà Māgaṇḍi, sau khi để lại toàn bộ gia sản cho người em trai là bà-la-môn Cūlamāgaṇḍi, gởi gắm chăm sóc cô con gái, hai người tìm đến khu rừng Bhesakalā xin xuất gia, trở thành tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, không lâu sau họ đắc quả A-la-hán.

8.3- Đại Đức Raṭṭhapāla

Sau an cư mùa mưa, đức Phật và đại chúng ghé đến Kuru thì mọi người ở đây đang bàn tán xôn xao về chuyện cô gái Māgaṇḍiyā xinh đẹp bị Phật chê không dám sờ đụng bằng chân! Ông em của bà-la-môn Māgaṇḍi là Cūlamāgaṇḍi nghe xôn tai, tức giận tràn hông khi quần chúng nhạo báng, sỉ nhục cháu gái của mình. Sẵn có gia sản của anh chị để lại, Cūlamāgaṇḍi trang điểm châu ngọc, xiêm áo diễm lệ cho Māgaṇḍiyā rồi đem dâng cho đức vua Udena. Dung nhan của Māgaṇḍiyā làm xiêu lòng ông vua tử sắc, tức khắc phong cho nàng làm quý phi. Bây giờ “ông Phật ấy” lại đến đây, làm cho ai ai cũng tò mò, háo hức.

Ở tại thị trấn Kammāsadhamma mấy hôm, đức Phật thuyết nhiều bài pháp quan trọng xoay quanh chủ đề Tứ Niệm Xứ cho quần chúng tu tập. Cũng tại đây đức Phật hoá độ một du sĩ biện sĩ lỗi lạc, sau đó, ngài lại dời chân sang nơi khác.

Hôm kia, đức Phật và đại chúng đến thị trấn Thullakoṭṭhika; các bà-la-môn gia chủ hay tin tìm đến rất đông. Đức Phật có nhiều buổi pháp thoại làm cho họ hoan hỷ, phát khởi đức tin. Trong số đó có thanh niên Raṭṭhapāla, con một gia đình cự phú muốn xuất gia, nhưng đức Phật bảo là phải có sự đồng thuận của gia đình.

⁽¹⁾ *Chuyện này sẽ xảy ra năm sau, khi cô Māgaṇḍiyā được làm thứ phi của đức vua Udena.*

Khi Ratṭhapāla xin phép xuất gia, hai vị thân sinh nghiêm khắc cấm đoán, trăm phương nghìn cách để níu giữ chân con trai nhưng vô ích. Ratṭhapāla một mực im lặng và giữ vững ý mình: “Một là chết hai là được xuất gia”. Cô vợ trẻ sụt sùi, đầm nước mắt bi lụy và đảm thê thiếp, người hầu cũng vậy. Thế rồi, do bỏ ăn uống nhiều ngày, sợ con chết, hai ông bà đành phải bấm bụng cho con trai ra đi.

Thế rồi thanh niên Ratṭhapāla được thọ đại giới như ý nguyện. Các vị kết tập sư, sau này, kể rằng, với thiện căn và túc duyên nhiều đời, tỳ-khuru Ratṭhapāla có hạnh kiểm mẫu mực, ưa thích độc cư, viễn ly, tinh cần thiền quán nên đã đạt tứ thánh đạo quả. Tám năm sau, đại đức mới xin phép về thăm gia đình.

Trở lại quê cũ, đại đức Ratṭhapāla ôm bát khát thực từng nhà một rồi đến đứng trước cửa ngôi nhà cũ của mình. Lúc ấy, cha của đại đức đang đứng chải tóc, trông thấy Ratṭhapāla, do nhiều năm xa cách ông không nhận ra nên đã nổi giận, quát lớn:

- Hãy cút đi! Hãy xéo đi! Chính vì những sa-môn đầu trọc, bọn ăn xin đầu đường, xó chợ các ông đã làm cho ta phải mất đứa con trai độc nhất.

Nói xong, ông đóng sầm cánh cửa lại. Đại đức Ratṭhapāla không lấy thế làm điều, ngài chậm rãi bước quanh ra ngõ sau để đến một ngôi nhà khác. Lúc ấy, người nữ tỳ đang bụng nổi cháo thừa đem đổ vào hố rác. Đại đức Ratṭhapāla dừng chân lại, nói rằng:

- Này chị, nếu cần phải quăng đồ thì có cái bát của tôi đây.

Sau khi trút cháo thừa vào bát theo yêu cầu của vị sa-môn; người nữ tỳ sực nhớ giọng nói, thoáng nhìn tướng mạo, chị ta hoảng kinh nhận ra vị cựu chủ của mình. Hốt hải, ba chân bốn cẳng, chị chạy một hơi vào gặp người mẹ của Ratṭhapāla:

- Chủ mẫu ơi! Mau ra mà xem! Cậu ấm của chúng ta đã trở về! Rồi cô thuật lại chuyện xảy ra vừa rồi.

Vọt dậy, bà lao đến gặp chồng, la bai bai:

- Trời ơi là trời! Ông có biết không? Con trai cục cưng của

chúng ta đang ăn món cháo chua mà con nữ tỳ đem đi quăng đổ đấy! Ông hãy chống mắt ra mà xem kia kìa!

Trong lúc ấy, đại đức Ratthipāla đang ngồi dựa bức tường, an nhiên thọ thực. Cả hai ông bà ra tận nơi.

- Này con yêu! Nỡ lòng nào mà con lại ăn cái thứ mà chó nhà giàu cũng không thèm ngửi? Đây là nhà của con mà!

Đại đức Ratthapāla muốn thức tỉnh mọi người nên trả lời:

- Chúng tôi là những sa-môn đầu đường, xó chợ thì làm gì có gia đình nào, thừa gia chủ?

- Thôi mà con! Nói gì những lời như gai đâm, như muối xát làm cha mẹ đau lòng! Hãy vào nhà đi con!

- Thừa gia chủ, quả thật là tôi có đến nhưng tôi không nhận được một lời nói tử tế nào mà chỉ nhận được những lời sỉ nhục. Và hôm nay tôi đã thọ thực xong!

- Vậy này con, ngày mai nhé.

Đại đức Ratthapāla muốn hoá độ gia đình nên khề gặt đầu nhận lời rồi tìm đến một khu rừng vắng để tịnh chỉ. Trong lúc ấy, cha mẹ của Ratthapāla chuẩn bị sẵn mưu kế để dụ dỗ đứa con trai của mình.

Sáng ngày, tôn giả Ratthapāla bộ hành đến ngôi nhà cha mẹ, được mời ngồi nơi chỗ đã được soạn sẵn, đã được tính trước.

Vừa mới yên vị, bức màn vải hoa trước mặt được kéo lên, Ratthapāla chợt thấy ba đồng châu báu chất cao, màu sắc long lánh chói ngời. Và tiếng cha chàng trầm âm, như mật ngọt rót vào tai:

- Này con thân yêu! Đồng châu báu lớn nhất là của tổ tiên để lại. Đồng ít hơn là của cha đã khổ công kinh doanh, làm ăn một đời. Đồng nhỏ nhất là của mẹ con, một đời vất vả, dành dụm được. Tất cả đấy là của con, ngay từ bây giờ. Vậy con hãy hoàn tục, trở lại cuộc sống của một gia chủ; vừa thụ hưởng ngũ dục sung sướng mà còn có thể làm các công đức, bố thí cúng dường gì đó tùy thích.

Đại đức Ratthapāla cất giọng bình thản:

- Châu báu nhiều thì sầu bi khổ ưu não nhiều, lại dễ kéo theo ác nghiệp do tà vạy, bất chánh. Quý gì cái đồng sỏi đá ấy? Tốt nhất cho gia chủ là hãy sắm một chiếc xe với bốn ngựa kéo chở ra ngã tư đường bố thí hết cho những người nghèo nàn, đói khổ.

Hai ông bà bàng hoàng. Cô vợ trẻ và những nàng tỳ thiếp xinh như mộng đã ăn mặc, trang điểm diễm lệ từ phòng bên bước ra, vây quanh tôn giả với hoa hương thơm lừng.

- Thưa phu quân! Chắc các vị tiên nữ có sắc đẹp mê hồn nên phu quân chê chúng thiếp để sống đời phạm hạnh sa-môn?

- Thưa các bà chị! Các bà chị lầm rồi! Mục đích của sa-môn phạm hạnh không phải tầm thường, hạ liệt như thế. Các vị tiên nữ đều xinh đẹp như thế nào, đối với thầy tỳ-khuru chơn chánh, họ cũng chỉ xem như là những đồng thịt thối mà thôi!

Các cô vợ cũ la lên:

- Ôi! Than ôi! Phu quân đã gọi chúng em là những bà chị!

- Ôi! Phu quân còn nói chúng em là những đồng thịt thối!

Rồi họ ngã ra, bất tỉnh.

Đại đức Ratthapāla chột ôm bát, đứng dậy:

- Thôi vừa rồi, thôi đủ rồi là những trò quyến dụ ngây thơ và trẻ con ấy! Một ngàn lần thế cũng không thể làm động tâm những đứa con trai, đệ tử của đức Tôn Sư. Nếu gia chủ không đặt bát cúng dường thì tôi xin từ giã, không nên ngồi nán thêm một chút nào nữa trong cái địa ngục ái luyến, trong cái hầm hố ái dục hạ liệt này.

Nghe vậy, cả nhà hồi hã đặt bát với thức ăn thượng vị, loại cứng, loại mềm. Thọ thực xong, rửa tay xong, tay vừa rời khỏi bình bát, đại đức Ratthapāla đọc lên bài kệ khuyến hoá gia đình rồi ôm bát ra đi, tự do như con thiên nga giữa đất trời cao rộng.

8.4- Cô Bé Visākhā

Rời Kuru, đức Phật và hội chúng tỳ-khuru theo bờ Bắc sông Gaṅgā, xuống miền Đông đến vương quốc Aṅga, kinh thành

Campā là một bộ tộc nhỏ nhưng trù phú, thanh mậu. Đây cũng là một địa chỉ có khá nhiều nhân duyên với giáo pháp.

Đức Phật chưa đến Aṅga, nhưng do giới thương buôn loan truyền, tin tức ấy đã đến nơi này từ mấy hôm về trước. Náo nức nhất là những người buôn bán làm ăn xa, đã có dịp nghe pháp tại Kỳ Viên hay Trúc Lâm. Trong số ấy có hai vợ chồng triệu phú Dhanañjaya và Sumanā Devi. Đặc biệt là triệu phú Menḍaka, cha của bà Sumanā Devi là người hoan hỷ nhất, ông liền cho gọi cô bé cháu ngoại, là Visākḥā, lúc ấy mới bảy tuổi rồi nói rằng:

- Cháu yêu quý! Đức Phật và tăng chúng đang vân du hành hóa đến quê hương của chúng ta; ngài và hội chúng còn ở Bhaddiya ngày nào là chúng ta có dịp cúng dường và nghe pháp đấy!

Cô bé Visākḥā mở tròn mắt, ngạc nhiên, ngây thơ hỏi:

- Vậy là tuyệt! Cô bé Visākḥā vỗ tay - Thế tại sao ông ngoại và cháu không đi thăm, đánh lễ và cúng dường đức Phật ấy rồi xin được nghe lời chỉ dạy.

- Đi chứ, đi chứ! Ông triệu phú cười vui, mau mắn nói - Nhưng hãy đợi đến sớm mai. Bây giờ, cháu hãy chuẩn bị năm trăm cỗ xe có ngựa kéo với đầy đủ tứ sự, lễ vật cùng năm trăm thị nữ, gia nhân rồi ông cháu chúng ta đi cúng dường, có lẽ quý ngài đang ở tại một ngôi rừng nào đó ở ngoại ô.

Sau khi cô bé đi lo công việc, ông triệu phú suy nghĩ: “Cha mẹ nó đều là bậc trí thức, hiền thiện, đã từng được nghe pháp nhiều lần ở nơi này và nơi kia; riêng cô bé thì chưa. Nó lạ lắm. Nó tiềm tàng những phẩm chất cao quý mà ít người có được. Khi sinh ra, nó nằm gọn gàng trong cái bọc điều tinh khiết, trông kháu khỉnh, sáng rõ như viên hồng ngọc. Điều đặc biệt, lúc nào, nó ăn uống đi đứng nằm ngồi đều toát ra phẩm chất cao quý, dường như không hề thấy thói hư tật xấu nào. Phải tạo cơ hội cho nó được thân cận những bậc đại trí tuệ như đức Phật để cho nó được thăng hoa những phẩm chất có sẵn ấy”.

Thế rồi, ngày hôm sau, ông triệu phú Menḍaka và cô bé Visākḥā với năm trăm cỗ xe thực phẩm, lễ vật, năm trăm thị nữ,

gia nhân rầm rộ, sang trọng không thua gì vua chúa đến khu rừng ngoại ô thăm viếng đức Thế Tôn và hội chúng tỳ-khưu.

Thấy được đức Phật, tự dung cô bé Visākhā phát khởi đức tin trong sạch, niềm hoan hỷ bùng bùng tỏa sáng nơi khuôn mặt.

Sau buổi đặt bát, cúng dường lớn, triệu phú Menḍaka và cô bé Visākhā còn được nghe pháp. Hôm ấy, đức Phật do biết được sự suy nghĩ trong tâm của ông triệu phú nên ngài nói về những tính xấu của con người cần phải loại bỏ, phải cần có trí tuệ soi sáng thường trực để nhận ra những thói quen, tật xấu nằm ngủ lưu niên lưu cữu trong dòng nghiệp của mỗi người. Nhờ vậy, mới hiển lộ được tư cách và phẩm chất tốt đẹp mà ai cũng sẵn có, rồi làm cho nó được thăng hoa, toàn thiện và toàn mỹ.

Sau buổi pháp thoại, ông triệu phú rung rung nước mắt thấy đức Phật thuyết một thời pháp đúng với tâm nguyện của mình. Cô bé Visākhā, mặc dầu còn nhỏ, nhưng tinh thần đã đến mức tiến hoá bậc cao do căn duyên nhiều đời nên đã chứng quả Nhập Lưu.

Đức Phật và hội chúng phải ở lại đây một thời gian nữa để gieo duyên với chúng sanh. Không những hai vợ chồng gia đình triệu phú này đặt bát cúng dường mà còn bạn bè, thân hữu cùng rất đông gia chủ ở trong thị trấn Bhaddiya nữa.

Sau đó, đức Phật tiết lộ một chút về tương lai:

- Cô bé Visākhā kia, sau này sẽ trở thành một nữ đại thí chủ, mà công đức hộ trì Tam Bảo, cúng dường tứ sự đến tăng ni cũng không thua gì ông triệu phú hiền thiện Cấp Cô Độc!

8.5- Tỳ Khưu Ni Dhammadinnā

Đức Phật trở lại Trúc Lâm tịnh xá khi trời đang còn tiết Xuân; và chỉ vài hôm sau là ngài hầu như phải thường xuyên thuyết pháp vào mỗi buổi chiều vì hai hàng cư sĩ rất khát khao học hỏi. Kết quả thật đáng ngạc nhiên là rất nhiều nam cư sĩ, nữ cư sĩ đắc quả Nhập Lưu. Đặc biệt trong đó có một trưởng giả

Visākha rắc quả Bất Lai, và ông ta lại muốn xin xuất gia. Đức Phật bảo là được nhưng chưa đúng thời.

Về nhà, trưởng giả Visākha lặng lẽ bước lên lầu, tìm chỗ tọa thiền. Đến chiều, phu nhân xinh đẹp của ông là bà Dhammadinnā dịu dàng đặt tay lên vai, âu yếm nhắc nhở là đã đến giờ dùng cơm.

Xả thiền, ông Visākha nhẹ nhàng nắm tay bà rồi ân cần nói:

- Bắt đầu từ hôm nay, ta hoàn toàn không muốn nắm bàn tay xinh đẹp của nàng nữa; xin nàng hãy thông cảm cho ta.

- Chàng ghê sợ bàn tay của thiếp sao?

- Không phải vậy! Rồi ta sẽ nói chuyện sau.

Yên lặng một lát, bà Dhammadinnā nói:

- Thôi, bây giờ hãy xuống dùng cơm, cả nhà đang đợi.

- Cũng không cần thiết! Ăn một bữa là đủ nuôi sống cái thân tạm bợ này rồi.

Lại yên lặng.

- Hay thiếp đã có làm việc gì sai trái, có lỗi với chàng chăng?

- Không, không có! Trưởng giả lắc đầu - Nàng là người đàn bà tài sắc vẹn toàn; và còn hơn thế nữa, còn cả nét hạnh và đức độ mà người ở gái xấu tính nhất cũng phải kính yêu và cảm mến.

- Đừng nói lời rào đón hoa hương ngọt mật như vậy nữa - Bà Dhammadinnā giận dữ - Hay là chàng chán thiếp rồi, chán cái thân xác núc ních đã chảy tràn những thịt và mỡ và nơi nào cũng đầy đầy những xú uế và bất tịnh này?

Trưởng giả quay sang nhìn bà vợ yêu quý, thô lộ, tâm sự:

- Nàng đừng nói những lời làm rơi mất nghĩa tình tốt đẹp bấy nay. Ta không có lỗi mà nàng cũng không có lỗi. Ta nói thật cho nàng hay. Số là sáng nay nghe được pháp từ đức Đạo Sư, tâm trí ta đã chìm rất sâu vào giáo pháp. Nói rõ hơn là ta hiện đang sống, đang thở với giáo pháp ấy. Trạng thái tinh thần của ta hiện nay chỉ thích hợp với cái gì thanh lương, cao sáng, tĩnh lặng. Ở đây, nó không còn có chỗ cho những tình cảm vợ chồng cũng như những cái gì thuộc dục lạc ngũ trần...

Bà Dhammadinnā yên tĩnh, chăm chú lắng nghe.

Trưởng giả Visākha tiếp tục:

- Vậy, cái duyên tơ tóc mặn nồng của chúng ta từ nay nên gác lại. Tài sản mấy trăm triệu đồng tiền vàng, ta để lại hầu hết cho nàng, cứ tùy nghi sử dụng. Ta chỉ cần một phần nhỏ để nuôi thân và bố thí, cúng dường cho đến khi đủ duyên xuất gia thôi. Nàng có thể cai quản gia sản hay mang về nhà cha mẹ thì tùy ý. Nàng có thể lấy một tấm chồng khác, cũng tùy ý luôn. Nàng còn trẻ, đẹp, hơn thế nữa, cái đức tính đảm thắm, dịu dàng của nàng còn lôi cuốn, hấp dẫn biết bao nhiêu bậc vương tôn, công tử trên đời này! Đừng vì tự ái mà nói những lời làm trái tim của ta đau xót...

Bà Dhammadinnā chột cất giọng ráo hoảnh:

- Chàng nói đã xong chưa?
- Xong rồi!
- Vậy thì cho thiếp được “phát biểu chính kiến”, được chăng?
- Sẵn sàng!
- Vậy thì sau khi liễu ngộ giáo pháp, sống từng hơi thở với giáo pháp chàng cảm thấy người vợ đầu gối tay ấp, gia sản mấy trăm triệu đồng tiền vàng đều là vật ngoại thân, là thứ không nên dính mắc; nói rõ hơn là đáng viển ly, quăng bỏ, có phải thế chăng?

Trưởng giả Visākha nhìn sâu vào mắt bà:

- Về gia sản thì đúng vậy!

Bà Dhammadinnā cất giọng cứng cỏi:

- Thiếp cũng cương quyết không nhận những vật mà chàng đã bỏ đi, không nuốt những vật mà chàng đã mửa ra!

Trưởng giả Visākha sững sờ:

- Ý nàng như thế nào?

- Chàng hãy cho thiếp được xuất gia!

Trưởng giả Visākha tưởng tai mình nghe lầm:

- Nàng nói sao?

- Chàng quăng bỏ được thì thiếp cũng quăng bỏ được! Hãy cho thiếp xuất gia!

Trưởng giả Visākha lặng người vì hoan hỷ! Cái hoan hỷ nó chảy rần rần như mọc ốc cả người, nghẹn ngào không nói được lời nào! Còn bà Dhammadinnā thì có vẻ trầm tư, xa vắng, thủ thi:

- Đã lâu lắm rồi, thừa phu quân! Kể từ khi gá nghĩa, se duyên cùng chàng, thiếp sống rất hạnh phúc. Hạnh phúc vì có được người chồng tốt: Tốt tướng, tốt nét, tốt bởi tâm đại lượng, tốt trong thái độ khu xử và tốt cả những ngôn lời nhã nhặn, lịch thiệp, dịu dàng. Chẳng có người đàn bà nào gặp được phúc duyên trọn hảo, tuyệt mỹ như thế. Tuy nhiên, có một cái cảm giác, ồ không, là một cảm thức lúc nào nó cũng chờn vờn, mơ hồ như sương như khói; rằng là, đây là kiếp sống ăn gỏi, ở nhờ, tạm bợ và phù du. Có cái gì đó không chắc thật, không vững bền. Dường như là phải có một thế giới khác, một cảnh giới khác, nó rất thân thuộc, lại nằm sâu đâu đó trong ký ức xa xăm! Có một tiếng gọi! Ồ, có một tiếng gọi từ bên kia sông vắng lại. Có một cánh tay đưa vẫy đâu đó ở cuối con đường, bên kia dốc núi! Đã có nhiều đêm, nhiều đêm thiếp đã thao thức, thao thức một cõi về chân phúc nào đó, mà thiếp không dám thổ lộ với ai, kể cả chàng, thừa phu quân!

- Đúng, rất đúng! Chính ta trước đây, đôi lúc cũng có cảm giác như vậy, cảm thức mơ hồ như vậy!

- Hay là nhiều kiếp trước đây, đâu từ xa xăm, chúng ta đã từng sống đời xuất gia phạm hạnh? Và những cảm thức kia là những nhắc nhở để trở về, đừng có lang thang, phiêu dạt nữa?

- Cảm ân phu nhân! Và thật là kỳ lạ! Sống đã lâu với nàng mà hôm nay ta mới phát giác là nàng nói hay quá. Hay ở ngôn ngữ, hay ở ý tưởng, hay ở cung bậc, nhịp độ và hay cả âm thanh truyền cảm nữa! Đúng là nàng phải xuất gia mới tỏ lộ hết đạo hạnh, trí tuệ và tài năng bẩm sinh ấy!

Bà Dhammadinnā vui mừng nói:

- Cảm ân phu quân!

Ngày ngày hôm sau, trưởng giả Visākha đưa vị phu nhân xinh đẹp của mình đến ni viện trên cái kiệu vàng. Đức vua Seniya

Bimbisāra hay tin chuyện hy hữu nên đã cùng bà chánh hậu Videhi và hoàng tử Ajātasattu (A-xà-thế) cùng đến dự lễ.

Đức Thế Tôn đã biết chuyện này nên đã cùng các vị trưởng lão sang chứng minh và cho bà thọ cụ túc giới trước khá đông đủ tăng ni hai viện. Trưởng giả Visākha làm thí chủ buổi lễ, và sau đó, đặt bát cúng dường tăng ni lưỡng viện suốt một tuần lễ.

Chuyện bà phu nhân xinh đẹp đột ngột quăng bỏ tài sản, không nuốt vật đã mưa ra là mấy trăm triệu đồng tiền vàng để xin xuất gia, trong lúc ông chồng, trưởng giả Visākha, được đức Phật ngầm xác chứng đắc quả Bất Lai lại chưa được đức Phật cho phép đi theo giáo hội, được tăng ni bàn tán thảo luận nơi này và nơi khác.

Sau này, sau khi đắc quả A-la-hán, tỳ-khuru-ni Dhammadinnā còn được đức Phật tuyên dương là “Đệ nhất về thuyết pháp” trong hàng ni chúng.

8.6- Khúc Thán Ca Vô Thường Bất Hủ

Ở Trúc Lâm một thời gian, đức Phật và đại chúng lại bộ hành lên phương Bắc, đến thị trấn Pāṭaligāma phồn vinh bên này phía Nam sông Gaṅgā. Tại đây, sách tấn tăng ni, sau đó vượt sông sang đất nước Vesālī... Tại Đại Lâm, ở ni viện đức Phật làm lễ thọ đại giới cho hai cô em gái của tôn giả Sāriputta. Cuộc lễ vừa chấm dứt thì tỳ-khuru-ni Ambapālī từ ngoài vào, đến đánh lễ đức Phật và chư tôn trưởng lão. Vị tỳ-khuru-ni này đã đắc quả A-la-hán, và lộ trình chứng ngộ của bà cũng rất khó khăn.

Sau khi xuất gia, tỳ-khuru-ni Ambapālī không được vui do tuổi già, không còn đủ lanh lẹ trong mọi sinh hoạt như các tỳ-khuru-ni khác. Có một dao động mãnh liệt khi thấy bản chất già yếu, lụm khụm, mệt mỏi... và sự biến đổi, thay đổi của thân xác.

Hôm kia, ngồi bên bờ suối vắng vẻ, nhìn ngắm chiếc bóng già nua thấp thoáng ẩn hiện trong dòng nước, tỳ-khuru-ni Ambapālī kinh cảm, tràn đầy xúc động, thốt lên một bài kệ như sau:

“ - Ôi! Mái tóc thanh xuân của ta,
Mái tóc màu xanh sậm tựa mắt con ong chúa
và bông bênh sóng gợn từ gốc tới ngọn
Bây giờ sắc đẹp ấy đã bị phá hủy
Do bệnh hoạn, do tuổi già
Do lửa thời gian thiêu đốt
Nó khô rang giống như sợi vỏ cây gai dầu
Ai rồi cũng phải bị tuổi già không chừa,
bị sự vô thường chi phối
Đúng như lời dạy bảo của đấng Giác Ngộ, không sai!
Ôi! Một thời,
Mái tóc của ta tỏa hương thơm
giống như một hộp đựng châu báu
hoặc như một hộp đựng hương
Do trên đầu ta luôn phủ đầy hoa puppheti,
hoa campaka, hoa aribian
cùng bột hương và các loại hương liệu tế nhị, quý phái
Còn nữa, mái tóc ta dày rậm
như một khu rừng khéo trồng,
mỗi sợi tóc là mỗi gốc cây luôn được bảo vệ,
chăm sóc như trong công viên của hoàng gia,
Nó mềm mại, êm ái và sức nức thơm tho.
Lại còn được làm đẹp
với lược gấn bằng vàng ròng tinh chất,
với trâm cài có đính kim cương -
Nó óng ánh, đẹp đẽ
và chói sáng giống như ngày hội của muôn sao
Bây giờ thì nó đã thừa thớt dần
Sau khi cạo bỏ,
nó lại phẳng phất mùi hôi như lông chú cún,
khó chịu như mùi lông cừu
Ôi! Quả đúng là một rừng bất tịnh
Đúng như lời dạy bảo của đấng Giác Ngộ, không sai!

Ôi! Một thời,
Đôi làn mi của ta
đã được họa sĩ trứ danh khéo vẽ
Đẹp tựa vàng trắng luỡi liềm
Nó không những điểm màu xanh tinh tế,
màu gợi cảm tinh tế
mà còn pha thêm hồn của liễu rủ,
hồn của những sợi tơ con bướm ngài
Phải nói là nó đẹp đến tuyệt mỹ, vô song
Bây giờ đôi làn mi ấy
chỉ còn là những sợi rơm rạ khô vàng
kéo theo những tia nhăn nheo phủ xuống mặt mỗi,
báo hiệu sự già lão, chết chóc
Ôi! Một thời,
Đôi mắt của ta đen huyền và xanh thẳm
như đôi mắt của chúa bồ câu,
chúa thiên nga, chúa nai trong rừng sâu
Nó lại còn rực rỡ, chói ngời
nhưng xanh trong và tỏa sáng dịu dàng
như hai luồng châu báu
Bây giờ, tháng năm biến đổi
Nó đã đục lờ như nước sữa chua
Nó đã lấm tấm mọc lên li ti
những mụn bụi, mụn cát màu xám nâu
Nó xấu xí, bạc nhược và vô hồn đến nỗi,
có thể đem so với đôi mắt con cá chết,
nhưng mà con cá chết ươn!
Ôi! Đang lúc tuổi trẻ dậy thì
Mũi của ta mềm dịu,
Ngay thẳng và sáng trong
Sống mũi là một gò núi tinh tế, tuyệt hảo
Nó kiêu diễm như châu ngọc không có tỳ vết
Bây giờ thì nó sụp xuống như ống cống bị gãy

lại còn tươm rỉ nước mũi lệt sệt hôi hám
Ôi! Sự thật vô thường thật là khó kham, khó nhẫn;
Đúng như lời dạy bảo của đấng Giác Ngộ, không sai!
Ôi! Một thời,
Đôi tai của ta, vành tai,
trái thù châu của ta
Nó được những vòng vàng, vòng ngọc,
vòng bạc khéo chế tạo, tể nhị điểm trang
Nó sáng chói như ngọc chuốt
Bây giờ thì nó chảy xệ xuống,
nhăn nheo rủ xuống như hai miếng giẻ rách
Ôi! Sự thật vô thường thật đáng sợ
Đúng như lời dạy bảo của đấng giác Ngộ, không sai!
Ôi! Một thời,
Hàm răng của ta trắng tinh như ngà,
đều đặn như hạt lựu, hạt bắp,
trắng nõn như búp măng chuối mới sinh
Nay thì nó bị bể, bị gãy, bị sâu đục
rồi chiếc rụng, chiếc long
và chúng ngả sang màu vàng, đen xỉn
Trông mới ghê sợ, thê thảm dường bao!
Ôi! Một thời,
Giọng nói, âm sắc của ta ngọt ngào, ngọt lịm
Nó êm ái, du dương
Nó mê ly, thánh thót
Nó quyến rũ mê hồn
Khi ta thốt lên thì nó thỏ thẻ, đường mật,
gọi tình như tiếng chim cu
sống chung trong cánh rừng
cùng những ca sĩ non xanh lú lo tấu nhạc
trong một khúc trường xuân miên viễn
Nay thì nó rè rè, khan khan, đứt đoạn
giống như gió thổi qua ống sáo trúc bị nứt bể!

Ôi! Một thời,
Chiếc cổ của ta thật là kiêu diễm
Nó đầy đặn, mềm mại, tròn sáng
Như vỏ ốc xà cừ bằng vàng
được đánh bóng công phu, khéo tay và tinh tế
Giờ đây trông nó như vỏ mướp đắng phơi khô,
có nhiều gân quăn queo,
chỉ còn là bì da đưng lớp mỡ thừa,
chảy xệ, nhão nhoẹt.

Ôi! Một thời,
Hai cánh tay trần của ta mềm mại, tròn trịa
vàng sáng như được tô ngọc
hòa thêm với ánh trắng đêm mười sáu
Nó còn giống như hai ống ngọc tròn
vòng quanh ngôi đèn tình ái
Nay thì nó đã xiêu đổ, biến dạng, đổi hình
Và nó yếu ớt, tàn tạ
như đóa hoa kèn trắng bệch
không còn chút huyết sắc nào

Ôi! Một thời,
Hai bàn tay của ta trắng trẻo, mềm dịu,
sáng trắng như trứng gà bóc
Lại còn nhẫn vàng, nhẫn ngọc,
nhẫn kim cương, hột xoàn trang điểm
tô chuốt óng ánh bóng ngời
Nay thì nhẫn nheo, nhẫn nhèo
mềm xèo như cây hành héo
như nhúm cải luộc!

Ôi! Một thời,
Cặp nhũ của ta căng phồng, tròn trịa
Mơn nồn như hai trái đào tiên
đầu vú cứng cáp tràn trề sinh lực
và đỏ hồng như điểm chu sa

Nay thì nó chảy xệ xuống
Như bầu da khô sữa không còn căng đầy
Như túi nước đã rỉ hết nước
ẻo xèo và nhăn nhúm
Ôi! Một thời,
Thân ta thon thả và chói sáng
như áo giáp vàng đánh bóng
Sau khi đã bơi lên một chất son tinh khiết
Đâu cũng mịn màng, láng lẩy
Đâu cũng tròn căng và thơm tho
Nay thì chúng đã xuống cấp
Như ngôi nhà mỗi mọt
Đã tàn tạ và mục rữa ở khắp mọi nơi
cả những sinh bào bé tí
cũng cau mặt, nhăn nhu thảm hại
Ôi! Một thời,
Cặp đùi của ta múp míp đầy đặn
ánh ngời như cặp ngà voi
Mềm mại và uyển chuyển
như bước đi của tiên nữ
Và nó đã làm cho bao nhiêu
vương tôn công tử chết đứng chết ngồi
Vì nó đã được ông thợ trời khéo khắc, khéo tạc
Thành một tác phẩm tuyệt mỹ
Nay thì giống như hai ông tre khô giòn
đến thời quăng vào lửa đốt!
Cặp bắp chân của ta cũng thế
Như được uống nước no,
mịn màng và vàng óng
Lúc nào cũng giống như đôi giày được độn đầy bông
Nay thì nó gầy gò, teo tóp, xương xẩu
rất ít thịt và máu
giống như thân cây mè khô

được cắt bỏ ngoài đồng ruộng
khô nỏ, nứt nẻ
Những sợi lông chân của ta
cũng mịn màng vàng óng
Bây giờ thì như cây cỏ
trong ngôi rừng vừa bị lửa cháy!
Ôi! Cái thân, cái thân!
Các pháp hữu vi kết hợp này
Nó chịu cái già lão hủy hoại
Cái ngôi nhà được vô minh và ái dục xây nên
Nay đã cũ kỹ
cột kèo, đòn dông đã bị hư mục
Mái lợp, tấm che đã xiêu rách tả tơi
Và những lớp vôi trét tường đã đến hồi rụng rã
Cái thân vô thường này
là một cái bọc chứa đầy bất tịnh và đau khổ
Lời dạy của đức Tôn Sư
muôn đời là sự thật
Tham luyến, chấp thủ gì nữa
mà không chịu rời xa?”

Sau khi thốt lên lời thán ca như thế, Ambapālī nắm ngay tướng bất tịnh ấy, lia tham ái, chấp thủ, đoạn trừ năm triền cái, năm thiện chi xuất hiện đi vào định, tuần tự từ sơ thiền cho đến tứ thiền chỉ trong thời gian bảy ngày. Nhờ tâm định vững chắc, kiên cố, năng quán sát danh sắc, thấy được thực tánh, tam pháp ấn hiển lộ, tuệ giác bừng sáng, chứng quả A-la-hán, đầy đủ ba minh.

Bồi hồi, bồi hồi, lạc phúc và an tịnh, năng dùng thiên nhãn, sanh tử minh, rồi tức mạng minh nhìn ngắm các kiếp sống trầm luân sinh tử của mình, cảm thán, năng thốt lên một số bài kệ tán ca nữa.

Những đoạn kệ, nhất là bài “thán ca vô thường bất hủ” của tỳ-khuru-ni Ambapālī không mấy chốc được lan truyền đi khắp nơi. Một vị thánh ni, xuất thân là một kỹ nữ vừa được sanh ra

trong giáo pháp của đức Thế Tôn là một biến cố trọng đại, được mọi người xưng tán, tôn trọng tụng ca, hàm tàng biết bao nhiêu ý nghĩa, là tấm gương sáng cho các hàng hậu tấn.

8.7- Dabba - Vị Tỳ Khuru 7 tuổi

Rời Vesālī, đức Phật và đại chúng ghé thăm Videha, Moriya sau đó qua Malla. Hôm ấy, do tiết trời nắng nóng, đức Phật và đại chúng dừng chân tại khu rừng Ampiyamba, gần thành Anupiya thì có một cậu bé trai thuộc dòng dõi quý tộc Malla tìm đến. Nó cứ đưa đôi mắt trong sáng, ngây thơ nhìn đức Phật rồi lẩn quẩn loanh quanh bên các vị trưởng lão và đòi xin xuất gia.

Nghe kể lại, thuở còn trong thai bào thì bà mẹ chết vì bạo bệnh. Khi đem hỏa thiêu, do sức nóng của lửa, cái bụng của bà mẹ nứt ra, cái bọc thai bị bắn vọt rơi nằm vắt vẻo trên cành cây nên được đặt tên là Dabba.

Sau khi Dabba được bà ngoại đồng ý, đức Phật bảo tôn giả Sāriputta làm lễ thí phát cho trẻ. Do túc duyên ba-la-mật sẵn có, khi đường dao cạo thứ nhất vừa lướt qua làn da đầu, Dabba chứng quả Tu-đà-hoàn. Khi đường dao cạo thứ hai vừa kéo theo một chùm tóc, Dabba đắc quả Tu-đà-hàm. Thế rồi, đường dao thứ ba, Dubba đắc quả A-na-hàm. Đường dao thứ tư vừa xong thì Dabba thành tựu cứu cánh sa-môn hạnh, đắc quả A-la-hán luôn cả các thăng minh.

Khi tôn giả dẫn Dabba đến trình diện đức Phật, ngài nói:

- Hãy cho “con trai” của Như Lai thọ luôn cụ túc giới, này Sāriputta!

Đại chúng ngạc nhiên.

Sau khi Dabba-Mallaputta thọ đại giới, dù mới 7 tuổi, nhìn tăng tướng đẹp đẽ như một ngoan đồng cõi trời, ai cũng trầm trồ, tấm tắc nhìn ngắm. Biết mọi người thắc mắc, đức Phật kể sơ trong quá khứ, Dubba-Mallaputta đã từng tu tập vào thời chư Chánh Đẳng Giác Padumuttara, Kassapa... như thế nào. Nhờ

vậy, đại chúng mới biết rõ căn cơ sâu dày của cậu bé. Nếu mà nhân duyên đủ, cậu bé đã đắc quả A-la-hán từ thời đức Phật Kassapa.

Tỳ-khuru Dabba-Mallaputta bây giờ đã lấy lại tư cách đỉnh đạc của một vị thánh tăng, quán nhân duyên sau trước, rồi quỳ thưa:

- Bạch Thế Tôn! Hãy cho đệ tử về Trúc Lâm tịnh xá để tập sự công việc đúng như lời nguyện thọ trước khi quỳ bên chân đức Chánh Đẳng Giác Padumuttara!

Đức Phật mỉm cười:

- Ủ, đúng vậy, con trai!

Tỳ-khuru Dabba-Mallaputta vâng mệnh, đánh lễ đức Phật và chur tăng rất từ tốn và chậm rãi, xong, như cánh chim ung vàng bay qua hư không, chỉ mấy sát-na sau là mất dạng.

Đại chúng hoan hỷ, tán thán không hết lời.

8.8- Sīvali - Vị Thánh 7 tuổi

Từ già khu rừng Ampiyamba, đức Phật và đại chúng chậm rãi bộ hành về kinh đô Devadaha, nước Koliyā, là quê ngoại của ngài. Lần này, đi theo đức Phật hầu như có đủ mặt các ông hoàng, công tử cả hai quốc độ thọ trước.

Tại Devadaha, có một hài nhi đặc biệt sắp ra đời.

Chuyện là, ông hoàng Mahāli, có vị phu nhân là công nương Suppavāsā mang thai đã bảy năm mà chưa sinh. Cứ nghĩ là đang mang trong mình một “quái thai” nên sự đau đớn kia như tăng gấp bội. Sáng nay, nghe tin đức Phật và đại chúng đang ở tại Devadaha, công nương Suppavāsā mừng quá, những mong được chiêm ngưỡng ngài trước khi mạng chung nên đã hối hả nói với chồng:

- Chàng ơi! Hãy tức khắc đi ngay! Vì thiếp và vì quái thai trong bụng; hãy thỉnh cho kỳ được đức Phật và chư tỳ-khuru tăng ni cho thiếp được chiêm bái và bố thí cúng dường lớn trước khi vĩnh biệt!

Người rành rồi chỉ chỗ đức Phật. Đến nơi, với bước đi hấp tấp, vội vã cùng với nét mặt sầu, ông hoàng chưa kịp đánh lễ thì đức Phật đã mở lời trấn an:

- Này Mahāli! Không sao đâu! Phu nhân sẽ an toàn và cái thai nhi kia cũng sẽ an toàn! Như Lai sẽ chú nguyện cho! Bây giờ, ông hãy yên tâm về đi, đừng lo lắng nữa, đứa trẻ sắp chào đời rồi đây!

Tin tưởng vào đức Thế Tôn, hoàng thân Mahāli thở ra một hơi dài. Và khi ông vừa rời gót, dùng trí sinh tử, đức Phật biết rõ quả nghiệp chịu đựng đau khổ của mẹ con thai nhi đã chấm dứt nên ngài chú tâm, hướng năng lực tâm đến chỗ sản phụ, đọc lên bài kệ với ý rằng: “Công nương Suppavāsā xứ Koliya được khỏe mạnh và an lành, hạ sanh một hài nhi cũng khỏe mạnh và an lành như thế!”. Câu phúc chúc của đấng Mười Lực vừa chấm dứt thì tại biệt phủ, công nương Suppavāsā sinh hạ một hài nhi nhẹ nhàng như nước trong bình đổ ra. Nhìn đứa bé khuôn mặt đẹp đẽ, hồng hào, mũm mĩm như con nhà trời, công nương mừng vui bế trẻ vào lòng với hai hàng lệ tuôn chảy. Cả nhà đổ xô lại. Ai cũng muốn nhìn tận mặt “cái quái thai” bảy năm trong bụng mẹ. Và vì do phước báu của trẻ mà ai cũng nghe trong lòng thơ thới, mát mẻ, an vui một cách lạ kỳ nên họ gọi là “Sīvali, Sīvali...” từ đó thành tên.

Thế rồi, việc đặt bát cúng dường bảy ngày tại biệt điện đến đại chúng có đức Phật cầm đầu đã diễn ra hỷ mãn. Và trong thời gian ấy, ai ai cũng chứng kiến chuyện lạ lùng, là trẻ Sīvali lớn nhanh như thổi. Đến ngày thứ bảy thì trẻ đã hao hao giống đứa bé ba bốn tuổi nhưng cử chỉ, đi đứng, ăn nói thì đã tỏ ra không thua gì trẻ sáu bảy tuổi. Hôm đó, sau thời pháp của tôn giả Sāriputta, trẻ Sīvali ăn mặc rất đẹp, bước ra đánh lễ tôn giả rất mực nghiêm cung và lễ độ. Tôn giả dịu dàng cất tiếng hỏi:

- Mọi việc đều an lành và tốt đẹp cả chứ, này Sīvali?
- Hiện tại thì như vậy, nhưng suốt thời gian bảy năm, bảy

ngày nằm trong bình máu thì an lành và tốt đẹp sao được, thừa tôn giả!

- Đúng là vậy! Tôn giả hoan hỷ nói - Vậy là cái khổ nằm trong bụng mẹ, con là người cảm nhận sâu sắc nhất!

- Không chỉ là cảm nhận, con còn kinh sợ nữa, thừa tôn giả!

Qua vài câu đối thoại giữa tôn giả và “hài nhi” mới sanh có bảy ngày đã lôi cuốn sự chú tâm của mọi người. Công nương Suppavāsā hoan hỷ và hãnh diện quá, bà thốt lên:

- Coi kìa! Coi kìa! Con tôi mới có bảy ngày mà đã thảo luận “về sự khổ” với bậc Tướng quân Chánh pháp!

Biết trẻ có căn duyên sâu dày, tôn giả ước hỏi tiếp:

- Nếu kinh hãi sự khổ thì con phải làm sao, Sīvali?

Trẻ có vẻ suy nghĩ rồi mới trả lời:

- Theo thời pháp của tôn giả, xuất gia mà thấy pháp, chứng pháp, giác ngộ pháp sẽ lần lượt cắt đứt tất cả sự khổ. Vậy trước sau, con cũng xin được xuất gia thôi!

Và điều kỳ diệu đã xảy ra khi tôn giả Sāriputta làm lễ xuất gia sa-di cho Sīvali. Khi làn dao cạo tóc vừa đi xong một đường, cậu bé đã đắc quả Tu-đà-hoàn, đường dao thứ hai thì đắc quả Tu-đà-hàm, đường dao thứ ba thì đắc quả A-na-hàm; và sau khi cạo đầu xong thì Sīvali đã đắc quả a-la-hán cùng các thắng trí.

Và sau này, sa-di Sīvali được đức Phật khen ngợi là người “đệ nhất về tài lộc”, đặc biệt là về vật thực!

(Nguyên nhân tại sao thai nhi nằm trong bụng mẹ 7 năm, 7 ngày; và trong quá khứ Sīvali đã gieo nhân gì mà kiếp này được Phật khen ngợi là “đệ nhất về tài lộc” xin xem thêm MCDMVNN, cùng tác giả).

8.9- Thiên Đường Và Địa Ngục

Trở lại Kỳ Viên tịnh xá, và thời gian ở đây không có biến cố gì quan trọng. Mọi sinh hoạt bình thường. Sadi Rāhula chăm ngoan và tiên bộ nhiều, riêng tỳ-khưu Nanda thì khuôn mặt

không được vui, trong lòng vẫn còn bị đốt cháy bởi khối lửa tình si.

Thấy vậy, đức Phật chợt nói:

- Này Nanda! Hôm nay, ông cùng với Như Lai hãy đi chơi một chuyến cho khuây khoả!

Ngạc nhiên, Nanda tròn mắt:

- Đi chơi, bạch Tôn Sư?

- Phải, chúng ta sẽ du ngoạn cõi trời! Tiện thể, Như Lai muốn giáo giới, nhắc nhở Sakka thiên chủ một chút.

Nói xong, đức Phật vận thần thông lực đưa tỳ-khuru Nanda đến cung trời Đao Lợi. Giữa không gian, khi bay ngang qua một khu rừng vừa bị hỏa thiêu, đức Phật cốt ý để cho Nanda trông thấy một con khỉ cái bị cháy trụi lông, bị sứt tai, mũi và đuôi, đang cố ôm bám vào một thân cây trơ trọi để níu lấy sự sống.

Đến cung điện rực rỡ của đệ nhị thiên đường, mấy muôn chư thiên lấp lánh ánh sáng, phục sức cao sang, dẫn đầu là thiên chủ Đế Thích ra nghinh đón đức Tôn Sư. Và, ô kìa, mười muôn thiên nữ sắc đẹp lộng lẫy, diễm lệ xuất hiện giữa đám mây hồng, mây tím; có cả quần tiên cầm-thất-bà tấu nhạc như một cuộc hội trường xuân.

Thấy tỳ-khuru Nanda đang ngẩn nhìn mê mẩn, đức Phật nói:

- Này Nanda! Ông hãy tùy nghi đi chơi đâu đó cho thỏa thích. Như Lai có công việc với Sakka thiên chủ.

Thế rồi, đợi thiên chủ dẫn đức Phật vừa đi khuất, tỳ-khuru Nanda đi thăm thú cảnh “non bồng nước nhược”! Tới chỗ nào, tỳ-khuru Nanda cũng như muốn chết sống! Cung điện Kapilavatthu huy hoàng, sang trọng, nhưng đem so sánh với nơi này thì chỉ như cái xó bếp tối tăm, nghèo nàn thật tội nghiệp.

Bước chân đưa đẩy, dẫn Nanda đến một tòa cung điện với năm trăm bảo tháp kim cương, hội tụ giữa hư không, phản chiếu ánh sáng lấp lánh muôn màu. Bước vào giữa điện, Nanda trông thấy một chiếc ngai khảm bảy báu, trông rất lộng lẫy, sang trọng. Tuy chưa thấy một vị thiên tử nào ngự ở đấy, nhưng hầu quanh

có năm trăm thiên nữ mà cô nào cũng chim sa cá lặn, nguyệt thẹn hoa nhường mà thế gian thật không tưởng tượng nổi.

Tỳ-khuru Nanda bạo gan hỏi:

- Chiếc ngai bảy báu trên quý thể kia, sao chưa có vị thiên tử diễm phúc nào an ngự ở đây, thưa quý tiên nương?

Một thiên nữ tùm tùm cười đáp:

- Thưa tôn giả! Chúng thiếp chuẩn bị sẵn để đón tiếp tỳ-khuru Nanda! Vị ấy hiện đang hành trì, tu tập rất tinh tấn!

Ra khỏi toà lâu đài đã lâu mà trái tim Nanda còn nhảy loạn trong lồng ngực. Trên đường trở về hạ giới, đức Phật hỏi:

- Này Nanda! Năm trăm tiên nữ nơi toà lâu đài bảo tháp kim cương, nếu đem so với công nương Janapāda Kalyāni của ông, ai xinh đẹp, mỹ miều, diễm lệ hơn?

Nanda đỏ mặt ra đến tận mang tai, cúi đầu đáp:

- So với họ thì công nương Janapāda Kalyāni chỉ giống như con khỉ cái bị cháy trụi lông, sứt mũi, sứt tai, cụt đuôi tại khu rừng họ.

Đức Phật mỉm nụ cười trong tâm, nói rằng:

- Này Nanda! Như Lai hứa, nếu Nanda kiên trì tu tập thì chiếc ngai vàng thất bảo cùng năm trăm tiên nữ ấy sẽ là của ông!

Từ đó, khi ở tịnh đường, lúc ở nơi liêu đôn, gốc cây, bãi trống, Nanda thiền định rất mực nhiệt tâm và tinh cần.

Mọi người biết chuyện ấy. Các vị còn phạm phu, nhất là chư sư trẻ thì có dịp để họ nhạo báng, đùa vui vô hại, rất dí dỏm:

- Nè, tôn giả Nanda biết cách “đầu tư công phu” đó nghe!

- Ừa, chuyên làm ăn này ông hoàng của chúng ta lắm to rồi!

- Đừng có xía phần! Ai ăn nấy no. Ai tu nấy được!

Chuyện đến tai, Nanda cảm nghe xốn xang, khó chịu vô cùng. Ngẫm lại, ông chợt thấy mục đích của mình tỏ ra tầm thường, thấp kém quá. Họ chế giễu, nhạo báng là họ muốn thức tỉnh mình đây!

Đức Phật xuất hiện rất đúng lúc:

- Này Nanda! Bỏ qua chuyện ấy đi! Hôm nay ông và Như

Lai đi chơi một miền xa. Hãy đến một cảnh giới đau khổ!

Lần này, đức Phật lại sử dụng thân thông đưa Nanda xuống thăm một cảnh giới ở địa ngục. Dịp này, Nanda chứng kiến tận mắt những thảm cảnh hãi hùng. Đây là một cột trụ đồng đỏ lửa rừng rực, các tội nhân trần truồng phải bám siết để leo lên, da thịt cháy xèo xèo. Bên kia là những con quỷ mặt trâu, đầu ngựa, cầm những chiếc đinh ba nhọn hoắt, đâm suốt qua lưng tội nhân rồi cắt những tiếng tru ghê rợn. Nọ là những con dạ-xoa, la-sát cầm những chiếc cưa sắt nung lửa đỏ lòm, cứ tuần tự cưa tội nhân ra từng khúc, từng đoạn, gan ruột đổ lòng thông, máu me chảy tràn thành vũng. Và thôi, nào là bàn chông, máy chém, máy lóc xương kẻ sao cho xiết! Tội nhân chỗ này, chỗ kia gãy đành đạch, la hét, kêu gào lẫn tiếng cười ghê rợn của quỷ dữ. Những cái cối đồng vĩ đại, những chiếc chày to lớn, đưa lên đưa xuống nhịp nhàng, bên trong là tội nhân với xương thịt bầy nhầy như cốt ý làm chả thịt người cho quỷ sứ ăn!

Nanda rùng mình, ớn lạnh, bước sang một lò nấu người. Những chiếc vạc to lửa cháy xanh lè, bên trong dầu sôi sùng sục. Những con quỷ mặt xanh, mũi đỏ, thò tay quăng tội nhân vào từng chảo một. Nơi chảo khác, dầu sôi như sóng cuộn, lại không có tội nhân.

Ngạc nhiên, Nanda hỏi thì được một con quỷ có vẻ lịch sự, đáp:

- Thừa tôn giả! Cái này để dành cho kẻ không chịu tu hành, đêm ngày cứ tơ tưởng đến con gái! Là ông hoàng Nanda đấy!

Tùng chân tơ, kẻ tóc đều dựng ngược cả lên, da thịt nổi gai ốc, Nanda quày quả theo đức Phật trở lại trần gian mà cả tâm thần còn bủn rủn, cả tứ chi còn bải hoải!

Nanda phủ phục bên chân đức Phật:

- Xin Tôn Sư hãy huỷ bỏ lời hứa về chuyện năm trăm tiên nữ, đệ tử sợ hãi lắm rồi!

- Chưa! Chưa thể! Đức Phật lắc đầu - Chừng nào ông xuất ly dục lạc, nội tâm trắng sạch như viên bạch ngọc trong suốt

không tỳ vết thì lúc ấy, Như Lai huỷ bỏ lời hứa cũng không muộn gì!

Nói thế xong, đức Tôn Sư đọc một bài kệ:

“- Đau khổ và khoái lạc

Bùn nhơ đầy mặt hồ

Hương hoa sen toả ngát

Cho người diệt si mê!

Khoái lạc và đau khổ

Xúc động tâm phàm phu

Người vĩnh ly nhiễm ái

Hoa sen thấm mặt hồ!”

Trong lúc Nanda lắng nghe câu kệ có vẻ chú tâm thì đức Phật đã không còn ở đấy. Vì ngài biết, bắt đầu từ bây giờ, Nanda sẽ gạt bỏ được những tư tưởng ô nhiễm, xấu xa và sẽ để dành trọn thời gian cho sự kiên trì tu tập. Rồi sẽ có hiệu quả tốt và đức Phật không còn lo ngại gì về ông hoàng si tình ấy nữa.

8.10- Uppalavaṇṇā - Sắc Đẹp Hoa Sen

Kể từ thời chư Phật quá khứ như Padumuttra, Vipassī... cô Uppalavaṇṇā đã có duyên lành nghe pháp và cúng dường lớn; đặc biệt là bao giờ trong lễ phâm cũng có hoa sen với phát nguyện sau này sẽ đắc quả A-la-hán, có khả năng thuyết pháp và cả thần thông.

Vào thời không có đức Chánh Đẳng Giác, nàng sinh ra trong một gia đình lao động. Sáng hôm kia, trên đường ra đồng làm việc, nàng thấy dưới đầm có mấy đóa sen vừa nở rất đẹp. Thích thú quá, nàng lội xuống, hái mấy bông sen và lá sen. Đến căn chòi giữa đồng, chuẩn bị buổi trưa cho mình, nàng ngồi rang cốm, chừng năm trăm hạt nổ rồi lấy những lá sen gói lại.

Lúc ấy, tại núi Gandhamādana ở Himalaya có vị Độc Giác Phật (Pacceka-buddha) vừa xuất thiên sau bảy ngày nhập định; quán căn cơ, thấy cô gái có duyên lành nên ngài ôm bát khát thực

và có mặt tức khắc tại căn chòi của nàng.

Cô gái vừa định bước xuống ruộng, chợt trông thấy vị đạo sĩ, do căn lành quá khứ, liền khởi phát đức tin trong sạch, vào chòi, lấy gói cốm rang ra đặt bát rồi dùng luôn mấy đoá hoa sen phủ lên trên cho đẹp. Với tất cả tấm lòng thành, nàng chấp tay, phát nguyện:

“- Do phước báu cúng dường cốm rang và hoa sen ngày hôm nay, xin cho con có được rất đông con trai bằng số lượng hạt rang ấy; và mỗi bước chân con đều xuất hiện mỗi bông sen tươi thắm!”

Vị Độc Giác nói lời tùy hỷ phúc chúc rồi vận thần thông bay về núi, đặt ngay ngăn mấy bông sen trên tảng đá rồi đi khuất vào hang động, ngồi thọ thực. Tất cả mọi diễn tiến hành động của ngài đều hiện ra rõ ràng trong tầm mắt của cô gái, làm cho nàng vô cùng hân hoan và thỏa thích.

Phước báu ấy đưa cô hưởng phúc các cõi trời, hết cõi trời, cô lại sanh làm người, nhưng lại nằm thai hóa trong một búp sen tại một đầm nước dưới chân núi. Có một vị ẩn sĩ ngụ cư gần đấy, sáng ra đầm rửa mặt, thấy tất cả sen đều nở, nhưng có một búp sen to lớn lạ thường, lại đang như còn ngâm sương; ngài nghĩ: “Hẳn có một lý do hoặc có một duyên sự đặc biệt nào đây!” Tò mò, vị ẩn sĩ lội xuống đầm, đặt tay lên búp sen thì kỳ lạ chưa, những cánh sen từ từ nở ra, và bên trong hiện ra một cô bé gái nhỏ nhắn, xinh đẹp đang nằm khoanh tròn như hài nhi trong bụng mẹ. Vị ẩn sĩ chợt xúc động, tình phụ tử khởi sanh, ngài ôm cả bông sen và cô bé gái về căn chòi của mình, đặt lên sàng cỏ. Nhìn hài nhi như được kết tinh tất cả mọi tinh túy của hương sắc hoa sen, vị ẩn sĩ chợt trầm ngâm, lo lắng vì biết lấy gì mà nuôi? Chợt dung, đầu ngón tay trở của ông rịn ướt và một dòng nước trắng trắng chảy ra. Ném thử, ngài biết đây là sữa. Thấy nhân duyên phước báu của cô bé gái này không phải tầm thường nên vị ẩn sĩ hết lòng chăm sóc, nuôi dưỡng. Cứ ngày ba bữa, ông chỉ cần đưa ngón tay vào miệng bé thì sữa tự động chảy ra. Sau đó, khi bé no bụng thì sữa cũng tự động tắt! Cô bé

lớn nhanh như thổi, bắt đầu biết đi, biết chạy, vị ả sĩ phát giác thêm một điều kỳ lạ, là mỗi bước đi của cô bé lại có một bông sen đỡ chân. Hình ảnh ấy như ảo ảnh, vì khi ông tới xem thì không thấy bông sen kia nữa! Điều kỳ lạ thứ hai là ông không cần sấm xiêm y cho bé; vì xiêm y của bé cũng tự có, một loại lụa rất đẹp, và sắc màu cũng tương tự lá sen, cánh sen, nhụy sen! Da mặt, da tay chân của cô bé có một màu hồng mơn, trắng nõn hoặc trắng phớt hồng, bước đi tới đâu thì hương sen tỏa ngát đến đấy! Vị ả sĩ thâm hiểu rằng, đây là một vị tiên nữ từ cõi trời nào đó mà hoá sanh nên tứ đại kết dệt nên đều là vật tinh khiết, không hề thấy chất bất tịnh như thân xác con người.

Hằng ngày, vị ả sĩ phải vào rừng hái trái, đào củ để nuôi mạng. Cô bé học lời ăn tiếng nói do ả sĩ dạy. Và họ sống như tình cảm cha con đầm ấm và hạnh phúc nhất trên trần đời. Khi cô bé thành thiếu nữ thì vị ả sĩ đâm ra lo ngại mơ hồ. Ông biết là không thể chăm sóc, gìn giữ sự thuần khiết cho cô bé suốt đời! Và chuyện gì xảy ra sẽ phải xảy ra.

Có một tiểu phu biết chuyện, lòng tham nổi lên, vào triều kể lại cho đức vua nghe về “cô gái tiên” những mong kiếm được tiền thưởng. Đức vua đến, vị ả sĩ biết mình không thể cản trở được nhân duyên, nên khi con gái khóc lóc đi rồi, ông bỏ chòi lá, lên ẩn tu tận Tuyết Sơn, cuối đời, thiền chứng, sanh về phạm thiên giới.

Cô gái, Padumavatī, về làm hoàng hậu được đức vua cưng chiều hết mực làm cho những bà phi ganh ghét, đố kỵ, gièm pha rồi tìm cách ám hại. Theo với lời nguyện xưa, nàng sanh được năm trăm con trai, nhưng chỉ có hoàng tử Mahā-Paduma là thai sanh, bốn trăm chín mươi chín vị còn lại là thấp sanh. Do các bà phi lập kế độc, vu cáo Padumavatī sinh ra những cục máu, rõ là yêu quái nên bị đức vua truất phế ngôi hoàng hậu. Sau nhờ Đế Thích thiên chủ dùng thần lực làm sáng tỏ sự thật nên nàng lại được phục chức. Về sau, cả năm trăm vị hoàng tử đều xuất gia đạo sĩ, đắc quả Độc Giác Phật và họ sống ở rừng sâu. Cuối đời,

do cô quạnh, phiền muộn, lâm chung, nàng Padumavatī lại sanh vào gia đình nghèo khổ. Nàng lại làm phước thiện, được sanh thiên, sau đó, trôi nổi nhiều cõi trời và người nữa.

Vào thời đức Phật Kassapa, nàng thác sanh vào gia đình hoàng tộc, là công chúa, con của đức vua Kikī, quốc độ Bārāṇasī. Họ có bảy chị em⁽¹⁾ và nàng là thứ hai, tên là Somaṇagutta. Mặc dầu sống trong xa hoa nhung lụa, tài sắc vẹn toàn nhưng cả bảy cô đều từ chối chuyện lập gia đình, chỉ đi nghe giáo pháp, sống đời giới hạnh không mệt mỏi, không thối thất. Vì xin xuất gia vua cha không đồng ý nên cả bảy cô sống đời cư sĩ tại gia, thường bố thí, cúng dường lớn; lại còn thiết lập tu viện, đại lâm viên, xây dựng cốc liêu cho đức Phật Kassapa và tăng chúng nữa.

Hiện tại, nàng sanh trong một gia đình trưởng giả tại Sāvattthi, do phước báu xưa, nàng lại có làn da như cánh sen, hương thơm như nhụy sen nên được đặt tên là Uppalavaṇṇā!

Lớn lên, nàng đẹp quá, không những nổi tiếng khắp kinh thành mà còn lan xa nhiều tiểu quốc. Các hoàng tử, vương tôn, công tử ngày nào cũng ngựa xe nườm nượp đến đánh tiếng dạm hỏi, châu chực đầy sân, đầy nhà. Thấy phiền lụy quá, nhận lời người này thì mất lòng người kia, vị trưởng giả thở dài, nói với con gái:

- Con đẹp như búp sen mới nở, ai cũng muốn bẻ, muốn ngắt! Vì là kiếp cuối của tử sinh, nàng Uppalavaṇṇā nói:
- Nhưng rồi sẽ tàn, sẽ phai sắc và rửa hương thoai, thừa cha thân!
- Vị trưởng giả ngạc nhiên:
- Con nghĩ ra điều đó thật à?
- Thừa vâng, con thấy rõ như thế mà!
- Vậy sao con không xuất gia? Con biết ni trưởng Gotamī chứ?

⁽¹⁾ Xem từng chuyện tỳ-khuru-ni Khemā, Dhammadinnā, cô bé Visākhā... thì sẽ lần ra 7 cô công chúa là Samanī, Somaṇagutta, Bhikkhunī, Sudhamm, Bhikkhudāyikā, Dhammā và Saṅghadāyikā - khá đầy đủ trong MCĐMVNN, cùng soạn giả.

- Thừa biết! Con thường đến nghe pháp tại ni viện. Ôi! Ở đây có biết bao nhiêu cô gái đã tự nguyện cắt bỏ mái tóc thanh xuân, sống đời giải thoát như hư không! Con cũng muốn xuất gia như họ!

Thế rồi, tiểu thư Uppalavaṇṇā phủ tay mọi cám dỗ của giàu sang, danh vọng, địa vị và cả tuổi thanh xuân đến ni viện xin xuất gia; sự kiện ấy làm rung động cả kinh thành, làm vỡ nát trái tim của biết bao nhiêu chàng trai hào hoa, phong nhã.

Hôm kia, quét dọn giảng đường, thấp sáng những ngọn đèn dây đỏ; ánh lửa đỏ làm nàng chú tâm, nhìn ngắm rất lâu. Lấy ánh lửa của ngọn đèn làm đề mục, tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā nắm bắt được “tướng lửa”, trú tâm miên mật vào tướng lửa rồi đạt an chỉ định ngay tại chỗ.

Vào trình bày thiền chứng với ni trưởng Gotamī để được hướng dẫn thêm về thiền quán vipassanā, tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā rút vào một nơi vắng lặng để tu tập, khởi tâm quyết đạt cho bằng được tuệ giải thoát tối hậu. Tuy nhiên, khi quán ngũ uẩn, những hình ảnh khả ái, khả ý của “sắc đẹp” cứ hiện ra, khuấy nhiễu tâm trí cô, làm cho cô khó nắm bắt tướng vô thường, vô ngã của nó. Cô đâu có biết rằng, lời nguyện thuở trước, do muốn sanh nhiều con, do muốn có sắc đẹp như hoa sen nên các dục ấy cứ hiện lên khuấy rối, trở thành một trở ngại, một bức tường chặn bít làm cho cô không thể nào quán như thực tướng được! Những hình ảnh ấy, chúng như được tàng trữ, giấu kín trong vô thức, trong mù sương của ký ức, lâu lâu lại hiện ra. Sau nhờ nghe một câu chuyện thương tâm, không chỉ đơn thuần là thương tâm mà phải nói là đáng kinh sợ, đáng kinh hãi, đáng ghê tởm về “sự lỗi lầm của các dục” nên cô đã ly thoát được chúng. Chuyện như sau:

- Tại kinh thành này có hai vợ chồng thương buôn trẻ vừa lập gia thất. Không bao lâu thì người chồng cùng bạn bè đi một chuyến hàng xa, có thể mất gần cả năm trường.

Người mẹ thấy con trai vắng nhà mà cô con dâu bụng càng ngày càng lớn, sinh nghi, bà vặn hỏi. Cô con gái cứ tình thật trả

lời là nàng chưa hề chung chạ với ai cả. Người mẹ không tin, ngày nào cũng cật vấn khó dễ, bắt khai ra tác giả cái thai bào, nếu không, sẽ bị đuổi ra khỏi nhà. Cô gái tủi thân, thu vén ít tiền bạc làm lộ phí, cương quyết đi tìm chồng. Với bụng mang dạ chửa, lần hồi cũng đến được Māgadha, kinh thành Rājagaha. Phố phường nhộn nhịp, lạ nước lạ cái, đất rộng người đông, biết chồng ở đâu mà tìm?

Ngày kia, nàng nghe chuyện dạ. May mắn thay, có một phước xá bên đường và có mấy người đàn bà thấy tội nghiệp đã tận tình giúp đỡ nên nàng sanh hạ được một bé trai bụ bẫm, dung sắc như vàng ròng. Từ đó, nàng thu vén một góc phước xá, ở luôn đấy để nuôi con. Hôm kia, nghe có một đoàn thương buôn đi ngang, nàng lấy áo khăn quần đừa bé kỹ càng, đặt trên cái bệ thấp rồi chạy đi thăm hỏi tin tức chồng. Nàng vừa đi khuất thì có một doanh gia cất bước nhàn du, ngang phước xá, nghe tiếng trẻ khóc, vào xem. Thấy một đừa bé đẹp dễ, xinh xắn được quấn trong khăn áo của người nghèo khổ, tưởng là bị bỏ rơi, xúc cảnh, sinh tình nên mang về nhà nuôi dưỡng tử tế.

Người mẹ vừa thất vọng không hỏi được tin tức chồng, trở về phước xá thì thấy mất con, khóc lóc thảm thiết. Hỏi xung quanh xóm phường cũng không ai hay biết. Buồn khổ, mất hồn, mất vía, nàng đi lang thang không định hướng. Bước chân xiêu lạc, thất thủ đưa nàng ra phía ngoại ô. Một thủ lĩnh tướng cướp còn trẻ cùng bảy bọn đang chuẩn bị đi ăn hàng đêm đang tụ họp nơi góc núi. Thấy một cô gái trẻ đẹp đi lang thang, hỏi chi cũng không ừ, không hử; đôi mắt thất thần nhưng không giấu được sắc đẹp trời cho. Động lòng, hấn dẫn nàng về sơn cốc, bảo người cho ăn uống, tắm rửa và thay đổi xiêm y, săn sóc tử tế. Tỉnh lại, biết mình không còn chỗ dung thân, lại thấy tên thủ lĩnh tướng cướp cũng hết lòng hết dạ yêu thương mình, nàng đành thuận lấy hấn làm chồng.

Năm sau, nàng sinh cho tên tướng cướp một bé gái đẹp dễ như ngọc nữ. Càng lớn thì cô bé càng đẹp, một vẻ đẹp sắc sảo,

rực rỡ hơn cả mẹ. Đến một ngày nọ, trong cuộc cãi vã, xô xát với chồng, lỡ tay, nàng đẩy con gái ra xa, té ngã ngửa và đầu nó đập vào một vật nhọn, xé rách một đường, máu chảy đầm cả tóc. Hốt hoảng, nàng chạy tới xem xét vết thương phía sau đầu, tức khắc nhai một nắm lá để ngăn máu chảy. Tên tướng cướp giờ thương con hơn vợ, gương mặt hằm hằm, cầm cây đao trên tay, rượt đuổi dọa giết! Sợ hãi, nàng trốn khỏi sơn trại, không dám về nhà nên lại đi lang thang, lếch thếch thêm một lần nữa.

Trở lại kinh thành Rājagaha, may thay nàng gặp được một người đàn bà nhà giàu tốt bụng, nhận làm con nuôi và cho trông coi một cửa hàng tơ lụa. Chỉ một thời gian sau, nhờ ăn sung mặc sướng, cô ta như trở lại với sắc đẹp thuở còn là con gái; không ai có thể tưởng tượng được rằng nàng đã có hai mặt con với quá khứ phong trần, trôi nổi.

Thời gian trôi qua, khi nàng tưởng đời mình đã sống yên bề lạng thì có một chàng công tử tìm đến để mua tơ lụa. Có lẽ quá giàu sang nên vị công tử này cứ mỗi ngày một sắc áo, đều là lụa là thượng thượng xứ Kāśī! Đôi mắt của vị công tử cứ dính chặt vào nàng không chịu rời. Sau đó, trăm phương nghìn cách, quyết hỏi nàng làm vợ cho bằng được. Bà mẹ nuôi thấy vậy lại nói vào, tìm cách gán kết tơ duyên cho hai người! Cầm lòng không đậu, thế là lần thứ ba, nàng lại lên kiệu về nhà chồng!

Hóa ra vị công tử là con trai một đại doanh gia, vợ con, thê thiếp cả hằng chục người, tôi trai tớ gái cả hằng trăm. Cậu ta chỉ thích của ngon, vật lạ nên chỉ thời gian sau là chán nàng rồi cưới thêm một cô gái khác nữa! Cô gái này rất đẹp, rực rỡ như hoa hồng đào, nhưng chỉ qua mấy tháng, chàng ta lại tỏ ra ơ thờ, lạt lẻo!

Hôm kia, thấy dung sắc cô gái phờ phạc, đầu bù tóc rối, động lòng, nàng tới an ủi, nhân tiện, lấy lược chải tóc, làm đẹp lại cái đầu tóc cho cô gái. Lúc kéo mảng tóc ra, gỡ rối, nàng thấy vết sẹo nằm ở vị trí vết thương thuở xưa của con gái nàng! Xúc động tâm can, bà nghĩ: “Không thể nào! Không thể có sự trùng

hợp ngẫu nhiên như vậy được! Cô bé này chính thị là con gái của ta rồi!” Thần thờ, bà nhìn cô gái cho kỹ, những đường nét quen thuộc thuở xưa hiện về! Như sét đánh ngang đầu, như điên, như cuồng, bà bỏ chạy, không thấy đường sá, không thấy bụi bờ, gai góc, chỉ có nỗi đau, chỉ có nỗi đau âm ỉ như lửa đốt trong lòng, rồi ngã ra, ngất xỉu.

Trong mơ màng, bà nghe thoảng tiếng nói:

- Thôi, hãy tỉnh dậy đi! Hồi người nữ đau khổ!

Thấy mình đang nằm ở nơi xa lạ, xung quanh có rất nhiều vị tỳ-khưu-ni với khuôn mặt hiền từ, phúc hậu; bà có cảm giác như đang ở bên cạnh những người thân, như về bên ngôi nhà của mẹ.

Bà khóc nức nở:

- Hãy cho tôi được chết thôi! Tôi đã phạm một tội tày đình. Ôi! Oan nghiệt! Oan nghiệt! Hai mẹ con mà cùng lấy một chồng!

- Chưa đâu! Giọng một vị ni lạnh lùng cất lên - Còn có một cái oan nghiệt khác kinh khiếp hơn nữa kia!

Nàng bật ngồi dậy.

Người ấy là tỳ-khưu-ni Khemā, nói tiếp:

- Hai mẹ con cùng lấy một chồng, nhưng ông chồng ấy chính là con trai của người mẹ! Nói cách khác, cô gái kia lại cùng mẹ lấy anh trai của mình! Nói cách khác nữa, cậu con trai lại lấy mẹ và em gái của mình làm vợ! Thật là kinh khiếp! Thật là vô luân!

Bà ngồi dậy với nước mắt lã chã, tỉnh táo nói:

- Tôi hiểu rồi! Tôi thấy rồi! Hãy cho tôi được xuất gia như các vị để cắt đứt vòng trầm luân thống khổ và oan nghiệt ấy!

Vậy là ni viện tại Rājagaha, từ đó lại có thêm một tỳ-khưu-ni, được xem như là người đau khổ đệ nhất, gặp được giáo pháp như một chiếc phao cứu độ.

Tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā nghe xong câu chuyện của người đàn bà ấy, cô dựng tóc gáy, thấy sợ hãi các dục, kinh sợ các dục, nhồm góp các dục, nội tâm thoảng chốc tự xa lìa mọi trần

cầu, nhiễm ô, thấy rõ tam tướng; sau đó không cố gắng nhiều lắm, chứng ngộ vô sanh và viên mãn luôn các thắng trí, nhất là thần thông.

8.11- Tôn giả Puṇṇa (Phú-lâu-na)

Hôm ấy, tại Kỳ Viên, cuối thời pháp của đức Phật, có một người thanh niên, tướng người cao lớn, phương phi, ăn mặc có vẻ thương gia xin được sống đời xuất gia.

Người thanh niên đã kể với đức Phật:

- Con sinh ra trong một gia đình vệ-xá (thương gia, các công nghệ) tổ tiên, dòng dõi làm ăn buôn bán nhiều đời. Do gia đình khá giả, con được học hành tương đối vững chắc từ thuở ấu thơ. Lớn lên, con kế nghiệp thân phụ đi buôn bán đường xa. Làm giàu là châm ngôn của tổ tiên, dòng họ; con trai vệ-xá là phải biết chịu thương, chịu khó, chấp nhận mọi gian khổ; không tạo ra được sản nghiệp bằng mồ hôi, nước mắt, bằng bàn tay và khối óc của mình thì không xứng đáng là con trai dòng dõi thương nhân. Và suốt mười năm qua, con đã không hổ thẹn mang dòng máu của tổ tiên.

Bạch Thế Tôn! Biết bao nhiêu lần bị sự thúc hối của cha mẹ, nhưng con không muốn lập gia đình. Con biết rõ giới cấp của con. Họ là những người có nghị lực và ý chí. Bạc tiền đổi với họ là mục đích tối thượng trên cuộc đời. Sau những chuyến hàng đường trường gian khổ, đôi khi thiếu củi, thiếu nước, thiếu lương thực! Đôi khi bị bọn cướp, thổ phỉ hoặc các sắc tộc săn đầu người trang bị vũ khí tấn công. Chết là chuyện thường, sạt nghiệp cũng chuyện thường mà bỏ mạng dọc đường cũng là chuyện thường! Phải nói là họ đánh đổi mạng sống để kiếm tiền. Hàng mua một họ bán mười, có món lời gấp trăm! Do vậy, họ ăn chơi, hưởng thụ đôi khi còn hơn cả con vua, cháu chúa! Gian khổ, kiếm tiền và hưởng thụ, đây là một vòng tròn loanh quanh luẩn quẩn không bao giờ thoát ra, không có thể thoát ra.

Con và họ có đời sống tương tự nhau. Chỉ có điều con khác họ là con có suy nghĩ, có trầm tư; đôi khi còn tự vấn, tự đáp lẳng lẽ trong lòng mình. Còn họ thì không. Họ thỏa mãn, sung sướng, tự hào và hãnh diện. Con khác họ điều thứ hai nữa là khi bán lấy lời quá nhiều là con cảm thấy áy náy, khó chịu vô cùng. Ôi! Cái tiền bạc này nó có cái gì như dơ bẩn, như ma quỷ chứ không trong sạch, tốt đẹp chút nào. Cuối cùng, là sau mỗi cuộc hưởng thụ, ăn chơi phù phiếm ấy, con đều cảm thấy chán nản, ghê tởm. Chán nản, ghê tởm cái bề trái của cuộc đời, và chán nản, ghê tởm cả với con thú ở ẩn trong lòng mình nữa!

Bạch Thế Tôn! Cha mẹ con là đại phú gia, họ có hạnh phúc đâu? Cha con năm mê, bảy thiếp. Các bà vợ luôn luôn gấu ó, cắn xé nhau. Những người con trai con gái luôn luôn dòm ngó của cải, tài sản. Sự chân tình và sự thương yêu thật sự không có mặt! Các gia đình bạn hữu phú gia của con cũng tương tự thế: Là tan hoang, trần trụi một đời sống vật chất, bản năng! Nếu ai có tín ngưỡng thì tin bậy, tin bạ vào trăm cái ông thần quỷ quái chỉ ưa hiến tế đồng nam, đồng nữ, đầu và máu súc vật vô tội! Không nơi đâu có được chút bình an và bình lặng tâm hồn. Cứ mỗi một năm, hai năm, về nhà, thấy tình cảnh ấy, con lại ra đi! Và ra đi, lại gian khổ, lại kiếm tiền, hưởng thụ, lại bị rơi vào cái vòng xích bế tắc cũ, không có lối thoát!

Bạch Thế Tôn! Con nghe danh đức Thế Tôn đã lâu qua các dặm trình xuôi ngược. Con đã nghe thoảng giáo pháp giải thoát của ngài. Con đã từng thấy bóng dáng của những vị sa-môn áo vàng, chỗ này và chỗ kia trên nhiều quốc độ. Chưa rõ họ tu tập ra sao, nhưng đập vào mắt con là ai tóc râu cũng sạch sẽ, ai y áo dù cũ rách hay nhiều tấm vá nhưng trông đều thơm tất. Không ai có vẻ lập dị hoặc đóng bộ ta đây là người tu hành! Ấn tượng nhất là nhiều vị trưởng lão đã già, nhưng đi đứng khoan thai, tự tại, trong lòng dường như không vướng bận điều gì, không dính mắc điều gì! Nhìn họ, con cảm giác rất quen thuộc, dường như đời sống này con đã từng sống qua!

Bạch Thế Tôn! Một ngày hôm nay, mấy trăm xe hàng của con và bạn hữu đang từ sa mạc Tây Bắc đi xuống, đang dừng chân tại kinh đô này. Thấy mỗi buổi chiều, rất đông đồng bào các giới mang hương hoa, dầu đèn, lễ phẩm tấp nập đổ về Kỳ Viên. Con đoán là Thế Tôn đang thuyết giáo ở đó. Trong lúc bạn hữu đang tìm nơi du hí thì con theo họ đến đây. Con đã nghe được ba thời pháp. Thời pháp nào cũng thâm thúy. Thời pháp nào con cũng hoan hỷ. Thời pháp nào cũng dường như đưa con hướng đến một đời sống tinh thần cao đẹp. Và con biết chắc, tin chắc là con đã lựa chọn đúng đắn khi con muốn sống đời xuất gia phạm hạnh, bạch Thế Tôn!

Trình bày tóm tắt nhưng khá đầy đủ, khúc chiết về nhân và quả, trí và tâm, về cuộc đời của mình, thanh niên thương gia phủ phục xuống với năm vóc sát chân đức Phật rất mực cung kính.

Đức Phật nói:

- Này Puṇṇa!⁽¹⁾ Trong quá khứ, ông đã có một nhân duyên rất tốt đấy! Nhờ nhân duyên ấy ông mới có được những nhận thức như thực về bản chất của đời sống, và rồi nó đưa ông đến đây!

Sau khi cho Puṇṇa xuất gia xong, đức Phật dành thì giờ khá lâu giảng cho chàng nghe về giáo pháp căn bản, đời sống sa môn, thiền định và thiền quán rồi nói rằng:

- Ông là người có căn trí, Như Lai trang bị cho ông như vậy là vừa đủ. Vậy từ nay, ông có thể tự mình với tam y, nhất bát lên đường được không, Puṇṇa?

- Có thể được, bạch Tôn Sư!

- Nếu Như Lai để cho ông tự lựa chọn trú xứ thì ông có thể đi đâu, Puṇṇa?

- Đệ tử có thể trở lại quê nhà tại xứ Sunāparanta!

⁽¹⁾ Puṇṇa này quê ở tận Pagan - Myanmar bây giờ - khác với Puṇṇa cháu của tôn giả Koṇḍañña, con của bà Mantānī nên có tên là Puṇṇa-Mantānīputta ở tại Kapilavatthu - vị này (vị sau) đã đắc quả A-la-hán vào hạ thứ hai của đức Phật, nổi danh đệ nhất thuyết pháp.

- Như Lai biết rõ rằng, dân chúng xứ Sunāparanta đa phần sống theo giáo phái cuồng tín, bản chất họ còn rất hoang dã. Thô ác, hung bạo, dữ tợn là tâm tánh của họ. Vậy nếu họ nhục mạ, phỉ báng, mắng nhiếc ông thì ông phải làm sao? Có chịu đựng nổi không?

- Bạch Thế Tôn! Nếu có trường hợp họ đối xử với đệ tử như thế, đệ tử vẫn tâm niệm họ là người tốt. Tại sao vậy? Thưa, vì họ mới chỉ nhục mạ, phỉ báng, mắng nhiếc đệ tử bằng lời nói chứ họ chưa đánh đập đệ tử bằng tay hay bằng chân!

- Thế nếu họ đánh đá ông bằng tay, bằng chân thì ông làm sao?

- Thưa, đệ tử vẫn cảm ơn họ, vì họ vẫn chưa dùng đá, gạch, sỏi để quăng ném đệ tử!

- Vậy nếu họ sử dụng đá, gạch, sỏi quăng ném ông thì sao hả?

- Thưa, đệ tử vẫn cảm ơn họ, vì họ chưa sử dụng đòn gậy.

- Vậy nếu, không những họ dùng đòn gậy đánh đập ông, mà còn cả dao bén và kiếm sắc đâm chém nữa thì ông phải làm sao?

Đến đây, chợt Punṇa mỉm cười, biểu lộ sự tự tin vô hạn:

- Bạch Thế Tôn! Cho dầu mà như thế chẳng nữa thì đệ tử vẫn sẵn có đủ áo giáp của tâm nhẫn và tâm từ để chịu đựng và thương yêu họ, vì họ dù đâm dù chém nhưng vẫn chưa giết hại đệ tử!

- Vậy nếu họ giết ông thì sao?

- Thì đệ tử vẫn cảm ơn họ, vì họ đã xả bỏ giùm cái thân giả hợp, bất tịnh này!

Đức Phật tán thán:

- Lành thay, Punṇa! Lành thay, Punṇa! Với tâm niệm ấy, với hành trang nhẫn và từ ấy, ông có thể vô ngại đến sống ở xứ Sunāparanta. Và rồi ông sẽ nhiếp phục, cảm hóa được người dân bản chất thô ác và hung bạo ấy. Như Lai chúc lành cho ông!

- Tri ân đức Tôn Sư!

- Sớm mai, ông sẽ tự mình bộ hành về quê quán mà hành đạo. Lúc nào gặp khó khăn quá, cứ khởi tâm tưởng nghĩ đến thì tức khắc, Như Lai hoặc hai đệ tử ưu tú của Như Lai sẽ có mặt ngay bên cạnh.

Hôm sau, khi vị tân tỳ-khuru Punṇa lên đường rồi, đức Phật nói với hai vị đại đệ tử, có cả Ānanda bên cạnh nữa:

- Sau này, tại bến cảng Suppāraka⁽¹⁾ ấy, chỉ một mình Punṇa là đủ sức giáo hóa chúng ngoại đạo; bên cạnh ông ta sẽ có năm trăm cận sự nam và năm trăm cận sự nữ rất có tâm tín đạo, nhiệt tình, hộ pháp rất đắc lực.

8.12- Vị Thánh Từ Trong Bụng Cá

Đã lâu lắm rồi, tại Bārāṇasī, thiên hạ xôn xao bàn tán một câu chuyện lạ lùng. Nó như sau:

- Có một gia đình trưởng giả tại Kosambī, sinh hạ được một bé trai, họ rất vui mừng vì đã có con nối dõi. Theo tập quán nhân gian, người ta mang hài nhi ra sông Mahāyamunā để tắm. Khi vừa đặt trẻ xuống nước thì có một con cá to lượn tới nuốt đứa bé rồi lặn đi mất. Chẳng rõ lộ trình xuôi ngược dưới sông của chú cá như thế nào mà nó bị dính lưới của một ngư phủ tại phía hạ lưu sông Gangā, tận Bārāṇasī rồi với bốn người khiêng, họ mang ra chợ bán.

Tại Bārāṇasī, có gia đình phú hộ kia, do tổ chức một buổi đại tiệc nên bà chủ đích thân đi chợ. Thấy con cá lớn, bà mua rồi thuê mướn bốn người đàn ông gánh con cá về nhà. Khi đám gia nhân mổ bụng cá, thấy bên trong có một bé trai còn sống, ai cũng ngạc nhiên. Gia đình phú hộ này vốn chưa có con trai nối dõi, nghĩ rằng có lẽ thần linh trao tặng nên họ vui mừng không kể xiết, hết lòng chăm sóc, nuôi dưỡng.

Trở lại chuyện ông bà tại Kosambī mất con. Sau nhiều tháng

⁽¹⁾ Tên một giang cảng của nước Sunāparanta (hoặc Aparanta). Theo tự điển Pāli Proper Names thì ngày nay là nước Miến Điện, nằm bên phải con sông Irrawaddy, gần Pagan. Từ Suppāra (Suppāraka) đến Sāvatti xa 120 leagues (01 leagues bằng 03 dặm Anh, tức 4,8 km; vậy 120 leagues là 570 km). Đây cũng là địa giới gần Suvanṇabhūmi (Kim Địa). Đức Phật đã có một lần du hành đến đây với 499 vị tỳ-khuru A-la-hán.

ngày tiếc thương, sầu não, nhưng vì linh tính là nó chưa chết nên thuê người đi dọc triền sông Mahāyamunā, bờ bên này, bờ bên kia để tìm kiếm xem thử có manh mối gì không, nhưng tìm hoài chẳng thấy tăm hơi gì. Bỏ sông nhỏ, họ xuống sông Gaṅgā, và suốt mấy năm tìm kiếm ở thượng lưu, cũng không có tin tức gì. Về phía hạ lưu, lần hồi đến Bārāṇasī; và chính tại đây, họ nghe tin tức về đứa bé. Sau nhiều ngày điều tra, theo dõi nữa, biết chính xác là đứa bé trong bụng cá rồi, tại nhà của ông phú hộ nên họ về báo lại với chủ.

Thế rồi, với nhiều xe lễ vật trọng hậu, hai ông bà ở Kosambī tìm đến gia đình phú hộ ở Bārāṇasī, xin lại đứa con trai, bây giờ đã sáu, bảy tuổi. Chuyện bất thành, vì gia đình phú hộ không đồng thuận. Ông bà trưởng giả cũng không chịu để mất con trai, đến phủ đường kinh thành cầu cứu, nhờ quan phân xử. Phủ quan bắt lực, nội vụ sau đó được mang đến đức vua. Nhìn đứa bé có tướng mạo hình dong dễ thương, nhìn sang cả hai bên gia đình, thấy ai nấy đều không muốn mất con, đức vua quyết định nó là con của cả hai nhà - nên đặt tên là Bakkula.

Câu chuyện trên sở dĩ được kể lại, là vì sau khi đức Phật và đại chúng ghé Bārāṇasī, ngụ tại Isipatana, thuyết pháp cho hai hàng cận sự nam nữ thì có một ông già đã tám mươi tuổi đến xin xuất gia. Ông già này nổi tiếng trong vùng vì nằm trong bụng cá, ai cũng biết, có tên là Bakkula.

Đức Phật hỏi:

- Ông có kham nổi đời sống xuất gia không, này Bakkula?
- Con kham nhẫn được, bạch Thế Tôn!

Đại chúng lại bàn tán sôi nổi, không hiểu tại sao thuở trước ông nằm trong bụng cá mà lại không chết? Hẳn là có nhân, có duyên nhiệm màu nào?

Để phá tan mối nghi ấy, đức Phật giảng:

- Kiếp cuối cùng của một bậc A-la-hán không có một năng lực gì đoạn hoại sự sống của vị ấy được. Như ngọn đèn trong chiếc ghè, nó leo lét cháy nhưng không một ngọn gió nào, một

năng lực nào có thể làm tắt được. Cậu bé Bakkula nằm trong trường hợp ấy. Và ông ta còn có nhân duyên hy hữu khác nữa, là kiếp này, suốt đời không nhúc nhủ, sờ mũi, không ho hen, cảm mạo, không bệnh tật, ốm đau; và có tuổi thọ vượt quá một trăm năm ước định của đời người!

Thấy ai cũng háo hức muốn nghe, đức Phật kể:

- Vào thời đức Phật Anomadassī, là một bà-la-môn có gia sản lớn, rất giỏi về y dược, nhưng ông ta đã xả bỏ tất cả, lên non sống đời đạo sĩ. Nhờ có thiên chứng và thắng trí, biết được đã có một đức Chánh Đăng Giác ra đời nên đạo sĩ tìm đến nghe pháp, quy y rồi xin được xuất gia. Đức Thế Tôn bảo: “Xuất gia thì chưa đủ duyên nhưng ông có việc làm khác mà không ai thay thế được!”

Hôm kia, đức Phật Anomadassī bị bệnh đau bụng, đạo sĩ mang thuốc đến cúng dường. Chỉ một liều thuốc nhỏ, đức Phật khỏi bệnh, ngài mới nói: “Một đức Chánh Đăng Giác ra đời, thường có một vị đại lương y xuất hiện. Và ông chính là người ấy!” Thế rồi, vị đạo sĩ tận tình chăm sóc sức khỏe cho đức Tôn Sư và đại chúng tỳ-khuru!

Với công đức ấy, và nhờ thiên chứng, đạo sĩ sanh làm phạm thiên rồi luân phiên cõi người, trời với phước báu sang cả.

Đến đời đức Phật Padumuttara, vị ấy sinh ra trong một gia đình cự phú tại Hamsavatī. Trong một lần nghe pháp, thấy đức Phật tán thán biểu dương công hạnh của một vị tỳ-khuru, thù thắng hơn tất thảy vị tỳ-khuru khác do nhờ kiếp trước làm nghề y dược, cúng dường thuốc men đến đức Phật và đại chúng nên kiếp này được trường thọ, vô bệnh. Rất thỏa thích và hoan hỷ, vị cự phú khởi tâm cúng dường tứ sự, nhất là thuốc men đến đức Phật và chư tăng trong suốt bảy ngày với lời nguyện: “Xin cho vào thời Phật vị lai, tôi sẽ được làm một vị Thanh Văn đệ nhất vô bệnh và được trường thọ y như vị tỳ-khuru ấy!”

Bây giờ, đến thời của Như Lai, Bakkula sinh ra tại Kosambī, và câu chuyện như thế nào thì mọi người đều đã nghe thấy.

Tuy nhiên, đức Phật chưa tiết lộ, là do nhân duyên đặc biệt như vậy, nên Bakkula, sau khi xuất gia, chỉ sống với phàm phu tánh có bảy ngày, rạng ngày thứ tám, lão tăng đắc quả A-la-hán. Và sau này, ông ta sẽ thọ đến một trăm sáu mươi tuổi!

Quả đúng là một vị tỳ-khuru “vị tăng hữu!” (chưa từng có).

8.13- Rāhula Ngủ Trong Nhà Xí

Hội chúng du hành hôm ấy, như những đám mây trời, lại ra đi, lại lên đường. Tôn giả Sāriputta, bao giờ cũng vậy, là kẻ đi sau cùng để tìm cách giúp đỡ các vị sư già yếu hoặc thành linh ốm bệnh. Sẽ có khá nhiều vị sư, vì lý do nào đó rơi rớt dọc đường, nên ngài thường cùng các vị tỳ-khuru trẻ, các vị sa-di biết việc, tháo vát sẽ cáng đáng tất cả trường hợp bất ngờ phát sanh. Bởi vậy, đã khá khuya mới đến công viên Badarikārāma, tôn giả Sāriputta cùng hội chúng đi sau của ngài không tìm ra nơi nào để qua đêm. Cốc liêu riêng thường dành cho tôn giả đã bị người khác chiếm chỗ. Đi quanh một vòng, không còn một hành lang, một gốc cây, một lùm cây nào là còn khoảng trống. Thế rồi, tôn giả phải ra ngoài trời, cột một tấm y che sương, trải tọa cụ lên đất rồi ngồi kiết già suốt đêm.

Các vị sa-di theo thói quen, ghé vào các liêu thất, ngủ dưới sàn nhà của bất cứ vị tỳ-khuru nào, nhưng đều bị từ chối. Không ai giải thích lý do. Riêng có một vị tỳ-khuru già, thấy Rāhula, con trai của đức Phật cùng chịu chung cảnh ngộ nên trình bày nguyên do, là tại điện thờ Aggālava, thành phố Ālavī, đức Phật có chế định học giới: “Tỳ-khuru không được ngủ chung phòng với người chưa thọ giới”.

Nghe xong, sa-di Rāhula tri ân vị tỳ-khuru già rồi lặng lẽ đi tìm kiếm chỗ nghỉ cho mình. Qua sân, ra vườn, Rāhula đứng lặng một hồi chiêm ngưỡng hình ảnh đẹp đẽ, vô ngại của thầy mình - tôn giả Sāriputta đang ngồi an tĩnh dưới cái màn che sương - rồi bước vào bên sau. Đèn hương phòng của đức Phật,

thấy bên cạnh có phòng vệ sinh, còn chập chờn ánh đèn dầu lạc và tỏa ra mùi hương⁽¹⁾, Rāhula bước vào, và có cảm giác ở đây như là cung điện của Phạm thiên!

Sáng ngày, đức Phật đứng trước phòng vệ sinh và đăng hắng⁽²⁾, bên trong văng lại tiếng đăng hắng đáp lời. Đức Phật hỏi:

- Ai đấy?

- Đệ tử Rāhula đây!

Cửa mở, Rāhula thu xếp lại y bát rồi đánh lễ đức Phật.

- Sao con lại nằm ở chỗ bất tịnh này?

Rāhula kể lại mọi sự. Chú cũng không quên kể lại trường hợp tôn giả Sāriputta cũng không có chỗ nghỉ, phải qua đêm trên nền đất lạnh ngoài vườn.

Xúc động chánh pháp, đức Phật suy nghĩ: “Quả thật, ta có chế định điều đó tại Ālavī nhưng chỉ là với nam cư sĩ, và ta cũng chưa cho tuyên bố rộng rãi lý do là vì khắp nơi cốc liêu còn chật chội. Mà cho dù với sa-di chẳng nữa thì cũng chỉ là chế định mà thôi. Gọi là chế định thì bao giờ cũng tùy lúc, tùy khi, tùy trường hợp phát sanh! Cái kiểu mà chúng áp dụng cứng nhắc như vậy là giết chết sinh mạng học giới (chưa thành luật) của Như Lai, luôn cần phải uyển chuyển và thích nghi theo từng hoàn cảnh. Việc ấy đã tệ mà với Sāriputta còn tệ hơn! Chúng coi thường luôn bậc thầy của họ, dám ngang nhiên chiếm luôn tịnh thất riêng của Sāriputta thì còn chi tôn ti hạ lập, tôn kính các bậc trưởng thượng?”

Vào buổi chiều, khi hội chúng tăng ni tại thị trấn Bādarika tụ họp đông đủ tại tịnh xá; mở đầu cuộc giáo giới, đức Phật hỏi:

⁽¹⁾ Bất cứ đại tịnh xá nào cũng có thiết kế hương phòng, nhà vệ sinh riêng cho đức Phật (các công trình này thường thiết kế rất khéo léo, tế nhị, mỹ cảm; luôn có đèn, có hoa, có hương thơm phảng phất - không do thí chủ tạo thì cũng do chư thiên làm). Đôi nơi có thêm liêu thất của hai vị đại đệ tử nữa.

⁽²⁾ Thói quen lịch sự của ngài, dù có người hay không có người ngài cũng lên tiếng đăng hắng như vậy.

- Này Sāriputta! Đêm hôm qua, Rāhula ngủ nghỉ ở đâu?
- Thưa, đệ tử không rõ, vì lúc đến đây đã khá khuya!
- Nó ngủ nghỉ trong nhà vệ sinh đấy!

Cả hội trường như thẳng thốt, bàng hoàng.

Đức Phật đưa đôi mắt nghiêm khắc lướt quanh rồi nói:

- Sāriputta không biết, đúng vậy! Vì chính ông ta, một người lớn tuổi, một vị thượng thủ, một bậc thầy của giáo hội cũng phải ngồi suốt đêm ngoài sương lạnh! Lý do là tịnh thất của ông ta đã bị tỳ-khuru khác chiếm mất chỗ! Thế đấy! Chẳng lẽ nào giáo pháp của Như Lai, cái giáo hội của Như Lai lại tệ hại, tệ mạt như thế? Trẻ thì bị vứt bỏ, chẳng ai ngó ngang đến, mà tuổi lớn, hạ lap cao, bậc trưởng thượng lại không được cung kính và tôn trọng hay sao!?

Lời khiển trách của đức Phật, cả hội trường như bị hóa đá.

Đức Phật càng cất giọng uy nghiêm:

- Với Rāhula mà chư tỳ-khuru còn đành đoạn quay lưng, vất bỏ như thế thì nói chi đến tình tương thân, tương ái? Rồi còn những sa-di mới học tu khác nữa, không biết số phận còn tồi tệ đến dường nào? Rồi sau này, biết được chuyện này, có cha có mẹ nào còn dám cho con em họ vào học tu trong giáo hội không có một chút quan hoài, thiếu thôn tình người như thế?

Đây đó lặng ngắt như tờ. Đức Phật tiếp lời:

- Chuyện tại Ālavī, bây giờ Như Lai chế định lại cho rõ ràng, kéo nhiều vị hiểu lầm, như sau: Tỳ-khuru không được ngủ chung phòng với nam cư sĩ, riêng sa-di, nơi nào thiếu phòng ốc, liệu xá thì cho ngủ chung được ba đêm, quá ba đêm thì phạm tội pācittiya (ba-dật-đề). Khi phạm tội này thì phải thú nhận và sám hối trước tăng. Tỳ-khuru-ni cũng tương tự vậy. Và các vị trưởng lão phải công bố điều này một cách rộng rãi và đều khắp trong các hội chúng tu học.

8.14- Cô Thị Nữ Lưng Gù

Đức Phật và đại chúng bộ hành đường xa vừa ghé đến Ghositārāma thì cả kinh thành Kosambī đều đã hay tin. Cả đại gia đình ba nhà phú hộ Ghosaka, Kukkuṭa, Pāvārika tức tốc sai gia nhân trang hoàng nhà cửa trong ngoài cho rạng rỡ, quang đăng để họ cung thỉnh đức Phật và tăng chúng về tư gia đặt bát cúng dường.

Dịp này, ông Sumana, là chủ vườn hoa nổi tiếng tại Kosambī có cơ hội kiếm tiền. Vì bao nhiêu hoa, bao nhiêu tràng hoa cũng không đủ cung cấp cho ba nhà triệu phú này. Nhưng hôm nay, bỗng dưng ông Sumana chợt đăm chiêu, tư lự. Rồi để mặc công việc cho gia nhân, ông tức tốc lên ngựa đến gặp ba nhà triệu phú, thưa rằng:

- Xin cho tôi được cung thỉnh đức Phật và tăng chúng chừng mười vị để cho tôi được dịp cúng dường một lần trong đời.

Cả ba vị phú hộ đồng mỉm cười:

- Tại sao ông lại khởi tâm như thế, này Sumana?

- Thưa, tấm gương bổ thí, cúng dường của ba ngài phú hộ như ba ngôi sao tỏ rạng kinh thành Kosambī. Hôm nay, nó lóe sáng lên trong cái óc tối tăm của tôi. Vậy xin ba ngài gia ân cho kẻ thấp hèn này được như nguyện.

Động lòng bi mẫn, cả ba vị triệu phú đều đi đến vườn rừng Ghositārāma thưa bạch với đức Phật sự thỉnh nguyện của lão trồng hoa, ngài im lặng nhận lời.

Vô cùng sung sướng, Sumana trở về nhà, tắt bật công việc để ngày hôm sau cung đón đức Phật. Vốn là nhà trồng hoa nên ông muốn bao nhiêu hoa đẹp, hoa quý mang ra chung bày hết. Đồng thời, ông sai gia nhân đi mua sắm thức ngon, vật lạ để đặt bát.

Sáng sớm, mọi công việc đã xong, Sumana xoa tay nở nụ cười hoan hỷ, mãn nguyện. Trong lúc ấy thì một cỗ xe ngựa quen thuộc từ triều đình đức vua Udena dừng lại ở đầu ngõ.

Cô thị nữ Khujjuttarā sang trọng và quý phái của hoàng hậu Sāmāvātī bước vào với cái lưng hơi gù, với cái giỏ xách tay, đơn đả mỉm cười nói:

- Có việc gì mà trang hoàng sân vườn đẹp đẽ như cõi trời thế, thưa nhà trồng hoa?

Sumana hớn hờ kể mục đích công việc của mình rồi kết luận:

- Vậy thì việc mua hoa hằng ngày xin quý nương hoãn lại cho một chút được không? Bao nhiêu hoa tôi đem chưng cả rồi. Một đời, một lần được dịp cúng dường đức Phật mà! Chắc hoàng hậu thánh đức và nhân hậu của chúng ta cũng thông cảm cho thôi!

Nghe chuyện cúng dường đức Phật, tâm cô thị nữ Khujjuttarā chợt phát sanh niềm hân hoan kỳ lạ. Một cảm giác phơi phới, lâng lâng khó tả, cô mỉm cười, dịu dàng đáp:

- Được, không sao! Dù có mang hoa héo, hoa tàn về cung chắc hoàng hậu cũng hoan hỷ cả, tại sao ông Sumana biết không? Rồi cô liền thoăn kể: Năm ngoái, khi đức Phật du hành đến đây, hoàng hậu đã đi nghe pháp và cúng dường. Bà còn hiến cúng cả khu rừng trầm hương cho ni chúng nữa đó. Hôm ấy, bà đang mang thai, đức Phật có chú nguyện cho trẻ sau này trở thành một hoàng tử tốt. Gần một năm trôi qua, khi sinh đứa trẻ mẹ tròn con vuông, sáng sớm nào, bà cũng hướng vọng về miền Tây Bắc để đánh lễ đức Tôn Sư đó!

Chợt cô Khujjuttarā như sực tỉnh, cất giọng mau mắn nói:

- Ôi! Tôi đã sa đà lắm chuyện. Đức Thế Tôn lúc nào ngài ngự đến? Xem tôi có phụ giúp được công việc gì không nào? Chuyện mua hoa tính sau. Tôi cũng muốn ở lại nghinh đón đức Thế Tôn và còn muốn nghe pháp nữa!

Thế rồi, đúng giờ, đức Phật cùng mười vị tỳ-khuru bộ hành đến nhà người trồng hoa. Ông bà Sumana, cô thị nữ Khujjuttarā và một số gia nhân trân trọng làm bốn phận của mình. Đức Phật và chư sư độ thực tại chỗ. Cuối buổi ngộ trai, đức Phật chú nguyện phúc lành cho người đã khuất và kẻ hiện tiền đồng lợi lạc, an vui.

Sau đó, đức Phật quán căn cơ, ban bố đến cho gia chủ một thời pháp nói về phước báu của bố thí, cúng dường. Đức Phật cũng nhấn mạnh về đức tin trong sạch, thanh khiết là như thế nào.

Cuối thời pháp, phát sanh điều bất ngờ nhất là cô thị nữ Khujjuttarā đắc quả thánh Tu-đà-hoàn.

Cảm xúc tâm linh tuôn tràn, cô lặng lẽ quỳ xuống bên chân đức Đạo Sư, thành kính tri ân đánh lễ ngài mà không nói được nên lời.

Đức Phật biết rõ chuyện gì xảy ra, ngài quay qua nói với cô gái:

- Con đi mua hoa này mà lại được hoa khác, có phải vậy không, này Khujjuttarā?

- Tâu, vâng, bạch Thế Tôn!

- Toàn bộ buổi pháp thoại hôm nay, con có thể ghi nhớ và có khả năng lặp lại y hệt như vậy được không, Khujjuttarā?

- Tâu, vâng, bạch Thế Tôn! Đệ tử có thể làm được như vậy!

- Ủ! Để lợi ích cho nhiều người, từ rày về sau, con về xin với hoàng hậu Sāmāvatī được đi nghe pháp trong thời gian Như Lai an cư ở đây, được không, này Khujjuttarā?

- Tâu, vâng, bạch Tôn Sư! Hoàng hậu chắc sẽ hoan hỷ lắm.

Lúc tiễn chân đức Phật và tăng chúng về rồi, cô thị nữ lấy tám đồng tiền vàng mua hoa rồi ra xe trở về hoàng cung.

Thấy một giỏ hoa đẹp và nhiều hơn mọi bữa, hoàng hậu Sāmāvatī ngạc nhiên:

- Sao hoa hôm nay lại nhiều vậy, Khujjuttarā? Ngươi bỏ thêm tiền túi à?

Cô thị nữ thú tội:

- Không phải vậy! Bữa nào cũng tám đồng tiền vàng cả, nhưng con thường ăn bớt hết một nửa, chỉ mua bốn đồng mà thôi!

Bà hoàng hậu hiền từ nói:

- Thế tại sao hôm nay ngươi lại không khởi tâm ăn bớt, này Khujjuttarā?

- Do hôm nay con đã được nghe pháp từ đức Thế Tôn nên con sẽ không còn trộm cắp, ăn bớt, ăn xén xấu xa như trước đây nữa!

- Ô! Quý hóa quá! Vậy người đã nghe được pháp gì kỳ diệu mà có thể thay tâm đổi tánh tuyệt vời như thế hử Khujjuttarā?

Cô thị nữ cất giọng bí hiểm:

- Pháp ấy nó trong và nó ngọt như nước suối tận nguồn cao. Hôm nay con đã uống được vài giọt. Cõi nhân sinh này không có loại nước ấy đâu, thưa hoàng hậu tôn kính!

- Thế người thuyết lại cho ta uống với?

- Pháp ấy không dễ thuyết. Thứ nhất là phải biết kính trọng pháp, thứ hai là phải biết kính trọng người thuyết, thứ ba là người thuyết và người nghe phải dọn mình cho sạch sẽ, thanh tịnh!

Hoàng hậu Sāmāvatī do khát khao giáo pháp nên chẳng nề hà gì, làm theo tất cả yêu cầu nghiêm túc của cô thị nữ. Mọi người còn chung hoa và xông hương chiên đàn nên cả không gian chợt trở thơm ngát. Vậy là buổi chiều, cô thị nữ ngồi trên pháp tọa, giảng nói toàn bộ buổi pháp thoại buổi sáng của đức Phật cho hội chúng gồm hoàng hậu Sāmāvatī và một số cung nga thể nữ nghe!

Cô thị nữ Khujjuttarā đã tỏ ra bản lĩnh thiên tài của một vị pháp sư, không những ý nghĩa khúc chiết, mạch lạc mà giọng nói còn trầm bổng, du dương như thu nhiếp hồn người.

9- Mùa An Cư Thứ Chín (Năm 579 tr. TL)

9.1- Cúng Đường Bằng Tâm Ý

Sau thời pháp của vị “nữ pháp sư” Khujjuttarā thì gần như toàn bộ cung nga thể nữ của đức vua Udena trở thành con người mới. Ai cũng tỏ ra kính trọng cô gái người hầu của hoàng hậu Sāmāvatī. Vốn từ một thân phận thấp hèn nhất, bỗng dưng lại được các cung nga cao sang gọi bằng chị, tới lui, vào ra đều được mọi người quan tâm, ưu ái và đối xử rất mực lễ độ.

Hơn ai hết, hoàng hậu Sāmāvatī biết rõ rằng, giá trị tinh thần thiêng liêng nó nâng con người lên, và đó chính là sự thăng hoa tác phong và tư cách chứ không phải bởi quyền lực, địa vị, danh

vọng hoặc ngọc vàng. Ôi! Bà xiết bao tôn kính đức Đạo Sư, một hiện thân siêu việt, đã đem lại giá trị đích thực cho kiếp sống làm người. Ai cũng mong được gặp đức Tôn Sư, được cúng dường và nhất là được nghe pháp. Họ nhờ Khujjuttarā bàn mưu, tính kế giúp họ.

Khujjuttarā thường được phép ra ngoài mua hoa, quan hộ thành cũng như quân canh đều đã quen mặt. Cứ mỗi buổi sáng, thấy đức Phật và tăng chúng thường bộ hành con đường phía sau cung điện để qua nhà các vị đại phú hộ hoặc trì bình khát thực trong kinh thành, cô bèn nảy ra một ý rồi bàn với mọi người.

- Cửa sổ tầng cao bên sau hậu cung hiện trở ra con đường đức Phật và chư tăng thường đi qua. Vậy quý cô hãy khoét tường thành một lỗ tròn vừa đủ cái đầu và tay thò ra ngoài. Vậy thì bất cứ ai muốn chiêm ngưỡng kim thân của đức Phật hoặc muốn cúng dường gì đến ngài và tăng chúng cũng được hết!

- Chiêm ngưỡng ngài thì được, nhưng còn cúng dường thì chúng ta phải làm sao?

- Quý cung nương cứ đưa vàng bạc đây, tôi sẽ nhờ người mua vật thực cúng dường. Họ sẽ đại diện cho quý cung nương, và chúng ta sẽ trả thù lao hậu hĩ.

Một cung nga hỏi:

- Thế không dâng cúng tận tay thì làm sao có phước được?

Cô thị nữ Khujjuttarā giải thích:

- Nơi sanh phước có ba: Thân, khẩu và ý. Nếu ta không thể hiện qua thân và khẩu thì ta sẽ cúng dường bằng tâm ý. Đừng lo, đức Phật biết rõ điều ấy, ngài sẽ chú nguyện cho chúng ta.

Thế rồi, công việc được tiến hành.

Hôm ấy, đức Phật và tăng chúng trên đường sang nhà ông triệu phú, lộ trình theo lối hậu cung thì gặp một số đông nam nữ giai cấp thủ-đà-la đặt vật phẩm cúng dường rất trang trọng, rất phải phép do họ đã được Khujjuttarā ý tứ hướng dẫn. Trên lầu cao, những cung nga thể nữ thò đầu và tay ra ngoài với những cành hoa vẫy đưa qua đưa lại. Đức Phật dừng chân. Và như tâm

ý cùng liên thông, chư tăng đều lặng lẽ quay mặt về phía họ để thọ nhận vật thực.

Đức Phật sử dụng thần thông, nói một câu pháp thoại “tùy hỷ” như rót vào tai họ và cho cả chư thiên, thọ thần quanh vùng đều được nghe:

- Cúng dường bằng tâm ý là cách cúng dường của chư thiên. Như Lai chúc phúc cho quý cung nương sắc đẹp, sức khỏe, trường thọ, an vui và trí tuệ. Hãy duy trì đức tin với thiện pháp để bước đi an lạc nơi cõi trời và người!

Mấy trăm cung nga thể nữ xiết bao hoan hỷ. Thêm một lần nữa, có người đạt tâm bất thối. Riêng hoàng hậu Sāmāvatī mừng vui đến đầm nước mắt.

Chỉ cúng dường được một hôm thì bị thứ hậu Māgaṇḍiyā tình cờ phát giác. Bà hỏi một cung nữ lý do những cái lỗ tròn trên lầu hậu cung. Cô ấy vô tình và vui thú tiết lộ: “Chúng tôi chiêm bái và cúng dường đức Phật và tặng chúng qua cái lỗ tròn ấy”.

Thứ hậu Māgaṇḍiyā mỉm cười như không có chuyện gì, vô sự bước đi nhưng trong lòng lại nghĩ: “Ta có mối thù ‘bất cộng đái thiên’ với ông Gotama, ông đã từng sỉ nhục ta, phỉ báng ta một cách quá đáng. Đây quả là dịp để ta sẽ phục thù, rửa hận. Còn mấy trăm con tiện tì, a đầu này cùng a dua theo bà Sāmāvatī - ta cũng sẽ làm cho cả bọn chúng biết tay!” (Xem lại 8.2 để biết rõ mối thâm thù của bà với đức Phật).

Đến gặp đức vua Udena, bà Māgaṇḍiyā tìm có tâu rằng:

- Mấy trăm cung nữ của chánh hậu đang có âm mưu gì đó nên đã khoét những cái lỗ tròn sau vách lầu hậu cung. Một là muốn tư thông với bên ngoài, hai là có âm mưu bất chánh gì đó, đại vương phải để tâm một chút!

Đức vua mỉm cười:

- Hoàng hậu rất trang nghiêm, mẫu mực, đứng đắn nên những cung nữ ở đây cũng học được một phần nào đức tánh tốt của bà ấy. Họ không làm gì đáng ngại đâu.

- Đại vương hãy quá bộ ngọc thể đến xem. Tiệp thiếp không hề nói sai ngoa.

Đến lần thứ ba, chẳngặng dừng, đức vua đích thân đến xem, và trông thấy những cái lỗ khoét tròn. Hoàng hậu Sāmāvatī tình thật kể lại đầu đuôi tự sự rồi xin đức vua cho họ một đặc ân, là niềm vui tín ngưỡng thiêng liêng trong lòng họ!

Đức vua nhẹ gật đầu. Tuy nhiên, nhìn những cái lỗ trống hoác, đức vua chỉ tay nói:

- Nhưng gió bão, cáo chồn chim chuột có thể từ chỗ ấy mà vào, sẽ bất ổn, sẽ bất tiện cho việc ăn ở ngủ nghỉ. Trẫm sẽ cho người thiết kế một loại cửa đặc biệt để lấp trống những cái lỗ ấy lại. Làm sao để cho cung nga thể nữ cũng đưa được tầm mắt ra bên ngoài, mà còn ngăn được thú vật, gió dữ, gió lạnh, gió chướng nữa.

Thế là mấy ngày sau, thợ thầy của hoàng gia đã lấp kín các lỗ trống bằng một loại cửa gọi là “Khuddacchiddakavāṭapānāni”⁽¹⁾. Từ đó về sau, cung nga thể nữ có thể chiêm ngưỡng đức Phật và tăng chúng, có điều là họ không thể thò đầu và tay ra ngoài được nữa. Tuy nhiên, có lẽ đức Chánh Đẳng Giác cũng biết nhân, duyên và quả nên đã dạy trước cho họ là cúng dường bằng tâm ý là cách cúng dường thanh tịnh và vi tế của chư thiên!

9.2- Thót Voi Giữa Trận Tiền

Thấy âm mưu tố cáo của mình tuy thành, nhưng hoàng hậu vẫn vô sự, bà thứ hậu Māgaṇḍiyā tự nghĩ: “Đức vua dầu sủng ái mình nhưng vẫn đang còn trọng vọng chánh hậu. Vậy chưa thể làm hại cả bè lũ chúng được. Hãy tập trung vào ông sa-môn Gotama. Phải hạ nhục ông ta trước đã!”

Nghĩ thế xong, bà cho gọi một vị quan thân tín, tìm gặp những

⁽¹⁾ Không biết chính thức tên là gì - nhưng sau này người ta cải tiến trở thành cửa sổ được gọi tên là “cửa sổ mắt cáo”.

tay đầu sỏ du đăng, côn đồ, trộm cắp, tung tiền bạc rồi chỉ bày cho chúng cách thức sỉ nhục đức Phật và chư tăng.

Thế là ngày hôm kia, khi đức Phật dẫn đầu tăng chúng chừng trăm vị từ lâm viên Ghositārāma bộ hành đi đến nhà triệu phú Ghosaka; vừa quành ngang con lộ dẫn vào thành phố thì một bọn đầu trộm đuôi cướp ở đâu đó ủa ra chưởi rửa, nhiếc mắng.

Đức Phật biết chuyện này, nói vừa đủ cho chư tăng nghe:

- Bà Māgaṇḍiyā trả thù đấy! Hôm nay họ sẽ nhiếc mắng về những con thú!

Và quả vậy! Nào là “Những con chó hủi, hãy lui đi khỏi thành phố!” Nào là “Này, đàn bò lộn giống, hãy cút đi!” Nào là “Này, bọn heo đê tiện! Kinh thành này không phải là cái máng heo cho bọn bây!”... Chúng chưởi nhiều lắm, chúng ví von nhiều lắm! Từ chó, bò, heo rồi sang chuột đồng, bọ hung, lừa, lạc đà, súc sanh, sâu kiến, dòi bọ hay bất cứ con vật xấu xí nào mà chúng vừa nghĩ ra trong đầu! Tuy nhiên, các vị thánh chỉ mỉm cười, còn phàm tăng, kể cả tôn giả Ānanda thì nghe xốn tai, tức không chịu nổi.

Thế rồi, ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, hết thú vật, chúng quay sang chưởi mắng ma xó, quỷ đói, dạ-xoa thúi. Hết ma quỷ, dạ-xoa, chúng quay sang phỉ báng người: Bọn bây là kẻ ngu si, quân cướp ngày, phường ăn bám, bọn ăn hại, lũ điên khùng. Hết người chúng nói ra những cái dơ bẩn nhất như hàm phân, đồng dòi, cục cứt, máu dơ, đàm dãi, nước tiểu, cầu xí.

Một vị tỳ-khưu vô lậu, có thắng trí, bạch với đức Phật rằng:

- Có nên sử dụng thân thông lực để giáo hóa chúng không, bạch đức Tôn Sư?

- Chưa cần thiết đâu, này con trai! Lửa bùng lên ở đâu thì lửa sẽ tự tắt ở đấy!

Đức Ānanda thưa:

- Chúng mạ lỵ, phỉ báng quá đáng, đệ tử không chịu nổi. Hay là chúng ta đi qua nơi khác?

- Đi đâu hở Ānanda?

- Thị trấn nào, thành phố nào cũng được!
- Vậy nếu ở đó cũng bị chuối rửa, măng nhieh nữa thì sao?
- Thì ta lại đi sang vùng khác.
- Nếu ở đây cũng tái diễn sự việc giống như mấy ngày hôm nay thì ta phải làm sao?

- Thì ta sẽ đi nữa!

Đức Phật mỉm cười, nụ cười mát mẻ như vàng trắng mùa thu:

- Và nếu cứ đi hoài, đi mãi cho đến hết kiếp quả địa cầu cũng sẽ không có nơi đâu là an toàn, là an ổn, là vừa lòng, là toại ý ta được. Đây là sự thực “bất toại nguyện” trên thế gian này. Chẳng nên làm thế đâu, Ānanda! Chỗ nào mà ngại pháp, chướng pháp, hại pháp, nã pháp phát sanh thì ta sẽ chịu đựng, rỗng không, tĩnh lặng để làm lắng dịu chúng, xa lìa chúng, dập tắt chúng ngay tại chỗ ấy.

Đức Ānanda tuy hiểu biết sâu xa vấn đề, nhưng không biết tại sao trong tâm ông ta vẫn còn “nhấn nhó”, chưa yên:

- Vậy biết bao giờ mới chấm dứt, thưa Tôn Sư?
- Loại phiền não này phát sanh từ đâu, do đâu hỡi Ānanda?
- Thưa, chúng thuộc xam ngôn, loạn ngữ, ác khẩu.
- Ủ, nếu chúng thuộc khẩu, đối với một vị Chánh Đăng Giác thì không có một năng lực lời tiếng nào của thế gian có thể tồn tại quá bảy ngày. Vậy, sau bảy ngày, chúng sẽ tự diệt!

Buổi chiều, trong giờ pháp thoại, đức Phật giảng một thời pháp liên hệ đến nội dung kể trên rồi cũng kết luận tương tự:

- Như một thớt voi giữa trận tiền phải hứng chịu hàng trăm ngàn mũi tên, hòn đạn từ bốn phía bắn vào; cũng vậy, là sa-môn khát sĩ đi giữa cuộc đời cũng phải nhận chịu tất cả tiếng lời gièm pha, nhiech mắng, mạ ly, phỉ báng, sỉ nhục từ những người không có đức tin, kẻ thiếu trí, ác giới, cuồng si, điên loạn. Vậy phải biết nhấn nhục, mát mẻ, vắng lặng, rỗng không với tâm từ, với tâm xả! Làm được như thế mới thật xứng đáng là phẩm hạnh của sa-môn ôm bát xin ăn cao thượng giữa cuộc đời.

Rồi đức Phật đọc lên một bài kệ:

“- Thót voi đứng giữa trận tiền
Hứng bao mũi đạn, lẫn tên sá gì
Như Lai chịu đựng ác tri
Nhẫn chịu ác giới, ngu si lòng người”⁽¹⁾

Rồi đứng như đúc Phật tiên tri, đứng bảy ngày thì chuyện nhứt mắng, phỉ báng kia tự động chấm dứt. Bà thứ hậu thấy tốn vàng, tốn bạc quá mức nhưng “ông Gotama và đệ tử của ông ta” cứ “trơ trơ” như khúc gỗ, xem ra chẳng có tác dụng gì! Bà đành chịu thua, sẽ nghĩ kế khác.

9.3- Tám Con Gà Sống, Chết

Hôm kia, nhằm ngày đúc vua đãi yến các quan đại thần, thứ hậu Māgaṇḍiyā khởi tâm xin vua được trông coi công việc ngự thiện. Để khởi đầu mưu thâm kế độc, bà bàn chuyện với ông chú ruột Cūḷa Māgaṇḍi - bây giờ nghiêm nhiên là bậc quốc trưởng - trong đó có việc quan trọng nhất, là nhờ ông ta mang đến tám con gà trống loại quý hiếm đang còn sống và tám con gà trống đã chết. Việc còn lại, bà Māgaṇḍiyā đã tỉ tê với viên cận thân bồi yến, viên cận thân hầu rượu và đã dứt lột cho họ đầu vào đấy cả rồi!

Đúng giờ hẹn, ông Cūḷa Māgaṇḍi mang đến cung một chiếc lồng được bao che kín đáo đến dâng cho đúc vua, tâu rằng:

- Đây là tám con gà trống, chúng có sắc lông đen tuyền (gà quạ) quý hiếm, nếu nấu cháo hầm với gạo sālī, chung thêm nhân sâm thì chắc gân, bổ xương và còn cường dương, tráng khí nữa.

Đúc vua rất đẹp dạ, cười ha ha:

- Thật là quý hóa thay!

Ông quốc trưởng còn cẩn thận hé lồng cho vua thấy vài con, vì thật ra, trong đó có “tám con gà sống và cả tám con gà chết”.

⁽¹⁾ Pháp cú câu 320: “*Ahaṃ nāgo’ va saṅgāme cāpāto patitaṃ saraṃ. Ativākyam titikkhissam dussīlo hi bahujjano*”.

Viên hầu rượu lại góp ý thêm cho mưu kế được vẹn toàn:

- Chỉ có hoàng hậu Sāmāvatī vốn cẩn thận, chu đáo mới có khả năng chỉ bày cho các cung nữ làm món ăn “thích khẩu” này để kính dâng bệ hạ ngự thiện mà thôi!

Viên cận thần hầu rượu “đề” thêm:

- Đúng vậy đó, tâu đại vương! Làm món ấy không ai sánh bằng đức chánh cung!

Đức vua đâu có biết đây là mưu kế gì, cứ vô tư ừ hử gật đầu.

Thế rồi, viên cận thần bồi yến mang lòng gà ra sau, giấu tám con gà chết, mang tám con gà sống đến cung hoàng hậu truyền đạt lệnh của đức vua, đồng thời kể lại cách làm món ngự thiện ấy.

Thấy tám con gà đang còn sống, hoàng hậu ngần ngại chưa biết nói sao thì cô Khujjuttarā la bai bai:

- Không được đâu là không được đâu! Chúng tôi ở đây ai cũng giữ giới trong sạch. Chẳng ai đang tay giết hại mạng sống của chúng sanh. Việc ấy, nhà trù hoàng gia làm cũng được mà!

Hoàng hậu Sāmāvatī gật đầu nhè nhẹ, mỉm cười:

- Đúng như vậy đó! Tại bôn cung, ai cũng giữ năm giới hoặc tám giới cả. Ông hãy về tâu trình lại với hoàng thượng điều ấy.

“Vây là khớp với kế hoạch”, nghĩ thế xong, viên cận thần trở lại trình báo với đức vua, kể lại việc hoàng hậu từ chối.

Đức vua chưa tỏ thái độ gì thì bà Māgaṇḍiyā đã mau mắn nói:

- Chỉ là cách viện cớ để thoái thác công việc một cách khôn ngoan thôi, tâu đại vương!

- Tại sao? Vua nhân mày hỏi.

Bà lại được dịp tố cáo:

- Từ khi thiếp phát giác những cái lỗ tròn, biết chánh hậu và các cung nữ ở đây đã có “chuyện gì đó”, đã có tâm địa “ri khác” với sa-môn Gotama mà bệ hạ không tin. Nếu muốn xác chứng sự thật ấy, bệ hạ hãy ra lệnh là làm món này để dâng cúng cho sa-môn Gotama là họ sẽ làm ngay tức khắc!

Đức vua Udena nghe lòng chùng xuống, bất giác, ông gật đầu:

- Ừ, cứ thử vậy xem!

Viên cận thân bồi yến lạnh lẽo ra lối sau, tráo tám con gà sống, lấy tám con gà chết mang đến cung của hoàng hậu:

- Tâu! Đức vua biết chánh hậu là người có giới nên sai hạ thần mang tám con gà chết này để cung nữ làm các món ăn.

Mấy cung nữ thấy “vật đã chết rồi” nên họ vô tư, mau mắn nhận gà rồi hoan hỷ nói:

- Việc này là chơn chánh! Đúng là phận sự của chúng tôi đây!

Thế rồi, bữa ngự yến hôm đó, đức vua không dùng được bao lâu. Ngài buồn. Vì rõ ràng, hoàng hậu Sāmāvatī và mấy trăm cung nữ đã trọng vọng sa-môn Gotama hơn ông. Rồi đức vua lại nghĩ tiếp, liên tưởng chín chắn, sâu xa hơn:

“- Sa-môn Gotama vốn là thái tử thuộc dòng dõi Thái Dương anh hùng; ngày đăng quang, ông ta lại từ bỏ vương vị, vợ đẹp, con xinh, ba tòa Cung Vui để xuất gia tầm đạo. Thanh danh của ông, từ khi xuống núi độ đời, chưa hề dính một chút bụi tục. Hai vị đại đế của châu Diêm-phù-đề là đức vua Bimbisāra, đức vua Pāsenadi đều đã quy y và cả hai triều đình đều đã trở thành hai bậc hộ pháp cho giáo hội hăng là có lý do. Bây giờ, chánh hậu cúng dường sa-môn Gotama thì sao nào? Bà thứ hậu có cái sắc đẹp lôi cuốn ta nhưng lúc nào cũng nói quá nhiều. Đàn bà mà nói nhiều thường lắm chuyện, nếu không phù phiếm, nhằm nhí thì cũng ba hoa, xảo ngôn, thiếu chân thật!”

Nghĩ thế xong, đức vua trầm tĩnh trở lại.

9.4- Mũi Tên Bị Tâm Từ Hoá Giải

Đức vua Udena, ngoài hoàng hậu Sāmāvatī còn có hai thứ hậu, đó là Vāsuladattā và Māgaṇḍiyā. Về chuyện phòng the thì cứ luân phiên, mỗi bà như vậy, ông vua này thường ngự ở đây bảy ngày. Ba bà có ba cung đặc biệt và cung nga thể nữ riêng⁽¹⁾

⁽¹⁾ Các vương triều Ấn Độ cổ xưa không biết như thế nào - nhưng Trung

do mỗi bà tự tuyển chọn hoặc đức vua, tùy theo mức độ sủng ái mà ban phát cho.

Gần một năm nay, trong ba bà thì đức vua sủng ái Māgaṇḍiyā hơn, tuy nhiên, với các bà kia đức vua cũng có thỉnh thoảng! Chuyện xảy ra vừa rồi làm đức vua khởi ý là sẽ viếng thăm biệt cung của hoàng hậu Sāmāvatī để dò xem thế nào...

Biết được chuyện ấy, thứ hậu Māgaṇḍiyā lại nững nịu can ngăn:

- Sự thực rõ như ban ngày, đã hai lần thiếp dè chừng mà bệ hạ vẫn không tin. Đêm qua, thiếp nằm mộng dữ, điềm báo có chuyện chẳng lành nếu bệ hạ sang cung của chánh hậu.

- Mộng dữ gì vậy?

Đầu óc kẻ xảo của bà thứ hậu xẹt nhanh như lằn chớp:

- Thiếp thấy một con rắn độc suýt cắn bệ hạ!

Đức vua phì cười:

- Nhưng dù gì thì gì, trăm cũng phải sang đấy!

Biết không thể can vua được, bà biểu người tức tốc nhờ ông chú quốc trưởng mang đến một con rắn độc rất nhỏ đã nhỏ nọc để sử dụng cho mục đích của mình.

Biết rằng, thường thì tiếng trống lâu thành báo canh đêm, mặt trời vừa tắt, đèn vừa thắp lên là đức vua ngự kiệu sang cung các hậu. Đức vua có một thú vui là lúc nào, đi đâu cũng mang theo cây tiêu “điều tượng”⁽¹⁾, thỉnh thoảng nhả hứng thổi một vài khúc chơi! Gần đây của cây tiêu này có một lỗ nhỏ thường dùng để buộc một sợi dây lụa kết chỉ vàng lóng lánh. Vậy nên, vào khoảng giữa chiều, bà thứ hậu đã đích thân lên vào tắm

Quốc thì cung nga thể nữ chia nhiều loại, nhiều nhóm khác nhau: Ví dụ tài nữ, học nữ, ca nữ, vũ nữ. Lại còn có một số gái đẹp được tuyển chọn để đức vua tùy nghi “du hí”, được gọi là ngự nữ! Tuy nhiên, chuyện thường xảy ra trở thành thảm kịch trong hậu cung, là có những cô gái sống đến già đời mà vẫn chưa được đức vua ban mưa móc lấy một lần!

⁽¹⁾ *Pháp cú chú giải ghi là cây đàn, tôi nghi là cây tiêu, ống tiêu mới có lỗ cho con rắn nhỏ chui vào. Còn “điều tượng” có lẽ là để điều khiển voi chăng?*

cung⁽¹⁾ của đức vua, bỏ con rắn độc vào trong lỗ ống tiêu rồi khéo tay lấy một bông hoa gấm nhỏ nhét lại giống như vật trang trí.

Đức vua đâu có biết gì. Đêm vui qua mau, sáng ngày định chuẩn bị dùng sáng rồi đi thiết triều thì thị nữ thông báo, là thứ hậu Māgaṇḍiyā muốn dâng đức vua món cháo yến sào tẩm bổ khí huyết, ông phải thọ nhận. Trong khi hoàng hậu Sāmavatī đang sắp xếp vật thực để cho đức vua ngưng dụng, thì bà thứ hậu giả vờ lảng xãng dọn dẹp rồi lanh tay rút bông hoa nơi ống tiêu đang còn nằm trên long sàng. Chú rắn nhỏ được giải phóng, ngo ngoáy bò ra.

Chính lúc đó, bà thứ hậu mới hô hoán lên:

- Con rắn độc! Con rắn độc!

Mọi người sửng sốt. Thị nữ bên ngoài nghe hô hoán đã chạy vào và họ đã nhanh tay lấy khăn dày bắt con rắn ấy đi. Bà thứ hậu được dịp đổ thêm dầu vào lửa:

- Thấy chưa? Bệ hạ đã thấy chưa? Âm mưu giết bệ hạ rành rành, không còn chối cãi vào đâu được nữa. Nhưng cảm ơn thượng đế Rāmā đã bảo vệ sanh mạng cho bệ hạ nên suốt đêm con rắn độc này đã ở yên đâu đó trong tấm chăn.

Đức vua lặng người, nhìn hoàng hậu một lát rồi trầm tĩnh hỏi:

- Hậu muốn giết hại ta thật à?

Hoàng hậu khuôn mặt không biến sắc, nghĩ là cũng phải biện hộ cho mình nên đáp:

- Tâu bệ hạ! Việc ấy, đệ tử của đức Phật không bao giờ làm, huống gì thiếp lại rất yêu kính bệ hạ. Việc ấy lại càng không thể, nếu con rắn ở trong chăn suốt đêm, hóa ra thiếp lại ngu dại tự giết mình! Việc càng vô lý hơn nữa, là con trai thiếp đã được bệ hạ hứa cho kế thế ngôi vị thì thiếp còn mong cầu gì hơn trên đời này nữa?

Thấy có lý quá nên đức vua nín lặng...

Bà thứ hậu tung ra đòn độc cuối cùng:

⁽¹⁾ *Tẩm cung: Phòng ngủ.*

- Tham vọng quyền lực khó hiểu lắm! Bệ hạ mắt, bé trai kia sẽ lên làm vua, và người buông màn nhiếp chính bên sau là ai? Và đương nhiên người ấy sẽ thu tóm mọi quyền lực cho bản thân, cho dòng họ cũng hữu lý lắm chứ, tâu đại vương!

Như điểm trúng yếu huyết. “Quyền lực” chính là ông chánh án của mọi hữu lý trên đời, nên khuôn mặt đức vua tái đi. Hết tái rồi quay sang đỏ rần rần. Con giận của đức vua bị lửa sân thiêu đốt, âm ỉ rồi bốc cháy, vỡ òa trong tiếng hét:

- Đích thân ta sẽ ra tay giết ngươi, con tiện tỳ! Kể cả những cung nữ trưởng, ta cũng giết hết luôn để trừ hậu hoạn!

Buổi chiều, tại pháp trường, hoàng hậu Sāmavātī và mười cung nữ có chức vụ hai tay đều được cột bởi những tấm khăn lụa rồi bị lính hộ cung dẫn ra đứng một hàng một.

Thị nữ Khujjuttarā vì thân phận thấp hèn không bị tội, nói với mười một phạm nhân:

- Hoàng hậu không làm! Mấy trăm cung nữ ở đây đều là Phật tử nên cũng không ai làm! Ai có mưu kế ác độc đó thì chúng ta biết rồi. Nhưng khó có thể biện minh. Đây có lẽ do nghiệp quá khứ tối tăm nên bị nó dẫn dắt trả quả xấu. Đức Thế Tôn có dạy rằng: “Chỉ có tâm từ, năng lượng của tâm từ mới có thể tiêu tai, giải họa”. Vậy xin mọi người cứ trú tâm từ một cách an nhiên và bất động!

- Đúng vậy! Hoàng hậu gật đầu - chúng ta còn rải tâm từ đến cho đức vua và đến cho cả người do si mê làm hại ta nữa.

Đức vua Udena vốn nổi tiếng là một đại xạ thủ, và sức tay của ông vốn vô địch trong triều ngoài nội. Vua không những bắn chuẩn hồng tâm mà còn bắn xuyên một lúc mười mấy thân chuối!

Đức vua đã bước ra với cây cung xưa mà ngài ít khi sử dụng. Đây là cây cung được truyền từ nhiều đời, là bảo vật quốc gia, nó rất nặng có tên là “Sahassathāmasiṅgadhanu”⁽¹⁾ và khi bắn,

⁽¹⁾ *Tạm dịch nghĩa, đây là cây cung rất nặng, với sức lực của một ngàn con sư tử mới nhấc lên nổi (?)*.

sức bật của nó thường đi rất xa.

Đức vua thò tay phải rút mũi tên vàng lấp vào cung rồi căng mạnh cánh tay, ông tự nghĩ: “Chỉ một điểm ngay trái tim của con tiện tỳ thì mũi tên kia còn đi xuyên suốt mười trái tim bên sau trở thành một râu như râu chim vậy”.

Rồi cung bật. Mũi tên lao vút đi như lần sao xẹt. Mọi người nhắm mắt lại. Có vài tiếng la hét sợ hãi rú lên...

Nhưng chuyện lạ đã xảy ra. Nó là cái gì rất huyền nhiệm mà trí óc phàm phu không hiểu được, không giải thích được: Mũi tên vàng vừa tới nơi trái tim của hoàng hậu, nó như bị một sức mạnh vô hình dừng đứng lại. Và rồi, mũi tên như có con mắt, nó chuyển hướng, quay ngoắt về phía đức vua và lao vút đi. Đức vua chưa kịp định thần, chưa hiểu chuyện gì thì mũi tên đã đến gần trái tim của ông. Và ngạc nhiên làm sao nó cũng dừng sống lại rồi rơi xuống đất!

Cả quảng trường im phăng phắc, trố mắt, sững sờ.

Đức vua bần thần, thả rơi cây cung, lạnh người. Tự nghĩ: “Cây cung và mũi tên truyền đời này có thể bắn trúng hồng tâm mặt trống đồng cách xa một govo⁽¹⁾. Nó có thể xuyên thủng thân cây sālā một vòng ôm. Thế nhưng, tại sao, với mãnh lực nào, uy lực nào nó không dám đụng đến hoàng hậu? Nó lại còn quay ngoắt trở lại suýt xuyên thủng lồng ngực ta? Ồ! Vậy đúng là do đức hạnh của hoàng hậu rồi! Chính do giới đức và trái tim nhân từ của hoàng hậu mà mũi tên kia cũng không nỡ giết ta!”

Xúc cảm tâm linh và cũng thành tâm hồi quá, đức vua ra lệnh lính cận vệ mở trời cho hoàng hậu và mười cung nữ rồi ông bước tới, quỳ xuống bên chân hoàng hậu, chân thành thốt lên:

- Ta thật có lỗi, xin hậu hãy đại lượng tha thứ cho ta!

Hoàng hậu Sāmāvatī cầm tay đức vua nâng lên:

- Xin bệ hạ giữ gìn ngọc thể! Thần thiếp không những tha thứ cho bệ hạ bây giờ, mà trước khi, trong khi bệ hạ giương cung

⁽¹⁾ Là 434 mét.

bắn thì thiếp và tất thảy cung nữ còn rải tâm từ đến cho bệ hạ, đến cho cả người vu oan giá họa hiểm hại chúng thiếp nữa đó!

Đức vua rơi nước mắt:

- Trẫm đã si mê lạc bước lối đi mà không thấy, không biết đường về! Vậy từ nay hậu cho trẫm nương tựa với nhé?⁽¹⁾

- Vậy là rất tốt! Hoàng hậu nói - Nhưng không phải nơi thân thiếp mà bệ hạ phải thành tâm nương tựa nơi đức Phật, vì chính ngài mới là bậc cao quý, cao thượng mà thế gian đều nương tựa.

- Vâng! Ta sẽ quy y với đức Thế Tôn.

- Bệ hạ phải đích thân đi đến chỗ Ngài tức khắc bây giờ chứ?

- Vâng! Ta sẽ làm như vậy.

Đức vua nói xong, đứng dậy ân cần nắm bàn tay của hoàng hậu, khẩn thiết nói:

- Ngay bây giờ, trẫm chuẩn hứa, rằng là hậu mong ước gì, mơ ước gì, sở thích gì, bất cứ điều gì, trẫm cũng sẵn lòng đáp ứng cho. Nên nhớ đây là ân huệ tối thượng đặc biệt trẫm dành cho hậu đó!

- Vâng! Hoàng hậu Sāmāvatī mỉm cười nói - Một điều thôi! Là sau khi bệ hạ đến bên chân đức Đạo Sư, xin quy y Tam Bảo rồi, thiếp mong bệ hạ thay mặt thiếp thỉnh mời đức Phật cùng năm trăm vị tỳ-khưu đến hoàng cung để cho chúng thiếp được đặt bát cúng dường và được nghe pháp trong vòng bảy ngày. Đây là ước nguyện thiêng liêng, khẩn thiết duy nhất của chúng thiếp vậy.

Đức vua khuôn mặt rạng rỡ, gật đầu đồng thuận và trong tâm lại phát sanh lòng kính trọng đối với hoàng hậu vô cùng. Tự nghĩ: “Bà không xin kim cương trân bảo, xin địa vị, quyền lực, không xin truy cứu kẻ mưu hại mình mà chỉ xin được bố thí, cúng dường, nghe pháp! Ô! Hậu của ta thật sự đã trở thành bậc thánh nhân rồi!”

⁽¹⁾ Dịch thoát từ câu kệ Pāli: “Sammuyhāmi pamuyhāmi. Sabbā mayhanti me disā. Sāmāvatī maṃ tāsasu. Tvaṃca me saraṇaṃ bhavāti”.

Đức vua đứng lặng. Ông tri ân và cảm kích tấm lòng từ vô lượng của hoàng hậu Sāmāvatī. Ngay giây khắc ấy, đã có một sự chuyển hóa thật sự trong nội tâm của ông.

9.5- Giải Rách Cũng Hữu Dụng

Quốc vương Udena sau khi quy y Tam Bảo bên chân đức Phật, thừa bực lại lời thỉnh cầu của hoàng hậu Sāmāvatī rồi lễ độ ngồi xuống một bên để nghe pháp.

Đức Phật biết ông vua này bản chất hung bạo, thường sẵn bản giết vật để làm thú tiêu khiển, lại còn đam mê tửu sắc, hiện vừa mới hồi đầu hướng thiện nên ngài không giảng nhiều, chỉ giáo giới ngắn gọn một vài nguyên lý thuộc về đạo trị quốc, an dân; một vài đức tính, phẩm chất cần thiết của giai cấp lãnh đạo, điều hành đất nước. Còn chuyện thỉnh mời đặt bát cúng dường bảy ngày tại hoàng cung, đức Phật cũng nói rõ, là ngài chỉ đi một bữa đầu tiên với năm trăm tỳ-khưu, sáu ngày còn lại sẽ có một vị trưởng lão khác đại diện dẫn đầu chư tăng.

Đúng hẹn và đúng sáng hôm ấy, đức Phật với đại y vắt vai, với bình bát màu mạn chín dẫn đầu năm trăm tỳ-khưu bộ hành về hướng cung vua.

Thế rồi, buổi lễ đặt bát cúng dường ngày thứ nhất diễn ra vô cùng trọng thể. Hoàng hậu Sāmāvatī và mấy trăm cung nữ tươi rạng nét mặt, tới lui sót com bánh vật thực. Riêng đức vua Udena, dầu vậy, đức tin chưa vững vàng, viện cớ bận quốc sự. Riêng bà thứ hậu Māgaṇḍiyā thì cảm tức, uất hận đầy lòng, lánh mặt trong hậu cung.

Độ thực xong, đức Phật ban bố một thời pháp. Hoàng hậu Sāmāvatī và mấy trăm cung nữ nghe như uống cả vào lòng. Riêng cô thị nữ Khujjuttarā thì chú tâm, tư tác lắng nghe không xao lãng. Thời pháp chấm dứt thì cô đã khắc sâu tứ lời vào tâm khảm và có thể thuyết lại cho người khác mà không bỏ sót bất cứ một ngữ nghĩa nào, một chi tiết nào.

Sáu buổi đặt bát cúng dường còn lại, đại đức Ānanda được đức Phật chỉ định dẫn đầu chư tăng đi vào cung điện. Và rồi, sáu thời pháp của đại đức Ānanda vô cùng uyển chuyển, lưu loát như nước chảy của con sông dài; ngôn ngữ, đoản ngôn, kệ ngôn, dụ ngôn đều rõ ràng sáng trong, cụ thể. Sắc tướng của đại đức vốn quang minh, đẹp đẽ mà ngôn lời, âm thanh của ngài lại như ngọc chạm, như tiếng pha-lê reo, trầm bổng du dương làm cho thính chúng bị cuốn hút, mê đi, chìm đắm trong biển pháp. Vậy là chỉ mới ngày thứ năm, cung nga thể nữ của chánh hậu đã dâng cúng bên chân đại đức Ānanda đến năm trăm lá y quý đẹp.

Chuyện đến tai đức vua Udena, ông rất bức mình, tự nghĩ: “Mấy ông sa-môn này bắt đầu lộ diện chân tướng rồi! Tu hạnh xả ly, vô sản bản hàn mà lại thọ nhận một lúc năm trăm lá y quý đẹp? Rõ là lòng tham tích lũy của cái tài sản còn hơn là kẻ thường nhân nữa! Được rồi, ngày mai, trước đám đông, ta sẽ lột mặt nạ ông ta!”

Buổi lễ ngày thứ bảy diễn ra bình thường, có khác một chút là có đức vua và một số các quan trọng thần lắng nghe. Bực thì bực, ghét thì ghét nhưng quả thực là thời pháp không chê vào đâu được. Và sắc tướng, âm thanh của đại đức Ānanda còn lôi cuốn, hấp dẫn họ nữa. Tuy nhiên, đức vua Udena không quên công việc định làm của mình. Thế rồi, cuộc chất vấn bắt đầu:

- Bạch đại đức! Trẫm nghe nói đại đức đã thọ nhận của cung nữ năm trăm lá y, việc ấy là đúng sự thực hay không đúng sự thực?

- Là đúng sự thực, tâu đại vương!

- Trẫm nghe nói, một vị tỳ-khưu trong giáo hội của đức Đạo Sư chỉ được phép sử dụng ba y và không thể sở hữu nhiều hơn, có phải thế chăng?

- Quả thật là vậy, tâu đại vương!

- Nghĩa là đại đức cũng chỉ sở hữu ba y đúng như là một vị tỳ-khưu chân chính, là tri túc, xả ly và vô sản bản hàn?

- Quả vậy, tôi đang cố gắng tu tập như vậy đó, tâu đại vương!
- Vậy thì quả thật trăm không hiểu là đại đức sử dụng năm trăm lá y ấy như thế nào?
- Thưa, tất cả tôi đều đã cúng dường lại cho những vị tỷ-khưu có y cũ rách!

Đức vua lộ vẻ ngạc nhiên:

- Đại đức cúng dường trở lại hết à?
- Thưa vâng!
- Thế đại đức không để dành cho mình một tấm y quý đẹp nào trong năm trăm tấm y ấy?
- Thưa không, không cần thiết. Vì tấm y cũ tôi đang dùng đây nó vẫn còn tốt!

Đức vua lặng người khi biết rằng mình đã ngờ oan cho người ta rồi, nhưng do tò mò, ông làm như thản nhiên, hỏi tiếp:

- Vậy thì năm trăm vị được đại đức dâng cúng y mới, thế y cũ của họ, họ dùng làm gì?
- Thưa, họ sẽ cúng dường cho những vị có y cũ rách hơn nữa!
- Rồi năm trăm tấm y quá rách nát ấy, họ sử dụng vào việc gì?
- Thưa, họ làm tấm trải giường.
- Vậy sau trải giường?
- Thưa, họ lót trên sàn, trên nền tại các liêu cốc.
- Sau đó nữa?
- Tâu, họ làm giẻ chùi chân!
- Rồi sau khi không còn sử dụng được nữa?
- Không phải là không sử dụng dù cái mà thế gian đã quăng bỏ đi. Miếng giẻ chùi chân đã phế thải ấy, môn đệ của đức Thế Tôn sẽ xé nhỏ ra, quét cho nhuyễn với đất sét để trám vào các lỗ thủng, lỗ hư trên các vách tường liêu thất, tâu đại vương!

Đức vua Udena hỷ lạc dâng đầy tràn trong tâm đến nỗi tê rần cả người, ông đồ gập người, quỳ bên chân đại đức Ānanda, thốt lên:

- Ôi! Cao quý thay là đệ tử của đức Vô Thượng Giác. Ôi! Tám lòng biết trân trọng ấy, trên đời này ai có thể bằng được

một phần nhỏ đệ tử của đức Tôn Sư?

Thế rồi, theo với niềm vui của mình, đức vua Udena sai quan thủ khổ cho người mang thêm năm trăm lá y quý đẹp nữa đem dâng cúng thêm cho vị pháp sư.

Đại đức Ānanda sau khi thọ nhận, ngài chợt mỉm cười tươi tắn như nụ sen vừa mới nở, cất tiếng lời lạnh lốt, thanh tao như tiếng chim Ca-lăng-tần-già để giáo giới thêm cho đức vua:

- Tâu đại vương! Môn đệ của đức Thế Tôn sống giữa cuộc đời, khi đi vào giữa xóm làng với chiếc bát xin ăn, bao giờ cũng chỉ thọ nhận vừa đủ từ tấm lòng của bá tánh với tâm bình đẳng, nhẫn nại, rộng rang, tịch lặng, không hận, không sân. Như con ong chỉ khê khàng tìm chút nhụy lót lòng nhưng không làm hại nụ hoa, cánh hoa! Như bài kệ sau đây:

- Như ong kiếm tí mật thôi

Sắc hương chẳng hại, lá chồi cũng không

Khê khàng chút nhụy lót lòng

Bậc thánh như vậy, thông dong vào làng!⁽¹⁾

Ngoài ra, họ còn biết tôn trọng và tri ân quốc vương, quốc độ; tôn trọng và tri ân bá tánh, chúng sanh và xã hội. Mục đích của chư môn đệ là luôn tâm niệm mang đến an lạc và hạnh phúc cho mình và cho người, tâu đại vương!

Đức vua Udena quý kính tận đáy lòng:

- Trẫm đã sáng mắt, sáng lòng rồi, thừa đại đức! Trẫm hiểu và hiểu sâu xa vô cùng! Tri ân đại đức cùng đại chúng tỳ-khưu tăng!

9.6- Ngọn Lửa Hung Tàn

Sau bảy ngày đặt bát cúng dường và nghe pháp, biệt cung của hoàng hậu Sāmāvatī như được tiếp thêm sinh lực mới, nhiên liệu mới. Họ trang hoàng lại khắp mọi nơi, mọi chỗ. Họ

⁽¹⁾ *Pháp cú 49: “Yathā pi bhamaro puphaṃ vaṇṇagandhaṃ aheṭhayaṃ; paleti rasaṃ ’ādāya evaṃ gāme munī care”.*

lót những tấm thảm lớn làm chỗ ngồi thiền. Một pháp tọa thấp có lót thảm vàng dành chỗ cho pháp sư Khujjuttarā. Cách bố trí căn phòng này là theo ý của hoàng hậu. Vào mỗi buổi chiều, cô thị nữ Khujjuttarā sẽ có một thời pháp cho mọi người cùng nghe. Hoặc, ai muốn tĩnh tâm, tham thiền thì lấy không gian thanh tịnh này mà tu tập.

Thứ hậu Māgaṇḍiyā sau khi theo dõi, bà biết vào mỗi buổi chiều, hoàng hậu và cung nữ đều tụ họp tại phòng hội. Bà mừng quá vì biết rằng “việc lớn sẽ thành”!

Hôm ấy, lợi dụng khi đức vua đi tuần du các thị trấn ngoại thành, bà mật bàn với ông chú Cūla Māgaṇḍi của mình. Theo với mưu kế này, ông quốc trưởng được phép mở kho vải, cùng một số thân tín tay chân, dùng vải ấy nhúng dầu rồi quấn vào các cây cột gỗ xung quanh biệt cung của hoàng hậu. Tính toán kỹ càng, đúng vào thời điểm mọi người đang nghe pháp là họ ra tay, sau đó, họ còn âm thầm và nhẹ nhàng khóa kín tất cả mọi cánh cửa để không ai có thể thoát ra lối nào.

Thực hiện hoàn hảo kế hoạch từ đầu đến đuôi, rồi họ cho người ở sân xa, bắn vào bên trong vài chục mũi tên lửa là biệt cung bốc cháy rần rập. Và sự việc diễn tiến đúng như thế thật.

Than ôi! Lúc mọi người biết ra thì đã muộn quá rồi. Lửa bên ngoài nổ lộp bộp đã lần sang mái biệt cung, khói tỏa ngùn ngụt, mịt mù. Cánh cửa này, cánh cửa kia đều bị những cây sắt khóa chặt bên ngoài. Sức lực nữ nhi thì biết làm gì. Họ đã trơ mắt, bất lực, mết lả; đã có vài tiếng khóc tí ti, nức nở được kìm nén những vẫn thoát ra ngoài bằng những âm thanh ư ử, hích hích...

Hoàng hậu Sāmāvātī trầm tĩnh nhất, bảo mọi người đừng có hỗn loạn, hãy cùng ngồi xuống bên nhau rồi bà ban lời giáo giới:

- Chị em chúng ta đã từng phiêu bạt, lang thang trong vòng luân hồi tử sinh thống khổ từ muôn xưa đến nay, chẳng biết đâu bến, đâu bờ. Duyên may, chúng ta gặp được đức Thế Tôn và giáo pháp thoát khổ, chúng ta đã có ngọn đèn soi sáng để lên đường trong đêm tối. Vậy chẳng có gì đáng để sợ hãi cả. Ngọn

lửa hung bạo này có thể thiêu rụi thân xác chúng ta nhưng nó không thể đốt cháy trí tuệ, ý chí và nghị lực kiên cường của chúng ta. Vậy, hơn lúc nào hết, chúng ta hãy công phu tu tập tinh tiến ngay từ giờ phút này.

Mọi người thấy đều nghe lời, không gian đã trở nên yên lặng. Hoàng hậu Sāmāvatī nói tiếp:

- Khujjuttarā là bạn lành, là thầy tốt của chúng ta, nàng đi mua hoa chưa về; nếu có cô ấy thì cô ấy cũng sẽ nói như sau: Trong hoàn cảnh cái chết kề bên lưng như thế này, thì tùy theo tâm tánh và sở thích của mỗi người để lựa chọn đề mục thích hợp. Có thể tĩnh tại niệm hơi thở. Có thể quán sự khổ, khổ thân, khổ của sự chết. Có thể quán ngay đề mục lửa. Có thể quán vô thường, vô ngã của ngũ uẩn, thập nhị duyên khởi... Chúng ta cứ thực hành như thế để có được sự lợi lạc tối thượng. Và khi ấy thì cái sống, cái chết của cái thân này có ý nghĩa gì đâu!

Sau đó, một phép lạ đã xảy ra. Bên ngoài lửa cháy ngất trời, trống đánh, chiêng đánh, thanh la, náo bạt đánh, tiếng người hô hoán, rầm rập chạy đi cứu lửa thì trong căn phòng khói phủ mịt mù, hoàng hậu Sāmāvatī và mấy trăm cung nga thể nữ yên lặng tọa thiền, người định, người quán an nhiên, tĩnh mặc. Cuối cùng, khi xác thân họ bị thiêu cháy thì số ít đạt tam quả, một phần được nhị quả, số còn lại đều đạt đệ nhất quả chảy vào dòng sinh an⁽¹⁾.

Hôm sau, chư tăng vườn rừng Ghositārāma, và nói chung cả Kosambī đang xôn xao bàn tán hung tin ấy. Có người đau lòng bi thương. Có người hoài nghi nhân quả. Có người thắc mắc không biết kiếp trước họ làm việc ác gì mà kiếp này bị trả quả kinh khiếp như vậy. Lại còn chuyện cô thị nữ Khujjuttarā, tại

⁽¹⁾ Ở đây có một câu hỏi được đặt ra, là tại sao, hoàng hậu Sāmāvatī sử dụng năng lực tâm từ để vô hiệu hóa mũi tên của đức vua, vậy tại sao khi lửa thiêu cháy cung điện, hoàng hậu lại không sử dụng năng lực của tâm từ? Chỉ có một câu trả lời là, khi nghiệp dữ đến thì năng lực thần thông cũng bất lực, lại càng bất lực hơn khi đấy còn là năng lực của cộng nghiệp?!

sao lại được thoát chết, rồi còn do nhân quả như thế nào mà lại có khả năng thông suốt giáo pháp để giảng nói lưu loát, rành rẽ như vậy?

Đức Phật hướng thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, sanh tử thông nên thấy, nghe, biết tất cả mọi sự nhưng vẫn lặng lẽ chưa nói gì vì ngài biết rõ là cái nghiệp riêng kia, cái nghiệp chung kia nó vẫn còn tiếp diễn.

9.7- Ác Quả Hiện Tiền

Đức vua đang ngự du tuần tra ngoại vi kinh thành, khi nghe phi mã báo hung tin, ông tức tốc trở về thì chứng kiến một thảm cảnh kinh hoàng. Ông đứng lặng nhìn biệt cung của chánh hậu với những tòa lầu đài ngang dọc, bây giờ chỉ còn là đám tro tàn âm ỉ khói.

Lòng đức vua nặng trĩu, ảo não, thương bi đủ cả khi nghĩ đến ân đức, tấm lòng độ lượng của hoàng hậu; nhưng ông cố trấn tĩnh, cố giữ nét mặt điềm nhiên không phán xét gì, không hạch hỏi ai, không nói một tiếng nào, lặng lẽ đi về tam cung. Đức vua đuổi tất cả tả hữu ra ngoài, tự mình tắm rửa, thay xiêm áo rồi ngồi lặng như hóa đá, như thiền định.

Rồi những con người, những sự việc diễn tiến đi qua tâm trí của đức vua như một cuốn phim quay chậm. Ông đã tìm ra gốc ngọn của vấn đề. Tối ấy, đức vua cho kêu tên bồi yến vào cung sau, và với sắc mặt lạnh như tiền, ông nói:

- Có hai con đường, người có thể chọn một. Một là trầm tạm mượn chiếc đầu của người, hai là người hãy kể rõ sự thật cái gì giấu kín khó hiểu bên trong lòng gà hôm tiểu yến?

Nghe cách hỏi của đức vua, tên cận thần biết là không thể giấu giếm ngài được nữa nên đã tình thật khai hết. Đức vua bàng hoàng. Xảo kế mà như vậy vừa sâu xa khó lường vừa thâm độc còn hơn nọc độc của rắn.

- Chuyện tám con gà sống, tám con gà chết, vậy là trầm đã rõ

mọi chi tiết của kịch bản. Thế chuyện con rắn độc, người có biết manh mối gì không?

Tên cận thần bồi yến tâu thật lòng:

- Bà thứ hậu mua chuộc hạ thần và cả viên hầu rượu cho bệ hạ, luôn theo sát bệ hạ. Con rắn độc thì chính tay quốc trưởng trao cho thứ hậu rồi thứ hậu bỏ vào ống tiêu của bệ hạ.

Sau khi biết rõ sự thật, đức vua hội cả triều thần, uy nghiêm, đồng dục tuyên bố tội trạng của thứ hậu, quốc trưởng, tên bồi yến và tên hầu rượu rồi đưa ra hình án:

- Con tiện tỳ cái tội quá nặng tương đương địa ngục a-tỳ, trăm sẽ cho lóc từng tấm thịt, bỏ vào chảo chiên, bắt nó ăn. Khi nào nó ăn không nổi, quăng nó vào chảo rồi chiên giòn luôn! Cái tên “quốc trưởng” này cũng chiên vàng luôn như thế. Tên hầu rượu thì cho năm ngựa phân thây. Tên hầu yến do thành thật khai báo, thú tội nên được tha chết, đuổi về quê quán. Bà con quyến thuộc của lão rắn độc, của con tiện tỳ cũng bị tịch thu gia sản, toàn bộ bị chém đầu rồi cho chôn cất tử tế.

Quần thần đồng thanh hô lên:

- Đức vua anh minh, sáng suốt.

9.8- Vén Màn Quá Khứ

Tại giảng đường vườn rừng Ghositārāma, biết là chư tăng đang bị nhiều mối nghi ở trong lòng, đức Phật liền vén mở bức màn quá khứ đã bị che lấp:

- Nay chư tỳ-khuru! Một thuở rất xa xưa, dưới triều đại đức vua Brāhmadatta, vào thời không xuất hiện một vị Phật nào, có tám vị Độc Giác trú cư tại một ngọn núi thuộc kinh thành Bārāṇasī, và các ngài thường vào thành phố để trì bình khát thực. Lâu lâu, đức vua lại triệu thỉnh họ vào cung, lệnh cho hoàng hậu, hoàng phi, cung nga thể nữ thay phiên nhau đặt bát cúng dường và nghe pháp thoại. Cả tám vị đều được đức vua tôn kính, trọng vọng; là chỗ nương tựa tinh thần của đức vua, họ được ngài coi

như là linh hồn của quốc độ vậy.

Hôm ấy, sau khi đi bát xong, có bảy vị quăng bát qua hư không để lên Himalaya. Chỉ còn một vị đến bờ sông Gaṅgā thọ thực, sau đó vào một lùm cây rậm thọ hưởng lạc về thiên, lạc về quả.

Đức vua trị vì Bārāṇasī hôm ấy nhã hứng cùng chư hậu, phi, cung nga thể nữ du lãm ở ngoại thành, bày cuộc vui săn bắn, sau đó họ nghỉ ngơi tại hành cung ven bờ sông.

Như những cánh chim được xổ lồng, có một bà phi dẫn năm trăm cung nữ đi dạo chơi ven sông, sau đó tha hồ nhõn nhõn ngụp lặn, bơi lội, đùa giỡn thỏa thích trong dòng sóng nước.

Lúc họ lên bờ thì trời trở lạnh. Ai cũng run lẩy bẩy. Bà phi sáng ý chạy đến lùm cây, gom lá khô, rác khô, cành khô rồi đốt lửa sưởi ấm. Vô tình, ngọn lửa lớn cháy lan đến lùm cây có vị Độc Giác đang trú định. Do cây cháy nên lộ ra hình tướng vị Độc Giác quen thuộc, và có lẽ vì ngài đang an trú diệt thọ tướng định nên chẳng hề hay biết chuyện gì xảy ra xung quanh.

- Chết rồi! Bà phi chột la lên - Đây là bậc thầy của đức vua. Nếu ông ta tiết lộ chuyện này chắc chị em ta không thoát khỏi tội chém đầu! Thôi, một liều ba bảy cũng liều, chúng ta hãy phi tang, hãy chất thêm rác khô, củi khô đốt cháy ông ta để phi tang.

Thế là năm trăm cung nữ làm theo lời bà phi. Mỗi người chỉ cần gom lượm một bó nhẹ, cả năm trăm người như thế thì đã thành một ngọn núi nhỏ vây quanh vị Độc Giác Phật. Khi thấy lửa đã bốc cháy rần rật họ mới bỏ đi, yên trí với việc làm kín đáo của mình. Tuy nhiên, đức Độc Giác Phật sau bảy ngày trú định diệt thọ tướng đã không thể bị chết cháy, y bát và vật dụng bên mình đều được bảo toàn do năng lực tối thượng của định này; ngài xả thiên, đi trì bình khát thực rồi như cánh chim ung, nhẹ nhàng bay về Tuyết Sơn.

Kể đến ngang đây, đức Phật kết luận:

- Đốt lửa lần đầu do vô tâm, vô ý, không có tư tác giết nên không có tội nhân không có tội quả. Đốt lửa lần hai là có cố ý,

có chủ tâm, có tư tác (cetanā) nên có tội nhân có tội báo. Bà phi thuở xưa, hiện nay là hoàng hậu Sāmāvatī, là kẻ chủ mưu trong việc thiêu cháy Phật Độc Giác; năm trăm cung nữ thuở xưa là kẻ tòng phạm, chính là năm trăm cung nữ hiện nay. Chủ mưu hoặc tòng phạm tạo tác một nghiệp ác chung, bây giờ bị trả quả cộng nghiệp là lẽ đương nhiên vậy. Hoàng hậu Sāmāvatī và năm trăm cung nữ bị trả quả thiêu đốt cả hằng trăm, hằng ngàn kiếp rồi, và cái quả báo hiện tại chỉ là cái nghiệp dư sót mà thôi vậy!⁽¹⁾

Sau khi biết rõ sự thật, ai cũng rùng mình, lạng người.

Đức Phật còn giảng thêm rằng:

- Hoàng hậu Sāmāvatī và năm trăm cung nữ bên cạnh sự chết nhưng nhờ không phóng dật, chuyên cần chú niệm nên đã đặt chân được ở cõi bất tử. Do vậy, bậc thiện trí kiên cố nhiếp tâm, hoan hỷ trong pháp sẽ nếm thưởng hương vị cảnh giới an lạc của thánh nhơn. Người chuyên niệm, tinh tấn vững vàng, cõi bỏ, vượt thoát mọi trói buộc, sẽ thành tựu Niết-bàn tối thượng.

Rồi ngài đọc câu kệ:

“- Trí nhân tinh tấn thiền hành

Kiên trì nỗ lực duyên sanh Niết-bàn

Ma vương khó buộc, khó ràng

Tự do tối thượng thânh thang bến bờ!”⁽²⁾

⁽¹⁾ Câu chuyện Sāmāvatī được bao gồm quanh câu chuyện của vua Udena. Để biết thêm chi tiết xem trong chú giải Dhammapada. i. 187-91, 205-225; câu chuyện có xuất hiện một vài chi tiết trong chú giải Āṅguttara Nikāya. i. 232-4, 236ff., và cũng được đề cập tóm tắt trong chú giải Udena. 382f., loại bỏ chi tiết nguyên nhân cái chết của hoàng hậu Sāmāvatī được giải thích khá dài trong Udāna (Ud.vii.10) xử lý vụ việc. Cf. Divyāvadāna, ed. Cowell and Neill (Cambridge). 575 f. theo Thanh Tịnh Đạo (tr. 380f), ước muốn của Māgandiyā là giết hoàng hậu Sāmāvatī để được lên làm chánh hậu.

⁽²⁾ Pháp cú 21, 22, 23: Appamādo amatapadam pamādo maccuno padam. Appamattā na mīyanti ye pamattā yathā matā.

Cả giảng đường như đồng thanh tán thán: Sādhu, lành thay!

Đại đức Ānanda chợt hỏi:

- Còn cô thị nữ lưng gù? Nhân duyên quá khứ của cô gái đa văn này như thế nào mà lạ lùng vậy, thưa đức Đạo Sư?

- Ủ! Cô ta không ở trong số năm trăm cung nữ thuở trước nên được thoát chết. Cô ta chỉ cùng chung cộng nghiệp bố thí, cúng dường cho tám vị Độc Giác Phật, nhưng riêng cô ta thì nghe pháp nhiều hơn. Có điều đặc biệt nữa, là có lần, khi họ dâng tám bát vật thực còn nóng sốt đến tám vị Độc Giác Phật, các ngài vừa đưa tay ra thì phát giác là bát còn nóng. Cô gái này, tiền thân thị nữ Khujjuttarā, mau mắn, lanh trí lấy từ hai cổ tay ra tám chiếc vòng ngọc dâng cho quý ngài rồi nói rằng: “Đệ tử kính dâng luôn tám vòng ngọc này để quý ngài ngăn bát trên tay cho đỡ nóng!” Do phước báu của cái nhân này nên bao giờ cô ta cũng vượt trội trong chúng về thông hiểu giáo pháp, trí thông minh cũng như sắc tướng!

Ở đâu đó có tiếng cười nhẹ rồi có tiếng hỏi:

- Còn cái lưng gù là tại sao, bạch đức Thế Tôn?

Đức Phật cũng mỉm cười:

- À, cái cô ấy thật là tinh nghịch, quá quắt! Số là, trong tám vị Độc Giác ấy có một vị có cái lưng hơi gù! Hôm ấy, giữa mấy trăm chị em rồi việc, cái cô này lấy một tấm chăn giả làm y, một cái bát giả làm bát khát thực, rồi cô gù lưng xuống, ôm cái bát đi tới đi lui, nói rằng: “Ngài Độc Giác của chúng ta đi tới như vậy, đi lui như vậy, khi đứng thì cái lưng trông như cái vòng cung như vậy”. Nói thế xong cô ta cười ngặt nghèo. Do nhân ấy, cô ta bị trả quả gù lưng như vậy đó!

Đại đức Ānanda thay mặt đại chúng hỏi tiếp:

- Vậy vì nhân gì mà cô ta phải làm thị nữ, bạch đức Thế Tôn?

*Etam visesato ñatvā appamādamhi paṇḍitā. Appmāde pamodanti ariyānaṃ
gocare ratā. Te jhāyino sātatikā niccam dahaparakkamā. Phusanti dhīrā
nibbānaṃ yogakkhemaṃ anuttaraṃ.*

- Đây là nghiệp riêng của cô ta. Chỉ mới đây thôi, vào thời đức Phật Kassapa, Khujjuttarā là một tiểu thư con một bậc trưởng giả kinh thành Bārāṇasī, vì mở miệng sai bảo một vị thánh ni nên đã nhiều kiếp phải mang thân phận thấp hèn, làm nô lệ cho người.

Thế là nhân và quả, người và vật của toàn bộ câu chuyện xảy ra tại hoàng cung đức vua Udena đã được đức Phật vén mở từ trong mù sương của quá khứ, ai nấy đều nghe biết rõ ràng, chẳng còn nghi ngờ, thắc mắc gì nữa.

Hoàng hậu Sāmāvātī là một trong những người nữ đệ tử tại gia xuất sắc nhất của đức Phật, và được ngài công bố là người có tâm từ bi rộng lớn hàng đầu (aggam mettāvihāriyam)⁽¹⁾, vì năng lực của bà có thể bảo vệ khỏi mũi tên được bắn bởi vua Udena, và chuyện này cũng thường được dẫn ra để tham khảo trong các chú giải⁽²⁾.

Riêng Khujjuttarā, sau khi mất đi người chủ hiền đức, cô đã dành tất cả thời gian còn lại trong đời chỉ để nghe pháp và thuyết pháp cho mọi người. Đức Phật đã xác nhận cô ta là một người lỗi lạc giữa hàng nữ tại gia vì nghe nhiều học rộng (bahussutānam)⁽³⁾ và có cả tài thuyết pháp trong hàng cận sự nữ nữa.

9.9- Giọt Nước Cạn Trong Gáo Vệ Sinh

Suốt hơn tháng, đức Phật, có thị giả Sunakkhatta tháp tùng rời vườn rừng Ghositārāma bộ hành sang giáo giới chư tăng tại lâm viên Pāvārikambavana, rồi sang vườn rừng Kukkuṭārāma. Đức Phật còn để thời gian, thỉnh thoảng sang khu rừng trầm hương

⁽¹⁾ *Anguttara Nikāya. i. 26; cf. iv. 348.*

⁽²⁾ *Ví dụ trong chú giải Buddhavaṃsa. 24; chú giải Itivuttaka. 23; chú giải Patisambhidāmagga. 498; chú giải Anguttara Nikāya.ii. 791.*

⁽³⁾ *Anguttara Nikaya. i. 26.; chú giải dhammapada. i. 208ff.; chú giải Anguttara Nikaya .i.226,237.; chú giải Itivuttaka. 23f.; chú giải Patīambhidāmagga. 498f.*

giáo giới cho ni chúng ở đây, khoảng chừng năm mươi vị.

Hôm kia, đại đức Ānanda đến gặp đức Phật và tường trình lại chuyện không hay vừa xảy ra tại vườn rừng Ghositārāma. Chuyện là, một vị pháp sư, chuyên giảng kinh, có bên mình mấy trăm tỳ-khưu theo học, bữa ấy đi vệ sinh; khi xong việc, rửa ráy xong đầu đó, ông ta bước ra ngoài mà quên úp cái gáo xuống, nên bên trong còn ít nước đọng. Vị luật sư, chuyên trì luật và giảng luật, cũng có bên mình mấy trăm tỳ-khưu theo học, đi cầu tiếp theo, thấy cái gáo đọng nước, biết rằng ông bạn của mình, vị pháp sư kia không rành luật, không thông luật.

Lúc gặp nhau, vị luật sư thân mật nói chuyện với bạn mình:

- Hiền giả đi cầu mà đã không úp cái gáo lại!

- Ô, thế hả! Ừ, tôi đã quên! Chưa già mà đã vô ý như vậy đó!

- Không sao, quên là vô tâm, mà vô tâm thì không có tội! Còn nếu cố tình thì phạm dukkaṭa (tác ác) đấy! Lần sau hiền giả đừng có quên như vậy nữa!

- Thưa vâng! Xin cảm ơn hiền giả đã quan tâm, ái từ nhắc nhở!

Chuyện chỉ có vậy. Rõ cả hai vị đều là bậc thiện trí thức. Trong một buổi dạy luật, vị luật sư đem chuyện ấy kể lại cho học trò nghe, chỉ cố ý đưa ra một ví dụ cụ thể để làm bài học cho học chúng mà thôi. Tuy nhiên, do đa phần chư tỳ-khưu học luật, phàm tính còn nhiều, thường lắm chuyện, hay ưa đâm thọc, thích nói xấu người. Nên khi đi khát thực hoặc gặp nhau tại nơi này nơi kia, được dịp chứng tỏ mình học luật, chê bai người học kinh. Ví dụ:

- Các ông học kinh thì biết gì về luật nào?

- Thầy của các ông - ngài pháp sư - đi cầu mà không úp gáo lại, “phạm giới dukkaṭa” đấy!

Câu kia đáng lẽ là phải nói đầy đủ nguyên văn như vị luật sư: “Không sao, vô tâm là không có tội. Còn nếu cố tình thì phạm dukkaṭa đấy!” Nhưng câu lặp lại của chúng đệ tử đã bị khúc xạ với ý đồ không được tốt.

Các vị tỳ-khưu học trò của vị pháp sư buồn lòng vì bị chỉ

trích, đem việc ấy thuật lại với thầy của mình để mong biết hư thực của câu chuyện. Vị pháp sư kể lại câu chuyện đúng sự thực như thế nào cho chúng đệ tử nghe, sau đó than phiền rằng:

- Cái vị luật sư này thật là đa sự. Đã xác định vô tâm là không có tội rồi, mà tại sao bây giờ lại vọng ngữ sinh chuyện ra thế?

Như được dịp trả đũa, những tỳ-khuru học trò còn phạm của vị pháp sư, gặp đệ tử của vị luật sư, nói rằng:

- Thầy chúng tôi, vô tâm nên không có tội. Còn thầy của các ông, ngài luật sư, lại vọng ngữ thì phạm tội gì nào?

Chuyện đến tai vị luật sư, nghe mình bị kết tội “vọng ngữ” thì sân hận nổi lên, không còn làm chủ mình được nữa, la toáng lên:

- Giới là áo giáp, giới là viên minh châu, giới là nền tảng của mọi đức hạnh. Mấy cái ông pháp sư không biết gì về giới thì học pháp, học kinh mà làm cái quái gì?

Thế rồi, bỗng dung tu viện Ghositārāma phân thành hai nhóm để cãi vã, tranh luận nhau, ai cũng biện hộ, bảo vệ cho thầy của mình. Cuộc cãi vã, tranh luận mà ai cũng giành phần đúng về mình, rõ ràng là đã bước sang giai đoạn đấu tranh với binh khí miệng lưỡi như dầu sôi, như lửa cháy rồi.

Đức Phật hay chuyện, bộ hành sang vườn rừng Ghositārāma, họp đại chúng cả hai phe, ngài hỏi tự sự đầu đuôi rồi tìm cách hòa giải, bằng lời giáo giới như sau:

- Nay chư tỳ-khuru! Giáo hội của Như Lai và đệ tử của Như Lai là thiện bạn hữu, thiện thân tình, đoàn kết, hòa hợp như nước với sữa. Nơi nào có đoàn kết, hòa hợp, thương yêu nhau thì nơi ấy sẽ tồn tại, an lạc và hưng thịnh. Nơi nào chia rẽ, bất hòa, gẫu ó, cãi vã, ghét ganh nhau thì nơi ấy sẽ phân ly, đau khổ và suy vong!

Này các thầy tỳ-khuru! Chuyện xảy ra quả thật rất đơn giản. Sắp đến kỳ sám hối cuối tháng rồi. Câu chuyện trung thực đầu tiên giữa hai vị pháp sư và luật sư phải được kể lại. Sau đó, các thầy hãy ngồi lại với nhau, hai nhóm phân ròi cho đều ra, một

người ngồi xen kẽ (āsannatarikāya) một người bên này và bên kia rồi tình thật sám hối với nhau, sādhu lành thay với nhau, sau đó tất thấy phải bỏ qua, tâm của ai cũng sẽ trắng bạch như vỏ ốc!

Như Lai nói ít, các ông hiểu nhiều! Hãy tự ý, tự nguyện, tự giác mà xử sự ổn thỏa, yên ấm với nhau đi, đây là phần việc của các ông.

9.10- Không Hoà Giải Được

Đức Phật vừa rời chân đi được một thời gian thì tu viện Ghositārāma, tình trạng miệng lưỡi binh khí trở lại như cũ. Cả hai phe vẫn không ai chịu nhường nhịn ai. Ngày bố-tát cuối tháng họ cũng không ngồi lại với nhau, xen kẽ nhau trong tinh thần thương yêu, hòa hợp.

Sự việc diễn tiến như vậy nó bắt đầu lây lan sang thiện nam tín nữ. Nếu chư tăng phân thành hai phe thì cận sự nam nữ cũng phân thành hai phe, một bên đặt bát, cúng dường hộ độ cho nhóm pháp sư, một bên đặt bát, cúng dường, hộ độ cho nhóm luật sư.

Chưa thôi, tất cả địa thiên, thọ thân, dạ-xoa, phi nhân sống trong phạm vi không gian và địa giới Ghositārāma cũng phân chia thành hai phe, tuy họ không tranh cãi nhau như loài người nhưng đã có tâm chia biệt. Rồi có một số chư thiên tâm còn phàm cũng chia ra làm hai phe rồi họ chỉ ủng hộ, hoan hỷ với phe của mình thôi.

Thấy sự việc càng ngày càng trầm trọng, đức Phật cùng thị giả Nāgita trở lại lâm viên để tìm cách giảng hòa lần thứ hai cũng không thành công. Một tháng sau nữa trôi qua, đức Phật đã trở lại Ghositārāma lần thứ ba thì nơi đây hiện tượng bất hòa chia rẽ đã đến mức trầm trọng. Hội chúng luật đang bàn tính tụng tuyên ngôn đề trục xuất vị pháp sư về việc vi phạm giới mà không chịu sám hối. Hội chúng kinh pháp cũng kiên quyết bảo vệ thầy mình và họ cũng dự định tụng tuyên ngôn trục xuất

vị luật sư vi phạm giới vọng ngữ!

Đến lúc này thì tình hình cận sự nam nữ hai hàng đã phân ra hai nhóm. Ông triệu phú Ghosaka rất buồn lòng vì chuyện xảy ra trong lâm viên của mình, tìm gặp hai nhà triệu phú bạn là Kukkuṭa và Pāvārika tìm cách phân giải. Nhưng phân giải với nhau thì có ích gì. Họ đích thân đi đến nhà từng nhóm thiện tín nói lời hơn thiệt, cũng hoài công. Ba nhà triệu phú lại đến trình bạch với đức Thế Tôn sự việc đèn hồi họa hại, khó cứu vãn.

Tại giảng đường hôm ấy, đức Phật ngồi yên lặng quán sát hai hội chúng và ngài biết rõ là từ tranh cãi, bất hòa bây giờ tâm của họ đã bước sang ranh giới của bức tức, oán ghét, sân hận. Đức Phật cảm nhận rõ lửa từ tâm sân của họ bốc lên đã làm ô nhiễm không khí, môi trường xung quanh; chúng lan ra cả ngoài rừng cây, ảnh hưởng đến cả địa tiên, thọ thần, dạ-xoa, phi nhơn nữa. Một số đông chư thiên ở các cõi trời dục giới cũng xôn xao, bàn tán, tranh luận xem ra cũng chưa ngã ngũ bên nào đúng hơn bên nào. Vị thích giới luật thì bảo vệ giới luật. Vị thích kinh pháp thì bảo vệ kinh pháp.

Thấy đức Phật im lặng quá lâu không nói gì. Một vị tỳ-khưu thuộc nhóm luật cất tiếng:

- Bạch đức Đạo Sư! Hay là đức Đạo Sư cứ giữ yên lặng như vậy. Đức Đạo Sư cứ an trú với tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Còn việc tranh chấp gây xáo trộn ở nơi đây thì hãy để cho chúng đệ tử tự giải quyết lấy!

Một vị tỳ-khưu thuộc nhóm kinh phụ họa:

- Đúng vậy! Bạch Thế Tôn! Ngài hãy cứ an hưởng lạc về thiền, lạc về quả! Hy vọng chuyện xảy ra ở đây không ảnh hưởng gì đến niềm bình an siêu thoát của ngài!

Bây giờ đức Phật mới cất tiếng rồng uy mãnh của sư vương:

- Thôi vừa rồi! Thôi đủ rồi! Các thầy tưởng rằng tâm của Như Lai bị ảnh hưởng vì điều này, bị chi phối bởi điều kia chăng? Các thầy tưởng rằng Như Lai nên an trú vào tâm tuệ giải thoát là cái phúc lạc riêng tư của Như Lai chăng? Chính các thầy không

thấy là tự mình đang tự đào hố chôn mình hay sao? Tự chôn mình trong tương tranh, oan kết. Bậc trí xưa, dù là hận thù không đội trời chung mà ngài cũng hoá giải được, tha thứ được kia mà!

Rồi đức Phật kể lại một kiếp nọ, ngài bị mối thù mất nước, mối thù phụ hoàng và mẫu hậu bị đức vua xâm lược độc ác chặt bốn khúc quăng ném ở cổng thành. Đúng là mối thù không đội trời chung. Nhưng nhờ vua cha trấn trời “Hận thù không dập tắt được hận thù, chỉ có không hận thù mới hoá giải được hận thù” mà chàng đã tha thứ được cho kẻ thù của mình.

Kể xong chuyện xưa, đức Phật đưa tầm mắt bao quát nhìn toàn thể hội chúng, nói rằng:

- Nay các thầy tỳ-khuru! Ngay chính những người cầm đao, cầm kiếm mà vẫn có lòng bao dung, độ lượng sẵn sàng tha chết cho kẻ thù. Và chính ông vua khát máu, bạo tàn kia cũng phải xúc cảm, hồi đầu hướng thiện, gục xuống như thân cây đổ để sám hối lỗi lầm của mình! Còn các thầy là gì? Là những sa-môn học hạnh giải thoát, tu tập tứ vô lượng tâm mà không thể làm dịu nguôi cơn giận, làm tắt đi cơn lửa nóng, ngồi lại bên nhau để hòa giải, đoàn kết, thương yêu nhau được hay sao? Tất cả những đấu tranh, khẩu tranh, luận tranh chỉ đưa đến đau khổ và phiền muộn. Mỗi người hãy biết tự chế, nhường nhịn nhau thì những bất như ý, bất hòa, chia rẽ sẽ tự động lắng yên, đúng như kệ ngôn sau đây.

Rồi đức Phật đọc:

“- Luận tranh chẳng có ích gì

Tranh cường, hiểu thắng lẫn khi phiền hà

Ai người suy gẫm sâu xa

Nói năng tự chế, bất hòa lắng yên”⁽¹⁾

⁽¹⁾ *Pháp cú 6, nguyên văn: “Pare ca na vijānanti - mayamettha yamāse. Ye ca tattha vijānanti - tato sammanti medhagā”.*

9.11- An Lạc Độc Cư

Vào buổi sáng hôm sau, đức Phật mang y cầm bát, không báo cho ai hay rồi đi thẳng vào thành Kosambī để khát thực.

Hơn ai hết, ngài hiểu rằng, hai nhóm chư tăng ngoan cố, cứng đầu này đã không còn cách gì khuyên răn, giáo hóa được nữa. Cả ba lần hòa giải thấy đều vô ích. Ta ra đi như thế này là bài học cuối cùng cho chúng. Ta dạy không được thì pháp sẽ dạy. Pháp sẽ dạy cho chúng những bài học đốn đau cả thân lẫn tâm, may ra chúng mới giác ngộ bài học “khô đẽ” được.

Lúc ấy, vào khoảng cuối Xuân, khí trời mát mẻ, đức Phật cứ một mình thong dong đi mãi. Ngày thì có bát khát thực, đêm thì có cội cây. Hôm kia, đức Phật nhắm hướng Đông Bắc cất bước rồi ghé vào làng Bālakalona-kāraka, nơi đây dân chúng sống bằng nghề làm muối. Lúc đức Phật tìm một lùm cây để thọ thực thì gặp tỳ-khuru Bhagu đang sống độc cư thiền định ở đây.

Độ ngộ xong, đức Phật hỏi:

- Ông sống một mình thì có cảm giác ra sao? Có chiêm nghiệm được sự lợi lạc nào để sau này có cơ duyên giáo giới cho chư tỳ-khuru chăng?

Đại đức Bhagu đáp:

- Chiêm nghiệm được sự thanh bình và an ổn, bạch Tôn Sư!
- Thanh bình và an ổn như thế nào, hỡi Bhagu?
- Thưa, mắt đệ tử chỉ nhìn thấy màu xanh và sự tịch lặng, an ổn của núi rừng. Tai đệ tử chỉ nghe tiếng gió, tiếng chim, tiếng nước chảy, tiếng lá rơi hoặc tiếng của muông, thú... Âm thanh của thế giới tự nhiên và thiên nhiên này luôn thanh bình và vô sự. Cả ngũ quan của đệ tử đều như thế. Tâm ý nó cũng tương ưng như thế. Nơi đây lại còn xa vắng chỗ loài người, nghĩa là xa vắng chỗ ồn ào, huyên náo, xa lửa tham, lửa sân. Xa chuyện khẩu tranh, tương tranh, lợi tranh, thô lỗ, ác khẩu, ý ngữ và trăm vạn nhỏ nhung, phiền tạp khác. Bạch Thế Tôn! Sống độc

cư ở đây, chẳng vào sâu các định mà tâm hồn đệ tử luôn như trú tại thanh tịnh cư thiên!

Đức Phật mỉm cười:

- Quả là vậy! Quả là vậy, này con trai! Lúc nào về các thành phố, thị trấn, ông hãy giảng thuyết những điều lợi lạc vi diệu như vậy về hạnh độc cư (ekacarikavatta) này cho một nhóm, hai nhóm, ba nhóm... tỳ-khuru nghe!

- Thừa vâng!

- Vậy thì hạnh độc cư có bao nhiêu điều lợi lạc, này con trai!

- Thừa, có chừng mười điều lợi lạc sau đây: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân tự nhiên được hộ phòng, bảo vệ, thu thúc một cách thanh bình, thoải mái, chứ không cần phải cố gắng ngăn chặn, kềm giữ quá kịch liệt, quá sức, quá mệt mỏi!

- Đúng vậy! Đây là năm điều lợi lạc hy hữu rồi!

- Thứ sáu là tâm ý cũng sẽ thư xả, nhẹ nhàng mà đi vào hỷ, vào an và vào cả tịnh chỉ!

- Đúng vậy, khá lắm, này con trai! Thuở Như Lai còn là một ấu nhi năm tuổi hôm lễ hạ điền, đã để tâm trong sáng và hồn nhiên nên dễ dàng đi vào định sơ thiền. Vậy khi năm giác quan được thanh bình, an ổn thì tâm ý của ông nó có giống như tâm ý trẻ thơ không, này con trai?

- Gần như vậy mà hóa ra không phải vậy, bạch Thế Tôn.

- Cũng đúng nữa! Và Như Lai rõ biết là ông muốn nói gì rồi. Chúng ta tiếp tục, lợi lạc thứ bảy là gì nào?

- Thừa, là rừng có sẵn năng lượng tứ vô lượng tâm. Vậy khi tâm vắng lặng tham sân, khí huyết điều hòa, hít thở vào ra an nhiên tĩnh tại, thanh bình, siêu thoát, đâu không miên mật tu tập thiền tứ vô lượng tâm nhưng nếu ta hướng tâm từ thì có từ, hướng tâm bi thì có bi, hướng tâm hỷ thì có hỷ, hướng tâm xả thì có xả. Đây là thêm bốn lợi ích nữa là thành mười, thưa Tôn Sư!

- Phải! Đức Phật gật đầu - đây là mười điều lợi lạc của hạnh độc cư mà do ông tự chiêm nghiệm bằng sự thực chứng cụ thể

mà nói ra, chứ không phải do Như Lai hoặc hai vị trưởng tử giảng thuyết.

- Xin Thế Tôn chỉ dạy thêm.

- Không cần thiết. Một, hai điều mà đôi khi lại là quá dư đủ, nhưng ba bốn chục điều, học thuộc lòng như con vẹt đôi khi cũng còn thiếu rất nhiều đấy! Chính ông phải tự chiêm nghiệm, thẩm sát thêm nữa vì hạnh phúc cho chư thiên và loài người, này con trai!

Nói thế xong, đức Phật đứng lên, từ giả, rời ngôi làng của dân làm muối, trả lại sự thanh bình và an ổn cho vị ẩn sĩ độc cư rồi cất bước nhẹ nhàng như đám mây trời thông dong vô sự.

9.12- Như Nước Với Sữa

Trời bắt đầu xuất hiện những đám mây đen xám, âm u báo triệu những cơn mưa đầu mùa nhưng tiết trời lại khá oi bức, đức Phật vẫn sống đời ta-bà vô trú, chưa có dự định dừng chân lại ở nơi đâu. Ngài cứ đi, cứ lang thang vô định xứ.

Hôm nọ, thấy một khu vườn rừng cây cao bóng cả, trong lành và xanh mát, đức Phật hướng chân bước vào.

Một người làm vườn chợt chặn lại:

- Thưa ngài sa-môn! Cảm phiền ngài hãy dừng chân lại cho!

Đức Phật biết rõ lý do, nhưng ngài mỉm cười, cất tiếng hỏi:

- Tại sao?

- Thưa, vì trong ngôi vườn tĩnh lặng này có ba vị sa-môn ẩn sĩ may mắn thanh mắt sáng, trước đây đều là con cái của những gia đình quý tộc danh giá nay họ xuất gia rồi, đang ở nơi đây với đời sống tĩnh cư, giới hạnh trắng bạch như vỏ ốc! Như là những bậc thánh. Vậy xin ngài sa-môn hãy hoan hỷ rời chân đi nơi khác, đừng phiền nhiễu đến họ.

Đức Phật mỉm cười, gật đầu:

- Đúng là vậy!

Đại đức Anuruddha đang tĩnh cư gần đấy, nghe tiếng người

làm vườn và giọng phạm âm của đức Thế Tôn, bước ra nói:

- Nay bác làm vườn! Vị ấy chính là Đạo Sư của chúng tôi đó!

Ông ta kính sợ, vội vàng sụp lạy, nói lắp bắp:

- Hèn gì! Tôi đã ngờ ngợ! Đức Thế Tôn còn sáng rõ hơn cả mặt trời, mặt trăng nữa. Tôi đã nghe danh đức Thế Tôn lâu rồi.

Lần vào bên trong, tuy lối đi đường đất nhỏ hẹp uốn quanh co nhưng nơi nào cũng xanh sạch, mát mẻ. Vài cành cây khô, những chiếc lá vàng cũng nằm an hưởng sự thanh bình. Những tiếng chim hót êm tai. Mấy chú bướm sặc sỡ chập chờn, bay lượn vui mắt.

Đến một chòi lá, chắc dùng nơi để hội họp hay độ thực thì từ hai phía khác nhau, sau những lùm cây rậm, tỳ-khuru Nandiya và tỳ-khuru Kimbila bước đến nghênh đón đức Tôn Sư. Một vị đón nhận y bát. Một vị sắp đặt chỗ ngồi. Một vị mang nước rửa chân, ghé kê chân và tắm chà chân. Đức Thế Tôn rửa chân rồi ngồi trên chỗ ngồi đã được soạn sẵn. Cả ba vị đại đức đến đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

- Các ông sống ở đây như thế nào? Sức khỏe có tốt không? Trì bình khát thực hằng ngày có dễ dàng không?

- Bạch Thế Tôn! Đại đức Anuruddha nói - chúng đệ tử nhờ tâm bình, khí hòa, máu huyết lưu thông nên chẳng có bệnh tật ốm đau gì cả. Còn việc nuôi mạng ở đây thì chẳng có gì đáng phải phàn nàn.

- Thế các vị sống với nhau tâm tánh có xung khắc với nhau không? Có thân thiện, khiêm nhu với nhau không? Có hòa hợp với nhau như nước với sữa không? Có thường nhìn nhau bằng ánh mắt chan hòa từ ái không?

- Bạch Thế Tôn! Đại đức Anuruddha nói - Quả thật chúng đệ tử đã sống với nhau cũng được như thế!

- Sự thân thiện ấy là như thế nào, hỡi Anuruddha?

- Thưa! Chúng đệ tử sống thân thiện với nhau qua thân hành, qua khẩu hành và qua ý hành.

- Cụ thể thân hành là thế nào hỡi Anuruddha?

- Thưa, khi có công việc gì bằng tay hay bằng sức lực thì cứ làm, hoan hỷ làm không cần thiết phải cho vị khác biết. Còn khi cùng làm chung nhau thì hoặc là ai làm việc nấy, mỗi người một tay, đôi khi có việc phải phụ giúp nhiều tay. Mà ai cũng từ hòa, mát mẻ. Đây được gọi là thân thiện hành.

- Còn khẩu thiện hành?

- Thưa! Là luôn luôn nói lời từ ái, tao nhã, êm dịu lỗ tai, hoan hỷ lỗ tai; ngoài ra, nội dung của khẩu thiện hành còn chú ý đến việc lợi ích cho giới, lợi ích cho định, lợi ích cho tuệ, lợi ích cho bản thân, lợi ích cho tất cả chúng sanh nữa!

- Ủ! Vậy là đúng đấy! Thế ý thiện hành là sao hở Anuruddha?

- Thưa, ngoài không hận, không sân, ngoài tứ vô lượng tâm ra, chúng đệ tử, khi cần, ai ai dường như cũng quăng vắt cái tâm của mình đi, rồi lắng nghe, quan sát xem thử tâm của bạn mình muốn gì, nghĩ gì, sở thích gì để đáp ứng khuynh hướng ấy, yêu cầu ấy một cách an nhiên, tự nhiên không có cố gắng lắm. Nhờ vậy, ngay chính một vài “tập khí” còn rơi đọng lại của người này, người kia cũng dễ dàng được thông cảm, cứ để cho chúng tự lướt đi, trôi đi như giọt nước trên lá sen, chẳng dính vào đâu cả! Nói hơi cường điệu một chút, nhưng sự thật là vậy, chúng đệ tử ba người mà sống với nhau như chỉ “đồng một tâm”!

- Đồng một tâm?! Quý hóa quá! Như Lai hiểu!

Đức Phật lại mỉm cười, quay sang hai vị kia:

- Anuruddha là vậy! Còn Nandiyā và Kimbila thì sao ha?

Nandiyā đáp:

- Chúng đệ tử cũng vậy! Từ khẩu thiện hành, thân thiện hành, ý thiện hành đi đến sống với nhau như đồng một tâm, hòa hợp với nhau như nước với sữa, bạch Thế Tôn!

- Như Lai nắm bắt tất cả những khái niệm ngôn ngữ, cả lời và nghĩa ấy, nhưng cái thể hiện đời sống cụ thể của chư vị trong sinh hoạt hằng ngày là như thế nào, hở Kimbila? Tức là cái biểu hiện ra bên ngoài của “đồng một tâm” ấy, cái như “nước với sữa” ấy?

- Thừa, Kimbila đáp - Cụ thể là như thế này. Vị nào trong chúng đệ tử khát thực từ làng trở về trước, vị ấy sắp xếp chỗ ngồi, chuẩn bị nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân, rửa sạch chậu đựng đồ thừa, chuẩn bị nước rửa và nước uống. Vị ấy có thể tùy nghi độ thực trước hoặc đợi bạn về cũng không sao.

Vị về thứ hai, thứ ba cũng vậy. Sau khi dùng xong, ai đứng lên sau cùng thì người ấy quăng bỏ những vật thực thừa, dọn dẹp, cất đặt lại toàn bộ rồi quét sạch từ trong ra ngoài.

Ngoài ra, một vị nào đó thấy lu nước uống, lu nước rửa chân, lu nước nhà vệ sinh bị cạn nước thì tự động đi múc nước đổ cho đầy vào. Một vị nào đó thấy một thân cây đổ, một chân ghé bị gãy, một đám đất cáo chồn vương vãi... thì vị ấy tự động biết mình phải làm gì. Dường như chúng đệ tử ai ai cũng thấy được chỗ này chỗ kia phát sanh việc này, phát sanh việc khác như đồng một cái thấy vậy.

Có một số việc nặng, đôi khi không thể tự làm một mình, phải cần hai hoặc ba người thì chỉ cần đưa tay làm dấu hiệu chứ không cần phải nói ra, và ai cũng hiểu là khi ấy cần phải có người phụ lực.

Do vậy, ở đâu cũng yên lặng, ở đâu cũng chẳng có một lời tiếng nào. Như thế, cả lâm viên này đều lay lan, ảnh hưởng năng lực tĩnh lặng của tâm thiền đó, bạch Tôn Sư!

Đức Phật nhẹ nhàng gật đầu.

Đại đức Nandiyā tiếp lời:

- Cứ mỗi năm ngày một kỳ, một đêm, chúng đệ tử gặp nhau ở đây, tại cái chòi lá này để thảo luận về giáo pháp, cùng nhau ôn tập, ôn tụng hoặc nhắc lại cho nhau nghe những pháp và luật mà đức Thế Tôn, hai vị trưởng tử, thuyết giảng hoặc khai triển nơi này và nơi khác. Việc này rất lợi ích cho sự tu tập cũng như lợi lạc khi cần phải giảng nói đến cận sự hai hàng.

Cũng trong đêm này, những kinh nghiệm thiền chứng, lộ trình giải thoát tâm, vị này và vị kia cũng đem ra bàn thảo, trao đổi đề bổ khuyết cho nhau, san sẻ cho nhau, hướng dẫn cho

nhau. Không một bàn tay nào được nắm lại. Không một pháp nào bị che giấu.

- Ngoài ra, đại đức Kimbila nói tiếp - Cứ mỗi tháng hai kỳ, chúng đệ tử gặp nhau ở đây để sám hối; sau khi sám hối chúng đệ tử thay nhau tụng đọc những học giới cho đến thuộc lòng để hy vọng sau này dạy bảo lại cho những vị tỳ-khuru hậu lai!

- Hay lắm! Đức Phật thốt lên - Buổi hội ngộ và pháp thoại hôm nay, các ông cần phải giảng nói rộng rãi cho các nhóm học chúng, hội chúng tu học! Nếu chư tỳ-khuru trong giáo hội của Như Lai, cụ thể là hai nhóm hội chúng kinh và luật tại lâm viên Ghositārāma mà sống được chỉ một phần mười sáu như các ông thì đừng nói chia rẽ, tương khắc, bất hòa, khẩu chiến, khẩu tranh không thể tồn tại mà một ánh mắt khó chịu, một lời nói không hoan hỷ lẫn tai nhau cũng không thể xảy ra!

9.13- Sáu Nguyên Tắc Sống Hoà Hợp

Im lặng, đưa đôi mắt ái từ và thiện hảo nhìn ba vị tỳ-khuru đang sống đời an vui, giải thoát, đức Phật điềm đạm nói tiếp:

- Từ đời sống hòa hợp như nước với sữa của các vị tại khu rừng Gosīṅga này, Như Lai muốn dựa vào đây để bỏ túc, bổ sung cho đầy đủ những nguyên tắc sống của tăng-già để sau này đi đâu, giữa phố thị, làng mạc, vườn rừng, tu viện, lúc gặp dịp thuận lợi, các vị sẽ giảng nói rộng rãi lại cho các hội chúng tăng ni. Và đây là sáu phép hòa kính để đem đến sự hòa hợp như nước với sữa - các ông hãy lắng nghe. Thứ nhất là từ thân hành⁽¹⁾, nghĩa là cái thân của mỗi vị phải được tắm mát bởi tâm từ. Như vậy có nghĩa ngoài chuyện cái thân ấy không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh mà còn phải biết dùng cái thân ấy đem lợi ích cho mình, cho bạn đồng tu và cho cả chúng sanh

⁽¹⁾ *Mettākāyakamma* - *kamma* có thể dịch là nghiệp, việc làm, hành động hay là sự biểu hiện ra bên ngoài.

muôn loại nữa. Ngoài ra, trong cộng đồng tăng lữ, như nước của trăm con sông lúc trở về biển chỉ còn thuần một vị mặn; cũng vậy, dù trong giáo hội của Như Lai đầy đủ bốn giai cấp đến học tu, nhưng chỉ có một mùi vị là giải thoát, không có thân tôi là bà-la-môn, thân anh là sát-đế-ly, thân cậu là vệ-xá, thân ông là thủ-đà-la. Chỉ có một thân thôi, đồng một thân thôi là cái thân chia sẻ công việc như sửa sang liêu cốc, dọn dẹp phòng ăn, phòng tắm, nhà vệ sinh cùng trăm việc lật vật khác. Cái thân mà làm được như thế, hành động được như thế thì trăm thân cũng hòa, ngàn thân cũng hòa do có năng lượng tâm từ luôn được tắm mát nên được gọi là từ thân hành!

Thứ hai là từ khẩu hành⁽¹⁾, nghĩa là lời nói ra của mỗi vị phải được tắm mát bởi tâm từ. Như thế, ngoài chuyện cái khẩu ấy không được nói dối, không được nói đâm thọc, không được nói lời độc ác, không được nói lời rỗng không, thô tục, nhằm nhí, vô ích, mà lời nói ấy còn phải hòa nhã, dịu ngọt, êm ái, hoan hỷ cái lỗi tai của mọi người. Vậy cũng chưa đủ, bậc lợi trí, lợi tuệ còn sử dụng lợi khẩu, lợi ngôn nữa, nghĩa là họ chỉ nói lời chân, lời thiện, lời mỹ, chỉ nói lời an vui, giải thoát, chỉ nói lời biết đủ, sống dị giản, chỉ nói lời sách tấn sự tu học. Nói tóm lại là chỉ nói những lời để xa lánh xấu ác, phát triển lành tốt, thêm giới, thêm định, thêm tuệ thì họ mới nói. Đối với bạn đồng tu cũng tương tự vậy, từ khẩu hành luôn được tắm mát, ngày cũng như đêm, trước mặt cũng như sau lưng.

Thứ ba là từ ý hành⁽²⁾, là luôn an trú tâm từ khi sống với nhau. Như vậy, ý nghĩ của mỗi người không bao giờ để cho tham lam, sân hận và tà kiến chi phối. Trong một tập thể, đừng bao giờ bắt mọi người sống theo ý mình, phải bỏ tâm ý của mình đi mà sống theo tâm ý của bạn. Khi giải quyết một vấn đề cần ý kiến của mọi người thì phải tôn trọng những quan điểm

⁽¹⁾ *Mettāvacīkamma.*

⁽²⁾ *Mettāmanokamma.*

riêng tư. Có thể biểu quyết bằng đa số, lựa chọn ý kiến nào là khả hữu, nhưng nên nhớ là luôn lấy công bằng làm thước đo lẽ phải. Nếu được như thế, có từ ý hành làm chủ đạo thì hội chúng nào cũng thanh bình cả.

Thứ tư là giới hòa⁽¹⁾, là mỗi người sống theo giới luật mà mình đã thọ trì một cách trọn vẹn, đừng để cho nó hư lung, đứt bẻ, lấm dơ. Sa-di có những giới điều cho sa-di. Tỳ-khưu có những giới điều chế định cho tỳ-khưu. Ai nấy đều làm tốt bổn phận mình, tôn trọng nhau, hòa hợp nhau. Không có trường hợp người nhiều giới xem thường, coi khinh kẻ ít giới hoặc ngược lại. Ai nấy đều đang trên lộ trình tiến hóa, người đi trước dẫn người đi sau trong tinh huynh đệ, thiện bạn hữu thiêng liêng và cao đẹp. Nói như thế, nhưng chỉ cần mỗi người tự làm tốt giới hạnh, giới phẩm của mình thì giới hòa sẽ trở nên hoàn hảo.

Thứ năm là lợi hòa⁽²⁾ là khi có lợi lộc phát sanh, cụ thể là thức ăn, vật uống, chỗ ở, giường gối, chăn màn, y áo và vải vóc, thuốc chữa bệnh và ngựa bệnh... nói chung là tất cả những tiện nghi cần thiết cho đời sống một sa-môn thì phải chia sớt, san sẻ đồng đều đến mọi thành viên, không ai được nhiều hơn ai. Tuy nhiên cũng tùy trường hợp phải linh động. Ví dụ, chư vị trưởng lão, tuổi cao, sức yếu, những người ốm đau, tật bệnh thì được hội chúng ưu tiên hơn. Cũng có trường hợp, các vị trẻ dăng cúng vật quý trọng lại cho chư vị trưởng lão. Cũng có thể những vị tôn túc nhường phần mình cho những vị khác thiếu thốn hơn. Tất cả đầy đều được thể hiện bởi lòng quý trọng và thương yêu. Trên tất cả, tối thượng hơn cả, nếu ai ai cũng biết chừng mực, vừa đủ trong tứ sự thì sẽ mang đến một sự hòa hợp tuyệt vời: Không chia đều mà vẫn hòa! Các ông có thể thấy ra chỗ này không?

⁽¹⁾ *Sīlasāmaññatā*: *Sīla* là giới. *Sāmaññatā* là sự hòa hợp, phù hợp, giống in... *Tạm thời dịch là “giới hòa”* theo cách hiểu phổ thông.

⁽²⁾ *Sādhāraṇabhogī*: *Cộng chung lợi lộc*. Như vậy, có nghĩa là cùng hưởng chung lợi lộc phát sanh - thường thì ở đâu cũng chia đều ra cho mỗi cá nhân trong tập thể ấy.

Tôn giả Anuruddha đáp:

- Thưa, chúng đệ tử không những thấy mà từng đã thực hiện tại khu rừng Gosinga này!

- Cụ thể là thế nào?

Tôn giả Kimbila đáp:

- Thưa, một hôm có người thợ rừng đi ngang, dâng cúng một tô mật ong. Hiền giả Anuruddha và hiền giả Nandiya không bảo chia đều mà trao hết cho đệ tử vì biết cơ thể của đệ tử cần đồ ngọt.

Đức Phật khen ngợi:

- Vậy đích thực là hòa hợp ở trong tâm, chứ không phải là bình quân vật chất thô thiển ở bên ngoài nữa. Tuyệt lắm!

Tôn giả Nandiya nói thêm:

- Một số thuốc men và tất cả mọi vật dụng, tiện nghi khác cũng vậy. Ở đây không có chia đều, mà để chung một chỗ, ai cần thì sử dụng trong chừng mực và phải lễ.

- Đúng là vậy!

- Chẳng ai có tư hữu, chẳng ai thềm có cái gì đó là của mình. Chúng đệ tử hoàn toàn vô sản và bần hàn, thưa đức Tôn Sư!

- Đúng là vậy! Đẹp lắm thay!

Tôn giả Anuruddha thưa tiếp:

- Chư vị tôn hiền giả Sāriputta, Moggallāna, Mahā Kassapa... thường không giữ cái gì cho mình cả, luôn luôn chia sẻ, san sẻ đến những vị sư thiếu thốn, là những tấm gương soi, bạch Thế Tôn! Hiền giả Ānanda được vua Udena dâng cúng một ngàn bộ y quý đẹp nhưng ngài chỉ mặc bộ y cũ, còn tất cả đều đem dâng cúng hết cho hội chúng, là một nghĩa cử đẹp tuyệt vời, bạch Thế Tôn!

- Đúng vậy, đẹp lắm! Rồi đức Phật chậm rãi nói tiếp - Điều thứ sáu, điều cuối cùng là kiến hòa. Nếu một ngôi nhà năm mái, năm cạnh đều được châu về mái chóp nhọn thì mái chóp nhọn kia sẽ bao quanh, ôm kín, phủ trọn chúng. Vậy, chóp nhọn kia nằm ở địa vị thống lĩnh, quan trọng nhất, mà nếu thiếu nó, ngôi nhà ngũ giác không thành. Trong sáu nguyên tắc sống mà Như

Lai vừa lược giảng, năm điều vừa trình bày mới chỉ là năm mái, năm cạnh, còn cái chóp nhọn bao trùm chúng, phủ trùm chúng chính là kiến hòa. Thiếu “kiến hòa” thì năm bộ phận chi tiết kia sẽ bị rã tan không thống hợp lại với nhau được. Vậy ở đây, ai có thể giải thích, diễn giảng cái “kiến hòa” ấy cho Như Lai nghe thử nào?

Có vẻ suy nghĩ một lúc rồi Anuruddha đáp:

- Kiến⁽¹⁾ theo nghĩa truyền thống thì nó là học thuyết, giáo lý, quan điểm nhưng tất cả chúng đều không thể nói được về giáo pháp như thực của đức Tôn Sư. Tuy nhiên, nếu tạm mượn chữ kiến ấy trong kiến hòa thì có thể có ý nghĩa rằng: Tất cả mọi người, trong một tu viện, tịnh xá, các hội chúng tăng ni sống trong giáo pháp của đức Thế Tôn thì phải lấy giáo pháp ấy mà nương tựa, tri và hành theo giáo pháp ấy! Không thể có trường hợp những cái “kiến” ấy khác nhau, so lệch nhau, đối chọi nhau, không phù hợp nhau, không y nhau, đấy được gọi là “kiến hòa”, bạch Tôn Sư!

- Tạm được! Đức Phật gật đầu - ông đã nói đúng cái cốt lõi.

Kimbila thưa tiếp:

- Như vậy thì có thể nói cô đọng hơn nữa: “Cái kiến” về pháp học, về pháp hành phải giống nhau, phải y nhau, bạch đức Tôn Sư!

- Đúng vậy!

Nandiya gật gật đầu:

- Thấy thấy! Tất tần tật. Về uẩn, xứ, giới, về tứ diệu đế, tứ niệm xứ, bát chánh đạo... gì gì đó; tức là những giáo pháp quan trọng, giáo pháp diệt khổ đưa chúng sanh đến chánh trí, giải thoát thì phải giống nhau toàn bộ mới được gọi là kiến hòa, phải vậy không, thưa đức Tôn Sư!

- Đúng vậy! Đức Phật lại mỉm cười - nhưng nếu các vị đi đây đi đó, gặp lúc phải giảng nói, từ cái kiến văn và kiến tri giống nhau đó thì kiến giải, kiến luận cũng phải giống nhau nữa!

⁽¹⁾ *Đitthi*: Giáo lý, học thuyết...

- Thừa vâng!

Đức Phật giảng tiếp:

- Thế gian thường nói là cùng một mục đích, cùng một chí hướng, cùng một lý tưởng, cùng một hạnh nguyện gì gì đó nhưng tất thấy những cái “cùng” ấy chúng dễ đưa đến xung đột, đấu tranh hoặc dễ thỏa mãn tham vọng hoặc quyền lực. Giáo pháp của Như Lai chỉ đặt tầm quan trọng, tinh tủy nơi kiến hòa mà thôi. Kiến và tri, thấy và biết; nhưng phải là thấy biết như thực, chơn chánh. Thấy biết như thực, chơn chánh nên được gọi là chánh tri kiến.

Cuối cùng, sáu nguyên tắc sống này chưa từng có từ xưa đến nay, chưa hề có mặt trong bất kỳ một chủ thuyết, một học thuyết nào. Nó chỉ có mặt trong giáo pháp như thực, của những con người có mắt sáng, tai sáng, trí sáng, rộng không vô minh và ái dục. Nó hỗ trợ cho những kẻ lên đường. Nó là chất keo tâm linh kỳ diệu gắn kết những người tu học với nhau trong các hội chúng nên còn được gọi là pháp làm cho cho mọi người yêu quý, thương mến nhau⁽¹⁾, là pháp làm cho mọi người quý trọng, tôn kính nhau⁽²⁾, là pháp chấm dứt xung đột, cãi cọ, đưa đến vô tranh, hòa hợp, nhất trí trong các thành viên⁽³⁾ mà thế gian không thể có được.

10 - Mùa An Cư Thứ Mười (Năm 578 Tr. TL)

10.1- Hiền Giả Voi Và Khi⁽⁴⁾

Nghỉ lại khu lâm viên ba vị ẩn sĩ một thời gian nữa, đức Phật được họ phục dịch rất ân cần, chu đáo. Đức Phật cũng cố ý nhắc đi nhắc lại bài pháp sáu nguyên tắc sống đưa đến vô tranh, hòa

⁽¹⁾ *Piyakaraṇa*: Piya là yêu quý, thân thương... Karaṇa là làm, tạo nên..

⁽²⁾ *Garukaraṇa*: Garu là tôn kính.

⁽³⁾ *Saṅgahāvivādā- sāmaggī - ekabhāvasaṃvattana*.

⁽⁴⁾ *Chuyện voi và khi - dựa theo Dhammapadaṭṭhakathā - bản chú giải kinh Pháp Cú - Kosambaka Vatthu.*

hợp cho các vị thánh giả này thuộc nằm lòng để có dịp, họ trùng tuyên cho những nhóm tu học khác.

Hôm kia, đức Phật không báo với ai, lặng lẽ ôm bát ra đi. Thế rồi, ngài trì bình khát thực trên đường, độ thực dưới một bóng cây nào đó rồi nhắm phía rừng xanh, đi mãi.

Lúc mặt trời vừa lặn, đức Phật bước vào khu rừng có tên là Pārileyyaka với nhiều cây cao bóng cả, sầm uất, xanh đẹp, cây lành, trái ngọt. Ngài dự định an cư hạ thứ mười ở đây, dưới một cội cây sālā hùng vĩ.

Cách đây không bao xa, có một con bạch tượng già cũng đang thọ hưởng đời sống độc cư. Vốn là chúa đàn từ lúc còn trai trẻ, thanh niên bạch tượng đã dẫn dắt đàn, hướng dẫn đàn, bảo vệ đàn với tình thương của người cha, người mẹ. Mấy chục năm qua, đàn voi được yên vui và tăng thịnh. Tuy nhiên, đến lúc, voi cảm thấy cơ thể mình đã suy yếu, sức lực đã giảm sút. Nó chỉ thích sự yên tĩnh. Nhưng mà bức bối quá. Nó luôn bị quấy rầy bởi những chàng voi đực, những cô voi cái, mấy ả voi tơ, mấy cậu voi bé, mấy chú voi con... Bao nhiêu đầu ngọn lá ngon lành mà nó vừa vít xuống, đã bị lũ voi giành nhau cuỗm đi. Có những cành, những búp, những chồi cây mộc ngọt, nó vừa kéo xuống, lũ voi kia đánh nhau, huych nhau giật giành cắn xé vương vãi ra. Rốt lại nó phải ăn những cành lá nát, phải nhai những thứ mà bọn kia bỏ lại. Nó chán quá. Chúng chẳng có biết lễ nghĩa, phép tắc gì cả. Rồi còn những chỗ nó uống nước, bọn kia lại quậy cho nổi bùn lên. Những bụi sen, bụi súng sau khi ăn no, chúng còn phá nghịch cắn xé làm cho cọng cành toi tả, nổi lênh phênh! Khi nó muốn tránh ra xa, trốn và ngâm mình trong một cái ao hồ nào đó thì cũng có ngay một hai ả voi cái đến kề bên ông ẹo, lẳng lơ cọ xát hông, cọ xát đít. Thiệt là chán quá. Nó nghĩ: “Hay là ta nên sống một mình, tách khỏi bầy đàn, tìm một ngôi rừng xa vắng nào đó để tĩnh cư, dưỡng già?” Thế rồi, lợi dụng lúc cả bầy voi đang nghỉ, voi già lén trốn tìm đến khu

rừng Rakkhitavana - thuộc vùng Pārileyyaka⁽¹⁾. Và nó tìm được an lạc ở đây.

Đức Thế Tôn lúc ấy, đang thọ hưởng lạc về thiên, lạc về quả, sau đó, cụ thể là ngài đi sâu vào định diệt thọ tướng để nghỉ ngơi. Như vậy là bậc thầy của chư thiên và nhân loại và chúa loài voi trong khi tìm chỗ độc cư đã gặp gỡ nhau ở đây.

Hôm kia, do đã xa rời bầy đàn huyền ảo, voi thanh thảo dạo chơi. Đến gốc cây Sāla hùng vĩ, nó thấy đức Phật đang trú định diệt tướng. Thần sắc phi phạm, đáng đáp uy nghiêm bất động của ngài làm cho voi phát sanh nửa quý kính, nửa sợ hãi. Nó lặng lẽ quỳ xuống, chiêm ngưỡng. Đức Phật lúc ấy vừa xả thiên, xuống cận định, ngài trú tâm từ rồi ban rải tâm từ ấy đến môi trường xung quanh. Voi cảm giác rất mát mẻ và an lạc. Do tính linh mẫn bẩm sinh của loài chúa, voi biết đây là một con người, nhưng là một con người phi phạm!

“Đồng cảnh tương cảm, đồng khí tương lân”⁽²⁾ voi nghĩ mình phải phục dịch, hầu hạ vị này! Thế rồi, voi chúa để ý quan sát mấy hôm liền nên biết rõ giờ nào đức Phật rời khu rừng ôm bát xuống làng để khát thực? Rồi ngài về lúc nào, dùng những vật thực gì ở trong bát? Nó cũng biết rõ giờ nào đức Phật đi kinh hành, lui tới, vào ra theo lối nào, lúc nào; giờ nào ngài đi tắm rửa, ở đâu, dùng nước nào để uống, để rửa ráy? Ngoài ra, mỗi ngày ba thời đức Phật trú định rất sâu, đây là buổi chiều, buổi khuya và vào giấc sáng. Thanh thoảng đức Phật trú tâm rộng không, giải thoát. Và thường khi ngài trú vô lượng tâm để mang đến năng lượng an lành và mát mẻ cho muôn loài. Lạ lùng làm sao, voi chúa mơ hồ cảm nhận được điều ấy. Và nó bắt đầu thực thi phận sự của mình.

⁽¹⁾ *Thật ra, tên khu rừng này là Rakkhitavana - sau do đức Phật gọi tên voi là Pārileyyaka - từ đó Pārileyyaka trở thành tên của khu rừng.*

⁽²⁾ *Soạn giả mượn câu thành ngữ Hán Việt: “Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu” - nói trại ra, với nghĩa: “Đồng một khí nên xót nhau. Đồng một cảnh nên cảm nhau!”*

Thật là tuyệt vời. Sớm hôm kia, vào cuối canh ba, sau khi đức Phật dùng thiên nhân thông để quan sát ai có duyên để ngài đi hóa độ, vừa xả thiên, mở mắt ra đã thấy voi chúa quỳ trước mặt. Không biết nó kiếm đâu ra một tảng đá có lỗ giống như cái cối nhỏ trong đựng đầy nước. Hóa ra voi dùng vòi dâng cho đức Phật nước rửa mặt. Khi đức Phật đang làm vệ sinh buổi sáng thì voi dùng vòi nhỏ một chùm cây có nhiều lá, lui tới quét dọn trong ngoài khá sạch sẽ.

Khi đức Phật chuẩn bị cầm y bát xuống làng thì voi chúa quỳ gần bên, cuốn y bát ấy đặt lên đầu mình một cách rất cung kính và cẩn trọng.

- Được rồi! Đức Phật mỉm cười rồi nói - Hãy đi cùng với Như Lai ra khỏi bìa rừng!

Thế là đức Phật đi trước, voi đi sau, đội đại y và bát lên đầu. Đến chỗ tiếp giáp con đường xuống làng, đức Phật dừng chân lại.

- Chỉ đến ngang đây thôi! Hãy trao lại y bát cho Như Lai chứ!

Voi nghe lời. Và sau khi trao y bát cho đức Phật rồi, nó đứng nhìn cho đến lúc ngài khuất sau lùm cây mới trở lại rừng. Sau đó, voi đi lùng tìm trái cây ngon ngọt về chuẩn bị sẵn.

Đội khi đức Phật đi khát thực từ các xóm làng trở lại, voi chúa đã đón sẵn ở bìa rừng, lại giành đội y bát trở lại cội cây Sāla hùng vĩ. Rồi nó dâng thêm trái cây.

Lúc đức Phật độ thực, voi lại đi kiếm nước, dâng nước cho ngài cũng bằng “cối đá” làm vật đựng. Đức Phật tỉnh té, ngài uống nước trước, rửa tay sau để khỏi phiền voi đi lấy nước hai lần.

Voi chúa quỳ một bên ra vẻ mừng vui, hoan hỷ lắm!

Sau khi xong xuôi mọi sự, Đức Phật lại rải tâm từ cho voi cùng nói lời phúc chúc: “Cầu nguyện cho con được sanh làm người, làm trời, có trí tuệ, hạnh phúc và an lạc”.

Tối đến, voi chúa lấy vòi nắm một khúc cây to để canh chừng thú dữ, trông như một viên đại tướng cận vệ đáng tin cậy.

Ngày ngày, voi chúa hầu hạ đức Thế Tôn như vậy với sự chu đáo, tận tâm, thành kính không biểu lộ một chút mệt mỏi nào.

Không xa nơi này bao nhiêu có một con khỉ chúa, tình trạng cũng không khác voi chúa bao nhiêu, nó cũng trốn bầy đàn tìm ẩn cư ở đây. Hơn tháng trường, thấy voi chúa hầu hạ, phục dịch đức Phật như thế, khỉ chúa phát sanh tín tâm. Nó tự nghĩ: “Ta cũng phải biết làm cái gì chứ? Cái con người này thật khác xa với những con người mà ta đã gặp. Những cái con người mà ta đã gặp luôn luôn rình rập, bắn tên, giăng lưới, gài bẫy để săn bắt giết hại bà con của ta một cách độc ác và tàn nhẫn. Người này, hiền, tốt lại tỏ ra cái gì đó rất mát mẻ, rất an lành nữa”.

Trong khi nhảy nhót vui chơi đây đó, khỉ chúa phát giác một ổ mật ong trên cây mà bầy đàn đã bỏ đi hết. Sung sướng, khỉ chúa lấy ổ ong xuống, cẩn thận lấy lá chuối trùm lại rồi đem đến dâng đức Phật cùng lúc với voi chúa dâng trái cây.

Đức Phật mỉm cười, làm thỉnh thọ nhận. Khỉ chúa đưa mắt lăm lét đảo qua đảo lại xem xét “cái ông người” kia có ăn cái vật mà nó tặng không? Nó thấy đức Phật cầm lên xem rồi đặt trở xuống, chứ không dùng. Nó thầm nghĩ: “Có cái gì đây, tại sao?” Rồi khỉ chúa lấy cành cây nhỏ, khoèu khoèu ổ ong xem thử. Nó thấy trong đó còn sót rất nhiều cái gì đó khá bần. Hiểu ý, nó lựa lui, lựa tới một tấm sạch sẽ nhất, dâng ngài; lúc ấy đức Phật mới thọ dụng một chút cho nó hoan hỷ.

Và quả vậy, khỉ chúa mừng quýnh, chí chóc liên hồi rồi nhảy vút lên cao, nín cành này bay vèo qua cành khác. Không may, trong lúc sung sướng thái quá thiếu sự cẩn thận, hai tay hai chân khỉ chúa búa nhảm mấy nhánh cây khô, nó bị rơi từ trên cao xuống, trúng nhằm một phiến đá, vỡ đầu, chết liền tại chỗ. Nhờ tâm trong sạch, nhờ tín, hỷ khỉ chúa tức khắc hóa sanh vào cung trời Đao Lợi làm một vị thiên tử cao sang, mỹ tướng.

Thế là đức Phật an cư mùa mưa ở đây, có chú khỉ chúa đã sanh thiên và voi chúa tận tụy cung phụng, hầu hạ rất cẩn mật và chu đáo đâu có thua loài người bao nhiêu!

10.2- Thà Sống Một Mình

Đức Phật bỏ đi đột ngột, và đi về đâu cũng không ai biết. Chuyện đến tai ba nhà triệu phú, hôm kia họ cùng nhau đến tu viện để tìm hiểu hư thực. Thấy tình trạng bất hoà giữa hai nhóm kinh và luật vẫn không thuyên giảm, họ chán nản. Khi ra về, cả ba ông triệu phú nhất trí với nhau là từ rày về sau, không hộ độ cho lâm viên Ghositārāma nữa. Thiện nam tín nữ hai hàng cũng vậy, họ không những không cung cấp vật thực mà còn muốn đẩy hình phạt đi xa hơn: Biểu tỏ sự không kính trọng, không tôn trọng, không chấp tay, không đứng dậy mời chào khi gặp chư tăng Ghositārāma.

Như vậy là trong hạ này, lúc đức Phật ở rừng sâu, sống với voi, với khi có đầy đủ vật thực thì tu viện Ghositārāma chẳng còn ai lui tới; dầu đèn, hoa hương gì cũng trống không, vắng lạnh; chư tăng ốm gầy, xanh xao vì thiếu thốn dinh dưỡng, vật vờ tới lui như những xác ma, bóng quỷ.

Suốt mấy tháng chư tỳ-khuru Ghositārāma sống trong tình trạng như thế, họ đã bắt đầu cảm nhận thấm thía cái quả báo do nhân không nghe lời đức Phật nên đã bị hai hàng cận sự không dâng cúng vật thực, tuy nhiên, họ vẫn chưa ngồi lại với nhau.

Đợi đến gần hết những tháng ngày nắng nóng vẫn không nghe tin tức gì, không thấy đức Phật trở lại, đại đức Ānanda cùng tỳ-khuru Nāgita hội ý với nhau là đi tìm ngài. Tuy nhiên, đợi đến lúc đúng thời, tôn giả Mahā Moggallāna mới gặp đại đức Ānanda, nói rằng:

- Này hiền giả thân mến! Tại thị trấn Kuru, chéch về hướng Đông Nam khoảng vài do-tuần, có một ngôi rừng nguyên sinh có tên là Rakkhitavana, đức Thế Tôn đang độc cư ở đấy, an cư ở đấy, có lão voi chúa hiền thiện vừa làm thị giả, vừa làm hộ pháp, vừa hầu hạ, cung phụng, cúng dường cây trái cho ngài thật là chu đáo. Hiền giả cùng năm trăm vị tỳ-khuru hãy lên

đường, nghinh đón ngài về đây cho tăng ni, cư sĩ các giới khỏi phải ngóng vọng và trông chờ!

- Hóa ra sư huynh đã biết rõ tường tận như thế?

- Vâng! Không chỉ mình tôi mà tất cả bậc lậu tận và có thắng trí đều biết!

Đại đức Ānanda cười vui chớ không buồn:

- Vậy thì đệ sẽ đi ngay!

Tôn giả Mahā Moggallāna còn dặn dò:

- Khi đến bìa rừng, đại chúng ở ngoài, hiền giả một mình vào trước. Phải để ý đến lão voi, hấn sẽ ngáng đường làm khó dễ đấy. Tuy nhiên, chỉ cần đưa y bát lên rồi chỉ vào khu rừng, lão voi sẽ để cho hiền giả đi. Đức Thế Tôn ngự ở một cội cây sālā hùng vĩ nhất.

Thế rồi, đại đức Ānanda cùng với đại chúng lên đường, theo hướng về Bārāṇasī. Vì hội chúng đông còn phải phân bố rải rác khát thực qua các thị trấn hoặc thôn làng nên phải đi khá chậm, nửa tuần trăng họ mới tới nơi. Nhìn khu rừng già hoang quạnh, đại đức Ānanda chảy nước mắt.

Ghi nhớ lời của tôn giả Mahā Moggallāna, đại chúng chờ rải rác ngoài rừng cây, đại đức Ānanda đi vào rừng một mình. Vào một khoảng cây thưa, có một ông voi trắng to lớn đưa mắt gườm gườm nhìn đại đức. Biết ý, đại đức nâng bát và y lên cho voi thấy, rồi mỉm cười, đưa tay chỉ vào trong ra dấu hiệu. Tuy nhiên, voi chưa nhường đường ngay mà đưa mắt quan sát “người lạ” một hồi, và có lẽ nó trông thấy “giông giống” đức Phật nên quay lưng, đứng đỉnh bước đi như dẫn lối. Đại đức chậm rãi theo sau.

Lúc ấy đức Phật đang tọa thiền, khi xuống cận hành định, mở mắt ra đã thấy đại đức Ānanda đang quỳ phía trước, còn lão voi chúa đứng hầu một bên.

- Hãy gọi chúng tỳ-khuru vào đây, Ānanda! Đức Phật nói - ông và mọi người đi đường xa chắc đã mệt mỏi lắm rồi đây!

- Ai ai cũng mong ngóng đức Tôn Sư cả! Đại đức Ānanda

quỳ năm vóc sát đất, đánh lễ xong rồi đáp - Nguyện vọng của mọi người là thỉnh đức Tôn Sư về Sāvatti.

Đức Phật im lặng không nói gì.

Khi chur tăng vào đây đặc cả khu rừng, voi chúa có vẻ bối rối, bất an; tức khắc, cái vòi của nó nắm chặt một khúc cây to, dựng đứng lên như ra dấu hiệu sẵn sàng bảo vệ đức Phật.

- Hãy bỏ gậy đi, này Pārileyyaka! Đức Phật rải tâm từ, đưa mắt nhìn voi rồi nói - Họ là đệ tử của Như Lai đây. Họ cũng bảo vệ Như Lai cũng như người bảo vệ Như Lai suốt mấy tháng qua, vậy đó!

Đại chúng ngạc nhiên khi thấy voi như hiểu tiếng người, nhẹ nhàng dựng khúc cây vào sau hốc đá rồi ngoan ngoãn nằm xuống, té nhị cuộn giấu cái vòi vào bên trong.

Đại đức Ānanda có vẻ quan tâm:

- Thấy hình dong, sắc tướng của đức Thế Tôn vẫn phương phi, hồng hào, quang rạng, chúng đệ tử rất vui mừng! Nhưng không biết ở tại đây, nơi xa vắng hẻo lánh này, ai là những thí chủ dâng cúng vật thực hằng ngày cho đức Đạo Sư?

- Này Ānanda! Này các thầy tỳ-khuru! Mấy tháng nay, Như Lai có hai vị thí chủ, thí chủ khi và thí chủ voi! Thí chủ khi sau khi dâng Như Lai một tấm mật ong, thấy Như Lai thọ dụng, nó hoan hỷ quá, chí chóc nhảy nhót, bay từ cây này, sang cây khác; và do bất cẩn, nó tuột tay, rơi nhằm một vật cứng nên bể đầu, mạng chung, tức khắc hóa sanh làm một vị thiên nam ở cung trời Đao Lợi. Còn vị thí chủ voi này, ngày đêm như vậy đó; ngoài chuyện dâng cúng trái quả quý hiếm, ngon ngọt, nó còn biết dâng nước uống, nước rửa mặt, nước rửa tay, quét dọn sạch sẽ xung quanh gốc đại thụ này nữa. Và cũng vì lợi lạc cho nó nên Như Lai ở đây, rồi các thầy sẽ hiểu điều đó!

Lời dạy của đức Phật và câu chuyện vừa kể của ngài về khi và về voi đã làm cho một số tỳ khuru xôn xang, hồ thẹn; một số vị nhờ vậy, cảm thấy mình có được con mắt sáng để thấy rõ có cái gì đó bình đẳng giữa tất cả chúng sanh. Có vị cũng cố thêm

đức tin về nhân quả, kiếp này, kiếp kia và luân hồi tử sanh!

- Như Lai sẽ về Jetavana với các vị - Đức Phật lại nhấn mạnh
- Nhưng mà này, sau này, trong các vị, nếu ai trên lộ trình du
hóa, gặp được bạn lành thì hãy làm quen với vị ấy, thân cận với
vị ấy, học những đức tính tốt của vị ấy, an lạc sống với vị ấy
để vượt qua mọi hiểm nguy luôn giăng bày trên khắp mọi nẻo
đường đời!

Nói thế xong, đức Phật tóm tắt ý ấy bằng bài kệ:

“- Ra đi trên bước đường đời

Gặp được bạn tốt, đáng người làm quen

Học chân thật, học dịu hiền

Kết bằng vui sống, vượt miền hiểm nguy”⁽¹⁾

Chăm chú nhìn hội chúng một lát, đức Phật cất giọng tiếp tục:

- Tuy nhiên, nếu không gặp được người hiền, người tốt;
không gặp được bạn lành thích hợp, không gặp được người có
tác phong đứng đắn; không gặp được người có trí tuệ để cận kề,
nương tựa sớm hôm thì hãy nên như một vị vua, sẵn sàng rời bỏ
một vương quốc vừa mới chinh phục, viễn ly tất cả để sống một
mình như con voi chúa ở rừng sâu như thế này!

Rồi đức Phật đọc bài kệ thứ hai:

“- Ra đi trên bước đường đời

Nếu không gặp bạn là người thiện nhân

Là người tuệ hạnh trong ngần

Là người chánh niệm, tinh cần sớm hôm

Thà rằng vững bước cô đơn

Như lão voi chúa thâm sơn một mình!”⁽²⁾

⁽¹⁾ Pháp cú câu 328: *Sace labhetha nipakaṃ sahāyaṃ saddhiṃ caraṃ
sādhuvihāridhīraṃ. Abhibhuyya sabbāni parissayāni careyya ten’attamano
satimā* (Có bài dịch khác là: *Xa xôi vạn dặm độc hành. Kết bạn thiện sĩ,
phúc lành lắm thay! Học tâm, học trí đủ đầy. An vui, chánh niệm vượt ngay
hiểm nghèo!*).

⁽²⁾ Pháp cú câu số 329: *No ce labhetha nipakaṃ sahāyaṃ saddhiṃ
caraṃ sādhuvihaṛidhīraṃ. Rājā’ va raṭṭhaṃ vijitaṃ pahāya eko care*

Như để cho đại chúng lãnh hội ý nghĩa thâm thía hơn, đức Phật còn giảng tiếp:

- Một trường hợp khác nữa, là không nên kết bạn với kẻ ngu si, người lắm lời, lắm chuyện, cãi cọ, luận tranh ồn ào, huyền não, phóng dật, giải đãi... Hãy rời xa tất cả mọi phiền não, ác uế, lo âu, sầu muộn, và hãy sống trong tĩnh lặng, cô đơn như voi chúa tĩnh cư thanh nhàn ở non sâu!

Ngài đọc thêm bài kệ thứ ba:

“- Tốt hơn, hãy sống một mình

Người ngu kết bạn dậm trình chẳng nên

Ác xa, rời bỏ não phiền

Chúa voi cô độc vui miền rừng xanh”⁽¹⁾

Đức Phật vừa đọc xong câu kệ thứ ba, năm trăm tỳ-khưu đều đắc từ sơ quả đến nhị quả. Tất cả đại chúng đồng sụp xuống quỳ lạy; rồi sau đó, tiếng sādhu lành thay vang dội cả khu rừng, lan xa đến các cõi trời.

Để cho không khí yên lặng lại, đức Phật mỉm cười:

- Vậy là tốt rồi! Là lợi ích lớn, là lợi lạc lớn rồi! Thôi, này Ānanda cùng các thầy! Giờ cũng là giờ phải lẽ, chúng ta từ giả khu rừng Rakkhitavana, từ giả cội cây sālā, từ giả chú voi Pārikaleyyaka hiền thiện, lên đường thôi!

Rồi đức Phật nói chuyện với voi chúa:

- Này Pārikaleyyaka! Hôm nay Như Lai phải đi thôi vì rất nhiều người đang mong đợi. Đây được xem như là cái duyên hạnh ngộ, may mắn cho người lắm đó! Hãy cố gắng giữ gìn những thiện pháp có được và những trạng thái tâm hỷ, tâm an trong tháng ngày người đã cung phụng, hầu hạ, hộ độ cho Như

mātaṅgaraññ’eva nāgo (Có câu dịch khác: Xa xôi ngàn dặm lữ hành. Nếu không gặp được bạn lành cùng đi. Sẽ không tăng trưởng tuệ tri. Không thêm giới hạnh, tu trì với ai? Thà rằng cô độc hôm mai. Rừng sâu chúa tể, mình voi hưởng nhàn!).

⁽¹⁾ Pháp cú 330: *Ekassa caritaṃ seyyo natthi bāle sahāyatā. Eko care na ca pāpāni kariyā appossukko mātaṅgaraññ’eva nāgo.*

Lai. Rồi người sẽ sớm thoát khỏi kiếp thú này để tái sanh vào các cảnh giới cao hơn!

Voi chúa nghe được những lời ấy, nó dứt vòi vào miệng, thụt lùi lại phía sau rồi rống lên những tiếng bi ai, sâu thẳm. Tuy nhiên, nó cũng lùi thủi tiến đức Phật ra tới tận bìa rừng.

Đức Phật dừng lại:

- Nay Pārikaleyyaka! Hãy dừng lại ở đây. Ngoài kia không phải là khu vực an toàn cho người nữa đâu.

Voi chúa nghe lời. Rồi nó giương mắt nhìn chiếc bóng của đức Thế Tôn, nhưng bóng ngài đã chìm khuất giữa rừng tăng chúng. Nó lại rống lên từng tràng não ruột, bi thiết rồi vờ tìm mà chết.

Rồi cũng tương tự như chúa khỉ, nó tức khắc hóa sanh vào cung trời Đao Lợi làm một vị thiên nam sáng ngời sắc tướng, có tên là Pārikaleyyaka thiên tử!

Đức Phật biết tức khắc, ngài nói với đại đức Ānanda và một số tỳ-khưu xung quanh:

- Cũng như khỉ chúa, con voi chúa kia đã sanh thiên rồi, đây là do nhờ đức tin, cung phụng, hầu hạ Như Lai và phước báu trái quả mà nó đã thành tâm dâng cúng hằng ngày cho Như Lai.

10.3- Xét Xử Tội Chư Tỳ-Khưu Ghositārāma

Thấy chư tỳ-khưu tăng ni, các hàng cận sự đều quay lưng, bỏ rơi, hội chúng tỳ-khưu tại Ghositārāma rơi vào một cơn khủng hoảng trầm trọng do bị áp lực nặng nề từ mọi phía. Họ không những bị bỏ đói mà còn bị rơi vào trạng thái tinh thần bất an, nóng nảy như có một lò lửa thiêu đốt ở trong lòng. Hôm nọ, vị pháp sư tìm gặp vị luật sư, kể lại tâm trạng của mọi người rồi sợ hãi nói:

- Bị thiêu đốt ở trong tâm là trạng thái địa ngục đây, hiền giả! Phải tìm cách sám hối với đức Đạo Sư thôi.

- Vâng! Tôi cũng nghĩ vậy.

- Chúng ta hãy họp cả hai hội chúng lại rồi tất thảy hãy bỏ hành về Sāvattthi, nghe nói là tôn giả Ānanda và năm trăm tỳ-khưu đã cung đón ngài từ khu rừng Pārileyyaka về Jetavana rồi.

- Vâng!

Vậy là trong lúc chư tỳ-khưu tại vườn rừng Ghositārāma chuẩn bị lên đường thì đức Phật đã về đến Jetavana.

Một hai ngày đầu tiên, đức Phật phải giải thích, trình bày nhân quả, sự họa hại gây ra do bất hòa, chia rẽ của hai nhóm hội chúng tại Ghositārāma cho chư tăng chùa Kỳ Viên nghe.

Hôm ấy, khi chư tăng Ghositārāma vừa vào đến cổng Kỳ Viên, tôn giả Sāriputta cũng vào xin ý kiến đức Phật:

- Họ đã đến, bạch đức Tôn Sư! Nay đệ tử cần phải thu xếp chỗ lưu trú của họ như thế nào?

- Nên tách biệt họ ra, này Sāriputta! Và cho hai nhóm hội chúng ấy cư ngụ vào chỗ của khách tăng, không nên cho họ ở cạnh trú xứ của chư vị thâm niên, cao hạ. Vì tất cả họ Như Lai xem là “đang bị án treo”, còn cần sự xét xử của hội đồng trưởng lão.

- “Án treo” là thế nào, bạch đức Tôn Sư?

- Có nghĩa là chưa định được tội trạng, và tội trạng đó sẽ xét xử như thế nào, đang còn treo lơ lửng ở đấy để chờ đợi sự tuyên bố của các vị giám luật.

- Chúng ta chưa có các vị giám luật.

- Hiện tại thì ở đây có Upālī và các vị trưởng lão sẽ làm công việc ấy.

Suy nghĩ một chút, tôn giả Sāriputta thưa:

- Giáo hội sau này sẽ lớn mạnh, bạch Tôn Sư! Vậy nên chẳng, hãy đề cử các vị trưởng lão tinh thông luật, rành rẽ luật, nghiêm túc luật, sống hài hòa với luật nằm trong hội đồng giám luật?

- Đề nghị đó thì hay nhưng chúng ta sẽ không áp dụng, thực thi được, vì chư tăng đa phần sống đời du phương, không có trú xứ nhất định; nói cách khác, không cộng cư một chỗ, thành phần nhân sự thay đổi luôn, hội đồng ấy sẽ bị phân tán, mỗi vị

sẽ mỗi phương. Vậy bất kỳ trú xứ nào, có chừng năm vị tỳ khuru trở lên là đủ đại diện Tăng để xử lý công việc ấy. Trong số đó chỉ cần một hai vị biết luật, biết thế nào là không phải luật, là tốt rồi, này Sāriputta!

Tối hôm ấy, chư vị trưởng lão đã có một cuộc họp sơ bộ để xử lý công việc ngày mai. Tôn giả Upāli, Mahā Kassapa nhận nhiệm vụ chính, một vị vấn, một vị đáp. Hai vị đại đệ tử ở bên phải, bên trái đức Đạo Sư để điều hành công việc hoặc đưa chỉ thị kịp thời của ngài. Các vị trưởng lão còn lại nằm trong hội đồng chứng minh.

Thế là hôm sau tại đại giảng đường, đầy đủ tất cả chư vị trưởng lão, đầy đủ đại diện tăng ni và hai hàng cận sự nam nữ trong toàn kinh thành Sāvatthi, đức Phật chủ tọa cuộc xét xử chư vị tỳ-khuru Ghositārāma.

Khi họ đến, sau khi cả hai hội chúng đến đánh lễ đức Thế Tôn rồi họ xin được sám hối.

Đức Phật ngồi im lặng.

Tôn giả Mahā Kassapa nói lớn:

- Chưa phân định tội trạng thì việc sám hối có được chấp nhận không, thưa luật sư?

Tôn giả Upāli đáp:

- Đức Thế Tôn có dạy: Chưa phân định tội trạng, nghĩa là đang bị “án treo” thì việc sám hối không được chấp thuận, thưa tôn giả!

Tôn giả Sāriputta phải giải thích hai chữ “án treo” cho cả đại giảng đường cùng hiểu.

Hai nhóm tỳ-khuru ủ rũ ngồi cúi gằm mặt xuống, không dám nhìn ai. Tôn giả Mahā Kassapa cất tiếng hỏi:

- Đầu tiên, xin thầy dạy luật kể lại toàn bộ câu chuyện xảy ra, về mình, đúng với sự thật cho cả đại giảng đường cùng nghe, xin mời hiền giả!

Vị thầy dạy luật bèn tình thật kể lại.

- Đến phiên vị thầy dạy kinh, cũng y như thế! Tôn giả Mahā

Kassapa nói - xin mời hiền giả!

Vị thầy dạy kinh tình thật kể lại, đúng với sự thật, không thêm, không bớt lời nào.

Tôn giả Mahā Kassapa hướng qua tôn giả Upāli:

- Theo với câu chuyện kể của hai bên, thì ai có tội, ai không tội, xin ngài luật sư phán quyết cho!

Tôn giả Upāli đáp:

- Khẩu hành có bốn tội: Vọng ngôn, lường thiệt, ỷ ngữ, vô ích. Ở đây, khi kể lại, cả hai vị đều nói lên sự thật, không thêm, không bớt - nên trong trường hợp này, họ không bị một tội nào!

Tôn giả Mahā Kassapa quay sang chư trưởng lão chứng minh:

- Trường hợp về khẩu ngôn vừa rồi của hai vị, ngài luật sư phán quyết vô tội, chư trưởng lão đồng thuận hay là không đồng thuận.

- Đồng thuận!

Việc xử án diễn ra như vậy, nghiêm túc, công khai, đúng pháp và luật. Sau khi họ xét định khẩu “đầu tiên” vô tội, vị khác đặt vấn đề: Vậy chuyện bắt hoà phát sanh từ đâu thì tội nằm ở đây. Cuối cùng, ban xử án tìm ra, tội bắt đầu phát sanh sau khi vị luật sư thuật lại chuyện ấy với chư đệ tử. Rồi chư đệ tử kể lại với người khác, câu chuyện càng đi xa với nội dung ban đầu. Tiếp đến, cả hai vị luật sư và pháp sư do bản ngã, do chấp thủ, bắt đầu khu khu bảo vệ nhóm đệ tử và bảo vệ cả cái sai lầm của mình. Sau rốt, tội lớn nhất là ba lần đức Phật hòa giải sự tranh chấp ấy, cả hai bên đều không chịu nghe theo...

Tôn giả Mahā Kassapa chốt lại vấn đề:

- Kể chuyện thất thiệt, loạn ngôn, vọng ngữ phát sanh từ phía chư đệ tử, bây giờ biết kết tội ai, hỏi ngài luật sư?

- Thừa, là thầy và trò của họ.

- Cái chấp thủ sự sai lầm thì bị ghép tội thế nào, thưa luật sư?

- Điều này đức Thế Tôn chưa chế định, vì nó thuộc phạm trù tâm ý, liên hệ đến sự tu tập, không liên hệ đến giới phần thân, khẩu.

- Thế thì cứng đầu, ngoan cố không nghe lời hòa giải của đức Đạo Sư, phải được phán quyết tội trạng thế nào, thừa luật sư?

- Đức Thế Tôn cũng chưa chế định, vả chăng nó cũng không thuộc phạm trù của học giới thân, khẩu.

Tôn giả Mahā Kassapa quay sang hai vị đại đệ tử và chư vị hội đồng trưởng lão, kết luận:

- Người hỏi đã xong, người đáp cũng đã xong. Bây giờ là phần quyết định của hội đồng trưởng lão, theo với tội và không tội mà vị luật sư vừa y cứ học giới của đức Thế Tôn đã chế định.

Hội đồng im lặng khá lâu.

Tôn giả Mahā Moggallāna phát biểu:

- Tội về thân khẩu thì đức Thế Tôn có chế định nơi này và nơi khác do từng trường hợp vi phạm xảy ra. Còn tội về tâm ý có từ bản ngã, do cứng đầu, do chấp thủ sai lầm, không nghe lời đức Đạo Sư, là tội đi địa ngục, tuy chưa chế định mà cũng không thể chế định! Tùy hội đồng phán định có đức Thế Tôn chủ tọa tối cao, còn riêng tôi, chỉ có việc trục xuất họ ra khỏi giáo hội mới tương thích với tội trọng ấy!

Tôn giả Sāriputta gật đầu:

- Tội nặng quá, chư thiên, chư thần ban đầu thì ủng hộ nhưng sau họ cũng khó chịu, bức mình, ghét bỏ. Trục xuất là đúng rồi. Nhưng đây là trường hợp lần đầu, không biết phải làm như thế nào, chúng đệ tử xin thỉnh thị ý kiến của đức Đạo Sư thôi!

Đức Phật lắng nghe từ đầu chí cuối, bây giờ ngài mới mở lời:

- Việc xử án vừa rồi, phân minh và nghiêm túc lắm, Như Lai có lời khen. Tuy nhiên, đến chỗ cuối cùng, sau khi xong phần việc của hai vị luật sư, đại diện hội đồng trưởng lão nên đặt câu hỏi như thế này: “Vậy các ông thấy mình có tội hay thấy mình vô tội?” Ví dụ, bên bị án đáp: “Thưa, chúng tôi đã thấy tội rồi!” Hỏi tiếp: “Thấy rõ là tội rồi thì ông sẽ làm sao?” Đáp: “Thấy rõ tội rồi thì chúng tôi xin được thành tâm sám hối rồi cố gắng chừa bỏ, sẽ không dám tái phạm nữa”.

Đức Phật chợt hiển lộ thần oai, nhiếp tâm, phóng hào quang

sáu màu từng đôi một, chập chờn dao động như con giao long, lát sau, ánh sáng trắng hào quang như bất động.

- Cái quan trọng là “thấy rõ tội hay không thấy rõ tội”. Cái quan trọng là “thành tâm cải hối, chừa bỏ hay không thành tâm cải hối, không chịu chừa bỏ”. Chư tỳ-khuru ở Ghositārāma tội nặng quá, ngang với si mê và tà kiến, đáng ra là bị trục xuất thôi, nhưng xét thấy là lần đầu, Như Lai chưa chế định và Như Lai cũng đọc được sự cải hối ở nơi họ. Nếu ai có thắng trí sẽ thấy rõ rằng, bây giờ tâm họ đang rút lại, đang co lại ở chỗ: “Biết hổ thẹn tội lỗi và đã biết ghê sợ tội lỗi”. Vậy xin hội đồng trưởng lão, hai vị luật sư châm chước tha tội lỗi cho họ để làm mẫu mực cho những học giới mai sau, sẽ còn tương tự như vậy nữa!

Đức Phật phán quyết như thế xong, tiếng hô “sādhu, lành thay” vang động cả đại giảng đường, vang dội cả kinh thành Sāvattthi cùng chư thiên các cõi trời!

Để cho đại giảng đường yên lặng trở lại, đức Phật nói tiếp:

- Hội đồng trưởng lão, hai ông đại đệ tử và Upāli hãy dựa theo ba mươi sáu điều pháp và phi pháp, luật và phi luật⁽¹⁾ để

⁽¹⁾ 1- Đúng là pháp - lại cho là không phải pháp; 2- Không phải pháp - lại bảo là pháp; 3- Đúng là luật - lại tuyên bố không phải luật; 4- Không phải luật - lại nhận là luật; 5- Điều Như Lai đã thuyết giảng - lại nói là không thuyết giảng; 6- Điều Như Lai không thuyết giảng - lại cho là có thuyết giảng; 7- Điều Như Lai thực hành - lại nói là không thực hành; 8- Điều Như Lai không thực hành - lại bảo là có thực hành; 9- Điều mà Như Lai chế định - lại cho là không chế định; 10- Điều Như Lai không chế định - lại bảo là có chế định; 11- Điều học giới quy định vô tội - lại tuyên bố phạm tội; 12- Điều mà học giới quy định phạm tội - lại tuyên bố vô tội; 13- Điều mà học giới chế định là tội nặng - lại xem là tội nhẹ; 14- Điều mà học giới nói là tội nhẹ - lại cho là tội nặng; 15- Điều mà học giới bảo là tội còn dư sót - lại cứ cho là tội không còn dư sót; 16- Điều mà học giới gọi là không còn dư sót - lại bảo là còn dư sót; 17- Điều mà học giới tuyên bố là tội trầm trọng - lại cho là không phải tội trầm trọng; 18- Điều mà học giới xác định là tội không trầm trọng - lại bảo là tội trầm trọng.

cùng chế định những học giới liên quan, lúc nào có trường hợp vi phạm nảy sinh, để từng bước, và từng bước hoàn thiện các học giới để làm y chỉ cho đại chúng tu học. Và nên nhớ, lúc nào phát sanh mới chế định, đừng bắt cái cây đi trước con bò!

Một làn khí trong lành và mát mẻ thổi qua tâm tư của mọi người đã xua đi đám mây u ám có từ cái tội nặng nề của nhóm tỳ-khuru Ghositārāma!

10.4- Bảy Phương Pháp Dập Tắt Tranh Chấp (Satta-adhikaraṇa-samatha)(1)

Sau biến cố tranh chấp ấy, đức Phật và hội đồng trưởng lão đã xét xử vụ việc một cách bao dung, rộng lượng nên không khí thanh bình, yên ổn lan tỏa trong cộng đồng tăng lữ.

Tôn giả Sāriputta cảm giác một niềm vui siêu thoát trong lòng mình; tuy nhiên, lát sau, ngài chợt nghĩ: “Giáo hội càng phát triển, thì những vụ việc phức tạp sẽ theo đó mà phát sanh. Hai nhóm hội chúng kinh và luật tại Ghositārāma chỉ là sự khởi đầu cho những cơn bão to, sóng lớn sẽ xảy ra trong nay mai khi mà phạm tăng ngày càng đông. Và chúng là nguyên nhân của các cuộc tranh chấp (adhikaraṇa), tố tụng, kiện cáo trong tương lai. Làm thế nào, có tiêu chí nào, có phương pháp gì có khả năng dập tắt, yên lặng chúng (samatha) đem lại sự hòa giải tốt đẹp giữa vị này, vị kia, giữa nhóm này và nhóm khác? Tất phải có chứ? Tất phải có chứ?”

Nghĩ thế xong, tôn giả Sāriputta đi tìm gặp tôn giả Moggallāna trình bày lại những điều mà mình vừa ưu tư rồi kết luận:

- Vậy cả hai chúng ta, chư vị trưởng lão có thể mở một hội nghị, thảo luận về nội dung trên, đưa ra những tiêu chí, những phương pháp hòa giải, sau đó đệ trình lên đức Thế Tôn xin ý kiến của ngài, được chăng?

⁽¹⁾ Tầu dịch là “Thắt diệt tranh chấp”.

- Vâng, được lắm! Và chúng ta nên lấy lại cái “sườn” hôm hai tôn giả Upālī và Mahā Kassapa vắn và đắp làm tiền đề cơ sở.

- Đúng vậy! Từ những điểm cô đọng và chuẩn mực ấy, chúng ta có thể phanh lắn ra sẽ có ngay một nội dung khả dĩ.

Thế rồi, chiều hôm sau, một cuộc họp giới hạn của các vị trưởng lão tôn túc diễn ra tại đại giảng đường tịnh xá Kỳ Viên, họ lấy ý kiến của hai vị đại đệ tử để bàn thảo. Ai cũng công nhận đề xuất ấy là chơn chính, là hữu lý, xác đáng.

Hai vị trưởng tử làm chủ tọa.

Hội đồng đã làm việc nghiêm túc và nhiệt tình. Cứ sau một điều được đưa ra, các vị trưởng lão có thể góp ý thêm bớt. Nguyên tắc làm việc là như vậy. Ví dụ, điều thứ nhất, tôn giả Sāriputta đưa ra: “Những vụ việc, sự kiện cụ thể về việc bất hòa để xảy ra tranh chấp như thế nào thì phải được phát biểu trung thực trước đại chúng, với sự có mặt của cả hai bên” thì đã được hội đồng đặt câu hỏi như sau:

- Đại chúng ấy là đại chúng nào? Một hội đồng giám luật hay chỉ cần bốn vị tỳ-khưu cao hạ đại diện?

- Có cần xác định cái gọi là “hai bên” ấy không? Hai bên là bên nguyên cáo, bên bị cáo⁽¹⁾ tức là bên khởi tố trước tăng và bên kia là thủ phạm bị thưa kiện; hay là hai phe như nhóm kinh và nhóm luật vừa rồi, họ đề cử hai đại diện?

- Chúng ta đề ý cụm từ “phát biểu ra trước đại chúng”. Có trường hợp, người ta tùy tiện phát biểu, nhưng lại có tính cách cá nhân, riêng tư, một chiều, nghiêng hẳn về một bên thì càng gây nên xáo trộn, bất hòa, tạo thêm hố ngăn cách?

Hội đồng thấy những câu hỏi ấy là xác đáng, cuối cùng, điều thứ nhất được mọi người góp ý chỉnh sửa chặt chẽ lại.

Điều thứ nhất: Hành xử luật với sự hiện diện của đại chúng (Sammukhāvinayo)⁽²⁾.

⁽¹⁾ *Mượn thuật ngữ ngày nay cho dễ hiểu.*

⁽²⁾ *Tàu dịch và âm là “hiện tiền tỳ-ni”.*

“- Tất cả những phát biểu về cuộc tranh chấp phải được nói ra trước đại chúng đang hiện diện (sammukhā) tối thiểu là bốn vị tỳ-khưu trưởng thượng đại diện tăng với sự có mặt của cả hai bên, bên nguyên, bên bị. Tránh những ý kiến cá nhân, riêng tư, một chiều dễ gây mầm mống xích mích, xáo trộn, chia rẽ”.

Điều một này được tôn giả Sāriputta tuyên đọc một lần, tôn giả Moggallāna đọc lại lần thứ hai, tôn giả Ānanda lặp lại lần thứ ba. Thấy hội đồng đều im lặng, vậy là điều một ấy được thông qua.

Qua điều thứ hai, cũng làm việc tương tự như trên, cuối cùng, điều thứ hai được tuyên đọc ba lần.

Điều thứ hai: Hành xử luật do sự hồi tưởng của trí nhớ (Sativinaya)⁽¹⁾.

“- Cả hai phía lúc phát biểu phải lấy sự trung thực làm đầu. Bên nguyên nói trước, bên bị⁽²⁾ nói sau. Phải hồi tưởng theo trí nhớ (sati) cho chính xác vụ việc, sự kiện đã xảy ra. Nên trình bày cặn kẽ, chi tiết, nếu có bằng có xác thực, người chứng hay vật chứng thì càng tốt. Đại chúng hoặc đại diện tăng sẽ yên lặng, chú tâm lắng nghe cả hai bên để nắm bắt vấn đề cho chân xác”.

Tương tự như vậy, sau đó, hội đồng đúc kết:

Điều thứ ba: Hành xử luật khi bên bị không điên cuồng, không tâm thần (Amūḷhavinayo)⁽³⁾.

“- Cả hai bên đều phải biết tôn trọng mục đích là tìm ra sự thật để có biện pháp hàn gắn, hòa giải nên những thái độ như chấp thủ, bảo lưu, ngoan cố, cứng đầu, ngu si (muddha) sẽ được xem như là phản ứng nghịch, tiêu cực và thiếu thiện chí xây dựng. Trong trường hợp đương sự nêu lý do mình bị biến loạn tâm thần, ngu dốt không hay biết hoặc vô tâm, vô ý thì đại chúng phải thẩm sát điều ấy để xét xử cho phân minh. Có thể

⁽¹⁾ Tầu dịch là “ức niệm tỳ-ni”.

⁽²⁾ Mượn từ “nguyên” và “bị” thời nay cho dễ hiểu.

⁽³⁾ Tầu dịch là “bất si tỳ-ni”.

gia giảm, mức án nhẹ hoặc tha tội cho bị cáo khi thấy có bằng có xác đáng”.

Điều thứ tư: Hành xử luật theo tội đã tự thừa nhận (Paṭiññātakaraṇavinayo)⁽¹⁾.

“- Có thể mỗi bên nên tự mình nói ra, thành thật thừa nhận sự sai lầm, khiếm khuyết, nhược điểm, yếu kém hay vô tâm, vô ý của mình mà không cần ai hạch hỏi. Tự nhận lỗi mình là thái độ hiểu biết sẽ làm cho không khí bất hòa, tranh chấp không còn căng thẳng nữa, tạo môi trường mát mẻ cho đối phương giảm nhiệt. Đây chính là tiền đề thuận lợi cho việc hòa giải mọi cuộc tranh cãi, tranh chấp”.

Điều thứ năm: Hành xử luật thuận theo sự biểu quyết của đa số (Yebhuyyasikāvinayo)⁽²⁾.

“- Sau khi cả hai bên thấy rõ lỗi lầm, sai phạm của mình, đều tỏ thiện chí cải sửa, thay đổi, tự hối, đại chúng chứng kiến sự thật ấy phải biểu quyết bằng đa số (yebhuyyasikā)”

Điều thứ sáu: Hành xử luật theo tội danh của vị ấy (Tassapāpiyasikāvinayo)⁽³⁾.

“- Tội án, tội tướng, tội danh (Pāpiyasikā) như thế nào, cách thức hỏi cải như thế nào phải đọc lên rồi hỏi lại ba lần để cho toàn thể đại chúng (tăng) nghe. Nếu tất thấy mọi người đều im lặng thì được xem như tăng đã đồng thuận, sẽ y như án ấy mà xét xử. Trong trường hợp này, các đương sự không có quyền phản đối, phải tuân hành thực thi án lệnh, tin tưởng hoàn toàn vào xử sự, phán quyết đúng đắn của tăng”.

Điều thứ bảy: Hành xử luật như dùng cỏ lập lên bùn (Tiṇavatthāarakavinayo)⁽⁴⁾.

“- Trong những cuộc hội họp quan trọng có cả hai phía để

⁽¹⁾ Tàu dịch là “tự ngôn tỳ-ni”.

⁽²⁾ Tàu dịch là “đa ngữ tỳ-ni”.

⁽³⁾ Tàu dịch là “tội xử sở tỳ-ni”

⁽⁴⁾ Tàu dịch là “thảo phủ địa tỳ-ni”.

giải quyết tranh chấp thì tăng nên chỉ định mỗi bên một vị trưởng lão cao hạ, đức độ, uy tín để bảo trợ. Chính hai vị này là linh hồn của cuộc hòa giải. Các ngài chỉ từ ái lắng nghe, thường không đóng góp ý kiến gì, nhưng nếu các ngài có đưa ra lời giáo giới, nhắc nhở nào thì đầy đủ là những lời vàng ngọc, là kim chỉ nam định hướng, là viên thuốc làm giảm nhẹ vết thương, là năng lượng cảm thông và tha thứ; nó như phủ một lớp cỏ lên bùn lầy (Tīṇavatthāraka) để mọi người bước lên khỏi bị dấn chân. Nhờ vậy, cả hai phía đều chịu nghe lời để bỏ qua những tình tiết không đáng kể, bản án trở nên mềm dẻo, tạo cho cuộc hòa giải trở nên nhẹ nhàng và mát mẻ”.

Ba hôm sau, bảy điều lệ hay bảy phương pháp dập tắt, làm cho yên lặng (samatha) hoặc hòa giải các cuộc kiện cáo, tranh chấp (adhikaraṇa) này được đệ trình lên đức Thế Tôn do tôn giả Ānanda tuyên đọc. Đức Phật chăm chú lắng nghe, dường như là ngài không bỏ sót một từ nào, kể cả sự liên lạc, đan kết giữa các câu cú, ngữ nghĩa, mệnh đề...

- Được rồi! Đức Phật gật đầu - Như Lai khen ngợi các ông đã có trí và có tâm đóng góp bảy điều căn bản cho các cuộc tranh chấp sau này. Là tiêu chí để hòa giải đây. Hay lắm! Hãy cho tuyên bố rộng rãi đi các nơi để làm y chỉ cho đại chúng. Và bảy điều này phải được đưa vào luật giới để hoàn thiện chúng dần dần.

11- Mùa An Cư Thứ Mười Một (Năm 577 tr. TL)

11.1- Như Lai Là Một Nông Dân

Thấy thời tiết đang còn mát mẻ mà công việc tăng ni hai viện đã có chư vị trưởng lão chăm sóc vững vàng nên đức Phật lại ôm bát đi về phương Đông. Gần hai tháng sau mới đến Đại Lâm tại Vesālī, lại vượt sông Gaṇḍā, dừng chân tại Pāṭaligāma, đức Phật và đại chúng về Veluvana. Tuy nhiên, mùa mưa năm thứ mười một, đức Phật chỉ một mình an cư tại làng Ekaṇālā

gần núi Dakkhiṇāgiri⁽¹⁾ phía Nam kinh thành Rājagaha. Tại đây, đức Phật thấy có cơ duyên hóa độ một vị đại điền chủ.

Chuyện kể rằng, hôm ấy, bà-la-môn Kasī-Bhāradvāja chuẩn bị làm một cuộc lễ hạ điền trọng thể trước khi vào vụ cày bừa cả hàng ngàn mẫu ruộng của ông ta. Đội quân chăm lo nông vụ này là năm trăm thợ cày trai tráng, mạnh khỏe, năm trăm lưỡi cày và ba ngàn⁽²⁾ chú bò sung sức. Ông còn chu đáo sai gia nhân nấu cơm trộn sữa cho quan khách, thợ thầy rất đầy đủ trước khi chuẩn bị ra đồng.

Đúng vào lúc ấy, đức Phật xuất hiện chỉ có một mình với bình bát trên tay, đại y vắt vai với hào quang sáu màu dập dờn từng đôi một, rồi ngài dừng lại, cách một quãng trước mặt vị gia chủ cùng thầy thợ. Dung sắc mỹ diệu và thái độ trầm tĩnh, tự tin của đức Phật làm cho mọi người đều im lặng, chiêm ngưỡng.

Riêng bà-la-môn Kasī-Bhāradvāja thì đã có nghe danh đức Phật nhưng ông không thích giáo hội ấy, chỉ gồm toàn những người ôm bát đi xin ăn, làm biếng lao động chân tay, ăn hại xã hội. Vì nghĩ vậy, sau khi biết đây là đức Phật, bà-la-môn Kasī-Bhāradvāja cất giọng rất lịch sự nhưng bên sau là cố ý công kích, chế nhạo:

- Thưa sa-môn Gotama! Chúng tôi là nông dân. Chúng tôi phải cày bừa, phải gieo mạ, phải bón phân, phải tưới nước, phải chăm sóc, phải gặt hái mới có được hạt lúa, mới có gạo thổi cơm. Ôi! biết bao nhiêu là khó khăn, vất vả, đổ mồ hôi, sôi nước mắt mới có được cái ăn để duy trì sự sống. Còn sa-môn Gotama và chúng đệ tử thì như thế nào? Chư tôn giả không cày bừa, không gieo mạ, không bón phân, không tưới nước, không chăm bón, không gặt hái, không đổ mồ hôi, không tốn công sức... mà đòi có cơm ăn hay sao? Phải lao động, phải làm việc mới có cái ăn chứ?

⁽¹⁾ Nhờ đức Phật an cư ở đây mà sau này có tu viện Dakkhiṇāgiri-vihāra.

⁽²⁾ Bình quân mỗi cây buộc 6 con bò kéo.

Đức Phật mỉm cười với sắc diện tỏa sáng dịu dàng như trăng rằm rồi chậm rãi đáp:

- Nay gia chủ Kasī-Bhāradvāja! Như Lai cũng là một nông dân! Như Lai cũng cày, cũng bừa, cũng gieo trồng, cũng bỏ phân, tưới nước, cũng tốn công sức chăm bón và gặt hái đó chứ!⁽¹⁾

Bà-la-môn Kasī-Bhāradvāja bất giác cười rộ:

- Thế cày bừa của sa-môn Gotama đâu? Dụng cụ nông tang đâu? Rồi còn nào bò, nào ách, hạt giống đâu? Vậy thì nước tưới cái gì, bón phân cái gì và gặt hái cái gì, thật là nực cười!

Giọng đức Phật vẫn toát lên âm thanh điềm đạm, ôn nhu, từ hòa:

- Nay hiền chủ! Ông không biết đó thôi. Hạt giống để gieo của Như Lai là đức tin (saddhā); giữ gìn luật giới và hạnh kiểm (tapo) là nước tưới; cày và ách là trí tuệ (paññā), cán cày là biết hổ thẹn tội lỗi (hiri), dây cương là tâm ý an định (mano), lưỡi cày và roi điều khiển là chú niệm (sati)...⁽²⁾ Nay hiền chủ! Con người sống giữa cuộc đời mà nếu không có đức tin, không có hạnh kiểm tốt, không có sự sáng suốt, tỉnh thức, không biết hổ thẹn tội lỗi, không có tâm trầm tĩnh, ổn định, không có chú niệm trong mỗi một việc làm thì con người ấy ra sao, cuộc đời này sẽ ra sao, hiền chủ?

Bà-la-môn cảm thấy thấm thía quá, thú vị quá, ông uống từng lời, có vẻ yên lặng lắng nghe.

Đức Phật nói tiếp:

- Nay hiền chủ! Ông chăm sóc, giữ gìn ruộng nương thì Như Lai chăm sóc, giữ gìn hành động và lời nói; ăn uống có tiết độ, tri túc và dị giản trong mọi nhu dụng hằng ngày; dùng hạnh chân thật để đối trị với gian xảo, lừa dối; và đạo quả A-la-hán là

⁽¹⁾ Từ câu kệ: “Kassako paṭijānāti, na ca pasāma te kasim. Kasini no pucchito brūhi, yathā jānemu te kasim”.

⁽²⁾ Từ câu kệ: “Saddhā bījaṃ tapo vuttīhi, paññā me yuganaṅgalaṃ, hiri īsā mano yottaṃ, sati me phālapācanaṃ”.

thành quả gặt hái của Như Lai!⁽¹⁾

Này điền chủ! Cố gắng, nỗ lực (viriya) là những con bò (tứ chánh cần) đưa Như Lai đến trạng thái không còn bị trói buộc⁽²⁾, thẳng tiến bất thối chuyển, đi, đi mãi, đến nơi không còn sầu não⁽³⁾.

Còn nữa, công lao khổ nhọc cày bừa gặt hái ấy, nay Như Lai đã thành tựu, đã viên mãn, đạt được hoa trái Bất tử, giải thoát tất cả khổ đau, phiền muộn⁽⁴⁾, này điền chủ!

Đức Phật thuyết giảng thể xong, bà-la-môn Kasī-Bhāradvāja kinh cảm, phát sanh đức tin, hối hả sai gia nhân bưng một bát lớn cơm trộn sữa dâng cúng đến ngài, rồi rút nói:

- Vây xin tôn giả thọ nhận vật thực này! Tôn giả quả thật là một nông dân, đã gieo trồng và gặt hái được trái quả bất tử!

Đức Phật đưa tay ngăn bát lại, không thọ nhận:

- Vật thực thọ nhận do thuyết giảng giáo pháp, kệ ngôn thật không thích đáng cho Như Lai dùng. Này điền chủ! Đây là thông lệ của chư Chánh Đẳng Giác. Khi nào truyền thống tốt đẹp này được duy trì thì sự nuôi mạng chơn chánh còn được bảo lưu, tôn trọng. Và chính đời sống phạm hạnh trong sạch ấy của chư vị thánh nhân mới là phước điền vô thượng cho chư thiên và loài người.

Nghe thể xong, Bà-la-môn Kasī-Bhāradvāja lại càng tăng trưởng đức tin thêm nữa, hỷ lạc dâng rần rần. Sau đó đức Phật còn giảng thêm cho ông ta nghe những cách cúng dường đúng chánh pháp là như thế nào. Mọi hiểu lầm, nghi nan của ông không còn nữa, mắt ông sáng lên, thấy được con đường. Ông

⁽¹⁾ Từ câu kệ: “*Kāyagutto vaciyutto āhāre udare yato saccam karomi niddānam, soraccam me pamocanam*”.

⁽²⁾ 4 trói buộc: Là kāmā-dục, bhava-hữu, diṭṭhi-kiến và avijjā-vô minh.

⁽³⁾ Từ câu kệ: “*Viriyaṃ me dhurarayhaṃ, yogakkhemādhivāhanam gacchati anivattantaṃ yattha gantvā na socati*”.

⁽⁴⁾ Từ câu kệ: “*Evamesā kasikaṭṭhā sa hoti amatapphalā, etaṃ kasim kasitvāna sabbadukkhā pamuccati*”.

xin được quy y Tam Bảo trở thành một người thiện nam.

Nhân duyên của vị điền chủ này còn hơn thế nữa. Trong thời gian đức Phật còn an cư tại ngôi làng Ekanālā gần núi Dakkhiṇāgiri này, ông ta đã từ bỏ tất cả tư gia, điền sản xin được xuất gia sa-di. Được biết rằng, thời gian sau, ông thọ đại giới, sống độc cư, tinh cần tu tập và ông đã trở thành một bậc lậu tận, A-la-hán thánh quả.

11.2- Ngón Tay Thấp Đền

Dabba Mallaputta đắc thánh quả A-la-hán, các thắng trí và cũng là người duy nhất, dù mới 7 tuổi lại được đặc cách thọ đại giới không qua giai đoạn sa-di tại quốc độ Malla, sau đó, vâng mệnh đức Phật trở về Veluvana để theo con đường hạnh nguyện xưa của mình.

Đã bốn năm trôi qua, bây giờ đại đức Dabba Mallaputta đã mười một tuổi. Theo với thời gian, đại đức càng ngày càng chín chắn, thuần thực trong tứ oai nghi, trong thái độ khu xử cũng như trong công việc hằng ngày. Được chư vị trưởng lão giao cho hai nhiệm vụ quan trọng, khó khăn đúng với sở nguyện: Một là chăm sóc, thu xếp, lên lịch trình đặt bát hằng ngày, tại tịnh xá hay tại tư gia thỉnh mời; bảo quản, coi sóc các kho lẫm gồm ngũ cốc, vải vóc, dầu đèn, hương liệu... người ta cúng dường đến tăng. Hai là phân phối chỗ ngủ nghỉ cho chư khách tăng với đầy đủ những nhu dụng cần yếu; như vậy cũng có nghĩa là những vật dụng như mùng, mền, chiếu, gối, khăn tắm, giẻ chùi chân, nước rửa, nước uống, nước tắm, các công trình như nhà vệ sinh, phòng tắm nước nóng, củi lửa... cũng phải để tâm quán xuyến. Quả là cả hằng đồng núi công việc, phi bậc thánh không thể làm được. Tuy nhiên, nhân nào duyên nấy, bên cạnh đại đức Dabba Mallaputta có cả hằng trăm vị sa-di phụ việc. Trong số sa-di này có mặt khiêm tốn một số bậc thánh từ sơ quả đến tam quả và ngay tứ quả cũng có vài ba vị. Chính nhờ

năng lực tâm linh của một số ít bậc thánh này, như sức của những con ngựa thuần chủng, nó kéo phăng phăng cỗ xe mà trong đó, sức ì, sức trì nín của những tâm sở biếng nhác, giải đãi, hôn trầm, mệt mỏi, đã dượt của chúng phàm phu lúc nào cũng đông hơn, đã bị vô hiệu hóa. Còn nữa, chư khách tăng đến và đi tại Trúc Lâm, ba phần tư đều là những người còn quá nhiều phàm tính, tục tính. Cũng không sao, đây là sự tồn tại tương quan tất yếu; và cũng là cơ hội tốt cho chư vị học hỏi và tu tập thêm tâm nhẫn, tâm từ, tâm xả...

Mấy năm nay, đại đức Dabba Mallaputta nổi danh như một ngôi sao sáng do ngài và hội chúng đã chu toàn mọi bổn phận, mọi trách nhiệm không chê vào đâu được. Thường thì sự thu xếp chỗ ngủ nghỉ của ngài rất nền nếp, chu đáo, có óc khoa học. Do nhờ thẳng trí nên khi một nhóm tỳ-khưu đến, biết họ chuyên trì kinh, đại đức thu xếp cho họ ở cùng chung sālā với nhau. Các nhóm chung về luật, các nhóm chuyên về Abhidhamma, các nhóm chuyên thảo luận giáo pháp, các nhóm chuyên thiền định cũng tương tự vậy. Ai cũng hài lòng. Vì như vậy là không ai quấy rầy ai. Riêng có những nhóm tỳ-khưu thích nói chuyện thể tục, sinh hoạt tay chân, ăn nói còn thiếu kiểm soát, thiếu sự thu thúc cũng được đại đức thu xếp cho họ ở chung nhau với nụ cười bậc thánh trong tâm của ngài: “Ồ! Các vị này chắc cũng sẽ được vừa ý vì những sở thích ưa cười nói ồn ào, huyên náo của họ”.

Đây là ban ngày, còn ban đêm khi có khách tăng đến, đại đức Dabba nhanh chóng nhập đề mục ánh sáng, xuống cận hành, dùng thần thông thấp ánh sáng nơi ngón tay trở của mình để dẫn mọi người đến trú xứ như đã chỉ định. Đến nơi, chỗ ngủ nghỉ lúc nào cũng ngăn nắp, sạch sẽ với đầy đủ giường, nệm, gối, gậy chống, nước rửa, nước uống và cả chỗ tiêu, chỗ tiểu. Chính vì lý do này mà khách tăng truyền miệng với nhau nên ngày càng có nhiều nhóm ở xa tìm đến. Rất nhiều khi, Trúc Lâm không còn đủ chỗ, họ lại yêu cầu được thu xếp chỗ ở bên ngoài, ngày càng xa hơn để làm khó, thử tài bậc thánh trẻ tuổi.

- Này đại đức quý mến ơi! Hãy cho chúng tôi chỗ trú ngụ bên ngoài cũng được.

- Chư vị thích ở chỗ nào? Thích chỗ nào tôi phân bố chỗ ấy. Có vị muốn thử tài, làm khó chơi:

- Thưa, tôi muốn ở đỉnh núi Gijjhakūṭa có được không?

Đại đức mỉm cười:

- Được, không sao! Chư vị hãy bước theo tôi.

Thế rồi, với ngón tay trở được thấp sáng, đưa lên cao, soi tỏ con đường, đại đức dẫn khách tăng rẽ đêm tối bước đi. Lại lòng làm sao, chỉ chừng vài chục hơi thở họ đã đến đỉnh Linh Thứu với những hang, những động, những chỗ ngủ nghỉ sạch sẽ, tinh tươm trên những giường gỗ, giường tre, giường đá đủ kiểu, đủ loại.

Một đồn mười, mười đồn trăm. Thế rồi, từng đêm, từng đêm, khách tăng xin trú ngụ tại Hang Núi Kê Cước, sườn núi Isigili, sườn núi Vebhāra, hang Sattapaṇṇa (Thất Diệp), tại rừng Sīta, động Sappasonḍika, hẻm núi Gomāṭa, hẻm núi Kapota, vườn xoài Jīvaka, vườn nai Maddakucchi... Nhóm nào muốn ở đâu thì đại đức đáp ứng cho họ chỗ ấy trăm lần như một điều chu đáo, thích nghi.

Như vậy, chư vị trưởng lão, chư khách tăng gần xa đều tán thán ca ngợi cái “ngón tay thấp đèn” của đại đức Dabba Mallaputta.

Tôn giả Mahā Kassapa mỉm cười, tự nhủ:

- Dùng thần thông để sắp xếp trú xứ cho tăng chúng trong những đêm trời tối tăm hay mưa gió như thế ấy, chắc đức Tôn Sư cũng không rầy la đâu!

11.3- Mấy Ông Sư Quậy Phá

Vấn đề ngủ nghỉ tại Trúc Lâm đang yên ổn như vậy thì một hôm, nhóm tỷ-khưu Mettiya và Bhummajakā⁽¹⁾ lặn lội từ phương

⁽¹⁾ Thường được gọi chung là nhóm lục sư. Như đã ghi chú ở một chương

xa tìm đến. Họ là những người sơ tu, và ai cũng khó chịu khi nhìn thấy cách mặc y, mang bát, đi đứng nói năng còn quá nhiều tục tính.

Chỗ ở tại đại tịnh xá này, tuy là hàng ngàn liêu thất nhưng bao giờ cũng không thừa chỗ. Những nơi tươm tất, chu đáo, yên tĩnh nhất thường để dành cho chư vị trưởng lão tôn túc. Những nơi tương đối đàng hoàng tiện nghi thì để dành cho những vị thâm niên cao hạ. Chỗ khác thì để dành cho những nhóm học chúng kinh, luật, Abhidhamma, thiền định... Chỗ khác nữa là chư khách tăng tôn túc vắng lai. Chỗ còn lại là chư tăng tỳ-khuru hoặc sa-di nội trú để chăm lo mọi Phật sự, tăng sự trong ngoài. Bởi vậy, khi hai nhóm tỳ-khuru Mettiya và Bhummajakā xin chỗ ở, đại đức Dabba Mallaputta và chúng của ngài chỉ có khả năng thu xếp chỗ ở tạm thời thôi. Thế là họ la ó, làm ầm ĩ và huyên não lên. Dù giải thích thế nào họ cũng đòi chỗ tốt, chỗ tiện nghi hơn.

Các vị sa-di còn đến trình với đại đức là: Họ thường hay ở mình trần đi đây đi đó. Họ làm nước lau láng trong phòng tắm. Họ đi vệ sinh tiêu, tiểu không dội nước cho sạch. Họ quăng y bẩn bừa bãi trong phòng tắm hơi. Họ kỳ cọ lưng nhau rồi đùa bỡn, cười cợt thô tục. Có đôi vị vẽ hình lên thân thể. Chỗ ngủ của họ, gối kê, tấm đắp được rắc đầy dầu thơm. Họ ngủ chung giường, chung chiếu, chung tấm đắp, hai ba người một chỗ. Họ ăn chung với nhau một bát, uống chung nhau một cốc...

Vấn đề phức tạp nữa là thọ thực. Thường thì nhiều gia chủ trong kinh thành Rājagaha thỉnh chư tăng đặt bát cúng dường tại tư gia. Ngoại trừ những lần cúng dường lớn thì năm trăm vị, một trăm vị còn bình thường thì năm vị, mười vị, hai mươi vị,

trước, hai nhóm tỳ-khuru Paṇḍuka và Lohitaka ở Jetavana, hai nhóm tỳ-khuru Assaji và Punabbasuka ở Kīṭāgiri, còn ở Veḷuvana là nhóm của hai vị này. Đây là nhóm lục sư hay quậy phá, thường bị hành xử, sau đó mới chế định học giới. Họ không phải là nhóm “lục sư ngoại đạo” như nhiều nơi đã ghi nhầm lẫn.

cũng có đôi nơi hai hoặc bốn vị. Có những thí chủ lại đích thân thỉnh những vị trưởng lão mà họ kính trọng, ngưỡng mộ. Sự sắp xếp, phân bố trì bình mỗi ngày theo yêu cầu của thí chủ cũng là bổn phận của đại đức Dabba Mallaputta. Vị nào không có trong danh sách này thì phải đi khát thực tùy ý trong kinh thành hoặc vùng phụ cận. Tại nhà ăn, chư vị trưởng lão làm nơi nương tựa cho chúng hoặc chư đại đức, tỳ-khuru sống nhiều năm phụ trách những lớp giảng huấn thường được đại đức Dabba cho sa-di dâng thêm bơ, sữa hoặc dầu ăn thơm ngon cho quý ngài.

Nhóm tỳ-khuru Mettiya và Bhummajakā cảm thấy tủi thân. Họ đợi hoài cũng không có ai mời thỉnh tại tư gia. Họ đợi hoài cũng thấy chưa đến phiên mình. Khi đi trì bình khát thực trở về nhà ăn thì chẳng thấy ai dâng cho mình những thức ăn ngon như chư vị trưởng lão, như chư đại đức sống lâu năm ở đây. Bực dọc, tức tối, họ đến gặp đại đức Dabba Mallaputta để chất vấn:

- Tại sao, thức ăn của chúng tôi không có gì cả, lúc nào cũng tầm thường, thô tháo, không có phẩm chất còn những vị khác thì thượng vị này, trân vị kia?

- Cũng đúng thôi, này các vị! Đại đức ôn tồn đáp, nhưng âm giọng rắn rỏi, nghiêm túc - Vì đây là những bậc tôn túc, thâm niên, cao hạ thì phải được kính trọng để dâng đến quý ngài những vật thực tương thích. Chư vị chỉ là những kẻ sơ tu thôi, hãy thấy rõ sự thực như vậy! Chư vị chưa có công đức gì, chưa có phước báu gì, giới đức, định đức, tuệ đức ra sao mà đòi ngồi ngang hàng với chư vị trưởng lão hay sao?

Trong bụng họ giận căm gan, nhưng biết điều ấy đúng với sự thực, lát sau họ chất vấn tiếp:

- Cũng được đi! Nhưng việc đặt bát cúng dường tại rất nhiều tư gia, sao đợi chờ hoài cũng không đến phiên chúng tôi?

- Hãy chịu khó! Hãy kham nhẫn! Sẽ đến phiên các vị thôi!

Hôm kia, có một gia chủ đến thưa đại đức Dabba Mallaputta là họ xin được thỉnh thường xuyên bốn vị đặt bát tại tư gia. Suốt sáu hôm như vậy, đại đức tuân tự sắp xếp mỗi ngày bốn vị, bốn

vị một cách đều đặn. Ngày nào cũng vậy, những ai thọ bát trở về cũng tán thán ca ngợi là gia chủ kia, cả vợ, cả con, cả gia nhân ai cũng lịch thiệp, lễ độ, hoan hỷ; còn vật thực như cơm canh, loại cứng loại mềm đều ngon lành, tuyệt hảo.

Cuối ngày thứ sáu, gia chủ tìm đến Trúc Lâm, được đại đức Dabba Mallaputta đón tiếp nơi phải lễ, khen ngợi sự trân trọng cúng dường, nói thêm một thời pháp thuận thứ để khích lệ, tạo niềm tin thêm cho gia chủ. Trước khi ra về, với tâm hân hoan, vị gia chủ hỏi:

- Ngày mai là bữa cuối cùng, không biết đại đức sắp xếp cho những ai đến thọ bát tại tư gia?

- Thưa! Ngày mai đến phiên các vị sư thuộc nhóm Mettiya và Bhummajakā.

Ra về, tâm vị gia chủ không được vui, nghĩ thầm: “Sáu ngày qua ta có nhiều phước báu vì được dâng cúng đến những vị tỳ-khuru đang hoàng, có giới hạnh. Tại sao ngày mai, ta có cái duyên xấu gì xen vào mà mấy ông sư tòi tẹ ấy lại đến phiên thọ bát tại nhà ta?”

Bực bội âm ỉ trong lòng, vị gia chủ về nhà, dặn dò những người tớ gái: “Ngày mai, ta đi vắng! Các người hãy sắp xếp chỗ ngồi thọ bát cho các ông sư ngay tại trong nhà kho. Và vật thực cúng dường, nên nhớ là chẳng cần thượng vị, thượng trân gì cả, cơm tấm siu ôi và nước cháo chua gì gì đó cũng được!”

Nghe đến phiên mình sẽ được “ăn ngon” vào ngày mai, nhóm tỳ-khuru Mettiya và Bhummajakā mừng vui không ngủ được. Sáng ngày, khi họ mặc y mang bát đến nhà gia chủ, họ được mời ngồi trong nhà kho. Và khi họ tưởng thọ nhận được thượng vị loại cứng, loại mềm thì họ được gia nhân sót đầy bát cơm hầm và canh siu.

Mất mặt, bẽ bàng, tức giận, trên đường trở về, họ bàn bạc với nhau rằng: “Chúng ta đã bị ông Dabba chơi khăm, chơi xỏ rồi! Không thế thì cũng bị hấn ta tìm cách ly gián với gia chủ mới xảy ra có sự bị hạ nhục đáng hận như hôm nay!”

Mới về ngang cổng Kỳ Viên, chúng thất thểu, rót y, rót bát rồi ngồi ủ rũ, im lặng, vai co rút lại, ôm gối nhìn xuống đất, trầm ngâm, xấu hổ. Lúc ấy, tỳ-khuru-ni Mettiyā, vốn là người quen thân với bọn chúng, đi qua, thấy vậy, chào hỏi có vẻ ân cần, quan tâm, nhưng cả ba lần vẫn không nghe ừ, nghe hử.

- Hãy giúp chúng tôi! Một người trong nhóm nói - Nghe đức Thế Tôn vừa về sáng nay. Vậy ni cô hãy vào trình bạch với ngài là chúng tôi đã bị đại đức Dabba Mallaputta bức hiếp tột tể, đã thông đồng với thí chủ để chơi khăm, chơi xỏ đến cạn tàu ráo máng. Ôi! Nhục ôi là nhục!

Rồi họ kể lại chuyện cho tỳ-khuru-ni Mettiyā nghe, cô ta cũng nổi sùng lên:

- Vậy là không được! Vậy là quá đáng, quá đáng! Nhưng rồi cô chợt e ngại, biết nói sao cho hay, tố cáo sao cho có ấn tượng?

Bọn chúng lại tham mưu cho tỳ-khuru-ni cách nói, và nói sao cho văn hoa bóng bẩy. Vị ni này không có giới hạnh, lại ngu si, tự dung quàng việc vào mình, vào đánh lễ đức Phật rồi tố cáo đại đức Dabba Mallaputta đã hành xử không đúng pháp và luật, đã lăng mạ, ô nhục cô ta.

Đức Phật lắng nghe trong im lặng rồi bước vào hương phòng, để lại câu nói, dặn bảo các vị trưởng lão đang có mặt:

- Hãy dựa theo pháp và luật để hành xử việc ấy. “Con trai” của Như Lai như thế nào thì các ông đều đã biết rõ.

Chư vị trưởng lão khi nghe vị ni vô duyên, vô cớ cáo bậy, họ biết là ai xúi bẩy ở đằng sau rồi. Nhưng để cho sự việc được sáng tỏ, đại đức Dabba Mallaputta được gọi lên để đối chứng.

- Nay Dabba! Tôn giả Mahā Kassapa nói - Ông đã bị vị ni này tố cáo là hành xử không đúng pháp và luật, đã lăng mạ, ô nhục cô ta! Vậy thì sự thực như thế nào hãy trình cho chư trưởng lão biết!

- Đệ tử không biết vị tỳ-khuru-ni này! Đại đức Dabba đáp - Đây là lần đầu tiên đệ tử thấy mặt cô ta. Quả thật, đệ tử không rõ sự lăng mạ, ô nhục ấy từ đâu nảy sanh!

Tôn giả Mahā Kassapa vừa quay sang nhìn tỳ-khuru-ni Mettiyā để xem phản ứng, thái độ ra sao thì thấy sắc mặt cô ta đã xanh mét, hơi thở dồn dập có vẻ bồn chồn, rối loạn. Thấy vậy, tôn giả Upālī nghiêm khắc nói:

- Tổ cáo gian dối, bôi nhọ tư cách, phẩm hạnh của một vị tỳ-khuru, nhất là một bậc thánh lậu tận, cô ni người có biết là tội nặng lắm không?

Nhìn dáng dấp, sắc diện oai nghiêm của chư tôn túc trưởng lão, tỳ-khuru-ni Mettiyā sợ hãi quá, đành phải thú tội, thú nhận, là do nhóm tỳ-khuru Mettiya và Bhummajakā xúi giục, cô vì ngu si, đại đột, nhẹ dạ nên lỡ phạm lỗi lầm.

Thế rồi, bọn chúng được chư trưởng lão gọi lên. Chúng đã không tỏ ra thành tâm cải hối lại còn có vẻ căm hận tỳ-khuru-ni Mettiyā dám tố cáo mình!

Sau đó, nội vụ được sáng tỏ, bởi chúng có phẩm hạnh lôi thôi, ăn nói, đi đứng, y bát thiếu tăng tướng, thiếu tư cách nên cư sĩ cận sự nào có trí, chỉ cần liếc nhìn qua là họ biết ngay. Vì ông cư sĩ này ghét bọn chúng nên “chơi khăm” như vừa kể. Lỗi không phải do đại đức Dabba Mallaputta. Thế là nhóm tỳ-khuru Mettiya và Bhummajakā bị phạt nhốt ở trong phòng, bị phạt làm vệ sinh nhà xí, vệ sinh nương cống, lao tác bữa củi, gánh nước... Tỳ-khuru-ni được răn đe nghiêm khắc rồi gởi trả về ni viện để chư trưởng lão ni tùy nghi xử phạt.

Chuyện chưa thôi. Bọn chúng vẫn tách nào tạt nấy. Hôm kia, chúng đi bát, thấy một con dê đực đang giao phối với một con dê cái trên sườn núi. Chúng tự đùa bỡn, gọi tên con dê đực là tỳ-khuru Dabba Mallaputta, con dê cái là tỳ-khuru-ni Mettiyā. Về tu viện chúng kể oang oang chuyện ấy cho nhiều người nghe rồi kết luận:

- Không phải nghe bằng lỗ tai mà chúng tôi thấy tận mắt: Con dê đực Dabba Mallaputta làm tình với con dê cái Mettiyā!

Đức Phật đã phải gọi chư vị trưởng lão đến:

- Các ông phải họp đại chúng, dựa theo “Bảy điều hòa giải

các cuộc tố cáo, tranh tụng” được đúc kết tại Kỳ Viên để hành xử vụ việc. Ông Ānanda còn thuộc lòng đấy, hãy tuyên đọc lại. Ông Upāli cũng phải ghi nhớ cho chính xác. Rồi sau đó, các vị đưa ra những học giới chế định về các tội trạng này, cùng các tội tương tự, cũng đã phải lúc, phải thời cho học chúng tăng ni các nơi nơi theo.

Vậy là tội cáo gian lần thứ hai này, nhóm tỳ-khuru Mettiya và Bhummajakā bị trách phạt nặng nề hơn, là bị nhốt kín trong phòng, không cho ai giao tiếp (như bị tù); thức ăn, vật uống có chúng sa-di mang đến, đều chỉ là vật thực để tồn tại, chẳng có ngon bổ gì.

Hơn hai mươi ngày sau, “ra khỏi tù”, các vị trưởng lão tổ chức một cuộc lễ, có hai vị luật sư tụng tuyên ngôn để bọn chúng có cơ hội thấy rõ tội rồi sám hối trước tăng, sám hối trước đại đức Dabba Mallaputta.

11.4- Tám Trường Hợp “Úp Bát”

Tưởng là yên, ai ngờ chúng còn quậy phá nữa. Lần này, chúng đến nhà một gia chủ giàu có, tên là Vaddha, gốc dòng dõi Licchavī nên được gọi là Vaddha Licchavī, ông ta thường hộ độ chư tăng Trúc Lâm. Chúng dùng lời xảo trá, ton hót, dựng đứng chuyện này, chuyện kia hầu lung lạc, thuyết phục vị cư sĩ có máu mặt này đứng về một phe của mình. Chúng kể là thường bị đại đức Dabba hạ nhục, phỉ báng, bức hiếp họ đủ điều nên chuyện âm thực, chỗ ngủ nghỉ chẳng khác gì chuồng gia súc. Dabba còn có giới hạnh, đạo đức lỗi thôi nhưng do nhờ hấn ta biết cung phụng, hầu hạ chư vị trưởng lão nên luôn được họ bảo vệ, không những không trách phạt mà còn khen ngợi nữa.

Gia chủ Vaddha Licchavī tâm tánh nông nổi, hời hợt, lại cả tin nên đã bắt bớ, giận dữ tìm đến Veluvana, chỉ tay vào mặt đại đức Dabba mà mắng nhiếc đủ điều, tố cáo ngài không có đạo đức, không có giới hạnh, thường hay ton hót, nịnh bợ các vị

trưởng lão. Ông ta còn trách chư vị trưởng lão bịt mắt làm ngo mặc dầu “đông bão đã nổi lên ở đây rồi!”

Không ai hiểu chuyện gì cả! Đại đức Dabba cũng thầm lặng lắng nghe lời vu khống, phi báng ấy, và tự tâm ngài biết rõ, đây chính là dư nghiệp từ quá khứ còn sót lại, phải kham nhẫn, phải an trú tâm từ, tâm xả. Còn chư vị trưởng lão lại trình việc ấy lên đức Thế Tôn, và ai cũng xác nhận sự thật bằng mắt thấy, tai nghe là đại đức Dabba trong trắng như vỏ ốc, ngài vô tội!

Tôn giả Ānada thì vô cùng bất bình:

- Không đâu, vô duyên, vô cớ mà đại đức “ngón tay thấp đèn” vi diệu đã bị ông cư sĩ kia chỉ trích, nhiếc mắng quá đáng...

Đức Phật mỉm cười, nói rằng:

- Không phải vô duyên vô cớ đâu! Hoặc vô duyên vô cớ chỉ là một phát ngôn bình thường! Ai trong chư vị biết rằng, vào thời đức Phật Vipassī, tiền thân Dabba là một cư sĩ trưởng giả, đã nhiếc mắng một bậc thánh lậu tận. Còn một nghiệp xấu tệ khác nữa, là trong buổi cúng dường lớn có đầy đủ đức Chánh Đẳng Giác Vipassī và chư tăng, đích thân vị trưởng giả lại rút tên, loại bỏ vị thánh Thanh Văn kia ra khỏi danh sách cúng dường! Duyên là vậy, cớ là như vậy đó. Nhóm tỳ-khuru Mettiya và Bhummajakā bây giờ chúng xảo trá hơn, giấu mặt bên sau để ông cư sĩ kia chịu trận. Chư vị trưởng lão hãy nêu sự việc, tội danh ra trước hội đồng để xử phạt chúng một lượt nữa; nếu cứ mãi cứng đầu cứng cổ, không chịu thay tâm đổi tánh thì ra điều luật chế định trục xuất khỏi tăng đoàn, không châm chước được nữa.

Chiều hôm sau, thì giờ rảnh rỗi, nhân chuyện người gia chủ nhiếc mắng tỳ-khuru Dabba Mallaputta, đức Phật giảng nói rộng rãi hơn về những nội dung tương tự cho đại chúng nghe.

Đức Phật nói:

- Giáo pháp chư Chánh Đẳng Giác nào trong quá khứ cũng có phát sanh những trường hợp, do ai đó trong hai hàng cận sự nam nữ còn nhiều bụi rác trong mắt mà xâm phạm họa hại đến

tăng chúng, nên các ngài có chế định những hình thức xử phạt tương thích để đối trị. Có tám trường hợp cả thầy, chư tăng sẽ tụng tuyên ngôn, với ý nghĩa rằng, từ rày về sau không còn nhận sự cúng dường của vị gia chủ ấy, thí chủ ấy nữa, cụ thể là khi thí chủ ấy, gia chủ ấy ra đặt bát, chư tăng im lặng không nói gì, chỉ “úp bát” lại, không thọ nhận rồi bước sang nhà khác. Hình thức “úp bát” đối với gia chủ là hình phạt nặng nhất dành cho cận sự nam nữ khi họ xúc phạm, xâm hại đến chư tăng một cách quá đáng.

Thứ nhất, vị cư sĩ nào, do ghét một vị sư nào, đây là trường hợp một vị tỳ-khưu có giới hạnh đã cố gắng, nỗ lực tìm mọi cách, mọi phương tiện để cho vị tỳ-khưu kia không có thức ăn, vật uống, thuốc men, nhu dụng hằng ngày.

Thứ hai, tương tự như trên, nhưng ở đây là tìm cách ngăn chặn, nói xấu, nói khéo thế nào đó để cho vị tỳ-khưu chân chính mất những lợi ích, lợi lạc về tu tập, về giáo pháp, về đời sống vật chất cũng như tinh thần.

Thứ ba, là cố gắng, nỗ lực, tìm cách này hay cách khác để cho vị tỳ-khưu chân chính không có trú xứ, không có nơi ngụ cư hay không có cả chỗ ngủ nghỉ.

Thứ tư là nhiếc mắng, nhục mạ hoặc tìm cách, cố gắng, nỗ lực nói xấu vị tỳ-khưu để hạ thấp tư cách, phẩm giá vị tỳ-khưu ấy.

Thứ năm là cố tìm cách nói ly gián hằn chia rẽ vị tỳ-khưu này với vị tỳ-khưu khác.

Cuối cùng, thứ sáu, bảy, tám là vị cư sĩ nào đó đã dùng lời nói, hành động để phỉ báng, nhục mạ đức Phật, đức Pháp, đức Tăng.

Trong cả tám trường hợp ấy, do tăng biết rõ nên đã triệu tập một hội đồng, công bố sự thật, tụng tuyên ngôn trước đại chúng thì toàn thể chư tăng sẽ “úp bát” để trừng phạt gia chủ ấy.

Sau khi đức Phật thuyết xong, chư vị trưởng lão biết mình phải làm gì. Đây là một trường hợp điển hình nên xử lý để làm gương.

Trường hợp gia chủ Vaddha Licchavī nhiếc mắng, phỉ báng, bôi nhọ tư cách, phẩm hạnh của đại đức Dabba Mallaputta rơi

vào trường hợp thứ tư nên chư vị trưởng lão cho họp hội đồng, tụng tuyên ngôn, bố cáo rộng rãi là từ rày về sau, chư tăng chùa Trúc Lâm sẽ “úp bát” đối với gia chủ Vaḍḍha Licchavī.

Sáng sớm hôm sau, tôn giả Ānanda nhận nhiệm vụ thông báo cho gia chủ, nên ngài đã y bát chỉnh tề, đến tư gia nói rõ sự thật mà tăng đã hành xử theo pháp và luật cho cư sĩ Vaḍḍha Licchavī hay. Rồi giải thích thêm rằng: Chư tăng tuyên bố hình thức “úp bát” đối với hai hàng cận sự nam nữ được xem như hình phạt mà quý ngài không muốn nói ra, là từ rày về sau, gia chủ không còn được thọ hưởng hạnh phúc cúng dường đến chư tăng Trúc Lâm nữa.

Khi tôn giả Ānanda vừa rời chân đi khỏi cửa, cư sĩ Vaḍḍha Licchavī khi chợt hiểu rõ ý nghĩa của hai từ “úp bát” thì choáng váng mặt mày, ngất xỉu rồi ngã xuống ngay tại chỗ.

Sau đó, bạn bè thân hữu, bà con ruột thịt đã tìm cách phân ưu, khuyên giải rằng:

- Than van, rên rỉ gì cái gì nữa? Hãy tỉnh táo mà suy nghĩ đến cái điều gì nghiêm trọng hơn. Chư tăng ai cũng “úp bát” cái ngôi nhà này thì thần phước đức, thần hoan hỷ họ cũng bỏ mà đi luôn đó! Bây giờ, hãy tắm ướm cả đầu tóc, cả khăn áo, cùng vợ cùng con cùng gia quyến đến bên chân đức Thế Tôn, quỳ phục mà sám hối! Hãy thành thật nhận lỗi lầm vì ngu, vì đại, vì si mê và vì cả tin đã nghe lời xúi giục của mấy ông sư tồi tệ kia mà sinh ra có sự. Đức Thế Tôn và chư vị trưởng lão bao giờ cũng với cái tâm rộng lớn như hư không, như biển cả sẽ tha thứ cho ông ngay!

Gia chủ Vaḍḍha Licchavī nghe được lời khuyên chơn chánh, đúng đắn ấy nên đã nhất nhất làm đúng như vậy. Đức Thế Tôn hoan hỷ xá tội, nói một vài pháp thoại, nhắc nhở người gia chủ từ rày về sau, đừng nên tin một cái gì, một điều gì mà mình chưa như thực thấy, chưa như thực nghe.

Cuối cùng, đức Phật dạy chư vị trưởng lão, họp hội chúng, tụng tuyên ngôn “mở bát” đối với gia chủ Vaḍḍha Licchavī khi

ông ta đã thành tâm sám hối, cải hối rồi. Riêng nhóm tỳ-khưu Mettiya và Bhummajakā, chư tăng tụng tuyên ngôn trục xuất khỏi giáo hội vì không còn giáo hoá được nữa.

Sau vụ việc này, tu viện Veļuvana mới lấy lại môi trường sinh hoạt yên lặng và ổn định.

11.5- Tôn Giả Añña-Koṇḍañña Niết Bàn

Sau mùa mưa năm thứ mười một, rất nhiều vị tôn túc trưởng lão từ nhiều phương đến hầu Phật tại Trúc Lâm. Nhưng ngài thì lại đi luôn, lúc phương này, mai phương khác, thỉnh thoảng trở lại làng Ekanālā gần núi Dakkhiṇāgiri để giáo hóa học chúng ở đấy.

Đầu tháng nắng nóng, đức Phật trở lại Trúc Lâm thì thấy dường như có mặt gần đủ các vị trưởng lão. Nhân tiện ấy, đức Phật yêu cầu chư trưởng lão họp bàn đề đức kết lại một số học giới được chế định tại Kosambī, Jetavana và thời gian vừa qua tại Veļuvana.

Chiều hôm đó, đột ngột tôn giả Añña-Koṇḍañña từ hồ Mandākinī⁽¹⁾ tại Himalaya tìm về đánh lễ đức Thế Tôn. Sau khi đánh lễ, tôn giả còn cúi xuống dùng miệng hôn bàn chân đức Thế Tôn, dùng tay xoa bóp chân ngài, rồi phủ phục tâu rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử là Añña-Koṇḍañña! Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử là Añña-Koṇḍañña! Đệ tử thọ phần đã mãn, xin đức Thế Tôn cho phép đệ tử được nhập diệt.

Đức Phật yên lặng một lát rồi hỏi:

- Vậy thì ông sẽ xả bỏ ngũ uẩn ở đâu, này Añña-Koṇḍañña?

- Ở hồ Mandākinī, Himalaya, bạch đức Tôn Sư!

Đại chúng lặng người. Khi Phật thành đạo, Chuyển Pháp Luân tại Vườn Nai thì Koṇḍañña đã sáu mươi tuổi. Và tôn giả

⁽¹⁾ Tại Himalaya có 6 hồ lớn: Anotatta, Sīhapapātā, Rathakārā, Kunālā, Kaṇṇamuṇḍa, Chanddantā.

là người đắc quả A-la-hán đầu tiên, được chư thiên tán thán vang động gọi là Añña-Koṇḍañña (A-nhã Kiều Trần Như)⁽¹⁾. Sau đấy, tôn giả thường ẩn cư ở Himalaya, suốt mười hai năm, tại hồ Mandākinī, lâu lâu mới về thăm đức Phật một lần, lâu lâu nhận một trách nhiệm nào đó do đức Phật giao phó; xong bổn phận, ngài lại về rừng. Đức hạnh sáng rõ như mặt trăng. Tôn giả sống ở đây được chư thiên trong vùng vô cùng kính trọng, ngưỡng mộ. Có con voi chúa Chaddanta luôn luôn ở bên cạnh phục dịch, hầu hạ, kể cả cúng dường các loại trái cây. Lại có thiên tử Nāgadatta hết lòng hộ độ các nhu yếu khác...

Chiều tối hôm đó, đức Phật thuyết một thời pháp trước một hội chúng đông người chưa từng có, nói về công hạnh thù thắng của tôn giả, nói về nhân duyên nhiệm màu khi tôn giả xả bỏ ngũ uẩn không còn dư tàn của một vị A-la-hán, nói về hạnh phúc vẹn toàn của bậc đã diệt tận mọi khổ đau...⁽²⁾

Cuối thời pháp, bất ngờ nhất, tỳ-khưu Vaṅgīsa bước ra đánh lễ đức Phật để xin đọc một bài kệ thơ để tán thán công hạnh của tôn giả Añña-Koṇḍañña. Đọc xong bài kệ thơ, đi liền với cảm xúc của mình, nước mắt tỳ-khưu Vaṅgīsa tuôn chảy lặng lẽ. Rất đông người trong hội chúng còn phàm, đâu đó cũng nức nở khóc theo.

Đức Phật xóa tan không khí bi thương ấy, ngài nói:

- Thôi vừa rồi! Thôi đủ rồi! Để còn thời gian cho Añña-Koṇḍañña trở về trú xứ.

Hôm ấy, sau khi tôn giả Koṇḍañña dùng thần thông lực trở lại Himalaya thì tôn giả Anuruddha cũng xin phép đức Phật, dẫn năm trăm vị tỳ-khưu có thần thông, như đàn chim ưng vàng, vút qua hư không có mặt ngay tức khắc tại hồ mẹ Mandākinī.

Trên một tảng đá cạnh bờ hồ, tôn giả Koṇḍañña tọa thiền, lên

⁽¹⁾ Đây là ghi theo tạng Luật. Còn tạng Kinh Miến hay tạng Kinh Tích Lan đều ghi là Aññasi Koṇḍañña.

⁽²⁾ Đức Phật nói về không, vô tướng, vô tác.

xuống các định như thông lệ của chư vị A-la-hán, lên lại tứ thiên rồi chấm dứt thọ hành, đi vào vĩnh cửu. Chư thiên, thọ thần, muông thú khóc lóc thảm thiết. Khi nhục thân được hỏa táng, ai ai cũng lạ lùng, chiêm ngưỡng, một đàn voi quỳ xung quanh lặng lẽ, con nào cũng đội hoa, trái quả hoặc cây lá lên đầu. Thiên tử Nāgadatta hóa hiện thành thân người, dẫn đầu một đoàn thiên chúng đến bên nhục thân, ai cũng cung kính chấp tay vái chào, sau đó, đặt vào giàn hỏa một lõi trầm hương của cõi trời, thơm đến tận mây xanh! Năm trăm vị tỳ-khưu âm giọng như sóng biển tụng đọc kệ vô thường, vô ngã.

Trong lúc ấy thì tại Vương Xá, đức vua Bimbisāra cùng các phú hộ, gia chủ cư sĩ hay tin hùn nhau, cấp tốc làm một ngôi bảo tháp bằng bạc ở bên sau Trúc Lâm tịnh xá. Khi xá-lợi của tôn giả Koṇḍañña được tôn giả Anuruddha gói trong tấm vải lọc nước mang về, đức vua Bimbisāra dâng cúng một bình đựng bằng vàng. Đến ngày, chính đức Phật tận tay đặt bình vàng xá-lợi vào trong bảo tháp⁽¹⁾, tôn trí ở đáy để hai hàng cư sĩ trầm hoa lễ bái, phụng thờ.

12- Mùa An Cư Thứ Mười Hai (Năm 576 tr. TL)

12.1- Nạn Đói Tại Verañjā

Sau lễ tôn trí xá-lợi tôn giả Koṇḍañña vào tháp bạc, được mấy hôm, đức vua Bimbisāra, hoàng hậu Videhi và một số quan đại thần hai hàng cận sự đến thăm viếng đức Thế Tôn. Đức Phật thuyết một vài pháp thoại khác với thường lệ, ngài nhấn mạnh về lẽ vô thường của chư pháp, cái sinh tử tất định của các loài hữu tình. Sau đó, đức Thế Tôn tán thán công đức của hai hàng cận sự về việc xây dựng bảo tháp để phụng thờ xá-lợi của chư vị A-la-hán tịch diệt.

⁽¹⁾ *Thế kỷ thứ sáu, sau Tây lịch, ngài Buddhagosa có đến đây, ngài bảo là cái tháp bạc ấy vẫn còn.*

Trong hội chúng hôm đó có người hỏi, trên thế gian này, ai là người xứng đáng được xây dựng bảo tháp? Đức Phật đã căn kê nêu dẫn truyền thống chư Phật quá khứ cũng như lịch sử lâu đời của châu Diêm-phù-đề thì chỉ có đức Chánh Đẳng Giác, Độc Giác, chư vị A-la-hán và vua Chuyển Luân Thánh Vương mới hội đủ công đức phước báu để thế gian xây dựng bảo tháp phụng thờ, lễ bái.

Thấy đã xong việc, đức Phật và một hội chúng năm trăm tỳ-khưu lại lên đường hành hóa. Đức Phật và hội chúng lần này lại hướng chành phía Tây Bắc, cứ phía Nam sông Gaṅgā mà đi. Cứ ngày đi, đêm nghỉ, hôm kia hội chúng dừng chân tại một khu rừng xanh tươi, mát mẻ vô cùng. Đức Phật chợt hỏi:

- Đây là nơi nào? Chỗ này Như Lai chưa hề đi qua một lần nào!

- Khu rừng này tên là Naḷeru! Một vị tỳ-khưu người quê ở gần đây rành rẽ nói - Vì toàn là cây Pucimanda nên còn được gọi là Naḷerupucimanda, dân địa phương thì gọi nôm na là cây nimba⁽¹⁾, nó xanh tốt quanh năm, lá nó đắng chát, thân gỗ thì cứng như sắt nguội, bạch Thế Tôn!

Thấy đức Phật đưa mắt ngắm nhìn toàn cảnh khu rừng, biết ý, vị tỳ-khưu kia nói tiếp:

- Quanh đây đều là những thôn làng trù phú. Sầm uất nhất là thị trấn Verañjā. Vậy hội chúng năm trăm vị có thể an cư mùa mưa ở đây mà không ngại thiếu thốn, bạch Thế Tôn!

Thấy đức Phật vẫn im lặng như đang trú định, vị tỳ-khưu kia cứ hồn nhiên, vui vẻ nói:

- Rừng này là chỗ cuối cùng của biên giới nước Māgadha, trước mắt, qua con sông kia đã là lãnh thổ của Kāsi, có thể đạp lên Soreyya, Saṅkassa... Bên trái chúng ta, đi mãi sẽ tới Payāgatittha có đoạn sông rất cạn có thể lội qua - và bên kia đã là Bārāṇasī rồi. Đức Thế Tôn tùy nghi đi phương nào cũng được.

⁽¹⁾ *Rất gần giống với cây “sầu đông”?*

Đức Phật nói:

- Giáo pháp của Như Lai có nhân, có duyên ở đây. Vậy, này Mahā Moggallāna! Ông hãy thông báo cho toàn thể tăng chúng biết ý định của Như Lai là như vậy.

Chợt đức Phật yên lặng một lát, biết một chuyện xưa:

“- Thuở ấy, ta là một chàng trai thanh niên thường hay giao du với bạn bè xấu ác; khi thấy đức Phật Phussa được các giới cấp quyền quý dâng cúng vật thực thượng vị, đã khởi tâm nhểch mắng rằng: ‘Mấy ông thầy tu này chỉ nên ăn gạo có vỏ, hạt thóc lép, không xứng đáng ăn gạo sālī trong ngàn quý báu như thế!’

Ồi! Chỉ với cái ác kiến ấy thôi mà ta đã phải nhận chịu biết bao khổ nghiệp. Nay ta đã chấm dứt lậu hoặc, kiết sử rồi, nhưng xem chừng phải ăn gạo có vỏ, hạt thóc lép trong thời gian ở khu rừng cây nimba này do nghiệp còn dư sót đó!”

Sớm hôm sau, đức Phật và hội chúng rời khu rừng, phân bổ rải rác trong thị trấn Verañjā và các thôn làng để trì bình khát thực. Vào buổi chiều, chư tăng phụ nhau tìm cách che chắn chỗ ở cho đức Phật dưới cội cây nimba hùng vĩ nhất; và riêng mỗi vị cùng kiếm tìm trú xứ rải rác trong rừng cây; sau đó, quét dọn sạch sẽ chỗ tĩnh cư và các lối đi kinh hành. Một số vị lại đi tìm những nương, khe, suối nước. Tuy nhiên, chỉ buổi chiều thứ hai, thứ ba, nhân dân lao động trong vùng hay biết, họ đã tự nguyện mang rựa rìu, cuốc xẻng tìm đến phụ giúp việc này, việc kia. Thế là những nơi vệ sinh tiêu tiểu được hình thành. Họ còn biếu tặng một số lu ghè đựng nước. Do ngại sắp đến mùa mưa, nhân dân còn đi sâu trong rừng kiếm cây, kiếm lá để làm những tấm che lợp ngăn mưa...

Thị giả Meghiya và Rāhula ngày nào cũng sửa sang, chăm lo chỗ này chỗ kia chung quanh cội đại thụ nimba cho thơm mát, sạch đẹp, là chỗ đức Thế Tôn nghỉ, tọa thiền hoặc kinh hành.

Tuy nhiên, nhìn chung, “tiện nghi” trong rừng như vậy là tốt nhất rồi. Và đời sống ấy quả thật là đơn giản như hươu nai trong rừng, chẳng phiền ai mà cũng chẳng có ai làm phiền họ.

Bà-la-môn Udaya⁽¹⁾ là một gia chủ giàu có, học thức và uy tín tại thị trấn Verañjā, nghe tin về đức Phật đã lâu nên ông quyết một lần gặp mặt. Hôm kia, thu xếp xong công việc, ông cùng với một số thân hữu và gia nhân lên xe đến khu rừng cây nimba để diện kiến đức Thế Tôn. Sau buổi gặp gỡ này, ông xin được quy y, trở thành một cận sự nam. Bà-la-môn Udaya-Verañjā quỳ xin thừa thỉnh đức Phật và chur tăng an cư mùa mưa ở đây để ông ta có dịp cúng dường, hộ độ. Đức Phật quán nhân duyên, ngài im lặng nhận lời.

Mùa an cư thứ mười hai diễn ra bình thường. Lâu lâu, đức Phật thuyết một thời pháp. Các buổi khác thì hai vị đại đệ tử thay phiên nhau giảng giải kệ ngôn, phân tích câu cú, ngữ nghĩa cho sáng tỏ để học chúng dễ tiếp cận, thấy pháp mà tu tập.

Được một tháng thì vật thực bắt đầu khó khăn do dịch bệnh và đói kém hoành hành. Bình bát của ai trở về cũng chỉ có vài củ sắn khoai đã mốc, teo tóp, cơm tấm siu, chua, gạo lứt còn lẫn vỏ, đôi khi chỉ là những hạt lúa lép. Trận đói lớn xảy ra cả một vùng lớn rộng. Chính quyền phải mở kho, cứu đói cho dân nhưng cũng không thấm vào đâu. Đến lúc, họ phải phát cho dân những tấm thẻ để phân phối vật thực một cách chừng mực thì Đức Phật và chur tăng năm trăm vị lâm vào tình cảnh tòi tẹ chưa từng có.

Ông bà-la-môn Udaya-Verañjā mời thỉnh an cư cũng không thấy trở lại, cũng chưa hề hộ độ được một bữa nào! Nghe nói, khi về nhà, đột ngột nhận được một chuyến làm ăn xa, khi đi, ông quên bằng lời hứa của mình, cũng không kịp dặn lại vợ con và gia nhân.

Một số chur sư tuy chưa ta thán gì nhưng đã có tiếng thở vô thở ra, thở dài, thở ngắn. Những bước chân đi và về dường như đã không còn hơi sức. Ai cũng ốm, gầy trông thấy. Mấy hôm sau nữa thì ai cũng đói vàng mắt. Nhiều vị gan lì chỉ uống nước

⁽¹⁾ Tên vị bà-la-môn này ở tại thị trấn Verañjā - nên kinh sách thường gọi là bà-la-môn Verañjā.

và hít thở khí trời, đặt hết thì giờ vào thiền định để qua cơn đói.

Bữa nào, hai vị đại đệ tử, Ānanda, Nanda, Rāhula, thị giả Meghiya cũng tìm cách chăm lo bữa ăn cho đức Phật. Mà nào có gì? Một chiếc bánh chapati cũng không. Một vá cơm hầm cũng khó được. Nếu là gạo lứt lẫn với thóc lép, họ để vào bát đá, đâm nhuyễn, thật nhuyễn, trộn nước rồi lọc nước ấy dâng cho đức Phật uống. Cũng qua được mấy ngày. Nhiều vị xin đức Phật di chuyển xa về phương Nam, có nhiều thị trấn khá hơn, nhưng đức Phật mỉm cười:

- Đói thì có đói nhưng sẽ không có ai chết đâu, Như Lai biết rõ như vậy. Có đói chúng ta mới cảm thông với mọi người, với chúng sanh, mới biết rõ khi đói, người ta có thể làm tất cả những việc xấu ác trên đời, miễn là có cái gì đó đưa vào bụng! Cái quý nhất, cái bài học quý báu nhất của chúng ta, là tuy bụng đói nhưng tâm ta vẫn thanh tịnh, yên ổn, không có ác niệm nào khởi sanh lên được. Hãy dùng thiền định để nhiếp phục nó.

Được thêm mấy ngày nữa, tôn giả Mahā Moggallāna đến quỳ bên chân đức Phật, tâu rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chư tăng, nhiều vị đã không thể chịu đựng được nữa rồi. Dân chúng cũng vậy. Đệ tử có khả năng, tay trái bốc chư tăng và mọi người, tay phải lật sâu khoảnh đất này lên, bên dưới có rất nhiều chất dinh dưỡng, có thể cứu đói cho chư tăng cùng mọi người trong vùng.

- Không nên đâu, này Moggallāna! Cái gì cũng có nhân, duyên và quả của nó. Lật đất lên thì biết bao nhiêu sinh vật bị chết, ông biết rõ mà! Lại nữa, cả khoảnh rừng cây này, hồ suối, nương khe này, ông có thể phục hồi toàn bộ như cũ không? Vậy, không những rất nhiều sinh vật bị hy sinh mà một số cây cỏ cũng bị huỷ diệt nữa.

- Hay là đức Thế Tôn cho phép một số tỳ-khưu có đầy đủ thắng trí cùng đệ tử đi trì bình khất thực tại Bắc Cu-Lu châu?⁽¹⁾

⁽¹⁾ *Có tứ đại châu (Mahādīpā): Bắc Cu Lu châu (Uttarakuru), Tây Ngưu*

- Cũng chưa cần thiết đâu, này Moggallāna!

Sau đó, hình như là pháp bắt đầu đến thử thách thêm nữa, vì chư tăng không những bị đói mà còn bị lạnh! Mưa dầm dề, mưa sụt sùi. Cốc liêu không có, giường không có, những tấm che thì đã lũng bùng, rách nát. Ai cũng chịu ướt, ướt rồi khô. Ngồi thiền phải tránh mưa góc này, góc khác...

Tuy vậy, khi nhìn vào sắc mặt an nhiên, bình lặng của đức Phật, chư tỷ-khưu như được tiếp thêm sức mạnh để chịu đựng.

Hôm nọ, tôn giả Ānanda đi khát thực, phát giác một chuồng trại nuôi ngựa rộng lớn. Số là có một đoàn thương buôn với hàng hóa năm trăm cỗ xe từ Uttarāpatha xuống, vì trời mưa, nước sông dâng tràn bờ nên họ lập chuồng trại dừng chân ở đây mấy tháng, đợi hết mùa mưa. Vị trưởng đoàn khách thương, khi trông thấy tướng hảo quang minh của tôn giả Ānanda, ông cứ chăm chú nhìn mãi. Sau khi đặt bát cúng dường, ngay chính vật thực của mình, ông tò mò thăm hỏi. Tôn giả Ānanda tình thật trả lời.

Cảm thông hoàn cảnh, ông ta nói:

- Dân chúng đói nên chúng tôi cũng không dám quá đầy đủ. Do nuôi sức ngựa đường xa nên chúng tôi có thể nhín cho mỗi vị một phần thức ăn, một pattha⁽¹⁾ của ngựa. Vậy nhờ tôn giả trở về thông báo là chúng tôi sẽ cúng dường chư tăng vào mỗi buổi sáng. Riêng đức Tôn Sư thì tôi xin được soạn một phần vật thực riêng.

Hôm ấy, phần ăn của người chủ trại dâng cúng, đức Phật chỉ dùng một ít, phần còn lại, ngài nhường cho Rāhula. Hóa ra thức ăn của ngựa cũng không đến nỗi nào. Nó có gạo, các loại đậu, đường cục nhưng lúa mạch là chính⁽²⁾ nên ai cũng cố gắng chế

Hóa châu (Aparagoyāna), Đông Thắng Thần châu (Pubbavideha), Nam Thiệm Bộ châu (Jambudīpa).

⁽¹⁾ *Chùng bằng hai bàn tay bụm lại.*

⁽²⁾ *Ngài Buddhaghosa giải thích rằng, lúa mạch này đã được tách vỏ trấu và đã được hấp chín.*

biến để dùng, tuy khó ăn nhưng lại đủ dinh dưỡng. Riêng đức Phật thì người khách thương còn gỏi dâng thêm bơ, sữa và mật các loại...

Chư tăng ai cũng nghĩ thâm trong bụng, chắc đức Thế Tôn biết rõ chuyện này nên ngài đã không cho chư tăng dời sang phương khác. Biết rõ chuyện ngài phải ăn gạo có trấu, thóc lép; biết rõ cả chuyện chư tăng sẽ thoát đói nhờ thức ăn của ngựa.

Ai cũng học được bài học quý báu về nhẫn nại và chịu đựng, dù thân đói, khổ vẫn không ảnh hưởng đến tâm tuệ của bậc xuất gia phạm hạnh.

12.2- Thỉnh Thị Một Bộ Luật Hoàn Hảo

Tôn giả Sāriputta, sau khi ra khỏi định, giữ yên ở cận định, một ý nghĩ chợt khởi sanh, liên hệ đến sự tồn tại của giáo pháp nên ngài đã tìm đến đức Phật, quỳ bên chân, thưa rằng:

- Bạch đức Tôn Sư! Giáo pháp thoát khổ quả là có những công năng nhiệm mầu. Giáo pháp ấy mà tồn tại trên cuộc đời lâu xa chừng nào thì lợi lạc và an vui cho chúng sanh từng ấy. Vậy thì cho đệ tử được hỏi, giáo pháp đức Chánh Đẳng Giác nào tồn tại lâu dài, và giáo pháp đức Chánh Đẳng Giác nào không tồn tại lâu dài?

Với câu hỏi ấy, đức Phật cho biết là giáo pháp chư Phật Vipassī, Sikhī và Vessabhū không tồn tại lâu dài, còn giáo pháp của chư Phật Kakusandha, Koṇāgamana và Kassapa thì tồn tại lâu dài. Rồi đức Phật xác định là vị Chánh Đẳng Giác đức nào không giảng dạy giáo lý một cách cặn kẽ, thuận thứ, không ban hành những giới luật căn bản chi tiết và nghiêm minh (cụ túc giới) để ràng buộc chư đệ tử trong một nếp sống kỷ cương và thanh tịnh thì giáo pháp ấy sẽ sớm diệt vong. Giống như một số bông hoa đặt rải rác trên tấm ván sàn, nếu chúng không được những sợi chỉ khâu kết lại với nhau thì chỉ một cơn gió mạnh thổi đến là nó sẽ tung tóe, tán mát khắp các hướng. Cũng vậy là

đời sống phạm hạnh, nếu không có sự xâu kết, ràng buộc bởi giới luật căn bản thì giáo pháp ấy rồi cũng bị tàn tạ và sớm diệt vong y như thế.

Tôn giả Sāriputta cúi đầu ngẫm nghĩ một lát rồi thưa tiếp rằng:

- Đệ tử đã hiểu. Trong mấy năm gần đây, đức Thế Tôn có chế định một số học giới, đa phần là cách sống, cách ứng xử phải lẽ; ngoài ra cũng có chế định thêm một số học giới liên hệ tư cách, phẩm hạnh của sa-môn. Nhưng một bộ luật hoàn chỉnh, cụ thể là những giới luật căn bản thiết cốt⁽¹⁾ cho chư tỳ-khưu để giữ gìn họ trong nếp sống phạm hạnh thiêng liêng để duy trì giáo pháp được lâu dài vẫn chưa có. Vậy xin đức Thế Tôn hãy ban hành giới luật căn bản ấy.

Đức Phật nói:

- Ông nói đúng, này Sāriputta! Nhưng mà từ từ đã. Ông có thấy là trong những năm đầu tiên chúng ta có giới luật nào đâu? Ai cũng sống hồn nhiên và trong sáng. Ai cũng tự biết là việc này nên làm và việc kia không nên làm. Ai cũng có sẵn giới luật ở trong tâm và họ tự điều chỉnh lấy, chẳng cần phải ai nhắc nhở ai. Và cho chí sau này, những chuyện xảy ra tại Kosambī, Jetavana, Veluvana do có trường hợp cụ thể phát sanh, chúng ta mới đưa ra những học giới có tính cách đối trị chứ chưa thiết lập những giới luật căn bản (Pāṭimokkha). Giới luật căn bản và đầy đủ (cụ túc) không thể hình thành trong một hai ngày mà phải trải qua năm tháng khi có những trọng tội, những ô uế phát sanh ảnh hưởng đến đời sống thiêng liêng phạm hạnh. Có giết người mới thiết chế tội để trục xuất kẻ giết người. Có trộm cắp mới thiết chế tội để trục xuất kẻ trộm cắp...

- Đệ tử hiểu!

- Ông phải để ý là lúc nào chư phạm tăng quá đông, lại không được giáo dục, tu tập một cách căn bản có hiệu quả thì lúc ấy, hoen ố sẽ phát sanh...

⁽¹⁾ *Pāṭimokkha: Tứ thanh tịnh giới - là giới bốn của tỳ-khưu.*

- Thừa vâng!

- Lúc nào chư tăng chưa đặt đúng trọng tâm, chưa hướng đến giác ngộ, giải thoát mà chỉ cố gắng tu tập thiền định với mục đích đạt các thắng trí thì lúc ấy hoen ố sẽ phát sanh...

- Thừa vâng!

- Lúc nào, chư tăng chưa đặt được bàn chân đầu tiên trên lộ trình bát tử mà mãi lo trau dồi kinh pháp cho lâu thông, cho uyên bác để hy vọng được làm luật sư, kinh sư, giảng sư, pháp sư có uy tín thì lúc ấy hoen ố sẽ phát sanh...

- Thừa vâng! Lúc nào đời sống vật chất thịnh mãn thì danh vọng và lợi dưỡng lại trở thành ước mơ hoặc mục đích của một số tỳ-khuru tăng ni thì lúc ấy hoen ố sẽ phát sanh...

- Thừa vâng!

- Lúc nào mà của cải, tài sản, y phục, vải vóc, giường nệm, tấm đắp... đa phần đều là vật trân quý nằm đầy các kho lẫm đại tịnh xá, tu viện... thì lúc ấy hoen ố sẽ phát sanh...

- Thừa vâng!

- Hiện tại, chư tăng các nơi khá đông đúc, phàm tăng cũng rất nhiều, những hiện tượng mà Như Lai vừa kể, theo đó, có nảy mầm, đang nảy mầm, có phát sanh nhưng chưa trầm trọng lắm. Có thể vài ba năm tới, từng bước, từng bước, chúng ta sẽ hình thành bộ luật căn bản này. Cứ hễ một người vi phạm cụ thể chúng ta chế định một học giới. Hai người vi phạm cụ thể chúng ta chế định hai học giới ... Ví như ông thầy thuốc, tùy bệnh cho thuốc. Có bệnh mới có thuốc, không bệnh thì bốc thuốc làm gì. Pháp cũng y như vậy mà luật cũng phải y như vậy. Cứ thế, một trăm bệnh có một trăm toa thuốc, hai trăm bệnh hai trăm toa thuốc, dần dần nó sẽ toàn mãn, cụ túc - cụ túc giới là như thế đó, này con trai trưởng!⁽¹⁾

⁽¹⁾ Từ hạ thứ 12 này, là thời điểm tôn giả Sāriputta thỉnh thị đức Phật ban hành một bộ luật hoàn hảo, nhưng đến hạ thứ 20 - khi có trường hợp tỳ-khuru Sudina “liên hệ” với người vợ cũ - giới bất cộng trụ lần đầu tiên

12.3- Cận Sự Nữ Dâng Thịt Dùi

Hết mùa mưa, những con chim trong khu rừng này chuẩn bị cất cánh tung bay thì gia chủ thương buôn Udaya phương xa trở về. Ông vô cùng hối hận không cung cấp, hộ độ vật thực như lời thỉnh cầu, để cho đức Phật và tăng chúng bị đói suốt mấy tháng qua.

Thấy đức Phật và Tăng chúng ai cũng an nhiên và thanh thản không trách cứ lấy một câu, ông mới cảm thấy rõ ràng, giáo pháp giải thoát đã lặn sâu vào trong những con người kỳ diệu này. Nó tỏa ra nơi dung sắc, thái độ, cử chỉ khiến cho không gian môi trường, chỗ họ sống, ở, nơi nào cũng ấm áp, mát mẻ và thanh bình.

Ông chảy nước mắt khi quan sát đức Phật và tăng chúng sống qua suốt mùa mưa ở dưới những cội cây không có cả một tiện nghi tối thiểu! Những bài pháp chân thực và sống động đang diễn ra trước mắt khiến ông quỳ sụp xuống, đánh lễ và xin sám hối một lượt nữa. Sau đó, ông trân trọng thỉnh mời đức Phật và hội chúng đến tại tư gia để ông được đặt bát cúng dường vào ngày mai.

Đức Phật im lặng nhận lời. Hôm sau, ông bà-la-môn Udaya-Verañjā và gia đình tổ chức một buổi cúng dường trọng thể với vật thực thượng vị trân quý. Hai vị đại đệ tử nhắc chừng mọi người nên thọ dụng chừng mực, vừa phải vì dễ sinh tháo dạ hoặc bội thực vì vừa trải qua nhiều tháng “bụng không ruột trống”!

Thấy ai nấy thọ thực đã xong, ông bà-la-môn quỳ xuống dâng cúng đức Phật một bộ tam y quý giá và chư tăng năm trăm vị là năm trăm bộ y như thế. Đức Phật thuyết một thời pháp

mới được ban hành, cũng là thời điểm để các nhà chú giải giới thiệu về tạng Luật.

khích lệ, trấn an, tăng trưởng đức tin cho toàn thể mọi người trong gia đình rồi cùng với hội chúng lên đường. Lần này đức Phật đi chậm như để thư giãn, nghỉ ngơi vì ai cũng vừa ăn no. Đức Phật không trở lại khu rừng cũ mà theo bờ Bắc con sông, đi mãi, đi mãi. Nhờ sau mùa mưa, đất trời mát mẻ, đức Phật và hội chúng như vừa đi vừa du ngoạn. Lộ trình có vẻ xa xôi này, đức Phật không ghé Soreyya, Saṅkassa, Kaṇṇakujja mà tại bên Payāgatittha, ngài qua sông Gaṅgā rồi xuống Bārāṇasī.

Trên đường đi hoặc tại những chỗ dừng chân, đức Phật thường có một số pháp thoại tạo ấn tượng sâu đậm trong lòng chư tỳ-khưu.

Hôm kia, đức Phật và hội chúng dừng chân ở Isipatana (Vườn Nai), thấy trú xứ này chư tăng khá đông và tăng xá, cốc liêu cũng được sửa sang lại tương đối tươm tất. Một số chư vị trưởng lão như Assaji, Vappa, Yasa, Kaḷudāyī... trên đường du hóa nhiều nơi, đang có mặt ở đây, thấy đức Phật đến thăm, họ vô cùng hoan hỷ.

Trong lúc hầu chuyện, trưởng lão Yasa than phiền với đức Phật về trình độ yếu kém, giới hạnh lôi thôi của một số vị tỳ-khưu sơ tu, làm mất đức tin của quần chúng...

- Ông cứ nói! Như Lai nghe đây!

- Bạch Thế Tôn! Tại Bārāṇasī này có gia chủ Suppiya, cả vợ lẫn chồng đều là bậc có trí, có đức tin vững mạnh và có tâm hộ độ chư tăng như giếng nước đầy bên ngã tư đường.

Cách đây ba hôm, một vị tỳ-khưu có nhu cầu về thịt. Ông ta nói là vì uống thuốc xổ quá liều, nên cứ đi xổ liên tục, suốt mấy ngày không còn hơi sức, không còn một chút khí lực nào nên thầy thuốc và bạn hữu bảo là phải cần cháo thịt mới lấy lại sức khỏe được.

Nữ cận sự Suppiyā hứa sẽ dâng cúng món thuốc trị bệnh ấy.

Về nhà, nữ cận sự Suppiyā bảo gia nhân ra chợ mua loại thịt đã được làm sẵn (pavattamaṃsaṃ). Nhưng ngày hôm ấy, thuộc ngày lễ ăn rau trái của đạo bà-la-môn nên khắp phố phường,

chợ búa chẳng tìm ra được một chút thịt gì, gia nhân đành về thưa lại với nữ chủ sự thực như vậy.

Nữ cận sự Suppiyā tự nghĩ: “Đã hứa thì không thể sai lời. Lại là lời hứa đối với một vị tỷ-khưu thì lại càng không thể thất tín. Và lại, nếu uống thuốc xổ đã sức cùng, lực kiệt, nếu không có cháo thịt để tẩm bổ thì cơ thể lại càng suy giảm, nguy hại tính mạng hơn nữa!” Nghĩ thế xong, cô vào phòng kín, lấy con dao hơi lửa sát trùng rồi vén xiêm, cắt một miếng thịt đùi. Với dụng cụ đầu đó đã được chuẩn bị sẵn, bà tự băng bó vết thương cho mình, trấn tĩnh cơn đau, ra ngoài, trao miếng thịt cho một nữ gia nhân thân tín: “Hãy tức khắc hầm cháo, mang đến Vườn Nai dâng cho vị tỷ-khưu bị bệnh”.

Người chồng, nam cận sự Suppiya đi công việc về, hỏi thăm vợ, vào thăm, ân cần hỏi nguyên nhân bệnh. Đối với chồng, bà thật tình kể lại, không dám giấu giếm điều gì.

Nghe xong, thay vì nổi giận, thay vì buồn rầu, ông ta cảm thán, hoan hỷ thốt lên: “Ôi! Thật là kỳ diệu thay! Thật là phi thường thay - về tâm, về trí, về đức tin của người bạn đời thương quý của ta! Nàng đã an trú vào giáo pháp một cách vững chắc, không lay động! Bởi vì, ngay miếng thịt trên tấm thân ngọc ngà, ngàn vàng này mà nàng còn cất bỏ đi được - thì những vật ngoại thân khác, có gì mà nàng không vứt bỏ được đã chứ?”

Tôn giả Yasa kết luận:

- Vợ chồng gia chủ kia thật là tuyệt vời; tâm, trí, công hạnh, đức tin gì gì cũng bất khả tỷ, bất khả tri lượng. Nhưng theo đệ tử, vị tỷ-khưu kia đã hơi quá đáng, bởi một vị tỷ-khưu khi thọ thực, phải suy luận, phải quan sát, phải để tâm xem thử thịt ấy là thịt gì... chứ chẳng lẽ nào thịt gì cũng dùng được?

Câu chuyện vừa bàn xong thì nam cận sự Suppiya cũng vừa đến Vườn Nai, vui mừng đánh lễ đức Thế Tôn, sau đó ông cung kính thỉnh mời đức Phật và chư vị trưởng lão ngày mai đến gia đình để ông được thiết lễ đặt bát cúng dường.

Hôm sau, khi đến tư gia, đức Phật ân cần thăm hỏi sức khỏe

của nữ cận sự Suppiyā thì được biết, nàng đang bị sốt, còn nằm trên giường bệnh chưa ngồi dậy được.

Đức Phật mỉm cười, nói với gia chủ Suppiya:

- Không sao! Ông hãy ẩm bông phu nhân ra đây để Như Lai thăm hỏi một chút nào!

Khi ông Suppiya ẩm bông bà vợ quỳ trước mặt đức Phật và chư vị trưởng lão, đức Phật chú tâm nhìn lướt một vòng từ đầu đến chân thì nàng Suppiyā liền cảm thấy một nguồn khí ấm áp, tê rần chạy khắp châu thân, cuộn cuộn một năng lượng lạ lùng, chữa trị ngay vết thương và sức khỏe cũng theo đó mà hoàn toàn hồi phục. Cận sự nữ Suppiyā vùng dậy trên tay chồng, quỳ phục bên chân đức Đạo Sư, hân hoan, sung sướng thốt lên:

- Ôi! Diệu kỳ thay là ánh mắt của đức Chánh Đẳng Giác! Chỉ cái nhìn lướt qua của ngài mà vết thương của đệ tử được liền lại, cảm giác nó đã đâm da non, và toàn thể thân sắc của đệ tử như trở lại thời còn là con gái.

Ông Suppiya chăm chú nhìn vợ. Ông bán tín, bán nghi chuyện đang xảy ra trước mắt. Cô vợ của ông chột như trẻ lại mười tuổi, cả làn da, thân vóc, ánh mắt, nụ cười là của cô tiểu thư Suppiyā thuở còn xuân xanh!

Cả hai quỳ sụp xuống, cảm động đến không thốt nên lời.

Đức Phật còn ở lại Isipatana mấy hôm nữa. Ngài đã la rầy vị tỳ-khưu xin thịt, nhưng vì lý do lần đầu phạm tội nên chỉ giáo giới và khiển trách là chính.

Đức Phật còn căn dặn bảo chư vị trưởng lão nên phổ biến điều học là vị tỳ-khưu khi thọ dụng phải đề tâm quan sát xem thử đây là thịt gì, dù nó đã thuộc tam tịnh nhục để tránh phải thọ dụng thịt người! Ngoài ra, đức Phật cũng chế định loại thịt gì không được dùng dựa theo tình cảm xã hội hoặc phong tục, truyền thống...

Và tóm tắt những chế định ấy là như sau:

- Thọ dụng thịt người như trường hợp vừa xảy ra thì phạm trọng tội (thullaccaya).

- Thọ dụng thịt mà không quán xét thì phạm tội tác ác (dukkata).

- Thọ dụng thịt voi, thịt ngựa, thịt rắn, thịt chó, thịt sư tử, thịt cọp, thịt beo, thịt gấu, thịt chó sói... đều phạm tội tác ác (dukkata)...

Đức Phật chỉ chế định chừng ấy rồi lại cùng với hội chúng lên đường, thông dong du hoá đó đây...

12.4- Sự Tích Cõi Trời Ba Mươi Ba

Rời Bārāṇasī, đức Phật lại nhắm hướng Đông, theo một lộ trình mới, lần hồi, qua sông Gaṇḍā lên Vesālī, đến rừng Đại Lâm, trú tại Trùng Các giảng đường.

Lúc ấy là vào thời tiết cuối xuân, đất trời còn mát mẻ, nghe đức Phật trở về, chư vị trưởng lão và chư tỳ-khưu trong vùng tìm đến đánh lễ, vấn an sức khỏe của ngài. Rồi thời gian, nhóm này đến, nhóm kia đến, đức Phật tùy nghi thuyết pháp cũng kéo dài đến nửa tháng. Đặc biệt có vương tử Mahāli và tùy tùng đến thăm viếng đức Phật cùng lễ phẩm cúng dường rất trọng hậu. Vương tử Mahāli vẫn còn nhớ ân đức Phật và tặng chúng đã cứu nạn cho Vesālī tám năm về trước. Ông cũng có đức tin với chư thiên cùng những oai lực của họ, nhất là đức vua trời Sakka, nhưng không rõ đời sống, cảnh giới của họ thật sự ra sao. Nhân dịp này, Mahāli hỏi đức Phật về sự thắc mắc của mình.

Thấy hội chúng tăng ni và cư sĩ hôm ấy khá đông nên đức Phật kê lại sự tích về cõi trời Ba Mươi Ba ấy.

- Này Mahāli! Như Lai biết rõ chư thiên, biết rõ Đế Thích thiên vương, biết rõ nhân duyên và quả của cảnh giới ấy nữa.

Rồi câu chuyện kể của đức Phật về sự tích ấy được các nhà chú giải, các vị sư sính văn chương, chữ nghĩa, thuật lại, như sau:

“Thuở ấy, thật là quá lâu xưa, khi chưa có đức Chánh Đẳng Giác ra đời, tại ngôi làng Macala, thành Rājagaha, nước Magadha, có chàng thanh niên tên là Magha ra đời; vì do phước và trí

sanh nên chàng bước xuống thế gian với đầy đủ phẩm chất của một con người hiền lương, có đầu óc và có tấm lòng.

Cũng như mọi người, chàng lập gia đình, có bốn vợ, sinh con đẻ cái, siêng năng làm ăn, xây dựng cửa nhà cùng đề tâm đến những công việc lợi ích chung cho nhân sinh, xã hội.

Ngôi làng Macala ấy đầy ác giới. Dân chúng thường hay gây gỗ đánh đập nhau bằng binh khí miệng lưỡi hoặc bằng đao gậy. Sự xáo trộn, bất an trong mọi gia đình như giông bão âm ào hoặc như lửa cháy âm ỉ không có dấu hiệu ngưng dứt.

Nghề nghiệp của dân làng là săn bắt muông thú trong rừng và giăng lưới tôm cá ở sông hồ. Một số kẻ bất thiện vô công rồi nghề thì bắt trộm chó gà, ăn nhậu với rượu men, rượu nấu. Khi no nê và say sưa chí tử, không có tội lỗi nào mà chúng không làm, không có xấu ác nào mà chúng không phạm. Tiếng cười lẫn với tiếng khóc, tiếng la hét, rên rỉ lẫn tiếng kêu gào, cuồng nộ từ góc xóm này sang góc xóm khác, ngày qua ngày, đêm qua đêm.

Magha thấy, nghe mọi chuyện và chàng đã từ từ từng bước một, không mệt mỏi chuyện làm ăn, tích lũy của cải, tài sản để giúp đỡ mọi người. Chàng và 30 thanh niên, đại diện ba mươi gia đình cùng nhau làm các thiện sự, các công ích xã hội. Lần hồi, Macala hướng dẫn đời sống đạo đức và hiền thiện cho cả ngôi làng. Hết kiếp ấy, Macala hoá sanh làm Đế Thích thiên chủ; ba vị phu nhân của chàng cùng ba mươi gia đình thanh niên hoá sanh lên cõi Ba Mươi Ba với ba mươi ba cung điện nguy nga tráng lệ”.

Kể xong chuyện tiền thân Đế Thích, đức Phật kết luận:

- Thuở còn luân hồi sinh tử, Như Lai đã làm những thiện sự không mệt mỏi. Không những chỉ mình làm mà còn nhắc nhở, khuyến khích, giáo hóa người khác làm theo. Do vậy, những phước báu hữu vi của Như Lai cũng rất là đặc biệt, rất là thù thắng. Chính nhờ bố thí, trì giới, làm các việc lành tốt hữu ích cho cuộc đời mà Như Lai hưởng quả vị thiên chủ tối cao với

ngũ dục, với uy lực, với quyền năng vô hạn! Điều nổi bật ở đây chính là đức tính tinh cần với những thiện sự. Ai tinh cần, người ấy được tán dương; ai dễ duôi, biếng nhác sẽ bị người khác coi khinh, xem thường. Đúng như câu kệ ngôn:

“- Chỉ nhờ đức tánh tinh cần
Đề Thích cai quản bốn tầng thiên vương
Dễ duôi thiên hạ khinh thường
Tinh cần mãi được tán dương đời đời!”⁽¹⁾

Nghe xong tích truyện cõi trời Ba Mươi Ba, nhiều vị tỳ-khuru trẻ, bàn tán với đại ý là: Đức Phật của chúng ta thuở còn là bồ-tát, ngài tích lũy phước báu hữu vi thật “kinh khiếp”, mà khi xả bỏ cũng “kinh khiếp” vậy!

13- Mùa An Cư Thứ Mười Ba (Năm 575 tr. TL)

13.1- Tỳ-khuru Sudina

Tại ngôi làng Kalanda gần Vesālī có con trai của một nhà đại phú tên là Sudina, vừa mới lập gia đình. Hôm nọ, chàng và một số bạn hữu ghé kinh thành Vesālī vì một vài công việc làm ăn, thấy mọi người đổ xô đến Đại Lâm (Mahāvana), Trùng Các giảng đường (Kūṭāgāra)⁽²⁾ để nghe đức Phật thuyết pháp, ông và bạn hữu cũng tò mò đi theo.

Thanh niên Sudina nhìn thấy đức Thế Tôn ấy được đoanh vây bởi một hội chúng đông đảo và ngài như một sư tử vương, vàng rực, chói sáng, uy nghi như nhiếp phục cả đại giảng đường, tạo cho chàng một ấn tượng mạnh mẽ.

Rồi còn thời pháp nữa. Với âm thanh trầm hùng, thanh thoát, diệu vợi, với ngôn ngữ cô đọng, gãy gọn, chính xác, dị giản như

⁽¹⁾ *Pháp cú 30, nguyên văn: “Appamādena maghavā devānaṃ seṭṭhatam gato. Appamādam pasamsanti pamādo garahito sadāti”.*

⁽²⁾ *Kūṭa là nóc nhọn; āgāra là nhà ở, nên đôi nơi dịch là “Sảnh đường nóc nhọn”.*

đi thẳng vào tâm, vào trí hội chúng. Còn nữa. Còn lý nghĩa và tư tưởng. Còn những ví dụ, những đoản ngôn. Còn chiều sâu và khoảng trống, khoảng lặng của những điều chưa nói hết; tất cả ấy như cuốn hút tâm tư Sudina làm cho chàng chú tâm lắng nghe không bỏ sót một từ, một ngữ nghĩa nào. Thanh niên Sudina xúc động một cách sâu xa, dường như nó đảo hoán tận gốc rễ nếp suy nghĩ của chàng bấy lâu nay.

Cuối thời pháp, thanh niên Sudina như còn rung động, bàng hoàng, đắm chiều, tự nghĩ: “Quả là ta đã sống và đang sống một đời vô vị, vô tích sự. Bụi bặm, dơ ứ, đặc đầy phiền não và buộc ràng! Ta đang đắm say, mê mải nơi thế giới đóm hoa không thực. Ta đã tìm kiếm hạnh phúc nơi cõi vô thường, tạm bợ, sinh diệt mà tưởng là hằng thường, vĩnh cửu. Tiếng chuông của giáo pháp đã gõ mạnh lên đầu ta rồi. Ánh sáng của giáo pháp cũng đã chớp lóe trong tâm trí của ta rồi. Vậy, đời sống tại gia này còn thú vị gì nữa, còn chút sinh khí nào nữa đâu?”

Rồi chàng lại suy nghĩ tiếp: “Nhưng nếu muốn sống đúng như những điều mà đức Thế Tôn kia đã thuyết giảng thì quả thật không phải là dễ dàng đối với người đời, đối với người tại gia với trăm công, nghìn việc, với ân ái vợ chồng, với tiền bạc, gia sản, với thôn lân, bằng hữu, với truyền thống, tập tục, với bùn lầy, tù đọng và chật chội của toan tính và lo âu. Cái đời sống trong sạch và trinh trắng như vỏ ốc kia, cái đời sống giải thoát như cánh chim trời kia chỉ thích hợp với người cạo bỏ râu tóc, tam y nhất bát, sống đời xuất gia phạm hạnh mà thôi!”

Thế rồi, với đồng lực và quyết tâm, lúc trở lại gia đình, thanh niên Sudina nói rõ ý định xuất gia của mình cho cha mẹ và cả cho cô vợ mới cưới hay. Ai cũng ngăn cản. Ai cũng nói ý định ấy là điên rồ và ngu ngốc. Ngay chính bạn bè thân hữu cũng xúm vào khuyên lon chàng, vì chàng là con một nên thuận theo truyền thống tổ tiên là sinh con đẻ cái để nối dõi tông đường!

Ý định sống đời phạm hạnh như mũi tên đã bắn đi, không dừng lại được, thanh niên Sudina tuyên bố với sức mạnh nặng

ngàn cân: “Một là xuất gia, hai là chết!” Chàng nằm xuống nơi chỗ nền đất không có trải lót rồi nhịn ăn, một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày.

Khi sự sống của Sudina chỉ còn thoi thóp, sợ con trai chết, cha mẹ mới đồng thuận cho chàng xuất gia.

Thế là vô cùng khó khăn, thanh niên Sudina mới bứt nổi sợi dây ràng buộc của gia đình, trở lại Đại Lâm, Trùng Các giảng đường để xin đức Phật được xuất gia sống đời phạm hạnh.

Đức Phật sở dĩ ở nán lại thêm mấy hôm ở đây cũng chỉ để chờ đợi chàng trai này, vì hơn ai hết, ngài biết ông ta có duyên với giáo pháp⁽¹⁾. Và sau khi thấy rõ tâm ý, sở nguyện của thanh niên Sudina, đức Phật chứng minh và chư vị trưởng lão cho ông ta thọ đại giới với những lời giáo giới căn bản và cần thiết nhất.

Tỳ-khuru Sudina sau đó, nguyện sống hạnh đầu-đà, mặc y phần tảo⁽²⁾, noi gương tôn giả Mahā Kassapa, tam y nhất bát, tu hành rất mực tinh tấn. Ai cũng kính trọng. Chỉ riêng đức Phật, các vị thánh lậu tận có thắng trí thì chỉ mỉm cười, không bình luận.

13.2- Tại Ngọn Đồi Đá Trắng

Thấy nhân duyên ở Vesālī vậy là vừa đủ, đức Phật giáo giới thêm một số thời pháp nữa đến chư tỳ-khuru tăng và ni rồi lại lên đường. Lần này, ngài chỉ đi một mình cùng với thị giả

⁽¹⁾ Câu chuyện về tỳ-khuru Sudina này được mở đầu khi giới thiệu về luật tạng. Vì tám năm sau, lúc về thăm lại gia đình, cha mẹ chàng tha thiết khẩn cầu chàng để lại “hạt giống-bījaka”. Lúc ấy, giới bát cộng trụ (pārājikā) thuộc thanh tịnh giới (patimokkha) chưa chế định - chàng không biết, tưởng là không có tội chi, nên đã ba lần giao hợp với người vợ cũ. Kết quả là bà vợ sanh được một đứa con trai nên bạn bè vui nhạo gọi tên bà là “Mẹ của chúng tử”! Mấy trăm năm sau, Mi-lan-đà sở vấn (Milindapañha) cũng có nhắc lại chuyện tỳ-khuru Sudina này.

⁽²⁾ Pamsukūla: Vải bó tử thi hoặc vải lượm từng tấm, từng mảnh nơi này và nơi kia, giặt sạch, nhuộm rồi may mặc - không thọ nhận vải mới, vải lành nguyên.

Meghiya theo hướng Tây Bắc.

Nửa tháng sau, đến vùng Cālikā, có con sông Kimikālā xanh trong mát mẽ, ngôi làng Jantu tươi đẹp, trù phú, thanh mậu, đức Phật dừng chân nghỉ ngơi tại một lùm cây im mát. Khuất xa sau vùng dân cư, đức Phật thấy một ngọn núi trắng nổi bật giữa nền trời trong vô cùng hùng vĩ và diễm lệ. Dân địa phương cho biết, là trên núi Cālikapabbata⁽¹⁾ có rất nhiều hang động có thể trú mưa, nắng.

Sáng ngày, sau khi trì bình khát thực, thấy dân tình thuận phác, chưa nhiễm quá nặng mê tín của đạo bà-la-môn, đức Phật quyết định an cư mùa mưa thứ mười ba ở đây.

Độ thực xong, đức Phật và thị giả Meghiya bộ hành lên núi. Hóa ra Cālikapabbata là một ngọn núi đá vôi màu trắng, không lẫn một màu sắc nào, xen kẽ là những gốc cổ thụ, lùm hoa, bụi cây điểm xuyết trong vô cùng ngoạn mục.

Đức Phật lựa tìm một hang động. Và tỳ-khuru Meghiya cũng có một hang động gần bên. “Hai thầy trò” bỏ y bát, lui cui quét tước, dọn dẹp nơi ăn chốn ở cho mình. Quả thật là thanh tịnh và yên ổn vô cùng, chẳng có ai quấy rầy.

Tỳ-khuru Meghiya không biết, chứ hằng đêm, đức Phật lại thuyết pháp cho thọ thần, địa thần, sơn thần, chư thiên xung quanh vùng đến đánh lễ, thăm viếng và hỏi đạo.

Hôm kia, đứng trên đỉnh núi, đưa mắt nhìn bao quát bốn phương, một sự so sánh, tỷ giảo chợt đến với ngài. Quả thật, giáo pháp của ngài xuất hiện ở thế gian cũng tương tự như ngọn núi trắng này, hùng vĩ giữa nền trời, dường như không nhiễm bụi bặm trần tục. Còn hội chúng tu tập, với những đạo quả, thắng tuệ, tứ vô ngại giải, thần thông, giới định, thuyết pháp... điểm

⁽¹⁾ Kinh sách nào cũng ghi, hạ thứ 13, đức Phật an cư tại tảng đá Cālikā hoặc làng Cālikā. Nhưng Theo Dictionary of Pāli proper names - thì đó là một ngọn đồi màu trắng, hoàn toàn trắng (The hill was quite white in colour). Nó còn cho biết có con sông Kimikālā và ngôi làng Jantu với vườn xoài (mango grove) tươi đẹp mà thị giả Meghiya thích thú nữa.

xuyết cũng tương tự những cụm cây xanh, những lùm hoa kia!

Còn nữa, hằng đêm, đêm này sang đêm khác, chỉ cần một chút sáng tự trời cao thì ngọn núi đá trắng chợt trông như một mảnh trăng hùng vĩ xua giạt bóng đêm - để lại một thứ ánh sáng dịu dàng, tĩnh lặng và thanh bình.

Đức Phật tự nghĩ:

“- Hôm tại Verañja, ông Sāriputta đề nghị một bộ luật hoàn hảo hăng là có lý. Muốn bảo vệ, gìn giữ giáo pháp nguyên vẹn, trình trắng như ngọn núi này thì phải cần có giới luật căn bản, cụ túc. Vậy, nhân mùa an cư này, có lẽ ít bận rộn bởi những hội chúng, ta sẽ để tâm nghiên cứu trước các bộ luật của chư Phật quá khứ để lúc nào thuận tiện, đúng thời, đúng duyên thì ta sẽ chế định”.

Thế rồi, ngày qua ngày, đức Phật lặng lẽ trì bình khát thực, khi một mình, khi cùng thị giả Meghiya. Đôi khi, đức Phật vào định suốt mấy ngày thì những lúc ấy, tỳ-khuru Meghiya lủi thủi ôm bát đi một mình. Hôm kia, vui chân ông đến làng Jantu, thấy một vườn xoài cổ thụ xinh đẹp, ông thích thú quá, muốn độc cư ở đây.

Khi đức Phật xuất định, tỳ-khuru Meghiya quỳ bạch xin đến vườn xoài kia để tu tập. Cả hai lần đức Phật đều từ chối.

Quán căn duyên, ngài biết rõ, một kiếp quá khứ lâu xa, vị tỳ-khuru này đã từng làm một vị vua cai trị một vương quốc ở đây, và ngôi vườn kia là hậu thân vườn thượng uyển của ông ta. Nếu tỳ-khuru này đến ở đây thì những hình ảnh xa xăm đâu đó về đời sống hưởng thụ ngũ dục sẽ tái hiện lại trong tâm tưởng và sẽ đánh gục ông ta tức thì!

Nhưng khi tỳ-khuru Meghiya khẩn thiết xin đến lần thứ ba thì đức Phật lại gạt đầu, nói rằng:

- Thôi được rồi! Ông cứ đi cho vừa lòng, cho thỏa nguyện. Như Lai biết chuyện gì sẽ xảy ra. Và có lẽ sau khi chuyện xảy ra rồi thì lời dạy bảo của Như Lai mới khỏi phải phí phạm như nước trượt lá sen, như nước đổ đầu vịt!

Quả đúng như thế. Tỳ-khuru Meghiya đến vườn xoài, lựa chọn chỗ ở thích hợp với mình xong, mỗi ngày, mỗi đêm tinh tấn hành thiền. Nhưng ông ta hoàn toàn bất lực không tìm thấy một chút thanh bình, một chút an tịnh nào. Cái tâm lúc nào cũng bồn chồn, xao xuyến rồi đủ mọi tham dục khởi lên. Không biết từ đâu trong sương khói chập chờn, những hình ảnh mỹ nữ hiện ra, nõn nường, lồ lộ da thịt, thơm ngát phấn hương... khêu gợi đam mê và dục tình. Rồi nào là những thức ăn mỹ vị... rồi tiệc tùng, đàn ca, xướng hát vang vang trong tâm tưởng, hoặc như từ hư không vọng xuống... Niềm khao khát hưởng thụ đời sống ngũ trần ào ạt tấn công làm cho vị tỳ-khuru này không chịu nổi. Ông toát mồ hôi, cắn răng đến chảy máu hầu chiến đấu với nó. Lát sau, trầm tĩnh lại, Meghiya tự nghĩ: “Thật là kinh khiếp, thật là kỳ lạ. Ở gần bên đức Đạo Sư ta luôn cảm giác an ổn, lúc nào những dục tư duy, dục tầm⁽¹⁾ khởi lên, chúng nhanh chóng biến mất. Còn bây giờ, khi ta ở một mình, nó đánh ta không còn manh giáp, không còn một chỗ nào để thối lui!”

Một bữa khác, nhẹ nhàng xả thiền, để tâm hư tĩnh, lắng nghe hơi thở một hồi, Meghiya chậm rãi bách bộ dưới những lùm cây thưa với những vệt nắng loang lổ. Buổi chiều mát mẻ, yên tĩnh, chàng đã lấy lại được sự thăng bằng tâm hồn. Bất chợt, một đàn chim từ đâu đó rào rào xuất hiện, chúng đập cánh, nô giỡn, ca hát ồm ồm, tạp loạn... làm cho chàng rất khó chịu... Rồi phân chim rơi xuống, lông lá bay loạn xạ làm chàng bức bối hơn. Chưa thôi, hôm sau lại một đàn khỉ tìm đến nữa, chúng chí chóc nín cành, chuyền nhánh, vật trái làm náo động cả khu vườn. Thế là tâm chàng như có ngọn lửa thiêu đốt, lại rơi vào sân tư duy, sân tầm⁽²⁾ không cưỡng được. Chàng không còn làm chủ

⁽¹⁾ *Kāmaavitakka*: Dục tầm - tức là tầm cầu, suy nghĩ, tìm kiếm để thỏa mãn ái dục - nhất là nhu cầu vật chất, thân xác.

⁽²⁾ *Byāpādavitaṅka*: Sân tầm - tức là tầm cầu, suy nghĩ, tìm kiếm những gì liên hệ đến nóng nảy, bức bối, giận dữ, sân...

được mình. Những bước đi chột hấp tấp, bồn chồn, lại vấp ngã bởi gốc cây, cục đá...

Sau đó nữa, cơn nóng giận càng tăng trưởng làm cho Meghiya sinh ra thù ghét chúng, chàng giận dữ, cứ muốn la muốn hét, muốn đập, muốn đánh đuổi, muốn chưởi mắng lũ chim, lũ khỉ. Và khi mà hại tư duy, hại tâm⁽¹⁾ khởi lên dữ dội, không còn làm chủ được, chàng đã lấy đá quăng, lấy cành cây đập đuổi đàn chim, đàn khỉ. Một vài ba con đầu đó bị thương tích nên chúng hoảng sợ bỏ đi cả.

Ngồi thở với hơi thở dồn dập, tim đập mạnh, máu dồn căng lên óc, chàng mệt lả.

- Thôi rồi, đúng rồi! Đức Phật đã từng giáo giới ở đâu đó, rằng là, khi mà dục tâm, sân tâm, hại tâm khởi lên, chúng sẽ thiêu rụi mọi thiện pháp, làm cho tàn rụi, héo úa mọi công đức tu tập có được!

Ồi! Phải trở về vấp đầu nơi bàn chân bụi của đức Đạo Sư thôi, ngài sẽ chỉ dạy cho ta cách vượt qua chúng. Khi nào mà chưa có biện pháp đối trị, khi nào mà nội lực tâm linh, sự hành trì tu tập của ta chưa vững vàng thì ta không còn dám sống một mình nữa đâu.

Vội vã lúc đến cũng như vội vã lúc đi, Meghiya mau chóng xếp y, mang bát, bộ hành lên lại núi đá Cālikā, đánh lễ đức Thế Tôn, trình bày lại mọi sự...

Cái gì xảy ra trong tâm tư vị tỳ-khuru này, đức Phật đã thấy rõ, biết rõ nên ngài đã dạy cách đối trị với dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy. Cuối buổi giảng, tỳ-khuru Meghiya có được pháp nhãn, bước được vào dòng chảy giải thoát. Ông ta sung sướng gục khóc, quỳ ôm chân bụi đức Đạo Sư không thốt được nên lời.

⁽¹⁾ *Vihimsāvitakka*: Hại tâm - tức là tâm cầu, suy nghĩ, tìm kiếm những gì liên hệ đến hận, đến thù, đến sự mưu hại chúng sanh khác.

14- Mùa An Cư Thứ Mười Bốn (Năm 574 tr. TL)

14.1- Khúc Gỗ Trôi Sông

Hôm ấy, mặc dầu là đã hết mùa mưa, đức Phật cùng đại chúng tỳ-khưu đang du hành từ Kosambī về Bārāṇasī thì gặp một trận mưa lớn đầu từ đầu nguồn nên nước chảy cuồn cuộn. Dòng sông lúc bấy giờ trông hung hăng như một con rồng dữ cuốn trôi trên mình nó nào bùn đất, nào rác rêu, nào cây tươi, cây mục, nào gỗ to, gỗ nhỏ về biển cả. Con sông ào ào siết chảy, gặp những chướng ngại như cầu cống, triền núi, bờ đá, chân các cỏ thành, vũng xoáy qua vục; rồi còn cư dân địa phương mạo hiểm trên những chiếc thuyền con, bè chuối lao ra giữa dòng vớt củi nữa, đã làm phát sanh trong tâm trí đức Phật rất nhiều ví dụ, rất nhiều ẩn dụ về pháp. Nên lúc dừng chân tại một triền đất cao, thoáng đặng, đức Đạo Sư đã có một cuộc pháp thoại, như sau:

- Nay các thầy tỳ-khưu! Hãy nhìn khúc gỗ đang trôi trên sông kia kìa? Nó đang thuận dòng vun vút lao đi nhưng không biết nó có về được biển Đông không đây?

Một số đông tỳ-khưu đáp:

- Khó có thể về đến biển Đông được, bạch đức Tôn Sư!

- Tại sao?

Rồi từng người đáp:

- Thừa, khúc gỗ ấy có thể bị tấp bờ bên này, bị tấp bờ bên kia...

- Bị người ta vớt...

- Có một số bị mắc cạn trên cồn đất nổi...

- Có thứ chỉ còn lơ lửng thì bị chìm...

- Có thứ thì bị mục ruỗng...

- Có thứ bị vũng nước xoáy quăng đập cho rách nát, tả tơi...

Lắng nghe chư tỳ-khưu đưa ra được những luận cứ xác thực, đức Phật mỉm nụ trắng vàng, đầm ấm và dịu dàng nói:

- Nay các thầy tỳ-khưu! Là tỳ-khưu trong giáo pháp của Như Lai, thực hành con đường phạm hạnh thì cũng phải như khúc gỗ

kia là không được tấp vào bờ này, không được tấp vào bờ kia, không chìm giữa dòng, không mắc cạn trên cồn đất nổi, không bị người đời nhặt lấy, không bị phi nhân nhặt lấy, không bị lọt vào vùng nước xoáy, không bị mục nát bên trong thì sẽ xu hướng về Niết-bàn, thông thuận về Niết-bàn.

Khi các vị tỳ-khuru thắc mắc: Bờ này, bờ kia là gì? Tại sao chìm giữa dòng? Thế nào là mắc cạn trên cồn đất nổi? Người và phi nhân nhặt lấy là sao? Không bị lọt vào vùng nước xoáy, bị chìm hoặc mục ruỗng bên trong là sao nữa?

Đức Phật lại tiếp tục:

- Nay các thầy tỳ-khuru! Bị tấp vào bờ này chính là bị đánh, bị đâm, bị nô lệ bởi mắt, tai, mũi, lưỡi và thân.

Bị tấp vào bờ kia là bị đánh, bị đâm, bị nô lệ bởi sắc, thanh, hương, vị và xúc.

Bị người đời nhặt lấy là do vị tỳ-khuru ấy sống quá liên hệ, quá gần gũi với giới cư sĩ tại gia, với người đời; họ thường làm những việc của thế gian, lạc khổ, thương ghét, buồn vui gì cũng như là người của thế gian; bị đánh mắc, trói buộc suốt đời vào những việc không phải là của mình, của một vị tỳ-khuru xuất gia phạm hạnh.

Bị phi nhân nhặt lấy là vị tỳ-khuru dàu xuất gia phạm hạnh nhưng không xu hướng chánh trí, giác ngộ, giải thoát, Niết-bàn mà chỉ thích mơ ước, tâm cầu các cảnh giới dục lạc của chư thiên.

Bị mắc cạn trên cồn đất nổi là những tỳ-khuru kiêu ngạo, hồng hách, ngã mạn, cậy quyền, ý thế mình học giỏi, đa văn hoặc niên cao, lap lón không coi ai ra gì! Giống như những kẻ ngôn sau:

“- Người ngu cuồng vọng tiếng tăm

Muốn ngồi trên trước chư tăng thánh, phạm

Quyền uy tu viện cao sang!

Muốn người đưa đón, kiệu vàng, lọng hoa!”⁽¹⁾

⁽¹⁾ *Pháp cú 73: “Asaṃ bhāvanam iccheyya, purekkhāraṇa bhikkhusu; avāsesu ca issariyaṃ pūjā parakulesu ca”.*

Hoặc:

“- Người ngu ‘tự ngã’ phô trương
Cướp công đồng đạo nêu gương mình làm!
Ưu sai, ưa lệnh ráp hàng

Mạn cuồng tăng thượng, ái tham lũ dòng!”⁽¹⁾

Bị mục ruỗng bên trong là ám chỉ những vị tỳ-khưu có nội tâm xấu xa, ô uế, hủ bại, không có giới, hành ác hạnh, đầy đầy những ham muốn bất chánh, tà mạng, hèn hạ...

Khi đức Phật vừa giảng ngang đây thì có một chú chăn bò bạo gan từ ngoài bước vào, quỳ năm vóc sát đất rồi cất lên tiếng rống của chú sư tử con:

- Bạch Thế Tôn! Con đã chăm chú lắng nghe rất kỹ thời pháp! Đã đặt trọn vẹn tâm, trí vào thời pháp. Con thấm thía, xúc động với thời pháp vi diệu ấy. Cho nên, con sẽ “không bị tấp vào bờ này, bờ kia, sẽ không bị chìm giữa dòng, sẽ không bị mắc cạn trên cồn đất nổi, sẽ không bị người đòi nhặt lấy, sẽ không bị phi nhân nhặt lấy, sẽ không bị lọt vào vùng nước xoáy, sẽ không bị mục nát bên trong!” Vậy hãy cho con xuất gia, con sẽ thực hành phạm hạnh, con sẽ xu hướng về Niết-bàn, thông thuận về Niết-bàn, bạch Thế Tôn!

Quán căn cơ chú chăn bò có vẻ khả thủ, đức Phật nói:

- Được rồi, này Nanda! Nhưng con hãy về trả bò cho chủ đã.
- Chúng sẽ tự động tìm về với chủ cũ, bạch Thế Tôn!
- Đồng ý là vậy! Nhưng con cũng cần cho chủ biết! Đến đi đều minh bạch cũng là một phẩm tính tốt đẹp trên đời đó con.

Thế rồi, đức Phật đã cho chú chăn bò thọ sa-di giới. Và đúng như chú đã tuyên bố là sẽ xu hướng đến Niết-bàn nên chú đã đắc quả A-la-hán không lâu sau đó!

⁽¹⁾ *Pháp cú 74: “Maṃ eya kata maññantu gihī pabbajitā ubho; maṃ ev’ativasā assu kiccākiccesu kismici; iti bālassa saṅkappo icchā māno ca vaḍḍhati”.*

14.2- Trao Gia Tài Cho Rāhula

Ngày đi, đêm nghỉ, lần hồi đức Phật và đại chúng đã về đến Sāvatti, tịnh xá Kỳ Viên. Vậy là mùa an cư thứ mười bốn, đức Phật nhập hạ ở đây.

Hôm nọ, tôn giả Sāriputta đến gặp đức Phật, trình bày là sa-di Rāhula nếu tính từ trong bụng mẹ thì năm nay đã hai mươi tuổi rồi.

- Vậy ông thấy trình độ tâm của Rāhula đã vững chãi chưa?
- Có giới hạnh lại khiêm cung, lễ độ nữa, bạch Tôn Sư.
- Thế có sẵn sàng trình độ trí để tiếp nhận những pháp cao hơn không?

- Cũng đã rất sẵn sàng, bạch Tôn Sư.

- Vậy thì hãy làm những gì mà ông thấy hợp thời và đúng lúc.

Thế rồi, sau đó, tôn giả Sāriputta làm thầy tế độ (upajjhāya), tôn giả Mahā-Moggallāna làm thầy đọc tuyên ngôn (ācariya) cùng một số vị trưởng lão cho sa-di Rāhula thọ đại giới, dẫn đến đánh lễ đức Phật rồi ngồi một nơi phải lễ.

- Đây là tân tỳ-khưu Rāhula, bạch Thế Tôn!

Đức Phật nhìn ngắm tăng tướng, phẩm mạo sáng đẹp, uy nghi của Rāhula, ngài hỏi:

- Mấy ngày hôm nay, tại giảng đường chùa Kỳ Viên, nhị vị đại đệ tử đã thay nhau thuyết những bài pháp về “Mười loại cỏ”, về “Mười một pháp của người chăn bò khéo giỏi” và “Khúc gỗ trôi sông”, con có chăm chú lắng nghe và có khéo tư duy về những ngữ nghĩa, ẩn dụ trong mấy thời pháp ấy không, Rāhula?

- Đệ tử nắm bắt khá tốt, bạch Thế Tôn.

- Thế con tâm đắc nhất trong ba thời pháp ấy là gì? Cái cô đọng, cái tinh tủy, cái còn lại trong con là cái gì, Rāhula?

- Đệ tử tâm đắc nhất câu nói đồng mãnh, đầy tự tin của chú chăn bò Nanda là: “Con sẽ không bị tấp vào bờ này, sẽ không bị

tấp vào bờ kia, sẽ không bị chìm giữa dòng, sẽ không bị mắc cạn trên cồn đất nổi, sẽ không bị người đời nhặt lấy, sẽ không bị phi nhân nhặt lấy, sẽ không bị lọt vào vùng nước xoáy, sẽ không bị mục nát bên trong” bạch Thế Tôn!

- Và khúc gỗ ấy, chắc chắn sẽ thuận theo dòng trôi về biển lớn chứ?

- Chắc chắn như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vậy thì con có thể giải thích toàn bộ một cách ngắn gọn được không, này Rāhula?

Rồi sau khi tân tỳ-khưu Rāhula tóm tắt rất rõ ràng, mạch lạc bài kinh được hỏi, đức Phật gật đầu:

- Tốt, được rồi! Vậy thì ngày mai, con hãy cùng đi trì bình khát thực với Như Lai.

Cuối nửa canh ba đêm ấy, đức Thế Tôn khởi lên tư niệm: “Tâm và trí của Rāhula đã thuần thực, đã sẵn sàng, vậy ta hãy trao cho nó cái gia tài mà thuở xưa nó đã xin ở nơi ta!”

Và rồi, sáng hôm sau, khi đức Phật và vị tân tỳ-khưu thông dong khát thực, vừa đủ dùng, ngài dẫn Rāhula đi thẳng vào rừng Andhavana.

Trong lúc đó, chư thiên tại tịnh xá Kỳ Viên và khắp vùng, xông xáo bàn tán: “Hôm nay, tại khu rừng Andhavana, đức Chánh Đẳng Giác sẽ trao cho con trai của mình kho tàng vô giá. Hãy cùng nhau đến nghe xem để cùng hoan hỷ và cùng lợi lạc”.

Tại một cội cây mát mẻ, sau khi độ thực, uống nước, rửa tay xong, đức Phật chợt hỏi Rāhula:

- Sáu căn dính mắc là tấp vào bờ này, sáu trần dính mắc là tấp vào bờ kia; hôm qua con đã tóm tắt như vậy là tạm đủ. Tuy nhiên, có thể tóm tắt gọn hơn thế nữa, được không, Rāhula?

- Có thể được, bạch đức Thế Tôn!

- Thế nào?

- Sáu giác quan mắt tai mũi lưỡi thân và ý, sáu đối tượng của sáu giác quan ấy là hình sắc, âm thanh, mùi, vị, xúc chạm và ý niệm; theo đó, chúng sẽ phát sanh sáu cái biết là thấy, nghe,

ngủ, ném, sờ chạm và nhận thức; vậy là chúng luôn luôn duyên sanh, luôn luôn thay đổi, rỗng không, không có tự tính, không có cái gì ở đó là tôi, là của tôi cả, bạch Thế Tôn!

- Ủ, đúng vậy! Đức Phật gặt đầu - tức là mười tám giới căn trần thức ấy luôn vô thường, vô ngã có phải như vậy không?

- Vâng, bạch Thế Tôn!

- Một hạt cát cũng vô thường, vô ngã, một cọng cỏ cũng vô thường vô ngã, một hạt sương cũng vô thường vô ngã. Cho chí mặt trời, mặt trăng, biển cả, núi Tu Di cũng vô thường, vô ngã. Vậy vô thường, vô ngã ấy là định luật tự nhiên của trời đất! Nếu nó mà không vô thường, không vô ngã thì thiên hà vạn tượng không tồn tại, này Rāhula! Con có thấy như thế không?

- Đệ tử có thấy, nhưng vô thường, vô ngã của ngoại giới, của vạn hữu như Thế Tôn vừa nói, chúng không đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não (dukkha), bạch Tôn Sư!

- Thế vô thường, vô ngã nào mới đưa đến toàn bộ dukkha ấy, này Rāhula?

- Chính chấp thủ ta và của ta, đưa đến các trạng thái tâm lý, kết dệt nên một cái ngã không thực có: Là tôi thích, tôi không thích, tôi thương, tôi yêu, tôi buồn, tôi oán, tôi giận, tôi nóng nảy, tôi khoái, tôi đam mê, tôi chán chường mới chính thực sự là dukkha, là núi lớn dukkha, là biển cả dukkha trên trần gian này, bạch Thế Tôn!

- Đúng vậy! Hãy tóm tắt điều con vừa nói thử nào, Rāhula?

- Là thân thể, là các cảm thọ, là những tưởng tri, là các trạng thái tâm lý, kể cả tâm ý thức; cái ngũ uân ấy là vô thường, vô ngã, là không phải ta, không phải của ta! Ai thấy rõ như vậy, minh tri như vậy, liễu tri như vậy, thấy như thực thấy như vậy thì kẻ ấy thoát ly tất cả mọi dukkha, bạch Thế Tôn!

- Có thể nói cách khác không, này Rāhula?

- Có thể được! Ai chấp thường, chấp ngã là bị dukkha chi phối; ai thấy rõ vô thường, vô ngã thì có trong tay chìa khóa mở được cánh cửa giải thoát, Niết-bàn, bạch Thế Tôn!

Thấy Rāhula nắm chắc giáo pháp, biết rõ, thấy rõ giáo pháp một cách quán triệt, thông tuệ. Nó đã đi từ da, qua thịt, đến xương, gặp tủy rồi - nên đức Phật thử đặt một câu khó:

- Vậy thì ý niệm cuối cùng mà con vừa diễn đạt, cái chìa khóa mở cửa Niết-bàn ấy, nó nằm ở đâu, này Rāhula?

- Nói là chìa khóa cho có hình tượng, chứ thật ra không có chìa khóa ấy. Nó chính là “lưỡi kiếm của tuệ hành xả”, nó chặt đứt luôn ý niệm giải thoát cuối cùng, vì nó không phải là ta, không phải là của ta, chẳng phải tự ngã của ta, bạch Thế Tôn!

Đức Phật biết rõ đóa hoa giác ngộ trong lòng của Rāhula, trải qua thời gian, nắng mưa sẽ sắp sửa mãn khai nên ngài tiếp thêm một chút duyên, một tia nắng ấm của giáo pháp nữa:

“- Do biết vậy, thấy vậy nên các vị đa văn Thánh đệ tử của Như Lai đã yểm ly tất cả, xả ly tất cả, không còn chấp thủ, dính mắc bên trong, không còn chấp thủ dính mắc bên ngoài. Nhờ xả ly, nhờ ly tham, vị ấy lìa tất cả mọi nội ngoại triền, hữu kiết sử nên được giải thoát. Khi giải thoát vị ấy biết mình đã giải thoát: Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, mọi việc cần làm đã làm xong, không còn trở lui các trạng thái tâm trầm luân, hệ lụy, hệ phục đời này nữa.

Này Rāhula! Đây là gia tài trân bảo mà Như Lai không chỉ trao cho con, mà còn trao cho tất cả những ai cần cầu tu tập trên cuộc đời này, là rốt ráo phạm hạnh, là viên mãn sang bờ kia vậy!”

Đức Thế Tôn kết luận tối hậu như thế, tân tỳ-khưu Rāhula, ngay sát-na ấy, giải thoát khỏi các lậu hoặc, không còn chấp thủ. Quả vị A-la-hán tối thượng tôn đã đến với con trai đức Phật. Toàn bích và viên dung.

14.3- Hóa Độ Phạm Thiên Baka

Có vị phạm thiên tên là Baka đang sống đời vinh quang, xán lạn, thọ hưởng hạnh phúc an lạc bằng tuổi thọ mấy đại kiếp quá

địa cầu⁽¹⁾ ở cõi Quang Âm thiên. Do vậy, ý nghĩ đầy tự phụ và tự mãn sau đây khởi lên trong tâm của ông ta:

“- Quả thật là ta đang sống trong cõi vinh quang thường tồn, vĩnh hằng, kiên cố, bền vững, không có sự hủy hoại; không sanh, không già, không chết, không chuyển kiếp, không hóa kiếp, bất sanh, bất diệt... Ngoài cảnh giới của ta ra, không một nơi nào khác có được những tính chất thù thắng như vậy”.

Đức Thế Tôn dùng tha tâm thông, biết rõ chấp kiến mê muội của phạm thiên Baka, biết rõ ông ta sẵn có duyên lành có thể hóa độ được; bèn với thời gian như viên lực sĩ đuổi cánh tay, ngài biến thân từ Jetavana, có mặt ở cõi phạm thiên Abhassarā (Quang Âm thiên) trong chớp mắt.

Phạm thiên Baka nhìn thấy đức Thế Tôn⁽²⁾ ngự lên tận đây, tỏ vẻ vô cùng hoan hỷ, thốt rằng:

- Ô! Quý báu thay! Kính thưa sa-môn Gotama! Tôi rất hân hạnh được đón tiếp ngài, chiêm ngưỡng ngài! Không rõ sa-môn Gotama có hữu sự gì, có duyên lành gì ở cõi vinh quang, xán lạn này chăng?

Đức Phật nghĩ là nên vào đề ngay:

- Nay phạm thiên Baka! Như Lai đồng ý đây là cõi vinh quang, xán lạn; nhưng không biết là nó tồn tại được bao lâu?

Phạm thiên Baka nhíu mày:

- Sao lại bao lâu? Sa-môn Gotama có ý nghĩ lạ đời, nghịch thường như thế? Thẳng hoặc, sa-môn Gotama vì không rõ nên nói quấy chăng? Chẳng ở nơi nào có được sự vinh quang, xán lạn, vĩnh cửu như ở đây!

Đức Phật thương hại cho vị phạm thiên này, nên nói:

- Hỡi phạm thiên Baka! Như Lai biết rõ không phải như vậy. Với tà kiến ấy, người sẽ ở mãi chỗ tối tăm, mê muội, không bao

⁽¹⁾ Đại kiếp quả địa cầu: Quả địa cầu qua 4 thời kỳ thành, trụ, hoại, không. Mỗi thời kỳ như thế bằng 1 a-tăng-kỳ. Một đại kiếp = 4 a-tăng-kỳ.

⁽²⁾ Đức Phật thành đạo thì chư thiên, phạm thiên đều biết cả.

giờ thấy rõ được sự thật đâu!

Phạm thiên Baka nghe đức Phật quả trách nặng nề, vẫn không chịu thay đổi chấp kiến; y dùng tâm ý, gọi nhóm bằng hữu 72 vị phạm thiên, đồng có mặt trong một lúc, rồi ngã mạn nói rằng:

- Ông sa-môn Gotama phải biết rằng, chúng tôi có cả thầy 73 người đã từng tạo sắc giới thiện nghiệp, cho quả hóa sanh lên cả đây! Tất cả chúng tôi đều biết rõ rằng, cõi trời phạm thiên này là kiếp chót, không còn sanh già nữa. Chúng tôi đã đến đỉnh điểm, đã đến cứu cánh rốt ráo của phạm hạnh. Trên thế gian này, tất cả nhân loại đều kính ngưỡng chúng tôi, mong ước ở địa vị chúng tôi. Họ đồng tán dương rằng, chư phạm thiên này là Đại phạm thiên! Không một ai, không một thế lực hữu hình và vô hình nào khổng chế được. Chư Đại phạm thiên là những bậc có đại quyền lực, là đáng Tạo Hóa, là Hóa Sanh Chủ, là Tối Thượng Tôn, là Tổ phụ của muôn loài đã sanh và đang sanh trên hoàn vũ!

Vậy thưa ông sa-môn Gotama! Có 72 vị đồng phạm hạnh này làm minh chứng cho tôi. Thế thì lẽ nào đức Thế Tôn lại bảo, là ở đây, sự vinh quang, xán lạn này được bao lâu? Lại còn cho là chúng tôi rơi vào thường kiến tối tăm và mê muội? Xem chừng, sa-môn Gotama tự xưng là Phật, là đại A-la-hán được thế gian trọng vọng, tôn thờ nhưng ông vẫn chưa đạt được cứu cánh này, địa vị này? Hoặc may mắn lắm, ông chỉ là một vị trời tầm thường mà thôi vậy!

Đức Phật nghe những lời huênh hoang, khoác lác như thế, khởi tâm bi mẫn, nói rằng:

- Nay phạm thiên Baka! Nghe Như Lai nói đây! Ông tưởng rằng ông tạo sắc giới thiện nghiệp nên hóa sanh lên cõi này sao? Do không thấy, không biết, không nhớ đến tiền kiếp của mình nên ông mới sinh ra tự tôn, cao mạn như vậy!

Phạm thiên Baka ngạc nhiên:

- Tôi không tin điều đó! Chẳng có gì để chứng minh cả, thưa ông sa-môn Gotama!

Đức Phật mỉm cười:

- Kiếp trước đây, người ở cõi trời Subhakinha (Biên Tịnh thiên), có tuổi thọ 64 đại kiếp quả đất. Trước khi mất ở đây, nhờ người trú được định nhị thiên thâm sâu, có hỷ lạc thâm sâu, nên người mới sanh vào cõi trời này. Như vậy là người đã từ cảnh giới quang minh bất động của Biên Tịnh thiên mà rơi xuống Quang Âm thiên chứ đâu phải sanh lên, hờ phạm thiên Baka?

Vị phạm thiên vẫn ngoan cố lắc đầu:

- Chuyện không thể tin được!

- Vậy thì người hãy ngồi xuống, trú tâm thanh tịnh - đức Phật nói - rồi Như Lai sẽ cho người nương nhờ túc mạng thông của Như Lai, để người nhớ đến kiếp trước của mình!

Rồi với năng lực thần thông của bậc Chánh Đẳng Giác, đức Phật để cho tâm trí phạm thiên Baka nhớ đến sanh thú trước đây. Giữa vùng yên lặng, trong sáng, đột nhiên Baka thấy rõ mình là một vị phạm thiên cao sang, thù thắng lạ lùng. Toàn thân vị phạm thiên ấy phát ra ánh hào quang vững chắc, như nhiên, kiên cố khó có thể lực, uy lực nào xâm phạm được. Vị phạm thiên ấy bước đi trong ánh hào quang không xao động, bay đi trong hào quang không xao động. Thân thể vị ấy đồng với hào quang, tan hòa trong hào quang; và niềm hạnh phúc an lạc của vị ấy thâm mật, tế vi, chẳng có hình ảnh, ngôn từ nào khả dĩ so sánh, diễn đạt...

Đức Phật thu lại thần thông, nói rõ mồn một vào tai Baka:

- Cảnh giới vinh quang, xán lạn, thường hằng, bất biến ở đây, so với cảnh giới người vừa thấy, nó ra sao?

Phạm thiên Baka như vừa tỉnh một cơn mê dài, y bắt đầu nói chuyện có lẽ độ hơn một tí:

- Thừa sa-môn Gotama! Niềm vinh quang, xán lạn ở đây thật là tệ hại, là tối tăm, là thấp thỏi! Ôi! Hóa ra cảnh giới mà tôi đã từng sống trước đây nó vi diệu, thù thắng như vậy sao? Và tôi cũng từng đã ở đây 64 đại kiếp quả đất hay sao?

- Phải, và còn hơn thế nữa, này phạm thiên Baka! Ngay chính

cảnh giới ấy nó vẫn còn thấp thỏi, hạ liệt. Người đã từng sống ở một cảnh giới cao sang, thù thắng hơn thế nhiều. Đó là cảnh giới Vehapphala (Quảng Quả thiên), mà phước báu ở đây viên minh và vô lượng hơn nhiều. Niềm hạnh phúc an lạc kia, trong suốt tợ pha lê, một tí bụi của hỷ lạc xả thô tháo cũng không gợn lên được. Suốt một thời gian dài và lâu xa đến năm trăm đại kiếp quả địa cầu, người sống và thọ hưởng niềm vinh quang tráng lệ ấy. Trước khi chấm dứt tuổi thọ, người trú được định tam thiên và rơi đọa xuống cảnh giới mà người vừa nhìn thấy.

Rồi cũng bằng thần thông lực bất khả tư nghị của đấng Diệu Giác, đức Phật để cho phạm thiên Baka thấy lại tiền kiếp đã bị quá khứ che lấp. Sau khi thấy rõ, biết rõ sự thật, bao nhiêu kiên cố, tự mãn, tự đắc của phạm thiên Baka thấy đều tiêu tan, y qui xuống đánh lễ chân bụi của đức Đạo Sư:

- “Con” không biết nói gì nữa. Thật là vô cùng tri ân đức Thế Tôn đã mở mắt cho con!

- Nay phạm thiên Baka! Đức Phật tiếp tục dẫn dắt cho kẻ tối tăm, bít bùng thấy thêm con đường khoáng khoáng, sáng sủa - Ngay chính cảnh giới thù thắng ấy cũng chưa phải là cao tột, tuyệt đỉnh. Đó chỉ mới là cảnh giới của đệ tứ thiên hữu sắc, tuy đạt được phúc lạc tế vi nhưng đối với Như Lai thì nó cũng rất tầm thường. Đây là phước báu của sắc giới thiện nghiệp mà người đã tạo ở cõi người, từ một kiếp trước đó, người không biết thế sao?

- Thưa, con không biết!

- Thuở ấy - Đức Phật nói tiếp - Mặc dầu sinh vào thời không có đức Phật Toàn Giác, nhưng người đã sớm có trí tuệ, thấy được sự hạ liệt, thấp thỏi của dục vọng ngũ trần nên người đã từ bỏ đời vinh hoa phú quý, xuất gia làm đạo sĩ ở Tuyết Sơn. Do sự tinh cần, chuyên niệm, nỗ lực thiện định nên người đã đắc được đệ tứ thiên hữu sắc thô tháo ấy! Như Lai khá khen người đã tự tri, tự lực để vạch cho mình một lộ trình tươi sáng, trong lúc thế gian đang chìm trong giấc ngủ say nồng!

Rồi đức Phật lại cho phạm thiên Baka nương nhờ thần thông lực của mình, giúp y thấy lại được đời sống ấy, kiếp ấy.

- Con đã thấy rồi! Y nói - Con đã tin rồi, bạch Thế Tôn!

- Và này hỡi phạm thiên Baka! Người đâu có biết rằng còn vô lượng cảnh giới thanh lương, mỹ toàn hơn thế, Như Lai đã từng chứng đạt, liễu tri; nhưng Như Lai đã không cần an trú ở đây mà Như Lai đã đoạn trừ chúng, đã viễn ly chúng vì thấy chúng chưa phải là cứu cánh tốt cùng, viên mãn! Vậy mà ở đây, ở cõi chỉ có một tí xiu an lạc này; người đã dám tự tuyên xưng là thường hằng, bất biến; là nơi không còn sanh, già, bệnh, chết; là nơi không còn hóa sanh, chuyển sanh; là cõi vinh quang, đời đời hay sao!?

Phạm thiên Baka lại quì sụp xuống:

- Kính xin Thế Tôn cho phép con sám hối những lỗi lầm ngu si, tà kiến và ngã mạn ấy!

- Thôi được rồi! Đức Phật nói - Như Lai chứng minh cho lời sám hối ấy. Bây giờ người hãy tính chuyện cho mai sau. Cảnh trời Quang Âm này tuổi thọ chỉ 8 đại kiếp quả địa cầu. Người ở đây cũng đã khá lâu, và Như Lai còn biết rõ, sự mạng chung của người chỉ còn 100 ngàn Nirabhuda⁽¹⁾ mà thôi vậy!

Phạm thiên Baka kính cẩn nói:

- Bây giờ thì con đã có đức tin hoàn toàn nơi Thế Tôn! Con biết chắc Thế Tôn là bậc thấy rõ, biết rõ không cùng tận. Là bậc đã liễu ngộ sinh tử, đã thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết; là bậc đã chấm dứt trọn vẹn mọi khổ đau, phiền não, đã vượt lên trên tất cả mọi cảnh giới thù thắng nhất. Con quả là người đi đêm lạc đường, xin Thế Tôn vì lòng bi mẫn soi rọi cho con thấy một số kiếp quá khứ, con đã từng làm gì, đã từng tu tập như thế nào; để y cứ theo đó, con biết được pháp hành mà con đã thọ trì trước đây. Điều ấy giúp cho con định hướng được tương lai cho đời mình!

⁽¹⁾ Nirabhuda: Có con số “1” đứng đầu, sau là 63 con số “0”, viết là 1063 năm.

Sau đó, đức Phật vén mở một số kiếp sống mà phạm thiên Baka đã từng cứu sống không biết bao nhiêu người, đã từng làm những thiện sự, được gọi là những pháp hạnh tốt đẹp. Rồi ngài khuyên hãy tích lũy những công hạnh ba-la-mật⁽¹⁾! Hãy sinh xuống cõi người mà làm các thiện sự, vừa hoàn thiện bản thân vừa phục vụ chúng sanh như trước kia ông đã từng làm!

- Con hiểu! Con biết! Bây giờ con mới thấy rõ sự hưởng thụ tại cảnh giới như thế này là ích kỷ, hẹp hòi. Quả thật, ngài chính là Phật Toàn Giác, là đức Chánh Biến Tri. Không những ngài đem niềm vinh quang, xán lạn đến đây cho con, cho cả tương lai mai hậu trong lộ trình tu tập hướng thượng của con nữa!

Phạm thiên Baka hết lời tán dương đức Phật, khi ngẩng đầu lên thì đức Phật không còn ở đấy nữa, ngài đã trở về Kỳ Viên tịnh xá.

14.4- Vu Oan, Giá Hoạ Phật

Lúc mà uy tín của đức Phật và giáo hội của ngài ngày càng tăng thì uy tín của các giáo phái ngoại đạo ngày càng giảm. Tất cả miếu, viện của họ hương tàn khói lạnh, chư vị đạo sĩ vật thực bữa có bữa không. Họ sinh tâm căm ghét, hận thù đức Phật và tăng chúng đến tận xương tủy.

Kinh sử còn ghi nhận hai vụ trả thù bằng cách vu oan giá hoạ đức Phật, và đều xảy ra tại Kỳ Viên tịnh xá.

Vụ đầu tiên là họ sử dụng một nữ tu sĩ rất xinh đẹp, tên là Sundarī, giả một kịch bản là hay đến chùa Kỳ Viên vào những giờ giấc “khả nghi”. Sau đó cô ta nói xa nói gần, ồm ồm nửa kín, nửa hở như là có liên hệ “gì đó” với đức Phật. Bậc trí và những

⁽¹⁾ 10 ba-la-mật là: Bố thí, trì giới, xuất gia, trí tuệ, tinh tấn, nhẫn nại, chân thật, quyết định, tâm từ, tâm xả. Vì 10 pháp này vừa hoàn thiện bản thân vừa phục vụ chúng sanh, trong đó không có thiên định. Vì trú trong định, một là nghỉ ngơi, tịnh dưỡng; hai là sự an hưởng hạnh phúc riêng tư, nếu không thấy rõ như vậy dễ phát sanh sự hưởng thụ vị ngã.

thánh đệ tử thì mỉm cười trước những đồn thổi này, nhưng tăng, tục phàm phu thì nghi nghi, ngờ ngờ. Bước thứ hai của mưu kế này là cho người trà trộn vào những buổi thuyết pháp đông đúc, có mặt hai hàng cư sĩ để tung tin, rỉ tai, sau đó loan truyền khắp thành phố về chuyện “mờ ám” của đức Phật.

Dù bọn ngoại đạo và nữ tu Sundarī đã rêu rao nói xấu, vu khống nhiều cách nhưng vẫn không làm giảm uy tín đức Phật được, nên họ đã dùng đến thủ đoạn độc ác là bỏ bạc tiền thuê mướn nhóm côn đồ nghiện rượu chè, mê cờ bạc giết cô Sundarī rồi giấu xác chết trong đồng rác ngay trước cổng ra vào tịnh xá Kỳ Viên.

Sau đó, nhóm tu sĩ ngoại đạo cử người đại diện vào trình đức với vua Pāsenadi:

- Tâu đại vương! Một nữ tu trẻ đẹp của giáo phái chúng tôi tên là Sundarī, bỗng dung mất tích trong thời gian lui tới chùa Kỳ Viên. Xin đại vương cho đội quân do thám đi điều tra!

Cùng lúc ấy thì chúng chia ra nhiều toán giả vờ đi tìm kiếm khắp nơi. Có một nhóm loanh quanh lẩn quẩn trước cổng chùa Kỳ Viên rồi hô hoán lên là tình cờ thấy xác cô Sundarī trong đồng rác. Tin được loan ra, hàng trăm tu sĩ ngoại đạo đồng bọn tìm tới, chúng làm ầm ĩ lên rồi đặt xác chết trên cáng, kéo đi khắp thành phố rêu rao với đại ý rằng: Cô nữ tu Sundarī của chúng tôi là một đệ tử ngoan đạo, thuần thành nhưng lỡ mang sắc đẹp mê hồn, kiêu diễm của tiên nữ. Trong mấy lần lui tới Kỳ Viên, không biết tại sao, cô ta lại bị giết chết rồi chôn xác tại một đồng rác trước cổng chùa? Ai giết? Và tại sao bị giết? Có phải sa-môn Gotama và đệ tử của ông ta đã lỡ làm điều xấu xa rồi muốn che giấu tội lỗi của mình bằng cách chôn xác phi tang? Ôi! Thật là oan uổng! Thật là oan uổng!

Xác chết sau đó được mang đến triều đình. Đức vua bước xuống, đi tới gần bên nhìn xác chết một hồi; vì mới một ngày một đêm nên dường như cái xác còn “tươi nguyên”; tuy lấm lem lá rác nhưng cũng không giấu được một vẻ đẹp làm nao

nao, xao xuyến lòng người. Không cần vị quan nắm cán cân công lý, không cần mọi thủ tục rườm rà, đức vua cất tiếng hỏi:

- Ai là người đầu tiên thấy cái xác này?

Giữa đám đông, ước chừng có vài mươi người đồng cất tiếng tự nhận là mình:

- Là tôi!

- Chính tôi thấy!

Đức vua tức khắc thấy sự sợ hãi của chúng, nhưng cũng cất giọng uy nghiêm hỏi tiếp:

- Thế các thầy đến cổng chùa Kỳ Viên làm gì?

Họ im lặng. Một vị có vẻ lớn tuổi đáp:

- Tâu đại vương! Có một bọn tàn thực đang kêu cái gì nơi đồng rác, thấy xác chết nên chúng hô hoán lên, sau đó chúng tôi mới tìm tới.

- Thế sao vừa rồi có cả mấy chục vị bảo là thấy xác chết đầu tiên? Vậy những vị bảo là thấy đầu tiên đâu, các thầy vẫn chưa trả lời câu hỏi của ta: Đến cổng chùa Kỳ Viên làm gì, có việc gì?

Họ im lặng. Đức vua bèn nghiêm khắc nói:

- Trẫm sẽ cho điều tra. Nhưng khi chưa có bằng chứng, khi chưa có kết luận của triều đình thì đừng rêu rao bậy bạ. Trẫm sẽ xử theo luật hình về tội: “Cố ý bôi nhọ, vu khống người khác, nhất là những bậc đạo cao đức trọng!”

Nói thế xong, đức vua cảm thấy xót thương cho đóa hoa trong đồng rác, bèn cho lính bỏ nhiều lớp vải trắng rồi chu đáo cho hỏa táng thi hài Sundarī. Còn nhóm tu sĩ ngoại đạo thì đức vua bảo lính cai ngục giam giữ lại, đợi điều tra xong hãy tính.

Thế rồi, nghe kể rằng, chuyện điều tra cũng không lâu la gì. Đội quân do thám được đức vua cử đi đã lân la khắp các nơi vui chơi hạ liệt trong kinh thành, tức là những “điểm đen” thường xảy ra các loại tội phạm.

Có hai đứa con đồ vừa xong một trận nhậu nhẹt say sưa nhưng khi trả tiền thì đứa này đùn đẩy sang đứa kia nên sinh ra bất hòa, tranh cãi ồn ào:

- Tiền đưa nào cũng bằng nhau, tại sao tao trả mà không phải là mày trả?

- Vì chính tay tao giết chứ không phải mày giết!

- Nhưng tao lại phải vác cái xác nặng nề, còn mày thì đi lông ngông như dạo mát vậy đó!

- Nhưng mà mày quăng xuống rồi bỏ đi, còn tao lại phải tìm lá rác để che giấu cái xác!...

Nghe chừng ấy chuyện, chẳng gặng hỏi lời thôi, lính do thám xích tay hai tên du côn dẫn về triều đình. Tại đây, chúng khai nhận tội, đồng thời khai luôn những kẻ thuê mướn, chính là nhóm tu sĩ ngoại đạo cho người đại diện vào triều tấu trình với đức vua.

Trước khi hành hình bọn côn đồ và bọn chủ mưu, đức vua cho lính dẫn nhóm tu sĩ ngoại đạo đi khắp các con đường lớn, con đường nhỏ trong kinh thành, liên tục thay nhau loa truyền rằng: Máy vị trưởng lão đạo sĩ của chúng tôi sai người thuê mướn hai đứa côn đồ nghiện rượu giết chết cô tu nữ Sundarī để vu oan giá họa cho sa-môn Gotama cùng đệ tử của ông ta. Chính mấy vị trưởng lão đạo sĩ của chúng tôi mới là người chủ mưu, mới là kẻ có tội!

Sau đó, hai tên côn đồ nghiện rượu và mấy vị tu sĩ ngoại đạo chủ mưu giết hại cô nữ tu Sundarī đều bị hành hình, xử trảm theo pháp luật của quốc độ.

Trong thời gian ấy, tịnh xá Kỳ Viên vẫn yên lặng như tờ, vì đức Phật và chư vị trưởng lão đã dặn bảo đại chúng rằng:

“- Nhân sanh ra ở đâu là nó sẽ diệt ở đó! Hãy giữ sự yên lặng và thanh bình của bậc thánh đệ tử!”

Và đây là chuyện thứ hai.

Một hôm, cô nàng Ciñcā-māṇavikā rất xinh đẹp đến tu viện ngoại đạo, làm lễ các đạo sĩ xong, nàng đứng một bên. Ciñcā-māṇavikā rất ngạc nhiên là các đạo sĩ mặt mày ủ rũ, lặng im không ai nói với nàng một tiếng nào. Trên chánh điện, màn nhện giăng tứ tung, đèn đuốc, hương hoa, trái cây đều không

có. Nàng quì xuống, đánh lễ vị đạo sĩ già đến lần thứ ba mà ông ta cũng không nói không rằng, dường như là không hề có mặt của nàng vậy.

Nàng Ciñcā-māṇavikā thoáng nghĩ: “Đề rồi mình sẽ tìm hiểu lý do!” rồi bạch:

- Con là đệ tử ngoan đạo, luôn luôn coi quý ngài như cha mẹ; nhưng không biết hôm nay con có lỗi gì mà quý ngài không thèm nói với con một tiếng, dù con đã đánh lễ ba lần!

Một vị đạo sĩ nói:

- Không! Nay con! Con là một đệ tử rất tốt. Quả thật, con không có lỗi gì, mà con cũng chưa một lần nào làm các thầy phiền lòng cả. Hôm nay các thầy có chuyện buồn. Cái cảnh hương tàn khói lạnh và sự sầu não của các thầy có liên hệ gì đến con đâu!

- Sao lại không liên hệ? Quý ngài sầu não chẳng lẽ con lại vui được sao? Nhưng mà có lý do nào trọng đại đến nỗi làm cho quý ngài phải buồn bã, mặt ủ mày chau như thế?

- Mặt ủ mày chau là đã may! Một vị khác nói - Mấy lúc gần đây, đời sống của các thầy rất thiếu thốn, rất khổ sở; đôi khi suốt ba bốn ngày các thầy không có nổi một muống cơm, một vá canh vào lòng nữa là khác!

Nàng Ciñcā-māṇavikā ngạc nhiên, nồn nóng hỏi:

- Có như vậy thật sao? Tứ sự cúng dường của các ngài trước đây rất dồi dào kia mà!

Một vị tu sĩ gạt đầu.

- Phải! Và đây là trước kia! Còn bây giờ, chính sa-môn Gotama đã làm khổ các thầy. Chính sa-môn Gotama đã làm cho các thầy mất tất cả uy tín, danh vọng cũng như lợi lộc...

Một vị tu sĩ khác nói góp thêm:

- Có nhiều tu viện của chúng ta bây giờ chột trở nên trống không và điêu tàn. Cũng có nhiều tu sĩ không có ai cúng dường gì đành phải chịu chết đói!

Nàng Ciñcā-māṇavikā cảm thấy rất đau lòng, chân tình nói:

- Vậy mà con có hay biết gì đâu? Không biết con có thể làm gì được để giúp đỡ quí ngài đây?

Các tu sĩ già vờ im lặng một lúc, rồi có vị nói:

- Chỉ sợ con ngại khó mà không giúp đỡ thôi!

Nàng Ciñcā-māṇavikā mau mắn đáp:

- Không! Có khó khăn gì con cũng làm được, miễn là quí ngài an vui, hết sầu não, hết đói khổ!

Vị tu sĩ già trang nghiêm nói:

- Đây là việc hệ trọng, đòi hỏi sự khôn ngoan và khéo léo. Nếu con muốn giúp đỡ các thầy thì chỉ có một phương cách duy nhất, là con hãy dùng cái sắc đẹp đầy duyên dáng, đầy quyến rũ của mình, làm thế nào đó để giả mang thai với sa-môn Gotama! Với khả năng của con, các thầy biết con làm được điều đó!

Nàng Ciñcā-māṇavikā hỏi:

- Nếu làm vậy thì các thầy sẽ có lợi gì?

- Cốt ý của chúng ta là làm giảm uy tín của sa-môn Gotama trong lòng quần chúng. Khi mà uy tín của ông ta đã giảm thì danh vọng và lợi lộc của ông ta cũng giảm theo. Như thế thì phần đông tín đồ của sa-môn Gotama sẽ trở về lại với chúng ta!

Nàng Ciñcā-māṇavikā hớn hờ nói:

- Đúng vậy, kế này thật tuyệt vời! Quí ngài hãy tin tưởng ở nơi con. Việc làm này, con xem như là bổn phận để đáp đền công ơn đối với quí ngài nữa vậy!

Từ hôm ấy, cứ vào mỗi buổi chiều, dân chúng trong thành Sāvatthi sau khi nghe xong thời pháp của đức Phật ở chùa Kỳ Viên, trên đường trở về nhà họ thường gặp một cô gái rất xinh đẹp, ăn mặc thật duyên dáng, cầm một bó hoa trên tay, lại đi theo hướng ngược chiều. Một vài lần, nhiều lần, cô gái khi thì sắc phục này, lúc thì sắc phục nọ mà kiểu dáng nào cũng xa hoa, lộng lẫy, vừa quyến rũ vừa kín đáo. Có người tò mò, dừng lại hỏi:

- Chiều tối rồi, cô đi đâu mà ăn mặc đẹp vậy?

Nàng Ciñcā-māṇavikā trả lời, cố ý tạo sự nghi ngờ:

- Tôi đi đâu là công việc riêng, quý vị biết phỏng có ích gì!

Nói xong, nàng bước đi, theo hướng Kỳ Viên, nhưng lại nghỉ qua đêm tại một tu viện ngoại đạo ở gần đó. Sáng hôm sau, khi một số tín nữ đến Kỳ Viên để cúng dường đức Phật và tặng chúng thì thấy nàng lại từ hướng Kỳ Viên trở lại thành phố. Người ta lại hỏi:

- Thế thì đêm qua cô nghỉ ở đâu mà lại vào thành sớm vậy?

Nàng ồm ờ đáp:

- Tôi nghỉ đâu thì có nơi có chỗ của tôi, mắc mớ gì đến quý vị mà quý vị hỏi!

Sự việc như trên được diễn ra từ tháng này qua tháng nọ; nàng Ciñcā-māṇavikā nghĩ là phải tiến gần mục tiêu hơn tí nữa, nên khi có người hỏi, nàng đáp:

- Quý vị lạ lùng quá! Chuyện riêng tư của người ta mà cứ hỏi miết! Chẳng lẽ tôi lại khai chỗ ngủ bí mật cho quý vị biết hay sao?

Thời gian sau, nàng đi một bước nữa:

- Người ta là người có danh vọng, có địa vị; tôi được hầu hạ người ta là phước đức ba đời rồi, vậy chuyện này tôi phải giữ kín trong lòng!

Ai là người có danh vọng, có địa vị? Về hướng Kỳ Viên tịnh xá thì chỉ có sa-môn Gotama mà thôi! Một số đông dân chúng bắt đầu ngờ vực hoặc bán tín bán nghi. Cho đến khi trải qua ba, bốn tháng, nàng Ciñcā-māṇavikā lấy vải độn bụng, mặc áo lụng thụng che kín bên ngoài, thì có một số người nhẹ dạ, cả tin, nghĩ là cô gái kia thật sự có thai với sa-môn Gotama rồi!

Thời gian dụng tâm khổ công thế đã hơn chín tháng, nghĩ là màn kịch hạ bệ uy tín đức Phật đã đến hồi chung cuộc, nhóm tu sĩ ngoại đạo gọi nàng Ciñcā-māṇavikā đến. Họ dùng một miếng gỗ tròn có bốn đầu dây ràng, bảo nàng Ciñcā-māṇavikā mang vào, buộc chặt sau lưng, lại mặc áo phủ lại. Xong đâu đấy, họ lấy cây bó bông ở bên ngoài, đánh ở hai sống bàn tay bàn chân của nàng Ciñcā-māṇavikā cho sưng lên. Thế là xong. Thế đúng

là người đàn bà sắp đến thời kỳ sinh nở.

Chiều hôm ấy, khi đức Phật đang ngự trên pháp tòa của giảng đường, tứ chúng đoàn vây chờ đợi thánh pháp như thường lệ thì nàng Ciñcā-māṇavikā từ ngoài xông xộc đi vào đứng trước đức Phật, chỉ tay, buông lời nhiếc mắng:

- Này ông sa-môn Gotama! Ông thuyết pháp thật là hay, thật là giỏi! Ông cứu độ biết bao nhiêu người cũng rất hay, cũng rất giỏi! Còn tôi? Ông cứu độ tôi thế nào đây? Tôi bụng mang dạ chửa là vì ông. Cho đến nỗi hôm nay, đã đến ngày sinh nở, ông cũng không thèm giúp tôi than củi, cháo rau! Trên đời này có ai bạc tình đến như thế không?...

Khi nàng Ciñcā-māṇavikā xuất hiện với cái bụng vượt mặt, tay chân sung vù, ngang nhiên đi thẳng vào chỗ pháp tòa trang nghiêm, tứ chúng đều như đồng loạt đứng cả dậy. Rồi khi nàng chửi rửa, mắng nhiếc đức Phật, mọi người thẳng thốt, bàng hoàng; từng lời, từng tiếng như những mũi kim châm chích tê điếng vào tai, vào óc họ. Nhưng lạ lùng làm sao, họ thấy đức Phật khuôn mặt vẫn bình hòa, an nhiên, tự tại. Dáng dấp đức Phật ngồi trên pháp tòa vẫn như tư thế sư tử chúa, uy nghiêm, định tĩnh trong động bấu của mình!

Đợi đến khi nàng Ciñcā-māṇavikā ngưng lời, đức Phật mỉm nụ hoa sen, dịu dàng và từ ái nói:

- Này Ciñcā-māṇavikā! Chuyện này thì chỉ có riêng nàng và Như Lai biết rõ mà thôi, phải không?

- Đúng vậy! Nàng Ciñcā-māṇavikā đáp - Này ông đại sa-môn! Chỉ có ông và tôi biết rõ mà thôi!

Ngay giây phút ấy, tại Đạo Lợi thiên cung, bảo tọa bằng vàng ròng của Đế Thích thiên chủ chợt nóng rực lên, làm cho ngài phải rời khỏi chỗ ngồi⁽¹⁾. Biết thế gian đang có chuyện bất

⁽¹⁾ *Bảo tọa nóng lên chỉ có hai trường hợp: Một là lúc chư Phật, các vị thánh nhân bị oan ức, phỉ báng, vu khống... nhưng các ngài vẫn nhẫn nại và từ bi. Hai là thế gian có vị Bồ-tát nào đó tu tập các ba-la-mật quá tinh*

thường, Đế Thích thiên chủ dùng thiên nhãn quan sát thì thấy rõ nàng Ciñcā-māṇavikā đang mắng nhiếc đức Phật trước hàng tứ chúng bởi những chuyện không thật. Đế Thích thiên chủ quyết định phải làm sáng tỏ việc này, một là “giải vây” cho đức Phật, hai là nhờ vậy, bảo tọa nguội lại mới ngồi yên vị được!⁽¹⁾ Thế rồi, với thời gian như viên lực sĩ đuổi cánh tay, Đế Thích cùng với Tứ Đại thiên vương tức khắc có mặt tại đại giảng đường Kỳ Viên tịnh xá. Tứ Đại thiên vương theo lệnh của Đế Thích biến làm bốn con chuột, cùng một lúc bò lên cắn đứt bốn sợi dây cột tám gỗ tròn. Đồng thời, Đế Thích hóa một luồng gió thổi cho tám gỗ rơi xuống trúng nhấm bàn chân của nàng Ciñcā-māṇavikā, làm cho nàng phải bầm máu!

Sự việc kể trên xảy ra trong thời gian vài cái chớp mắt, và tất cả được diễn tiến trong vô hình, chỉ có đức Phật và một số vị thánh tăng có thiên nhãn là thấy rõ mà thôi! Còn tất cả cận sự nam nữ hai hàng, sau khi nghe đức Phật mỉm cười hỏi và nàng Ciñcā-māṇavikā xác nhận: “Đúng vậy! Này ông đại sa-môn! Chỉ có ông và tôi biết rõ mà thôi!” thì tự dung có một luồng gió lạ thổi tới, tám gỗ tròn rơi xuống và mưu kế của cô kỹ nữ bị lộ rõ trước mắt mọi người!

Thế là tại giảng đường chùa Kỳ Viên lần đầu tiên xôn xao, náo động. Nàng Ciñcā-māṇavikā bị người ta mắng nhiếc không tiếc lời. Có người đánh đập, có người nhổ nước bọt, có người kéo áo, nắm tóc người kỹ nữ rồi xua đuổi nàng ra khỏi khuôn viên chùa. Nàng Ciñcā-māṇavikā quá hổ thẹn, không biết giấu mặt vào đâu, thất tha thất thểu bước đi. Khi bóng nàng vừa khuất khỏi tầm mắt mọi người, mặt đất liền nứt ra làm hai, một tia lửa xanh phọt lên thiêu cháy nàng rồi rút nàng sâu xuống dưới lòng đất.

cần mà năng lực tỏa ra phước báu cao thượng, vượt trội phước báu của Đế Thích.

⁽¹⁾ Đức Phật có thể sử dụng thần thông để hóa giải sự vụ oan này rất dễ dàng; nhưng ngài thấy không cần thiết, vì trước sau gì thì trời Đế Thích - là đệ tử của ngài cũng sẽ làm việc ấy.

Ciñcā-māṇavikā chết, sa vào địa ngục Avīci (A-tỳ).

Sau câu chuyện này, rất đông tín đồ ngoại đạo thấy thế đâm ra hổ thẹn, mất hết đức tin, kết quả đời sống vật chất của các đạo sĩ rơi vào thiếu thốn, cơ cực. Trái lại, đức Phật và tăng chúng lại được quần chúng qui ngưỡng, hâm mộ; đức tin đối với Tam Bảo, với giáo pháp lại càng trong sạch và linh thiêng hơn. Tứ sự cúng dường, do vậy, càng trở nên dồi dào, thịnh mãn.

(Hai chuyện này đều xảy ra ở Kỳ Viên nhưng không rõ là vào các mùa an cư nào, do nội dung đều vu oan giá họa cả nên soạn giả tạm thời gộp thành một cho tiện).

14.5- Thánh Sa-Di Revata

Thuở ấy, lúc đang còn ở Rājagaha, nghe tin thân phụ mất, đại đức Sāriputta tức tốc bộ hành về quê; ngài để năm trăm tỳ-khưu ở rải rác trong các rừng cây rồi một mình trở lại thăm nhà. Đây đó vắng tanh. Sân gạch thên thang phủ một lớp rêu dày. Cả một cơ ngơi khang trang, vĩ đại chỉ mới mười mấy năm mà đã có vẻ điêu tàn, hoang phế. Ngài tàn ngần, đứng lặng. Một chú bé chừng sáu, bảy tuổi chạy ra, tôn giả biết đây là Revata, em trai út của ngài.

- Này em! Ta là Upatissa đây!

Revata nhìn sững: “Đây là anh trai cao cả, tôn quý của ta? Đâu đâu người ta cũng thán phục, ca tụng ông anh vĩ đại này! Ồ! mà sao anh trai ta đẹp quá, uy nghiêm quá, lại dễ mến nữa!”

Revata chạy lại. Tôn giả thân mến ôm trẻ trong vòng tay, xoa đầu, mỉm cười hỏi:

- Em nhận ra ta chứ?

- Em nhận ra anh ngay! Anh yêu quý!

- Sau này em sẽ xuất gia như ta chứ?

- Vâng, em sẽ xuất gia theo anh. Không những xuất gia theo anh mà xuất gia theo cả anh Cunda, anh Upāsena nữa.

- Ừ, Em nói đúng! Giờ thì em nghe lời anh dặn đây: Phía Tây

ngôi làng này có mấy chục vị tỳ-khưu tu hạnh đầu-đà trong rừng. Khi nào muốn xuất gia thì em hãy đến đây, giới thiệu em là em trai của ta, họ sẽ vui vẻ nhận em vào giáo đoàn ngay. Em nhớ không?

- Dạ em nhớ! Em nhất định sẽ xuất gia trong khu rừng ấy.

Khi câu chuyện vừa dứt thì bà Sārī đã đứng bên ngưỡng cửa, tóc bà đã bắt đầu bạc, lưng còn thẳng nhưng trên tay lại cầm chiếc gậy trúc có hình đầu rắn.

- Ông về đây làm cái gì?

- Thưa mẹ!

Tôn giả cúi đầu.

Bà Sārī gắt:

- Thưa mẹ cái gì? Ai là mẹ của ông?

- Thưa mẹ! Con hay tin cha vừa mất!

Bà chống gậy, quay lưng đi:

- Mất cái gì! Ông chết nhảm rằng, ông chết tức tưởi vì bọn bây bỏ đi theo ông Cồ Đàm hết, bỏ đi theo đám ăn xin đầu đường xó chợ hết!

Tôn giả lại cúi đầu, không dám nói một lời.

Revata nói:

- Sao mẹ lại mạt sát anh trai của con? Anh trai của con dù sao là một bậc vĩ đại, danh vọng nổi tiếng khắp toàn cõi châu Diêm-phù-đề này! Anh trai của con vì thương cha, nhớ mẹ mà về thăm! Anh trai con im lặng, vòng tay, cúi đầu như vậy, có dám nói gì đâu mà mẹ lại đối xử, ăn nói quá thậm tệ như thế?!

Tôn giả Sāriputta (Upatissa) gắt em:

- Revata! Em không được nói với mẹ như thế!

Revata giận dữ bỏ đi. Bà Sārī cũng chống gậy vào nhà sau. Tôn giả Sāriputta lặng lẽ bước lên nhà trên, vào điện thờ. Ngồi đứng vòng tay, mặc niệm trước chỗ thờ của cha, thốt lời cầu nguyện lặng lẽ trong tâm.

Bà Sārī đã đứng bên lưng, giọng nói dịu lại:

- Ông về được bao lâu?

Ngài quay lại:

- Thưa mẹ! Một hôm thôi, con lại phải đi!
- Ông về với bao nhiêu tỳ-khuru?
- Thưa mẹ! Năm trăm vị.
- Hiện giờ họ ở đâu?
- Thưa mẹ! Rải rác trong các khu rừng, quanh ngôi làng này.
- Ta sợ ông mất mặt với họ, dù sao gia đình ta là gia đình danh giá, vọng tộc, cự phú ở trong làng. Vậy thì ngày mai, ông mời hết tất cả họ đến đây, ta sẽ dâng cúng vật thực một cách tươm tất, đàng hoàng. Ta muốn rằng, dầu là vua chúa cũng không thể cúng dường vật thực sang trọng hơn dòng họ Vaṅganta!

- Thưa mẹ! Con xin vâng!

- Y áo có thiếu không? Nhân tiện, ta cúng dường luôn năm trăm bộ y để xứng đáng là một cuộc làm phước trọng thể.

- Thưa mẹ! Tất cả đều đã có đủ y.

- Thêm một bộ nữa, không được sao?

- Thưa mẹ! Mỗi vị thường sống tri túc với tam y của mình.

- Vậy thì ta không ép.

Bà lại chống gậy bỏ đi.

- Thưa mẹ...

- Gì nữa đó?

- Con muốn nhân dịp có năm trăm vị tỳ-khuru như thế này, mẹ thỉnh nguyện chư tăng tụng kinh hồi hướng phước báu cúng dường ấy đến cho cha!

- Đây là tín ngưỡng của ông, chứ không phải tín ngưỡng của ta. Ta không phải thừa thỉnh ai hết!

Thấy mẹ vẫn cố chấp như thuở nào, tôn giả Sāriputta nín lặng. Chợt bà hỏi vọng ra:

- Chiều và tối nay ông nghỉ đâu?

- Thưa mẹ, ngoài rừng cùng với chúng tỳ-khuru tăng!

- Thôi được rồi, tùy ý ông.

Ngày hôm sau, giữ đúng lời hứa, bà bảo mấy trăm gia nhân chuẩn bị cơm nước, bánh trái, đầy đủ các món ăn thượng vị loại

cứng, loại mềm, cao sang nhất cứng dường cho tăng chúng năm trăm vị. Quả thật, danh vọng của gia đình dòng họ Vaṅganta quá lớn nên một khẩu lệnh của bà là “nhất hô bá ứng”, trên dưới, trong ngoài tuân lời răm rắp. Bà cũng hoan hỷ cùng với gia nhân sót vật thực vào từng bát cho mỗi vị. Tuy nhiên, nỗi buồn khổ của người mẹ “mất con” vẫn hăm hực trong lòng bà, nên khi để bát cho một vài nhóm tỳ-khưu coi bộ lớn tuổi, bà tức giận đã nói nhỏ vào tai họ rằng: Cũng vì mấy ông trọc đầu đê tiện này! Kể cả ông sa-môn Gotama điên khùng kia nữa mà ta phải vĩnh viễn mất đi đứa con trai! Không những mất một đứa mà mất luôn mấy đứa khác nữa! Hãy ăn cho no bụng rồi rút đi! Rút cho khuất mắt ta!

Khi để bát cho tôn giả Sāriputta, bà cũng nói nhỏ bên tai như hơi gió thoảng: Chỉ có ông là ngu si nhất trên cuộc đời này! Chỉ có ông là bị ông Gotama cho ăn “cháo lú” nên mới bỏ cả gia tài tám chín trăm triệu đồng tiền vàng để đổi lấy cái đời sống thân tàn ma dại ngốc nghếch!

Tôn giả Sāriputta cùng chư tăng không ai hé miệng nửa lời, vẫn cẩn trọng, từ tốn, khiêm cung, lặng lẽ độ thực. Dùng xong, chư tăng năm trăm vị cùng tụng kệ phúc chúc và hồi hướng phước báu. Lời kinh trầm hùng, cao cả như hải triều âm cuộn cuộn đổ tràn ra không gian. Uy lực của âm thanh linh thiêng, cao cả làm cho ngôi làng như lặng ngắt, mấy trăm gia nhân tự động khép tay lên ngực. Bà Sārī cao ngạo là vậy mà bất giác cũng phải chống gậy thẳng lưng, có một sự tôn kính nào đó thoáng gọn lên làn da mặt của bà...

Tôn giả Sāriputta nghĩ rằng vậy là mình đã báo đáp được một phần nào ân đức của cha, nên chào mẹ, em trai Revata rồi lên đường. Bà Sārī trông theo, trên đôi mắt ứa ra mấy giọt lệ.

Tôn giả Sāriputta tự nghĩ: Rồi một lúc nào đó, mẹ cũng đến được bên bờ an vui, sẽ không còn đau khổ nữa!

Tôn giả còn ở lại trong làng một ngày nữa, ngài đi đến khu rừng đầu-đà, nơi có những tỳ-khưu đang sống hạnh tĩnh cư, một

là cốt ý gởi gắm Revata sau này, hai là giáo giới, sách tấn việc tu học.

Chư tăng ở trong rừng đầu-đà thấy đều hoan hỷ, họ vô cùng tri ân, cung kính tiễn đưa tôn giả Sāriputta lên đường.

Bà Sārī chống gậy nhìn theo hình bóng người con trai thân yêu, mắt già hoen lệ. Cả một cơ ngơi trù phú, thanh mãn, đông vui mà bây giờ trở nên trống không. Cả hàng trăm gia nô, kẻ hầu người hạ mà lúc nào bà cũng cảm thấy hoang vắng. Tiền rừng bạc bể, sơn hào hải vị cũng trở nên vô ích, lạt lẽo...

Revata ra đứng bên cạnh, nắm tay bà, đôi mắt nó cũng nhìn ra hướng xa xăm. Động tâm, bà Sārī nghĩ: “Hay là cái giọt máu cuối cùng này cũng không muốn nối truyền tông hệ? Nó nhìn anh trai trưởng của nó với đôi mắt đầy khâm phục và tôn kính! Nó đã cãi lại ta, bênh vực anh nó, và cảm mến cả lũ sa-môn đầu trọc nữa! Thôi phải rồi, nguy rồi! Ta phải cứu con trai út của ta! Ta phải cứu cho cả dòng họ Vaṅganta! Phải cưới vợ cho nó thôi! Revata bảy tuổi, ta sẽ cưới cho nó một cô gái chừng mười bốn mười lăm tuổi; và cô gái ấy sẽ thay ta kèm kẹp nó, ngăn giữ nó, không cho nó có ý nghĩ ngông cuồng chạy theo bọn không cửa không nhà! Gia sản phải có người gìn giữ, huyết thống phải có người kế thừa!”

Nghĩ là làm ngay. Ngày hôm sau, bà cho mời mấy người trưởng thượng trong quyền thuộc, trình bày lý do; sau đó, nhờ họ dò hỏi ở những gia đình cùng tập cấp và vai vế, cùng danh vọng và gia sản. Một cô gái mười bốn tuổi xinh đẹp được tìm ra. Lễ dạm hỏi được tiến hành nhanh chóng. Gia đình bà Sārī giàu có nên không cần của hồi môn của cô gái.

Revata còn bé quá nên không biết gì. Đến ngày cử hành hôn lễ, cậu bé được mặc trang phục xinh đẹp, mang đồ trang sức quý giá, cùng với hàng trăm tùy tùng bước lên những cỗ xe sang trọng đi đến nhà gái. Revata được biết là hôm nay cậu cưới vợ, và cô gái kia sẽ ăn ở với cậu trọn đời. Đến đây thì cậu đã hiểu tuy còn rất mơ hồ.

Thân bằng quyền thuộc của hai họ tề tựu đông đủ. Cờ, đèn, hoa và màu sắc chỗ này chỗ kia làm cậu ta hoa mắt. Đến giờ lành, giờ tốt, người ta cử hành lễ rước dâu. Cậu đứng bên một cô gái cao hơn cậu cả một cái đầu - mặt được trùm kín bởi một chiếc khăn mỏng - không thấy mặt mũi cô gái ra sao, chỉ nghe người ta nói là đẹp lắm!

Vị trưởng lão chủ hôn, đặt tay trong bát nước, rảy nước rồi công bố phúc lành:

- Cầu cho các con trăm năm tơ hồng thắm thiết. Cầu cho các con được phúc thọ khang ninh như bà ngoại của cô dâu vậy.

Sau lời cầu chúc tốt đẹp của hai họ, Revata tự nghĩ: “Bà ngoại của nàng là ai vậy?” Khi được biết rằng, đây là một cụ bà sống một trăm hai mươi tuổi, răng rụng, tóc bạc, da nhăn đầy những vết đồi mồi, lưng còng như một cái kèo uốn cong giống cái giàn xay! Revata bèn thăm hỏi người hầu thân tín: “Này, cô dâu xinh đẹp trẻ trung của tôi, khi già thì trông cũng giống như bà ngoại của nàng chăng?” Người ta đáp: “Đấy là điều dĩ nhiên. Bệnh, già, chết là định luật cậu ạ, chẳng ai tránh thoát được đâu!”

Khi sự thật đã được xác nhận, đã được thấy rõ, Revata kinh hãi, tự nghĩ: Đấy có lẽ là sự thật mà các anh trai của ta, các chị gái của ta đã nhận thức nên họ đã từ bỏ gia đình để làm những vị nam sa-môn, nữ sa-môn. Vậy ngay bây giờ ta phải tìm cách, lập kế mà trốn đi kẻo không còn kịp nữa. Ta phải xuất gia!

Thế rồi trên đường trở về cùng với cô dâu trên chiếc xe hoa sặc sỡ mùi hương, Revata chợt la lên:

- Hãy dừng xe lại một chút. Tôi bị đau bụng!

Revata bước ra khỏi xe, tắt tả đi vào đám cây rậm rạp, một lát, cậu chậm rãi trở lại. Lần thứ hai, lần thứ ba Revata cũng viện cớ như vậy. Lần thứ tư, khi còn cách nhà không bao xa, Revata nói một cách rất tự nhiên:

- Rõ là cái bụng nó đang hành hạ tôi. Nhà cũng sắp đến rồi, vậy quý vị cứ chậm chậm cho xe đi trước, tôi sẽ theo kịp ngay tức khắc.

Không ai nghi ngờ gì cả, họ đánh xe đi. Revata lủi vào một đám cây khuất bóng, rồi cậu co giò chạy một mạch vào hướng Tây khu rừng. Trời gần tối, đói meo, mệt lả, cậu tìm ra ngôi rừng đầu-đà, nơi có ba mươi vị tỷ-khưu mà trước đây tôn giả Sāriputta đã từng dẫn dò, gởi gắm.

Gặp họ, Revata đánh lễ:

- Thừa chư đại đức! Hãy cho con xuất gia, hãy thọ nhận con vào tăng chúng.

- Này cậu bé! Một vị trưởng lão nói - với những trang sức quý giá và với những y phục cao sang, đẹp đẽ như vậy, không biết cậu bé là con vua hay cháu chúa làm sao chúng ta dám nhận vào Tăng đoàn này, nơi những sa-môn sống đời ẩn cư khổ hạnh?

- Bạch ngài, con là em trai út của Upatissa.

- Upatissa là ai?

- Bạch ngài! Upatissa là tên của anh trai con thuở còn là gia chủ. Từ khi xuất gia đến nay, anh trai con có tên là Sāriputta!

Các vị trưởng lão, đại đức, thất kinh cùng đứng dậy:

- Sao? Đúng là em trai tôn giả Sāriputta đấy chứ?

- Dạ đúng vậy! Anh trai con là Sāriputta, xuất thân trong gia đình trưởng giáo bà-la-môn, dòng họ Vaṅganta, con bà Sārī. Một ngôi làng phía Đông, cách đây nửa ngày đường.

- Đúng rồi, không hoài nghi gì nữa! Này cậu bé! Trưởng lão Sāriputta có dặn bảo chúng tôi, chờ đợi cậu và làm lễ xuất gia cho cậu. Ngài là anh cả của chúng tôi, là thầy của chúng tôi, là cái mặt trời, mặt trăng mà chúng tôi hằng ngưỡng mộ!

Thế rồi, Revata được cỡi y phục sang trọng và tư trang quý giá, mặc vào mảnh y của người khát sĩ, làm lễ cạo tóc và xuất gia.

Một vị tỷ-khưu trong rừng đầu-đà bộ hành về Kỳ Viên tịnh xá báo lại sự việc cho tôn giả Sāriputta nghe. Ngài muốn đi thăm em, nhưng hôm đó đức Phật nói:

- Này Sāriputta! Bây giờ là chưa phải thời! Hãy kham nhẫn!

Trong lúc ấy, sa-di Revata tự nghĩ: “Nếu ta tiếp tục trú ngụ

ở đây, dầu chỉ một ngày thôi, thì trước sau gì gia đình cũng tìm thấy”.

Bèn xin đề mục thiền quán từ vị trưởng lão rồi mang y và bát, Revata khởi sự một chuyến du hành rất xa, ba mươi dặm đường, một mình vào trú trong khu rừng xiêm gai. Revata nhập hạ ở đây trong ba tháng mùa mưa, Revata thành tựu được mục đích của sa-môn hạnh cùng với những thắng trí của bậc thượng nhân!

Hôm kia, đức Phật chợt nói với tôn giả Sāriputta:

- Bây giờ là phải thời, Như Lai và ông đi thăm sa-di Revata.

Đại chúng hay tin, chur phàm tăng không ngớt bàn tán, cho rằng đức Phật thiên vị vì Revata là em trai của bậc Tướng quân Chánh pháp. Họ nói:

- Chúng ta hãy xem! Một chú sa-di bảy tuổi, lại ở cách xa biết bao dặm đường, thế mà Thế Tôn phải đích thân đi thăm viếng, hẳn là một sự kiện hy hữu!

Biết được tâm ý của một số tỷ-khuru như vậy, nhưng đức Phật không nói gì, ngài bảo tôn giả Sāriputta tập hợp đại chúng rồi lên đường. Đến một ngã ba, tôn giả Mahā Moggallāna thưa rằng:

- Có hai con đường dẫn đến khu rừng cây xiêm gai của sa-di Revata. Con đường tốt được bảo vệ, có dân cư và nhà cửa đông đúc, dài sáu mươi do-tuần. Một con đường xấu, không được ai bảo vệ, nhiều phi nhân và ác thú, hoang vắng người và nhà cửa, nhưng rất ngắn, chỉ có ba mươi do-tuần. Vậy chúng ta đi con đường nào, bạch đức Thế Tôn?

Đức Phật chợt quay lại hỏi :

- Có Sīvali⁽¹⁾ đi cùng đấy không, Moggallāna?

- Thưa có, có mặt sa-di Sīvali trong số năm trăm tỷ-khuru.

- Vậy chúng ta đi con đường ngắn.

Đại đức Ānanda bắn khoăn:

⁽¹⁾ Ngài Sīvalī có phước vật rất lớn. Hễ chur Tăng đi với ngài, dù đến nơi đói kém vẫn có đầy đủ vật thực. Hiện nay, các Phật tử Nam Tông thờ ngài như vị thần tài!

- Bạch Thế Tôn! Con đường hoang vắng này thật không dễ dàng trì bình khát thực cho một hội chúng đông đúc!

- Nay Ānanda! Đức Phật nói - Ông đừng nên quá lo lắng như vậy, sẽ có nhân, duyên và báo nó tự động làm việc của nó mà.

Quả là con đường ngắn này thật hiểm trở, cheo leo, vất vả. Nhưng ngạc nhiên làm sao, con đường ấy hôm nay lại bằng phẳng, phong quang! Và cứ cách một do-tuần là có những căn nhà nghỉ to, rộng, thoáng mát. Nơi những căn nhà nghỉ đầu tiên, có những cư dân không biết ở đâu xuất hiện, ăn mặc sang trọng ⁽¹⁾, mang những mâm vật thực quý hiếm, tỏa ngát mùi hương đi tìm trưởng lão Sīvali và dâng cúng vật thực cho vị ấy. Sa-di Sīvali lại bảo họ dâng cúng đến đức Phật và tăng chúng.

Đại chúng đến khu rừng cây xiêm gai, sa-di Revata trang nghiêm, tề chỉnh ra đánh lễ đức Phật và chư tăng. Mọi người đưa mắt nhìn quanh, chẳng còn thấy đâu là khu rừng già đầy gai góc và hoang dã nữa. Kia là hương phòng dành cho đức Đạo Sư đẹp đẽ như cung điện của cõi trời. Rải rác cả mấy khu rừng là năm trăm chỗ ngụ có tháp nhọn, mỗi chỗ ở trang trọng như vậy được dành cho một vị tỳ-khưu! Ngoài ra có năm trăm con đường đi kinh hành có mái che xanh mát bởi dây leo và hoa nở; lại có cả năm trăm khu vực dành cho ban ngày và ban đêm...

Chư tăng không ngớt bàn tán, chỉ chỗ. Tôn giả Sāriputta ân cần nắm tay sa-di Revata:

- Ta hoàn toàn mãn nguyện rồi, em có biết không, Revata?

Revata kính cẩn nắm tay anh, và biết rằng, mọi nhân, mọi duyên hôm nay mà được chín muồi đều do nhờ ân đức của người anh trai cao quý này.

Tại đây, đức Phật ở lại mấy hôm để giáo giới chư tăng. Ngài tán thán hạnh độc cư, thiền định, tán thán những nỗ lực tán tu phạm hạnh của Revata, khuyên chư tăng nên lấy đó làm gương, làm cái đích để tiến hóa.

⁽¹⁾ Đây là chư thiên, thọ thân - là thí chủ hộ độ cho trưởng lão Sīvalī.

Trong thời gian ở đây, đức Phật và Tăng chúng được số dân cư xa lạ dâng cúng vật thực đầy đủ. Trước khi rời khu rừng xiêm gai, đức Thế Tôn đã xóa tan mọi nghi hoặc trong tâm của đại chúng:

- Nay các thầy tỳ-khuru! Suốt ba mươi do-tuần và cả thời gian ở đây, Như Lai và các thầy được dâng cúng vật thực thượng vị đều do nhờ phước báu của một người: Đây là sa-di Sīvali! Sự kiện hy hữu ấy các thầy phải thấy rõ để tăng trưởng đức tin vào giáo pháp!

Im lặng một lát, đức Phật đứng dậy, nắm tay sa-di Revata rồi nói rằng:

- Còn đây là con trai của Như Lai, con trai thù thắng của Như Lai! Các thầy biết tại sao mà Như Lai yêu mến Revata như vậy không? Nếu biết chuyện của Revata thì trong các thầy, ai cũng phải yêu mến và đều muốn đi viếng thăm Revata cả!

Này các thầy tỳ-khuru! Mặc dầu mới bảy tuổi nhưng Revata đã phải lên xe hoa với cô dâu. Thế nhưng, khi sắp về đến nhà, Revata đã tìm cách trốn đi, nhịn đói, nhịn khát vượt qua con đường dài, đến khu rừng đầu-đà với quyết chí xuất gia. Ngày hôm sau, sa-di Revata đã vội vã lên đường làm một cuộc bộ hành xa xăm hơn nữa, đến đây, với y và bát, an cư mùa mưa và khởi tâm đạt cho được quả vị A-la-hán. Thế rồi, cuối mùa mưa, sa-di Revata thành đạt được ý nguyện cùng với những thắng trí. Hương phòng của Như Lai, năm trăm chỗ ngụ có tháp nhọn, năm trăm đường đi kinh hành cùng mọi tiện nghi ăn ở khác, tất cả đều do năng lực của sa-di Revata cả! Vậy các thầy có thấy đây là sự kiện hy hữu không?

Khi chư tăng hoan hỷ cất tiếng “lành thay” thì chư thiên, thọ thần khắp núi rừng đồng loạt tán thán theo làm chấn động đến đến rất nhiều cõi trời.

Vị sa-di thánh tăng Revata sau này đến tuổi, thọ đại giới. Hai người anh trai lớn của Revata là Upasena và Cunda (được gọi là Mahā Cunda) đều đã xuất gia sớm, đã đắc quả A-la-hán và đã

trở thành các bậc trưởng lão uy tín, thanh tịnh. Ba người chị của Revata, mỗi nàng sinh được một người con trai, được đặt những tên có nghĩa là “theo chân người mẹ”; được bảy tuổi, bèn “theo chân người mẹ”, nên cũng xuất gia luôn. Và chính đại đức Revata nhận họ, làm thầy truyền sa-di giới. Những vị tỳ-khuru-ni Cālā Upacālā và Sīsūpacālā đều đắc quả A-la-hán. Các con trai của các nàng đều có hạnh kiểm tốt đẹp. Vậy, tính cả tôn giả nữa, gia đình dòng họ Vaṅganta đã có bảy vị A-la-hán, quả thật là hy hữu vậy!

14.6- Thánh Sa-Di Chột Mắt

Có một chàng thanh niên ở Kosambī sau khi nghe pháp từ đức Đạo Sư, anh ta từ bỏ thế gian và xuất gia. Do nhờ giới hạnh tinh nghiêm nên được đồng đạo kính trọng gọi là trưởng lão Kosambīvasi Tissa.

Năm kia, trưởng lão Tissa sau khi mãn hạ, thí chủ đem đến dâng cúng y áo, mũnền, và lễ vật rất nhiều món tứ vật dụng khác. Trưởng lão Tissa nói: “Vậy là ta đã thọ nhận rồi, nhưng cái đồng ấy các người mang về đi nhé!” Thí chủ thưa: “Ngài nói vậy là ngài không có lòng từ với chúng con”. Trưởng lão Tissa đáp: “Còn nhận cái đồng vật dụng ấy thì ta không có lòng từ với ta!” Thấy họ không hiểu, ngài nói: “Các người thử nghĩ coi, một thầy tỳ-khuru sống ta-bà vô trú, sau mùa an cư là như con chim thênh thang giữa trời cao bể rộng. Bây giờ các người bắt vị tỳ-khuru ấy mang theo cả đồng tứ vật dụng thế kia thì biết làm sao hử? Sao không sắm thêm cho ta một chiếc đòn gánh để ta làm gã đàn ông gánh hàng ra chợ bán kiếm tiền mà nuôi vợ?” Thế rồi, sau đó, họ gởi đến một chú nhỏ với hảo ý là chú nhỏ kia sẽ phụ giúp công việc lật vật cho trưởng lão. Ai ngờ chú nhỏ chỉ bảy tuổi và họ còn muốn trưởng lão Tissa làm lễ xuất gia cho chú ấy vào hàng sa-di đỗi quạ nữa!

Tuy nhiên, nhìn chú nhỏ mặt mày sáng sủa, tinh anh, dễ thương

trưởng lão Tissa bằng lòng, dạy cho chú quán tưởng năm thế trước ở nơi thân rồi cho tắm ướm tóc và chuẩn bị cạo đầu. Khi lưỡi dao cạo vừa chạm vào làn da đầu thì chú nhỏ... bỗng trở thành tôn giả sa-di!

Chú bé bảy tuổi đắc quả A-la-hán chỉ một mình mình biết, một mình mình hay, còn vị trưởng lão Tissa chưa chứng cái gì cả nên không rõ chuyện ấy.

Trong thời gian còn ở tịnh xá, trưởng lão đem tâm yêu mến chú bé thật sự vì chú ngoan ngoãn, lanh lợi, chăm chuyên mọi việc trong ngoài thật chu đáo. Lại nữa, sắc mặt chú bé lúc nào cũng tươi vui, mát mẻ; ăn nói thì lễ độ, khiêm cung; ngồi nằm thì cẩn trọng, tỉnh thức, đêm cũng như ngày - thật là không chê vào đâu được!

Hôm kia, trưởng lão Tissa quyết định về Kỳ Viên tịnh xá đánh lễ đức Đạo Sư, bèn nói với chú sa-di: “Này con, đường xá xa xôi, sức vóc con thì không bao lắm, chỉ mang theo cái gì cần thiết thôi, tất cả những vật cồng kềnh, nặng nề, hãy để lại tịnh xá cho các vị đến sau”. Chú sa-di y lời, nhưng chú cũng mang theo cái dây quá to, rõ là như nhái tha cóc, chú còn cười: “Nhẹ lắm, không sao đâu bạch thầy! Con chỉ mang cái gì cần thiết cho bộ hành đường xa”.

Suốt dọc đường, trưởng lão Tissa rơi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Khi trưởng lão ngồi nghỉ dưới gốc cây là chú nhỏ dưng tọa cụ. Khi trưởng lão dừng chân giữa rừng là chú nhỏ dưng võng. Đêm ngủ là có đầy đủ mùng, mền, gối. Khi nóng có quạt. Mới chớm ho hen nhưc đầu là có liền thuốc... Trưởng lão Tissa thốt lên: “Thật tuyệt vời thay cái chú sa-di này! Cái dây của chú dường như là có thần thông í!” Chú sa-di cười cười: “Do phước báu tu hành của thầy mà có tất cả những thứ ấy”.

Họ dừng chân bên một con sông mưa lũ, xung quanh không có làng mạc, chẳng thấy một bóng người. Họ bèn tá túc tại chiếc am nhỏ bỏ hoang, trong đó có một chiếc giường nhỏ. Chú

sa-di nhanh tay quét dọn và thỉnh trưởng lão vào nghỉ. Trời mưa tầm tã, chẳng có nhà nào mà khát thực, trưởng lão Tissa nghĩ rằng thế là hôm nay hai thầy trò sẽ nhịn đói. Sau khi xả thiền, xé trưa, ngạc nhiên làm sao, trưởng lão Tissa thấy chú sa-di y áo chỉnh tề, dâng cúng vật thực nóng sốt ngon lành. Trưởng lão hỏi: “Con làm sao có được những thứ này?” Chú sa-di cung kính đáp: “Bạch thầy, đi đường xa, con đã đề phòng sẵn trong cái dây của con mà!” Trưởng lão Tissa hoan hỷ thọ thực, lòng thầm cảm ơn đã có được một chú sa-di chu đáo nhất châu Diêm Phù Đề.

Trời vẫn mưa và nước sông vẫn dâng cao. Họ đã ở lại đây hai đêm. Qua đêm thứ ba, chú sa-di tự nghĩ: “Đêm nay nếu ta ngủ chung phòng thì trưởng lão sẽ phạm giới. Vậy ta đừng nên ngủ, hãy ngăn oai nghỉ nằm!” Vị trưởng lão cũng biết vậy nhưng vì ngủ quên, gần sáng mới sực nhớ, sẵn cái quạt thốt nốt, trưởng lão quay cán đập nhẹ vào chỗ chú sa-di thường nằm: “Dậy đi con, hãy ra ngoài kia cho đến khi mặt trời mọc”. Vì trời tối đen, trưởng lão Tissa không biết chú sa-di đang ngồi kiết già trọn đêm cạnh chân giường, nên khi huơ quạt ra, đầu nhọn cán quạt đâm vào mắt chú sa-di, tròng mắt lò ra, máu chảy đầm dề. Dùng thiền định trấn giữ cơn đau, lấy tay bịt mắt, chú nói: “Bạch thầy! Con hiểu chứ, con sẽ ra ngay!” Thế mà trưởng lão Tissa chẳng hay biết gì hết, quay lưng lại, nằm ngủ cho đến sáng. Chú sa-di một tay bịt mắt, nhưng còn một tay, chú vẫn làm mọi việc, chu toàn phận sự hằng ngày...

Trưởng lão thức dậy, chú sa-di dâng nước ấm rửa mặt, sau đó dâng một món cháo nhẹ; chú dâng bằng một tay, tay kia bịt mắt, sợ trưởng lão thấy. “Sao vậy? Trưởng lão hỏi - sao hôm nay con lại trở chứng vậy? Ai đòi dâng vật thực cho tỳ-khưu mà lại dâng bằng một tay?” Chú sa-di đáp: “Bạch thầy, con biết chứ! Con biết cái gì đúng phép và cái gì không đúng phép, nhưng quả thật cái tay bên này của con không được rảnh rang!” Nghe nói vậy, trưởng lão mới chột để ý tay kia chú đang ôm

mắt và có máu chảy giữa hai kẽ tay: “Mắt con sao vậy? Hãy đưa ta xem?” Chú sa-di trấn an: “Chẳng có gì quan trọng đâu, bạch thầy, một vết thương nhẹ thôi! Mong thầy an tâm và đừng chấp nhứt chuyện con dăng một tay là được!” Trưởng lão nhòm người dậy: “Không được, yên tâm sao được khi con đã lo mọi việc cho ta, khi con là chú sa-di tốt đẹp, hiền thiện nhất trên cõi Diêm-phù này”.

Nói xong, trưởng lão cầm tay xem mới thấy rõ một tròng mắt lồi ra, bèn hốt hoảng: “Sao vậy? Chuyện gì xảy ra với con đây?” Chú sa-di thở dài: “Chuyện này thầy không biết thì hay hơn. Nếu thầy bỏ qua được chuyện này thì tốt biết bao nhiêu”. Chú sa-di đã nói hết lòng như vậy nhưng trưởng lão Tissa vẫn không chịu bỏ qua, nên chú phải kể lại tự sự đầu đuôi. Nghe xong, trưởng lão vô cùng xúc động, tự nghĩ: “Ồi! Lỗi lầm của ta thật trầm trọng xiết bao! Ta làm sao mà tha thứ cho ta được hờ trời?” Rồi trưởng lão chấp hai tay lại, với thái độ đánh lễ đầy tôn kính, ngai nằm trên đất, dưới chân vị sa-di, nói rằng: “Hãy tha lỗi cho ta, hỡi chàng trai tối thắng! Ta đã không biết điều này. Hãy làm nơi cho ta nương tựa, hỡi tâm hồn cao cả!”

Chú sa-di cung kính nâng tay và người của vị trưởng lão, nói rằng: “Con đã ngại thầy có hành động như thế này nên con đã không nói ra - mà khi nói ra - con chỉ mong thầy dứt bỏ mọi ngờ vực, nghi nan. Bây giờ, sự việc thế rồi, thầy không có lỗi, thầy chẳng có gì đáng chê trách, mà con cũng vậy. Chỉ riêng vòng luân hồi, nhân quả trả vay trong các kiếp sống mới có lỗi, mới đáng chê trách mà thôi!”

Sau đó, chú sa-di tìm cách an ủi, trưởng lão cũng không bớt ăn năn, hối hận. Vị trưởng lão không còn an tâm được nữa, khi cơn mưa tạnh, dòng sông đã lặng, có thuyền bè, trưởng lão làm lui, không nói không rằng, vác cái đẩy của chú sa-di lên đường, tìm đến Kỳ Viên tịnh xá.

Khi trưởng lão Tissa kể lại mọi chuyện với đức Đạo Sư, nói rằng vị sa-di ấy trong tâm bao giờ cũng mát mẻ, lòng vị ấy

quảng đại, vượt trội, khó tìm thấy trên thế gian này.

Sau đó, đức Phật xác nhận rằng:

“- Con trai của Như Lai đã chấm dứt lậu hoặc nên lục căn bao giờ cũng vắng lặng, thanh bình”.

Câu chuyện kể xong, đại chúng hôm ấy, ai cũng tỏ vẻ kính trọng, ngưỡng mộ vị thánh sa-di có tâm hồn cao cả; đồng thời, ai cũng động lại trong tâm câu nói thấm thía nhất của vị thánh sa-di, đáng chiêm nghiệm, đáng học hỏi: “Thầy chẳng có gì đáng bị chê trách mà con cũng vậy. Chỉ riêng vòng luân hồi, nhân quả trả vay mới là có lỗi, mới đáng bị chê trách!”

Ở đây, chẳng có tác giả, chẳng có thọ giả; chỉ có sự diễn tiến, vận hành của dòng nhân quả, nghiệp báo mà thôi!

14.7- Bỏ Dao, Ôm Bát!

Gia đình của sa-di Saṅkicca có lòng tin bất thối đối với giáo pháp đức Tôn Sư, lại thường xuyên đề bát cho tôn giả Sāriputta. Họ là gia đình thương gia rất giàu có. Khi người mẹ mang thai thì bị một cơn bạo bệnh, chết một cách đột ngột. Theo tập tục, họ hỏa táng thi hài trên một giàn thiêu ở nghĩa địa. Khi tất cả những phần thân thể đã cháy hết, duy chỉ có phần bụng là vẫn còn nguyên, Thấy vậy, người ta lấy chĩa nhọn đâm thủng hai ba chỗ xung quanh khối thịt bụng đó (cho nước chảy ra để dễ cháy hơn), cào than đỏ rực phủ lên rồi yên chí bỏ về. Vô tình họ đâu biết rằng cái chĩa nhọn đã đâm trúng đuôi mắt của thai nhi đang nằm trong đó.

Ngày hôm sau, ra chỗ thiêu xác, mọi người ngạc nhiên xiết bao khi thấy trên đồng than hồng còn âm ỉ cháy, một hài nhi bé nhỏ an tịnh như một pho tượng vàng ngồi trên đài sen⁽¹⁾. Sau

⁽¹⁾ *Kiếp cuối cùng của một vị thánh A-la-hán, dù bị tai nạn gì, hoàn cảnh kinh sợ như thế nào cũng không thể chết được trước khi chứng ngộ giải thoát rốt ráo. Kinh bảo là như ngọn đèn nằm trong chiếc ghè.*

một hồi ngơ ngác lẫn kinh sợ, họ bế trẻ về nhà, cho vò các trưởng lão bà-la-môn uyên thâm tướng pháp và điềm triệu đến tham vấn. Các vị này đều có chung một lời tiên tri rằng:

- Nếu đứa bé này sống đời của một gia chủ thì phước báu của nó sẽ đem lại lợi ích áo cơm cho gia đình, quyền thuộc trong bảy thế hệ. Nếu xuất gia làm sa-môn thì nó sẽ đắc quả thánh và có một nhóm đồ chúng năm trăm người.

Vì đuôi mắt bị đâm phải bởi cây chĩa trong khi hỏa táng nên gia đình đặt tên cho đứa trẻ là Saṅkicca!⁽¹⁾

Đến bảy tuổi, đích thân trẻ xin xuất gia, cả gia đình đều hoan hỷ: “Vậy thì chúng ta hãy đặt đứa bé này dưới chân vị trưởng lão cao quý và xin cho nó làm sa-môn”.

Hôm kia, gia đình thương gia nọ thỉnh tôn giả Sāriputta đến, sau khi dâng cúng vật thực, họ nói lên ý nguyện, ngài bèn hoan hỷ nhận lời. Dẫn về tịnh xá, sau khi dạy trẻ năm đề mục quán tưởng⁽²⁾, tôn giả tự tay tắm ướm tóc và chuẩn bị cạo đầu. Khi lưỡi dao cạo vừa chạm vào làn da đầu là Saṅkicca liền đắc quả A-la-hán⁽³⁾ và đắc luôn các thắng trí của bậc thượng nhân!

Duyên sự có ba mươi người đồng xuất gia tỳ-khuru, vốn là bạn hữu của nhau; hôm kia, họ đến xin đề mục thiền quán từ đức Phật rồi muốn đến một vùng biên địa để công phu hành trì.

Đức Phật quán căn cơ sao đó, nói rằng:

- Trước khi đi, hãy đến từ giả Sāriputta; và ông ta nói như thế nào thì hãy làm như vậy.

Vâng lời, ba mươi vị tỳ-khuru đến đánh lễ tôn giả Sāriputta rồi ngồi xuống một nơi phải lẽ.

Tôn giả hỏi:

- Chư hiền đến ta có việc gì?

⁽¹⁾ *Sanḅkumā chinnaḅkkikoṭṭāya: Có vết sẹo dài ở chuôi mắt (Xem Đức Phật - 45 năm... tr.72, tập 5 của sư Chánh Minh).*

⁽²⁾ *Là tóc lông móng răng da: Quán tưởng tính bất tịnh, giả hợp của thân.*

⁽³⁾ *Có nơi nói là đắc luôn tuệ phân tích.*

- Chúng tôi không biết! Chúng tôi muốn đến một vùng biên địa để tu tập, đức Thế Tôn bảo là hãy chào tôn giả trước khi đi!

Ngạc nhiên, tôn giả Sāriputta hướng tâm, biết rõ chuyện gì xảy ra đối với ba mươi vị tỳ-khuru này, nên mỉm cười nói:

- À! Vậy thì chư hiền đã có một thị giả nào để phục vụ chuyện này chuyện kia ở bên mình chưa?

- Thưa, chưa có!

- Vậy thì chư hiền nên mang theo một vị sa-di này làm thị giả.

Nói xong, tôn giả cho gọi sa-di Saṅkicca vào. Cả ba mươi vị tỳ-khuru thấy một chú nhỏ bảy tuổi, đuôi mắt có sẹo, hình dáng thanh mảnh liền từ chối khéo:

- Thưa tôn giả! Chúng tôi vào rừng tu tập chứ không phải là vương tôn, công tử gì mà lại dám có người hầu kẻ hạ! Lại nữa, chú nhỏ này lại làm vương bận, ràng buộc, bắt chúng tôi phải mất thì giờ dạy dỗ, chăm sóc...

Tôn giả Sāriputta mỉm cười:

- Phải nói ngược lại thế mới đúng! Chính chư hiền sẽ làm vương bận, ràng buộc sa-di này, và làm cho sa-di này phải mất thì giờ chăm sóc, quan tâm đến các vị! Đức Đạo Sư đã biết rõ như thế nên ngài mới bảo chư hiền đến từ giả ta trước khi đi. Và đức Thế Tôn cũng biết là ta sẽ gọi sa-di này theo để y giúp đỡ cho chư hiền khi có chuyện bất trắc gì đó xảy ra...

Khi biết đây là “lệnh ngầm” của đức Phật, ba mươi vị tỳ-khuru tuy vài người còn hoài nghi nhưng không ai dám nói gì nữa.

Họ lên đường. Thế là phải vượt qua trên một trăm do-tuần mới đến được miền Tây Bắc biên địa, nơi có những cánh rừng nguyên sinh cây cao bóng cả. Trên đường đi, họ mới thấy rõ rằng, lời của tôn giả Sāriputta là đúng: Sa-di Saṅkicca chẳng làm phiền họ một chút nào, chẳng làm điều gì để trở thành gánh nặng cho họ! Chú còn giúp việc như nấu nước nóng, quét dọn lá rác... trên mỗi chỗ dừng chân; dọn dẹp sạch sẽ những gì còn vương vãi lại mỗi khi lên đường vào sáng hôm sau... Họ còn phát giác thêm rằng, chú ngủ nghỉ rất ít, lúc nào dường như

cũng tỉnh thức và hành thiền lại rất sâu!

Đến một ngôi làng sơn cước có những ngôi nhà yên bình ven chân núi, họ dừng chân. Thôn dân ở đây khi thấy một đoàn sa-môn, họ rất hoan hỷ. Vị thôn trưởng nói:

- Quý ngài muốn đi đến đâu?

Vị tỳ-khưu trưởng đoàn đáp:

- Chúng tôi muốn tìm chỗ trú cư thuận lợi để tu tập!

- Vậy thì quý ngài cứ ở đây! Chúng tôi sẵn lòng phát dọn lùm bụi, cỏ rác, làm cốc liêu, nhà hội, nhà vệ sinh, đường kinh hành, thay nhau hộ độ cúng dường vật thực. Và quý ngài thực hành pháp nào thì dạy bảo cho chúng tôi tu tập theo.

- Lành thay! Vậy quý vị cứ làm những gì thấy là phải thời!

Khi các công trình trú cư tạm thời đã làm xong. Tại nhà hội, vị tỳ-khưu trưởng căn dặn mọi người:

- Thời gian vừa qua, đi trì bình khát thực trong ngôi làng này và các ngôi làng kế cận, quả thật là chúng ta không khó khăn trong việc nuôi mạng. Vậy thì chỉ còn sự nhiệt tâm, cố gắng hành trì công phu chỉ tịnh, quán minh của mỗi mỗi chúng ta. Hãy cùng phát nguyện với nhau rằng, hai người không đi chung một lối, không ở chung một nơi; ai nấy đều phải ở riêng, tại cốc liêu hay tại cội cây, hóc đá nào đó. Mỗi buổi sáng, lúc mặt trời lên, tất cả đều gặp nhau tại ngôi nhà hội này để đi trì bình khát thực. Sẽ có một tỳ-khưu biết việc, phân chia từng nhóm đi theo nhiều ngã đường, nhiều xóm nhà để khỏi trùng nhau. Và tùy nghi mỗi người sẽ độ thực ở đâu đó nhưng sau Ngọ sẽ về đây!

Ngoài ra, hội chúng còn đặt ra ba quy ước:

- Cứ mỗi nửa tuần trăng, độ thực nơi ngôi nhà hội một lần, sau đó làm lễ sám hối, thảo luận giáo pháp!

- Khi có việc cấp bách, ví dụ có người bị bệnh nặng, bị lửa cháy, bị thú dữ... Ai phát hiện trước thì đánh ba hồi keng (gaṇḍīka)⁽¹⁾ để mọi người cùng tụ tập lại tại nhà hội.

⁽¹⁾ Một khúc cây có khoét lỗ để đánh thay chuông, keng, mõ...

- Ai muốn đi đâu, ra khỏi trú cư có việc gì, phải báo, phải xin phép với vị tỳ-khưu trưởng hoặc phó của hội chúng!

Ai nấy đồng hoan hỷ chấp thuận.

Sa-di Saṅkicca ngồi chỗ sau, tự nghĩ thầm: “Vây là tốt! Nhưng các ngài còn quên nêu rõ nguyên tắc sống lục hòa. Các ngài còn quên chuyện quét dọn căn nhà hội, nhà vệ sinh, đổ đầy các lu nước tắm, nước rửa, nước uống, tắm chùi chân và giẻ lau chân! Mà thôi, việc này ta sẽ âm thầm làm cũng được!”

Thế rồi, thời gian trôi qua, hội chúng tỳ-khưu sống đời phạm hạnh rất thanh bình, yên ổn, một vài vị đã có thiên chứng hoặc pháp hỷ, pháp lạc...

Thuở ấy có một người nghèo khổ, tuổi già, sức yếu, đang sống nương tựa người con gái lớn, không may nơi này xảy ra nạn đói, ông đành cù bị lên đường tìm cách nhờ vả người con gái thứ hai. Trên đường đi, lúc qua ngôi làng có hội chúng tỳ-khưu, ông thấy nơi này có vẻ sung túc, ấm no, ông dừng chân nghỉ, bụng đói cồn cào! Lúc ấy, một nhóm tỳ-khưu khát thực trở về, qua con suối mát ngọt, họ đặt y và bát trên bãi cỏ rồi xuống suối tắm thỏa thích, sau đó mới lên dùng ngo. Ông lão lân la tìm đến, nhìn các vị tỳ-khưu, không nói không rằng. Vị tỳ-khưu trưởng nhóm hỏi:

- Ông đang đi đâu đó? Chẳng hay có việc gì không?

Ông lão tình thật kể lại hoàn cảnh của mình. Vị tỳ-khưu cảm cảnh thương hại:

- Có vẻ như ông đang cần cái ăn. Vây hãy qua bờ cây kia, lật một nắm lá to đem đến đây. Mỗi vị tỳ-khưu sẽ sót một ít vật thực cho ông đỡ đói lòng.

Khi ăn một bụng no xong, ông lão chấp tay xá các ngài rồi hỏi:

- Chắc hôm nay có ai thỉnh mời các ngài tại một tư gia giàu có?

- Không phải đâu! Vị tỳ-khưu đáp - Đây chỉ là vật thực bình thường, hằng ngày mà thôn dân những ngôi làng này đặt bát cúng dường cho chúng tôi đấy!

Ông lão tự nghĩ: “Trời đất! Ta đã làm lụng vất vả từ sáng tới

tối, từ năm này sang năm nọ mà chưa bao giờ có được một bữa ăn như bữa ăn ‘bình thường’ này! Thôi, đi đâu nữa! Hãy xin ở lại đây, hầu hạ các ngài để thừa tàn thực cũng sung sướng nhất đời rồi!”

Chư vị tỳ-khưu đồng ý. Thế rồi, từ đó, sa-di Saṅkicca có được một người đỡ đầu công việc, mà bấy lâu, với sức vóc bảy tuổi thì xem ra khá nặng nhọc!

Được vài tháng, lại nhớ con gái, không dám xin phép ai, ông lão lén trốn đi. Trên đường đi, ông lạc vào một khu rừng. Bất hạnh cho ông là nơi này có một bọn cướp dữ gồm năm trăm tên, đang xây dựng một sào huyệt lớn. Thực hiện xong công trình, viên thủ lãnh khẩn nguyện giữa khu rừng thiêng: “Trong vòng bảy ngày, chúng tôi sẽ bắt giết người đầu tiên bước vào khu rừng này, chặt đầu, lấy máu, lấy thịt thiết lễ thỉnh soạn để cúng chư thần, chư thiên... Những mong thần rừng, thần cây, thần đất, thần núi... hộ trì và che chở cho chúng tôi!”

Sáu ngày trôi qua, đúng ngày thứ bảy, ông lão đi vào khu rừng nên lọt vào tầm ngắm của bọn cướp. Ông lão bị bắt, đem về sào huyệt rồi bị trói gô nơi gốc cây. Bọn cướp đi vào đi ra, làm lì không nói một lời. Chúng soạn một cái chảo lớn, vác những lu nước, mang đến một bó củi, lấy ra con dao to và một tấm thớt dày...

Ông lão ngáy thơ hỏi:

- Thưa chủ! Lão không thấy một con heo, con nai hay một con thú nào, nhưng ở đây như đang chuẩn bị một cuộc giết thịt?

- Phải! Một tên cướp cất giọng ồm ồm - Lão chính là con thú ấy! Đầu và máu lão sẽ làm cỗ để tế thần! Còn thịt, tim gan, xương tủy của lão sẽ ninh hầm với bắp đậu ăn tạm thời qua bữa, đỡ đói!

Ông lão kinh hãi quá, tái xanh mặt, tìm kế thoát chết. Một hồi, do muốn bảo vệ tính mạng của mình, chẳng kể ân nghĩa gì, lão ta bèn trở tài miệng lưỡi:

- Thưa chủ! Lão sinh ra trong giống dòng chiên-đà-la hạ liệt,

lại sống đời của kiếp ngựa trâu hoặc như kiếp con quạ ăn bùn, tháng năm vất vả ăn xin tàn thực (vighāsāda) nơi này, nơi khác - nên toàn thể thân xác lão đây đều là vật dơ thói, ô uế, bất tịnh cả; nếu đem cúng tế thần linh, các ngài sẽ chê bẩn, không thọ dụng đâu. Hiện có ba mươi vị tỳ-khuru đang tu tập bên khu rừng kế cạnh, họ đều xuất thân bà-la-môn, sát-đế-ly hoặc giống dòng sa-môn Thích tử cao sang. Chính họ, chính con người của họ mới tinh sạch từ tinh thần cho đến thân xác. Những mâm cỗ béo bổ, ngon lành ấy chắc hẳn sẽ hợp khẩu vị thần linh, các ngài sẽ hoan hỷ lắm đó!

Viên thủ lãnh suy nghĩ: “Ồ, phải rồi! Lão già chó chê thịt này nói cũng có lý lắm chó! Ta mãn thịt cái tên nô lệ này mà làm gì! Phải mãn thịt sa-môn, bà-la-môn, sát-đế-ly mới xứng đáng cho cuộc đại tế này!”

Y quát mở trời rồi bắt lão già dẫn đường. Cả bọn rần rần kéo nhau đi. Đến nơi, thấy đâu đó lặng ngắt như tờ, viên thủ lãnh quát:

- Lão dám dối ta à? Người đâu sao không thấy?

Lão già từng sống ở đây nên biết quy ước, nói rõ lý do cho tên thủ lãnh nghe, sau đó đến căn nhà hội đánh ba hồi keng. Nghe tiếng keng phi thời, chư vị tỳ-khuru ba mươi vị, sa-di Saṅkicca khắp các cốc liêu, hóc núi lần lượt tề tựu đủ mặt.

Thấy bọn cướp đứng đầy tràn cả khu rừng, vị tỳ-khuru trưởng lão không hề sợ hãi, cất tiếng hỏi lớn:

- Ai là người đánh keng, có việc gì không?

- Chính ta đây!

Viên thủ lãnh nói xong, khua đại đao lên như hăm dọa rồi tiếp:

- Việc nhỏ thôi! Ta chỉ cần một người trong chư vị để thế mạng cho lão già hôi thói, bất tịnh này!

- Để làm gì? Vị tỳ-khuru bình tĩnh hỏi.

- Để cắt đầu, lấy máu làm cuộc đại tế thần linh đó mà!

Liếc mắt thấy sắc mặt tên cướp nào cũng như hổ, như beo, biết đây là sự thật, vị tỳ-khuru trưởng quay lại nói với huynh đệ:

- Thừa chư hiền! Phàm có chuyện gì khởi sanh lên trong một hội chúng thì người anh cả phải nhận lãnh trách nhiệm. Vậy, hôm nay tôi tình nguyện hy sinh cái xác thân giả tạm bất tịnh này để cho mọi người khỏi bị tổn hại, được an lành mà tu tập sa-môn hạnh.

Nói xong, vị đại đức ấy bước tới đưa hai tay cho viên thủ lãnh trời, nhưng có một vị tỳ-khưu lớn tuổi ngăn lại:

- Khoan đã! Người hy sinh ấy phải chính là đệ, không phải là huynh! Thông thường, việc gì của bậc huynh trưởng thì người em kế phải ra tay gánh vác. Huynh trưởng còn cần phải sống, phải ở lại để hướng dẫn, dắt dìu mọi người tu tập. Không có huynh thì biết ai chăm lo được việc đó?

Rồi người thứ ba, người thứ tư, lần lượt ba mươi vị tỳ-khưu ai cũng nguyện hy sinh hết và ai nói cũng có lý cả. Viên thủ lãnh ngạc nhiên nhìn người này, người kia, nghe hết từ đầu đến cuối; và chính y cũng hoang mang, thấy lạ lùng cho cái giống người gì mà ai cũng đều tình nguyện chết? Sao kỳ quái vậy ha? Do nghĩ vậy nên trong thâm tâm, cả năm trăm tên cướp đều rất cảm phục những ông sa-môn dám chết này!

Cuối cùng, sa-di Saṅkicca xin được nói:

- Chính con! Chính con mới là người xứng đáng đi thế mạng chứ không phải ba mươi thầy tỳ-khưu!

Tỳ-khưu trưởng lão cao giọng:

- Không được! Người thì tuyệt đối không được! Người là đệ tử của bậc Tướng quân Chánh pháp! Nếu việc này xảy ra, tôn giả chỉ cần cất tiếng hỏi: “Sa-di Saṅkicca của ta đâu rồi!” Thì chúng ta biết ăn nói làm sao, biết trả lời làm sao, hử?

Vị thánh sa-di nghĩ là hợp thời, hợp lúc, bây giờ mới tiết lộ:

- Xin quý ngài an tâm! Do tuệ thắng trí, đức Thế Tôn mới bảo quý ngài đến chào thầy của con. Cũng do nhờ tuệ thắng trí, thầy của con mới gởi con đi theo làm thị giả cho quý ngài! Sự mạng của con chính là việc này, là giải trừ mọi khó khăn, tai nạn xảy ra! Bây giờ, tai nạn ấy đã đến. Xin quý ngài hãy an

tâm, chuyên cần tấn tu sa-môn pháp cho đến lúc thành tựu. Mây mù, tối tối thế nào rồi cũng sẽ qua đi! Bão đông hung dữ thế nào cũng sẽ có lúc dừng lặng!

Nói thế xong, sa-di Saṅkicca quỳ năm vóc sát đất, đánh lễ hội chúng, nói rằng:

- Trong thời gian qua, nếu con có vô ý phạm những lỗi lầm nào, xin quý ngài từ bi tha thứ cho con.

Ba mươi vị tỳ-khưu cảm động quá không nói nên lời, vị nào khoé mắt cũng hoen đỏ. Vị tỳ-khưu trưởng lão trấn tĩnh nói khi Saṅkicca sắp bị dẫn đi:

- Xin chớ vị hảo hán đừng làm cho trẻ quá kinh sợ!

Chúng kiến từ đầu đến cuối rồi nghe câu nói của vị tỳ-khưu già, viên thủ lãnh bảo đồng bọn:

- Không được trối! Để nó tự đi. Hắn sẽ không thêm trốn đâu!

Về đến sào huyệt, khi thấy mọi chuẩn bị đâu đó đã xong, viên thủ lãnh bảo thuộc hạ trối con mồi cho thật chặt trước khi hạ thủ; nhưng sa-di Saṅkicca cất giọng nói bình thản, trầm tĩnh:

- Không cần thiết phải trối đâu! Tôi không sợ hãi đâu. Sợ hãi không thể có trong tâm của những sa-môn Thích tử! Tôi sẽ ngồi an nhiên thế này cho chớ vị chém đâu! Tôi quyết không nhúc nhích!

Nói thế xong, sa-di Saṅkicca chỉ cần điều hòa một vài hơi thở là đi vào sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền rồi trú sâu vào xả, thanh tịnh, bất động tâm.

Thấy sự bình tĩnh lạ lùng của chú nhỏ, cả bọn cướp cảm giác sợ hãi, và chính viên thủ lãnh cũng thấy ớn ớn trong lòng. Tuy nhiên, khi thấy con mồi đã dễ dàng hy sinh, một tên cướp quen công việc đồ tể, khua đại đao chém vào cần cổ Saṅkicca thì chợt nghe một tiếng “coong”, thanh đao bị bật ngược trở lại. Ngạc nhiên, y quan sát lại thanh đao thấy không sút mẻ gì, tới nhìn xem lại cái cần cổ chỉ thấy một vết đỏ nhẹ. Tên cướp nghĩ, có lẽ mình hơi nhẹ tay, nên lần sau, hắn tập trung tất cả sức mạnh, chém ngang! Lần này, một tiếng “coong” vang lớn hơn,

thanh đao dội ngược mạnh hơn, hai cánh tay của y bủn rủn... Sợ hãi, liếc nhìn thanh đao thì nó cong vòng như lưỡi liềm!

Viên thủ lĩnh thấy lạ, chưa tin chuyện xảy ra, lại nghĩ có thể kia là thanh đao “tồi”! Y bèn rút “bảo đao” của mình, bước lại, dùng tất cả sức bình sinh, chém mạnh. Sự việc như cũ lại tái diễn, nhưng thanh bảo đao của y không phải là cong vòng mà là lắc các gãy vụn ra từng khúc, chỉ còn cái cán đao! Nhưng có điều đáng sợ hơn nữa mà chỉ có mình y biết, là toàn thân y đau buốt như có cả hằng trăm hằng ngàn mũi giáo đâm cứa vào da thịt, xương tủy, thọc sâu vào lục phủ ngũ tạng... Nghĩ chắc là thần linh đã hiện thân nơi đứa trẻ, viên thủ lĩnh quỳ mọp, nằm dài xuống đất, quần quai, run rẩy, đau đớn, vái lạy như tể sao:

- Xin ngài tha thứ cho tôi! Xin ngài hãy tha cho cái mạng sống tôi, cỏ rác bé mọn này! Xin ngài đừng trừng phạt nữa, tôi không chịu nổi nữa đâu!

Chợt, sa-di Saṅkicca mở mắt ra, mỉm cười nói:

- Ừ, ta đã tha thứ cho ông rồi đó!

Viên thủ lĩnh lồm cồm ngồi dậy. Lạ lùng thay! Cơn đau kinh hoàng đã chấm dứt. Ông ta ngồi lặng như thế rất lâu. Cả năm trăm tên cướp cũng đứng im sững như trời trồng khi chứng kiến được hiện tượng “thần linh nổi giận!” như vừa rồi.

Sau đó là đoạn đối thoại:

- Ngài có phải là thần linh không?

- Không, không phải! Nhưng chư thiên, sơn thần, thọ thần, thổ thần... ở núi rừng này cũng chỉ như là đệ tử của ta thôi, và hiện họ đang châu hâu xung quanh ta đó!

Viên thủ lĩnh hốt hãi nhìn quanh, tái mặt.

- Vậy ngài là ai?

- Ô! Ta chỉ là một sa-di, là một sa-môn nhỏ nhút trong giáo hội của đức Đại A-la-hán, Chánh Đẳng Giác Sakyā Gotama mà thôi!

- Vậy còn oai lực kinh khiếp như vừa rồi, ở đâu có?

- Oai lực ấy là bình thường thôi, ông bạn già! Ta còn những

oai lực lớn lao hơn thế nữa, như độn thổ, đi giữa hư không, đưa tay sờ mặt trời mặt trăng, có thần nhãn nhìn xuyên qua nhiều thế giới, một thân hóa ra nhiều thân, có thể thấy biết các kiếp sống quá khứ, vị lai... Nhưng đây chỉ là trò chơi không đáng kể, này ông bạn già!

- Vậy thì cái gì mới đáng kể?

- Đáng kể là ta đã chấm dứt tất cả mọi khổ đau trên đời này! Đáng kể là ta không còn sợ hãi bất cứ một thế lực nào trên thế gian này, như thế lực của thần chết, như thế lực của ma vương, như thế lực của chư thiên, phạm thiên...! Vậy thì thử hỏi, làm sao mà ta lại sợ năm trăm tên cướp vô dụng cùng với mấy trăm thanh đao sét rỉ, cong queo, vỡ vụn của các ông?

Ngẫm ngợi chút nữa, viên thủ lãnh thở một hơi dài như lấy lại tinh thần rồi hỏi:

- Sẽ không còn bất cứ một khổ đau, một nỗi sợ hãi nào hay sao?

- Đúng vậy, nếu biết tu hành đúng đắn, nghiêm túc thì ai cũng có thể thành tựu được như vậy cả!

- Tôi, một gã đồ tể máu lạnh, một tên giết người tàn bạo, một kẻ trộm cướp vô lương tâm, tội ác chất chồng như núi mà cũng tu được như ngài hay sao?

- Được chứ! Bằng cách cải tà quy chánh, quăng đao giết người, ôm bát đi xin ăn, sống theo pháp và luật của giáo hội đức Tôn Sư!

- Có đói không?

- Cũng có thể bị thiếu thốn chút ít về vật thực, y áo, chỗ ngủ nghỉ, thuốc men do phước nghiệp của từng người - nhưng điều đó không ảnh hưởng gì đến đời sống nhẹ nhàng, thanh thoát như những cánh chim trời vô ưu, vô lự...

- Không ảnh hưởng gì hết sao?

- Phải! Khi tâm trí của những sa-môn đã được huấn luyện thuần thục thì lúc nào họ cũng tự tại và an vui!

Ngẫm ngợi một hồi nữa, y chợt quay lại đồng bọn:

- Các bạn nghĩ sao?

- Vậy chủ tướng nghĩ như thế nào?

- Ta chọn bỏ đao, ôm bát đi xin ăn! Ta chọn đời sống như cánh chim trời tự do.

- Chủ tướng đã làm vậy thì bọn đàn em cũng đều như thế cả! Chúng ta sẽ là một bầy chim trời tự do.

Viên thủ lĩnh chợt quỳ xuống:

- Ngài cho tôi xuất gia. Ngài là thầy của tôi!

Hàng trăm thanh kiếm, thanh đao chợt rơi loảng xoảng giữa trời chiều rồi cả rừng tiếng nói cất lên:

- Chúng tôi nguyện xuất gia. Ngài là thầy của tất cả chúng tôi!

Sau đó, không rõ việc cạo bỏ tóc râu, chuẩn bị y bát như thế nào - mà kinh sử nói là rằng, năm trăm tên cướp đều được sa-di Saṅkicca⁽¹⁾ cho xuất gia sa-di rồi dẫn về ra mắt hội chúng tỳ-khưu ba mươi vị ở ngôi rừng cũ.

Lặng nhìn sa-di Saṅkicca và năm trăm tên cướp trong hình tướng sa-môn trang nghiêm, yên tĩnh đứng đầy đặc bên sau, vị tỳ-khưu trưởng lão cùng huynh đệ há hốc mồm, không biết chuyện gì đã xảy ra.

Sa-di Saṅkicca đánh lễ quý ngài rồi giới thiệu:

- Họ thay tướng, đổi tâm do nhờ uy đức của Tam Bảo⁽²⁾ đã cảm hóa họ. Con sẽ dẫn năm trăm vị tân sa-di này về Kỳ Viên tịnh xá, trình sự việc lên bậc Tướng quân Chánh pháp, đồng thời để đức Thế Tôn tùy nghi giáo giới họ.

Khi biết chính vị sa-di này đã thần kỳ cảm hóa được năm trăm tên cướp hung dữ trở thành sa-môn bằng năng lực thắng trí, hội chúng tỳ-khưu rất cảm phục, vị tỳ-khưu trưởng lão thốt lên:

- Ngài đúng là bậc đại thiện trí thức! Đúng là bậc đại thiện trí thức! Huynh đệ chúng tôi vô cùng cung kính và ngưỡng mộ!

⁽¹⁾ Trường hợp sa-di bảy tuổi làm thầy thế độ như thế này có lẽ là sự kiện đầu tiên trong giáo hội của đức Phật.

⁽²⁾ Không bảo là do mình mà nhờ uy lực của Tam Bảo - đây là cách nói của bậc thánh lậu tận.

Do tấm gương sáng rỡ trước mắt như thế, ba mươi vị tỳ-khưu tại khu rừng đã hết sức tinh tấn hành trì sa-môn hạnh, sa-môn pháp; nên chỉ thời gian ngắn sau, họ đều chứng đắc đạo quả A-la-hán.

Về Kỳ Viên tịnh xá, sa-di Saṅkicca được tôn giả Sāriputta dịu dàng mỉm cười nói:

- Con đã làm được một việc khó làm! Lành thay!

Còn đức Phật thì sau khi hỏi han, khen ngợi; ngài giáo giới năm trăm tân sa-di một bài pháp rồi tóm tắt bằng một câu kệ ngôn:

“- Trăm năm sống có ích gì,
Buông lung, phóng dật, ác tri, ác tà;
Một ngày trong cõi người ta,
Giới định, thiên tuệ thiệt là tốt hơn!”⁽¹⁾

14.8- Thánh Sa Di Tissa

Xế trưa hôm ấy, tại Jetavana, chư tăng bàn tán không ngớt về một thiếu phụ xinh đẹp, không phải là tỳ-khưu-ni mà tự động đắp y, mang bát đến ngồi giữa vườn cây, chỗ chư tăng thường độ thực. Nghe chuyện lạ, tôn giả Sāriputta bước ra thăm hỏi thì thiếu phụ cho biết là từ khi mang thai, đưa bé trong bụng khiến nàng chỉ thích mặc y, mang bát; và muốn ăn món cháo dư thừa của chư tăng mà thôi!

⁽¹⁾ Dịch ý từ Pháp cú 110: “Yo ca vassasataṃ jīve. Dussīlo asamāhito. Ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo. Sīlavantassa jhāyino’ti”. Xem thêm: Các câu Pháp cú số 111, 112, 113, 114, 115 đều có nội dung tương tự: Trăm năm sống có ích gì. Giải đãi, biếng nhác, li bì xác thân! Khởi tâm nỗ lực, tinh cần. Một ngày như vậy bội phần tốt hơn (112). Trăm năm sống có ích gì. Pháp đi, pháp đến vô tri chẳng tường. Một ngày quả thật khó lường. Thấy pháp sanh diệt, vô thường ra sao (113). Trăm năm sống có ích gì. Chẳng thất bất tử, vô vi pháp hành. Một ngày quả thật trọn lành. Sống đời chứng ngộ vô sanh Niết-bàn! (114-115). Trích Kinh Lời Vàng, NXB Phương Đông, năm 2008 - cùng một soạn giả.

Tôn giả Sāriputta mỉm cười:

- Vậy thì tốt! Chư tăng sẽ sẵn lòng thôi! Thế còn gì nữa không?
- Ngay ngày mai, con muốn cung thỉnh năm trăm thầy tỳ-khuru, với tôn giả là vị cầm đầu đến tư gia để con được cúng dường món cháo sữa đặc biệt cùng với mật ong, đề hồ và cả cơm nữa!

Người thiếu phụ ấy không những một lần thích ăn cháo thừa của chư tăng mà đã nhiều lần như thế. Không phải chỉ một lần nàng mời tôn giả Sāriputta cùng năm trăm tỳ-khuru đệ tử về nhà để đặt cháo, sữa, mật ong, cơm mà cũng đã nhiều lần như thế. Đến ngày lâm bồn, buổi lễ trai tăng lại càng đặc biệt trân trọng. Đứa bé xinh như con trời được tắm bằng nước thơm, mặc y phục bằng lụa thơm, đặt trên một cái giường lông lầy, được phủ bằng một “tấm mền gấm nhẹ như bông trĩ giá cả trăm ngàn đồng tiền vàng”.

Họ bỗng trẻ ra mắt tôn giả. Đứa bé ngược mắt lên nhìn tôn giả, mỉm cười hân hoan và nghĩ thầm trong tâm: “Đây là vị thầy cao quý của ta, cũng nhờ cúng dường thầy ta mà ta được quả phước hôm nay. Bây giờ ta lại muốn cúng dường thầy ta cái gì đó nữa”.

Tôn giả đặt bàn tay lên đầu đứa bé đọc một bài kệ chúc phúc ngắn rồi cầu nguyện cho nó sau này trở về nương tựa nơi Ba Ngôi Báu. Khi tôn giả đang đọc kinh, đứa bé quần tay trong chiếc mền gấm và làm cho nó rơi xuống, phủ lên chân của ngài.

Người mẹ dường như tâm ý linh thông với con nên nói:

- Xin ngài hoan hỷ thọ nhận chiếc mền gấm mà con của con đã có tác ý cúng dường.

Tôn giả Sāriputta đã hiểu mọi sự nhưng ngài chỉ im lặng. Thiếu phụ xinh đẹp, mẹ của đứa bé lại thưa tiếp:

- Bạch ngài, xin ngài đặt tên cho trẻ.

- Sẽ đặt tên như thế nào nhi?

Thiếu phụ lại nói:

- Bạch ngài, xin ngài trao cho nó cái tên thuở ngài mới sinh ra.

- Ô! Vậy à? Ta tên là Upatissa!

Người thiếu phụ hoan hỷ:

- Lành thay! Con xin bẻ một nửa tên của ngài, vậy tên con của con là Tissa! Vậy con của con mai sau sẽ nối gót ngài, học được chút ít gì từ trí tuệ của ngài là quý báu lắm.

Thế rồi, không những là lễ đặt tên, mà còn lễ xâu lỗ tai, lễ nhận tắm vải thánh, lễ tắm rửa cạo đầu, thiếu phụ và con trai đều cung thỉnh đặt bát đến tôn giả Sāriputta và chư đệ tử của ngài.

Chư tăng trẻ thấy chuyện lạ lùng, vây quanh tôn giả Sāriputta để hỏi nguyên do. Ngài chỉ tay sang đức Moggallāna:

- Khi có bậc đệ nhất đại thần thông ở đây thì ta nào dám nói chuyện quá khứ, vị lai?

Đức Moggallāna chẳng khách sáo gì, kể cho chư tăng trẻ nghe, chuyện mới xảy ra chỉ mấy năm thôi, tại kinh thành Rājagaha:

- Ở một góc phố tối tăm, tồi tàn tại thành Rājagaha, có một lão bà-la-môn rất nghèo khổ, tên là Mahāsena; ông ta vốn là bạn thân của thân sinh tôn giả Sāriputta. Hôm kia, vị đệ nhất đại đệ tử vào sáng sớm, sau khi xuất định, hướng tâm đến người bà-la-môn nên đã đáp y, mang bát ra đi. Thấy tôn giả đi đến từ xa, lão bà-la-môn tự nghĩ: “Con trai của bạn ta sẽ đến đây để khát thực, thật xấu hổ khi ta không còn bất cứ một vật gì”. Thế là ông Mahāsena lên ra ngõ sau trốn mắt. Lần thứ hai, tôn giả kiên nhẫn đến nữa, ông ta cũng trốn như vậy.

Hôm kia nhờ một đám cúng tụng, lễ vật có được là một “bát cháo đầy ngon thơm” và “một mảnh vải quý”; không dám ăn, không dám mặc, lão bà-la-môn tội nghiệp này mong ngóng bước chân khát thực của con trai bạn mình. Không phụ lòng chân tình ấy, hướng tâm là biết, tôn giả đáp y, mang bát đến ngay. Người bà-la-môn đã đợi sẵn, sốt cháo vào bát của ngài. Khi vừa một nửa số cháo, tôn giả bèn đưa tay ngăn lại:

- Thôi được rồi, đủ rồi, thí chủ! Cả chiều và đêm hôm qua ông đã nhịn đói. Cả ngày hôm nay lại cũng muốn nhịn đói nữa sao?

- Chẳng sao cả, thưa ngài sa-môn! Đói một tuần là chuyện

bình thường của tôi. Được để bát một cách trọn vẹn cho người mà tôi yêu kính là chuyện hiếm có trên đời. Tôi chọn cái lợi to lớn hơn vậy.

Sau khi nhận đầy bát, muốn để lão bà-la-môn hoan hỷ, tôn giả Sāriputta ngồi xuống và độ thực ngay tại chỗ. Ngài dùng xong, ông lão dâng cúng luôn tám vải quý, mặc dù ông ta đang mặc áo rách.

Tôn giả Sāriputta tự nghĩ: “Cúng dường một cách trọn vẹn, không để dành lại, thà mình nhịn đói, sẽ mang đến quả phước vật thực một cách trọn vẹn và thù thắng. Cúng dường vải vóc quý giá, dù mình mặc áo rách, sẽ mang đến quả phước về y phục một cách viên mãn và thù thắng”. Rồi ngài hỏi:

- Thí chủ có ước nguyện gì?

- Xin cho tôi được xuất gia trong giáo pháp chơn chánh của đức Thế Tôn!

- Thí chủ sẽ được như nguyện!

- Y áo, vật thực tôi hằng có đủ, ngoài ra sẽ được dư dật để san sẻ cho bạn đồng tu!

- Thí chủ sẽ được như nguyện!

Từ đó, tâm hồn của lão bà-la-môn thanh thản, mãn nguyện; sau khi thân hoại mạng chung, từ thành Rājagaha, ông ta sinh vào bào thai một thiếu phụ xinh đẹp, trong một gia đình hào phú ở Sāvatti. Khi còn trong bụng mẹ, đứa bé xui khiến cho mẹ mình mặc y, mang bát và ăn cháo thừa của chư tăng. Đứa bé lại có hảo cảm đặc biệt với ngài Sāriputta, là thầy tế độ cho mình trong quá khứ nên xúi mẹ tổ chức nhiều buổi đặt bát, cúng dường cháo. Bây giờ nó lại muốn dâng chiếc mền gấm cho tôn giả Sāriputta nữa. Trong tương lai, đứa bé này sẽ xuất gia và thầy của nó chính là bậc tướng quân chánh pháp đây chứ không thể là ai khác!

Chư tăng trẻ nghe xong, cảm thán thốt lên:

- Thật là kỳ diệu!

Quả đúng như tiên tri của tôn giả Moggallāna, đúng bảy tuổi,

bé Tissa nói với mẹ:

- Thừa mẹ! Con muốn xuất gia sống đời sa-môn dưới chân trưởng lão của con!

- Tốt lắm con ạ, mẹ rất hoan hỷ về điều đó.

Rồi người mẹ thỉnh tôn giả Sāriputta đến, dâng cúng vật thực và trình bày ý nguyện của con. Buổi chiều, cả hai mẹ con đến Kỳ Viên tịnh xá quỳ xuống chân trưởng lão. Tôn giả nói với Tissa:

- Con này, đời sống xuất gia rất kham khổ, rất khó khăn, con có biết vậy không?

- Dạ con biết!

- Người xuất gia khi muốn ẩm thì phải chấp nhận cái lạnh, khi muốn mát phải chấp nhận cái nóng! Vậy con có chịu đựng được không?

- Con chịu đựng được!

- Một sa-môn thường phải sống đời không nhà cửa, đầu không nón che, chân không dép đỡ; lại còn phải ôm bát đi xin ăn, người ta cho gì ăn nấy, chẳng dễ dàng lựa chọn được miếng ngon ngọt, béo bùi đâu. Con có kham nhẫn được đời sống ấy không?

- Bạch tôn giả! Con sẽ kham nhẫn được hết. Con sẽ thực hành bất kỳ những gì mà ngài chỉ dạy.

- Tốt lắm!

Thế rồi tôn giả truyền cho chú bé Tissa mười giới, tập sự làm sa-di, dạy thêm phép quán năm chi tiết trong ba mươi hai thể trực tức là tóc, lông, móng, răng, da...

Để tôn vinh cho việc xuất gia của con, cha mẹ Tissa cúng dường cháo thập cẩm ngon bổ cho chư tăng ở tịnh xá Kỳ Viên có đức Phật dẫn đầu, suốt cả bảy ngày. Ngày thứ tám, sa-di Tissa ôm bát đi cuối cùng đoàn tỳ-khuru do tôn giả Sāriputta dẫn đầu vào thành Sāvattthi để khát thực.

Dân chúng ở Sāvattthi mấy ngày nay đã nghe chú bé bảy tuổi xuất gia. Cả hàng chục gia đình thân quyến, bạn bè của cha mẹ Tissa hân hoan chuẩn bị vật thực cúng dường cho chú sa-di tí hon.

Khi đoàn sa-môn đi qua, người ta cung kính cúng dường vật thực đầy đủ; đến chú sa-di cuối cùng, đẹp đẽ và dễ thương như một thiên thần, thiên hạ đổ xô lại, vây quanh. Không những chỉ để đầy một bát mà họ còn sắn sắn bát mới, có cả lưới bát, để bát và chứa vật thực đầy ở bên trong đúng năm trăm bát như thế, cùng với năm trăm bộ y để cúng dường cho sa-di Tissa.

Đoàn tỳ-khưu đã đi rất xa mà sa-di Tissa còn loay hoay không biết làm sao với sự cúng dường ấy.

Một cụ già bên đường góp ý:

- Chú sa-di hãy về đi kéo thầy và chư tăng mong. Lát nữa thôi, vật thực và y áo này sẽ được đưa đến Kỳ Viên tịnh xá với năm chiếc xe và mười con bò kéo!

Hôm sau, những người chưa được cúng dường trong thành phố, họ tự động thuê bò kéo đến chùa, cúng dường thêm cho sa-di Tissa năm trăm bát thực phẩm và năm trăm bộ y nữa.

Sa-di Tissa vòng tay thưa bạch với tôn giả Sāriputta:

- Y và bát hôm qua và hôm nay con đã cúng dường tất cả cho một ngàn vị đại đức. Con làm như vậy có đúng chăng?

- Tốt lắm con ạ! Tâm nguyện xưa của con ra sao thì quả hôm nay là vậy.

Sáng sớm hôm kia trời trở lạnh, sa-di Tissa theo gương thầy, dậy thật sớm đi một vòng quanh tịnh xá để quét rác và thu dọn chỗ này chỗ kia cho sạch sẽ. Chú thấy chư tăng lớn tuổi đang ngồi tùm năm tùm ba bên những đống lửa; sa-di Tissa hỏi:

- Bạch chư đại đức! Tại sao các ngài lại phải hơ lửa như vậy?

- Chúng tôi già rồi, chú bé sa-môn! Tuổi già thì xương cốt rã rời, khí huyết khô cạn thường không chịu được lạnh!

- Bạch chư đại đức! Đêm xuống thì trời sẽ lạnh hơn. Vậy khi ngủ nghỉ, các ngài nhớ đắp mền ấm cho dày để ngăn lạnh.

- Chú sa-di có nhiều phước nên có mền ấm còn chúng tôi thiếu phước, đào đâu ra tấm chăn đây?

- Vậy thì ngày mai, thưa chư đại đức, vị nào cần mền đắp thì đi với con vào thành Sāvatti.

Thế là ngày hôm sau, Tissa đi quyên được cả một ngàn cái chăn ấm để dâng cho một ngàn vị tỷ-khuru. Chuyện kể rằng hễ ai gặp mặt Tissa là phát tâm hoan hỷ, thích làm phước. Cho chí một thương gia nọ, nghe người ta đồn đãi, bèn giấu mấy cái mền quý đi, nhưng khi Tissa đến, ông ta lại hoan hỷ biếu tặng tất cả.

Mấy ngày hôm sau, những cậu bé bạn cũ rủ nhau đến thăm Tissa, rồi những ngày sau nữa chú phải bận rộn tiếp đón nên không có thì giờ để tham thiền. Thế là chú đi xin đức Phật đề mục thiền định rồi rút vào rừng sâu tu tập. Dân làng quanh vùng yêu mến chú vô cùng, họ cúng dường vật thực hết lòng. Nhưng chú bé chưa biết pháp, khi nhận vật thực, bất cứ ai, ngày này qua tháng nọ, vị sa-di chỉ có một câu phúc chúc duy nhất: Mong thí chủ được an vui, hạnh phúc. Mong thí chủ thoát khỏi mọi đau khổ.

Chỉ ở rừng hai tháng, với quyết tâm tu tập thiền quán, Tissa đã đắc quả A-la-hán. Hướng tâm đến, tôn giả Sāriputta biết điều ấy bèn vào đánh lễ đức Phật xin được đi thăm sa-di Upatissa. Đức Thế Tôn cho phép, tôn giả Sāriputta lại qua rủ thêm tôn giả Moggallāna. Rồi chốc sau lại có thêm các vị trưởng lão khác, như ngài Mahākassapa, ngài Anuruddha, ngài Upāli, ngài Puṇṇa cùng những vị khác nữa. Các vị trưởng lão này lại còn dẫn thêm đệ tử tùy tùng, người thì với năm trăm đệ tử tỷ-khuru, người thì với ba trăm đệ tử tỷ-khuru... nên tổng số người đi thăm sa-di Tissa lên đến mấy ngàn vị.

Dân chúng trong làng thấy cả một đoàn thánh chúng trưởng lão và cả mấy ngàn vị tỷ-khuru đến nơi xa xôi hẻo lánh này, họ vô cùng ngạc nhiên, tiếp đón nồng nhiệt, quỳ lạy bên chân tôn giả Sāriputta vang danh thiên hạ, và xin ngài ban cho họ một thời pháp.

- Ta cùng với phái đoàn hôm nay đến thăm sa-di Tissa!

Nghe nói vậy họ càng ngạc nhiên hơn nữa: “Chú bé tí hon mà chúng ta hộ độ bấy lâu nay quan trọng như vậy sao?”

Được tin, Tissa từ rừng đi xuống làng, đánh lễ thầy là ngài Sāriputta rồi sau đó làm bốn phận của một đệ tử đối với các bậc trưởng thượng đầy uy đức của mình.

Chỗ nghỉ ngơi đã được dân chúng sắp xếp chu đáo. Đèn đuốc đây đó cũng được đốt lên. Máy khi mà được dịp hy hữu như thế này, dân chúng tha thiết thỉnh cầu được nghe pháp.

Tôn giả Sāriputta nói:

- Vậy thì hãy thông báo cho mọi người gần xa cùng đến nghe.

Khi đầu đó đã được chuẩn bị sẵn sàng, tôn giả nói với Tissa:

- Này con! Các thí chủ của con ở trong ngôi làng này họ muốn thỉnh pháp, vậy con hãy thuyết cho họ nghe đi!

Dân làng đồng thanh thưa:

- Thưa tôn giả! Vị đại đức của chúng con không biết gì ráo! Vị đại đức của chúng con ngày này qua ngày nọ chỉ thuộc lòng một câu duy nhất: Mong cho thí chủ được an vui hạnh phúc, mong cho thí chủ thoát khỏi mọi đau khổ. Vậy xin tôn giả đề cử cho một vị cao tăng trưởng lão!

Tôn giả mỉm cười, quay sang hỏi Tissa:

- Này Tissa! Cầu mong cho thí chủ được an vui hạnh phúc, nhưng làm sao để được an vui hạnh phúc? Cầu mong cho thí chủ thoát khỏi đau khổ thì phương cách để giải thoát khỏi đau khổ ấy ra làm sao? Con hãy giải thích rộng hai câu ấy là thành một đề tài giáo pháp trọn hảo!

Tissa chăm chú lắng nghe, suy nghĩ một lát rồi nói:

- Thưa vâng, con sẽ làm như vậy.

Thế rồi Tissa thăng tòa, giảng như nước chảy mây trôi về khổ đế, về nguyên nhân khổ, về Niết-bàn và về con đường Bát Thánh đưa đến nơi giải thoát... Rồi Upatissa kết luận:

- Thưa chư đạo hữu! Chúng sanh bị những khổ ách nên lê tấm thân trôi dạt giữa biển đời sanh tử, vậy muốn thoát khỏi mọi khổ ách phải biết tu theo Tứ Diệu Đế. Và khi đắc được quả vị A-la-hán rồi, chúng ta sẽ được hạnh phúc, an vui vĩnh viễn!

Tôn giả Sāriputta tán thán:

- Lành thay, này Tissa! Con đã khéo giảng, khéo thuyết về Con Đường Diệt Khổ vậy!

Nghe xong thời pháp, dân chúng thấy đều ngạc nhiên. Một nhóm thì hân hoan vui mừng vì lâu nay đã được cúng dường cho một bậc Trí Tuệ. Riêng có một nhóm thì khởi tâm bất bình: “Hóa ra lâu nay vị đại đức này khinh thường chúng ta. Vị đại đức đã biết rành rẽ về giáo pháp mà lại giả bộ ngây ngô, miệng cam như hến, chẳng thêm dạy bảo cho chúng ta một lời, một chữ”.

Tại Kỳ Viên tịnh xá, vào sáng sớm, đức Phật biết rõ chuyện ấy, sợ rằng nhóm người bất bình với vị thánh A-la-hán sẽ đắc tội, nên ngài đáp y, mang bát, với thời gian như viên lực sĩ duỗi cánh tay, ngài đã có mặt tại ngôi làng với hào quang chói rạng.

- Đức Chánh Đăng Giác đã đến!

Thật là một sự kiện trọng đại. Có bao giờ mà một bậc Chánh Đăng Giác, lại luôn cả mấy mươi vị đại trưởng lão đồng xuất hiện và đi thăm một sa-di nhỏ bé như thế này? Dân chúng bừng bừng hoan hỷ tổ chức buổi lễ đặt bát tịnh soạn cúng dường.

Sau khi độ thực xong, đức Phật nói với dân làng như xác nhận vai trò của vị sa-di:

- Này hai hàng cận sự nam nữ! Thật là hạnh phúc thay cho mọi người là nhờ vị sa-di này mà ai cũng được trông thấy Như Lai, hai vị đại đệ tử cùng mấy mươi vị đại trưởng lão. Quả thật, chỉ vì một sa-di bé nhỏ này mà hôm nay Như Lai đến đây, các người nên hiểu như vậy để lợi ích lâu dài cho mình về sau.

Khi biết rằng nội tâm của những người bất bình đã trở nên yên lặng, đã biết tầm quan trọng của vị đại đức tí hon, đức Phật giờ quay sang Tissa:

- Này con trai! Hãy dẫn Như Lai đi thăm thú một vòng quanh đây như thế nào!

Nói xong, đức Phật nắm tay Tissa, từ giã mọi người, khuất cuối con đường, đi lên một ngọn núi cao. Đức Chánh Đăng Giác còn vài lời giáo giới đến vị A-la-hán sa-di ấy.

14.9- Căn Nhà Năm Lỗ Hồng

Có vợ chồng gia đình bà-la-môn giàu sang, sau khi nghe pháp từ đức Đạo Sư, hiểu công đức của sự bố thí, nhất là gieo hạt giống phước báu trên những đám ruộng tốt. Theo như sự hiểu biết của hai người, đám ruộng tốt nhất ấy nhất định là đức Phật rồi. Thứ nữa phải là hai vị đại đệ tử. Tiếp theo, chắc chắn là các vị đại trưởng lão đạo cao đức trọng. Do hiểu vậy nên bà bảo ông đi thỉnh đức Phật, nhưng được biết là ngài đã có người mời thỉnh rồi. Ông bèn thỉnh hai vị đại đệ tử, hai ngài cũng cho biết là đã hứa trước với người khác. Cuối cùng, ông đến gặp đại đức Dabba Malla, người phụ trách điều hành, phân phối công việc của tăng để xin thỉnh bốn vị trưởng lão đặt bát cúng dường tại tư gia.

Đại đức Dabba Malla, do khả năng thắng trí, thấy biết tâm ý của vợ chồng người bà-la-môn, và vì muốn dạy cho họ một bài học nên mỉm cười thâm lặng rồi đáp:

- Được rồi! Tôi sẽ thỉnh đến tư gia bốn vị trưởng lão thanh tịnh!

Đúng ngày, đại đức Dabba Malla sắp xếp bốn vị sa-di bảy tuổi: Đó là Revata, Saṅkicca, Paṇḍita, Sopāka⁽¹⁾ họ đều là thánh tăng, đều là những bậc “trưởng lão”⁽²⁾ đến nhà của thí chủ.

Nữ gia chủ bà-la-môn đã suốt đêm chăm lo vật thực thượng vị để mong đặt bát cúng dường đến những bậc “trưởng lão đạo cao đức trọng”, nhưng sớm ngày, đến tư gia là bốn “chú nhóc, con nít” nên họ vô cùng buồn phiền, sầu khổ. Từ buồn phiền, sầu khổ họ đâm ra tức giận, tỏ ra khinh miệt bốn vị sa-di.

⁽¹⁾ Sopāka, Sukha hay Tissa... không rõ lắm.

⁽²⁾ Trong giáo hội của đức Phật, từ trưởng lão vừa chỉ những vị niên cao, lập lớn, đạo hạnh - vừa chỉ những vị có giới, có định, có tuệ, tuệ giải thoát. Như bốn vị Thánh sa-di này xứng đáng được gọi là trưởng lão.

Nữ gia chủ lấy một tấm thảm cũ mềm, trải xuống một góc nền nhà rồi nói:

- Mời các vị hãy ngồi tại chỗ này!

Rồi lui nhà sau, bà bảo ông:

- Hãy đi gấp, đi nhanh đến Kỳ Viên, thỉnh ngay cho tôi bốn vị trưởng lão kia!

- Hôm qua tôi cũng nói vậy mà! Ông đáp.

- Vậy là chúng ta bị “chơi xỏ” rồi! Mấy đứa con nít “hỉ mũi chưa sạch” này, thì phước báu ở đâu sanh ra kia chứ?

- Vậy ông hãy đi lại lần nữa xem? Bà ngẫm nghĩ rồi tiếp - Nếu không có thì đến ngay nơi đền thờ thần Shīva, ở đấy thường có mấy vị trưởng lão tư tế, thỉnh họ cũng được.

Ông bà-la-môn gia chủ chịu khó đến Kỳ Viên nhưng đức Phật và tăng chúng đã đi trì bình hoặc đến các tư gia từ sáng sớm, trong chùa chỉ còn lại một số sư chăm lo tạp dịch, vệ sinh, bị bệnh hay già yếu mà thôi.

Tại tư gia vợ chồng bà-la-môn, bốn vị sa-di thấy trời đã trưa mà trong nhà không chịu đặt bát, họ vừa khát nước vừa cằn cào cái bụng. Tuy nhiên, vì là bậc thánh, họ dùng tâm nhẫn, tâm xả, im lặng như không có gì xảy ra.

Trong lúc bốn vị sa-di tự tại, thần nhiên chờ đợi nhưng ngại vàng của thiên chủ Đế Thích lại nóng rực lên. Thiên chủ dùng thiên nhãn quan sát thế gian thì biết chuyện xảy ra tại gia đình vợ chồng người bà-la-môn. Thiên chủ cau mày: “Quả thật là ngốc nghếch! Bốn vị ‘trưởng lão đạo cao đức trọng’ như vậy lại để cho người ta nhìn đời, trong lúc đó lại đi mời thỉnh mấy ông lão coi đèn, bọn tu sĩ thừa hưởng tài vật tàn dư! Phải cho hai vợ chồng ngu si này một bài học mới được! Ta sẽ làm cho chói rạn uy đức của những bậc thánh tí hon!”

Nghĩ thế xong, thiên chủ tức khắc có mặt tại ngôi đền tế, biến thành một lão bà-la-môn quắc thước, ngồi trên một bảo tọa sang trọng tại chính điện.

Khi người bà-la-môn gia chủ đến đền tế, thấy vóc dáng,

tướng mạo của “trưởng lão tu tể” mừng quá nên thỉnh về tư gia thọ thực cho có phước. “Lão” này đến nhà, trông thấy bốn vị sa-di, tức khắc tỏ vẻ kính trọng liền nằm dài xuống đất, đánh lễ rất mực cung kính.

Thấy vậy, nữ gia chủ đay nghiến chồng:

- Khô thật! Ông lại thỉnh về đây một ông già điên! Ai đòi ông ta lại nằm bẹp trên đất đánh lễ bốn đứa con nít chỉ đáng tuổi con cháu mình? Tâm thần rồi! Thần kinh rồi ông ơi! Hãy tẩn xuất tức khắc ông lão kia ra khỏi nhà ngay cho tôi nhờ!

Tuân lời “nữ chủ”, người đàn ông kéo lão điên khùng ra khỏi cửa, khi quay vào thì thấy ông ta vẫn quỳ lạy ngay chỗ cũ. Bà lại hét lên. Ông lại hồng hộc kéo đi! Cả ba lần đều không ăn thua!

Bà hét lên:

- Gặp yêu tinh rồi ông ơi!

Ông cũng xanh mặt:

- Đúng là tà ma, quỷ mị rồi bà mày ơi!

Nói thế xong, cả hai kinh hoàng bỏ chạy.

Lúc ấy, thiên chủ Đế Thích mới hiện ngay thân tướng trang nghiêm, cao sang, rạng rỡ dung sắc, chói ngời thiên bào, mũ miện bảy báu ngồi giữa hư không, nói vang vang rằng:

- Ta là thiên chủ Đế Thích đây! Hãy bình tĩnh!

Ngước nhìn lên, cả hai vô cùng sợ hãi.

Đế Thích nói tiếp:

- Bốn vị sa-di mà quý vị đang bỏ đói trong nhà, chính là bốn vị thánh tăng A-la-hán mà chư thiên, loài người đều phải cung kính, tán dương và trân trọng. Dẫu ta là vị thiên chủ tối cao, với oai lực tối thắng khắp bốn châu thiên hạ; nhưng đối với quý ngài, ta chỉ là hạt bụi bám dính nơi gót chân của các bậc lậu tận này mà thôi! Khá thương cho các người, bốn vị thánh đến nhà là ân đức vô lượng, là phước điền tối thượng lại không cúng dường, lại ngu ngốc đến nơi cái đền tể kia để thỉnh mời cái bọn tu sĩ tàn thực, ăn hại!

Thấy tận mắt oai lực của Đế Thích rồi, vợ chồng gia chủ không dám không tin, lấy vật thực đặt bát cho bốn vị sa-di. Đế Thích cũng hiện lại thân tướng con người bình thường, phụ một tay, cung kính sót bát, lui tới phục dịch, hầu hạ.

Chuyện xảy ra trước mặt, bốn vị sa-di vẫn điềm nhiên không nói, không rằng.

Thọ dụng xong, uống nước, rửa răng xong, bốn vị tâm ý tương thông, muốn làm cho gia chủ hoan hỷ, cũng để chứng thực phần nào cho lời nói của Đế Thích, cả bốn vị thánh sa-di tí hon đồng trở oai lực, quăng bát xuyên qua bốn hướng vách tường rồi bay đi mất. Đế Thích cũng khoái trò chơi đó nên ông cũng trở nóc nhà, bay vút lên tận thiên giới.

Vợ chồng gia chủ tận mắt chứng kiến phép lạ của bốn vị sa-di và trời Đế Thích, sung sướng quá, há hốc miệng không ngậm lại được, phi lạc bốc lên rần rần làm cho họ cảm giác một niềm hạnh phúc cực kỳ!

Ngôi nhà của gia chủ hiện ra năm lỗ trống hoác, mọi người nghe chuyện tới tận nơi để xem, họ gọi là Pañcachiddageha⁽¹⁾ Nghe rằng, lâu sau, vợ chồng gia chủ bỏ tiền ra xây dựng một căn nhà khác để ở, còn ngôi nhà 5 lỗ hổng kia là một kỷ niệm phước báu, họ quyết bảo lưu, gìn giữ. Sau này, mỗi lần ngắm nhìn 5 lỗ hổng thì họ phát sanh niềm hoan hỷ; và quả thật là hy hữu, phước báu một lần đó như đi theo suốt cuộc đời của họ vậy.

Trở về lại Kỳ Viên, chuyện trở thân thông ấy, bốn vị sa-di giấu kín mít. Chỉ có đức Phật biết, nhị vị đại đệ tử biết, các vị thánh lậu tận có thắng trí biết. Nhưng rồi, chuyện năm lỗ hổng lại tràn vào chùa Kỳ Viên nên chư phàm tăng lại không ngớt luận bàn. Nhiều vị tò mò tìm gặp, hỏi rằng, bị bỏ đói như vậy mà có đói bụng chăng? Các vị tình thật trả lời: “Bình thường

⁽¹⁾ *Phỏng theo Đức Phật và 45 năm... , trang 97, tập 5 của tỳ-khưu Chánh Minh - NXB Tôn Giáo - 2011.*

thôi! Cái bụng đói nhưng tâm có nhãn, có từ, có xả thì cái tâm ấy làm sao lại đói được!”

Ngạc nhiên, sau buổi pháp thoại buổi chiều, các vị phạm tăng tố cáo bốn vị sa-di lên đức Phật và nói rằng, họ khoe pháp bậc cao nhân. Họ đã dám trở thàn thông lại còn chứng tỏ mình là bậc thánh lậu tận nữa.

Đức Phật chợt mở nụ hàm tiếu, nói rằng:

- Dầu mới bảy tuổi nhưng các “con trai” của Như Lai xứng đáng được gọi là những bậc trưởng lão thanh tịnh! Khi cái tâm đã được huấn luyện, khi cái tuệ đã được thấy rõ thì ngay cả giữa những chuyện hận thù, hung bạo, dính mắc, buộc ràng - các vị ấy cũng dễ dàng bước qua, dễ dàng sống với với tâm từ, dễ dàng sống ôn nhu, ôn hòa, dễ dàng sống vô nhiễm, giải thoát như hư không, hưởng hồ chỉ nhãn xả nhĩn đói một bữa ăn!

Rồi đức Tôn Sư đọc lên câu kệ ngôn:

“- Thân thiện giữa đám nghịch thù

Giữa người hung dữ, ôn nhu, an hòa

Vô nhiễm giữa cõi trần sa

Những vị như vậy gọi là bà-la-môn!”⁽¹⁾

14.10- Thánh Nữ Visākha

Năm ấy đức vua Pāsenadi ngỏ ý xin đức vua Bimbisāra “sốt bớt cho” một vị triệu phú ở Māgadha về ở Kosala để nối kết tình bang giao hòa hiếu giữa hai quốc độ. Ban đầu đức vua Bimbisāra từ chối, nhưng sau nể tình “ông anh rể”, vua đồng ý nhưng bảo là còn tùy thuộc sự tình nguyện của họ chứ không thể bắt buộc được. Triệu phú Menḍaka cùng con trai Dhanañjaya,

⁽¹⁾ Pháp cú câu 406: “*Aviruddham viruddhesu. Attadaṇḍesu nibbutim. Sādānesu anādānam. Tamahaṃ brūmi brāhmaṇam*” - Bà-la-môn với nghĩa chọn chính là sống đời phạm hạnh - Trích Kinh Lời Vàng, NXB Phương Đông năm 2008 - cùng tác giả.

bây giờ cũng đã được đức vua phong là triệu phú hay trưởng giả (setṭhi) tình nguyện ra đi. Cuộc “thiên di” vĩ đại cả gia sản đồ sộ với hàng ngàn cỗ xe của cải, tư trang, tư dụng, hàng trăm ngàn gia súc gồm ngựa, bò, dê, cừu cùng hàng ngàn con cháu, gia nhân, thị nữ, người làm công, nô bộc... phải nói là đã rung động nhiều tiểu quốc.

Đến một vùng đất mà ông triệu phú chọn lập nghiệp, có xóm làng thưa thớt, hoang hoá vào lúc trời gần tối nên ông gọi tên là Sāketa, cách kinh thành Sāvattthī chừng bảy do-tuần. Thế rồi, chỉ vài năm sau, với nhân lực hùng hậu, với tài sản, gia sản khổng lồ, đầu óc của hai cha con ông triệu phú đã biến nơi đây trở thành một thị trấn sầm uất được vây quanh bởi hàng chục cánh đồng hoa màu tươi tốt, hàng trăm ngôi làng cư dân đông vui. Mấy năm sau nữa, nó đã trở thành một thành phố phát triển năng động. Đức vua Pāsenadi đã xuống sắc chỉ phong cho triệu phú Dhanañjaya làm trưởng trấn thành⁽¹⁾. Từ đây mọi công việc trong ngoài, lão triệu phú Meṇḍaka đều giao lại hết cho con trai là Dhanañjaya gánh vác.

Kinh điển và chú giải nói rằng, cô Visākḥā có sức mạnh thể chất như một nam nhi lực sĩ⁽²⁾ cùng vẻ đẹp mỹ miều, duyên dáng thể gian không ai sánh được. Cô hội đủ năm vẻ đẹp của mỹ nhân: Là tóc, da, thịt, xương vóc và tuổi trẻ. Tóc nàng đen mượt như nhung, trông tựa đuôi công, khi xõa xuống thì dài tận gót chân rồi uốn lượn lên, được gọi là tóc mỹ lệ (kesākalyāna). Da cô tuy không phấn sáp vẫn thẩm nhuận, mịn màng và tươi tắn như cánh sen màu trắng hồng⁽³⁾, được gọi da mỹ lệ (chavikakalyāna). Môi nàng đỏ hồng một cách tự nhiên như trái “bimba”, lại còn tươi nhuận, mềm mại và gợi cảm, được gọi là

⁽¹⁾ Tương đương tỉnh trưởng kiêm thị trưởng.

⁽²⁾ Tuy xương vóc mảnh mai nhưng sức mạnh của cô bằng năm con voi. Có lần, đức vua Pāsenadi đã tò mò, thử tài, chỉ với cánh tay, cô đã bắt con voi phải nằm bẹp xuống (Tích truyện Pháp cú 51).

⁽³⁾ Nếu có màu thì như hoa sen xanh, nếu trắng thì như hoa Kaṇṇikā.

thịt mỹ lệ (maṃsakalyāna). Răng trắng như ngà, khít khao, đều đặn và sáng ngời như chuỗi kim cương khéo kết, khi cười thì long lanh như xà cừ, đó là xương mỹ lệ (aṭṭhikalyāna). Và thứ năm, vẻ đẹp tươi trẻ, thanh xuân ấy còn giữ nguyên vẹn cho đến tuổi già!

Tại kinh đô Sāvattthi lúc bấy giờ, có nhà triệu phú Migāra, có quý tử Puṇṇakavaddhana đã đến tuổi lập gia đình. Những ông mai, bà mối giới thiệu nơi này nơi kia những tiểu thư xinh đẹp, môn đăng hộ đối nhưng cậu thanh niên này đều không vừa lòng. Nói mãi, cậu quý tử mở lời làm khó dễ: Chỉ khi nào cha mẹ tìm ra được một cô gái hội đủ năm vẻ đẹp của mỹ nhân con mới đồng ý.

Tưởng cha mẹ sẽ nản chí, ai ngờ ông triệu phú Migāra thuê mướn tám thầy bà-la-môn tài giỏi nhân tướng học đi khắp nơi kiếm tìm mỹ nhân đạt yêu cầu cho tiểu chủ.

Chuyện kể rằng, hôm kia nhân một ngày lễ hội, tiểu thư Visākhā cùng với những thị nữ dạo chơi, sau đó đến tắm ở hồ nước công cộng xinh đẹp tại một công viên do phụ thân của cô kiến tạo. Đột ngột, một đám mưa to đổ xuống. Tất cả mọi người, ai ai cũng hối hả chạy tìm một nơi nào đó để trú mưa, những thị nữ của cô cũng vậy. Riêng tiểu thư Visākhā thì không hấp tấp, không vội vã mà cứ chậm rãi, khoan thai từng bước một đi vào một chái lương đình. Hình ảnh ấy đập ngay vào mắt mấy người trong đoàn bà-la-môn sứ giả đang đi tìm “ý trung nhân” cho con trai ông triệu phú. Họ kín đáo, lặng lẽ quan sát cô gái vừa tạo cho họ một ấn tượng tốt. Phải nói là cô ta quá xinh xắn, không những đẹp từ sắc diện đến dáng vẻ đoan trang, nho nhã mà còn cái gì đó nơi nét hạnh, nơi tư cách cao quý nữa mà họ chưa nắm bắt hết. Quan sát kỹ thì họ thấy cô tiểu thư này có được một số vẻ đẹp của mỹ nhân nhưng họ chưa thấy rằng cô ra sao. Phải nghe cô ta cười hoặc nói mới biết được.

Và đoạn đối thoại thú vị sau đây xảy ra.

Một vị lịch sự hỏi:

- Thưa tiểu thư! Sao tiểu thư không nhanh chân chạy đi trú mưa như mọi người mà lại bước đi chậm rãi, khoan thai như thế? Không ngại mưa ướt xiêm áo hay sao?

Cô Visākhā mỉm cười, dịu dàng nói:

- Thưa ông! Xiêm áo “ướt” thì ta có thể thay đổi cái khác được, nhưng khi tư cách, nét na và phẩm hạnh của người nữ khi đã bị “ướt” rồi thì biết lấy “cái khác nào, ở đâu” để thay đổi?

Vị sứ giả ngơ ngác, chưa hiểu.

Cô lại phải giải thích một cách rộng rãi hơn:

- Thưa ông! Nếu muốn, tôi có thể chạy nhanh hơn cả lực sĩ điền kinh nhưng tôi đã không làm vậy! Tại sao? Ví như có một vị vua đang mặc sắc phục triều đình, đội vương miện quyền quý, bỗng nhiên, quần bào, xăn áo hối hả chạy vào cung điện thì đâu còn ra thể thống gì nữa! Một thốt ngự tượng đỉnh đạc, bệ vệ, mình mang đầy trang sức châu báu, thường thì uy nghi, chững chạc từng bước một, nay bỗng dung đâm đầu hót hải bỏ chạy tạo nên một cảnh tượng gì đó giống như giặc đuổi sau lưng! Một vị tỷ-khưu với từng bước chân chậm rãi, ổn định, thanh thoi trông rất thanh thoát, khả kính cũng bị thế gian chê cười khi ông ta xốc xếch y bát chạy nhanh trên đường! Cuối cùng, một người nữ nếu xăng xái bước vội, đi nhanh như đàn ông thì còn đâu nữa cái dáng vẻ yếu điệu, khoan thai của một tiểu thư khuê các? Đây là bốn nhân và vật trên thế gian này, bất cứ trường hợp nào cũng không được hối hả đi nhanh, bước nhanh hay chạy nhanh, thưa ông!⁽¹⁾

Khi cô Visākhā trả lời, do giọng nói thanh tao, dịu dàng; do lý luận, ví dụ sắc bén, cụ thể đã cuốn hút mọi người xung quanh đến nghe cô “diễn thuyết”. Các vị trong đoàn bà-la-môn sứ giả vốn là những bậc đa văn, học thức, nhưng họ cũng chỉ biết lặng người, không ai dám có ý kiến gì nữa. Mọi kiến thức, hiểu biết

⁽¹⁾ Có tham khảo thêm Đức Phật và Phật Pháp của ngài Nārada - Phạm Kim Khánh dịch.

của họ đã hoàn toàn bị “hạ phong” trước cô gái chỉ bằng tuổi cháu con.

Khi từ già, họ chỉ biết tâm phục, khẩu phục, nghiêng đầu:

- Cảm ơn tiểu thư đã cho chúng tôi được mở rộng kiến văn!

- Thưa, không dám ạ!

Qua cuộc nói chuyện, mấy vị bà-la-môn đã thấy rõ “tướng răng” của cô rồi, đều đặn, trắng và sáng ngời như ngọc. Vậy là cô ta có đủ năm vẻ đẹp của mỹ nhân. Mấy ngày hôm sau, âm thầm theo dõi, điều tra, đoàn bà-la-môn sứ giả lại càng ngạc nhiên hơn nữa khi biết rằng, cô bé kia là ái nữ của triệu phú Dhanañjaya trưởng trấn thành Sāketa, rất được mọi người tôn kính và ngưỡng mộ...

Rồi đám cưới diễn ra và gia đình triệu phú Dhanañjaya không tiếc tiền của cho con gái. Chuyện kể đầy ấn tượng: Năm trăm thầy thợ vàng, bạc khéo tay đã được mời đến, bao nhiêu kim cương, ngọc quý đều được lấy ra cho họ chọn lựa, để họ trở hết tài nghệ chế tạo những đồ trang sức, trang điểm quý giá (Mahālatāpasādhana), tinh vi, có giá trị nghệ thuật cho cô dâu, suốt bốn tháng trường mới xong!⁽¹⁾ Chuyện ăn, chuyện uống phục vụ cho đức vua, các quan đại thần, triệu phú, công nương... đâu phải là dễ dàng gì. Hằng chục trưởng bếp giỏi được thuê mời từ các tiểu quốc, phải tài giỏi, kinh nghiệm, cao tay nghề mới chế biến được những món ăn hợp với khẩu vị của cung đình, hoàng gia, quý tộc, đại phú gia, tiểu phú gia! Về chuyện củi đun để lo việc nấu ăn cho hàng ngàn người mỗi ngày cũng không phải đơn giản. Vài tuần đầu là sử dụng gỗ thơm, củi thơm. Sau đó là

⁽¹⁾ Chú giải có ghi rằng: Món trang sức đặc biệt này, người ta sử dụng hết 4 gáo kim cương, mười một gáo trân châu, hai mươi hai gáo san hô, ba mươi ba gáo ngọc quý. Dùng chỉ bằng bạc để kết. Nút, khuy đều bằng vàng và bạc. Mũ đội đầu có hình dáng một con khổng tước. Hai cánh, mỗi cánh có 500 chiếc lông bằng vàng. Mỏ bằng san hô. Mắt bằng ngọc man. Chân bằng bạc. Đuôi có 500 hình mặt trời được dát bởi các loại châu ngọc khác nhau (Chỉ để tham khảo thêm).

hàng chục kho củi đã hết nhẵn trong chỉ hơn một tháng. Cô Visākha tự chỉ huy, bảo phải đi lấy gỗ ván bất cứ nơi nào có gỗ ván để làm củi đốt! Thế là họ phải đi lấy gỗ ván trong khắp thành phố. Và lạ lùng là ai cũng hoan hỷ tháo dỡ! Được hơn tháng nữa thì lại cạn kiệt gỗ ván, cô Visākha lại xuống lệnh cho mở tất cả những kho vãi thô, nhúng dầu thay cho củi đun.

Thế là ròng rã bốn tháng trường, đại gia đình triệu phú, trưởng trấn thành Sāketa hào sảng đãi khách, một lần cho con gái về nhà chồng mà sau đó nổi tiếng khắp châu Diêm-phù-đề!⁽¹⁾

Thế mà đã hết đâu. Riêng hồi môn cho con gái thì sao? Ông triệu phú Dhanañjaya đã cho tiểu thư cung yêu tài sản, của cải thật không kể xiết được. Chuyện đặc biệt là gia súc, ông cho nguyên một trang trại lớn chứa trong một cái chuồng với ba phần tư dặm chiều dài và tám cây sào chiều rộng đứng kề nhau! Khi tất cả gia súc được lừa đi, thì chừng sáu mươi ngàn bò đực, sáu mươi ngàn bò cái ở các chuồng trại kế cận cũng phá rào nhảy theo đoàn gia súc của cô⁽²⁾.

Trước lúc Visākha về nhà chồng, người cha sáng suốt còn khuyên dạy con gái “mười điều gia huấn” mà ông Mīrāga đã chồng tai nghe lồm từ phòng bên cạnh. Những lời đó là:

- Không đem lửa từ trong nhà ra ngoài ngõ;
- Không đem lửa từ bên ngoài vào trong nhà;
- Chỉ cho đến những ai có khả năng hoàn trả;

⁽¹⁾ Trong thời đức Phật Kassapa, cô đã cúng dường y và bát đến hai mươi ngàn vị tỳ-khưu cùng với kim chỉ và các vật liệu may mặc khác; vậy phước báu và những sự kiện hy hữu này như là một kết quả mà cô được nhận lãnh, thọ hưởng trong kiếp sống này (Chủ giải Dhammapada.i.395).

⁽²⁾ Số là trong một kiếp, vào thời Phật Kassapa, cô là cô công chúa thứ bảy tên là Saṅghadāsī, con của đức vua Kikī, cô đã cúng dường năm sản phẩm của bò cái đến hai mươi ngàn vị sư, thỉnh quý ngài thọ dụng. Khi đã dâng cúng sung mãn rồi, cô còn “kỳ kèo, năn nỉ” dâng cúng thêm vài món khai vị nữa - nên chuyện sáu chục ngàn bò đực và sáu chục ngàn bò cái phá chuồng chạy theo - là do cái phước “dư thừa” trên vậy (Chủ giải Dhammapada. i.397).

- Không cho đến những người không khả năng hoàn trả;
- Cho đến những người có thể hoàn trả hoặc những người không thể hoàn trả;
- Ngồi một cách an vui;
- Ăn một cách an vui;
- Ngủ một cách an vui;
- Hằng chăm nom ngọn lửa, coi chừng lửa;
- Và cuối cùng, tôn trọng và kính lễ những vị trời trong nhà⁽¹⁾.

Về nhà chồng, một thời gian sau, mọi người từ thân bằng quyến thuộc đến gia nhân, người hầu, thị nữ ai ai cũng mến yêu và quý trọng cô. Mọi công việc từ trong ra ngoài, một tay cô quán xuyến chu đáo tất cả mà không hề tỏ ra sai bảo hoặc chỉ tay năm ngón. Tình thương và tâm từ ái của cô như hương thơm dịu dàng tỏa ra bao trùm cả không gian sống, người và vật.

Một đêm kia, tiết trời mưa lạnh, ngoài chuồng nuôi gia súc có tiếng thú kêu bất thường, thị nữ cho biết là có một con ngựa cái sắp đẻ, có lẽ khó khăn nên nó vật vã, đau đớn như vậy. Cô Visākhā vùng dậy cùng các gia nô nam và nữ đốt đuốc ra tận nơi, sai lấy thêm cỏ phủ chuồng cho ấm, sai nấu nước nóng tắm rửa, lau khô rồi thoa dầu ngăn ngừa độc trùng; đồng thời, tự tay cô ve vuốt, nói lời triu mến, thiết thân như xoa dịu cơn đau cho nó. Quả nhiên, con ngựa không quằn quại kêu rống nữa, và sau đó, mấy người hầu nam đã giúp nó sinh con một cách an lành!

Duyên sự khác.

Ông Migāra là đệ tử trung kiên và thuần thành của phái Ni-kiền-tử (Nigantha Nātaputta); ngày nọ, ông thỉnh về nhà rất đông tu sĩ lõa thể. Khi các vị ấy đến, ông Migāra bảo với cô rằng:

- Hôm nay, ta đã thỉnh mời các bậc A-la-hán đến nhà để cúng

⁽¹⁾ Những lời kỳ diệu này, đoạn sau được bà Visākhā giải thích rõ ràng cho cha chồng của cô (chủ giải Dhammapada. i. 403f). 10 điều trên có tham khảo thêm Đức Phật và Phật Pháp của ngài Nārada - Phạm Kim Khánh dịch.

đường, con hãy ra chào mời và đánh lễ quý ngài cho phải đạo.

Thoạt nghe danh từ A-la-hán, cô vô cùng hoan hỷ, trang điểm qua loa rồi bước ra. Nhìn thấy những tu sĩ lỏa lồ nghênh ngang ngồi, đứng có vẻ quá tự do trong và ngoài trang viện, nàng vội vã thối lui. Một phụ nữ thanh nhã, đoan trang như cô thật không thể nào chịu đựng được hình ảnh kệch cỡm, thô tục ấy.

Nàng nói với cha chồng:

- Cha đã không lịch sự, thiếu tế nhị khi bắt con phải ra chào hỏi cái đám người hoang dã, rùng rú ấy!

- Hoang dã? Rùng rú? Ông triệu phú trở mắt! Chính con đã phỉ báng các bậc A-la-hán đấy!

- Nếu là bậc A-la-hán thật sự thì hoàn toàn khác thế! Họ thanh sạch, tinh khiết từ tâm hồn đến thể chất, từ tướng mạo, dáng vẻ cho đến sắc phục, thừa cha!

Thoáng nghe đoạn đối thoại, một vị trưởng lão râu tóc xồm xoàm, cho gọi triệu phú Migāra lại rồi nghiêm khắc la rầy:

- Tại sao trong ngôi nhà thuần thiện này lại có mặt một cô con gái vốn là đệ tử của ông Cù Đàm nhỉ?

- Thừa vâng, đệ tử đã sơ suất, đã có lỗi, xin sám hối với sư phụ!

- Sám hối không chỉ là nói suông, phải đuổi “con quỷ cái” ấy ra khỏi nhà!

- Thừa vâng!

“Vâng” thì vâng vậy nhưng khi đám đạo sĩ lỏa thể rời khỏi nhà rồi, ông triệu phú tỉnh táo nghĩ là từ từ ông sẽ cảm hóa cô ta theo cái đạo của mình!

Một ngày nọ, ông Migāra đang ăn một bữa cơm sang trọng trên cái mâm có chén bát bằng vàng. Lúc đó cô Visākha đang đứng quạt hầu cho ông, nhìn thấy một vị sư khát thực đang đứng phía ngoài sân nhà. Cô bèn đứng né qua một bên để ông Migāra có thể trông thấy. Ông Migāra tuy đã thấy nhưng vẫn tiếp tục ăn và không hề để ý đến vị sư; do thế cô đã nói vọng ra bên ngoài rằng:

- Bạch ngài! Xin ngài hãy hoan hỷ bước sang nhà khác, vì cha chồng của con hôm nay đang ăn một món ăn đã “siu nguội” (Purārakam)!

Vậy là “quá đáng”! “Quá đáng”! Ông Migāra dùng dùng nổi giận, đẩy tung mâm chén bát, đứng dậy, quát lớn:

- Sẽ tổng cổ người đi thôi! Chuyện người phỉ báng các vị A-la-hán ta còn canh cánh bên lòng, bây giờ người còn phỉ báng cả ta nữa, ta không chịu đựng được nữa rồi!

Cô Visākhā phân trần:

- Chuyện ấy không phải là phỉ báng! Cha đã hiểu lầm rồi!

- Không hiểu lầm gì cả! Cái chữ, cái nghĩa sờ sờ ra đó, ai mà cũng không hiểu cơ chứ!

- Con nói “siu nguội” là nói nghĩa ẩn bên sau!

- Thôi! Câm miệng đi! Ta sẽ đuổi! Ta sẽ đuổi!

Chợt, cô Visākhā cứng cỏi đáp lại:

- Đâu có dễ gì, thưa cha!

Ông sùng sộ:

- Tại sao hả? Tại sao ta không thể đuổi được hả?

- Thưa cha! Khi con đến ngôi nhà này “quang minh chính đại”, có sự đưa đón cả hai họ, có sự chứng giám của đức vua - vậy thì nếu con ra đi thì cũng phải “quang minh chính đại” như thế!

Ông Migāra cứng lưỡi, đờ người, quả thật chỉ một câu nói của cô, ông đã lúng túng, không đáp được!

Chợt cô cất giọng vừa dịu dàng vừa rắn rỏi:

- Có thể vấn đề được gói gọn lại, thưa cha! Khi về đây, cha của con đã gửi theo tám vị trưởng lão uy tín để đỡ đầu cho con, đã có nói với họ rằng: “Về nhà chồng, nếu con gái tôi có phạm lỗi lầm gì, xin các vị hãy quan sát, dò xét vấn đề cho căn kẽ!” Sao cha không đem vấn đề vừa rồi ra giữa hội đồng để cùng với họ đáp, vấn cho công bằng, xem thử con có lỗi hay không có lỗi?

Tám vị trưởng lão được triệu tập.

Cuộc thăm vắn bắt đầu.

Việc thứ nhất, ông triệu phú thuật lại chuyện bữa ăn, vị sư khất thực và cô con dâu đã nói là món ăn “siu nguội” rồi kết luận:

- Thừa các vị! Nói thế là phạm thượng, là phỉ báng cha chồng, thật không thể dung thứ được.

Một vị trưởng lão nhũu mày rồi hỏi cô:

- Có phải sự thật cô đã nói đúng nguyên văn như vậy không, Visākhā?

-Thưa, đúng! Con đã nói như thế! Con có nói đến món ăn “siu nguội”, nhưng con nói theo “pháp ngữ” mà cha chồng của con lại hiểu theo “thường ngữ”!

Khi mọi người ai cũng thắc mắc, không hiểu, thì cô đã giảng giải cặn kẽ như sau:

- “Thường ngữ” là nói theo nghĩa thông thường của người đời, còn “pháp ngữ” là nói theo nghĩa nội dung của giáo pháp! Thừa cha, thừa các vị trưởng lão! Cô nói tiếp - Tất cả nhân thân, gia cảnh, tài sản, kể cả thức ăn, vật uống mà chúng ta thọ dụng ngày hôm nay là “quả báo” do “nhân” đã tạo từ quá khứ. Và “nhân” mà chúng ta tạo tác, làm ra ngày hôm nay, kiếp này thì chúng ta sẽ thọ nhận “quả báo” ở tương lai! Vậy, tất thảy những thọ dụng, món ăn ngày hôm nay vốn nó “đã cũ, do được nấu nướng, chiên xào từ kiếp trước”! Hôm ấy, cha chồng của con đang thọ thực, có một vị sư đang đứng trì bình trước sân nhà, dù thấy nhưng ông không cúng dường, nghĩa là không tạo tác, không “nấu ăn món ăn mới” cho kiếp sau; ông giả vờ không thấy, cúi xuống và tiếp tục thọ dụng “món ăn cũ, món ăn đã được nấu từ ngày trước, kiếp trước”. Vậy con bảo là cha con đang ăn món ăn “siu nguội” là nói theo “pháp ngữ” như thế thì con lỗi lầm ở chỗ nào, phỉ báng ở chỗ nào? Hay là con đã nói đúng với sự thật, với như chân như thật nhân quả ba đời? Con nói với thiện ý để cha chồng biết tạo nhân mới trong kiếp này để kiếp sau hưởng quả hạnh phúc, an lạc hơn! Như vậy, ngược lại, con đã không có tội mà lại là người có công mới phải chứ!

Hội đồng im lặng. Máy vị trưởng lão tế nhị chỉ đưa mắt nhìn ông triệu phú không nói gì cả.

Hiểu ý ấy, nhưng khá lâu sau ông mới gật đầu:

- Thôi được rồi! Nếu quả thật với ý như vậy thì người không có tội. Ta đã hiểu lầm.

Rồi ông chợt bắt qua lỗi khác:

- Vậy có một đêm, cô là nữ nhân có gia giáo, sao lại thấp đuốc cùng nam và nữ ra vườn sau có việc gì? Chuyện ấy rất ám muội. Hãy giải thích đi!

- Thưa cha! Chuyện ấy cha hãy hỏi lại mấy người gia tộc cùng với con ra vườn sau làm gì, là việc ám muội hay là chính đáng!

- Không cần hỏi, cứ khai thật đi!

- Thưa cha! Số là có một con ngựa cái khó sinh, nó kêu rống quằn quại. Con và mấy người hầu đã ra giúp nó sinh nở an lành.

Ông triệu phú không ngờ chuyện tưởng là bất lỗi được, hóa ra càng rõ lỗ cái chính đính và tâm từ ái của cô đối với súc vật.

Ông nín lặng một hồi rồi bắt sang lỗi khác nữa:

- Vậy trước khi về nhà chồng, cha cô có dạy cô mười điều cái gì mà như tiếng lóng ấy, trong đó câu nào cũng như là ám hiệu, ám ngữ, ám nghĩa - không rõ là với mục đích ám muội gì?

- Xin cha cứ nói?

- Ví dụ như câu: “Lửa trong nhà không đem ra ngoài ngõ. Lửa ngoài ngõ không nên mang vào trong nhà” là sao hả? Chẳng lẽ nào sống với mọi người mà không đem lửa cho hàng xóm láng giềng mỗi khi tối lửa tắt đèn?

Thế là cô Visākhā phải giải thích:

Câu thứ nhất có nghĩa là, nếu trong gia đình nhà chồng có chuyện gì, dù hay, dù dở, dù tốt, dù xấu cũng không nên đem ra nói chuyện với người bên ngoài. Nó chính là lửa đấy, nó sẽ tạo nên miệng tiếng không hay; nếu không gìn giữ, nó sẽ đốt cháy danh giá, đốt cháy sự thuận hòa, êm ấm trong gia đình. Là con gái có nét hạnh phải biết rõ như vậy.

Câu thứ hai cũng tương tự vậy. Chuyện nơi chợ búa, chuyện

ngoài đường, chuyện hàng xóm, chuyện xấu, chuyện tốt, chuyện hay, chuyện dở của thế gian, chuyện người ta nói thế này về cha, về chồng thường do thiên vị vì tham, vì sân, vì ganh ghét, vì đố kỵ, vì ty hiềm, vì nịnh bợ, vì phù phiếm; chúng không bao giờ trung thực, không đáng tin. Vậy thì nghe đâu bỏ đó, đừng mang về kể lại trong nhà tạo nên xáo trộn, lời qua tiếng lại, không hay, không tốt! Nói tóm lại là đừng ngồi lê đôi mách, nghe ngóng ba cái chuyện linh tinh, lang tang, chẳng đâu vào đâu rồi mang về trong nhà kể lại với người này, người khác! Là nữ nhân có gia giáo thì phải biết đây là lửa, nó sẽ đốt cháy môi trường sống!

Ông triệu phú Migāra lại lặng người, nghĩ thầm trong bụng: “Ôi! họ dạy con cái tốt quá nhỉ?” nhưng ngoài mặt thì giấu cảm xúc, hỏi tiếp:

- Thế còn, quái gì là “chỉ cho đến những ai có khả năng hoàn trả; không cho đến những người không có khả năng hoàn trả”?

Cô Visākhā lại phải giải thích cặn kẽ:

- Câu thứ ba, thứ tư là: Tài sản, vật dụng hoặc tiền bạc trong nhà phải cẩn thận gìn giữ. Nếu cho ai, cho hàng xóm hoặc người thân quen mượn cái gì, vật gì thì phải biết ngắm xem người ấy, kẻ ấy có khả năng hoàn trả lại không? Hay họ sẽ mượn mà không trả? Tiền bạc cũng vậy, nếu cho ai vay thì phải xem xét gia đình ấy, người ấy, với nghề nghiệp như vậy, kinh doanh làm ăn như vậy thì họ sẽ có sức trả lại lúc đến hạn... Còn ngược lại, nếu thấy người ta không có khả năng thì không nên cho vay!

Ông triệu phú gật đầu:

- Vậy thì hiểu rồi. Nhưng câu thứ năm: “Cho đến những người có thể hoàn trả hoặc những người không thể hoàn trả? Sau chỗ này thì cho hết là sao?”

- Đây là trường hợp cho đến những thân bằng quyến thuộc hoặc những người đói nghèo, cơ cực! Ví dụ những bà con bên cha, bên chú, bên mẹ, bên dì... của chồng con gặp lúc hoàn cảnh khó khăn, nếu họ có mượn cái gì, vay cái gì đều nên cho họ

vay, họ mượn. Nếu họ có trả lại, hoàn lại cũng tốt; nếu họ không có khả năng hoặc họ không trả lại, cũng thôi! Đối với những người đói nghèo, cơ cực cũng tương tự vậy. Nếu họ có vay, mượn mà không hoàn trả thì nên xem như là mình đã san sẻ, giúp đỡ họ! Làm như vậy hóa ra là mình thực hiện được một phước sự, một việc tốt đẹp, thừa cha!

Ông triệu phú lại nín lặng, rồi ông hỏi tiếp:

- Vậy chớ “ngồi một cách an vui, ăn một cách an vui, ngủ một cách an vui” là thế nào? Con dâu ở nhà chồng mà chỉ tính chuyện an vui cho mình thôi sao? Vậy có hợp đạo lý không?

- Thừa cha! Phải nói là ngược lại. “Ngồi một cách an vui” có nghĩa là khi ngồi là phải biết ngồi chỗ nào cho phải lẽ, cho hợp lẽ. Phải biết tránh chỗ ngồi của cha, của mẹ. Nếu cha mẹ có đi ngang qua thì phải đứng dậy, cúi đầu chào. “Ăn một cách an vui” là trước bữa ăn phải xem thức ăn đã dọn đầy đủ cho cha cho mẹ và cho chồng hay chưa? Phải còn coi xem kẻ ăn người ở trong nhà có được bữa ăn chu đáo không? Và chính mình là người ăn sau cùng, ấy mới gọi con dâu thảo! “Ngủ một cách an vui” là trước khi ngủ phải quan sát, kiểm soát mọi việc trong nhà, đóng cửa, cài then cẩn thận; xem kẻ ăn người có sai sót việc gì, xem họ có hoàn thành công việc được giao trong ngày hay không? Thấy đâu đó ôn hòa rồi mới đi ngủ sau cùng! Đây là ý nghĩa ba câu gia huấn sáu, bảy, tám mà cha con đã dạy và con luôn tâm niệm trong lòng và cũng đã làm được như vậy từ trước đến nay, xin cha minh chứng cho con điều ấy.

- Vâng! Ông triệu phú gật đầu - Đúng là cô đã làm được như thế và làm rất chu đáo là khác nữa. Thế còn hai câu cuối: “Hàng chăm nom ngọn lửa, coi chừng lửa; tôn trọng và kính lễ những vị trời trong nhà” là thế nào?

- Đây là phải xem cha mẹ chồng và chồng như lửa, có thể đốt cháy mình. Lửa đây ý nói là phải rất thận trọng, rất cẩn trọng lúc ăn nói, lúc đi đứng, lúc giao tiếp đừng để xảy ra bất kỳ một sơ suất, một khiếm khuyết nào. Một chút bất cẩn, vô tâm hay vô

ý dụng chạm đến cha mẹ hoặc chồng là mình sẽ bị cháy đây! Vậy hãy chăm nom và coi chừng ngọn lửa ấy, thưa cha! Và cuối cùng, là phải xem cha mẹ và chồng như những vị trời ở trong nhà, tôn kính và thờ phụng các vị trời ấy như thế nào thì tôn kính, thờ phụng cha mẹ và chồng cũng y như thế ấy!

Cô Visākha giảng giải rành rẽ đâu đó mười điều gia huấn xong, ông triệu phú lắng người. Hóa ra cái ý nghĩa nó thâm sâu đến vậy, là kinh nghiệm, sáng suốt khôn ngoan ngàn đời để lại. Tất thấy đó đều là những lời dạy minh triết, đáng làm châm ngôn nam ngọc thép vàng cho những nàng dâu đầy đủ công, dung, ngôn, hạnh trước khi về nhà chồng!

Ông triệu phú Migāra cúi đầu, tự nghĩ: “Thế thì mình đã hiểu lầm một cách trầm trọng rồi” bèn nói:

- Nếu sự thật là vậy thì cha xin lỗi con!

Biết ông nói câu ấy là lời nói thật tận đáy lòng, nhưng cô Visākha vốn là người biết tự trọng nên cô đáp:

- Muộn rồi, thưa cha! Sau khi con đã chứng minh rõ ràng là con không có lỗi, vậy là đủ rồi! Nhưng việc cha đuổi con quả thật đã xâm phạm đến đức hạnh của con. Đây là chưa nói đến áp lực bên sau của mấy ông lão lờ đờ đạo sĩ đã gọi con là “con quỷ cái”! Con phải cuốn gói để trở về nhà cha mẹ con thôi!

Và cô vào nhà trong thu xếp tư trang, tư dụng với thái độ rất quả quyết. Thế là đến lượt ông triệu phú năn nỉ, chồng cô năn nỉ rồi cả đại gia đình năn nỉ, cô vẫn nhất định không chuyển ý. Tuy nhiên, khi cô chào mọi người, vừa bước ra đến cửa thì công tử tiểu chủ Punṇakavaddhana buồn buồn đưa mắt nhìn cha! Ông triệu phú Migāra thương con, chạnh lòng đành phải mở miệng xin lỗi cô con dâu một lượt nữa.

Trong lúc tưởng là tạm yên, ai ngờ các vị Ni-kiền-tử tìm đến, lại thúc hối ông triệu phú tức khắc đuổi “cô con gái ma quỷ, đệ tử của ông Cù Đàm” ra khỏi nhà! Đầu óc triệu phú Migāra vô cùng tăm tối, ông bị căng thẳng, bối rối không biết lựa chọn thế nào: Một bên là những “bậc thầy A-la-hán khả kính, những con

người đã giải thoát tất cả mọi dục ái, mọi hình thức che đậy của thế gian”; một bên là việc quán xuyên trong ngoài, sự thuận hòa, êm ấm của gia đình, chăm sóc tốt công việc với kẻ ăn người ở mà chỉ có cô con dâu tuyệt vời này mới có khả năng làm được việc đó! Tuy nhiên, sau khi suy nghĩ thấu đáo, lòng ông đã nghiêng nặng bên phía gia đình, cho gọi cô lại và ông đã mở lời xin lỗi lần thứ ba.

Cô Visākhā có “thế trí” sắc bén và thâm sâu, vì là một cận sự nữ của đức Phật, một Thánh đệ tử, có giận thì cái giận ấy cũng không lâu, lòng cô vốn bao dung quảng đại, cốt là để dạy cho đại gia đình này một bài học. Thứ nữa, cô còn có dụng tâm kín đáo, riêng bậc trí không ai tiên lường được; nên khi ông triệu phú xin lỗi lần thứ ba, cô biết “già néo quá thì đứt dây” nên lễ độ nói rằng:

- Thật con không còn dám phiền trách cha điều gì nữa khi cha đã hạ mình xin lỗi con! Nếu con cứng đầu, ngang ngạnh nữa thì tỏ ra cố chấp và bất hiếu! Vậy nếu con bằng lòng ở lại thì con chỉ xin cha chấp thuận cho một điều.

- Con cứ nói!

- Xin cha cho con được tự do sinh hoạt theo truyền thống tín ngưỡng của con.

- Ta đồng ý!

Cô Visākhā nói tiếp:

- Và con có quyền thỉnh mời đức Phật và Tăng chúng về tư gia để đặt bát cúng dường!

Ông cũng gật đầu:

- Được! Nhưng mà chính con và gia nhân đón tiếp, còn ta thì không nghinh rước ai hết!

- Con cũng đồng ý như thế! Và chi phí buổi cúng dường này con không đụng đến gia sản của cha mẹ và của chồng con!

- Thôi được rồi!

Câu chuyện đến ngang đây là sau mùa an cư hạ thứ mười bốn của đức Phật ở Kỳ Viên tịnh xá. Ai cũng chưa hiểu lý do, là

tại sao đức Phật cứ ở nán lại mãi, hết Hạ, qua Thu, sang Đông rồi mà đức Phật vẫn chưa rời chân đi nơi khác. Hóa ra là ngài đang chờ đợi, chờ đợi sự xuất hiện một nữ đại thí chủ khác, sau ông Cấp Cô Độc, và nếu không có đủ hai vị đại hộ pháp này thì giáo pháp đâu có được toàn mãn?!

Buổi đặt bát cúng dường đức Phật và năm trăm vị tỳ-khưu tại nhà ông triệu phú Migāra diễn ra vô cùng “hoành tráng” và trọng thể. Cô Visākhā muốn cho bên nhà chồng thấy hảo tướng quang sắc tôn nghiêm của đức Phật và chur tăng với tóc râu sạch sẽ, y bát trang nghiêm, thanh tịnh đáng cho thế gian cung kính, lễ bái, thật khác xa với hình ảnh lỏa lồ, kệch cỡm, thô tục của thầy trò Ni-kiền-tử.

Và rồi, hiệu quả đúng như cô mong đợi. Chur tăng hàng lớp đều đặn, chậm rãi bước qua sân thọ nhận vật thực một cách từ tốn, lặng lẽ không một tiếng động. Mấy trăm gia nhân, thị nữ đã được cô tiểu chủ hướng dẫn chu đáo nên họ bước lui, bước tới, đặt bát cúng dường, lễ lạy đều biết giữ nền nếp, phong cách.

Đức Phật mỉm cười hài lòng.

Thời pháp hôm đó, cốt ý là cho cô Visākhā và cả gia đình ngoại đạo này, nên đức Phật kể nhiều câu chuyện nói về tà, về chánh, về cái gì là thuận hợp thế gian, cái gì là không thuận hợp thế gian; người có con mắt nhiều bụi, ít bụi và không lắm bụi là như thế nào. Tiếp theo, đức Phật giảng thêm pháp thuận thứ, trình bày những khổ cảnh, nhân và quả của khổ cảnh; cõi người, cõi trời, nhân và quả của nó. Như giữa chỗ tối tăm, hôn ám, đức Phật treo lên đây một ngọn đèn, một vàng trăng! Lối đến, lối đi đều sáng rõ, thường chỉ để dành cho người có trí...

Lúc đức Phật giảng pháp, vì tò mò hơn là tọc mạch, ông triệu phú ngồi sau bức rèm lên nghe trộm xem thử cái ông Cù Đàm kia giảng pháp ra làm sao? Ông không biết nhưng đức Phật biết! Bài pháp không chỉ hướng đến Visākhā mà còn cả cho ông nữa! Ông còn cảm nhận được làn khí mát mẻ, dễ chịu bao phủ cả thân tâm mình mà không biết tại sao! Bài pháp chấm dứt thì

ông đắc quả Tu-đà-hoàn với sự hân hoan, phi lạc chưa từng có.

Để bày tỏ lòng tri ân vô hạn đối với đức Phật và đối với cả cô dâu Visākhā, triệu phú Migāra đã làm một lúc mấy công việc kỳ thú và rất ấn tượng. Thứ nhất, ông vạch màn bước ra, nằm bẹp xuống và ôm hôn chân bụi của đức Đạo Sư với dòng nước mắt tuôn trào, sụt sùi, lặng lẽ... Sau đó, ông quỳ xuống vái lạy cô con dâu; rồi lấp bắp nói rất cảm động rằng, cô chính là bà mẹ của ông, đã sinh ra ông, đã tạo duyên, mở mắt cho ông thấy được giáo pháp Bát Tử. Từ đây, ông xem Visākhā như bà mẹ thứ hai của mình và đã đối xử, kính trọng cô cũng y như thế, nên mọi người thường gọi cô là Migāramātā (mẹ của Migāra)⁽¹⁾. Việc thứ hai là ông đã vung rộng tay, bỏ ra kim ngân châu báu và hằng trăm ngàn đồng tiền vàng, bảo công tử Puṇṇakavaddhana thuê thợ giỏi làm cho cô dâu một chiếc áo quý giá cùng những món đồ trang sức khác, được gọi là Ghanamaṭṭhaka⁽²⁾. Và vào một ngày đẹp trời, triệu phú Migāra còn tổ chức một lễ hội đặc biệt, đại công tử Puṇṇakavaddhana với khuôn mặt rạng rỡ, hân hoan cầm tay dẫn cô Visākhā bước ra sau khi được tắm trong

¹ Trong chú giải *Dhammapada*, i.406, có nói là “Migāra đã kê miệng ngậm vú cô Visākhā và tôn nàng làm mẹ của mình” - không biết hư thực thế nào về việc ngậm vú ấy! Nhưng khi cô có con trai đầu lòng, vì ông Migāra kính trọng cô như mẹ nên đưa bé được đặt tên là Migāra; và cô được gọi là Migāramātā (mẹ của Migāra)! Chú giải *Anguttara Nikāya*, i. 313, có xác định Migāra là con trai đầu lòng của cô.

⁽²⁾ Cũng ghi chú trên, nói rằng, sau này, cô Visākhā đã bán Ghanamaṭṭhaka để xây Migāramātupāsāda (tham khảo). Lưu ý, ghi chú này không chính xác - vì Matālatāpasādhana là chiếc áo cưới cùng kim ngân châu báu trang điểm do năm trăm thợ kim hoàn thực hiện trong bốn tháng - mới có trị giá 9 (chín) triệu đồng tiền vàng mới xây dựng Matālatāpasādhana được. Ghi chú đầu đó cũng có nói rằng, ông Migāra nhận thấy bộ trang sức, trang phục Matālatāpasādhana mang từ nhà chồng về, nặng quá - nên ông muốn sắm bộ Ghanamaṭṭhaka này cho nó nhẹ hơn, tiện hơn.

mười sáu bồn nước hoa khác nhau⁽¹⁾, ra mắt quan khách, chào mọi người trong bộ đồ trang sức, trang điểm Ghanamattḥaka quý giá ấy, như là tạo vinh dự lớn lao cho cô đối với họ hàng, thân tộc, đối với tai mắt bằng hữu trong kinh đô.

Chuyện kể cũng có nói là hôm sau, cô Visākhā triệu thỉnh đức Phật và Tăng chúng để đặt bát, cúng dường nữa. Lần này thì sau khi nghe pháp, bà mẹ chồng đắc pháp nhãn.

Và như vậy là do nhờ có trí tuệ, thông minh, khôn khéo, có tâm từ, biết nhẫn xả, cô Visākhā đã dần dần cảm hóa tất thảy mọi người trong gia đình tà kiến này, biến họ thành những đệ tử thuần thành của giáo hội đức Đạo Sư; và cả đại gia đình đều được sống trong an vui, hạnh phúc.

(Xem thêm: Visākhā - Trang 900 - 904 trong quyển II - Dictionary of Pālī proper Names; hoặc MCĐMVNN của cùng soạn giả).

15- Mùa An Cư Thứ Mười Lăm

(Năm 573 trước TL)

15.1- Chuyện Ở Sakyā

Đây là lần thứ tư đức Phật trở về Sakyā và là hạ đầu tiên ngài an cư ở quê hương. Chỉ mới một hôm là đức vua Mahānāma cùng với một số quan đại thần trẻ tuổi tìm đến, đánh lễ đức Phật và thỉnh mời ngài cùng tăng chúng ngày mai vào hoàng cung để ông cùng các gia đình hoàng gia được đặt bát cúng dường.

Không khí vương triều sau nhiều năm sống theo giáo pháp nên có vẻ trầm lặng hơn, nhất là thế hệ cùng thời với đức Phật và một số hoàng thân, quan lại lão thần triều đình... Các “ông hoàng”, chư vị “công nương” và con cháu dòng Sakyā có mặt

⁽¹⁾ Câu chuyện này của Visākhā được tóm tắt từ chú giải Dhammapada. i. 384 ff. Nhưng chú giải Aṅguttara Nikāya, i. 219 ff. chứa đựng một câu chuyện tương tự nhưng đề cập chi tiết hơn.

khá nhiều trong hội chúng tăng ni tỳ-khuru, nhưng ánh mắt, nụ cười hoặc sự chào hỏi cũng toát ra sự an bình, lặng lẽ. Dường như những rộn ràng, lao xao từ những tâm lý thế tục thường phạm ở trong lòng họ đã yên lắng một phần nào rồi.

Sau khi đánh lễ Phật, đức vua Mahānāma nói:

- Năm kia, Thế Tôn, chư vị trưởng lão đã an trú mọi người trên căn bản ngũ giới. Đại đức Ānanda lại phân tích về giới, giảng nói rộng rãi ý nghĩa của giới cùng những ví dụ, hình ảnh rất sinh động. Mọi người ai cũng hoan hỷ và ai cũng còn nhớ trong tâm khảm. Sự yên ổn, thanh bình trong khá nhiều gia đình đã được thiết lập. Tuy nhiên, lần này xin Thế Tôn và hội chúng tăng ni an cư mùa mưa ở đây để hai hàng áo trắng kinh đô Kapilavatthu được dịp cúng dường, nghe pháp. Hy vọng rằng, nhờ vậy, những căn bản của giới, của thí, của tâm, của tuệ⁽¹⁾ sẽ được an lập vững chắc hơn!

Đức Phật gật đầu:

- Đúng vậy, này Mahānāma! Một vị vua mà biết chăm lo đời sống tinh thần cho triều đình và bá tánh như thế là noi gương các bậc Chuyển Luân Thánh Vương kia đấy! Ừ, Như Lai và hội chúng tăng ni sẽ an cư mùa mưa ở đây để gieo những hạt giống bồ-đề cho xa rộng hơn nữa, không những ở kinh thành Kapilavatthu mà cả kinh thành Devadaha bên Koliya nữa vậy!

Hôm kia, đức vua Mahānāma đi một mình với vài nội thị tìm đến gặp đức Phật, sau một hồi ngẫm nghĩ, đắn đo, ông kể lại một câu chuyện cũ.

Thuở thanh niên, Mahānāma yêu thương một cô gái nô lệ, sau sinh một cô gái có tên Vāsabha-Khattiya. Khi Mahānāma làm vua⁽²⁾ mặc dầu bị nhiều quan đại thần thủ cựu phản đối, ông

¹ Đây đủ chi phần là Tín, giới, văn, thí, tuệ. Đức Phật giảng nói cho đức vua Mahānāma - có ghi lại trong Mahāvagga Saṅgutta.

⁽²⁾ Vì Nanda, em cùng cha khác mẹ với thái tử, con các đức thân vương Amitodana, Sukkodana là Ānanda và Anuruddha đều đã đi xuất gia hết

vẫn phong cho cô làm công chúa. Khoảng sau mùa an cư năm thứ tám của đức Phật, do muốn làm thân quyến với ngài, đức vua Pāsenadi xin cưới một công chúa dòng Sakyā. Sau khi hội ý với các quan đại thần, ai cũng muốn đức vua gả Vāsabha-Khattiya dù có dòng máu nô lệ nhưng vẫn là công chúa. Đây là do sự ngã mạn của dòng Sakyā: Họ vẫn coi dòng tộc Sakyā là cao quý hơn tất cả mọi dòng tộc khác khắp thiên hạ. Về làm hoàng phi nước Kosala, cô sanh hạ cho đức vua Pāsenadi một trai có nước da vàng sáng rất kháu khỉnh, tên Viḍḍabha⁽¹⁾. Chừng sáu bảy tuổi, khi đã bắt đầu có nhận thức, nó biết ông ngoại của nó là đức vua nước Sakyā nên rất hãnh diện. Tuy nhiên, đức vua Mahānāma cứ lo lắng, nếu nó biết được bà ngoại nó là thân phận nô lệ thì chuyện gì sẽ xảy ra? Ông cũng rất lo sợ khi đức vua Pāsenadi phát giác được chuyện ấy!

Đức Phật lại trấn an, nói với ý rằng, quá khứ thì đã qua rồi còn tương lai thì chưa đến! Hãy sống trong hiện tại với nhân với duyên trước mặt. Hiện quán là ở đây. Trí tuệ là ở đây. Khi có được trí tuệ rồi, thấy rõ ngã và pháp đều không có thực tính, chúng chỉ là duyên sinh vô ngã thì hóa ra mọi lo lắng, ưu tư chỉ là hoa trong gương, trăng trong nước, là bóng bọt, là giấc mộng huyễn mà thôi!

Cũng do biết nghiệp quả quá khứ nặng nề mà sau này dòng tộc Sakyā không thể tránh khỏi⁽²⁾, nên suốt trong mùa an cư đức Phật muốn giúp cho mọi người được thân chứng giáo pháp hay an trú vững chắc nơi giáo pháp. Nếu không được như vậy thì nền tảng ngũ giới cũng là chỗ nương tựa vững chắc.

- nên Mahānāma (anh ruột của Anurudha) phải ở nhà, và sau này kế thế ngôi vương.

⁽¹⁾ *Chủ giải Pháp cú*, NXB Tp. HCM, q.2 tr.575 - sư Pháp Minh dịch là Lưu Ly.

⁽²⁾ Một chương sau.

15.2- Đức Vua Suppabuddha Bị Đất Rút

Hôm kia, một số chư tăng ni khá đông, trong đó có trưởng lão Devadatta, chư đại đức Sīvali, Rāhula, ni trưởng Gotamī, tỳ-khưu-ni Yasodharā... xin phép đức Phật đi thăm nước Koliya, là quê hương, dòng tộc của các vị ấy.

Đức Phật gật đầu rồi nói:

- Đức vua Suppabuddha còn giận Như Lai! Ngài cứ cố chấp trong tâm trí rằng, vì Như Lai mà Devadatta, Yasodharā bỏ nước mà ra đi. Rồi cũng vì Như Lai mà cháu ngoại của ông là Rāhula mới bảy tuổi đầu đã phải đi xin ăn đầu đường xó chợ. Rồi còn Sīvali và một số tỳ-khưu tăng ni thuộc hoàng tộc Koliya nữa, ngài hận trách Như Lai đã làm cho quốc độ không có người nối dõi vương vị!

Ngừng hơi một lát, đức Phật tiếp:

- Chư vị nếu gặp đức vua thì nên mở lời khôn khéo làm sao để cho chuyện ấy được nhẹ nhàng hơn. Cái quả của tâm sân, tâm hận nó khủng khiếp lắm. Đúng thời, Như Lai cũng sang hóa duyên bên ấy cùng chư tỳ-khưu tăng.

Đến Koliya, trưởng lão Devadatta, trưởng lão ni Gotamī đến thăm đức vua Suppabuddha nhưng ông không tiếp, còn sai quan nội thị đóng cửa cung điện lại, nhắn gởi rằng:

“- Suốt đời này, ta không có em gái, không có đứa con trai, con gái nào cả! Chúng chết cả rồi”.

Khi tỳ-khưu Rāhula xin được vào thăm ông ngoại, đức vua cũng nhắn gởi tương tự:

“- Con ta đã không có thì làm gì có cháu!”

Tuy nhiên, đức vua Suppabuddha ngạc nhiên làm sao, tuy đã đóng kín cửa nhưng không biết “họ” đi lối nào mà xuất hiện ngay trong tầm cung, rồi người xưng em, người xưng con, kẻ xưng cháu... Ngồi dậy trên giường rộng, đức vua lặng lẽ quan sát người được gọi là cô em gái Gotamī, người được gọi là con

trai Devadatta, là con gái Yasodharā, là cháu ngoại Rāhula... Họ lạ quá, nhìn không ra, ông chỉ mừng tượng, suy đoán thế thôi. Thu giấu tất thấy mọi cảm xúc, ông cất giọng lạnh lùng, hỏi:

- Các người đi lối nào mà vào được đây?

Devadatta đáp:

- Thưa cha, đây chỉ là một thuật mọn của những sa-môn tu học theo giáo pháp của đức Tôn Sư.

Đức vua gầm lên:

- Đứa nào là tôn sư? Tôn sư là ai nào? Là cái mà người ta gọi là Siddhattha Gotama đó hả?

Tỳ-khuru Rāhula nhú mày:

- Phỉ báng đức Phật là tội lớn lắm đấy, thưa ông ngoại!

- Nữa! Tội bây cũng chỉ là một “giuộc” như nhau! Hãy xéo! Hãy xéo đi cho khuất mắt ta!

- Thưa cha! Tỳ-khuru-ni Yasodharā điềm đạm nói - Những tham, những sân không thể chi phối tâm tư của chúng con được. Vậy, dù cha có đánh, có mắng, có phỉ báng thì chúng con cũng vẫn lặng lẽ, yên bình và còn rải tâm từ ái đến cho cha nữa. Chỉ sợ nếu cha cứ khư khư cố chấp như vậy thì đau khổ, phiền não sẽ thiêu đốt ruột gan của cha mà thôi!

Nói gì cũng vô ích, ông quát:

- Thôi đi đi! Hãy nói với ông Cồ Đàm của các người là ta thù hận nó tới tận xương, tới tận tủy! Hãy xéo đi!

Tôn giả Devadatta cũng đã hết lời khuyên giải, năn nỉ nhưng đều không thể lay chuyển được. Tỳ-khuru Rāhula đến gần bên, cầm tay ông ngoại nhưng cũng bị ông hất ra...

Khi đức Phật với thị giả Nigāta đến thành phố Devadaha, vương quốc Koliya thì rất đông tỳ-khuru tăng ni chờ đón ngài, trong đó có chư vị trưởng lão như Kimbila, Nandiyā..., chư vị tỳ-khuru-ni như Khemā, Uppalavaṇṇā... rải rác từ Mallā, Vesālī hay Veḷuvana sang.

Sau mùa mưa nên tiết trời khá khô ráo, mát mẻ, hội chúng một số đến ni viện có sẵn, một số tìm đến các hang động, cội

cây trong những khu rừng ngoại ô lân cận.

Riêng đức Phật và chư vị trưởng lão thì được sa-di Sīvali mời thỉnh về ngự tại khu vườn cây ăn trái của hoàng thân Mahāli và công nương Suppasāvā, là cha và mẹ của chú. Ở đây có một số cốc liêu tương đối đầy đủ mọi tiện nghi sinh hoạt.

Ngày đầu tiên, đức Phật và chư vị trưởng lão đi trì bình khát thực qua các con đường trong thành phố không có gì xảy ra. Nhưng hôm sau thì phát sanh một sự cố.

Chuyện là, gia đình cha mẹ sa-di Sīvali khởi tâm cúng dường lớn đến đức Phật và hội chúng tăng ni. Con đường đi đến biệt phủ của hoàng thân Mahāli phải đi qua cổng cung điện; khi đức Phật và hội chúng ôm bát đi ngang đây thì bị đức vua Sappabuddha cho người chặn đường. Ông còn đặt một trường kỷ cùng mâm bát, nghênh ngang một mình ngồi “vách mảy” uống rượu.

Khi nghe các quan nội thị báo là đức Phật sắp đến thì đức vua mỉm cười, cất giọng có vẻ lịch sự:

- Nói với ông Cồ Đàm, là trầm xin lỗi vì trầm đang bận uống rượu, không tránh đường được!

Tôn giả Ānanda thấy chuyện chướng mắt, đến bên đức vua, lễ độ và ôn tồn nói:

- Không nên như thế, đại vương! Hãy tránh đường để đức Phật và hội chúng đi trì bình khát thực. Hãy lịch sự và tế nhị một chút, đại vương kính mến!

- Lịch sự à? Tế nhị à? Này! Ta bảo cho mà biết! Ta là cha rể của nó. Ta lớn hơn nó! Theo lễ nghi của “lịch sự và tế nhị” ấy, thì nó phải tránh ta hay ta phải tránh nó? Hả? Ông nói đi?

- Nhưng đây là đức Phật, tâu đại vương! Tôn giả lại nhỏ giọng - Chận đường đức Chánh Đẳng Giác, tội lớn lắm đấy!

Đức Phật biết rõ mọi chuyện, ngài lắc đầu rồi nói:

- Thôi, đành vậy, ta sẽ đi lối khác.

Thấy đức Phật bỏ đi, đức vua Sappabuddha bảo nội thị:

- Hãy cho người theo dõi xem thử ông Cồ Đàm có nói gì không rồi về báo lại cho ta hay.

Quả vậy, khi quay đi, đức Phật khẽ nói:

- Biết sao được! Cái quả địa ngục thật đấy! Như Lai cũng không cứu được!

Rồi đức Phật nói với Devadatta:

- Ông hãy về báo cho đức vua hay! Hãy lo giữ gìn sinh mạng của mình. Đúng ngày thứ bảy, kể từ hôm nay, nghĩa là kể từ sát-na khởi tâm niệm ngăn chặn Như Lai, đức vua sẽ bị quả đất rút ngay tại chân cầu thang trong tòa lầu bảy tầng ở cung điện. Và nếu tâm niệm kia được thay đổi, có sám hối, có ăn năn thì tội báo sẽ nhẹ đi!

Nhưng vô ích. Một người báo lại. Hai người báo lại. Viên quan nội thì kể lại tận tường hơn, nhưng đức vua cười ha hả:

- Ta chết như thế sao? Bảy ngày sao? Bị quả đất rút sao? Chuyện tào lao không!

Lúc này các vị lão thần hay chuyện cũng đến gần bên khuyên can đức vua, sau đó, có một vị tâu:

- Xin đại vương hãy cẩn trọng! Từ nhỏ đến lớn, cho đến sau này, khi thành Phật rồi, ông sa-môn Cồ Đàm không bao giờ nói dối. Ông ta đã nói cái gì thì sự việc xảy ra đúng y như thế.

Đức vua vẫn “chấp mê bất ngộ”, cười gằn:

- Đúng thế! Sa-môn Cồ Đàm chưa hề nói dối! Nhưng cái chuyện tiên tri bảy ngày ta chết tại chân cầu thang, ta sẽ làm cho ông ta trở thành kẻ nói dối ngay tức khắc!

Nói thế xong, trở lại cung điện, đức vua sai nội thị mang thức ăn vật uống, cả rượu, cả dầu bếp, cả những tiện nghi nhu dụng lên tầng lầu thứ bảy. Ông dự định sẽ đóng đô tại đây suốt bảy ngày. Ông còn cẩn thận bố trí hai lực sĩ canh gác tại mỗi cửa tầng lầu với lời dặn dò nghiêm khắc: Nếu thấy trăm bước xuống các tầng lầu thì các người tìm cách ngăn cản lại. Không ngăn cản, các người sẽ bị chém đầu. Làm vậy, các người sẽ được trọng thưởng!

Đầu đó xong xuôi, ông cười nói oang oang:

- Bảy ngày ta nhất quyết ở đây, không bước xuống bên dưới

thì làm sao ta lại chết ở chân cầu thang kia chứ! Phen này cái tội “tiên tri lảo” của ông sa-môn Cồ Đàm bị bề mặt thật sự rồi!

Chuyện đến tai đức Phật, ngài thuyết một thời pháp nói về các loại nghiệp. Đại ý như sau:

- Nay các thầy tỳ-khuru! Nghiệp (kamma) là hành động, là tạo tác, tức là những việc làm cố ý, có chủ ý dù lành tốt hay xấu ác. Nghiệp tạo ra muôn loài, sanh ra muôn loài, là chủ tử của muôn loài. Nghiệp lành tốt phát sanh bởi vô tham, vô sân, vô si; nghiệp xấu ác phát sanh bởi tham lam, sân hận, si mê. Nghiệp lành tốt có thập thiện nghiệp; nghiệp xấu ác có thập ác nghiệp. Thập thiện nghiệp thì được sanh làm người hữu phúc, sang cả hay hóa sanh vào sáu cõi trời dục giới để thọ hưởng thiên lạc. Thập ác nghiệp thì đọa vào bốn con đường đau khổ, đấy là a-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Còn nếu những ai đắc định hữu sắc hoặc vô sắc thì hóa sanh vào hai mươi cõi trời phạm thiên. Định luật của nghiệp là vậy, không có vị thượng đế, một vị hóa sanh chủ, sáng tạo chủ nào thay đổi được.

Thuyết thế xong, đức Phật kết luận:

- Trường hợp đức vua Sappabuddha thì Devadatta, Yasodharā, đã tìm cách khuyên nhủ nhưng thất bại. Rồi Như Lai đã cho người thông báo rồi, nhắc nhở rồi nhưng tâm hận thù, oán kết quá sâu nặng của đức vua sẽ tự làm hại chính mình thôi. Cái nghiệp ngăn trở, cản đường có vẻ ngạo nghễ, thách thức vừa rồi của đức vua lại càng nặng nề hơn, Như Lai không có cách chi để hỗ trợ, cứu giúp được nữa. Theo với thấy biết như thực của Như Lai, đúng ngày thứ bảy, đức vua sẽ bị quả đất rút tại chân cầu thang thứ bảy. Dầu đức vua ngự trên thượng lầu của tòa nhà bảy tầng, dầu đức vua đứng giữa hư không, trên đầu núi, dầu đức vua ngồi ngoài biển lớn, dầu đức vua trốn trong động thăm hang sâu thì đức vua cũng không thoát khỏi nghiệp đã gieo, thoát khỏi lưới hái của tử thần được!

Rồi đức Phật đọc lên câu kệ ngôn:

“- Trốn vào động thăm hang sâu

Ăn trong núi vắng, non đầu, trùng khơi

Có đâu một chỗ trên đời

Tử thần lại chẳng đến lôi kéo về!”⁽¹⁾

Và quả đúng như sự thấy biết của đức Chánh Đăng Giác. Đến ngày thứ bảy, bên dưới tòa lâu, con ngựa quý có tên là Hạnh Phúc của đức vua tự dung nổi chứng bất kham, cứ hí vang lên rồi đá rầm rầm vào tường vách mà không ai khống chế được.

Không cần hỏi, đức vua cũng biết rằng, chỉ có ông, thấy bóng của ông, nghe tiếng nói của ông, con ngựa mới thôi quậy, mới đứng yên. Nghĩ là sắp hết ngày thứ bảy rồi, đức vua yên trí sai lực sĩ mở các cửa lâu để ông xuống trị chứng con ngựa. Đến cầu thang thứ bảy, chợt đức vua sẩy chân, trôi tuột cả thân hình xuống dưới. Ngay khi ấy như có hiện tượng động đất, khoảng dưới chân cầu thang, đất nứt ra, hiện ra một lỗ sâu thăm thăm rồi nuốt đức vua vào trong lòng nó, vô tăm, vô tích.

15.3- Tỳ-Khuru Rāhula Niết-Bàn

Sau biến cố kinh hãi và thương tâm ấy, tôn giả Devadatta có lẽ do sầu buồn⁽²⁾ vì cái chết của vua cha nên lặng lẽ ôm bát ra đi, không ai biết đi đâu.

Trưởng lão ni Gotamī cùng Yasodharā vốn là em và con gái của đức vua quá cố, muốn làm một công đức có ý nghĩa sau sự biến đau thương vừa rồi nên đã vận động, sách tấn, khuyến khích các gia đình hoàng tộc cùng chung lòng, chung tay hùn phước đặt bát cúng dường đến đức Phật và hội chúng tăng ni. Rồi sau đó, triều đình và hoàng tộc Koliya đã tổ chức suốt bảy ngày cúng dường lớn, rất trọng thể như vậy. Việc rồi cũng tạm

⁽¹⁾ *Pháp cú 128: “Na antalikkhe na samuddamajjhe - na pabbatānam vivaram pavissa. Navijjati so jagatippadeso - yatthaṭṭhitam nappasahetha maccūti”.*

⁽²⁾ *Devadatta lúc này có đặc định cùng một vài thắng trí - chưa có tuệ nên vẫn bị tình cảm đời thường chi phối.*

yên, tạm lắng lại.

Đức Phật nán nã ở Kapilavatthu do có nhiều duyên sự phải giải quyết, nên hết mùa xuân mới cùng đại chúng trở về Kỳ Viên trong tiết trời đã bắt đầu nắng nóng. Tránh con đường xa lộ thương mại, đức Phật và đại chúng đi theo những lối mòn trong các thôn làng, các sườn đồi và sơn lộ có nhiều cây xanh bóng mát.

Đêm hôm kia, đức Phật trú chân trong một khu rừng thì đột ngột tỳ-khưu Rāhula bước vào, đánh lễ ngài rồi lặng lẽ quỳ xuống một bên.

Đức Phật ân cần hỏi:

- Có việc gì không, Rāhula?
- Đệ tử muốn xin phép để xả bỏ giả thân này!

Đức Phật im lặng, đưa mắt nhìn Rāhula một hồi lâu rồi nói:

-Ừ, Như Lai biết! Nhưng con nên duy trì thọ hành về đến tịnh xá Kỳ Viên hăng hay!

- Thưa vâng, đệ tử biết là phải còn trình báo với thầy của con, là tôn giả Sāriputta; ngoài ra, tôn giả Moggallāna, chư vị trưởng lão, trưởng bối như Ānanda, Nanda, trưởng lão ni Gotamī, trưởng lão ni Yosadharā... cũng phải biết chuyện đệ tử đột ngột xin Niết-bàn.

- Không đột ngột đâu, Rāhula! Nhiều người biết lắm! Nhưng, những việc đáng làm trên cuộc đời này con đã làm xong rồi thì nhập diệt sớm hay muộn cũng không phải là vấn đề!

- Thưa vâng!

Về đến Kỳ Viên mấy hôm, tỳ-khưu Rāhula lần lượt đi đánh lễ tất cả chư tôn trưởng lão, sang ni viện thăm trưởng lão ni Gotamī và Yasodharā... để xin phép Nhập Diệt trước. Ai ai cũng buồn ngủi, sự buồn ngủi của những bậc thánh lậu tận thường thì phàm tăng không thể hiểu được cảm xúc ấy nó ra làm sao!

Với tôn giả Moggallāna, ngài hỏi:

- Con muốn an nghỉ ở đâu vậy, Rāhula?
- Thưa, đệ tử thích ở cung trời Ba Mươi Ba!

Tôn giả gật đầu:

- Được rồi! Ta sẽ lên nói với thiên vương Đê Thích (Sakka) để ông ta nghinh tiếp cho đàn tràng!

Với trưởng lão ni Gotamī thì bà nói:

- Sao sớm quá vậy, Rāhula?

- Thưa, đức Thế Tôn bảo: Khi mọi bốn phận đã làm xong rồi thì sớm hay muộn gì cũng vậy!

- Ủ, thôi thì thế cũng được! Người thấy rõ lẽ tử sinh, đã ly thoát nó thì trên cuộc đời này còn gì phải luyến lưu, quyến niệm nữa!

Với trưởng lão ni Yasodharā thì bà trầm ngâm một hồi:

- Từ khi ta là một cô thôn nữ mười sáu tuổi cầm tám đóa sen chia cho đạo sĩ Sumedha ba đóa, rồi sau đó cả hai người cùng kết lời nguyện phu thê sinh tử dưới chân đức Phật Dīpaṅkara, tính đến nay trải qua 24 đức Chánh Đẳng Giác; hiện tại mọi ước nguyện thuở xưa giờ đã tựu thành viên mãn. Ta đã thỏa nguyện và nay con cũng đã thỏa nguyện rồi, có phải như vậy không, Rāhula?

- Thưa vâng!

- Vậy thì con cứ đi trước, ta còn một số nhân duyên với hội chúng tỳ-khuru-ni, sẽ đi sau!

Với trưởng lão Nanda thì nước chảy mây trôi, hoa nở hoa tàn thấy đều bình thường; nhưng riêng tôn giả Ānanda thì ngài xúc động, nghẹn ngào không nói được; hồi lâu ngài cảm thán thốt lên:

- Úi trời đất ôi! Một vị tân tỳ-khuru mà nhiều người tôn kính gọi là “trưởng lão” này, tuổi đang còn thanh xuân, tóc đang còn đen nhánh mà lại sớm ra đi như vậy sao?

- Vô thường, vô ngã đều như thực, thưa trưởng lão!

- Biết rồi mà!

Tỳ-khuru Rāhula mỉm cười:

- Nếu cảm nhận cuộc đời qua cảm xúc của con tim sẽ đưa đến phiền não. Hãy minh sát chúng bằng tuệ giác, thưa trưởng lão!

- Biết rồi mà, nói mãi!

Với tôn giả Sāriputta thì tỳ-khuru Rāhula đợi ngài bên vườn, trên lộ trình ngài đi bát về. Khi vào đến tịnh thất, Rāhula quỳ sát đất, đánh lễ tôn giả Sāriputta ba lần rồi nói:

- Đệ tử còn trẻ, thưa thầy! Thế mà cái thân của đệ tử đã mệt mỏi, đã quá suy kiệt, tuổi thọ của đệ tử cũng đã sắp hết rồi. Xin phép thầy cho con được Nhập Diệt.

Tôn giả Sāriputta im lặng một hồi.

- Con lại muốn ra đi trước ta?

- Thưa, đệ tử tự biết sự đổi khác, biến hoại ở trong cái thân tứ đại này. Đệ tử đã xin phép đức Thế Tôn cùng chư tôn trưởng lão rồi.

Im lặng.

- Con muốn Nhập Diệt ở đâu?

- Thưa, vì có duyên với cõi trời nên con đã có thưa với tôn giả Moggallāna là con sẽ an nghỉ bất tử ở cõi trời Ba Mươi Ba.

Lại im lặng.

- Đức Thế Tôn có dạy bảo điều gì không?

Đức Đạo Sư nhìn đệ tử một hồi lâu rồi ngài nói: “Hãy duy trì thọ hành về đến Kỳ Viên rồi đi đánh lễ các bậc tôn trưởng”.

- Vậy các vị trưởng lão ni tôn đức, con cũng đã chào từ giả rồi chứ?

- Thưa vâng!

- Vậy thì con cứ tùy nghi!

Tỳ-khuru Rāhula chột quỳ xuống đánh lễ ôm chân bụi của tôn giả rồi nói:

- Từ ngày bước chân vào giáo hội cho đến khi thấy được đạo Bất Tử và cả sau này, đệ tử có lỗi lầm nào dầu vô tình hay cố ý, xin thầy hoan hỷ xá tội lỗi ấy cho đệ tử!

- Dĩ nhiên thế rồi! Có lỗi hay không có lỗi đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát thì chúng đều như gió thoảng, như mây bay, con biết thế mà!

- Thưa vâng!

- Còn gì nữa không con?

- Thưa, còn một việc nữa! Đệ tử sẽ đọc cho thầy nghe một bài kệ thơ được cảm hứng tuôn trào sau giây phút chứng ngộ.

Tôn giả cười:

- Hay lắm! Thú vị lắm! Con hãy bắt đầu đi.

Thế rồi, tỳ-khưu Rāhula khi đứng, khi bước tới bước lui và đọc lên bài kệ thơ tâm đắc của mình cho tôn giả Sāriputta nghe.

“- Ôi! Hỡi này là vô lượng, vô biên thế giới!

Hỡi này là trời đất

Nhật nguyệt, núi sông!

Hỡi này là thiên hà

Tinh đầu mênh mông!

Các người có nghe chăng?

Có nghe trong mảy mảy vi trần?

Có nghe trong từng giọt nước sông Hằng?

Thời gian và hư vô cuộn cuộn chảy!

Cái gì cũng luôn luôn trở thành

Và chẳng có gì là tồn tại!

Thế mà có một ba-la-mật hiện thân

Thế mà có một xuất thế như chân

Chỉ như là một hạt bụi

Hạt bụi bé mọn điểm phúc ấy là Rāhula

Là sợi dây ràng buộc ái hà!

Được làm con trai

Của đức Vô Thượng Điều Ngự Trượng Phu

Được là dòng dõi chân truyền

Của đáng Thiên Nhân Sư

Xuất thân từ huyết thống anh hùng

Của con cháu Thái Dương thần nữ

Người đã bước xuống

Từ đỉnh Himalaya tuyết phủ

Là kẻ đã chiến thắng không ngại

Đã bước qua mǎyā sương khói dậm dãi

Chiến thắng năm loại ma vương⁽¹⁾, quỷ dữ
Đã anh dũng vùng gươm đại tuệ
Chém lìa Khổ Đau và Sự Chết!
Là bậc Đại A-la-hán Vô Sanh
Và bây giờ
Ngay sát-na này
Con trai của Người cũng vậy
Cũng đã ly thoát biết bao nhiêu cảm dỗ
Của tuổi thanh xuân
Với ý chí bất khuất, kiên cường
Như chiếc chày vồ đại lực kim cương
Đập tan si mê ảo vọng
Với ý chí như nuốt sao Ngưu, sao Đẩu
Cất tiếng hống tuyên chiến với vô minh
Đi theo dấu chân Bát Tử của Người
Của Thầy cùng chư tôn trưởng lão
Rāhula cũng xứng đáng được mọi người mến yêu
Tán dương và tôn trọng
Đáng thương thay chúng sanh
Bị bít bùng trong màng lưới của tham ái
Của si mê và khát vọng!
Như cá nằm trên thớt!
Như thỏ nằm trong rọ!
Rāhula đã quay lưng lại rồi
Không còn nghe tiếng gọi của trần gian
Của chấp chùng căn nhà cái-ta-ngũ-uẩn!
Rāhula đã cắt đứt mọi sợi dây trói buộc
Chẳng còn cái mầm, cái chồi nào
Cho các sợi dây leo và tua uốn
Gốc rễ Tử Sanh đã được bứng tận

⁽¹⁾ Năm loại ma vương: Ngũ uẩn ma vương, pháp hành ma vương, phiền não ma vương, tử thần ma vương và chư thiên ma vương.

Bao nhiêu lửa nóng đã bị vùi tro
Giữa bầu trời muôn xuân mát mẻ
Rāhula ca lên bài ca tự do!
Là bài ca tối thượng tự do!
Sát-na là vĩnh cửu!
Chỉ một lần thiên thu dừng lại!
Chỉ một lần và không bao giờ trở lại!”

Không gian chợt yên lặng như để cho hơi thở của sự sống giác ngộ và giải thoát rì rào tuôn chảy giữa hư vô. Bài kệ thơ chứng ngộ của Rāhula vừa chấm dứt thì giọng nói của tôn giả Moggallāna từ đâu đó vọng lại:

- Hay quá! Bài kệ thơ này cần phải được tuyên đọc trước đông đủ học chúng để được lợi lạc lâu dài về sau.

Không biết từ lúc nào, chư vị tôn giả Kāḷudāyi, Nanda, Bhaddiya, Anuruddha, Bhagu, Ānanda như cùng có mặt và đồng hoan hỷ với bài kệ thơ.

Thế rồi, ngày đi, đêm nghỉ, đức Phật và đại chúng về đến tịnh xá Kỳ Viên. Và hôm sau, trong ngoài đại giảng đường đều chật cứng, ngoài đại chúng tăng ni, cư sĩ, còn có sự tham dự của hai vị đại thí chủ Cấp Cô Độc, bà Visākhā, cả phái đoàn của đức vua Pāsenadi và hoàng hậu Mallikā nữa.

Đức Phật thuyết một bài pháp không dài lắm, nói về sự tu tập các công hạnh ba-la-mật; nó có khác nhau giữa ba loại căn cơ trí tuệ, đức tin và tinh tấn. Và cũng trong thời gian dài đăng đẳng trong vô lượng kiếp luân hồi sinh tử tu tập ba-la-mật ấy, chính ngài và tất cả đại chúng có mặt hôm nay đều có nhân, có duyên với nhau. Cho chí sự liên hệ giữa thầy trò, cha mẹ, vợ chồng, con cái cũng nằm trong sự duyên hệ ấy.

Rồi đức Thế Tôn kết luận:

- Trong rất nhiều kiếp sống, Rāhula đã từng là con trai của Như Lai, gieo duyên với Như Lai; thì nay, kiếp sống cuối cùng, trong giáo hội của Như Lai, Rāhula đã đặt được bàn chân trên mảnh đất Bất Tử! Ngày hôm nay, biết được thọ hành đã mãn,

tỳ-khuru Rāhula, con trai của Như Lai xin an nghỉ Niết-bàn vô dư tại cung trời Đao Lợi. Trước khi ra đi, Rāhula xin phép Như Lai và các vị A-xà-lê, chư tôn trưởng lão để đọc một bài kệ thơ chứng ngộ...

Thế là tỳ-khuru Rāhula bước ra, đánh lễ đức Phật và chư tôn trưởng lão rất mực cung kính. Sau đó ngài nhìn quanh một vòng, tầm mắt hướng về đại chúng, dừng lại một khắc nơi trưởng lão ni Gotamī và Yasodharā rồi cất giọng sang sảng, trầm hùng, ca lên, hát lên bài kệ thơ chứng ngộ nêu trên...

Đại giảng đường im lặng như tờ. Nhiều trái tim xúc cảm. Nhiều gương mặt hỷ, lạc, ái, mộ, thương, trọng... khác nhau.

Bài kệ thơ chấm dứt cũng trong mệnh môn yên lặng. Tỳ-khuru Rāhula quỳ xuống đánh lễ đức Phật và chư vị trưởng lão một lượt nữa, ngài nói:

- Giờ đã đến thời, đệ tử xin được Niết-bàn!

Tôn giả Sāriputta bước ra, cầm tay tỳ-khuru Rāhula đứng dậy. Khi bốn bàn tay vừa từ từ rời nhau thì Rāhula chợt biến mất, vô hình, vô ảnh... Chư vị thánh lậu tận, có thắng trí thì khuôn mặt an nhiên, trầm lặng; nhưng chư phàm tăng không có thắng trí thì bàng hoàng, ngơ ngác...

Tôn giả Moggallāna chợt nói lớn:

- Một bảo tháp lộng lẫy, trang nghiêm, huy hoàng tại cung trời Ba Mươi Ba, Đế Thích thiên chủ đã chuẩn bị đầu đó cho Rāhula rồi! Rāhula đã tịch tịnh vô dư rồi!

16- Mùa An Cư Thứ Mười Sáu (Năm 572 tr. TL)

16.1- Hóa Độ Dạ-Xoa Ālavaka

Một ngày, khi cơn nắng nóng gay gắt buổi chiều đã giảm bớt, tôn giả Mahā Moggallāna đến hương phòng của đức Phật, đánh lễ ngài rồi thưa trình một chuyện quan trọng:

- Tiểu quốc Ālavī hiện giờ rất rối loạn, khắp nơi như sắp xảy ra một trận tang tóc, một cơn đại nạn. Tất cả đây là do dạ-xoa

(yakkha) Ālavaka⁽¹⁾ “ăn thịt người” gây nên; nó có nhiều thần lực, bản chất hung dữ, độc ác và lại rất kiêu căng, bạch Thế Tôn!

- Ủ, ông cứ nói!

- Trước đây, nó dám bảo là “tao coi thường Tứ đại thiên vương, tao coi thường cả ông trời Đế Thích”, bạch Thế Tôn!

Đức Phật mỉm cười:

- Nó nói mạnh miệng như vậy thôi, chứ nó là quân tướng, thuộc hạ của thiên vương Kuvera trấn ngự Bắc phương đây.

- Đệ tử biết! Nó nói thế chứ lá gan của nó thường nằm ở bên ngoài, nghe thiên vương Kuvera ở đâu là nó trốn chạy tít mù!

- Ủ! Nó chạy còn nhanh hơn gió!

- Có lần, nó thò chân đạp vào đỉnh núi Himalaya đến rung rinh, chao đảo rồi cười vang vang cả gầm trời rồi ngạo mạn bảo: “Bọn địa tiên, sơn thần, thọ thần ở đây, oai lực không bằng cái ngón chân của ta!”, bạch Thế Tôn!

- Ủ, Như Lai biết!

- Tính nó nóng nảy như quỷ thiên lôi; nó chẳng biết gì ân đức của cha của mẹ, chẳng biết trọng vọng, tôn kính một sa-môn, bà-la-môn nào! Đối với nó thì đạo đức, thiện pháp, tình thương gì gì, nó bảo là nó sẽ nhai tuốt luốt!

- Ủ, đúng là vậy!

- Do hôm nọ trong lúc mãi cuộc săn bắn, đức vua Ālavaka xứ Ālavī⁽²⁾ đi lạc vào lãnh địa của dạ-xoa Ālavaka (Ālavakayakkha), ngồi nghỉ mệt dưới cội cây đa, bên dưới tòa lâu đài, thuộc phạm vi quyền lực của nó nên nó định bắt ăn thịt⁽³⁾. Đức vua Ālavaka

⁽¹⁾ Dạ-xoa (Yakkha) có nhiều loại. Dạ-xoa này có phước báu như chư thiên, lại có nhiều thần lực; tuy nhiên, chúa dạ-xoa này chỉ là quân tướng của chư thiên vương mà thôi!

⁽²⁾ Tư liệu nào cũng ghi vị này là vua (The King of Ālavī); nếu đúng vậy thì đây chỉ là một nước nhỏ, tiểu chư hầu của đế quốc Kosala,; nó nằm giữa nước lớn Kosala (kinh đô Sāvatthi) và nước nhỏ Kāśi (thành phố Bārāṇasī).

⁽³⁾ Ai đi vào, bước vào lãnh địa của nó, nó mới ăn thịt; ngoài phạm vi ấy thì nó không có quyền.

năn nỉ xin nó tha cho tội chết và ông hứa mỗi ngày sẽ đem nộp một mạng người. Các quan chức triều đình sợ hãi quá, bèn hiến kế đem dâng cho Ālavakayakkha những kẻ tội đồ mang án tử hình, những tù binh phạm tội chung thân ngục tối. Sau khi số tù binh đã hết, các vị thị trưởng (Nagaraguttika) cho người bắt trẻ con để giúp vua dâng nộp. Cứ tình thế này là đã họa lây đến dân chúng. Nhiều bà mẹ đã ôm con trốn sang phương khác. Đệ tử muốn đến đây trị tội nó, cảm hóa nó thì thật là lợi lạc cho bao nhiêu người, đem lại an bình cho tiểu quốc ấy! Xin đức Tôn Sư cho phép.

- Như Lai cũng có dự định như vậy! Tuy nó ngạo mạn, ngang bướng, cứng đầu nhưng cũng thuộc loại phi nhơn hữu tình có trí thức! Tuy tội ác nó quá lớn nhưng lại có căn cơ đặc pháp nhãn. Nó có duyên với Như Lai nhưng không có duyên với ông. Vậy, vài hôm sau, ông và Sāriputta sẽ dẫn một hội chúng chừng năm bảy trăm vị tỳ-khưu đến Ālavī, vì mùa mưa này, chúng ta sẽ an cư ở đây; và sẽ có rất nhiều việc để làm.

Sáng hôm sau, đức Phật lặng lẽ ôm bát xuôi Nam. Vì muốn ẩn giấu hành tung, đến Ālavī, đức Phật đi thẳng đến trú xứ của Ālavakayakkha. Đó là một cụm cây đa tàn cao, bóng cả che phủ cả một vùng đất rộng lớn; ở tại đây, mắt người thường không thể thấy được, nhưng nó là cả một tòa lâu đài lộng lẫy, nguy nga, tráng lệ của dạ-xoa Ālavaka. Tại một tầng đá ven đường, độ thực xong, đức Phật ngồi thọ hưởng lạc về thiền, lạc về quả; đợi gần chiều tối, ngài mới chậm rãi bước đến cội cây đa hùng vĩ.

Đức Phật dùng khả năng siêu phàm đi vào thế giới phi nhân, tòa lâu đài lộng lẫy của dạ-xoa Ālavaka hiện ra. Khi bàn chân đức Phật vừa bước lên, hai cánh cửa pha lê trên bửu chạm khắc tinh vi từ từ kéo nhẹ sang hai bên: Một cung điện nguy nga sang trọng của cõi trời lung linh trong tầm mắt!

Đức Phật đến ngồi trên bảo tọa bằng ngọc báu (ratanapallanka)

(¹) ánh sáng chói ngời rực rỡ như chùm dạ quang pha lê tủa hắt

(¹) Có chỗ nói là ngai vàng của Ālavaka (Ālavaka's throne).

ra xung quanh. Một lát sau, không biết từ phương xứ nào, một đoàn nữ dạ-xoa (yakkhinī) lả lướt giữa hư không đồng xuất hiện, quỳ dưới chân đức Phật và họ muốn nghe pháp. Chư nữ dạ-xoa này vốn là tỳ thiếp cùng bà con quyến thuộc của dạ-xoa Ālavaka, có đức tin nơi Tam Bảo nên đức Phật chỉ giáo giới nhắc nhờ một vài điểm cần yếu nhất trong việc tu tập.

Khi Dạ-xoa Ālavaka trở về trông thấy đức Phật đang ngồi trên bảo tọa trong lâu đài, lại còn thuyết pháp dụ dỗ những người đàn bà của mình, tức giận quá, không nói không rằng, quyết đập chết ngài cho bằng được. Thế rồi, từ vũ khí quái dị này chuyển sang vũ khí kinh khiếp khác, Ālavaka không đặng được đến chéo y Phật. Đến gần nửa đêm, sau khi đã sử dụng hết chín loại vũ khí “thần sầu quỷ khóc” y hoàn toàn thất vọng. Đức Phật từ đầu chí cuối vẫn ngồi yên lặng mỉm nụ “tiếu sanh tâm”, hào quang sáu màu lung linh diễm ảo; toàn bộ thân và tâm của ngài như tự tại bất động trước những loại vũ khí mưa cuồng, sấm giạt của dạ-xoa Ālavaka!

Dẫu thất vọng nhưng chưa tuyệt vọng, dạ-xoa Ālavaka quyết định sử dụng vũ khí cuối cùng, dẫu cho thiên vương Kuvera có đầy y xuống địa ngục cũng kệ! Chú giải bảo đây là một trong bốn loại vũ khí cực kỳ nguy hiểm và tai hại nhất trên thế gian, có tên là Dussāvudha; nó là bảo bối tùy thân và cũng là bùa hộ mạng của dạ-xoa Ālavaka. Thế rồi, lúc vũ khí huỷ diệt lao như điên như cuồng đến đức Phật; một vùng sáng lóa như mặt trời bốc cháy tóe lên, tiếng động như sấm sét vang dội, lửa bốc cháy và khói tỏa ngùn ngụt, mù mịt chẳng còn thấy đất và trời! Một sát-na sau, một làn hào quang xán lạn vén lên; ai cũng nhìn thấy vũ khí kia nó mềm dần, mảnh dần như tấm thảm rồi ngoan ngoãn lượn nhẹ nhàng đến nằm yên dưới bàn chân của đức Phật như miếng giẻ chùi chân!

Dạ-xoa Ālavaka bây giờ trông chẳng khác nào chú bò Usabha bị bẻ gãy sừng, như rắn hổ mang bị bẻ gãy răng, chẳng còn chất độc, chẳng thể cắn mổ họa hại ai được nữa: Nó đã bị đức Thế

Tôn vô hiệu hóa tất cả các loại vũ khí. Tuy nhiên, với bản tính cứng đầu, cao ngạo đã thành nề, chưa chịu thua, nó muốn dùng miệng lưỡi để tranh luận phải trái:

- Được rồi! Tôi thua ông! Nhưng chúng ta có thể nói chuyện với nhau như những bậc thức giả được chăng, sa-môn Gotama?

Đức Phật mỉm cười:

- Được chứ! Và Như Lai biết ông cũng là một bậc thức giả đấy!

- Cảm ơn! Dạ-xoa Āḷavaka tuy nghe mát ruột nhưng lại cất giọng khách sáo - Bây giờ tôi xin được hỏi: Lâu đài này là sở hữu của tôi, và tôi là chủ; sa-môn Gotama tùy tiện mở cửa vào đây khi chưa được phép, chưa được sự đồng ý của tôi; vậy, việc làm ấy của sa-môn Gotama có đúng pháp và luật không?

Đức Phật gật đầu:

- Ừ, vậy là không đúng!

- Còn nữa! Dạ-xoa Āḷavaka bắt lỗi tiếp - Những Yakkhanī kia là những tỳ thiếp cưng yêu của tôi, mà sa-môn Gotama đã tùy tiện tụ họp họ lại để giảng dạy về cái gọi là giáo pháp gì đó trong lúc tôi đi vắng! Việc này là sao nữa, hỡi bậc thức giả?

- Ừ! Những Yakkhanī này tự nguyện đến yêu cầu được nghe pháp, Như Lai không chủ động tập họp họ đâu! Tuy nhiên, việc này thì Như Lai nhìn nhận là đã thiếu sót một nửa!

Dạ-xoa Āḷavaka thấy đức Phật với thái độ quang minh đã thừa nhận lỗi một cách mau mắn, dễ dàng, trong bụng thở dài nhẹ nhõm, mười phần ác cảm đã dịu đi vài phần.

Chợt đức Phật hỏi:

- Ngươi bắt bẻ rồi! Như Lai nhận lỗi rồi! Bây giờ còn chuyện gì nữa không, Āḷavaka?

- Bây giờ thì ông hãy xéo đi! Hãy cút đi! Hãy bước ra khỏi lâu đài của tôi!

- Ừ, ngươi bảo ra thì Như Lai đi ra!

Nói xong, đức Phật bước ra khỏi cửa!

Dạ-xoa Āḷavaka tự nghĩ: “Cái ông sa-môn Gotama này thật kỳ lạ! Ta đã gần suốt đêm thi thố hết mọi khả năng chỉ cốt đuổi

ông ta ra khỏi lâu đài nhưng thấy đều vô ích! Bây giờ chỉ mới nói vài câu nhẹ nhàng phải trái, ông ta đã ngoan ngoãn nghe lời ngay! Không biết ông ta là người dễ bảo thật sự hay cốt ý giả vờ để gạt ta?”

Nghĩ thế xong, dạ-xoa Ālavaka lại gọi giặc:

- Nay sa-môn Gotama! Hãy vào đây!

- Nay Ālavaka! Người bảo vào thì Như Lai đi vào đây!

Rồi đức Phật lại bước vào. Dạ-xoa Ālavaka thấy đức Phật “tuân lệnh” như thế, y muốn thử thêm một lượt nữa:

- Nay sa-môn Gotama! Hãy bước ra!

- Vâng! Như Lai nghe lời, bước ra đây!

Đức Phật lại bước ra. Dạ-xoa Ālavaka lại gọi vào! Cứ thế ba lần. Dạ-xoa Ālavaka thấy mình bảo sao thì đức Phật làm vậy, ông ta đã “mềm như sợi bún” thì trong bụng, mọi bức tức, hung hăng không còn nữa. Bản ngã, tự ái cứng cỏi và căng thẳng của y đã được tâm từ và tâm nhẫn của đức Phật hóa giải, làm cho nó dịu lại như tấm da đã thuộc nhuyễn. Đức Phật biết đây là đúng thời để giáo dục nó nên khi dạ-xoa, lần thứ tư, bảo ngài bước ra, ngài đã không thuận theo, cất giọng đanh uy, nói rằng:

- Đã ba lần, người bảo Như Lai đi ra, đã ba lần, người bảo Như Lai đi vào! Như Lai đã nhu thuận làm theo ý người và cũng dễ chứng tỏ là Như Lai đã nhận lỗi một cách quang minh chính đại! Bây giờ, Như Lai báo cho người biết, nếu Như Lai “không đi” thì trên thế gian này, không ai có thể khiến cho Như Lai đi được, dầu đây là sức mạnh, là uy lực thượng thừa của chư thiên vương, phạm thiên vương hay ma vương, này Ālavaka!

Ngắm nhìn đức Phật cùng phong cách, ngôn ngữ, cử chỉ của ngài, Ālavaka cảm thấy có cái gì đó bất khuất, uy dũng, ngùn ngụt tỏa ra một sức mạnh mà gió không thể lay, bão không thể chuyển; nó biết rõ, với sức của nó thì nó cũng chẳng thể làm được cái gì!

Cuối cùng, Ālavaka đưa ra những câu hỏi hóc búa về pháp, chỉ có bậc Chánh Đẳng Giác mới đáp được; và ngài đã chậm

rãi, tuần tự giải thích rõ ràng đâu ra đấy làm cho dạ-xoa vô cùng tâm phục, khẩu phục. Rồi đức Phật nói:

- Này Ālavaka! Người hãy thử đi hỏi lại các bậc đạo sư, chân sư trên đời, với những câu hỏi kia, xem thử có ai có kiến giải ở ngoài kiến giải của Như Lai không?

- Thưa, không thể có! Ālavaka cung kính đáp - Với những câu trả lời rành mạch, khúc chiết, sáng tỏ như mặt trời, mặt trăng của đức Thế Tôn thì tôi còn đi tìm kiếm đèn đuốc giữa thế gian mà làm gì cho mất công! Lại nữa, mọi bí quyết để mưu cầu an lạc và hạnh phúc đời này và đời kia cho mình, tôi đã thấy ở nơi đây rồi, chẳng cần ở đâu nữa!

Nói ngang đó, dạ-xoa Ālavaka quỳ năm vóc sát đất, đánh lễ đức Phật ba lần rồi thay đổi cách xưng hô, điềm đạm, chậm rãi nói tiếp:

- Hóa ra, đức Tôn Sư ghé “ngôi nhà tối tăm” của đệ tử là vì lợi lạc nhiều đời cho đệ tử! Mọi ngã mạn, kiêu căng, cứng đầu và ngu si, dốt nát của đệ tử cho đệ tử được thành tâm sám hối! Và từ rày, ngay khoảnh khắc này, cho đệ tử xin được trở về nương tựa nơi đức Phật, đức Pháp, đức Tăng; nguyện làm một cận sự nam đề tu tập cho đến trọn đời!

Lúc ấy, trời vừa rạng sáng, những tia nắng mặt trời đầu tiên đã tỏa ấm áp khắp khu rừng. Khi dạ-xoa đi sau lưng đức Phật vừa bước xuống đất thì một toán quân binh, triều thần và đức vua xứ Ālavī dẫn hoàng tử Ālavakakumāra đến “nạp mạng” cho dạ-xoa ăn thịt cũng vừa tới nơi. Thấy đức Phật, một sa-môn tướng hảo quang minh, đang cùng đứng dưới cội cây với dạ-xoa, mọi người ai cũng ngạc nhiên, không hiểu chuyện gì đã xảy ra.

Đích thân đức vua Ālavaka bỗng hoàng tử Ālavaka đến trao cho dạ-xoa với nước mắt ràn rụa, giọng nói như bị hụt hơi:

- Thưa ngài! Giữ đúng lời hứa, nhưng tôi không đành lòng nạp mạng con cháu của lương dân vô tội, hôm nay, tôi đành hy sinh con trai, như là bút lìa trái tim của tôi. Mong ngài thọ nhận và để cho nhân dân được yên ổn!

Dạ-xoa đưa mắt nhìn đức Phật, có ý hổ thẹn trong lòng, chậm rãi bế đứa bé lên hai tay rồi quỳ xuống bên chân ngài, nói rằng:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Người ta đã cống nạp hoàng tử Ālavakakumāra này cho đệ tử, đệ tử thọ nhận rồi; bây giờ đệ tử xin dâng lại cho đức Thế Tôn! Mong đức Thế Tôn tiếp nhận Ālavakakumāra vì hạnh phúc, vì an vui, vì tấn hóa lâu dài cho vị hoàng tử xinh đẹp này!

Đức Phật mỉm cười, bế hoàng tử lên hai tay, ngài xoa đầu đứa bé, đọc một câu kệ phúc chúc rồi nói rằng:

- Như Lai “không những chúc phúc cho đứa trẻ hữu phước này được an vui, trường thọ và được lợi lạc dài lâu mà cũng phúc chúc cho người được an vui, trường thọ, lợi lạc dài lâu như thế!”⁽¹⁾

Dạ-xoa Ālavaka quỳ lạy rồi thưa tiếp:

- Mong đức Thế Tôn cho Ālavakakumāra nương tựa nơi đức Phật, đức Pháp, đức Tăng⁽²⁾.

- Ủ, thế là Như Lai đã cho nó nương tựa rồi!

Xong, đức Phật nhẹ nhàng trao đứa bé cho đức vua Ālavaka rồi nói rằng:

- Đại vương hãy nuôi dạy hoàng tử cho tốt, sau này nó là nơi nương nhờ của dân chúng đó!

Đức vua xứ Ālavī mừng vui đến nhỏ lệ, không nói được một lời, đưa hai tay bồng hoàng tử ấu nhi mà cảm giác như mình đã chết đi, bây giờ được sống lại. Trăm sự đều nhờ vào ân đức của Phật đã cảm hóa được dạ-xoa Ālavaka.

Đức Phật quay sang nói với mọi người:

- Dạ-xoa Ālavaka hung dữ, ăn thịt người, bây giờ sẽ không còn hung dữ, ăn thịt người nữa, vì ông ta đã là đệ tử của Như Lai rồi, sẽ sống đời trong sạch và hiền thiện. Cả thành phố này không có lý do gì mà lo lắng, sợ hãi nữa. Với thần lực, với uy

⁽¹⁾ Cùng một sách ở trên.

⁽²⁾ *Ayaṃ kumāro saraṇanupeti buddhaṃ, dhammaṃ, sanghaṃ.*

lực siêu nhiên của mình, Ālavaka sẽ như là một bậc đại hộ pháp, bảo vệ sự an toàn cho tiểu quốc và muôn dân một cách rất đắc lực đấy!

Mọi người mừng vui hò hét, cười nói, âm vang “sādhū, sādhū, lành thay, lành thay” như chấn động cả góc trời.

Còn đứa bé duyên phúc lạ lùng ấy, lại được từ tay này trao qua tay khác nên mọi người thường gọi với cái tên là Hatthaka Ālavaka! Nhiều năm về sau, khi lớn lên, thái tử Hatthaka Ālavaka nghe pháp, đắc quả A-na-hàm và nổi tiếng trong hàng thánh đệ tử do nhờ bốn pháp tế độ: Bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự⁽¹⁾.

16.2- Tu Tập Niệm Chết

Hôm ấy, có một vị tỳ-khưu còn trẻ nhưng bị bệnh mất, thi hài được chur tăng hỏa táng. Một vài người thắc mắc sao còn quá trẻ mà đã hết tuổi thọ? Vài ngày sau, trong thành phố Ālavī có người chết bệnh, có người chết nước, có người chết lửa, có người chết do sét đánh, có người chết do đao kiếm... được bàn tán chỗ này, nơi kia.

Đức Phật biết là đúng thời nên ngài thuyết một thời pháp nói về sự chết của các loài hữu tình. Đầu tiên, ngài cảm hứng ngữ thốt lên một bài kệ thơ dài nói về sự chết:

“- Ôi! Từ khi nầy mầm li ti một sự sống
Nó rất nhỏ nằm trên đầu cây kim
Tượng hình trong thai bào
Là nó,
Là một chúng sanh
Cứ thể lớn lên

⁽¹⁾ Câu chuyện Ālavaka khá đầy đủ ở trên có thể được tìm thấy trong nhiều tư liệu, ví như trong chú giải *Samyuttara Nikāya* trang 217-40, trong *Samyuttara Nikāya*, i.244-69; nó cũng được nêu tóm tắt trong chú giải *Anguttara Nikāya*, i.211-12 nhưng có một vài chi tiết khác nhau.

Cứ thể nó tiến dần về phía trước
Không thể trở lại
Chẳng thể quay lui
Dù chỉ một lần
Trong khi nó chảy trôi như vậy
Nó tiến dần đến cỏi của sự chết
Giống như dòng sông
Nó nhỏ dần, hẹp dần rồi cạn dần
Dưới sức nóng thiêu đốt của hỏa đại
Nhu trái cây xanh kia
Chín dần rồi rơi rụng
Nhu chiếc bình đất nung kia
Búa thời gian đập vỡ
Nhu giọt sương ban mai kia
Chợt tan biến dưới ánh nắng mặt trời
Thế là ngày và đêm
Lặng lẽ trôi qua
Mạng sống của các loài hữu tình
Tàn dần, lụn dần cho đến khi diệt mất
Nó mong manh, nó hư ảo
Nhu bọt bẻ, như bóng nước
Tụ rồi tan ngay!
Hiện rồi mất ngay!
Ôi! Ai có biết chẳng
Khi vừa sinh ra
Cái sống đi kèm với cái chết
Trên sinh mệnh của các loài hữu tình
Có một tên bạo chúa
Có một tên sát nhân
Chực sẵn với cây kiếm sắc
Chờ sẵn với lưỡi gươm bén
Nó kẻ bên cổ
Không biết sẽ tước đoạt mạng sống lúc nào

Như đức vua kia
Oanh oanh liệt liệt
Chinh phục cả quả đất
Nhưng thời khắc cuối cùng của đời người
Mọi thành tựu và mọi vinh quang
Giá trị xem ra không bằng nửa hạt dẻ
Xác thân và hơi thở héo tàn
Thân chết lạnh lùng cười khẩy mang đi!
Ôi! Loài người có biết chăng
Sức khỏe bị chấm dứt bằng tật bệnh
Tuổi trẻ bị tấn công bằng già nua
Sự sống bị xâm lăng bởi sự chết
Đây là định luật tất yếu
Tất cả mạng sống có được từ ‘sinh’
Rồi bị ám ảnh bởi ‘già’
Rồi bị đoanh vây bởi ‘bệnh’
Và cuối cùng là cái ‘chết’ đánh gục
Ví như núi đá khổng lồ kia
Lớn rộng tận trời cao
Nó tiến đến từ mọi phía
Nghiền nát mọi sinh loài
Cũng tương tự như thế
Già chết nó nghiền nát
Sinh mệnh bà-la-môn
Sinh mệnh sát-đế-ly
Sinh mệnh các chiến sĩ
Sinh mệnh những thương gia
Sinh mệnh các thợ thuyền
Sinh mệnh những tiện dân
Sinh mệnh các nô lệ
Người hốt phân, kẻ nạo ống cống
Nó không chừa một ai
Và cho dầu tượng quân, mã quân hùng mạnh

Và cho dầu bộ quân lớp lớp hàng hàng
Và cho dầu đại ảo gia, chú thuật gia
Hay dầu đem tất cả tài sản thế gian gộp lại
Vẫn bất lực trước tử thần
Trong các loại phá sản
Sự chết là đệ nhất phá sản
Phá sản mọi sự nghiệp
Phá sản tất cả mọi thành công ở trên đời
Phá sản mọi ước mơ và mọi ảo tưởng
Phá sản cho đến tận cùng hư vô và hủy diệt
Ôi! Loài người có biết chăng
Cho dầu những người có danh vọng lớn
Có công đức lớn
Có sức mạnh lớn
Có thần thông lớn
Có trí tuệ lớn
Có đồ chúng lớn
Có tài sản lớn
Có uy lực lớn
Thế mà, cuối cùng
Cái chết nó tóm lấy hết
Nó quăng tất cả vào vực thẳm Rāhu
Cái chết nó găm vào hàm
Như nai tơ non trong hàm sư tử
Như chú ếch con nằm trong miệng rắn
Cho dầu như Moggallāna
Là đệ nhất thần thông
Cho dầu như Sāriputta
Có trí tuệ siêu quần
Cũng đầu hàng, bất lực
Trước sức mạnh tử thần!
Và cho dầu là Như Lai
Với sắc thân ba hai quý tướng

Và tám mươi vẻ đẹp
Được trang bị viên mãn giới uẩn
Viên mãn định uẩn
Viên mãn tuệ uẩn
Viên mãn giải thoát uẩn
Viên mãn giải thoát tri kiến uẩn
Viên mãn về danh xưng
Viên mãn về công đức
Viên mãn về hùng lực
Viên mãn về thần thông
Chẳng có ai sánh bằng
Nhưng chẳng thể nào né tránh
Trận mưa lũ thành linh
Của sự chết ập đến
Như một đống lửa lớn
Bị dập tắt bởi một trận đông
Chẳng một ai trốn được!
Chẳng một ai thoát được!”

Bài kệ thơ trầm hùng như sóng biển, như âm vọng đại ngàn rì rào lướt qua không gian điện thờ Aggālava làm cho hội chúng tỳ-khuru cùng nam nữ cư sĩ như nín thở. Sự chết như hiển hiện trước tầm mắt mọi người bằng lưỡi hái sắc bén, rực lửa của tử thần đang chực sẵn, đang hờm sẵn ở đâu đó trong bóng tối, bên ngưỡng cửa, bên chiếc giường của già bệnh và ngay cả ở nơi tuổi thanh xuân!

Đức Phật lại tiếp tục bài giảng:

- Như vậy, mỗi người phải biết suy niệm, quán tưởng về sự chết. Cái thân của chúng sanh nó già, nó bệnh, nó chết trong từng khoảnh khắc. Hãy xem đây, và hãy nhìn cho ra:

Hiện nó là nơi cộng cư, đồng trú
Của “tám mươi”⁽¹⁾ gia đình vi trùng

⁽¹⁾ *Phỏng theo Visuddhi Magga (chưa tìm ra ý nghĩa của con số này).*

Nó bám vào da, lấy da làm thức ăn
Nó trú vào thịt, rúc thịt làm món ngon
Nó dính vào gân, moi gân làm bữa nhậu
Nó bám vào xương, rửa xương làm thức nhắm
Nó bám vào tủy, mút tủy làm thực phẩm
Chúng ăn rồi chúng ỉa, chúng đái
Chúng bài tiết dơ uế
Rồi chúng làm tình
Rồi chúng sinh con đẻ cái
Rồi chúng bệnh, chúng già và chúng chết
Vậy, cái thân này là nhà bảo sanh
Là viện dưỡng thương
Đồng thời là chỗ tiểu tiện, đại tiện
Mà cũng là nghĩa địa của chúng
Và khi chúng bất hòa, nổi loạn
Khi chúng chiến tranh, dịch bệnh
Thì cái thân này là bãi chiến trường
Là cái hầm xác thối
Làm cho cơ thể này
Hoặc xanh xao, hư mòn, tiêu tụy
Hoặc suy kiệt và đi đến cái chết!

Còn nữa, cái thân này không những san sẻ, cộng cư với tám mươi gia đình vi trùng mà còn chia nhau gánh chịu trăm ngàn thứ bệnh nội thương từ tim, từ phổi, từ gan, từ não, từ tim, từ lá lách, từ mật, từ bao tử, từ máu, từ ruột non, ruột già nữa. Nó lại còn bị mọi sự chết chóc từ bên ngoài đem đến như bởi rắn, bởi hổ, bởi báo, bởi bò cạp, bởi nước, bởi lửa, bởi mũi tên, bởi đao và bởi kiếm nữa.

Bài pháp hiên ngang, hào hùng của đức Phật hôm ấy như tuyên chiến với hư vô, bước ra khỏi hư vô đã giúp cho không biết bao nhiêu người thấy rõ bộ mặt thật của sự chết; đồng thời biết đâu là sanh tử trong một niệm, biết đâu là vô sanh bất tử cũng trong một niệm; một số trong họ đi vào vại quả thánh đầu tiên.

Đặc biệt, trong hội chúng hôm ấy có một cô gái mười sáu tuổi con người thợ dệt⁽¹⁾ đã bưng bưng hỷ hoan trên khuôn mặt; và cô tự hứa với lòng là sẽ tu tập niệm chết này từ khoảnh khắc này, sẽ không dám biếng lười, dề dôi, giải đãi...

17- Mùa An Cư Thứ Mười Bảy (Năm 571 tr. TL)

17.1- Vị Tỳ Khuru Đản Độn

Tỳ-khuru Mahāpañthaka sau khi đắc quả A-la-hán, ngài được chư vị trưởng lão giao công việc hằng ngày là phân bố chư tăng đi bát nơi này nơi kia theo sự thỉnh mời của các gia chủ thay thế đại đức “Ngón tay thấp đèn” đã đến Kỳ Viên.

Hôm kia, thần y Jīvaka Komārabhacca mời thỉnh đức Phật và chư tăng đến Vườn Xoài để ông đặt bát cúng dường. Khi ông hỏi số lượng tăng để chuẩn bị vật thực thì đại đức Mahāpañthaka đáp:

- Ngoại trừ đức Tôn Sư không kể, chư tăng hiện có là bốn trăm chín mươi chín vị!

Khi thần y Jīvaka đi rồi, tỳ-khuru Mahāpañthaka quay sang em, là tỳ-khuru Cūlapañthaka, lạnh lùng nói rằng:

- Trong số bốn trăm chín mươi chín vị ấy, không có em! Em không xứng đáng thọ lãnh sự cúng dường của chư thí chủ.

Tỳ-khuru Cūlapañthaka cúi gầm mặt xuống.

Tỳ-khuru Mahāpañthaka tiếp tục cất giọng điềm đạm nhưng nghiêm khắc:

- Không có lý gì mà bốn tháng qua, em không thể học thuộc một bài kệ chỉ có bốn câu! Như thế là trong óc em không thể chứa giữ bất kỳ một ý niệm nào về kinh, về pháp! Em nên trả lại y bát mà hoàn tục đi thôi! Thọ dụng tứ sự của thí chủ cúng dâng, coi chừng nó là lửa cháy, nó sẽ thiêu cháy em! Hãy về sống đời cư sĩ, chăm lo nghề nghiệp, giữ giới và làm các thiện sự chắc hữu ích hơn!

⁽¹⁾ Xem câu chuyện trong chú giải *Dhammapada*. iii. 170f.

Nói thế xong, tỳ-khuru anh là Mahāpaṇṭhaka bỏ đi lo công việc, còn tỳ-khuru em là Cūḷapaṇṭhaka thì đứng chôn chân một chỗ, thở dài, buồn bã. Lát sau, ông tự nghĩ: “Ông anh mình nói đúng! Bốn tháng, bốn câu kệ không thuộc thì uổng phí cơm áo của thí chủ! Là cục sắt nóng ở địa ngục đó! Phải lắm!”

Nghĩ thế xong, tỳ-khuru Cūḷapaṇṭhaka bước tới, bước lui, nhìn y, nhìn bát rồi cất giọng lầm thảm chỉ một mình mình nghe: “Nhưng sao ta lại không đành lòng xả y bát nhỉ? Ôi! Ta yêu quý xiết bao đời sống giải thoát như cánh chim trời của một vị tỳ-khuru! Ôi! Ta quý kính xiết bao hình ảnh của vị sa-môn đầu trần, chân đất, ôm bát thông dong tự tại đi xin ăn từ cửa mọi nhà?” Rồi ông lại nghĩ tiếp: “Nhưng bây giờ thì ta phải đoạn tuyệt đời sống ấy thôi! Ông anh của ta đã đuổi ta thật sự rồi! Năm trăm vị tỳ-khuru mà nói bốn trăm chín mươi chín vị, vậy là trong đó không có ta, không có tỳ-khuru Cūḷapaṇṭhaka này nữa rồi!”

Về liêu thất, đêm ấy, tỳ-khuru Cūḷapaṇṭhaka chưa chịu bỏ cuộc, lấy bảng gỗ bài kệ ra, đọc đi đọc lại, ông quyết học nữa xem sao:

“- Sen hồng thơm ngát đường bao
Nắng mai bừng nở phún trào sắc hương
Thế Tôn quang sắc diệu thường
Bình minh tỏ rạng vàng dương huy hoàng!”⁽¹⁾

Tuy nhiên, dù cố gắng thế nào, tỳ-khuru Cūḷapaṇṭhaka cũng không thuộc được. Gần sáng, ngủ thiếp đi, trong mơ mơ màng màng, ông nghe được tiếng ai nói bên tai: “Ông còn có duyên đó. Đừng hoàn tục vội. Sớm mai, đi ra cửa Đông sẽ gặp chuyện lạ đấy!” Biết chắc là có vị thiên nào nhắc nhở nên sáng ngày,

⁽¹⁾ Từ bài kệ Pāḷi:

“*Padmaṃ yathā kokanudaṃ sugandhaṃ,
Pāto siyā phullamavītagandhaṃ,
Aṅgīrasaṃ passa virocamaṇaṃ,
Tapantaṃ diccamivanta likkheti*”.

Cūḷapaṇṭhaka đi ra cửa phía Đông thì gặp đức Phật, ngài nhìn ông, mỉm cười hỏi:

- Con định hoàn tục, có phải như thế không, này Cūḷapaṇṭhaka?
- Đúng vậy, bạch đức Thế Tôn!
- Tại sao?
- Vì bốn tháng con không học thuộc một bài kệ bốn câu nên anh trai của con, tỳ-khuru Mahāpaṇṭhaka, đuổi con về nhà, bạch Thế Tôn!

Đức Phật nói:

- Ông xuất gia là xuất gia trong giáo pháp của Như Lai, có phải thế không, Cūḷapaṇṭhaka?

- Dạ thưa vâng!

- Vậy thì hãy đi theo Như Lai!

Dẫn Cūḷapaṇṭhaka về hương phòng, đức Phật chỉ chỗ cho vị tỳ-khuru ngồi quay mặt về hướng Đông, ngài trao cho ông một chiếc khăn đẹp rồi nói rằng:

- Cầm cái khăn này, hai bàn tay vò lui vò tới, rồi sẽ niệm lui niệm tới, niệm mãi niệm hoài một câu duy nhất: “Tẩy sạch dơ uế! Tẩy sạch dơ uế!” Chỉ có vậy thôi, ông làm có được không?

- Thưa được, bạch đức Tôn Sư!

Thế rồi, trong lúc đức Phật và bốn trăm chín mươi chín vị tỳ-khuru bộ hành về hướng Nam kinh thành Rājagaha để đến trang viện tại vườn xoài của thần y Jīvaka gần chân núi Linh Thứu thì tỳ-khuru Cūḷapaṇṭhaka hai tay vò chiếc khăn và chăm chăm chú chú câu niệm “tẩy sạch dơ uế!” là công án mà đức Phật đã cho mình. Ông nhất tâm niệm. Không biết thời gian trải qua bao lâu, ông cảm nghe tâm hồn thư thái, phỉ và lạc phát sanh rùng rùng cả người. Có lẽ là ông đã vào được cận hành định. Mở mắt ra, trời đã xế trưa, chiếc khăn trắng tinh tinh, bây giờ đã nhàu nát, dơ uế! Với tâm trí sáng trong, tỳ-khuru Cūḷapaṇṭhaka, tự nghĩ: Ôi! Cái khăn trắng tinh khiết mới đó mà bây giờ, khi đụng vào cái thân bất tịnh của ta, nó đã dơ uế rồi! Đức Phật dạy mình niệm “tẩy sạch dơ uế” là tẩy sạch như thế nào đây? Lát sau,

ông “à” lên một tiếng khoan khoái là vì thấy rõ: “Cái khăn đã chuyển từ trạng thái này sang trạng thái kia, từ sạch đến dơ là vì bản chất nó thay đổi, nó biến hoại đổi khác theo với định luật vô thường của nó! Và cũng vì vô thường nên cái khăn không có thực tính, không có thực ngã, nó là vô ngã!Ồ, vô thường, vô ngã là thế này đây!”

Ngay lúc tỳ-khuru Cūḷapanthaka đang nhìn ngắm cái khăn với chánh kiến như vậy thì đức Phật biết rõ, thấy rõ, ngài tự nghĩ: “Ông tỳ-khuru kia đã bắt đầu vào tuệ quán minh sát rồi đây, phải trợ duyên cho ông ta!” Nghĩ thế xong, đức Phật sử dụng biến hóa thần thông, phân một thân cùng đi với đại chúng, một thân trở lại hương phòng, xuất hiện ngay trước mặt tỳ-khuru Cūḷapanthaka trong nháy mắt. Đức Phật bảo:

- Đúng là cái khăn đã bị cấu uế rồi đấy! Đúng là cái khăn kia nằm trong định luật vô thường, vô ngã đó! Nhưng hãy quay vào minh sát bên trong, này Cūḷapanthaka! Cấu uế và bất tịnh ở nơi cái khăn kia nào đã thấm gì, nó chỉ là cái ngoài da! Chính cái cấu uế và bất tịnh do bụi tham, bụi sân, bụi si lâu đời đọng lại ở trong tâm ông mới là cấu uế và bất tịnh thật sự. Rồi đức Phật đọc lên một bài kệ:

“- Chính tham (sân, si) mới thật uế dơ
Mới là bụi bặm mịt mờ đầy lên
Tỳ-khuru lìa bụi mới nên
Giáo pháp vô uế vững bền trú tâm!”⁽¹⁾

Bài kệ vừa chấm dứt, tỳ-khuru Cūḷapanthaka chứng ngay A-la-hán quả, với vô ngại giải, tuệ phân tích cùng với cả năm thắng trí.

Sau khi đặt để cho vị tỳ-khuru đàn độn kia vào địa vị Bất Tử,

⁽¹⁾ Từ bài kệ Pāḷi:

“Rāgo (doso, moho) na ca pana reṇu vuccati.

Rāgassetam adbhivacanam rajoti.\

Etam rajam vippajahitvā bhikkhavo.

Viharanti te vigatarajassa sāsane!”

tức khắc đức Phật hoàn thân lại như cũ rồi bước vào trang viên của thần y Jīvaka cùng với đại chúng tỳ-khưu mà chẳng ai hay biết gì cả, ngoài hai vị đại đệ tử và các bậc có thắng trí.

Sau khi đầu đầy đã yên vị trên những chỗ ngồi đã soạn sẵn, gia nhân cũng đã sắp đặt xong, thần y Jīvaka mang vật thực đến cúng dường đức Phật thì ngài chột đưa tay ngăn bình bát lại, nói rằng:

- Hình như ông gia chủ chưa mời thỉnh đầy đủ chư tỳ-khưu ở tịnh xá Trúc Lâm thì phải?

Thần y Jīvaka đưa mắt nhìn vị đại đức Mahāpāṇthaka:

- Đã đầy đủ chưa, bạch ngài?

Tỳ-khưu Mahāpāṇthaka đưa mắt một vòng, nhìn lướt tất cả các hàng, nhắm tính rồi đáp:

- Mười hàng, mỗi hàng năm chục, trống một chỗ. Vậy thì ngoại trừ đức Đạo Sư, ở đây đầy đủ bốn trăm chín mươi chín vị tỳ-khưu!

Đức Phật mỉm cười:

- Thế mà Như Lai thấy còn sót một vị ở tịnh xá Trúc Lâm đấy!

Thần y Jīvaka chột gọi một thanh niên, vốn là người đặc biệt có khả năng của phi nhân:

- Ông hãy chạy thật nhanh đến Trúc Lâm, hỏi thăm xem còn có vị tỳ-khưu nào không, rồi thỉnh mời đến đây tức khắc cho ta!

Người thanh niên vừa đáp “vâng ạ!” thì đã thoát vụt nhanh ra ngõ, mất dạng.

Trong lúc ấy thì tại chỗ gần hương phòng của đức Phật, tỳ-khưu Cūḷapāṇthaka biết chuyện xảy ra tại vườn xoài, nảy sinh một ý nghĩ vui, ông đã biến hóa thành một ngàn thân giống nhau, đầy khắp rừng trúc, thành nhiều nhóm khác nhau. Nhóm đang tọa thiền, nhóm đi kinh hành, nhóm đang may y, nhóm đang nhuộm y, nhóm đang quét dọn sân vườn, nhóm đang đọc tụng kinh kệ...

Đúng là trò “du hí” của tỳ-khưu Cūḷapāṇthaka:

“- Một thân hóa hiện ngàn thân

Bụi dơ đã sạch, phép thần cũng xong

Bây chừ tự tại, thông dong

Ở ngoài sinh tử mặc dòng thời gian!”⁽¹⁾

Thanh niên phi nhơn đến nơi, thấy tỳ-khưu đông quá, bèn nhanh chóng quay trở lại vườn xoài, thưa với Jīvaka rằng:

- Tỳ-khưu đầy cả vườn rừng, đông lắm, thưa chủ!

Chư trưởng lão có thắng trí thì mỉm cười, còn chư phàm tăng thì ngạc nhiên, lao xao bàn tán.

Đức Phật nở nụ tiểu sanh tâm, nói với thanh niên phi nhơn:

- Ông hãy nói rằng, Như Lai cho gọi tỳ-khưu Cūḷapanthaka!

“Thưa vâng!”, thanh niên vừa nói xong lại mất dạng một lượt nữa. Lát sau, y lại quay về:

- Bạch Thế Tôn! Đến nơi, khi con dùng hết sức hô to lên, ba lần rằng: “Đức Thế Tôn cho gọi tỳ-khưu Cūḷapanthaka!” Thì ngay khi ấy, dường như là cả ngàn cái miệng đồng đáp như tiếng sấm giữa trời: “Tôi là tỳ-khưu Cūḷapanthaka đây!” Và cũng vang vọng ba lần như thế. Con chịu, không biết thỉnh ai!

Đức Phật nói với chàng thanh niên:

- Tịnh thất của Như Lai, ông biết chứ!

- Thưa, biết! Có lần con đã đến đấy cùng với chủ của con!

- Ừ, lần này ông đến chỗ ấy, bên hiên thất của Như Lai, đứng đấy, ông hô gọi ba lần như trước rồi quan sát nhóm tỳ-khưu tại đó. Hễ thấy vị nào mở miệng trước thì ông đến nắm chặt tay vị ấy. Ông ta mới chính thật là tỳ-khưu Cūḷapanthaka. Nhớ làm như thế nhé?

Y lời dạy của đức Phật, người thanh niên thực hiện đúng như vậy thì phép lạ xảy ra, tức khắc chín trăm chín mươi chín vị khác biến mất!

⁽¹⁾ Từ bài kệ Pāḷi:

“Sahassakkhattumattānaṃ,

Niminitvāna pañthako,

Nisīdi ambavane ramme,

Yāva kālappvedanāti!”

Thế là thanh niên phi nhơn không chịu buông, cứ nắm chặt tay tỳ-khuru Cūḷapaṇṭhaka vì sợ ông ta “biến hóa lung tung” một lần nữa! Đến nơi, ai ai cũng chăm chăm chú chú nhìn tỳ-khuru Cūḷapaṇṭhaka qua việc lạ lùng vừa rồi.

Riêng ông anh tỳ-khuru Mahāpaṇṭhaka thốt lên nho nhỏ ở trong tâm: “Ồi! Đúng là oai lực vô thượng của đức Chánh Đẳng Giác, đã biến một ông tỳ-khuru đần độn trở thành một vị thánh toàn mãn tuệ trí và thắng trí chỉ trong mấy khoảnh khắc!”

Rồi khi đầy đủ tất cả tỳ-khuru đức Phật mới chịu thọ nhận vật thực cúng dường. Hôm ấy, sau khi tất cả đã ngọ trai xong, thần y Jīvaka thỉnh đức Phật thuyết pháp, nhưng ngài nói:

- Hôm nay, phần việc thuyết pháp cho gia chủ là bổn phận của tỳ-khuru Cūḷapaṇṭhaka vị ấy!

Vâng lời đức Phật, tỳ-khuru Cūḷapaṇṭhaka đăng đàn thuyết giảng thời pháp vi diệu. Không phải là tỳ-khuru Cūḷapaṇṭhaka thuyết. Có lẽ là của pháp thuyết. Có lẽ là tiếng rống của một tiểu sư vương nào đó tự ngàn cao sừng khói vẳng xuống...

Rồi, tỳ-khuru Cūḷapaṇṭhaka ngâm to lên bài kệ thơ ở trên mà ông ta đã chứng ngộ:

“- Chính tham (sân, si) mới thật uế dơ

Mới là bụi bặm mịt mờ dấy lên

Tỳ-khuru lìa bụi mới nên

Giáo pháp vô uế vững bền trú tâm!”

Câu kệ vừa chấm dứt, có một số tỳ-khuru uống được giọt nước đầu tiên trên dòng giải thoát.

Đức Phật chợt đứng lên, nói rằng:

- Thôi vậy là đủ rồi! Thì giờ đã phải lẽ!

Rồi ngài dẫn đại chúng trở về tịnh xá Trúc Lâm.

17.2- Ai Mua Mỹ Nhân?

Kỹ nữ Surimā là em ruột của thần y Jīvaka sau nhiều năm mới tìm kiếm được. Tài sắc của cô nổi tiếng không thua gì kỹ

nữ Ambapāli thuở trước. Tuy nhiên, sau duyên gặp anh là thần y Jivaka và nhất là đức Phật, nghe một thời pháp, cô đắc quả Tu-đà-hoàn, từ đây, cô hoàn lương, sống đời thuần thành của một cận sự nữ.

Mùa an cư mãn hạ đã lâu, sợ đức Phật và chư tăng không biết sẽ tản mác ra đi du hóa lúc nào, nên nàng đến Trúc Lâm thưa bạch với đại đức Mahāpānṭhaka xin mỗi ngày được đặt bát cúng dường tám vị tỳ-khuru tại tư gia.

Thế là, nàng trích mười sáu đồng tiền vàng mỗi ngày, sắm sanh vật thực với những món cứng mềm thượng vị rất chu đáo. Sau khi chư tỳ-khuru thọ thực tại chỗ xong, nàng còn tận tay, khi thì sửa chua, khi thì sửa tươi sốt đây bát cho các vị nữa, nhiều đến nỗi ba bốn người dùng phi thời có lẽ cũng không hết.

Hôm nọ, có một vị đại đức, sau khi độ thực xong ở nhà nàng, ông du hành đi đến một nơi xa, cách thành phố chừng ba bốn do-tuần rồi ngụ tại một tịnh xá trong làng. Trong lúc tâm sự, vị đại đức này tiết lộ là do có một nữ thí chủ trẻ đẹp, cúng dường vật thực mỹ vị chu đáo quá, do sợ hãi bị dính mắc nên trốn chạy đến đây!

- Nữ gia chủ ấy đẹp lắm sao?

- Dĩ nhiên rồi! Đệ nhất kinh thành đấy!

Thêm sau câu chuyện kể, vị đại đức vô tâm còn cho biết là không phải ai cũng tùy tiện đến tư gia cô ấy để khát thực được đâu. Tịnh xá Trúc Lâm được điều hành quy củ đâu ra đó. Tư gia cô gái kia mỗi ngày chỉ thỉnh tám vị, không dễ gì đến phiên mình đâu. Nhưng nếu ai biết cách, đi thật sớm, khi mặt trời vừa lên là có mặt ở phòng phát thẻ rồi. Tám vị tỳ-khuru đầu tiên sẽ được vị đại đức tri sự trao cho tám thẻ tre ưu tiên đến nhà cô ấy.

Có vị tỳ-khuru trẻ mới nghe qua chuyện cô nữ chủ, tuy chưa biết mặt mũi ra sao, trong tâm mình đã cảm nghe xao xuyến, trái tim mình đã đập rộn trong lồng ngực. Không nói với ai, ông lặng lẽ thu dọn chỗ ở, ôm y bát bộ hành ngay về Trúc Lâm tịnh xá trong đêm ấy. Sớm hôm sau, trời vừa rạng sáng thì vị tỳ-

khuru kia đã có mặt trong phòng phát thẻ. Thế là ông được đi bát tại tư gia kỹ nữ Surimā. Tuy nhiên, rủi ro cho vị tỳ-khuru trẻ muốn thấy dung nhan của cô Surimā, vì nữ chủ đã bị bệnh từ chiều hôm trước. Tuy nhiên, cô cũng dặn bảo gia nhân chăm lo chu đáo vật thực y như mọi ngày. Khi được báo chư tăng tám vị đã đến, Surimā bảo:

- Hãy thỉnh các ngài vào nhà an tọa, dâng nước uống, khăn thơm lau mặt. Sau đó, kiểm soát lần cuối cùng vật thực chuẩn bị sẵn, thỉnh bát, rót đầy bát rồi dâng cúng đến quý ngài. Nhớ nói rằng, chủ của con, đệ tử Surimā, hôm nay bị bệnh, không tận tay rót bát cúng dường được, xin quý ngài cho nữ chủ con được sám hối!

- Thừa chủ, vâng!

Lát sau, gia nhân vào thưa:

- Công việc đã xong, thưa chủ!

- Tốt lắm! Giỏi lắm! Nàng thều thào, trông có vẻ đã quá mệt - Hãy dìu ta ra bên ngoài để đánh lễ quý ngài, nằm như thế này là không được, là thất lễ!

Cô Surimā gắng gượng đi từng bước, đến phòng khách, nàng lão đảo quỳ xuống đánh lễ chư tăng. Vị tỳ-khuru cao hạ nhất, ái ngại nói với cô: Được rồi! Chúng tôi ghi nhận tám lòng rồi! Cô hãy vào nghỉ ngơi đi.

Vị tỳ-khuru trẻ “phải lòng” cô, âm thầm quan sát mỹ nữ một hồi rồi nhủ thầm trong tâm rằng: “Trời đất ơi! Cô ta bị bệnh mà còn đẹp như thế kia, hướng hồ khi vô bệnh? Huống hồ có thêm xiêm áo, son phấn, điểm trang? Chắc chắn cô ta đã cắt đứt hằng trăm, hằng ngàn trái tim của vương tôn, công tử kinh thành Rājagaha này rồi!” Vị tỳ-khuru càng nhìn thì lòng ông như càng bị lửa nóng nung đốt. Trong khi các vị kia ngồi độ thực tại chỗ, còn ông thì lật đật ôm bát đứng dậy, rồi như người vô hồn, đi thẳng về Trúc Lâm. Vội vàng kiếm một chỗ nghỉ, vị tỳ-khuru đặt nguyên bát vật thực còn nguyên trên kệ; rồi đến giường nằm vui, cứ tợ, cứ tưởng hình bóng của nàng Surimā trong tâm

tướng. Vậy là vị tỳ-khưu trẻ ôm cả mối tình si khó phân, khó giải suốt mấy hôm như thế, không ăn, không uống...

Hôm kia, cả Trúc Lâm tịnh xá đều hay tin, cô Surimā, cận sự thánh đệ tử đã đột ngột qua đời. Thần y Jīvaka đến ngay tức khắc nhưng không còn cứu kịp, tưởng là chỉ cảm sốt thông thường thôi. Ai ngờ! Ngay chính đức vua Bimbisāra cũng bàng hoàng, vì Surimā là em gái của thần y Jīvaka, là kỹ nữ nổi tiếng của kinh thành. Lễ hỏa táng của cô, nhà vua cũng muốn tham dự.

Một số đông chư tăng đã từng biết cô kỹ nữ, họ bàn tán xôn xao, cái gọi là “hồng nhan bạc mệnh”. Có một số vị cảm thương cô vừa trở về đời sống của một cận sự nữ thuần thành đã vội lìa đời quá sớm. Đa phần họ thương tiếc.

Có vị chứng kiến sự si tình của tỳ-khưu trẻ, ông đẩy cửa phòng đến báo cho bạn hay: Cô Surimā đã mất rồi!

Đang nằm mê man bỏ ăn cả ba ngày, nhưng mới nghe nhắc đến tên Surimā, ông đã vội nhồm dậy. Sau khi nghe bạn kể cô kỹ nữ đã từ trần, vị tỳ-khưu trẻ ngồi thừ rất lâu.

Đức Phật biết chuyện vị tỳ-khưu si tình nên cho tôn giả Moggallāna đến báo cho thần y Jīvaka hay, là đừng vội hỏa táng thi hài Surimā, ngài sẽ đến nghĩa địa cùng với chư tăng.

Khi đức Phật và chư tăng đến nơi thì thần y Jīvaka ra đón rồi dẫn ngài đến bên hỏa đài. Lát sau, đức vua Bimbisāra với nghi vệ thiên tử và tùy tùng cũng vừa xuống ngựa. Rồi còn rất nhiều quan khách, đa phần là những vương tôn, công tử có kỷ niệm với cô kỹ nữ nên họ đến đây như thăm lặng từ giã giai nhân mà họ đã từng thâm yêu, trộm nhớ một thời.

Cô nằm nhắm mắt an lành trên giàn hỏa phủ đầy hoa, nhưng vẫn toát ra sự gọi cảm nhức dục một cách mãnh liệt, không khác gì lúc còn sống, làm cho không biết bao trái tim xung quanh phải xôn xang. Trong đó có vị tỳ-khưu trẻ, ông đã núp trốn sau lưng vị tỳ-khưu khác, nhưng đôi mắt thì đắm đuối, mê man bị cuốn hút vào thân xác vô tri. Và dường như ai ai cũng đang lặng im chiêm ngưỡng cái đẹp của tạo hóa sắp bị thần lửa mang đi.

Chợt đức Phật bước đến sát bên giàn hỏa, tụng một bài kệ ngắn rồi nói lớn tiếng rằng:

- Như Lai đã tiễn biệt “con gái út” của Như Lai rồi đó! Ngài lại nói với thần y Jīvaka: Ông hãy cho che một mái rạp và hãy cho người giữ gìn để nguyên thi hài cô mỹ nữ như vậy trong vòng bảy ngày. Như Lai sẽ có đề tài giáo hóa chúng sanh.

Rồi đức Phật lại quay sang đức vua Bimbisāra; và cuộc đối thoại giữa họ, người thứ ba không nghe được:

- Bắt đầu ngày mai, phiên đại vương cho người rao khắp kinh thành: “Ai muốn mua đệ nhất mỹ nhân Surīma, nhà vua sẽ bán với giá một ngàn đồng tiền vàng!”

Đức vua chưa hiểu ý, cũng hỏi nhỏ:

- Ai họ sẽ mua, bạch đức Đạo Sư?

- Nếu ngày thứ nhất không ai mua thì cho rao hạ giá xuống là năm trăm đồng tiền vàng!

- Thừa, nếu cũng không ai mua?

- Thì hạ giá xuống còn một trăm, hai mươi đồng, một đồng, một cắc, một xu... cuối cùng là biếu tặng không! Đại vương hiểu ý chứ?

Đức vua mỉm cười, gật đầu:

- Đệ tử hiểu tôn ý rồi!

Xong, đức Phật và đại chúng tỳ-khưu trở lại Trúc Lâm tịnh xá. Mọi người lần lượt giải tán.

Hôm sau, quân lính đi khắp các ngã đường trong kinh thành, rao bán mỹ nữ Surimā với giá một ngàn đồng tiền vàng, vọng từ nơi này sang nơi khác. Và có lẽ không ai mua nên ngày thứ hai, những toán lính rao truyền hạ giá xuống nữa. Và tuần tự hạ giá xuống một đồng, một xu; đến ngày thứ bảy, tặng không, biếu không cô mỹ nữ nhưng chẳng có ai lên tiếng ừ hử!

Đến ngày thứ tám, đức Phật và hội chúng tỳ-khưu đến nghĩa địa thì đức vua, tùy tùng, hoàng gia và quan khách rất đông cũng đã có mặt. Và cũng chính ngay lúc ấy, chỉ có đức Phật và chư thánh lậu tận có thắng trí mới thấy rõ cô kỹ nữ Surimā đã

hóa sanh làm bà hoàng hậu của vua trời Suyāma ở cõi Yama; và cô đã cùng với năm trăm thiên nữ ngự trên năm trăm cỗ thiên xa đồng ngự xuống đánh lễ đức Phật và đại chúng tỳ-khưu.

Đức Phật chỉ tay vào thi hài, nói rằng:

- Quý vị hãy nhìn kìa! Lúc còn sống, kỹ nữ Surimā được xem là đệ nhất mỹ nhân của kinh thành Rājagaha! Biết bao nhiêu thanh niên vương giả, quý tộc, đại phú gia, tiểu phú gia tranh giành nhau được cận kề mỹ nữ một đêm, phải trả đúng một ngàn đồng tiền vàng. Nhiều hơn, cô ta không cần, thiếu chút ít, kẻ tình si sẽ bị gia nhân tống ra khỏi cửa cho dù là một ông vua con! Cô ta làm vậy không phải vì tham vàng, ham bạc mà chỉ để biểu tỏ đẳng cấp và quyền lực của cái đẹp mà thôi!

Này chư vị! Thuở sanh tiền, thức ăn vật uống tắm rửa xác thân của nàng phải nói là ăn tinh, uống tủy. Việc giữ gìn nhan sắc, các vòng eo, vòng thắt phải nói là đã học hết “bí quyết” chân truyền của cổ xưa! Châu báu, kim ngân trang điểm của nàng có giá trị có thể mua đứt một chức quan tổng trấn! Xiêm áo, lụa là, phấn son... phải nói là có sẵn ở những cửa hiệu trứ danh của kinh đô Bārāṇasī hoa lệ.

Như vậy đó! Giá trị thân xác mỹ miều gợi cảm và sắc đẹp “hoa ghen, liễu hờn”⁽¹⁾ của nàng đã được thế gian tôn vinh, quý trọng quả thật là đã hết ngôn ngữ diễn đạt. Nhưng bây giờ thì sao? Trong bảy ngày qua, quân lính của đức vua hiền thiện đã khổ công rao bán nhưng chẳng ai thèm mua! Một xu, một cắc cũng không ai mua. Cho đến đổi cho không, biếu không, tặng không cũng chẳng ai đoái hoài! Tại sao vậy? Tại vì cái thể xác mê hồn kia, cái sắc đẹp quyến rũ ong bướm kia, bây giờ chỉ còn là một đồng thịt thối cho giòi bọ tranh nhau, chỉ còn là một bọc máu mủ tanh tưởi cho ruồi lẩn hớp chợp! Rồi ngày qua tháng lại, nó chỉ còn như một trái bầu khô người ta quăng bỏ bên đường, chỉ còn là một đồng xương trắng, chẳng có ai thích

⁽¹⁾ *Mượn thơ Nguyễn Du: “Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”*

thú đứng ngấm nhìn cả:

“ Nhìn kia, thể xác mê hồn

Đồng phân, hàm bệnh lại còn đón đau

Bận tâm lo trước, tính sau

Có chi bền vững mà cầu trường sanh?”⁽¹⁾

Đức Phật nhấn mạnh sự bất tịnh của thân, nó chứa đầy ô trược và dơ dáy; thường bài tiết, rỉ chảy ra chín cửa như đại tiện, tiểu tiện, ghèn mắt, nước mũi, cứt mũi, đàm, nước bọt, nước miếng, ráy tai... Và ngay cả cái đầu của con người mà ai cũng quý trọng, nó cũng đáng nhòm gớm chẳng khác gì. Kẻ si mê không thấy rõ sự thật như vậy nên bị ngã ái, ngã kiến chi phối, sống bít bùng trong ái dục, ngã mạn và dối lừa.

“- Thành trì dựng cột, bó xương

Đắp thêm máu thịt, tô hường, quét son

Mang thêm tật bệnh, tử vong

Chứa đầy ngã mạn lại gom dối lừa!”⁽²⁾

Được biết rằng, sau buổi thuyết pháp ấy, rất đông chư tăng và quan khách uống được hương vị pháp bảo nhiệm mầu. Hoàng hậu của đức vua Suyāma (tiền thân cô kỹ nữ) đặc quẻ Bất Lai. Riêng vị tỳ-khưu si tình thì đã có cuộc chuyển hóa vĩ đại, ông đã đắc pháp nhãn, bước vào dòng giải thoát.

18- Mùa An Cư Thứ Mười Tám (Năm 570 tr. TL)

18.1- Cô Gái Con Người Thợ Dệt

Thấy ở tại tịnh xá Trúc Lâm vậy là vừa đủ, hôm kia đức Phật sử dụng thần thông đi một khoảng đường khá xa, ngài trở lại thành phố Ālavī, ngụ tại điện thờ Aggālava để gieo duyên thêm

⁽¹⁾ Pháp cú câu 147: “*Passa cittakalam arukāyaṃ samussitaṃ. Āturaṃ bahusaṅkappaṃ yassa natthi dhavaṃ tṭhiti*”.

⁽²⁾ Pháp cú câu 150: “*Atthīnaṃ nagaraṃ kataṃ, maṅsalohitalepanaṃ; yattha jāra ca maccu ca mano makkho ca ohito*”.

với cư dân ở đây. Và thật ra, đức Phật cố ý hóa độ cô gái con người thợ dệt. Hơn hai năm về trước, khi đức Phật giảng dạy “tùy niệm về sự chết” (Marana-anussati) thì cô ta rất tâm đắc và hoan hỷ. Và từ đây đến nay cô ta rất tinh cần, ngày đêm không buông lơi đề mục bao giờ.

Tin đức Phật đang ngụ tại điện thờ Aggālava, thành phố Ālavī không mấy chốc lan truyền đi khắp nơi. Việc đức Phật hóa độ dạ-xoa Ālavaka đem lại thanh bình cho quốc độ là một ân đức quá lớn nên từ đức vua, triều đình cho đến dân chúng ai ai cũng háo hức tìm đến đánh lễ, nghe pháp, cúng dường.

Khác với mọi lần, khi hai hàng cận sự đặt bát cho đức Phật, thợ thực xong, hôm nay, ngài chưa giảng pháp thoại như cố chờ đợi một người; và đại chúng tỳ-khưu cũng yên lặng như vậy...

Và quả đúng như thế, lúc ấy, cô gái thợ dệt trong lòng nôn nao, muốn làm mọi việc đâu đó cho xong để còn thì giờ đến điện thờ Aggālava, chiêm ngưỡng dung nhan của đức Phật và nghe pháp. Nhưng đột ngột sáng nay, khi đến xưởng dệt, cha cô quay lại căn dặn: “Tại khung cửi, cha còn một cái áo của khách hàng chưa dệt xong vì thiếu chỉ. Vậy ở nhà, con phải nhanh tay quần chỉ vào suốt rồi mang gấp đến xưởng dệt cho cha!”

Khi quần chỉ vào suốt xong thì trời đã khá trưa, cô gái đặt suốt chỉ trong rá, kẹp vào nách rồi hối hả ra đi. Đường đến xưởng dệt phải đi qua điện thờ Aggālava, không cưỡng được ước muốn vào thăm Phật nên cô gái lẹ làng bước nhanh, qua vườn, len đám đông, đưa mắt nhìn qua cửa sổ. Thấy được đức Phật với tướng hảo quang minh, xán lạn, cô gái rất hoan hỷ, nói nhỏ trong lòng: “Đây là cha ta, đã dạy ta tùy niệm về sự chết. Từ đó đến nay, tâm ta như mặt nước hồ thu vắng lặng, đồng thời, ta không còn ganh ghét, hung dữ với một ai. Ta không còn sợ hãi bất cứ một cái gì, kể cả sự chết”.

Trong lúc ấy thì đức Phật đã thấy cô gái nên ngài nói:

- Cái cô bé bên ngoài cửa sổ kia, nách kẹp cái rá suốt chỉ, hãy vào đây, Như Lai hỏi chuyện.

Mọi người ngạc nhiên quay lại nhìn. Cô bé vâng lời, bước vào, để cái rá bên chân rồi đánh lễ đức Phật rất phải phép.

Đức Phật mỉm cười hỏi:

- Này con! Con từ đâu đến?
- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử “không biết”.
- Vậy thì “đi”, rồi con sẽ đi đâu?
- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử “cũng không biết”.
- Con “không biết” thật sao?
- Bạch đức Thế Tôn! Không, đệ tử “biết”.
- Phải con “biết” thật không?
- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử “không biết”.

Như vậy, đức Phật hỏi cô gái bốn câu. Dân chúng nghe cô trả lời với đức Phật như vậy thì lấy làm bất mãn. Họ nói với nhau: “Coi kìa! Với bậc Toàn Giác mà con gái người thợ dệt dám nói như kiểu đùa giỡn vậy! Thật là vô lễ, vô phép, vô tắc...”

Đức Phật mỉm cười cho mọi người an lòng, đưa tay ra dấu hiệu bảo đám đông giữ im lặng; và rồi ngài hỏi tiếp cô gái:

- Này con! Khi Như Lai hỏi con “từ đâu đến”, tại sao con trả lời là “không biết”?

- Bạch Thế Tôn! Chính Tôn Sư biết rõ là đệ tử đi từ nhà người thợ dệt mà đến đây. Vậy khi Tôn Sư hỏi “từ đâu con đến đây” thì đệ tử nghĩ, ý Tôn Sư muốn hỏi: “Từ cảnh giới nào con tái sanh đến đây?” Và như vậy thì quả thật con trả lời “không biết” là đúng với sự thật!

Đức Phật tán thán:

- Lành thay! Con đã giải đáp đúng câu hỏi của Như Lai.

Rồi đức Phật hỏi tiếp:

- Khi Như Lai hỏi “từ đây con sẽ đi đâu”, tại sao con trả lời là “không biết”?

- Bạch Thế Tôn! Chính Tôn Sư biết rõ là đệ tử sẽ đem suốt chỉ đựng trong rá đến xưởng dệt cho cha của đệ tử, thế nhưng Tôn Sư còn hỏi đệ tử sẽ đi đâu, thì đệ tử biết chắc ý Tôn Sư chỉ muốn hỏi: “Khi ra đi từ kiếp này, con sẽ tái sanh đi đâu?” Và

như vậy thì đệ tử trả lời “không biết” là đúng với sự thật!

Đức Phật nói:

- Con đã giải đáp đúng câu hỏi của Như Lai.

Đức Thế Tôn khen cô gái lần thứ nhì, rồi ngài hỏi tiếp nữa:

- Khi Như Lai hỏi “con không biết thật sao”? Thì tại sao con lại trả lời “dạ con biết!”

- Bạch đức Thế Tôn! Điều này đệ tử “biết”. Đệ tử biết chắc là “đệ tử phải chết”. Vì lẽ ấy đệ tử trả lời như vậy.

Đức Phật nói:

- Con lại một lần nữa đã giải đáp đúng câu hỏi của Như Lai.

Như vậy đức Thế Tôn ngợi khen cô gái lần thứ ba.

Rồi ngài lại hỏi tiếp:

- Khi Như Lai hỏi con “biết”, phải vậy không? Tại sao con nói con “không biết”.

- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử chỉ biết một điều là thế nào đệ tử cũng chết, nhưng không biết cái chết sẽ đến lúc nào. Chết ban ngày hay ban đêm? Chết vào buổi sáng hay vào buổi chiều? Điều ấy đệ tử không biết, vì lẽ ấy đệ tử trả lời “không biết” là đúng với sự thật.

Đức Phật nói:

- Con đã giải đáp đúng những câu hỏi của Như Lai!

Rồi đức Phật nói tiếp:

-Trên thế gian này, người ngu si, người không có trí tuệ, dù có mắt cũng như bị mù; còn người sáng suốt, người có trí tuệ, dẫu bị mù mắt nhưng cũng thấy rõ được mọi sự, mọi chuyện; họ thoát khỏi lưới bủa của thợ săn để đến nơi an toàn:

“- Thế gian loáng quáng mù manh

Hiêm thay, ít kẻ mắt lành sáng trong

Lưới trùm, chim khó thoát lồng

Bay lên nhàn cảnh quả không mấy người!”⁽¹⁾

⁽¹⁾ *Pháp cú 174: “Haṃsādiccapathe yanti, ākāse yanti iddhiyā; nīyanti dhīrā lokamhā jetvā māraṃ savāhinim”.*

Câu kệ ngôn chấm dứt, cô gái con người thợ dệt chứng đắc đạo quả Nhập Lưu.

Còn mọi người xung quanh thì thở phào, nhẹ nhõm; họ không dám trách mắng cô bé thợ dệt kia nữa, mà lại tỏ lòng kính trọng, vì rõ ràng là chiều sâu của giáo pháp, cô ta thông hiểu còn hơn mọi người.

Sau đấy, cô gái đành lễ đức Phật với tâm an lạc không kể xiết rồi bung cái rá đựng suốt chỉ đến xuống dệt cho cha.

Lúc ấy cha cô đang ngồi trên khung dệt mà ngủ. Cô không để ý rằng cha cô đang ngủ nên vội tay đưa rỏ cho ông. Không may, cái rá đựng vào đầu khung cử và rơi xuống, gây một tiếng động lớn. Cha cô giật mình thức dậy, tình cờ chụp cây cần ở đầu khung kéo mạnh xuống. Cái đầu khung quay vòng trúng ngay vào ngực cô gái. Tức thì cô chết, và tái sinh vào cảnh trời Đâu Suất...

Tại điện thờ Aggālava, sau buổi pháp thoại, đức Phật vẫn còn ngồi yên lặng chờ chưa chịu rời chân. Đại chúng không hiểu. Hai hàng cận sự không hiểu. Nhưng khi cô gái bị tai nạn, chấm dứt hơi thở thì đức Phật mới mở mắt ra, nói rằng:

- Cô gái thợ dệt sau mấy câu hỏi, cô ta đã đắc pháp nhãn, là “con gái nhỏ” của Như Lai đó! Vừa rồi, cô ta bị tai nạn đột ngột, cái đầu khung cử rơi xuống, đập mạnh vào ngực, cô ta đã chết và tức khắc hóa sanh vào cung trời Đâu Suất.

Đưa mắt một vòng nhìn đại chúng, đức Phật nói tiếp:

- Từ thị trấn Cālikā, Như Lai đến đây ngoài nhân duyên với mọi người, còn việc khác rất quan trọng là cứu độ cô gái con người thợ dệt. Vì Như Lai biết trước là cô ta sẽ bị chết như vậy, nếu không đưa cô ta an trú vào thánh pháp thì nghiệp bất đắc kỳ tử kia có thể đưa cô ta xuống những cảnh giới đau khổ. Còn nữa, cha cô con gái sẽ rất đau khổ, có thể đi đến điên loạn. Nhưng không sao, Như Lai sẽ hóa độ cho ông ta.

Và quả đúng như vậy. Cha cô con gái, sau đó được đức Phật giảng giải về Tứ Diệu Đế, ông thấy rõ sự thật nên xin xuất gia tỳ-khưu, về sau ông ta tu tập tốt nên đắc quả A-la-hán.

18.2- Ruộng Phước

Trở lại ngọn đồi đá trắng Cālikapabbata, thị trấn Cālika xinh đẹp chưa được bao lâu, đức Phật lại ôm bát ra đi, về phương Nam. Sau tháng ngày dầm sương dãi nắng, đức Phật lên ngụ tại núi Linh Thứu, phía nam kinh đô Rājagaha một thời gian mà không cho ai hay biết. Khi thì đức Phật tìm một động vắng, tĩnh chỉ cả tuần lễ, lúc thì ngai dạo chơi đây đó, chỉ một mình.

Hôm sau, hôm sau nữa thì chư vị trưởng lão từ nhiều phương xa xô hoặc tại Veluvanārāma tịnh xá, vân hành lên núi đánh lễ và vấn an sức khỏe đức Phật. Đây chỉ là duyên cớ, vì đức Phật thường rầy la, khiển trách những cuộc thăm qua viếng lại, vừa mất thì giờ tu tập vừa phù phiếm, vô ích. Chư vị trưởng lão cũng biết vậy. Họ đến đây chỉ để cùng với đức Phật, dự định an cư mùa mưa năm nay tại Veluvanārāma tịnh xá do sự thỉnh cầu của đức vua Bimbisāra cùng hai học chúng tăng ni ở Vương Xá thành (Rājagaha).

Đức Phật dẫn chư vị trưởng lão đi dạo một vòng, sau đó, đứng trên ngọn đồi nhìn xuống những thung lũng với những cánh đồng lúa trải dài ngút mắt đến tận chân trời, ngài đưa tay chỉ rồi nói:

- Những mảnh ruộng với từng ô, từng ô trông đẹp mắt làm sao! Trong chư vị có ai liên tưởng gì về đám ruộng ấy với giáo pháp của Như Lai không nào?

Tôn giả Ānanda nhanh trí, trả lời liền:

- Là mảnh ruộng phước, bạch đức Tôn Sư!
- Ai là ruộng phước ấy, này Ānanda?
- Thưa, chính là Tăng Bảo, chính là chư tỳ-khưu trong giáo hội của đức Tôn Sư.

- Họ là người như thế nào nào? Họ có đúng là những mảnh ruộng phước để chư thiên và loài người gieo trồng lên đây những hạt giống lành chăng?

- Dạ thưa, đúng vậy!

- Chư tỳ-khưu trong giáo hội của Như Lai ấy, họ có những ân đức gì, những đức tánh gì mà trở thành ruộng phước, này Ānanda?

Tôn giả Ānanda suy nghĩ giây lâu rồi đáp:

- Thưa, nhiều lắm, nhưng đệ tử có thể tóm tắt:

Thứ nhất, họ thích sống nơi rừng, nghĩa địa, ngôi nhà trống, dưới cội cây; nơi những vùng, những miền xa chốn huyên náo thị thành, chọn nơi vắng vẻ, yên lặng: Cảnh thanh tịnh thì sẽ trợ duyên cho tâm thanh tịnh, bạch đức Thế Tôn.

Thứ hai, nhờ điều thứ nhất ấy, họ thích sống ẩn dật, vô danh, thích sống tĩnh cư, độc cư như tê giác giữa rừng sâu.

Thứ ba, ai cũng đang cố gắng thực hành pháp, đang cố gắng trong những đề mục chỉ tịnh hay quán minh mà họ đã học được từ đức Thế Tôn hay với chư vị đại trưởng lão.

Thứ tư, nhờ khắng khít với điều thứ ba ấy nên họ sống rất hân hoan, rất thỏa thích trong giáo pháp.

Thứ năm, họ âm thầm, lặng lẽ thực hành những pháp cao thượng để ly xuất trần cấu, những bợn nhơ phiền não.

Thứ sáu, nhờ pháp thanh cao, và nhờ an trú được những pháp thanh cao nên họ hoan hỷ với đời sống thanh cao ấy.

Thứ bảy, họ có đời sống biết giữ gìn thân khẩu ý, biết thu thúc mắt tai mũi lưỡi thân ý.

Thứ tám, họ thọ trì nghiêm túc những học giới.

Thứ chín, nhờ kết quả có từ điều bảy và điều tám nên họ sống rất chân thật: Thân chân thật, khẩu chân thật, ý chân thật.

Thứ mười, họ biết chịu đựng, nhẫn nại trong mọi hoàn cảnh, mọi tình huống, mọi thời tiết; chẳng bao giờ than khổ, than đói, than nóng, than lạnh, than ăn không được, than ngủ không được, than đi bát khó khăn, than vật thực không đủ no lòng, than đau nhức, than bệnh tật, than trở ngại thế này, than chướng ngại thế kia, than cái này trái ý, cái kia nghịch lòng...

Thứ mười một là một chút việc ác xấu nhỏ họ cũng không

dám làm, giữa chỗ đông người hay chỗ không có người - vì họ có tâm biết hổ thẹn với chính mình, với lương tâm mình.

Thứ mười hai, là họ ghê sợ, sợ hãi những việc làm xấu ác, sợ dư luận lên án, xã hội chê cười.

Cũng nhờ mười hai điều trên mà họ luôn luôn cố gắng tu tập, không dám buông lung, phóng dật; biết học hỏi giáo pháp, trau dồi thêm giáo pháp; hoan hỷ trong học giới của mình, tu tập bốn vô lượng tâm; khi có cơ hội, đủ nhân duyên thì thuyết giảng Phật ngôn đến người có tai để nghe, đến người có trí để tìm hiểu. Họ lại còn có đời sống dị giản, biết vừa lòng, biết đủ, không tham luyến cất chứa vật dụng, tài sản, của cải. Họ thông dong như cánh chim trời, đi đâu cũng chỉ có chiếc mỏ là bình bát, đôi cánh là ba y; tự tại và giải thoát vô cùng, bạch đức Tôn Sư!

- Tăng Bảo thì luôn luôn thanh tịnh! Hay lắm! Cả một biển lớn thanh tịnh! Tôn giả Ānanda tán thán! Tuyệt vời thay! Cao thượng thay là ruộng phước cho chư thiên và loài người!

Đưa mắt nhìn cánh đồng một lần nữa, đức Phật liền khẩu lệnh như ban chỉ dụ:

- Vậy thì từ rày về sau, những tâm y cà-sa của tăng ni trong giáo hội thanh tịnh của Như Lai, chư vị trưởng lão hãy hướng dẫn cho họ cắt may đúng y như những ô ruộng ở dưới kia; không cần khéo lắm, đẹp lắm nhưng phải ngay ngắn, đều đặn.

Và chỉ dụ ấy sau đó trở thành luật. Tôn giả Upāli ghi nhớ nằm lòng duyên khởi của luật ấy.

Trời đã chiều rồi, đức Phật và chư trưởng lão xuống núi. Họ hướng đến vườn xoài của thánh y Jīvaka.

19- Mùa An Cư Thứ Mười Chín (Năm 569 tr. TL)

19.1- Móc Cho Con Mắt Đẹp

Tỳ-khuru-ni Subhā vốn là con gái của một bà-la-môn danh giá nổi tiếng ở kinh thành Rājagaha. Nàng sinh ra trong nhung

lụa, được sự chăm sóc, nuôi chiều hết mực; mọi tiện nghi vật chất đều sang trọng, xa hoa và tế nhị. Càng lớn lên, cô tiểu thư kia càng xinh đẹp, xinh đẹp tính nết, xinh đẹp mặt mũi, nước da, tóc, cả thân vóc và tay chân. Ngoài ra, từ khi cô mở mắt chào đời thì trong gia đình như thịnh vượng, may mắn, vui vẻ, có nhiều điềm lành tốt hơn - nên ai cũng gọi là “subha”⁽¹⁾, từ đó, Subhā trở thành tên của cô.

Mấy năm về trước, trên đường du hóa, đức Tôn Sư ghé Veluvanārāma tịnh xá; và nàng là người thường hay đi nghe pháp nên có đức tin và trở thành một cận sự nữ. Càng nghe pháp chừng nào, nàng càng thấm thía sự mong manh của kiếp người, thấy sự nguy hiểm trong các dục và chỉ mong sự an tịnh trong đời sống viễn ly. Do vậy, nàng đã xuất gia với trưởng lão ni Gotamī, được hướng dẫn thiền quán, không lâu sau nàng đắc quả Bất Lai. Được sự cho phép của ni đoàn, qua sự chuẩn thuận của tỳ-khuru-ni Khemā nên tỳ-khuru-ni Subhā xin được sống và tu tập ở một ngôi làng sơn cước, trong những hang động phía Nam núi Linh Thứu, tinh cần thiền quán để giải quyết bài toán sinh tử cuối cùng.

Tuy nhiên, dầu nỗ lực bao nhiêu, tinh tấn cách mấy, ước nguyện chơn chánh kia vẫn không đạt được. Có lẽ do thiếu năng lực ba-la-mật? Có lẽ có nghiệp xấu nào trong quá khứ mà nàng chưa trả xong? Có lẽ phải chờ đợi một nhân, một duyên nào nữa thì cái quả kia mới chín muồi? Đây là những câu hỏi thường luẩn quẩn hiện ra trong tâm trí của vị ni thánh hạnh...

Trong trạng thái tâm ấy, khi hay tin đức Phật đã trở về an cư mùa mưa năm nay tại Veluvanārāma, cô rất hoan hỷ. Sáng sớm tinh sương ngày kia, từ một hang động hẻo lánh phía Nam dãy núi Linh Thứu, vượt thêm mấy ngọn đồi nữa thì trời đã khá trưa, tỳ-khuru-ni Subhā bèn đi khát thực mấy xóm nhà ven

⁽¹⁾ Subha có nghĩa là đẹp đẽ, chói sáng, thịnh vượng, may mắn, vui vẻ...
Ghi theo “Subhā ở rừng xoài Jīvaka” (Therī, 150).

đường. Khi thấy vật thực vừa đủ dùng, cô bèn nhắm hướng vườn xoài của thánh y Jīvaka, những mong tìm chỗ yên tĩnh để độ thực và nghỉ trưa. Khi bước qua một khúc quanh thì cổng vườn xoài đã ở ngay trước tầm mắt. Cô nghĩ, ôi, khu rừng xoài của thánh y Jīvaka nổi tiếng là có cây xanh, bóng mát. Có suối hát, lá reo. Có bình bông hương và bông bình nắng ấm. Ôi! Một trú xứ thật tuyệt vời để thọ hưởng lạc về thiên, lạc về quả. Bất chợt như ma quỷ hiện hình, một bóng người đầu đỏ nhảy ra. Đây là một thanh niên, con trai người thợ bạc, tướng mạo bảnh chọe, da trơn, mặt láng, ăn mặc diêm dúa, đang du gót lang thang. Y vốn là kẻ nổi tiếng điếm đảng, du côn, du đảng. Thấy nàng, một cô ni trẻ trung xinh đẹp, hấn bèn ngáng đường chặn lại.

Subhā không hề sợ hãi, thụt lùi một bước, cất tiếng hỏi:

- Này này! Người làm cái gì vậy? Người không thấy ta là một nữ sa-môn sao?

- Thấy rõ, thấy rất rõ, thưa cô ni! Cô đẹp quá, hãy cho ta ngắm nhìn một lát cho mãn nhãn nào!

- Hồn hào! Cô cố ý nói nặng lời, như đập thẳng vào thái độ vô lễ của thanh niên - Cái bản mặt trơn tru, mày râu trau chuốt, bôi phấn thơm và da phết bóng thế kia, chứng tỏ người là một kẻ hư hỏng, quen thói trăng hoa lêu lổng! Hãy xéo đi! Ta tởm lợm rồi đó!

Chàng thanh niên không giận, dù bị mắng; y vẫn dăm dăm ngắm nhìn nàng, miệng cười tươi như hoa nở, hai tay dang ra làm cho vị tỳ-khưu-ni không có đường tránh.

Biết là gặp phải một tay trăng tráo, lì lợm, cô bèn thở ra, đưa đôi mắt biếc xanh, dịu hiền như mắt nai, rồi nói:

- Vậy thì này hỡi chàng thanh niên! Ta có gì sái quấy đã nào! Ta có gì làm lỗi đã nào! Ta có gì không phải đã nào! Ta đã xúc phạm đến người ở chỗ nào! Mà người lại chặn đường ta, một nữ ni phạm hạnh! Thật chẳng thích hợp chút nào! Thật chẳng phải lễ chút nào! Thật chẳng ra thể thống, phép tắc, lễ nghi gì nữa, khi mà một người đàn ông, lại đụng đến một người nữ xuất gia,

đã lựa chọn con đường rời xa các dục. Đây là con đường trong sạch. Đây là con đường thiêng liêng. Đây là con đường không chút dơ uế, bợn nhơ⁽¹⁾. Sao người lại dám cản đường ta, kẻ đã viển ly sắc dục. Tâm ta thật thanh tịnh. Tâm người không thanh tịnh. Người đầy tham, đầy uế. Ta không tham, không uế! Hãy tỏ ra hiểu biết chút nào, này hỡi chàng trai, để ta còn đi công việc của mình!

Chàng trai con người thợ kim hoàn nghe vậy, thay vì hổ thẹn, y lại say sưa cất lời tán tỉnh, giọng lời như thơ, như tiếng chim hót trong rừng cây xanh, rì rào hoa và hương. Hấn ca ngợi, tán tụng sắc đẹp nàng. Câu chữ như xoa dầu. Miệng lưỡi như bôi mỡ.

Tỳ-khưu-ni Subhā đáp rằng: Nơi cái thân thể này mà người xem là tuyệt mỹ? Ta chỉ thấy lông và tóc. Ta chỉ thấy đờm dãi và phẩn. Mà một mai kia, la liệt nơi bãi tha ma. Thối tha và ghê tởm. Cái xác chết tan rữa. Ruồi nhặng và sâu kiến. Người thấy đẹp chỗ nào? Nơi cái thân thể hôi hám này?

Khi được hỏi vậy. Chàng trai con người thợ bạc chú mục và đắm đuối nhìn nàng. Quả thật dù nàng không trang điểm, mái tóc thanh xuân đã cắt bỏ đi rồi, nhưng mà sao nàng lại tuyệt đẹp đến thế. Chỉ cái liếc mắt đầu tiên nhìn nàng, chàng trai đã phải lòng rồi. Và yêu một cách thiết tha. Một cách say đắm. Bây giờ, rõ ràng là chàng trai bị hớp hồn bởi đôi mắt, bởi ánh mắt. Nên hấn đáp: Ôi! Chính đôi mắt nàng. Trông tựa như mắt hổ. Trông tựa như mắt nai. Trông tựa như mắt gà mái. Chỉ nhìn thấy đôi mắt ấy thôi. Dục lạc ta tăng trưởng. Ham muốn lại dâng trào! Ôi! Cặp lông mi đen dài. Không gì ta yêu hơn. Không gì ta si hơn. Ánh mắt tuyệt trần ấy.

Chàng thanh niên nói miên man, nói mê man ca tụng ánh

⁽¹⁾ Những ghi chú và những phóng tác này là dựa theo Chú giải Trường lão Ni kệ của William Pruitt, bản Việt ngữ của tỳ-khưu Siêu Minh - NXB tổng hợp Tp. HCM, phát hành năm 2008.

mắt, con mắt, lông mi. Và có lẽ cậu ta cũng điên đảo, điên loạn, chết ngộp trong đôi mắt của vị nữ ni.

Nên tỳ-khưu-ni Subhā đưa ra những lời nhắc nhở, ngôn lời dịu dàng những mong khêu lên một ngọn đèn trong tâm trí tối ám của chàng thanh niên: Cặp mắt ta ư? Nó đẹp nó xinh ư? Đã làm người mê mẩn. Vậy là, nó sinh ra tội lỗi. Giờ ta sẽ cho người. Con mắt ‘tuyệt vời’ ấy!

Nói thế xong, vị ni phạm hạnh, với tâm không chấp trước, với tâm rất thản nhiên, bóc một con mắt đẹp, trao cho chàng thanh niên. Và nói: “Hãy cầm lấy. Đây hồi chàng trai! Con mắt ô uế này. Rồi đi đâu cho khuất mắt!”

Chàng trai du đãng thấy vậy, toát mồ hôi, kinh hoàng. Thân tâm đều buồn rầu. Khi ấy, ái duyên liền tiêu vong, dục tham trốn đi đâu mất. Hắn khẩn cầu xin lỗi, có vẻ vô cùng hối lỗi: Mong rằng phạm hạnh ni. Được an ổn trở lại. Ta sẽ không còn dám. Xúc phạm thế này nữa. Tội lỗi ta đã làm. Chẳng khác ôm lửa hừng. Như thể nắm rắn độc. Ta sẽ bị quả báo. Mong người hãy tha thứ!

Thoát khỏi bị xúc phạm, như không có gì xảy ra, tỳ-khưu-ni Subhā đi vào vườn xoài, dùng định lực trấn giữ con đau, lấy lá mát đắp vào, cột lại vết thương cho đỡ chảy máu. Sau khi độ thực, vị thánh ni đến Veluvanārāma tịnh xá đánh lễ đức Đạo Sư.

- Nay, Subhā! Đức Phật nói - Đây con gái! Hãy ngược một con mắt của con để nhìn Như Lai xem thử thế nào?

Vị tỳ-khưu-ni đang quỳ phía trước, ngừng đầu lên bằng một con mắt của mình, ngấm nhìn đức Thế Tôn - thấy tướng hảo quang minh của ngài, chợt nhiên, con mắt hư của cô ta rùng rùng chuyển động, tế bào, làn da, những đầu dây thần kinh ở đấy như có sự biến đổi kỳ lạ; rồi hốt nhiên, con mắt hư của cô chợt rực sáng...

Bậc Đạo Sư biết được tâm trạng, căn duyên và trình độ của nàng nên ngài giáo giới:

- Đây con gái! Do tâm xuất ly tối thượng của con nên con mắt hư của con nó rực sáng! Do năng lực bố thí ba-la-mật nhiều

đòi, dễ dàng móc đi con mắt đẹp để cho đến chàng thanh niên hư hỏng nên mắt con nó rực sáng. Do con đang ở tầng thánh quả thứ ba với trạng thái tâm xem thân xác vật chất và cõi dục giới như cục bướu, như ghê lở, như bệnh tật, như xác thối - nên mắt con tự động nó rực sáng. Như Lai đã trợ duyên, trả lại đôi mắt cho con rồi đó.

Trong lúc tỳ-khuru-ni hân hoan quỳ lạy đức Phật thì ngài quay sang đại chúng:

- Nay chư tỳ-khuru! Trong đời sống của một sa-môn, trên bước đường tu tập sẽ có rất nhiều cuộc chuyển hóa, chuyển hóa tức khắc hay chuyển hóa từ từ. Chúng đã xảy ra, đang xảy ra và sẽ xảy ra. Đây là chuyển hóa từ tham sang ly tham, đạt tâm thí xả; chuyển hóa từ sân sang ly sân, nuôi dưỡng tâm từ; chuyển hóa từ si sang ly si, được minh mẫn, sáng suốt; nói cách khác, chuyển hóa từ mê sang ngộ, chuyển hóa từ ngu sang trí, chuyển hóa từ phàm sang thánh; nói cách khác nữa, chuyển hóa từ đau khổ sang an vui, từ phiền não, buộc ràng sang tự do, giải thoát; thêm một cách nói khác nữa, chuyển hóa từ nhu cầu vật chất sang nhu cầu tinh thần, từ dục giới lên sắc giới; chuyển hóa từ sắc giới lên vô sắc giới, chuyển hóa từ vô sắc giới đến ly thoát ngoài ba cõi...

Trong lúc đức Thế Tôn giảng nói, tỳ-khuru-ni Subhā cô trần tĩnh sự hỷ lạc dâng đầy khắp cả người, rần rần các tế bào, trạng thái tâm như lơ lửng giữa mấy thượng tầng thanh khí; cô phát triển thiền quán, chứng quả A-la-hán ngay tại chỗ⁽¹⁾, với hiểu biết ý nghĩa và hiểu biết về pháp⁽²⁾. Và cô an trú vào niềm vui siêu thế ấy.

Tên của cô, và câu chuyện này, sau này, do liên hệ với vườn xoài của thánh y Jīvaka nên được các vị kết tập sư gọi là Subhā Jīvakambavanika⁽³⁾.

⁽¹⁾ Theo Dictionary of Pāli proper names. ⁽²⁾ Cách nói khác về Từ vô ngại giải.

⁽³⁾ Xem Thig. vss. 366 - 399; Thig A. 245f.

19.2- “Hót” Phước Của Người Nghèo!

Tôn giả Mahā Kassapa sau thời gian đi vào định “lắng yên cảm giác, lắng yên tưởng tư”⁽¹⁾, ngai cảm nghe thân thể nhẹ nhàng, sáng khoái như sau một giấc ngủ ngon dài, không mộng mị. Nó đã nghỉ ngơi suốt cả bảy ngày rồi còn gì! Bước ra cửa động, hít thở khí trời trong lành rồi tôn giả đi kinh hành qua lại, tới lui bên triền núi có những khóm cây rừng nở hoa thơm dịu nhẹ...

Trong lúc ấy thì tại cung trời Đao Lợi, một số ngọc nữ là cung nga của Đế Thích thiên chủ, họ vốn có thiên nhãn, biết “sự kiện trọng đại, hy hữu” ấy nên bàn tính với nhau, là hãy cùng nhau xuống đặt bát cúng dường cho tôn giả, để kiếm được quả phước thù thắng. Tâm ý tương thông, cả mấy chục cô ngọc nữ, mỗi người chuẩn bị một món vật thực cõi trời, màu sắc lấp lánh, thấm tẩm nhiều chất bổ dưỡng, thiên hương, thiên vị; gói trong mảnh mây lụa, cài thêm những đóa hoa trời rồi như đám mây ngũ sắc, họ xuất hiện tại hang động Pipphaliguhā, nơi này cũng không xa Veluvanārāma tịnh xá bao nhiêu.

Tôn giả Mahā Kassapa vừa ôm bát ra khỏi cửa động thì thấy sự xuất hiện đột ngột của cả một đám thiếu nữ sắc nước, hương trời, dung mạo và xiêm áo đều khác phàm, biết ngay họ là ai, nhưng ngài cũng điềm đạm, lịch sự hỏi:

- Quý cô là ai? Đến đây có việc gì không?
- Thưa, xin ngài hãy tế độ chúng con! Cho chúng con được đặt bát cúng dường!
- Xin cho biết lý do của sự cúng dường này?
- Để cho chúng con kiếm được một chút ít phước báu nương nhờ trong mai hậu.
- Vậy sao? Hãy xem lại mình đi! Phước báu hiện tại của quý cô hơn cả trăm ngàn lần, hơn cả triệu lần những người đang đói

⁽¹⁾ Là định diệt thọ, tưởng.

khổ ở xóm làng chiêm-đà-la này, thế mà còn cất công từ xa xôi đến đây đòi “bòn” thêm phước nữa ư?

- Vâng! Chúng con luôn luôn thêm phước, luôn luôn thấy mình thiếu phước. Hãy cho chúng con đặt bát, thừa tôn giả quý kính!

Tôn giả Mahā Kassapa vẫn ôn tồn giải thích:

- Quý cô thử coi! Gió thường tìm vào hang trống, nước chỗ cao thì phải chảy xuống chỗ thấp. Đây là định luật tự nhiên của đất trời. Khi mình đã có nhiều phước rồi, thì nên để dành phước này cho những người nhà cửa rách nát, thiếu cơm, thiếu áo, này hồi chư ngọc nữ cung trời Ba Mươi Ba.

Biết là đã lộ tẩy trước đôi mắt của bậc thắng trí thượng nhân, chẳng biết làm sao, tiu nghỉu, chư ngọc nữ tức khắc bay trở lại cung trời.

Đế Thích thiên chủ thấy biết mọi chuyện, ông cười nói với họ rằng:

- Đi đặt bát cúng dường cho tôn giả Mahā Kassapa mà quý cô lại trang phục ăn vận cao sang như đi lễ hội nhà trời. Tôn giả ấy chỉ tế độ cho người nghèo, kẻ quần túm áo ôm, kẻ mà vá com có trấu lót bụng cũng thiếu thốn, nghe rõ không? Vậy thì mình phải biết giả dạng khuôn mặt méo mó, nhăn nhu, già khòm, nghèo khổ, run lẩy bẩy... ở trong cái chòi trống hoác, lỗ chỗ nhìn thấy ngàn sao thấp rạng ban đêm kia, biết chưa? Ta sẽ giả dạng như vậy may ra mới “hót” được cái phần phước thiên hạ vô song này!

Nói xong, Thiên Chủ kêu nàng thiên hậu cung quý của mình, cả hai tức khắc hóa trang thành ông bà già xấu xí, đói khổ rồi mất tích!

Thấy tôn giả Mahā Kassapa đang từ từ chậm rãi đi đến xóm nghèo của các gia đình cùng đinh, nô lệ, Đế Thích bèn sử dụng thần thông nổi thêm một con đường mòn ngoằn ngoèo, bò sang một hướng khác. Ở tại đầu lối nhỏ này, Đế Thích cũng sử dụng thần thông tạo một căn nhà xiêu lệch, tồi tàn mà ông là một ông lão già khòm trên trăm tuổi, tóc bạc phơ, áo vá trăm mảnh,

thân tợ bộ xương khô, teo tóp da và xương đang lầy bầy kéo chỉ. Còn bà cũng già nua như ông vậy, tóc bạc lưa thưa, răng rụng, móm mém... cũng đang tần mẩn, cặm cùi làm việc nơi khung dệt.

Dừng chân trước cửa, nhìn vào bên trong, thấy rõ sinh hoạt của một gia đình già cả neo đơn, tôn giả Mahā Kassapa tự nghĩ: “Đúng là gia đình thợ dệt chăm chỉ! Cơ khổ! Chẳng có ai mà lại nghèo khó đến như hai ông bà già lão này. Dầu không có cơm, có bánh đi nữa, dầu chỉ còn canh thừa, nước cháo chua hay cám rau... ta cũng hoan hỷ thọ nhận, độ thực để cho họ thoát kiếp khổ khổ này!”

Đế Thích biết chuyện ấy bèn dùng thiên âm rót vào tai nàng thiên hậu: “Ngài đang đứng trước cửa. Nàng cứ giả vờ không thấy, không biết, không nghe gì hết. Và ta cũng vậy. Cứ chăm chỉ, cần mẫn công việc của mình”.

Tôn giả đứng hồi lâu, thấy hai ông bà vẫn không hay biết, bèn cất tiếng “tăng hắng”. Vẫn không ai nghe. “Có lẽ họ điếc”, tôn giả tự nghĩ rồi “tăng hắng” lần thứ hai, lần thứ ba, lớn hơn.

Đế Thích bây giờ mới nói vừa đủ nghe:

- Bà nó ạ! Hình như có ai đang đứng trước cửa, bà nó xem thử là có chuyện gì vậy?

- Tui mắt mờ hơn ông, ông hãy nhìn xem thế nào?

Đế Thích bỏ khung cửi, bước ra, che mắt, hom hem nhìn. Như thử đã thấy biết rồi, ông già quỳ mọp xuống, lạy sát đất rồi than thở:

- Thần thánh ôi! Nghiệt dữ ha! Không mấy thuở có vị sa môn của đức Phật Cù Đàm ghé nhà, cái tệt xá rách nát này đúng là được hưởng phước trời rồi! Nhưng bà nó ơi! Nhờ coi xem mình có thứ vật thực nào thượng hảo hạng, quý giá nhất không vậy bà?

Thiên hậu cũng phụ họa theo, đóng cho trọn vẹn màn kịch hay, lằm ca lằm cậm nói:

- Ông nó nói cái gì vậy cà? Cái gì mà thượng hạng, cái gì là

đệ nhất vậy cà? À... nhà ta có đấy! Hôm qua, tôi đã âm thầm bỏ tiền mua một món ăn đặc biệt, định bất ngờ tặng ông để kỷ niệm “một trăm lẻ mười mùa xuân” của ông đó!

- Tốt quá! Tốt quá! Vậy bà hãy làm ngay cái món đặc biệt ấy đi! Chúng ta cùng dùng cái món “một trăm lẻ mười mùa xuân” thì chúng ta sẽ được hưởng hằng ngàn cái mùa xuân kia lận!

Tuân lời, bà lão bước vào trong một lát, bước ra, trên tay đã có một món ăn đặt trong cái bát lớn, sứt mẻ nhưng hương thơm lại tỏa ra ngào ngạt, như thơm lan cả kinh thành Rājagaha...

Tôn giả Mahā Kassapa sau khi thọ nhận vật thực từ tay hai ông bà run rẩy thay nhau sốt vào bát, tự nghĩ: “Gia đình thọ dật này quả thật là rất nghèo khổ, nhưng bát vật thực, tại sao hương thơm lại tỏa ngát lên cả bốn cõi trời thiên vương như thế? Ai đây hả?”

Hướng tâm, và khi biết đây chính là Đệ Thích cùng với thứ hậu, tôn giả Mahā Kassapa la rầy:

- Thiệt là hết nói! Hiện hình ra đi thôi, Đệ Thích thiên chủ và thứ hậu thiên nương! Tại sao hai vị lại chơi cái trò này, lại đang tâm “hót” mất phần phước của người nghèo khổ vậy?

Biết không còn giấu giếm bậc đại thánh tăng được nữa, họ trở lại nguyên dạng. Đệ Thích trong thân tướng mũ miện chói ngời, quỳ mọp bên chân:

- Xin tôn giả xá tội cho. Bởi đệ tử nghèo quá nên muốn “bòn” một chút phước thôi mà!

- Thiên chủ mà lại nghèo ư? Lại than nghèo hả? Một bậc thiên chủ cao sang, oai lực trùm trời đất, cai quản cả bốn châu thiên hạ⁽¹⁾ cai quản cả ba mươi ba tầng trời mà lại than nghèo, than khổ? Tội nghiệp không!

- Quả thật như vậy, đệ tử nghèo phước lắm! Đệ tử nói thật đó!

- Vậy thì thử nói ta nghe?

- Tôn giả cứ thử hướng tâm một chút là biết ngay mà. Sở dĩ

⁽¹⁾ *Tứ Đại thiên vương là 4 vị thiên tướng của Đệ Thích.*

đệ tử làm vua cõi trời Ba Mươi Ba là nhờ công đức mà đệ tử đã làm trong thời kỳ không có đức Chánh Đẳng Giác ra đời.

- Ủ, ta thấy rồi, biết rồi... và còn sao nữa?

- Kể từ độ ấy đến giờ, đệ tử cũng chỉ thọ hưởng phần phước xưa cũ đó thôi.

- Đúng vậy! Thiên chủ chưa làm thêm được một phước mới nào! Hãy nói tiếp đi!

- Thưa, trong kiếp hiện tại này, khi thấy tuổi thọ của mình sắp mãn, đệ tử đã qua trung gian ông nhạc sĩ trưởng của thiên đình, nên đã đến thăm viếng đức Thế Tôn trên núi Vedyaka, làng Ambasaṇḍā...

- Ủ, ta cũng thấy rồi, biết rồi. Nhưng lần ấy do phước trí nghe pháp, thiên chủ đạt được tâm bất thối với con đường, đồng thời hóa sanh trở lại thân Sakka trong nháy mắt...

- Đúng vậy! Nhưng đệ tử cũng chỉ hưởng lại phần phước cũ, phước mới cũng chưa có một chút gì!

- Ủ, ta đã hiểu.

Ngẫm nghĩ một lát, Đế Thích thưa:

- Tôn giả hãy cho biết: Làm phước, làm công đức trong thời kỳ có đức Chánh Đẳng Giác và làm phước, làm công đức trong thời kỳ không có đức Chánh Đẳng Giác thì cái nào thù thắng hơn, cái nào quả phước vượt trội hơn?

- Dĩ nhiên là thời kỳ có Phật!

- Vậy thì thưa tôn giả! Phước của đệ tử từ xưa đến nay, được làm, được tạo từ thuở không có Phật nên phước báu của đệ tử làm sao so sánh được với phước báu hiện nay của cận sự hai hàng trong giáo hội của đức Đạo Sư!

Tôn giả Mahā Kassapa gật đầu:

- Thiên chủ nói đúng!

- Vậy thì đệ tử nói đệ tử “nghèo phước” có đúng chẳng?

- Đúng, nếu so sánh với những cận sự nam nữ hiện nay.

Rồi thiên chủ như tâm sự:

- Tôn giả biết không? Hiện nay trên cõi trời của đệ tử, có vị

thiên vương tên là Cūlaratha, vị thiên vương tên là Mahāratha, vị thiên vương tên là Anekavanna; họ chỉ là những thiện nam bình thường, nhưng nhờ bố thí, cúng dường đến đức Thế Tôn và tăng chúng nên mạng chung, hóa sanh lên cõi trời Đao Lợi, tức khắc, họ “giàu phước” hơn đệ tử nhiều.

- Nói cụ thể hơn một chút, thiên chủ!

- Thưa! Quyền lực cai trị, cai quản thì họ cũng chỉ là thần dân của đệ tử nhưng hào quang, sắc tướng thì họ thắng xa đệ tử. Đứng bên cạnh ba vị ấy thì quang sắc của đệ tử trở nên lu mờ và đen tối. Có lần, khi đến gần các vị ấy, đệ tử thấy thân sắc của mình trở nên u ám thảm hại; xấu hổ quá, đệ tử và cả đoàn cung nga đành phải chạy trốn vào biệt điện! Ôi! Thật là tệ hại! Ánh sáng từ nơi tướng hảo quang sắc của họ chiếu đến đệ tử thì như bao trùm cả đệ tử, đồng mãnh uy hiếp đệ tử; còn ánh sáng của đệ tử thì như sợ hãi, thấp thò, thấp thò... không dám bò tới, lết tới đứng đến cái chèo thiên bào của họ! Quả thật là khốn khổ, quả thật là nghèo đói phước đức quá trời trời, thưa tôn giả!

“Đúng sự thật là vậy!” Tôn giả Mahā Kassapa nghĩ! “Tuy do mưu, do mẹo nhưng dù sao, nhân và duyên đã xảy ra rồi, quả và báo không thay đổi được”. Ngài bèn nhắc nhở:

- Thôi! Ta thông cảm! Nhưng một lần duy nhất này thôi đó nghe! Đừng có chơi cái trò chơi thiếu chơn, thiếu chánh như vậy nữa, thưa thiên chủ!

Như được đại xá, thiên chủ quỳ sụp, lạy lia lịa:

- Tri ân tôn giả! Tri ân tôn giả đã thông hiểu nỗi lòng!

- Được rồi!

- Nhưng đệ tử “dùng mẹo” để đặt bát cúng dường như thế thì phần phước sau này sẽ như thế nào, thưa tôn giả?

- Vẫn trả quả như thường, tuy nhiên, nó sẽ không được trọn vẹn đâu!

- Tại sao?

- Vì do thiên chủ có cái tâm hơi xiên lệch đó!

- Đệ tử hiểu!

- Phải tinh cần tu tập thêm một chút, chớ quá phóng dật! Phải hộ trì giáo pháp nhiệt tâm thêm một chút! Ta phúc chúc cho thiên chủ được tròn ước nguyện. Thôi, hãy đi đi!

- Xin ghi nhận lời dạy dỗ và tri ân tôn giả một lượt nữa!

Thế rồi, Đế Thích thiên chủ nắm tay thiên hậu, bay bổng lên không trung, tan hòa giữa mây trời, hỷ lạc dâng đầy khắp cả người, cao hứng thốt lên ba lần, âm ba vang động cả sơn hà, đại địa:

“- Ôi! Ta đã cúng dường vi diệu, thù thắng và ta sẽ được quả phước vi diệu, thù thắng!”

Đức Phật theo dõi diễn tiến câu chuyện từ đầu, đến khi thấy Đế Thích cảm hứng ngửa thốt lên sung sướng như vậy, ngài kể lại cho đại chúng tỳ-khưu nghe, sau đó thuyết giáo thêm rằng:

- Với phước báu cao sang như vậy rồi mà cái ông thiên chủ Đế Thích kia còn muốn đi “bòn” phước nữa! Cho hay, bất cứ chúng sanh nào cũng phải nương tựa phước, nhờ phước sanh, nhờ phước thành. Cho chí Như Lai cũng vậy, trong suốt bốn a-tăng-kỳ, trăm ngàn đại kiếp, Như Lai gần như toàn mãn ba-la-mật, mà những kiếp cuối cùng, như tích truyện thái tử Vessantara⁽¹⁾, vẫn còn tích lũy thêm năng lực của năm đại thí. Vậy, câu chuyện này các vị phải thuyết lại nơi này, nơi khác cho hai hàng cận sự nam nữ được nghe, để họ noi theo, để họ làm gương...

Ghi chú đặc biệt về hạ thứ 19:

Trong tác phẩm Sự tích đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni của soạn giả Minh Thiện - Trần Hữu Danh; ở hạ 19 này, tại núi Linh Thứu, có kể lại câu chuyện “Niêm hoa vi tiếu” của thiên tôn Đông độ. Đại lược là khi đức Phật cầm bông hoa đưa lên, đại chúng không ai hiểu chuyện gì, chỉ có tôn giả Mahā Kassapa là mỉm cười. Đức Phật bèn nói: “Nay Như Lai có chánh pháp nhân tạng, Niết-bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, vi diệu pháp

⁽¹⁾ *Chuyện thái tử bố thí vợ, con.*

môn - Như Lai trao lại cho ông đó”.

Theo Tuệ Sỹ trong Tinh hoa triết học Phật giáo cũng nói là chuyện xảy ra tại núi Linh Thứu, và hoa là cành hoa Kumbhala.

Từ đây, theo thiền Đông độ, ngài Mahā Kassapa được tâm ấn của Phật nên làm sơ tổ của thiền tông.

Thiền sư Nhất Hạnh cũng có kể lại chuyện này, trong tác phẩm Đường xưa mây trắng - cũng trong hạ 19 này, nhưng bối cảnh không gian thì xảy ra ở tại Jetavanārāma.

Xét rằng, câu chuyện này có một số vấn nghi:

1- Mới hạ thứ 19 mà sao đức Phật vội “trao” vậy? Và cuối đời, trước khi Niết-bàn, đức Phật chỉ dạy đại chúng trong mai hậu, hãy lấy Pháp và Luật làm thầy!?

2- Thời Phật, và tại Ấn Độ, chưa có thiền được gọi là thiền của tổ? Chỉ sang Trung Hoa mới có tổ sư thiền.

3- Tôn giả Mahā Kassapa duyên gặp đức Phật tại cội cây Bahuputtaka, gần làng Mahātiṭṭha; ngài rắc quả A-la-hán vào cuối hạ thứ nhất của đức Phật, sau hai vị đại đệ tử, sau ba vị Kassapa thờ thần lửa, sau 30 vị vương tử xứ Kosala, sau 54 vị bạn hữu công tử Yasa và Yasa (55), sau nhóm 5 đạo sĩ Koṇḍañña. Như vậy, trước tôn giả Mahā Kassapa, tối thiểu cũng có 95 (60 + 30 + 3 + 2) vị trên đây rắc quả A-la-hán, có nghĩa là họ đều có “chánh pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, vi diệu pháp môn” cả rồi (con số 95 là chưa tính đệ tử của 3 anh em Kassapa và đệ tử của hai vị thượng thủ giáo hội). Hay đây là chánh pháp nhãn tạng khác, Niết-bàn diệu tâm khác?

4- Đây “có lẽ” là ý đồ do thiền tông Trung Hoa dựng lên, họ lập tôn giả Mahā Kassapa làm sơ tổ để chứng tỏ mình được kế thừa chính thống từ đức Phật. Nhưng danh sách ba mươi ba vị tổ sư lại quá nhiều sơ hở - vì có ít nhất là 5 vị tổ không liên hệ gì với thiền tông Trung Hoa cả, đó là:

- Thế Hữu (Vasumitra): Tổ đời thứ 7, sống vào thời vua Kanishka II, phụ tá với Hiệp Tôn Giả chủ trì kết tập kinh điển lần thứ IV của Hữu bộ bằng tiếng Saṃskṛit. Hai bộ luận của

ngài là “Dị bộ tông luận” và “Giới thân túc luận” không liên hệ gì đến thiên tông cả. Ngược lại, Hữu bộ luận là nơi lập cước để các truyền thừa đi sau tranh luận với phái Không tông, Trung quán của Long Thọ.

- Hiệp Tôn Giả (Pārasava): Tổ thứ 10, chủ tọa cuộc kết tập kinh điển lần thứ IV của Hữu bộ. Cũng không liên hệ gì với thiên tông Trung Quốc (Ngay sự sắp xếp Hiệp Tôn Giả thứ 10, mà Thế Hữu thứ 7, ta đã thấy có cái gì đó bất ổn rồi).

- Mã Minh (Aśvaghoṣa): Tổ 12, chính ngài là người nhuận sắc toàn bộ Tam Tạng cho Hữu bộ, cũng không liên hệ đến Thiên Tông.

- Long Thọ (Nāgārjuna): Tổ 14, là vị triết gia kỳ vĩ, trước tác luận Trung Quán, là cơ sở của tất cả học phái Không tông của Đại thừa sau này. Lưu ý: Không tông là lập cước cho các kinh luận Đại thừa phát triển chứ không phải Thiên tông - là bất lập văn tự.

- Thế Thân (Vasubandhu): Tổ 21, ngài trước tác 500 bộ luận tạo giềng mối vững chắc cho Hữu bộ, đả phá Đại thừa. Sau, do Vô Trước, anh ruột, thuộc “tiền” Đại thừa, buồn phiền mà sinh bệnh; thương anh, Thế Thân viết tiếp 500 bộ luận nữa để xiển dương Duy thức, phát triển tư tưởng Đại thừa. Với hành trạng như thế mà Thiên tông cũng đưa ngài vào làm tổ của mình! Tóm lại, Thiên tông cố ý đưa cả 5 vị kể trên - kể thừa tổ thiên tông cả - thì mọi tinh hoa tư tưởng đều được họ mang về phái mình ở Trung Hoa hết rồi.

5- Thời Phật, tôn giả Mahā Kassapa được tôn là đệ nhất đầu-đà; và ngài chỉ nổi bật ở hạnh này, còn các phương diện khác như trí tuệ, thần thông, trì luật, thuyết pháp... thường không bằng các vị khác.

6- Đức Phật thường nói, Như Lai chỉ là một vị đạo sư dẫn đường, không phải là người lãnh đạo giáo hội, cũng không có ý đề cử ai lãnh đạo thay ngài. Vậy việc đức Phật “trao” cho tôn giả Mahā Kassapa “cái tâm gì đó” là khả nghi lắm! Cái thấy

Niết-bàn, giác ngộ, thân chứng Niết-bàn, đức Phật “trao cho tất cả những ai có tai để nghe, có trí để tìm hiểu” kia mà!

7- Thiên tông còn nói rằng: Sau tôn giả Mahā Kassapa, người kế thừa là tôn giả Ānanda? Xin thưa, sau khi đức Phật nhập diệt ba tháng, trong lần kết tập Phật ngôn lần thứ nhất, tôn giả Ānanda đã đắc quả A-la-hán rồi. Không biết tôn giả Mahā Kassapa “trao kế thừa” cho tôn giả Ānanda cái gì đây? Lại nữa, tại Ấn Độ không có truyền thống kế thừa y bát.

(Ở đây chỉ xét về mặt lịch sử. Còn tư tưởng Thiên tông từ ngài Đạt Ma, tư tưởng trong “Pháp bảo đàn kinh” của ngài Huệ Năng có chăng một sợi chỉ đỏ xuyên suốt từ kinh văn nguyên thủy - lại là chuyện khác, không thuộc phạm vi soạn phẩm này).

20.1- Bảy Thánh Sản

Vua trời Đế Thích trở lại thiên cung, mới nghỉ ngơi một đêm, sáng ngày, ông thấy sinh lực trong cơ thể tuôn chảy cuộn cuộn, theo đó, thân tướng của mình ngời ngời quang sắc; châu báu từ nơi thiên bào, mũ miện như cũng đồng loạt tiếp sức, thêm năng lượng, tỏa hắt ra ánh sáng; tất cả chúng kết dệt nên một thứ hào quang lóng lánh lan xa, chiếu xa không biết đến tận không gian biên xứ nào mà kể. Hào quang của ba vị thiên vương Cūlaratha, Mahāratha, Anekavaṇṇa trước đây đã làm cho Đế Thích hồ thẹn, nay thì ngược lại, họ trở nên tối tăm, ỉu sù, thảm hại.

Tự suy, tự ngẫm, Đế Thích vô cùng tri ân tôn giả Mahā Kassapa, bậc lậu tận, bậc đầu-đà đệ nhất khổ hạnh đã cho đặt bát cúng dường nên phước báu quang sắc bây giờ mới được như thế này đây. Cảm kích vô cùng, ông nguyện từ đây sẽ hộ trì giáo pháp một cách nhiệt tình, chăm chuyên hơn trước đây.

Thế là từ đó, ông hằng chuyên để tâm theo dõi thế gian, xem ai có nhân duyên gì, xem có thể giúp đỡ được ai, sách tấn được ai trên con đường hướng thiện và hướng thượng.

Hôm nọ, quét thiên nhãn nhìn xuống kinh thành Vương Xá,

thấy đức Chánh Đăng Giác, sau khi đi trì bình khát thực, ngài ghé vào một tu viện ở ngoại ô, ngộ trai rồi thuyết pháp cho chư tăng và hai hàng cận sự nam nữ ở đây. Bài pháp nhắc nhở mọi người, không kể tăng hay tục, phải biết gìn giữ “gia tài của bậc thánh”, không để cho nó hư mất, mà ngược lại, luôn làm cho nó lớn mạnh. Cuối cùng, đức Phật đã tóm tắt “bảy thánh sản”⁽¹⁾ ấy là như sau:

Một, có đức tin; ở đây là có đức tin nơi Tam Bảo, tin vào lý nhân quả nghiệp báo. Hai, có thọ trì học giới, gìn giữ, trau dồi thân khẩu ý cho trong sạch, tránh xa tà vạy, bất chánh, tội lỗi. Ba, biết hổ thẹn với lương tâm mình khi làm những điều xấu ác. Bốn, biết sợ hãi dư luận, miệng tiếng chê cười khi làm những việc xấu ác. Năm, thường xuyên nghe pháp, tầm cầu pháp, học hỏi pháp, thọ trì pháp và biết tích lũy kiến thức về pháp. Sáu, có tâm xả ly, dứt bỏ, biết bố thí, cúng dường với bàn tay rộng mở. Bảy, có tuệ thấy rõ nhân quả, tội phước, thiện ác; thấy rõ vô thường, khổ không và vô ngã của ngũ uẩn, của thập nhị nhân duyên.

Bài pháp chấm dứt, tiếng “sādhū” lành thay vang lên, và động vui tươi, xôn xao cả cây lá, cả không khí vườn rừng. Nhưng Đế Thích để ý, có một người không cất tiếng tán thán hòa chung sự hân hoan ấy, đó là một người đàn ông mang bệnh phong cùi lở loét! Ông ta đang núp sau một khóm cây, cạnh cửa sổ giảng đường, chăm chú lắng nghe thời pháp từ đầu đến cuối. Lúc thời pháp chấm dứt, hỷ lạc dâng trào, ông cảm thấy rõ tâm mình an bình kỳ lạ, và sự thấy biết về con đường giáo pháp rất rõ ràng, quang minh và chơn chánh. Trọn vẹn con người ông thay đổi, chuyển hóa, cả thân lẫn tâm, nói theo kinh điển thì ông đã vào dòng, đã nhập lưu, đã đắc quả Tu-đà-hoàn. Ông nhắm mắt lại, lắng nghe nội tâm và rồi ông an trú vào phúc lạc ấy. Có cái gì thúc đẩy ông, ông muốn vào trình với đức Phật cái mà

⁽¹⁾ *Bảy thánh sản: 1- Tín (saddhā). 2- Giới (sīla). 3- Tàm (hiri). 4- Quý (ottappa). 5- Đa văn (bāhusacca) 6- Dứt bỏ, thí (cāga). 7- Tuệ (paññā).*

ông đang cảm nhận, đang chứng nghiệm; nhưng đã mấy lần tranh đấu, ông vẫn lưỡng lự, không dám. Vả chăng, ông là người cùi hủi ghê tởm, đang bị quăng vất ngoài rìa xã hội; không biết phận mình hay sao mà lại chường mặt vào chốn giảng đường tôn nghiêm? Cho đến khi, đức Phật và đại chúng đã rời đi hết mà người cùi hủi vẫn còn ngồi nguyên chỗ cũ với sự do dự của mình.

Đế Thích thiên chủ, vốn là cư sĩ bậc thánh, theo dõi tâm và biết rõ người cùi hủi sau khi nghe pháp đã đi vào dòng⁽¹⁾, đồng thời biết luôn tâm tư, nguyện vọng của người cùi hủi tội nghiệp kia nữa. Tự dung, Đế Thích khởi tâm muốn thử thách người cùi hủi, xem thử cái bất động tâm, bất động trí của ông ta như thế nào!

Ý nghĩ ấy vừa khởi sanh, tức khắc, Đế Thích thiên chủ đã hiện xuống khu vườn, đứng lơ lửng giữa hư không, cách mặt đất chừng ba, bốn tầm cây thốt nốt. Để cho người cùi hủi thấy mình, Đế Thích mới cất tiếng nói:

- Này Suppabuddha!⁽²⁾ Ngươi là kẻ bần cùng, là kẻ mặt hạn, đói nghèo, khốn khổ, lại mang thân cùi hủi ghê tởm; không biết thân biết phận hay sao mà lại bò lết đến đây, trốn sau khóm cây như trốn trong hang chuột mà nghe pháp? Pháp của ông Cù Đàm có gì hay ho mà lôi cuốn được ngươi, kẻ đã bị xã hội ruồng bỏ, xem như một con số đen bất hạnh? Việc ngươi phải lo trước mắt là cơm bánh, y phục và chỗ ở. Phải dẹp bỏ cái pháp của ông Cù Đàm đi để lo cho cái thân của mình trước đã, nghe rõ chưa?

- Tôi biết chớ! Nhưng pháp của đức Thế Tôn tại sao phải bỏ?

- Ta có một điều kiện đây. Nếu ngươi chịu nói, nói thật to lên rằng, Phật không phải Phật, Pháp không phải Pháp, Tăng không

⁽¹⁾ Đế Thích đã đắc quả Nhập Lưu. Vị thánh Nhập Lưu có thiên nhãn, tha tâm thông có thể biết tâm của vị Nhập Lưu; tương tự, vị thánh tăng quả trên có thiên nhãn, tha tâm thông, có thể biết tâm của vị thánh quả dưới - nhưng ngược lại thì không thể.

⁽²⁾ Trùng tên với đức vua Thiện Giác.

phải Tăng; ta chẳng nương tựa Phật, ta chẳng nương tựa Pháp, ta chẳng nương tựa Tăng thì ta sẽ cho người đầy đủ, sung mãn thức ăn, vật uống, áo quần, chỗ ở cùng những tiện nghi sinh sống phú túc cho đến trọn đời! Ta lại còn cho người thêm vàng bạc cùng châu báu nữa kia! Ta có quyền lực đấy, và ta sẽ làm được điều ta đã hứa!

Nghe nói vậy, người cùi hủi ngược mắt lên, hỏi gắt:

- Ngài là ai?

- Ta là Đế Thích thiên chủ đây! Ta đang cai quản ba mươi ba tầng trời và cả bốn châu thiên hạ!

- Vậy là ngài có nhiều oai lực, quyền lực thật! Là một vị vua trời cao sang, sao thiên chủ lại thốt lên lời ngu si, bất kính và phạm thượng như thế mà không biết xấu hổ? Mà không sợ tội địa ngục a-tỳ? Tại sao lại bắt tôi phủ bác Phật, Pháp, Tăng khi Phật, Pháp, Tăng là tuệ sáng của nhân loại, là trái tim của nhân loại? Thiên chủ bảo tôi nghèo đói, khốn khổ ư? Không! Thiên chủ làm rồi! Chính thiên chủ mới là kẻ đang nghèo đói, đang khốn khổ và bất hạnh!

Đế Thích cười ha hả:

- Nói nghe hay dữ! Tại sao? Giải thích cho ta nghe thử với nào, xem có lọt tai không?

- Thưa, vì tôi có một gia tài rất lớn. Cái gia tài này vô cùng quý báu, mà tài sản thế gian, những vật trần quý nhất như bảy báu, như vương vị hoặc như uy lực, quyền lực bao trùm cả quả đất này, nếu đem so sánh cũng không có nghĩa lý gì!

Đế Thích, trong bụng cảm thấy rất thú vị, nhưng ngoài mặt thì ra vẻ chế nhạo:

- Nói khoác! Nói vậy mà không biết xấu hổ ư? Gia tài vô giá của người chắc là đựng ở trong cái đẫy dờ dáy và hôi hám kia? Giấu trong cái lớp da sần sùi, gẻ lở, gớm ghiếc kia ư?

Người cùi hủi không hề giận:

- Tôi cảm thương cho sự ngu ngốc, thiếu trí của thiên chủ! Thôi được rồi, tôi sẽ nói cho thiên chủ nghe! Gia tài vô giá ấy

chính là bảy thánh sản, là tài sản của bậc thánh mà đức Thế Tôn vừa trao cho tôi trong thời pháp vừa rồi...

Nói thế xong, tuần tự từng điểm một, từng điểm một, người cùi hủi Suppabuddha chịu khó giảng giải lại cho trời Đế Thích nghe, khá trôi chảy, khá rõ ràng, mạch lạc... Rồi cao hứng, ông ta còn tóm tắt chúng trong một bài kệ ngôn:

“Cầm tay tín, giới lên đường
Có thêm tâm, quý tựa nương vững vàng
Đa văn, pháp học sẵn sàng
Lại còn dứt bỏ nhẹ nhàng như không
Cuối cùng, thấp ngọn tuệ hồng
Thấy nhân, biết quả, giải thông ba thời
Nữ nam cận sự trên đời
Đủ bảy thánh sản, phúc trời sá chi
Kim cương, ngọc báu nghĩa gì
Giàu sang ‘vô lậu, vô vi’ xuất phàm!”⁽¹⁾

Nghe xong, Đế Thích thiên chủ tỏ lời cảm tạ, tri ân người cùi hủi; còn lanh tay bỏ vào đây cho Suppabuddha một số vàng bạc, không cho ông ta biết rồi biến mất giữa hư không, sau đó có mặt ngay tại Veluvanārāma tịnh xá.

Đức Phật lắng nghe Đế Thích kể xong đầu đuôi câu chuyện về người cùi hủi, ngài gật đầu nói rằng:

- Đúng là vậy đó, này Sakka! Dầu cho một trăm hay một ngàn người như thiên chủ, với miệng lưỡi tài giỏi, khéo ngôn, khéo thuyết hơn thiên chủ, tìm cách thuyết phục, với thêm phần thưởng bảy báu thế gian, cũng không thể nào bảo một thánh đệ tử, có đầy đủ bảy thánh sản phủ bác Phật, phủ bác Pháp, phủ bác Tăng cho được. Thiên chủ thất bại là lẽ đương nhiên.

⁽¹⁾ Dịch thoát từ câu kệ Pāli - trong “Chú giải kinh Pháp cú” của trưởng lão Pháp Minh: *Saddhā dhanam, sīla dhanam, hirī ottappiyaṃ dhanam, sutadhaṇaṇṇa cāgo ca paññā ve sattamaṃ dhanam, yassa etā dhanā atthi, itthiya purisassa vā, adaliddoti taṃ ahu, amoghaṃ tassa jīvanti.*

Nhưng thất bại của thiên chủ chính lại là thành công của giáo pháp Bất Tử vậy!

Chuyện còn kể rằng, sau đó không bao lâu, người cùi hủi bị bò húc chết, nhưng do trạng thái tâm của vị thánh Nhập Lưu, lại đang còn hoan hỷ trong pháp nên ông ta hóa sanh lên cõi trời Dao Lợi.

20- Mùa An Cư Thứ Hai Mươi (Năm 568 tr. TL)

20.2- Tôn Giả Ānanda Làm Thị Giả

Tin đức Phật dự định an cư mùa mưa tại Jetavanārāma tịnh xá như một làn gió mát mẻ rì rào thổi khắp kinh thành cùng các thôn làng kế cận. Chư tăng ni tại Sāvatti và các nơi tìm về đánh lễ đức Phật, thăm viếng chư vị trưởng lão từ đoàn này đến đoàn khác. Gia đình trưởng giả Ānathapiṇḍika và gia đình bà Visākha lại có dịp đặt bát cúng dường, chăm lo tứ sự chu đáo, đầy đủ. Đặc biệt là đức vua Pāsenadi cùng các gia đình hoàng gia mang nhiều xe lễ phẩm, lễ vật đến cúng dường đức Phật và tăng chúng. Ngoài một số các quan cận thần thân tín, đức vua còn dẫn theo một số quý nhân như chánh hậu Mallikā, ba bà vương phi Ubbērī, Somā, Sakulā; công chúa Vajirā⁽¹⁾, vương phi Vāsakhakkhattiyā⁽²⁾ cùng hoàng tử Viḍḍabba mới vừa bảy tuổi. Ý của đức vua là tất cả mọi người trong hoàng tộc đều phải có quy giới, biết nghe pháp và biết cúng dường. Và kể từ hôm

⁽¹⁾ Còn có tên là Vajirakumārī hay Vajirī: Cô công chúa này, mấy năm sau, đức vua gả cho Ajātasattu (A-xà-thế), hoàng tử con vua Bimbisāra cùng với của hồi môn là cả vùng Kāśi gần Bārāṇasī.

⁽²⁾ Gần 10 năm trước, vì muốn kết thân với vương quốc Sakyā, đức vua Pāsenadi xin cưới một nàng công chúa. Dòng Sakyā vốn ngã mạn nên đề nghị đức vua Mahānāma gả cô Vāsakhakkhattiyā, vốn là con riêng của đức vua với một cô gái nô lệ. Hoàng tử Viḍḍabba là con của Vāsakhakkhattiyā và đức vua Pāsenadi, sau này vì căm thấy bị thanh niên bên ngoại sỉ nhục nên đem quân tru diệt cả dòng Sakyā.

đó, hễ có dịp rảnh là đức vua lại đến Jetavanārāma nghe pháp.

Thấy đức Phật quá nhiều công việc như đi đây, đi đó, tiếp đoàn này đoàn kia, thuyết pháp quá nhiều thời ở trong ngày; hôm kia, hai vị đại đệ tử cùng đến hầu đức Phật và xin một thỉnh nguyện, là ngài nên có một thị giả chính thức, có tuệ, có tâm, biết phụ giúp, đỡ đần mọi công việc chu đáo trong ngoài.

Im lặng một lúc rồi đức Phật nói:

- Việc ấy cũng đúng lúc, đúng thời lắm! Qua những ông thị giả trước đây đã có nhiều bất cập xảy ra. Ví như Như Lai bảo đi hướng này thì ông ta lại đi hướng kia. Ví như, ông ta không biết rõ, đối tượng này Như Lai nên tiếp, đối tượng kia thì chur vị trưởng lão tiếp cũng được. Ví như Như Lai bảo rửa bát rồi đổ nước nơi không có cỏ xanh thì ông ta lại đổ xuống suối. Ví như Như Lai bảo gấp y làm bốn rồi trải nơi phải lẽ, ông ta lại trải phía dưới các tổ chim, một lát thì phân chim rơi đầy. Ví như Như Lai bảo tụ họp chur vị trưởng lão để bàn việc Tăng, ông ta lại để cho rất nhiều tỳ-khưu sơ tu vào làm huyên não cả giảng đường. Ví như Như Lai bảo, canh khuya tại hương phòng, Như Lai chỉ tiếp chur thiên, phạm thiên, ông ta đôi khi tùy tiện gõ cửa để một vài vị trưởng lão ở xa nào đó đi vào không đúng thời... Cuối cùng, có lẽ là điều quan trọng nhất: Người bên cạnh Như Lai, gần gũi Như Lai ngoài các đức tánh như chăm chuyên, cần mẫn, chu đáo, chịu khó, tế nhị... người ấy còn phải có trí nhớ tốt, vì như vậy, pháp và luật của Như Lai giảng khỏi phải rơi rớt dọc đường, trên các lộ trình hoằng hóa... Vậy, Như Lai đồng ý để các ông triệu tập một cuộc họp giới hạn, chỉ gồm chur vị trưởng lão uy tín để đề cử người thích hợp nhất làm thị giả.

Tuân lời đức Phật, từ hương phòng ngài đi ra, tôn giả Mahā Moggallāna nói tôn giả Sāriputta:

- Nếu có người thích hợp, đáp ứng những đức tánh đủ tiêu chuẩn làm thị giả như đức Tôn Sư yêu cầu thì trong giáo hội của chúng ta chỉ có hai vị mà thôi.

- Là ai vậy?

- Là chính tôn huynh hoặc là hiền giả Ānanda!

Suy nghĩ một lát, tôn giả Sāriputta nói:

- Đúng thì tạm đúng nhưng không chỉ có vậy. Mà pháp đệ, Upālī, Bhaddiya... cũng có đủ tiêu chuẩn đấy.

- Không! Đệ có nhiều nhiệm vụ khác, phải đi ngao du các cảnh giới chư thiên, phạm thiên, ngạ quỷ, dạ-xoa... nên thường hay vắng mặt. Tôn huynh Upālī nhớ luật thì giỏi, nhớ kinh không giỏi đâu. Tôn huynh Bhaddiya xử án thì được nhưng biết việc, quán xuyến mọi việc trong ngoài không bằng hiền giả Ānanda được đâu.

Sự trao đổi của hai vị, như vậy, tuy được xem như là cuộc họp sơ bộ; nhưng khi đầy đủ chư vị trưởng lão, tôn giả Mahā Moggallāna trình bày mục đích “tìm kiếm một vị thị giả cần và đủ những tiêu chuẩn như thế nào” rồi muốn xin ý kiến của mọi người.

Tôn giả Mahā Kassapa góp ý trước:

- Nếu chọn đủ tiêu chuẩn thích hợp thì vị ấy phải có đủ tâm, đủ tuệ cùng rất nhiều trí thiện xảo khác nữa. Dứt khoát là không thể tìm ra vị ấy trong số chư tăng trẻ. Tất cả chúng ta đây, khả dĩ tạm đủ các yêu cầu kia thì ai tuổi tác cũng đã lớn, sức khỏe đã tổn giảm, coi chừng lại làm phiền, làm rộn đức Tôn Sư nữa đấy!

- Rất chính xác! Tôn giả Sāriputta gật đầu - Vậy thì phải đưa thêm một tiêu chuẩn nữa, là dù lớn tuổi nhưng phải có sức khỏe tốt, không bệnh hoạn ốm đau, không nhức xương mỏi cốt.

- Đúng vậy! Tôn giả Mahā Moggallāna nói tiếp - Vậy thì chỉ còn có hai người là đủ tất cả mọi tiêu chuẩn kia, đó là tôn huynh Sāriputta và hiền giả Ānanda mà thôi! Xin chư vị trưởng lão góp phiếu đồng thuận thôi.

Tôn giả Ānanda cất giọng đĩnh đạc, trầm hùng, vang vang cả giảng đường:

- Tôn huynh Sāriputta là người xứng đáng đệ nhất! Tôi xin góp một phiếu tuyệt đối cho vị ấy! Đức Tôn Sư luôn có cái nhìn hảo cảm, đặc biệt đối với vị ấy. Tôn huynh không chỉ thông

minh, tài giỏi, quán xuyến mọi việc trong ngoài suốt mấy chục năm qua không có chỗ chê, không có cả một khuyết điểm nhỏ dù chỉ là một sợi tóc, dù chỉ bằng một hạt cát mà còn là một bậc phụ tá đắc lực của đức Tôn Sư trong những thời pháp, trong hằng chục lớp giảng huấn tăng ni đây đó nữa. Tuyệt! Vị ấy là một viên ngọc mañi không tí vết. Khi đức Tôn Sư muốn quyết định một việc gì quan trọng, sau đó mới đưa ra cho hội đồng biểu quyết, người đầu tiên mà đức Tôn Sư muốn hỏi ý là ai? Là tôn huynh Sāriputta, là ông anh cả của chúng ta chứ còn ai vào đó nữa?

Còn về trí nhớ, tôn huynh ấy không chỉ thuyết lại trọn hảo thời pháp của đức Tôn Sư mà còn giảng giải thêm chi tiết, nói rộng chủ đề làm cho đức Tôn Sư phải khen ngợi. Ngài nói rằng, nếu Như Lai có thuyết lại cũng chỉ bằng như thế thôi, không hơn được. Ngài nói rằng, thuyết ngôn của Như Lai là hải triều âm, thuyết ngôn của Sāriputta cũng là hải triều âm, không hơn, không kém.

Nói đến đây, tôn giả Ānanda kết luận:

- Xin hội đồng trưởng lão bầu chọn tôn giả ấy! Giáo hội đức Tôn Sư không có người thứ hai sánh bằng đâu, chẳng có ai đủ tiêu chuẩn như thế đâu!

- Có đấy, hiền giả Ānanda! Tôn giả Sāriputta điềm đậm nói - Chính hiền giả là người đầy đủ tiêu chuẩn nhất. Đức Thế Tôn không chọn người thuyết pháp hay, không chọn người giảng dạy tăng ni, không chọn người không khuyết điểm một sợi tóc, một hạt cát gì đó, không chọn người thuyết như hải triều âm, không chọn người để hỏi những vấn đề quan trọng. Thế là hiền giả do nghiêng nặng cảm tính mà đã đi lạc đề rồi! Đơn giản là Tôn Sư chỉ cần một thị giả biết cách chăm sóc sức khỏe cho đức Tôn Sư; biết chu đáo, tế nhị, biết mình phải làm gì khi đức Tôn Sư đi đứng nằm ngồi hay ngủ nghỉ. Đơn giản, tế nhị như tắm xĩa răng, bát nước uống, chỗ tiểu tiện, chỗ đại tiện cho sạch sẽ. Đơn giản như ở đâu cũng phải gọn gàng, ngăn nắp từ chỗ nằm,

chỗ ngồi, liêu thất, hành lang và sân vườn. Đơn giản như biết đèn trâm trong hương phòng khi nào cần đốt, khi nào nên tắt; và lâu lâu, mấy hôm thì phải chùi rửa, quét dọn dư tàn. Đơn giản, tế nhị như ngồi hướng này có ánh mặt trời, ngồi hướng kia có cả vùng cây xanh mát mẻ và có cả tiếng chim hót vui tai. Đơn giản như khi đức Tôn Sư mới đưa mắt là biết đức Tôn Sư muốn gì, cần gì... Đơn giản như liếc mắt nhìn khách một cái là biết vị này Tôn Sư nên tiếp, vị kia thì không. Đơn giản như khi quan sát một ngã ba đường thì biết đức Tôn sư sẽ đi hướng nào... vân vân và vân vân. Vậy đó, tất cả cái đơn giản, tế nhị ấy, hiền giả Ānanda có đủ và không ai có thể tranh hơn, tranh bằng được...

Tôn giả ngưng nói một lát để xem thử phản ứng trên sắc mặt của chư vị trưởng lão. Khi thấy nhiều vị mỉm cười và gật đầu nhẹ nhẹ thì biết là sự thuyết minh của mình có hiệu quả; tôn giả bèn nói tiếp, như đóng kín vấn đề lại, để không còn ai phản bác lại được:

- Trí nhớ của hiền giả Ānanda là đệ nhất, là tuyệt vời thuở còn thơ trẻ. Trí nhớ ấy mà ghi nhớ pháp và luật thì không bỏ sót một chữ, một câu, một mệnh đề, một kệ ngôn, một đoản ngôn, một ví dụ; phải nói là cả châu Diêm-phù-đề này không có người thứ hai. Đây là tiêu chuẩn quan trọng do chính đức Tôn Sư yêu cầu. Và cũng do yêu cầu của tôn giả Mahā Kassapa, thì, sức khoẻ của hiền giả Ānanda cũng thuộc loại đệ nhất, chỉ có đứng sau tỳ-khuru Bakkula⁽¹⁾ mà thôi. Khi mới sinh ra, các thầy bà-la-môn uyên thâm tướng pháp đã nói rằng, vị này có tướng cách làm vua nhưng lại không phải làm vua thế tục⁽²⁾; vị này có sức khoẻ lạ đời là suốt đời không bệnh hoạn, ốm đau cho đến khi mãn tuổi thọ là một trăm hai mươi tuổi. Đức Tôn Sư đồng tuổi

⁽¹⁾ *Vị tỳ-khuru trong bụng cá, tại Bārāṇasī mà chúng ta đã biết qua; ngài xuất gia năm 80 tuổi, sau này, 160 tuổi mới Niết-bàn.*

⁽²⁾ *Sau này được gọi là “Người giữ gìn kho tàng pháp bảo”.*

với hiền giả Ānanda đấy, nhưng do cái phước sức khỏe vượt trội, Ānanda có thể ở bên cạnh đức Đạo Sư để lo chu toàn mọi việc trong ngoài, giúp đỡ đức Đạo Sư rất nhiệt tình, ngày cũng như đêm. Bâu chọn hiền giả Ānanda, tôi cũng xin một lá phiếu biểu quyết tuyệt đối.

Tôn giả phát biểu xong. Chư vị trưởng lão đồng thuận chín mươi chín phần trăm vì trong đó, có tôn giả Ānanda phản đối. Nhưng khi trình bày lý do của mình, tôn giả không đưa ra điều một, điều hai một cách phân minh, chặt chẽ - mà cách nói, ngữ điệu lại như là những lời tâm sự:

- Chư vị trưởng lão hãy suy nghĩ lại mà xem. Những người trong hoàng tộc Sakyā xuất gia quá đông, bao giờ đức Tôn Sư cũng cảm cái cán cân công minh để khỏi mang tiếng là nghiêng lệch tình cảm thân tộc chỉ để cho ngoại giáo chê cười. Chính lệnh bà Gotamī là di mẫu của đức Tôn Sư, trải qua bốn mươi lăm do-tuần với bàn chân rướm máu, y áo rách nát tả tơi, với quyết tâm xin xuất gia mà có dễ dàng đâu! Sau ba lần xin và xin thọ trì bát kinh pháp, đức Tôn Sư mới chuẩn thuận. Trong đó có cả năm trăm công nương Sakyā nữa, đức Tôn Sư đâu có cho họ một ưu tiên, một biệt lệ nào? Rồi sau này là công nương Yasodharā nữa, đức Tôn Sư đối xử đâu có dị biệt so với những vị tỳ-khưu-ni khác? Rāhula là đứa con bé bỏng của Tôn Sư, thử hỏi có bao giờ được ngủ một đêm ở hương phòng, hay được ăn một bữa cơm thân tình với người ruột thịt? Có một lần, Rāhula ngủ trộm trong nhà xí, lúc ấy một số học giới mới được ban ra. Ôi! Pháp và luật của đức Tôn Sư không phân biệt thân hay sơ! Do biết vậy nên tôi bao giờ cũng cẩn thận từng bước đi, từng thái độ, từng lời ăn tiếng nói, bao giờ cũng giữ một khoảng cách để khỏi mang tiếng là dòng dõi Sakyā, ý thế có đức Phật là bậc tôn trưởng trong thân tộc... Như thế đó, vậy xin chư trưởng lão xét lại, tôi mà làm thị giả chưa chắc đức Tôn Sư đã chuẩn thuận, lại còn đặt ra cho đức Tôn Sư một tình thế rất khó xử là khác nữa. Nên chọn người ngoài hoàng tộc Sakyā như tôn

huynh Sāriputta, thì tình lý, tướng dụng gì cũng tuyệt hảo cả. Cảm ơn chư trưởng lão đã chú tâm lắng nghe!

Những “điểm tình cảm” tôn giả Ānanda đưa ra hay quá, mà cách nói như đi vào tim người, trong một lúc, chưa ai góp ý gì thêm.

Tôn giả Bhaddiya chột lên tiếng phụ họa:

- Dòng tộc Sakyā như tôi, như tôn huynh Ānanda mà làm thi giả thì đúng là đặt đẽ đức Tôn Sư lâm vào thế kẹt. Đúng vậy. Lại còn đúng nữa, là cái có đẽ cho không những ngoại đạo tiểu đàm mà còn làm cho chư phàm tăng ganh ghét, đố kỵ. Khi có vài vị nào đó bị đức Tôn Sư la rầy thì chúng ta lên rằng: Do ông Ānanda mách leo đó; do ông Ānanda tâu lại đó! Ô, quả thật là rất phiền hà vậy!

Thấy tôn giả Bhaddiya không những ủng hộ quan điểm của mình, lại còn trình bày một số tâm lý thường tình, làm cho quan điểm ấy càng thêm thuyết phục nữa, tôn giả Ānanda bèn vui vẻ nói:

- Cảm ơn tôn huynh đã hiểu thấu tấm lòng.

- Vâng! Đúng vậy! Tôn giả Bhaddiya tiếp tục, lật ngược vấn đề - Vì hiểu thấu tấm lòng của tôn huynh nên tôi đề nghị tôn huynh nên đảm nhiệm vị trí thị giả thân cận đức Tôn Sư là tốt nhất, là quý nhất! Tại sao vậy? Vì tôn huynh là người cẩn thận lời ăn tiếng nói, vì tôn huynh là người chừng mực, biết giữ khoảng cách cần thiết để tránh tai tiếng cho Tôn Sư...

Mọi người tán thán.

- Hay quá!

- Đúng quá!

Có ai đó hỏi:

- Vậy thì chuyện ganh ghét, đố kỵ xung quanh thì sao?

Tôn giả Bhaddiya chột mỉm cười:

- Vì hiểu tấm lòng của tôn huynh Ānanda nên tôn huynh ấy không thềm chấp lời tiếng thị phi phù phiếm ấy. Tấm lòng của tôn huynh Ānanda như mảnh trăng rằm!

Đúng là miệng lưỡi quan tòa có khác, tôn giả Bhaddiya đã lật lại vấn đề dễ dàng như sắp ngựa của bàn tay vậy. Tôn giả Ānanda đành giữ sự im lặng của bậc thánh, vì không còn một kẽ hở nào để len lách vào đó được.

Tôn giả Bhaddiya còn tưới “nước pháp” thêm cho tâm Ānanda càng xanh tươi cảnh lá:

- Cuối cùng, tôn huynh Ānanda vẫn là đệ nhất. Tôn huynh ấy sẽ chu toàn mọi việc bên cạnh đức Đạo Sư, sẽ không có một khuyết điểm nào. Tôn huynh ấy có trí nhớ tốt, lại học rộng, nghe nhiều, sẽ là kho tàng lưu giữ giáo pháp cho mai hậu. Tôn huynh ấy phục vụ đức Đạo Sư, phục vụ Tăng ni, phục vụ hai hàng cận sự một cách tế nhị và chu đáo khi cần thiết. Tôn huynh ấy sẽ dễ dàng xả bỏ những lời tiếng dị nghị do nghĩ đến sự lợi lạc của giáo pháp, lợi lạc cho mình và lợi lạc cho người, lợi lạc cho chúng sanh mai hậu.

Từng lời, từng tiếng tâm não của Bhaddiya, người bạn thân thiết thuở xưa, bây giờ đã là một bậc thánh lậu tận làm cho Ānanda vô cùng cảm kích! Tôn giả thâm nghĩ: “Đúng vậy, tấm lòng của Ānanda là như vậy đó. Dẫu chỉ mới vào dòng nhưng Ānanda có sá chi lời tiếng gièm pha kia chứ. Ānanda này luôn luôn tôn kính đức Đạo Sư, tôn kính chư vị trưởng lão, tôn kính giáo pháp, yêu mến chư huynh đệ cùng hai hàng cận sự nam nữ!”

Khi thấy Ānanda suy nghĩ lâu, tôn giả Sāriputta cất tiếng hỏi:

- Thế chắc là hiền giả đồng ý rồi chứ?

- Vâng! Tôn giả đáp - Không có chỗ nào có thể phản bác lại ông quan tòa Bhaddiya được, đành phải chấp thuận thôi, nhưng có một số điều kiện. Nếu đức Tôn Sư và hội đồng trưởng lão đồng thuận cho những điều kiện ấy thì tôi đồng ý làm thị giả.

- Hiền giả cứ nói.

- Thứ nhất là đức Tôn Sư đừng ban cho tôi y bát mà người ta đã dâng cúng đến cho ngài. Thứ hai là đức Tôn Sư đừng ban cho tôi vật thực cúng mềm mà thí chủ dâng riêng cho ngài. Thứ ba là đức Tôn Sư đừng đặc biệt cho tôi ở chung hương phòng

dù ở nơi thất liêu không đủ chỗ. Thứ tư là đức Tôn Sư đừng cho tôi đi theo trong trường hợp thí chủ thỉnh ngài đặt bát hay ngộ trai. Thứ năm là xin đức Tôn Sư sẽ hoan hỷ cùng đi với tôi khi tôi được một thí chủ nào đó đặc biệt thỉnh mời. Thứ sáu là đức Tôn Sư cho tôi được quyền tiến dẫn hoặc từ chối những người khách muốn diện kiến ngài. Thứ bảy là xin đức Tôn Sư cho tôi được hỏi những điều hoài nghi hoặc những pháp nào mà tôi chưa lãnh hội được. Thứ tám là xin đức Tôn Sư hãy lặp lại những giáo ngôn, những pháp thoại trong trường hợp tôi không có mặt để nghe tại chỗ.

- Cả tám điều đều chính đáng! Tôn giả Bhaddiya nói - Có lẽ đức Tôn Sư sẽ chấp thuận thôi. Bốn điều đầu là tránh những ưu tiên cho cá nhân mình, cũng tốt. Ba điều sau liên hệ đến pháp, rất tốt. Duy có điều thứ năm, dường như không rõ nghĩa, tại sao người ta thỉnh mời tôn huynh lại phải cần đức Tôn Sư đi theo?

- Đúng vậy, tại sao? Tôn giả Upāli góp ý - Có phải là tôn huynh muốn cho thí chủ đặc biệt kia có phước? Có phải tôn huynh muốn cho thí chủ kia nghe một bài pháp đặc biệt nào đó?

Tôn giả Ānanda gật đầu:

- Đúng vậy! Tôi chỉ là kẻ hữu học. Cúng dường và nghe pháp bậc Chánh Đẳng Giác bao giờ quả phước cũng vi diệu hơn. Ngoài ra, tôi cố tránh trường hợp cá nhân thí, muốn tránh cả trường hợp cúng dường do tình cảm cá nhân - thừa chư vị trưởng lão!

Tôn giả Mahā Kassapa khen ngợi:

- Tốt lắm! Hiền giả Ānanda tốt lắm! Chu đáo và cẩn thận từng chi tiết một, không có chỗ nào cho cá nhân mình xen vào đấy cả...

Nói thế xong, tôn giả trầm ngâm một hồi:

- Trước đây, tôi thấy hiền giả Ānanda luôn luôn có vẻ trẻ trung, vui tươi, lại hay du hành lang thang đây đó với nhóm đệ tử của mình, không hướng tâm kỹ tôi đã vội trách hiền giả Ānanda ham chơi. Hôm nay, tôi đã thấy rõ sự chín chắn của

hiền giả Ānanda, cái tâm lo cho đức Đạo Sư, cho giáo pháp, cho cả tứ chúng của hiền giả Ānanda; vậy trước mặt hội đồng trưởng lão, tôi xin được sám hối với hiền giả Ānanda lời nói bất cần thuở trước.

Nói thế xong, tôn giả Mahā Kassapa đứng dậy, trật vai phải định quỳ lạy nhưng tôn giả Ānanda đã vội bước đến, ngăn lại rồi nói:

- Không! Lời trách cứ thuở ấy của tôn huynh không phải là quá lời hay bất cần đâu. Cũng nhờ lời quở trách ấy mà tôi bây giờ mới khá hơn một chút đó.

Mọi người cùng nở nụ cười hoan hỷ.

Cả tám điều Ānanda đưa ra, sau đó đã được đức Phật chấp thuận. Và kể từ hạ này, tôn giả Ānanda đã trở thành thị giả chính thức trong suốt hai mươi lăm năm còn lại.

Kinh sách kể rằng, như hình với bóng, tôn giả Ānanda đi theo chân đức Phật khắp mọi nơi, không nề hà nắng mưa, đường xa dặm thẳm. Tôn giả phục vụ đức Phật, chăm sóc mọi nhu cầu cho ngài với tâm quý trọng và tôn kính đúng mực. Đêm cũng như ngày, tôn giả hầu như luôn sẵn sàng để đức Phật sai bảo bất cứ việc gì. Cứ mỗi khi đêm xuống, tôn giả như chiếc đồng hồ cát chính xác nhất, tay cầm gậy, tay cầm đuốc, rào quanh hương phòng, vòng gần, vòng xa tắt thắp chín lần để giữ mình khỏi ngủ quên và đừng để người, vật quấy rầy đức Phật để ngài còn giảng pháp cho phi nhân, thọ thần, dạ-xoa, chư thiên, đôi khi cả phạm thiên nữa.

CHƯƠNG V

Từ Hạ Hai Một Đến Hạ Bốn Bốn (566 đến 544 trước TL)

(Từ khi tôn giả Ānanda chính thức làm thị giả, không tìm thấy bất cứ một tư liệu lịch sử nào nói đến từng năm một, sau hạ thứ 21 cho đến khi đức Phật Niết-bàn. Vậy, từ thời điểm này, người biên soạn không đi theo từng mùa an cư nữa, mà chỉ ghi lại những câu chuyện, những sự kiện, những chi tiết lịch sử xét ra là quan trọng trải dài trong suốt hai mươi bốn năm còn lại của đức Phật. Dù đã khổ công tìm nhiều nguồn tư liệu để so sánh, đối chiếu, chọn lọc; và dù làm việc nghiêm túc, cố gắng thể nào cũng không tránh khỏi trường hợp nhầm lẫn về không gian và thời gian; đôi nơi còn phải giả định hoặc hư cấu cho câu chuyện được liền lạc, xin chư thiện hữu trí thức độc giả thông cảm. Trân trọng).

1- Đông Phương Lộc Mẫu

Khi hay tin đức Phật về an cư ở Jetavanārāma, gia đình bà Visākhā cùng với gia đình trưởng giả Ānathapiṇḍika đồng đến đánh lễ và thăm hỏi sức khỏe của ngài. Họ đã xin phép đức Phật được thay phiên nhau đặt bát mỗi ngày; lo đầy đủ tứ sự cho cả tăng ni khách các nơi đến và đi, kể cả những vị đau ốm. Công việc bề bộn trôi qua rất nhanh mà cô Visākhā chưa có thì giờ ngồi bên chân đức Phật hoặc nghe pháp của ngài. Hôm nọ, khi mọi việc đã trôi chảy đâu ra đấy, thấy mình có chút rảnh rỗi, cô chuẩn bị đi nghe pháp. Bỗng dưng, cô lại muốn mình ăn vận

thật đẹp nên đã khoác bên ngoài chiếc áo ngày cưới mà ông thân của cô đã thuê mấy trăm thợ thầy kim hoàn ra tay thiện xảo trong bốn tháng ròng. Bộ áo khoác cùng với châu báu trang sức này có tên là Mahālatāpasādhana như ta đã biết, là cả một đồng kim ngân! Dĩ nhiên, lúc này cô còn rất trẻ, mới hai mươi, hai mươi một tuổi; và con gái ai mà không thích chưng diện xiêm áo cùng trang sức cao sang, lộng lẫy?

Khi Visākhā và thị nữ mới bước đến cổng tịnh xá thì không ai là không liếc trông cô gái có phục sức như tiên nữ nhà trời! Nó như là cả một quần châu báu rực rỡ di động. Đưa mắt nhìn những ngôi liêu thất thấp thoáng trong rừng cây và nhiều vị tỷ-khuru đang nhàn nhã, chánh niệm lui tới, cô Visākhā cảm giác có cái gì đó không ổn. Cô ngoảnh nhìn lại bộ áo khoác của mình và trực thức thấy rõ là nó chẳng thích hợp chút nào trong khung cảnh dị giản và yên bình của tịnh xá. Nép vào một lùm cây rậm, cô Visākhā vội cởi chiếc bào trân quý giao cho thị nữ, còn mình trở lại “diện mạo” của bộ xiêm áo bình thường như khi đang còn sinh hoạt tại tư gia. Nhìn lại mình một lượt nữa, cô tự mỉm cười và tự chế nhạo: “Con gái hư! Cái sở thích trang điểm, chưng diện nó đã ăn sâu ngũ kỹ trong dòng nghiệp, đã trở thành thói quen bền lâu như cổ tật không chữa! Ai đời, đến tịnh xá rồi mới thấy mình là quá đồi vô duyên!”

Thời pháp hôm ấy do đức Thế Tôn thuyết giảng. Đề tài nói đến sự “ái luyện tự ngã”, tức là ái luyện bản thân sẽ đưa đến những nguy hại khôn lường. Biểu hiện thô tháo của ái luyện tự ngã là thích ăn ngon, mặc đẹp, thích trau chuốt, điểm trang, thích nằm giường êm, gối mịn, thích đánh phấn, thoa son... Biểu hiện vi tế, thâm sâu và nguy hiểm nhất của ái luyện tự ngã là thích tên tuổi mình được vang dội, thích địa vị mình được trên trước, thích quyền lực của mình được bao trùm thiên hạ, thích ý tưởng, quan điểm của mình được người khác chấp nhận, thích chủ thuyết, triết lý của mình được mọi người thực hành. Tất cả đây nó xoay quanh bản ngã, thể hiện bản ngã, phóng đại

bản ngã, cũng có bản ngã, xây tòa lâu đài cho bản ngã. Hệ quả tất yếu của nó là tham lam, dục vọng tăng trưởng; sân hận, hung dữ tăng trưởng; si mê, u tối tăng trưởng; chúng sẽ kéo theo không biết bao nhiêu là sầu bi, ưu não cho mình và cho cuộc đời... Tuy nhiên, cái bản ngã ấy, trên lộ trình tu tập nó sẽ bị tước dần dần đi, đến quả vị A-la-hán nó mới cắt đứt trọn vẹn cái “ngã mạn” và cái “vô minh” ấy! Vì vậy, ngay từ bây giờ, hai hàng cư sĩ phải thấy rõ sự nguy hại của nó để lìa xa từng chút một; sự lìa xa ấy giúp ta bỏ bớt những nhỏ mọn, những ích kỷ, những mưu toan thủ lợi, những đặc quyền riêng tư để quan tâm chút ít đến người khác, đến chúng sanh, đến xã hội trong tương quan hoàn cảnh...

Chấm dứt thời pháp mà cô Visākhā còn rung mình, lạnh gáy. Đức Phật biết hết rồi nên ngài đã thuyết cho nàng nghe đó!

Ra ngoài cổng tịnh xá một đôi đường đã khá xa, cô thị nữ chột hốt hoảng la lên:

- Chết rồi! Thưa chủ! Cái áo khoác Mahālatāpasādhana, cái đồng kim ngân của cô chủ, con bỏ quên trong đại giảng đường mất rồi!

Đầu óc, tâm trí của Visākhā lúc ấy vẫn đang còn chìm trong tư duy về ý nghĩa của bài pháp nên cô rất bình tĩnh, chậm rãi nói:

- Không sao đâu con! Hãy đi vào giảng đường xem lại chớ có sao đâu! Đừng lo! Đừng sợ hãi gì cả! Nó chỉ là vật ngoại thân! Nó chỉ có một chức năng là tô điểm cho cái bên ngoài thôi mà!

Cô thị nữ an tâm. Khi cô mới bước đi được năm bảy bước, cô Visākhā gọi giật lại:

- Mà này con! Khi vào tới nơi, có thể có hai trường hợp xảy ra, hãy nhớ cho kỹ. Nếu chiếc áo ấy chưa có ai cầm nắm thì con cứ tự nhiên xin phép mang về. Nếu chiếc áo ấy đã có vị tỳ-khuru nào sờ đụng rồi thì con không được lấy, mà ra đây trình lại cho ta. Nghe rõ không? Ta ngồi đợi ở đây!

Lát sau, cô thị nữ “tay không” trở ra, thưa lại rằng:

- Tôn giả Ānanda cùng chư sa-di sau khi đi thu dọn đây đó, thấy cái áo quý, ngài đã tự tay đem cất kỹ vào kho rồi. Ngài bảo, ai để quên, họ sẽ tới lấy sau!

Chợt, cô Visākhā mỉm nụ cười nhẹ:

- Ủ, vậy là tốt! Thôi về con!

Cô thị nữ không hiểu được “ý nghĩa” nụ cười ấy!

Chiều hôm sau, sau khi nghe pháp, cô Visākhā nán lại thưa trình với đức Phật một chuyện. Cô kể lại cho đức Phật nghe sự kiện bỏ quên cái áo khoác ngày hôm qua. Và cái áo khoác ấy, tôn giả Ānanda đã sờ đụng nên được coi như là Tăng đã thọ nhận rồi. Bây giờ cô chính là thí chủ khởi tâm cúng dường, nói lời thưa bạch cúng dường, và nghiêng thân năm vóc sát đất cúng dường. Vậy xin đức Tôn Sư hoan hỷ thọ nhận vật cúng dường ấy để cho đệ tử được an lạc và hạnh phúc lâu dài.

Đức Phật mỉm cười:

- Ủ, vậy là Như Lai đã thọ nhận đầy đủ thân, khẩu, ý cúng dường của con rồi đó!

Cô Visākhā vui mừng thưa tiếp:

- Cái áo ấy, bây giờ là tài sản của Tam Bảo đúng pháp và luật rồi! Nó có thể bán đi để kiến tạo một ngôi tịnh xá kang trang, cúng dường đến đức Tôn Sư và thập phương tăng có chỗ tĩnh cư để giáo hóa chúng sanh.

Đức Phật biết giá trị cái áo Mahālatāpasādhana nên ngài nói:

- Như Lai tùy hỷ hảo sự ấy! Vậy con cứ tùy nghi!

Thế rồi, cô Visākhā đã cùng với mấy thị nữ đi khắp kinh thành, đến tất cả các tiệm kim hoàn hữu danh để đàm bán chiếc áo châu báu. Chủ tiệm nào cũng “kinh hoàng” về giá trị của nó, ai cũng muốn mua nhưng không có đủ tiền vàng để chi trả. Hai ba tiệm hợp lại cũng không đủ sức mua.

Cô Visākhā nói:

- Giá thị trường hiện tại, nó là bao nhiêu?

Ông chủ tiệm kim hoàn, sẫm soi từng món, tính đếm từng món một. Nghĩa là bao nhiêu viên kim cương, bao nhiêu viên

trân châu, bao nhiêu viên san hô, bao nhiêu viên ngọc quý, bao nhiêu vàng, bao nhiêu bạc... rồi thở dài nói:

- Thật ra thì nó vô giá. Không tính lụa kasī thượng hạng, gấm kambala thượng hạng, không tính sợi chỉ vàng chỉ bạc, không tính công phu nghệ thuật tinh xảo, chỉ tính châu báu thôi thì giá trị của nó đã lên đến mười triệu chín trăm ngàn đồng tiền vàng⁽¹⁾ rồi!

Cô Visākhā cảm ơn người chủ tiệm có lòng. Cô tính sẵn, không ai mua nổi thì chính cô sẽ mua lại chiếc áo ấy để kiến tạo tịnh xá.

Đến ngày, cô xin đức Phật chỉ địa điểm xây dựng, ngài nói nên tìm kiếm mặt bằng trong các khu rừng về hướng Đông kinh thành Sāvatthi, vì đây có nhiều không gian rộng thoáng, lại thuận tiện cho chư tăng từ hướng Nam, Đông Nam lui tới Jetavanārāma.

Vui mừng khôn xiết, cô Visākhā lay tạ đức Phật rồi trở về chăm lo công việc thiêng liêng của mình.

Trong khi tìm kiếm đất đai và bắt đầu thiết kế, xây dựng thì đức Phật đang chuẩn bị vân du đầu đó. Nhưng do sự thỉnh mời, nhờ cậy của cô Visākhā nên đức Phật đã chỉ định tôn giả Moggallāna đứng ra giám sát công trình cùng với năm trăm vị tỳ-khưu giúp sức. Thế mà vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu công việc, đôi khi tôn giả phải sử dụng thần thông để xử lý những công đoạn phức tạp. Trải qua chín tháng ròng rã, công trình mới xong, vừa kịp an cư mùa mưa mà cô Visākhā dự định khánh thành để dâng cúng lên đức Phật và chư tăng. Công trình vĩ đại quá. Nó là cả một tòa lâu đài gồm hai tầng rất cao và dài đến mút mắt, mỗi tầng có năm trăm phòng với mọi tiện nghi đầy đủ. Cấu trúc vòm mái rất đặc biệt, nó nổi vọt lên những tháp nhọn bằng vàng rực rỡ, lại còn thiết kế sáu mươi vòi nước chảy xuống sáu mươi chậu gốm sứ ở nơi thích hợp⁽²⁾.

⁽¹⁾ Theo Pāḷi Proper Names tập 2 của GP. Matalalasekera - trang 628.

⁽²⁾ Lấy ý từ tự điển trên.

Buổi lễ khánh thành được tổ chức cũng thật trang nghiêm và hoành tráng. Đại diện chư tăng, đức Phật thọ nhận khi đại gia đình bà Visākhā dùng bình vàng đổ nước lên tay ngài.

Sau khi đọc lời phúc chúc, đức Phật mỉm cười nói:

- Tịnh xá Jetavanārāma là do trưởng giả Ānathapiṇḍika và hoàng tử Kỳ Đà làm đại thí chủ, có con trai thứ nhất của Như Lai là Sāriputta chăm sóc công trình. Tòa lâu đài vĩ đại này là do Visākhā, mẹ của Migāra đại thí chủ, lại có con trai thứ hai của Như Lai là Moggallāna giám sát, cả thần thông và cả năm trăm tỷ-khuu giúp sức nữa. Nếu đặt tên cho đầy đủ thì trước phải gọi là “Kỳ thọ, Cấp Cô Độc viên”, gọi tắt là Kỳ Viên; và sau phải đặt tên là “Lâu đài của mẹ Migāra” (Migāramātupāsāda) hoặc “Đông Phương Lộc Mẫu tu viện” (Migāramātā-pubbārāma).

Bà Visākhā mỉm cười, lòng hân hoan không kể xiết khi nghĩ rằng, phước báu của mình dĩ nhiên là đáng kể, nhưng hoan hỷ hơn nữa là chư tăng ngày càng đông, khi đức Tôn Sư an cư ở đây, có lẽ không còn phải lo thiếu thốn chỗ tiện nghi ăn ở nữa.

Bắt đầu thời điểm này, Kỳ Viên tịnh xá và Đông Phương Lộc Mẫu tu viện là hai tông lâm tại Sāvatti mà đức Phật thường hay trú cư, an cư để giảng giáo pháp cho tứ chúng.

2- CẢM HÓA Āṅgulimāla

Āṅgulimāla xuất thân từ dòng dõi bà-la-môn, trong một gia đình quý tộc nhiều đời. Mẹ ngài là Mantanī, thân phụ là Gagga, vốn là quân sư tài đức, khả kính của đức vua Pāsenadi xứ Kosala.

Trong đêm ngài sinh ra đời, một hiện tượng lạ thường chưa từng có xảy ra, là tất cả vũ khí ở trong thành phát ra ánh sáng chói lòa; ngay cả thanh gươm báu của đức vua Pāsenadi xứ Kosala nằm trong bao, đặt ở căn phòng ngủ cũng sáng lên ánh thép lấp lóa, lạnh buốt, làm cho đức vua kinh hoàng.

Ông bà-la-môn Gagga, thân phụ của ngài Āṅgulimāla nhìn thấy hiện tượng như vậy liền bước ra hiên nhìn lên trời xem

thiên văn. Giữa hư không vời vợi, một ngôi sao “kẻ cướp sát nhân” vừa xuất hiện. Lầm nhảm tính một hồi, mặt ông bà-la-môn thoáng đổi sắc, rung mình, sợ hãi! Ngôi sao ấy chính là biểu hiện số mạng con trai vừa mới hạ sanh của ông, sau này nó sẽ trở thành “tên cướp sát nhân khét tiếng” hay sao?

Là quân sư của đức vua, người nắm cán cân công lý và sự an nguy cho xã tắc, ông bà-la-môn không cho phép mình vì tình riêng mà giấu kín mầm mống họa hại, nên trời vừa rạng sáng, ông đã vào hầu chầu đức vua Pāsenadi xứ Kosala, tâu rằng:

- Đêm qua bệ hạ ngủ có được yên giấc hay không?

Vua đáp:

- Thưa quân sư khả kính! Ta có ngủ yên được đâu! Không biết có điềm triệu gì mà thanh gươm báu của ta đặt ở trong bao lại phát ra ánh sáng chói lòa rất là khủng khiếp. Ta lo sợ có điều gì đó họa hại đến tính mạng của ta hoặc chuyện gì đó bất trắc xảy ra cho ngai vàng của ta chăng?

- Tâu bệ hạ! Vị quân sư mau mắn đáp - Đêm qua hạ thần có xem thiên văn, quả thật có một hung tinh vừa xuất hiện; nhưng điềm triệu ấy không liên hệ gì đến tính mạng cũng như ngai vàng của bệ hạ cả. Không những thanh gươm của bệ hạ mà tất cả các loại vũ khí ở trong thành đều phát sáng, đây là do năng lực ác nghiệp của con trai hạ thần vừa mới sinh ra đời!

Vua ngạc nhiên, chồm người tới trước:

- Có chuyện gì vậy, quân sư hãy nói rõ xem thử nào?

- Tâu! Con trai hạ thần hạ sanh đêm qua, ứng vào vị hung tinh ấy, sau này, nó sẽ trở thành tên cướp sát nhân rất nguy hiểm!

- Có chuyện vậy sao? Đức vua hỏi dồn dập - nó sẽ trở thành tên cướp sát nhân? Chỉ là một tên cướp thôi hay là thủ lãnh một nhóm trộm cướp chuyên giết người, cướp của dã man, tàn bạo, phá xóm, phá làng... và đe dọa cả ngai vàng của ta?

- Không phải vậy, tâu bệ hạ! Nó chỉ là một tên cướp, một mình nó thôi. Tuy chẳng tổn thương gì đến bệ hạ và ngai vàng, nhưng để tránh những họa hại về sau, xin phép bệ hạ cho hạ

thần được giết chết nó khi đang còn hài nhi!

Đức vua Pāsenadi, vốn là một vị vua hiền đức, vội can ngăn:

- Đừng nên như thế, thưa quân sư khả kính! Nếu chỉ là một mình nó thì không thể xảy ra tai hại lớn lao được. Ta biết rõ quân sư một đời nghiêm minh cẩn cẩn, chí công vô tư, không vì tình riêng mà che mờ phép nước. Nhưng đứa trẻ kia vừa mới mở mắt chào đời, chưa làm gì nên tội, quân sư hãy tha cho nó mạng sống. Nếu bảo là do năng lực của ác nghiệp thì quân sư nên tìm cách ngăn chặn có lẽ tốt hơn! Hãy chăm sóc nuôi nấng, dạy bảo nó nên người! Hãy rèn luyện nhân cách, phẩm chất trong môi trường giáo dục đúng đắn thì ác nghiệp xưa sẽ không có cơ hội nảy sinh. Thanh gươm nằm trong bao, mũi tên nằm trong giỏ thì làm sao hại người được mà sợ! Vậy từ rày nên đặt tên cho trẻ là Ahimsaka (Vô Hại).

Bà-la-môn Gagga cúi đầu tuân phục, ông cảm kích và tri ân đức vua hiền minh không kể xiết.

Cậu bé Ahimsaka lớn lên, tư chất thông minh đỉnh ngộ lại có sức mạnh phi thường. Ông bà-la-môn Gagga luôn luôn bị ám ảnh bởi hung tính “Kẻ cướp sát nhân” nên ông giữ gìn, chăm sóc và giáo dưỡng trẻ rất cẩn thận, chu đáo. Tất cả các loại vũ khí trong nhà đều được cất giấu, không cho trẻ nhìn thấy. Ngôn ngữ đàm thoại từ trên xuống dưới cấm không được nói đến gươm, đao, giáo, mác, cung, nỏ... Ngay chính những từ, những chữ liên hệ trộm cắp, giết người, cướp của, ác độc, hung dữ... cũng không được dùng đến. Một môi trường sống tốt đẹp, hiền thiện bao bọc xung quanh trẻ, tạo nhân, tạo duyên cho những phẩm chất cao cả nảy lộc, đâm chồi; đồng thời, một hạt mầm nhỏ nhoi của ác nghiệp cũng không có cơ hội duyên cảnh mà lộ đầu ra!

Khi trẻ vừa lớn, tuổi đủ hai mươi, ông bà-la-môn Gagga cho Ahimsaka du học ở thành phố Takkaśīla, là nơi có những ngôi trường đại học, đào tạo nên những vị quốc vương hiền minh, những nhà lãnh đạo tài ba, những hiền triết uyên thâm và cả

những nhà ngôn ngữ, bác học, văn chương, nghệ thuật trác tuyệt!

Thanh niên Ahimsaka có thiên tư tuyệt vời nên bất cứ môn học nào, chàng cũng đều xuất sắc hơn người, vượt trội hơn người. Ngoài ra, Ahimsaka là người học trò luôn làm tròn tất cả phận sự đối với thầy, mà mọi lễ nghi, phép tắc không ai có thể chê chàng ở một điểm nhỏ nào. Tài năng và đức hạnh của Ahimsaka đều vẹn toàn. Người thầy già bà-la-môn chủ nhiệm rất hài lòng, luôn đem lòng thương yêu Ahimsaka và xem chàng như đứa con ruột của mình.

Sự việc ấy làm cho bạn đồng học ganh tỵ. Họ bàn bạc với nhau:

- Môn học nào thầy cũng khen nức khen nở Ahimsaka! Môn học nào Ahimsaka cũng đệ nhất, cũng ở trên chúng ta một cái đầu, hai cái đầu! Các bạn nghĩ có chán chẳng?

- Vâng! Người khác phụ họa - Kể từ khi có Ahimsaka chúng ta không ngóc đầu lên nổi! Nếu tình trạng này kéo dài, chúng ta còn mặt mũi nào mà nhìn thiên hạ! Mặt mũi nào nhìn cha mẹ, bà con, họ hàng quyền thuộc nữa.

Thế là họ bày mưu ly gián giữa thầy và trò. Lần thứ nhất, lần thứ hai, lần thứ ba... cuối cùng thầy phải tin là Ahimsaka trước sau cũng hãm hại mình. Ông thầy bèn ra tay trước.

Thế rồi, giữa đêm khuya thanh vắng, vị thầy bí mật cho gọi riêng Ahimsaka, dạy rằng:

- Này con! Trong lớp học chỉ có con là người tài trí phi thường, nên ta muốn truyền cho con một môn học tối cao, tuyệt đỉnh. Môn học này từ xưa đến nay, thầy chưa tìm ra người xứng đáng. Tất cả học trò của thầy không có ai đủ tư chất, bản lĩnh để theo đuổi môn học bí truyền này. Nhưng có điều...

Ahimsaka cúi đầu:

- Xin thầy cứ nói!

- Muốn ứng dụng vào môn học bí truyền này con phải làm một việc “phi nhân”, thầy còn ngại là con không đủ can đảm.

- Con khá can đảm, thưa thầy! Nhưng “phi nhân” thì...

- Bởi thế ta mới ngần ngại...

- Xin thầy cứ nói thử...

- Con phải cải trang thành một tên cướp hung dữ, đến những chỗ khuất vắng, lần lượt tìm giết cho đủ số ngàn người, thiếu một không được. Khi ấy ta sẽ truyền thụ bí kiếp tuyệt đỉnh cho con!

Ahimsaka sợ hãi.

- Con được sinh ra và lớn lên trong dòng dõi bà-la-môn cao quý, việc giết người là không thể, bạch thầy!

Vị thầy thở dài:

- Ta biết vậy mà! Ta biết con không đủ can đảm mà! Ta biết con còn bị ràng buộc, thiết định ở trong nền giáo dục đạo đức truyền thống nên chẳng bao giờ có thể học được cái gì cho thật đến nơi đến chốn, nhất là môn học “xuất phàm”!

Sau nhiều lần thuyết phục, Ahimsaka đành phải xuôi tai. Ông thầy dạy cho Ahimsaka sử dụng thuần thục năm loại vũ khí, rồi trong đêm khuya, chàng lên đường, không cho ai hay biết.

Khi vào địa giới nước Kosala, gần kinh thành Sāvattthi, có một khu rừng rậm có nhiều cây trái, Ahimsaka dừng chân. Tìm được một hang động khuất tịch để ở, Ahimsaka bắt đầu một đời sống hoang dã, giết người để thành tựu môn học tối thượng, xuất phàm!

Ahimsaka không còn nhớ rõ thời gian mình đã sống trong rừng là bao lâu, và cũng không nhớ rõ là mình đã giết được bao nhiêu người! Ban đầu, quả thật, chàng không dám giết, chàng sợ máu và sợ cả đôi mắt người đối diện. Thật là khổ sở khi phải giết người mà lòng không mấy may thù oán và tâm không hề khởi lên ác niệm! Lần đầu tiên khi kẻ bị giết run lẩy bẩy, thì mặt chàng xanh mét, cắt không có một giọt máu! Đêm về, chàng sợ hãi đến độ không dám ngủ, vì hễ cứ chợp mắt là hình ảnh người bị giết hiện ra! Nhưng khi nghĩ đến niềm hy vọng của cha mẹ, sự lợi ích cho toàn thể châu Diêm-phù-đề, chàng lại lấy hết dũng khí để giết mạng người thứ hai. Ám ảnh lại tái diễn và chàng lại phải nhắc nhở mình, tự trấn an mình. Thời gian sau, khi giết người đã thành thói quen, Ahimsaka thấy mình như một

cổ máy, giết người mà không khởi lên một ý nghĩ nào cả. Nhát dao đưa lên, thế là bóng người gục xuống. Chẳng kể đàn ông hay đàn bà, già hay trẻ, bình dân hay quý tộc. Những kẻ vào rừng kiếm củi, măng giang, mộc nhĩ, tìm trầm... hoặc bộ hành lang thang là nạn nhân của chàng. Cứ hễ giết một người thì Ahimsaka cắt lấy ngón tay, phơi khô rồi xâu những ngón tay này rồi đeo vào cổ. Từ đó chàng có biệt danh là *Āṅgulimāla*, có nghĩa là kẻ cướp giết người, cắt đầu ngón tay xâu thành vòng đeo ở cổ.

Việc giết người này, thời gian sau đã kinh động từ làng này sang làng khác ven khu rừng. Không ai dám đi một mình vào rừng vì việc này hay việc nọ. Nhưng vì sinh kế, họ phải rủ nhau từng toán, từng đoàn từ ba, bốn người đến năm, bảy người; nhưng rồi cũng bị tên cướp sát hại. Đến nỗi, đôi khi có những đoàn đông từ ba mươi đến bốn mươi người, nhưng cũng không thoát khỏi lưỡi đao thiện xảo của *Āṅgulimāla*. Võ nghệ và cách giết người của *Āṅgulimāla* càng ngày càng tinh luyện. Chưa ai thoát khỏi bàn tay của *Āṅgulimāla* nếu gặp mặt hắn!

Khắp cả mấy cánh rừng và ven rừng, nơi *Āṅgulimāla* ở, một đồn mười, mười đồn trăm, thời gian sau chẳng còn ai dám lai vãng nữa. Chuyện náo động đến kinh thành *Sāvatthi*. Một nhóm các vị bô lão đại diện dân chúng xin được bệ kiến đức vua *Pāsenadi*, tâu rằng:

- Xin bệ hạ hãy cứu nhân dân vô tội! Tên cướp giết người *Āṅgulimāla* đã ra tay giết hàng trăm mạng người, không coi pháp luật nước *Kosala* của bệ hạ ra cái gì nữa!

Đức vua *Pāsenadi* nước *Kosala* nghe chuyện hệ trọng, tức tốc cho hội triều hỏi ý kiến của bá quan. Ai cũng đồng ý mang quân diệt cướp. Tuy nhiên không có viên đại tướng nào tình nguyện dẫn đầu đoàn quân! Cái uy danh và tin đồn về võ nghệ siêu quần bạt tụy của *Āṅgulimāla* làm cho những viên đại tướng của đức vua sợ xanh mặt.

Đức vua *Pāsenadi* nổi giận:

- Giết một tên cướp mà chẳng có đại tướng nào dám ra tay, quả là khiếp nhục. Vậy thì chính ta sẽ mang đại quân đi tảo thanh!

Vị bà-la-môn quân sư, là thân phụ của Aṅgulimāla, có trực giác mơ hồ: Tên cướp Aṅgulimāla ấy chính là con trai của ông, chính là Ahimsaka thân yêu của ông.

Bãi triều, về nhà, ông âu sầu nói chuyện với vợ:

- Này phu nhân! Ngôi sao “kẻ cướp sát nhân” thuở xưa đã ứng điềm triệu nơi con trai của chúng ta rồi đấy!

Nghe vậy, bà Mantanī quỳ lạy, xổ tóc, thốn thức, khóc lóc thảm thương, cầu xin chồng tìm biện pháp cứu con trước khi bị đức vua vây bắt. Ông bà-la-môn quân sư đứng lặng, ruột đau như cắt nhưng lý trí rất vững mạnh, ông nói:

- Tôi cũng đau xót lắm, nhưng việc cứu con, tôi không thể, xin phu nhân tha thứ cho tôi.

Bà Mantanī gào lên:

- Phu quân là thầy của vua, quyền lực nghiêng trời lệch đất! Phu quân lựa lời khôn khéo nói một tiếng còn ai dám không nghe?

Bà-la-môn quân sư nghiêm sắc mặt:

- Phu nhân không nên nói vậy! Còn có luật vua, phép nước; con trai ta giết người thì nó phải đền tội, đấy là điều công bằng. Chúng ta đừng vì tình riêng mà che mờ đức lý cũng như lương năng xã hội!

Bà Mantanī im lặng.

Đối với bà, Aṅgulimāla dù là kẻ cướp giết người, nhưng trong trái tim người mẹ, nó chỉ là đứa bé nhỏ dại, đáng mến, đáng yêu, đáng tha thứ xiết bao! Thế là chẳng quản gian lao, vất vả, nguy hiểm, bà Mantanī trốn lánh bà-la-môn quốc sư, bươn bả, lặn lội ra phía ngoại ô, dò hỏi đường, đi tìm con!

Cuối canh chót đêm ấy, đức Phật quán xét chúng sanh nào hữu duyên nên tế độ thì ngài nhìn thấy Aṅgulimāla. Và tên cướp sát nhân, sau khi trải qua gian truân của nghiệp, duyên lành sẽ trở

sanh. Đức Phật đến sớm một bước, nếu chậm trễ, Aṅgulimāla sẽ giết mẹ, phạm ngũ nghịch đại tội thì vô phương cứu thoát!

Thế rồi, sáng hôm sau, đức Phật đi vào thành Sāvatti để khát thực như lệ thường. Sau khi độ ngộ, dọn dẹp cất đặt sạch sẽ xung quanh cội cây, ngài khoác y, ôm bát men theo con đường mòn nhỏ, nhắm hướng khu rừng, nơi Aṅgulimāla trú ngụ mà đi thẳng. Dọc đường không biết là bao nhiêu người can gián, vì đây là lối dẫn đến Rừng Sát Nhân mà ai cũng kinh sợ, hãi hùng.

Đức Phật nghĩ là nên cảm ơn họ và trấn an họ:

- Chư vị hãy an tâm! Như Lai không phải một sa-môn tầm thường, mà Như Lai là một vị Phật, một vị A-la-hán, một bậc Chánh Đẳng Giác. Hôm nay, Như Lai đi vào khu rừng chết người này nhưng Như Lai sẽ không chết, trái lại, Như Lai sẽ tế độ cho Aṅgulimāla, giúp cho kẻ giết người hung dữ kia trở lại với cuộc sống hiền thiện. Như Lai cảm ơn chư vị đã có lòng tốt!

Thấy tướng hảo quang minh rạng ngời của đức Phật, thấy khuôn mặt và nụ cười an tĩnh, tự tin của ngài, dân chúng biết đây đúng là đức Phật - chợt nhiên, họ đồng phủ phục xuống:

- Vậy xin ngài tế độ cho kẻ cướp để cho chúng con được sống trở lại cuộc đời an cư lạc nghiệp!

Đức Thế Tôn mỉm nụ hoa sen, đáp lại:

- Chư vị sẽ được như nguyện!

Hôm ấy, Aṅgulimāla ngủ dậy muộn. Đã thức cùng với mặt trời lên cao, chàng còn nhẩn nha vào rừng kiếm trái cây ngon, ăn một bụng no! Ăn xong, chàng xuống suối tắm mát. Tắm xong, khi nhìn chiếc bóng lồ lộ, rõ nét của mình trong dòng nước trong, Aṅgulimāla bản thân suy nghĩ: “Cha mẹ ta đã già, thường ước mong cho ta trở thành người hữu dụng, mang tài học xuất chúng giúp ích cho xã hội. Bàn tay ta đã tắm nhuộm quá nhiều máu người vô tội! Ôi! Đây là sự hy sinh quá lớn! Nhưng nếu không có sự hy sinh này thì làm sao ta có thể học được môn học tối cao?”

Aṅgulimāla thở dài, đứng dậy, nhìn quanh một vòng rồi trang

bị năm loại vũ khí vào người... “Hắn lại đến!” Āṅgulimāla thăm nghĩ - hễ cứ mỗi lần trang bị năm loại vũ khí vào người rồi là như có một luồng khí rất mạnh chạy rần rật trong cơ thể, như được tiếp thêm sinh lực của năm, bảy con ngựa nòi! Rồi, sức mạnh ấy đẩy chàng đi, bắt đầu sử dụng các loại vũ khí và giết người! Nên khi bước ra khỏi bìa rừng là mất chàng đồ ngẫu, lý trí mất hết, chàng vọt chạy theo sự điều khiển của bản năng. Cũng như mấy ngày trước, từ rừng trên đến rừng dưới, không thấy một ai, chạy sang các làng kế cận, cũng không thấy một bóng người; rảo thêm mấy vùng phụ cận nữa, vô ích! Khi men theo con đường nhỏ thì mặt trời đã ngã sau đọt cây, chợt Āṅgulimāla thấy một bóng người. Người ấy đang đi về phía chàng. Ngạc nhiên, chàng tò mò nhìn ngắm. Kẻ ấy không sợ chết hay sao?

Người ấy là bà Mantanī, đã bất chấp mọi hiểm nguy để đi tìm con. Thấy hình bóng của một người rừng hoang dã, bà linh tính đây là con trai của mình, bà vô cùng mừng rỡ. Còn khi Āṅgulimāla thấy người đó đúng là mẹ mình, tự nghĩ:

- Mẹ ta thương ta lắm! Mẹ ta sẵn sàng hy sinh mạng sống để cho ta thành tựu ước nguyện. Vậy thì ta chỉ cần giết mẹ là đủ số một ngàn ngón tay rồi!

Nghĩ thế xong, Āṅgulimāla rút đao ra, chạy nhanh tới. Bất chợt lúc ấy một bóng người khác sau hẻm núi bước ra, xen vào khoảng cách giữa Āṅgulimāla và mẹ của chàng! Āṅgulimāla liền thay đổi ý định, cầm đao rượt theo người kia, một sa-môn, là con mồi vô phước từ đâu đến nạp mạng!

Vị “sa-môn vô phước” ấy là đức Phật, ngài đã xuất hiện kịp thời để cứu Āṅgulimāla khỏi tội giết mẹ. Hơn ai hết, ngài hiểu rằng, khi cầm đao để rượt giết người, cậu con trai Ahimsaka này không còn là con người “vô hại” nữa, mà nó chính là kẻ cướp sát nhân hiện thân! Chính sức mạnh của ác nghiệp đã chi phối toàn bộ sinh hoạt thân và tâm của y! Nếu có lý lẽ, hiểu biết thì lý lẽ, hiểu biết ấy cũng chỉ biện minh cho hành động giết người mà thôi!

Khi Aṅgulimāla bỏ bà Mantanī để đuổi theo đức Phật, ngài liền rẽ sang một con đường khác, rồi sử dụng thần thông. Đây là một loại thần thông rất lạ lùng: Vẫn những bước chân chậm rãi, khoan thai, thung dung như một kẻ nhàn du, nhưng đằng sau, Aṅgulimāla đã cố chạy đuổi theo hết sức lực vẫn không bắt kịp. Thế rồi, chạy đuổi theo một do-tuần, hai do-tuần, ba do-tuần... Aṅgulimāla đã huy động toàn bộ sức lực, toàn bộ sức mạnh phi thường, nên bước chân của hắn dường như bay trên đầu cỏ mà bóng vị sa-môn vẫn luôn trước mặt hắn một khoảng cách cố định.

Mồ hôi mồ kê nhễ nhại, đầu vầng mắt hoa, hơi thở dồn dập, tim đập như trống trận, Aṅgulimāla đã đuổi sức, dừng chân lại, cất tiếng gọi lớn rằng:

- Này ông sa-môn kia, dừng lại! Hãy dừng lại!

Đức Phật biết cơ duyên điểm hóa đã đến, nên chân ngài vẫn khoan thai bước đi, cất giọng phạm âm, nói vọng lại:

- Này Aṅgulimāla! Như Lai đã dừng lại lâu rồi! Chính con! Chính con mới là người chưa chịu dừng lại!

Nghe vậy, Aṅgulimāla rất ngạc nhiên:

- Này ông sa-môn! Tại sao rõ ràng ông đang đi mà ông lại nói “Như Lai đã dừng lại rồi”; còn tôi thì đang dừng lại, nhưng ông lại nói “chưa chịu dừng”?

Đức Phật hiện ra thân sắc rực rỡ quang minh, hào quang sáu màu chập chờn di động, rải từ bi tâm bao phủ trọn vẹn con người của Aṅgulimāla, cất giọng nói với tám tuyệt hảo:

- Này Aṅgulimāla! Quả vậy, Như Lai là người đã dừng lại lâu rồi. Như Lai đã dừng lại đao, trượng, dừng lại và từ bỏ tất cả mọi sự giết hại đối với chúng sanh, dừng lại con đường tội ác! Còn con, chính con mới là người chưa chịu dừng đao, trượng, chưa chịu dừng lại sự sát hại chúng sanh, chưa chịu dừng lại con đường tội ác!

Lời nói dịu ngọt với âm điệu trong vắt của đức Phật như giọt sương mai trên đầu núi; và ý nghĩa của nó như xoáy sâu vào

tâm trí Aṅgulimāla, làm lay động, thức tỉnh giấc ngủ mê man của vô minh và vọng nghiệp, trả lại cho Aṅgulimāla khoảng trời bình minh tươi sáng đầu đời. Chàng mở lớn đôi mắt, đứng sững lại, bàng hoàng...

- Này Aṅgulimāla! Hãy dừng lại đi con!

Bây giờ thì Aṅgulimāla đã hoàn toàn thức tỉnh; chàng biết rõ rằng, vị sa-môn này chính là đức Phật, bậc đại bi đang gióng lên tiếng trống bát tử vang dội khắp đó đây, chứ không thể là ai khác nữa, liền quỳ mọp xuống:

- Kính lạy đức Thế Tôn! Con biết tội rồi! Ngài đã đích thân ngự đến khu rừng này là vì hạnh phúc an vui lâu dài cho chính con. Ngài đã từ bi giúp con bước ra khỏi chỗ tối tăm, mê lầm của ngu si và ác nghiệp. Từ đây, con xin nguyện từ bỏ vĩnh viễn đao, trượng; từ bỏ vĩnh viễn bàn tay vấy máu tàn hại chúng sanh! Mong ngài minh chứng cho sự sám hối thành khẩn và thiết tha này!

Xong, Aṅgulimāla đứng dậy, bẻ cung tên, giáo, ném đao, kiếm xuống vực sâu, quăng vòng hoa ngón tay người qua bên kia sườn núi, thành kính đánh lễ bàn chân bụi của đức Phật rồi xin xuất gia.

Với tâm từ bi quảng đại, đức Phật đưa bàn tay ra, nói rằng:

- Này tỳ-khuru! Hãy đến đây!

Tự dung, tóc râu Aṅgulimāla được cạo sạch nhẵn, y áo lấm lem bụi đất và máu người biến mất, thay vào đó là y áo sa-môn tề chỉnh, nghiêm trang với đầy đủ tám món vật dụng của một thầy tỳ-khuru thuộc giáo hội tăng đoàn. Tiếng nói bằng phạm âm của đức Thế Tôn tiếp tục mồn một bên tai Aṅgulimāla:

- Bây giờ con đã là một thầy tỳ-khuru phạm hạnh. Điều mà con xin, Như Lai đã cho con. Sau này, con hãy y chỉ, thực hành theo pháp và luật của Như Lai thì đây mới đích thực là lộ trình dừng lại, chấm dứt mọi khổ ách, khổ nạn nơi trần thế!

Truyền dạy cho Aṅgulimāla xong, đức Thế Tôn dẫn vị tân tỳ-khuru theo con đường khác, không qua kinh thành Sāvatti mà

trở về Jetavanārāma tịnh xá. Nhìn vị tân tỳ-khưu với dáng dấp trang nghiêm, đạo mạo, với lực cần thu thúc, với oai nghi đỉnh đạc, đức Thế Tôn nghĩ: Đứng là tư cách của một đại đức cao hạ, không ai có thể nghĩ đây là một tên giết người khét tiếng.

Cũng trong khoảng thời gian ấy, đức vua Pāsenadi nước Kosala thân chinh dẫn một đoàn quân gồm năm trăm binh mã thiện chiến ra khỏi thành, tìm diệt Āṅgulimāla. Khi đi đến gần Jetavanārāma, đức vua nghĩ là nên vào hầu thăm đức Phật cho phải phép, trước khi sang ranh giới bên kia để vào rừng, bèn hạ lệnh dừng quân.

Thấy đức vua Pāsenadi cùng với đoàn quân trang bị vũ khí sáng ngời, với ngựa thiện chiến nai nịt oai phong, đức Phật bước ra khỏi hương phòng, ân cần thăm hỏi.

Đức vua xứ Kosala bỏ ngựa từ xa, đến bên đức Phật, khấu đầu đánh lễ ngài rồi kể nguyên do đích thân ông phải cầm quân tảo phạt. Đó là tên cướp sát nhân Āṅgulimāla. Đã có hằng trăm, hằng ngàn người bị chết về tay hắn. Kinh hãi nhất là nó giết người không phải để ăn thịt, để uống máu! Nó giết người chỉ để mà “chơi” thôi! Nó giết người, nó cắt ngón tay, nó lấy những ngón tay ấy, phơi khô, xâu thành vòng hoa mà đeo ở cổ! Thế nên, hôm nay ông phải đích thân dẫn hùng binh đi diệt tên giết người dã man ấy.

Nghe xong, đức Phật nói:

- Này đại vương! Kẻ tàn hại, xấu xa, ác độc, hung dữ thì đại vương giết, điều ấy là theo pháp luật của nhà nước, Như Lai không xen dự vào đây được. Nhưng nếu bây giờ kẻ ấy đã trở nên hiền thiện, tốt đẹp, vô hại... thì đại vương nhất định cứu giúp, nâng đỡ, có phải thế chăng?

Đức vua Pāsenadi mơ hồ cảm thấy bị bậc thượng trí đưa vào một cái bẫy vô hình nào đó, trong một lúc không đoán được, nhưng cũng mạnh mẽ gạt đầu:

- Đúng vậy!

- Này đại vương! Bây giờ Như Lai đi vào chính đề đây! Nếu

đại vương nhìn thấy Āṅgulimāla cạo bỏ râu tóc, mặc y cà-sa, xuất gia làm thầy tỳ-khuru, từ bỏ ác độc, hung dữ, sống đời phạm hạnh thiêng liêng, giới đức trong sạch thì đại vương đối xử với vị tỳ-khuru ấy như thế nào?

Đức vua Pāsenadi đáp:

- Bạch Thế Tôn! Đối với tỳ-khuru ấy, con sẽ cung kính đón tiếp, đánh lễ, thỉnh mời vào chỗ ngồi cao quý và xin hộ độ bốn món vật dụng thường xuyên cho vị ấy bất cứ lúc nào! Nhưng bạch Thế Tôn! Chuyện ấy không thể nào xảy ra cho trường hợp của Āṅgulimāla. Vì sao vậy? Vì Āṅgulimāla là kẻ cướp sát nhân, không còn nhân tính; ác tâm, ác tánh đã thành nề; hung dữ, tàn bạo đã thành thói quen thì làm sao có thể trở thành vị tỳ-khuru sống theo phạm hạnh, giới đức trong sạch cho được!

Lúc ấy, tỳ-khuru Āṅgulimāla đang ngồi không xa chỗ đức Phật và đức vua Pāsenadi; đức Phật bèn đưa tay chỉ, rồi nói:

- Sự thật đúng như vậy, thưa đại vương! Tỳ-khuru Āṅgulimāla đang ngồi kia, đang sống đời hướng thiện và hướng thượng vô cùng cao đẹp!

Đức vua Pāsenadi nghe đến tên Āṅgulimāla, chợt đứng phắt dậy, tóc trên đầu dựng ngược, vẻ mặt vô cùng hoảng sợ! Đức Phật lên giọng trấn an:

- Đại vương hãy bình tĩnh! Sẽ không có, sẽ không còn một tai họa nào từ Āṅgulimāla xảy đến cho đại vương đâu!

Đức vua Pāsenadi liếc mắt nhìn về chỗ đức Phật chỉ, thấy một tỳ-khuru tướng mạo trang nghiêm, đẹp đẽ, choàng chiếc y vàng sáng như có hào quang, đang tĩnh tại ngồi thiền trên một tảng đá, tự nghĩ: Đâu có nét nào là ác độc, hung dữ nơi vị tỳ-khuru này?

Đã hết sợ hãi, đức vua Pāsenadi bước gần lại. Lúc ấy, tỳ-khuru Āṅgulimāla cũng vừa xả thiền.

- Thưa đại đức! Ngài chính là Āṅgulimāla phải chăng?

- Phải, tôi đại vương!

Vua vẫn chưa hết ngờ vực, hỏi tiếp:

- Thế thân phụ, thân mẫu ngài tên gì?

- Tâu đại vương! Thân phụ của bản tăng tên là Gagga, hiện làm quốc sư của đại vương, mẫu thân của bản tăng là Mantanī!

Đến đây, đức vua Pāsenadi thở ra một hơi dài như trút hết gánh nặng; một niềm hoan hỷ dâng lên ngập tràn cả tâm tư; bèn cung kính đánh lễ tỳ-khuru Āṅgulimāla, rồi nói:

- Mừng cho người con thân yêu của quân sư Gagga và bà Mantanī được an vui!

Đức vua đánh lễ một lượt nữa, chấp tay bạch:

- Xin đại đức cho phép con được hộ độ bốn món tứ vật dụng: Y áo, vật thực, chỗ ở, thuốc men cho đến trọn đời!

Tỳ-khuru Āṅgulimāla sau khi xuất gia với đức Phật đã nguyện thực hành theo pháp đầu-đà, tri túc trong vật dụng; nên cất giọng điềm đạm nói:

- Tâu đại vương! Xin đại vương đừng bận tâm! Người sa-môn khát sĩ sống hạnh đầu-đà bao giờ tứ sự cũng vừa đủ dùng, không thừa mà cũng không thiếu vậy!

Đức vua Pāsenadi thấy đức Phật hóa độ một tên sát nhân nguy hiểm, trở thành một vị tỳ-khuru hiền hòa, thanh tịnh như thể thì xiết bao cảm phục. Rõ ràng là đức Phật không cần đến bất cứ một thứ vũ khí nào, bất cứ loại quyền lực gì, ngoài trí tuệ vô thượng và lòng đại bi vô biên của ngài! Một niềm kính ngưỡng bao la khởi lên, đức vua Pāsenadi quỳ năm vóc sát đất, rồi tán dương:

- Thật là một điều phi thường chưa từng có, bạch Thế Tôn! Chính ngài, chỉ có ngài mới có thể tế độ được người mà thế gian này không ai có thể tế độ được! Việc làm phi thường của Thế Tôn khiến cho tự con phải suy nghĩ: Với quyền lực, với vũ khí, có thể nào ta bắt buộc người khác cải tà quy chánh được chăng? Câu hỏi ấy trước đây đã kết dính trong đầu con, treo lơ lửng trong giấc ngủ của con, nay thì con được Thế Tôn tháo gỡ; và cũng tự nơi con, con đã tìm được câu trả lời. Xin tri ân vô thượng Thế Tôn!

Đức vua Pāsenadi quỳ lạy bái biệt đức Phật và Āṅgulimāla rồi

dẫn quân trở lại kinh thành! Ông cũng cho người truyền báo tin lành ấy cho quốc sư Gagga và bà Mantanī, người mẹ tội nghiệp!

Chuyện còn kể rằng, buổi sáng hôm kia, đại đức Āṅgulimāla mặc y mang bát đi khát thực, ngài thấy một người đàn bà đang đau đớn quần quai mà không sanh con được, ngài khởi niệm tâm bi: Ôi! Chúng sanh đau khổ quá chừng, thật đáng thương vậy thay! Thế là hình ảnh người đàn bà đau đớn ấy cứ ám ảnh ngài mãi. Độ ngộ xong, trở về Jetavanārāma, đại đức Āṅgulimāla liền vào hầu Phật, bạch lại sự việc đã tận mắt chứng kiến rồi tỏ lòng thương xót đến nỗi khổ của chúng sanh.

Đức Phật nói:

- Vậy này Āṅgulimāla! Con hãy đi đến chỗ người đàn bà ấy, phát nguyện bằng lời chân thật rằng: “Này cô! Từ khi tôi sinh ra, biết mình không tự ý sát hại chúng sanh; do lời chân thật này, xin cho cô sinh đứa con dễ dàng và hài nhi của cô cũng được an toàn!”

Nghe vậy, Āṅgulimāla lộ vẻ ngạc nhiên, bối rối vô cùng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu thế là con đã tự nói dối, vì trước đây con đã giết hại rất nhiều người!

Đức Phật dạy tiếp rằng:

- Nếu thế thì con phát nguyện bằng lời chân thật như thế này: “Này cô! Kể từ khi tôi được sinh ra trong dòng dõi giáo pháp thánh tông, biết mình không tự ý sát hại chúng sanh; do lời chân thật này, xin cho cô sinh được dễ dàng, hài nhi của cô cũng được an toàn!”

Nghe lời chỉ giáo của đức Phật, đại đức Āṅgulimāla đi trở lại chỗ người đàn bà, ngồi trước bức màn che, khởi phát tâm bi mẫn, mở lời chú nguyện! Lại lòng thay! Lời chân thật vừa dứt, người đàn bà sinh đứa con một cách dễ dàng, như đổ nước ra khỏi bình, và hài nhi cũng được an toàn như ý nguyện!

Đại đức Āṅgulimāla sống riêng một mình nơi thanh vắng, nỗ lực, tinh cần tu tập Tứ niệm xứ. Ngày kia, ngài chứng ngộ Tứ thánh đế, đắc quả A-la-hán. Vậy là ngài đã hoàn thành phận sự

của một thiện gia nam tử, từ bỏ đời sống tội lỗi, xuất gia tầm cầu giải thoát mọi ách phược. Ngài biết rõ đây kiếp chót, không còn tái sanh nữa.

Mặc dầu đã giác ngộ hoàn toàn, đứng trong hàng ngũ của bậc thánh, nhưng do năng lực ác nghiệp nên những khi đi khát thực, những cục đá, những khúc cây, những mảnh sành người ta ném đi đâu đó lại rơi trúng nơi đầu, nơi mặt hoặc thân hình của ngài. Lại còn những người mất thân nhân, quyến thuộc thuở trước, được kẻ mách bảo, nhận diện được ngài; họ đã nhiếc mắng, đánh đập bằng đủ vũ khí gì có sẵn nơi tay! Đôi khi về hầu thăm Phật, đại đức Āṅgulimāla ở trong tình trạng đầu bị chảy máu, y rách, bát bể... trông rất đáng thương tâm!

Đức Phật khuyên dạy rằng:

- Này Āṅgulimāla! Con hãy cố nhẫn nại! Thay vì chịu quả khổ lâu dài ở địa ngục thì nay con chỉ chịu quả sơ sơ ở hiện tại này thôi!

- Bạch Thế Tôn! Đệ tử hoan hỷ tín thọ lời dạy bảo này, ở tất cả mọi trường hợp, lúc bị đánh đập bằng tay hay bằng đá gậy, tâm con đều an tịnh!

Đại đức Āṅgulimāla thanh thản ôm bát trở lại trú xứ của mình, nhập thánh quả định, thọ hưởng hạnh phúc an lạc giải thoát.

Đời sống của đại đức từ lúc ấy đến cuối đời quả là thanh cao, trong sáng, đúng như câu kệ ngài hay nhắc tới: “- Người ấy làm cho. Thân tâm xán lạn. Tựa như vàng trắng. Thoát khỏi mây che!”.

3- “Cái Một”

Nàng là một cô gái đã xinh đẹp tuyệt trần, lại thông tuệ, con của một thương nhân cự phú ở kinh thành Rājagaha, được học hành chu đáo nhưng phải lòng một tên cướp đang bị dẫn ra xử trảm ở pháp trường. Nàng tên là Bhaddā và tướng cướp tên là Sattuka⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Chú giải Trưởng lão Ni kệ nói rằng, Sattuka vốn là con trai của quan

Vì thương con, cha mẹ nàng phải hối lộ một ngàn đồng tiền vàng để nhờ người ta đánh tráo tên cướp, mang về nhà và sắp đặt một cuộc hôn nhân. Tiểu thư Bhaddā và chàng trai Sattuka bắt đầu sống chung với nhau trong cảnh vinh hoa phú quý. Chẳng được bao lâu, Sattuka khởi lên ác tâm, muốn giết nàng để lấy đi tất cả đồ nữ trang quý giá. Hắn lập mưu nói là muốn làm một cuộc lễ tạ ơn đến vị thần bảo mạng hộ trì, đây là “ngọn núi thiêng của những tên cướp”⁽¹⁾ Hôm kia, sau khi sắm sửa lễ vật trọng thể, hắn dẫn nàng lên núi cao. Tại đây, Sattuka lột tất cả đồ trang sức của Bhaddā rồi định giết nàng. Hắn đã nói thật dã tâm của hắn. Chán nản người chồng ác đức, tương kế tựu kế, nàng giả vờ đưa mắt đăm đúi nói:

- Tôi yêu chàng lắm, chàng biết không?

- Ta biết!

- Chàng bảo chết thì thiếp sẽ chết. Nhưng xin chàng cho thiếp một đặc ân là được ôm hôn chàng lần cuối cùng!

- Được rồi! Nhanh lên!

Thế rồi, Bhadda ôm hôn Sattuka trước mặt, ôm hôn sau lưng rồi bất ngờ, nàng đẩy tên cướp xuống vực sâu tan xác.

Chư thiên, thọ thần trên núi thấy tên tướng cướp táng tận lương tâm, lại thấy trí thông minh đối trị kẻ ác một cách nhanh nhạy của nàng, họ thốt lời ca ngợi cô gái khôn ngoan, lạnh lẽ, xử lý tên xấu ác nhanh như sấm giập⁽²⁾.

Đã thấm thía tình duyên phản trắc, tiểu thư Bhaddā quăng đồ nữ trang xuống vực, xé rách y phục sang trọng, khoác một mảnh vải tìm đến một nhóm nữ đạo sĩ khổ hạnh thuộc phái Nigantha.

thừa tướng đương triều, kinh thành Vương Xá, mang tất trộm cắp từ nhỏ, chịu không nổi, người cha đành phải đuổi đi.

⁽¹⁾ *Dhp-a II 219 nói chỗ ấy có tên Coro-papāta (Vực thẳm trộm cướp).*

⁽²⁾ *Thoát ý từ câu kệ Pāli: “Na hi sabbesu thānesu puriso hoti paṇḍito, itthīpi paṇḍitā hoti tattha tattha vicakkhaṇā” “Na hi sabbesu thānesu puriso hoti paṇḍito, itthīpi hoti lahuṃ atthavicintakā!”*

Các nữ đạo sĩ hỏi nàng:

- Cô muốn xuất gia khổ hạnh bậc gì?
- Thưa, bậc thượng!

Thế là thay vì cạo tóc bằng những bẹ nứa, người ta nhổ từng sợi tóc cho nàng, máu chảy thành dòng. Các nữ đạo sĩ lấy bùn đất dơ ướm trát lên y áo của nàng, trao cho một cái bát bằng đất rồi dạy giáo pháp, tu tập, thiền định... Không bao lâu sau, cô gái bây giờ là nữ đạo sĩ đã chứng tỏ sự thông minh kỳ đặc, một ý chí sắt thép, một đầu óc siêu việt, một lý trí sắc bén nên sớm được đồng đạo nể phục. Người ta muốn nàng lên đường để xiển dương giáo pháp, đem chuông trống đi đánh xú người. Từ đây, nữ đạo sĩ sống đời ta-bà vô trú, không bao lâu đã nổi tiếng khắp nơi về tài hùng biện. Vì tóc của Bhaddā sau khi bị nhổ, mọc lên lại thì nó xoắn tít nên mọi người thường gọi nàng là Kuṇḍalakesā⁽¹⁾, nữ đạo sĩ “tóc xoắn”.

Thế rồi, từ quốc độ này sang quốc độ khác, từ thành phố này sang thị trấn nọ, nữ đạo sĩ Kuṇḍalakesā lang thang không có trụ xứ, sống đời ta-bà khổ hạnh, người ta lại gọi nàng bằng một cái tên khác nữa là Jambuparibbājikā (hành giả châu Diêm-phù-đề)⁽²⁾. Có điều đặc biệt là nữ đạo sĩ Kuṇḍalakesā đã trở tài vô địch trong những cuộc tranh luận về các môn triết học, tư tưởng trong và ngoài truyền thống Vệ Đà; giương cao ngọn cờ minh triết cho một môn phái khổ hạnh, chủ trương diệt dục bằng lối sống khắc kỷ. Đến ở đâu, nữ đạo sĩ cũng cầm lên đấy một nhánh liễu xanh. Nhưng rồi, đến một lúc nào đó, nhánh liễu này khô đi lại được thay bằng một nhánh liễu mới, chẳng có ai dám nhổ nhánh liễu để tranh luận với nàng nữa!

Hôm nọ, bước chân ta-bà ấy đến kinh thành Sāvatthi (Xá Vệ), nữ đạo sĩ Kuṇḍalakesā cầm một nhánh liễu ngay trước cổng thành. Một số trẻ em tò mò vây quanh...

⁽¹⁾ Theo Dictionary of Pāli proper names hoặc Dhp-a II, 225.

⁽²⁾ Theo Dhp-a II, 223.

Tôn giả Sāriputta, sau khi đi khát thực, trên đường trở về tịnh xá, thấy đám trẻ và nhàn liêu, ngài dừng chân rồi bảo bọn trẻ nhỏ quăng nhàn liêu ấy đi.

Nữ đạo sĩ tóc quăn đi khát thực trở về thấy vậy bèn quát:

- Ai cả gan như thế?
- Thưa, tôi đây! Tôn giả đáp.

Quay nhìn, nữ đạo sĩ Kuṇḍalakesā thấy một sa-môn tướng mạo đoan nghiêm, thần sắc thanh thoát và trầm tĩnh. Chợt dừng nàng cảm nghe hơi chột dạ. Nàng chưa biết ai, thấy ai lại toát ra được cái tự chủ và tự tin như thế.

- Có phải ông là đệ tử của sa-môn Gotama đấy không?
- Vâng, thưa nữ đạo sĩ!
- Ông chấp nhận một cuộc tranh luận chứ?
- Vâng, thưa nữ đạo sĩ!
- Ông có biết rằng chấp nhận tranh luận như thế là một sự mạo hiểm? Ông mà thất bại thì danh dự, tiếng tăm của ông và cả sa-môn Gotama sẽ biến thành mây khói?
- Tôi biết rõ, thưa nữ đạo sĩ!

Nhìn xung quanh, nữ đạo sĩ nói với mọi người:

- Vậy thì chiều nay, tại trú xứ Kỳ Viên của sa-môn Gotama, sẽ có một cuộc tranh luận về giáo pháp. Thành phố này, ai là người có tai, có óc thì hãy đến đây mà nghe!

Không mấy chốc, câu chuyện đồn đãi khắp cả thành Xá Vệ. Buổi chiều, người ta vây quanh khu đất trống trước cổng tịnh xá Kỳ Viên. Không những là dân chúng, cư sĩ các tôn giáo mà còn có bóng dáng hàng trăm đạo sĩ của nhiều giáo phái, hàng trăm vị tỳ-khưu đồng tham dự nữa.

Đúng giờ hẹn, tôn giả Sāriputta trang nghiêm, từ tốn từ trong tịnh xá bước ra. Mọi người hồi hộp, yên lặng.

Nữ đạo sĩ Kuṇḍalakesā cất tiếng hỏi:

- Ngài lấy tư cách cá nhân mà tranh luận hay lấy tư cách giáo hội sa-môn Gotama mà tranh luận?
- Là cá nhân, thưa nữ đạo sĩ! Tư cách giáo hội thuộc về đức

Tôn Sư. Không ai ở trên đời này có thể đại diện một đức Chánh Đẳng Giác, thừa nữ đạo sĩ!

- Thế cũng được. Bây giờ cho tôi được hỏi đây. Ông sa-môn cần những câu hỏi có giới hạn hay không có giới hạn?

Tôn giả Sāriputta xót thương cho sự cống cao, ngã mạn của nàng nên nói:

- Tôi thì không thành vấn đề. Nhưng đối với nữ đạo sĩ thì nên đặt những câu hỏi sở trường nhất của nàng, có lợi nhất cho nàng!

- Tại sao?

- Như vậy sẽ giúp ích cho nữ đạo sĩ hơn. Vì tất cả mọi triết học, tư tưởng trong và ngoài truyền thống Vệ Đà tôi đều biết rõ, thấy rõ; nhưng về giáo pháp của đức Tôn Sư, nữ đạo sĩ không hề hay biết, dầu là một tí chút ở ngoài da!

Đám đông cười ô! Chỉ mới câu nói đầu tiên của trưởng lão, dường như đã minh định được sự hơn thua của cuộc tranh luận.

Thấy mình bị xem thường nên nữ đạo sĩ tức giận quát gắt:

- Thôi đừng nhiều lời, ông sa-môn, hãy nghe ta hỏi đây!

Tôn giả ân cần nhắc nhở:

- Đừng nôn nóng, hãy bình tĩnh! Hãy đặt những câu hỏi nào mà nữ đạo sĩ cảm thấy là hóc búa nhất về Vệ Đà và không Vệ Đà, cả về thiên văn, địa lý, đạo đức, thuật số, luận lý, ngôn ngữ, thế học, đạo học hoặc về tất cả những gì mà đầu óc uyên bác của nữ đạo sĩ đã học hỏi được, tư duy được, trí năng thấu lượm có vẻ tâm đắc nhất!

Kinh sách không ghi lại nội dung chi tiết của cuộc tranh luận lý thú này, chỉ nói là nữ đạo sĩ đã cất vắn tôn giả Sāriputta một ngàn câu hỏi. Và không biết thời gian trải qua mấy ngày. Thật là kinh khiếp! Từng câu hỏi một, vị đệ nhất đại đệ tử như một nhà thông thái đã giải thích, phân tích, đi từ ngoài vào trong, đi từ trong ra ngoài; không những trả lời rất đầy đủ những câu hỏi của nàng mà còn làm cho nàng thấy rõ kiến thức nông cạn, hời hợt của mình nữa.

Nữ đạo sĩ say mê lắng nghe. Tất cả những ngao khí thấy đều

tiêu tan. Mọi sự khôn ngoan, sắc bén của nàng đều thui chột. Mọi kiến thức uyên bác của nàng rõ là trò trẻ con đối với tôn giả.

Cuối cùng, tôn giả hỏi:

- Còn câu hỏi nào nữa không, thưa nữ đạo sĩ?

Nữ đạo sĩ im lặng.

Tôn giả cất lời dịu dàng:

- Một ngàn câu hỏi nữ đạo sĩ đã hỏi và tôi đã đáp; vậy bây giờ tôi hỏi nàng nhé, một câu duy nhất thôi!

- Vâng, thưa trưởng lão.

- Thưa! Nữ đạo sĩ hỏi huyền thuyên trên trời dưới đất. Bây giờ là câu hỏi của tôi: Gì là “Một”? Nói đi, nữ đạo sĩ! “Một” là gì nào?

Câu hỏi của tôn giả thật là lạ lùng không ai ngờ được. Đại chúng sau một hồi lặng ngắt, chợt cười reo, thú vị. Nữ đạo sĩ bàng hoàng. Thời gian trôi qua. Nữ đạo sĩ toát mồ hôi! Mà tượng đá cũng toát mồ hôi!

Tôn giả Sāriputta chậm rãi thả từng tiếng một:

- “Một” mà nữ đạo sĩ cũng không biết thì đòi biết cái gì? Thế mà nữ đạo sĩ đòi biết trên trời dưới đất, đòi học hiểu tất cả tư tưởng, triết học trên đời này? Giả dụ như bây giờ tôi hỏi dễ hiểu hơn về “Cái Một” ấy? “Cái Một” gì, chỉ “Một Pháp”⁽¹⁾ thôi, mà tất cả chúng sanh đều cần đến nó, nếu không có nó thì không thể tồn tại sinh mệnh?

Thời gian trôi qua...

- Tôi chịu, tôi không trả lời được.

- Thế bây giờ tôi hỏi một “Cái Một” khác nữa, dễ dàng hơn nhiều! Đây là “Cái Một” tối thượng, “Cái Một”⁽²⁾ như là thực thể cuối cùng, hay là “Một Pháp” cuối cùng, tuyệt đối, “Cái Một”

⁽¹⁾ Một pháp là vật thực. Tất cả chúng sanh trong ba cõi sáu đường đều tồn tại nhờ vật thực. Giải thích thêm: Vật thực cõi dục giới là vật chất, thô hay tế. Vật thực cõi sắc giới, vô sắc giới là hỷ, lạc, xả, nhất tâm.

⁽²⁾ Là Nibbāna.

ấy là gì nào, thưa nữ đạo sĩ?

- Tôi chịu thua. Tôi hoàn toàn chịu thua rồi!

Tôn giả Sāriputta mỉm cười:

- Cảm ơn nữ đạo sĩ đã trả lời rất thành thật. Biết nói biết, không biết nói không biết, đây chính là tư cách của một trí nhân, thật sự là một trí giả trên đời này.

Nghe vị sa-môn kia coi mình như trí nhân, như trí giả nữ đạo sĩ cảm nghe rất mát ruột, và cũng biết ông ta nhận xét đúng người, những vì bản tính cao ngạo cố hữu, bắt cô chưa chịu khuất phục ngay, cái tính cứng đầu chưa mềm dịu lại được. Cô nói:

- Nhưng tôi chỉ muốn biết “Cái Một” ấy là gì ngay từ bây giờ!

- Hãy trở thành một vị tỳ-khưu-ni, hãy học hỏi giáo pháp thoát khổ; hãy tu tập, hành trì giáo pháp thoát khổ, sau đó, nữ đạo sĩ sẽ tự trả lời cho mình về “Cái Một” ấy.

- Vậy hãy cho tôi gia nhập Ni chúng!

Thế là cuộc tranh luận chấm dứt. Khi được biết rằng người luận thắng nàng là đại đệ tử của đức Phật, bậc tướng quân Chánh Pháp, vị thượng thủ của giáo hội, nữ đạo sĩ không còn thấy xấu hổ nữa. Sau đó, tôn giả Sāriputta gọi nữ đạo sĩ Kuṇḍalakesā đến đức Phật⁽¹⁾. Thấy duyên cơ sâu dày, lợi căn, lợi tuệ của nữ đạo sĩ, đức Phật chỉ thuyết tóm tắt nhưng cốt lõi về uẩn, về xứ, về giới, về bất tịnh, về vô thường, về dukkha, về vô ngã⁽²⁾. Nữ đạo sĩ đắc pháp nhãn, nàng quỳ gối đi đến gần đức Phật hai tay chấp lên đỉnh đầu vô cùng tôn kính để xin được xuất gia.

Đức Phật chỉ nói đơn giản:

- Này Bhaddā! Hãy đến đây! (Ehi Bhaddē!)(³)

⁽¹⁾ Theo Dhp-a II,225: Tôn giả Sāriputta gọi nàng đến xuất gia tại Ni viện.

⁽²⁾ Kệ Pāli: “So me dhammamedesesi khandhāyatanadhātuyo, asubhnicca dukhāti anatā’ti nāyako”.

⁽³⁾ Đức Phật chỉ gọi tên cũ của nàng là Bhaddā; nhưng bhaddā cũng có nghĩa là một cô gái hiền lành, hạnh kiểm tốt - nên đôi nơi dịch là: “Này cô gái hiền thực, hãy đến đây!” cũng được. Tuy nhiên, xin lưu ý cho: “Ehi

Thế là nữ đạo sĩ đã trở thành tỳ-khuru-ni, bây giờ với tên gọi đầy đủ là Bhaddā-Kuṇḍalakesā, sau đó nàng về sống ở ni viện.

Cũng ngay trong ngày hôm ấy thôi, trong lúc rửa chân, nàng thấy nước tan chảy rồi thấm dần trong đất, tư duy chơn chánh phát sanh: “Rời ra các ‘hành’ cũng tương tự như thế!” Tìm một chỗ yên vắng, nàng minh sát nội tâm, thấy rõ các uẩn sinh diệt ra sao, vô thường, vô ngã ra sao; và nàng đã nhanh nhậy đắc quả A-la-hán cùng với các thắng trí.

Sáng ngày hôm sau, tỳ-khuru-ni Bhaddā-Kuṇḍalakesā tìm đến đánh lễ đức Phật với một cảm xúc siêu thoát, như là một người con gái tri ân vị cha lành siêu thế.

Đức Thế Tôn biết chuyện gì xảy ra nên ngài mỉm nụ cười của pháp rồi đọc lên một bài kệ dị giản chỉ để mọi người nhắm đến cái thực mà tu tập:

“- Dẫn cho ngôn ngữ trăm ngàn
Nói lời vô ích chỉ bàn suông thôi
Tốt hơn, ít chữ, ít lời
Nghe xong tịnh lạc, sống đời vô ưu!”⁽¹⁾

Tỳ-khuru-ni Bhaddā-Kuṇḍalakesā không những thắng trí sắc bén mà còn ngôn ngữ biện tài, đã làm cho ni giới nổi tiếng, sáng rõ trong suốt năm mươi năm tại thế, khi gót chân của nàng lang thang các quốc độ, từ Aṅga, qua Māgadha, Vajjī, Kāśi và Kosala... để giáo hóa quần sanh.

4- Bà Mẹ Hộ Độ Tuyệt Vời

Trong mùa an cư lần đầu tiên tại “Lâu đài của mẹ Migāra” (Migāramātupāsāda), đột ngột đức Phật bảo tôn giả Ānanda cho

Bhadde” hoàn toàn khác với “Ehi Bhikkhunī, Ehi Bhikkhave!” chỉ để dành cho các vị trưởng lão!

⁽¹⁾ *Pháp cú 100: “Sahassam api ce vācā anattapadasaṃhitā; ekam gāthāpadam seyyo yam sutvā upasammati”.*

triệu tập tất thầy chư vị thánh tăng từ bậc hữu học đến bậc vô học, nhất là chư đại trưởng lão đang ngụ tại kinh thành Sāvatthi để chính thức ban bố giới luật căn bản thanh tịnh (Pātimokkha) làm y chỉ cho tăng ni từ đây về sau.

Thế rồi, đức Phật cùng chư đại trưởng lão đã mất công phu nhiều ngày mới hình thành nên tạng cho bộ luật này. Sau đó cũng phải mất thêm mấy ngày nữa, triệu tập chư trưởng lão thánh ni, dựa theo bộ luật căn bản của tăng (dẫu chưa đầy đủ), thêm, bớt cho hợp lý, cho tương thích để chính thức ban bố thêm bộ luật cho tỳ-khuru-ni nữa. Vậy là bắt đầu từ hạ này trở về sau, trong các buổi sám hối, tháng hai lần, chư tăng ni bắt đầu có lễ tụng giới Pātimokkha, và từ từ đi vào nền nếp, kỷ cương.

Tại đây, ở “Đông Phương Lộc Mẫu” (Migāramātā-pubbārāma), không có biến cố gì đặc biệt ngoài câu chuyện thú vị về một bà mẹ hộ độ tuyệt vời được chư tăng bàn tán mãi.

Số là, có sáu mươi vị tỳ-khuru, sau khi xin được đề mục thiền từ đức Đạo Sư, họ bèn lìa xa thành phố tìm đến một ngôi làng sơn cước, có tên là Mātikagama để tu tập. Vị tỳ-khuru lớn tuổi nhất, được xem như là bậc trưởng lão liền dẫn đầu hội chúng, đi vào làng để khát thực. Có người mẹ của người thôn trưởng, trông thấy chư tăng, bà rất hoan hỷ, bèn thỉnh vào nhà để đặt bát cúng dường. Sau đó, mời thỉnh chư tăng an cư ở đây để cả làng cùng nhau hộ độ.

Vị trưởng lão và chư tăng im lặng nhận lời.

Khi đầu đó đã xong xuôi, vị trưởng lão tụ họp chư tăng ở căn nhà hội rồi nhắc nhở rằng:

- Được bà mẹ và dân làng lo cho đầy đủ tứ sự như thế này thì chúng ta không thể biếng nhác, giải đãi được. Phải tu tập cho tốt, hành đạo cho đàng hoàng; nếu không, tám cảnh địa ngục⁽¹⁾ sẽ mở

⁽¹⁾ *Tám cảnh địa ngục là: 1, Địa ngục Sañjīva: Chúng sanh bị guơm đao đâm chém, gây gộc đánh đập, cối xay nghiền giã; nhưng khi có gió mát thổi tới thì tỉnh lại, sống lại như cũ nên gọi là Sañjīva (sống lại). 2, Địa*

cửa ra, chào đón những ông chủ là chúng ta, sắp trở về nhà đây.

Hôm ấy, vào buổi chiều, bà mẹ người thôn trưởng dẫn theo mấy chục người gồm con cái, dâu rể, cháu chắt rất đông cùng mang theo bơ, đường, sữa, dầu thắp, dầu thoa, thuốc ngựa bệnh đi đến căn nhà hội. Nhưng nhìn xung quanh, họ không thấy một ai. Chỉ có một vị tỳ-khưu trẻ ở đầu đó vì thấy đông người nên bước lại. Họ hỏi:

- Các ngài đi đâu cả rồi, thưa sư?

- Ai cũng đang nghiêm túc, chú mục chánh niệm, tỉnh giác để thực hành sa-môn hạnh đó, thưa mẹ!

Khi được gặp vị trưởng lão, bà mẹ hỏi:

- Pháp tu sa-môn hạnh đó ra sao, thưa ngài?

Vị trưởng lão với tâm từ, cặn kẽ giải thích từ việc mặc y, mang bát, đi trì bình khát thực phải chánh niệm ra sao. Trên đường đi phải thu thúc làm sao, về đến căn nhà hội phải thọ thực như thế nào. Sau đó, mỗi người tự tìm chỗ riêng lẻ để tu tập các đề mục thiền định hay thiền quán... Từ tờ mờ sáng cho đến tận đêm khuya, một vị tỳ-khưu không được lơ là thất niệm, không được phóng dật, giải đãi ra sao... Tất cả, vị trưởng lão đều giải thích rất cặn kẽ.

ngục Kālasutta: Chúng sanh bị sợi dây thừng đen (kāla là đen, sutta là sợi dây) căng tứ chi ra rồi cưa, cắt chặt tứ chi, thân thể ra từng khúc. 3, Địa ngục Saṅghāta: Những tội nhân tụ họp nhau lại (saṅghāta) mà cắn xé nhau. 4, Địa ngục Roruva: Tội nhân chịu nhiều cực hình, đau khổ quá nên kêu la, khóc gào (roruva) thảm thiết 5, Địa ngục Mahā roruva: Như 4 nhưng kinh khiếp hơn nên gọi là đại (mahā). 6, Địa ngục Tāpana: Tội nhân bị lửa thiêu cháy làm cho thân thể khô héo (tāpana), lụi tàn dần dần, đau khổ không kể xiết. 7, Địa ngục Mahā tāpana: Như 6 nhưng gia bội lửa cháy kinh khiếp hơn. 8, Địa ngục Avīci: Tội nhân chịu cực hình liên tục, không gián đoạn nên còn gọi là vô gián (Vīci là khoảng cách, avīci là không khoảng cách, không gián đoạn). Tám địa ngục này trong Luận Câu Xá lần lượt ghi nghĩa tương đương: Đẳng hoạt, hắc đẳng, chủng hợp, khiểu hoán, đại khiểu hoán, viêm nhiệt, đại viêm nhiệt, vô gián (Rất nhiều tự điển Phật học có ghi và có giải thích khá rõ ràng).

Nghe xong, bà mẹ tán thán:

- Thật tuyệt vời làm sao là sa-môn hạnh!

Rồi bà dè dặt hỏi:

- Thế cái sa-môn hạnh ấy, tôi thực hành chút chút có được không? Chút chút ấy có đem lại lợi ích thật sự cho tôi không?

- Được chứ! Vị trưởng lão hoan hỷ nói - Mẹ cũng có thể tu tập được, cứ từ từ đi từ cạn vào sâu thì có thể thành tựu được an lạc và hạnh phúc trong đời này và nhiều đời sau nữa đó!

- Vậy thì xin ngài hãy chỉ dạy cho tôi!

Thế là vị trưởng lão hướng dẫn cho bà mẹ cách niệm ba hai thể trực, quán bất tịnh của thân. Rộng hơn một chút, nói về các đề mục khác thuộc các định khác nhau. Sâu hơn một chút nữa, giải thích thể nào là danh tâm, sắc tướng; cái gì gọi là ngũ uẩn; cái gì được gọi là danh và sắc; và sau cùng, phải nhìn ngắm, quán chiếu ra sao để thấy rõ tam tướng vô thường, dukkha, vô ngã của chúng...

Hóa ra, bà mẹ tuy lớn tuổi mà nắm bắt rất nhanh rồi về nhà tu tập cũng tiến bộ rất nhanh như vậy. Trong vòng mới hơn bảy ngày mà bà đã xả ly, ly tham khá nhẹ nhàng rồi lần lượt đi từ các định từ cạn vào sâu. Ít hôm sau nữa, bà mẹ quán danh sắc, ngũ uẩn thấy rõ sanh diệt, thấy rõ các pháp trống không, vô ngã; bà chứng quả A-na-hàm, có tuệ phân tích, có luôn cả tha tâm thông.

Sau khi thọ hưởng an lạc của thiền, an lạc của đạo quả siêu thế, trở lại cận hành định, bà mẹ suy nghĩ: “Thật vi diệu và thù thắng thay là pháp sa-môn hạnh. Mình mới tu tập chút ít mà thu hái thành quả như thế này thì chắc các con trai của ta phải là mùa màng bội thu, sum suê trái quả!” Tò mò, bà mẹ hướng tha tâm thông rà soát một lượt tâm ý sáu mươi vị sư lác đác nơi này và nơi khác thì bà thấy rõ, hóa ra chưa ai được cái gì cả, thiền chứng cũng như đạo quả. Các trở ngại của các vị là tham nhiều, sân nhiều, phóng tâm, trạo cử nhiều, các tướng quá khứ chi phối nhiều nên không trú tâm được. Và trên tất cả, cụ thể nhất là máu huyết, khí huyết của các vị có cái gì đó bất ổn, có cái gì

đó bị xáo trộn. Thân bất an kéo theo tâm bất an. “Hóa ra là do vật thực không thích hợp mà sinh ra!” Kết luận như vậy xong, hôm sau, bà mẹ sắm sanh, nấu nướng nhiều thức ăn khác nhau, đầy đủ chất béo các loại, chất ngọt các loại, chất bùi, chất đắng, chất cay, chất xơ các loại... rồi thỉnh chư tăng độ thực ở căn nhà hội.

Quả thật, nhờ vật thực thích hợp, tối hôm ấy, bà mẹ thấy chư sư hành thiền tốt hơn, có vị đã an trú tâm, có vị đã đi vào cận hành định, có vị quán danh sắc, ngũ uẩn rất có hiệu quả.

Hôm sau, hôm sau nữa, ai cũng ngạc nhiên, không hiểu làm sao mà bà cụ thường đặt bát cho từng vị những món mà họ cần, những món mà họ thích! Có lạ gì đâu, bà mẹ đã chịu khó, âm thầm theo dõi từng vị nên biết rõ nhu cầu cơ thể của từng người.

Nhờ sự hộ độ siêu việt của bà mẹ, trải qua gần mùa an cư, cả sáu mươi vị tỳ-khưu đều đắc quả A-la-hán! Ai cũng biết rằng, khi đến đây, họ đều là kẻ vô văn phạm phu; sau an cư mùa mưa, họ đều chứng quả vô học, vô vi, giải thoát. Công lao ấy, công đức ấy, tất cả đều do nhờ bà mẹ của chúng ta: Một vị thí chủ hộ độ tuyệt vời.

Trước khi về Jetavanārāma yết kiến đức Đạo Sư, vị trưởng lão và chư tăng đến gặp bà mẹ và dân làng đề tri ân sự cur mang, hộ độ tứ sự chu đáo bấy lâu.

Bà mẹ cười:

- Từ rày, tôi không dám gọi các ngài là “con trai của ta” nữa! Tâm các ngài ở cao hơn, tôi tìm mà không thấy. Thật là kỳ diệu.

Vị trưởng lão cũng cười, thành thật khuyên bảo:

- Mẹ đừng nên quá đi sâu vào các thắng trí; chỉ cần miên mật quán những ái vi tế của sắc và vô sắc, quán những dính mắc vi tế của ngã ở nơi thọ, tưởng và tâm hành là làm xong những việc cần phải làm trên đời này!

Bà mẹ chột quỳ sụp xuống:

- Đúng là vậy! Tri ân trưởng lão.

Khi tiễn chư tăng ra đầu làng, bà còn nói:

- Khi nào du phương hành hóa, tiện dịp, tiện đường tôi thỉnh

mời quý ngài ghé qua ngôi làng sơn cước này. Ở đây lúc nào cũng sẵn sàng cung đón đệ tử của đức Thế Tôn.

Về đến đại tịnh xá Jetavanārāma, sáu mươi vị A-la-hán vào đánh lễ đức Phật, vãn an sức khỏe của ngài. Xong, vị trưởng lão kể lại đầu đuôi tự sự, những nhân, duyên và quả tại ngôi làng Mātikagama ấy cho đức Phật nghe.

Đức Phật mỉm cười:

- Đúng là như vậy! Đúng là có chuyện hy hữu như vậy! Bà mẹ Mātikagama⁽¹⁾ là một nữ thí chủ hy hữu, tuyệt vời!

Cả mấy ngày hôm sau, chư tăng Jetavanārāma ai cũng nghe được câu chuyện tại ngôi làng sơn cước và sáu mươi vị đắc quả A-la-hán. Ai cũng tỏ ra hâm mộ và tán dương công hạnh của bà mẹ ấy.

Chuyện kể tiếp thêm rằng, có một vị tỳ-khưu nghe chuyện, thích quá, ông ta đến xin đức Phật, được ngài đồng ý nên hỏi hỏi thu vén vật dụng, y bát rồi lặn lội tìm đến ngôi làng có bà mẹ hộ độ hy hữu để hy vọng rằng, nhờ ăn uống hợp khẩu vị sẽ chóng đắc quả A-la-hán. Đến căn nhà hội, để đẩy ta-bà và y bát một bên, vị tỳ-khưu khởi sanh ý nghĩ: “Chà, đi đường xa mệt mỏi! Ước gì bà mẹ cho một cân sự nam đến quét dọn trong ngoài cùng làm đầy những lu nước thì hay quá!”

Lát sau, quả thật có một thiếu niên mang theo vật dụng cần thiết và đáp ứng ngay những yêu cầu trong tâm của vị tỳ-khưu. Thấy sự việc diễn ra quá nhiệm màu, vị tỳ-khưu khởi tâm muốn uống nước ngọt, khởi tâm muốn ở tu tại cái cốc lá dưới gốc cây to kia, khởi tâm rằng là sáng mai, trước khi đi khát thực có món cháo béo, nấu thật nhừ để điểm tâm thì quý hóa quá...

Ước gì được nấy. Đến nổi, vị tỳ-khưu không cần đi khát thực đâu xa, vì mới bước ra khỏi cốc lá chỉ vài chục bước chân thì đã có thí chủ đặt một bát đầy thực phẩm với những thức ăn ngon lành.

⁽¹⁾ Bây giờ đã trở thành tên của bà mẹ.

Vị tỳ-khuru suy nghĩ:

“- Bà mẹ Mātīkagama này là người như thế nào mà có khả năng thắng trí lạ lùng như thế? Ta ước ao được gặp bà vào buổi đặt bát ngày mai. Xem nào, bà sẽ đi tay không và con cháu bà sẽ mang theo vật thực loại cứng, loại mềm!”

Sự việc ngày mai xảy ra đúng y như vậy.

Bà mẹ sau khi cúng dường, đánh lễ vị tỳ-khuru rồi nói rằng:

- Nay con trai! Cứ ở đây, hãy an tâm mà tu tập đừng ngại gì cả.

Độ thực xong, vị tỳ-khuru hỏi:

- Thưa mẹ! Dường như mẹ có tha tâm thông phải chăng?

- Sao con trai lại hỏi vậy?

- Vì tôi ước gì thì có vậy!

- Nhiều vị tỳ-khuru họ cũng biết như vậy mà, con trai!

- Tôi không nói các vị tỳ-khuru khác. Tôi hỏi mẹ thôi!

Vì là bậc thánh, không khoe pháp bậc cao nhân nên bà mẹ đáp:

- Nay con trai! Mẹ biết con cần những thứ ấy nên giúp con những thứ ấy! Con còn nhỏ nên mẹ giúp đỡ con như con trai của mẹ vậy thôi! Cũng là chuyện thường mà!

Trả lời vậy là hết hỏi. Nhưng vị tỳ-khuru đã có kết luận trong tâm: “Đích thị mẹ Mātīkagama có tha tâm thông rồi! Và chưa chừng còn có nhiều thông khác nữa đấy!”

Khi bà mẹ về rồi, sự nghĩ đến một chuyện, vị tỳ-khuru hoảng kinh: “Chết rồi! Nguy hiểm rồi! Mình là kẻ phạm phu tục tử, biết bao nhiêu là ý nghĩ xấu quấy xảy ra trong ngày, trong đêm? Nếu rủi mà lúc ấy, đôi thần nhãn của mẹ Mātīkagama quét tới thì những ý nghĩ ô trọc, dơ uest, bần thiũ của ta biết trốn vào đâu? Ối! Mẹ Mātīkagama sẽ thấy rõ trái tim đen của ta? Ta sẽ giống y như tên ăn trộm, bị mẹ nắm đầu, nắm tay bắt ngay tại trận tiền? Sẽ xấu hổ quá! Xấu hổ quá đi mất!”

Nghĩ thế xong, vị tỳ-khuru hỏi hủ thu xếp vật dụng, y bát rồi cũng hỏi hủ rời liêu cốc, trốn đi!

Khi vị tỳ-khuru trở về gặp đức Phật, ngài hỏi:

- Sao ông lại quay trở lại đây?

- Nguy hiểm quá, bạch đức Thế Tôn!
- Tại sao?
- Thưa, vì bà mẹ Mātikagama có tha tâm thông, đệ tử nghĩ cái gì là bà biết cái ấy! Vì tâm đệ tử còn nhiều xấu quấy nên sợ quá!

Đức Phật nghiêm khắc nói:

- Vậy thì ông lại càng cần tới nơi ấy! Những ý nghĩ xấu quấy nếu có sanh lên thì nó cũng diệt mất. Kệ nó. Ông chỉ việc giữ cái tâm, theo dõi cái tâm mà thôi!

- Đệ tử chỉ việc giữ cái tâm thôi à?

- Đúng thế!

- Vậy thì đệ tử sẽ cố gắng!

Vâng lời đức Phật, vị tỳ-khuru trẻ trở lại ngôi làng Mātikagama, nơi cái cốc lá của mình, chăm chuyên gìn giữ cái tâm, theo dõi cái tâm, rà soát cái tâm một cách sát sao, tinh cần; ông thấy rõ sự sanh diệt, sanh diệt liên tục của các cảm giác, của các tri giác, của các tâm hành, của các ý nghĩ, nhận thức. Thế rồi, vị tỳ-khuru đắc A-la-hán quả, tuệ phân tích luôn cả các thắng trí.

Trong đêm, thọ hưởng hạnh phúc siêu thế, vị tỳ-khuru vô cùng tri ân đức Phật cùng bà mẹ. Tri ân đức Phật là chuyện của trời, người ba cõi. Còn bà mẹ này mới thật là kỳ diệu. Ông nghĩ: “Không rõ do nhân duyên gì từ quá khứ mà bà đã giúp ta đến bờ siêu thế? Kiếp này thì thấy rõ rồi, còn các kiếp khác thì sao?” Vị tỳ-khuru liền sử dụng túc mạng thông hướng tâm đến bà mẹ. Thì thấy rõ ràng, kiếp thứ chín mươi chín, bà là bạn gối chăn của ông. Nhưng bà đã sanh tâm ngoại tình, với một người, và đã ra tay giết ông một cách dã man! Ông nghĩ: “Hóa ra, bà ta không những lang tâm trắc nết mà còn hung dữ, ác độc nữa!”

Trong lúc ấy thì bà mẹ cũng đang theo dõi vị tỳ-khuru xem thử tu tập ra sao. Bà thấy nhờ minh sát cái tâm mà vị tỳ-khuru đi vào đạo quả thứ nhất, đạo quả thứ hai, đạo quả thứ ba rồi sau đó bà không thấy gì được nữa. Bà nghĩ, phải chăng ông ta đã đi vào đạo quả A-la-hán rồi! Ồ! Đúng sự thật là vậy rồi!

Trong thời gian sau này, bà mẹ cũng chỉ dừng ngang nơi quá vị A-na-hàm chưa chứng rốt ráo được, nhưng bà lại có thêm một vài thắng trí khác nữa. Khi vị tỳ-khuru dùng túc mạng thông, theo dõi bà chín mươi chín kiếp thì bà cũng thấy rõ kiếp thứ chín mươi chín ấy, bà là bạn đời của ông ta, thấy rõ mình ngoại tình và giết chồng!⁽¹⁾ Bà bèn đi thử lên kiếp thứ một trăm thì thấy mình cũng là vợ của ông ta, nhưng kiếp này mình đã hy sinh mạng sống để cứu chồng!

Lúc vị tỳ-khuru dừng lại nơi kiếp thứ chín mươi chín, bà sử dụng thiên nhãn thông, gọi vào tai ông ta rằng: “Đi tiếp một kiếp nữa, kiếp thứ một trăm, nó sẽ khác!”

Nghe lời bà, vị tỳ-khuru xem kiếp một trăm thì thấy bà hy sinh mạng sống cho mình! Ông nghĩ: “Quả thật, kiếp ấy, bà là ân nhân thật sự của ta đó!”

Khi bức màn tử sinh đã được vén mở. Và hai người có duyên nợ với nhau. Vị tỳ-khuru thử đưa lên bàn cân: “Nếu coi việc bà giết ta rồi cứu ta là nhân quả sòng phẳng thì mình vẫn còn mắc nợ bà trong kiếp này”. Nghĩ thế xong, vị tỳ-khuru dùng tha tâm thông, thiên nhãn thông cùng tuệ vô lậu hướng dẫn bà mẹ Mātikagama cắt đứt những sợi dây ràng buộc vi tế còn lại. Nhờ vậy, bà mẹ Mātikagama đắc đạo quả A-la-hán.

Câu cuối cùng mà vị tỳ-khuru nghe được bên tai mình:

“- Tôi xin cảm ơn ông! Mọi gánh nặng tử sinh và phiền não đã buông xuống trọn vẹn rồi. Bây giờ tôi đi trước vì tôi không còn việc gì để làm trên cuộc đời này nữa”.

Thế là bà mẹ Mātikagama vô dư Niết-bàn ngay tại chỗ!

Sau này, đức Phật thuyết lại câu chuyện này, và ngài kết thúc bằng một bài kệ:

⁽¹⁾ Sẽ có sự thắc mắc, tại sao ngoại tình, giết người mà vẫn sinh được làm người vào kiếp sau? Xin thưa, nếu đây là tư tác trong sát na tâm thứ 6, 7 thì sẽ trả quả kiếp sau, chưa biết kiếp nào! Trường hợp trên có thể như vậy, hoặc do nghiệp dữ chưa đủ duyên để trả quả.

“- Tâm ta nhanh nhạy, lẹ làng
Kiếm tìm dục lạc, chạy quàng, chạy xiên
Lành thay! Chế ngự thành hiền
Tâm khéo điều phục, diệt phiền, được an!”⁽¹⁾

5- Thu Phục Ròng Chúa Nandopananda(2)

Hôm ấy, trưởng giả Ānathapiṇḍika sau khi nghe xong thời pháp tại Kỳ Viên, ông rất hoan hỷ về quả báu của sự cúng dường Tam Bảo nên cung kính đánh lễ đức Phật rồi thưa rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Con muốn làm phước sự không mệt mỏi, vậy thì ngày mai, kính thỉnh đức Thế Tôn cùng với tăng chúng năm trăm vị, đến tư gia để cho gia đình con được đặt bát cúng dường!

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

Vào canh chót đêm ấy, như lệ thường, đức Phật nhập đại bi định, xuống cận hành định rồi quán xét khắp thế gian, xem có chúng sanh nào hữu duyên có thể hóa độ chăng? Trong vùng ánh sáng trong suốt của tâm trí thuần tịnh, rồng chúa Nandopananda hiện ra!

Trời vừa hừng sáng, đức Phật hé mở hương phòng, gọi người thị giả trung tín:

- Này Ānanda! Ông hãy cho người thông báo tập trung năm trăm vị tỷ-khưu có thần thông, đặc biệt là phải có Mahā Moggallāna đi cùng với Như Lai đi chơi một cõi xa!

Đức Ānanda ngạc nhiên:

- Đức Thế Tôn đi vân du chốn nào?

- Trên đường đến Tam Thập Tam Thiên!

⁽¹⁾ Pháp cú 35: “Dunniggaḥassa lahuṇo yattha kāmanipātino; cittassa damatho sādhu cittaṃ dantaṃ sukhāvaham”.

⁽²⁾ Sự tích này được viết lại từ bộ chú giải Theragathā, Upādāna, chuyện đại đức Mahā Moggallāna!

- Thế thì lời cung thỉnh đặt bát cúng dường trưa nay của trưởng giả Ānathapiṇḍika phải trả lời làm sao, bạch đức Tôn Sư?

Đức Phật mỉm cười:

- Như Lai có quên lời hứa ấy đâu!

Biết là mọi việc đã được sắp xếp trong vùng trán sáng ngời của bậc siêu nhân ấy, tôn giả Ānanda không dám hỏi gì nữa, cúi đầu lui ra, lặng lẽ đi lo nhiệm vụ của mình.

Cũng vào sáng hôm ấy, tại giang sơn riêng, long vương Nandopananda tổ chức cuộc vui chơi linh đình, cao sang và xa xỉ nhất. Ròng chúa ý thể có nhiều oai lực, đã tự biến hóa ra một cung điện nguy nga tráng lệ, ngự giữa sông nước, với lầu các điệp trùng, với lưu ly, xà cừ, hổ phách lấp lánh!

Ròng chúa ngồi trên ngai có lọng trắng che, phủ bằng diềm kim tuyến, doanh vây xung quanh hầu thiếp, thị nữ sắc đẹp nờn nường. Xa về phía đối diện, thấp hơn là bá quan văn võ, cũng áo mũ cân đai y như một tiểu triều đình ở cõi người. Thị vệ, thị nữ diềm dứa và lòe loẹt xiêm y lượn lờ tới lui bụng hầu thức ăn, nước uống, tất cả đều là mỹ vị, thượng phẩm của chốn long cung! Vua tôi ai nấy đều hể hả nói cười, nhai nuốt ngòm ngòm, ngôn lời như vỡ chợ...

Ngay lúc ấy, đức Phật cùng với năm trăm vị tỳ-khưu đầy oai lực của giáo hội, đang bay qua khoảng không gian phía trên địa phận của ròng chúa như một dải mây vàng vắt trên nền trời! Một long dân trông thấy hiện tượng lạ lùng, chỉ trở rồi la toáng lên:

- Coi kìa! Coi kìa! Một chúa hoàng long vĩ đại của cõi giới nào xuất hiện giữa trời kìa!

Ròng chúa Nandopananda nhiều kiến thức hơn, trông thấy, biết ngay đây là ai! Hình ảnh ấy như chọc tức, như khiêu khích làm cho nó nổi cơn thịnh nộ, đứng dậy, hét như sấm nổ:

- Hay cho bọn sa-môn đầu trọc dám xâm phạm lãnh thổ của ta!

Rồi y hùng hổ, ngạo mạn nói với bọn bầy tôi thuộc hạ:

- Chẳng phải hoàng long, hoàng “liếc” gì đâu! Lũ sa-môn Gotama đây! Không biết chúng có việc gì mà đang dùng thần

thông bay đến cõi Tam Thập Tam Thiên của ông Đế Thích nhất như thỏ đế kia! Chúng đã dám làm rớt bụi trên đầu ta! Được rồi! Hãy chống mắt mà xem oai lực của ta! Ta sẽ làm cho chúng mịt mờ, chẳng thấy đâu là cõi trời ấy, chẳng thấy đâu là đường đi lối về!

Nói thế xong, rồng chúa Nandopananda bỏ dở buổi tiệc, trở thân lực đến ngay chân núi Sineru, biến thân mình to lớn và dài bao quanh núi, cuộn tròn cả ngọn núi, chồng lên nhau bảy vòng; rồi phồng mang che luôn cả chóp núi, trùm luôn cả cung trời Đao Lợi ở bên trong. Thế là từ xa, chẳng ai còn nhìn thấy gì nữa, đất trời như một khoảng mông lung mây khói.

Không gian chợt nhiên như tối lại. Nhìn hiện tượng bất ngờ ấy, Tôn giả Rattṭhapāla thưa:

- Bạch Thế Tôn! Trước kia, mỗi lần lên ngang đây, con đều nhìn thấy đỉnh Sirenu, nhìn thấy cung trời Tam Thập Tam; nhìn thấy cả cung điện Vejayañtapasāda của Sakka thiên chủ cùng lá cờ trên đỉnh tháp ấy! Nhưng nay thì không nhìn thấy gì, trước mặt dường như bị sương khói bít lại! Nhân duyên là bởi đâu hở ngài?

Đức Phật nói:

- Nay Rattṭhapāla! Rồng chúa Nandopananda nổi giận đấy! Hắn đã dùng thân thông, hóa hình to dài bao trùm núi Sineru đến bảy vòng đấy.

Rồi chư tôn giả Rattṭhapāla, Mahā Kassapa, Bhaddiya, Upāli... vị nào cũng muốn ra oai trị tội rồng chúa phạm thượng, nhưng đức Thế Tôn đều không chuẩn y. Chỉ đến khi tôn giả Mahā Moggallāna bước ra xin phép, đức Phật mới gật đầu:

- Phải rồi! Chính ông mới là người có đủ duyên với rồng chúa, ông có biết tại sao không?

Đức Phật nói với đại chúng:

- Trong nhiều kiếp, Mahā Moggallāna đã từng gặp gỡ rồng chúa, và rồng chúa thường kính nể, sợ oai Mahā Moggallāna. Ngoài ra, Mahā Moggallāna đã nhiều tiền kiếp làm long vương

nên rất hiểu tâm lý lẫn những phương pháp làm cho long vương nể phục. Hội đủ được các yếu tố ấy, dầu ương ngạnh, kiêu mạn, hung ác, ngoan cố thế nào thì long vương cũng phải tâm phục, khẩu phục!

Thế rồi, sau đó, tôn giả Mahā Moggallāna trở thành thông, biến thành một con rồng to lớn và dài hơn cả rồng chúa Nandopananda. Rồng này da, vảy cứng hơn cả sắt nguội, lần lượt cuộn lấy và bao quanh thân rồng chúa đến mười bốn vòng; phòng cái mang to nặng như quả núi đè lên mang của rồng chúa rồi dùng thần lực từ từ siết chặt lại! Rồng chúa cảm nghe thân thể, gân cốt mình như sắp bị vỡ ra. Hốt hoảng, sợ hãi, đau đớn, rồng chúa hỏi:

- Ngươi là ai, vô duyên vô cớ lại đến đây hại mạng ta?

Tôn giả Mahā Moggallāna đáp:

- Chẳng phải vô duyên vô cớ đâu, này Nandopananda! Ta là Mahā Moggallāna đến đây trị tội ngươi đã vô lễ với đức Thế Tôn!

Rồng chúa Nandopananda cảm thấy xương cốt như sắp bị gãy vụn ra từng khúc, nhưng vẫn cứng đầu, ương ngạnh nói:

- Đức Thế Tôn ấy là ai, ta không biết. Ta không phục.

- Rồi ngươi phải phục thôi. Ta sẽ không nương tay cho đến khi cái tâm của ngươi mềm như bùn nhão.

Nói xong, ngài gia tăng thần lực. Rồng chúa đau đớn quá, tức giận, hóa ra một luồng khói độc, cuộn cuộn tuôn chảy ra bên ngoài cốt hại mạng ngài cho bằng được. Tôn giả Mahā Moggallāna cũng hóa ra một luồng khói độc lớn hơn, cuộn tròn luồng khói độc của rồng chúa rồi từ từ tuôn đổ vào mắt, vào mũi của nó, làm cho nó khó chịu vô cùng. Nước mắt, nước mũi cay xè, rồng chúa thổi ra một luồng lửa nóng bỏng tan sắt, chảy đá... tôn giả Mahā Moggallāna bèn hóa ra một luồng lửa lớn hơn, đẩy bật luồng lửa của rồng chúa, rồi cứ tìm mắt mũi của nó mà tuôn vào!

Một phần thân thể bị siết chặt đau điếng, co rúm lại, một phần thì bị lửa và khói thiêu đốt; rồng chúa thở hổn hển, nước mắt nước mũi tuôn chảy đầm dề. Dùng kế, nó giả vờ cất giọng

năn nỉ:

- Thôi ông sa-môn! Tôi thua rồi! Tôi phục rồi! Xin ông sa-môn từ bi hiện hình ra! Tôi không dám lếu láo nữa. Xin ông hãy tha cho!

Biết rằng chúa muru mô xảo quyết, chưa thật tâm cải hối, nhưng tôn giả Mahā Moggallāna vẫn thâm thần lực. Ròng chúa đột nhiên thấy toàn thân nhẹ hẫng, khoan khoái vô cùng. Nó tự nghĩ: “Hể vừa thấy bóng dáng của tên sa-môn đáng ghét, ta sẽ chop nhanh lấy và nhai nuốt ngấu nghiến ngay!” Nhưng bóng vị sa-môn vừa xuất hiện đã vội mất ngay như tia chớp, rồi trong lỗ tai của ròng chúa cảm nghe đau buốt tận xương tủy. Hóa ra, tôn giả Mahā Moggallāna biết được ý nghĩ độc ác của ròng chúa. Lại nữa, tâm địa của loài ròng này ngài không lạ lùng gì, nên đã ngài sử dụng một loại thần thông thật cao siêu: Ngài không hề nhỏ lại mà lỗ tai của ròng chúa cũng không hề lớn ra! Thế rồi, ngài tạo một đường kinh hành, đi xuyên qua từ tai phải qua tai trái, rồi từ tai trái qua tai phải của ròng chúa!

Ròng chúa đau đớn, giãy giụa, kêu gào nhưng ngài cũng chưa chịu tha cho! Hết đường kinh hành ấy, ngài tạo con đường khác là đi từ lỗ mũi bên trái sang lỗ mũi bên phải, rồi từ lỗ mũi bên phải sang lỗ mũi bên trái! Đến đây thì ròng chúa dường như không còn chịu đựng được nữa, nó van vãn:

- Xin tha cho! Xin tha cho! Tôi sợ rồi!

Và, quả thật nó đã sợ hãi tài thần thông kinh khiếp của ngài. Nhưng tôn giả Mahā Moggallāna biết rõ nó, hễ có cơ hội là bị nó ăn tươi nuốt sống ngay, nên ngài cười ha hả, nói:

- Này Nandopananda! Ta còn đọc được ý nghĩ của ngươi kia! Đừng hòng mà qua mặt ta. Nhưng xem đây, ta sẽ đi ra đây!

Đã hết đau đớn, ròng chúa thở một hơi dài. Tuy nhiên, chỉ được một lát sau, trong bụng ròng chúa như có một mũi dùi nung đỏ đâm xuyên từ hướng này sang hướng kia! Hóa ra, khi ròng chúa vừa mở miệng, ngài đã đi thẳng vào bụng hắn, mở một đường kinh hành từ hướng tây sang hướng đông, từ hướng

Nam qua hướng Bắc...

Rồng chúa vô cùng kinh sợ, không rõ ngài vào bụng hấn lúc nào! Ruột thì đau đến độ không còn chịu nổi mà tâm trí rồng chúa lại nghĩ: “Người đi vô, có lúc người phải đi ra ngang đường cửa miệng, và hễ chỉ một tí xíu động cựa tợ mảy lông là ta sẽ nghiền nát người ra như bột mới hả được cơn giận này!”

Nghĩ thì nghĩ vậy, nhưng rồng chúa cất giọng rất khẩn thiết:

- Bạch ngài sa-môn! Tôi đã hoàn toàn khuất phục rồi! Chính oai lực của ngài đã làm tôi tán đờm kinh hồn! Từ rày tôi không dám hỗn hào với đức Thế Tôn kia nữa, xin trời cao hãy chứng giám cho!

Tôn giả Mahā Moggallāna hỏi:

- Người biết đức Thế Tôn ư?

- Dạ biết!

- Do đâu người biết?

- Danh tiếng đức Thế Tôn đã chấn động hoàn vũ, nhất là khi ngài chứng quả vị Phật!

- Sao hồi nầy người nói không biết đức Thế Tôn ấy là ai?

Rồng chúa bối rối:

- Dạ, dạ... tôi đã nói dối!

Tôn giả Mahā Moggallāna nói:

- Cái tội nói dối ấy, ta trị người như vậy, người đã tâm phục, khẩu phục chưa?

- Dạ phục rồi!

- Vậy ta tha cho đó. Biết phục thiện là tốt. Ta sẽ đi ra đây!

Rồi tức khắc, chẳng động cựa mảy lông, tôn giả Mahā Moggallāna không biết đi ra lúc nào, đã đứng ngay trước mặt hấn với tướng mạo trang nghiêm, thần oai khiếp vía!

Nhanh như điện, từ hai lỗ mũi, rồng chúa phun ra hai luồng gió độc cực kỳ uy mãnh, như sấm sét, như vũ bão để giết hại tôn giả Mahā Moggallāna! Vốn đã biết được ý định của rồng chúa nên ngài đã an nhiên trú định tứ thiên! Hai luồng gió độc hung hăng, kinh khiếp tưởng sẽ thổi ngài tan xác tận bề Đông;

nhưng rồng chúa đã làm, ngay chính đầu mảy lông của ngài cũng không hề lay động!

Rồng chúa thấy rất rõ về điều ấy, thất sắc, bàng hoàng, nhưng nó quyết chiến đấu đến cùng, không để gì đầu hàng được.

Đến nước này thì tôn giả Mahā Moggallāna không thể nương tay được nữa, ngài quyết tung ra đòn cân não, thật sự đe dọa tính mạng của nó, nó mới phục cho! Thế rồi, ngài biến hóa thành điều vương Gadura to lớn, lưng lững cả một khoảng trời làm cho thiên hôn, địa ám! Điều vương quạt hai cánh lớn rộng phành phạch giữa không gian làm cho núi Sineru phải chao đảo! Từ trên cao, điều vương lao nhanh xuống, lấy hai chân cắm phập, quặp vào đầu và thân rồng chúa, siết chặt như hai gọng kềm, rồi nhấc bổng lên cao!

Rồng chúa nghe buốt đau đến tận xương tủy, máu chảy thành suối, biết rằng mọi thần thông, phép lạ, oai lực của nó - đối với vị sa-môn này, quả thật là hạt cát mà thôi!

“- Ôi! Nó than dài! Hóa ra trời cao còn có trời cao hơn! Chỉ một đệ tử của ông sa-môn Gotama mà đã làm cho ta phải sống dở chết dở như thế này, huống nữa là chính ông ta?”

Nghĩ đến ngang đây, bao nhiêu kiêu căng, tự phụ, hống hách, ngang tàng, tự mãn, cao ngạo, hung dữ... của rồng chúa chợt tiêu tan như hạt tuyết phơi giữa nắng mặt trời! Nó gục đầu, cắn răng chịu đựng cơn đau, rồi nói:

- Bạch ngài sa-môn! Thật không còn lý do gì để tôi tỏ vẻ cứng đầu, ngoan cố được nữa. Ngài có thể dễ dàng chấm dứt sanh mạng của tôi như phui một hạt bụi, nhưng ngài đã không làm thế! Sự nhẹ tay của ngài cũng là vì lòng bi mẫn, ngài chỉ mong muốn tôi bỏ bớt những tánh hư, tật ác mà thôi!

Thâu thần thông lực trở lại, tôn giả Mahā Moggallāna gật đầu, chậm rãi nói:

- Quả vậy, này Nandopananda! Người đã hiểu được ý ta! Việc giết người, đối với ta chỉ cần thời gian một sát-na, không hơn không kém. Nhưng ta đã không làm vậy. Mới làm người

khổ tí chút, lòng ta đã áy náy lắm rồi! Tuy nhiên, còn biết sao hơn, khi chúa loài rồng chỉ biết tâm phục, khẩu phục những ai tài cao hơn mình? Chúa loài rồng dẫu cho đầu và thân thể sắp bị nghiền nát như cám vụn, cái tâm tranh chiến, quyết thắng vẫn chưa chịu từ bỏ! Có phải vậy không Nandopananda?

Rồng chúa hiện hình thành đứa trẻ, quì sụp xuống:

- Đúng là như thế! Cái tánh của tôi là như thế! Tôi ngạc nhiên không hiểu làm sao, ngài có thể biết được tâm địa của rồng chúa, dường như còn tường tận hơn cả tôi nữa?

- Có gì lạ đâu, này Nandopananda! Vì đã nhiều kiếp làm rồng chúa, nên ta biết! Ta cũng đã nhiều đời làm ma vương nên sự lường láo, phản trắc, trá trở, hung ác, xảo trá, thủ đoạn... của người bây giờ, thật chưa bằng một phần mười sáu của ta thuở xưa đâu!

- Hóa ra là như vậy! Hèn gì tôi không thể qua mắt ngài được, dẫu là tí chút!

Rồng chúa thốt thế xong, y lạnh mình, suy nghĩ: “Người ta như thế mà đã dụng tâm tu tập để trở thành một vị thánh hiền thiện! Còn ta là gì mà cứ mãi mãi mê trên con đường độc ác, tự cao?”

Rồi rồng chúa đánh lễ dưới chân ngài:

- Xin ngài hãy cho tôi nương tựa! Hãy cho tôi được cơ hội cải tà qui chánh. Từ rày về sau cho đến trọn đời, tôi sẽ cố gắng chừa bỏ những ác tánh, ác tật ở trong tâm!

Tôn giả Mahā Moggallāna cất giọng dịu dàng:

- Ta tin người làm được việc đó. Ta cũng tin sự cải hối của người bây giờ là chân thật! Nhưng này Nandopananda! Đức Thế Tôn đang ở kia, ngài chính là đức Đạo Sư, là bậc thầy vĩ đại của ta và còn của cả tam giới nữa. Vì lợi ích và hạnh phúc lâu dài cho người, người hãy đến đây mà qui giáo với đức Thế Tôn!

Sau đó, với vài lời vắn tắt, đức Phật nói sơ về ân đức và uy lực của ba ngôi báu; sự nguy hại, bất hạnh cùng những quả khổ dài lâu do những ác tâm, ác hạnh không chịu hồi quá! Khi thấy

rồng chúa đã trở nên nhu thuận, tín phục, đức Phật bèn cho rồng chúa qui y Tam Bảo làm nơi nương tựa hướng thượng cho đến trọn đời!

Duyên hóa độ rồng chúa Nandopananda thế là đã chu toàn, mỹ mãn, đức Phật cùng chư tăng liền vân hành trở về Sāvatti, ghé nhà trưởng giả Ānathapiṇḍika để thọ nhận sự cúng dường!

Vị đại thí chủ hoan hỷ ra nghinh đón với nụ cười nở trên môi:

- Bạch Thế Tôn! Ông nói - Vì nguyên nhân nào mà đức Thế Tôn và tăng chúng đến trễ như thế này?

- Nay Anāthapiṇḍika! Như Lai cùng chư tăng trên đường đến Tam Thập Tam, ngang qua cung điện rồng chúa Nandopananda; và Như Lai đã cho phép Mahā Moggallāna dùng thần thông để nhiếp phục Long vương hung dữ ấy!

- Kết quả như thế nào bạch đức Thế Tôn?

- Trưởng tử của Như Lai đã làm cho rồng chúa kia đã qui phục, nhu thuận, đã có đức tin và đã qui y Tam Bảo!

Nghe vậy, vị đại phú hộ vô cùng vui mừng, vỗ tay lên trán:

- Thật là quý hóa! Thật là điều đáng hoan hỷ! Vậy đệ tử xin cung thỉnh được đặt bát cúng dường đức Thế Tôn và đại chúng tỳ-khưu tại tư gia, không phải một ngày, mà là suốt bảy ngày như thế để chia vui, cùng chúc mừng tôn giả Mahā Moggallāna đã làm nên một kỳ tích hy hữu!

6- Cây Bồ Đề Ānanda

Từ khi kinh thành Sāvatti có hai tu viện lớn là Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên và Đông Phương Lộc Mẫu, nơi nào cũng có sức chứa hàng ngàn vị tỳ-khưu thì đức Phật thường lui tới cả hai nơi trong những lúc họp tăng hay thuyết giảng những bài pháp quan trọng. Tuy nhiên, chỗ đức Phật hằng lưu trú nhất vẫn là Kỳ Viên tịnh xá.

Cứ mỗi độ sau mùa an cư, đức Phật lại ra đi. Chư vị đại trưởng lão đôi lúc cũng cùng với hội chúng đệ tử của mình làm

những cánh hạc du phương, thông dong vô trụ xứ.

Hôm kia, vào khoảng mùa an cư thứ hai mươi bốn của đức Phật tại Kỳ Viên tịnh xá; và có lẽ cũng đã suy nghĩ cặn kẽ, trưởng giả Cấp Cô Độc tìm gặp tôn giả Ānanda, rồi thưa:

- Thường thường, sau mỗi mùa an cư, tịnh xá Kỳ Viên trông đìu hiu và hoang vắng lắm, tôn giả có biết thế không?

Tôn giả Ānanda nhè nhẹ gật đầu:

- Đức Tôn Sư ra đi, chư vị đại trưởng lão và chư tăng cũng ra đi, thì nơi này trống vắng là dĩ nhiên, thưa trưởng giả!

- Cứ mỗi buổi sáng, cứ mỗi buổi chiều, cận sự nam nữ hai hàng đến Kỳ Viên tịnh xá với hoa, với đèn, với trầm, với những vòng hoa, tràng hoa - họ đi quanh một vòng, không biết đặt vào đâu - thế là họ để tất cả vật cúng dường ấy ngoài hương phòng của đức Thế Tôn, đánh lễ hương phòng rồi ra về. Chúng chắt thành từng đồng, từng đồng, ngày này sang ngày khác, đến hư mục và thối rữa. Dường như ai cũng mang một nỗi buồn khó tả!

- Đúng là vậy rồi, thưa trưởng giả!

Ngần ngại một lát, trưởng giả thưa tiếp:

- Những mong tôn giả thưa thỉnh với đức Phật, rằng là, xem có nơi nào khác để hai hàng cận sự có thể đến lễ bái, cúng dường trong lúc ngài bận đi du hóa phương xa, không có mặt ở Kỳ Viên tịnh xá, nhưng vẫn được xem như là đang có sự hiện diện của ngài.

Tôn giả Ānanda đồng ý với thỉnh nguyện ấy nên vào dịp thuận lợi nhất, ngài vào hầu Phật.

- Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu vật biểu tượng được xem như là có sự hiện diện của ngài để chúng sanh có thể đến đây lễ bái, cúng dường (cetiya)?

- Tất cả có ba, này Ānanda! Đức Phật giảng giải - Thứ nhất, những vật có liên hệ đến thân thể (sārikira), như ngọc xá-lợi sau khi Như Lai nhập diệt. Thứ hai, những vật có liên quan đến những đồ dùng riêng (pāribhogika) của Như Lai, ví như y và bát... Thứ ba, những vật biểu tượng nhằm để tưởng nhớ

(uddesika), ví như cây Bồ Đề, kỷ niệm nơi chốn Như Lai chứng ngộ đạo quả vô thượng!

- Đệ tử hiểu rồi! Tôn giả thưa tiếp - Về việc thứ nhất, khi đức Tôn Sư còn tại tiền thì đâu có xá-lợi để tôn thờ? Tuy nhiên, có thể xây dựng ngôi bảo tháp tượng trưng được không, bạch Tôn Sư?

- Không thể được, này Ānanda! Bảo tháp ấy chỉ được kiến tạo khi Như Lai nhập diệt rồi; và khi ấy, tất cả thịt, xương, gân, da, tim, não, máu, mồ hôi, lông, tóc của Như Lai sau khi thiêu đốt, chúng biến thành ngọc thì sự lễ bái cúng dường ngọc xá-lợi ấy mới có ý nghĩa, mới có phước báu, này Ānanda!

- Thế còn đồ dùng riêng, bạch đức Tôn Sư?

- Cũng tương tự vậy, nghĩa là sau khi Như Lai Niết-bàn rồi - mới nói lên được ý nghĩa biểu tượng của nó.

- Vậy thì chỉ còn cây Bồ Đề, kỷ niệm nơi thành đạo của đức Đạo Sư, là có thể thiết lập ngay hiện tại này để mọi người có thể chiêm bái, cúng dường?

Đức Phật nhẹ nhàng gật đầu.

Sau cuộc hội kiến ấy, tôn giả thuật lại câu chuyện cây Bồ Đề với trưởng giả Cấp Cô Độc, với bà Visākhā, với đức vua Pāsenadi...

Tôn giả Mahā Moggallāna tinh minh ngàn dặm, biết chuyện ấy, đã sử dụng thần thông, nhanh mắt, nhanh tay vươn chụp một hạt bồ-đề chín muồi đang rơi từ cây xuống rồi trao ngay cho tôn giả Ānanda, mỉm cười nói:

- Hãy tìm một chỗ tương thích trong khuôn viên tịnh xá để gieo ươm liền tay đi, hiền giả!

Biết được sự hệ trọng của vấn đề cùng ý nghĩa biểu tượng thiêng liêng của nó, tôn giả Ānanda lắc đầu :

- Không! Công đức này hãy để dành cho bậc nhân chủ Kosala!

Tức tốc, tôn giả Ānanda bộ hành vào cung, mang hạt bồ-đề ấy trao cho đức vua Pāsenada rồi nói:

- Chính bệ hạ mới là người xứng đáng gieo ươm hạt bồ-đề này như ngọn cờ chiến thắng tâm linh.

- Không! Không! Tôi không dám nhận cái vinh dự ấy đâu!

Nói thế xong, suy nghĩ một lát, đức vua Pāsenadi mặc đồ đại lễ, cùng với quần thần lên những cỗ xe bốn ngựa đến trao hạt bồ đề ấy cho trưởng giả Cấp Cô Độc, nói rằng:

- Chính trưởng giả là người khởi tâm đầu tiên. Vậy công đức và phước báu này không ai có thể giành phần của trưởng giả được.

Khi mọi người có mặt đầy đủ tại Kỳ Viên tịnh xá, tôn giả Ānanda chỉ chỗ gieo ươm rồi, nhưng trưởng giả Cấp Cô Độc vẫn có vẻ chần chừ thì một giọng phạm âm từ đâu đó vang lại:

- Hãy đặt hạt xuống lỗ đi, này Sudatta! Mọi người nhường nhau, cuối cùng, hạt bồ-đề nằm trong tay ông! Vậy, về tình, về lý, về đạo, về đời đều trọn hảo cả!

Ai cũng biết đây là ngôn lời động viên chính đáng của đức Thế Tôn. Trưởng giả Cấp Cô Độc không dám không nghe theo, bèn chấp tay thành kính vái giữa hư không, rồi đặt hạt xuống, khỏa đất lại, tưới nước lên - trước sự chứng kiến của hai vị đại đại đệ tử, tôn giả Ānanda, đức vua Pāsenadi và bà Visākhā. Từ đó, hạt bồ-đề nảy mầm, phát triển xanh tốt. Cạn sự hai hàng biết chuyện, ai cũng để tâm chăm bón. Một số người còn mang sữa bò, sữa dê cho cây uống nữa nên nó lớn nhanh như thổi.

Trưởng giả Cấp Cô Độc nghĩ đến người tạo thuận duyên cho ước mơ của ông được thành tựu, chính là vị thị giả của đức Tôn Sư nên ông đặt tên là Cây Bồ Đề Ānanda!⁽¹⁾

Ghi chú đặc biệt ở hạ thứ 24:

Trong soạn phẩm “Đường xưa mây trắng” của thiền sư Nhất Hạnh, và soạn phẩm “Sự tích đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni” của Minh Thiện - Trần Hữu Danh, ở hạ thứ 24 này có đề cập đến kinh “Bát đại nhân giác”. Đây là kinh của hệ phái phát triển,

⁽¹⁾ Đây là cây bồ-đề lịch sử có tuổi thọ lớn nhất, hiện nay vẫn còn sống tại Sahet Mahet - Jetavana cũ. Sang Ấn Độ, người biên soạn có đến đánh lễ cây Bồ Đề này.

không có trong thời Phật. Lý do, bảy điều trước là tinh thần phổ quát của giáo pháp, nhưng điều thứ tám, nguyên bốn chữ Hán, có đoạn: “Phát đại thừa tâm. Phổ tế nhất thiết. Nguyên đại chúng sanh. Thọ vô lượng khổ”. Lưu ý cho: Thời Phật, không hề có từ “đại thừa”; và cũng không có tinh thần “nguyện thay chúng sanh, thọ vô lượng khổ”!

Nếu so sánh với Pāli văn thì Theravāda cũng có “8 pháp của bậc chân nhân”, tôi ghi ra đây để chúng ta cùng tham khảo, như sau: 1- Có đủ bảy diệu pháp: tín, tầm, quý, đa văn, tấn, niệm, tuệ. 2-Thân cận bậc chân nhân. 3- Tư duy hướng thiện và hướng thượng, bất hại cho mình và tha nhân. 4- Lý luận, thảo luận chân chánh không gây hại cho mình và tha nhân. 5- Mỹ toàn bốn khẩu thiện hạnh: không vọng ngữ, không ly gián, không ác độc, không vô ích. 6- Mỹ toàn bốn thân thiện hạnh: không sát, đạo, dâm, tửu. 7- Có chánh kiến (kiến, văn, giác, tri như thật). 8- Biết 8 cách bố thí của bậc chân nhân: Vật trong sạch, vật thượng hạng, đúng thời, phù hợp, có suy nghĩ, làm thường xuyên, tâm thanh tịnh, ba thời (trước, trong và sau) đều hoan hỷ.

7- Ni Trưởng Mahā Pajāpatī Gotamī Niết-bàn

Mấy năm nay, sức khỏe của đức Phật không còn như xưa, nên ngài ít bộ hành phương xa, chỉ ở Kỳ Viên hay Đông Phương Lộc Mẫu để giáo hóa tứ chúng.

Tuy nhiên, sau hạ thứ ba mươi ba, đức Phật đã sáu mươi tám tuổi, đột ngột, ngài cho triệu tập chư vị đại trưởng lão cùng chư tăng trên một ngàn vị đồng khởi hành về Vesālī, và sau đó, trú tại Đại Lâm, ở Sảnh Đường Năm Nóc Nhọn.

Hóa ra, đức Phật biết rõ nhân và duyên: Ni trưởng Mahā Pajāpatī Gotamī đang chuẩn bị Niết-bàn lúc bà một trăm hai mươi tuổi. Chúng ta đều biết rằng, bà Mahāmāyā hiếm muộn con cái, đến tuổi năm mươi bốn mới hạ sanh thái tử Siddhattha; và lúc ấy, bà Mahā Pajāpatī Gotamī, người em ruột, tuổi đã năm

mười hai. Thái tử lúc thành Phật là ba mươi lăm tuổi thì bà Mahā Pajāpatī Gotamī đã tám mươi bảy tuổi. Hai năm sau nữa, bà Gotamī cùng với năm trăm công nương Sakyā bộ hành từ Kapilavatthu xuống Vesālī xin Phật xuất gia thì bà đã tám mươi chín tuổi. Từ bấy đến nay, trải qua ba mươi một năm lãnh đạo ni chúng, bà biết tuổi thọ và nghiệp đều đã mãn nên gởi tâm đến đức Phật xin Niết-bàn.

Lúc đức Phật, chư đại trưởng lão và một ngàn vị tỳ-khưu ghé Đại Lâm thì ni trưởng Gotamī đã biết, bà và ni chúng đang ở trong một khu rừng ngoại thành Vesālī. “Giờ là giờ đã phải lẽ, ta sẽ Niết-bàn trước đấng Đại Hùng. Ta sẽ đi trước hai vị tối thượng Thịnh Văn, trước Yasodharā, trước Ānanda và cả trước Nanda nữa. Đức Tôn Sư đã thân hành vân du về đây là đại hạnh rồi!”

Có cái gì lao xao trong gió. Đồng một lúc mấy trăm vị thánh ni trong khu rừng đều đọc được ý nghĩ ấy. Họ đều muốn đi theo ni trưởng để an nghỉ Niết-bàn vô dư.

Thế rồi, ni trưởng dẫn đầu chư ni thánh đệ tử đến Sảnh Đường Năm Nóc Nhọn tại Mahāvana; tại đây, lúc này chư tăng ni và hai hàng cận sự nam nữ rất đông, bà quỳ năm vóc sát đất đánh lễ đức Thế Tôn rồi nói:

- Thưa đức Đại Giác! Con là mẹ của ngài, người-mẹ-của-thế-gian-luân-thường-quy-ước. Và bạch đức Tôn Sư Vô Thượng! Ngài lại là cha của con, người-cha-ở-ngoài-và-ở-trên-mọi-quy-ước-dung-thường; và con là đứa con được sanh ra trong giáo pháp vô tỷ. Rồi ngài lại còn ban cho con niềm vui siêu thế, tức là hạnh phúc vô tạo tác ở ngoài mọi hạn lượng và mọi hạn định nữa. Từ thuở nhỏ, cái-thân-thể-xác-vật-chất của ngài được trưởng dưỡng khôn lớn là bởi con, là do con bế bồng, chăm sóc, nuôi dưỡng. Cũng tương tự như vậy, cái-thân-tinh-thần-tâm-linh của con lại được giáo pháp chăm sóc, nuôi dưỡng là bởi ngài, do ngài mà có. Nhờ con, ngài uống giọt sữa trắng được tinh lọc từ huyết đỏ để tâm bồ hình hài sinh diệt vắng vỏi. Nhờ ngài, con uống được giọt sữa thanh tịnh được tinh lọc từ giáo

pháp để nuôi dưỡng tuệ mạng dài lâu, vô sinh bất tử.

Thưa đức Thiên Nhơn Sư! Đối với phụ nữ trên thế gian, danh xưng hoàng thái hậu, “mẹ của đức vua”, dù cao quý, dù họa hiểm nhưng không phải không dễ dàng có được; nhưng danh xưng “mẹ của đức Phật” thì triệu triệu, tỷ tỷ a-tăng-kỳ mới có được một người! Vậy mà con lại là người phụ nữ ấy! Đây là điềm phúc vô khả tỷ, vô khả đối, cùng tuyệt, tối hậu vậy. Và nhờ ngài, con đã vinh hạnh đạt danh xưng tối thượng như thế đó.

Thưa đức Chánh Biến Tri! Mọi ước nguyện, hạnh nguyện, đại nguyện giờ con đã tựu thành. Mọi hy cầu, sở cầu, pháp cầu dù nhỏ bé hay lớn lao, con đều đã tròn đủ, phú túc, viên mãn. Bởi vậy, hôm nay, ngài hãy cho con được từ bỏ xác thân bất tịnh, tế toái và nhiễm ô này để thị tịch Niết-bàn, an nghỉ vắng lặng vô dư!

Đức Phật trầm tịnh lắng nghe từ đầu chí cuối lời thưa bạch của người-mẹ-thế-gian không bỏ sót một lời một chữ nào. Sau đó, đức Đại Giác trú định kim cương, trở lại cận hành, thân tỏa hào quang sáu màu chập chờn từng đôi một, với màu sắc sáng diệu như vàng dương non trẻ hiện ra trong đám mây chiều; rồi như tiếng chim Ca-lăng-tần-già cất giọng với thang âm vi diệu trên đỉnh Tuyết Sơn:

- Này Người-mẹ-thế-gian vĩ đại! Này vị đại ni trưởng đức hạnh như tấm gương trong! Bà đã lê bước bằng bàn chân trần rớm máu từ cõi hữu hạn sinh diệt để đi đến cõi vô cùng vô sinh bất tử thì có gì đáng nói nữa đâu. Bà đã tự trang bị cho mình những vật trang sức, trang điểm thù thắng như hồ thẹn tội lỗi, ghê sợ tội lỗi, đức tin, tinh cần, nhẫn nại, quyết tâm, từ, xả. Bà đã bỏ xa bụi trần và ác uế ở dưới chân núi để bước lên đỉnh đồi cao vô úy của giải thoát và tự do thì bận rộn làm chi mọi ngôn ngữ quy ước thế tục kia nữa. Không những bà, không những hội chúng tỳ-khưu-ni mà cả hội chúng tỳ-khưu-tăng thì cũng vậy. Nếu tất cả đều thanh tịnh không một chút nhiễm ô thì ai cũng đang đi ra khỏi thế gian này, ví như vàng trắng ra đi lúc

rạng đông sau khi nhìn thấy sự biến mất dần dần của các vì thiên thể. Bà và ni chúng hãy ra đi như vậy. Hãy an nhiên tự tại như vậy mà đi vào Niết-bàn vắng lặng toàn diện, không có dư y!

Ni trưởng và hội chúng thánh ni sau đó trở về ni viện, bỏ ngoài tai mọi sự than khóc sầu muộn của những cận sự nữ, họ yên lặng tìm chỗ tịch diệt Niết-bàn. Lúc ấy, trái đất rung động. Tiếng trống trời vang lên và mưa hoa rơi xuống. Thọ thần, chư thiên, long vương, a-tu-la và cả cõi phạm thiên đều rung động, bồi hồi...

Đức Phật nói với Ānanda và Nanda:

- Hãy thông báo rộng rãi đến hai hội chúng tăng ni, hai hàng cận sự nam nữ trong kinh thành Vesālī và vùng phụ cận về sự Niết-bàn của mẹ và các công nương thánh ni.

Thế rồi, lễ hỏa táng thi hài của ni trưởng Gotamī và hội chúng thánh ni diễn ra vô cùng huy hoàng và trân trọng. Những viên xá-lợi đã được thu nhặt và những bảo tháp thờ cũng được dựng lên để ngàn sau chư thiên và nhân loại chiêm bái, cung kính, cúng dường.

8- Miếng Giẻ Chùi Chân

Từ Vesālī, đức Phật và đại chúng trở lại phương Bắc. theo con đường thương buôn, đi mãi. Lúc này, trời đã sang Xuân mát mẻ nên đức Phật bộ hành rất chậm, ngài ghé nơi này ít hôm, nơi khác ít ngày nên hơn cả ba tháng sau mới về đến Kỳ Viên tịnh xá. Có lẽ đường xa thăm mệt, lại tuổi già, sức yếu, đức Phật giao công việc lại cho hai vị đại đệ tử để ngài nghỉ nửa tháng trong hương phòng.

Rồi mùa an cư thứ ba mươi bốn lại đến. Đức Phật họp các vị trưởng lão để chế định thêm một số giới điều trong tạng luật, nhất là phần “tăng tàn” và “trọng tội” vì có một số trường hợp điển hình phạm tội cụ thể cần phải được chấn chỉnh.

Hôm nọ, cuối mùa mưa, lại có một chuyện xảy ra cho tôn giả

Sāriputta. Số là sau khi an cư mùa mưa xong, tại Kỳ Viên, một số rất đông tỳ-khưu đến chào từ giả tôn giả Sāriputta để lên đường, đi nhiều phương khác nhau để hành đạo. Theo thông lệ, tôn giả hay ưu ái gọi các vị tỳ-khưu bằng tên của gia đình họ đặt, gọi tên theo giới hạnh hoặc pháp hạnh của vị ấy. Ví dụ:

- Này hiền giả Maṅgalo! Hiền giả an vui chứ?
- Này con của bà Dhanī, có khỏe không?
- Vị Đại Hoan Hỷ đây rồi!
- Đại đức tinh thông tạng Luật đây rồi!
- Thượng tọa Độc Cư Khổ Hạnh đây rồi!...

Thấy bậc Tướng quân Chánh pháp niềm nở, vui vẻ, thân tình với tất cả mọi người, ai cũng hoan hỷ, ai cũng cảm thấy mình được biết đến, vinh hạnh được tôn giả quan tâm. Và họ hãnh diện về điều đó. Có một vị tỳ-khưu trẻ, mà hoàn toàn tôn giả Sāriputta thấy lạ hoắc, không biết gọi tên sao, nên ngài đành phải bỏ qua.

Nhưng vị tỳ-khưu ấy không bỏ qua, cảm thấy buồn, cảm thấy bức tức, bất mãn, tự nghĩ: “Tôn giả ấy khinh thường ta, ngài đã thiên vị, đã không đối xử thân thiện với ta như những vị khác”.

Bất đồ, lúc ấy tôn giả Sāriputta đứng dậy, bước qua, chéo y của ngài phát đụng vị tỳ-khưu trẻ nọ. Lòng bất mãn càng tăng, vị tỳ-khưu trẻ qua đại giảng đường:

- Bạch Thế Tôn! Tôn giả Sāriputta khi không ngài lại đánh con! Chắc hẳn tôn giả ấy nghĩ rằng mình là một Đại Đệ Tử oai phong lẫm liệt nên muốn làm gì thì làm sao! Xin đức Thế Tôn hãy phân xử cho công minh. Tôn giả Sāriputta đã đánh con một bạt tai, đến nỗi tai con như bị bỏng, bị điếc! Sau khi làm vậy rồi, ngài chẳng tỏ vẻ gì là hối lỗi, thản nhiên bước đi không thềm dềm xỉa gì con cả! Xin Thế Tôn hãy phân xử, oan con lắm!

Tăng chúng được tôn giả Ānanda thông báo triệu tập đại giảng đường. Câu chuyện được lan truyền rất nhanh qua miệng của nhiều người. Lúc ấy tôn giả Mahā Moggallāna và tôn giả Ānanda biết rõ là đã có một sự cáo oan xảy ra cho huynh trưởng

của mình. Nhưng không sao, cả hai tôn giả đều rất vui, đã tuyên bố trước hội chúng tỳ-khưu của mình rằng:

“- Nay chư hiền! Hãy cố gắng tụ họp ở đại giảng đường cho đông đủ! Hãy đến đây và nghe! Khi sư huynh của ta, tôn giả Sāriputta mà đối diện với câu chuyện vừa rồi, với ông tỳ-khưu ngu si kia - chư hiền mới cảm nhận và lắng nghe được tiếng gầm của con sư tử con như thế nào!”.

Trước cả hàng ngàn tỳ-khưu có mặt, đức Phật mỉm nụ cười trong tâm: “Ừ, đây là phải thời để con trai trưởng của ta giáo giới đến chư tỳ-khưu, nhất là ông sư phạm tục nọ!”, ngài bèn hỏi:

- Nay Sāriputta! Có phải như vậy chăng, ông đã đánh vị tỳ-khưu này một bạt tai rồi bỏ đi không thèm đếm xỉa đến?

Mọi người hồi hộp trước lời chất vấn của đức Đạo Sư. Tôn giả Sāriputta tâm ý linh thông, biết ý của đức Đạo Sư nên ngài chẳng chấp nhận cũng chẳng chối từ tội, cất giọng trầm hùng vang vang như chuông ngân:

- Bạch Thế Tôn! Khi một thiện gia nam tử xuất ly cần cầu an ổn mọi khổ ách, đã từ bỏ gia sản, vinh hoa phú quý thì đối với vị ấy chỉ có một mục đích duy nhất là giải thoát mọi phiền não, khổ đau trên trần thế. Khi một sa-môn tấn tu phạm hạnh, đã đặt chân đứng vững chắc trong đạo quả, người ấy hoàn toàn làm chủ được chính mình, hoàn toàn với tứ vô lượng tâm: Từ, bi, hỷ, xả.

Bạch Thế Tôn! Những người như vậy có thể nào làm đau đớn cho đồng đạo của mình rồi bỏ đi thân nhiên không một lời xin lỗi?

Bạch Thế Tôn! Một người, khi mà trong tâm không còn sân hận, ác độc, hiềm hận ai; vị ấy bao giờ cũng có được đức tính trầm lặng, khiêm nhu, nhẫn nại; tâm người ấy như mặt đất, mặc cho ai chà, ai đạp, ai bước tới, bước lui, quăng lên đây tất cả mọi dơ uế bất tịnh; ai đại tiện, tiểu tiện lên đây cũng được hết!

Bạch Thế Tôn! Một người, khi mà tự coi tâm mình như nước, thì nước ấy mặc tình ai uống, ai tắm, ai rửa đồ dơ dáy; nước ấy

cũng không vui, không buồn, vẫn bình lặng và an nhiên!

Bạch Thế Tôn! Một người, khi mà tự coi tâm mình như lửa, thì lửa ấy mặc tình người ta thấp để cúng, để thờ; mặc tình người ta lấy để đốt tử thi, nấu ăn, đốt cỏ rác, đốt đồ dơ uế; lửa ấy cũng chẳng vui, chẳng buồn, vẫn bình lặng và an nhiên!

Bạch Thế Tôn! Một người, khi mà tự coi tâm mình như gió, thì gió ấy đâu phải vì qua tha ma, mộ địa mà chồn chân; gió ấy đâu phải vì qua chỗ phú quý, cao sang mà dừng lại? Dơ, sạch gió ấy không phân biệt; buồn, vui gió ấy có biết đâu. Muôn đời nó vẫn bình lặng và an nhiên như thế!

Bạch Thế Tôn! Một người, khi đã tự coi mình như miếng giẻ chùi chân, thì ai chùi chân cũng được cả; nó chẳng bao giờ phân nân sao lau vật này mà không lau vật kia! Miếng giẻ chùi chân là cái thân của vị ấy, cái tâm của vị ấy, ở chỗ dơ uế nhất, nào dám khinh khi ai, ác ý với ai, sân hận với ai? Không! Bao giờ nó vẫn như vậy, bình lặng và an nhiên!

Bạch Thế Tôn! Một người, khi đã tự coi mình như một hạng người thấp kém nhất trong xã hội, như một gã chiên-đà-la cùng đinh, hạ liệt, thì ai muốn đánh, muốn chửi; cho chí họ có giết chết cũng vô tội, người đó luôn luôn ý thức giá trị thấp hèn của mình dầu có bị đối xử thế nào, vẫn không than van bao giờ!

Bạch Thế Tôn! Một người, khi đã tự ví mình như một con bò rừng sừng, thì nó rất sợ đụng chạm đến vật cứng, nó không bao giờ dám gây hấn với ai, báng húc ai. Sống, nó muốn thu rút cái sừng của mình lại, đó là cái thân của vị ấy, cái tâm của vị ấy!

Bạch Thế Tôn! Một người, khi đã tự ví mình như con rắn mang cái xác nặng nề, trườn tới trườn lui không ra khỏi cái xác. Cũng vậy, người ấy đã tự thấy rõ cái thân này gồm ba mươi hai thể trước bất tịnh, lại chứa sẵn bao nhiêu bệnh tật ở trong, lại còn ốm đau, già chết; vị ấy chỉ mong cầu tu tập để sớm quẳng bỏ cái xác nặng nề, hôi hám ấy, có đâu còn rảnh thì giờ để cho khi mạn, ác ý phát sanh lên đem đến phiền não cho người!

Bạch Thế Tôn! Một người, khi đã tự ví tâm mình như chén

mỡ đặc thì chén ấy còn đựng được gì? Có thể nào chén mỡ đặc lại đựng thêm được tham, nộ, si, ganh ghét và thù oán?

Bạch Thế Tôn! Chín điều ấy là đệ tử, đệ tử chính là chín điều ấy. Tất cả mọi phẩm hạnh, mọi đức tính của một sa-môn mà đức Tôn Sư hằng giáo giới, dầu đệ tử chưa thành tựu vẹn toàn nhưng đệ tử vẫn đang đi từng bước một, vững chắc và ổn định. Từ khi thấy đạo, thấy quả đến nay, đệ tử chưa hề hổ thẹn một điểm nào về giới luật để đến nỗi phải tự khiển trách chính mình.

Xin Thế Tôn, đại giảng đường và cả đại địa vô tình này minh chứng cho đệ tử sự thật ấy.

Khi tôn giả Sāriputta nói xong, địa cầu dày bốn mươi do tuần rung chuyển như chấn động. Đại giảng đường lặng ngắt như tờ. Có rất nhiều vị tỳ-khưu cảm động quá đến chảy nước mắt. Người mà khiêm tốn đến cùng tận như vậy thì thế gian không có người thứ hai.

Chợt nhiên, vị tỳ-khưu trẻ sợ hãi, bước tới, quỳ mọp xuống dưới chân đức Đạo Sư:

- Bạch Thế Tôn! Chính con là kẻ nói dối! Chính con đã tự dựng nên câu chuyện để nói xấu đến bậc Tướng quân Chánh pháp. Oai đức của tôn giả ấy lớn quá, con sợ hãi đến tê điếng, lạnh ngắt cả người. Đây là lỗi lầm quá nghiêm trọng, không thể tha thứ của con.

Đức Phật nói:

- Nay Sāriputta! Ông hãy bi miễn tha lỗi cho ông tỳ-khưu ngu si này, nếu không, cái đầu của ông ta sẽ vỡ tan thành bảy mảnh.

Tôn giả Sāriputta trả lời:

- Bạch Thế Tôn! Dĩ nhiên là đệ tử đã tha thứ cho y rồi!

Với hai bàn tay chấp lại, ngài hướng đến vị tỳ-khưu trẻ:

- Ngoài ra, cũng xin hiền giả hoan hỷ xá lỗi cho tôi nếu tôi vô tình có làm điều gì đó méch lòng hiền giả.

Tiếng rống của con sư tử và những hành động sau đó của tôn giả Sāriputta làm cho tăng chúng ai nấy cũng đều cảm phục, kính ngưỡng vô song.

Họ bàn luận với nhau:

- Này huynh đệ! Hãy xem những đức tính siêu việt của bậc Tướng quân Chánh pháp. Đối với vị tỳ-khưu vu khống mình, đây ác tri, ác ngữ như thế kia mà ngài không tỏ vẻ gì là nóng giận hay oán ghét ông ta.

- Vị đại trưởng lão của chúng ta thật là tuyệt vời! Vị tỳ-khưu kia có lỗi, thay vì phải quỳ xuống ôm chân bụi của ngài mà sám hối trước; ở đây, trưởng lão của chúng ta lại chấp tay, cung kính xin lỗi mặc dầu ngài không có lỗi.

- Huynh đệ có nghe rõ tiếng rống của tiểu sư vương không? Ôi! Quả đất kia không chịu đựng nổi giới đức của ngài nên phải rung động đến từng mảy vi trần cát bụi.

Đức Thế Tôn nói với đại chúng:

- Này các thầy! Dĩ nhiên con trai trưởng của Như Lai đã chấm dứt trọn vẹn lòng sân hận, bực tức, bất mãn; chấm dứt trọn vẹn mọi luyến ái trên cuộc đời này. Tâm hồn con trai trưởng của Như Lai ổn định như quả đất vĩ đại, vững chắc như những trụ cột của một tòa cổ thành và yên lặng như một hồ nước trong không gợn sóng. Với một con người như vậy, giới đức thanh tịnh như vậy, định tĩnh tựa Tu-Di sơn như vậy thì ma vương không còn tìm thấy dấu vết và vòng luân hồi tử sanh chẳng còn mảy may hiệu lực gì đối với vị ấy.

9- Đổi Chiếc Xe Mới

Hôm kia, hoàng hậu Mallikā băng hà, đức vua Pāsenadi một mình một ngựa đến Kỳ Viên tịnh xá tìm gặp đức Phật với dáng vẻ thiếu não, sầu buồn. Đức Phật đã sớm biết chuyện gì, nên đón đức vua ngay tại hương phòng, nắm tay ông, dìu vào bên trong, chỉ cho ông ngồi trên một chiếc ghế ⁽¹⁾.

- Trầm mập quá, quỳ đánh lễ không được, xin Thế Tôn xá tội.

- Không có sao! Đức Phật ân cần - Bệ hạ hãy cứ ngồi tự nhiên!

- Tâu vâng!

- Bệ hạ đã gần bảy mươi tuổi rồi, nên ăn ít lại, và cũng nên vận động tay chân một chút...

- Tâu vâng! Trẫm có tập đi kinh hành do hoàng hậu Mallikā hướng dẫn. Nhưng nay thì bà ấy vĩnh viễn bỏ trẫm mà đi rồi! Đức Thế Tôn ơi! Trẫm buồn quá, không thiết ăn thiết uống gì cả!

- Ủ, Như Lai biết! Người mình thương yêu nhất mà lại phải lìa xa thì đau khổ lắm!

- Đúng là đau khổ quá! Nhớ như mới hôm nào, chỉ vừa mới đây thôi, thế mà đã cách biệt nghìn trùng...

Đức vua cúi gục đầu xuống ra chiều thương tâm không làm chủ được cảm xúc. Đức Phật trao cho vua một chiếc gối rồi nói:

- Bệ hạ cứ nằm nghỉ một lát, khóc được thì cứ khóc. Như Lai sẽ đi kinh hành bên ngoài. Rồi chúng ta sẽ nói chuyện sau.

Trong hương phòng, đức vua sụt sùi, nước mắt ngấn dài nhớ thương hoàng hậu rồi chìm trong hồi tưởng, suy tưởng của mình...

Còn đức Phật thì ngài biết rõ về tâm tánh của hoàng hậu, biết cả những ‘bí mật’ của bà mà cho chí đức vua cũng không biết.

Và câu chuyện như sau: Số là lần ấy hoàng hậu vào phòng tắm, lúc cởi xiêm không để ý con chó cưng của bà cũng vào theo. Khi khom mình cúi xuống, không ngờ, con chó thấy vậy đã làm cái chuyện “bất tịnh” với bà. Và bà lại để yên! Từ tầng trên cung điện, qua lớp cửa kính, tình cờ đức vua nhìn thấy hết. Ông đi xuống và lần đầu tiên, đã mắng nhiếc bà một cách thậm tệ. Bà vốn lanh trí nên tìm cách chối quanh, chống chế: “Đại vương đừng nghĩ oan cho thiếp. Cái phòng ấy kỳ lạ lắm. Ai ở trong đó, người khác nhìn vào đều thấy những hình ảnh quái gở!” Đức vua vốn thật thà nên hỏi lại: “Quả có thể sao?” Bà nói: “Thì đại vương cứ vào đây thử xem?” Đức vua đi vào trong, vừa khép cửa lại thì ngoài này, bà đã la lên: “Đại vương làm cái gì xấu hổ với con dê cái như vậy?” Đức vua lại cãi: “Ta có làm gì đâu!” Bà bèn nói dối: “Chính mắt thiếp trông thấy rõ ràng mà!”

Tin chuyện ấy, đức vua bỏ qua không cật vấn lại nữa.

Tuy nhiên, hoàng hậu Mallikā luôn cảm thấy bất an. Dầu đã

đổi gặt được nhà vua, nhưng bà đã phạm một tội trọng. Chuyện ấy đức Phật biết, chư vị trưởng lão tăng ni có thắng trí đều biết, do vậy bà luôn hổ thẹn ở trong lòng. Từ độ ấy, bà thề nguyện trong lòng, phải tu tập cho tốt hơn, làm việc lành cho nhiều hơn. Trọng lượng tội lỗi dù chỉ bằng một hạt cát, nó sẽ chìm, rơi xuống bốn đường ác. Nhưng trọng lượng tội lỗi của một viên đá to, nằm trong lòng chiếc ghe thiện pháp lớn, nó không bị chìm, sẽ được nổi. Bà còn nhớ mãi nội dung một thời pháp về thiện, về ác mà đức Phật đã đưa ra hình ảnh ẩn tượng ấy. Do vậy, bà đã đặt bát và cúng dường tứ sự rất nhiều đến đức Phật và tăng chúng, ngân khoản lên đến một trăm bốn mươi triệu đồng tiền vàng. Riêng đức Phật thì bà đã cúng dường đến ngài bốn món bảo vật vô giá, đó là: Một chiếc lông trắng, một chiếc giường, một ghế ngồi và một vật đỡ chân. Tất cả chúng đều bằng châu báu, và chỉ để chung bày chứ đức Phật không bao giờ sử dụng.

Đức Phật còn biết rõ, hoàng hậu Mallikā lúc hấp hối, bao nhiêu việc làm tốt đẹp ở trong đời, bà lại quên hết, nhưng cái hình ảnh xấu xa kia nó lại hiện ra, chi phối trọn vẹn tâm thức cuối cùng, lập trình cận tử nghiệp, đưa bà đọa sanh địa ngục A-tỳ.

Đức vua Pāsenadi rất yêu thương Mallikā nên đau khổ vô cùng. Bà vừa mới mất, chưa làm lễ gì cả mà ông đã tìm đến đức Phật, là nóng lòng muốn hỏi ngài xem sanh thú của hoàng hậu đi về đâu! Biết đức vua rất sùng ái hoàng hậu, nếu cho biết cảnh giới hiện tại của bà thì ông ta càng đau khổ hơn. Lại nữa, nếu biết bà, một người có đức tin kiên cố, bố thí cúng dường rất nhiều và rất chí thành mà rơi vào địa ngục, thì mọi đức tin trong ông sẽ tiêu tùng hết.

Vì nghĩ vậy nên sau khi đức vua tỉnh dậy, vào hương phòng, đức Phật đã khôn khéo dùng thần lực siêu nhiên làm cho đức vua quên hẳn lý do đi đến tịnh xá. Đức Phật lại còn thân tình nắm tay vua đi dạo vài vòng ngoài vườn, rồi nói chuyện như bình thường:

- Đại vương dự định hôm nào sẽ làm lễ hỏa táng cho lệnh bà?
- Có lẽ quãng kim quan bảy ngày, và có lẽ phải cử quốc tang cho trân trọng, bạch Thế Tôn!

- Song song với lễ cử quốc táng, đại vương nên đặt bát cúng dường chư tăng ni, một trăm vị, hai trăm vị để muôn dân bá tánh thấy rõ là triều đình biết tin nhân quả, thiện ác, luân hồi tử sanh?

- Trẫm xin vâng lời Thế Tôn như hoàng hậu sinh thời. Cho trăm thỉnh đức Thế Tôn và tăng ni hai nghìn vị, ngay ngày mai !

- Muốn tăng thêm ý nghĩa, sao đại vương không tha bớt tội tù, miễn bớt thuế má cho dân thì phước đức vô biên, vô lượng đó!

- Tâu vâng! Đức vua cúi đầu xuống - Trẫm sẽ làm đúng như Thế Tôn dạy bảo để tưởng nhớ tâm nhân đức của hoàng hậu.

Sau đó, đức vua cúi lạy rồi ra về. Và ngày thứ nhất, hoàng cung như sáng rực hân hoan do hai ngàn tăng ni có đức Phật dẫn đầu ôm bát đến thọ thực. Bên kim quan bằng gỗ trầm hương được phủ đầy hoa thơm của lệnh bà, đức Phật lặng lẽ chú nguyện. Sau đó đức Phật thuyết một thời pháp có ý nghĩa về vấn đề tử sinh của đời người. Ngày thứ hai đến ngày thứ bảy là phiên hai vị đại đệ tử và chư đại trưởng lão dẫn đầu, cũng ôm bát đến hoàng cung thọ thực, rồi cũng chú nguyện lặng lẽ và thuyết những thời pháp khác nhau.

Đức vua nhớ lời dạy bảo của đức Phật, lệnh tha bớt tội tù; đồng thời, xá miễn tất cả các loại thuế trong suốt bảy ngày cử hành tang lễ. Muôn dân cả nước hoan hỷ vui mừng ca tụng đức nhân ái của đức vua; và họ cũng thâm hiểu rằng, họ đã hưởng dư phước của hoàng hậu Mallikā.

Cuối ngày thứ bảy, lễ hỏa táng diễn ra vô cùng trang trọng. Sự nghĩ lại, đức vua chỉ có việc bức mình, tự trách mình, tại sao trí nhớ càng lúc càng tệ mạt, kém cỏi như thế! Sao lại không nhớ đề hỏi đức Phật hoặc chư đại thánh tăng cảnh giới lai sinh của hoàng hậu?

Còn hoàng hậu Mallikā, sau bảy ngày thống khổ trong địa ngục để trả quả, do năng lực phước thiện quá lớn nâng đỡ, đưa bà hóa sanh vào cung trời Tusita.

Vào ngày thứ tám, đức Phật một mình ôm bát thong dong đi đến hoàng cung. Đức vua nghe tin, thỉnh ngài vào thượng điện, nhưng đức Phật chỉ muốn ngồi nơi nhà để xe.

Sau khi cúng dường đầy bát các thức ăn cứng mềm cho đức Phật, nhà vua chấp tay xá ngài rồi hỏi lại câu đã quên suốt bảy ngày qua, tức là chỗ tái sanh của hoàng hậu.

Đức Phật dịu dàng nói:

- Bà đang thọ hưởng thiên lạc tại cung trời Tusita, tâu bệ hạ!

Nghe vậy, đức vua cảm thấy được an ủi phần nào, nhưng nỗi nhớ thương hoàng hậu vẫn không nguôi:

- Bạch Thế Tôn! Từ khi nàng đi về cõi khác, trầm cảm giác như mất hẳn sự sống.

Đức Phật an ủi:

- Bệ hạ chớ nên đau lòng. Đó là quy luật bất biến cho mọi chúng sanh, không ai có thể tránh được. Nhưng trường hợp hoàng hậu thì bệ hạ nên mừng vui cho lệnh bà mới phải!

- Tại sao?

- Vì do công hạnh, phước báu của lệnh bà, lệnh bà mất đi giống như đổi mới chiếc xe khác trân quý hơn vậy thôi!

- Trẫm chưa được hiểu.

Đức Phật đưa tay chỉ vào một chiếc xe:

- Bệ hạ! Xe này của ai?

- Bạch Thế Tôn! Của nội phụ trẫm.

- Còn xe này?

- Của phụ vương trẫm, bạch Thế Tôn.

- Còn xe kia?

- Là của trẫm!

Đức Phật mỉm cười:

- Hóa ra xe của cha lại mới hơn xe của ông nội, xe của con lại mới hơn xe của cha. Hoàng hậu vừa tậu được một chiếc xe

mới nhất, đẹp nhất ở cung trời Tusita đây, tâu bệ hạ!

Thấy ông đã hiểu sự thật, đức Phật lại giảng sâu hơn về pháp:

- Nhưng những chiếc xe được trang hoàng long lẫy, đẹp đẽ, trân quý thế kia rồi cũng đến lúc cũ hư, tàn tạ, hoại mục. Thân của Như Lai, thân của đức vua rồi cũng vậy; đã gần bảy mươi tuổi rồi, nó đang già yếu và đang lão suy! Định luật hữu vi là vậy. Chỉ có giáo pháp trong tâm của bậc thiện trí⁽¹⁾ mới không bị chi phối bởi hư mục, già lão. Thấy biết được vậy, bậc thiện trí trên đời này phải biết làm cho sáng tỏ giáo pháp ở trong tâm trí mình, này đại vương!

Những lời giảng ấy của đức Phật được cô đọng trong bài kệ:

“- Xe vua đẹp đẽ đường bao

Trang hoàng long lẫy, hư hao đến kỳ

Thân này đến lúc lão suy

Pháp bậc thiện trí vô vi chẳng già

Pháp của đức Gotama

Sáng tỏ chân lý, chan hòa thiện nhân!”⁽²⁾

Đức vua tín thọ lời dạy của đức Phật, đã đỡ buồn khổ và đã bắt đầu xem pháp là chỗ nương tựa tinh thần vững chắc nhất. Kết quả ấy, một phần công lao là nhờ vào hoàng hậu yêu quý của ông.

Hoàng hậu Mallikā được biết đến là một trong những đệ tử thuần thành, nhiệt tình và xuất sắc nhất trong hàng nữ cận sự của đức Phật vậy⁽³⁾.

10- Devadatta Muốn Chở Đua Tạng Đoàn

Sau mùa an cư thứ ba mươi bảy tại Đông Phương Lộc Mẫu,

⁽¹⁾ Ý nói bậc Thánh A-la-hán.

⁽²⁾ Pháp cú 151: “Jīranti ve rāraṭhā sucittā aṭṭha sārīraṃ pi janaṃ upeti; saṭaṃ ca dhammo na jaraṃ upeti santo have sabbaṃ pavedayanti”.

⁽³⁾ A.iv.348.

đức Phật đột ngột ôm bát cùng với Ānanda, hai vị đại đệ tử và một số vị trưởng lão khác, chừng mười vị, lên đường, xuôi hướng Đông Nam. Lúc này đức Phật đã bảy mươi hai sương tuyết, sức khoẻ có yếu đi nhưng trông vẫn còn dẻo dai như cồi lão mai. Tôn giả Ānanda đi hầu bên, trông thấy bước chân thông dong khoẻ khoắn của đức Phật, ngai cảm thấy rất an lòng. Chư vị trưởng lão khác, ai đầu tóc cũng đã muối tiêu nhưng vẫn còn rần rỏi, phương phi, xương kính như tòng, như bách.

Lần này, đức Phật lại lên núi Linh Thứu. Lúc đi ngang qua vườn xoài của thánh y Jīvaka, đức Phật và chư vị trưởng lão ghé vào bên trong và dừng chân giây lát. Chư tăng nơi này du phương vắng cả. Cũng là nhân duyên lạ lùng, vị thánh y đang có mặt ở đây. Gặp đức Phật và chư đại thánh tăng, ông mừng quá, loay hoay tìm nước rửa chân, dâng nước uống và sắp xếp chỗ ngồi.

Khi đầu đó đã xong xuôi, Jīvaka ngồi bên chân, hầu Phật:

- Mấy năm Thế Tôn vắng mặt nơi này, tình trạng giáo đoàn tại kinh thành Rājagaha rất lộn xộn; và tại hoàng cung của đức vua Bimbisāra cũng không được yên ổn. Nơi nào lửa và khói cũng đang âm ỉ với dấu hiệu bất an...

- Ủ, ông cứ nói tiếp đi!

- Bạch Thế Tôn! Sau lần mới đây, khi hai vị tôn túc Sāriputta và Mahā Moggallāna vừa rời khỏi Trúc Lâm thì tôn giả Devadatta đã lộ rõ ý đồ lãnh đạo giáo đoàn thay đức Tôn Sư. Hiện tại, tôn giả ấy đã hình thành được một vây cánh rất lớn rộng. Có ba lực lượng được xem là khá mạnh mẽ đang ủng hộ và tiếp sức thêm tham vọng cho tôn giả ấy. Thứ nhất là thái tử Ajātasattu, không biết làm sao mà lại có đức tin rất mãnh liệt đối với tôn giả Devadatta. Nếu đức vua Bimbisāra tôn kính tuyệt đối đức Thế Tôn như thế nào thì thái tử cũng tôn kính Devadatta tuyệt đối như vậy. Vừa mới rồi, thái tử đã xây dựng cho Devadatta một tu viện lớn rộng bên kia dãy núi Gayāsīsa (Tượng Đầu son); và năm ba hôm lại cung cấp cả chục xe

lượng thực và đồ dùng đủ loại cho tăng chúng ở đây chừng trên dưới ba trăm vị. Thứ hai, tôn giả ấy kéo theo một số tỳ-khưu có trình độ pháp học nhưng cả tin, nhẹ dạ để tham mưu và làm tai mắt, tay chân cho mình, đó là các vị Tôn giả Kokālika, Kaṭamoraka-tissa, Khaṇḍade-viyāputta và Samudadatta... Thứ ba, do tôn giả ấy rất thông minh và có tài hùng biện nên đã quyến dụ rất đông tín đồ, lại còn lôi cuốn về phía “giáo hội” của mình khá nhiều phú hộ, gia chủ hữu danh cung cấp tứ sự thêm cho mình nữa...

Tôn giả Sāriputta nói với vị thánh y:

- Đúng như vậy đó, này Jīvaka ! Ông đã trình bày vấn đề rất chính xác. Tôi đã thấy rõ một vài sự kiện liên hệ và đã thưa bạch lên đức Tôn Sư rồi. Lúc ở Trúc Lâm, có một số đệ tử của tôi đã bị nhóm của Devadatta dụ dỗ. Chúng nói rằng, cách giáo huấn của đức Thế Tôn đã cũ kỹ, lạc hậu rồi, không còn thích ứng với thời đại mới nữa. Giáo pháp gì mà đã trên ba mươi năm rồi mà chỉ nói lui, nói tới tứ niệm xứ, ngũ uẩn, thập nhị nhân duyên...! Đã trên ba mươi năm rồi mà chỉ nói tứ đế, bát chánh đạo... nghe mãi cũng nhàm tai! Quốc độ này, quốc độ kia càng ngày càng thịnh mãn về vật chất, nó đem đến những hạnh phúc cần thiết nhất định cho con người. Vậy thì giáo lý mới phải dạy cho con người cách thức tìm ra của cải xã hội, phải đi sâu vào các lãnh vực như kinh tế, nghề nghiệp đa dạng, cả hôn nhân gia đình và cả chính trị nữa... Tôn giả Devadatta rất khôn ngoan, biết rõ tâm lý của quần chúng ham giàu, chạy theo tư lợi, danh vọng nên ông ta phát triển các giá trị tại thế để đáp ứng mơ ước cho phần đông. Đây là tà đạo biện minh cho chánh đạo! Đây là đạo thế gian chứ không còn là xuất thế gian! Lại nữa, mấy vị tỳ-khưu thuộc nhóm Devadatta còn nói rằng: Ở Gayāsīsa, chư tăng khỏi phải lang thang buổi đói, buổi no đi trì bình khát thực; đã có thái tử Ajātasattu cúng dường đầy đủ mọi nhu cầu, nhu dụng hằng ngày rồi. Chư tăng nhàn hạ, thanh thoi, chỉ còn lo pháp học, pháp hành mà thôi! Còn nữa, tôn giả ấy biết, thái tử

Ajātasattu trước sau cũng làm vua nên đã tìm cách “nắm đầu” thái tử trước. Khi mà thái tử ủng hộ Devadatta thì các giới thương buôn đánh hơi giỏi nhất, cũng sẽ ủng hộ cho Devadatta để lấy lòng thái tử, sẽ có lợi cho việc kinh doanh, buôn bán làm ăn sau này!

Đức Phật nhẹ nhàng gạt đầu:

- Sự việc xảy ra đúng là như vậy.

Tôn giả Sāriputta lại thưa với đức Phật:

- Và có điều cuối cùng, quan trọng nhất, chúng đệ tử vừa cho biết, là Devadatta đã cố ý chia rẽ tăng khi tổ chức tụng giới riêng trong hai kỳ uposatha, bạch Thế Tôn!

- Ủ, Như Lai cũng đã biết như vậy.

Thánh y Jīvaka tỏ vẻ lo lắng:

- Đức Thế Tôn biết, nhị vị thượng thủ của giáo hội biết, nhưng con vẫn bất an. Những gì xảy ra, con biết dù có động trời đi chăng nữa cũng không thể làm cho đức Tôn Sư e ngại. Ngọn núi chúa Sumeru không dao động như thế nào thì đức Tôn Sư cũng an nhiên y như vậy. Do con thường hay vào trong cung chăm lo sức khỏe cho đức vua và hoàng gia nên mới đây, con biết phong phanh một đôi điều bí mật. Đây là thái tử Ajātasattu muốn sớm làm vua để thực thi mộng bá chủ, bá quyền của mình. Hiện Ajātasattu rất nôn nóng, thấy vua cha tại vị quá lâu, không biết thái tử có âm mưu soán đoạt ngôi vua không nữa! Tôn giả Devadatta cũng vậy, tâm ý là muốn lãnh đạo giáo đoàn thay thế đức Tôn Sư nên sớm hôm hay ra vào tư dinh của thái tử, bàn bạc thăm lén gì đó có vẻ rất ám muội. Có lẽ những ý tưởng, kế hoạch gì đó ở trong đầu thái tử là do Devadatta phác thảo, chỉ bày. Con cảm thấy sợ hãi, có cái gì đó xảy ra liên lụy đến Tôn Sư và phương hại đến tăng đoàn. Xin đức Thế Tôn lưu ý.

- Ủ, đúng vậy! Như Lai biết nên Như Lai và chư đại trưởng lão đột ngột về đây. Cảm ơn ông đã quan tâm đến giáo hội nên đã cho Như Lai biết rõ tình hình. Tuy nhiên, chuyện có hung dữ thế nào chẳng nữa thì nó cũng xảy ra đúng nhân duyên và quả

của nó!

Thánh y Jīvaka cảm thấy an tâm, từ giã về hoàng cung còn đức Phật và chư trưởng lão lại bộ hành lên núi. Mặc dù bao năm nay, đường lên Linh Thứu đã được đức vua Bimbisāra cho sửa sang nhưng hễ sau mùa mưa lũ lại bị xói mòn thành khe thành rãnh trở lại. Tuy leo núi khó khăn nhưng đức Phật cứ từ từ, chậm rãi, hơi thở điều hòa, tay bát tay gậy vẫn có vẻ thung dung. Chư vị trưởng lão cũng vậy, dốc núi thì cao mà ai cũng thanh thoi như đi dạo mát!

Tại đỉnh Linh Thứu, đức vua có xây cất cho đức Phật một hương thất, nhỏ nhắn thôi nhưng trông rất xinh xắn, hài hòa, bao năm rồi vẫn còn vững chãi. Chư đại trưởng lão thì ai cũng có những hang đá cho riêng mình. Họ nghỉ ngơi ít hôm.

Tại đây, vào dịp thuận tiện, đức Phật nói chuyện với chư vị trưởng lão, và câu kết là như sau:

- Giáo pháp của Như Lai trên thế gian này đã sắp hoàn thành giai đoạn cuối cùng của nó. Rồi Như Lai, rồi chư vị cũng sẽ ra đi theo định luật tự nhiên của thế giới hữu vi sinh diệt, chẳng có gì phải cưỡng cầu, chẳng có gì phải trầm tư. Pháp và luật của Như Lai giảng thuyết suốt ba mươi bảy năm qua đã gần đủ cho mọi căn cơ và trình độ học chúng, chỉ cần một thời gian bổ túc nữa là nó sẽ toàn mãn, khả dĩ so sánh với giáo pháp của chư Phật quá khứ!

Đưa đôi mắt bi từ nhìn chư vị “lão tăng”, đức Phật lại sách tấn:

- Hãy cùng đi với Như Lai để vượt qua một vài gian nan, trở ngại nữa, là chúng ta đã làm hết công việc phải làm trên cuộc đời này, hồi những “chú ngựa già” uy mãnh và kiêu hùng của Như Lai!

Ai cũng mỉm nụ tiểu sanh tâm.

Rồi phái đoàn lại xuống núi, về Trúc Lâm tịnh xá. Chợt đâu, nườm nượp mấy hôm sau, tăng chúng đệ tử của chư tôn giả Sāriputta, Mahā Moggallāna, Mahā Kassapa, Upāli, Ānanda... từ các nơi như Sāvattthi, Kapilavatthu, Koliya, Kosambī, Vesālī...

không biết do ai thông tin mà cuồn cuộn như sông suối đổ về Trúc Lâm hơn hai ngàn vị; họ âm thầm hậu thuẫn cho đức Tôn Sư và giáo hội đó chăng?

Hôm kia, có lẽ đã chuẩn bị đâu đó sẵn sàng, Devadatta dẫn một hội chúng chừng ba bốn trăm vị tỳ-khưu từ tu viện Gayāsīsa về Trúc Lâm tìm gặp đức Phật, ông ta cất giọng có vẻ cao ngạo:

- Bạch Thế Tôn! Lúc này Thế Tôn niên trưởng đã cao, sức đã yếu⁽¹⁾, đệ tử thấy đức Thế Tôn nên nghỉ ngơi, tịnh dưỡng là phải lẽ. Còn công việc của giáo hội, hãy để cho con làm chưởng quản, chăm sóc và lãnh đạo chư tăng.

Đức Phật biết rõ tâm địa cùng mưu đồ bất chánh của ông, cất giọng khuyến cáo:

- Này Devadatta! Như Lai cũng chưa hề nghĩ là Như Lai sáng lập ra một giáo hội rồi làm giáo chủ giáo hội ấy. Như Lai là một đạo sư, chỉ là một người dẫn đường, thế thôi. Còn trách nhiệm về việc chăm sóc Tăng-già ư? Ngay chính hai vị đại đệ tử của Như Lai; về trí tuệ, tư cách, phẩm hạnh của họ đều ưu việt, được coi là gần như ngang hàng với Như Lai, nhưng Như Lai cũng chưa hề nghĩ là sẽ giao phó giáo hội cho hai ông ấy chưởng quản. Tất cả mọi việc làm của ông, ngoài ánh sáng hay trong bóng tối, Như Lai đều thấy rất rõ ràng! Chẳng có gì che giấu được Như Lai, ông nên biết như vậy!

Sau nhiều lần biện bạch, biết không thể thuyết phục được đức Phật, Devadatta tức giận bỏ đi. Khi Devadatta đi rồi, đức Phật nói tôn giả Sāriputta:

- Ông cùng với chư đệ tử, hãy đi khắp thành Rājagaha công bố về tất cả những hành động bất chánh, cố ý chia rẽ tăng của

⁽¹⁾ Ở tư liệu nào cũng nói như vậy, nhưng, chúng ta lưu ý: Đức Phật và Yasodharā cùng tuổi; Devadatta là anh ruột của Yasodharā, vậy thì ông ta tối thiểu cũng lớn hơn đức Phật một hoặc hai tuổi? Thế thì câu nói, đức Thế Tôn đã già yếu thì Devadatta lại càng già yếu hơn?!!!

Devadatta. Và xác định cho mọi người hay rằng, Devadatta đã ở ngoài giáo hội tăng đoàn; việc làm của ông ta sau này là trách nhiệm của chính ông ta, chứ không còn liên hệ gì đến Như Lai, liên hệ đến tăng chúng cũng như giáo pháp của Như Lai nữa!

Tôn giả Sāriputta ngại ngần:

- Trước đây, cũng tại kinh thành Rājagaha này, đệ tử đã từng đi công bố cho mọi người hay về phẩm hạnh trang nghiêm, trong sạch của Devadatta rồi. Lẽ nào, hôm nay đệ tử lại tuyên bố ngược lại?

- Trước đây, ông công bố về Devadatta có đúng sự thật không?

- Thưa, đúng sự thật.

- Vậy bây giờ ông đi công bố những điều Như Lai vừa nói, có đúng sự thật không?

- Thưa, đúng sự thật.

Đức Thế Tôn liền phán:

- Vậy thì các ông hãy đi công bố đi! Đệ tử của Như Lai bao giờ cũng nói đúng sự thật cả!

11- Thái Tử Ajātasattu Đăng Quang Vương Vị

Khi nghe tin đức Phật cho hai vị thượng thủ giáo hội cùng chư đệ tử đi công bố trong thành Rājagaha về hành động chia rẽ tăng của mình, dù không chính thức dùng thuật ngữ trục xuất, cũng nổi bật sự việc là Devadatta bị đuổi khỏi giáo hội tăng đoàn; hay được tin này, ông ta tức giận như điên, như cuồng...

Trước đây đã hơn một năm rồi, Devadatta đến bộ kiến thái tử Ajātasattu để tìm người có quyền lực hậu thuẫn ý đồ mờ ám của mình. Devadatta đã lòe bịp vị thái tử nhiều dã tâm, nhiều tham vọng nhưng ngây thơ này, bằng cách hóa phép một con rắn độc to lớn, dữ tợn quanh quanh cổ ông ta với cái lưỡi độc thò ra, làm cho thái tử vô cùng kinh sợ. Quả nhiên, Ajātasattu hoàn toàn khiếp phục bởi pháp thuật của Devadatta nên thái tử đã tình nguyện hỗ trợ đắc lực trong khả năng quyền hạn có sẵn.

Đại khái, Devadatta mở lời thuyết phục thái tử như sau:

- Người có chí lớn không câu nệ tiểu tiết cùng những đạo đức nhân nghĩa tầm thường trên thế gian. Trong tương lai, quyền lãnh đạo châu Diêm-phù-đề này ở trong tay thái tử và bản đạo. Chỉ có hai chúng ta thôi! Vậy thì thái tử hãy mau mau giết vua cha mà lên ngôi, sau đó, tranh đoạt thiên hạ. Còn bản đạo, nếu cần, sẽ giết ông sa-môn Gotama để nắm trong tay quyền lãnh đạo Tăng-già. Như thái tử biết đấy, bản đạo có chút phép mọn thần thông biến hóa, biết việc quá khứ, vị lai; vậy chuyện thành công và vinh quang sau này của chúng ta là sự thật đương nhiên không cần bàn tới nữa.

Hôm kia, đội quân cấm vệ của đức vua phát giác thái tử lén lút vào cung trong đêm khuya, họ chặn lại để lục soát thì tìm thấy một thanh gươm giấu trong áo bào. Quân cấm vệ dẫn thái tử đến gặp vua ở tẩm phòng, cùng với thanh gươm và kể lại tự sự.

Đức vua nghiêm khắc hỏi:

- Con có biết mang gươm vào cung là bị tội chém đầu không?
- Tâu phụ vương, con biết.
- Hóa ra con muốn giết phụ vương sao?
- Đúng vậy! Con muốn hành thích phụ vương, vì con muốn làm vua. Con đã lớn tuổi rồi.

Đức vua Bimbisāra lặng người giây lát:

- Muốn làm vua thì ta sẽ để cho con làm vua, có sao lại phải giết ta? Chỉ cần con nói ngay một tiếng thì ta sẽ thoái vị, nhường ngôi cho con liền ngay mà!

Thái tử Ajātasattu cúi đầu.

Quan sát nét mặt của thái tử, vua biết việc này có cái gì khuất tất ở đằng sau nên hỏi tiếp:

- Ai xúi giục con làm việc đại nghịch bất đạo này?

Thái tử nín lặng.

Đức vua bảo quân cấm vệ ra ngoài rồi tra xét thái tử một cách gắt gao, cuối cùng, thái tử mới tiết lộ đây là Devadatta.

Đức vua cho thái tử hồi cung.

Sau đó, thấy việc hệ trọng nên ngay trong đêm, đức vua cho triệu tập các vị quan lão thần thân tín rồi kể lại cho họ nghe việc soán nghịch của thái tử. Ai cũng nghiêm khắc lên án và đề nghị tử hình thái tử và cả Devadatta.

Đức vua trầm ngâm, lát sau, ông nói:

- Trẫm không thể xuống tay hay ra lệnh giết con mình dù nó phạm tội không thể dung tha. Còn về Devadatta thì tôn giả Sāriputta đã công bố khắp kinh thành là giáo hội không còn chịu trách nhiệm gì trước những hành động của ông ta nữa. Dù Devadatta ác độc, đã xúi giục thái tử làm điều vô luân, vô đạo nhưng ông ta cũng đang quàng chiếc y vàng, biểu tượng cho ngọn cờ của bậc thánh hạnh, trẫm không dám đụng đến đâu.

Cuối cùng, vua nói như ra lệnh:

- Chuyện này mà được đồn đãi ra ngoài cũng không hay ho gì. Thôi, trẫm và các khanh giấu kín chuyện này đi, coi như không có gì xảy ra. Ngay ngày mai, trẫm sẽ xuống chiếu cho trẫm họ hay biết rằng, trẫm sẽ thoái vị và truyền ngôi cho thái tử, thế là yên! Các khanh về đi!

Thế rồi, tin truyền đức vua nhường ngôi được loan tin đi khắp nơi. Và cũng có tin đồn từ nội cung đưa ra là thái tử cô lập vua cha ở trong một biệt điện với mấy lớp khóa; và bắt bỏ ngục một số quan lão thần khác.

Trước ngày lễ đăng quang, phái đoàn sứ giả của thái tử đến Trúc Lâm mời thỉnh đức Phật, chư đại trưởng lão tham dự nhưng ngài từ chối, còn nghiêm khắc nói rằng:

- Ở nơi nào có cái gì đó ám muội, ác đức và bất minh thì ở đó, Như Lai và chư đại trưởng lão sẽ không bao giờ bước chân tới, chư vị hãy về nói lại với thái tử như vậy.

Sau đó, đức Phật triệu tập chư vị đại trưởng lão, nói rằng:

- Các ông hãy cho thông tri khắp tất cả mười tám đại tu viện, tịnh xá trong và ngoài kinh đô Rājagaha, rằng là, trong ngày lễ đăng quang của thái tử, không một vị tăng vị ni nào trong giáo hội của Như Lai được phép vào hoàng cung dự lễ. Chúng ta là

người xuất gia phạm hạnh, không nên tham dự những công việc triều chính phức tạp với nhiều ý đồ, nhiều tham vọng bất chánh của thế gian.

Ngày đại lễ diễn ra huy hoàng và trọng thể. Đèn đuốc, cờ xí, bàn hoa được treo và bày biện khắp nơi, từ thành phố đến cung điện. Devadatta và chúng đệ tử của ông chừng ba bốn trăm vị tỳ-khưu đã phụ giúp việc này việc kia cho thái tử rất nhiệt tình. Nghiễm nhiên, Devadatta bây giờ chưa tự xưng là giáo chủ nhưng rõ ràng là đang đóng vai giáo chủ để hộ pháp cho vương triều!

Cả trăm vị quan đương triều, hàng ngàn gia chủ hữu danh, phú hộ, triệu phú; và đại diện cả hàng trăm nhân sĩ, trí thức, đạo sĩ, giáo chủ và các tôn giáo, họ không thấy đức vua cùng các vị lão thần uy tín thì bóng tối hoài nghi chột phủ mờ trong mắt họ. Lại nữa, tại sao cuộc lễ quan trọng, lớn lao như thế này mà lại vắng mặt đại sa-môn Gotama và chư đệ tử của ngài? Họ đặt câu hỏi và quần chúng cũng đặt câu hỏi? Ngoại trừ một số người muốn ủng hộ tân quốc vương để tìm kiếm danh lợi thì ở lại tham dự, còn đa phần họ tuân tự, lặng lẽ rút lui. Họ bất phục và họ âm thầm chống đối. Và sau khi biết rõ, đức Phật và giáo hội của ngài đã tỏ thái độ bất hợp tác, tẩy chay triều đình mới thì quần chúng, cả trí thức và bình dân đều tỏ ra hả dạ. Từ đây, họ lại còn phân biệt được đâu là giáo đoàn của Devadatta sống trong tà mạng bất chính và đâu là giáo đoàn của đức Phật cùng tăng ni thánh hạnh của ngài.

Sau lễ đăng quang, đức vua Ajātasattu được tay chân báo cáo về sự âm thầm chống đối của dân chúng, họ “hùa theo” đức Phật thì ông ta rất giận dữ. Tuy nhiên, ông ta còn bình tĩnh để suy nghĩ rằng, tuyệt đối cái ông Phật kia không thể đụng đến được! Đụng đến đức Phật và giáo hội là đụng đến vua Kosala hùng mạnh và cả trăm tiểu quốc châu Diêm-phù-đề này nữa. Chưa nói đến binh lực tất cả các nước hợp quần trùng phạt, mà chỉ cần một lệnh cô lập ngoại giao, cô lập giao thương, kinh tế

là Māgadha đã sống dở, chết dở rồi!

Cho đến lúc này thì quân sư Devadatta cũng bó tay, không còn mưu kế. Ông nghĩ, tất cả đều do đức Phật mà ra cả. Chỉ có kẻ thượng sách là giết ông ta mà thôi!

12- Giết Phật Bằng Cung Nỏ Và Lăn Đá

Sau khi cho người theo dõi, biết đức Phật vào khoảng buổi chiều thường hay tọa thiền nơi khu rừng yên vắng bên sau Trúc Lâm; Devadatta bèn nhờ tân quốc vương Ajātasattu tuyển chọn một số tay thiện xạ về cung nỏ rồi bí mật chia làm ba toán. Ông ra lệnh cho toán thứ nhất chuẩn bị cung nỏ tốt, vẽ bản đồ, lối đi, lối về, chỗ ẩn nấp, nơi đức Phật tọa thiền... rất tỉ mỉ, chu đáo; nghiêm lệnh là mỗi người một phát tên là phải trúng đích; được thì trọng thưởng, thất bại là bị chém đầu! Toán thứ hai ông cũng triệu tập bí mật, không cho toán thứ nhất biết rồi ông dặn bảo cách khác. Toán thứ ba cũng dặn riêng, không cho toán thứ hai biết.

Thế rồi, sau khi đã sắp xếp chu đáo, không còn một sơ hở nào, tuân tực ba toán thiện xạ tuân lệnh lên đường, theo bản đồ chỉ dẫn. Toán thứ nhất, đến nơi, họ hờm sẵn cung nỏ núp sau những lùm cây rậm. Sau khi đám lá được vệt ra, họ nhìn thấy một sa-môn tướng hảo quang minh, đang ngồi tĩnh tại và uy nghiêm như một vị thần linh, khuôn mặt trong sáng, mát mẻ và từ hòa hết mực. Họ sợ hãi, nghĩ thầm: “Người này là đức Phật kia mà! Làm sao chúng ta có đủ can đảm để giết ngài được?”

Đức Phật biết chuyện, từ xa, ngài cất giọng dịu dàng:

- Các con đừng sợ, hãy đến đây với Như Lai, rồi Như Lai sẽ nói chuyện cho mà nghe!

Âm hưởng từ bi của tiếng nói ấy làm cho những tay xạ thủ, vốn không phải là kẻ ác, đồng buông thông cung nỏ; chúng đến quỳ bên chân đức Phật, thú nhận và sám hối về ý định giết đức Đạo Sư. Dùng Phật nhãn, đức Thế Tôn thấy chúng có duyên

lành nên ngài đã thuyết ngắn gọn một thời pháp tế độ. Nghe xong, toán cung thủ phát khởi đức tin trong sạch, chứng đắc Nhập Lưu thánh đạo và là những cận sự nam từ đây cho đến trọn đời.

Sau đó, đức Phật nói:

- Bây giờ, muốn an toàn sanh mạng, các con đừng trở lại theo lối cũ như sự chỉ dẫn của bản đồ, vì ở đây sẽ có toán cung thủ khác đang rình sẵn chờ giết các con để bịt miệng!

Toán cung thủ vập đầu xuống:

- Đức Thế Tôn sau khi đã mở con mắt sáng cho chúng con, lại còn cứu mạng chúng con nữa. Ôn đức ấy là vô lượng. Chúng con sẽ đi lối khác trở về thành phố, không những lối cũ đường mòn trong rừng kia chúng con không trở lại, mà lối cũ đường mòn đầu quân làm lính, sử dụng cung nỏ để giết vật, giết người chúng con nguyện sẽ không bao giờ trở lại nữa.

Đức Phật tán thán:

- Lành thay! Thật là rất tốt vậy.

Đảnh lễ bái biệt đức Thế Tôn xong, toán thiện xạ hồi đầu hướng thiện này, bẻ gãy cung nỏ, quăng tuốt vào rừng sâu, với dáng đi chậm rãi, thanh thản khuất sau đường mòn ngược chiều.

Toán thiện xạ thứ hai, đông người hơn, được lệnh rình giết toán cung thủ thứ nhất nhằm để diệt khẩu, nhưng Devadatta bảo với họ, chúng là tội phạm nguy hiểm của triều đình. Nhưng đợi chờ quá lâu chẳng thấy tăm hơi, nóng lòng, toán thiện xạ này bỏ chỗ đi tìm. Đức Phật biết chuyện, ngài độ họ giữa đường, nói rõ cho họ nghe mưu kế của Devadatta và vua Ajātasattu; và những kẻ mà toán này chờ giết đều là kẻ vô tội thuộc toán cung thủ thứ nhất như thế nào. Sau đó, đức Phật thuyết một thời pháp, đặt họ vào Dự Lưu quả, cho thọ trì quy giới rồi bảo đi theo lối khác mà trở về.

Toán thứ ba cũng tương tự vậy, nhưng sau khi mở con mắt pháp cho họ, cho quy y, đức Phật lại nói:

- Riêng các con thì trở về chỗ cũ y như lời dặn. Các con cứ

nói thật tất cả cho tên tỳ-khuru Devadatta xấu ác ấy biết. Các con vẫn an toàn tánh mạng.

Khi những tay thiện xạ về kể lại cho Devadatta nghe về tình hình của ba toán cung nỏ, theo lời kể của đức Phật thì y biết rằng, kế hoạch đã hoàn toàn thất bại rồi. Nếu bắt tội chúng thì quá lẽ. Chỉ có toán thứ nhất là đáng phải chặt đầu. Thế cũng không thông lắm. Khi mà con nai con gập mặt chúa sơn lâm thì làm sao nó khỏi sợ hãi? Cũng thế, gập mặt ông sa-môn Gotama thì có chúng sanh nào mà không sợ oai, không bị nhiếp phục?

Nghĩ thế xong, Devadatta nói:

- Thôi, ta tha tội chết cho các người đó, hãy đi đi! Phải tự ta ra tay mới được!

Tuy đã cố gắng làm chủ cơn bực bội, nóng giận của mình nhưng sóng lòng của Devadatta trào lên dữ dội. Khi nhóm cung thủ đi khuất, y gầm một tiếng như thú dữ, rồi hét:

- Sa-môn Gotama! Sẽ biết tay ta!

Sau nhiều ngày cho người theo dõi, Devadatta đã biết đức Phật đã rời Trúc Lâm và chỉ một mình ôm bát đi đến vườn xoài của thánh y Jīvaka. Và nhiều lần, đức Phật lại đi kinh hành gần sát chân núi Gijjhakūṭa. Trên núi ấy có rất nhiều tảng đá cao to chón chở, nằm vào những thê rất dễ lăn xuống sườn. Nghĩ đây là cơ hội tốt nhất để giết Phật, Devadatta lần mò leo lên núi. Từ điểm cao, sau khi xác định vị trí, Devadatta sai một số tỳ-khuru trẻ dùng cây làm đòn bẩy, hì hục bập một tảng đá rất lớn xuống chỗ đức Phật đang đi kinh hành lui tới...

Tảng đá lớn lia gốc, xuôi đà, đập vào những tảng đá nhỏ tạo nên tiếng va động dữ dội. Lực rơi rất lớn, trượt nát những vật cản rồi băng băng lao đi không đổi hướng.

Devadatta bước ra mé núi trông xuống, phỉ tay, mỉm cười thỏa nguyện. Bất ngờ, phía cuối sườn dốc, có hai tảng đá lớn hơn, như có mắt hoặc bị một năng lực vô hình, đồng nghiêng đầu chụm lại, ngăn chặn và kẹp cứng tảng đá của Devadatta vào giữa. Một tiếng động như trời long đất lở, tảng đá lớn bị vỡ

hằng trăm mảnh, rào rào bắn đi tứ phía. Thế là có một mảnh rất nhỏ trúng nhằm bàn chân phải của đức Thế Tôn làm cho chân ngài bầm máu và sưng tấy lên.

Devadatta tức giận quá, mắt trợn lên, răng nghiến trề trợn, nguyên rửa trời nguyên rửa đất rồi bỏ đi. Còn vết thương nơi chân của được Phật được thánh y Jīvaka tới nơi kịp lúc, chăm sóc cẩn thận và chu đáo. Ngay tối hôm ấy, chư đại trưởng lão như Sāriputta, Mahā Kassapa, Upāli, Ānanda... tức khắc có mặt tại vườn xoài để thăm hỏi về vết thương của đức Phật. Và ai cũng ngán ngẩm về tâm địa độc ác của Devadatta.

13- An Tĩnh Trong Ngục Tối

Trong thời gian đức Phật nghỉ dưỡng thương, thánh y Jīvaka dâng cúng vật thực hằng ngày. Ông còn cho đức Phật biết tin là đức vua Bimbisāra đã bị ông vua con giam vào ngục tối; và một số lão thần thân tín của đức vua đều bị thủ tiêu một cách bí mật. Thế là tội ác của Devadatta và Ajātasattu đã không còn thuốc chữa, càng ngày càng lún sâu vào địa ngục!

Do nhờ sự chỉ dẫn và mưu kế của thánh y Jīvaka, thái hậu Videhi đã hóa trang, ngồi trong chiếc xe bát bưng đến vườn xoài hội kiến đức Phật. Đôi mắt bà sưng húp do khóc nhiều và khuôn mặt xanh xao vàng vố chứng tỏ thiếu ăn, thiếu ngủ. Vừa thấy đức Phật, thái hậu quỳ sụp xuống đất và khóc rờn rã.

Đức Phật cứ để yên cho thái hậu khóc, một hồi, ngài mới nói:

- Thái hậu đã quá thương cảm, điều ấy cũng đúng thôi! Nhưng hãy tỉnh táo, kể lại cho Như Lai nghe về tình trạng của đức vua ở trong ngục hiện giờ như thế nào?

Thái hậu lau ráo lệ.

- Bạch Thế Tôn! Tình trạng ngày càng tệ. Hẳn đã nghe lời xúi giục của tên ác tăng Devadatta bắt vua cha giam vào ngục tối, lại còn cho quân ngục canh gác rất cẩn thận. Ba bốn hôm đầu, đệ tử còn được phép vào thăm và mang theo vật thực cho

đức vua dùng, nhưng sau đó, hắn đã táng tận lương tâm, chỉ cho đệ tử vào thăm nhưng không được mang theo thức ăn nữa. Đệ tử bèn nghĩ cách là giấu thức ăn trong búi tóc rồi cột khăn quàng đầu lại trông rất tự nhiên nên chúng chẳng nghi ngờ gì. Được sáu bảy ngày, chúng thấy đức vua đói lâu ngày mà thần sắc vẫn tươi tỉnh nên chúng nghi ngờ, lục soát rất kỹ, bắt xõa tóc thì vắt cơm rơi ra. Và chúng còn bảo, đó là lệnh trên, chúng không dám không tuân, xin lệnh bà thứ tội!

- Sau đó như thế nào nữa, thái hậu?

- Sau đó, đệ tử nghĩ kế khác. Đệ tử đã nấu cơm, tẩm thêm sữa, đề hồ, mật ong rồi nghiền chúng thật nhuyễn. Sau khi tắm rửa, kỳ cọ thân thể sạch sẽ, đệ tử phết chất nhuyễn hỗn hợp thức ăn ấy lên người rồi mặc xiêm bào mới vào rồi tự nhiên đi đến ngục. Bọn quân ngục lại lục soát rất kỹ cũng không tìm thấy. Thế là với phương cách ấy, đệ tử cạo lột chất nhuyễn ấy cho đức vua dùng, và cũng chỉ mới được ba hôm thôi, bạch Thế Tôn!

Đức Phật dịu dàng nói:

- Quan trọng nhất là tinh thần! Tình trạng tinh thần của bệ hạ ra sao, thưa thái hậu?

- Tinh thần của đức vua thì rất tốt. Khi đệ tử khóc vì không còn mang được thức ăn vào nữa thì đức vua mỉm cười, nói với đệ tử rằng: Không sao đâu bà, không ăn cũng có cái tốt của không ăn. Bây giờ, nhờ không ăn, thân tâm rỗng rang, ta đã hành thiền rất tốt đây! Đức vua trấn an đệ tử như thế đó, bạch Thế Tôn!

- Điều đó là đáng mừng nhất, thưa thái hậu. Mỗi người ai cũng có nghiệp của mình, phải bị trả quả. Nhưng cái quả dữ bị giam vào ngục tối, bị bỏ đói mà tâm trí đức vua vẫn sáng suốt và an tịnh. Như vậy, cái quả dữ kia đã được đức vua vô hiệu hóa rồi, thái hậu đừng quá sầu não nữa.

Thái hậu như đã bình tĩnh trở lại:

- Có điều kỳ lạ là đức vua không tỏ vẻ một chút nào là thù hận Devadatta cũng như đứa con bất hiếu, ông còn thương cảm sự vô minh và si mê của chúng nữa, bạch Thế Tôn!

- Vâng, đây là tâm đức của bậc thánh giả!

- Đức vua còn nói rằng, ta có thể nhịn đói, an tịnh như thế này mà ra đi, bà đừng lo lắng và thương cảm cho ta. Nhờ ngục tối, nhờ cô đơn, ta chiêm nghiệm sâu xa về giáo pháp của Tôn Sư; và bây giờ ta mới thực sự hiểu thế nào là vô thường, vô ngã và rỗng không của thế gian pháp! Ông ta đã nói như thế đó, bạch Thế Tôn!

- Đức vua nói đúng sự thực đây, thừa thái hậu! Và dường như đức vua chỉ lo lắng một điều...

- Vâng, phải, quả vậy, bạch Thế Tôn! Đức vua nói, ta chỉ lo lắng một điều, là đứa con ngu si lại gây ra nạn chiến tranh can qua với nước này, nước nọ sinh ra cảnh đầu rơi, máu chảy của muôn dân vô tội mà thôi!

- Đúng vậy, đây là sự lo lắng chính đáng! Nhưng xin thái hậu hãy nói với đức vua là ngài hãy yên tâm trong lúc này, tất cả hãy để cho nhân duyên và quả nó làm việc.

Chợt thái hậu có vẻ hốt hoảng:

- Nguy rồi, bạch Thế Tôn! Đệ tử đã mật truyền cho một vị quan trẻ thân tín về Sāvatti, tường trình sự việc lên đức vua Kosala, là nhờ ông vua anh trừng phạt thẳng cháu bất hiếu! Ôi! Nguy rồi! Lệnh đi rồi làm sao rút lại được?

Đức Phật mỉm cười:

- Thái hậu an tâm! Vị quan trẻ ấy không thể có thần lực đi đến Sāvatti nhanh hơn đệ tử của Như Lai đâu! Như Lai đã bảo Mahā Moggallāna nói với vua Kosala hãy cố gắng kèm chế con tức giận trong trường hợp như dầu sôi, lửa bỏng này! Thái hậu hãy tường trình lại với đức vua như vậy để cho ngài khỏi phải lo lắng nữa.

Thái hậu Videhi quỳ sụp xuống:

- Vô vàn tri ân Thế Tôn!

Sau hôm đó, đức Phật và chư vị trưởng lão trở lại Trúc Lâm được mấy hôm thì thánh y Jīvaka đến cho biết tin là đức vua Bimbisāra đã qua đời, trong tình trạng rất thanh thản và an bình.

Đức Phật hướng tâm một lát rồi tuyên bố với đại chúng:

- Đức vua Bimbisāra đã ra đi! Thế là ông hưởng thọ được sáu mươi bảy năm, trị vì quốc độ thanh bình và thịnh vượng năm mươi hai năm, là một vị minh quân hiếm có trên cuộc đời, là ân nhân của bá tánh và cũng là bậc hộ pháp cho giáo hội. Hiện giờ, ông đã hóa sanh lên cõi trời Tứ Đại thiên vương, là một vị thiện yakkha⁽¹⁾ nhiều thần lực, có tên là Janavasabha, làm người tùy tùng thân cận đức Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn thiên vương)⁽²⁾.

Chuyện đức vua hiền thiện Seniya Bimbisāra qua đời trong ngục tối, khi chưa từng biết thì toàn thể kinh đô đều biết. Muôn dân phần nộ và âm thầm nguyện rửa đũa con bất hiếu.

Lại nữa, chuyện ác tăng Devadatta cho cung nỏ giết Phật, lăn đá hại Phật cũng đã được loan truyền đi khắp nơi. Như vậy, sự bất mãn, sự chống đối, sự căm ghét Ajātasattu và Devadatta như những cơn sóng ngầm lan tỏa trong lòng mọi người, nếu không có ai kiềm chế thì có thể biến thành trận lửa cháy nội loạn chẳng?

14- Giết Phật Bằng Voi Dữ Nālāgiri

Đã hai lần hại Phật không được, Devadatta tìm cách nghĩ ra mưu kế khác mà không hề biết rằng, muôn dân đang căm hận, nguyện rửa ông.

Hôm kia Devadatta vào gặp đức vua Ajātasattu, nói rằng:

- Nay thái tử đã lên ngôi vua chí tôn, vậy là an ổn do vua cha đã “lên trời” rồi, còn bản đạo thì chưa tìm ra cách nào để giết ông sa-môn Gotama cả. Như vậy thì kế hoạch của chúng ta chỉ thành công được một nửa. Vì khi mà bản đạo chưa chứng quả được giáo hội Tăng-già thì bản đạo chưa thể cung hiến thần kế giúp tân vương tranh đoạt thiên hạ được.

⁽¹⁾ *Yakkha: Dạ Xoa, nhưng là Dạ Xoa thiên, thiện, có thần lực.*

⁽²⁾ *Theo Dictionary of Pāli proper names - Q.2, trang 287.*

Đức vua Ajātasattu trầm ngâm giây lâu:

- Trẫm sẵn sàng giúp ngài cả nhân lực và tài lực, mong rằng đại sự của chúng ta chóng thành. Vậy thì có mưu kế gì hay hơn, ngài cứ bày ra, chẳng có gì phải e ngại cả.

- Nghe nói rằng, đại vương có một con voi báu, rất hung dữ, có sức mạnh khủng khiếp. Nếu dùng voi ấy để giết sa-môn Gotama quả là thượng sách. Con người thì sợ năng lực của ông ta, còn loài súc sanh thì chúng đâu có biết gì!

- Đúng lắm! Tân vương ca ngợi - Nghĩ vậy thì thật là chu đáo!

Nói xong, vua bèn cho gọi người quản tượng, dặn là phải tuyệt đối nghe theo lệnh của Devadatta.

Khi người quản tượng dẫn Devadatta đến chuồng nuôi voi, thấy một con voi rất to lớn, đen đúa, tướng mạo rất dữ dằn, đang bị khóa bằng mấy vòng xích sắt kiên cố; bèn hỏi:

- Con voi này có phải tên là Nālāgiri nổi danh đây chăng?

- Thưa phải!

- Tại sao khóa xích sắt kiên cố như thế?

- Thưa, cứ cách ba ngày là phải cho nó ăn một thúng cơm và uống một hũ rượu, bằng không nó sẽ phá chuồng mà đi! Được cơm và rượu xong, nó sẽ dễ bảo. Còn đúng kỳ hạn mà không bày cơm rượu, nó sẽ nổi tính điên cuồng chẳng có ai kèm giữ được!

Devadatta cười nói:

- Thế ra, xích sắt này chỉ để phòng hờ những khi quên cung cấp khẩu phần cơm rượu cho nó đây!

- Thưa vâng!

- Nuôi dưỡng tốn kém như thế thì vua sẽ dùng nó vào việc gì?

Người quản tượng rành rẽ đáp:

- Thưa, nuôi quân ngàn ngày đôi khi chỉ dùng có một lần. Cũng vậy, con voi này chỉ để dành những khi xung trận. Chỉ cần trước khi giáp lá cà, cho nó ăn vài thúng cơm, cho nó uống tám hũ rượu gạo là nó hung mãnh lao đi giết giặc còn lợi hại hơn cả một ngàn quân, lợi hại hơn sức của một trăm con voi khác cộng lại.

Nghe vậy, Devadatta hớn hờ nói:

- Vậy thì người cứ chuẩn bị ba thúng cơm và mười sáu hũ rượu gạo thật ngon, khi có lệnh là sử dụng ngay, không được chậm trễ!

Người quản tượng thất kinh, chăm chăm nhìn vị sa-môn, y trở mắt ngạc nhiên nhưng không dám hỏi, trong bụng nghĩ thầm rằng: Bậc tu hành sao lại có tâm địa ác độc, coi rẻ mạng sống của người khác đến thế? Mười sáu hũ rượu gạo mà voi uống vào thì cả hàng chục ngôi làng cũng bị nó san thành bình địa! Hay là đức vua sắp có một cuộc chiến tranh lớn? Cũng không đúng! Vì kẻ tu hành sao lại kích động chuyện giết nhau?

Riêng Devadatta thì khoan khoái trong lòng, tự nghĩ rằng, hại sa-môn Gotama bằng con voi Nālāgiri này, hẳn là thân xác ông ta sẽ bị dập nát như quả cà chua đỏ! Và ngôi vị bá chủ tăng chúng còn ai dám tranh đoạt với ta? Hẳn hỉ hửng trong lòng.

Mở sương hôm ấy, ở Trúc Lâm, tại hương phòng, theo lệ thường, đức Phật dùng thiên nhãn quán xét thế gian, xem thử ai có hữu duyên nên tế độ. Sau khi thấy rõ, biết rõ chuyện gì xảy ra, đức Thế Tôn chợt mỉm cười, xả định, đi kinh hành lui tới với tâm thái hoàn toàn an nhiên, buông xả.

Trong không khí mát mẻ và vắng lặng của khu rừng tre, bỗng nhiên, rất nhiều bước chân và tiếng người xôn xao trước cổng của tịnh xá. lát sau, tôn giả Ānanda vào quỳ bạch Phật:

- Không biết có chuyện gì mà cận sự nam nữ hai hàng lũ lượt từng đoàn, từng đoàn muốn vào gặp mặt đức Thế Tôn?

Đức Phật dịu dàng nói:

- Này Ānanda, có chuyện đấy! Hãy cho họ vào gặp Như Lai!

Đoàn người được đức Thế Tôn tiếp kiến. Họ đồng quỳ đánh lễ cả khoảng sân lớn rồi vị bồ lão đại diện tâu:

- Chúng con thỉnh nguyện Thế Tôn sáng nay không nên đi vào thành để khát thực. Tất cả chúng con đồng đến đây để đặt bát cúng dường Thế Tôn và toàn thể tăng chúng Trúc Lâm. Vì lòng bị miễn xin Thế Tôn hoan hỷ nhận lời.

Đức Phật đưa mắt hiền hòa nhìn mọi người rồi hỏi:

- Có chuyện gì chư vị cứ nói, Như Lai đang nghe đây!

Một tín nữ thưa:

- Sáng nay, từ rất sớm, bạch Thế Tôn! Vị tân quốc vương ác đức vừa mới giết cha hiền để chiếm ngôi, có ra thông báo khắp các hang cùng ngõ hẻm, rằng là toàn thể dân chúng trong thành không ai được đi ra đường, vì quân tượng sẽ cho thả voi dữ Nālāgiri uống rượu say!

Đức Phật gật đầu:

- Ủ! Thì chuyện đó Như Lai có biết!

Lời vị khác chen vào:

- Bạch! Thiên hạ đồn ầm lên rằng, Devadatta âm mưu với vua Ajātasattu thả voi say là muốn giết hại Thế Tôn đấy!

Đức Phật gật đầu một lần nữa:

- Ủ! Thì chuyện âm mưu giữa họ với nhau như thế, Như Lai cũng biết mà!

- Nhưng mà con voi hung dữ ấy sẽ giết ngài cùng với tăng chúng đi theo. Voi Nālāgiri nổi tiếng vô địch vang danh khắp các tiểu quốc, khi say rượu rồi thì chẳng kể trời đất gì nữa!

Đức Phật hỏi:

- Vì chuyện ấy mà chư vị thỉnh Như Lai cùng với chư tăng thọ thực tại tịnh xá?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Phật yên lặng một lát rồi nói:

- Chư vị nghĩ như thế nào thì cứ như vậy mà làm. Còn sáng nay, Như Lai và tăng chúng sẽ vào thành khát thực là chuyện của Như Lai. Tại sao lại như thế? Vì Như Lai thấy rõ, biết chắc rằng trên đời nay, không một sa-môn, bà-la-môn, chư thiên, ma vương, phạm thiên nào lại có khả năng làm hại Như Lai cả. Ngoài ra, chư vị biết sao không? Con voi hung dữ Nālāgiri ấy, sẽ được Như Lai cảm hóa. Và do duyên ấy, một nhóm ngoại đạo được cải tà quy chánh và vô lượng chúng sanh người, trời, phạm thiên chúng đắc thánh đạo và thánh quả. Vì lợi ích cho

phần đông như thế, chư vị nghĩ là Như Lai nên đi khát thực bình thường hay ở lại chùa vì sợ hãi voi dữ?

Toàn thể cận sự nam, cận sự nữ vốn có đức tin vững chắc nơi đức Phật nên khi nghe ngài trình bày nguyên nhân và kết quả của sự việc, họ hoan hỷ vô cùng, đồng thanh đáp:

- Nên đi! Đức Thế Tôn và chư tăng nên vào thành khát thực như lệ thường. Và chúng con cũng sẽ đặt bát cho đức Thế Tôn và chư tăng vào trưa nay, ở Trúc Lâm này!

Với niềm tin tưởng mãnh liệt là voi dữ sẽ được đức Thế Tôn cảm hóa, họ không lo sợ nữa, đánh lễ ngài rồi ra về.

Khi họ vừa mới đi khuất, đức Phật dặn bảo tôn giả Ānanda:

- Ông hãy thông báo gấp, là sáng nay, toàn thể tăng chúng ở khắp mười tám đại tự viện hãy cùng vào thành Rājagaha khát thực với Như Lai.

Chỉ một lát sau là tin truyền đã rì rào như gió lan đi khắp thành Rājagaha. Cận sự nam và nữ bảo nhau rằng:

- Hôm nay chúng ta sẽ tận mắt nhìn thấy đức Phật cảm hóa voi dữ Nālāgiri, và như vậy thì mưu kế ác độc của tên ác tăng Devadatta và thằng vua con bất hiếu Ajātasattu sẽ thất bại một cách thảm hại.

Thế rồi, họ ùa nhau leo lên đọt cây cao, trên mái nhà hoặc sườn núi kế cận để quán sát cho rõ.

Dân chúng thuộc nhiều giáo phái ngoại đạo, thì được giáo chủ của họ truyền miệng với nhau rằng:

- Voi Nālāgiri có sức mạnh phi thường, lại uống rượu say nữa thì phải biết! Chúng ta sẽ được mãn nhãn nhìn ngắm hung tượng chà đạp, dẫm nát sa-môn Gotama!

Không bao lâu sau, trên đường chính dẫn vào kinh thành, đức Thế Tôn mặc y màu mặt trời dẫn đầu đoàn sa-môn dài dằng dặc như con rồng vàng uốn lượn, thanh thản, uy nghiêm từng bước một. Đường xá vắng tanh, nhà nhà đóng cửa im ỉm như một thành phố chết. Tuy nhiên, nếu đề mắt một chút, rất nhiều dân chúng tụ tập lố nhố trên những điểm cao, mà ở đó có thể

quan sát trọn con đường sắp xảy ra một trận kinh hoàng.

Lúc ấy, ở cuối đường ngược chiều, người quản tượng theo lệnh của Devadatta, đã cho voi Nālāgiri ăn ba thúng cơm và uống hết mười sáu hũ rượu gạo ngon nhất. Voi gầm một tiếng, người quản tượng chưa kịp xua đi thì nó đã giở vòi, quạt hai lỗ tai, cong đuôi chạy thẳng về phía trước. Bóng voi sắc lông màu hung xám, cao to lừng lững như quả núi càng lúc càng nghiêng đổ về phía đức Phật.

Chư tỳ-khưu phàm thấy vậy, e ngại nói:

- Bạch Thế Tôn! Con voi hung ác kia say như điên đang chạy đến đây. Xin ngài hãy quay trở lại!

Đức Phật trấn an:

- Các ông đừng lo ngại. Con voi điên kia, Như Lai cảm hóa nó được mà!

Hai vị đại đệ tử bước ra xin nhận trách nhiệm hàng phục voi dữ. Rồi lần lượt một số chư vị trưởng lão đều xin phép được gánh phần trách nhiệm, nhưng đức Phật thấy đều từ chối.

Tôn giả Ānanda biết mình chẳng có khả năng, uy lực gì, nhưng vì quá kính yêu đức Phật, không thể đứng yên nhìn sự nguy hiểm đang xảy ra uy hiếp tính mạng của ngài; với ý nghĩ: “Này voi Nālāgiri! Hãy giết chết ta trước, ta quyết hy sinh mạng sống để bảo vệ cho Thế Tôn!”; rồi bước ra đứng chắn trước mặt đức Phật.

Đức Phật bảo:

- Này Ānanda! Hãy tránh sang nơi khác, không được đứng trước Như Lai!

Tôn giả Ānanda không chịu tránh, thưa:

- Voi Nālāgiri hung hiểm và bạo tợn kia, trước khi đụng đến Thế Tôn, nó phải bước qua xác đệ tử!

Thế rồi, đã ba lần bảo tránh, tôn giả Ānanda cũng cương quyết chỉ muốn chết thay; bất đắc dĩ đức Phật phải sử dụng thần thông, Ānanda mới chịu lùi bước.

Lúc ấy, voi Nālāgiri đang lao tới với một tốc độ khủng khiếp.

Đột ngột, từ sau ngõ hẻm, một người đàn bà bông con xuất hiện giữa đường. Chợt thấy voi điên, bà sợ hãi quá, bỏ con dưới đất rồi bỏ chạy. Voi Nālāgiri lúi lũi xông tới, thoáng thấy bóng người, nó quật vòi, lao theo, nhưng người đàn bà đã lẩn khuất sau bức tường. Voi quay lại đến bên đứa trẻ. Thấy voi dữ, nó khóc thét lên.

Sự việc trên xảy ra trước tầm mắt của đức Phật. Khi thấy Nālāgiri với đôi mắt đỏ ngầu như sắp chà nát một hài nhi vô tội, đức Phật liền rải tâm từ. Một luồng khí mát mẻ, an lành tuôn chảy ra không gian, bao bọc thân thể của voi Nālāgiri rồi thâm nhập vào tận tim gan, máu huyết và cả tâm trí nó. Rồi đức Phật cất giọng phạm âm dịu dàng, ngọt ngào, trù mến như lời ru của mẹ rót vào tai của voi Nālāgiri:

- Này Nālāgiri! Này con yêu quý! Người ta đã cho con uống mười sáu hũ rượu làm cho con điên đảo, đã biến thành thú tính hung dữ. Người ta đã cố ý lợi dụng con để giết Như Lai, chớ không phải giết hại ai khác. Vậy hãy tha cho đứa trẻ kia mà đến đây với Như Lai! Hãy đến với Như Lai, này Nālāgiri yêu quý!

Như được uống một liều thuốc an thần, như vừa được tắm trong dòng suối trời, voi Nālāgiri chợt tỉnh lại. Ngẩng đầu lên, voi cảm nhận một sự mát mẻ và bình an lạ thường toát ra từ vùng ánh sáng phía trước. Một tiếng gọi sâu thẳm từ vô thức mơ hồ đánh thức nó, voi như tìm lại được hình bóng và âm điệu ru êm của đấng mẹ hiền; và nó chỉ là đứa con nhỏ cần được vuốt ve, che chở. Con say điên đảo tan biến, voi Nālāgiri hạ vòi xuống, hai tai buông rủ, ngoan ngoãn quỳ mọp cả bốn chân rồi lết tới, nằm phủ phục dưới chân đức Phật ra chiều quy thuận.

Giọng đức Phật cứ tiếp tục dịu dàng tuôn chảy vào tai nó:

- Này Nālāgiri! Này con yêu quý! Thân phận con là loài voi, thuộc hàng súc sanh vô phước và tội nghiệp. Như Lai là đức Phật cao thượng giữa muôn loài. Từ nay, con phải thay tâm đổi tánh, đừng nên giết hại bất kỳ một ai khác nữa. Điều ấy con phải làm vì lợi ích và an vui cho chính con!

Đức Phật vừa nói vừa tiếp tục rải tâm từ, làm cho làn khí mát mẻ, an lành càng lúc càng đầy ắp, sung mãn; rồi ngài đưa bàn tay búp sen dịu dàng như tơ trời “đâu-la-miên” (tơ trời cung Đâu Suất) vuốt trên đầu voi:

- Nay Nālāgiri! Chớ nên si mê, quên mình tạo nên ác nghiệp tội lỗi, phải sa đọa vào những cảnh giới tối tăm, thống khổ. Hãy nên làm việc lành, này Nālāgiri! Ai tạo thiện nghiệp, người ấy sẽ tái sinh vào những cảnh giới hạnh phúc, huy hoàng và xán lạn!

Thế là đức Phật đã thuyết pháp tế độ cho voi Nālāgiri. Nghe xong, toàn thân tâm của voi phát sanh hỷ lạc chưa từng có. Nếu không phải là loài súc sanh, sau thời pháp ấy, chắc chắn nó đã chứng đắc thánh đạo quả.

Dân chúng từ các điểm cao trong thành Rājagaha tận mắt nhìn thấy từ đầu chí cuối đức Phật cảm thắng hung tượng Nālāgiri một cách phi thường, kỳ diệu; họ hoan hỷ vỗ tay reo mừng vang dội. Rồi họ lũ lượt leo xuống, chạy đến tận nơi, ném tất cả những đồ trang sức, vòng vàng, châu báu xuống thân mình voi, phủ cao thành đồng. Voi bây giờ nằm yên, ngoan ngoãn hiền lành.

Từ thời khắc này, voi dữ Nālāgiri được dân chúng gọi tên là voi Dhānapālaka (voi giữ gìn của cải).

Trước tất cả tăng chúng và mọi người, đức Phật đặt tay lên đầu hiền tượng Dhānapālaka cho nó thọ quy giới. Voi nằm mọp xuống, lấy vòi hút bụi ở hai bàn chân đức Phật rồi phun lên đầu mình để tỏ lòng tôn kính. Xong, nó lùi xa một khoảng, rung mình, rũ ngọc ngà, châu báu lả tả rơi xuống đất, quỳ xuống, cúi cung đánh lễ đức Phật ba lần rồi quay đầu, chậm rãi, bỏ thành phố đi thẳng vào non sâu.

Đức Phật sử dụng năng lực thù thắng rồi chú nguyện:

- Vàng ngọc, của cải nằm rơi đầy trên đất kia, vốn là của ai, hãy hoàn về chủ cũ!

Lạ lùng làm sao, lời nguyện vừa dứt, ngọc ngà châu báu đang nằm vô tri, bất động trên đất; chợt như có chân, có mắt,

đồng loạt vọt lên, bay về nơi tay, nơi cổ, trong túi, trong xách của những người chủ cũ, không hề sai trật!

Vừa chứng kiến chuyện cảm hóa voi dữ của ngài, bây giờ lại thấy năng lực phi thường này nữa của đức Thế Tôn, toàn thể dân chúng thành Rājagaha xiết bao kính mộ. Cận sự nam nữ hai hàng lại được củng cố thêm đức tin và dào dạt niềm tự hào. Ngay chính nhóm ngoại đạo thù ghét đức Phật luôn manh tâm phá hoại, khuấy rối ngài, cũng bắt đầu thay đổi cách nhìn, chuyển tâm hóa tánh. Có một số trong họ, chẳng ngại ngùng gì, đến khấu đầu đánh lễ đức Phật rồi xin cải giáo.

Dịp này, vô số người, chư thiên, phạm thiên chứng đắc Nhập lưu thánh đạo quả.

Công việc đã xong, nhân duyên sáng nay thế là đã thành tựu, đức Phật ra dấu hiệu bảo đức Ānanda cùng với tăng chúng quay trở về Trúc Lâm. Thế là cận sự nam nữ cùng với dân chúng thành Rājagaha lũ lượt đi theo, mang rất nhiều vật thực để cúng dường đến chư tăng, có đức Phật là chủ trì.

Ai ai sắc mặt cũng hân hoan, vui sướng; tán dương năng lực thuần hóa voi dữ của đức Phật, rồi thốt lên bằng bài kệ:

“- Người ta dạy ngựa hay voi
Sử dụng móc sắt, mây roi bên thùng
Thế Tôn - khéo, lạ quá chừng
Chẳng roi, chẳng móc, chẳng trừng phạt ai
Từ bi, năng lượng thiện tài
Nhiếp hóa voi dữ, Như Lai phép mẫu!”

15- Chiêu Bài Cuối Cùng Của Devadatta

Ngày hoàng cung làm lễ hỏa táng nhục thân của đức vua Bimbisāra, không ai mời mà đức Phật vẫn tìm đến quảng trường hoàng cung để chú nguyện cùng cả một lực lượng tăng đoàn hùng hậu ba bốn nghìn vị tỳ-khưu, vô cùng trang nghiêm và thanh tịnh. Và dân chúng cũng vòng trong, vòng ngoài nhiều

lớp, chen chân không lọt; họ quý kính, tiếc thương và ngưỡng mộ vị vua hiền đức, nhân ái bị kẻ gian ác hãm hại. Vị vua trẻ Ajātasattu vừa thấy cái bóng của đức Phật liền cảm thấy bất an, sợ hãi nên ông trốn trong cung. Devadatta cũng cùng tâm trạng như đức vua nên ông và chúng đệ tử tìm cách tránh né khi thấy uy lực của đức Phật như phủ trùm thiên hạ, che mờ luôn cái “uy tín hư giả và ti tiểu” của ông.

Trước khi trở lại Trúc Lâm, đức Phật nói với đại chúng rằng:

- Ai ánh sáng thì sẽ đi theo với ánh sáng, hòa với ánh sáng; ai là bóng tối thì sẽ đi theo với bóng tối, chìm trong bóng tối. Đức vua Bimbisāra của chúng ta, suốt một đời anh minh và hiền đức nên đã hóa sanh làm một vị thiên, kề cận Tỳ-sa-môn thiên vương để hộ trì giáo pháp. Đức vua của chúng ta đã có một đời sống mới, hạnh phúc, an vui và có nhiều oai lực hơn kiếp sống cũ. Đây là điều mà chúng ta nên mừng vui mới phải! Chư vị hãy về đi! Chẳng có gì phải bận bịu và tiếc thương nữa!

Riêng về Devadatta. Sự việc mấy lần hãm hại đức Phật của ông đã được lan truyền khắp hàng cùng ngõ hẻm đường như không còn ai là không biết. Những hành động tệ hại ấy làm cho Devadatta biến thành cái bóng của quỷ dữ; và dư luận quần chúng cũng như hai hàng cận sự đều lên án ông một cách nghiêm khắc và xa lánh ông như xa lánh cùi hủi. Chính vua Ajātasattu cũng chán nản ông, bỏ rơi ông, không nâng đỡ ông nữa. Mọi ân huệ của vua thế là mất hết. Khi lòng sân độc muốn hại Phật và lòng tham vọng đẩy ông đến chỗ xấu xa như thế thì mọi khả năng thần thông phép lạ của ông cũng tiêu tan luôn!

Thế nhưng ông chưa chịu ngừng lại. Với trí thông minh sẵn có, ông quay qua chiêu bài khác. Ông giả vờ có vẻ ăn năn, hối lỗi đến sám hối đức Phật và sau đó, xin ngài ban hành thêm năm điều vào quy chế cho hàng xuất gia:

- Thầy tỳ-khuru phải sống trọn đời trong rừng, vườn hoang, động vắng, núi sâu; không được ở trong thành phố, làng mạc, tu viện hay tịnh xá...

- Thầy tỳ-khuru phải trọn đời ôm bát xin ăn, không được dự lễ trai Tăng hay nhận lời mời đến tư gia đặt bát hay thọ thực của hai hàng cận sự.

- Thầy tỳ-khuru phải lượm vải rách, vải người ta quăng bỏ bên đường, vải bó xác tử thi để cắt may làm y mặc; không được phép thọ nhận vải đẹp, vải tốt, vải lành nguyên của thí chủ dâng cúng.

- Thầy tỳ-khuru trọn đời phải ngủ nghỉ chỗ không có mái che, nơi khoảng trống, dưới cội cây, giữa nghĩa địa, không được ngủ nghỉ trong phòng ốc, liêu cốc.

- Thầy tỳ-khuru trọn đời phải ăn ngũ cốc, rau trái, không được dùng các loại thịt, dù là thịt động vật đã chết!

Đức Phật thấy rõ dã tâm của ông, nhưng ngài chỉ nói:

- Hôm nay mà ông còn đến đây để giả vờ xin những điều có vẻ rất đúng đắn như vậy nữa hay sao? Ông biết Như Lai sẽ từ chối, và rồi ông sẽ đi rêu rao đây đó rằng, những điều ông đề đạt, yêu cầu là chân chính hơn cho giáo pháp, là tốt đẹp hơn cho hàng xuất gia. Thế là một số tỳ-khuru nông nổi và quần chúng nhẹ dạ lại bị ông mê hoặc bởi chiêu bài cao thượng ấy!

Còn đệ tử của Như Lai thì năm điều kia có người thực hành là tốt hay chỉ thực hành trung đạo năm điều ấy cũng tốt không khác gì; cứ để họ tùy nghi lựa chọn theo sở thích, khả năng sức khỏe và sở hành của mình. Ông nên nhớ rằng với ăn, mặc, ngủ... bao giờ Như Lai cũng hằng khuyên là nên thiểu dục và tri túc! Ăn, mặc, ngủ... chừng mực, vừa đủ, dị giản là điều cần yếu; và quan trọng nhất là phải có một tri kiến chơn chánh như thế nào, phải tu tập một giáo pháp như thế nào con người mới trở nên hiền thiện được!

Này Devadatta! Chiêu bài của ông chỉ có thể lừa dối được kẻ ngu, cả tin, nhẹ dạ; không bao giờ qua mặt được người có trí, mắt sáng, có đức tin vững chắc đâu!

Thôi, ông hãy đi đi, đừng bao giờ trở lại nơi này, trở lại tăng đoàn của Như Lai nữa. Hôm nay Như Lai đã nói quá nhiều. Quả địa ngục đang chờ đón ông đấy. Hãy ghi nhớ lời ấy, và chỉ

cần ghi nhớ một lời ấy mà thôi!

Đức Phật đã ân cần giải thích, đã tận tình nhắc nhở, đã từ bỏ cảnh tỉnh Devadatta và hội chúng như vậy rồi, nhưng cũng có chừng năm trăm tỷ-khuru bị Devadatta dụ dỗ bởi chiêu bài cao thượng đã theo chân ông ta đến tu viện ở dãy núi Gayāsīsa, chính thức hình thành một giáo đoàn riêng. Sự chia rẽ tăng-già (Saṅgha) đã đến hồi trầm trọng.

Tuy nhiên, đức Thế Tôn lại bảo hai vị đại đệ tử:

- Bây giờ, Như Lai lại làm phiền đến Sāriputta và Mahā Moggallāna một lần nữa. Cả hai ông hãy đi mau, theo chân Devadatta đến Gayāsīsa, thuyết pháp cho năm trăm tỷ-khuru nghe. Như Lai biết rằng, khi trở về, năm trăm tỷ-khuru kia sẽ tháp tùng theo hai ông. Và từ đây cho đến cuối đời, Devadatta sẽ không còn làm gì được nữa đâu.

Và đúng như vậy thật, tôn giả Sāriputta và Mahā Moggallāna đến tu viện trên dãy núi Gayāsīsa khi Devadatta đang nghỉ ngơi, hai vị đã thuyết pháp đến cho năm trăm thầy tỷ-khuru. Sau thời pháp, cả năm trăm thầy tỷ-khuru đều đắc quả Tu-đà-hoàn! Và họ đồng theo chân hai vị trưởng lão về Trúc Lâm yết kiến đức Phật và xin sám hối cái tội đại khờ và nông nổi của mình.

Devadatta biết ra thì đã muộn, nhìn khung cảnh quanh quẽ xung quanh, ông ta gục xuống, thổ ra một bùm máu tươi! Không ai làm hại ông cả, chính tâm cuồng vọng của ông đã đẩy ông đến tuyệt lộ!

16- Trưởng Giả Cấp Cô Độc Ra Đi

Đức Phật cùng với chư đại trưởng lão trở lại Sāvatti cho kịp trước mùa mưa. Năm nay tại đây thời tiết có vẻ bất thường, nhưng chư tăng các nơi cũng không quản ngại lộ trình vất vả về an cư tại Kỳ Viên nhiều hơn mấy năm trước. Ai cũng muốn nghe những biến cố động trời về thái tử Ajātasattu và Devadatta.

Như vậy là việc thái tử Ajātasattu định giết cha cướp ngôi,

tình cảnh đức vua Bimbisāra bị chết đói trong ngục, chuyện ba lần Devadatta âm mưu giết Phật là những đề tài nóng hổi được chư tăng và hai hàng cư sĩ vây quanh chư đại trưởng lão để thăm hỏi tin tức. Sau khi biết rõ, ai cũng ngao ngán, ai cũng thở dài cho tâm địa của con người. Bi cảm, thương xót thay cho đức vua Bimbisāra hiền thiện! Khốn nạn, đáng nguyên rủa thay là thằng con Ajātasattu bất hiếu! Gian độc và điên cuồng thay là tên Devadatta ác tăng!

Đức vua Pāsenadi cũng là người tìm đến đánh lễ đức Phật sớm nhất. Khi tôn giả Mahā Moggallāna vận thần thông lực đến gặp vua trước vị quan sứ giả mười mấy hôm, kể lại việc làm bất hiếu của thái tử Ajātasattu khi cấm cố vua cha của mình, đức vua đã cố kềm chế cơn giận dữ theo lời dặn bảo của đức Phật, nếu không ông đã xua quân trừng trị đứa cháu vô đạo.

Sau khi nghe đức Phật kể lại tự sự, bây giờ đức vua mới biết thêm là đức vua Bimbisāra bị bỏ chết đói trong ngục tối và một số các vị lão thần bị thủ tiêu, ông lặng người đi.

Đức Phật cũng kể lại những vất vả thức ăn giấu trong mái tóc, thức ăn quét nhuyển phết lên người của hoàng hậu Videhi (Kosaladevī) cũng chỉ cứu đức vua sống được mấy hôm. Tuy nhiên, đức Phật khen ngợi tinh thần vững mạnh, xem nhẹ cái đói, cái chết và cái tâm từ bi của đức vua đối với kẻ đã hãm hại mình. Việc tẩy chay lễ đăng quang của Ajātasattu đức Phật cũng kể lại. Hôm dự lễ trà-tỳ đức Phật tự đến với hơn bốn ngàn tăng ni đã tạo vinh quang cho hương linh quá cố, ngài cũng kể lại chi tiết.

Rồi đức Phật trấn an:

- Thôi được rồi, bệ hạ! Sự việc xảy ra thường đúng với nhân, duyên, quả của nó. Đức vua hiện đã hóa sanh lên cõi trời của Tỳ-sa-môn thiên vương, không còn chịu cảnh nhiều gian truân như thế gian này nữa.

Lâu lắm, đức vua Pāsenadi mới nói:

- Đời người quả thật là bi khổ! Đến lúc này thì đệ tử mới thật

sự hiểu thấu thía lời dạy của đức Tôn Sư về “khổ đế” trần gian! Quả thật, không ai có thể thoát khỏi định luật của nhân, duyên, quả, báo và nghiệp! Đức vua Bimbisāra một đời hiền đức cũng không tránh khỏi! Hoàng muội của đệ tử, Kosaladevī (tức là hoàng hậu Videhi) một đời mẫu mực, đức hạnh cũng không tránh khỏi! Không biết sau biến cố thảm nạn vừa rồi, tinh thần hiền muội của đệ tử có sa sút lắm không, bạch Tôn Sư?

- Bà vẫn còn khá lắm đấy, tâu bệ hạ!

- Không gục ngã, không đột quỵ mà còn đứng vững được như vậy, quả thật là nhờ thần dược của giáo pháp, phải vậy không, bạch đức Tôn Sư?

- Ủ, có lẽ vậy! Và còn nữa - đức Phật nói tiếp - Hoàng hậu Videhi ở bên cạnh đức vua Bimbisāra như thế nào thì hoàng hậu Mallikā ở bên bệ hạ như thế đó. Họ đều là những nữ nhân cao quý, nhân ái; là chiếc bóng an vui cho chư đại vương, đồng thời là người hộ trì cho tăng ni và giáo pháp nữa đó, tâu bệ hạ!

Đức vua Pāsenadi cảm thấy nhẹ lòng.

Đức Phật vừa tiễn đức vua ra về được một lúc thì tôn giả Ānanda vào thưa trình:

- Bạch Thế Tôn! Người quản gia của trưởng giả Cấp Cô Độc vừa đến báo tin là ông ấy bệnh rất nặng, sợ rằng không qua khỏi...

- Ủ, người quản gia có nói gì nữa không?

- Bạch, có ạ! Người quản gia nói là trưởng giả khẩn cầu tôn giả Sāriputta đến thăm ông ta lần cuối cùng.

Đức Phật hướng tâm một lát rồi nói:

- Vậy thì cả ông và Sāriputta hãy đến thăm trưởng giả ấy. Cả hai vị đều có duyên với ông ta.

Tôn giả Sāriputta và Ānanda vâng mệnh đi ngay. Đến nơi, bên giường bệnh, tôn giả Sāriputta ân cần nắm tay Cấp Cô Độc rồi cất tiếng hỏi:

- Ông có kham nhẫn cơn đau được không, Sudatta?

Trưởng giả mở mắt ra, định gượng ngồi dậy. Tôn giả Ānanda

mỉm cười, ngăn lại:

- Ông cứ nằm yên vậy! Có chịu đựng nổi cơn đau không kia, tôn giả Sāriputta hỏi đó!

- Dạ thưa! Ông thều thào! Nó đau đớn lắm! Đôi khi như lửa đốt từ trong xương. Đôi khi nó xoay, nó vặn, nó đâm, nó chích khắp lục phủ ngũ tạng. Có lẽ đệ tử không chịu đựng được nữa rồi.

Tôn giả Sāriputta kéo chiếc ghế ngồi xuống bên cạnh, dịu dàng đặt tay lên trán ông rồi nói:

- Già, rồi bệnh, rồi chết là định luật tất yếu, không ai thoát khỏi được, này Sudatta! Bây giờ ông đau đớn khốc liệt là do đất đang tan rã dần, do lửa đang nguội lạnh dần, do nước đang cạn khô dần; rồi đến khi gió ngưng hoạt động nữa, tức là hơi thở chấm dứt chính là lúc thân chết đang đứng một bên rồi đó! Ông có sợ không?

- Không, không có sợ thân chết, tôn giả! Bây giờ đệ tử đang sợ cái đau đây!

- Vậy thì cái đau ấy cũng không đáng sợ!

- Đau kinh khủng thế này làm sao mà không đáng sợ được, thưa tôn giả?

- Có chứ! Có một bài kinh của đức Tôn Sư. Nghe bài kinh này, nhập tâm vào kinh này, theo dõi từng lời, từng câu, từng đoạn bài kinh này, rồi an trú vào đó thì cái gọi là đau đớn kia tiêu tan tức thì!

- Kỳ lạ vậy kia à? Vậy thì xin cho đệ tử được thọ trì.

- Vậy thì ông hãy nhiếp tâm lắng nghe!

Sau đó, tôn giả Sāriputta liền thuyết cho ông nghe một bài pháp cao siêu, nói về lục căn, lục trần; và những cảm thọ vô thường, trống không của nó như thế nào; rồi kết luận:

- Này trưởng giả kính mến! Hãy ghi nhận theo lời ta mà niệm như thế này: “Này hỡi người thợ sinh diệt! Ta không còn dính mắc với đôi mắt, với lỗ tai, với cái lưỡi, với lỗ mũi và cả với làn da xúc cảm nữa! Người cứ không ngưng nghỉ tạo ra những cảm thọ trống không vô vị, vô tích sự vậy sao? Người không làm gì

được ta đâu!

Này hỡi người thợ sinh diệt! Những ảo ảnh, mộng mị do người tạo ra, ta đã nhìn thấy rõ rồi, đừng có mất công mê hoặc, ta không thấy lầm, trông lầm nữa đâu! Những cái gọi là vừa lòng, êm ái, khoái lạc, ngon ngọt, thỏa thích, khả hỷ, khả ý từ lâu đã quyến dụ ta; bây giờ ta không còn dính mỗi câu của người nữa đâu! Tất cả, đến một lúc nào đó, chúng đều phân ly, tan rã dần thân này hay thân khác, dẫu thế giới này hay thế giới khác, không bao giờ có việc thường còn và bất hoại đâu. Tất cả đều là đau khổ và phiền não.

Này hỡi người thợ sinh diệt! Ta đã tu tập như vậy, ta đang tu tập như vậy, ta đã an trú như vậy thì người làm gì nổi ta?”

Nghe xong thời pháp, trưởng giả Cấp Cô Độc ràn rụa nước mắt. Tôn giả Ānanda thấy vậy bèn hỏi:

- Có phải trưởng giả lo sợ tử thần nên tinh thần trở nên suy nhược chăng?

- Thật không phải vậy, tôn giả kính mến! Nghe xong bài pháp ấy, đệ tử không còn sợ đau, không còn sợ chết nữa. Nói rõ là, khi an trú tâm vào bài pháp ấy thì tinh thần đệ tử không chút giảm suy, mà ngược lại, đang phấn chấn, đang hoan hỷ là khác. Ấy chỉ vì mặc dầu đã nghe rất nhiều bài pháp do đức Tôn Sư giảng dạy, đệ tử chưa hề được nghe một thời pháp nào cao siêu như thế này!

Tôn giả Sāriputta giải thích:

- Trưởng giả quả thật là đặc biệt, ta mới thuyết cho nghe bài pháp cao siêu ấy. Ngay chính trong tăng chúng, đức Thế Tôn cũng chỉ thuyết đến cho những tỳ-khưu tiến bộ mà thôi. Thuyết cho hàng cư sĩ, họ sẽ không thấu hiểu.

Trưởng giả Cấp Cô Độc cảm xúc rơi nước mắt, tri ân xiết bao về sự đối xử đặc biệt đó. Nhưng nhân cơ hội ấy, ông cũng thỉnh cầu tôn giả Sāriputta cứ truyền bá giáo pháp cao siêu kia cho hàng tại gia. Vì cũng có những cư sĩ có ít bụi cát trong mắt, có tư duy chơn chánh, có căn trí sâu dày sẽ lãnh hội được.

Tôn giả Sāriputta gật đầu hứa khả thỉnh nguyện ấy. Tôn giả Ānanda kéo lại tấm chăn đắp cho ông, nói nhỏ bên tai ông như con gió thoảng:

“- Không còn gì hết, không còn Sudatta, không còn con đau mà chỉ còn là hơi thở thôi, này ông bạn già! Nhớ nhé”

Khi hai vị đệ tử của đức Phật ra về chừng nửa khắc, ông Cấp Cô Độc nghe lời tôn giả Ānanda, trú tâm miên mật vào hơi thở, chỉ còn là hơi thở thôi, rồi ra đi một cách nhẹ nhàng. Và tức khắc, tái sanh vào cung trời Tusita.

Đêm ấy, vị trời Cấp Cô Độc từ cung trời Tusita trở về tịnh xá Kỳ Viên, hào quang của ông chiếu ngời, sáng cả khu vườn. Vị trời ấy đánh lễ đức Phật, tán dương phẩm hạnh và tuệ đức của tôn giả Sāriputta, tấm lòng nhân ái dịu dàng của tôn giả Ānanda. Sau đó, vị trời Cấp Cô Độc bày tỏ niềm hân hoan được gặp lại đức Phật và chư tăng trong tịnh xá do ông ta kiến tạo.

Cũng trong dịp này, vị trời Cấp Cô Độc xác nhận sự thực chứng của mình: “Thiện ý và trí tuệ, cùng với tâm được rèn luyện đúng đắn, có phương pháp làm ta trở nên cao thượng, trong sạch chứ không phải do giai cấp hay tài sản”.

Hôm sau, thông tin trường giả Cấp Cô Độc ra đi đã được mọi người loan báo khắp các tu viện, tịnh xá trong và ngoài kinh thành. Cả chư tăng và hai hàng cận sự ai cũng quý kính và tiếc thương một nhân cách lớn, một nhà đại thí vĩ đại. Là một mắt mát lớn lao, một thiếu hụt trống vắng trong hàng cư sĩ, không ai có thể thay thế được.

Ông tiểu Cấp Cô Độc và toàn thể đại gia cung thỉnh đức Phật và chư tăng hai ngàn vị đặt bát cúng dường bảy ngày vô cùng trọng thể, trang trọng và thiêng liêng không thua gì sự ra đi của hoàng hậu Mallikā tại kinh đô này.

Sau lễ hỏa táng, chư tăng và nam nữ cận sự tụ hội đầy đặc đại giảng đường Kỳ Viên, ai cũng tò mò muốn biết sanh thú của bậc vĩ nhân hiền thiện ấy, giờ đã lạc cư phương nào?

Nhân dịp này, đức Phật cũng muốn tuyên dương công đức

của vị đại thí chủ ấy, nên ngài cho biết sanh thú của ông là cảnh trời Tusita. Và vị trời Cấp Cô Độc kia với hào quang sáng rực cả Kỳ Viên xuống đánh lễ thăm ngài và câu chuyện hôm đó ra sao! Đức Phật cũng kể cho đại chúng nghe một số hành trạng của vị ấy trong khoảng thời gian gần bốn mươi năm phục vụ Tam Bảo không mệt mỏi, không thối thất, với đức tin kiên cố bất động tâm như thế nào.

Tại tịnh xá do trưởng giả Cấp Cô Độc lập nên này! Đức Phật kể - Ông hết lòng hộ trì Như Lai và tăng chúng. Sự bố thí, cúng dường của ông là vô giới hạn vậy. Cấp Cô Độc nếu không có gì bận việc thì mỗi ngày ông đến Kỳ Viên với ba lần cúng dường lớn: Một vào buổi sớm, một sau buổi sáng và một vào buổi chiều. Còn những lần bố thí và cúng dường vào các cuộc hội lớn hoặc những trường hợp bất thường thì không kể. Chưa bao giờ trưởng giả đến Kỳ Viên bằng tay không. Buổi sáng đem theo cháo; sau buổi ăn sáng đem theo thực tô, sanh tô, mật, đường mật; buổi chiều mang theo hương, vòng hoa, vải vóc các loại... Còn ở nhà, bao giờ cũng có phần vật thực sẵn cho năm trăm vị tỳ-khưu để đặt bát cúng dường. Quả thật, tất cả gia tài, ông đều muốn chi dùng cho giáo pháp. Cái ngôi nhà hữu phước đó, chư tăng thường gọi là “giống như cái hồ đào lên ở ngã tư đường cho chúng tỳ-khưu, giống như là nhà cha mẹ của tất cả tỳ-khưu”. Ngoài Như Lai và hằng chục vị đại trưởng lão đều đi đến ngôi nhà ấy; còn chư tăng thập phương thì đông không kể xiết.

Do bố thí không dừng nghỉ, do nguội lạnh việc kinh doanh làm ăn, cả gia tài năm trăm bốn mươi triệu đồng tiền vàng của ông đều đã chi dùng cho việc mua đất, chi phí kiến tạo tịnh xá và hộ trì, hộ độ tứ sự cho tăng chúng. Dần dần ông rơi vào khánh tận và nghèo thiếu. Mặc dầu vậy, ông vẫn không ngừng bố thí, cúng dường. Và đức tin đối với Tam Bảo vẫn không hề suy giảm, mà trái lại, càng được củng cố vững bền thêm.

Chuyện kể này sẽ xác minh điều đó.

Một hôm, Cấp Cô Độc đến hầu thăm Như Lai, và vì Như Lai đã biết rõ ông đã khánh kiệt, bèn hỏi:

- Nay gia chủ! Hôm nay, tại nhà ông, ông còn có vật gì để cúng dường nữa không?

- Con còn có vật để bố thí, cúng dường, bạch Thế Tôn!

- Ông còn, này gia chủ, vậy là những vật gì?

- Bạch Thế Tôn! Ở nhà, con còn “cháo tẩm với bột chua để lại từ ngày hôm trước”.

Nghe vậy, Như Lai dạy như sau:

- Nay gia chủ! Đừng bao giờ nghĩ rằng, cháo tẩm và bột chua kia là ít công đức, ít phước báu. Vật bố thí, cúng dường dầu tẩm thường, thô xấu thế nào, nhưng trạng thái tâm tốt đẹp thì quả sẽ tốt đẹp. Ai có thể giữ cho trạng thái tâm tốt đẹp thì bố thí, cúng dường bất kỳ vật tầm thường, thô xấu thế nào cũng được kết quả tốt đẹp, được quả dị thực to lớn!

Nghe lời Như Lai, khuôn mặt trưởng giả Cấp Cô Độc rạng rỡ hẳn lên, ông thốt to lên rằng:

- Tâm đệ tử không bao giờ là thô xấu cả, bạch Thế Tôn!

Đại chúng biết không? Nhà đại triệu phú có bảy tầng lầu, bảy cửa gác. Tại cửa gác thứ tư có vị thiên nữ ngụ ở đây. Từ trước đến nay vị thiên nữ ấy không được an lạc. Vì khi Như Lai vào nhà thì vị thiên nữ kia phải di chuyển chỗ ở xuống tầng trệt cuối cùng. Không những chỉ có mình Như Lai mà chư vị đại trưởng lão, chư tỳ-khưu có uy đức, khi các ngài đến, nếu thiên nữ vẫn ngụ yên ở trên cửa tầng lầu thứ tư, sẽ bị lửa nung đốt.

Hôm kia, thấy tình cảnh gia đình ông Cấp Cô Độc đã sa sút, nghĩ rằng đây là cơ hội hiếm có để làm cho Như Lai và tăng chúng không còn đến ngôi nhà này nữa; vị thiên nữ chói sáng hào quang đến gặp viên quản lý, đứng giữa hư không.

Viên quản lý ngạc nhiên hỏi:

- Ai đó? Người là ai?

- Ta là thiên nữ ở nơi cửa gác căn lầu thứ tư. Ta đến đây vì lợi ích của người, của gia chủ người.

- Vậy thì cứ nói đi, tôi nghe! Viên quản lý nói.

Thiên nữ tiếp:

- Người làm quản lý mà người không biết quản lý tài sản. Người không biết việc nào lợi ích và việc nào không lợi ích. Người lại càng không thấy được mối nguy cơ phát xuất từ việc làm của ông triệu phú. Ông quản lý có rõ không? Năm trăm bốn mươi triệu đồng tiền vàng đã được chi dùng vào việc vô ích. Các kho đụn tài sản, châu báu và lương thực, thực phẩm của ngôi nhà này, bây giờ chỉ còn là cháo tằm và bột chua. Vậy thì người hãy khuyên gia chủ của người lo làm ăn, kinh doanh buôn bán để gia tài được phát sanh, tăng bội, chứ đừng để sa-môn Gotama cùng đệ tử của ông ấy đến ăn hại tại ngôi nhà này nữa. Hãy đuổi cổ chúng đi!

Viên quản lý nghe những lời phỉ báng kia, dùng dùng nổi giận, hét toáng lên:

- Này, này! Bà thiên nữ ngu si kia! Ông triệu phú, chủ của ta, là người hiền thiện, là bậc có lòng từ quảng đại, vô song. Trọn vẹn cả gia tài này ông ta đã chi dùng đầy công đức và trí tuệ cho giáo pháp của đức Thế Tôn. Một sự chi dùng đúng đắn đem đến lợi lạc tối thượng cho nhân, thiên ba cõi. Đừng nói đến chuyện khánh tận gia sản, chỉ còn cháo tằm và bột chua; nếu ông triệu phú, chủ của ta, nắm búi tóc của ta lôi đi, đem ra giữa chợ bán như một tên nô lệ, để lấy tiền bố thí cúng dường, thì ta cũng sẵn lòng hoan hỷ! Đã nghe rõ chưa, vị thiên nữ đầy tà kiến, tối tăm và ngu ngốc! Hãy bước đi!

Thấy không lay động được viên quản lý, thiên nữ hiện thân gặp người con trai cả, cũng nói như trên, nhưng cũng bị người con trưởng nam mắng cho xối xả. Tuy thế, vẫn không thối chí, vì thiên nữ nửa đêm hiện ra trong phòng ông Cấp Cô Độc với hào quang chiếu sáng.

- Này, đại triệu phú! Ta là thiên nữ ở cửa tầng lầu thứ tư, ta đến đây vì lợi ích của ông và gia đình ông.

- Hãy nói đi, ta nghe đây.

- Từ lâu, thiên nữ nói - Người đã không nghĩ đến tương lai, không nghĩ đến con cái, bỏ bê công việc làm ăn, phung phí tài sản cho sa-môn Gotama và tăng chúng của ông ta. Cho đến hôm nay, gia sản người đã khánh tận mà các sa-môn ấy vẫn đi vào nhà. Những gì chúng lấy đi từ người thì không bao giờ có thể đem về lại được. Hãy nắm chắc, biết chắc là như vậy. Bắt đầu từ nay trở đi, người chớ tự mình đi đến sa-môn Gotama! Chớ cho phép những đệ tử của ông ta đi vào ngôi nhà này nữa. Hãy xoay lưng, không có nhìn sa-môn Gotama. Hãy lo kinh doanh buôn bán và xây dựng lại sản nghiệp.

Triệu phú Cấp Cô Độc nghe những lời không hợp với lỗ tai chánh giáo của mình, nhưng vẫn trầm tĩnh, hỏi:

- Vậy ra đây là những lời khuyến giáo thiện ý của người?

- Phải như vậy!

Ông đại triệu phú cất giọng cứng rắn, đánh thếp:

- Bậc Mười Lực đã làm cho ta không bị dao động bởi trăm, bởi ngàn, bởi trăm ngàn lời nói của thiên nữ người. Lòng tin của ta đối với đức Phật và tăng chúng như núi Tu Di vững chắc, kiên định. Đức tin ấy ta đã khéo an trú lâu rồi. Thật ủng hộ thay cho công sức và miệng lưỡi của người. Tài sản được ta tiêu dùng cho chánh pháp, đem đến lợi lạc cho nhân thiên và đưa đến giác ngộ, giải thoát cho người hữu trí. Như vậy, những lời người nói thật là không thích hợp, là phi pháp, là phản động, là đòn đánh mạnh vào giáo pháp của đức Tôn Sư.

Nói đến đây, ông triệu phú chợt xúc động chánh pháp, nói như lưỡi búa phủ xuống đầu thiên nữ:

- Hãy bước đi, này con quỷ đen (kāla-kannī), kẻ thiếu lễ độ và đầy ác giới kia! Không có vấn đề người sống chung ở đây nữa. Hãy ra khỏi ngôi nhà này mau. Hãy cút đi! Hãy xéo đi!

Lời nói của vị thánh đệ tử đã chứng quả Dự Lưu, không phải là không có oai lực nên thiên nữ không thể ở chỗ cũ được nữa, phải ra đi. Nhưng thiên nữ nghĩ rằng: “Nếu không tìm được chỗ ở khác, ta trở về xin lỗi ông là xong. Có lẽ nào một kẻ tu hành

lại thiếu lòng từ, để tâm hờn giận dài lâu!”

Trước tiên, thiên nữ đến vị thiên tử hộ trì thành phố, đánh lễ vị này, đứng một bên rồi trình bày tự sự trước sau. Lại còn nói rằng đây chỉ là lời vô ý (anupadhāretvā), không có chủ tâm, xin ngài, với oai đức của mình, dẫn tôi về nhà đại triệu phú, xin lỗi ông ta cho tôi được ở lại.

Vị thiên tử hộ trì thành phố đứng dậy, quát như sấm nổ:

- Người cũng bước đi khỏi đây, bước ra khỏi đây cùng với những lời nói dơ uế lỗ tai và ngu si ấy! Những lời ấy là gì? Là lời không thích đáng, phi pháp, phản động; là đòn đánh mạnh vào giáo pháp của đức Tôn Sư. Ở đây không có chỗ cho người!

Không nản chí, thiên nữ tìm đến các vị thiên có oai lực lớn hơn, tức là bốn vị Đại thiên vương. Các vị này sau khi nghe xong, không quát mắng, không xua đuổi, chỉ nói về lý, tình cho vị thiên nữ tội nghiệp kia hiểu.

- Ta cũng thương người ngược xuôi vất vả mà không có chỗ an cư. Nhưng biết làm thế nào được. Khi mà oai lực của ta không bằng oai lực của ông đại triệu phú. Bằng sao được khi đây là lời nói của một thánh thiện nam, kẻ thành tựu khá hoàn hảo về tín, giới, văn, thí, tuệ? Vậy ta khuyên người lên tìm gặp đức Đế Thích thiên chủ, may ra ngài ấy có biện pháp giúp đỡ người.

Chẳng biết sao hơn, vị thiên nữ thất tha thất thểu đến cõi trời Đạo Lợi, quỳ lạy Đế Thích và khẩn thiết yêu cầu sự giúp đỡ.

Sau khi nghe xong, ái ngại và xót thương nhìn người thiên nữ đại đột, thiên chủ nói:

- Đáng lý ra ta cũng phát tay mà đuổi người đi như các vị thiên kia. Và nếu vậy, người sẽ lang thang suốt đời mà không có chỗ an cư. Ta do nhờ nghe pháp của đức Đạo Sư mà thấy rõ đâu tội, đâu phước, đâu nhân, đâu quả. Ta tri ân ngài quá lớn. Thế mà người, một hạt bụi, một mảy lông mà dám đánh đổ núi Tu Di? Ân đức của bậc Tôn Sư, của giáo pháp, của chư tăng thật vô lượng cho chúng sanh ba cõi vậy. Người vì vô minh, vì si mê nên không thấy, không biết ân đức ấy, mới đại đột đụng

chạm đến giáo pháp của bậc Đại Chiến Thắng. Tội của người quá lớn. Nhưng cũng vì sự hỷ xả, vì lòng từ mẫn, ta sẽ chỉ cho người một phương pháp, trước là để chuộc tội với ông đại triệu phú, sau nữa là sám hối với đức Phật.

- Lành thay, thưa thiên chủ! Thiên nữ mừng rỡ nói - Xin ngài từ bi chỉ dạy cho con. Ôi! Con mong được tha thứ xiết bao!

Rồi thiên chủ Đế Thích chậm rãi trình bày như sau:

- Ông đại triệu phú có một gia sản kim ngân lớn bị thất thoát. Thất thoát do người ta vay nợ, do nước trôi và do chôn của để dành bị mất dấu. Hiện giờ, ở khắp nơi trong thành Sāvatti, các gia chủ lớn, các thương gia, do nhờ vay tiền của ông đại triệu phú mà trở thành giàu có cả. Những giấy nợ, những biên nhận kia hiện nằm trong tủ phía đầu giường của ông. Từ khi gặp Phật và thấy được giáo pháp, con đường đi của giáo pháp, ông không hề để tâm đến những món nợ ấy nữa. Bây giờ ông đại triệu phú đang lúc nghèo túng. Người hãy lấy tất cả giấy nợ và biên nhận kia, với oai lực của người cùng với oai lực của một số Dạ Xoa trẻ ta cho đi theo để thắp đèn; đến các con nợ mà hăm dọa, nạt nộ thế nào đó để người ta phải trả lại. Số tiền này có thể lên đến một trăm tám mươi triệu đồng tiền vàng; người đem đến đổ vào kho bạc trống không của ông ta. Đây là món kim ngân thứ nhất. Người có nghe rõ không?

- Dạ, con nghe rõ!

- Còn món kim ngân thứ hai, trị giá cũng chừng khoảng một trăm tám mươi triệu đồng tiền vàng, bỏ trong những cái ghè bằng đất nung, chôn giấu ở bờ sông Aciravatī. Khi lũ lụt đến, đất lở, nước đã cuốn trôi tất cả về đại dương. Với oai lực của người, và của một số Dạ Xoa thắp đèn, người có thể tìm thấy tài sản ấy và mang về một cách dễ dàng. Người có làm được thế không?

- Dạ, con làm được!

- Còn tài sản khác, chính ông đại triệu phú cũng không nhớ là đã chôn giấu ở đâu. Người có thể nhờ bằng hữu, các vị thiên

quản nhiệm các ngôi rừng, làng mạc, nghĩa địa, vườn tược, thung lũng, khe suối, gò đồng, ao hồ... quanh kinh thành Sāvattthi tìm hộ giúp. Số kim ngân này cũng không ít hơn hai loại tài sản kia đâu.

Và như vậy, với chừng năm trăm bốn mươi triệu đồng tiền vàng, người làm đầy lại kho gia sản của ông triệu phú để đền tội, để chuộc tội, để sám hối. Ông triệu phú thấy người có lòng thành, biết ăn năn hối lỗi, sẽ tha thứ cho người. Và người lại có chỗ tịnh cư an lạc, khỏi phải lang thang nữa!

Với phương pháp chỉ bày của thiên chủ Đế Thích, trong thời gian ngắn, thiên nữ đã tìm ra đủ ba loại tài sản. Nửa đêm, rục rờ với hào quang, đứng giữa hư không, thiên nữ nói:

- Thưa ông trưởng giả! Tôi vì ngu si, lầm lạc, mù quáng, không biết đến công đức của Phật, của giáo pháp, của tăng chúng đã có những lời nói lỗi lầm ngày trước. Ông hãy vì lòng từ ái mà tha thứ cho tôi. Theo lời chỉ giáo của thiên chủ Đế Thích, tôi đã đòi lại số nợ một trăm tám mươi triệu đồng tiền vàng ở rải rác trong thành phố cho ngài; đã lấy lại số tài sản một trăm tám mươi triệu đồng tiền vàng bị nước trôi ra biển; và tôi cũng đã tìm ra tài sản một trăm tám mươi triệu đồng tiền vàng chôn giấu giữa những bãi đất vô chủ. Với năm trăm bốn mươi triệu đồng tiền vàng, tôi đã đổ đầy kho kim ngân trống không của trưởng giả để chuộc tội. Như vậy, số kim ngân ngài tiêu dùng cho việc kiến tạo tịnh xá cùng hộ trì đức Phật và tăng chúng trong gần bốn mươi năm qua, tất cả đã tiêu lại đủ. Từ khi mất chỗ trú xứ, tôi phải lang thang, buồn phiền và mệt mỏi. Tôi rất hối hận. Xin ngài miễn chấp cho việc làm vô trí của tôi. Hãy tha thứ cho tôi vì lòng bi mẫn, thưa trưởng giả!

Trưởng giả Cấp Cô Độc nghe vậy, suy nghĩ như sau:

“- Thiên nữ này bảo là đã lấy công chuộc tội, nghĩa là đã thấy tội của mình. Muốn cho nó thấy rõ công đức của ta cùng việc làm trước sau của nó, ta nên dẫn nó đến gặp bậc Đạo Sư. Chỉ có ngài mới biết rõ là nên giáo giới vì thiên nữ này như thế nào”.

Rồi nói:

- Này thiên nữ! Sự hối lỗi của người là rất tốt. Nếu muốn xin lỗi ta thì hãy xin lỗi trước mặt bậc Đạo Sư!

Sáng ngày, khi đêm đã tàn, trưởng giả không cần phải xem lại số tài sản đem về hư thực thế nào, dẫn thiên nữ đến hầu đức Phật.

Sau khi nghe xong câu chuyện, đức Phật nói cho thiên nữ nghe với ý rằng: Một người làm việc xấu ác, khi việc xấu ác ấy chưa trả quả thì nghĩ rằng, việc xấu ác ấy là lành tốt. Nhưng đến khi quả báo xảy ra, người ấy mới thật sự biết đấy là xấu ác. Ngược lại, một người làm việc lành tốt, khi việc lành tốt ấy chưa trả quả thì nghĩ rằng, việc lành tốt ấy là xấu ác. Đến khi quả báo xảy ra, người ấy mới thật sự biết đấy là lành tốt.

Rồi đức Phật cô đọng ý ấy trong mấy bài kệ sau đây:

“- Ác hạnh như mật, như đường!

Người ngu nghĩ vậy, quả thường chưa sanh

Đến khi ác báo rành rành

Than trời, trách Phật, khổ thành khổ hơn!”⁽¹⁾

“- Ác nghiệp là nghiệp chẳng lành

Ăn năn, hối quá phát sanh lòng người

Đến khi quả dữ chín muồi

Lệ tuôn đầy mặt, lạy trời khóc mưa!”⁽²⁾

“- Thiện nghiệp là nghiệp tốt lành

Thỏa thích, mát mẻ phát sanh lòng người

Đến khi lạc báo chín muồi

Thọ hưởng phước quả, nói cười hân hoan!”⁽³⁾

Sau mấy bài kệ, thiên nữ chứng Dự-lưu quả. Nàng sung

⁽¹⁾ Pháp cú 69: “*Madhu’vā maññati bālo, yāva pāpaṃ na paccati, yadā ca paccati pāpaṃ, bālo dukkhaṃ Nigacchati*”.

⁽²⁾ Pháp cú 67: *Na taṃ kammaṃ kataṃ sādhu, yaṃ katvā anutappati, yassa assumukho rodaṃ, vipākaṃ paṭisevati*.

⁽³⁾ Pháp cú 68: *Taṇca kammaṃ kataṃ sādhu, yaṃ katvā nānutappati, yassa patīto sumano, vipākaṃ paṭisevati*.

sương đánh lễ đôi bàn chân có tô điểm bánh xe ngàn cãm của đức Chánh Đăng Giác rồi nói:

- Bạch Thế Tôn! Vì bị tham ái nhiễm, bị sân kích động, bị si mờ ám, bị vô minh che phủ, con không biết những công đức của ngài, đã nói những lời ác ngữ, hãy tha thứ cho con.

Vì thiên nữ lại quay sang xin hối lỗi với trưởng giả Cấp Cô Độc. Trước mặt đức Phật, trưởng giả hoan hỷ công đức của mình:

- Mặc dầu bị thiên nữ này ngăn chặn, bạch Thế Tôn! Ngăn chặn chớ có phục vụ đức Phật, ngăn chặn chớ có bố thí, cúng dường. Nhưng giống như những ngọn gió Đông gió Tây không lay chuyển đỉnh núi Sineru như thế nào, tâm của đệ tử vẫn kiên trì, vững chắc vào đức Thế Tôn, giáo pháp cùng tăng chúng cũng y như thế đó! Đệ tử đã an trú ở đây với đức tin bất thoái chuyển.

Mỉm nụ cười hoa sen tựa vàng ròng và hào quang sáu vòng từng đôi một, đức Phật tán thán công đức của trưởng giả và nói rằng, đây là do nhờ sự thấy biết thanh tịnh của một thánh đệ tử, trạng thái tâm đã ổn định, đã xuôi vào dòng đưa đến cõi bất tử.

Cả gia đình của ông: Bà vợ, người em út, con trai, ba con gái và con dâu đều thâm tín Tam Bảo. Chuyện kể về lời nói của vị thiên nữ không lay động được tâm của người con trai và viên quản lý chứng tỏ điều đó. Có rất nhiều bài pháp đã được đức Phật đặc biệt thuyết riêng cho từng người một trong gia đình hiền thiện này.

Ngoài ra, ông còn có công dẫn rất nhiều bà con quyến thuộc, kẻ quen biết thân, sơ đến quy y với đức Phật rồi sống an lạc trong giáo pháp này. Cây Bồ Đề được tôn giả Mahā Moggallāna lấy hạt từ cây mẹ bên sông Nerañjarā, được ươm trồng giữa lối vào tịnh xá, mười mấy năm về trước, bây giờ đã cao lớn, xanh um chính là do công đức của ông bạch với tôn giả Ānanda xin đức Phật cho phép để cho hai hàng cận sự nam nữ có nơi để đánh lễ, cúng dường những khi ngài đi hoằng hóa phương xa.

Trưởng giả Cấp Cô Độc thường được đức Phật, tăng chúng và hàng cư sĩ tin cậy nên ông thường tỏ ra làm đại diện cư sĩ một

cách xứng đáng, góp ý xây dựng giáo hội và giải quyết những vấn đề thuộc lãnh vực cư sĩ. Ông và đại nữ thí chủ Visākḥā là hai cánh tay đắc lực, trọng yếu trong việc làm cho toàn hảo căn nhà giáo pháp của đức Phật vậy.

17- Binh Lửa

Chuyện là đức vua Pāsenadi, trước đây có cử một phái đoàn sứ giả đến kinh đô Rājagaha, nghiêm khắc yêu cầu tân vương Ajātasattu giải thích hành vi của mình trong việc đức vua Bimbisāra bị nhốt trong ngục, nhưng họ đi mà không thấy trở về. Đợi tin suốt ba tháng trường, sau mới biết là Ajātasattu không những không trả lời rõ ràng theo lời yêu cầu của đức vua Kosala mà còn bắt giam cả phái đoàn sứ giả của ngài nữa.

“- Thật là quá đáng. Nó không coi ông cậu của nó ra gì!”

Bừng bừng lửa giận, quên cả lời dạy của đức Phật trước khi ngài rời Kỳ Viên, đức vua Pāsenadi cử ngay một đội quân hùng mạnh ngày đêm xuôi Nam, bờ Bắc sông Gaṅgā, đến ngay thủ phủ xứ Kāśi, đánh đuổi tướng lãnh, quan quân của Ajātasattu đang đồn trú ở đây về lại Māgadha! Đây là hành động quyết liệt để dẫn dắt cháu bắt tội! Nguyên uỷ xứ Kāśi, thành phố Bārāṇasī cách đây hơn năm mươi năm về trước vốn là vùng đất thuộc lãnh thổ Kosala; nhưng khi gả con gái của mình, Kosaladevī (Videhi) cho quốc vương Bimbisāra, đức vua Mahā Kosala tặng luôn thực ấp này làm của hồi môn. Bây giờ do giận đứa cháu vô đạo, đức vua Pāsenadi cho quân đánh chiếm, đòi lại thực ấp được xem như là tội hậu cảnh cáo.

Về phía Rājagaha, tân vương Ajātasattu khi thấy quan quân của mình toi tả chạy về, dù không ai bỏ mạng nhưng trông cũng vô cùng thâm thảm. Có kẻ thất lạc vợ con, có kẻ phải bỏ lại toàn bộ cơ ngơi, gia sản nơi xứ người. Lại nữa, mất Kāśi là mỗi năm đức vua Ajātasattu mất mấy ngàn đồng tiền vàng lợi tức thuế khoá, chưa kể còn không biết bao nhiêu bổng lộc phát sanh từ

đó nữa.

Thế là nổi giận ùng ùng, Ajātasattu huy động binh hùng tướng mạnh đầy đủ xe ngựa voi pháo rầm rộ vượt sông Gaṅgā, qua bờ Bắc, tiến mãi theo con đường thương buôn lên phía thượng nguồn quyết đòi lại thực ấp Kāsi cho bằng được.

Nghe thám tử hồi báo khẩn cấp, đức vua sai vị thống soái quân đội - tức là thống tướng Bandhula - lập ngay phương án phòng vệ thủ đô; và ông tin ông bạn của mình sẽ giữ vững hoàng thành, cung điện cũng như muôn dân bá tánh được yên ổn. Đức vua nói:

- Trao kinh đô cho bạn đó! Còn trăm phải đích thân xuất quân để trừng trị thằng cháu ngỗ nghịch.

Thống tướng Bandhula có vẻ lo lắng, râu:

- Hay là ngược lại! Bệ hạ sẽ giữ thành, còn để hạ thân xuất chinh? Hạ thân đã quen ngồi ngựa, lại quen mùi binh lửa.

- Không! Có bạn oai trấn ở đây thì trăm sẽ không còn lo lắng về hậu phương. Thắng thua là chuyện thường mà!

Thái tử Viḍḍabha⁽¹⁾ nai nịt giáp bào, kiếm cung đầy mình cũng xin vua cha được xuất trận. Đức vua từ chối:

- Con cũng phải ở nhà mà giữ thành cùng với đại tướng quân!

Tất cả ba mươi hai trung niên và thanh niên, là con là cháu của thống soái Bandhula, tuổi từ hai mươi đến bốn mươi lăm, đều là tướng giỏi, cũng đồng quỳ bên chân đức vua, xin được ra trận.

Thấy khí thế oai phong lẫm lẫm của chư tướng trẻ, đức vua cười ha hả:

- Con và cháu của ông không giống lông thì cũng giống cánh, mai này đều là đại tướng vô địch cả đây! Nhưng các người cũng

⁽¹⁾ Đức vua Mahānāma nước Sakyā yêu một cô gái nô lệ, sau sinh một cô gái có tên là Vāsabha-Khattiya được phong làm công chúa. Khi vua Pāsenadi muốn cưới một công chúa nước Sakyā để kết thân, đức vua Mahānāma bèn gả cô này. Chính đức vua Pāsenadi cũng không biết thái tử Viḍḍabha có mang dòng máu nô lệ của mẹ trong huyết quản.

phải ở lại giữ thành với thân phụ của mình cho chắc ăn, nghe!

Thế là bỏ ngoài tai mọi lời thuyết phục, đức vua Pāsenadi đích thân mang theo một đội quân lớn, cũng đầy đủ ngựa xe voi pháo rầm rầm rộ rộ nhắm hướng Kāsi xuất phát...

Một tháng sau, tin đức vua Pāsenadi bại trận lan về kinh đô làm cho nhà nhà đóng cửa, chợ không đông; ai ai cũng sợ quân binh của Ajātasattu tràn vào giết người cướp của. Tuy nhiên, hệ thống phòng thủ kinh đô của thống tướng Bandhula thật không dễ gì mà quân đội của Ajātasattu có thể phá vỡ được. Thái tử Viḍḍabha với đội quân tuyển chọn thiện chiến của mình đứng ở tuyến đầu, bẻ gãy từng đợt tấn công. Ba mươi hai viên hổ tướng, con và cháu của thống tướng Bandhula, xuất hiện Đông, Tây, Nam, Bắc như những toán binh ma, chặt đứt bất cứ một mũi nhọn xung kích nào. Kinh thành bình chân như vại. Qua ngày thứ ba, thứ tư thì đội quân oai hùng của các vị tổng trấn gần xa, theo lệnh phi mã cấp báo của thống tướng Bandhula, đi ngày đi đêm đã về kịp kinh đô, bao vây quân đội của Ajātasattu ở giữa, không có chỗ nào có thể thoát thân được. Thế là họ đành buông vũ khí đầu hàng. Tân vương Ajātasattu bị bắt trói cùng với vài chục tướng lãnh và hơn một vạn tù binh cùng chung số phận. Số chết, số bị thương, số bỏ chạy tán loạn cũng đông không kể xiết. Bao nhiêu voi, ngựa, xe, pháo, vũ khí, giáp bào ngồn ngang trên chiến trường đều bị tịch thu. Một lần bại trận như thế, xem ra, Ajātasattu không còn gì nữa cả, sạch nghiệp, trắng tay khốn cùng!

Chiến tranh giữa hai nước thế là kéo dài hơn nửa năm. Đức vua tổ chức ăn mừng để khao thưởng tướng sĩ và ba quân. Thống tướng Bandhula đã lập được đại công. Thái tử Viḍḍabha được đức vua đặc biệt khen ngợi về vũ dũng và tài cầm quân. Riêng ba mươi hai vị tướng, con trai và cháu của thống tướng Bandhula được đức vua tuyên dương trước ba quân vì họ có bản lĩnh võ học, điều động binh mã nhanh, gọn, thần tốc, đồng thời biết phối hợp tác chiến nhịp nhàng và đồng bộ với nhau và với cả

các đội quân khác nữa. Chợt dừng, đức vua rùng mình, tự nghĩ: “Nếu lực lượng hùng hậu và tinh nhuệ của cả đại gia đình này mà mưu phản thì ta sẽ không có đất để quãng thay!”

Đức vua bại trận Ajātasattu và hai mươi tướng lãnh bị cột trói, bắt quỳ giữa pháp trường, đứng sau lưng là mấy chục dũng sĩ lặng lẽ đứng ôm đao tuốt trần toát ra cái khí uy trấn chết người.

Ngồi trên bảo tọa cao, sau lưng là bá quan văn võ, đức vua Pāsenadi cất giọng nghiêm lạnh:

- Này Ajātasattu! Tại sao ngươi lại đang tâm bỏ chết đói phụ vương trong ngục tối?

Ajātasattu cúi đầu, im lặng, không trả lời.

- Hãy nói đi, Ajātasattu! Ta hỏi ngươi với tư cách là một ông cậu, chứ không phải với tư cách của một ông vua chiến thắng, hãy nói thật đi?

- Thừa cậu, cháu bị tên ác tăng Devadatta xúi giục.

- Rồi ngươi mê muội theo lời xúi giục vô đạo ấy ư?

- Khi ấy, vì tham vọng quyền lực, cháu không còn lý trí nữa.

Đức vua im lặng một lát:

- Thế tại sao ngươi bắt giam luôn đoàn sứ giả của ta?

- Cháu phóng lao thì phải theo lao luôn, thưa cậu.

Đức vua Pāsenadi chợt thở dài rồi nhìn tả hữu:

- Hãy cởi trói cho cháu của ta. Còn hai mươi vị tướng quân kia tạm giam vào ngục rồi sẽ xử lý sau.

Khi Ajātasattu đã được cởi trói và có chỗ ngồi, có nước uống, đức vua Pāsenadi mới mở lời dạy dỗ đứa cháu vô đạo của mình. Đại lược đức vua dạy rằng, phạm một đấng minh quân thì phải sáng suốt, biết lựa chọn các tội thần lương đồng, những người trí tài và hiền đức; phải biết xa lánh, loại bỏ những ông quan tham lam, độc ác, đua nịnh. Việc tên ác tăng Devadatta, ở đây, trầm không bàn tới, vì ông ta có liên hệ đến giáo hội của đức Tôn Sư, phải do đức Tôn Sư xử lý. Trầm chỉ muốn nói đến các mưu thần đang doanh vây xung quanh quyền lực của ông. Coi chừng đó! Phụng thì đi theo phụng, gà thì thường đi

theo gà!

Việc thứ hai nữa, đức vua nói tiếp, những thần tử trung kiên và những người bạn tốt, bao giờ cũng giúp ta thành tựu những việc làm hữu ích, cao cả trên cuộc đời này. Ngược lại sẽ rơi vào hố thẳm đại nạn. Còn nữa, kiêu ngạo và ngông cuồng là hai viên bạo tướng sớm đưa ta vào nơi hủy diệt. Hãy nhớ lấy!

Đức vua Ajātasattu có vẻ biết lỗi, rửa nước mắt quý lạy đức vua Pāsenadi và xin được tha tội.

Đức vua Kosala cất giọng dịu dàng:

- Thôi được rồi! Biết là tội thì phải biết cải sửa, tu chỉnh ngay từ bây giờ. Cái tội bất hiếu lớn lắm đó. Phải làm việc thiện, việc tốt hữu ích cho muôn dân. Phải có hiếu với mẹ, chăm sóc mẹ, phụng dưỡng mẹ để chuộc lại lỗi lầm ngày trước, nghe không?

Đức vua Ajātasattu cúi đầu vâng dạ rất nhu thuận.

Sau đó, đức vua Pāsenadi còn làm một nghĩa cử cao đẹp là trả lại vương bào, sắc phục, mũ miện cho Ajātasattu; làm một buổi tiệc tiễn đưa như một quốc vương đối xử với một quốc vương. Bao nhiêu tướng lãnh, tù binh, xe, ngựa, voi, pháo, binh khí, giáp bào đều được trả lại. Đức vua còn cẩn thận, chu đáo chu cấp lương thực đi đường; rộng tay giúp một ngân khoản lớn cho ông vua bại trận trở về ổn định vương quốc của mình do bị tổn phí, hao hụt kho lẫm sau chiến tranh. Thực ấp Kāsi, vua cũng trao trả lại. Cô công chúa Vajirī cung chiều của mình, đức vua cũng gả cho Ajātasattu làm sự kết nối thân tộc lâu dài, mà cũng là phương pháp bảo vệ hòa bình cho hai đại cường! Ajātasattu trước đây là cháu, bây giờ lại trở thành con rể của đức vua nữa.

Là đệ tử của đức Phật, ông vua hiền thiện này đã biết áp dụng giáo pháp “dùng từ bi xóa bỏ hận thù” nên đã cảm hoá được đứa cháu ngông cuồng; đồng thời, danh thơm của ông không mấy chốc mà lan tràn khắp các tiểu quốc.

Sau khi xử lý tốt đẹp mọi việc hậu chiến tranh, đức vua Pāsenadi cảm thấy hoan hỷ, mát mẻ trong lòng, ông một mình một ngựa đến Kỳ Viên tịnh xá thăm viếng đức Phật vì nghe

ngài từ miền Tây Bắc vừa mới trở về. Và ông đã kể lại mọi sự với đức Đạo Sư về hài lòng, hỷ mãn.

Đức Phật gật đầu, mỉm cười, dịu dàng nói:

- Có chiến tranh là có chém giết, máu đổ, thịt rơi. Có chiến tranh là có thắng có bại. Người chiến thắng thì huênh hoang, tự đắc, hể hả, sung sướng; còn kẻ chiến bại thì sầu khổ, luôn luôn tìm cách để phục thù rửa hận. Đứng trên vị thế, tư cách của người chiến thắng mà đại vương xử sự như thế là đã xóa tan mọi hận thù; đã vượt lên, vượt qua chuyện thắng bại thường phạm ở trên đời. Chỉ có bậc trí mới làm được như thế.

Lời và ý ấy được cô đọng bằng bài kệ sau:

“- Chiến thắng, nuôi dưỡng hận thù
Còn kẻ thua, bại - khổ sầu chẳng nguôi
Phủ tay thắng bại trên đời
An nhiên, mát mẻ ai ngoài trí nhân!”⁽¹⁾

18- Tôn Giả Mahā Moggallāna Báo Hiếu Mẹ

Hôm kia, vào sớm tinh sương, tôn giả Mahā Moggallāna đến đánh lễ đức Phật khi ngài đang đi kinh hành giữa vườn cây. Biết là có việc quan trọng nên đức Phật dừng chân lại:

- Ông có việc gì, cứ nói đi?
- Về việc của mẹ đệ tử, bạch Thế Tôn.
- Ủ, Như Lai biết khi bà mất, ông cùng chư tăng đệ tử đã có mặt kịp thời để chú nguyện. Nghe nói, ông đã làm lễ hỏa táng nhục thân bà rất chu đáo, dị giản nhưng trang nghiêm. Vậy là tốt rồi. Con trai của giống dòng sa-môn chỉ có thể làm được như thế thôi.

Đức Phật bước vào hành lang, ngồi trên tấm nệm cỏ, rồi câu chuyện được tiếp tục.

⁽¹⁾ *Pháp cú 201: “Jayam veram pasavati, dukkham seti parājito, upasanto sukham seti, hitvā jayaparājayam”.*

- Ông cứ tiếp tục nói đi!

Tôn giả Mahā Moggallāna bèn thưa rằng:

- Thuở còn sanh tiền, không biết bao nhiêu lần, đệ tử đã từng khuyên răn mẹ nên có đức tin chân chánh, nên kiềm chế bớt con nóng giận, nên có tấm lòng thương yêu người và vật, nên rộng lòng giúp đỡ kẻ ăn, người ở, bà con, quyến thuộc nhưng tất thấy đều hoài công vô ích. Với tâm như vậy, nghiệp như vậy nên chắc chắn bà đã sa vào bốn đường khổ rồi...

- Cụ thể bà thường tạo những nghiệp xấu ác như thế nào, này Moggallāna?

- Thưa, thật là quá nhiều, không kể xiết đâu! Thân khẩu ý gì cũng bất chánh, bất thiện cả. Trong những ngày lễ của đạo bà-la-môn, toàn thể gia đình chỉ ăn ngũ cốc, rau trái nhưng các ngày khác thì bà thẳng tay giết vật, lựa tìm cái gì ngon mà ăn thôi, còn lại bà quăng bỏ. Lại còn cho vay nặng lãi. Lại còn buôn một bán mười. Lại còn bòn rút của thiên hạ không từ nan bất cứ thủ đoạn lường gạt nào. Lại còn rít róng, keo kiệt với kẻ ăn, người ở. Lại còn đâm thọc, chanh chua miệng lưỡi. Suốt đời chỉ biết thâm vào, không chịu cho đi dù một vá com, một muống cháo, một tấm áo, một xu, một cắc cho người cùng khổ, đói nghèo! Nói tóm lại, cả mười nghiệp ác bà đều dính cả, lại không làm được một nghiệp thiện nào. Tâm xấu ác của bà đã trở thành cố tật, nhưng nổi bật nhất vẫn là tâm tham lam vô tận, vô độ, bạch Thế Tôn!

- Trong trường hợp của bà thì không ai có thể cứu được đâu, này con trai!

- Vâng, đệ tử biết vậy. Nhưng bên lòng vẫn canh cánh hình ảnh của mẹ đang chịu cực hình thống khổ, không phải địa ngục thì cũng là ngạ quỷ thôi.

- Thế ông có tìm ra sanh thú của mẹ ông chưa?

- Hồi đêm, đệ tử đã sử dụng năng lực thần thông, tìm kiếm chỗ tái sanh của mẹ. Đệ tử đã tìm kiếm khắp các cõi người, a-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục nhưng không thấy. Gần sáng, khi rã

soát chỗ gần biên ranh các đại địa ngục thì đệ tử chợt thấy mẹ ở trong một chỗ ẩm thấp, tối tăm, lạnh lẽo nhưng không rõ thuộc cảnh giới nào. Tuy nhiên, quan sát cho kỹ thì đây không phải là địa ngục băng giá hay địa ngục viêm hỏa, vì băng giá hay viêm hỏa thì sẽ chịu cực hình kinh khiếp hơn nhiều. Ở đây, tại chỗ đây, thân xác của mẹ là một bộ xương khô, xanh xao, trông như đã bị nhịn đói cả trăm năm, cả ngàn năm vậy đó.

- Chỗ của mẹ ông được gọi là cận biên địa ngục, nó không nằm trong bát đại hàn băng⁽¹⁾, không nằm trong bát đại viêm hỏa⁽²⁾. Mẹ ông không thuộc địa ngục, không thuộc ngạ quỷ nên ông không biết cảnh giới nào cũng phải. Thân mẹ ông gầy ốm như bộ xương thì giống ngạ quỷ, nhưng ở chỗ ẩm thấp, tối tăm gần địa ngục hàn băng nên lạnh lẽo, rét buốt.

- Vâng, đúng là vậy, bạch Thế Tôn! Tuy đệ tử biết cảnh địa ngục thường chịu quả nghiệp đau khổ, thống khổ, bị thiêu, bị đốt, bị chặt, bị chém chẳng ăn uống gì được. Cõi ngạ quỷ cũng vậy, đói khát cả trăm năm, đói khát cả ngàn năm để chịu quả báo, có muốn ăn, muốn uống cũng tợ như nuốt kim, nuốt lửa, nuốt mủ, nuốt máu mà thôi! Thế nhưng, thấy mẹ đói quá chịu không được, đệ tử sử dụng thần thông giúp mẹ chút cơm, chút bánh; nhưng lần thứ nhất cơm bánh ấy biến thành than lửa, lần thứ hai thì cơm bánh ấy biến thành cục băng!

- Đúng là vậy rồi, này con trai! Sức mạnh của nghiệp ấy, năng lực thần thông của ông cũng bất lực thôi.

- Đệ tử không nghĩ ra cách gì giúp mẹ thoát khỏi cảnh khổ đó được, bạch Thế Tôn.

- Ông không có gì phải canh cánh bên lòng nữa. Ông đã làm hết bổn phận và trách nhiệm của một người con hiếu rồi. Khi bà còn sống, ông đã tìm cách năm lần bảy lượt khuyên giáo mẹ trở

⁽¹⁾ Tức là 8 đại địa ngục băng giá, mỗi đại địa ngục có 16 tiểu địa ngục; vậy có tất thảy 128 tiểu địa ngục băng giá.

⁽²⁾ Tương tự như trên, có 128 tiểu địa ngục viêm hỏa.

về đường ngay nẻo chánh, làm lành lánh dữ rồi. Khi bà mất đi, ông cũng chú nguyện, lo hỏa táng chu đáo, và cũng đã tìm cách cứu mẹ ra khỏi khổ đồ, tuy bất lực. Ngoài ra, suốt gần bốn mươi năm sống đời phạm hạnh thiêng liêng và gương mẫu, ông đã cứu độ cho không biết bao nhiêu dạ-xoa, rồng, trời, người các cõi. Chính công đức ấy, sức mạnh thắng trí, thắng hạnh ấy đã gánh một phần nghiệp cho mẹ ông, đã nâng đỡ bà đến bảy đời tiếp theo nữa đó, này con trai!

- Điều này đệ tử chưa hiểu tới.

- Đây thuộc về trí của bậc Toàn Giác. Nhờ trí của bậc Toàn Giác, Như Lai còn biết rằng, mẹ của ông cũng có cách cứu độ được.

- Đệ tử xin lắng nghe.

Đức Phật thông thả nói:

- Như Lai còn nhớ, đệ tử của ông, tỳ-khưu Piṇḍolabhāradvāja đã hút dính tảng đá lớn, to cao hơn cả cái nhà bay quanh thành Vương Xá ba vòng để lấy cái bát gỗ đàn hương đỏ rực của ông triệu phú chứ, con trai? Còn năng lực của ông thì thế nào?

- Đệ tử chỉ cần nhiếp tâm khởi tướng, trú tướng, làm kiên cố tướng thì có thể nhấc bổng cả núi Tu Di! Nhưng năng lực thần thông ấy, đệ tử cũng không thể cứu mẹ, bạch Thế Tôn.

- Tại sao? Tại sao không cứu được, ông có biết không?

- Thừa, năng lực ấy có thể chuyển hoá được vật chất nhưng không thể chuyển hoá được nghiệp!

- Đúng vậy! Thế thì cái gì có thể chuyển hoá được nghiệp?

- Ví như đức Thế Tôn bảo, công đức tu trì thanh tịnh của đệ tử có thể gánh một phần nghiệp của mẹ?

- Chính xác! Đức Phật gật đầu rồi nói tiếp - Nếu như dôn tụ, huân tụ năng lực tu trì thanh tịnh của trăm vị, ngàn vị, hai ngàn vị... để chú nguyện, thì với sức mạnh ấy có thể giúp mẹ ông thoát khỏi khổ đồ đấy, con trai! Nay mùa an cư cũng sắp mãn, tăng chúng hiện nay ở Kỳ Viên và ở Lộc Mầu có đến ba ngàn vị. Nếu bà con quyến thuộc của ông, có khả năng đặt bát cúng

đường đến ba ngàn vị trong ngày lễ Kāṭhina; sau khi chư tăng thọ nhận rồi, họ sẽ chú nguyện quả phước thanh tịnh đến cho bà. Do nhờ vật thí thanh tịnh, do nhờ thân khẩu ý thanh tịnh của ông và bà con quyến thuộc, do nhờ công đức tu trì thanh tịnh của ba ngàn tỳ-khưu thánh phàm tăng sau ba tháng an cư, nhất định mẹ ông sẽ được siêu thoát, này con trai!

Nghe đến đây, tôn giả Mahā Moggallāna hoan hỷ đến tận chân tơ kẽ tóc, quỳ sụp xuống bên chân đức Đạo Sư.

Thế rồi, tôn giả trình bày sự việc với bà con quyến thuộc, nội ngoại hai bên gia tộc; và họ đã hùn góp ngân khoản, mua sắm cả mười mấy chiếc xe lương thực, thực phẩm các loại, tổ chức một cuộc cúng dường lớn đến chư tăng hai ngôi đại tự trong ngày mãn hạ. Đại thí chủ Visākhā, ông trưởng giả tiểu Cấp Cô Độc, đức vua Pāsenadi, cư sĩ Citta cùng một số đại phú gia, thương gia khác trong kinh thành, nghe vậy, họ hoan hỷ hùn góp mấy ngàn tám y và bát cùng vật dụng phụ tùy cho cuộc lễ thêm phần trang trọng, hỷ mãn.

Và đúng như sự thấy biết của bậc Toàn Giác, nhờ công năng thanh tịnh của tăng, nhờ uy lực phước báu nâng đỡ, mẹ tôn giả được sanh thiên, làm thuộc hạ tùy tùng Tứ đại thiên vương. Vị trưởng lão nào có thắng trí đều thấy biết rõ biết như vậy.

Nguyên do tôn giả Mahā Moggallāna là người đầu tiên nhờ đức Phật chỉ bày cách tổ chức đặt bát cúng dường tứ sự đến Tăng để chú nguyện cho mẹ trong ngày lễ Kāṭhina mãn mùa an cư - nên sau này, khi nhắc đến tôn giả, ai cũng bảo ngài là bậc đại hiếu.

19- Tội Ác Cuối Đời Của Đức Vua Pāsenadi

Từ khi hoàng hậu Mallikā mất, đức vua Pāsenadi cảm thấy cô đơn, hiu quạnh. Bà hậu Ubbīrī, tuy hiếm muộn cũng cho vua cô con gái Vajirī (Vajirakumarī) rồi bà cũng xuất gia theo ni đoàn đã lâu. Hai bà hậu Somā, Sakulā, vốn là hai chị em, đều là

chị của đức vua Bimbisāra, cũng tu theo Phật cả, sống đời giới hạnh rất nghiêm túc. Chỉ còn bà Vāsabhakkhattiyā, công chúa dòng dõi Sakyā còn âm áp chần gồi nhưng không phải là mẫu người để đức vua tâm sự hoặc chia vui, sẻ buồn. Điều đó cũng dễ hiểu vì chỉ có hoàng hậu Mallikā là người luôn làm cho tâm hồn ông bình an và mát mẻ. Trong quá khứ, bà còn là ngọn đèn sáng những khi ông tối tăm, si ám. Thiếu vắng bà, tâm tánh của đức vua chợt trở nên hỷ nộ thất thường, đôi khi đánh mất luôn sự định tĩnh và sáng suốt thường ngày. Và cái sai lầm, ác độc nhất trong cuộc đời của ông mà không ai có thể thông cảm, tha thứ được, đây là mật lệnh giết đại nguyên soái Bandhula cùng với ba mươi hai vị tướng trẻ là con và cháu của ông ta!

Tướng quân đại nguyên soái Bandhula là ai kia chứ? Là người bạn thân của đức vua từ hồi còn học ở đại học quốc độ Takkasilā. Là người đã từ bỏ quê hương bản quán của mình, từ bỏ cả ngôi vua ở quốc độ Mallā, kinh thành Kusinārā, cùng vợ và con đến ở với ông, làm thuộc hạ của ông. Từ khi có tay thanh gươm hộ quốc của vị tướng quân này, đức vua gồi cao nằm ngủ. Lãnh thổ của đế quốc Kosala từ kinh thành đến ngàn dặm biên cương luôn được vị tướng quân Bandhula chu đáo bảo vệ an ninh, an toàn...

Thế mà... thế mà!... Đức vua nhớ lại. Trong trận chiến với đứa cháu Ajātasattu ngỗ nghịch bất trị của mình, ông đã thất bại thê thảm! Nhưng sau nhờ kinh đô Kosala với chiến lược phòng thủ như tường đồng, vách sắt cùng với những đội quân thiện chiến của tướng quân Bandhula mà ông vua cháu phải buông giáo quy hàng. Quả thật, ba mươi hai con và cháu của vị tướng quân này đều là những viên hổ tướng, xuất hiện thần tốc và đúng lúc, vô hiệu hóa tất cả cây mũi nhọn xung kích nào của quân đội Ajātasattu. Cuộc chiến thắng này rõ ràng là nhờ vào đại gia đình của tướng quân Bandhula!

Thế nếu họ “làm phản” thì sao? Câu hỏi ấy, hằng đêm đi sâu vào giấc ngủ của đức vua và biến thành những cơn mộng dữ.

Ông thấy mình bị chặt đầu, bị róc thân, bị bốn con ngựa kéo, xác đứt thành bốn mảnh, bị lột áo mao trần truồng, bị quăng vào đồng lửa, bị thả vào chảo dầu sôi. Sự ám ảnh này làm cho đức vua bất an, lo lắng. Thêm một nguyên nhân nữa như giọt nước cuối cùng làm tràn ly. Một số quan võ tướng bất tài, có dòng máu hoàng gia, thấy mọi quyền thế, quyền lực binh bị trong và ngoài triều đều nằm ở trong tay gia đình tướng quân Bandhula; vì mất quyền lợi và địa vị nên họ sanh tâm ganh ghét, đố kỵ, cho người phao tin đây đó là “tướng quân Bandhula làm phản”. Chuyện rồi cũng đến tai đức vua. Còn nữa, đêm này và đêm khác, ý mình cùng huyết thống hoàng tộc nên người này, người kia thay nhau vào cung thì thảo to nhỏ với đức vua “bí mật động trời” ấy.

“Không có lửa thì làm sao có khói?” Đức vua vô cùng sợ hãi. Phải ra tay trước thôi! Vậy là ông bèn cho năm trăm quân cấm vệ ngày đêm đi đến những vùng đất giáp ranh biên cương phía bắc, giả vờ làm loạn, đánh chiếm một vài thị trấn rồi cho phi mã, từng toán, từng toán cấp báo về triều đình.

Thế là trong buổi lâm triều hôm ấy, đức vua nói về tình hình nội loạn nguy kịch ở biên cương, sau đó cử đại nguyên soái Bandhula mang đại binh đi dẹp loạn.

Tướng quân Bandhula mỉm cười:

- Xin bệ hạ an tâm! Không cần thiết phải mang theo đại quân đâu. Chỉ mình hạ thân, ba mươi hai tướng trẻ cùng vài trăm quân là đủ dẹp yên lũ giặc cỏ ấy rồi.

Đến biên cương, thấy một vài căn nhà bị đốt cháy, đầu đó bị cướp phá sơ sài; và do nghe tin quân triều đình của vị tướng quân bách chiến, bách thắng đến nên “bọn giặc” đã chạy trốn như chuột, không còn tăm bóng. Một dấu hỏi lớn khởi lên trong tâm trí của vị lão tướng: “Chỉ là giặc cỏ thôi mà, đâu cần phải đích thân ông dẫn đại binh? Chỉ cần một đứa con trai út của ông và một trăm quân là có thể đánh thắng một ngàn quân chính quy kia mà?” Tuy thế, ông chỉ thở dài, lệnh cho đội quân ở lại

năm bảy hôm, sửa sang, ủy lạo nơi này nơi kia rồi dẫn quân trở về. Qua một hẻm núi hiểm trở, đội quân mấy trăm người bị phục kích bởi một ngàn tay cung nỏ có tẩm thuốc độc, đồng thời một trận mưa lửa bởi hằng ngàn, hằng ngàn mũi tên lửa có tẩm dầu, thiêu cháy người, ngựa và cả rừng cây. Trong một hốc đá chỉ bị lửa nung bên ngoài, tướng quân Bandhula biết rõ đức vua giết mình, không còn là nghi vấn nữa. Trong khi thuốc độc chưa ngấm sâu, ông thảo vội vài hàng chữ, với đại ý khuyên vợ và những con dâu trở lại quê nhà. Còn ông, mười sáu con trai lớn và mười sáu đứa cháu thanh niên đã đền nợ nước rồi. Lá thư viết bằng máu trên mảnh chiến bào, sau đó được một mã binh chưa bị tên độc, quyết tử vượt vòng vây, bắt kể ngày đêm, lao về kinh thành. Ba mươi hai con và cháu của lão tướng quân, ai cũng bị dính độc và lửa đốt - nguyên cùng chết với cha cùng ông nội.

Tên mã binh quyết tử về đến kinh thành Sāvatti, vào biệt phủ của tướng quân Bandhula thì nơi đây, bà Mallikā (trùng tên với hoàng hậu Mallikā) phu nhân của lão tướng quân đang chuẩn bị vật thực để cúng dường năm trăm vị tỳ-khưu có trưởng lão Sāriputta là người dẫn đầu.

Nhận được thư khi đang xào nấu một món ăn bên bếp lửa, đọc xong hung tin trần trời của chồng, bà Mallikā đứng sững giây lát, sau đó, cất thư vào túi rồi tiếp tục công việc của mình như không có gì xảy ra. Sau đó, khi bà bùng một bình sanh tô đi sót vào bát cho trưởng lão Sāriputta, vì vấp một chướng ngại dưới chân nên bình sanh tô vốn bằng gốm sứ rơi xuống nên bị vỡ nát. Một vị tỳ-khưu thấy vậy nên thuận miệng giáo giới:

- Vật vốn vô thường, có sinh có diệt, mong thí chủ đừng buồn, đừng tiếc nữa.

Đứng dậy, xá chào trưởng lão Sāriputta rồi bà đưa “lá thư máu” cho ngài xem xong rồi nói:

- Trưởng lão thấy đó, phu quân cùng ba mươi hai đứa con trai và cháu của tôi đều đã bị chết thảm. Tuy nhiên, nghe xong hung

tin, tôi vẫn bình tĩnh xào nấu món ăn như thường. Cái bình gốm sứ quý báu kia, dù quý báu thế nào cũng không thể quý bằng sinh mạng phu quân và con và cháu của tôi được. Nó chỉ là hạt bụi so với núi Tu Di. Núi Tu Di mất đi, tôi chưa buồn, chưa tiếc huống hồ là cái bình gốm sứ là vật ngoại thân, vô tri vô giác kia!

Trưởng lão Sāriputta cất tiếng hỏi nhỏ nhẹ:

- Có lý do gì, có sự thấy biết nào mà phu nhân không buồn, không tiếc trước một thảm nạn kinh hoàng của người thân như vậy?

- Thưa trưởng lão! Nhờ học được giáo pháp của đức Tôn Sư và chư vị trưởng lão, nhờ chiêm nghiệm khổ và nguyên nhân khổ, nhờ thấy biết chút ít về sự rỗng không của ngã và ngã sở hữu, nhờ quán sự chết không chừa một chúng hữu tình nào nên tôi mới có được sự định tĩnh, an nhiên như vậy.

Trưởng lão nhè nhẹ gật đầu:

- Sādhu, lành thay!

Rồi sau khi độ thực, buổi pháp thoại đặc biệt, trưởng lão nói về sự bất định của sự chết; tuổi thọ của đời người ở trong đám sương mù hỗn mang, gió nghiệp thổi qua là tắt, không biết lúc nào. Xúc động chánh pháp, tôn giả đã tóm tắt điều ấy bằng một câu kệ ngôn:

“- Tử sinh không có hạn kỳ

Tuổi thọ ai biết ra đi lúc nào

Cuộc trần bất trắc xiết bao

Đau thương, hoạn nạn, khổ lao nghìn trùng”⁽¹⁾.

Sau lễ đặt bát cúng dường, bà Mallikā cho hợp mặt toàn thể đại gia đình, đưa lá thư máu ra cho mọi người cùng xem, rồi đưa mắt nhìn mười sáu bà con dâu, mười sáu cô cháu dâu đang còn xuân sắc, giáo giới rằng:

⁽¹⁾ *Phỏng dịch từ câu kệ Pāli: “Animittamaññātāṃ. Maccānaṃ idha jīvitaṃ. Kasiraṇa parittaṇa. Taṇa dukkhena saṃyuttanti”.*

- Phu quân của các con, các cháu đã tử trận vì nước. Các con các cháu không nên đặt câu hỏi là chết do ai và vì ai? Tại sao vậy? Vì cái chết của tất cả chúng sanh không do lỗi của ai cả mà chúng là thừa tự của nghiệp, con sanh của nghiệp! Trong vòng nhân quả trả vay, định luật ấy rất lạnh lùng, nó không thiên vị một ai cả. Phu quân của các con các cháu bị trả quả tiền khiên do một ác nghiệp nào đó trong quá khứ, vậy là công bằng, vậy là phù hợp với chân lý, với nhân quả. Do vậy, các con, các cháu không nên sầu buồn khóc lóc mà làm gì, cũng không nên trách trời trách đất, oán hận người này người kia. Sự việc đã xảy ra rồi, hãy xả buông nó đi, đừng tự làm tổn thương mình nữa!

Nạn nhân bị hại thì xả buông, rộng không do trí tuệ học hỏi giáo pháp như thực của đức Đạo Sư, nhưng kẻ hại người - đức vua Pasenadi - do si mê hôn ám, do sợ hãi bị phản nghịch, do đám vô tài bất tướng xung quanh nịnh hót: Ngày thì ruột nóng như lửa đốt, đi tới đi lui bất an, đêm thì trăn trở, thao thức, nằm thấy mộng dữ.

Câu chuyện bà Mallikā nhận được hung tin từ lá thư máu của lão tướng quân khi đang xào nấu thức ăn, sau đó vẫn an nhiên định tĩnh đặt bát cúng dường một cách chu đáo đến tôn giả Sāriputta cùng năm trăm vị tỳ-khưu không mấy chốc, được lan truyền khắp mọi nơi, mọi chỗ. Cả kinh thành rung động. Cả triều đình nhỏ to bàn tán xì xào. Rồi chuyện bà xử lý việc gia đình, nội dung bà nói chuyện với dâu, cháu làm cho ai ai cũng cung kính, ngưỡng mộ...

Đức vua Pāsenadi được tả hữu tường thuật mọi chuyện, ông lặng người rồi chìm đắm trong nỗi đau, trái tim tê buốt. “Ôi! Đây là cả một đại gia đình hiền thiện được tắm mát, nuôi dưỡng bởi giáo pháp hiền thiện của đức Tôn Sư. Không biết giờ này đức Đạo Sư đang vân du hành hóa ở đâu mà bỏ lại ta trong kinh

đô vắng lạnh này!⁽¹⁾ Nếu có (giả như) ngài có mặt ở Kỳ Viên thì có lẽ ta không đến nỗi si ám, ác độc và ngu ngốc tạo nên ác nghiệp tày trời! Cả đại gia đình bị ta ám hại, họ đã không oán hận ta, lại cùng âm thầm tha thứ cho ta do có một bà mẹ đại hiền được sinh ra trong giáo pháp. Còn ta, ta có thể nào tha thứ cho mình được không? Thật không thể vậy!”

Nghĩ đến đức Phật, đức vua yên ổn được chút ít, như có một năng lượng mát mẻ thoảng qua tâm hồn, ông suy nghĩ tiếp: “Bậc trí nhân ở đời, mình làm mình chịu, không đổ lỗi cho ai. Ta phải đích thân đến đại gia đình ấy, nhận tội về mình rồi sau đó hãy để cho nhân duyên nó làm việc. Hãy can đảm lên nhé!”.

Cả đại gia đình đang phát lễ tang thì đức vua ngự giá đến. Bên trong đại sảnh đường đã thiết lập ba mươi ba bài vị, có trầm, có hoa, có cờ rủ, có khăn tang... nhưng lại rất yên bình, lặng lẽ, không nghe “mùi” tang tóc!

Cả nhà cung đón đức vua rất phải phép. Ông kính cảm trong lòng, bước đến trước ba mươi ba bài vị, cung kính cúi đầu, mặc niệm. Thật ra là ông đang thú tội trước những vong linh mà ông đã sát hại một cách rất tàn độc.

“Sám hối” xong, đức vua nói với cả nhà:

- Suốt bao đêm bao ngày, ta hối hận, ăn năn, ray rứt không yên. Lòng ta như bị lửa địa ngục thiêu đốt sau khi ám hại vị lão thần lương đồng cùng những dũng tướng oai hùng. Ta là tên thủ phạm hèn hạ và bỉ ổi nhất! Ta không thể tha thứ cho ta được, nhưng than ôi! Cả đại gia đình hiền thiện này lại tha thứ cho ta! Đúng là tâm địa của những bậc thánh!

Đức vua rung rung nước mắt.

Phu nhân Mallikā lấy khăn lau lệ rồi nói:

- Xin bệ hạ hãy bình tâm. Bệ hạ không có lỗi mà chỉ có nghiệp là có lỗi mà thôi!

⁽¹⁾ Chuyện xảy ra khoảng chừng hạ 40, 41 của đức Phật; lúc này có lẽ ngài đang vân du hành hóa ở Vesālī và Rājagaha.

- Cảm ơn phu nhân với tâm đại lượng - Đức vua nói - Ta xin được tạ tội một cách chân tình nhất, là hãy cho ta đáp trả một đặc ân. Phu nhân có ước nguyện gì thì ta sẽ hoàn thành ước nguyện ấy cho phu nhân, ngay từ hôm nay!

Suốt bảy ngày sau đó, phu nhân Mallikā, ba mươi hai góa phụ cùng gia nhân tổ chức đặt bát cúng dường cho chư tăng năm trăm vị mỗi ngày ở tư gia, có tôn giả Sāriputta và một số vị trưởng lão khác. Tôn giả Sāriputta biết rõ nhân quả câu chuyện thương tâm và biết rõ nỗi đau lặng lẽ bên trong của lão phu nhân cũng như tất cả góa phụ nên ngài đã thuyết những thời pháp thích hợp. Ngài nói về nỗi đau bi thống của kiếp người. Ngài nói về nỗi đau kinh khiếp hơn nữa là ở trong các cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la. Ngài nói trong ba cõi sáu đường, nước mắt của chúng sanh khóc chồng, khóc cha, khóc vợ, khóc con, khóc khi tử biệt sinh ly, khóc khi xa rời người mình thương, khóc khi bị hành hạ, trần bức xác thân, khóc khi bị nghịch cảnh, tội tù, khóc khi bị vu oan, giá họa có thể đổ đầy bốn đại dương. Vậy thì hãy thấy rõ “sự thật khổ” của đời người, kiếp người. Nó là sự thật, là chân lý hiển nhiên. Hãy mở con mắt pháp mà thấy, đừng nên sống bởi ám thị, ảo tưởng, vọng tưởng mơ hồ nữa. Có thấy khổ mới tìm ra nguyên nhân khổ, căn nguyên khổ. Đức Tôn Sư là bậc Toàn Giác, ngài cũng chỉ là người thấy rõ sự khổ nên thoát khổ đó thôi!

Bài pháp của tôn giả quả là liều thần dược làm cho tất thảy các cô con dâu như chạm tay được vào ly nước cam lồ bất tử. Những nỗi đau lặng lẽ của họ, quả thật là đã được xoa dịu một phần nào!

Hôm kia, cả đại gia đình vào triều yết kiến đức vua và xin nhận đặc ân của hoàng triều. Bà Mallikā nói:

- Tâu đại vương! Danh vọng, địa vị, tài sản cho chí chồng con, tất thảy chúng đều tạm bợ, duyên sanh duyên diệt. Chẳng có gì chắc thật, vững bền trên thế gian này! Đại vương đã mở rộng tấm lòng cho những góa phụ chúng tôi thỏa nguyện một đặc ân

thì đặc ân ấy là được trở về quê hương xứ sở để sống những ngày còn lại!

Đức vua nhú mày:

- Đây đâu phải là đặc ân!

- Đây đúng là đặc ân, tâu đại vương! Vì đây cũng chính là ước nguyện cuối cùng của tể phu quân trong lá thư viết bằng máu trên mảnh chiến bào!

Thần thờ giây lâu, đức vua thở dài:

- Châu báu, của cải, tài sản phu nhân muốn bao nhiêu ta cũng đáp ứng được kia mà! Hay là tự ta làm vậy!

Nói thế xong, đức vua quát gọi quan thủ kho, nhưng phu nhân Mallikā đã từ chối:

- Cảm ơn tấm lòng của đại vương! Nhưng chúng tôi chỉ xin được về quê thôi!

Chẳng biết sao hơn, đức vua đành phải gật đầu ưng thuận.

Về lại biệt phủ, bà Mallikā cho mở kho vàng bạc, châu báu, tư trang làm ba mươi hai phần rồi chia đều cho con dâu và cháu dâu rồi khuyên họ trở về gia đình cha mẹ mà sinh sống và được tự do lấy chồng, lập gia thất mới. Riêng bà thì trở về quốc độ Mallā, kinh thành Kusinārā để di dưỡng tuổi già, tinh cần tu tập để tìm chỗ nương tựa thực sự cho đời mình.

Câu chuyện của gia đình bất hạnh này, khắp cả kinh thành Kosala cùng miền phụ cận không ai là không biết, và mọi người ai cũng tán dương, tôn trọng và quý mến cái tuệ sáng và cái tâm đại lượng của bà Mallikā.

20- Cảnh Giới Cho Thái Hậu Videhi

Trong lúc tại kinh thành Sāvatti xảy ra biến cố bi thương cho gia đình đại nguyên soái Bandhula như vậy thì đức Phật và hội chúng tỳ-khưu đang ngự tại vườn xoài của thần y Jīvaka, ở đây ngài chờ đợi nhân duyên để tế độ thái hậu Videhi.

Số là sau khi đức vua Bimbisāra bị đưa con nghịch tặc giết

hại, bà Videhi vô cùng sầu não, không thiết đến việc ăn uống, hình dong ngày càng tiều tụy. Đêm nằm vắt tay lên trán, trăn trở, nghĩ suy: “Tại sao cái thế gian này lại phát sanh những con người tàn độc đến như vậy? Vì danh vọng, địa vị và quyền lực, người ta đã không từ nan những hành động xấu ác, sái quấy nhất. Devadatta mù quáng vì muốn lãnh đạo giáo hội, đã ba lần tìm cách giết hại đức Đạo Sư. Ajātasattu, con ta, với tham vọng đế vương đã đành tâm bắt bỏ ngục cha mình, rồi còn ngăn cấm ta mang vật thực nữa. Cuối cùng, vua cha bị chết đói trong ngục tối! Ôi! Con người thật là xấu xa! Không biết có một cảnh giới nào mát mẻ an lành, người và người đối xử với nhau nhu thuận, từ hòa, hướng thiện và hướng thượng chăng? Ta đã chán ngán cái cõi trần thế này rồi!”

Trong lúc bà Videhi than thở như vậy xong thì đầu giữa hư không, tiếng nói của đức Phật vọng mồn một vào tai bà:

“- Có đấy! Còn có rất nhiều cảnh giới an lành, mát mẻ, không đao, không trượng, không chém giết hận thù; họ thọ hưởng hạnh phúc vật chất và tinh thần, từ thấp lên cao, từ cạn vào sâu, rất thanh lương và rất yên bình, này thái hậu!”

Bà Videhi phủ phục xuống thảm, ngược mắt lên, nói rằng:

- Bạch Thế Tôn! Xin cho đệ tử thấy rõ những cảnh giới ấy!

Đức Phật sử dụng thần thông cho thái hậu thấy rõ cảnh trời Đao Lợi với ba mươi ba tòa bảo tháp bằng bảy báu, thấy đời sống của Đế Thích, của chư thiên nam và nữ. Họ bay giữa không gian, thân tỏa hào quang nhiều màu, múa hát, tiệc tùng, đàn ca, sáo vĩ... với phục sức muôn màu, muôn vẻ. Họ dùng những vật thực vi tế, ngon thơm hơn triệu triệu lần cõi người. Họ suốt đời không làm việc tay chân hoặc đầu óc để tạo ra của cải. Tất cả lâu đài, sàng tọa, y phục, nhu cầu, phương tiện đời sống đều do phước báu hóa sanh...

Giọng đức Phật lại rót vào tai bà:

- Đây là cảnh trời Đao Lợi, một trong sáu cảnh trời dục giới; ở đó không thể nào có những con người xấu ác như Devadatta

hoặc Ajātasattu đâu!

Thái hậu Videhi ngắm cảnh, ngắm người, ngắm đời sống với lạc thú thanh cao, nhẹ nhàng, vi tế như thế, tâm bà như mê mẩn. Tiếng nói của đức Phật đưa bà trở về với hiện thực. Bà nói:

- Đệ tử có thể nguyện sanh về đấy được không, bạch Đạo Sư?

- Không thể nguyện sanh về đấy là được sanh về đấy đâu. Phải tu tập! Phải phát triển những hạnh lành. Cụ thể hơn là phải có đức tin vững chắc với thiện pháp, có năm giới, có mười lành, có tâm từ ái biết san sẻ vật chất, của cải đến cho bao người đói khổ, biết phục vụ những công ích từ thiện xã hội. Cái tâm ấy, cái công đức ấy là nhân, và quả của nó, là sẽ được hóa sanh vào cảnh trời Đạo Lợi ấy!

- Đệ tử hiểu rồi! Và việc ấy, đệ tử làm được! Thế có cảnh giới nào cao sang, tốt đẹp hơn thế chẳng, bạch Tôn Sư?

- Có chứ, có nhiều lắm, này thái hậu!

Nói thế xong, đức Phật sử dụng thân thông cho thái hậu thấy rõ cõi trời Đâu Suất. Lâu đài, người, cảnh ở đấy còn cao sang, hoành tráng gấp bội cảnh trời Đạo Lợi. Lại còn những biển châu báu, núi châu báu, sông suối châu báu, rừng cây châu báu rực rỡ muôn màu ngoài tầm tưởng tượng của thế gian. Đặc biệt nhất ở cảnh giới này là bất kỳ bậc đại bồ-tát nào hoàn thành viên mãn ba mươi ba-la-mật đều ngự ở đây trước khi hạ sanh xuống cõi trần để thành tựu quả vị Chánh Đẳng Giác. Cảnh giới này thanh tịnh hơn cõi trời Đạo Lợi vì chư thiên ở đây ai cũng tu tập, cho đến nổi tiếng gió thổi, nhạc reo, chim ca cũng vọng lên âm thanh nói về ngũ căn, ngũ lực, tứ chánh cần, tứ như ý túc, tứ niệm xứ, thất giác chi, bát chánh đạo... Sau này, thời vị lai, khi bồ-tát Metteyya (Di Lặc) tròn đủ công hạnh ba-la-mật cũng ngự ở cảnh trời này, đợi chờ nhân duyên xuống nhân gian để thành tựu quả vị Chánh Đẳng Giác đấy, thưa thái hậu!

- Cảnh trời Đạo Lợi hưởng thụ ngũ dục vi tế, vi diệu thật, nhưng có vẻ họ còn du hí nhiều quá; cõi trời Đâu Suất thanh tịnh hơn, cao sáng hơn! Nếu đệ tử muốn sanh về đấy thì phải

làm thế nào, bạch Đạo Sư?

- Phải tu tập khá hơn một chút nữa, thừa thái hậu! Muốn tròn đủ thì phải có đức tin vững chắc, năm giới mười lăm vững chắc, nghe pháp và học pháp một cách vững chắc; bố thí, cúng dường với tâm quảng đại, rộng lượng và trí thấy rõ tà chánh, xấu tốt, đúng sai cũng một cách vững chắc như thế, thừa thái hậu!

- Tâu vâng! Đệ tử hiểu được bốn điều. Duy có điều thứ ba: Tâm bố thí, cúng dường với tâm quảng đại, rộng lượng một cách vững chắc thì đệ tử chưa rõ lắm!

- Khi cúng dường tứ sự đến Như Lai, đến tăng-già, tâm vị ấy luôn luôn biết cung kính, trân trọng, ước mong quý ngài đầy đủ nhu cầu, phương tiện nuôi thân để độ sinh, ước mong hệ hệ tăng-già kế thừa giáo pháp mai hậu vì lợi ích cho chư thiên và loài người - chứ vị ấy không nghĩ đến quả báo gì cho riêng mình cả! Đây được gọi là cúng dường vững chắc! Còn nữa, đối với chúng sanh nghèo đói, cơ cực, bất hạnh vị ấy san sẻ của cải, giúp đỡ áo cơm chỉ với tâm quảng đại, bao dung, tế độ họ với tâm bi mẫn xót thương, không vì danh, vì lợi, không vì quảng cáo tên tuổi, hoặc bất kỳ sự lợi lạc nào cho cá nhân mình cả. Đây chính là nhân, là duyên, hỗ trợ cho tín, cho giới, cho văn, cho tuệ tròn đủ để hóa sanh vào cảnh trời Đâu Suất đấy, thừa thái hậu!

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Đệ tử đã được mở tâm, mở trí. Đệ tử không dám biết đến những cảnh giới thanh lương, vi tế nào khác nữa. Chỉ riêng hai cảnh giới mà đức Tôn Sư vừa diễn giải về nhân, về quả ấy, đệ tử đã cảm thấy khó tu tập cho vẹn toàn rồi. Đệ tử tuổi tác đã cao, thân thể đã suy kiệt vì sầu buồn, sợ không còn kham nổi những pháp môn cao hơn. Được về sống nơi hai cõi trời ấy thôi cũng cần quá nhiều nỗ lực và tinh cần rồi. Đệ tử sẽ cố gắng, bạch Thế Tôn...

- Phải vậy! Thái hậu đã biết tự lượng sức mình! Đây là một suy nghĩ chơn chánh, đúng đắn! Không nói đến những cảnh giới tinh thần sáng láng của sắc giới và vô sắc giới thì hai cõi trời

mà thái hậu vừa trông thấy nhân và quả ấy, chính là hai cảnh giới tốt đẹp nhất trong sáu cảnh trời dục giới đấy, này thái hậu!

Cảm thấy thế là đã an trú cho bà Videhi một nơi chốn khả dĩ tốt đẹp rồi, đức Phật thâm thân thông, trả không gian trở về với yên lặng. Bà Videhi lạy như té sao, nỗi sầu khổ đã lắng xuống!

Ghi chú đặc biệt:

Cảnh giới Tịnh độ của A-di-đà được xây dựng cũng từ tích bà thái hậu Videhi như sau - chúng ta cùng tham khảo:

Quán Vô Lượng Thọ kinh (觀無量壽經, Amitāyurdhyāna Sūtra) là một trong ba bộ kinh quan trọng nhất của Tịnh độ tông. Kinh miêu tả thế giới phương Tây của Phật A-di-đà và dạy cách hành trì: sống thanh tịnh, giữ giới luật và niệm danh hiệu Phật A-di-đà, hành giả thoát khỏi các nghiệp bất thiện và được tái sinh nơi Tịnh độ của A-di-đà.

Kinh này chỉ rõ quá trình phát sinh giáo pháp của Tịnh độ tông và thật ra đã được đức Phật lịch sử Thích-ca trình bày. Tương truyền rằng, hoàng hậu Vi-đề-hi, mẹ của vua A-xà-thế bị con mình bắt hạ ngục cùng với chồng là vua Tần-bà-sa-la (sa., pi. bimbiśāra). Bà nhất tâm cầu nguyện Phật và khi Phật hiện đến, bà xin tái sinh nơi một cõi yên lành hạnh phúc. Phật dùng thần lực cho bà thấy mọi thế giới tịnh độ, cuối cùng bà chọn cõi Cực Lạc của A-di-đà. Phật dạy cho bà phép thiền định để được tái sinh nơi cõi đó. Phép thiền định này gồm 16 phép quán tưởng, và tùy theo nghiệp lực của chúng sinh, các phép này có thể giúp tái sinh vào một trong chín cấp bậc của Tịnh độ.

Mười sáu phép quán tưởng đó là: quán mặt trời lặn; quán nước; quán đáy sông; quán cây cối; quán nước cam lộ; quán thế giới thực vật; quán nước và đáy nước; quán toà sen; quán ba bảo thân của ba vị thánh A-di-đà, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí Quán Thế; quán ba ứng thân của Phật A-di-đà; của Quán Thế Âm; của Đại Thế Chí; quán A-di-đà trong Tịnh độ; quán ba vị thánh trong Tịnh độ; quán cấp thượng căn trong Tịnh độ; quán cấp trung căn và hạ căn trong Tịnh độ. Các phép quán này

giúp hành giả có thể thấy được A-di-đà và hai vị Bồ Tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí ngay trong đời này và đó là dấu hiệu chắc chắn hành giả sẽ được tái sinh về Tịnh độ.

Lưu ý: Chúng ta thấy 16 phép quán tưởng ở trên rất lạ lùng, chưa hề biết đến trong Tam Tạng Pāli văn, kể cả những học phái thuộc Đại chúng bộ. Và cũng dễ dàng cho chúng ta thấy rằng, kinh A-di-đà và cảnh giới Cực Lạc được người đời sau dựng lên như thế nào!

21- Chư Đại Trưởng Lão Tăng Ni Lần Lướt Mất Bóng

Sau khi đã “cứu độ” thái hậu Videhi, đặt bà vào miền an ổn, đức Phật và đại chúng tỳ-khưu rời vườn xoài của Jīvaka, xuôi Bắc, ghé Trúc Lâm tịnh xá.

Đây là thời gian vào khoảng hạ bốn mươi hai của Thế Tôn. Lúc này, tại Veluvana chỉ còn có hai vị trưởng lão là tôn giả Bhaddiya và Anuruddha được xem như thường trú để hướng dẫn đồ chúng. Vài hôm sau thì từ các vùng ngoại ô, chư tỳ-khưu tăng ni tìm đến để đánh lễ và vấn an sức khỏe đức Phật. Nhìn nhóm hội chúng nào cũng thấy thành phần trung niên và thanh niên do một số cội đại thụ đã thay nhau bật rễ, lìa khỏi rừng tòng mà tịch tịnh Niết-bàn. Hơn mười hôm ở đây, có hai vị sa-môn tướng mạo uy nghiêm, xương kính, ấy là tôn giả Vappa và Assaji, do đã quá già lão, đã hơn trăm tuổi; họ chông chiếc gậy lê, bước đi đã run chân viêng thắm đức Đạo Sư.

Đức Phật đứng dậy, diu họ vào ngồi trên nệm cỏ rồi nói:

- Chắc hai vị lại muốn an nghỉ đây mà!

Ngài Vappa nói:

- Xin phép Thế Tôn! Đúng vậy! Cái thân tứ đại này nó đã hư mục, không còn dùng được nữa.

Ngài Assaji nói:

- Các hàng hậu học đã như từng, như bách cả rồi.

- Thôi thì hai vị cứ tùy nghi, tùy thời vậy!

Lát sau, đức Phật không đưa tiễn nhưng họ đã xá chào ngài rồi mất bóng. Họ đã sử dụng thần thông để lên Hymalaya trong chớp mắt. Ai cũng biết là tôn giả Koṇḍañña nhập diệt đã lâu, gần hồ Mandākinī trên Tuyết sơn, vậy thì trong nhóm năm vị hiền triết ở Isipatana, Vườn Nai thuở nọ chỉ còn có hai tôn giả Bhaddiya mà Mahānāma⁽¹⁾ thuộc vào hàng đại trưởng lão. Rồi họ cũng sắp từ giã bốn phận của mình.

Hôm kia, đức Phật lại lên đường, có chư tôn giả Mahā-Moggallāna, Ānanda, Upāli và chừng năm trăm vị tỳ-khưu tháp tùng.

Đức Thế Tôn bây giờ đã bảy mươi bảy tuổi, sang Xuân thì ngài đã bảy tám, do sức khỏe đã giảm sút nên đại chúng bộ hành rất chậm. Đến bờ nam sông Gaṅgā, đức Phật dừng chân tại Pāṭaligamma mấy hôm rồi mới vượt sông. Thế là hơn một tháng trường, đức Phật và hội chúng mới tới Vesālī, rừng Mahāvana.

Quang cảnh nơi đây cũng có khác xưa vì rừng cây dường như cao dày hơn, rậm rịt hơn. Cũng giống như Trúc Lâm tịnh xá, ở Mahāvana này, nói chung là Vesālī, các bậc lão trượng tăng ni lần hồi thưa bóng. Tre già thì măng mọc, nên nhìn đâu cũng thấy sinh lực trẻ trung cuộn cuộn trong những vóc dáng, những bước đi của hội chúng tăng ni.

Nghe tin đức Phật về, suốt cả bảy ngày, rừng Mahāvana như lễ hội. Hết vua chúa, tướng quân dòng dõi Licchavi đặt bát cúng dường, lại đến phiên các trưởng giả, các gia chủ. Đức Phật thường tịnh cốc, nghỉ ngơi, việc thuyết pháp cho đại chúng là bốn phận của tôn giả Upāli và Ānanda. Tôn giả Upāli hằng thuyết về luật cho đại chúng tỳ-khưu. Tôn giả Ānanda thì thuyết về kinh pháp cho chư tăng ni trẻ cùng hai hàng cư sĩ áo trắng. Riêng tôn giả Mahā-Moggallāna thì có việc của riêng mình nên

⁽¹⁾ *Bhaddiya trùng tên người trong nhóm 5 ông hoàng xuất gia; Mahānāma trùng tên với đức vua Sakyā.*

trong ba cõi sáu đường, khi cần thiết, có ai đó hữu duyên là ngài có mặt.

Tại hương phòng, đức Phật lại tiếp một vị già nua, gầy guộc, nước da sậm nâu phong trần, ấy là tôn giả Gayā-Kassapa, thờ thần lửa thuở trước tại Uruvelā. Sau khi vấn an sức khỏe Thế Tôn, vị đại trưởng lão này cũng xin được Niết-bàn, vì hai vị huynh đệ Uruvelā-Kassapa và Nadī-Kassapa của ngài nhập diệt cũng đã lâu.

Đức Phật nói:

- Ở Veluvana là hai vị lão tăng trưởng Vappa và Assaji. Ở Mahāvana này là ông, ai cũng muốn đi trước Như Lai, nhưng Như Lai cũng không còn bao lâu. Chúng ta sắp hết việc làm trên cuộc đời này rồi.

Khi tôn giả Gayā-Kassapa vừa khuất bóng thì tôn giả Ānanda bạch Phật là có chư vị trưởng lão ni Khemā, Uppalavannā, Dhammadinnā... cùng với chư tỷ-khưu-ni tìm đến. Thấy hội chúng khá đông, ngài tiếp họ giữa rừng cây.

Đức Phật nhìn chư vị lão ni, mỉm cười nói:

- Một vị thì đệ nhất trí tuệ, một vị thì đệ nhất thần thông, một vị thì đệ nhất thuyết pháp, không biết Như Lai còn có gì để giáo giới nữa đây?

Một vị nói:

- Mong đức Thế Tôn khăng kiện.

Một vị nói:

- Mong đức Thế Tôn vô bệnh vì hạnh phúc cho chư thiên và loài người.

Đức Phật trầm ngâm một lát:

- Từ khi trưởng lão ni Gotamī và hội chúng công nương Sakyā Niết-bàn, tại Vesālī này dường như cũng còn khá đông chư vị lão ni đó chứ?

Trưởng lão ni Khemā đáp:

- Bạch Thế Tôn! Riêng trưởng lão ni Yasodharā thường ẩn cư trên núi cao, trong động vắng, ít khi lui tới nơi này, nơi kia

nhưng chư vị Paṭācārā, bậc đệ nhất thông luật, Kisā-Gotamī, bậc đệ nhất mặc y thô thảo, Bhadda-Kuṇḍalakesā, bậc đệ nhất thắng trí nhảy bén thì ở loanh quanh tại các tiểu bang cộng hòa quanh đây mà thôi!

Trưởng lão ni Uppalavaṇṇā chợt nói:

- Lão ni Kisā-Gotamī đã Niết-bàn hôm qua rồi, bạch Thế Tôn!
- Đúng vậy! Đức Phật gặt đầu - Vị ấy, qua không gian, đã xin phép Như Lai rồi, cũng như trước đây, tỳ-khưu-ni Ambapālī vậy!

Dường như sau câu nói của đức Phật thì có tiếng gió lạ xạc xào giữa không gian, hay là những hơi thở nhẹ, sự tiếc thương mơ hồ của chư thiên, thọ thần quanh núi rừng Mahāvana vì càng lúc họ càng thấy thiếu vắng những bóng mát chở che, nương tựa?

Hôm kia, nhân một buổi chiều vắng lặng, có một vị lão ni rất già, dẫn theo chừng mười vị ni đã lớn tuổi đến hầu thăm đức Phật khi ngài đang ngồi trước hương phòng.

Sau khi đánh lễ, vị lão ni nở nụ cười như đoá tuyết sương rồi cất giọng dịu dàng:

- Trông Thế Tôn cũng còn vững chắc như đỉnh núi!
- Lão ni trông cũng rắn rỏi đâu có thua gì!
- Lão ni lại muốn Niết-bàn à?
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

Vị ấy là ai? Là ai mà đối thoại với đức Tôn Sư không sử dụng ngôn ngữ khách sáo thường phạm?

Mấy hôm trước, một vị lão ni đã chớm già trông mỏng manh như cành liễu nhưng thần sắc tinh anh, dáng dấp sang trọng, dung nghi cao quý như mệnh phụ với những bước chân vững chãi, thanh thoi đang từ từ theo con đường mòn ruột dê đi dần xuống núi... Đây là trưởng lão ni Yasodharā, năm ấy bà đã bảy mươi bảy tuổi⁽¹⁾.

Mấy năm nay, bà trú ngụ nơi một hang đá yên tĩnh, chỉ có trăng, sương mù, chim chóc, khỉ vượn là bạn. Thật là viên mãn

⁽¹⁾ Cũng có thể là 78 tuổi.

thanh tịnh, viên mãn độc cư và viên mãn niềm vui siêu thế. Trong không khí, trong cây rừng và cả trong từng tâm niệm, ý nghĩ đều thanh trong, vô nhiễm, không dính một hạt bụi phiền lao vi tế! Tuy nhiên, sáng nay, bà thấy rõ ngọn đèn sinh mệnh sắp cạn dầu, lụn bác. Giờ Niết-bàn đã đến rồi. “Thọ hành” đã báo động trong từng tế bào, trong từng vi thể tủy xương. Mặc dầu tử thần không dám ngông nghênh cầm lưỡi hái đến gõ cửa để dọa nạt, khủng bố ai, nhưng bà tự biết là bà sẽ ra đi và tự làm chủ hơi thở cuối cùng, thông tỏ sát-na tâm niệm cuối cùng. Và khi mà thần thức đã tìm chỗ “chẳng bị sanh, chẳng bị diệt” thì ma vương, cả năm loại ma vương kia chẳng thể làm gì được⁽¹⁾, chẳng lẫn ra manh mối của cây đèn tắt, ngọn lửa sẽ đi về đâu!?

Trưởng lão ni Yasodharā nở nụ cười tiêu sái, vô sự rồi tự nghĩ: “Ai rồi cũng vậy thôi. Ta ra đi rồi đức Đạo Sư cũng ra đi. Như Ni trưởng Gotamī đã ra đi hơn mười năm về trước. Giáo hội càng ngày càng trống không. Mang cái thân cát bụi phải trả về cho cát bụi. Ta phải đi xin phép đức Thế Tôn để cho cái thân này được vĩnh viễn yên nghỉ. Ta đã liễu tri trọn vẹn cái trò chơi ảo ảnh, ảo giác của các định luật hữu vi kia rồi. Và cả cái căn nhà bản ngã thường bày đặt nhiều lời, lảm chuyện này nữa!”

Thế rồi, tại Vesālī, sau khi từ giả đức Phật, từ giả tôn giả Moggallāna, tôn giả Ānanda, tôn giả Upālī, từ giả sảnh đường Năm Nóc Nhọn tại rừng Mahāvana, trưởng lão ni Yasodharā trở lại ni viện để an nghỉ Niết-bàn. Bà ta là vị trưởng lão ni thâm lặng, thành đạt trọn vẹn tuệ phân tích, vô ngại giải nhưng ít khi muốn giảng thuyết đó đây. Lại là một trong bốn vị có đại thần thông mà chẳng lúc nào hiển thần ra oai để giáo hóa đồ chúng⁽²⁾. Đúng là bà chỉ muốn là chiếc bóng như lời nguyện thưở xưa.

⁽¹⁾ Năm loại ma: Phiền não ma vương, pháp hành ma vương, ngũ uẩn ma vương, tử thần ma vương, chư thiên ma vương.

⁽²⁾ Theo chú giải bộ *Anguttara Nikāya* thì, trong thời Phật chỉ có 4 vị có đại thần thông (*Mahā Abhiñña*), đấy là hai vị đại đệ tử, tỳ-khưu vị tăng hữu *Bakkula* và đức *Bhadda Kaccānā* (tức *Yasodharā*).

Bà là người vợ hiền mẫu mực theo thể gian quy ước, nhưng lại được sinh ra trong giáo pháp bất tử...

Sau khi thánh ni Yasodharā xin phép Niết-bàn, chiếc bóng của bà đã mất hút; biết những việc cần làm ở đây đã xong, đức Phật và hội chúng lại lên đường. Cũng theo lộ trình hướng Bắc, đức Phật ghé Videha, Moriya, Mallā... và nơi nào cũng dừng nghỉ năm bảy hôm. Rồi Mallā, đức Phật lại lên Koliya, sau đó đi lần về Sakyā, ở tại thị trấn Medataḷumpa rồi ngài tuyên bố:

- Như Lai ở lại nơi phong cảnh xinh tươi này một thời gian. Nó có duyên sự. Các vị Moggallāna, Ānanda, Upāli hãy tùy nghi công việc của mình!

22- Đức Vua Pāsenadi Bị Trả Quả

Mặc dầu đã “sám hối”, mặc dầu cả đại gia đình người ta đã tha thứ nhưng tâm của đức vua Pāsenadi cũng không được yên ổn do tội ác mà ông đã làm. Giá như có mặt đức Phật ở Kỳ Viên? Giá như hoàng hậu Mallikā còn ở bên ông? Ôi! Dầu có bao nhiêu “giá như” ấy thì sự việc cũng đã rồi, những sát-na tâm bất thiện ấy đã chảy trong dòng nghiệp thì ăn năn, hối hận cũng không ích gì! Chỉ mang đến sầu muộn làm vẩn đục tâm thức mà thôi!

Mấy ngày hôm sau, cho các quan đi tra xét dòng họ bà con thân quyến của lão tướng quân Bandhula, biết vị nguyên soái này còn có một đứa cháu kêu ông ta bằng cậu đang làm quan ở một thị trấn cách kinh thành không bao xa, có tên là Dīgha-Kārāyaṇa. Tức tốc, đức vua cho gọi Dīgha-Kārāyaṇa đến rồi phong cho ông ta chức Đô thống đại nguyên soái nắm tất thủy binh quyền.

Được cất đặt vào vị trí quá cao, ngoài cả mong ước, ngoài mặt Dīgha-Kārāyaṇa vui mừng, lạy tạ đức vua nhưng trong lòng ông ta thì ngược lại. Từ khi cậu mình bị ám hạ một cách tàn độc, Dīgha-Kārāyaṇa vô cùng căm hận, ý nghĩ trả thù vua luôn

lớn vồn trong đầu óc của ông. Bây giờ có binh quyền trong tay, Dīgha-Kārāyaṇa nghĩ, là trước sau mình cũng có cơ hội để báo oán, rửa thù.

Hôm kia, đức vua Pāsenadi nghe tin đức Phật và hội chúng tỳ-khuru sau nhiều tháng hoành hóa ở Rājagaha, Vesālī... đã theo lộ trình thương mại ghé Koliya và bây giờ đang ngụ đậu ở vương quốc Sakyā, ông tự nghĩ: “Chuyện xảy ra ở đây, có lẽ đức Thế Tôn cũng đã biết rồi. Vả lại, tâm hồn ta bây giờ cũng đã yên lắng lại. Đây là lúc ta nên từ bỏ kinh thành một thời gian, xa rời cung đình, là nơi quá nhiều kỷ niệm với hoàng hậu, dẫn một đội quân lớn đi kinh lý nơi này nơi kia để lắng nghe dân tình cũng là phải lẽ vậy”.

Xong, đức vua cho gọi thái tử Viḍḍabha và tân đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa rồi ra lệnh:

- Ông Viḍḍabha hãy dẫn một đội quân cấm vệ, ông Dīgha-Kārāyaṇa hãy dẫn một đội quân hùng hậu đi sau hộ giá, sớm mai ta sẽ lên đường.

Thế rồi đức vua rời kinh thành đi thăm những thắng cảnh, khi đến vùng Naṅgaraka, thấy cảnh trí xinh đẹp lạ thường, đức vua cho dừng ngựa lại, cảm khái trong lòng: “Chà! Khung cảnh thanh bình, tĩnh lặng, thiên nhiên trong lành này đâu phải là nơi cho phàm phu thường ngoạn một cách vô ích và rỗng không! Đây phải là nơi thích hợp để học đạo, luận đạo hoặc để trầm tư, quán tưởng”.

Rồi chợt nhớ đến đức Đạo Sư, vua bèn quay lại hỏi thuộc hạ:

- Đức Thế Tôn sau bao tháng vân du phương xa, nghe đâu đã về đến Sakyā! Các người có ai biết, ngài hiện đang ngụ ở đâu không?

- Tâu đại vương! Nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa mau mắn đáp - Có một thị trấn tên là Medatalūpa, thuộc vương quốc Sakyā, ngài và hội chúng tỳ-khuru đang dừng chân ở đấy.

Khi biết chỉ còn cách ba do-tuần, đức vua ra lệnh đoàn quân đi tiếp. Đến Medatalūpa lúc mặt trời vừa gác núi, khói và

sương như những dải lụa vắt ngang những sườn cây xanh biếc. Đâu cũng thanh u và tịch lặng. Đến chỗ xe không còn đi được, đức vua rảo bộ, cho người hỏi thăm thì biết đức Phật và hội chúng đang ẩn cư trong những cốc lá trong rừng đại thụ, sát bên một con suối xanh trong.

Đề tỏ lòng tôn kính hết mực, đức vua cúi đê bào, mũ miện, hốt, ấn, kiếm, hia... giao tất cả chúng cho Dīgha-Kārāyaṇa rồi nói:

- Các người hãy đi ra ngoài bìa rừng! Ta cần yên tĩnh một mình để “đàm đạo” với đức Chánh Đẳng Giác!

Bằng đôi bàn chân trần, đức vua Pāsenadi đến nơi, đức Phật mở cửa đón tiếp. Ông quỳ sụp xuống, rất mực tôn kính, cúi đầu ôm đôi chân bụi của đức Đạo Sư, rờ rẫm và xoa xoa vào cổ chân, gót chân ngài rồi thốt lên:

- Bạch Thế Tôn! Đệ tử là Pāsenadi, nước Kosala! Đệ tử là Pāsenadi, nước Kosala! Đệ tử là Pāsenadi, nước Kosala!

Đức Phật khởi từ bi tâm, nắm tay đức vua dẫn đến một tấm nệm cỏ, mời ông ngồi ở đấy rồi nói:

- Không biết vì duyên sự gì, nguyên do gì mà đáng chí tôn của Kosala lại hạ mình tội nhục và biểu lộ sự quý kính tội nhục đối với Như Lai như vậy?

Thế rồi, đức vua oai hùng bắt đầu tâm sự. Ông chỉ nói một mình, còn đức Phật chỉ lắng nghe. Ông tán thán ca tụng đức Phật và hội chúng của ngài bằng nhiều đoản ngôn, ví dụ khác nhau...

Thời gian trôi qua, đức vua kết luận:

- Thế Tôn thuộc dòng sát-đế-ly, đệ tử cũng thuộc dòng sát-đế-ly. Thế Tôn là người nước Kosala, đệ tử cũng thuộc người nước Kosala. Thế Tôn được tám mươi tuổi⁽¹⁾, đệ tử cũng được

⁽¹⁾ Đây là theo kinh Dhammacetiya - Trung bộ. Nhưng theo tôi, thời điểm này, với số tuổi tám mươi e không đúng. Vì rằng, sau đó, đức vua bị chiếm quyền rồi mất ngoài cổng thành kinh đô Rājagaha. Quan nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa tôn Vidūdabha lên làm vua. Sau khi làm vua Kosala, Vidūdabha ba lần dẫn binh muốn tiêu diệt dòng Sakyā nhưng đều bị đức Phật ngăn cản. Cho đến lần thứ tư, đức Phật mới để tự nhiên cho nhân quả

tám mươi tuổi. Cho dù Thế Tôn và đệ tử có ba điểm giống nhau như vậy, nhưng Thế Tôn lại là bậc Chánh Đẳng Giác, còn đệ tử chỉ là một con người phàm còn rất nhiều lầm lỗi, còn rất nhiều bụi cát trong mắt nên đệ tử sẵn sàng hạ mình tột bậc và biểu lộ sự quý kính tột bậc đối với Thế Tôn. Nay đệ tử phải đi, đệ tử có nhiều công việc, có nhiều bổn phận phải làm!

Đưa đôi mắt bi mẫn nhìn đức vua, đức Phật nói:

- Đại vương hãy làm những gì mà đại vương nghĩ là hợp thời.

Rồi vua Pāsenadi nước Kosala từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Đạo Sư, thân phía hữu hướng về ngài rồi ra đi.

Nhìn vị cao sang vương giả đầu trần, chân đất, đến một thị trấn xa xôi, tâm sự một hồi, sau đó nhẹ nhàng từ giả, không hề thỉnh cầu điều gì cho riêng mình cả, đức Phật do biết rất nhiều việc nên ngài nghĩ thầm: “Cái tâm rất tốt của vị đại vương này sẽ gánh đỡ một phần nghiệp ác sát hại đã gieo!”

Hai vị tôn giả Mahā-Moggallāna và Upālī ở bên cạnh, do có nhiều thắng trí nên họ cũng có đồng một ý nghĩ như đức Thế Tôn. Chuyện xảy ra sẽ phải xảy ra...

Khi đức vua Pāsenadi vừa khuất vào bên trong, quan tân đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa nhìn vào đế bào, mũ miện, hốt, hia... cùng ấn kiếm quốc bảo để quyền trên tay mình, ông chột động tâm: “Đây quả là trời, đất, thánh, thần muốn bàn giao đế quyền lại cho ta đây? Hay là do uy linh hiển hách của hương hồn bá phụ Bandhula xui khiến mà nên? Ta đâu cần phải âm mưu chiếm đoạt? Cờ đến tay là ta phát thôi!” Niềm vui vừa thoáng qua, một ý nghĩ khác lại nảy sanh: “Không được! Không

làm việc. Diệt xong dòng Sakyā, trên đường dẫn quân về, Vidūḍabha, chủ tướng, binh lính bị dòng nước lũ cuốn chết. Thời gian trải qua những biến cố này, tôi thiếu cũng trải qua hơn một năm đến một năm rưỡi. Còn nữa, còn thời gian hai vị thượng thủ giáo hội Niết-bàn, thời gian diễn tiến cả bộ kinh Đại bát Niết-bàn nữa... Do vậy, theo người biên soạn, số tuổi lúc này của đức Phật và đức vua Kosala chỉ mới 77, 78 - chừng hạ thứ 42 - 43 là hợp lý hơn chăng?

được! Dầu sao, nếu ta làm vua thì danh bất chánh, ngôn bất thuận, ta gặp phải cả một thế lực hoàng gia chống đối. Ta đang thân đơn, thế cô. Phải nên khôn ngoan, sáng suốt hơn một tí mới được! Hãy để cho thằng ranh con Viḍḍabha làm vua và ta sẽ nắm toàn bộ binh quyền, binh lực, ta sẽ sai khiến tên này như một con rối!”

Nói là làm, đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa cho thỉnh mời Viḍḍabha ra xa ngoài rừng cây, trao toàn bộ ấn kiếm để quyền cho thái tử, rồi đột ngột, ông quỳ xuống, hô lớn:

- Đại vương vạn tuế! Đại vương vạn vạn tuế...

Thế là quân lính hộ giá tháp tùng đành phải hô theo!

Đối với Viḍḍabha lại bất ngờ hơn nữa, tự dừng lại được đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa tấn phong làm vua, ngoài cả mơ ước, ông ta cũng chẳng cần khách sáo đưa đẩy làm gì nữa.

Lễ đăng quang vương vị được thực hiện ngay tại chỗ, chỉ đơn giản là bá cáo trời đất cùng với lời nguyện mang đến vinh quang, giàu mạnh và hùng cường cho đất nước Kosala!

Chỉ để lại hai con ngựa già yếu và một thị nữ trung niên cho đức vua Pāsenadi, tân vương Viḍḍabha và đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa dẫn toàn bộ quân lính tùy tùng tức tốc trở lại kinh đô Sāvatti. Họ bàn với nhau là sẽ tổ chức một lễ đăng quang cho hoành tráng, phải mời tất cả vị vua chư hầu, bố cáo cho tất cả thiên hạ cùng được biết. Trong thâm tâm, đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa nghĩ rằng: “Phải làm vậy để trả thù, nhưng dầu sao, đây là cuộc trả thù không đổ máu! Ta đã trả được mối đại thù rồi!”

Trong lúc đó, khi đức vua Pāsenadi bước ra rừng thì xung quanh đều quanh vắng, chỉ còn một thị nữ và hai con ngựa.

Không hỏi lý do, đức vua cũng đã biết chuyện gì xảy ra, ông cất giọng trầm tĩnh:

- Là việc làm của ai?

- Đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa, tâu đại vương!

- Rồi sau đó?

- Ông ta trao ấn kiểm cho thái tử Viḍḍabha rồi tôn phong lên ngôi vương ngay tại chỗ!

Ngẫm nghĩ một lát, đức vua suy nghĩ: “Dīgha-Kārāyaṇa trả mối đại thù đây mà! Bây giờ ta không còn gì nữa cả. Chỉ có cách duy nhất là đến Rājagaha, mượn quân binh của Ajātasattu, về Savatthi để lấy lại quốc độ mà thôi!”

Thế rồi, họ lên đường, không hành lý, không lương thực, không cả nước uống. Từ thị trấn Medatalumpa của vương quốc Sakyā, đức vua cho ngựa đến Koliya, sang Malla, qua lãnh thổ các nước liên bang cộng hòa Videha, Moriya... rồi xuống Vesālī, vượt sông Gaṅgā... Là một đấng quân vương uy danh hiển hách, thọ hưởng ngũ dục tối thượng, thế mà trong thoáng chốc trở thành kẻ lữ hành mình trần thân trụi, ngủ đường, ngủ rừng, không màn che trên đầu, không một tấm lót dưới thân. May nhờ người thị nữ có chút tư trang nên cô đã bán dần để mua thức ăn trên dặm đường thiên lý. Đức vua bây giờ đã bảy mươi bảy tuổi, thân thể suy kiệt già lão, đã mòn khô sinh lực, không chịu đựng được nắng mưa, sương gió nên khi đến cổng thành ngoài kinh thành Rājagaha, người ông lên cơn sốt, chột nóng như lò lửa, chột lạnh như giá băng. Nhìn dãy tường đá cao, dày, kiên cố bao quanh triền núi, ông thở dài:

- Ta sức cùng lực kiệt rồi!

Người thị nữ trấn an:

- Còn có thị nữ đây, tâu đại vương!

Nói thế xong, cô xuống ngựa, dẫn ngựa của mình cùng ngựa của đức vua từng bước một tiến vào cổng thành trong. Nhưng đến đây trời đã quá khuya, nhìn các vọng gác, đuốc thì sáng nhưng không thấy quân canh, cửa thành đóng chặt, ông biết, giờ này là “nội bất xuất, ngoại bất nhập”.

Đêm ấy, đức vua và thị nữ nằm nghỉ tạm trên nền đất của một lưu xá dành cho khách bộ hành, đợi sáng ngày vào cung. Nhưng mặt trời lên đã lâu, thấy vua không động tịnh, rồi chỗ nằm đến xem thì hóa ra ông đã qua đời! Nghĩ đến thân thể của một đấng

quân vương, chúa thiên hạ, oai trù thiên hạ, mà bỗng chốc, lại nằm chết trên nền đất bụi, cô quạnh, lạnh lùng - cô thị nữ khóc thương, vật vã, đấm ngực, vò đầu, than trời, trách đất... rất là thê lương.

Một vài người đi ngang nghe thấy, rồi thị vệ trên cổng thành biết được cái chết thê thảm của đức vua Pāsenadi, không mấy chốc đến tai đức vua Ajātasattu.

Tức tốc cùng một vài thị vệ lên ngựa đến nơi, thấy thảm trạng của người quá cố, đức vua Ajātasattu chạy tới, ôm cái xác lạnh mà khóc ròng. Chưa nói đến sự liên hệ bên mẹ, chưa nói đến sự liên hệ bên vợ mà thái độ đối xử đại lượng trong lần đức vua thất trận, khiến ông vô cùng quý kính, thương cảm và nuối tiếc.

Về triều, đức vua Ajātasattu cho tổ chức đại tang trọng thể như là “đại tang của một quốc vương”, rồi mới hỏi cận kề người thị nữ chuyện xảy ra tại thị trấn Medatalūpa. Cô ta kể lại mọi chi tiết. Biết được thủ phạm chính là đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa và kẻ tòng phạm vui mừng nhận án kiếm, mặc nhiên chiếm đế vị là thái tử Viḍḍabha - đức vua họp triều thần, tuyên bố cử đại hùng binh trừng phạt kẻ phản nghịch!

Nghĩ đến ân đức của đức vua Kosala đối với Māgadha trong lần bại trận năm trước, các quan đại thần ai ai cũng bưng bưng tức giận, đồng ý cử binh với khí thế như trời nghiêng, đất sập để hỏi tội kẻ đã gây ra cái chết bi thương...

Trong đám đại thần có một người im lặng, thần sắc an bình như mặt nước, không bị xao động bởi cái lao xao ở xung quanh, đây là thần y Jīvaka. Cũng như mọi lần, đức vua trông thấy, bèn hỏi:

- Này Jīvaka! Ý kiến ông thế nào, hãy cho ta biết!
- Thần “không có ý kiến”, tâu đại vương!
- Vậy thái độ, hành động? Ta nên có thái độ, hành động ra sao?
- Thần cũng “không có thái độ, hành động” mà chỉ “thấy sự việc như thật”. Còn thái độ, hành động là ở nơi đại vương, tùy thuộc nơi đại vương.

Biết vị thần y này tâm bình, hạnh trực, thấy biết giáo pháp rất sâu xa nên đức vua Ajātasattu thở một vài hơi thở cho khí huyết an bình rồi ôn tồn cất tiếng hỏi:

- Cái “thấy sự việc như thực” ấy là như thế nào, này Jīvaka?

Mấy câu đối thoại “lạ lùng” của hai vị lôi cuốn mọi người lắng nghe, không gian triều đường đột ngột rất yên lặng.

- Cái sự thật thứ nhất, tâu đại vương! Là sự thật về nhân, về quả. Nếu đức vua Kosala không giết oan đại nguyên soái Bandhula cùng ba mươi hai viên tướng con cháu của ông ta thì sẽ không xảy ra cái quả báo oán thù hôm nay!

Đức vua chau mày, nhưng lại gật đầu:

- Đúng vậy! Đó là một sự thực.

- Cái sự thật thứ hai, tâu đại vương! Là sự thật về can qua, về chém giết... chắc hẳn sẽ có hằng trăm, hằng ngàn kẻ vô tội phải bị đầu rơi, máu chảy, đứt lìa mạng sống. Rồi gia đình, rồi cha mẹ, rồi vợ, rồi con những người bị chết trận ấy sẽ ra sao? Tất thảy những giọt nước mắt đau thương ấy có thể đổ đầy một lu nước, hai lu nước, một hồ nước, tâu đại vương!

Đức vua thở dài:

- Cái đau thương và nước mắt ấy cũng là sự thực liên hệ.

Giọng Jīvaka vẫn đều đều:

- Cái sự thật thứ ba, tâu đại vương! Là sự thật cạn kiệt các kho lẫm lương thực, thực phẩm của vương triều. Tuy nhiên, vẫn phải nuôi binh, vẫn phải mua lại thóc lúa của dân, rồi thuế má các loại lại lên cao để bù vào ngân sách thiếu hụt, rồi dân lại thêm một lần nghèo đói, rồi đại vương lại phải thao thức, trăn trở kẻ sách làm sao cho dân được ăn no, mặc ấm, tâu đại vương!

- Phải! Phải! Không sai được!

- Cái sự thực thứ tư, tâu đại vương! Là sự thực, dấu xuất thân mẹ là nô lệ, nhưng Vidūdabha là cháu ngoại của đức vua Mahānāma, cùng dòng dõi Sakyā với đức Thế Tôn! Cái sự thực thứ năm, tâu đại vương! Là đại vương quyết định sự việc bởi cảm tính sân nộ nhất thời chứ không phải là bởi tâm bình, khí

hòa! Bậc trí với tâm bình, khí hòa sẽ có chiến lược, kế sách dài lâu: Ấy là đem lại an bình, thịnh vượng không chỉ cho một nước, mà cả cho châu Diêm-phù-đề như chư Chuyển Luân Thánh Vương xưa thường thực hiện...

Đến ngang đây, đức vua chột xua xua tay:

- Thôi, ông đừng nói nữa! Chỉ một sự thực trong năm sự thực mà ông vừa nêu, ta đã biết là ta phải làm gì rồi.

Jīvaka hoan hỷ nói:

- Vì đại vương là bậc trí! Cảm ơn đại vương!

Đức vua Ajātasattu sắc mặt đã khoan hòa:

- Chỉ có hiểu biết và trái tim từ ái, cảm thông mới hóa giải được oán thù! Này Jīvaka! Thay vì cử quân chinh phạt, nay ta cử một phái đoàn sứ giả sang Kosala với lễ phẩm chúc mừng tân vương, bang giao hòa hiếu giữa hai quốc độ, ông thấy có được không? Đây có phải là “sự thực” tốt đẹp chẳng?

Cả triều phòng vang rền như sấm dậy:

- Đây là sự thực tuyệt vời!

- Tuyệt vời! Đại đại tuyệt vời!

- Minh quân vạn tuế! Minh quân vạn vạn tuế!

Riêng đức vua Ajātasattu thì thì thầm trong lòng: “Đệ tử tri ân đức Thế Tôn đã ban cho sự sáng suốt qua vị thần y cư sĩ thầm lặng, minh triết này!”

Riêng thần y thì suy nghĩ: “Ta an tâm rồi. Thứ nhất là y đã biết nghe lời phải. Thứ hai là y đã cải hối từng thiện thật sự rồi. Việc hộ trì Tam Bảo trong mai hậu, xem ra y sẽ biết noi gương tiên đế đây!”

23- Âm Ỉ Ngọn Lửa Thù

Đặng quang tức vị chưa được bao lâu, vua Viḍḍabha, con bà Vāsabhakkhattiyā chột nghĩ đến mối hận xưa nên khí huyết như sôi trào trong huyết quản. Ông ức hận dòng tộc Sakyā đã khinh khi, sỉ nhục mình hồi còn nhỏ.

Thuở ấy, lúc bảy tám tuổi, nô đùa vui chơi với lũ trẻ hoàng gia trong nội cung, có lần Viḍḍabha trông thấy đứa nào cũng có những đồ chơi xinh xắn như con voi đi, con ngựa nhảy, con vượn quay, con rối múa... Khi Viḍḍabha hỏi những thứ đó ở đâu vậy thì chúng trả lời, là ông ngoại cho, bà ngoại cho...

Về đến nội cung, Viḍḍabha buồn bã chẳng thiết ăn uống. Thương con, bà Vāsabhakkhattiyā vặn hỏi lý do mới biết là vì không có quà như chúng bạn.

Nó hỏi:

- Mẹ! Ông ngoại, bà ngoại của con ở đâu?
- Ông ngoại của con là vua nước Sakyā, dòng dõi Sakyā kinh thành Kapilavatthu đó con!
- Hãy cho con đi thăm ông vua ngoại nghe mẹ!
- Xa lắm con à! Con đi không nổi đâu!

Dẫu Viḍḍabha năn nỉ thế nào, bà cũng không thể cho trẻ đi được. Dẫu là công chúa, hơn ai hết, bà biết thân phận có dòng máu nô lệ của mình. Bà nghĩ: “Nếu Viḍḍabha sang bên đó, một sơ suất nhỏ, những viên tùy tướng đi theo mà biết rõ gốc gác nô lệ ấy thì nguy hại như thế nào! Dòng dõi Sakyā vốn kiêu ngạo với tập cấp sát-đế-ly cao sang, nên thuở xưa, họ cũng đã chẳng từng khinh miệt mẹ ta đó sao! Họ không coi ta ra gì thì con ta họ cũng chỉ xem như là miếng giẻ chùi chân! Bao nhiêu năm ta giấu biệt tung tích gốc gác, mà cha ta, đức vua Mahānāma cũng vậy. Đại vương Kosala mà biết chuyện ấy thì ông sẽ phần nộ lỗi đình, giáng đại họa cho Kapilavatthu không sai!”

Tuy nhiên, thấy con khóc ngày, khóc đêm, đòi hoài, đòi hủy, chẳng biết sao hơn, bà Vāsabhakkhattiyā biên một lá thư mật, cho vị quan thân tín, cấp tốc phi mã mang sang trình lên đức vua Mahānāma, với nội dung: “Thưa phụ hoàng! Con vẫn khỏe, an bình và vô sự. Chúc cha mẹ sống lâu muôn tuổi. Bé Viḍḍabha cứ đòi thăm quê ngoại, ngăn cản mãi không được. Mong phụ hoàng quan tâm thu xếp yên ổn việc này. Bé Viḍḍabha hoặc tùy tướng theo hầu mà biết gốc gác của con và mẹ con - thì đại

họa cho cả đất nước Sakyā. Lạy cha mẹ trăm lạy với nước mắt tuôn rơi”.

Đọc thư xong, đức vua Mahānāma rung lệ, ông thương con, thương cả thân phận nô lệ của con. “Ôi! Nó rất thâm lặng, và nó rất hiền thực. Đức Thế Tôn từng dạy rằng, người tốt, kẻ xấu là do hành nghiệp của họ, không liên hệ gì đến dòng máu và giai cấp”. Ông thở dài, lắc đầu ngao ngán cho cái cổ lệ truyền thống cay nghiệt. Và bây giờ, ông chờ đợi chuyện gì sẽ xảy ra. Cái gốc của vấn đề là sự cao ngạo quá đáng của dòng dõi hoàng gia Sakyā này, nhưng ông là kẻ gánh chịu.

Sự việc nó nhỏ mà không phải nhỏ nên ông phải họp kín với một số vị trưởng lão trong thân tộc, xin mọi người phải giấu kín chuyện xưa, chuyện đã rồi! Họ hiểu. Tuy nhiên, “chuyện kín” kia cả hoàng tộc đều biết, và họ đã âm thầm cho tất cả những người có vai vế nhỏ hơn đều vắng mặt trong ngày đón tiếp trẻ Viḍḍabha cùng tùy tướng và thuộc hạ theo hầu.

Tiểu hoàng tử Viḍḍabha được ông bà ngoại đón tiếp rất nồng ấm, sự thương yêu và trìu mến ấy làm ấm áp trái tim của trẻ không biết bao nhiêu. Khi tiểu hoàng tử được người dẫn đi thăm chư vị trưởng thượng và bà con thân quyến trong hoàng tộc thì mọi người ai cũng rất trân trọng, niềm nở; ở đâu cũng được đãi đằng trân tu, mỹ vị và rất nhiều quà tặng. Tuy nhiên, bên ngoài thì vui mà trong lòng trẻ rất hậm hực. Vì gặp ai, già cả, trung niên, thanh niên, thiếu niên, thậm chí dù bé lên ba, lên bốn - “vai vế” họ cũng đều lớn hơn tiểu hoàng tử cả, nên Viḍḍabha phải cúi đầu thưa chào, mỗì cả miệng, mỗì cả tay, mỗì cả cổ!

Chuyện ấy, tiểu hoàng tử giấu kín trong lòng, về trở lại cố cung, Viḍḍabha mới thắc mắc hỏi mẹ. Bà Vāsabhakkhattiyā hiểu cái gì xảy ra, hiểu cái cao ngạo, trịch thượng đã thâm căn cố đế trong dòng máu của họ nhưng chỉ cười xòa và đáp cho qua chuyện: “Vì con còn nhỏ thật mà!”

Nhỏ vốn chóng quên nên cũng yên.

Khi hoàng tử Viḍḍabha được mười sáu tuổi, do trẻ thông

minh, trí tài, và cũng do sự đòi hỏi của tập tục vương triều, nên Viḍḍabha đã được vua cha tấn phong làm thái tử. Và bà Vāsabhakkhattiyā nghiễm nhiên được lên ngôi hoàng hậu.

Một năm sau, thái tử lại xin phép về thăm quê ngoại. Lần này, do vai vế là một thái tử của một đại cường nên vua chư hầu phải cung đón trọng thị hơn. Cả triều đình Sakyā nghinh rước với nghi vệ rất phải phép. Nhưng khi về cung với ông bà ngoại, thái tử mới thật sự thấy được sự thân thuộc và yên bình. Hôm sau, khi ghé thăm quyến thuộc hoàng gia, thái tử lại phải thừa chào tất cả mọi người y như hồi còn trẻ.

Lần này, do đã hiểu biết, có nhận thức nên thái tử đọc được trong tiếng cười của họ, ánh mắt của họ, thái độ của họ có cái gì đó gượng gạo không thật. Thái tử biết nhưng chỉ để bụng mà thôi, tạo sự bất hòa trong lúc này không tốt.

Buổi tiệc tiễn đưa rất trọng hậu, không có gì đáng phàn nàn, chê trách, thái tử chào mọi người từ biệt. Xe ngựa đi một đôi đường, có viên tùy tướng quên thanh kiếm báu, trở lại phòng khánh tiết. Các thị nữ của hoàng gia đang quét dọn đó đây. Vừa đứng nơi ngưỡng cửa, viên tùy tướng thấy một thị nữ đang lấy sữa tươi để rửa cằm đôn, chỗ thái tử Viḍḍabha ngồi; cô ta vừa rửa vừa mắng to lên rằng: “Đây là chỗ ngồi của con trai bà nô lệ đây! Quả thật là gớm ghiếc!” Viên tùy tướng bình tĩnh, bước vào lấy thanh kiếm của mình xong, ôn tồn cất tiếng hỏi: “Cô nương làm chẳng? Đây là chỗ ngồi của thái tử Viḍḍabha cao quý của chúng tôi mà!” Cô thị nữ tên là Kapilā - bèn nhỏ giọng, nói như thăm thì: “Tướng quân không biết cũng phải, bà Vāsabhakkhattiyā quả thật là công chúa ở đây, được hầu khăn áo cho đại vương Kosala, nhưng bà ta vốn là con một nữ nô lệ, vợ lẽ của đức vua Mahānāma của chúng tôi đấy!” Viên tùy tướng nghe chuyện động trời, y lại không kín miệng, nên câu chuyện sau đó lan tràn, sinh ra bàn tán xầm xì trong giới cấp tướng sĩ cũng như binh lính. Thái tử nghe được, máu sôi trào trong cổ họng, đôi mắt long lên như lửa cháy, ông nghiến răng ken két:

“Được rồi! Được rồi! Chúng nó dám lấy sữa tươi để rửa chỗ ngồi của ta - thì sau này, ta sẽ lấy máu của chúng để rửa chân vậy!”

Trong lúc ấy, đức vua Pāsenadi nghe được cũng nổi trận lôi đình, quát lớn: “Giỏi thay cái dòng Sakyā ngạo mạn, dám đánh tráo con một nữ nô lệ làm công chúa để bán gả cho ta. Vậy chúng có coi ta ra cái thứ gì đâu!”

Hôm sau, việc đầu tiên, đức vua xuống chiếu phế truất ngôi vị hoàng hậu của bà Vāsabhakkhattiyā và phế truất luôn ngôi vị thái tử của Viḍūḍabha. Việc thứ hai, là do không dẫn được khí tức của mình, ông ra lệnh chuẩn bị binh mã để hỏi tội đức vua Mahānāma và triều đình Sakyā. Tuy nhiên, khi vừa ngồi lên con vương tượng, chợt dừng, đức vua nghĩ đến đức Phật. Rồi sau một hồi đắn đo, thay vì xuất quân, đức vua lại ghé Kỳ Viên tịnh xá.

Đức Phật đã biết chuyện gì, ngài tiếp đức vua một cách thân tình tại hương phòng. Đức vua Pāsenadi bình tĩnh kể lại mọi chuyện cho đức Phật nghe rồi xin ngài một lời khuyên!

Đức Phật nhập đề:

- Khá khen cho đại vương đã rất trầm tĩnh khi ghé thăm Như Lai. Sự sáng suốt của một bậc minh quân rất cần thiết trước bất kỳ một tình huống khó xử nào, trước bất kỳ một quyết định trọng đại nào - vì nó liên hệ đến mạng sống con người!

- Tri ân Thế Tôn!

Rồi đức Phật ôn tồn nói:

- Việc này rất oan uổng cho họ, tâu đại vương! Trước khi bán gả cho đại vương cô gái Vāsabhakkhattiyā đã được triều đình Sakyā chuẩn phong là công chúa, chứ không phải mạo danh công chúa đâu. Như Lai xác nhận sự thực này!

Đức vua nhè nhẹ gật đầu:

- Thế Tôn đã xác nhận sự thực thì việc kia đúng là sự thực rồi. Nhưng còn việc khác, việc thứ hai, Vāsabhakkhattiyā vẫn là con gái của Mahānāma với nữ nô lệ Nāgamuṇḍā, giai cấp hạ tiện - thì sao, thưa Thế Tôn! Họ đã coi thường trăm một cách

quá đáng!

Đức Phật không trả lời câu hỏi, mà lại đặt câu hỏi:

- Một nữ nô lệ lấy một nam sát-đế-ly, sau đó, con trai, con gái được sinh ra, theo pháp luật của đại vương thì chúng là sát-đế-ly hay là nô lệ, tâu đại vương?

- Là sát-đế-ly, vì bao giờ cũng lấy họ trai!

- Vậy là đại vương đã tự trả lời. Đã tự trả lời rằng, công chúa Vāsabhakkhattiyā trước khi về hầu đại vương thì cô ta đã là một nữ sát-đế-ly rồi, do từ dòng máu sát-đế-ly của đức vua Mahānāma, dù bà mẹ Nāgamuṇḍā là nữ nô lệ.

Đức vua Pāsenadi nín họng, không mở miệng được trước lý luận chặt chẽ của đức Phật.

Ngài còn nói tiếp:

- Nếu Vāsabhakkhattiyā là một nữ sát-đế-ly, đại vương là chúa của sát-đế-ly, một hoàng nam được sanh ra thì rõ ràng Viḍḍabha là một sát-đế-ly chính thống rồi!

Đức vua lại phải nín lặng nữa.

Đức Phật mỉm cười:

- Còn nữa, tâu đại vương! Người đại vương thương yêu nhất, nể trọng nhất hiện nay, thuộc giai cấp thủ-đà-la; vậy nếu một tiểu hoàng tử, một tiểu công chúa được sinh ra, chẳng lẽ lại không mang dòng máu của đại vương? Đại vương giả vờ quên hay sao đó chứ?

Thật không còn lời nào để nói nữa, đức vua nghĩ: “Ồ, hậu của ta, Mallikā, con của người làm trang hoa, là giai cấp thủ-đà-la mà! Tại sao ta lại tối tăm đến vậy!”

Lạy tạ đức Phật với cái tâm vô cùng tôn kính, đức vua Pāsenadi về triều, xóa bỏ lệnh phế truất, phục lại ngôi vị cho hoàng hậu Vāsabhakkhattiyā và thái tử Viḍḍabha.

Ôi! Quả thật là lời của bậc đại trí tuệ có thể giải tan được cả một trận binh đao máu lửa hung tàn!

24- Quả Báo Của Devadatta

Bao tháng bao ngày sống trong cô độc, cô quạnh⁽¹⁾, nhất là bị sự ruồng bỏ, sỉ nhục âm thầm của nhiều người, Devadatta cảm nhận thâm thía ác báo như lò lửa đang âm ỉ đốt cháy thân thể và tâm trí mình. Quả thật, Devadatta đang hối hận, ăn năn, ray rứt không yên.

Tu viện tại sườn núi Gayāsīsa một thời huy hoàng, thanh mật, với sự cúng dường hào sảng hàng ngàn xe lương thực, thực phẩm của đức vua Ajātasattu như là giấc mộng đêm qua! Những vị tỳ-khuru có trí tài như Kokalikā, Kaṭamoraka-tissa, Khaṇḍade-viyāputta, Samuddadatta... từ thuở chung tay thành lập giáo hội mới đều đã lần lượt bỏ ông mà đi! Chuyện nghe mà Devadatta cảm động nhất là giờ phút cuối cùng của Kokalikā, lúc bệnh hoạn ghê lở, người bên cạnh giúp đỡ tận tình, lau rửa mình mẩy hôi hám của ông ta lúc lâm tử, lại là hai vị đại đệ tử của đức Tôn Sư!

Giờ đây, tại tu viện hoành tráng, mệnh mông, đầy đủ tiện nghi này chỉ còn sót lại năm bảy ông tỳ-khuru thiếu trí, thiếu tài, thiếu hạnh là còn nương tựa ông, như muốn bòn rút chút mật nhụy cuối cùng của đóa hoa đang rữa tàn phước báu, bởi ông, nhờ ông mà có!

Ngày nào cũng vậy, trên giường bệnh, câu đầu tiên Devadatta cất tiếng hỏi các vị tỳ-khuru còn sót lại quanh ông:

- Đức Thế Tôn giờ ở đâu, ta muốn đến ôm bàn chân bụi của ngài mà sám hối, các người hãy giúp ta!

Thế rồi, câu trả lời thường là:

- Ô, thưa tôn giả! Đức Phật đang ở xa lắm! Chúng ta không thể đến đó được khi ngài nằm trên cái cang, cái vồng như thế này!

Lần khác, thì Devadatta, nghe được:

⁽¹⁾ *Dictionary of pāli proper names* - nói là chín tháng sau khi hai vị đại đệ tử của Phật đến tu viện Gayāsīsa thuyết pháp thức tỉnh 500 vị tỳ-khuru trở về với Phật, Devadatta tức uất đến thổ huyết.

- Tôn giả còn mơ ngủ ư? Tôn giả đã mưu sâu, kế độc hãm hại đức Thế Tôn, mà bây giờ còn mong đức Thế Tôn xá tội cho, có hão huyền không chứ?

Devadatta đáp:

- Các ông mà biết gì! Thế Tôn không phải là con người nhỏ mọn như vậy! Tâm của một bậc Chánh Đẳng Giác, các ông làm sao có thể lấy hạt bụi mà so sánh với ngọn núi Sineru?

Khi được bọn họ hỏi: Cái tâm ư? Cái tâm ấy như thế nào? Thì Devadatta đáp: Cái tâm ấy là mệnh mông, là vô lượng, các ông với trí óc hạt cải, không hiểu nổi hư không và biển cả là gì đâu! Có thể ví dụ cụ thể được chứ? Ừ! Thế Tôn với tâm đại bi vô lượng. Các người chắc đã biết rồi! Và ta cũng biết rằng: Với ta là tên xấu ác, âm mưu sát hại Phật, với tên cướp sát nhân Aṅgulimālā cầm đao rượt Phật, với con voi dữ Dhānapāla⁽¹⁾, với con trai của mình là Rāhula, tâm đại bi của đức Thế Tôn đều bình đẳng ngang nhau, đều tìm cách giúp họ đến nơi an vui hoặc giải thoát khổ đau cả thảy!

Nói thế xong, Devadatta tóm tắt câu nói trên bằng bài kệ:

“- Vadhake devadattamhi

Core aṅgulimālake

Dhānapāle rahule ca

Sabbattha samamānato”.

Năm ni cả hằng chục lần đi đến gặp đức Phật để sám hối đều bị họ từ chối, nhưng đến khi Devadatta đọc xong câu kệ thì họ liền động tâm, đặt ông ta lên chiếc giường tre rồi khiêng ông lên đường.

Nghe đức Phật đang ở Đông Phương lộ mẫu hoặc Kỳ Viên tịnh xá gì đó, thế là họ nhắm hướng Tây Bắc, nước Kosala, kinh thành Sāvatthi ngày đêm đội nắng dầm sương, làm lủi như những bóng ma giữa nghĩa địa.

⁽¹⁾ Tên khác của voi - Dhānapālaka “voi giữ gìn của cải” trong câu chuyện đức Phật cầm thăng voi Nālagiri.

Cuối cùng, trải qua bao núi bao sông, họ cũng gần đến nơi. Devadatta chưa đến mà chư tỷ-khưu bộ hành đây đó đã biết, họ bạch Phật trình tạt sự.

Yên lặng một lát, đức Thế Tôn nói:

- Các ông biết không? Kiếp này, trong đời sống hiện tại này, Devadatta không thể gặp Như Lai được⁽¹⁾.

Cho đến khi được báo là Devadatta đến gần cổng Kỳ Viên rồi, đức Phật vẫn nói:

- Dầu vậy, Devadatta cũng không có cơ hội diện kiến Như Lai!

Bây giờ thì Devadatta đã vào đến Kỳ Viên, ông ta yêu cầu cho nghỉ ngơi bên hồ nước, ông muốn tắm rửa sạch sẽ trước khi vào lạy đức Phật để sám hối tội lỗi của mình.

Khi biết tâm ý tốt của Devadatta thì đức Phật bảo:

- Nơi đó, nơi chỗ bờ hồ ấy, quả báo ác nghiệp sẽ làm việc với ông ta! Như Lai không cứu được! May ra thì ông ta tự cứu!

Và quả đúng như thế. Khi chiếc giường chạm đất, Devadatta ngồi dậy, thò hai chân xuống đất thì đất tự động lún xuống. Thế là trong lòng đất như có lực hút, nó hút dần dần, hút từ từ, nó nuốt hai chân dần đến đầu gối, nuốt đến thân bụng, đến cằm... Lạ lùng làm sao, là cho đến lúc ấy, Devadatta rất tỉnh táo, ông huy động toàn bộ sức lực, đưa hai cánh tay lên cao, chắp lên trán rồi nói to lên rằng:

- Thế Tôn là bậc Đại Phước. Thế Tôn là bậc Điều Ngự Trượng Phu. Thế Tôn là bậc Thiên Nhân Sư. Thế Tôn là bậc Cao Thượng nhất trong ba giới, bốn loài. Đệ tử còn chút xương cốt và hơi thở cuối cùng, xin được nương tựa nơi đức Thế Tôn ấy!⁽²⁾

Sau khi tán dương đức Phật xong, Devadatta bị rút vào lòng đất sâu thẳm, không còn một dấu vết nào, các bậc có thắng trí

⁽¹⁾ *Dictionary of pāli proper names* cũng nói vậy, trang 1110, quyển 1.

⁽²⁾ Dịch thoát ý từ bài kệ: “*Imehi aṭṭhīhi tamaggapuggalaṃ. Devātidevaṃ naradammasārathīni. Samantacakkhuṃ. satapuññalakkhaṇaṃ. Pānehi buddhaṃ saraṇaṃ upemi!*”

cho biết, là ông ta đã tức khắc bị đọa vào địa ngục a-tỳ (acivī). Cả Kỳ Viên, cả tăng chúng đều kinh hoàng.

Sau đó, đức Phật dạy:

- Do ông ta đã biết tự cứu. Trong hơi thở cuối cùng, ông ta đã tự sám, đã tự biết nương nhờ, lại có đức tin trong sạch nên sau khi ở địa ngục một trăm ngàn đại kiếp, cuối cùng, ông ta cũng thành tựu quả vị Phật Độc Giác với tên hiệu là Aṭṭhisara!

25- Dòng Sakyā Tiêu Vong

Sau khi đã chuẩn bị xong lương thực, tướng tráng, binh hùng, voi ngựa sung sức, đức vua Viḍḍabha thân chinh dẫn đại quân rầm rộ nhắm hướng kinh thành Kapilavatthu trực chỉ. Voi ngựa đi rung rinh như địa chấn. Quân lính đi phăng phăng như gió bão.

Bao nhiêu năm với mối hận trong lòng, và lời thề “lấy máu của dòng tộc Sakyā để rửa chân” như mãi còn văng vẳng bên tai của mình, Viḍḍabha thúc hối đại quân tiến nhanh cho bọn địch không kịp trở tay. Ông lầm bầm: “Phải đánh mạnh như chẻ tre. Phải đột ngột tập kích như trên trời rơi xuống!”

Đức Phật cứ nán nã mãi tại thị trấn Medatūlumpa, thuộc quốc độ Sakyā mà chưa rời chân đi, nhiều vị tỳ-khưu không hiểu lý do. Riêng chư tôn giả có thắng trí thì tường tận nguồn cơn sự việc hơn.

Mấy hôm sau, trời đang nắng nóng, đại quân của Viḍḍabha đã đến biên giới hai nước, ông chậm rãi xuống voi nghỉ ngơi giây lát dưới một cội đa to, tàn nhánh rậm rạp, xanh um mát mẻ. Một vị tướng từ xa bước lại, tâu báo với Viḍḍabha là có đức Phật ngồi bên kia biên giới, dưới một cội cây cành lá thưa thớt. Viḍḍabha vốn rất tôn kính đức Phật, nhất là sau khi nghe vài lời của ngài, đức vua Pāsenadi đã vội cho phục chức ngôi vị của hoàng hậu và của thái tử.

Vội vã bước sang biên giới thuộc địa phận Kapilavatthu, đức

vua Viḍḍabha thành kính đánh lễ đức Phật rồi thưa rằng:

- Trời nắng to như thế này, sao Thế Tôn không qua bên kia biên giới, ngồi dưới bóng cây râm mát, mà lại ngồi ở chỗ trống, trống không trên đầu như thế này?

Đức Phật trang nghiêm đáp:

- Bóng râm của cây lá, không mát mẻ đâu, tâu đại vương!

- Trẫm không hiểu!

- Phải! Đại vương phải suy nghĩ mới hiểu được! “Bóng râm của thân tộc” mới thật sự là mát mẻ, tâu đại vương!

Nghe câu “bóng râm của thân tộc”, đức vua hiểu ngay: “Đức Thế Tôn là dòng dõi Sakyā, ngay chúa của Sakyā anh hùng, ông ngoại ta, cũng phải ôm hôn chân bụi của ngài!” Nghĩ thế xong, Viḍḍabha thần thờ giãy lát rồi tức khắc ra lệnh lui quân. Quả vậy, ông là ai mà lại dám tiến quân sang Kapilavatthu khi Thế Tôn đã ngồi ở đấy trong “bóng râm của thân tộc, bảo vệ dòng dõi Sakyā”?

Về triều chỉ hơn tháng là đức vua lại hậm hực không yên. Do sợ đức Phật nên ông cho quân thám báo dò la để biết ngài đang ở đâu. Hôm nọ, khi hay tin đức Phật đã trở về Kỳ Viên tịnh xá rồi, mừng quá, Viḍḍabha lại dẫn đại quân đi. Đến biên giới, quân tiền trạm báo là đức Phật vẫn ngồi ở cội cây cũ, thế là Viḍḍabha lại lui thủ dẫn quân về. Rồi mấy tháng sau, lần thứ ba, cũng vậy.

Kiên nhẫn đến lần thứ tư thì không còn thấy đức Phật dưới cội cây ngáng đường nữa, Viḍḍabha vui mừng, tiến quân như vũ bão.

Sở dĩ đức Phật không bảo vệ cho Sakyā nữa, là vì ngài biết, cộng nghiệp của dòng tộc Sakyā sắp tận tuyệt rồi. Mọi hỗ trợ của thiện nghiệp, duy trì đời sống của họ bây giờ đã đến hồi yếu ớt, không còn phát huy năng lực, đâu là chút ít. Họ gây nhân, bây giờ cái quả đã chín muồi: Thuở xưa, một kiếp nọ, cả dòng tộc Sakyā sinh sống tại một ngôi làng chài, do tham lam thu nhập, họ đã đồng tâm hiệp sức cả già trẻ nam nữ cùng bỏ thuốc độc cả một dòng sông, thế là cá mẹ, cá con, cá to, cá nhỏ chết

nổi lên bình trắng hếu cả mặt nước. Do ác nghiệp ấy nên mỗi hận thù của Viḍḍabha chỉ như là sứ giả của quả báo đến đòi lại sinh mệnh mà thôi!

Đức vua Viḍḍabha không gặp một lực cản nào, từ biên giới cũng như đến gần kinh thành. Hoàng tộc Sakyā đã biết tin từ lâu, và họ cũng đang cố ý chờ đợi sự diệt vong này! Chuyện cô thị nữ Kapilā lấy sữa rửa chỗ ngồi của Viḍḍabha là một sự sỉ nhục thái quá đáng, cô đã bị đức vua Mahānāma cho cạo đầu và bắt sống đòi nô lệ. Tuy nhiên, đức vua Sakyā còn suy nghĩ sâu xa hơn. Tại sao những năm tháng trở lại đây, đức Thế Tôn không giảng cho hội chúng con em hoàng gia những pháp cao hơn, lui tới chỉ là những pháp sơ cơ nhân thiên mà thôi? Và tại sao, đức Thế Tôn giảng nói cặn kẽ cả bề rộng, bề sâu về ngũ giới, mà tôn giả Ānanda cũng vậy? Phải chăng, đức Thế Tôn biết cái gì đó sắp xảy ra, và ngũ giới chính là chiếc phao sinh mệnh và phước báu mai hậu cho họ? Và nhờ vậy mà dòng Sakyā ai cũng giữ giới rất tốt, tướng sĩ, quân lính, thị vệ đều thế cả.

Đại quân của Viḍḍabha quả thật là hùng hậu, họ bao vây kinh thành mấy lớp, một con chuột cũng không thể thoát ra ngoài được.

Do quyết tâm tận diệt Sakyā để lấy máu rửa chân mình nên Viḍḍabha cho bắn mấy trăm tên thư vào thành: “Không cho bỏ chạy, không cho đầu hàng; giới thì cứ chiến đấu đến hơi thở cuối cùng. Ta sẽ tru diệt Sakyā để trả mối hận xưa!”

Viḍḍabha chờ đợi. Buổi chiều, mấy chục mũi tên thư hồi âm: “Bà ngoại cháu mất rồi, còn ông ngoại đây, ngoại thương cháu vô cùng, cháu muốn giết cả ngoại nữa ư?”

Viḍḍabha cho tên thư hồi đáp: “Ngoại thì được tha! Nhưng tất cả Sakyā thì diệt hết!”

Đợi thêm một ngày nữa không thấy tin tức gì, Viḍḍabha phát cờ lệnh tấn công. Thế là voi, ngựa đạp rào, đạp chông gai, bắc thang qua hàm chông, quân lính dậy đất vang trời hô xung phong, tiến đến gần thành. Tuy nhiên, một trận mưa tên kinh

hoàng phủ chụp xuống, đội quân tiên phong chững lại. Quyết không lùi bước, Viḍḍabha cho tiến quân đợt hai, đợt ba, nhưng đều bị bật ngược ra phía sau vì hàng ngàn mũi thần tiễn bắn chính xác mục tiêu nơi thân người, nơi voi, nơi ngựa không hề sai trật.

Viḍḍabha thật không ngờ sự chống trả mãnh liệt của Sakyā, và cái tài thần tiễn bách phát bách trúng của họ. Bây giờ ông mới nhớ đến cái dòng dõi vốn nức tiếng anh hùng từ thời lập quốc, đúng là danh bất hư truyền!

Thấy sự “tồn thất” quá lớn, Viḍḍabha sợ hãi ra lệnh tạm lui quân. Một viên tướng từ mé gần thành chạy ra, thưa:

- Tại sao đại vương lại cho lui quân?
- Vì ta tồn thất quá lớn!
- Không phải vậy! Tướng lãnh, binh lính không ai bị thương cả.
- Tại sao?
- Vì tất cả tên đều không có tấm độc, lại được lấy đi mũi sắc nhọn, ai cũng chỉ bị đau chút ít, sung tấy đỏ lên mà thôi.

Do giữ ngũ giới tốt, thù mình bị giết chứ không thể giết người, đây là cái lệnh nhân đức của đức vua Mahānāma. Tuy nhiên, cái tâm nhân đức ấy không làm cho Viḍḍabha rung động, mà ngược lại, ông càng cho quân tiến lên, vì biết tiến lên cũng không chết.

Thế rồi, công thành bị phá, quân của Viḍḍabha tràn vào như nước vỡ bờ, không còn đội quân nào, mũi tên nào ngăn chặn bước tiến của họ nữa.

Không phải ai trong thành này cũng là Sakyā sát-đế-ly nên Viḍḍabha ra lệnh chỉ tìm giết tộc Sakyā mà thôi. Thế là một cuộc tàn sát kinh hoàng xảy ra trong lịch sử châu Diêm-phù-đề. Không kể già trẻ lớn bé, hễ xác định qua khí giới, qua trang phục, qua diện mạo, sắc tướng quý tộc là họ giết, chỉ chừa lại các giai cấp khác.

Có một số người thuộc dòng dõi Sakyā không cam tâm chịu chết một cách oan uổng nên họ đã dùng mưu, người thì cầm

một cọng cỏ, người thì cầm một cành lau.

Biết kinh đô này ai ai cũng có ngũ giới nên không giết người như vừa rồi, quân của Viḍḍabha khi gặp một người nghi ngờ là họ hổi, do họ biết chiến sĩ Sakyā không nói dối:

- Người có phải là Sakyā không?

Kinh sử kể rằng, có một số người Sakyā không muốn chịu chết một cách oan uổng nên họ đã dùng “mẹo ngôn ngữ” để thoát. Do từ sakyā (lỗi cây sồi) đồng âm với từ sāka (rau cải), nên khi được hỏi vậy, một nhóm người cầm cọng cỏ đưa lên rồi nói:

- Không, tôi không phải sāko (rau cải), tôi là tiṇa (cọng cỏ).

Còn nhóm khác thì đưa cành lau lên rồi đáp:

- Không, tôi không phải sāko, tôi là naḷa (lau, sậy).

Câu thứ nhất, nguyên văn pāḷi là “No sāko, tiṇanti”; câu thứ hai là “No sāko, naḷoti”. Do âm “sāko” na ná như “sakyā” nên quân lính Viḍḍabha dù sao cũng là người nước ngoài, phát âm hơi khác, tưởng kẻ kia phủ nhận mình là Sakyā nên họ không giết. Thế là có hai nhóm người bảo toàn được mạng sống. Nhóm thứ nhất, nhóm cọng cỏ, sau này được gọi là Cỏ thích-ca (Tiṇasakyā); nhóm thứ hai, sau này được gọi là Lau thích-ca (Naḷasakyā)⁽¹⁾. Ngoài hai nhóm người này được sống, còn nhóm thứ ba cũng không bị giết đấy là vua Mahānāma, gia đình con cháu cùng thuộc hạ tùy tùng⁽²⁾.

Trận tru diệt ấy, máu đổ khắp nơi, Viḍḍabha đắc thắng, hể

⁽¹⁾ Chỗ này viết phỏng theo Chú giải kinh Pháp cú (q.2, trang 128) của Trưởng lão Pháp Minh, có thêm dấu phẩy. Thay vì “Na sāko tiṇanti” thành “Na sāko, tiṇanti”, và “Na sāko naḷoti” thành “Na sāko, naḷoti” cho rõ.

⁽²⁾ Theo Sử Phật giáo Ấn Độ, dòng Sakyā không tuyệt hần. Những người Sakyā sống sót, sau quy tụ tại vùng đất có nhiều chim công, nên họ lấy tên là Khổng Tước (Moriya). Do dòng máu anh hùng, bất khuất, tộc Moriya lại đông đúc, phú cường, hùng mạnh; tiên tổ của họ đánh chiếm nhiều lãnh thổ. Đại đế Asoka chính là hậu duệ của Moriya, cũng chính là cháu con nhiều đời của Sakyā vậy.

hả dẫm chân lên từng vũng máu; và coi như là đã lấy máu Sakyā để rửa chân mình; sau đó, đem theo cả đại gia đình, tùy tùng của đức vua Mahānāma rồi rút quân về.

Đại quân dừng chân nghỉ ngơi nơi một vùng sông nước.

Viḍḍabha quát bảo thị nữ và tùy tùng chuẩn bị một buổi tiệc để ông đãi đằng ông ngoại.

Đức vua Mahānāma tự nghĩ: “Cháu ta vì hận thù mà trở thành kẻ đại ác, nói với nó về đạo lý, về lẽ phải thì chỉ như nước đổ đầu vịt! Ta không cùng chết với những chiến sĩ giữ giới ‘thà bị người giết chứ không thể giết người’ là ta đã có lỗi với họ. Bữa tiệc mà cháu ta đãi, chỉ như một món ‘vinh quang thừa’, có lẫn lộn máu của dòng dõi Sakyā, nuốt nó thì có khác gì nuốt cục sắt nóng ở địa ngục?” Như đã có lời giải, ông ôn tồn nói với Viḍḍabha:

- Hãy để cho ta tắm rửa một chút, người lắm láp khó chịu quá!

Thế rồi, ông ra xa ngoài triền sông, lấy tảng đá cột vào búi tóc rồi từ từ đi xuống nước cho đến ngập đầu: Đức vua đã tự xử mình để cho tâm hồn được thanh thản⁽¹⁾.

Đợi hoài cả canh giờ không thấy đức vua Mahānām trở lại, Viḍḍabha nghĩ là ông ngoại đã tìm cách tẩu thoát rồi, tuy nhiên, ông cũng không bận tâm lắm, ăn vội qua quýt, ra lệnh lên đường.

Tối hôm sau, đại quân lại hạ trại bên bờ sông Aciravatī, chia làm hai đội, một đội nghỉ giữa bờ cát, một đội ở trên sườn núi để khi có biến, ứng cứu lẫn nhau. Những người không bị quả báo ác nghiệp, do kiến, do côn trùng, hoặc do khó ngủ, xui khiến họ bỏ bãi cát lên ngủ trên cao. Những người bị quả báo ác nghiệp, cũng do kiến, côn trùng hoặc khó ngủ, xui khiến họ bỏ sườn núi, xuống ngủ giữa bãi cát. Thế rồi, chừng nửa đêm,

⁽¹⁾ Theo Pháp cú chú giải (nt), sau khi đức vua trẫm mình dưới nước, Long vương quán thấy nguyên nhân nên cho rước về thủy cung, và ông đã lưu trú ở đây 12 năm.

mây đen mù mịt, mưa tuôn như thác đổ, cộng với dòng nước cuộn cuộn từ thượng nguồn đổ về. Cả đội quân trong đó có Viđūḍabha chưa kịp hiểu chuyện gì, chưa kịp chạy thì dòng lũ như những con thuồng luồng hung hãn, cuốn phăng tất cả lều trại, người vật, khí giới, vật dụng băng băng về hạ lưu. Chỉ còn những người ở bờ cao, sườn núi thì được sống sót.

Sau này, khi kể lại tích truyện này, chư vị kết tập sư đã ghi lại bài kệ của đức Thế Tôn:

“- Ai còn thu nhặt hoa hương

Đắm si, tham nhiễm bên đường, biết hay?

Tử Thần mang kẻ ấy ngay

Như con lũ cuốn ngủ say cả làng!”⁽¹⁾

Rồi giảng rộng rằng: Cũng tương tự như vậy, tử thần chính là những dòng nước lũ, nó cuốn phăng tất cả chúng sanh dầu là phạm thiên, chư thiên, ma quân, vua chúa, người vật... không sót một ai. Tử thần cũng đang cất tiếng gọi báo động cho những ai đang mê ngủ, đang với tham vọng quyền lực, công danh, địa vị, tài sản, đang khát khao say đắm ngũ trần, mê luyện hoa hương, phải mau mau tỉnh thức, nếu không, nó sẽ cuốn phăng kẻ ấy đi, nhấn chìm họ xuống biển tứ ác đạo, ngàn đời tối tăm, thống khổ không lối thoát.

26- Tôn Giả Sāriputta Viên Tịch

Sau hạ thứ bốn mươi ba⁽²⁾ của tôn giả Sāriputta, tại làng Beluvā gần Vesāli, ngài và đại chúng tỳ-khưu về Kỳ Viên tịnh xá để đánh lễ đức Đạo Sư. Trải qua bốn mươi lăm do tuần, tôn giả Sāriputta cảm thấy cơ thể rã rời, dường như không còn chút hơi sức nào. Ngài biết rằng, tám thân này đã như một cỗ xe quá

⁽¹⁾ Pháp cú 47: “*Pupphāni heva pacinantam, byāsattamanasam naram, suttam gāmaṃ mahogho’va, maccu ādāya gacchati*”.

⁽²⁾ Tức là hạ thứ 44 của đức Phật.

cũ, các trục đã hao mòn, các cãm đã lỏng lẻo hoặc hư mục. Rõ ràng đây là lúc phải thời để tính chuyện ra đi!

Thế rồi, tôn giả xin phép đức Phật trở về tịnh thất, cất đặt y bát, quét dọn phòng, trải tọa cụ rồi đi vào diệt thọ tướng để nghỉ ngơi. Khi xuống cận hành định thì trời đã vào khuya, hướng tâm, tôn giả nhận biết một lúc mấy việc: Vị đại đệ tử bao giờ cũng Niết-bàn trước đức Phật. Thọ hành của tôn giả chỉ còn hai mươi một ngày. Tôn giả Moggallāna sẽ Nhập diệt sau ngài nửa tháng. Mẹ ngài, bà Sārī sẵn đủ căn duyên bước vào thánh đạo, ở nơi căn phòng ngài chào đời, tại ngôi làng Nālaka. Và người tạo nhân, chính là ngài chứ không ai khác.

Sáng ngày, tôn giả Sāriputta đi khát thực. Ngài muốn đi một vòng quanh kinh thành Sāvatthi thăm viếng một lần cuối cùng nơi mà ngài đã từng sống với chư tăng và mọi người trong bao nhiêu năm, nơi mà ngài được bao người kính mộ dâng cúng vật thực đầy đủ để nuôi thân và hành đạo. Ngài phải biết tri ân điều đó.

Về lại tịnh xá Kỳ Viên, tôn giả cũng đi thăm một vòng như thế. Độ ngộ xong, tôn giả cho gọi trưởng lão Mahā Cunda, là em của ngài đến bên, kể chuyện mà ngài cảm biết rồi nhờ em thông báo cho Upāsena, Revata, các vị tỳ-khuru-ni Cālā, Upacālā, Sīsupacālā; triệu tập năm trăm tỳ-khuru môn đệ của ngài cùng về Nālaka luôn thể.

Hôm sau, tôn giả Sāriputta lấy chổi quét dọn tịnh thất, cất đặt mọi thứ đầu đó cho ngăn nắp. Dọn dẹp bên trong rồi tôn giả ra quét dọn xung quanh hành lang. Xong xuôi, đắp y, mang bát, tôn giả bước ra bên ngoài, khép cửa lại. Ngài đi quanh ba vòng rồi bước ra xa, nhìn ngắm lại tịnh thất thầm ngẫm lời cảm ơn sự che mưa đỡ nắng bấy lâu nay. Lát sau, hai vị Tôn giả Upāsena, Revata tìm đến; rồi lần lượt các vị tỳ-khuru-ni Cālā, Upacālā, Sīsupacālā ở phương xa cũng vân hành đến nơi. Tôn giả hoan hỷ báo với các em mục đích chuyến thăm viếng mẹ lần cuối cùng. Ngay lúc ấy, trưởng lão Mahā Cunda cùng năm trăm tỳ-

khru đi đến. Họ đều đánh lễ tôn giả và chờ lệnh.

Đến đại giảng đường, sau khi đánh lễ, tôn giả quỳ xuống bên chân đức Phật:

- Hôm nay, đệ tử đến đây để chào đức Tôn Sư lần cuối cùng. Đệ tử sắp từ bỏ huyễn thân và từ bỏ cõi đời trần tục này. Thọ hành của đệ tử như ngọn đèn leo lét. Xin đức Tôn Sư cho phép đệ tử được nhập diệt.

Đức Thế Tôn im lặng.

Tôn giả lại cất giọng khẩn thiết:

- Ôi! Đệ tử biết nói lời gì khi vĩnh biệt một bậc vĩ nhân siêu quần bạt tụy? Chính nhờ hồng ân của đức Đạo Sư mà đệ tử bước ra khỏi bể khổ trầm luân để đi theo dấu chân giải thoát của ngài. Từ đây, đệ tử sẽ không còn lang thang vô định, tới lui giữa sáu cõi khổ vui sinh diệt nữa. Đây là lời phụng bái thứ nhất của đệ tử!

Tôn giả cung kính đánh lễ.

- Giờ đây, thân xác tứ đại của đệ tử bắt đầu rã tan, sắp trả về cho tứ đại. Chỉ vài mươi hôm nữa, thọ hành của đệ tử sẽ chấm dứt vĩnh viễn, kể cả ngũ uẩn này cũng không còn tiếp tục chông chất, rối loạn, lòn bịp ai được nữa. Thế là gánh nặng muôn đời đã được buông bỏ xuống. Đệ tử sẽ hoàn toàn giải thoát, không còn bất kỳ một hạt bụi phiền não nào còn tồn tại. Ân đức ấy thuộc về đức Tôn Sư, triệu triệu năm không đền đáp được. Hãy cho đệ tử thêm một phụng bái thứ hai này!

Tôn giả cung kính đánh lễ.

- Ôi! Hồng ân của đức Tôn Sư là đời đời bất diệt. Từ khi bước chân vào giáo pháp Bát Tử, đệ tử đã biết sống một cuộc đời có lợi ích thiết thực, biết phục vụ và biết phát huy, tăng trưởng sung mãn những phẩm chất cao đẹp của con người. Thế nên biết bao chúng sinh đã được lia xa khổ não? Biết bao chư thiên và nhân loại đã được nếm hương vị của pháp màu? Giờ đây, đệ tử đi vào Niết-bàn với tâm tư hoàn toàn thanh thản và mãn nguyện. Xin đức Thế Tôn cho phép đệ tử được nghỉ ngơi

vì cái cỗ xe thân xác này đã đến lúc rã mục. Cho đệ tử được phụng bái một lần nữa, lần thứ ba, thay mặt chúng sinh, tri ân bậc Vô Thượng Giác!

Cả hội trường im lặng như tờ. Đầu đó dường như có tiếng khóc. Rất nhiều vị tỳ-khưu không ngăn được giọt lệ.

Đức Thế Tôn cất giọng an nhiên, điềm đạm:

- Này Sāriputta! Ông sẽ nhập diệt ở đâu?

- Tại quê nhà, làng Nālaka, tại chỗ mà đệ tử được chào đời!

Đức Phật nói:

- Vậy thì đây là việc cần thiết, sau lần từ giả này, chư tăng và huynh đệ sẽ không còn cơ hội được gặp mặt ông nữa; ông hãy ưu ái đến hội chúng, thuyết cho họ nghe thời pháp cuối cùng.

Vâng lời đức Phật, tôn giả bước lên một bảo tọa thấp hơn, ngồi ngay ngắn, đoan nghiêm, nhiếp tâm thanh tịnh rồi ban một thời pháp chưa từng được nghe...

Thời pháp như tiếng gió rì rào bất tận, như hải triều âm xa mù đại dương, từng đợt sóng cuộn trào va đập vào ghềnh đá. Liên miên. Bất tuyệt. Gió lại lặng, sóng lại tan... Cử tọa thánh chúng chợt như thấy trước mắt mình một bình minh tươi sáng, một mùa xuân mát mẻ an lành hiện ra sau đêm đông lạnh lẽo. Tuyết tan, tiếng chim reo vui, muôn hoa đua nở, hương trời bàng bạc, dịu dàng như xoa dịu tất cả những tâm hồn khổ đau...

Vốn làu thông cả pháp và luật, tôn giả Sāriputta đã đi từ những pháp cao siêu nhất xuống những pháp gần gũi và giản dị nhất. Rộng thì rộng đến vô biên, mà nhỏ thì có thể đựng đầu hạt cải. Và cuối cùng, lộ trình hướng thượng ấy, cánh cửa Bát Tử ấy chỉ còn là đứng đi nằm ngồi, mặc áo, ăn cơm, quét tịnh thất, tôn kính bậc trưởng thượng, giác tỉnh, nhu thuận, lặng lẽ, ôn hòa, thuần tịnh, nội tâm trong sạch không có cấu bợn phiền não...!

Cả đại giảng đường mênh mông như vừa được tắm mát bởi thời pháp của tôn giả. Chư thiên, phạm thiên, rồng, dạ-xoa, cư-bàn-trà, càn-thất-bà... ngự đầy đặc cả không gian rải hoa ca ngợi.

Tôn giả bước xuống pháp tòa, quỳ ôm đôi chân của đức Thế

Tôn rồi nói lời lẽ báỉ đôi chân chư Chánh Đẳng Giác quá khứ, hiện tại; và cũng từ đôi bàn chân ấy mà ngài bước vào cõi Vô sanh Bất tử như thế nào. Đánh lễ đôi chân một ngàn cặm bánh xe của đức Phật xong, tôn giả đứng lên rồi quỳ xuống lại, xin sám hối những lỗi lầm do trí tuệ non kém của mình.

Đức Phật cất giọng chậm rãi, ôn nhu, từ hòa:

- Nay Sāriputta! Ông là một tỳ-khưu uyên bác, thông minh, có đạo hạnh cao cả, khiêm nhu, một trí tuệ vượt bậc, sắc bén và sáng chói, lẽ nào ông có thể có hành vi hay cử chỉ tạo ra lỗi lầm với Như Lai? Ông đúng là một sa-môn ưu tú, mẫu mực, giềng mối cho giáo hội; gia dĩ có sự quả trách nào đó cũng chỉ vì muốn viên toàn bốn phận cho ông, hoặc ông sẽ tăng trưởng phương tiện thiện xảo để dẫn dắt chư tăng thay mặt Như Lai mà thôi.

Đức Phật đứng dậy. Tôn giả Sāriputta rời khỏi bàn chân của đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn rời đại giảng đường, bước về hương phòng, ngài đứng trên tám phẩm nhìn ra. Lúc ấy họ đang đứng yên lặng đầy đặc cả Kỳ Viên tịnh xá. Đức Phật nói:

- Các ông có nghe, có thấy con trai trưởng của Như Lai đã để lại bài học huy hoàng, cao cả và xán lạn cho muôn đời sau hay chưa? Thôi, bây giờ các ông hãy đi đi ! Hãy đi đi! Hãy đi tiền ông anh cả của các ông đi!

Nói xong, đức Thế Tôn quay lưng, khép cửa hương phòng lại. Chư tăng cả hàng ngàn vị, hàng chục đại trưởng lão đồng theo chân đưa tiễn bậc Tướng quân Chánh pháp về nơi an nghỉ cuối cùng. Dân chúng thành Sāvatti hay tin, họ khóc lóc kéo nhau thành từng đoàn, lũ lượt như từng dòng suối chảy cuộn cuộn, đổ ra từ các hang cùng ngõ hẻm. Chợ không đông, nhà nhà đóng cửa lại. Họ tỏ dấu chịu tang bằng cách tắm ướn nước lên tóc, tay cầm tràng hoa, vật thơm đặt lên tất cả các lối đi.

Trong giờ phút tiễn đưa này, tôn giả Sāriputta được gặp hầu hết các vị trưởng lão. Chỉ có một số tôn giả tránh gặp mặt, rút vào rừng sâu. Tôn giả Mahā Moggallāna viện cớ đi xa. Tôn giả

Ānanda được đức Phật sai đi công việc ở nơi khác.

Tôn giả Anuruddha xin được đưa tiền đến nơi đến chôn, tôn giả Sāriputta đồng ý. Thế rồi, ngài, tôn giả Anuruddha, sáu vị A-la-hán em ngài cùng với năm trăm vị tỳ-khưu môn đệ nhắm hướng Nālaka cất bước.

Thế rồi, ngày đi đêm nghỉ, bộ hành vất vả suốt mười chín ngày đường, họ mới về được đầu làng Nālaka. Dừng chân dưới những tàn cây cửa cỏ thụ, chur tăng tìm nước rửa mặt, tay chân. Trời đã về chiều, khói hoàng hôn bảng lảng xa gần giữa những vườn xanh trùng điệp. Làng quê trông thật yên ả, thanh bình.

Tôn giả cho người thông báo với mẹ, bà Sārī cuộc trở về này cùng những chuẩn bị cần thiết. Trời gần tối, tôn giả và chur tăng bước qua sân gạch rộng thênh thang. Gia nhân đứng lối nhỏ, thấp đèn sáng rực như ban ngày. Ai cũng muốn nhìn mặt những người con trai, con gái của chủ sau mấy chục năm xa cách.

Tôn giả bước đến bên bà Sārī, cúi đầu xuống:

- Thưa mẹ! Con, Sāriputta đã về!

Các con trai đều vòng tay, khép nép:

- Thưa mẹ! Chúng con là Cunda, Upāsena, Revata - các con trai của mẹ cũng đã có đủ mặt ở đây rồi!

Các vị tỳ-khưu-ni liền thoáng, cười vui cùng đến ôm vai bà:

- Còn chúng con là con gái của mẹ, là Sīsupacālā, Upacālā, Cālā cũng đồng có mặt.

Bà Sārī hom hèm căng mắt nhìn. Tim bà đập như trống làng. Mừng quá, bà muốn khóc, nhưng cố trấn tĩnh, chống gậy lui vào phòng, nói mà không hề ngoài lại:

- Có gì mai hãy nói! Chỗ ở của ông Sāriputta yêu cầu, đã được dọn sẵn. Tụi con trai, con gái bọn bây thì cứ tìm là thấy, phòng đứa nào còn nguyên phòng đứa đó. Chỗ ở cho hơn năm trăm vị tỳ-khưu đều đầu đó cả rồi, có gì sai bảo, nước nôi, giặt giũ thì đã có gia nhân sẵn sàng túc trực hẳn hoi!

- Chúng con cảm ơn mẹ.

- Đừng khách sáo! Bà nói - đã về đến đây rồi thì các người là

chủ, vậy, cứ tùy nghi!

Rồi bà Sārī đóng phòng lại.

Trưởng lão Mahā Cunda, tìm chỗ quý trọng cho tôn giả Anuruddha. Còn Upāsena, Revata thì hướng dẫn chư tăng tìm các chỗ ở, phòng ngủ, nước uống, chỉ cầu tiêu, phòng tắm...

Quả đúng là một cơ ngơi vĩ đại, không thiếu bất cứ một tiện nghi gì. Chư tăng rất thán phục anh chị em của tôn giả, dám khẳng khái từ bỏ một cơ ngơi như cung điện của vua chúa thế này. Nếu chư tăng còn biết rõ gia sản hiện kim của gia đình ngài lên đến chín trăm triệu đồng tiền vàng thì họ còn phải ngạc nhiên, kính phục đến chừng nào nữa!⁽¹⁾

Tôn giả Sāriputta bước vào căn phòng xưa, vừa ngồi vào giường là một căn bệnh trầm trọng phát sanh. Trưởng lão Mahā Cunda thấy huynh trưởng có vẻ đau đớn, ái ngại hỏi:

- Đệ có giúp gì được cho pháp huynh không?
- Có lẽ đêm nay phải làm phiền các em đây!
- Được giúp pháp huynh lần cuối này, không dễ gì ai cũng có được cái may mắn, hạnh phúc ấy!
- Ta bị bệnh tả lỵ đây các em ạ! Hãy chuẩn bị giúp mấy cái chậu sành đựng chất uế.

Thế rồi, sau đó tôn giả đi tả liên hồi. Trưởng lão Mahā Cunda đi vào đi ra hoài với cái chậu sành nhỏ trên tay. Lát sau, trưởng lão Upāsena và tôn giả Revata sắp đặt chỗ ở cho chư tăng xong xuôi, tìm đến, họ thay công việc cho anh.

Bà Sārī thấy phòng con trai trưởng còn thấp sáng, lịch kịch có tiếng động, bà hé cửa nhìn sang. Thấy Cunda rồi sau đó là Upāsena, Revata tất tả vào ra, bà biết chuyện. Cho đến gần nửa khuya, bệnh mới giảm bớt. Bà nghĩ:

“- Con trai của ta đi tả liên tục, chắc là đau đớn lắm, nhưng

⁽¹⁾ Ghi chú: So sánh để biết - là gia sản của trưởng giả Cấp Cô Độc trước là năm trăm bốn mươi triệu đồng vàng, sau tìm thấy thêm năm trăm bốn mươi triệu đồng vàng nữa.

nó không hề rên la lấy một tiếng. Thiệt lạ đời! Cả các ông Cunda, Upāsena, Revata cũng vậy, cũng lặng lẽ! Ô! Mà cả năm trăm con người ta cũng đều lặng lẽ như thế, không một tiếng ho, tiếng khạc nhổ, không cả tiếng nói chuyện rầm rì! Sao họ giống nhau đến thế? Ôi! Người mẹ này lo lắng cho ông con trai trưởng mà dường như không dính líu gì đến chúng nó cả”.

Bà không thể ngủ được, ngoài thì có vẻ lạnh lùng mà trong lại bồn chồn không yên; bà cứ dỏng tai lắng nghe, dỏng mắt để nhìn.

Lúc ấy, Tứ Trần Thiên Vương gặp nhau, nghĩ rằng họ phải có bốn phạm đi thăm lần chót bậc thượng thủ A-la-hán trưởng lão nên đã với thời gian như viên lực sĩ duỗi cánh tay, hào quang sáng rực, họ hiện trong phòng ngài, cung kính lễ bái rồi đứng hầu một bên. Tôn giả biết chuyện này nên dùng thần thông để cho bà Sārī nghe thấy quang cảnh và cuộc đàm thoại.

Tôn giả hỏi lớn:

- Các vị là ai?

- Bạch tôn giả, chúng đệ tử là Tứ Đại Thiên Vương cai quản bốn châu thiên hạ.

- Các vị đến đây có việc gì?

- Thưa, thứ nhất là để chiêm ngưỡng, thăm viếng tôn giả lần cuối cùng, thứ hai là đến đây để tôn giả tùy nghi sai bảo.

Tôn giả nói bằng âm thanh của phạm thiên:

- Vậy thì cảm ơn các vị trời đầy oai đức đã bỏ công thăm viếng. Bệnh tình tôi đã thuyên giảm, lại có các trưởng lão ở đây, khỏi phiền đến các vị. Thời cũng đã phải lẽ, các vị hãy về đi thôi!

Họ vâng lời, đánh lễ tôn giả, rồi như vàng trắng sáng, họ mất hút giữa hư không.

Thiên chủ Đế Thích nghĩ mình phải có bốn phạm đưa tiễn bậc Đại Chương Pháp nên với hào quang, thần lực hiện bên giường tôn giả trong chớp mắt. Cũng qua một hồi đối thoại ngắn, trời Đế Thích cung kính đánh lễ rồi xin rút lui.

Trời đã khuya, không những trong vườn bà Sārī mà dường như cả làng Nālāka đồng trở nên sáng rực. Đó là các vị phạm thiên, đại phạm thiên Sāhampati xuống hầu tôn giả Sāriputta, cũng cung kính nghiêng lưng thi lễ và muốn săn sóc bệnh tình cho ngài. Tôn giả cảm ơn và rồi họ cũng cáo biệt.

Bà Sārī chứng kiến từ đầu, thấy rõ quang cảnh và nghe không sót một lời nào, bà nghĩ rằng:

“- Không biết những vị nào như các đấng Thiên Thần oai lực và cao sang như thế lại đến thăm con ta, đánh lễ con ta rồi nói gì rằng là... hầu hạ... sai bảo nữa? Mà cũng kỳ lạ, là con trai ta có vẻ lớn hơn họ, là bậc thầy của họ?”

Bà Sārī rời phòng, rón rén đến tận cửa phòng của tôn giả, muốn gặp các ông con trai để thăm hỏi bệnh tình. Tôn giả đã biết chuyện này nên bảo các em mở cửa để bà Sārī vào.

Tôn giả Sāriputta dựa lưng trên chiếc gối, ngồi dậy:

- Đã khuya rồi mẹ chưa đi ngủ sao?
- Mẹ ngủ sao được khi tả lý nó hành hạ con như thế!
- Con đã khỏe rồi mẹ ạ!

Bà Sārī lặng lẽ quan sát thần sắc của tôn giả, thấy có hư hao nhưng vẫn toát ra cái an nhiên, thanh thản đến lạ kỳ! Các ông con trai kia cũng thế, đứa nào cũng rất trầm tĩnh và dường như đối với chúng, chẳng có gì xảy ra? Rồi căn phòng bệnh của tả lý, mà sao lại thanh sạch và lại còn tỏa hương thơm kỳ diệu như thế - một loại hương thơm không có trên trần gian! Bà đâu có biết rằng đây là các vị trời đã âm thầm bỏ lại hương trời để tẩy xú khí!

- Này con! Bà Sārī hỏi - Tại sao đã khuya rồi mà có những người đến thăm con như vậy? Các vị đầu tiên là ai mà oai phong凛冽, oai gấp trăm lần vua loài người, mà chung quanh họ lại sáng rực như có hào quang? Họ là những ai vậy con?

Chưa trả lời vội, tôn giả bảo trưởng lão Cunda lấy cho mẹ một cái ghế, còn tôn giả ngồi lại thế kiết già rồi mới nói chuyện:

- Thưa mẹ! Đây là bốn vị vua trời, còn gọi là Tứ Đại Thiên

Vương oai trấn bốn châu thiên hạ đầy mẹ ạ!

Bà Sārī rùng mình, nổi cả gai ốc: “Hèn gì!” Rồi bòn chòn hỏi tiếp:

- Họ oai đức như vậy, cao sang như vậy, sao họ lại đến thăm con, cung kính đánh lễ con? Có lẽ nào con lại cao hơn họ sao?

- Thưa mẹ! Tôn giả mỉm cười, cất giọng ôn nhu, dịu dàng - Những vị trời ấy có tâm rất cao thượng, họ hằng hộ trì Phật Pháp. Khi đức Đạo Sư đản sanh, chính họ tiếp bông hoàng tử bằng tám da mịn. Họ luôn luôn bảo vệ đức Đạo Sư, như bốn vị Thiên Tướng cặp kè với gương giáo sáng lòe làm người hầu cận vậy. Con cũng hay giảng đạo, dạy đạo cho họ nên họ cung kính con, coi con như bậc thầy! Các em con đây cũng thế, đều là vai vế bậc thầy bốn ông Thiên Vương oai vệ ấy cả!

Bà Sārī nghe vậy, hoan hỷ đến tận chân tơ kẽ tóc. Móm mém cười, bà hỏi tiếp:

- Còn vị đến sau? Vị đó ngó bộ oai sang hơn bốn vị trước! Cái thân như tạc bằng ngọc ngà châu báu, hào quang đã sáng mà lại còn rất đẹp nữa. Ôi, lại đẹp một cách lạ lùng! Vị ấy là ai?

- Thưa mẹ! Vị đó là vua cõi trời Ba Mươi Ba, là vua cõi trời Đạo Lợi mà người ta hay gọi ngài là Đế Thích Thiên Vương. Vị này còn là vua của bốn vị đến trước nữa. Thế gian hay gọi vị này là Ngọc Hoàng Thượng Đế, vì ngài có rất nhiều oai lực, nhiều thần lực kinh khiếp lắm!

- Vị như vậy mà còn thua cả con sao?

- Thưa mẹ! Đối với tỳ-khưu, đối với chúng con thì vị trời ấy cũng như một chú sa-di, một người hầu để sai bảo việc vặt thế thôi!

- Khiếp! Nghe ông con nói mà khiếp!

Tôn giả cười cười trong ánh mắt:

- Mẹ không tin sao? Để con gọi ông Đế Thích ấy xuống đây, sai bảo cho mẹ xem nhé?

Bà Sārī chối đây đây, xua tay lia lịa:

- Thôi! Thôi! Mẹ tin rồi! Thấy oai tướng của ông trời ấy mẹ đã khiếp rồi! Mẹ đã run rồi! Mẹ thiếu đức, thiếu phước nên sẽ cú đầu, run rẩy trước ông ta mà thôi!

Bà Sārī hoan hỷ đến nỗi da gà cả toàn thân. Trán tỉnh một lát, bà tiếp:

- Rồi còn mấy vị đèn sau, hào quang sáng cả vùng trông rõ mồn một như ban ngày? Ôi! Các vị này thân thể như ánh sáng, nhẹ nhàng, thanh cao và tinh khiết làm sao! Mới thấy họ thôi mà tâm hồn mẹ đã lâng lâng, mát mẻ vô cùng. Họ là những ai vậy con?

Tôn giả đáp:

- Thừa mẹ! Đây chính là những vị phạm thiên, đại phạm thiên là những bậc Thần Linh Cao Cả mà cha mẹ cũng như dòng họ chúng ta hằng tôn thờ từ đời này sang đời kia đấy!

- Hả?!!!

Bà Sārī tròn xoe đôi mắt, ngạc nhiên quá, miệng dường như không còn ngậm lại được.

Biết mẹ đã khởi tâm tịnh tín, tôn giả nói tiếp:

- Không những họ coi Thế Tôn là bậc thầy vô thượng mà họ cũng hằng ngưỡng mộ, tôn sùng chúng con!

Bà Sārī tâm tư đã hoàn toàn đổi khác, bà nghĩ:

- “ Ôi! Ai ngờ rằng con trai ta mà cao siêu, cao cả đến thế, cho đến các vị phạm thiên, đại phạm thiên mà dòng tộc ta tôn thờ, lễ lạy, cúng kiếng từ đời này sang kiếp nọ cũng ở dưới con ta không biết bao nhiêu bậc? Còn nói là đến đây để con trai ta tùy nghi sai bảo nữa? Ô! Nếu vậy, con ta đã là bậc Đại Thánh trên đời sao?! Và dường như mấy ông con kia, oai lực cũng không kém gì! Ôi! Nếu con trai trưởng của ta, các ông con kia đã là vậy thì oai đức của đức Thế Tôn kia cao lớn biết dường nào?”

Một sự thỏa thích, hoan hỷ tràn ngập tâm tư bà; một niềm mát mẻ, trong lành tỏa khắp cả châu thân bà. Tôn giả Sāriputta ghi nhận được sự diễn biến ấy; và đây là thời tốt đẹp nhất để thuyết cho bà rõ về ân đức của Tam Bảo.

Tôn giả bèn nói:

- Thưa mẹ! Ân đức của một vị Phật thì chính ngay hư không hay biển cả kia cũng không thể so sánh được. Mẹ biết không? Dễ gì có một đức Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên đời này? Phải kể đến hàng trăm đại kiếp mới tượng ra được một nhân cách chí thiện, chí mỹ và đại toàn như thế...

Rồi tuần tự, từ từ, chậm rãi, tôn giả nói cho bà Sārī nghe về ân đức của Phật, ân đức của pháp, ân đức của tăng... làm cho bà Sārī như rơi vào vùng biển trời bao la, lạ lùng, choáng ngợp, hùng vĩ, huy hoàng... Thời pháp chưa chấm dứt mà bà đã đắc quả Tu-đà-hoàn, nhập vào dòng thánh.

Bà Sārī hoan hỷ quá, hân hoan quá, bà thốt ra lời trong những giọt lệ mừng vui, lần thứ nhất và cuối cùng ở trong đời:

- Này Upatissa! Này các con! Các con đã có ân đức vô lượng vô biên, đã cho mẹ uống được những giọt nước ngọt ngào, đã cho mẹ thấy rõ đường đi nước bước, biết đặt đức tin đâu là đúng, đâu là sai. Ôi! Quý hóa thay! Này sa-môn Upatissa! Này các con trai yêu quý của mẹ! Sao từ trước đến nay các vị không chịu dẫn dắt mẹ? Tại sao trong suốt những năm tháng qua, các người đã không cho mẹ một sự hiểu biết Chơn Chánh và Bất Tử này?

Tôn giả Sāriputta hân hoan, tự nghĩ:

“- Thế là ta đã báo đáp được trong muôn một ân sinh thành dưỡng dục cho mẹ. Và đây chính là điều phải làm duy nhất còn lại đối với ta. Vậy mọi bồn phạt trên đời này ta đã hoàn tất, đã chu toàn, ta ra đi là phải lẽ, đúng thời”.

Khi bà Sārī rời khỏi phòng, tôn giả quay qua hỏi các em:

- Giờ là canh mấy rồi?

- Thưa, đã quá canh ba, trời đã rạng sáng.

Biết đã đến giờ ra đi, tôn giả nhờ các em triệu tập chư tăng ở nhà hội; rồi một cách rất ân cần, tôn giả nói:

- Tất cả mọi điều đáng nói, ta đã nói hết rồi. Bây giờ ta chỉ xin các thầy hoan hỷ bỏ lỗi cho ta vì một vài hành vi hay lời nói

nào đó mà làm cho các thầy buồn lòng. Trên con đường tấn tu phạm hạnh, ai cũng có những sai lầm, không nhiều thì ít. Đây là giây phút cuối cùng, các thầy hãy xả bỏ qua cho ta. “Hãy lấy Phật làm ngọn đèn, hãy lấy pháp làm chân lý lên đường, hãy lấy tăng làm áo giáp ngăn che. Vậy là các thầy sẽ được bình an về nơi cõi miền giác ngộ. “Hãy tinh tấn, gia công chuyên niệm, kiên trì chăm chú, giác niệm đừng có xao lãng, đây là lời dạy cuối cùng của ta”.

Tôn giả ngược nhìn tất cả mọi người rồi nói nho nhỏ:

- Giờ là phải thời, cho phép tôi ra đi trước chư hiền!

Các vị lặng lẽ chấp tay, cúi đầu. Tôn giả xoay người nằm nghiêng về bên phải, chân phải duỗi thẳng, chân trái co lên, đầu gối lên cánh tay phải, tay trái bỏ dọc theo thân mình. Trưởng lão Mahā Cunda kéo y ngoại phủ chân, phủ đầu ngài. Lát sau, nhiếp tâm, trú sâu viên mãn vào đại định rồi hoàn toàn đi vào Đại Bát Niết-bàn Tịch Diệt.

Lúc ấy, vàng thái dương cũng bắt đầu ló dạng ở chân trời như chào đón một bậc Vĩ Nhân, một ngôi Sao Sáng đã đi vào vĩnh cửu.

Hôm đó là ngày trăng tròn tháng Kattika ở Ấn Độ, vào khoảng giữa tháng 10 và 11 Dương lịch.

Bà Sārī nằm nghỉ một lát thì trời đã sáng bừng, bà vội vã trở dậy với ý nghĩ: “Không biết bệnh tình của ông con của ta giờ ra sao?” Bà bước sang phòng, vắng tanh. Các phòng khác cũng thế. Thấy mọi người trang nghiêm đứng trong Nhà Hội, bà bước vào. Tới nơi chỗ nằm, bà lần lượt sờ chân, sờ mũi, sờ đầu mới biết rằng tôn giả đã tịch! Bà liền quỳ dưới sàn phòng, than khóc, nước mắt, nước mũi ghen ngào.

- Ôi! Ông con trai cao quý của mẹ đã đi rồi! Ôi! Ông con trai suốt đời hiền lành, dịu dàng, nết na, mẫu mực, giờ không còn nữa! Trước khi mất, mẹ mới biết rằng ông là người cao cả, oai đức lớn còn hơn cả đại phạm thiên! Thế nhưng đã muộn rồi, ông con ơi! Gần suốt một trăm năm, mẹ đã không tạo được,

không tích lũy được một công đức nào cả trong cái tòa trang viên đồ sộ này! Mẹ đã không xây cất được một tịnh xá, không dâng được một mảnh đất, chưa thật sự phát tâm hoan hỷ dâng một chút ít vật thực cho đức Phật cao cả và tăng chúng thánh hạnh! Ôi! Than ôi! Của cải chất đầy rương hòm mà mẹ chưa có chút phước báu nào cả ông con ơi!

Bà Sārī kể lể cho đến khi mặt trời lên cao. Bảy vị A-la-hán ngồi đại định ở xung quanh nhục thể của tôn giả, an nhiên, bất động như bảy bức tượng đồng! Nhìn sự yên tĩnh ấy, yên tĩnh một cách lạ lùng, một hồi, tâm bà thanh thản hơn. Chư tăng lần lượt bước vào đánh lễ.

Tôn giả Anuruddha xuất thiên, khẽ nói nhỏ vào tai bà Sārī:

- Không nên khóc nữa, thưa mẹ! Con trai của mẹ đã nhập Niết-bàn, nghĩa là đã đi vào chốn an vui bất tử, từ rày không còn dính một tí đau khổ nào nữa, dầu chỉ là đầu ngọn cỏ kusa! Mẹ hãy tỉnh táo, lau ráo nước mắt, lo hậu sự cho con trai mẹ, với tất cả tấm lòng của mẹ, rồi mẹ sẽ cảm thấy yên vui và mát mẻ lạ lùng!

Thưa mẹ! Mẹ chỉ mất đi một người con đức hạnh, nhưng chúng con lại mất đi cả một Kho Tàng Pháp Bảo, mất đi một ngôi Sao Sáng bên cạnh đức Tôn Sư; mất đi một người cha, một người mẹ, một người anh cả trong giáo hội tăng đoàn. Chúng con mất mát lớn hơn cả mẹ nữa đây! Còn vấn đề tạo công quả thì không có gì phải muộn màng! Chư tăng còn nhiều lắm, đức Phật còn tại thế, giáo hội còn trường tồn. Mẹ hãy chứng tỏ cho các thôn làng bà-la-môn kỳ cựu quanh đây biết rằng mẹ là mẹ của bảy vị A-la-hán cao cả, đã đứng vững trong Chánh Pháp, có Đức Tin Bất Động với Tam Bảo, đã nếm được hương vị của Đạo Bất Diệt. Thưa mẹ! Những lời con đã mạo muội nói ra như vậy, mẹ nghĩ có đúng không?

Bà Sārī gật đầu mạnh mẽ:

- Rất đúng, hoàn toàn đúng, thưa tôn giả! Các ngài và ông con trai của tôi nói lời nào là đúng lời ấy! Hãy cho tôi được sám

hồi đức Phật, đức Pháp và đức Tăng.

Bà quý xuống đánh lễ, cả bảy vị A-la-hán đều lặng lẽ chứng minh cho lời sám tội ấy.

Sau đó, bà Sārī rộng tay mở kho tàng, lấy ra những rương to, rương nhỏ vàng ngọc, nữ trang trông đến chóa mắt. Thế rồi hăng trăm gia nhân xuôi ngược tới lui. Hằng chục trưởng lão trong thân quyến ăn vận nghiêm trang đến nhà theo lời mời của bà Sārī. Hằng trăm thợ thầy danh tiếng, hằng trăm người phụ việc tuân lệnh răm rắp theo lời chỉ dẫn của bà. Từng núi lương thực được chở đến. Vật liệu, hương liệu, tràng hoa, vật thơm, vải vóc, ngựa xe nườm nượp. Gỗ chiên đàn, gỗ thơm hương vàng theo thuyền trên nguồn tải về.

Thế là chỉ trong ba ngày, một ngôi nhà Hội Tế được dựng ngay chính trung tâm làng Nālāka. Thật là tài tổ chức, sự khéo léo sắp đặt, chỉ huy của bà Sārī vẫn còn đặc dụng như thuở nào! Cả mấy làng trăm tro tán phục một bà lão trên trăm tuổi. Chưa thôi, hằng ngày, gia nhân chăm lo vật thực đầy đủ, thượng vị cúng dường cho năm trăm thầy tỷ-khưu. Hằng ngày, số người ăn, cả quan khách, thầy thợ và gia nhân bao giờ cũng trên ngàn người. Một mình bà Sārī quán xuyến tất cả.

Đến ngày thứ tư, quan khách đông hơn, và tôn giả Anuruddha nói với bà Sārī là rất nhiều vị thiên, địa tiên, thọ thần, rồng, dạ-xoa cũng trà trộn xen lẫn để cùng tham dự. Có điều hay là mặc dầu đã ở trong hàng ngũ chánh đạo, bà Sārī vẫn để cho các trưởng giáo bà-la-môn tổ chức hội tế theo truyền thống, tập tục của dân làng. Khi số người đông đảo ấy đã hành lễ theo nghi thức tang lễ cổ truyền đã xong, bà cho dựng ngay một dàn hỏa thiêu bằng tất cả các loại gỗ quý, củi đốt bằng gỗ trầm hương. Nhục thể của tôn giả Sāriputta được quán bằng hằng trăm mét lụa Kāsi quý báu, tẩm dầu hương rồi được phủ bằng hàng chục loại hoa tươi, hương liệu thơm như đinh hương, hồi hương, nước hoa ngát ngào và được tôn trí trên cao...

Thế rồi, chư tăng đứng quanh mấy vòng quanh, tụng những

biến kệ về vô thường, khổ không, vô ngã. Ba vị tỳ-khưu-ni A-la-hán, em của ngài, ngồi quỳ lặng lẽ bên linh cữu. Bốn vị A-la-hán, dẫn đầu là tôn giả Anuruddha, cầm những bó mỗi bằng rễ cây usīva thơm hương, châm lửa đốt. Lửa bốc cháy, thơm ngào ngạt, lan xa cả mấy ngôi làng...

Trong đêm hỏa thiêu ấy, có mấy ngàn người tham dự cùng vô số chư thiên, phạm thiên chứng kiến. Tôn giả Anuruddha và ba vị thánh tăng em trai ngài thay nhau thuyết pháp không nghỉ. Khi lửa tàn chỉ mới cuối canh hai, tôn giả Anuruddha và Mahā Cunda lấy những thùng nước hoa rưới tắt những cục than âm ỉ khói. Trưởng lão Mahā Cunda đến góp nhặt xá-lợi vào vuông vải lọc.

Bà Sārī đưa ra một cái hộp bằng vàng để đựng di cốt nhưng trưởng lão Mahā Cunda nói:

- Không, thưa mẹ! Chỉ vuông vải lọc của thầy tỳ-khưu như thế này là đẹp lắm rồi. Con sẽ đi ngay, kịp thời về trình báo với Thế Tôn. Con không thể lưu lại một giây khắc nào nữa cả.

Nói xong, trưởng lão Mahā Cunda chào mẹ, chào tôn giả Anuruddha, chào các em; sửa lại y bát, buộc vuông vải lọc chứa đầy xá-lợi, đồng thời cầm luôn y tăng-già-lê và bình bát, là di vật tùy thân của tôn giả Sāriputta, cấp tốc lên đường về Sāvattthi.

Trưởng lão Mahā Cunda sử dụng thần thông tức tốc về Kỳ Viên tịnh xá, tìm gặp tôn giả Ānanda, đánh lễ, rồi ngồi xuống một bên:

- Thưa tôn giả! Sa-môn Sāriputta, anh trai trưởng của con đã nhập diệt rồi. Đây là di cốt, là bình bát và y tăng-già-lê của vị ấy.

Thế rồi cả hai vị đến đánh lễ đức Đạo Sư.

- Bạch đức Thế Tôn! Tôn giả Ānanda lấp bắp - Hiền giả... hiền giả Mahā Cunda vừa từ Nālaka đến đây, có đưa tin rằng, đại huynh trưởng của tất cả chúng con, là tôn giả Sāriputta đã Niết-bàn rồi. Và đây là xá-lợi và di vật của Con Người Cao Cả ấy!

Nói thế xong, Ānanda đôi mắt ứa ra hai hàng lệ, nghẹn ngào:

- Khi đệ tử nghe tin ấy, tâm tư đệ tử trở nên bàng hoàng và cơ thể cảm nghe như yếu ớt, suy nhược đi. Mọi vật chung quanh như quay cuồng, mờ nhạt. Và tâm trí của đệ tử như rơi vào trạng thái mơ hồ, mông lung, không còn phân biệt cái gì ra cái gì nữa cả. Ôi! Đệ tử rất đau đớn!

Đức Phật biết tâm tư của người đệ tử giàu xúc cảm, ngài cất giọng từ hòa:

- Này Ānanda! Đừng sầu thương thái quá! Như Lai biết rõ tình cảm của ông đối với Sāriputta, nên trong buổi tiễn đưa, Như Lai đã cố ý không cho ông gặp mặt là vì vậy. Như Lai chỉ nhắc nhở ông một điều thôi: “Hãy tự tạo cho mình một hòn đảo để nương tựa, một hòn đảo không sinh diệt, Bất Tử, một hòn đảo thoát ra ngoài mọi định luật vô thường, một hòn đảo ở trên mọi trạng thái và các điều kiện”. Ông là bậc bác học, đa văn, quảng tuệ, Như Lai nói ít nhưng ông hiểu nhiều!

Buổi chiều, đức Phật ngồi lên pháp tòa, phóng hào quang sáu màu trộn lẫn từng đôi một, đuổi thẳng cánh tay phải nhận vòng vải lọc đựng di cốt của tôn giả Sāriputta, mở ra, đưa lên cao rồi đặt vào tay trái, nhìn hội chúng chư tăng đầy cả đại giảng đường rồi nói:

- Này các thầy tỳ-khưu! Đây là di cốt có màu sắc sáng trắng như ngọc trai của một vị tỳ-khưu có phẩm hạnh tinh bạch tựa vỏ ốc. Đây là Anh Cả của các người! Ông ấy đã nhập diệt rồi. Và đây là xá-lợi còn lại!

Đức Thế Tôn đưa tay chỉ y, bát nằm bên cạnh pháp tòa, mở lời tán dương công đức:

- Này các thầy tỳ-khưu! Sāriputta đã tu tập rất lâu, kể từ khi phát nguyện dưới chân đức Phật Anomadassi đến nay với thời gian không thể tính được. Ông ta đã tích lũy ba-la-mật như cát của con sông Gaṅgā, như lá cây trên đại ngàn Himalaya! Quả vị mà ông ta đạt được rất gần với Như Lai. Trí tuệ của ông ta không ai bì kịp. Trí tuệ ấy quảng bác, rực chói như hàng triệu ngôi sao tụ lại. Là người bạn khả kính, khả ái của mọi người. Là

một thiện trí thức vĩ đại!

Các thầy có biết không? Trải qua vô lượng kiếp huân tu và tích lũy công hạnh, ông ấy là người luôn luôn thân cận với Như Lai. Ông ấy kiên định như đá tảng, khiêm nhu tựa lụa mềm, kham nhẫn giống đại địa, tĩnh lặng tựa bể sâu! Ông ấy đã từng tự ví mình như như miếng giẻ chùi chân, như chén mỡ đặc, như một người chiên-đà-la tồi tệ, nô lệ, thấp kém, thấp hèn nhất trong xã hội; thế nhưng ông ta lại là một Con Người Cao Cả, Vĩ Đại Nhất trên đời này!

Đức Phật một lượt nữa lại đưa di cốt lên:

- Này các thầy tỳ-khuru! Đây là xá-lợi của vị tỳ-khuru ấy, có sắc trong sáng, trắng sáng như ngọc trai, là vị thánh tăng duy nhất khi ra đi có cuộc tiễn đưa vĩ đại, quả đất phải rung động và sấm gióng đầy uy vũ giữa trời cao! Ông ta là người xứng đáng nhất để xây dựng một bảo tháp để chư thiên, phạm thiên và nhân loại cung kính, lễ bái, chiêm ngưỡng, tôn kính, thờ phụng đến ngàn sau.

Sau khi xá-lợi, y, bát của tôn giả Sāriputta được chính đức Thế Tôn ca ngợi như vậy, tán thán như vậy; hai hàng cận sự nam nữ, vua chúa, đại thần, phú hộ, dân chúng quanh thành Sāvattthi hùn góp tiền bạc, của cải, công sức; kiến tạo một bảo tháp quý trọng để tôn trí xá-lợi, y bát của ngài, được chọn địa điểm trên một ngọn đồi cao, sâu trong rừng cây của hoàng tử Jeta (Kỳ-đà).

27- Tôn Giả Mahā Moggallāna Niết-bàn

Trong lúc công trình bảo tháp ở Kỳ Viên đang xây dựng, đức Phật hướng tâm, biết là tôn giả Mahā Moggallāna cũng sắp Niết-bàn. Và ngài cũng biết diễn tiến của sự việc nó xảy ra làm sao.

Số là trước đây, do có năng lực siêu nhiên, tôn giả Mahā Moggallāna thường vân du hành hóa khắp ba cõi, sáu đường, trong đó các cảnh trời, địa ngục, ngạ quỷ ngài thường ghé thăm nhất. Điều tôn giả thấy rõ sự thực là tăng sĩ hay tục gia đệ tử

của đức Phật đa phần hóa sanh lên các cảnh trời, còn môn đệ của ngoại đạo, xuất gia hay tại gia đa phần thác sanh vào các cảnh khổ như địa ngục hay ngạ quỷ. Sau khi truy cứu tìm biết người tiết lộ sự thực về chuyện “ngoại đạo đa phần thác sanh vào cõi địa ngục” ấy là tôn giả Mahā Moggallāna thì ngoại đạo rất căm ghét ngài. Một số ngoại đạo họp bàn với nhau, chủ chốt là nhóm đạo sĩ thuộc phái Nigantha Natāputta (Ni-kiền-tử) đã bỏ ra ngàn đồng tiền vàng thuê mướn một toán côn đồ, cầm đầu là Samanagutta tìm cách giết chết tôn giả.

Khi biết được tôn giả đang ở tại Kāḷasilāvihāra, núi Isigilī, chúng mang đao kiếm vây quanh liêu thất của ngài. Cả sáu lần, sáu ngày như vậy, chúng xông vào bên trong nhưng đều không tìm thấy tôn giả. Hóa ra, do biết ý đồ của chúng nên tôn giả đã sử dụng thần thông, bay đi mất. Ngày thứ bảy, biết chắc là tôn giả đang ở bên trong thất, chúng xông vào thì ngài ngồi yên vì ngài biết ác nghiệp quá khứ giết cha mẹ còn dư sót đã đến hồi trổ quả. Và ngài còn biết rằng, khi nghiệp ác đến thì dù có đại thần thông cũng bất lực.

Khi đang định ngồi yên cho chúng giết thì tôn giả suy nghĩ: “Đức Thế Tôn đang ở tại Kỳ Viên tịnh xá, tôn huynh của ta cũng vừa Niết-bàn, hiện tại ở đây đang xây dựng bảo tháp. Ta chưa xin phép đức Thế Tôn để nhập diệt, vậy thì ta cần phải duy trì ý căn (sắc ý vật), cho dù năm căn mất tại mũi lưỡi thân có bị hủy diệt nhưng ý căn vẫn còn thì ta cũng có thể hoàn nguyên lại thân xác như thường”. Nghĩ thế xong, tôn giả huy động thần lực, đưa ý căn ra ngoài thân xác, ví như người ta rút đi tim của cọng bắp, chỉ còn vỏ bắp, rồi ngài trú vào “tim của ý căn” ấy⁽¹⁾.

Bọn côn đồ tha hồ đánh đập, đâm chém tôn giả. Chúng còn chặt đầu, tay, chân, lấy xương bẻ, thịt vụn lẫn lộn máu quăng khắp nơi!

⁽¹⁾ Một số đoạn trong truyện này có lấy ý từ “Đức Phật và 45 năm...” của tỳ-khưu Chánh Minh.

Đội chúng đi khỏi, tôn giả dùng thần thông từ “tim của ý căn”, thu gom lại thân xác y như cũ rồi bay về Kỳ Viên tịnh xá, ngài dành lễ đức Phật tại hương phòng.

- Hôm nay, đệ tử sẽ từ bỏ thọ hành (āyusañkhāra)⁽¹⁾, kính mong đức Đạo Sư cho phép đệ tử an nghỉ Niết-bàn vô dư.

- Ông muốn nhập diệt ở đâu?

- Xá-lợi tôn huynh của đệ tử được Thế Tôn tuyên dương ở Kỳ Viên tịnh xá, kinh thành Sāvatti thì đệ tử nên an nghỉ tại núi Isigilī gần Trúc Lâm tịnh xá, kinh thành Rājagaha!

- Ông thật là chu đáo! Thôi, hãy làm những gì mà ông nghĩ là phải thôi!

- Tri ân đức Tôn Sư!

Thế rồi, tôn giả bay qua không gian về Kāḷasilāvihāra, núi Isigilī để nhập diệt. Isigilī là một trong năm ngọn núi bao quanh kinh thành Rājagaha, bốn núi kia là Vebhāra, Paṇḍava, Vepulla và Gijhakuṭā⁽²⁾. Sở dĩ tôn giả chọn ngọn núi này là vì không những nó nổi tiếng là đẹp mà còn là ngọn núi thiêng nữa. Trong quá khứ, ở đây đã có năm vị Độc Giác Phật ngụ cư⁽³⁾. Còn nữa, tôn giả còn biết rằng, chư thiên, phạm thiên, long vương... vốn rất có duyên với ngài, sẽ làm hỏa đài, sẽ làm lễ thiêu nhục thân ngài chứ không phải vua chúa, các gia chủ hay cư sĩ kinh thành Rājagaha.

Bởi vậy, khi tôn giả đi lên đi xuống các tầng thiên, dừng lại ở tứ thiên rồi chấm dứt nghiệp và thọ hành thì ngay lúc ấy, quả địa cầu rung chuyển dữ dội như một hiện tượng phi thường ở ngoài các định luật tự nhiên. Trong lòng đất chọt khởi lên những tiếng động ì ầm, ì ầm không ngớt. Trong rừng cây như có những âm thanh lạ lùng xé gió bay vút vào không gian vô tận. Phạm thiên, thiên vương Đế Thích, chư thiên như nhận được tín

⁽¹⁾ Là chấm dứt “tuổi thọ” chứ không phải thọ, hành.

⁽²⁾ 5 ngọn núi này có nhiều ghi chú không được đồng nhất.

⁽³⁾ Theo Dictionary of Pāli... có dẫn nhiều ở trong sách này.

hiệu của đất trời báo tin sự ra đi của vị đại đệ tử nên họ đã cùng nhau tụ hội tại núi Isigilī. Họ mang theo hương chiên đàn, hoa trời cùng những hương liệu của cõi trời đến cúng dường lên nhục thân của tôn giả. Sau đó, một hỏa đài bằng gỗ trầm hương cao chín mươi chín cubit⁽¹⁾ được chư thiên mau chóng dựng lên, đặt nhục thân ngài rồi phủ đầy hoa.

Lúc đức Đế Thích vừa đặt viên ngọc lửa, lửa thơm vừa bốc cháy thì đức Phật cùng chư vị trưởng lão có thắng trí sử dụng thần thông đã có mặt ngay tại chỗ ấy để chứng kiến lễ trà tì! Lửa cháy thì cứ cháy, và một trận mưa hoa từ trời cao rơi xuống phủ rộng cả một do tuần thì vẫn cứ rơi; đồng thời khắp bốn phương tám hướng xuất hiện vô số phạm thiên, thiên nhân, rồng, nhân điều, dạ-xoa, càn-thát-bà... đến cúng dường hỏa đài.

Ngọn lửa hỏa thiêu kéo dài đến cả ngày mới tàn rụi. Chư vị trưởng lão thu gom xá-lợi các loại, bay về Trúc Lâm tịnh xá.

Buổi chiều, đức Phật triệu tập riêng chư vị thánh tăng trưởng lão, ngài dạy:

- Chư vị nên bố cáo rộng rãi chuyện này đến với các hội chúng tăng, ni nơi này và nơi khác; đến cho hai hàng cư sĩ áo trắng trong hàng vua chúa, tướng lãnh, đại phú gia, thương gia cùng các giới khác. Ân đức của vị đệ nhị đại đệ tử cũng cần phải được ca ngợi, tán dương; là ngôi sao sáng cho tứ chúng hướng về! Mahā Moggallāna là một Sāriputta thứ hai, muôn triệu năm mới tượng hình được một nhân cách kỳ vĩ như thế.

Này, chư vị trưởng lão! Hai vị đại đệ tử, hai ngôi sao sáng của giáo hội cần phải có hai bảo tháp tương đương, cần phải tôn chức nghi lễ như nhau, có Như Lai đi đầu và đích thân Như Lai sẽ tôn trí y, bát, xá-lợi của Mahā Moggallāna lên bảo tháp.

Công việc xong xuôi, và cũng để giải tan sự sầu muộn của tôn giả Ānanda, đức Thế Tôn lại rời Trúc Lâm tịnh xá cùng với đại chúng lên đường. Ngài lại đi ngược phía Bắc, qua bờ bên

⁽¹⁾ Theo Đức Phật và 45 năm. của tỳ-khưu Chánh Minh, tập 7, trang 459.

kia sông Gaṅgā, đến xứ Vajjī, tại Ukkacala. Ở đây, tại một bãi cỏ trống, với đại chúng vây quanh, đức Thế Tôn nhìn ra sông Gaṅgā sóng vỗ cuộn cuộn, rồi nói:

- Nay các thầy tỳ-khuru! Các thầy có thấy không? Con sông Gaṅgā nước lũ cuộn cuộn, nó sẽ cuốn theo trong lòng mình bao nhiêu rác bèo, đất cát về với biển cả. Dòng sông Sinh Tử cũng vậy, nó cuốn đi tất cả chúng hữu tình, dầu là chư thiên, phạm vương, ma quân hay vua chúa, chúng sanh vạn loài. Giờ đây nó đã cuốn đi hai vị đại đệ tử ưu tú của Như Lai!

Các ông có biết không? Các bậc Thế Tôn, các đấng Toàn Giác từ ngàn xưa, ai cũng có hai ngôi sao xuất chúng bên cạnh mình, và bao giờ họ cũng ra đi trước đấng Đạo Sư. Hai vị đại đệ tử ấy bao giờ cũng được tứ chúng kính yêu, nể phục do trí tuệ, do phẩm chất, do công hạnh cùng phước báu ba-la-mật của họ. Hai vị đại đệ tử ấy là những người hoàn toàn về mọi phương diện. Sāriputta và Mahā Moggallāna là hai nhân cách ưu việt khó tìm thấy trên thế gian này hay thế gian khác. Không những các ông thương tiếc, ông Ānanda thương tiếc, mà Như Lai cũng thương tiếc. Nhưng Như Lai và rất đông chư vị đại trưởng lão đã thấy rõ, đã an trú vững chắc vào Tâm Bất Động, vào Tuệ Bất Động khi nhìn ngắm các pháp hữu vi vốn chịu tác động bởi những định luật tất yếu. Nhờ thế mới nói đến giải thoát, nhờ thế mới nói đến chấm dứt Tử Sinh.

Này các thầy tỳ-khuru! Các ông hãy nỗ lực tinh cần, kiên định không mệt mỏi để bước lên Con Đường. Người bước lên trước dẫn người bước lên sau, phải lên đến đỉnh đồi cao Bất Tử ấy để ca bài ca Chiến Thắng và Tự Do!

Đưa mắt lặng lẽ nhìn đại chúng, đức Thế Tôn nói thâm trong tâm rằng:

“- Khi Sāriputta và Mahā Moggallāna đi rồi thì đối với Như Lai, hội chúng này hoàn toàn trống rỗng!”

CHƯƠNG VI

Mùa An Cư Thứ 45 Của Đức Phật

1-Bảy Pháp Tránh Khởi Bại Vong

Mùa an cư năm thứ bốn mươi lăm, đức Phật an cư tại Trúc Lâm tịnh xá, gồm khá đông chư vị đại trưởng lão và chúng tỳ-khưu. Tuy nhiên, thỉnh thoảng, đức Phật lại ghé vườn xoài của Jīvaka hoặc lên đỉnh núi Linh Thứu (Gijjhakūṭa), tại đây ngài thường ở lại lâu hơn.

Hôm kia, tại triều đình đức vua Ajātasattu xảy ra một buổi họp bàn về quốc phòng khá nghiêm trọng. Số là tại Vesālī, các nước cộng hòa Videha, Moriya, Vajjī đã liên minh quân sự với nhau rất hùng mạnh. Các tướng quân và chiến sĩ Licchavī, vốn nổi tiếng kỷ luật nghiêm minh, bây giờ họ lại cùng liên kết với nhau sẽ tạo nên một sức mạnh đáng sợ. Triều đình lại vừa được nghe thám mã báo tin là bên kia sông Gaṇḍā, quân đội Vajjī đã rục rịch triển khai lực lượng, kế hoạch quân sự gì đấy!

Triều đình họp bàn đã ba hôm, đến hôm nay họ đều nhất trí là phải huy động toàn bộ sức mạnh quân sự để tấn công trước khi Vajjī chưa kịp trở tay. Tuy nhiên, đức vua Ajātasattu cẩn thận hơn nên nói với viên đại thần Vassakāra đến đánh lễ đức Phật lắng nghe xem ngài có chỉ dạy gì không.

Viên đại thần Vassakāra tuân mệnh.

Tại hương phòng, đức Phật tiếp phái bộ sứ giả của đức vua. Sau khi nghe xong những lời thưa hỏi phải phép của đức vua qua miệng sứ giả, và cái quyết tâm trừng phạt dân chúng Vajjī

của vua quan triều đình, đức Phật im lặng.

Khi ấy, sau lưng đức Phật chỉ có tôn giả Ānanda đang đứng quạt hầu, ngài bèn nói:

- Này Ānanda! Ông là người có kiến văn rộng rãi, thế ông có biết, dân chúng Vajjī có thường hội họp, và hội họp đông đảo khi có việc liên hệ đến công ích, liên hệ đến ý kiến của dân chúng không?

Tôn giả Ānanda đáp:

- Bạch Thế Tôn! Ở thôn xóm, làng xã, phố phường khi có việc gì liên hệ đến công ích, liên quan đến quyền lợi hoặc nghĩa vụ của người dân, chính quyền các nước cộng hòa, nhất là Vajjī, họ cho hội họp dân chúng, và hội họp đông đảo để nghe ý kiến của phần đông!

- Thế thì, này Ānanda! Nếu có trường hợp Vajjī biết tôn trọng người dân, biết lắng nghe ý kiến của người dân trong các cuộc hội họp đông đảo như thế thì Vajjī sẽ được hùng cường, giàu mạnh, không thể suy yếu và bại vong đâu!

- Tâu vâng! Quả đúng như thế thật, bạch Tôn Sư!

- Vậy thì, đức Phật hỏi tiếp - Ông có nghe dân chúng Vajjī họ hội họp trong tinh thần đoàn kết, vui vẻ; làm việc trong tinh thần đoàn kết, vui vẻ và giải tán trong tinh thần đoàn kết, vui vẻ không?

- Quả đúng họ là như vậy, bạch đức Đạo Sư!

- Vậy này Ānanda! Khi nào dân chúng Vajjī hội họp trong tinh thần đoàn kết, vui vẻ cả ba thời, trước khi, trong khi và sau khi như thế thì Vajjī sẽ được hùng cường, giàu mạnh, không thể suy yếu và bại vong đâu!

- Tâu vâng, bạch Thế Tôn!

Rồi đức Phật vẫn nói chuyện tiếp với tôn giả Ānanda như không hề biết sự có mặt của viên quan đại thần sứ giả.

- Ông có nghe chính quyền Vajjī không ban hành những luật lệ mà chưa được dân đồng thuận, không hủy bỏ những luật lệ đã tạo nên sự chuẩn mực an lành, an toàn cho xã hội; và chính

quyền tôn trọng truyền thống của người Vajjī như là những giá trị tinh thần tốt đẹp từ ngàn xưa để lại không, này Ānanda!

- Đúng là vậy thật, bạch đức Đạo Sư.

- Nếu được vậy, thì này Ānanda! Đất nước Vajjī sẽ mãi hùng cường, giàu mạnh, không thể suy yếu và bại vong đâu!

- Quả vậy, không sai được.

- Ông có nghe dân chúng Vajjī tôn trọng, kính trọng các bậc già lão, trưởng thượng; biết nghe lời dạy bảo của những vị này không?

- Thừa có, bạch Thế Tôn.

- Nếu được vậy thì Vajjī không thể suy yếu và bại vong được.

- Tâu vâng! Họ sẽ hùng cường, giàu mạnh và tốt đẹp!

- Ông có nghe dân chúng Vajjī không có bắt cóc và không cưỡng ép những phụ nữ phải sống với mình; cũng không trấn bực, hăm hiếp hay có những hành động vũ phu hay kỳ thị quá đáng đối với nữ giới không?

- Bạch Thế Tôn! Không có trường hợp đó xảy ra. Dân chúng Vajjī có lẽ ảnh hưởng khá sâu đậm bởi những giáo đoàn ni chúng ở Vesālī nên có thể nói, họ biết tôn trọng nữ giới, đối xử với nữ giới phải lễ lăm!

- Nếu vậy thì đất nước ấy không thể suy yếu và bại vong được, này Ānanda!

- Tâu vâng! Nhất định thế rồi, bạch Thế Tôn!

- Ông có nghe dân chúng Vajjī còn biết giữ gìn tông miếu, dòng họ, tổ tiên và không bỏ phế việc cúng lễ hương đăng tại những nơi thờ cúng như một nghĩa cử đạo lý đối với những người đã khuất mà họ mang ơn?

- Đúng là họ còn biết bảo vệ, giữ gìn tông miếu cùng những đạo lý tốt đẹp từ ngàn xưa.

- Thế thì họ còn mãi hùng cường và giàu mạnh, không thể suy yếu và bại vong đâu.

- Chắc chắn như vậy, bạch Tôn Sư!

- Ông có nghe chính quyền và dân chúng Vajjī bảo hộ, che

chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán, khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến đều được tự do cư trú, tự do trì bình khát thực, tự do hành đạo và giảng pháp không?

- Đất nước Vajjī và các tiểu bang cộng hòa bên kia sông Gaṅgā không những tôn trọng tự do tín ngưỡng mà còn biết chở che, bảo vệ truyền thống tốt đẹp ấy nữa, như quốc độ Kosala, quốc độ Māgadha không khác - bạch Thế Tôn!

- Lành thay! Nếu vậy thì đây là một đất nước hùng cường, giàu mạnh đang noi gương và sống đúng theo những vương pháp của đức Chuyển Luân Thánh Vương đấy!

Và này Ānanda! Khi nào dân chúng Vajjī thường hay hội họp, và hội họp đông đảo khi có việc gì liên hệ đến công ích, liên hệ đến ý kiến của phần đông; khi nào dân chúng Vajjī hội họp trong tinh thần đoàn kết, vui vẻ, làm việc trong tinh thần đoàn kết, vui vẻ và giải tán trong tinh thần đoàn kết, vui vẻ; khi nào chính quyền Vajjī không ban hành những luật lệ mới mà chưa được dân đồng thuận, không hủy bỏ những luật lệ đã tạo nên sự chuẩn mực an lành, an toàn cho xã hội, và chính quyền tôn trọng truyền thống của người Vajjī như là những giá trị tinh thần tốt đẹp từ ngàn xưa để lại; khi nào dân chúng Vajjī tôn trọng, kính trọng các bậc già lão, trưởng thượng, và họ biết nghe theo lời dạy bảo của những vị ấy; khi nào dân chúng Vajjī không có bắt cóc và không cưỡng ép những phụ nữ phải sống với mình, cũng không trấn bức, hăm hiếp hay có những hành động vũ phu hay kỳ thị quá đáng đối với nữ giới; khi nào dân chúng Vajjī còn biết giữ gìn tông miếu, dòng họ, tổ tiên và không bỏ phước việc cúng lễ hương đăng tại những nơi thờ cúng như một nghĩa cử đạo lý đối với những người đã khuất mà họ mang ơn; khi nào dân chúng Vajjī bảo hộ, chở che, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán, khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến đều được tự do cư trú, tự do trì bình khát thực, tự do hành đạo và giảng pháp. Nay

Ānanda! Đầy đủ cả bảy pháp ấy, bảy điều kiện tất yếu ấy thì đất nước ấy, quốc độ ấy sẽ hùng cường và giàu mạnh, không một thế lực, một dũng lực hữu vi nào có thể làm cho nó suy yếu, bại vong, tiêu hoại được!

Nói thế xong, đức Phật quay qua nhìn viên đại thần sứ giả:

- Nay Vassakāra! Một thời, tại Vesālī, ở tư miếu Sārāṇadā, Như Lai đã giảng dạy cho tướng quân, chiến sĩ và dân chúng Vajjī bảy pháp bất thối này. Và khi nào bảy pháp bất thối này còn được duy trì, thực hành, y chỉ thì đất nước ấy sẽ được hùng cường, giàu mạnh, không thể suy yếu, bại vong, tiêu hoại được.

Nghe đến đây, Vassakāra, viên đại thần nước Māgadha cúi gập người xuống:

- Thừa tôn giả Gotama! Nếu dân chúng Vajjī chỉ hội đủ một pháp bất thối này, thì họ nhất định được hùng cường, giàu mạnh, không thể suy yếu, bại vong được - huống nữa là bảy pháp. Và nếu sự tình là như vậy, sự thực là như vậy thì đức vua nước Māgadha không thể đánh bại dân Vajjī ở chiến trận trừ phi dùng ngoại giao hay kế ly gián.

Thừa tôn giả Gotama! Nay chúng tôi phải đi, chúng tôi còn có nhiều việc và nhiều bổn phận phải làm!

- Ủ, Ông hãy tùy nghi thời gian và công việc.

2- Bảy Pháp Không Thối Thất

Khi viên đại thần Vassakāra đi chưa bao lâu, đức Phật nói với tôn giả Ānanda:

- Hãy tập họp tại núi Gijjhakūṭa tất cả những vị tỳ-khưu sống trong kinh thành Rājagaha cùng vùng phụ cận, Như Lai cần nói một bài pháp quan trọng.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Thế rồi, hôm ấy và mấy hôm sau, chư vị tỳ-khưu cả hằng ngàn người như từng đám mây vàng quy tụ tại đỉnh núi Gijjhakūṭa; và họ đánh lễ đức Phật từ xa rồi ngồi rải rác đầy khắp khoảng

đất trống, sườn núi, triền khe, bờ đá. Họ im lặng như rừng cây đại định để chờ đợi lắng nghe thời pháp của đức Phật.

- Nay các thầy tỳ-khuru! Như Lai sẽ giảng bảy pháp bất thối, như là yếu quyết để gìn giữ giáo pháp và tăng đoàn. Hãy nghe và suy nghiệm cho thật kỹ.

- Thừa vâng, bạch đức Đạo Sư!

Cả rừng người đáp lại xong, đức Phật giảng nói trực tiếp, đi thẳng ngay vào chủ đề:

- Khi nào chúng tỳ-khuru thường hoan hỷ hội họp việc tăng và hội họp đông đủ để học hỏi, luận bàn giáo pháp thì chúng tỳ-khuru ấy sẽ được tăng thịnh, không bị tổn giảm, suy thoái.

Khi nào chúng tỳ-khuru đến với nhau trong tinh thần hòa hợp, đoàn kết, chia tay nhau trong tinh thần hòa hợp, đoàn kết thì chúng tỳ-khuru ấy sẽ được tăng thịnh, không bị tổn giảm, suy thoái.

Khi nào chúng tỳ-khuru cùng chấp hành, tôn trọng những học giới, những pháp quy đã được ban hành; và không tự ý đặt ra những giới luật mới khi chưa được sự đồng thuận của tăng thì chúng tỳ-khuru ấy sẽ được tăng thịnh, không bị tổn giảm, suy thoái.

Khi nào chúng tỳ-khuru còn biết tôn trọng, kính trọng, đánh lễ, và biết nghe lời dạy bảo của các bậc trưởng lão đạo hạnh, những bậc thượng tôn tăng đoàn nhiều kinh nghiệm thì chúng tỳ-khuru ấy sẽ được tăng thịnh, không bị tổn giảm, suy thoái.

Khi nào chúng tỳ-khuru không bị chi phối bởi dục vọng, tham ái, và bởi do tham ái và dục vọng này họ biến mình thành con người khác, đời sống khác, lãng xăng với bụi bặm của thế tục thì chúng tỳ-khuru ấy sẽ được tăng thịnh, không bị tổn giảm, suy thoái.

Khi nào chúng tỳ-khuru thích sống những nơi như núi rừng, làng mạc xa vắng, tĩnh lặng thì chúng tỳ-khuru ấy sẽ được tăng thịnh, không bị tổn giảm, suy thoái.

Khi nào chúng tỳ-khuru tự thân an trú chánh niệm, sống đời

an lạc, giải thoát làm chỗ nương tựa cho bạn đồng phạm hạnh thì chúng tỳ-khuru ấy sẽ được tăng thịnh, không bị tổn giảm, suy thoái.

Giảng đến ngang đây, đức Phật nhấn mạnh, kết luận:

- Nay các thầy tỳ-khuru! Chừng nào mà bảy pháp bất thối này còn được các vị xem trọng, biết thực hành theo, lại còn biết phổ cập rộng rãi trong các hội chúng tăng đoàn quốc độ này và quốc độ khác thì chắc chắn giáo pháp sẽ được hưng thịnh và giáo hội tăng đoàn không thể nào bị suy thoái được.

Còn nữa, bảy pháp bất thối này còn như một năng lực tâm linh tối thượng, vừa tại thế, vừa xuất thế, không một sức mạnh nào ở bên ngoài, dù thế gian lực, chư thiên lực, ma vương lực, phạm thiên lực cũng không thể nào làm nó suy yếu, tổn giảm được. Tuy nhiên, nó lại rất sợ năng lực bên trong.

Này các thầy tỳ-khuru! Năng lực bên trong ấy là gì?

Ví như loài sư tử, nó là chúa của rừng sâu, nó bất bại trước các dã thú, hoang thú nhưng nó lại bất lực trước các con trùng li ti bé nhỏ sống tầm gỏi nơi thân xác nó. Khi sư tử suy yếu, già bệnh, chính loài trùng này sẽ gặm nhấm nó, rúc rĩa nó lần hồi cho đến lúc chỉ còn là bộ xương trắng hếu. Chính trùng sư tử mới ăn thịt được sư tử. Cũng vậy, kẻ làm cho giáo pháp suy tàn và giáo hội tiêu vong là chính các vị, chính là những tỳ-khuru tăng ni sống trong giáo hội, tăng đoàn chứ không ai khác. Vậy hãy gìn giữ, phụng hành bảy pháp bất thối, đừng bao giờ biến mình thành những con trùng ăn thịt sư tử, ăn thịt giáo hội và tăng đoàn! Hãy nhớ lấy!

Rồi suốt ba buổi chiều kế tiếp, đức Phật nhắc nhở chư vị tỳ-khuru hãy xa lánh việc đời, chuyện đời, đừng đề chuyện đời, việc đời lôi cuốn. Đừng nên tán gẫu vô ích, không nên say sưa chuyện phiếm. Đừng giải đãi, biếng nhác, ưa thích ăn uống, ngủ nghỉ. Phải biết xa lánh đám đông, đừng quần tụ, la cà với đám đông. Đừng để những dục vọng tầm thường chi phối để làm những việc mà người đời cười chê. Hãy xa lánh bạn bè xấu ác,

đừng thân cận với họ và cũng đừng cộng hành với họ.

Và cũng đề củng cố thêm tư cách, phẩm hạnh, lộ trình tu tập cho chúng tỳ-khưu sơ tu, đức Phật giảng thêm bảy pháp căn bản nữa là: Tín, tâm, quý, đa văn, tấn, niệm, tuệ. Ngài cũng nhắc lại bảy yếu tố trên lộ trình giác ngộ, giải thoát ấy là niệm, trạch pháp, tấn, hỷ, an, định và xả. Bảy pháp quán tưởng là vô thường tưởng, vô ngã tưởng, bất tịnh tưởng, nguy hiểm tưởng, xả ly tưởng, vô tham tưởng, diệt tưởng - đức Phật cũng giảng dạy rất chi ly, cặn kẽ.

Cuối buổi còn lại ở trên núi Gijjhakūṭa, đức Phật lại nhắc nhở chư tỳ-khưu thực hành sáu phép hòa kính là căn bản để các hội chúng nơi này nơi kia đưa đến thuận hòa, yên ấm khi chung sống với nhau, không đưa đến ly tan, đổ vỡ.

Hôm ấy, cả hơn hai ngàn vị tỳ-khưu tăng ni, đa phần là thành phần thanh niên và trung niên xuất gia mười năm trở lại; họ rợn ngợp, rùng mình, lạnh gáy vì thời pháp. Một làn gió vô hình buốt lạnh thổi qua tâm não họ, nhất là câu: Đừng bao giờ biến mình thành những con trùng ăn thịt sư tử, ăn thịt giáo hội và tăng đoàn! Rõ ràng là thời pháp này dành cho họ chứ không phải với chư vị trưởng lão và đại trưởng lão.

Trời đã gần tối, mây mù bàng bạc. Đức Phật khẽ đưa mắt nhìn trời rồi nói với tôn giả Ānanda bên cạnh:

- Sớm mai, chúng ta rời núi, về Trúc Lâm tịnh xá. Trời sắp mưa lớn và mưa nhiều ngày.

3- Lại Lên Đường! Đi Là Về!

Ở tại Trúc Lâm, thấy trời quang, mây tạnh, đức Phật lại ôm bát lên đường, với đại chúng chừng năm trăm vị trong đó chỉ có chư tôn giả Ānanda, Upāli, Anuruddha... là đi theo, còn tất cả ở lại tịnh xá.

Lúc này đức Phật đã tám mươi tuổi, sức khỏe đã giảm sút nhưng ngài muốn đi, đi khá chậm rãi, lộ trình lên phía Bắc.

Dường như ngài muốn thăm nơi này nơi kia một ít ngày. Đầu tiên, đức Phật ghé thăm ngôi vườn Ambalatthikā, vốn là nơi nghỉ mát của đức vua Bimbisāra trước đây đã dâng cúng cho giáo hội.

Rời Ambalatthikā, đức Phật ghé Nalandā rồi đi thẳng lên Pāṭaligāma, là một thị trấn bên bờ sông Gaṇḍā. Tại đây, đức Phật giảng dạy về lợi ích của người giữ giới và sự nguy hại của người phá giới như thế nào.

Rời nhóm hội chúng cư sĩ, đức Phật về chỗ nghỉ ngơi lúc trời đã khuya. Hướng tâm, ngài biết một việc: Số là sau khi viên đại thần Vassakāra về nói lại bảy pháp bất thối mà ngài đã giảng, đức vua Ajātasattu biết là ngài đã tinh tế khuyên vua không nên gây can qua với Vajjī vì họ rất hùng mạnh. Bây giờ chỉ có một cách là phòng thủ, nên đức vua cử hai viên đại thần là Vassakāra và Sunidha đến tại thị trấn Pāṭaligāma nghiên cứu công trình phòng thủ.

Đức Phật còn biết, trong nay mai, thị trấn Pāṭaligāma này sẽ trở thành một thành phố lớn quan trọng, là nơi phát triển kinh tế, thương mại phồn thịnh nhất trong khu vực vì ngài thấy rất nhiều thiên thần có oai lực đang trấn ngự ở đây.

Hôm sau, đức Phật nhận lời mời buổi đặt bát cúng dường của hai viên đại thần. Tại trú xứ của hai vị, đức Phật nói một thời pháp rồi kết luận bằng một bài kệ với ý nghĩa như sau:

“- Chỗ nào mà người sáng suốt, có trí tuệ chọn làm trú xứ của mình thì chỗ ấy phải biết nuôi dưỡng, chăm sóc người có giới và bậc phạm hạnh. Ngoài ra, khi làm được công đức, phước báu gì thì phải biết hồi hướng, chia sẻ với chư thiên, thọ thần. Nếu được tôn kính đúng mức thì họ sẽ tôn kính lại. Nếu được trọng vọng, họ sẽ trọng vọng lại. Nếu được mến thương, họ sẽ mến thương lại. Ai được thọ thần, chư thiên tôn kính, trọng vọng, mến thương thì người ấy luôn được mọi sự hanh thông, an vui và nhiều may mắn!”

Lúc đức Phật và đại chúng từ già, hai vị đại thần đi sau cùng,

nói với nhau rằng: “Hôm nay sa-môn Gotama đi ra cửa nào thì cửa ấy sẽ được đặt tên là cửa Gotama; sa-môn Gotama lội qua sông từ bến nào thì bến ấy sẽ được đặt tên là bến Gotama”.

Cũng ngay chiều hôm ấy, đức Phật và đại chúng đi đến bến sông. Lúc bấy giờ, sông Gaṅgā tràn ngập nước đến bờ đến nổi con quạ có thể uống được. Có người đang đi tìm thuyền, có người đang đi tìm phao, có người cột bè để qua bờ bên kia. Đức Phật mau lẹ như viên lực sĩ co hay duỗi cánh tay, biến mất từ bờ bên này và hiện ra bờ bên kia với chúng tỳ-khuru. Nhìn lại cái cảnh người thì tìm thuyền, kẻ tìm phao, người cột bè, cảm khái, đức Phật thốt lên: “Ai dễ dàng vượt qua biển ngàn trùng dương sinh tử, bỏ lại đất sũng đầm ao đau khổ, trong khi chúng phàm phu đang loay hoay tìm thuyền, cột bè... Người ấy là bậc trí tuệ, giải thoát”.

Đức Phật lại bộ hành, lại ra đi. Đến Kotigāma ngài lại giảng Tứ Thánh Đế cho chúng tỳ-khuru. Đến Nāḍika, nhân nghe có nhiều tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, cận sự nam, cận sự nữ ở đây, từ thần vừa mới gõ cửa nên tôn giả Ānanda bạch hỏi sanh thú của họ. Đức Phật sau khi nói rõ cảnh giới thai sanh, hóa sanh của từng người, ngài có ý la rầy tôn giả Ānanda, là nếu ai chết cũng hỏi thì làm phiền nhiều ngài quá đấy! Quan trọng là tu tập làm sao để biết chắc mình không còn bị đọa vào bốn con đường khổ là được rồi. Muốn khỏi bị đọa vào tứ ác đạo, một tỳ-khuru hay cư sĩ phải chứng quả Dự Lưu, có chánh tín với đức Phật, đức Pháp, đức Tăng. Đơn giản vậy thôi.

Rời Nāḍikā, đức Phật đến Vesālī. Chư tăng bốn xứ tề tựu đón tiếp ngài rất đông. Tại đây, đức Phật dạy đại chúng tỳ-khuru thế nào là chánh niệm, tỉnh giác đối với thân, thọ, tâm, pháp rồi ngài lên đường, ghé làng Baḷuvā và trú trong một ngôi nhà bằng gạch được gọi là Giṇṇakāvasatha.

Thấy thời tiết xấu đi, mưa tầm tã, đức Phật khuyên chư tăng nên tìm chỗ trú cư, riêng ngài thì ở tạm Baḷuvā này. Chỉ hôm sau là một cơn bệnh trầm trọng phát sanh, đau đớn vô cùng; đức

Phật xua tay cho mọi người đi hết rồi nằm yên, không hề tỏ một dấu hiệu nào là cơn bệnh như đang đục khoét xương tủy, chẳng có ai đủ sức chịu đựng. Tuy nhiên, nghĩ là phải vượt qua nó, đức Phật đã sử dụng thiên định để làm lắng dịu cơn đau. Do ngài nghĩ: “Cái cỗ máy thân xác này đã đến hồi rã mục rồi. Nhưng thật là không phải lẽ khi ta nhập diệt ở đây mà chưa có những giáo giới cuối cùng đến đệ tử các hàng. Vậy ta phải duy trì thọ hành, duy trì mạng căn đến lúc đúng thời, phải lẽ nhất!”

Thấy đức Phật khỏe trở lại, tôn giả Ānanda rất vui mừng:

- Khi thấy Thế Tôn cơn bệnh phát sanh, phải chịu đựng nó, kham nhẫn nó, đệ tử cảm thấy yếu mềm như lau cổi, vật vờ như người mất phương hướng, nhưng cũng tự an ủi rằng: Chắc chắn Thế Tôn chưa diệt độ vì chưa có lời “di giáo” đến chư tỳ-khưu tăng.

Đức Phật trả lời:

- Nay Ānanda! Chư tăng còn mong mỏi gì ở Như Lai nữa? Chánh pháp, Như Lai đã cạn kể giảng nói hết rồi. Trong bàn tay của Như Lai không còn nắm giữ hay giấu giếm bất kỳ một pháp nào. Chẳng còn gì mà Như Lai chưa hề giảng dạy.

Này Ānanda! Nay Như Lai đã tám mươi tuổi, đã già, đúng lúc phải ra đi rồi. Như cái cỗ xe đã cỗi mòn, sở dĩ còn chạy được là nhờ vào những đai, trục, vành, thắng kết cấu lại, cũng vậy, cái thân Như Lai còn duy trì được chút ít sự sống là nhờ vào sự chống đỡ của xương gân, dây chằng đan kết lại.

Này Ānanda! Hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình. Hãy tự nương tựa nơi chính mình, chớ nương tựa bất kỳ một nơi nào khác.

Này Ānanda! Những ai sau khi Như Lai diệt độ, biết tự mình là hòn đảo của chính mình, biết tự nương nhờ chính mình; nói cách khác, biết dùng chánh pháp làm ngọn đèn, biết lấy chánh pháp làm chỗ nương tựa thì họ là những bậc tối thượng trong hàng tỳ-khưu!

4- Phật Hứa Ma Vương

Hôm ấy, sau khi đi khát thực quanh thành Vesāli, độ ngũ xong, trên đường trở về, đức Phật nói với tôn giả Ānanda là đến điện thờ Cāpāla để nghỉ trưa. Đến đây, tôn giả Ānanda lựa tìm một chỗ sạch sẽ, mát mẻ trải tấm tọa cụ cho đức Phật an ngự, còn mình thì ngồi xuống một nơi phải lẽ.

Chợt đức Phật đưa mắt nhìn quanh, cảm hứng ngũ thốt lên:

- Khả ái thay Vesāli! Khả ái thay điện thờ Udena! Khả ái thay điện thờ Gotamaka! Khả ái thay điện thờ Sattambaka! Khả ái thay điện thờ Bahuputta! Khả ái thay điện thờ Sārandada! Khả ái thay điện thờ Cāpāla!

Vào đề thế xong, đức Phật nói tiếp:

- Nay Ānanda! Những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thì nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Nay Như Lai đã tu bốn thần túc đã đến độ toàn diện, viên mãn, nếu muốn Như Lai có thể duy trì mạng căn, thọ hành sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

Mặc dầu đức Phật đã nói ba lần về khả năng tứ thần túc của ngài nhưng tôn giả Ānanda không hề hiểu sự gợi ý ấy. Nếu hiểu thì chắc tôn giả phải quỳ bạch rồi thỉnh cầu rằng: “Xin đức Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp. Xin đức Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người!”

Sau này, kinh sử thuật lại rằng, lúc ấy tôn giả Ānanda đang mơ mơ màng màng, nửa như cái tâm đang ngủ, nửa như bị ma ám nên không nghe không biết lời gợi ý của đức Thế Tôn.

Khi đức Phật bảo ngài Ānanda tìm chỗ nghỉ ngơi, tôn giả đi chưa được bao lâu thì Ma vương tìm đến, nó nói:

- Trước đây, tại Uruvelā, trên bờ sông Nerañjarā, tại cội cây

giác ngộ, khi sa-môn Gotama vừa thành đạo, đã quyết định chuyển bánh xe Pháp, tôi mời thỉnh sa-môn Gotama hãy diệt độ thì ông đã có nói với tôi rằng: “Như Lai sẽ không diệt độ khi nào chúng đệ tử chưa trở thành những con người chân chánh, sáng suốt, có kỷ luật, nghe nhiều học rộng, biết duy trì chánh pháp, thành tựu pháp học, pháp hành, sống theo chánh pháp, có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích, và giải thích rõ ràng chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên có thể giải minh và hàng phục một cách khéo léo, truyền bá chánh pháp một cách mỹ toàn và thần diệu”. Thì nay đệ tử của sa-môn Gotama thành tựu đã còn hơn thế nhiều. Cả hai giáo hội tăng ni cả hàng ngàn tỷ-khuru bác học, đa văn, thành tựu trí tuệ, thiền định, giới luật, thuyết pháp, cụ túc pháp học, pháp hành và đang thiện xảo xiển dương giáo pháp khắp cả châu Diêm-phù-đề rồi! Vậy nay tôi yêu cầu sa-môn Gotama thực hiện lời hứa thuở trước!

Yên lặng một lát, sau khi xác nhận điều mà Ma vương nói là hoàn toàn đúng với sự thực, đức Phật nói:

- Thôi được rồi, này Ma vương! Như Lai sẽ thực hiện lời hứa. Đúng ba tháng kể từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ!⁽¹⁾

Rồi ngay tại thời khắc ấy, đức Phật chánh niệm, tỉnh giác, nguyện từ bỏ thọ hành (āyusaṅkhāra), chỉ duy trì mạng căn trong ba tháng nữa thôi, thì cũng chính ngay lúc đó, địa đại chấn động kinh hoàng, sấm trời vang dậy, những âm thanh ghê rợn nổi lên, ai lông tóc cũng dựng ngược, sợ hãi, không hiểu là chuyện gì!

Tôn giả Ānanda nghe thấy trời đất như vậy cũng rất kinh sợ, đến bên Phật muốn hiểu căn do thì ngài đáp:

- Này Ānanda! Có tám nhân, có tám duyên khiến địa đại chấn động. Ông biết không? Địa đại này thiết lập trên nước, nước ở trên gió và gió ở tại hư không. Đến thời phong đại khởi

⁽¹⁾ Hôm ấy đúng ngày rằm tháng giêng ta. Do vậy, ngày 15 tháng Giêng, Phật giáo Nam tông có cuộc lễ “Phật hứa Ma Vương”.

lên, gió lớn khi thổi làm nổi sóng nước, và khi nước nổi sóng thì quả đất rung động.

Đó là nhân thứ nhất, duyên thứ nhất, địa đại chấn động.

Còn nữa, này Ānanda! Có vị sa-môn hay bà-la-môn có thần thông, tâm được chế ngự, hay hàng chư thiên có đại thần thông, có đại uy lực; những vị này quán địa tánh có hạn, thủy tánh vô lượng, vị ấy có thể khiến quả đất này rung động, chuyển động mạnh.

Đó là nhân thứ hai, duyên thứ hai khiến địa đại chấn động.

Còn nữa, này Ānanda! Khi vị bồ-tát ở cõi Tusita từ bỏ báo thân, chánh niệm, tỉnh giác nhập vào mẫu thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh.

Đó là nhân thứ ba, duyên thứ ba khiến địa đại chấn động.

Còn nữa, này Ānanda! Khi vị bồ-tát chánh niệm, tỉnh giác ra khỏi mẫu thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh.

Đó là nhân thứ tư, duyên thứ tư khiến địa đại chấn động.

Còn nữa, này Ānanda! Khi Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, lúc ấy quả đất rung động, chuyển động, chấn động mạnh.

Đó là nhân thứ năm, duyên thứ năm khiến địa đại chấn động.

Còn nữa, này Ānanda! Khi Như Lai chuyển bánh xe pháp, lúc ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh.

Đó là nhân thứ sáu, duyên thứ sáu, khiến địa đại chấn động.

Còn nữa, này Ānanda! Khi Như Lai chánh niệm, tỉnh giác từ bỏ, không duy trì mạng sống, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh.

Đó là nhân thứ bảy, duyên thứ bảy, khiến địa đại chấn động.

Còn nữa, này Ānanda! Khi Như Lai nhập vô dư y Niết-bàn, lúc ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh.

Đó là nhân thứ tám, duyên thứ tám, khiến địa đại chấn động.

Này Ānanda! Do tám nhân này, tám duyên này, khiến địa đại chấn động, không có một nhân, một duyên nào khác nữa.

Khi đức Phật tuyên bố là đã từ bỏ thọ hành, đã hứa với Ma vương là chỉ duy trì mạng căn ba tháng nữa thôi thì tôn giả Ānanda vô cùng sầu não.

Thế Tôn lại phải ân cần nhắc nhở:

- Phải chăng Như Lai đã từng tuyên bố rằng: Mọi vật mình ưu ái, luyện thương, thân sắc và hình dung này đều phải bị thay đổi, biến dịch, đều phải trả về cho hư không, cho cát bụi?

Này Ānanda! Làm sao những cấu tạo hữu vi, những gì sanh khởi, tồn tại, chịu sự vô thường, thay đổi mà không đưa đến biến diệt cho được?

Này Ānanda! Những gì Như Lai đã từ bỏ, xả ly, khước từ, chính là thọ hành. Như Lai đã tuyên bố và đã tuyên bố một cách dứt khoát như vậy. Vậy cầu mong Như Lai muốn sống, duy trì thọ hành thì chẳng khác gì phản lại lời tuyên bố của Như Lai?

Đừng khóc thương, sầu muộn một cách vô ích nữa. Hãy chuẩn bị để cùng Như Lai ghé Kūtagāra, rừng Mahāvana.

Hôm sau, muốn đưa Ānanda vào công việc, đức Phật bảo tôn giả tìm cách thông báo, mời thỉnh tất cả chư tăng ni tại Vesālī và vùng phụ cận đến tại giảng đường Đại Lâm để Thế Tôn giáo giới.

Và rồi tại đây, trước vài ngàn thánh chúng tăng ni, đức Phật giảng tới giảng lui cặn kẽ, chi li về ba mươi bảy trợ đạo phẩm, như là tóm gọn toàn bộ giáo pháp mà đức Phật chứng ngộ và giảng nói suốt bốn mươi lăm năm qua. Đó là tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ thần túc, ngũ căn, ngũ lực, thất bồ-đề phần, bát chánh đạo phần.

Đưa mắt nhìn khắp hội chúng tăng ni, đức Phật khởi tâm đại bi tạo một năng lượng đồ tràn ra không gian rồi lớn giọng, chẳng khác gì là lời di giáo:

- Này đại chúng! Đây là lời nhắn nhủ quan trọng nhất của Như Lai để các vị làm kim chỉ nam tu tập: “Các hành là vô thường. Hãy tinh tấn lên để tự giải thoát”.

5- Bữa Ăn Cuối Cùng

Hôm sau, đức Phật lại ôm y bát vào thành để khát thực, trên đường trở về, ngài đưa mắt nhìn bao quát Vesālī bằng cái nhìn của con voi chúa rồi nói với tôn giả Ānanda:

- Đây là cái nhìn Vesālī lần cuối cùng của Như Lai, không còn một lần nào khác nữa.

Và rồi, ngài tiếp:

- Chúng ta hãy cùng đi đến ngôi làng Bhandagāma. Sau khi rời Bhandagāma là đến Hatthigam; rời ngôi làng Ambagāma đến Jambugāma... Bhoganagara...

Và cứ thế, từng bước đi, đức Phật với từng bước đi như đi chỉ để mà đi, trọn vẹn trong mỗi bước đi, chứ không phải đi là để tìm kiếm cái gì phía trước, nhân và quả đủ đầy trong mỗi bước đi, trong mỗi hơi thở! Không biết tôn giả Ānanda và chư tỳ-khưu đi theo đức Phật, họ có học được bài học đó không? Hay chỉ có chư trưởng lão như Upālī, Anuruddha, Mahā Cunda, Upavāna... là họ cũng đang thực hiện điều ấy trong mỗi bước đi của mình? Gần suốt ba tháng như vậy, mỗi địa danh đức Phật dừng lại năm bảy hôm, mỗi nơi, đức Phật giảng một bài pháp khác nhau, nhưng quan trọng nhất, được lặp đi lặp lại nhiều lần nhất là nói về thánh giới, thánh định, thánh tuệ và thánh giải thoát.

Rời Bhoganagara, đức Phật đến Pāvā.

Tại đây, đức Phật ngụ tại vườn xoài của người thợ rèn Cunda. Người thợ rèn rất hạnh phúc, tìm đến để nghe pháp. Ông hoan hỷ quá. Hôm sau, ông xin thỉnh đức Phật và tăng chúng đến cùng đường đặt bát tại tư gia. Ông đã công phu chuẩn bị những món ăn thượng vị cứng mềm rất chu đáo, đặc biệt là có món được gọi là Sūkara-maddava⁽¹⁾ là chỉ để dâng riêng cho đức Phật.

⁽¹⁾ Tên Pālī này, hòa thượng Minh Châu dịch là “một loại mận nhĩ”.

Độ xong, đức Phật nói với Cunda:

- Món ăn Sūkara-maddava còn lại, người hãy đem chôn vào một hố nào đấy. Này Cunda! Như Lai không thấy một ai ở cõi trời, cõi người, ma giới, trong chúng sa-môn, bà-la-môn hoặc bất kỳ một ai khác, ăn món ăn này mà có thể tiêu hóa được, trừ Như Lai.

Người thợ rèn Cunda vâng lời đức Phật.

Chừng nửa canh giờ sau khi độ thực món ăn ấy, đức Phật bị bệnh nặng, có triệu chứng lỵ huyết, đau đốn khốc liệt. Tuy nhiên, lát sau, trấn tĩnh cơn đau, đức Phật nói:

- Này Ānanda! Chúng ta hãy đi đến Kusinārā.

Tuy vâng lời nhưng tôn giả áy náy không yên. Và người áy náy không yên, đau khổ, dần vật nhất lại chính là Cunda! Người thợ rèn này cảm thấy mình có tội, mình là thủ phạm dâng cúng món ăn Sūkara-maddava nên đức Phật bị đau tả lỵ, có lẽ là có máu bị rỉ ra từ dạ dày, từ đường ruột! Ông gục đầu xuống, khóc nức nở:

- Con chỉ có thành ý, tâm niệm trong sáng và tốt lành khi dâng cúng món ăn ấy, nó non mềm, thơm ngon... con cũng không ngờ...

Đức Phật mỉm cười:

- Không phải tội là do ông đâu. Trong quá khứ, thuở còn là bò-tát, trong các kiếp sống sinh tử, Như Lai có gây một ác nghiệp nên quả báo dư sót hôm nay nó đến đúng thời, đúng lúc, mà món ăn chỉ là duyên cuối cùng cho giọt nước tràn ly vậy thôi.

Người thợ rèn lắng nghe. Đức Phật tiếp:

- Đây là bữa ăn cuối cùng của Như Lai, và sẽ không còn một bữa ăn nào khác nữa. Ông phải phát tâm hoan hỷ khi biết rằng: Hiện thân của một đức Phật trên đời này, có hai bữa ăn phước báu nhiều nhất, thù thắng nhất là bữa ăn trước khi đắc quả vị

Thiền sư Nhất Hạnh dịch là “nắm chiêm đàn”. Người biên soạn tra trong Pāli-English Dictionary, thì ghi là “Soft (tender) boar’s flesh” - nghĩa là “thịt heo rừng non mềm”. Tôi ghi ra đây tất cả để độc giả cùng tham khảo.

Phật và bữa ăn trước khi Niết-bàn. Bữa ăn trước, phước báu tối thượng để dành nữ thí chủ Sujātā ở rừng khổ hạnh, bữa ăn cuối là phần của thí chủ Cunda tại thị trấn Pāvā, vườn xoài này. Cả hai bữa ăn ấy, phước giống nhau, quả báo thù thắng giống hết nhau, bằng nhau.

Cunda cúi đầu lắng nghe.

Đức Phật tiếp:

- Như Lai lặp lại, là cả hai bữa ăn ấy đồng một quả báo, đồng một dị thực quả, phước báu lớn hơn, lợi ích lớn hơn những sự cúng dường ăn uống khác. Và này Cunda! Tuổi thọ, sắc đẹp, sống lâu, an lạc, danh tiếng, quyền uy, ngũ dục công đức cõi trời đang chờ đợi ông trong mai hậu đó!

Rồi đức Phật quay sang vị thí giả:

- Nay Ānanda! Sau này, có ai thắc mắc về bữa ăn “có vấn đề” này của Cunda, ông phải cặn kẽ giải thích như Như Lai vừa nói ở trên để giải tỏa “mối oan” cho Cunda và mối nghi cho tứ chúng!

Khi thấy người thợ rèn an tâm rồi, đức Phật mới từ giả.

6- Tỉnh Thức Mà Không Nghe Biết

Lên đường, cơn đau tái hiện, âm ỉ, thốn nhức, đức Phật lại điều hòa hơi thở, bước đi trong chánh niệm, tỉnh giác. Được mấy đổi đường, cơn đau đã giảm nhưng đức Phật thấy khát và mệt. Đến một gốc cây, ngài ngồi nghỉ, bảo tôn giả Ānanda đi kiếm nước uống.

Lát sau, tôn giả về thưa:

- Người ta nói là vừa có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua, con suối đã bị bánh xe khuấy đục ngầu, nước không thể uống được. Cách đây không bao xa, nghe nói là có con sông Kakutthā nước trong xanh, mát mẻ. Chúng ta có thể đến đây uống để dịu cơn khát, đồng thời, rửa mặt, rửa tay chân cho dễ chịu, bạch Thế Tôn!

Tuy nhiên, lần thứ hai, lần thứ ba, đức Phật vẫn bảo tôn giả Ānanda đi kiếm nước.

Thế rồi, lần thứ ba, tôn giả Ānanda mang bát trở lại con suối cũ ấy thì thấy nước lại trong veo, không vẩn đục nữa.

Mang nước về, tôn giả reo lên với đức Phật:

- Thật là kỳ diệu quá sức! Thật là lạ lùng quá sức! Nước suối bị bánh xe khuấy động, đục ngầu, thế nhưng Thế Tôn lại cứ bảo lấy nước, lấy nước! Quả nhiên, lần thứ ba, nước đục ngầu ấy đã thay tên đổi họ, đã biến thành khuôn mặt trắng veo, trong xanh, mát lịm, bạch Thế Tôn!

Đức Phật không nói gì, im lặng uống nước.

Lúc bấy giờ, Pukkusa, dòng họ Mallā, đệ tử của ngài Alāra Kālāma mang hàng trên những cỗ xe, cùng với tùy tùng, đang trên con đường từ Kusināra đến Pāvā, thấy đức Phật đang ngồi tĩnh tại, trầm lặng dưới gốc cây, ông cảm nhận được cái gì đó nên đã đến gần bên, tán thán:

- Ôi! Thật kỳ diệu xiết bao là trạng thái trầm tĩnh, ổn định của bậc xuất gia! Nó định tĩnh như ngọn núi.

Đức Phật chỉ lắng nghe, và ông ta nói tiếp:

- Thuở xưa, ngài Alāra Kālāma, đạo sư của con, đang đi trên đường, ngồi xuống một gốc cây để nghỉ trưa. Đạo sư của con cũng ngồi với trạng thái trầm tĩnh, ổn định như ngọn núi vậy đó. Lát sau, có khách lữ hành đi ngang qua, cất tiếng hỏi thầy con rằng:

“- Tôn giả có thấy năm trăm cỗ xe vừa đi qua đây không?”

Đạo sư đáp:

“- Ta không thấy!”

Ngạc nhiên, người kia hỏi tiếp:

“- Tôn giả có nghe tiếng đàn ngựa chuyển động, bánh xe sát tri nghiền trên đất không?”

“- Ta cũng không nghe!”

“- Thế tôn giả có phải đang ngủ không?”

“- Không, ta không ngủ!”

“- Thế tôn giả có thức không?”

“- Có, ta đang thức, ta luôn luôn tỉnh thức!”

“- Tôn giả đang tỉnh thức nhưng không thấy khoảng năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe thấy một tiếng động nào. Nhưng bạch tôn giả! Cái áo của tôn giả rõ ràng là đang lấm bụi!”

“- Phải! Cái áo, trên đầu, trên cổ gì cũng lấm bụi cả”

Người khách lữ hành tự nghĩ:

“- Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu sự trầm tĩnh như đỉnh núi của một bậc xuất gia. Trong khi giác tỉnh, còn thức nhưng không thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe một tiếng động nào”.

Do cảm phục đức trầm tĩnh ấy, khách lữ hành tỏ lòng thâm tín đối với đạo sư Alāra Kālāma rồi chào từ giả.

Pukkusa, dòng họ Mallā, đệ tử của ngài Alāra Kālāma nói với đức Phật như vậy, cũng chỉ để tỏ lòng tôn kính và cảm phục đức trầm tĩnh của bậc xuất gia.

Đức Phật chợt hỏi:

- Nay Pukkusa! Nhà người nghĩ thế nào? Cái gì khó làm hơn, cái gì khó thực hiện hơn? Một người trong khi giác tỉnh, còn thức mà không thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe một tiếng động nào. Và một người đang giác tỉnh, còn thức, trong khi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào; trong khi điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, mà không thấy, cũng không nghe tiếng?

- Bạch Thế Tôn! Nói gì đến năm trăm cỗ xe này, cho đến sáu trăm, bảy trăm, tám trăm, chín trăm hoặc một ngàn, cho đến trăm ngàn cỗ xe, cũng không thể so sánh được. Thật khó làm hơn, khó thực hiện hơn, trong trường hợp một người đang giác tỉnh, còn thức, trong khi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, trong khi điện quang chớp lòa, sấm sét vang động mà không thấy cũng không nghe tiếng.

Đức Phật lại tiếp tục:

- Này Pukkusa! Một thời, Như Lai ở Atumā, tại nhà đập lúa. Lúc bấy giờ trời mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết.

Tình cờ, Như Lai từ nhà đập lúa đi ra, vừa bước qua sân thì thấy một đám đông bèn cất tiếng hỏi:

“- Có việc gì ở đây mà quý vị tụ họp đông vậy?

Một người đáp:

“- Có hai nông dân và bốn con bò đực bị sét đánh chết, mọi người tụ hội để xem.

“- Thế à!

“- Vậy thì lúc ấy sa-môn ở đâu mà không thấy, không biết?

“- Ta đang ở đây, trong nhà đập lúa này.

“- Ngài không nghe thấy gì cả sao?

“- Vâng, không nghe thấy gì cả.

“- Vậy thì ngài đang ngủ?

“- Không, ta không ngủ.

“- Vậy ngài đang thức.

“- Vâng, ta đang thức.

Người kia ngạc nhiên, la lên:

“- Sa-môn không ngủ, đang thức, vậy thì ngài đang làm cái gì mà cho chí mưa tầm tã ào ào như thác đổ, sét đánh rầm rầm tung trời dậy đất, đến nỗi hai nông dân tiêu mạng, bốn con bò đực nằm chết chổng gọng mà ngài lại không thấy, không nghe, không biết gì hết. Có lạ lùng không chứ!”

Nghe xong, Pukkusa tự nghĩ:

“- Đạo sư Alāra Kālāma của ta, đạo hạnh và trí tuệ nổi tiếng một thời, nhưng mà ngài tạ thế rồi. Sa-môn Gotama này, ta nghe tên từ hồi ở tu viện của thầy ta. Hôm nay, nghe câu chuyện này, ta biết ‘nội lực tịnh tu’ của ông ta còn là bậc thầy đạo sư của ta nữa!”

Nghĩ thế xong, ông quỳ sụp xuống, trở miệng văn chương:

- Ôi! Trước đây, đạo sư của con, Alāra Kālāma, là bậc thầy

mà con tin tưởng, giao phó sinh mạng. Thì nay, bạch Thế Tôn! Con đem “sự tin tưởng và việc giao phó sinh mạng ấy” về đạo sư của con đem rải rắc trước luồng gió mạnh, đem thả trôi vào dòng nước cuộn cuộn ngàn trùng! Xin cho con được quy y Thế Tôn, quy y pháp và quy y tỷ-khưu tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, trọn đời quy ngưỡng.

Nói thế xong, Pukkusa quát bảo viên quản lý thuộc hạ:

- Hãy tức khắc vào thùng xe của ta, lấy ngay một cặp áo màu kim sắc, vàng chói để ta dâng cúng đến đức đại Đạo Sư của ta!

Sau đó, nâng cặp y quý giá lên ngang đầu, Pukkusa tác bạch:

- Mong đức Thế Tôn bi mẫn thọ dụng cặp áo này, là vật quý trọng nhất hiện thời của con. Vật quý trọng được dâng cho người quý trọng là hạnh phúc nhất đời của con vậy.

Đức Phật im lặng nhận lời, rồi bảo:

- Nay Pukkusa! Hãy đắp cho Như Lai một tấm và đắp cho vị thị giả đặc biệt này một tấm.

Pukkusa làm theo lời của đức Phật. Sau đó, Pukkusa được đức Phật giáo giới ít lời làm cho tăng trưởng đức tin, ông hoan hỷ, và thấy cũng đã phải thời nên xin từ giả.

Sau khi Pukkusa đi rồi, tôn giả Ānanda ngấm nhìn đức Phật mãi, lát sau ông thốt lên:

- Thật là lạ lùng quá sức. Chiếc y kim sắc, vàng chói như mặt trời hừng đông của Pukkusa lại chợt như lu mờ trước nước da của Thế Tôn, có hy hữu không chứ!

Đức Phật gật đầu:

- Thật vậy, này Ānanda! Có hai trường hợp màu da của Như Lai hết sức thanh tịnh và hết sức sáng chói. Ấy là trong lần Như Lai chứng vô thượng Chánh Đẳng Giác và trong lần Như Lai sắp diệt độ Niết-bàn... Và khắc ấy cũng cận kề, nội trong đêm nay đó thôi!

Nghe vậy, tôn giả Ānanda rơm rớm nước mắt.

Đức Phật lại bảo:

- Thôi, hãy đi! Hãy lên đường! Trời đã chiều rồi, chúng ta còn lội qua vài con sông nhỏ nữa.

Lúc dừng chân nơi con sông Kakutthā nước trong vắt, đức Phật xuống tắm, xong, ngài từ từ, chậm rãi lội bộ sang bờ bên kia. Đại chúng có người tắm rửa, uống nước, có người không.

Đức Phật trao lại y tắm cho tôn giả Ānanda giặt phơi, mặc lại tắm y khô ráo, khoác thêm tấm kim sắc, ngài đi vào một khu rừng xoài. Tại đây, đức Phật bảo tôn giả Mahā Cunda trải tấm y tăng-già-lê làm bốn rồi ngài ngồi nghỉ⁽¹⁾.

Lúc tôn giả Ānanda làm công việc xong, vừa đến nơi, đức Phật ngồi dậy rồi bảo:

- Hãy đi, chúng ta còn đi qua con sông Hiraññavatī nữa mới tới Upavattana, thành phố Kusinnārā, rừng sālā của dòng họ Mallā.

7- Cả Đêm, Rừng Sālā Không Ngủ

Thế là đến chiều tối, đức Phật và chúng tỳ-khuru mới tới được nơi dự định. Trăng vừa lên, sương mù bàng bạc, không gian như trải một màn lụa mỏng. Đất trời thanh sạch như không nhiễm một chút bụi trần, có lẽ là do có sự hiện thân của một nhân cách siêu việt chăng? Tuy ai cũng cảm nhận có một cái gì đó rất lạ lùng, nó ở ngoài tế bào não và lý trí suy nghiệm.

⁽¹⁾ *Chỗ này, kinh Đại-bát-niết-bàn ghi kệ như sau: Đức Phật tự đi đến. Con sông Kakutthā. Con sông chảy trong sáng. Mát lạnh và thanh tịnh. Vị Đạo Sư mỗi một. Đi dần xuống mé sông. Như Lai đáng Vô Thượng. Ngự trị ở trên đời. Tắm xong, uống nước xong. Lội qua bên kia sông. Bậc Đạo Sư đi trước. Giữa Tăng chúng Tỳ-khuru. Vừa đi vừa diễn giảng. Chánh pháp thật vi diệu. Rồi bậc Đại Sĩ đến. Tại khu vực rừng xoài. Cho gọi vị Tỳ-khuru. Tên họ Cundaka: Hãy gấp tư áo lại. Trải áo cho ta nằm. Nghe dạy, Cundaka. Lập tức vâng lời dạy. Gấp tư và trải áo. Một cách thật mau lẹ. Bậc Đạo Sư nằm xuống. Thân mình thật mệt mỏi. Tại đây Cundaka. Ngồi ngay phía trước mặt.*

Sau một hồi tới lui hít thở không khí trong lành, đức Phật bảo tôn giả Ānanda chuẩn bị chỗ nằm giữa hai cội cây sālā hùng vĩ. Ấy là lấy cành lá quét dọn xung quanh hai cội cây, gấp tấm tăng-già-lê làm hai, tôn giả chọn hướng rồi trải dài theo như thân người. Đức Thế Tôn nằm xuống trong tư thế nghiêng về bên vai phải, đầu hướng về Bắc, mặt hướng về Tây, lưng ở phía Đông và chân thì duỗi về Nam. Chư tỳ-khưu chừng mấy trăm vị thì ngồi rải rác cả rừng cây, bao quanh đức Thế Tôn. Gần đức Phật nhất là chư tôn giả Ānanda, Upāli, Anuruddha, Mahā Cunda, Upavāna... Và chư vị trưởng lão ai cũng biết là đức Phật chọn chỗ này, giữa hai cội cây sālā này, và ngay đêm nay, đức Chánh Đẳng Giác sẽ Niết-bàn.

Cả rừng cây sālā cũng trở nên trầm mặc, dường như chúng cũng cảm nhận được thời khắc linh thiêng, trọng đại. Rồi đột nhiên, có cái gì rung rung chuyển động và có cái gì siêu nhiên tác động mà cả rừng cây sālā bỗng trở hoa trái mùa, từng chồi, từng nhánh vươn dài ra, đầy gốc, đầy thân, hoa bung nở, ngào ngạt hương. Lát sau, cánh hoa rơi rụng trên y áo của đức Phật và phủ nhẹ lên thân ngài. Cả mấy trăm vị tỳ-khưu ngơ ngác ngắm nhìn hoa rơi, đầy người, đầy rừng. Lát sau nữa, nhạc trời réo rắt, bay bổng như hàng ngàn giai điệu cùng hợp tấu từ hư không đổ tràn xuống. Lại có một loại hoa lạ lùng nhiều sắc màu, lấp lánh sắc màu, từng đợt, từng đợt, nhẹ nhàng chao lượn giữa rừng cây rồi như đồng loạt phủ quanh chỗ nằm của đức Tôn Sư. Và rồi, bột hương không biết từ đâu, lấp lánh bụi vàng thơm nồng nàn cũng đồng rơi xuống, rải vàng khắp nơi... Dường như người, trời, thiên nhiên, ai cũng muốn cúng dường đức Phật trong giờ khắc linh thiêng này...

Tôn giả Anuruddha chợt cất tiếng nói:

- Tiếng nhạc kia là của chúng Càn-thát-bà muốn cúng dường đức Phật. Hoa trời kia tên là Mandārava⁽¹⁾, là chúng thiên nữ

⁽¹⁾ Kinh điển dịch âm là hoa Mạn-thù hay hoa Mạn-đa-la.

của thiên chủ Đế Thích cúng dường; bột hương chiên đàn kia là của chúng dạ-xoa nữ của Tứ Trân thiên vương cúng dường... Thế là Phạm thiên, Đế Thích, thiên vương, Tứ Đại thiên vương, chúng chư thiên, càn-thát-bà, dạ-xoa... đồng vân tập đến rừng cây này rồi - bạch đức Tôn Sư!

Đức Phật nói:

- Ủ, Như Lai thấy rồi!

Tôn giả Ānanda cảm khái:

- Ôi! Hoa vi diệu, hương vi diệu, nhạc trời vi diệu đều muốn cúng dường đức Thế Tôn cả!

Đức Phật bảo:

- Nay Ānanda! Họ cúng dường tùy theo tâm ý của họ, sở thích của họ; nhưng như vậy cũng chưa thật sự biết cách cúng dường đâu!

- Xin đức Đạo Sư hãy cho đệ tử hiểu sâu về tôn ý? Thế nào là biết cách cúng dường, bạch Thế Tôn?

- Nếu có tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni nào, cận sự nam, cận sự nữ nào biết thành tựu chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh trong chánh pháp và hành trì đúng chánh pháp; làm được như vậy mới thật sự biết kính trọng, kính lễ, biết cúng dường Như Lai. Ông phải học tập như vậy, hành trì như vậy và sau này cũng phổ cập rộng rãi cho tứ chúng hiểu cách cúng dường chơn chánh, đúng pháp và luật như vậy, này Ānanda!

Tôn giả Ānanda khẽ cúi đầu, ghi nhận.

Lúc ấy, tôn giả Upavāna đang đứng hướng phía trước mặt đức Phật nên ngài khẽ bảo:

- Nay Upavāna! Ông hãy đứng sang một bên!

Đức Phật mỉm cười rồi giải thích:

- Rất đông chư vị thiên thần ở mười phương thế giới tụ hội để chiêm ngưỡng Như Lai. Cho đến mười hai do tuần xung quanh Kusinārā, Upavattana, rừng sālā thuộc dòng họ Mallā, không có một chỗ nào, nhỏ cho đến đầu một sợi tóc, một hạt cải mà không đứng đầy những thiên thần có uy lực. Một số chư vị

thiên thần ở hướng mà tỳ-khưu Upavāna đang đứng, họ than phiền rằng: “Chúng ta từ rất xa đến chiêm ngưỡng Thế Tôn. Thật là hy hữu, chư vị Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời; và tối hôm nay, trong canh cuối cùng, Thế Tôn sẽ nhập diệt. Nhưng nay, vị tỳ-khưu có oai lực (vì ngài đã đắc tứ thánh quả) này lại đứng ngang trước Thế Tôn, khiến chúng ta không thể chiêm ngưỡng ngài trong giờ phút cuối cùng”. Đây là nhân, đây là duyên, này Ānanda!

- Thế thì hạng chư thiên nào tâm còn phàm tục mà “than phiền” như vậy, thưa Tôn Sư?

- Đây đúng là hạng chư thiên có tâm tư phàm tục. Và còn có hạng chư thiên ở giữa hư không, ở trên đất còn nhiều phàm tâm hơn thế nữa. Những vị này khóc than, với đầu bù tóc rối, với cánh tay duỗi cao, thân bỏ ngoài, lẫn lộn qua lại: “Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, vậy là con mắt pháp biến mất giữa thế gian tối tăm này rồi!”

- Có hạng chư thiên nào không than phiền, không khóc than sầu muộn không, thưa Tôn Sư!

- Có chứ, và có rất nhiều! Do những vị này đã làm nhẹ đi, rộng đi, diệt ba phần, diệt bốn phần vô minh và ái dục thì họ biết quán như thực tướng: “Các hành là vô thường, làm sao sự kết hợp hữu vi lại có thể khác được!” Họ tự hỏi vậy, và họ thấy thực như vậy.

- Thật là kỳ diệu, bạch đức Tôn Sư!

Ngẫm nghĩ một lát, tôn giả lại thưa:

- Khi Thế Tôn diệt độ rồi, chẳng còn đâu là nơi chốn để chư thiên, nhân loại, tứ chúng cung kính, đánh lễ, chiêm ngưỡng và cúng dường nữa, bạch Thế Tôn!

- Cũng còn đấy, cũng có đấy, này Ānanda! Là bốn thánh tích còn lại. Chỗ “Như Lai đản sanh” là một thánh tích. Chỗ “Như Lai chứng ngộ dưới cội bồ-đề” là một thánh tích. Chỗ “Như Lai chuyển pháp tại Vườn Nai” là một thánh tích. Chỗ “Như Lai diệt độ giữa hai gốc cây sālā” này là một thánh tích.

Sau này, những ai trong thời gian đi hành hương chiêm bái bốn thánh tích ấy với tâm thâm tín, với tâm hoan hỷ mà từ trần, mà trút hơi thở thì người ấy, vị ấy sẽ được hóa sanh vào cõi thiện thú, cảnh giới chư thiên ngay tức khắc. Đây không là lợi lạc tối thượng cho chúng sanh hay sao, này Ānanda!

Ngại rằng không còn cơ hội nào nữa, tôn giả lại thưa tiếp:

- Chúng đệ tử sẽ xử lý thân xá-lợi của đức Tôn Sư như thế nào?

- Các ông đừng có lo lắng, để tâm về xá-lợi của Như Lai! Là một tỳ-khưu, một sa-môn hữu học, mỗi người hãy tự nỗ lực, tinh tấn để tự cứu độ mình, sống không phóng dật, cần mẫn trên con đường giác ngộ, giải thoát, đây là mục đích cần yếu và tối thượng. Có những học giả sát-đế-ly, những học giả bà-la-môn, những học giả gia chủ thâm tín Tam Bảo, những vị này họ sẽ lo chu đáo về thân xá-lợi của Như Lai.

- Thế còn cái kim thân của Thế Tôn hiện giờ đây, chúng đệ tử phải làm sao?

Đức Phật lại phải ân cần giải thích:

- Xử sự thân Chuyển Luân Thánh Vương như thế nào thì hãy xử sự thân Như Lai như vậy.

- Vậy “pháp táng thân” của đức Chuyển Luân Thánh Vương ấy như thế nào, bạch Thế Tôn!

- Theo cổ lệ từ ngàn xưa, thân của Chuyển Luân Thánh Vương được vắn tròn bằng năm trăm lớp vải quý, vải thom các loại. Rồi được đặt trong một hòm dầu bằng sắt, hòm sắt này được một hòm sắt khác đậy kín. Một giàn hỏa gồm mọi loại trầm hương được xây dựng lên, thân của đức Chuyển Luân Thánh Vương được đem thiêu. Và tại ngã tư đường, bảo tháp của vị ấy được xây dựng lên để tôn trí xá-lợi cho dân chúng lễ bái, cúng kính, cúng dường. Đây là cách “pháp táng thân” của vị Chuyển Luân Thánh Vương còn lưu lại trong cổ sử.

Vậy, thân của Như Lai cũng nên thực hiện như thế. Và sau này, những ai đem hoa, vòng hoa, trầm hương, các loại hương

liệu đến cúng dường, đánh lễ bảo tháp với tâm thâm tín và hoan hỷ thì những người ấy sẽ được lợi ích, hạnh phúc dài lâu, này Ānanda!

- Thế những ai trên đời này được vinh hạnh xây dựng bảo tháp để cho thế gian cung kính, lễ bái, cúng dường, bạch Thế Tôn!

- Chỉ có bốn hạng người là được phép xây dựng bảo tháp. Phật Chánh Đẳng Giác là một. Phật Độc Giác là hai. Phật Thanh Văn Giác là ba. Đức Chuyển Luân Vương là bốn, này Ānanda!

- Vì lý do gì, nhân gì, duyên gì mà bốn vị ấy được xây dựng bảo tháp còn những vị khác thì không, bạch Thế Tôn?

- Vì họ có công đức lớn với thế gian. Và vì những ai, sau này, cung kính, lễ bái, cúng dường bảo tháp với tâm thâm tín, hoan hỷ thì họ sẽ được an vui, lợi lạc lâu dài. Đây là nhân, đây là duyên, này Ānanda!

Hỏi xong những câu hỏi quan trọng về hậu sự của đức Phật, tôn giả Ānanda đi khuất ra phía xa, lặng lẽ khóc, tự nghĩ mà tủi thân: “Ta nay vẫn còn là kẻ hữu học, còn phải tự lo tu tập. Nay bậc Đạo Sư sắp diệt độ rồi, còn ai trên đời này thương tưởng ta nữa!”

Thấy Ānanda vắng mặt lâu, đức Phật hỏi:

- Ông Ānanda đi đâu, không thấy.

Tôn giả Anuruddha trả lời:

- Vị ấy tủi thân, đang đứng khóc, bạch Tôn Sư.

Đức Phật lại gọi vào rồi dạy:

- Như Lai đã nói tại đền miếu Cāpāla rồi, rằng là “không thể có một sự kiện, một hiện tồn sanh, trú, hữu vi, biến hoại nào mà không diệt mất”. Vậy, buồn rầu, khóc than, bi lụy thì có ích gì đâu, có đi ngược lại được với định luật hữu vi không, hãy nói cho Như Lai xem với nào?

- Đệ tử biết nhưng vẫn sầu não!

- Trước sau ông cũng vào dòng Bất Tử, vì công đức của ông nó sẽ huân tụ một năng lực vĩ đại để chuyển ông vào dòng mà!

- Đệ tử tự xét có công đức nào đâu, nội tâm vẫn cứ trào vọt cảm xúc, không tự chủ được.

Đức Phật cất giọng trầm ấm:

- Đã lâu ngày, ông đối với Như Lai, với thân nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai; vô lượng với khẩu nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai; vô lượng với ý nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai. Tác thành được ba công đức lớn lao ấy, sao lại gọi là không có công đức? Thôi đừng tự khiêm nữa! Đừng tủi thân nữa! Hãy cố gắng tinh tấn lên, ông sẽ chứng bậc vô lậu, một thời gian ngắn nữa thôi!

Rồi Thế Tôn lại nói với đại chúng:

- Chư vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác quá khứ hay vị lai, những bậc Thế Tôn ấy đều có những thị giả tối thắng như Ānanda của Như Lai hiện nay vậy.

Sao được gọi là thị giả tối thắng? Vị tỳ-khuru thị giả tối thắng là người có trí và hiểu rõ: Lúc này là đúng thời để vị tỳ-khuru, vị tỳ-khuru-ni, vị cận sự nam, vị cận sự nữ, vua chúa, quan đại thần, gia chủ, giáo chủ ngoại đạo này yết kiến Như Lai!

Và ngoài ra, vị tỳ-khuru thị giả như Ānanda còn thu hút tứ chúng bởi khả năng kỳ lạ của mình. Ấy là khi một tỳ-khuru, một tỳ-khuru-ni, một cận sự nam, một cận sự nữ... được diện kiến Ānanda, được nghe Ānanda thuyết pháp, họ đều hết sức mừng vui, hoan hỷ, tươi rạng nét mặt. Nếu gặp được Ānanda, diện kiến Ānanda nhưng Ānanda lặng thinh, không nói gì, và pháp cũng không thuyết thì họ vô cùng buồn bã, nét thất vọng hiện rõ trên từng khuôn mặt. Đây không là điều kỳ diệu, hy hữu của vị thị giả tối thắng này hay sao?

Có rất nhiều tiếng cười vui lan nhẹ giữa rừng cây. Và tôn giả Ānanda của chúng ta, nhờ năng lượng mát mẻ, vô phiền xung quanh tác động, nên đã cảm thấy thân tâm thư thái.

Tôn giả Ānanda lại quay sang một yêu cầu:

- Thế Tôn chớ có diệt độ tại đô thị nhỏ bé, hoang vu và vắng lạnh này. Có những nơi khác to lớn hơn như Campā (Chiêm-bà), Rājagaha (Vương Xá), Sāvatti (Xá-vệ), Sāketa (Sa-kỳ),

Kosambī (Kiều-thường-di), Bārāṇasī (Ba-la-nại) là những kinh đô, những thành phố đông đúc, phú cường, thanh mậu. Tại chỗ ấy, có đại chúng sát-đế-ly, có đại chúng bà-la-môn, có đại chúng gia chủ rất thâm tín Tam Bảo, các vị này sẽ cúng dường thân xá-lợi Như Lai.

- Chớ có nói như vậy, này Ānanda! Chớ nói rằng đô thị này nhỏ bé, hoang vu, vắng lạnh. Thuở xưa có vị vua tên là Mahā Sudassana (Đại Thiện Kiến), là một đức Chuyển Luân Vương, là vị pháp vương, trị vì như pháp, thống lãnh bốn thiên hạ, chinh phục, hộ trì quốc dân, đầy đủ bảy báu. Cũng tại đây, tại Kusinārā này là kinh đô của vua Mahā Sudassana, với tên gọi là Kusāvātī (Câu-xá-bà-đề); phía Đông và phía Tây rộng đến mười hai do tuần, phía Bắc và phía Nam rộng đến bảy do tuần. Kinh đô Kusāvātī này rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, dân chúng sung mãn, thực phẩm phong phú không thua gì thành phố Ālakāmandā của chư thiên đầu. Suốt ngày, suốt đêm, kinh đô Kusāvātī này, vang dậy chín loại tiếng: Là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng trống lớn, tiếng trống nhỏ, tiếng tỳ bà, tiếng hát, tiếng xập xòa, tiếng chuông. Và tiếng thứ mười là lời mời gọi mọi người, bạn hữu xung quanh: “Hãy uống đi, hãy ăn đi” do ai cũng hào sảng, cũng sung mãn tài lộc, vật thực!

Nói đến đây, đức Phật thấp giọng xuống:

- Các ông có biết vị vua tên là Mahā Sudassana (Đại Thiện Kiến) là ai không? Chính ông ta là một tiền thân của Như Lai vậy. Sở dĩ Như Lai chọn diệt độ ở đây, còn để lại một bài học về tồn vong, thịnh suy của hữu vi pháp, của thế gian pháp nữa đó. Một bậc giác ngộ, xuất trần, rốt lại phải kinh qua tất cả, chiêm nghiệm tất cả, và cuối cùng, xả ly tất cả!

Đại chúng yên lặng, có vẻ lãnh hội bài học.

Lát sau, đức Phật nhìn trời rồi:

- Này Ānanda! Trời đang sáng trăng, ông và thêm vài vị tỳ-khưu hãy đi vào Kusinārā, thông báo với dân chúng dòng Mallā, nói rằng, đêm nay, vào canh ba, Như Lai sẽ diệt độ tại rừng cây

sālā, phía Đông, giáp ranh thành phố. Ông chỉ nói thế thôi. Còn mọi việc khác, hãy để dành cho các Vāsetṭhā!⁽¹⁾

Tôn giả Ānanda y lời. Không lâu sau, từng đoàn người, từng toán người, với đèn đuốc kéo dài trên những con đường đi về rừng cây sālā. Một số trong họ khóc lóc sầu muộn, tiếc thương với những cảm xúc khó nói nên lời. Một số thì lặng lẽ, trầm mặc nhưng dáng bước đi có vẻ không được tự chủ cảm xúc. Và ai ai cũng muốn đánh lễ đức Tôn Sư lần cuối.

Tôn giả Ānanda tự nghĩ: “Nếu ta để dân Mallā ở Kusinārā đánh lễ Thế Tôn từng người một, thì suốt đêm cũng không xong. Ta nên để cho họ đánh lễ theo từng gia tộc”.

Và quả vậy, theo cách sắp xếp ấy, chừng đầu canh hai, mọi người đã thỏa nguyện. Sau đó, lác đác có ít người về còn đa phần thì ở lại, họ ngồi đầy những nơi có thể ngồi được.

Tuy nhiên, đêm ấy vẫn có một du sĩ ngoại đạo từ xa, tên là Subhadda cứ khăng khăng muốn gặp đức Phật cho bằng được. Sợ đức Phật mệt, tôn giả Ānanda nói nhỏ mọi người tìm cách ngăn cản.

Đọc thấy tâm ý của Subhadda là thành khẩn, đức Phật bảo cho ông ta vào. Và câu hỏi của Subhadda là như sau:

- Bạch Thế Tôn! Hiện tại trên toàn cõi châu Diêm-phù-đề này, có sáu giáo phái, sáu vị giáo chủ nổi danh cùng đệ tử của họ đang hoảng hóa, giảng nói khắp nơi. Họ là những vị hội chủ, giáo trưởng, sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, ngưỡng mộ như các ngài Pūraṇa Kassapa, Makkhali Gosāla, Ajita Kesakambalī, Pakudha Kaccāyana, Nigaṇṭha Nātaputta và Saṅjaya Belatṭhiputta. Tôi muốn hỏi Thế Tôn, là trong các vị ấy, ai là người đạt đạo, ai là người đã giác ngộ như các vị đã tự cho như vậy; hay một số họ đã giác ngộ, đạt A-la-hán quả còn số khác thì chưa?

⁽¹⁾ Tên gọi chung của tộc người Mallā của Kusinārā, cũng gọi Mallā của Pāvā.

Đức Phật nói:

- Thôi này Subhadda! Hãy để vấn đề ấy sang một bên vì chúng thật vô ích và phù phiếm. Nếu ông có biết rõ điều ấy, thì phiền não, khổ đau ở trong ông vẫn không giải quyết được, có phải vậy không?

- Bạch, đúng như thế!

- Bây giờ ông hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ những điều Như Lai sắp nói đây! Những điều đơn giản thôi, nhưng nó là trọng tâm của con đường thoát khổ.

- Tâu vâng!

Khi biết ông du sĩ đã sẵn sàng, đức Phật nói đến những pháp căn bản nhất mà cũng rất ráo rắt. Ngài không thuyết giảng cao xa, dài dòng mà chỉ nói vắn tắt, giản đơn. Ngài không nhắc đến khổ đế, tập đế, diệt đế mà chỉ nói đạo đế là con đường diệt tận khổ đau phiền não - đây là bát chánh đạo. Ngài nói rằng, trong pháp và luật nào không có bát chánh đạo là không có đệ nhất sa-môn, đệ nhị sa-môn, đệ tam sa-môn, đệ tứ sa-môn. Ngược lại, pháp và luật nào có bát chánh đạo, có người thực hành bát chánh đạo, có người thành tựu bát chánh đạo thì bốn loại sa-môn kia thật không kể xiết, không thể đếm hết được. Và ông nên lưu ý rằng, sáu giáo phái, sáu giáo chủ mà ông vừa kể tên, trong hệ thống tư tưởng của họ, pháp và luật của họ, không hề có bát chánh đạo, không biết gì về bát chánh đạo. Vậy thì chứng đắc, giác ngộ, giải thoát, quả vị A-la-hán có hay không thì ông có thể tự trả lời được rồi đây!

Như một tấm vải trắng dễ nhuộm màu, thời pháp ngắn gọn của đức Phật đã thấm nhuần tức khắc vào tâm trí Subhadda. Vui mừng xiết bao, hoan hỷ xiết bao khi ông đã thấy được con đường, ông bèn quỳ gập xuống xin nhận đức Phật làm Đạo Sư. Và ông lại còn muốn xuất gia nữa.

Đức Phật nói:

- Trước kia, ông sống và tu với ngoại đạo. Theo pháp và luật của Như Lai nếu ông muốn xuất gia, muốn thọ đại giới thì phải

sống biệt trú bốn tháng, sau đó mới được tăng-già xem xét.

- Đệ tử sẵn sàng biệt trú bốn năm, bạch Thế Tôn!
- Bây giờ ông đã là cư sĩ áo trắng của Như Lai rồi đó⁽¹⁾.

Du sĩ Subhadda này là đệ tử cuối cùng của đức Phật vậy.

Trong không gian và cả núi rừng đều yên lặng, sau câu chuyện của Subhadda, đức Phật nhìn trời nói:

- Bây giờ đã sang canh ba, Như Lai sắp ra đi rồi đấy. Vậy trong chúng tỳ-khuru có ai muốn hỏi gì không? Có thắc mắc gì, có vấn nghi gì về pháp và luật thì đây là lúc nên đem ra hỏi nhất.

Thấy ai ai cũng im lặng, ngài nói tiếp:

- Nếu ai đó ngại ngùng không dám hỏi thẳng Như Lai thì có thể nhờ bạn đồng phạm hạnh hỏi hộ? Nếu không hỏi thì sau này đừng có hối hận. Và nếu không hỏi, sau này đừng than vãn: Ôi, ta không còn đạo sư, ta không còn được nghe lời giáo huấn của đạo sư nữa!

Cả rừng người thầy đều yên lặng.

Đức Phật lại nói:

- Pháp và luật, Như Lai đã trăm phương ngàn cách khéo giảng, khéo thuyết. Như Lai cũng đã vận dụng thiện xảo thuyết ngôn, trình bày, phân tích chi ly, cặn kẽ. Mai này, pháp và luật ấy là thầy của các ông, là đạo sư của các ông đó!

Thấy sự yên lặng kỳ lạ của đại chúng, tôn giả Ānanda thốt lên:

- Thật kỳ diệu và hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Đệ tử tin rằng trong chúng tỳ-khuru này, không có ai nghi ngờ, phân vân, thắc mắc gì về pháp và luật; cũng không có ai nghi ngờ, phân vân, thắc mắc gì về đức Phật, đức Pháp, đức Tăng cả.

Đức Phật gật đầu, mỉm cười:

- Ông nói đúng! Ông và cả đại chúng có niềm tin như vậy là đúng. Ông và đại chúng không phân vân, nghi ngờ, thắc mắc gì là đúng. Tại sao vậy? Vì Như Lai vừa hướng tâm, và vừa thấy

⁽¹⁾ Sau này, đúng bốn năm, tôn giả Ānanda cho ông thọ đại giới, và nhờ tu tập, nhờ tinh cần, nhờ hướng tâm đúng, ông đắc quả vị A-la-hán.

biết rõ ràng, cả mấy trăm vị tỳ-khưu hôm nay, tại rừng sālā hoa nở ngát ngào hương này, người thấp nhất thì cũng đã đi vào dòng, chắc chắn không còn rơi vào bốn đường khổ, và trong mai hậu, năm bảy kiếp sau, sẽ đặt bàn chân trên đỉnh đồi cao của giải thoát và tự do.

Nói đến ngang đây, đức Phật sửa lại dáng nằm sư tử, tay phải làm gối kê cao hơn một chút, thoảng giọng lời rất nhẹ:

- Này Ānanda! Ông còn sống bốn mươi năm nữa trong giáo hội, vậy sau này, nếu xét thấy có những giới điều nào xem ra là quá tiểu tiết, nhỏ nhặt thì tăng-già có thể bỏ bớt đi, không ảnh hưởng đến định và tuệ giải thoát đâu.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

- Còn nữa, hãy ghi nhớ cho kỹ, đây là lời nhắn gửi, khuyên nhủ đến hàng hậu học sa-môn: “Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn, chớ có phóng dật”.

Đó là lời cuối cùng của đức Đạo Sư.

Rồi Thế Tôn chánh niệm, an trú hơi thở, tức khắc đi vào sơ thiền. Xuất sơ thiền, vào nhị thiền. Xuất nhị thiền, vào tam thiền. Xuất tam thiền, vào tứ thiền. Xuất tứ thiền, vào định không vô biên xứ. Xuất không vô biên xứ, vào định thức vô biên xứ. Xuất thức vô biên xứ, vào định vô sở hữu xứ. Xuất vô sở hữu xứ, vào định phi tưởng phi phi tưởng xứ. Xuất phi tưởng phi phi tưởng xứ, vào diệt thọ tưởng định...

Tôn giả Ānanda chăm chú quan sát, đến ngang đây, tôn giả nói với tôn giả Anuruddha:

- Thế Tôn đã diệt độ rồi, thưa tôn giả.

- Chưa! Thế Tôn chưa diệt độ. Ngài mới đi vào diệt thọ tưởng định thôi, này hiền giả!

Rồi đức Phật xuất diệt thọ tưởng định, xuống phi tưởng phi phi tưởng xứ định. Xuất phi tưởng phi phi tưởng xứ, xuống vô sở hữu xứ định. Xuất vô sở hữu xứ, xuống thức vô biên xứ định. Xuất thức vô biên xứ, xuống hư không vô biên xứ định. Xuất hư không vô biên xứ, xuống định tứ thiền. Xuất tứ thiền,

xuống định tam thiên. Xuất tam thiên, xuống định nhị thiên. Xuất nhị thiên, xuống định sơ thiên. Xuất sơ thiên, lên định nhị thiên. Xuất nhị thiên, lên định tam thiên. Xuất tam thiên, lên định tứ thiên. Từ trong tứ thiên thâm sâu tịch mặc, không thấy một dấu hiệu gì, như một làn gió nhẹ đi qua, biệt tăm, ngài đi vào vô dư y, tịch diệt Niết-bàn.

Ngay giây khắc ấy, đại địa chấn động, rung động, sấm trời chớp giạt điện quang, hoa sālā bỗng rụng rơi rụng đầy đất, đầy rừng. Chư vị tỳ-khưu đa văn đã được nghe giảng nói, rằng là, đây là điềm báo triệu khi một đức Phật ra đi, là một trong tám nhân, tám duyên, là hiện tượng tự nhiên liên hệ với định luật tâm, định luật pháp.

Thấy biết như thế nào thì mặc dầu, nhưng khi bậc Đại Giác chợt nhiên vắng bóng trên thế gian, có người bàng hoàng, ngơ ngác, có người an tĩnh, điềm nhiên cũng là lẽ thường.

Đại phạm thiên Sahampati có vẻ thấy rõ sự thật khi thốt lên bài kệ: “Chúng sanh ở trên đời. Từ bỏ thân ngũ uẩn. Bậc Đạo Sư cũng vậy. Đấng Tuyệt Luân trên đời. Bậc Đại Hùng Giác Ngộ. Như Lai đã diệt độ”. Còn thiên chủ Sakka, là một thánh đệ tử: “Các hành là vô thường. Có sanh phải có diệt. Đã sanh, chúng phải diệt. Nhiếp chúng là an lạc”.

Tôn giả Anuruddha là bậc thánh vô lậu: “Không phải thờ ra vào. Chính tâm trú chánh định. Không tham ái tịch tịnh. Samôn hướng diệt độ. Chính tâm tịnh bất động. Nhẫn chịu mọi cảm thọ. Như đèn sáng bị tắt. Tâm giải thoát hoàn toàn”.

Tôn giả Ānanda do chỉ mới vào dòng: “Thật kinh khủng bàng hoàng. Thật râu tóc dựng ngược. Khi bậc Thiện Toàn Năng. Bậc Giác Ngộ nhập diệt”.

Thế là cả rừng cây sālā, người, gió, cành lá... chợt trở nên lao xao không còn yên tĩnh nữa. Dù nhiều vị tỳ-khưu đã Nhập Lưu rồi nhưng vẫn tuân trào cảm xúc, không làm chủ được mình. Có vị la to lên, hét to lên ai cũng nghe: “Mặt trời mặt trăng tắt rồi. Con mắt thế gian tối đen rồi!” Có vị lặng lẽ sụt sùi, lâm bầm:

“Hai vị thượng thủ ra đi, bây giờ lại thêm Tôn Sư ra đi nữa, có sự trống vắng thê lương nào hơn hoàn cảnh hiện nay chứ! Ôi! buồn quá!”

Tôn giả Anuruddha thấy khu rừng như nhuốm màu tang tóc, ngài đứng lên, nói giọng lớn, khuyên nhủ mọi người:

- Thôi, chư hiền giả cùng cậ sự hai hàng! Chư vị chớ có sầu não, chớ có khóc than nữa. Phải chăng chư vị không biết, nghe lời dạy bảo của đức Thế Tôn? Và câu nói cuối cùng của đức Đạo Sư là gì? Là “Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn, chớ có phóng dật”. Chư hiền giả có còn nhớ không?

Đại chúng nghe lời, quang cảnh yên lặng và trang nghiêm trở lại. Tôn giả Anuruddha đã quen với công việc trong cuộc ra đi vĩ đại của tôn giả Sāriputta nên cắt đặt ngay phận sự cho các vị trưởng lão:

- Tôn giả Upāli và tôi sẽ thay nhau thuyết pháp cho đại chúng để giữ sự thanh tịnh và trang nghiêm bên kim thân của đức Đạo Sư. Chư tôn giả Ānanda, Upavāna, Mahā Cunda thì hãy đi vào thành Kusinārā, thông báo rộng rãi cho các tộc Mallā là đức Thế Tôn đã tịch diệt Niết-bàn. Cứ thông báo vậy thôi là các Vāsetṭhā họ tự biết phải làm những gì.

Rồi sự việc diễn tiến, thời gian như ngưng lại. Trời đã sáng. Trong không gian tĩnh lặng và rừng cây sālā trầm mặc chỉ còn nghe vọng pháp âm của nhị vị tôn giả như những hồi chuông tỉnh thức cho kẻ ở lại thấy rõ định luật như thực của lẽ sống chết, tụ tan, sinh diệt của hữu vi pháp. Ngàn xưa cũng vậy và ngàn sau cũng vậy. Và đấng Siêu Việt ra đi, đã khéo xuất ly, như làn khói ngang trời mất tích giữa không gian vô tận; như cánh gió qua rừng cây, tan vào non xanh, không hề lưu dấu. Vô hành, vô trú, vô vi, vô tạo tác chính là chỗ về, là nơi an nghỉ tuyệt đối của các bậc xuất trần đã làm xong mọi bổn phận tại thế. Vô ngôn, vô đối, vô khả tử.

8- Bụi Tan Thành Ngọc

Các vị tộc trưởng Mallā do đã có cuộc hội kiến với chư tôn trưởng lão nên họ biết sẽ mang theo những gì từ thành phố. Thế là nhiều chiếc xe ngựa kéo chở đủ mọi thứ vật dụng, vật liệu, hòm chiên đàn, gỗ trầm hương, vải quý, lụa quý các loại, bông gòn, bột hương, dầu hương, dầu đốt, đuốc, hương, tràng hoa, nhạc khí, nhạc cụ... kể cả vũ công và nhạc công nữa. Tuy nhiên, các vị tộc trưởng còn cho người tức tốc đến gặp đức vua Mallā và triều đình, sợ rằng tài lực không đủ để làm lễ pháp táng kim thân đức Phật như là pháp táng một đức Chuyển Luân Vương. Thế là sự yêu cầu giúp đỡ trên được triều đình hoan hỷ đáp ứng.

Khi mặt trời vừa lên ngang ngọn cây thì các tộc dân Mallā, nam nữ, già trẻ đã từng đoàn, từng đoàn, trước sau quy tụ về rừng cây sālā, người đông như hội. Xế trưa và chiều thì từng chiếc xe ngựa, voi tải chở thêm vật liệu, dụng cụ lại tiếp tục đổ về. Giờ thì xe chen xe, người chen người có vẻ ồn ào, hỗn loạn. Tuy nhiên, khi những lều trại to rộng đây đó, xa phía ngoài rừng cây được dựng lên thì xung quanh hai cội cây sālā đã thưa giãn người. Chư tăng mấy trăm vị được sự sắp xếp của tôn giả Anuruddha, ngồi thiền định thành năm bảy vòng lớn nhỏ bao quanh chỗ Niết-bàn của đức Đạo Sư. Chúng chư thiên, thiên thần cũng đã hội tụ đầy đặc cả không gian. Nhạc trời vẫn vọng xuống cúng dường. Bột chiên đàn như phấn vàng vẫn rải xuống cúng dường. Hoa Mandārava cũng rơi xuống cúng dường. Cả rừng cây đều đã được lót thảm hoa và hương.

Khoảng chiều tối, khi đã mang đến đầy đủ tất thảy những vật dụng cần thiết, các vị tộc trưởng đến trình chư tôn trưởng lão chương trình làm việc của họ. Ngày thứ nhất và thứ hai, bó kim thân Thế Tôn và dựng hỏa đài tại điện thờ Makutabandhana của tộc người Mallā, một ngọn đồi thật đẹp trong thành phố. Ngày thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu thì cận sự hai hàng cúng dường

lễ phẩm, hương hoa; cúng dường ca, vũ, nhạc. Ngày thứ bảy (có chương trình riêng), khiêng kim quan đức Đạo Sư từ rừng sālā đến nơi hỏa táng. Họ còn chu đáo đến nỗi thỉnh đặt bát cúng dường cho chư trưởng lão cùng chư tăng ba bốn trăm vị hoặc cả ngàn vị trong thời gian pháp táng Thế Tôn.

Chư tôn trưởng lão chấp thuận mọi khoản, cả công đức đặt bát nhưng các ngài nói thêm ý kiến rằng: Ban đêm, vào canh giữa, là chương trình thuyết pháp đến cho đại chúng, trong suốt sáu ngày là phần của chúng tôi.

Mọi người ai cũng hoan hỷ.

Thế rồi công việc được tuân tự tiến hành trôi chảy. Chư tăng bây giờ phải dạt ra ngoài rừng cây để các vị tộc trưởng hướng dẫn đoàn lễ táng của hoàng gia làm việc. Đèn đuốc sáng trưng cả khu rừng. Họ quán quanh kim thân đức đạo sư hằng chục loại vải quý tẩm hương, bông gòn tẩm hương và lụa quý tẩm hương, với tuân tự từng lớp, từng lớp như thế. Rồi bốn lực sĩ nâng toàn bộ giá thể ấy đặt vào hòm chiên đàn, loại hòm thường chỉ để dùng cho vua chúa. Khoảng hở, khoảng trống còn lại trong hòm đều được phủ đầy xác hương và bột hương. Xong đâu đấy, chiếc hòm trân quý này lại được đặt vào hòm chiên đàn khác, lớn hơn đã được dát vàng, dát bạc, dát châu báu; và các khoảng trống xung quanh, trên dưới đều được lót bằng, phủ đầy xác hương và bột hương như thế. Chưa thôi! Những dây cột kim quan đều bằng những sợi chỉ vàng, chỉ bạc được bện dày, đan xoắn lại. Xung quanh kim quan, mười sáu trụ đầy dầu lạc được thắp sáng suốt bảy ngày bảy đêm không cạn sức. Và khắp cả khu rừng và rừng kế cận, đèn đuốc cũng sáng rực cả vùng trời.

Quan sát cách làm, cách chọn lựa và sử dụng vật liệu của họ, tôn giả Ānanda nói khẽ với tôn giả Anuruddha:

- Xem ra, cách bó tẩm và vật liệu bó tẩm kia thì nó còn quý trọng, trân trọng hơn cả đức vua Chuyển Luân đấy.

Tôn giả Anuruddha khẽ mỉm cười:

- Đúng vậy! Nhưng nếu hiền giả biết thêm, là chư thiên cũng đang làm, họ hòa trộn vào các vật liệu kia không biết bao nhiêu là hương, là phấn hương và xác hương của cõi trời nữa đấy. Nó thom đến tận cung trời Đao Lợi.

- Chà! Đúng là họ thương kính, quý kính đức Đạo Sư của chúng ta vô cùng!

- Cũng là Đạo Sư của họ.

Mỗi ngày, từ sáng đến trưa là chương trình lễ bái, cung kính, cúng dường của các tộc trong kinh thành. Từng đoàn, từng toán, một gia đình, hai gia đình, nam nữ trẻ già họ vận xiêm áo lễ hội, đẹp đẽ và lịch sự nhất, đi quanh kim quan ba vòng về phía hữu, vừa đi họ vừa tung hoa vừa tỏ cảm xúc của mình. Người thì khóc, người thì ca hát, người thì cung kính đọc tụng câu “Đảnh lễ đức A-la-hán, Chánh Đẳng Giác”. Bên cạnh kim quan cách xa chừng hai mươi đòn gánh, tộc Mallā cho dựng một khán đài lộ thiên và buổi chiều nào cũng có phụng diễn ca, vũ, nhạc. Những đoàn nhạc công, ca nhi, vũ công nam nữ với hàng chục nhạc khí, nhạc cụ với những tiết mục đặc sắc nhất, nội dung tôn giáo tín ngưỡng thiêng liêng nhất để cúng dường Thế Tôn. Họ là những nghệ nhân, nghệ sĩ cung đình, dân gian, các đền tế được thỉnh mời trân trọng với lễ phẩm hậu hĩ nên họ đã biểu diễn hết lòng, hết tài nghệ của mình. Các tiểu gia chủ, các đại gia chủ đã hoan hỷ mở rộng hầu bao không tiếc tiền của, công sức để cúng dường trong dịp triệu năm hy hữu.

Tôn giả Anuruddha khẽ nói vào tai tôn giả Ānanda:

- Tráng lệ và huy hoàng lắm, nhưng xem ra, những nghệ sĩ này cùng với nhạc khí của họ, so với chúng nghệ sĩ càn-thát-bà ở cung trời Đao Lợi thì tương tự như hai nắp sắt gõ vào nhau và bên kia là cây đàn ngàn dây, hợp tấu giọng chim trong rừng Himalaya!

- Nhưng cái tâm cung kính, cúng dường thì giống nhau cả chứ?

- Vâng, cả tâm tín cũng vậy.

Mỗi đêm, vào canh giữa, tôn giả Anuruddha, Upāli, Ānanda

thay nhau thuyết pháp cho đại chúng, đặc biệt dành cho cận sự nam nữ hai hàng.

Suốt hai đêm, hai thời, tôn giả Upāli nói về đạo hạnh, giới hạnh, đức hạnh tròn đầy, viên dung của đức Toàn Giác. Cuối cùng, tôn giả nhấn mạnh, là trong cõi người, ai lấy giới hạnh làm chiếc gậy đi đường, ai lấy giới hạnh làm kim chỉ nam dẫn lối, ai lấy giới hạnh làm chiếc áo giáp ngăn che, ai lấy giới hạnh làm chiếc thuyền qua sông, ai lấy giới hạnh làm đôi mắt sáng thì chắc chắn người ấy, khó rơi vào bốn con đường khổ, luôn làm bạn với cõi người sang quý, hạnh phúc và chúng chư thiên an lạc, thanh nhàn.

Và cũng hai thời, hai đêm, tôn giả Anuruddha chọn đề tài về thiền định. Tôn giả nói, thiền định có rất nhiều lợi ích, nhưng đây là năm lợi ích quan trọng nhất, từ cận vào sâu mà người cư sĩ tại gia có thể tu tập được. Người có tu thiền định sẽ luôn luôn trầm tĩnh, bình tĩnh trước mọi công việc, trước mọi tình huống bất ngờ của cuộc đời. Thứ hai là thiền định giúp mình làm chủ được những cảm xúc nhất thời, nóng nôi, sẽ không có những giận dữ, nóng nảy dễ gây ra làm lỗi. Thứ ba, người có thiền định thường ôn định được không khí gia đình, khó xảy ra bất hòa với vợ chồng, con cái. Thứ tư, người có thiền định luôn điều hòa được hơi thở, khí huyết nên sẽ trường thọ. Thứ năm, nếu tu tập được cận hành định thôi thì sẽ hóa sanh cõi trời, đôi khi là trời Đạo Lợi hay trời Đâu Suất nữa.

Hai đêm, hai thời của tôn giả Ānanda nói về kinh pháp. Đặc biệt, là bậc đa văn, bác học mà tôn giả lại nói là nên học ít mà thực hành nhiều, nói ít, làm nhiều; đôi khi chỉ cần thuộc một câu kinh văn, một kệ pháp cú cũng thể tu tập đến nơi giác ngộ, giải thoát được. Tôn giả cũng lặp đi lặp lại, ngoài việc có tịnh tín Tam Bảo, có giới, có thí là tốt đẹp nhất rồi, đừng nên lập tâm lập nguyện quá cao xa. Để kết luận, tôn giả nói, mọi người chỉ cần học thuộc câu kệ ngôn này của đức Đạo Sư thôi, là có thể làm bản đồ tâm linh tu tập cho đời mình: “Vui thay, điều ác

không làm. Vui thay, việc thiện lại chăm làm hoài. Tự tâm trong sạch trong ngoài. Đây là giáo pháp trọn đời Tôn Sư!”

Thời pháp nào cũng ngắn gọn, giản dị, tinh lọc. Thời pháp nào cũng như giọt mật ngọt ngào, giọt trăng lấp lánh và giọt nước trong lành. Thời pháp nào cũng dễ hiểu, dễ thuộc, dễ hành và dễ thành tựu. Như vậy là suốt sáu đêm, cận sự nam nữ hai hàng như chìm ngập trong niềm vui tinh thần thanh cao, xán lạn. Ai ai cũng tỉnh thức. Và núi rừng cũng tỉnh thức.

Sáng ngày thứ bảy, theo chương trình, là khiêng gánh kim quan đến lễ đài hỏa táng. Theo dự định thì họ sẽ đi về phía Nam, qua thành phố rồi quành về phía Đông để đến đài hỏa táng. Để chuẩn bị, tám vị tộc trưởng đại diện tám tộc của Mallā gội đầu bằng nước thơm, tắm rửa sạch sẽ cũng bằng nước thơm, mặc áo mới có tấm dầu thơm, có thêm tám lực sĩ triều đình phụ giúp để khiêng kim quan. Nhưng cả ba lần đặt tay nâng đòn kim quan thì họ nhấc không nổi, có cảm giác nó nặng như một ngọn núi.

Vị tộc trưởng hỏi tôn giả Ānanda:

- Không biết do nhân gì, duyên gì mà chúng tôi, có cả tám lực sĩ phụ giúp vẫn không nhấc nổi kim quan!

Tôn giả Anuruddha đáp:

- Này các Vāsetṭhā! Vì ý muốn của chư vị khác mà ý muốn của chư thiên khác.

- Vậy ý chư thiên làm sao, thưa tôn giả!

- Này các Vāsetṭhā! Họ muốn rải hoa hương cúng dường, ca nhạc vũ cúng dường kim quan Phật suốt trên một lộ trình dài hơn.

- Cụ thể là lộ trình nào, thưa tôn giả?

- Này các Vāsetṭhā! Theo chư vị sẽ đi về phía Nam, qua thành phố rồi quành về phía Đông để đến đài hỏa táng. Còn chư thiên thì muốn bắt đầu đi thẳng về phía Bắc. Đến cửa Bắc thì đi vào trung tâm thành phố. Từ trung tâm thành phố mới đi đến phía Đông. Từ cửa Đông thành phố mới đi tới ngọn đồi có điện thờ

Makutaṇḍhana của tộc người Mallā, sau đó mới tôn trí kim quan lên giàn hỏa thiêu.

Chư lão trưởng gật đầu:

- Ý chư thiên thể nào, ý chúng tôi là vậy, thưa chư tôn giả!

Quả nhiên, sau đó họ khiêng nhẹ hẫng như khiêng một khối bông gòn. Trên lộ trình, người người đầy đặc hai bên kim quan và phía sau kim quan kéo dài cả do tuần. Lúc này chư tăng các vùng phụ cận, cận sự nam nữ hai hàng ở xa nghe tin nên cùng vân tập về. Và theo đó, hoa rơi đầy trước kim quan, trên kim quan và sau kim quan. Đặc biệt là hoa trời Mandārava rơi ngập các lối đi, ngập cả bàn chân người.

Do đường xa, đi chậm, gần trưa, kim quan mới đến nơi hỏa đài. Chư tăng, bây giờ đã trên năm trăm vị cùng chư vị trưởng lão, họ tụng đọc những bài kệ nói về vô thường, khổ không, vô ngã vang lên âm thanh trầm hùng, ùn ùn chao động cả không gian. Sau thời kinh, do oai lực của thời kinh mà cả một vùng xa rộng đều trở nên yên lặng, thanh tịnh.

Chư trưởng lão ra dấu hiệu có thể châm lửa được rồi. Và chư tôn giả muốn giao việc trân trọng và vinh dự ấy cho tám vị tộc trưởng Mallā. Thế rồi, tám bó đuốc hương đều đồng loạt châm vào nhưng không thấy bốc cháy. Lần thứ hai cũng vậy mà lần thứ ba cũng vậy. Lửa đều không bén được vào giàn hỏa.

Họ thưa với tôn giả Anuruddha:

- Do nhân gì, do duyên gì mà lửa châm vào dầu lại không cháy, thưa tôn giả!

- Nay các Vāsetṭhā! Vì có một ý muốn khác của chư thiên nên lửa không bén được.

- Ý chư thiên thể nào, thưa tôn giả?

- Nay các Vāsetṭhā! Ý định của chư thiên như sau: “Tôn giả Mahā Kassapa nay đang đi trên đường, khoảng giữa Pāvā và Kusinārā cùng với đại chúng tỳ-khưu khoảng năm trăm vị. Giàn hỏa chỉ được đốt cháy khi tôn giả Mahā Kassapa cúi đầu đánh lễ bàn chân Thế Tôn”.

- Chúng tôi xin nghe theo ý định của chư thiên.

Và quả đúng như vậy, lúc bấy giờ, tôn giả Mahā Kassapa cùng với đại chúng tỳ-khưu năm trăm vị đang đi trên đường, khoảng giữa thị trấn Pāvā và thành phố Kusinārā.

Chuyện là, hôm kia, tôn giả từ rừng về, ghé Vesālī, biết rằng đức Phật và chừng mấy trăm vị tỳ-khưu đi lên phương Bắc, và Thế Tôn sẽ nhập diệt, sau ba tháng kể từ hôm hứa với ma vương ở điện thờ Cāpāla. Do dẫn theo một hội chúng đông đúc nên tôn giả bộ hành chậm, vả lại, ngài cũng đã quá già yếu, mỗi đi, mỗi nghỉ⁽¹⁾. Rồi thị trấn Pāvā, đang trên đường đến thành phố Kusinārā thì tôn giả thấy một tà mạng ngoại đạo trên đường ngược chiều đang cầm đóa hoa Mandārava lạ lùng trên tay.

Tôn giả nghĩ: “Đây là hoa trời, và hoa trời thù thắng, kỳ diệu này thế gian không có, thường chư thiên chỉ cúng dường đức Đạo Sư mà thôi, vậy sao ông đạo sĩ tầm thường này lại có được?”

Bèn hỏi:

- Sao ông lại có được đóa hoa Mandārava này, hờ đạo sĩ?

Ông ta mau mắn đáp:

- Ôi trời, tha hồ, nó rơi đầy đất tại rừng cây sālā tại Kusinārā đó. Tôi chỉ nhặt một đóa kỷ niệm thôi!

- Kỷ niệm gì vậy, này đạo sĩ?

- Tôn giả không biết sao? Là kỷ niệm ngày đại sa-môn Gotama tịch diệt mà! Đã sáu bảy hôm rồi đấy!

Khi nghe tin đức Phật đã Niết-bàn, một số tỳ-khưu còn phàm thì khóc than, bi lụy, cũng vật vã, cũng sầu buồn như những nơi khác. Một số vị đã vững chắc trên đạo lộ thì trầm lặng và an nhiên hơn, cũng có buồn nhưng nỗi buồn ấy như lao xao gọn sóng rồi yên tĩnh trở lại.

Trong hội chúng đệ tử của tôn giả Mahā Kassapa có một vị

⁽¹⁾ Ngài có thần thông, nhưng khi không hướng tâm thì không biết. Lại nữa, thần thông của ngài chưa đủ năng lực dẫn theo cả 500 tỳ-khưu bay qua hư không được.

tỳ-khuru đã già, xuất gia khi đã lớn tuổi, tên là Subhadda, lại tỏ ra vui mừng, ông lớn giọng rằng:

- Thôi các hiền giả, tôn giả! Khóc than, sầu buồn như vậy thì được tích sự gì. Chuyện nên vui mừng là khác. Từ rày, chúng ta đã thoát khỏi sự phiền nhiễu của Đại Sa-môn ấy rồi. Chúng ta không còn bị quấy rầy bởi những lời giáo giới như: “Không được làm như thế này, như thế kia! Nên làm như thế này, như thế kia”. Đại Sa-môn Gotama Niết-bàn thì từ nay chúng ta muốn làm gì thì làm, hoàn toàn tự do, phải vậy không, thưa các ngài?

Nghe những lời quấy quá của tỳ-khuru Subhadda, tôn giả Mahā Kassapa thoáng chau mày nhưng rồi lại nghĩ: “Đây không phải thời để rầy trách ông ta, nghiêm dạy ông ta! Chuyện này ta sẽ tính sau, sẽ có biện pháp xử lý thích đáng đối với những tỳ-khuru phát ngôn bừa bãi, coi thường giới luật, có nguy hại cho giáo hội trong mai hậu! Đây là thời nên trấn an chư tỳ-khuru trước sự ra đi mất mát lớn lao của Tôn Sư mà ai cũng cảm thấy hụt hẫng, trống vắng”⁽¹⁾.

Thế rồi tôn giả cho hội họp chúng tỳ-khuru dưới rừng cây, nhắc nhở những điều cần thiết, dạy một vài pháp đối trị, đặt tâm họ trở lại trạng thái bình thường rồi lên đường.

Thế rồi, hướng tâm một lát, tôn giả biết mọi người đang chờ đợi ngài tại điện thờ Makuṭābandhana mà chư thiên chưa cho phép họ châm lửa hỏa đài. Dù đi khá nhanh nhưng đến nơi mặt trời cũng đã ngã xế. Từng đám đông, từng đám đông vệt chỗ cho tôn giả và chúng tỳ-khuru bước vào. Chư vị đại trưởng lão, trưởng lão chào nhau theo giới phẩm, hạ lạp rất âm cúng, thâm tình và đạo vị.

⁽¹⁾ Vì lý do này nên ba tháng sau khi đức Phật Niết-bàn, tôn giả Mahā Kassapa vận động tổ chức đại hội kết tập Phật ngôn lần thứ nhất, tuyên đọc lại toàn bộ pháp và luật, có năm trăm vị A-la-hán tham dự. Tôn giả Mahā Kassapa chủ trì. Tôn giả Upāli phụ trách luật. Tôn giả Ānanda phụ trách kinh (Chưa có Abhidhamma, vì nó lẫn trong kinh và luật; sau này, đến kỳ kết tập thứ ba, thời vua Asoka mới phân ra ba tạng).

Không để mất thì giờ, tôn giả Mahā Kassapa trật y vai phải, chúng tỳ-khưu cũng vậy rồi họ nhiều quanh kim quan đức Phật ba vòng. Dừng lại phía bàn chân Phật, tôn giả nhắm mắt, định thần một lát, đột nhiên, từ trong hàng chục lớp vải bó, hai bàn chân đức Phật thò ra. Sau khi tôn giả Mahā Kassapa cúi xuống ba lần hôn bàn chân Thế Tôn xong, hai bàn chân thụt vào thì hỏa đài tự động bốc cháy. Người phàm thì không hiểu nhưng tôn giả Anuruddha và những bậc có thiên nhãn thì biết đây là do viên hỏa ngọc của trời Đế Thích.

Lửa cháy rần rần, bốc ngọn lên cao, tỏa hương thơm ngào ngạt giữa không gian. Cả rừng người yên lặng như tờ. Đồi nơi là những bài kinh pháp cú hoặc những kệ ngôn vọng lại nói về vô thường, khổ không, vô ngã. Nơi khác thì một nhóm người ngược mắt về hỏa đài tỏ vẻ trang nghiêm, thành kính hết mực.

Tôn giả Anuruddha đứng nhập định, vào tứ thiền, xuống cận hành, sử dụng nhãn lực quan sát ngọn lửa và kim quan từ khi lửa cháy đến lúc lửa tàn; sau đó, ngài cho biết rằng: Nó cháy từng lớp, từng lớp vải bó, bông gòn bó, lụa bó... tạo ra sức nóng kinh khiếp. Hai hòm chiên đàn lớn nhỏ, bốc cháy với thời gian nhanh hơn, sau đó mới đến những lớp y và nhục thân của Thế Tôn, và nó cũng cháy nhanh da, thịt rồi xương. Như sanh tô hay dầu bị cháy, tất cả đều bị cháy sạch không có tro than. Cũng vậy, cái gì nơi thân Thế Tôn, tất cả bị cháy tiêu hết mà không có một hạt bụi tro, bụi than nào. Cái còn lại là xương xá-lợi lấp lánh như kim cương, như bảo châu.

Lúc lửa tàn, một dòng nước thơm hương từ hư không tuôn đổ xuống tưới tắt giàn hỏa Thế Tôn. Những người có phận sự của tộc người Mallā lấy thêm nước thơm để làm nguội nơi này và nơi khác. Họ đã chuẩn bị sẵn những tháp nhỏ, hòm nhỏ bằng vàng, bằng bạc rồi thu gom hết tất cả xá lợi không để cho bất cứ ai lấy đi cái gì. Sau đó, tất cả tháp, hòm đựng xá-lợi được tộc người Mallā tôn trí tại chỗ quý trọng nhất trong một hội trường bên cạnh núi, cho người canh giữ cẩn thận. Rồi suốt cả bảy

ngày sau đó, tám tộc trưởng của tám dòng họ ở Mallā cho cận sự nam nữ và cả dân chúng, cả ngoại đạo đến chiêm bái, cúng dường xá-lợi của đức Tôn Sư. Và ngày cũng như đêm, hội trường ấy đèn đuốc được thắp sáng trong ngoài và những toán, đoàn nghệ nhân, nghệ sĩ lại cúng dường ca, vũ, nhạc...

Tin đức Phật Niết-bàn tại rừng cây sālā, thành phố Kusināra bay nhanh hơn gió thổi, tràn qua các quốc độ, lên phía Bắc, xuống phía Đông, phía Nam cùng hai bên thung lũng sông Gaṅgā. Sứ giả các nước leo lên những con ngựa thuần chủng, phi nhanh như gió cuốn đến kinh thành Kusinārā, kể trước người sau đều đòi chia phần xá-lợi. Nhanh nhất, sớm nhất không phải là tộc Mallā ở thị trấn Pāvā bên cạnh mà chính là đoàn sứ giả của đức vua Ajātasattu nước Māgadha cách xa hơn bốn mươi lăm do tuần. Tiếp đến là đoàn sứ giả của vua và tướng quân Licchavī tại Vesālī. Sau đó, lần lượt là tộc người Sākya ở Kapilavatthu⁽¹⁾, tộc người Bulī ở thành phố Allakappa; tộc người Koliya ở Rāmāgāma⁽²⁾, bà-la-môn Vethadīpaka tại Vethadīpa, tộc người Moriyā⁽³⁾ ở tại Pippalivana, tộc người Mallā ở thị trấn Pāvā.

Tất cả tám phái đoàn sứ giả nói trên đều tuyên bố trước tám tộc trưởng của tám tộc Mallā ở Kusināra rằng:

- Đức Thế Tôn là giai cấp sát-đế-ly, chúng tôi cũng giai cấp sát-đế-ly (có một bà-la-môn) nên hãy chia cho chúng tôi một phần. Chúng tôi sẽ xây dựng bảo tháp tôn nghiêm thờ xá-lợi Thế Tôn để cho dân chúng chiêm bái, hương đăng lễ phẩm cúng dường.

Một vị tộc trưởng đại diện đáp lời:

⁽¹⁾ Kinh Đại bát-niết-bàn ghi vậy - nhưng chúng ta đã biết rõ, thì Sākya đã diệt vong rồi?

⁽²⁾ Dictionary of pālī proper names cho biết là tên một ngôi làng nằm trên bờ sông Gaṅgā (trang 734, q.2), trong lúc theo sứ thì Koliya ở cạnh Sākya, làm gì có sông Gaṅgā ở đây?

⁽³⁾ Con cháu Sakyā sống sót, quy tụ tại vùng núi có nhiều chim khổng tước (moriya), sau họ lập quốc lấy tên nước là Moriya (hậu duệ Sakyā); vua Asoka cũng là hậu duệ của Moriya. Nói vậy để biết chỗ này sai.

- Không, chúng tôi không thể chia cho ai được cả. Đức Thế Tôn nhập diệt trên đất chúng tôi, rừng chúng tôi, thành phố chúng tôi. Lại nữa, cả hàng ngàn người của chúng tôi đã khổ công, đã rất nhiều tài vật, đã rất nhiều công sức từ khi đức Tôn Sư an nghỉ giữa hai cội cây sālā đến khi hỏa thiêu tại điện thờ Makuṭābandhana này. Các vị không công, không sức, không tài, không vật, tự dung đầu đó lại đến đòi chia phần hay sao, có hữu lý không chứ?

Bị từ chối. Lý lẽ các tộc trưởng đưa ra không ai phản bác được. Có nhiều tiếng lời thảo luận lao xao, sự bất bình đâu đó đã hiện ra trên một số khuôn mặt. Một vị sứ giả trong phái đoàn nước Vesālī, có vẻ là một tướng quân Licchavī, vốn nóng nảy, cất giọng xẵng:

- Coi chừng sẽ có chiến tranh, thưa ngài tộc trưởng!

Một giọng khác thốt lên:

- Phải! Có thể xảy ra tranh giành hay sao?

Chợt một vị bà-la-môn tóc trắng như cước, thần sắc trang nghiêm, từ hòa, xin được nói vài lời. Mọi người yên lặng, đưa mắt chờ đợi.

Vị bà-la-môn ấy tên là Doṇa, ông nói:

- Cho tôi nói hơi dài. Thuở trước, tôi gặp đức Thế Tôn trên con đường nằm giữa Ukkatthā và Setavyā, thấy dấu bàn chân của ngài tôi liền đi theo. Đến một khóm tre, Thế Tôn ngồi xuống nghỉ ngơi, sau đó có dịp tôi xin được hỏi ngài vài câu, cũng giải tỏa cho tôi được một số vấn đề nội tâm. Lần gặp cuối cùng, sau pháp thoại của ngài, tôi như được uống một liều thần dược, mọi khổ đau phiền não nó nhẹ hẫng⁽¹⁾. Tôi có làm một bài thơ lên đến mười hai ngàn chữ để dâng lên Thế Tôn vừa tỏ lòng tri ân, tôn kính cùng nói về sự thấy biết giác ngộ của mình.

Nói tóm lại, Thế Tôn là bậc vô thượng trên đời này ai cũng

⁽¹⁾ Theo Dictionary of Pāli proper names, về tên Doṇa, trang 1122, q.1 - ông ta đắc quả A-na-hàm.

muốn có xá-lợi của ngài để đánh lễ, chiêm bái, cúng dường. Muôn triệu lần đừng nên để xảy ra việc tranh giành, tranh chấp xá-lợi. Thế Tôn là hiện thân của hoà bình, an lành, an toàn, an lạc. Vậy tôi rất tri ân, nếu chư vị tộc trưởng, lấy cái đức, cái hạnh, cái tâm, cái tuệ trong muôn một của Thế Tôn để xử lý, để chia phần đồng đều cho chư vị sứ giả thì may mắn, hạnh phúc cho thế gian này lắm!⁽¹⁾

Lời “hùng biện” của bà-la-môn Doṇa như một làn gió rì rào mát mẻ thổi qua tâm trí mọi người. Tám vị tộc trưởng hoàn toàn bị thuyết phục, không những là thuyết phục mà nói là bị nhiếp phục.

- Xin vâng! Xin vâng! Họ như cùng nói - Vậy xin tôn giả hãy chủ trì để phân chia đồng đều xá-lợi cho các phái đoàn.

Bà-la-môn Doṇa hoan hỷ đảm nhận công việc chia phần xá-lợi một cách phân minh, không ai than phiền được cả.

Thế là gió yên, sóng lặng. Chư thiên cũng vô cùng hoan hỷ. Sau này khi xá-lợi được mang về bốn xứ, họ đều xây dựng bảo tháp để cho không những nam nữ cận sự mà cả dân chúng cũng được đánh lễ, chiêm bái, cúng dường xá-lợi.

Chư vị trưởng lão, chúng tỳ-khuru cũng giải tán, bộ hành đi các nơi. Tôn giả Anuruddha, tôn giả Ānanda ôm y (tăng-già-lê trải chỗ nằm) bát cùng chừng vài trăm vị tỳ-khuru trở lại Trúc Lâm tịnh xá.

Vậy là chư trưởng lão, chúng tỳ-khuru không ai được chia cho một ngôi xá-lợi nào! Cũng phải. Vậy là đúng. Và do các ngài đã có xá-lợi “vô vi” của Phật trong tâm mình rồi. Việc xây dựng bảo tháp thờ xá-lợi, cúng dường xá-lợi “hữu vi” kia là việc của cư sĩ áo trắng như đức Tôn Sư đã từng giảng dạy. Và lại, tất cả xương cốt Thế Tôn chỉ còn bụi tro, và triệu triệu li ti bụi tro ấy đã tan thành ngọc, nó lấp lánh trên mọi lộ trình đi về

⁽¹⁾ Đoạn này không có trong kinh Đại bát-niết-bàn mà phỏng dựa Theo Dictionary of Pāli proper names, về tên Doṇa, trang 1122, q.1.

của thế gian chư hành giả, lấp lánh trên mọi ngõ ngách của đời sống nhân sinh, của ai đó biết tầm cầu và hướng thiện, hướng thượng; và nó còn huy hoàng và tráng lệ hơn nữa khi ngọc ấy được trang điểm nơi công, nơi hạnh, nơi nguyện, nơi tâm, nơi trí, nơi tuệ của vô lượng con người khắp năm châu bốn biển học Phật và tu Phật vậy.

Namo Buddhāya

CẨM BẠT

Một Cuộc Đời *Một Vầng Nhật Nguyệt*

Viết xong cuộc đời ngài
Tôi bản thân, đã dươi
Sinh lực tổn hao
Nhu thân cây không còn nhựa luyện
Nhu sức ngựa đường dài
Hoàn tất cuộc lữ trình lên đến đỉnh đồi cao
Ôi! Tôi đã chạy đuổi chiêm bao
Muốn vói bắt mảnh trăng trời nguyên thủy
Tôi đã gục khóc
Trên từng viên gạch vỡ
Nơi những dấu tích điêu tàn, hoang phế cổ xưa
Trên những di chỉ bia văn rêu phủ, gió lùa
Nơi điện đài còn tro trầm hương tín mộ
Trên những trang kinh kiến sâu loang lỗ
Lửa vô thường cháy xém chữ câu
Tôi đã đi theo từng đốm nắng không màu
Mong vẽ lại ánh triêu dương chánh pháp
Tôi bắt lực đi qua nhiều hoang mạc
Khói bụi thời gian, phế tích tàn tro
Tôi đứng bên này sông hót hải gọi đò
Đồng vọng hai bờ, hư vô xào xạc
Bút mỗi

Tay run
Tứ cùn
Chữ nhạt
Cô liêu thảng ngày góc núi ánh trắng sông
Gió phủi qua song trăm chuyện vui buồn
Để từng hơi thở theo dấu chân Từ Phụ
Người đã như cánh chim thiêng tiêu dao du ngoài ba cõi
Rơi rớt nhụy vàng để lại thế gian hương
Vô tích, vô tằm sinh tử mộng thường
Vô khứ, vô lai - hiện thân tuyệt đối
Tôi cúi xuống
Nghe thức tri già cõi
Chấp vá từng trang, thù dật chân dung
Đất Ấn linh thiêng, lưu bóng Đại Hùng
Mỗi cọng cỏ vàng
Mỗi cành cây khô
Cũng trở nên thân thuộc
Dốc đá xám
Công rêu đen - dấu khói sương thuở trước
Cũng là hóa thân của sử lịch ngàn năm
Ôi từng đêm, từng đêm
Từng câu chữ âm thầm
Chợt hiện linh hồn biết vui, biết khổ
Biết hỷ hoan, biết suy tư, trần trở
Biết lội ngược dòng tìm giọt nước nguồn xanh
Nó cũng biết chán chê dục vọng xây thành
Nhốt kín nhân tâm, bủa tròng nô lệ
Dấu lừng, dấu than hàng hàng kể lẽ
Nói với chúng sanh nguyên nhân khổ vì đâu
Tái hiện con sông, bắt những nhịp cầu
Bằng cọng lau mềm hôm qua sương đọng
Một thoáng tinh anh, một trời viễn mộng
Hiu hắt cõi miền cánh vạc vô tịch liêu

Tuyết đổ non cao, lạnh buốt chợ chiều
Nhân thể cãm cãm lồi về vô định
Sống chết trầm kha, sinh luân lão bệnh
Ngơ ngác tầm cầu, bày cú rúc thâu canh
Huyền sử đi đêm đội bóng lữ hành
Bên vực thăm đóm lửa người leo lét
Tuyệt vọng
Gọi nhau
Hãi hùng
Bi thiết
Có ai nghe tiếng trống pháp còn vang
Bao lời kinh thiêng, ma quỷ bàng hoàng
Vọng ba cõi, xuyên sâu vào địa ngục
Địa ngục của lòng người
Địa ngục của thức tri tối tăm
Và của sân tham, ngu dối
Đang đốt cháy bình nguyên, sông núi, ao hồ
Đốt cháy nương vườn, cỏ tích, tuổi thơ
Nhân ái, nhân văn không còn ô-xy để thở
Đức lý tan hoang, phận người xiêu đổ
Lây lắt đi về trong bóng vô minh
Vì đại bi mà đức Phật dậm trình
Suốt bốn mươi lăm năm đầu trần chân đất
Lộc Giả chuyển luân, tuyên ngôn sự thật
Độ năm thầy Kiều-trần-như, Thích tử đầu tiên
Rồi Yasa cùng năm mươi bốn thân hữu thiện hiền
Giáo hội ra đời gồm sáu mươi Như Lai sứ giả
Mỗi người hãy đi mỗi phương, đừng đi chung ngã
Vì an lạc, hạnh phúc cho nhân loại, chư thiên
Đập vỡ tín lý khắt khe, tín ngưỡng cổ truyền
Hạ bệ thượng đế, thần linh khói hương nghi ngút
Phá bỏ kỳ thị giai cấp, hàng rào tử nhục
Mang thông điệp tự do, giải thoát cho đời

Tuệ quang minh chiếu tỏ trần khơi
Nguồn thánh thủy chảy tràn miền cỏ cây khô khát
Cái kiến, con sâu mừng vui rúc hạt
Đất đá cỗi cằn nứt nhựa yên nguyên
Phố thị, làng quê, đền miếu, chợ triền
Quý tộc, nô tỳ uống chung bầu sữa pháp
Hoa nở
Chim reo
Rừng ca
Suối hát
Triệu triệu năm duyên phúc một lần
Triệu triệu tử sinh, đại ngộ sát-na tâm
Khoảnh khắc bất diệt
Vô lượng a-tăng-kỳ không bao giờ trở lại...
Lạy Phật
Bút của con cùng với văn chương ngu dại
Dám đặc tả đời ngài cùng với công hạnh trăng sao
Câu chữ phạm phu, cảm xúc tuôn trào
Theo dấu bụi mờ, nhật sử kinh lưu lạc
Đốt trái tim làm đèn soi bờ giác
Khái niệm chất chồng, “đất thực” tuyết sương che
Hương tâm sai là phiền não kết bè
Một niệm khởi trùng trùng duyên sanh khởi
Đã thấy rõ sự thật
Nhưng vẫn còn làm lỗi
Bởi kiết sử sâu dày
Từ vô thức bước ra
Đã bao nhiêu năm
Lãng xãng đọc sách, uống trà
Làm chuyện thanh cao giảng kinh, dạy pháp
Viết truyện, làm thơ, triết văn uyên bác
Đại sự càng nhiều, bản ngã càng to
Vô tác, vô hành giảng nói hay ho

Vô cầu, vô vi cao ngôn thiện thuyết
Dao hai lưỡi ẩn sau “cái biết”
Đại dụng mơ hồ, chệch hướng vạn trùng mê
Chỉ hai nẻo thôi: Một phiền não, một bồ-đề
Đâu dám thông tay mà ngao du giữa chợ
Nào khoác áo vị tha
Nào đóng trò cứu độ
Chôn ngũ trần đâu dễ gót thông dong
Tôi đã từng thấy
Viện lớn, tượng to bôi đỏ, phét hồng
Tín ngưỡng bán mua, thần linh đổi chác
Thiện tín chợ đông, trầm hương thơm ngát
Mặc cả thiệt hơn, lạy lục, cầu xin
Quán hàng bày ra, quảng cáo đức tin
Ma quỷ vỗ tay, ăn mừng mở tiệc
Chiêu phát triển, chiêu văn minh, hội nhập
Tiếp thị, tuyên truyền, kỷ lục thi đua
Bắc nam đông tây hí hửng tiền chùa
Vãi rác bụi dục tham
Vãi kiêu căng, hợm hĩnh
Ô nhiễm tinh thần, ô nhiễm sử kinh
Đức Phật ngồi cao
Thương xót sinh linh
Tứ đế thấp đèn
Giữa đêm đen thảm nạn
“Sự sống đang là...”
Dành cho người mắt sáng
Tự thức, tự tri gây chống lên đường
Tuệ giác tinh minh xóa lớp mù sương
Trả chân thực
Cho tự mình muôn thuở
Vọng tưởng, si mê
Không làm gì được nữa

Phiền não, khổ đau tự diệt, tự tan
“Thấy rõ” rồi mới biết sống đàng hoàng
Điều chỉnh đúng từng hành vi, cử chỉ
Mỗi niệm khởi không ở ngoài thiện mỹ
Mỗi tác duyên
Chân lý vận hành theo
Nặng nề vô cùng là bản ngã buộc đeo
Phải thấy chúng trong từng thức tri, cảm thọ
Mặt nạ “cái ta” đánh lừa bao độ
Giác ngộ thì “nguyên con” nhưng kiết sử phải đoạn dần
Thường trực lắng nghe như thực như chân
Thì phiền não không phan duyên dấy khởi
Niệm niệm bèo rong bập bênh trôi nổi
Thả theo dòng
Nhìn ngắm đóm hoa xao
“Thấy pháp” rồi mới lên bến, chống sào
Mới tu tập nhẹ nhàng
Mới như thực kiến và tư duy chơn chánh
Nếu chưa thấy pháp
Dù nghiêm tu công hạnh
Cũng tựa như nấu sắn muốn thành cơm
Cũng tựa như đã trảng xe cát biển đông
Muốn nhật bóng mình
Muốn lưu dấu huân tu
Giữa dòng cuồng lưu chảy xiết
Cát vỡ
Đá tan
Hư vô
Hủy diệt
Mộng trùng trùng
Ngộ chết giữa bờ mê
Quanh quẩn trả vay, nhân quả ê chề
Lượm phước báu nhân thiên

Ủi an đòi bèo bọt
 Thật sự giải thoát thì “không có ta-giải-thoát”
 Tự không rỗng trong ngoài
 Chẳng dính mắc tế vi
 Gọi là người, là thánh, cứ tùy
 Sát-na một, pháp thung dung tự tại
 Đại dụng trong tay, nụ cười tiêu sái
 Muôn việc như không, quyền biến như không
 Và đến lúc này mới nói chuyện vào dòng
 Pháp cứu độ cũng là duyên cứu độ
 Tứ vô lượng tâm bèn tùy nghi đạo phổ
 Thăm xóm làng, bình bát xin ăn
 Đến lúc này mới dám gọi sa-môn
 Là Thích tử, là tỷ-khưu không thấy lòng hổ thẹn
 Kính lạy Phật
 Từ chân dung thánh điển
 Nghĩa lý, chữ câu đã mã hóa không môn
 Gần ba nghìn năm chẳng có lối mòn
 Giác niệm là bước đi
 Giác niệm là cội về không khác
 Trọn vẹn từng hơi thở
 Trọn vẹn từng thức tri, buồn vui, khô lạc
 Cùng với bốn mùa mưa nắng, gió sương
 Định luật tâm, định luật pháp thị thường
 Nhật nguyệt, tinh hà cùng chung vận hoá
 Li ti tế bào, diệt sinh vô ngã
 Tất thấy đều chu toàn trong mỗi khắc phục sinh
 Mỗi mỗi khí, thời, vận, số quân bình
 Là vĩnh cửu đủ đầy trong từng vi trần dịch biến
 Kính lạy Phật
 Tự ngàn xưa hiển hiện
 Đang ở trong con vô tận phút giây này
 Pháp huy hoàng

Nhật nguyệt rạng trời mây
Soi bóng chữ
Qua sông
Hy vọng
Vẫn còn nguyên chân diện mục!

Colombo - Sri Lanka

12/2013

Minh Đức Triều Tâm Ảnh